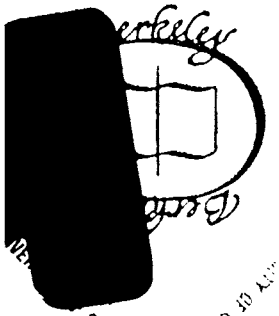
UC-NRLF
B 4 955 646





Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

H129

MAIN/UC-B

Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng



6

1992

Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông.



Digitized by Google

AGREX SAIGON

AGRICULTURAL PRODUCTS & FOODSTUFFS EXPORT COMPANY
CÔNG TY NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU TP.HCM

58 Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố HCM
Tel : 96606-93574-95891. Télex : 812667-912679 AGREX VT
Fax : 84.8.98851



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

- Xí nghiệp chế biến Thực phẩm XK Tân Thuận
- Xí nghiệp chế biến Rau quả và Thực phẩm muối XK
- Xí nghiệp chế biến Nông sản XK (chế biến hạt điều nhân và Nông sản khác)
- Xí nghiệp sản xuất Rượu XK (MAXIME và MAC WILLIAM'S WHISKY).

PHẠM VI KINH DOANH

- Xuất khẩu : Nông sản, Rau quả, Thủy hải súc sản, Thực phẩm chế biến.
- Nhập khẩu : Các loại vật tư nguyên liệu, máy móc thiết bị, hóa chất và hàng hóa khác phục vụ sản xuất và tiêu dùng.
- Liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước tổ chức sản xuất, đầu tư phát triển xuất khẩu và các sản phẩm công nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước.
- Thực hiện các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu trực tiếp cho các đơn vị kinh tế.

Digitized by Google



LIBRARY
JUL 07 1992
UNIVERSITY OF CALIFORNIA

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

6-1992 NĂM THỨ XXXVIII (438)

Mục lục

Xã luận	Nắm vững các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác lý luận	3
Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay	5
	NGUYỄN DUY QUÝ - Khoa học xã hội với công cuộc đổi mới	16
	LÊ HỮU NGHĨA - Quan hệ giữa lý luận và chính trị	21
	BÙI PHAN KỲ - Tư tưởng Hồ Chí Minh : sự hợp lưu hai dòng cách mạng lớn của thời đại	24
	TIẾN HẢI - Nước lấy dân làm gốc - nét chủ đạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh	29
Nghiên cứu - Trao đổi	HOÀNG ĐẠT - Bàn thêm về điều tiết kế hoạch và thị trường	33
	HOÀNG ANH NGUYÊN - Cơ chế thị trường - đôi điều bàn ngược	36
Ý kiến và kinh nghiệm	NGUYỄN THANH TUẤN - Môi trường xã hội của khoa học và công nghệ ở nước ta	39
	TRẦN DUY KHANG - ĐINH XUÂN LÝ - Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin trong các trường đại học, cao đẳng	42
	HUY HÙNG - Những kinh nghiệm đáng quý	44
	HƯNG NGHIÊM - Hợp tác xã nông nghiệp ở Quảng nam - Đà nẵng : bức tranh đang rõ nét	48
Hội thảo khoa học - thực tiễn	Thanh niên phấn đấu gia nhập Đảng	51
Sinh hoạt tư tưởng	NGUYỄN VĂN LỘC - Khen chê thời nay	56
Thư gửi Bộ biên tập	Tiến sĩ T.Q.Đ. - Về trật tự thế giới mới	57
Qua sách báo nước ngoài	DỤ PHẨM CĂN - Trào lưu kinh tế tự do hiện đại ở phương Tây	59

● **Bộ biên tập :** 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. ●**Dây nói :** 52061 - 52062.

● **Cơ quan thường trú tại miền nam :** 19 Phạm Ngọc Thạch. Quận 3 TP Hồ Chí Minh. ●**Dây nói :** 25768.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Освоить основные положения КПВ о теоретической работе. **Социализм - Теория и практика** • НГУЕН ДЬЮК БИНЬ- О теоретической работе на современном этапе. НГУЕН ЗЮЙ КЮИ- Общественные науки и дело обновления. ЛЕ ХЫУ НГИА- Взаимосвязь теории и политики. БУЙ ФАН КИ- Хошиминовские мысли- слияние двух мощных революционных потоков современности. ТИЕН ХАЙ- Народ является корнем государства как основная хошиминовская мысль. **Исследования- Обмен мнениями** • ХОАНГ ДАТ- Немного о регулировании планирования и рынка. ХОАНГ АНЬ НГУЕН- Рыночный механизм: парадокс. **Мнения и опыт** • НГУЕН ТЬАНЬ ТУАН- Социальная среда научной и технологической деятельности в нашей стране. ЧАН ЗЮИ КХАНГ и ДИНЬ СУАН ЛИ- Обновление метода обучение марксистко-ленинской теории в вузах. **Научно-практический симпозиум:** • О стремлении молодежи быть членом КПВ.

CONTENTS

● **Editorial** ★ Grasping the Party's principal viewpoints on theoretical work ● **Socialism- Theory and Practice** ★ NGUYỄN ĐỨC BÌNH -On theoretical work in the present stage. NGUYỄN DUY QUÝ - The social sciences in the light of renovation. LÊ HỮU NGHĨA - The relationship between theory and politics. BÙI PHAN KỲ - Ho Chi Minh's thought - the merging of the two great revolutionary currents of the era. TIỄN HẢI - 'People constitute the basis'- an outstanding feature in Ho Chi Minh's thought ● **Research- Exchange of Views** ★ HOÀNG ĐẠT-Further discussions on planning and market regulation. HOÀNG ANH NGUYÊN -The market system and some opposing arguments ● **Opinions and Experience** ★ NGUYỄN THANH TUẤN - Social background to science and technology in Vietnam. TRẦN DUY KHANG - ĐINH XUÂN LÝ - Renovating methods of teaching Marxist-Leninist theory in universities and colleges. ● **Seminars on Science and Reality** ★Young people's endeavours to gain admittance to the Communist Party of Vietnam.

SOMMAIRE

● **Editorial** ★ Bien saisir les points de vue du Parti sur le travail théorique ● **Socialisme - Théorie et pratique** ★ NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Sur le travail théorique à l'étape actuelle. NGUYỄN DUY QUÝ - Les sciences sociales et le renouveau. LÊ HỮU NGHĨA-Rapports entre théorie et politique. BÙI PHAN KỲ - La pensée Ho Chi Minh, confluent des deux grands courants révolutionnaires. TIỄN HẢI - Tout émane du peuple - idée directrice de la pensée Ho Chi Minh ● **Etudes - Echanges de vues** ★ HOÀNG ĐẠT -Contribution au problème de la régulation entre le plan et le marché . HOÀNG ANH NGUYÊN -L'économie de marché - quelques idées contraires. ● **Opinions et expériences** ★ NGUYỄN THANH TUẤN - Le milieu social de la science et de la technologie dans notre pays. TRẦN DUY KHANG - ĐINH XUÂN LÝ - Rénover l'enseignement de la théorie marxiste-léniniste dans les universités et écoles supérieures. ● **Colloque Science - pratique** ★ Les efforts des jeunes en vue de l'adhésion au Parti.

SUMARIO

● **Editorial** ★ Dominar bien los puntos de vista fundamentales del Partido sobre el trabajo teórico. ● **El socialismo - Teoría y práctica** ★ NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Sobre el trabajo teórico en la actualidad. NGUYỄN DUY QUÝ - Las ciencias sociales y la renovación. LÊ HỮU NGHĨA - La relación entre la teoría y la política. BÙI PHAN KỲ - El pensamiento Ho Chi Minh - la convergencia de las dos grandes corrientes revolucionarias de la época. TIỄN HẢI - El país toma al pueblo como la raíz - una particularidad directriz en el pensamiento Ho Chi Minh. ● **Estudios - Intercambios** ★ HOÀNG ĐẠT - Otras reflexiones sobre la regulación del plan y el mercado. HOÀNG ANH NGUYÊN - El mecanismo de mercado - algunas opiniones opuestas. ● **Opinión y experiencia** ★ NGUYỄN THANH TUẤN - El medio social de la ciencia y la tecnología en Vietnam. TRẦN DUY KHANG - ĐINH XUÂN LÝ- Renovar la enseñanza de la teoría marxista-leninista en las Universidades y escuelas superiores. ● **Seminario científico-práctica** ★ La juventud y la adhesión al Partido.

目錄

●社論★ 掌握好黨關於理論工作的基本觀點●社會主義-理論與實踐★ 陳德平：關於當前階段的理論論工作。阮維貴：社會科學與更新事業。黎友義：理論與政治的關係。 裴潘其：胡志明思想-當代兩大革 命主流的匯合。進海：胡志明思想的主導表現-國以民為本。●研究與意見交換★：黃連：再論計劃調 節與市場。黃英原：市場機制几點漫談。●意見與經驗★ 阮清俊：我國科學與工藝的社會環境。 陳維康-丁春理：對大學,高等學校馬列主義教學方法實行改革。●科學實踐討論會★青年爭取入黨。

Digitized by Google

Xã luận

NẮM VỮNG CÁC QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC LÝ LUẬN

*Bộ chính trị Đảng ta vừa ra Nghị quyết 01-NQ/TƯ "***Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay***" nhằm nâng cao trình độ lý luận của toàn Đảng, thúc đẩy công tác lý luận của Đảng lên một bước phát triển mới.*

Chúng ta đã biết, mỗi lĩnh vực hoạt động của con người một khi trở thành đối tượng nghiên cứu và được tạo điều kiện để nghiên cứu đều có thể là một khoa học độc lập, do đó mà có yêu cầu đúc kết thành lý luận của từng lĩnh vực. Và bản thân lý luận cũng là một khoa học : khoa học của tư duy.

Là một tổ chức chính trị, trước hết Đảng phải có lý luận chính trị, coi đó là trọng tâm lý luận của Đảng. Nói cách khác, lý luận của Đảng là lý luận cách mạng. Hơn nữa, vì là một đảng cầm quyền, một đảng lãnh đạo toàn xã hội, Đảng ta luôn luôn quan tâm đến mặt lý luận của các hoạt động khác, đặc biệt lý luận kinh tế và lý luận văn hóa.

Lý luận cách mạng của Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng.

Trong lịch sử tư duy lý luận của thế giới, chủ nghĩa Mác ra đời là bước ngoặt mang tính cách mạng sâu sắc. Mác và Ăng-ghen đã đem lại cho lý luận một nội dung mới khác với các hệ thống tư duy trước các ông : **vấn đề là cải tạo thế giới***.Bằng phép biện chứng duy vật lịch sử, các ông đã khẳng định chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội, không phải là một trạng thái được tạo ra trước cho xã hội, cũng không phải là lý tưởng đạo đức nhân sinh mà xã hội phải uốn theo. Chủ nghĩa cộng sản là, và chỉ là, một sự vận động thực tế của lịch sử, một sự vận động đi đến thủ tiêu chế độ người bóc lột người, tạo lập nên chế độ người với người là bạn.* **Sự thống nhất giữa tính khoa học và tính cách mạng** *trong quan điểm lý luận của Mác thể hiện trong toàn bộ các tác phẩm của Mác - Ăng-ghen và trong suốt đời hoạt động của hai ông.*

Với tư cách là nhà khoa học, đồng thời là nhà hoạt động cách mạng vì quyền lợi của giai cấp công nhân và vì sự nghiệp giải phóng con người, Mác và Ăng-ghen rất xa lạ với mọi sự máy móc, giáo điều, mọi thứ trì trệ, cứng đờ trong tư duy lý luận, Ăng-ghen đã viết trong **Biện chứng của tự nhiên** *: "Tư duy lý luận của mỗi một thời đại, tức là kể cả tư duy lý luận của thời đại chúng ta, là một sản phẩm lịch sử mang những hình thức rất khác nhau, trong những thời đại khác nhau và do đó có một nội dung rất khác nhau. Thế cho nên cũng như bất kỳ khoa học nào khác, khoa học về tư duy là một khoa học lịch sử, là khoa học về sự phát triển lịch sử của tư duy con người"* [1]*. Theo chủ nghĩa Mác, Lê-nin đã làm đúng như thế, nên đã đóng góp một phần to lớn vào lý luận mác xít, tạo ra chủ nghĩa Lê-nin. Hồ Chí Minh theo gương đó, cũng đã áp dụng sáng tạo thành công chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào hoàn cảnh Việt nam, và trong quá trình đó, tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành.*

Nắm chắc quan điểm mác xít về lý luận, Nghị quyết 01- NQ/TƯ của Bộ chính trị đã kiểm điểm tình hình lý luận từ sau Đại hội VI của Đảng ta, đề ra nhiệm vụ, phương hướng và các biện pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác lý luận trong thời gian tới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lý luận.

---

(1) Ph.Ăng-ghen : *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr 50

Digitized by Google

Nghị quyết đã nêu lên quan điểm của Đảng ta về sự khác biệt và sự thống nhất trong các mối quan hệ giữa khoa học và chính trị, giữa tính khoa học và tính đảng, giữa lý luận và thực tiễn. Đồng thời Nghị quyết coi việc kết hợp chặt chẽ giữa khoa học xã hội với khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, và phát huy tư do tư tưởng và tính sáng tạo trong nghiên cứu lý luận là những phương châm rất quan trọng thúc đẩy công tác lý luận của Đảng.

Lê-nin đã từng nói : "Sự kế tục sự nghiệp của Hê-ghen và của Mác phải là sự xây dựng một cách **biện chứng** *lịch sử của tư tưởng loài người, của khoa học và kỹ thuật" [2]. Theo tinh thần lê nin nít, Nghị quyết nhận định : "Trong nhiều năm qua, nội dung đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận hầu như chỉ bó hẹp trong các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác và tiếp nhận những thành tựu khoa học thế giới". Từ đó Nghị quyết yêu cầu trong lúc quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phải kế thừa những tinh hoa trí tuệ của dân tộc, những kinh nghiệm và thành tựu khoa học thế giới.*

Nghị quyết gắn chặt công tác lý luận với công tác tư tưởng trong một **mặt trận tư tưởng - lý luận**, *làm cho lý luận không chỉ là công việc của những nhà lý luận, của những cán bộ chuyên trách nghiên cứu, mà là mối quan tâm hằng ngày của các cấp ủy đảng và mỗi đảng viên. Công tác tư tưởng không phải bao giờ cũng mang tính lý luận, nhưng nó không thể thoát ly khỏi cơ sở của nó là hệ tư tưởng, tức hệ thống lý luận cơ bản của Đảng. Nếu mỗi đảng viên thường xuyên phải làm công tác tư tưởng thì cũng thường xuyên phải quan tâm đến lý luận. Có thế, tư tưởng lý luận mới thành mặt trận.*

Trong cuộc đấu tranh quyết liệt đương thời, Ăng-ghen đã từng nêu lên ba cuộc đấu tranh : đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị và đấu tranh tư tưởng (tức tư tưởng - lý luận). Chúng ta đang sống ở một thời điểm hết sức phức tạp mà các cuộc tiến công từ nhiều phía của các thế lực thù địch chống chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin đang diễn ra hằng ngày hằng giờ. Ở thời điểm như vậy, tất nhiên xuất hiện chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội dưới nhiều màu sắc. Nghị quyết đặt việc tiến hành cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận thành một yêu cầu của sự nghiệp đổi mới của Đảng và nhân dân ta. Trong cuộc đấu tranh đó, công tác lý luận của Đảng phải khắc phục chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm, đồng thời chống chủ nghĩa cơ hội và xét lại.

Để gắn liền lý luận với thực tiễn, Nghị quyết rất coi trọng việc tổng kết kinh nghiệm của các cấp, các ngành và của Trung ương. Nghị quyết dành một phần quan trọng đề xuất những hướng nghiên cứu chủ yếu xuất phát từ thực tiễn của nước ta như : kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ; chế độ sở hữu và chế độ phân phối trong thời kỳ quá độ ; cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ; giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ ở nước ta ; đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ; xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền ; nền văn hóa Việt nam và con người Việt nam trong thời đại mới, v.v..

Nghị quyết đặt trách nhiệm cho các cấp ủy đảng coi trọng một cách thực tế công tác lý luận, bản thân cán bộ lãnh đạo phải có chế độ thường xuyên học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ lý luận. Đồng thời, Nghị quyết nêu ra những biện pháp chủ yếu và đồng bộ về các mặt tổ chức, cán bộ, nhằm khuyến khích mạnh mẽ công tác lý luận, tạo hiệu quả cao trong công tác lý luận.

*

Uy tín của một đảng lãnh đạo thể hiện trên ba mặt : - trình độ lý luận ; - năng lực lãnh đạo tổ chức quản lý xã hội ; - phẩm chất đạo đức của cán bộ và đảng viên. Hiện nay, Đảng ta đang phấn đấu đưa sự lãnh đạo của Đảng ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Cùng với việc bồi dưỡng trình độ quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội cho các cán bộ có trách nhiệm, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên, đấu tranh kiên quyết chống tệ nạn tham nhũng, Nghị quyết 01 của Bộ chính trị nhằm nâng cao trình độ lý luận của toàn Đảng, thúc đẩy công tác lý luận của Đảng lên một bước cao hơn.

---

(2) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981 t 29, tr 156

Digitized by Google

VỀ CÔNG TÁC LÝ LUẬN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

CÓ thể nói chưa bao giờ công tác lý luận lại *cần thiết và có tầm quan trọng lớn* như hiện nay. Đó là vì thực tiễn cách mạng, sự phát triển xã hội nước ta cũng như các quá trình thế giới đang đặt ra cho lý luận hàng loạt vấn đề phức tạp, bức xúc và gay cấn.

Năm, mười năm tới đây sẽ là thời kỳ có ý nghĩa bước ngoặt trên con đường tiến lên của đất nước. Bên cạnh những thuận lợi, Đảng ta, nhân dân ta phải vượt qua nhiều khó khăn và thách thức. Để làm tròn sứ mệnh lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình ngang tầm những đòi hỏi mới, Đảng cần tự đổi mới và tự chỉnh đốn, trước hết phải nâng cao trình độ trí tuệ, *tính tiền phong về lý luận*, bởi "*chỉ đảng nào được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiền phong*" (1). Đó là lý do vì sao có Nghị quyết của Bộ chính trị "*Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*".

Đại hội Đảng lần thứ VII nhấn mạnh : vấn đề quan trọng trước hết là phải tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao trí tuệ của Đảng lên một bước phát triển mới. Hơn lúc nào hết, muốn lãnh đạo công cuộc đổi mới đi đến thắng lợi, Đảng ta phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực tổ chức thực tiễn, từ việc phát hiện và nắm vững quy luật vận động của đời sống xã hội ta, của bản thân Đảng, cho đến hiểu biết về thế giới, về thời đại.

Đảng làm giàu trí tuệ của mình bằng cách không ngừng nâng cao trình độ lý luận, nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn sinh động. Phát triển công tác lý luận của Đảng bằng cách tổng kết thực tiễn, tổng kết những cái mới đang hằng ngày, hằng giờ nảy sinh trong đời sống đất nước và cả thế giới, tiếp thụ những thành quả trí tuệ của cả loài người, đó là phương hướng cơ bản để làm giàu trí tuệ của Đảng, để hoàn chỉnh và phát triển đường lối của Đảng.

I - THÀNH TỰU VÀ TỒN TẠI

Từ cuối thập kỷ 70 đầu thập kỷ 80, đặc biệt từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến nay, đã có những tiến bộ đáng kể trên lĩnh vực công tác lý luận. Đó là những bước tiến theo hướng đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, khắc phục chủ nghĩa giáo điều, bệnh chủ quan duy ý chí, gắn bó lý luận với thực tiễn đất nước, đặc điểm dân tộc và với những đặc điểm của thế giới trong giai đoạn hiện nay.

* Ủy viên Bộ chính trị BCH TƯ Đảng

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t6, tr 32

Digitized by Google

Chuyển động đầu tiên trong đổi mới tư duy lý luận được đánh dấu bằng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) năm 1979, một nghị quyết được mọi người nhớ rõ và thường nhắc đến với cái tên nôm na mà đúng thực chất : "nghị quyết làm cho sản xuất bung ra". Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V (3-1982) ghi thêm một bước tiến mới về tư duy lý luận, nhất là trên vấn đề cơ cấu kinh tế, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Với Đại hội Đảng lần thứ VI (12-1986) thì bước ngoặt căn bản đã được thực hiện. Đại hội VI đi vào lịch sử là "Đại hội đổi mới" - đổi mới toàn diện đời sống và hoạt động xã hội với bước đi thích hợp, lấy đổi mới tư duy lý luận làm tiền đề, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế.

Đi nhanh vào cuộc sống, tư duy mới của Đại hội VI chẳng những được thực tiễn chứng minh hoàn toàn đúng, mà còn được cụ thể hóa, phát triển, làm sâu sắc và nâng cao thêm bằng những kinh nghiệm mới, trên cơ sở đó hình thành những đường nét lớn xác định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và điều này được phản ánh tập trung trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ VII. "Đương nhiên - báo cáo của BCH TƯ Đảng tại Đại hội VII chỉ rõ - những gì mà nhận thức của chúng ta đạt tới hôm nay sẽ còn được bổ sung, phát triển cùng với sự phát triển sau này của thực tiễn và của tư duy lý luận". Tuy vậy, không nghi ngờ gì nữa, những nhận thức đã đạt tới tại Đại hội VII đánh dấu một nấc thang quan trọng trên chặng đường dài tìm tòi, thể nghiệm và sáng tạo lý luận của Đảng ta. Trong nỗ lực trí tuệ chung của toàn Đảng, có phần đóng góp xứng đáng của đội ngũ cán bộ lý luận và khoa học xã hội.

Được cổ vũ và chỉ đạo bởi tư duy mới của Đại hội VI, nhiều cán bộ lý luận và khoa học xã hội hăng hái thâm nhập cuộc sống, đi vào những vấn đề nhận thức và thực tiễn gai góc, tham gia tích cực quá trình đổi mới tư duy, luận chứng khoa học cho đường lối đổi mới, kết hợp ngày càng chặt chẽ với các cơ quan chỉ đạo thực tiễn trong việc chuẩn bị và đề ra các chính sách. Đời sống tư tưởng - lý luận mấy năm qua ở nước ta rõ ràng có bước khởi sắc. Các luận văn khoa học, các bài báo, các công trình nghiên cứu lý luận xuất hiện ngày càng nhiều. Các hội thảo khoa học được mở ra liên tục. Đã bước đầu có được bầu không khí dân chủ, tự do tìm tòi, sáng tạo, thảo luận, tranh luận trong khoa học. Trên các diễn đàn và ấn phẩm khoa học xuất hiện nhiều ý kiến phong phú, đa dạng, thể hiện những cố gắng tìm tòi, đổi mới tư duy và phương pháp tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn, khắc phục và loại bỏ dần chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh viện, bệnh hời hợt và lối suy nghĩ giản đơn, một chiều.

Tuy nhiên, tất cả những tiến bộ trên mới chỉ là bước đầu, còn hết sức khiêm tốn. Hiện trạng lý luận còn bề bộn, ngổn ngang. Rõ ràng, số câu hỏi đặt ra đang nhiều hơn câu trả lời. Những gì đạt được còn xa so với những gì cần phải đạt. Lý luận chưa ra khỏi tình trạng lạc hậu, chậm trễ so với thực tiễn.

Điều dễ thấy là số lượng tạp chí lý luận, công trình nghiên cứu của cá nhân và các tập thể khoa học không ít lắm, song rất ít công trình có trọng lượng khoa học lớn, gây được tiếng vang. Rất ít công trình dài hơi, nghiên cứu mỗi vấn đề thật đến nơi đến chốn. Những công trình ta tự viết xem ra ít hơn nhiều so với tác phẩm dịch. Điều đó nói lên trình độ khoa học của chúng ta còn hạn chế, các nhà khoa học có tầm cỡ rất ít, tiềm lực lý luận của chúng ta nói chung còn mỏng. Mỏng đến nỗi có vấn đề khi người này đã nói thì người khác hầu như không thể nói gì hơn ; có trường hợp cần đấu tranh, phê phán thì chỉ được mấy bài là "hết vốn". Trên nhiều vấn đề, sự phê phán cái cũ đã quá đủ song những đề xuất và kiến giải mới lại quá ít. Có tình hình trước đây anh em thường trách Đảng không sử dụng đội ngũ cán bộ lý luận vào quá trình chuẩn bị các chính sách ; nhưng gần đây lời phê bình đó không còn mấy, bởi lẽ mấy năm nay đơn đặt hàng xã hội được Đảng và các cơ quan thực tiễn gửi tới tấp đến các cơ quan khoa học và các nhà khoa học, song rất tiếc, sự đáp ứng của chúng ta xem ra khá chật vật. Đó là một bằng chứng về sự bất cập của đội ngũ lý luận, không thể nói khác.

Về tổng kết thực tiễn, chúng ta mới làm được quá ít. Chưa có sự quan tâm đúng mức từ phía các cấp ủy đảng và lãnh đạo các ngành thực tiễn cũng như từ phía các cơ quan lý luận. Những việc có làm thì trình độ phân tích, tổng hợp và khái quát chưa cao, chưa đạt mức có thể từ tổng kết đưa ra được những dự báo cần thiết về các quá trình phát triển và đề xuất các giải pháp xác đáng.

Digitized by Google

Về đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - lý luận, nhiều cơ quan khoa học và tập thể khoa học chưa đặt đúng tầm quan trọng của vấn đề, còn ngại đấu tranh, dung hòa, tránh né. Báo chí đã tiến hành được vài đợt rất đáng hoan nghênh, song ở một số bài cần nâng cao hơn chất lượng và tính thuyết phục. Điều quan trọng nữa là cần tiến hành thường xuyên và với sự tham gia đông đảo hơn của đội ngũ cán bộ lý luận. Ở đây rất cần không chỉ trí tuệ mà cả dũng khí và niềm tin sắt đá.

Đánh giá thực trạng công tác lý luận không thể không đề cập đội ngũ cán bộ. Đội ngũ cán bộ lý luận của ta nói chung có phẩm chất chính trị tốt, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân. Mấy năm nay, đội ngũ này được bổ sung khá nhiều bằng những lực lượng trẻ, được đào tạo khá hệ thống. Tuy nhiên, tình trạng vẫn là đông nhưng không mạnh. Đó là do trong đào tạo có nhiều nhược điểm, từ khâu tuyển sinh đến nội dung chương trình, chất lượng giảng dạy ; do những khuyết điểm trong các chính sách, chế độ sử dụng, bồi dưỡng, đãi ngộ, tạo những điều kiện cần thiết cho nghiên cứu khoa học, cho sự phát triển tài năng. Sự thiếu hoài bão lớn, thiếu say sưa và thiếu nỗ lực trí tuệ ở một số không ít cán bộ lý luận cũng là một nguyên nhân quan trọng. Hệ thống tổ chức nghiên cứu và quản lý công tác nghiên cứu vừa phân tán, vừa trùng lắp, thiếu sự phân công và phối hợp ; chưa chú ý xây dựng các ngành khoa học trọng điểm và đội ngũ cán bộ đầu đàn ; thiếu sự chỉ đạo tập trung thống nhất. Kinh phí đầu tư cho khoa học xã hội và nghiên cứu lý luận quá ít.

II - NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHỦ YẾU

Nhiệm vụ công tác lý luận là phục vụ việc tiếp tục đổi mới tư duy, xây dựng luận cứ khoa học về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, về các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ; bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là lớp trẻ ; tăng cường trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, củng cố niềm tin vào lý tưởng, phê phán những quan điểm lệch lạc, đấu tranh chống những trào lưu tư tưởng - lý luận thù địch, góp phần bảo vệ sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân, bảo vệ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội ; phát triển đội ngũ cán bộ lý luận với phẩm chất chính trị và trình độ khoa học cao đủ sức đáp ứng những yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, đồng thời chuẩn bị tiềm lực lý luận cho bước phát triển sau này của đất nước.

Nghị quyết của Bộ chính trị "*Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*" đặc biệt nhấn mạnh : "Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, đi sâu tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận một cách sáng tạo, *trước hết là tổng kết có lý luận những kinh nghiệm cơ bản trong công cuộc đổi mới* nhằm phục vụ việc chuẩn bị cho Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ và cho Đại hội Đảng lần thứ VIII. Việc tổng kết này là nhiệm vụ *trung tâm* của công tác lý luận mấy năm trước mắt nhằm làm sáng tỏ hơn nữa căn cứ khoa học và thực tiễn của việc xây dựng mô hình về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam".

Để thực hiện tốt nhiệm vụ nêu trên, Nghị quyết của Bộ chính trị chỉ rõ, công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay cần tập trung vào những hướng nghiên cứu chủ yếu sau đây :

Khẳng định và làm rõ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm rõ những vấn đề cần nhận thức lại, những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh và phát triển trên cơ sở tổng kết và khái quát những kinh nghiệm thực tiễn mới và những thành tựu của khoa học hiện đại. Nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời chú trọng nghiên cứu những tinh hoa trí tuệ của dân tộc. Đối với những học thuyết khác về xã hội (ngoài chủ nghĩa Mác - Lê-nin) cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều cũng như chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc.

Nghiên cứu những kinh nghiệm lịch sử hơn 70 năm của chủ nghĩa xã hội hiện thực, những bài học rút ra từ cuộc cải tổ và sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu. Chú trọng nghiên cứu

Digitized by Google

những vấn đề về thời đại, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về những biến đổi trong các quan hệ quốc tế, về trật tự thế giới mới, dự báo xu hướng phát triển của thế giới và của khu vực trong những thập kỷ tới.

Tiếp tục đi sâu nghiên cứu, phát triển và hoàn chỉnh hệ thống những luận cứ khoa học của sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Phát hiện những xu hướng, tính quy luật, các mâu thuẫn và động lực, hình thức và bước đi của con đường phát triển ấy. Làm rõ bản chất và những đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Trên cơ sở đó, công tác lý luận góp phần hoàn thiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.*

Trong các chương trình nghiên cứu phải đặc biệt quan tâm những vấn đề về kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ; về cơ cấu kinh tế ; về các thành phần kinh tế ; về cơ chế quản lý kết hợp kế hoạch và thị trường ; những vấn đề về chống lạm phát, về tài chính, tiền tệ, tín dụng, giá cả ; về chế độ sở hữu và chế độ phân phối trong thời kỳ quá độ ; về quan hệ giữa sở hữu với sử dụng tư liệu sản xuất và tổ chức quản lý sản xuất ; về mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại ; về cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ; về giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ.

Nghiên cứu làm rõ những quan điểm về đổi mới hệ thống chính trị, cụ thể hóa các hình thức quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, trong đó trung tâm là vấn đề xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo Nhà nước, vấn đề xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân, xây dựng nền pháp chế và sự quản lý xã hội bằng pháp luật.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, những vấn đề về phát huy nhân tố con người, về đạo đức, lối sống, tư tưởng, nghệ thuật, tôn giáo, dân tộc... trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và mở rộng giao lưu quốc tế. Xây dựng cơ sở lý luận cho việc hình thành nền văn hóa Việt nam và con người Việt nam trong thời đại mới.

Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội ta, nâng cao giác ngộ lý tưởng và niềm tin cho đảng viên, đoàn viên thanh niên và nhân dân.

Tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận theo yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Khắc phục chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm, đồng thời chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc và chủ nghĩa xét lại.

Nghiên cứu lý luận phục vụ công tác quốc phòng, an ninh nhằm bảo vệ Tổ quốc, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, đánh thắng âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

III - VỀ MẤY PHƯƠNG CHÂM LỚN CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

Nghị quyết 01 - NQ/TW của Bộ chính trị "*Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*" nêu lên bốn phương châm lớn chỉ đạo hoạt động lý luận. Ở đây cố gắng làm rõ mấy điểm chủ yếu nhất :

1 - *Quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện cho được sự thống nhất giữa tính khoa học và tính đảng, giữa khoa học với chính trị trong hoạt động lý luận.*

Một thời gian dài chúng ta dường như đồng nhất chính trị với lý luận. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, sự đồng nhất này cố nhiên cũng không đúng, nhưng dù sao lúc ấy có lý do khách quan nhất định cho sự đồng nhất trên mức độ nào đó mà không gây tổn hại cho cả lý luận cả chính trị. Vấn đề ở chỗ : đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc khi cách mạng chưa có chính quyền tự nó có thể dựa trực tiếp vào những nguyên tắc lý luận cách mạng ; ngược lại, từ những nguyên tắc lý luận cách mạng có thể trực tiếp giải quyết những

Digitized by Google

vấn đề chính trị thực tiễn. Chẳng hạn lý luận về tình thế cách mạng, về bạo lực cách mạng, về khởi nghĩa giành chính quyền, v.v. được trực tiếp rút ra từ thực tiễn chính trị và có thể được ứng dụng trực tiếp vào chính trị thực tiễn. Ta biết rằng tuyệt đại bộ phận các văn phẩm của Lê-nin khó mà nói đó là văn kiện chính trị hay là tác phẩm lý luận. Đương nhiên, những cuốn như *"Bút ký triết học"*, *"Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán"* v.v. thì khỏi tranh cãi vì tính lý luận của những tác phẩm ấy đã quá hiển nhiên.

Sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, giữa lý luận khoa học với chính trị xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn có mối liên hệ bản chất, nhưng không phải bao giờ và trên bất cứ vấn đề gì cũng trực tiếp và dễ thấy như trước. Trong đấu tranh cách mạng khi chưa có chính quyền, cố nhiên sự vật và các quá trình cũng không hề đơn giản, nhưng dù sao chung quy lại vẫn chỉ là sự đối đầu giữa hai lực lượng cách mạng và phản cách mạng. Còn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì cực kỳ phức tạp, diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống và hoạt động xã hội. Đối tượng nhận thức và tác động ở đây là những hệ thống và cấu trúc, những quá trình cực kỳ đa dạng và phức tạp, tầng tầng, lớp lớp, là những quan hệ chằng chịt, muôn hình, muôn vẻ... Do đó, ở đây đòi hỏi phải tính đến không biết bao nhiêu là nhân tố có liên hệ ; không biết bao nhiêu vòng, khâu và cấp độ khác nhau của quá trình phân tích, tổng hợp mới đem lại được căn cứ khoa học cho một quyết định chính trị. Trong những điều kiện như vậy mà đồng nhất chính trị với lý luận khoa học thì thật tai hại - tai hại cho cả khoa học, cả chính trị.

Thế mà thói quen thời cách mạng dân tộc dân chủ còn trì kéo chúng ta một thời gian sau 1975. Hậu quả như thế nào thì mọi người đã rõ. Nhưng, thật là không đúng nếu từ cực nọ lại nhảy qua cực kia. Do đó, vấn đề đáng được bàn bạc cặn kẽ để đi tới nắm vững phương châm "kết hợp thống nhất tính khoa học với tính đảng, giữa khoa học với chính trị" được đề ra trong Nghị quyết 01 - NQ/TW của Bộ chính trị.

Trước hết, cần nhất trí rằng cái lý luận, công tác lý luận mà chúng ta đang bàn ở đây, là lý luận cách mạng, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Lý luận ấy là sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt nam mà chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì mang đặc tính bản chất bên trong là sự thống nhất giữa tính khoa học và tính cách mạng.

Lê-nin viết : "Sức hấp dẫn không gì cưỡng nổi đã lôi cuốn những người xã hội chủ nghĩa của tất cả các nước đi theo lý luận đó, chính là ở chỗ nó kết hợp tính chất khoa học chặt chẽ và cao độ (đó là đỉnh cao nhất của khoa học xã hội) với tinh thần cách mạng, và kết hợp không phải một cách ngẫu nhiên, không phải chỉ vì người sáng lập ra học thuyết ấy đã kết hợp trong bản thân mình những phẩm chất của nhà bác học và của nhà cách mạng, mà là kết hợp trong chính bản thân lý luận ấy, một sự kết hợp nội tại và khăng khít. Thật thế, nhiệm vụ của lý luận, mục đích của khoa học được nêu thẳng ra ở đây là giúp đỡ giai cấp những người bị áp bức trong cuộc đấu tranh kinh tế đang thực sự diễn ra" (2).

Như vậy, trong lý luận cách mạng mác xít không có sự đối lập giữa khoa học với chính trị, giữa khoa học với tính đảng ; không có và tuyệt đối không có sự hy sinh cái này cho cái kia, trái lại có sự đòi hỏi lẫn nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau, thống nhất nội tại, khăng khít giữa hai cái tạo thành đặc tính bản chất vừa cách mạng vừa khoa học của lý luận. Ở đây "khoa học càng được tiến hành một cách dũng cảm và vô tư thì nó càng phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của giai cấp công nhân" (3). Vì vậy, sẽ là chính trị sai lầm, đi ngược lại lợi ích và nguyện vọng của giai cấp công nhân khi chính trị bất chấp khoa học. Mặt khác, ở đây, cái quan điểm đòi "giải phóng khoa học khỏi chính trị" là hoàn toàn không có cơ sở. Đơn giản là vì khoa học này là khoa học đấu tranh cách mạng. Lý luận đó làm sao tách rời chính trị được ?

Cho nên, là người mác xít nếu lại đòi "phi chính trị hóa khoa học mác xít" thì khác nào họ tự phủ định mình khỏi tư cách người mác xít. Thực tiễn cách mạng và quá trình hoạt động lý luận đều chứng minh rằng khi lý luận tách rời chính trị, nó sẽ không còn là khoa học chân chính.

Đảng cần đến lý luận khoa học làm cơ sở cho đường lối chính trị, cũng như lý luận chỉ thực sự khoa học với định hướng chính trị đúng đắn của Đảng. Cả hai đòi hỏi đó đều có tầm quan trọng như

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t1, tr 421

(3) C.Mác -Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t6, tr 422

Digitized by Google

nhau, đặc biệt trong giai đoạn phức tạp hiện nay. Và hai đòi hỏi đó là *thống nhất* - nó là biểu hiện quan trọng nhất của sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn.

2 - *Gắn chặt lý luận với thực tiễn, giữa yêu cầu trước mắt với nhiệm vụ lâu dài, giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng.*

Ai nấy đều biết thống nhất lý luận với thực tiễn là nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và là phương châm căn bản định hướng cho công tác lý luận. Thiết nghĩ, khỏi phải nói gì thêm về tầm quan trọng của phương châm này. Vấn đề là hiểu và vận dụng nó như thế nào trong tình hình hiện nay dưới ánh sáng những bài học kinh nghiệm đã tích lũy được.

Hiện nay, một tình hình làm day dứt mọi người là giữa lý luận với thực tiễn còn khoảng cách xa. Khoảng cách này trước Đại hội VI của Đảng còn lớn hơn. Lúc đó, rõ ràng lý luận một đường mà cuộc sống đi một nẻo. Cuộc sống thực tế "ngoan cố và bướng bỉnh" cho đến cuối những năm 70 đã công khai cất lên tiếng nói của mình. Đã đến lúc nó không chịu được nữa những khuôn mẫu lý luận được áp đặt một cách duy ý chí. Cuộc sống ập vào phòng họp Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (1979), đặt thẳng lên chương trình nghị sự vấn đề số một là "những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách". Sự kiện này là một bài học thấm thía về sự cần thiết phải thống nhất lý luận với thực tiễn.

Sau đó, "khoán 100" mà ý nghĩa giải phóng lớn lao của nó được giới khoa học lập tức nắm bắt và soi rọi bằng ánh sáng lý luận với một niềm hứng khởi chưa từng thấy. Đặc biệt, chúng ta hãy nhớ lại bầu không khí xã hội - chính trị nặng nề trước Đại hội VI và ngay cả khi dự thảo lần đầu các văn kiện đưa xuống Đại hội vòng I các cấp song chưa làm ai thỏa mãn. Nhưng sau đó, chỉ với "ba quan điểm lớn về kinh tế" đánh dấu bước ngoặt đổi mới tư duy, đã đủ làm thay đổi hẳn bầu không khí, mọi người phấn chấn hẳn lên, một luồng sinh khí mới tràn ngập từ trong Đảng đến ngoài nhân dân, từ dưới lên trên cho đến Đại hội toàn quốc và sau Đại hội. Niềm tin bước đầu được lấy lại. Tuy vậy, niềm tin chưa phải đã vững chắc mà khi lên khi xuống ; đến Đại hội VII được củng cố thêm, nhưng cho đến nay vẫn chưa thể khẳng định lý tưởng và con đường xã hội chủ nghĩa đã thật sự chinh phục hoàn toàn khối óc và trái tim mọi tầng lớp nhân dân. *Một trong những nguyên nhân gốc rễ chính là giữa lý luận với thực tiễn vẫn còn khoảng cách*, tuy khoảng cách này đã được thu hẹp nhiều so với trước Đại hội VI.

Có thể nói toàn bộ nhiệm vụ đang đặt ra trước chúng ta hiện nay chung quy lại là phấn đấu san bằng hay thu hẹp tối đa khoảng cách đó. Điều này đòi hỏi lý luận phải gắn rất chặt với thực tiễn, còn thực tiễn phải được soi sáng và định hướng đúng đắn bằng lý luận khoa học ; phải khắc phục chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm.

Trong công tác lý luận cần từ bỏ lối nghiên cứu một cách kinh viện, thuần túy tư biện, chỉ biết giải thích khái niệm bằng khái niệm, chứng minh lý luận bằng lý luận, tức là hoàn toàn quanh quẩn trong vương quốc tư duy thuần túy, như thế thì không sao đạt tới chân lý. Cần chống lối tư duy bắt chước, sao chép, rập khuôn, thoát ly thực tế, bất chấp những đặc điểm, truyền thống và điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước, của dân tộc. Không phải không có cơ sở khi gần đây có nhiều tiếng nói phê phán "chủ nghĩa giáo điều mới" là một khuynh hướng nhân danh đổi mới, chống bảo thủ, chống giáo điều, nhưng về thực chất nó không đưa ra được điều gì mới mà chẳng qua chỉ lắp lại nguyên xi những gì có sẵn trong kho lý luận, thậm chí cả về ngôn từ của chủ nghĩa cơ hội du nhập từ bên ngoài. Chống chủ nghĩa xét lại lúc này rất cần thiết, nếu không hơn thì cũng không kém cần thiết so với chống chủ nghĩa bảo thủ, giáo điều.

Rất sai, nếu hiểu đơn giản giáo điều là do đọc quá nhiều sách. Thật ra bệnh giáo điều có nguồn gốc không chỉ ở chỗ thoát ly thực tế, thực tiễn, mà còn do đọc quá ít, do đọc không đến nơi đến chốn (trước hết là sách kinh điển Mác - Lê-nin), hoặc tuy có đọc, thậm chí đọc không ít, nhưng không thoát sách, nghĩa là kiến thức lại không được tiêu hóa nhuần nhuyễn, không gắn chặt với thực tế và phát triển với cuộc sống.

Tổng kết thực tiễn là phương pháp căn bản trong hoạt động lý luận, là một phương pháp căn bản để khắc phục chủ nghĩa giáo điều và cả chủ nghĩa kinh nghiệm, để thực hiện sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn. Lý luận, xét cho cùng, là từ thực tiễn mà đúc kết, khái quát lên. Không có thực tiễn và kinh nghiệm thực tiễn thì không có lý luận.

Quá trình đổi mới ở nước ta có đặc điểm là vừa làm, vừa tìm tòi, sáng tạo lý luận. Tất nhiên, khi

Digitized by Google

bước vào sự nghiệp này, Đảng ta đã có những định hướng lớn. Từ những định hướng đó, phải bắt tay ngay vào giải quyết những vấn đề đã chín muồi, không thể chờ chuẩn bị xong xuôi về lý luận. Thật ra, đòi hỏi chuẩn bị đầy đủ trước về lý luận là không thực tế, bởi có những điều, phải vào làm rồi mới biết, thậm chí có vấn đề phải trải qua vấp váp nhiều lần rồi mới đủ kinh nghiệm để đúc kết, khái quát về lý luận. Đảng cộng sản Liên xô đi vào cải tổ hai năm nói đã chuẩn bị xong lý luận, thế nhưng sự nghiệp cải tổ hiện nay đến đâu rồi ? ! Sẽ phải trả giá cho sự vội vã khái quát lý luận, vội vã đề ra phạm trù này, quy luật kia khi chưa có đủ căn cứ thực tiễn. Thật ra, nhiều vấn đề chính thực tiễn lại cung cấp câu trả lời trước cả lý luận. Khoán trong nông nghiệp là như thế. Vấn đề cơ chế một giá hay hai giá, một thị trường hay hai thị trường, vấn đề nhà nước nắm hay không nắm độc quyền lương thực... đã mất bao năm tranh luận triền miên, bất phân thắng bại, song cuối cùng chính thực tiễn nửa sau năm 1989 cung cấp câu trả lời dứt điểm.

Nhận thức như trên không làm giảm nhẹ vai trò và trách nhiệm của công tác lý luận, không phải để rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm. Vấn đề là không thể lấy tư biện thuần túy thay cho kinh nghiệm thực tiễn. Vấn đề là phải hết sức coi trọng tổng kết thực tiễn - một phương pháp căn bản trong công tác lý luận.

Tổng kết thực tiễn là hết sức quan trọng đối với người chuyên làm lý luận. Cũng quan trọng không kém và phải trở thành thói quen hằng ngày đối với cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn. Thực tiễn mà không có lý luận cũng chẳng hơn gì lý luận không có thực tiễn. Chủ nghĩa kinh nghiệm không ít tai hại hơn chủ nghĩa giáo điều. Hơn nữa, có cả bệnh giáo điều - và rất dễ mắc - ở người kinh nghiệm chủ nghĩa, bởi nếu chỉ có tri thức kinh nghiệm hạn hẹp thì rất dễ mắc bệnh bắt chước, rập khuôn người khác. Đó chính là ranh giới tương đối, là chỗ chuyển hóa lẫn nhau giữa chủ nghĩa kinh nghiệm với chủ nghĩa giáo điều.

Đảng ta đang ở thời điểm mà việc tổng kết thực tiễn đổi mới là vô cùng cần thiết. Tổng kết thực tiễn để phát triển, cụ thể hóa và hoàn chỉnh đường lối, chính sách ; để tìm câu trả lời cho những vấn đề còn vướng mắc hoặc chưa sáng tỏ ; để phát huy, nhân rộng những cái đúng, phát hiện, uốn nắn, sửa chữa những cái sai ; để nâng cao trình độ lý luận và năng lực lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đầy khó khăn phức tạp, khi mà chủ nghĩa xã hội thế giới đang bị khủng hoảng nghiêm trọng cả về lý luận lẫn trong hiện thực. Thành công của sự nghiệp đổi mới, trên mức độ lớn, phụ thuộc vào khả năng và kết quả việc tổng kết thực tiễn, nâng lên trình độ lý luận. Đó là lý do vì sao nghị quyết của Bộ chính trị *"Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay"* đặt việc tổng kết có lý luận những kinh nghiệm cơ bản trong công cuộc đổi mới là nhiệm vụ *trung tâm* của công tác lý luận mấy năm trước mắt. Đó phải là một cuộc tổng kết công phu, sâu sắc với sự kết hợp chặt chẽ giữa giới lý luận, các cơ quan khoa học và các cấp ủy, các ngành thực tiễn. Việc tổng kết cần được tiến hành không chỉ trên những vấn đề chung về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, mà cả trên từng lĩnh vực hoạt động cơ bản : kinh tế và xã hội, văn hóa và tư tưởng, hệ thống chính trị và dân chủ hóa đời sống xã hội, xây dựng đảng, xây dựng nhà nước, mặt trận đoàn kết dân tộc và các đoàn thể nhân dân,v.v.. Đó phải là một cuộc tổng kết có quy mô lớn, bao gồm việc phân tích những kinh nghiệm cải tổ, cải cách ở các nước, thậm chí cả những bài học hơn 70 năm của chủ nghĩa xã hội thế giới. Những kinh nghiệm và bài học này không thể không được tính đến khi suy ngẫm, đối chiếu, phân tích và tổng kết những kinh nghiệm đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của bản thân nước ta.

Nhấn mạnh tổng kết thực tiễn không có nghĩa xem nhẹ nghiên cứu cơ bản, lý luận cơ bản. Càng tiếp cận với những vấn đề cụ thể bao nhiêu càng phải có những quan điểm chung, cơ bản vững chắc bấy nhiêu. Lê-nin từng chỉ ra rằng, không thể giải quyết vấn đề riêng nếu trước đó không sáng tỏ những vấn đề chung. Tổng kết thực tiễn cụ thể, tự nhiên đòi hỏi quan điểm nhìn nhận, phương pháp luận đánh giá, định hướng giải quyết các vấn đề ; nghĩa là không thể thiếu vai trò của lý luận, của phương pháp luận.

Không thể trực tiếp đi ngay vào giải quyết các vấn đề thực tiễn nếu thiếu những kết quả nghiên cứu cơ bản. Đến lượt mình, những kết quả nghiên cứu các vấn đề trước mắt là nguồn chất liệu không thể thiếu để từ đó đi tới những tri thức cơ bản. Công tác lý luận chưa đáp ứng các nhu cầu thực tiễn nói lên sự yếu kém của chúng ta trên cả hai hướng nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng

Digitized by Google

dụng. Trình độ khoa học cơ bản hạn hẹp không những trở ngại lớn cho nghiên cứu ứng dụng, cho việc nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trước mắt, mà còn thiếu đi cái bàn đạp vững chắc để có thể vươn cao, đi xa trên con đường khoa học. Song, sẽ phạm sai lầm lớn, thoát ly thực tiễn, nếu coi nhẹ nghiên cứu ứng dụng. Vì vậy, nghị quyết của Bộ chính trị nhấn mạnh phương châm "gắn chặt lý luận với thực tiễn, giữa yêu cầu trước mắt với nhiệm vụ lâu dài, giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng". Phương châm này phải được quán triệt sâu sắc trong hoạt động của chúng ta nhằm thực hiện có hiệu quả và với chất lượng cao 10 chương trình về khoa học xã hội cấp nhà nước từ nay đến năm 1995. Trong mỗi chương trình, có nhiều đề tài không thể để đến 1995 mới nghiệm thu, mà thực tiễn đòi hỏi phải sớm có sản phẩm, thậm chí phải có ngay trong mấy tháng cuối năm nay, nếu không thì nghiên cứu khoa học để làm gì, rõ ràng không thể biện minh nổi !

3 - *Dân chủ hóa sinh hoạt lý luận.*

Trên kia đã nói, trước đây có một thời ở ta lý luận gần như được đồng nhất với chính trị. Lý luận coi như đã được giải quyết tất cả ở đường lối, nghị quyết của Đảng, bài nói và viết của lãnh tụ ; công tác lý luận chỉ còn lại nhiệm vụ đơn thuần là thuyết minh đường lối, nghị quyết. Điều đó lâu ngày đã tạo thành thói quen ỷ lại, thậm chí coi chân lý chỉ có thể phát ra từ một vài người, từ đó đi tới dựa dẫm vào sự "bao cấp" tư duy từ phía lãnh đạo, không thúc đẩy sự tìm tòi, khám phá, mà lẽ ra đó là chức năng đích thực, là lý do tồn tại chính yếu của khoa học lý luận. Lại cũng vì thế mà tạo ra một quan niệm quá đơn giản rằng, hễ nói gì hơi khác với lãnh đạo, với nghị quyết, là coi như sai phạm chính trị, có thể bị truy chụp đủ thứ... Đường lối đổi mới tư duy của Đảng cho phép chúng ta khắc phục sai lầm đơn giản đó, một sai lầm đã kìm hãm một thời sự phát triển tư duy lý luận của Đảng.

Ngày nay, chúng ta hiểu lý luận và chính trị không phải là một, giữa chúng có khoảng cách cần được phân biệt, dù rất tương đối. Điều đó mở ra khoảng không gian rộng lớn cho khoa học tìm tòi, sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tiềm năng trí tuệ của đội ngũ lý luận. Tuy nhiên, như đã nói, sự khác nhau giữa lý luận (cách mạng) với chính trị chỉ có ý nghĩa tương đối. Vượt quá giới hạn đó, thậm chí đối lập hai mặt vốn gắn bó, phụ thuộc, nương tựa, thâm nhập vào nhau, thì rốt cuộc làm tổn hại nghiêm trọng cho cả lý luận, cả chính trị. Khoa học mà đi chệch hướng chính trị của Đảng thì không còn là khoa học cách mạng. Mặt khác, chính trị của Đảng phải dựa chắc trên cơ sở khoa học. Đảng phải hết sức coi trọng lý luận và công tác lý luận. Nó chính là công tác hàng đầu của bản thân Đảng, trước hết của Bộ chính trị, của Ban chấp hành Trung ương. Để làm được việc này, điều rất quan trọng là Đảng phải xây dựng, sử dụng cho được đội ngũ lý luận của mình, và phải lãnh đạo khoa học một cách khoa học.

Khoa học phát triển có những đặc điểm riêng. Chẳng hạn, đã là nghiên cứu khoa học thì có thể có sai lầm. Nếu trong chính trị, sai lầm cũng đã khó tránh khỏi, thì trong tìm tòi khoa học, khả năng phạm sai lầm càng nhiều hơn, và điều đó không thể không cho phép. Nếu quy ngay những sai lầm đó vào lập trường chính trị, hậu quả có thể rất tai hại. Khoa học cần bầu không khí dân chủ, tự do tư tưởng, vì chỉ có trong môi trường ấy, nhà khoa học mới dám có suy nghĩ độc lập và đi đến cùng sự tìm tòi, khám phá của mình. Lý luận, khoa học không thể phát triển, nếu tư tưởng không được giải phóng, nếu thiếu thảo luận, tranh luận. Đối với khoa học, chỉ có một quyền uy tối thượng - đó là chân lý khoa học, là sự phù hợp giữa lý luận với thực tiễn. Cả quyền lực hành chính lẫn ý kiến đa số, cả uy tín cá nhân lẫn sự phẫn nộ đạo đức, đều không giải quyết được vấn đề đúng sai trong khoa học, đều không thay thế được chân lý khách quan. Trong tranh luận khoa học thường thì người thấp kém về trình độ khoa học lại dễ phẫn nộ đạo đức, thích đao to búa lớn. Trái lại, người có tiềm năng khoa học lớn thì đầy lòng tự tin. Đối với họ, sự trầm tĩnh và lý lẽ là vũ khí chiến thắng. Đương nhiên, trong tranh luận đôi khi có thể nảy lửa, to tiếng. Điều đó hoàn toàn cho phép (dĩ nhiên, nếu không to tiếng vẫn hơn). *Điều cốt yếu* là trong mọi trường hợp đều phải vì khoa học, thật sự vì khoa học, không vì bất cứ động cơ gì khác.

Trên địa hạt học thuật nước nhà, rất tiếc là thiếu truyền thống biện luận, tranh luận. Cần phải học tập tranh luận. Mấy năm nay chúng ta đang làm điều đó. Phải có được văn hóa tranh luận nếu muốn phát triển tư duy khoa học. Văn hóa tranh luận, đạo đức trong khoa học nói chung, đòi hỏi trước hết phải có tính trung thực, thật thà, trong sáng, - trung thực, thật

Digitized by Google

thà, trong sáng như chính sự thật, như bản thân chân lý khoa học. Sự giả dối, việc bóp méo sự thật vì những động cơ lắt léo, thói cơ hội lựa chiều, là những kẻ thù tệ hại nhất của khoa học. Để đi đến chân lý, nhà nghiên cứu phải rất mực vô tư, khách quan. Chỉ có thái độ thực sự cầu thị, nhìn thẳng vào sự thật, dám từ bỏ những nhận thức cũ sai lầm, biết nghe lẽ phải, không định kiến, hết sức khiêm tốn, tôn trọng lẫn nhau, v.v. mới có thể mở mang được kiến thức và đóng góp được gì đó cho khoa học.

Người lãnh đạo phải biết nghe những lời "trái tai". Lãnh đạo khoa học càng phải như vậy. Phải lãnh đạo khoa học bằng thái độ khoa học, hơn nữa, bằng chính nội dung khoa học, nếu đó là người lãnh đạo trực tiếp các hoạt động khoa học. Giữa các nhà khoa học với nhau cũng nên lắng nghe nhau. Không có lý gì khi đòi cho được dân chủ với mình, nhưng chính mình lại không tôn trọng quyền dân chủ của người khác. Trong thảo luận, tranh luận khoa học, nhiều khi một ý mới manh nha nhưng có thể mở ra cả một hướng tìm tòi đầy triển vọng. Có khi một câu đặt ngược lại vấn đề cũng có thể khiến cho mọi người phải rà soát, chỉnh lý lại những nhận thức hay kết luận tưởng đã xong xuôi. Trong khi chưa ai có được ý kiến về một vấn đề hóc búa nào đó mà có người nêu được một ý táo bạo buộc mọi người phải suy nghĩ đã là đáng quý. Thậm chí trong ý kiến một người đầy rẫy những nội dung sai nhưng có một nhân tố đúng nào đó, cũng nên trân trọng. Ở đây cũng vậy, ta phải học tập Lê-nin. Lê-nin đã từng tỉ mỉ, công phu và trân trọng khi làm việc chắt lọc "cái nhân hợp lý" từ hệ thống triết học duy tâm cực kỳ thần bí và rối rắm của Hê-ghen. Người viết : đầu tiên phải gạn lấy ở đó phép biện chứng duy vật. Và gạn như vậy thì sẽ có đến 9/10 vỏ, bã ; phải lọc lấy cái hạt chân lý sâu sắc trong cái vỏ thần bí của chủ nghĩa Hê-ghen. Nghĩa là phải biết "đãi cát tìm vàng", đừng "vì chậu nước bẩn mà đổ cả đứa trẻ". Thái độ và phương pháp đó là hết sức cần thiết đối với chúng ta trong thời buổi lý luận còn bề bộn, ngổn ngang này.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, sinh hoạt lý luận đã có được không khí dân chủ hơn, thể hiện rõ nhất là trong việc thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội VII. Nhưng, dường như đã thành quy luật, sau thời gian dài thiếu dân chủ, nay mở ra lại nảy sinh một xu hướng trượt sang dân chủ quá trớn. Đã có người hiểu dân chủ là có thể nói, viết, truyền bá bất cứ điều gì mình muốn, bất chấp điều đó đúng hay sai, có lợi hay hại gì cho sự nghiệp chung của nhân dân, của đất nước. Thậm chí có người lợi dụng dân chủ để gây rối, để chống chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đả kích sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc lịch sử dân tộc. Những hiện tượng đó không nhiều, nhưng không thể không uốn nắn, bác bỏ.

Đối với hoạt động lý luận (lý luận cách mạng mà chúng ta đang bàn ở đây và nhất là đối với cán bộ lý luận là đảng viên), dân chủ không thể tách rời tính đảng. Trong nghiên cứu, thảo luận, cần dân chủ và tự do tư tưởng tối đa, nhưng nhất thiết phải trên cơ sở mục tiêu, con đường mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn, nghị quyết Đảng đã thông qua. Lê-nin khẳng định : "Nói : đừng tranh luận nữa và chấm hết, là không đúng. Nhưng tranh luận về mặt lý luận là một chuyện, còn đường lối chính trị của Đảng, cuộc đấu tranh chính trị, lại là một chuyện khác. Chúng ta không phải là một câu lạc bộ tranh luận" (4).

Ở đây, có vấn đề nên hay không nên cho phép tồn tại các trường phái trong khoa học lý luận Mác - Lê-nin ? Nếu hiểu trường phái là cách tiếp cận khác nhau về cùng một vấn đề cụ thể nào đó của thực tiễn, những kết luận khác nhau do áp dụng phương pháp khảo sát và nghiên cứu khác nhau... thì có thể có trường phái. Còn nếu hiểu trường phái theo đúng nghĩa triết học và lý luận về khoa học thì không thể có nhiều trường phái trong cùng một dòng lý luận Mác - Lê-nin. Giữa những người cộng sản mác xít, không thể có sự phân chia trường phái lý luận. Bởi vì, về lý luận, tất cả chúng ta thuộc cùng một trường phái duy nhất, không thể đa nguyên mà là nhất nguyên - đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Với những học thuyết xã hội ngoài chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lâu nay thái độ chúng ta có chỗ không đúng - mang tinh thần biệt phái, không đọc, không nghiên cứu, phủ nhận tất cả, cho dù trong những học thuyết đó có thể có những nhân tố hợp lý, những giá trị chung toàn nhân loại. Những yếu tố ấy nếu biết gạn lọc, biết hấp thụ một cách có phê phán, sẽ làm giàu thêm bản thân chủ nghĩa Mác, và chính như vậy mới đúng tinh thần và thực chất học

(4) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t.43, tr.122

Digitized by Google

thuyết của chúng ta. Chủ nghĩa Mác không nằm ngoài, bên lề, mà phát triển chính giữa dòng lịch sử tư tưởng loài người. Nó là kết tinh tất cả những tinh hoa tư tưởng đó. Nghị quyết của Bộ chính trị *"Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay"* đã vạch rõ : "Đối với những học thuyết khác - ngoài chủ nghĩa Mác - Lê-nin - về xã hội, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng".

Có thể nói đến trường phái mác xít và những trường phái không mác xít. Song tuyệt đối không thể nói đến trường phái khác nhau trong lòng chủ nghĩa Mác *chân chính*. Giữa những người mác xít cộng sản, do trình độ nắm và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin có khác nhau, do nguồn thông tin nhận được khác nhau, do tiềm lực khoa học khác nhau, sự hiểu biết thực tiễn khác nhau, và do sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể không giống nhau, mà những kết luận và kiến giải có thể rất khác nhau trên cùng một vấn đề nào đó. Điều đó là tự nhiên, không có gì đáng ngại. Ngược lại, tình trạng xuôi chiều, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh mới là nguy hiểm, đáng sợ ; bởi đó là một triệu chứng bệnh hoạn không thể chấp nhận trong đời sống tư tưởng - lý luận. Không có tranh luận thì khoa học không thể phát triển. Song, không cứ phải thành các trường phái hằn hoi để cãi cọ, phê phán lẫn nhau, mới thúc đẩy phát triển khoa học. Khác với khoa học tự nhiên, khoa học lý luận Mác - Lê-nin là khoa học chính trị, quan hệ trực tiếp đến số phận các giai cấp, dân tộc, triệu triệu con người, vì thế không thể bất xã hội phải trả giá cho những "thí nghiệm" của các trường phái lý luận.

Thay vì nói đến "trường phái" hay "đa nguyên ý kiến" (đã không ích gì, mà còn có thể có hại cho khoa học Mác - Lê-nin và sự nghiệp của Đảng), điều có ý nghĩa cơ bản ở đây là thực hiện dân chủ, tự do tư tưởng, phát huy cao độ khả năng đóng góp của các nhà khoa học, các tập thể khoa học, mở ra địa bàn rộng rãi nhất và bầu không khí thuận lợi nhất cho những nỗ lực trí tuệ, thả sức cống hiến. Dân chủ hay không dân chủ, không phải ở chỗ có hay không có trường phái mà ở chỗ có được tự do tư tưởng hay không, những tiềm năng khoa học có được phát huy hay không. Do quy mô rộng lớn, tính đa dạng và mức độ phức tạp của các vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay, công tác lý luận dứt khoát không thể chỉ dựa vào một số người hạn hẹp. Những năm trước, trên thực tế phần nhiều công việc nghiên cứu khoa học chỉ tập trung vào một số đồng chí, thường lại là các đồng chí phụ trách quản lý không đầu tư được nhiều thời gian công sức cho nghiên cứu, còn nhiều anh em khác thường tự mặc cảm là "đàn em", tham gia rụt rè, ngại phát biểu ý kiến khác với các đồng chí đi trước. Tình trạng ấy cần được triệt để xóa bỏ, bởi vì thiếu tự do dân chủ thì không thể có bước tiến thực tế nào trong khoa học.

IV - XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÝ LUẬN

Kết quả công tác lý luận phụ thuộc vào nhiều yếu tố : xác định phương hướng nghiên cứu, tổ chức và quản lý quá trình nghiên cứu, kinh phí đầu tư, điều kiện thông tin, các chế độ chính sách,v.v.. Mỗi yếu tố có vai trò riêng, không thể coi nhẹ bất cứ yếu tố nào. Ví dụ : hiện đang nổi cộm lên vấn đề ngân sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học nói chung, đặc biệt cho khoa học xã hội, cho nghiên cứu lý luận ; vấn đề quan tâm và đổi mới các chính sách đối với cán bộ khoa học, cán bộ lý luận, v.v.. Những vấn đề đó nếu không được giải quyết, thì rất khó nói đến sự phát triển công tác lý luận và khoa học xã hội. Trong tất cả các vấn đề liên quan, xét đến cùng, việc xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ lý luận có phẩm chất chính trị vững vàng, có bản lĩnh khoa học cao, đó là *vấn đề then chốt nhất*.

Những năm qua, cán bộ khoa học xã hội được đào tạo không ít lắm, đào tạo trong nước và đào tạo từ nước ngoài. Tuy nhiên, đáng quan tâm hơn cả là vấn đề chất lượng đào tạo, cần tiến hành một cuộc tổng kết sâu sắc về công tác đào tạo cán bộ lý luận và khoa học xã hội tại các cơ sở có chức năng đào tạo sau và trên đại học. Phải tổng kết từ khâu tuyển sinh để bảo đảm chọn đúng người có năng khiếu và triển vọng thành tài. Đặc biệt, phải xem lại và đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo.

Digitized by Google

Đối với di sản kinh điển Mác - Lê-nin, cần được đi sâu, nắm chắc có hệ thống và nhuần nhuyễn hơn nữa trên quan điểm lịch sử và quan điểm phát triển sáng tạo gắn với những điều kiện hiện nay. Coi trọng hơn nữa các môn lịch sử tư tưởng Đông, Tây và của dân tộc. Các trào lưu tư tưởng ngoài chủ nghĩa Mác - Lê-nin, các học thuyết tư sản hiện đại cần được dành thời gian thích đáng hơn trong việc nghiên cứu và cần được nghiên cứu có phê phán. Trong chương trình nghiên cứu không coi nhẹ việc phê phán chủ nghĩa chống cộng, các trào lưu cơ hội và chủ nghĩa xét lại thời nay.

Tất nhiên, mục tiêu của các luận án khoa học phần lớn phải tập trung vào giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tiễn cách mạng và con đường phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Song, cán bộ lý luận phải có học vấn uyên bác. Thiếu cái nền đó, thì khi giải quyết mỗi vấn đề cụ thể, không tránh khỏi thiển cận, hời hợt, sơ lược, giản đơn. Để có trình độ uyên bác, trường lớp giúp một phần, còn phần chính phải do quá trình tự học, tự đào tạo suốt cả đời của bản thân người cán bộ lý luận.

Vấn đề sử dụng đội ngũ lý luận cũng đang là vấn đề lớn. Trước hết là sử dụng tổ chức, chứ không chỉ từng cá nhân. Gần đây, các cơ quan khoa học được lôi cuốn ngày càng nhiều vào quá trình chuẩn bị các quyết định, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Đơn đặt hàng xã hội đến với các tập thể khoa học cũng không ít. Vấn đề bây giờ xem ra không phải ở chỗ được sử dụng hay không được sử dụng, mà ở khả năng đóng góp của đội ngũ lý luận và ở cách sử dụng thế nào để thu được những sản phẩm khoa học có chất lượng cao. Và điều này dụng cả đến vấn đề quản lý các chương trình đề tài nghiên cứu. Hiện đang triển khai 10 chương trình cấp nhà nước về khoa học xã hội. Kết quả thực hiện như thế nào, có bảo đảm yêu cầu cao về chất lượng hay không, có bảo đảm vừa phục vụ lâu dài vừa đáp ứng kịp thời những yêu cầu trước mắt hay không, tất cả điều đó phụ thuộc vào khả năng tổ chức quản lý, sử dụng con người - cán bộ khoa học ; và trách nhiệm trước hết là ở các ban chủ nhiệm chương trình, chủ nhiệm đề tài.

Về phần mình, người cán bộ khoa học đóng vai trò không gì thay thế được. Người cán bộ khoa học cần có kiến thức cơ bản vững chắc, hiểu biết sâu rộng môn khoa học mình theo đuổi, nắm chắc kiến thức liên ngành, thường xuyên tiếp cận những tri thức mới của thời đại và thực tiễn xã hội có liên quan. Lại còn phải có sự thôi thúc nội tâm, khao khát tìm tòi chân lý, có ước mơ và hoài bão lớn. Sản phẩm khoa học là con đẻ của chính mỗi người. Sẽ không có sáng tạo khoa học nào nếu như thiếu say sưa nghiên cứu, thiếu sự khổ công trăn trở, nhẫn nại và kiên trì vượt qua mọi trở ngại. Nhiều khi chỉ cần nản chí, dễ dãi một chút với bản thân, đã có thể bỏ dở hoặc làm giảm nghiêm trọng giá trị của một công trình, thậm chí gần hoàn thành.

Không có nhân tố bên ngoài nào có thể thay thế cho nỗ lực chủ quan trong quá trình hoạt động tư duy của cá nhân nhà khoa học. Song, như thế không có nghĩa là nhà khoa học có thể tách khỏi môi trường tập thể khoa học mà mình sống và làm việc. Đây chủ yếu là môi trường tư tưởng khoa học, phát huy sức sáng tạo, nơi trau dồi trình độ, rèn luyện phẩm chất. Một tập thể khoa học mà ở đó mỗi cá nhân sống một cách dễ chịu, thoải mái, tin cậy lẫn nhau, chân thành đồng chí, một tập thể rất nghiêm khắc trong nguyên tắc và trong những đòi hỏi, đánh giá phương diện khoa học, nhưng lại rất cởi mở, nhẹ nhàng, thoải mái, độ lượng trong ứng xử tình người, một tập thể như thế sẽ nhân sức mạnh của từng người lên gấp bội.

Thực tế cho thấy, tập thể khoa học nào được tổ chức tốt, sống đoàn kết, thân ái, dân chủ, bình đẳng trong khoa học, thì ở đó có phong trào nghiên cứu khoa học tốt, cả tập thể như chắp cánh cho từng cá nhân. Còn đơn vị nào không được tổ chức tốt, thì cả tập thể, từng người đều giảm đáng kể sức mạnh và khả năng sáng tạo. Ở nơi nào mà bầu không khí tâm lý không tốt, sa lầy vào những chuyện cá nhân không đâu, thì càng khó mà nói đến thành quả sáng tạo khoa học.

Phát huy trí tuệ tập thể, nhưng phải có những đầu đàn trong khoa học. Thiếu những cán bộ đầu đàn giỏi, thì trình độ chuyên môn của tập thể khó tránh khỏi giẫm chân tại chỗ, thấp mãi và thấp dần đi. Trong khoa học, không thể có chuyện "ba anh thợ da bằng Gia Cát Lượng", không thể lấy số lượng bù cho chất lượng. Hiện nay, trên lĩnh vực lý luận, xem ra chúng ta chưa có mấy chuyên gia đầu ngành thật sự có tầm cỡ quốc gia, chứ chưa dám nói rộng hơn. Vì vậy, cần phấn đấu, bồi dưỡng cho được một số chuyên gia giỏi, từ trong mỗi tập thể khoa học lớn, nhỏ. Cần có những biện pháp đặc biệt để

(Xem tiếp trang 28)

Digitized by Google

KHOA HỌC XÃ HỘI VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

NGUYỄN DUY QUÝ *

CÔNG cuộc đổi mới nhằm xây dựng nước Việt nam giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang đòi hỏi bức bách sự đổi mới về khoa học xã hội.

Khoa học xã hội có nhiệm vụ nghiên cứu, làm sáng tỏ và sâu sắc thêm các quan điểm về kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, do Đại hội VII của Đảng đề ra, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách và tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

Trước tình hình tan vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô, khoa học xã hội nước ta có nhiệm vụ cung cấp những công trình khoa học có chất lượng cao, có sức thuyết phục, chứng minh một cách khoa học sự đúng đắn của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, khơi dậy lòng yêu nước và lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và lý luận.

Thế giới đang trải qua những biến đổi sâu sắc và những đảo lộn dữ dội. Cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật hiện đại làm xuất hiện và ngày càng mở rộng một nền công nghệ mới, một nền sản xuất kỹ thuật cao, làm thay đổi phương thức lao động, tổ chức và lối sống của con người. Một nền văn minh mới đang xuất hiện, nhưng loài người cũng đang đứng trước những vấn đề có tính toàn cầu cấp bách và những thách thức to lớn. Khoa học xã hội cần nghiên cứu những vấn đề của thời đại, góp phần làm sáng tỏ chiến lược đối ngoại và đối nội phù hợp với tình hình mới, tạo điều kiện để dân tộc ta từng bước tiếp cận với nền văn minh hiện đại, đồng thời giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nhằm xây dựng đất nước giàu mạnh theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và góp phần vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trước xu thế phát triển của khoa học xã hội thế giới, trước những nhiệm vụ to lớn do công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đặt ra, khoa học xã hội phải khắc phục sự chậm trễ, tự đổi mới để vươn lên, góp phần vào sự đổi mới toàn diện đất nước.

*

Mấy chục năm qua, khoa học xã hội nước ta đã phát triển và thu được những thành tựu đáng tự hào. Chúng ta có đủ cơ sở khách quan để khẳng định những thành tựu to lớn mà khoa học xã hội Việt nam đã đạt được.

Phần lớn các tác phẩm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được dịch, giới thiệu và xuất bản với số lượng lớn. Cùng với những tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của các đồng chí lãnh đạo Đảng, hệ thống sách giáo khoa, giáo trình và nhiều công trình nghiên cứu lý luận đã góp phần vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở nước ta.

Kế thừa những tư tưởng quân sự và binh pháp của cha ông, khoa học quân sự Việt nam đã được nâng lên một tầm cao mới. Nhiều ngành khoa học xã hội đã

* Giáo sư, tiến sĩ triết học, Viện trưởng Viện khoa học xã hội Việt nam

Digitized by Google

nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội của nước ta, góp phần lý giải đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Các khoa học nhân văn đã có nhiều tìm tòi phát hiện, có một số công trình khoa học có giá trị về lịch sử, khảo cổ học, dân tộc học, văn học, ngôn ngữ học, được dư luận trong nước và nước ngoài đánh giá cao. Kết quả nghiên cứu phản ánh những nhận thức mới mẻ về lịch sử, văn hóa, xã hội, dân tộc, ngôn ngữ và con người Việt nam, góp phần nâng cao dân trí, giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sáu năm qua, từ sau Đại hội VI của Đảng, với tinh thần đổi mới tư duy lý luận, nhiều ngành khoa học xã hội đã tiến hành nghiên cứu những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách về kinh tế - xã hội, về văn hóa, tư tưởng, phục vụ cho việc xây dựng Cương lĩnh của Đảng, chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, góp phần tìm kiếm các giải pháp cho những vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng.

Các khoa học nhân văn đã cố gắng khắc phục tình trạng nghiên cứu tản mạn, thiếu hệ thống trước đây, tập trung nghiên cứu soi sáng những vấn đề lớn trong di sản lịch sử, văn hóa, văn minh Việt nam. Đặc biệt, đã tổ chức nghiên cứu sâu hơn về con người, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức và chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, khẳng định ý nghĩa to lớn của di sản tinh thần này đối với công cuộc đổi mới ở Việt nam và đối với những vấn đề quốc tế hiện nay.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đổi mới của đất nước và so với sự phát triển của khoa học xã hội trên thế giới, khoa học xã hội Việt nam còn bộc lộ nhiều mặt hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu bức xúc về lý luận và thực tiễn hiện nay.

Đội ngũ cán bộ khoa học xã hội tuy có tăng về số lượng, nhưng chưa đồng bộ và còn nhiều hạn chế về trình độ, nhất là về lý luận và phương pháp luận. Khoa học xã hội nước ta chưa thực hiện được bao nhiêu các nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, bám sát và tổng kết thực tiễn, phát hiện chân lý, cung cấp dự báo và luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Các công trình nghiên cứu còn *ít tính chất khám phá, sáng tạo mà nặng về minh họa những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước*. Các khoa học nhân văn, tuy có thành tựu đáng kể, nhưng còn ít những công trình cơ bản có giá trị khoa học cao. Nhiều công trình mới dừng lại ở việc tập hợp, hệ thống hóa tư liệu mà chưa vươn lên tầm tổng kết, đánh giá những vấn đề lớn của vận động lịch sử, của văn hóa, chưa giúp cho việc lý giải đúng đắn những vấn đề của công tác tư tưởng, văn hóa hiện nay. Khoa học nhân văn còn để lại nhiều khoảng trống chưa được nghiên cứu hoặc nghiên cứu chưa thấu đáo trong nhiều lĩnh vực.

Việc giảng dạy khoa học xã hội, nhất là các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin còn mang nặng tính khuôn sáo, thiếu sức thuyết phục, hiệu quả giáo dục thế giới quan và phương pháp luận khoa học, bồi dưỡng nhân sinh quan và đạo đức mới còn thấp. Vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể của khoa học xã hội chưa được chú trọng nghiên cứu. Nhiều lý thuyết và kỹ thuật nghiên cứu mới, được sử dụng có kết quả ở nhiều nước trên thế giới, chưa được nghiên cứu và vận dụng ở nước ta. Việc cung cấp thông tin, tài liệu, sách báo cần thiết cho công tác nghiên cứu, sự trao đổi thông tin khoa học xã hội với thế giới còn hạn chế. Công tác quản lý khoa học tuy đã có một số cải tiến, nhưng vẫn còn mang tính chất hành chính, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển khoa học trong tình hình hiện nay. Việc chậm ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động khoa học cũng hạn chế việc phát huy khả năng sáng tạo của các nhà khoa học.

*

Đổi mới trong khoa học xã hội, trước hết phải đổi mới nhận thức về nhiệm vụ và chức năng của nó. Từ đó đổi mới cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu, đổi mới cách tổ chức và phương pháp nghiên cứu, đổi mới hình thức và phương pháp quản lý, đổi mới chính sách cán bộ, nhằm làm cho cán bộ khoa học phát huy hết khả năng đóng góp vào sự đổi mới đất nước và sự phát triển khoa học.

Digitized by Google

Khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao trình độ quản lý của nhà nước và năng lực lãnh đạo của Đảng làm cho dân giàu, nước mạnh.

Khoa học có nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ xã hội bằng tri thức lý luận và những nghiên cứu lý luận, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, của sản xuất vật chất, tiến bộ kỹ thuật, và yêu cầu của bản thân con người với tư cách là chủ thể hoạt động.

Trong giai đoạn hiện nay, ở nước ta, các khoa học xã hội phải thực hiện các chức năng cơ bản là :

a) Xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, các quyết định lớn, từ định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến những vấn đề cụ thể, như các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư, v.v. ở tất cả các cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ;

b) Là công cụ đắc lực để giúp cho việc đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ, đưa lực lượng sản xuất lên trình độ phát triển mới, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, nhằm hiện đại hóa đất nước ;

c) Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, giáo dục thế giới quan khoa học, phát triển trí tuệ và năng lực sáng tạo của con người Việt nam, xây dựng nền khoa học tiên tiến của nước ta.

Như vậy, khoa học xã hội không phải là một thành phần "phi kinh tế". Nó cũng không phải chỉ làm nhiệm vụ thuyết minh, lý giải đường lối chính sách. Công việc đó vẫn cần, nhưng cần hơn là nghiên cứu để đưa ra những luận cứ khoa học phục vụ việc thiết kế đường lối, chính sách. Làm được như vậy, khoa học xã hội mới thật sự trở thành động lực bên trong của sự phát triển kinh tế - xã hội, thiết thực góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Căn cứ vào các quan điểm chỉ đạo của Đại hội VII của Đảng và dựa vào tinh thần Nghị quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI) về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới, những năm trước mắt khoa học xã hội tập trung nghiên cứu những vấn đề chính sau đây :

Một là, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm giải quyết những vấn đề do thực tiễn đất nước và thời đại đặt ra. Tập trung nghiên cứu một cách hệ thống về cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quán triệt tư tưởng, lý luận, phong cách và đạo đức của Người, nhằm phục vụ sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Hai là, nghiên cứu những vấn đề về đặc điểm giai đoạn hiện nay của thời đại chúng ta, về nền văn minh mới, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận với những luận chứng có đầy đủ cơ sở khoa học mà bổ sung hoàn thiện những vấn đề quan trọng được nêu ra trong các văn kiện của Đại hội VII của Đảng.

Ba là, nghiên cứu các vấn đề về nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, về chế độ sở hữu, về hệ thống các quy luật kinh tế khách quan trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Nghiên cứu con đường, hình thức và bước đi của quá trình công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa ở nước ta, trên cơ sở những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô, mở rộng và nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế đối ngoại.

Bốn là, tiến hành điều tra, nghiên cứu các giai cấp xã hội và các chính sách xã hội. Đề xuất phương hướng và biện pháp phát huy mạnh mẽ nhân tố con người, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, thực hiện các chính sách gia đình, dân số, phân bố dân cư và lao động trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm là, nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền thật sự là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tăng cường hiệu lực của

Digitized by Google

các thể chế và pháp luật, tham gia xây dựng hệ thống chính trị, hệ thống pháp luật, trước hết là các đạo luật về quản lý kinh tế - xã hội. Nghiên cứu vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội.

Sáu là, tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu sâu sắc và toàn diện về những vấn đề lịch sử, văn học, ngôn ngữ và con người Việt nam qua các thời đại. Đặc biệt, phải quan tâm đến nghiên cứu sự vận động của các giá trị văn hóa dân tộc qua các thời kỳ lịch sử gắn với những nét nổi bật của thời đại. Biên soạn những công trình lớn có giá trị tổng kết và có chất lượng khoa học cao, cung cấp những hiểu biết đúng đắn để kế thừa và phát huy những giá trị tinh thần quý báu của ông cha, làm nền tảng cho việc chấn hưng văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thụ những tinh hoa văn hóa của nhân loại, góp phần xây dựng nền văn hóa, văn minh mới Việt nam. Biên soạn một số sách công cụ quan trọng phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy về văn hóa và về khoa học xã hội.

Bảy là, trong khi chú trọng phát triển đồng bộ tất cả các chuyên ngành của khoa học xã hội, bao gồm cả khoa học nhân văn, trước mắt cần tập trung phát triển nhanh các ngành triết học, kinh tế học, xã hội học, luật học, khoa học chính trị, văn hóa và khoa học quản lý, đặc biệt là khoa học quản lý kinh tế và quản lý nhà nước.

Trong giai đoạn 1991 - 1995, Hội đồng bộ trưởng đã quyết định danh mục gồm 30 chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp nhà nước (Quyết định số 246/CT ngày 8-8-1991), trong đó có 8 chương trình về khoa học xã hội :

1 - Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

2 - Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3 - Đổi mới và hoàn thiện các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế.

4 - Đổi mới chính sách xã hội và cơ chế quản lý xã hội.

5 - Hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

6 - Văn hóa, văn minh, vì sự phát triển và tiến bộ xã hội.

7 - Con người Việt nam - mục tiêu và động lực phát triển kinh tế - xã hội.

8 - Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn.

Bên cạnh việc thực hiện các chương trình, đề tài có mục tiêu, giải quyết những vấn đề nóng bỏng của đời sống xã hội hiện nay, mỗi viện và trung tâm nghiên cứu đều cần xác định phương hướng nghiên cứu cơ bản của mình để không ngừng nâng cao tiềm năng trí tuệ, sẵn sàng đáp ứng các nhiệm vụ nghiên cứu trước mắt và lâu dài. Không có nghiên cứu cơ bản thì không có nguồn dự trữ về lý luận. Vì vậy, nghiên cứu cơ bản là cơ sở cho sự phát triển toàn bộ nền khoa học của đất nước. Nghiên cứu cơ bản càng sâu, khả năng ứng dụng vào thực tiễn càng có hiệu quả.

*

Để hoàn thành các nhiệm vụ nói trên, cần có nhiều biện pháp. Dưới đây là một số biện pháp chính :

1 - *Cung cấp thông tin*. Thành quả trong bất kỳ lĩnh vực tìm tòi khoa học nào cũng được quyết định về nhiều mặt bởi thông tin khoa học. Nhiệm vụ của các cơ quan thông tin, trước hết của Viện thông tin khoa học xã hội là giới thiệu cho các nhà khoa học xã hội nước ta phương hướng chính và những thành tựu mới của khoa học xã hội thế giới, những nghiên cứu lý luận mới nhất ở trong cũng như ngoài nước. Cần có quy chế để các ngành, các cấp cung cấp cho người nghiên cứu khoa học xã hội những thông tin chính xác, đầy đủ về thực trạng đất nước để tiến hành nghiên cứu nhằm đi đến những khái quát lý luận đúng đắn, sâu sắc.

2 - *Đi vào thực tiễn, tổng kết thực tiễn*. Lý luận được đề ra trên nền tảng thực tiễn, là kết quả sự khái quát kinh nghiệm thực tiễn, và như C.Mác nói, sẽ trở thành lực lượng vật chất khi thâm nhập quần chúng. Đảng ta và nhân dân ta phải tự mình tìm tòi và xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phù hợp với

Digitized by Google

những đặc điểm của nước ta. Việc nghiên cứu tổng kết thực tiễn cách mạng nước ta và kinh nghiệm mới của thế giới nhằm khái quát một cách thấu đáo, chuyển chúng thành tri thức khoa học để chỉ đạo các hoạt động thực tiễn là trách nhiệm của toàn Đảng, của các cấp, các ngành, trong đó có trách nhiệm của đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật. Nhưng thực tiễn đa dạng và phong phú đòi hỏi phải có phương pháp luận và phương pháp khoa học đúng đắn mới có thể tiến hành tổng kết có kết quả tốt. Những người nghiên cứu khoa học xã hội có nhiệm vụ phối hợp với cán bộ quản lý các ngành, các địa phương được sự chỉ đạo thống nhất theo đề án có mục tiêu, để tiến hành tốt công tác này.

Trên cơ sở thực tiễn, khoa học xã hội sẽ có điều kiện kiểm tra lại các luận điểm, khắc phục có hiệu quả chủ nghĩa giáo điều, nâng cao trình độ lý luận, phát hiện tính quy luật vận động của xã hội ta, đề xuất những bước đi, những biện pháp cụ thể phù hợp với đặc điểm đất nước, dân tộc và con người Việt nam. Trước mắt, cần coi trọng tổng kết thực tiễn trên những mặt chủ yếu của xã hội nước ta từ sau Đại hội VI đến nay theo quan điểm đổi mới của Đảng.

3 - *Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động nghiên cứu và quản lý khoa học xã hội nhằm phát huy tự do sáng tạo trong quá trình tìm tòi, khám phá chân lý.* Ăng-ghen đã chỉ ra rằng : "Các anh, tức là đảng, *cần* một khoa học xã hội chủ nghĩa, mà khoa học xã hội chủ nghĩa thì không thể có được nếu không có tự do phát triển"[(1)]. Trong một thời gian khá dài, ở nước ta chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính trị và khoa học. Do đó chưa phát huy tốt tự do sáng tạo của các nhà khoa học. Vì thế, xây dựng quy chế dân chủ trong hoạt động khoa học là hết sức cần thiết. Phải mở rộng dân chủ trong hoạt động khoa học, khuyến khích tranh luận, thảo luận khoa học, bảo đảm ý kiến tranh luận đều bình đẳng trước chân lý. Chống độc đoán, độc quyền, độc tôn trong hoạt động khoa học. Đồng thời, các nhà khoa học luôn luôn ý thức đầy đủ trách nhiệm của mình, không được lợi dụng tự do dân chủ làm phương hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

4 - *Mở rộng hợp tác quốc tế.* Tăng cường giao lưu quốc tế để tiếp cận, học hỏi những cái hay của thế giới, đồng thời để thế giới hiểu biết chúng ta một cách đúng đắn. Chú ý đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế. Điều quan trọng là chuẩn bị tốt cho đội ngũ cán bộ có đủ năng lực chuyên môn, có trình độ ngoại ngữ, vững vàng và nhạy cảm về chính trị để có đủ khả năng tiếp thu những tinh hoa và kinh nghiệm của thế giới, phục vụ cho yêu cầu của nước ta. Thực hiện quản lý tốt công việc hợp tác quốc tế, khắc phục sự phân tán và cục bộ trong lĩnh vực này, đồng thời xử lý tốt nguồn thông tin quốc tế phục vụ có hiệu quả cho các hoạt động ở trong nước.

5 - *Tăng đầu tư cho khoa học xã hội.* Do tính đặc thù của hoạt động khoa học xã hội, nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động đó là do nhà nước cấp. Cần điều chỉnh kinh phí cho khoa học xã hội với tỷ lệ thích đáng trong kinh phí nhà nước cấp cho khoa học và công nghệ. Cần có chính sách thỏa đáng chăm lo và tạo điều kiện về mặt vật chất để cán bộ khoa học nói chung và cán bộ khoa học xã hội nói riêng yên tâm làm khoa học.

6 - *Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cải tiến sự quản lý của Nhà nước đối với khoa học xã hội.* Hiện nay, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước trực tiếp giao cho khoa học xã hội nghiên cứu nhiều đề tài quan trọng. Quan tâm sử dụng những kết quả nghiên cứu làm căn cứ cho việc xây dựng, hoàn thiện các chính sách, là điều kiện hết sức quan trọng để định hướng và tạo thêm cơ sở cho việc phát triển khoa học xã hội ở nước ta. Những người làm khoa học xã hội mong rằng tổ chức đảng và chính quyền các cấp, các ngành, các cơ quan quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học xã hội, tạo những thuận lợi mới để anh chị em hoàn thành được nhiệm vụ của mình, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng nước ta.

---

(1) C.Mác-Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. VI, tr. 754

Digitized by Google

QUAN HỆ GIỮA LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ

LÊ HỮU NGHĨA *

VẤN đề quan hệ giữa lý luận và chính trị đã được đặt ra trong nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau. Tuy nhiên, đối với chúng ta hiện nay, vấn đề này vẫn còn nổi cộm. Vừa qua, ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa, kể cả nước ta, việc nhận thức và giải quyết không đúng mối quan hệ này, đã dẫn đến hoặc là kìm hãm sự phát triển của lý luận, làm cho lý luận bị lạc hậu, giáo điều, hoặc là lý luận tách rời chính trị, không phục vụ tích cực cho nhiệm vụ chính trị ; rốt cuộc đều gây thiệt hại cho sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, để phát huy vai trò của lý luận, đổi mới công tác lý luận, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, cần đi sâu, làm sáng tỏ thực chất mối quan hệ giữa lý luận (chủ yếu là lý luận của các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin) với chính trị, từ đó có căn cứ khoa học cho việc xử lý đúng đắn mối quan hệ này trong quản lý và lãnh đạo.

Xưa nay, một số nhà tư tưởng tư sản vẫn cố che giấu mối quan hệ giữa lý luận với chính trị, cố bày tỏ lý luận của mình đứng ngoài chính trị. Nhưng lịch sử đã minh chứng, thời nào cũng vậy, lý luận và chính trị có mối liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp, dưới hình thức này hay hình thức khác. Đặc biệt, ở chủ nghĩa Mác có sự liên kết chặt chẽ, thống nhất giữa lý luận và chính trị, vì vậy có thể coi nó là lý luận, là khoa học về chính trị của giai cấp công nhân. Trong chủ nghĩa Mác, tính tư tưởng và tính khoa học dung hợp nhau chứ không đối lập, bài trừ nhau như ở một số hệ tư tưởng khác. Bản thân Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, vừa là nhà tư tưởng vừa là nhà lý luận khoa học. Vì vậy, việc phá vỡ tương quan giữa lý luận và chính trị trong chủ nghĩa Mác, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến cả lý luận lẫn chính trị của giai cấp công nhân và quần chúng lao động.

Quan hệ giữa lý luận và chính trị là vấn đề phức tạp, ở đây thường nảy sinh những quan điểm cực đoan khác nhau.

Một hiện tượng khá phổ biến trong nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây là đồng nhất lý luận với chính trị, triết học với chính trị, khiến lý luận, triết học hoàn toàn lệ thuộc vào chính trị, làm mất đi vai trò *sáng tạo, khám phá, dự báo, gợi mở* vốn có của lý luận, hạ thấp tính khoa học của lý luận. Việc đồng nhất lý luận với chính trị, rốt cuộc, biến lý luận chỉ còn một chức năng duy nhất là *minh họa* các nghị quyết, quan điểm, đường lối chính trị của Đảng và nhà nước. Nhà lý luận chỉ còn là kẻ "ăn theo nói leo". Ở đây, cần khẳng định : lý luận phải có nhiệm vụ thuyết minh một cách *khoa học* những chủ trương, nghị quyết *đúng đắn* của Đảng và nhà nước. Song, đó *không phải là* nhiệm vụ duy nhất, cũng *không phải là* nhiệm vụ chủ yếu của lý luận. Đáng tiếc, nhiều khi tính đảng, tính chính trị của triết học, của lý luận bị hiểu thô thiển đến mức đem đồng nhất nó với nghị quyết của cấp ủy, với ý kiến của cấp trên. Từ đó, dẫn đến tình trạng nhà lý luận không dám nói những ý kiến của riêng mình, sợ bị truy chụp về tư tưởng. Ai nói khác hoặc nói ngược với cấp

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ triết học, Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

ủy, với cấp trên, thì bị coi là "thiếu tính đảng", "ý thức chính trị kém". Vì vậy, không khí chung trong hoạt động lý luận là xuôi chiều, thụ động, khiên cưỡng. Nhà lý luận thiếu sinh khí, thiếu tính chiến đấu, lãnh đạo bảo sao nghe vậy, ít ai dám nghĩ khác và nói khác với lãnh đạo, với cấp trên.

Trong điều kiện thiếu dân chủ trong Đảng và trong sinh hoạt lý luận như ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây, thì tình hình nói trên phải nói là khá phổ biến. Ở đấy, người lãnh đạo dễ có tâm lý muốn mọi người (kể cả các nhà lý luận) tuyệt đối phục tùng ý chí của mình. Quan niệm lý luận phục vụ chính trị bị hiểu lệch lạc đến mức bắt lý luận phải ra sức tán dương những quan điểm chính trị, dù những quan điểm đó sai lầm. Thậm chí, để tô vẽ cho một quan điểm nào đó, người ta cố khoác lên nó "tấm áo lý luận" bằng những thuật ngữ triết học, những câu trích kinh điển, những lập luận ra vẻ "cao siêu". Người ta đòi hỏi lý luận không những phải luận chứng cho đường lối chính trị chung của Đảng, mà còn phải cắt nghĩa cả những biện pháp chính trị cụ thể, có tính chất tạm thời. Lý luận, triết học không còn mang tính chất khoa học nữa, mà bị biến thành công cụ biện hộ cho mọi cái (kể cả chính trị tồi).

Để khắc phục sai lầm trên đây, cần xóa bỏ quan niệm đồng nhất lý luận với chính trị, càng không nên thay thế lý luận bằng chính trị (dù lý luận Mác - Lê-nin là lý luận gắn chặt với chính trị của giai cấp công nhân và đảng cộng sản). Lý luận có hệ thống khái niệm, phạm trù, quy luật, có lô gích nội tại của nó. Nó mang tính độc lập tương đối so với chính trị. Vì vậy, phải tôn trọng tính độc lập đó của lý luận. Độc lập, nhưng không đối lập với *chính trị đúng đắn* của Đảng. Đảng không nên đòi hỏi các nhà lý luận phải có những luận cứ đầy đủ cho từng biện pháp chính trị cụ thể, trước mắt. Sức mạnh của lý luận là sức mạnh định hướng để nhận thức bản chất, quy luật của hiện thực. Tư duy lý luận trước hết là tư duy từ tầm cao, từ chiều sâu những vấn đề lớn, những vấn đề có vị trí chiến lược của chính trị chứ không phải chạy theo mọi biện pháp chính trị cụ thể. Cùng với diễn biến của thời gian và hoàn cảnh, có thể có sự điều chỉnh các quan điểm và biện pháp chính trị cho phù hợp với tình hình cụ thể. Nếu cứ chạy theo các biện pháp chính trị cụ thể, trước mắt, lý luận sẽ khó tránh khỏi phạm sai lầm, tự đánh mất uy tín của mình, và như vậy cũng khó duy trì được tính ổn định và tính liên tục trong sự phát triển của mình.

Chính trị vô sản, xét đến cùng, là khoa học và là nghệ thuật. Song để thực sự trở thành khoa học và nghệ thuật, chính trị phải dựa trên những căn cứ vững chắc của lý luận, nhất là phép biện chứng mác xít. Ý thức chính trị và thực tiễn chính trị của Đảng phải được phản ánh trong lý luận khoa học, nhưng không vì thế nó có thể thay thế, càng không thể đứng trên, trùm lên lý luận khoa học. Xa rời lý luận khoa học, chính trị dễ rơi vào mù quáng, tự phát, do đó, phải trả giá đắt.

Chính trị là một hiện tượng xã hội rất phức tạp, nên không thể quy nó về một công thức chung duy nhất nào. Chính trị cũng không phải là một đại lộ thẳng tắp. Theo Lê-nin, chính trị giống đại số hơn là số học, và giống toán học cao cấp hơn là toán học sơ cấp. Vì vậy, lý luận dù xuất sắc đến mấy cũng không thể cung cấp đơn thuốc vạn năng, câu trả lời có sẵn cho mọi hoạt động chính trị, mọi vấn đề phát triển xã hội hiện tại và tương lai. Song, lý luận Mác - Lê-nin có thể và phải là cơ sở để luận chứng, định hướng cho việc nghiên cứu thực tiễn, nghiên cứu tình hình và phân tích mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội - cốt lõi của chính trị. Lý luận phải cung cấp những căn cứ khoa học cho đường lối, nghị quyết của Đảng. Đừng vì chính trị mà hạ thấp lý luận khoa học. Làm như vậy chỉ có hại cho cả chính trị lẫn lý luận khoa học, dễ làm cho người lãnh đạo chính trị sinh chủ quan, tự mãn.

Bên cạnh khuynh hướng đồng nhất lý luận và chính trị, một khuynh hướng cực đoan khác là muốn *tách rời* và *đối lập* lý luận với chính trị. Khuynh

Digitized by Google

hướng này là sự phản ứng tiêu cực đối với khuynh hướng thứ nhất, nó dẫn đến chỗ làm mất định hướng của lý luận, vô hiệu hóa lý luận, hạn chế vai trò cải tạo xã hội của lý luận. Lý luận Mác - Lê-nin nếu tách khỏi chính trị của giai cấp công nhân, sẽ mất sức sống. Nhờ gắn với chính trị mà lý luận có sức hấp dẫn đối với thực tiễn và qua đó phát huy được vai trò cải tạo thế giới, thoát ra khỏi vương quốc của "tư duy thuần túy", đến với thế giới hiện thực. Theo Hê-ghen, chính trị đem đến sự thể hiện cho những nguyên lý triết học của lẽ phải. Chính triết học, lý luận qua chính trị mà gần bó hơn với cuộc sống, mang được sức mạnh của lẽ công bằng. Xa rời chính trị vô sản, lý luận không tránh khỏi rơi vào "vòng tay" của những loại chính trị khác. Nhà lý luận không thể như kẻ đứng ngoài cuộc chỉ biết có phê phán, mà phải hòa nhập vào cuộc đời, nhiệt tâm tham gia vào thực tiễn chính trị của đất nước. Tính phê phán của lý luận cũng chính là sự tự phê phán mình. Hiện nay lý luận chân chính không thể đứng ngoài quá trình đổi mới xã hội do Đảng ta khởi xướng. Nó phải phục vụ mục tiêu của công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xét cho cùng, đó cũng là lý do tồn tại của lý luận cách mạng ở nước ta.

Để xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa lý luận và chính trị nhằm phát huy vai trò của lý luận trong quá trình đổi mới xã hội ta hiện nay, cần giải quyết một số vấn đề sau đây :

- Thật sự *coi trọng* và *tôn trọng* lý luận ; *tin* và *xóa bỏ định kiến* không đúng đối với các nhà lý luận ; có cơ chế và chính sách đúng nhằm phát huy *đội ngũ* các nhà lý luận của nhiều ngành (chứ không phải một số người) ; sử dụng các nhà khoa học có tâm huyết, trung thực, có lương tri và tài năng. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, tập hợp, sử dụng chuyên gia giỏi phải nhằm tạo ra một đội ngũ nhà khoa học có chức năng tư vấn và giám định các chủ trương lớn của Đảng. Nghiên cứu khoa học phải trở thành *khâu tất yếu* và *đầu tiên* của quá trình hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Trên cơ sở lý lẽ, biện giải và dự báo của các nhà lý luận, các nhà chính trị lựa chọn phương án giải quyết đúng đắn những vấn đề thực tiễn.

- Mở rộng và phát huy *dân chủ*, tiến tới có cơ chế thực hiện dân chủ trong nghiên cứu lý luận để mọi người có thể tự do tư tưởng, tranh luận, tiếp cận chân lý. Nhà lãnh đạo chính trị không nên ngại nghe "điều lạ" ; xóa bỏ mặc cảm của các nhà lý luận khoa học, sợ bị "chụp mũ", sợ mất "an toàn" khi nói ra ý nghĩ của mình. Hiện nay, đại đa số những người nghiên cứu và giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin là đảng viên. Phải giải quyết quan hệ giữa yêu cầu "nói và làm theo nghị quyết" với tự do tư tưởng trong nghiên cứu khoa học như thế nào ? Khi giảng dạy và tuyên truyền, người truyền bá phải nghiêm túc tuân theo các nghị quyết của Đảng. Chỗ cho người nghiên cứu được phát biểu ý kiến cá nhân của mình, là các cuộc sinh hoạt, hội thảo khoa học trong phạm vi nhất định ; có thể có những thông báo nội bộ giới lý luận về những ý kiến mà thấy đưa lên sách báo đại chúng không có lợi. Đảng cần tìm nhiều phương thức (kể cả định kỳ) lấy ý kiến đóng góp của các nhà lý luận về các vấn đề và trên các lĩnh vực khác nhau.

- Xây dựng *cơ chế* kết hợp có hiệu quả giữa các nhà lý luận với các nhà lãnh đạo của Đảng và nhà nước. Một mặt, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời những quan điểm, chủ trương của Đảng cho các nhà lý luận ; giúp họ nâng cao ý thức chính trị, tạo điều kiện cho họ gắn với thực tiễn địa phương và ngành mình. Mặt khác, quan tâm giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chung của những người lãnh đạo và quản lý, giúp họ nắm bắt những vấn đề lý luận mới. Trong hoạt động, người lãnh đạo chính trị cần được lý luận khoa học hướng dẫn. Điều đó không có nghĩa họ phải nắm trong tay toàn bộ chân lý. Người lãnh đạo không nên có thái độ độc quyền chân lý, lấy chức vụ và uy tín thay cho chân lý khoa học. Cần chú ý lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các nhà lý luận ; biết sử dụng họ làm chuyên gia, cố vấn cho mình một cách hữu hiệu.

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH : SỰ HỢP LƯU HAI DÒNG CÁCH MẠNG LỚN CỦA THỜI ĐẠI

Thiếu tướng BÙI PHAN KỲ *

THỰC tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, là khởi điểm và thước đo mọi luận thuyết chân chính. Nguyên lý này được chứng thực trong cuộc đời hoạt động sôi nổi lâu dài của Hồ Chủ tịch. Người đã khảo sát và thể nghiệm nó trên rất nhiều mặt ở khắp năm châu bốn biển, trong các tổ chức quốc tế và phong trào cách mạng nhiều nước Âu, Á, trước khi về chỉ đạo cách mạng ở trong nước. Chính nhờ có những hoạt động thực tiễn có giá trị nhất đối với một lãnh tụ cách mạng phương Đông mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có điều kiện để sàng lọc, lựa chọn và xử lý tinh tường nhất những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải hình thành một lúc, mà dần dần hình thành và phát triển cùng với quá trình hoạt động ngót 60 năm của Người, trước hết với thực tiễn ngót 20 năm sống trên mảnh đất quê hương đầy hào khí và trăn trở. Có thể xem tư tưởng Hồ Chí Minh như một phương pháp lớn - phương pháp Hồ Chí Minh - để xem xét và ứng xử một vấn đề có quan hệ đến vận mệnh một dân tộc, đến cuộc sống con người.

Không thể coi việc Nguyễn Ái Quốc tiếp thụ chủ nghĩa Mác - Lê-nin như một khu vườn ươm tiếp nhận một hạt giống mới. Phải thấy đây là quá trình tụ hội giữa hai trào lưu cách mạng : trào lưu nổi dậy của nông dân châu Á chống phong kiến đế quốc và trào lưu quật khởi của công nhân châu Âu chống đại tư bản công nghiệp. Đây còn là sự hợp lưu của hai nền văn hóa, hai nền triết học, của tinh hoa xã hội học phương Đông cổ với đỉnh cao xã hội học phương Tây hiện đại - chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Hai trào lưu đó không loại bỏ nhau mà bổ sung, củng cố lẫn nhau. Đương nhiên, cái hiện đại bao giờ cũng có ưu thế và giữ vai trò chủ đạo.

Như chúng ta đều thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu hiện sự chuẩn xác hiếm có mỗi khi cần ấn định mục tiêu, quyết định nhiệm vụ, xác định đường đi nước bước, xử lý các tình huống chiến lược, lựa chọn giải pháp, đề xuất ý kiến giải quyết các vấn đề trên nhiều lĩnh vực liên quan đến cách mạng Việt nam và cách mạng thế giới. Đương nhiên, đó chỉ có thể là kết quả của một trí tuệ cực kỳ sáng suốt, nhìn xa, trông rộng, dày dạn kinh nghiệm không dễ ai đã có được.

Chỉ riêng việc Nguyễn Ái Quốc ngay từ đầu đã khẳng định cần hướng thẳng tới Pa-ri để tìm con đường cứu nước đã là sự mở đầu của một phương pháp đúng : phương pháp trực tiếp quan sát chính nước đang trực tiếp thống trị nhân dân mình để có được nhận thức và biện pháp xử lý đúng đắn nhất. Và như thực tế cho thấy, có một điều quan trọng mà cho đến lúc ấy, các bậc tiền bối của Người, đầy tâm huyết và thông tuệ, nhưng vẫn chưa nhận ra. Đó là Nguyễn Ái Quốc, với kiến thức khá vững vàng về đạo lý phương Đông, đã phát hiện ngay tại xứ sở gây tai họa cho dân tộc mình, không phải chỉ có một mà có *hai* nước Pháp : một nước Pháp "hải ngoại", với chính sách cai trị tàn bạo, mang "tâm địa thực dân", nhưng lại rất tạm thời, nhỏ bé, bên cạnh một nước Pháp khác, vĩnh cửu và vĩ đại, "nước Pháp của đại cách mạng 1789, của công xã Pa-ri, của cuộc kháng chiến chống

* Phó giáo sư, Viện nghiên cứu chiến lược

Digitized by Google

Đức", với nền văn hóa rực rỡ, ôm ấp trong lòng khát vọng về sự giải phóng con người.

Chính cái tầm nhìn bao quát ấy đã cuốn hút Nguyễn Ái Quốc vào phong trào cách mạng của giai cấp công nhân Pháp, giúp Người rũ bỏ dần ốc dân tộc, một sắc thái chủng tộc vốn có của các sĩ phu trí giả trong nước, *thực hiện bước nhảy vọt từ mục tiêu giải phóng giống nòi sang mục tiêu giải phóng nhân dân, giải phóng con người*, trước hết là giải phóng "những người cùng khổ" ở các thuộc địa.

Cũng chính cái chân lý đầu tiên ấy đã giúp Nguyễn Ái Quốc có cách nhìn và đánh giá kẻ thù một cách chuẩn xác, không gắn nó với cả một dân tộc, một quốc gia, biết cô lập, phân hóa nó, không lẫn nó với đa số những người lương thiện, có lương tri trong nước nó. Chính cách nhìn ấy đã tạo ra trong suốt lịch sử hoạt động của Hồ Chủ tịch một hiệu quả khá đặc biệt : hầu như không bao giờ Người có hai đối thủ phải xử trí quyết liệt cùng một lúc.

Ở Người, quan điểm đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin được kết hợp nhuần nhuyễn với đạo lý truyền thống của Việt nam : "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo". Vì vậy, trước Người, kẻ thù thường bị đánh bại bằng sức mạnh tổng hợp, không chỉ bằng sức mạnh vật chất, quân sự mà Người có thể huy động, mà trước hết bằng sức mạnh tinh thần : *đạo lý, pháp lý* và *tâm lý*. Sức mạnh này tác động tới tận hậu phương, tới từng gia đình của đối phương, khiến kẻ đi làm việc ác cũng chẳng còn tin vào điều nghĩ, việc làm của chính mình. Bạo lực đối với Người chỉ là điều cực chẳng đã. Khi xung đột do lịch sử đặt ra đã được thanh toán, ở Người lại thấm đượm tinh thần triết học phương Đông : cởi bỏ thù oán, không có kẻ thù nào là vĩnh viễn cả. Trong nội bộ dân tộc, trừ những kẻ cố tình chống đối, tư tưởng Hồ Chí Minh thiên về quy tụ, tập hợp, hơn là phân hóa, đối lập.

Với quan điểm và tầm nhìn chiến lược ấy, Hồ Chí Minh có sức hấp dẫn lớn và có khả năng tập hợp lực lượng rất to lớn. Đó trước hết là tập hợp những bạn bè trong các dân tộc cùng chung cảnh ngộ, những bạn bè ngay trong đội ngũ của kẻ thù, trong các nước tư bản đế quốc, trong tất cả những người có lương tri trên thế giới. Từ đó hình thành những mặt trận nhân dân rộng rãi, tập hợp mọi lực lượng có thể tranh thủ được, biến thành sức mạnh to lớn và có hiệu quả để hướng tới mục tiêu. Tư tưởng chiến lược đó đặt cách mạng Việt nam thành bộ phận của cách mạng thế giới, đặt sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt nam vào quỹ đạo của cuộc đấu tranh rộng lớn giải phóng con người, cuộc đấu tranh giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa yêu chuộng hòa bình công lý và căm ghét chiến tranh, giữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và con đường đi theo chủ nghĩa tư bản.

Chính những cuộc khảo sát trực tiếp ở châu Phi, châu Mỹ la tinh, châu Âu, cùng những tư liệu sống động thu được qua hoạt động của "Hội liên hiệp các thuộc địa" đã giúp Nguyễn Ái Quốc nhìn rõ những lực lượng có thể huy động vào cuộc đấu tranh rộng lớn, những lực lượng mà Lê-nin cho đến khi mất, cũng mới cảm nhận được bằng tư duy lô gích và yêu cầu phong trào công nhân thuộc Quốc tế thứ ba phải triệt để ủng hộ.

Chỉ có bằng phương pháp khảo sát và thu thập tư liệu một cách khoa học, một thanh niên chưa đầy 25 tuổi như Nguyễn Ái Quốc, ngay từ những năm đầu thập kỷ 20, mới có thể chỉ ra sức mạnh to lớn của các dân tộc bị áp bức ở quy mô thế giới. "Những nước thuộc địa và nửa thuộc địa... có một diện tích rộng hơn 15 triệu ki lô mét vuông với số dân 1200 triệu người... Và mặc dầu dân số của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa bao giờ ra sức *tìm tòi thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng*, cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết quốc tế... *Họ có sẵn trong bản thân một sức mạnh vô cùng to lớn mà họ chưa biết*" (1). Chính Nguyễn Ái Quốc, bằng hành động thực tiễn của mình, đã cùng các dân tộc bị áp bức tìm tòi thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng, và cũng đã cùng họ làm mọi cách để biến cái "giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế" thành hiện thực, đưa lại cho họ cái "sức mạnh vô cùng to lớn mà họ chưa biết", biến khẩu hiệu "Vô sản tất cả

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr.210 (Đoạn chữ nghiêng do tác giả bài này nhấn mạnh)

Digitized by Google

các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại !" của Lê-nin thành hiện thực.

Đúng như học giả Nhật Sin-gô Xi-ba-ta đã viết : có ít người mác xít như Cụ Hồ, vì Cụ là người sinh trưởng ở thuộc địa hoặc đã sống như cuộc sống ở Việt nam hay các thuộc địa khác. Đó là điều đã tạo điều kiện cho Cụ khả năng *mở rộng hơn nữa lý thuyết về những vấn đề dân tộc và thuộc địa.*

Sẽ là sai lầm nếu cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đơn giản là sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn Việt nam. Trong báo cáo tại Đại hội II toàn Nga các tổ chức cộng sản của các dân tộc phương Đông (22-11-1919), Lê-nin căn dặn : "Ở đây, các đồng chí hiện đang có một nhiệm vụ mà xưa kia những người cộng sản trên toàn thế giới không có : trong khi dựa vào lý luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện đặc biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học cách vận dụng được lý luận và thực tiễn ấy vào nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân, nơi mà nhiệm vụ cần phải giải quyết không phải là đấu tranh chống tư sản, mà là đấu tranh chống những tàn tích thời trung cổ" [2].

Chính Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng yêu cầu đó. Người đã phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong việc thực hiện thành công "một nhiệm vụ mà xưa kia những người cộng sản không có", "nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân" trong những "điều kiện đặc biệt", khác hẳn bất cứ nơi nào ở châu Âu.

Là người dân một xứ nông nghiệp cổ kính, Nguyễn Ái Quốc sớm nhận rõ thực chất vấn đề giải phóng thuộc địa là giải phóng nông dân. Nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh không hề nhiễm quan điểm nông dân trong khi xem xét và xử lý mối quan hệ giữa các giai cấp xã hội, đặc biệt là vấn đề vai trò và vị trí của giai cấp nông dân trong tiến trình cách mạng.

Ngay tại Đại hội lần thứ nhất Quốc tế nông dân tháng 10-1923, Người đã đề xướng một luận điểm mang tính nguyên tắc về vấn đề này : *"Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân.* Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, mơn trớn nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan vô chính phủ và đi tới phản bội chủ nghĩa Lê-nin mà thôi" [3].

Có thể nói, điều hấp dẫn Nguyễn Ái Quốc đến với Quốc tế thứ ba là Luận cương của Lê-nin về dân tộc và thuộc địa. Nhưng điều biến Nguyễn Ái Quốc thành người cộng sản lại chính là luận điểm của Mác nói rằng "làm cách mạng để làm cho hoàn cảnh trở thành nhân đạo hơn với con người", tạo điều kiện cho mỗi con người tự do phát triển.

Thông qua Hồ Chí Minh, học thuyết về đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin hướng vào mục tiêu giải phóng người lao động, giải phóng con người, được ứng dụng như cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, cái nhân bản và cái phi nhân bản, nhằm chế ngự cái phi nhân của bọn bóc lột thống trị, để cho điều nhân nghĩa trong nhân dân lao động được tự do phát triển. Mặt bạo lực và chuyên chính không hề bị đẩy tới cực đoan, như đã bị lạm dụng ở nơi này nơi khác.

Giữ vững truyền thống "thương người như thể thương thân" của đạo lý Việt nam, thấm nhuần tư tưởng nhân đạo bao trùm lý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, *tư tưởng Hồ Chí Minh với sợi chỉ đỏ xuyên suốt là lòng nhân ái,* không bó hẹp trong đạo *nhân* của người quân tử như Khổng Tử nói : "quân tử nhi bất *nhân* giả hữu hĩ, vị hữu tiểu nhân nhi *nhân* giả dã" (nghĩa là "chỉ người quân tử mới có đạo *nhân*, kẻ tiểu nhân không thể có"). Nhân ái trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa mang lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản là giải phóng loài người, xóa bỏ bất công, vừa bao hàm đức độ của dân tộc Việt nam là "lấy chí nhân thay cường bạo", vừa mang mầu sắc của nền văn hóa phương Đông là từ bi, bác ái.

Biểu hiện tập trung của tư tưởng Hồ Chí Minh là lòng thương yêu không bờ bến đối với đồng bào, không chỉ với nhân dân nước mình, mà cả đối với

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 39, tr 372

(3) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 26 - 27

Digitized by Google

nhân dân các nước khác, vượt qua mọi ranh giới quốc gia, dân tộc, phe phái... Cả những kẻ đang bị đế quốc phản động lợi dụng, vẫn được mở đường hối cải để hưởng sự khoan dung, độ lượng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nhắc nhở một cán bộ tác chiến không nên dùng từ "trận đánh đẹp" (vì diệt được nhiều giặc). Đã phải giết nhiều sinh mệnh, thì không nên coi là đẹp.

Trước năm 1991, ít ai biết rằng, ngày 19-12-1946, sau khi đọc *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Người có ngay lời kêu gọi nhân dân Pháp (được công bố gần đây trong cuốn "Hồ Chí Minh từ Đông dương đến Việt nam" của Đ. Ê-mô-ri, xuất bản tháng 11-1990 tại Pa-ri) : "Hỡi nhân dân Pháp ! Chúng tôi yêu mến các bạn và mong muốn hợp tác với các bạn trên tình thân hữu... bởi vì chúng ta cùng chung lý tưởng... chính bọn phản động thuộc địa làm ô danh nước Pháp...

Các bạn binh lính Pháp ! Giữa chúng tôi và các bạn không hề có một mối căm ghét, một sự thù oán nào. Chính là vì lợi ích ích kỷ của bọn phản động thuộc địa mà chúng khiêu khích, gây ra thù địch nhau...".

Ngày 22-9-1946, trong thư trả lời bà Sôt-xi trong Hội liên hiệp phụ nữ Pháp, Người đã gửi những lời tâm huyết đến tất cả phụ nữ Pháp có người thân đang làm quân dịch ở Đông dương. Có thể coi những lời này là chính sách cơ bản từ đó đến nay đối với nhân dân các nước có xung đột với ta. Người viết : "Nếu những thanh niên Pháp đến Việt nam như những công nhân, kỹ thuật viên hoặc nhà bác học thì tôi xin bảo đảm với các bà rằng họ sẽ được đón tiếp nồng nhiệt như những người bạn, những người anh em. Nhưng một khi những người này đến với tư cách là những kẻ đi chinh phục có vũ trang... sự đối địch là điều không thể tránh khỏi... Cuộc huynh đệ tương tàn này phải chấm dứt... Theo tinh thần bốn bể đều là anh em, tôi yêu mến thanh niên Pháp cũng như yêu mến thanh niên Việt nam. Đối với tôi, sinh mệnh của người Pháp hay sinh mệnh của một người Việt nam đều đáng quý như nhau. Tôi thành thực mong thanh niên Pháp và thanh niên Việt nam hiểu biết lẫn nhau và yêu mến nhau như anh em".

Cho đến hôm nay, người Pháp đã trở lại Việt nam lần lượt bằng cả hai cách. Và cả hai cách tiếp đón đều đã xảy ra. Hầu như không có "sai số" so với lời cam đoan của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các bà mẹ Pháp cách đây gần nửa thế kỷ !

Bằng con mắt lịch lãm của người quen khảo sát, Hồ Chí Minh theo đuổi mục tiêu, lý tưởng chủ nghĩa xã hội, vui mừng trước những thành tựu rất lớn đã đạt được ở quê hương Cách mạng Tháng Mười và ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Nhưng cho đến thập kỷ 40, vẫn chưa thấy một mẫu hình nào thật phù hợp với chế độ tương lai ở Việt nam. Đầu năm 1941, trong "Tài liệu huấn luyện cán bộ cho sự nghiệp giải phóng", Người đã phác họa một mẫu hình cho xã hội *dân chủ mới* (tân dân chủ). Theo Người, xã hội đó cốt nhằm ba mục đích : dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc... khác hẳn với chủ nghĩa độc tài phát xít của bọn tư sản tài chính Anh, Mỹ..., cũng không giống chủ nghĩa xô viết của vô sản chuyên chính ở Nga..., cũng không giống chế độ dân chủ đại nghị thối nát ở Pháp... Nó có tính chất hoàn toàn Việt nam. Nó dựng lại một nước Việt nam dân chủ cộng hòa hùng cường và tiến bộ.

Rõ ràng, tư tưởng Hồ Chí Minh loại bỏ con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng cũng không thể lấy chế độ xô viết ở Nga năm 1941 làm mẫu cho chế độ xã hội tương lai ở nước ta. Người đề xướng một chế độ xã hội tiến bộ hoàn toàn Việt nam, lấy *DÂN* làm *nhân vật trung tâm*. Ngoài mục tiêu độc lập dân tộc, Người nhấn mạnh *dân quyền* (tự do), *dân sinh* (hạnh phúc), và rất coi trọng nâng cao *dân trí*. "Một chế độ xã hội tiến bộ", đó chính là chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải "hoàn toàn Việt nam", đó là gắn chặt chủ nghĩa xã hội với độc lập dân tộc, nêu cao ý chí tự lực, tự chủ, không coi nhẹ sự giúp đỡ quốc tế.

Coi dân là nhân vật trung tâm, đưa dân lên địa vị làm chủ xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh yêu cầu mọi công cụ chuyên chính vô sản trước sau phải làm tròn chức năng người đầy tớ trung thành của nhân dân, không được lên mặt làm "quan cách mạng". Vào lúc chủ nghĩa xã hội thế giới gặp cơn khủng hoảng lớn, ở nhiều nơi, sau khi đẩy học thuyết đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản tới chỗ cực đoan, người ta lại la hoảng lên : "chúng ta đã đánh mất tính người trong

Digitized by Google

chủ nghĩa xã hội" ! Ở đâu đánh mất, thì xin ở đó hãy bình tĩnh lấy lại ! Còn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, từ lời nói đến chủ trương, chính sách, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản luôn luôn được nêu cao, vượt mọi ngăn cách về biên giới, mầu da, chủng tộc. Nhà nghiên cứu Gioóc-giơ Bu-đa-ren, trong cuốn "Ảnh hưởng và phong cách riêng trong đường lối và thực hành của Đảng cộng sản Việt nam" (Nhà xuất bản Westwiew - Colorado 1980), đã thừa nhận : "Đảng cộng sản Việt nam có thể là một đảng duy nhất chưa bao giờ tạo ra một trò cười cho thiên hạ về các cuộc đấu tranh nội bộ... Trong nội bộ những người cộng sản Việt nam có thể có các cuộc tranh luận tuy nóng bỏng nhưng chưa bao giờ phát triển đến mức đối lập, dẫn đến các cuộc xung đột cá nhân công khai... Đại đoàn kết của ông Hồ là chiến thuật hàng đầu...".

Gắn chặt tinh thần "bốn biển là anh em, thế giới đại đồng" của triết học phương Đông, chủ nghĩa quốc tế công nhân trong tư tưởng Hồ Chí Minh không gợn một chút gì mang tính đố kỵ, bài ngoại. Hồ Chủ tịch nhiều lần chỉ rõ đầu óc vị kỷ dân tộc cũng là một dạng chủ nghĩa cá nhân ở quy mô dân tộc. Người yêu cầu mỗi người Việt nam biết yêu mến Tổ quốc mình cũng phải biết tôn trọng các dân tộc, quốc gia khác. "Giúp nước bạn tức là mình tự giúp mình. Nêu cao tinh thần quốc tế, tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán, kính yêu nhân dân các nước bạn" *(Thư gửi các đơn vị có nhiệm vụ giúp quân đội bạn*, ngày 3-4-1953).

Sau khi chính quyền xô viết đã thiết lập được 5 năm, năm 1922 Lê-nin còn phải kêu gọi : bảo vệ những người không phải Nga khỏi sự xâm lấn của người Nga chính cống, của tên sô vanh Đại - Nga, thực chất là một tên đê tiện và bạo ngược [4]. Người yêu cầu phân biệt chủ nghĩa dân tộc của dân tộc lớn khác với chủ nghĩa dân tộc của dân tộc nhỏ, chủ nghĩa dân tộc của dân tộc thống trị khác với chủ nghĩa dân tộc của dân tộc bị thống trị. Người khẳng định : không có gì kìm hãm sự phát triển và sự vững chắc của khối đoàn kết giai cấp vô sản bằng sự bất công dân tộc [5]. Ngày nay, hình tượng Lê-nin bị hạ xuống ở đâu thì ở đó các khuynh hướng "chủ nghĩa sô vanh" kiểu dân tộc lớn và dân tộc nhỏ, mà Lê-nin đã phê phán, lại mọc lên như nấm. Sự đồng tình rộng rãi với chính sách của Việt nam muốn làm bạn với tất cả các nước càng chứng minh : chính sự kết hợp hài hòa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng kiểu Hồ Chí Minh, đã giữ vững sự nghiệp cách mạng trên dải đất này.

(4) (5) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 408, 411

VỀ CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 15)

mở một vài khóa đặc biệt đào tạo lớp cán bộ trẻ thật sự có triển vọng trở thành đầu đàn trên một số lĩnh vực khoa học lý luận mũi nhọn.

Cần sớm đổi mới các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ lý luận, cán bộ khoa học nói chung. Trong cải cách chế độ tiền lương, cần từ bỏ quan điểm sắp xếp cán bộ khoa học theo khung bậc hành chính, bởi cách này chỉ khuyến khích người ta "làm quan" chứ không ai muốn làm khoa học.

Tăng cường cung cấp thông tin, mở rộng giao lưu quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học và các cơ quan khoa học tiếp cận rộng rãi và nhanh nhạy với những phát triển mới của thế giới, đó là điều kiện không thể thiếu trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ lý luận giỏi.

Nghị quyết 01-NQ/TW của Bộ chính trị là kim chỉ nam cho hoạt động lý luận của chúng ta trong giai đoạn hiện nay. Quán triệt sâu sắc những quan điểm tư tưởng, nhiệm vụ, phương hướng và phương châm chỉ đạo được nêu trong Nghị quyết của Bộ chính trị là bảo đảm cơ bản cho giới lý luận và khoa học xã hội chúng ta giành thắng lợi trong hoạt động lý luận, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn có tính bước ngoặt hiện nay của đất nước trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

NƯỚC LẤY DÂN LÀM GỐC - NÉT CHỦ ĐẠO TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TIẾN HẢI

Từ ngàn xưa, Khổng Tử đã đưa ra luận điểm nổi tiếng : "dân vi bang bản" (dân là gốc của nước), "quốc dĩ dân vi bản" (nước lấy dân làm gốc). Sau đó, tư tưởng này của Khổng Tử được Mạnh Tử bổ sung, phát triển thêm thành : "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (dân là quý, quốc gia là sau đó, còn vua thì nên xem nhẹ). Tiếp thu các tư tưởng đó của Khổng, Mạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thường khẳng định tương tự như vậy.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, nhất là khi tiếp cận với tư tưởng dân chủ, dân quyền của cách mạng tư sản Âu, Mỹ và sau đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng đó ở Hồ Chí Minh càng ngày càng được bổ sung và phát triển một cách hoàn chỉnh. Người nhiều lần khẳng định dứt khoát rằng : "Nước lấy dân làm gốc" (1); "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào" (2).

1 - Nước lấy dân làm gốc, theo tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết có nghĩa là phải *tin tưởng vững chắc vào sức mạnh to lớn và năng lực sáng tạo của nhân dân ; phải đánh giá đúng vai trò, lực lượng của nhân dân ; coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân.*

Quần chúng sáng tạo ra lịch sử và thúc đẩy lịch sử không ngừng phát triển. Chân lý đó đã được Lê-nin khẳng định rất sớm và rất đầy đủ. Người chỉ rõ : "Chỉ có người nào tin tưởng vào nhân dân, dấn mình vào nguồn sáng tạo sinh động của nhân dân, mới là người chiến thắng và giữ được chính quyền" (3).

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thường khẳng định : "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân" (4) ; "Trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân" (5) ; "Gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân" (6). Người còn vạch rõ, sức mạnh của lực lượng quần chúng là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Làm việc gì cũng phải có quần chúng ; không có quần chúng thì việc nhỏ mấy, dễ mấy làm cũng không xong ; có lực lượng quần chúng thì việc khó mấy, to mấy làm cũng được ; dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong.

Trên cơ sở những đánh giá chung về sức mạnh to lớn và năng lực sáng tạo của quần chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích một cách sâu sắc và khoa học lực lượng quần chúng ở nước ta trong từng thời kỳ cách mạng và khẳng định địa vị lãnh đạo của giai cấp công nhân, khẳng định vai trò chủ lực của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Vì thế, trong tiến trình cách mạng, giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính đảng tiên phong của mình đã liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân, trên cơ sở đó tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động khác và các lực lượng tiến bộ thành một mặt trận rộng rãi, một lực lượng quần chúng cách mạng to lớn. Đó chính là lực lượng sáng tạo ra những kỳ tích lịch sử và quyết định những thắng lợi của cách mạng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Quần chúng có sức mạnh to lớn và năng lực sáng tạo phi thường. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ,

(1)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t.5, tr 77
(2) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. II, tr. 183
(3)V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t.35, tr. 68 - 69
(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t.7, tr.544
(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*,t.5, tr. 77
(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr.79

Digitized by Google

sức mạnh to lớn và năng lực sáng tạo đó chỉ được phát huy khi có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính. Trách nhiệm lãnh đạo của Đảng ta chính là khơi dậy, tổ chức và phát huy cho được sức mạnh to lớn của nhân dân.

2 - Nước lấy dân làm gốc, theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng có nghĩa là phải thấu triệt quan điểm : *Tất cả vì lợi ích của nhân dân lao động.*

Quan điểm này không thể dừng lại ở câu chữ, dừng lại ở những nghị quyết, những văn bản, mà phải được thể hiện ở những việc làm và những hành động thực tế như : thật sự thương yêu nhân dân ; quan tâm đầy đủ đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; có kế hoạch thiết thực, tích cực để nâng cao dân trí...

Đảng ta là đảng cầm quyền. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì thế, Đảng và Nhà nước phải chịu trách nhiệm trước hết và chịu trách nhiệm cao nhất trước nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : Đảng và Chính phủ phải hết sức chăm lo đến đời sống của nhân dân. "Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi".(7)

Mục tiêu cơ bản của cách mạng nước ta theo cách diễn đạt đơn giản, dễ hiểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Đó chính là mô hình một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa. Mô hình nêu trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Đảng ta bổ sung và phát triển một cách cụ thể hơn trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.* Cương lĩnh ghi rõ : "Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội :

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới"(8).

Dù diễn đạt theo cách nào thì một vấn đề nổi trội lên vẫn là : *nhân dân phải là người chủ quản lý xã hội và phải được hưởng tự do,hạnh phúc thật sự.*

Chăm lo đến đời sống của nhân dân, nhất là trong hoàn cảnh nước ta còn nghèo thì một yếu tố quan trọng phải chú ý thực hiện cho tốt đó là sự công bằng. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc, trong phân phối có hai điểm quan trọng phải luôn luôn nhớ, đó là không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng, không sợ nghèo chỉ sợ lòng dân không yên.

Chăm lo đến đời sống của nhân dân, thương dân phải thể hiện bằng những hành động cụ thể, chứ không phải chỉ là những lời nói suông. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải nêu gương trước về vấn đề này. Và, bản thân Người đã thực hiện rất nghiêm túc điều đó.

Trước lúc đi xa, Người còn căn dặn : "Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*"(9). Kế hoạch (chủ trương, chính sách) tốt theo Người bao giờ cũng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và trình độ của nhân dân. Đánh giá chủ trương, chính sách của chúng ta đúng hay sai, tốt hay xấu là phải nhìn ở chỗ đa số quần chúng nhân dân có phấn khởi, đồng tình, hăng hái thực hiện hay không ; sản xuất có được đẩy mạnh, kinh tế có phát triển, đời sống của nhân dân có ổn định và từng bước phát triển hay không ; quốc phòng, an ninh có được giữ vững hay không. Những chủ trương, chính sách không đi được vào cuộc sống, không hợp với lòng dân, không được quần chúng phấn khởi đón nhận, thì dứt khoát phải xem xét lại cơ sở khoa học và tính đúng đắn

(7)Hồ Chí Minh : *Sđd*, t.7, tr. 260 - 261
(8)*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr. 8 - 9
(9)Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t.II tr. 542

Digitized by Google

của nó. Khi đã có chủ trương chính sách đúng rồi, cán bộ, đảng viên phải tuyên truyền giác ngộ, phát động quần chúng, tổ chức, lãnh đạo quần chúng, đoàn kết quần chúng xung quanh Đảng, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của quần chúng trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

3 - Nước lấy dân làm gốc, theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn có nghĩa là *phương pháp lãnh đạo và tác phong công tác phải theo quan điểm quần chúng*.

Quan điểm quần chúng ở đây có nội dung rất cụ thể. Đó là : tôn trọng, phát huy quyền làm chủ của quần chúng ; học hỏi, lắng nghe ý kiến của quần chúng ; đi sâu đi sát, liên hệ mật thiết với quần chúng ; thành thật tự phê bình và tiếp thu sự phê bình của quần chúng ; gương mẫu trước quần chúng ; không theo đuôi quần chúng và chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Nói tóm lại, trong quan điểm quần chúng có hai điểm nổi bật lên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm : *một là*, tôn trọng, thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân ; *hai là*, nêu cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa quan liêu.

- Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của quần chúng là bảo đảm quyền làm chủ trên thực tế của quần chúng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, phát huy cao độ tính tích cực chính trị xã hội và sự sáng tạo của họ trong sự nghiệp cách mạng. Đồng tình với quan điểm của Liêu Tôn Nguyên - danh sỹ đời Đường - cho rằng người đi làm quan là "dân dịch" (làm việc cho dân) chứ không phải là "dịch dân" (bắt dân làm việc cho mình), Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc mọi cán bộ, đảng viên phải "thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng" ra lệnh, ra oai".

Để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, phải có luật pháp và phải kiên quyết trấn áp những hành động vi phạm luật pháp, chống lại nhân dân. Nơi nào dung túng cho bọn lộng quyền, bọn tham nhũng, ăn cắp của công, bọn đầu cơ buôn lậu, bọn lưu manh côn đồ phá hoại an ninh, trật tự xã hội thì ở đó quyền làm chủ của nhân dân không được bảo đảm. Không có pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, thì quyền làm chủ của nhân dân chỉ thuần túy là khẩu hiệu, không thể trở thành hiện thực được.

Tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân phải bồi dưỡng nâng cao sự hiểu biết của nhân dân về dân chủ. Nghĩa là phải *"làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm"* (10). Dân chủ vừa là giá trị nhân loại, vừa là thiết chế xã hội. Dân chủ vừa mang tính nhân loại vừa mang tính giai cấp. Trình độ dân chủ đi liền với trình độ văn minh. Không có văn minh thì không có dân chủ, và dân chủ chính là để vươn tới văn minh. Dân chủ của nước ta là dân chủ xã hội chủ nghĩa, là dân chủ của số đông, là quyền lực thực sự thuộc về nhân dân lao động. Dân chủ tư sản đi liền với chuyên chính tư sản, còn dân chủ xã hội chủ nghĩa đi liền với chuyên chính vô sản. Đánh giá nền dân chủ của một chế độ xã hội nào đó, không thể chỉ căn cứ vào những khẩu hiệu nó nêu ra, mà phải xem nó thực thi những khẩu hiệu đó như thế nào. Chế độ tư bản nêu ra những khẩu hiệu rất kêu về dân chủ, nhưng đó chỉ là một cái cạm bẫy và một cái mồi giả dối đối với những người bị bóc lột, đối với những người nghèo... Cần trang bị những kiến thức cơ bản như vậy về dân chủ cho quảng đại quần chúng. Khi quần chúng không có những kiến thức tối thiểu về dân chủ, về pháp luật, thường dẫn đến tình trạng : *một là*, không biết mình có quyền làm chủ cho nên khi quyền đó bị vi phạm cũng không đấu tranh để đòi lại ; *hai là*, dễ bị kẻ địch lợi dụng, kích động, dẫn đến đấu tranh vô nguyên tắc, có những hành động quá khích.

- Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm quần chúng cũng chính là vấn đề đạo đức cách mạng và tình cảm cách mạng. Theo Người, đó không phải là cái gì cao xa, hoặc từ trên trời rơi xuống, mà là những điều bình thường, hết sức cụ thể, dễ hiểu, nhưng thực hiện nó không phải dễ dàng nếu "không có ý chí rèn luyện, không bền gan phấn đấu".

Người có quan điểm quần chúng là người luôn luôn biết đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân, của dân tộc lên trên hết ; biết giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Đảng, của nhân

(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr. 225.

Digitized by Google

dân,của dân tộc khi trong mối quan hệ đó nảy sinh những mâu thuẫn.

Người có quan điểm quần chúng là người liên hệ mật thiết với nhân dân, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân, khéo tổ chức và lãnh đạo nhân dân ; bằng lời nói và hành động của mình làm cho dân tin,dân phục, dân yêu, từ đó tuyên truyền và vận động nhân dân một cách có hiệu quả. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường căn dặn cán bộ, đảng viên : *"phải* nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, thành tâm học hỏi quần chúng, kiên quyết dựa vào quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. *Phải* thật thà, ngay thẳng, không được giấu dốt, giấu khuyết điểm, sai lầm. *Phải* khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo ; phải thực sự cầu thị, không được chủ quan" (11).

Người có quan điểm quần chúng là người có ý thức tổ chức kỷ luật cao, không độc đoán cá nhân, tự cho phép mình cao hơn tổ chức, tự cho phép mình đứng ngoài kỷ luật. Ý thức tổ chức kỷ luật phải được thể hiện cả trong suy nghĩ lẫn trong hành động, cả trong cách nói năng lẫn trong quan hệ giao tiếp ứng xử hằng ngày với nhân dân.

Người có quan điểm quần chúng thì lời nói phải đi đôi với việc làm, làm nhiều hơn nói. Nhân dân thường đánh giá cán bộ, đảng viên thông qua những lời nói và việc làm cụ thể hằng ngày. Nói một đằng, làm một nẻo là điều tối kỵ đối với người cán bộ cách mạng. Một sự bất tín, vạn sự bất tin. Người cán bộ khi không được dân tin, dân phục, dân yêu, thì chỉ là "người vô tích sự, không làm nên trò trống gì".

Người có quan điểm quần chúng là người có ý thức tự phê bình và phê bình rất cao. Phê bình phải đi liền với tự phê bình. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra cái căn bệnh thường thấy của cán bộ ta là chỉ biết phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình mình ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Người chỉ rõ : "Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng lắng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ. Lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi" (12).

Người có quan điểm quần chúng là người có lối sống trong sạch, lành mạnh, không xa hoa lãng phí, hủ hóa, tham ô, không có tư tưởng đặc quyền, đặc lợi. Ngay từ những năm đầu, khi ta mới giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiêm khắc chỉ ra những biểu hiện thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Đó là tình trạng : "Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được làm ủy viên này,chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon, mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công... Có những đồng chí còn giữ thói "một người làm quan cả họ được nhờ", đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này, việc kia, làm được hay không mặc kệ, hỏng việc đoàn thể chịu, cốt cho bà con bạn hữu có địa vị là được" (13).

Người có quan điểm quần chúng còn là người luôn luôn gương mẫu trước quần chúng ; hòa mình với quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng. Bởi vì : "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước" (14).

*

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Công cuộc đổi mới mang tính cách mạng do Đảng đề xướng cũng là sự nghiệp của quần chúng. Muốn đưa đất nước nhanh chóng thoát khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế, xã hội, muốn cho sự nghiệp đổi mới thành công, thì phải có lực lượng quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì thế, tư tưởng "nước lấy dân làm gốc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn nóng hổi tính thời sự và có giá trị chỉ đạo to lớn đối với sự nghiệp đổi mới của chúng ta hôm nay.

---

(11)Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr. 156 - 157
(12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr.112 - 113
(13) Hồ Chí Minh : *Sđd* tr.31 - 32
(14) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t.5, tr.184

Digitized by Google

BÀN THÊM VỀ ĐIỀU TIẾT KẾ HOẠCH VÀ THỊ TRƯỜNG

HOÀNG ĐẠT*

MẶC dù đã được bàn luận nhiều trong những năm gần đây, nhưng từ thực tiễn đổi mới cơ chế kinh tế và cơ chế quản lý theo hướng chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, chủ đề này đã có một số vấn đề dần sáng tỏ.

1 - Điều tiết nền kinh tế bằng kế hoạch trong điều kiện nước ta, vừa có những nét *chung*, mang tính phổ biến của nền kinh tế thị trường, vừa có những nét *riêng*, gắn với mô hình kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chứ không chỉ đơn thuần là "hướng dẫn hành vi" của các tổ chức kinh tế cơ sở, như ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển.

Kế hoạch là sản phẩm chủ quan của con người, nhưng nó không phải là sản phẩm duy ý chí mà là kết quả của quá trình tính toán và cân nhắc nhiều thông tin và thông số nhằm thực hiện các mục tiêu : bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội ; duy trì cân bằng tổng thể ; điều chỉnh hoạt động của các đối tượng quản lý ; tạo ra cơ cấu mới để kích thích phát triển.

Trường phái "thị trường hóa", khi đánh giá cơ chế kế hoạch hóa và định hướng phát triển cho nó, thường chỉ quan tâm tới mục tiêu đầu, mà ít chú ý các mục tiêu sau. Trường phái này, cũng ngại đề cập sự can thiệp trực tiếp cần thiết vào thị trường.

Từ thực tiễn hoạt động của thị trường những năm gần đây, bên cạnh mặt tích cực mà cơ chế thị trường đem lại, cũng có những khuyết tật mà ta chưa lường hết. Đương nhiên, hậu quả không chỉ có hại cho nền kinh tế nói chung, mà cả cho nhiều đơn vị cơ sở.

Như vậy, có thể khẳng định rằng : *Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn quá độ, nguyên tắc vận hành chủ yếu và bao trùm của nền kinh tế là nguyên tắc thị trường, nhưng là thị trường phát triển theo định hướng kế hoạch, có sự quản lý của nhà nước, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ*. Những định hướng đó, được xác định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, trong các kế hoạch dài hạn, trung hạn và các chương trình kinh tế lớn.

Sự can thiệp của nhà nước vào thị trường chủ yếu là gián tiếp (thông qua các chính sách kinh tế, luật pháp, kế hoạch hướng dẫn và các công cụ kinh tế khác). Điều đó không loại trừ sự can thiệp của nhà nước trực tiếp bằng thực lực hàng hóa khi thị trường có biến động lớn, đặc biệt về những hàng hóa thiết yếu đối với sản xuất và đời sống của nhân dân. Thực tiễn cuối năm 1991 cũng đã cho ta thấy : dự trữ vàng và ngoại tệ của nhà nước ta không nhiều, nhưng nếu nhà nước không thả nổi mà có biện pháp can thiệp cần thiết, thì thị trường này vẫn có thể có sự chuyển biến theo hướng tích cực.

Như vậy, để thực hiện chủ trương đổi mới cơ chế quản lý theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, nhà nước ta không thể phó mặc cho thị

* Giáo sư, Viện trưởng Viện kinh tế kỹ thuật thương mại.

Digitized by Google

trường tự điều tiết, mà cần có phương án chủ động ứng phó với những thay đổi đột biến của thị trường. Ví dụ : cần chú ý cân bằng cán cân thương mại, cân đối tổng cung - tổng cầu những mặt hàng chủ yếu, kết hợp các phương án kế hoạch với điều hành thị trường v.v.. Thử hình dung mặt trận lương thực, nếu nhà nước ta không có chủ trương chặt chẽ về cân đối lương thực giữa hai miền, về điều tiết giữa tiêu dùng nội địa và xuất khẩu, về chấn chỉnh khâu dự trữ lưu thông và dự trữ quốc gia, thì làm sao có được những chuyển biến tích cực như vừa qua ?

2 - Cơ chế điều tiết thị trường, về thực chất, là cơ chế tự điều chỉnh. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đây là cơ chế điều tiết khách quan theo các quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh. Thông qua hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa, cơ chế thị trường với sự dẫn dắt của giá cả, làm cho sản xuất trực tiếp giáp mặt với tiêu dùng, cung ứng cọ xát với nhu cầu. Vì vậy, cơ chế thị trường có tác động điều tiết sản xuất, điều tiết tiêu dùng và đầu tư, làm cho cơ cấu sản xuất và cơ cấu hàng hóa phù hợp với khối lượng và chất lượng nhu cầu.

Từ quan hệ vận động phức tạp, thông qua cơ chế tự điều chỉnh rất tinh tế (A-đam Xmít gọi là quy luật "bàn tay vô hình"), thị trường biểu hiện gần đúng nhu cầu xã hội về hàng hóa, và gắn liền với sự vận động của nó, là khối lượng tiền cần thiết trong lưu thông, chỉ số giá cả, tỷ giá, v.v..

Trong cơ chế quản lý cũ, với niềm tin tuyệt đối nhưng thiếu căn cứ khoa học vào khả năng của nhà nước, từ tầm cao của mình, có thể tính toán, xác định và cân đối mọi nhu cầu từ A đến Z, nên ta đã đề cao quá mức vai trò của kế hoạch hóa tập trung và phủ định vai trò của thị trường.

Từ năm 1989 trở lại đây, ngay trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn thấp kém (cung cầu mất cân đối, lạm phát kéo dài...), cơ chế thị trường chỉ mới được áp dụng, cũng đã cho thấy rõ mặt tích cực : đáp ứng nhanh nhạy nhu cầu ; cơ cấu mặt hàng phong phú, đa dạng ; cạnh tranh theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả... Trên thị trường nội địa, tuy sức mua còn thấp, mức lưu chuyển hàng hóa xã hội tăng chưa bao nhiêu, nhưng bộ mặt thị trường đã có những thay đổi rất cơ bản, nổi bật nhất là không còn tình trạng khan hiếm hàng hóa như những năm trước.

Nhờ chuyển sang cơ chế thị trường, trước những biến động to lớn và nghiệt ngã của thị trường Liên xô (trước đây) và Đông Âu (chiếm tới 70 - 80% tổng kim ngạch ngoại thương của ta những năm trước đây), chúng ta vẫn bảo đảm cho kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển và đạt những thành tựu hơn hẳn so với thời kỳ 1981 - 1985. Tổng kim ngạch xuất khẩu thời kỳ 1986 - 1990 đạt 6,85 tỷ rúp và đô la (bằng 2,37 lần thời kỳ 1981 - 1985). Riêng năm 1990 đạt 2,2 tỷ rúp và đô la (bằng 3,27 lần năm 1985).

Chính với những thành tựu và kinh nghiệm rút ra từ quá trình đổi mới theo hướng chuyển sang cơ chế thị trường, mà Đại hội VII của Đảng đã khẳng định rằng : *"thị trường* có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả ; *nhà nước* quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường..." (1)

Các văn kiện chính thức cũng như các hội thảo, tập san, tạp chí đã phân tích nhiều về các mặt trái của cơ chế thị trường. Ở đây, tôi chỉ xin góp thêm một ý kiến nhỏ là nên có một cái nhìn *khách quan, tỉnh táo* và *đổi mới* đối với các hiện tượng được xem là "tiêu cực", là "mặt trái" đó. Chẳng hạn, hiện tượng quốc doanh thua lỗ, theo tôi, đây chính là sự sàng lọc của cơ chế thị trường, theo quan điểm hiệu quả. Thế nhưng, không ít người lại đổ lỗi đó cho cơ chế thị trường.

Đối với những mặt xấu và tiêu cực (như lối làm ăn chạy theo lợi nhuận với bất kể giá nào, dẫn đến vi phạm pháp luật : hành vi lừa đảo, hối lộ, buôn lậu, trốn thuế...), *một mặt*, phải ra sức ngăn chặn ; *mặt khác*, về nhận thức, cũng cần thấy đây là một hệ quả tất yếu của quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế. Để hạn chế chúng, cần có những biện pháp hữu hiệu về tổ chức và quản lý. Cụ thể :

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr. 66 - 67.

Digitized by Google

- Sớm có một hệ thống luật thương mại thích hợp với "luật chơi của thị trường".

- Xây dựng một hệ thống điều khiển vĩ mô đồng bộ bao gồm tài chính, tiền tệ, tín dụng, giá cả...

- Bộ máy quản lý nhà nước hoạt động nghiêm chỉnh như một nhà nước pháp quyền.

- Tạo lập một quan hệ mới hợp lý và gắn bó giữa sản xuất và lưu thông hàng hóa, phù hợp với cơ chế mới.

- Xây dựng một cấu trúc thị trường hợp lý với nhiều chủ thể tham gia, bình đẳng trước pháp luật (mỗi chủ thể có chức năng vị trí xác định, có thực lực kinh tế có thể làm chỗ dựa cho nhà nước).

- Sớm hình thành một hệ thống thị trường đồng bộ bên cạnh thị trường hàng hóa. Để cơ chế thị trường phát huy đầy đủ tác dụng tích cực của mình (sau khi đã vượt qua giai đoạn mò mẫm và thử thách về tư duy kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý), cần *lựa chọn* trong toàn bộ những vấn đề trong dây xích chuyển đổi cơ chế kinh tế, *những khâu trung tâm* cần tiếp tục cải cách để thực sự tạo ra được cái nền cho *thể chế kinh tế mới* : nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Những khâu cơ bản đó là tài chính, tín dụng và lưu thông tiền tệ, mà *cốt lõi* là mở ra thị trường vốn và chính sách đầu tư vốn, tiến đến cơ chế một lãi suất, một tỷ giá hối đoái hợp lý, sát với tỷ giá thị trường, gắn chặt với hệ thống tài chính, nhằm vừa đổi mới theo hướng cơ chế thị trường, vừa góp phần chống lạm phát.

- Mở rộng hơn nữa tự do hóa lưu thông, hình thành thị trường cạnh tranh có hiệu quả.

- Hoàn thiện chế độ xí nghiệp, làm cho mỗi đơn vị kinh tế (nhất là các doanh nghiệp nhà nước) thực sự là một chủ thể tự chủ, thực hiện đầy đủ nguyên tắc hạch toán kinh doanh, chịu sự thúc ép nghiệt ngã bởi ngân sách của bản thân mình, và làm nghĩa vụ với nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế, luật pháp hóa các yếu tố của cơ chế kinh tế mới và xác định nội dung, phạm vi quản lý của nhà nước theo hướng bảo đảm cho thị trường phát triển theo những nguyên tắc của riêng nó, đồng thời phục vụ tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội.

3 - Về quan hệ giữa *hai* cơ chế điều tiết (gọi tắt là quan hệ giữa *kế hoạch* và *thị trường*), chúng tôi cho đây là mối quan hệ đan xen, ràng buộc và chế ước lẫn nhau, bổ sung cho nhau. Mức độ các quan hệ này không phải như nhau ở mọi cấp độ quản lý kinh tế và mọi hoàn cảnh.

Hiện nay, thị trường ở nước ta vừa mang tính chất sơ khai, vừa có những yếu tố hiện đại, và có sự cách biệt khá lớn về trình độ phát triển giữa các khu vực và các vùng kinh tế. Từ thực tiễn đó, *một mặt*, cần đoạn tuyệt với tư duy và cách làm kế hoạch theo kiểu cũ ; *mặt khác*, không thể bê nguyên xi cách làm thị trường theo kiểu các nước tư bản phát triển. Cần thấy rõ và đánh giá đúng vai trò của kinh tế tư nhân, cá thể, kinh tế gia đình trong phát triển kinh tế thị trường, nhưng cũng cần thấy rõ chưa có cơ sở khoa học và thực tiễn cho chủ trương tư nhân hóa tràn lan.

Theo tôi, trong 10 - 15 năm tới, *nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch* là *thống nhất và điều hành hoạt động của các thành phần kinh tế, tạo ra quá trình tự điều chỉnh có định hướng nhờ tác động qua lại và cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế theo nguyên tắc thị trường*. Hai cơ chế điều tiết (*kế hoạch* và *thị trường*) có được sử dụng và phối hợp hợp lý hay không, điều đó tùy thuộc cấp độ kinh tế và đặc điểm từng đối tượng quản lý. Ở cấp độ *kinh tế quốc dân*, kế hoạch là định hướng. Còn ở *đơn vị kinh tế cơ sở*, thì kế hoạch và thị trường gắn bó chặt chẽ với nhau ; thị trường là căn cứ chủ yếu của kế hoạch xí nghiệp. Đương nhiên, có hai cách nói : "thị trường vừa là căn cứ vừa là đối tượng của kế hoạch", hoặc "nhà nước điều khiển thị trường, thị trường hướng dẫn xí nghiệp". Cả hai cách nói trên đều khái quát cùng một quan điểm về mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường trong điều kiện nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước.

Vai trò của kế hoạch trong tiến trình phát triển thị trường sẽ thay đổi dần (*chứ không phải* bị hạ thấp dần) : từ chỗ là người hoa tiêu chuyển dần sang chỉ còn là chiếc la bàn định hướng, từ chỗ còn cần can thiệp trực tiếp vào thị trường đến chỗ chỉ còn

(Xem tiếp trang 38)

Digitized by Google

Cơ chế thị trường - đôi điều bàn ngược

HOÀNG ANH NGUYÊN *

Thị trường đang thu hút sự mến mộ của xã hội. Đó không chỉ là tình cảm dành cho những gì từng bị ruồng bỏ oan uổng trong quá khứ, mà còn là niềm hy vọng vào một cơ chế kinh tế đã phát huy tác dụng ở nhiều nước. Dù với lý do gì thì cũng không ai có thể quay lưng lại với cơ chế thị trường. Tuy nhiên, chính trong khi thị trường có uy tín cao như vậy, lại rất cần bàn tới một nguy cơ, xin tạm gọi là "chủ nghĩa giáo điều về thị trường".

Ấn tượng mạnh mẽ do thể chế thị trường ở các nước phát triển đem lại đã làm nảy sinh mong muốn thiết lập ở nước ta các hình thức, quan hệ thị trường tương ứng. Những thuật ngữ như thị trường hoàn chỉnh, thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, tỷ giá hối đoái và lãi suất tín dụng theo cơ chế thị trường, điều tiết vĩ mô thị trường... và các kiến thức về thị trường hiện đại thường xuyên được nhắc đến. Nơi này, nơi khác, chúng còn được coi là nhiệm vụ cấp bách, là mục tiêu phát triển kinh tế.

Xét về thời gian, để có được trình độ phát triển như hiện nay, thị trường đã trải qua một lịch sử lâu dài. Mặc dù vậy, vẫn có thể đồng tình với ý muốn *rút ngắn* quá trình đó ở nước ta. Bởi lẽ, hoàn cảnh đã tạo nên "lợi thế của những nước đi sau". Nhất là lợi thế này gần đây đã được nhiều nước ở châu Á tận dụng thành công. Nhưng đối với một số người, phương diện thời gian lại không phải là chính yếu. Vấn đề được họ quan tâm là *trực tiếp xây dựng các hình thức, quan hệ thị trường hiện đại*.

Đặt ra nhiệm vụ trực tiếp xây dựng các quan hệ thị trường hiện đại, thực tế là không thấy mối quan hệ gắn bó giữa thị trường và trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Ở các nước phát triển, điều kiện để phát huy tác dụng của thị trường là hệ thống luật, hệ thống thông tin, hệ thống máy tính, sự nhanh nhạy thích nghi và kinh nghiệm phán đoán của các đơn vị kinh tế... Ở các nước đó, như Các Mác nói : quan hệ trao đổi mang tính "tất yếu" biểu hiện ra ngoài, là kết quả chuyển hóa của các quá trình "tất yếu kỹ thuật". Còn ở nước ta hiện nay, chưa có các điều kiện đó.

Đặt ra nhiệm vụ trực tiếp xây dựng một số hình thức thị trường hiện đại còn có nghĩa là bỏ qua mối quan hệ bên trong giữa các bộ phận cấu thành cơ chế thị trường. Thực tế cho thấy, trình độ phát triển kinh tế càng cao, thì càng có sự thống nhất giữa tính phong phú và tính đồng bộ. Khi quan hệ buôn bán với bên ngoài chưa phát triển, khi quan hệ trao đổi vốn chưa phổ biến v.v. mà hình thành thị trường tiền tệ thì sự giao dịch và lưu thông trong thị trường đó khó tránh khỏi mang tính ngẫu nhiên.

Những tác động trực tiếp đối với thị trường chỉ có ý nghĩa xóa bỏ những trở lực kìm hãm quan hệ lưu thông, xóa bỏ sự lạc hậu của hệ thống quan hệ thị trường so với trình độ phát triển kinh tế. Có thể thấy điều này như ở Cộng hòa liên bang Đức sau chiến tranh thế giới thứ hai, nước Anh trong thời kỳ đầu của chính phủ Thát-chơ, hoặc Việt nam trong thời gian vừa qua. Không thể dùng những tác động trực tiếp để nâng thị trường lên cao hơn trình độ phát triển kinh tế (người ta đã tổng kết : thị trường không do ai thiết kế mà tự xuất hiện, và cũng như xã hội loài người, nó đang thay đổi...). Điều này cũng có ý nghĩa phải phân biệt rõ hai quá trình : *chuyển sang cơ chế thị trường và xây dựng nền kinh tế tiên tiến hiện đại*.

Cùng với mặt tích cực, mặt tiêu cực của việc chuyển sang cơ chế thị trường cũng đã được đề cập, song ở đây chưa có sự phân biệt các khuyết tật *bản chất* và những hạn chế *thực tế*. Nếu như các khuyết tật bản chất của cơ chế thị trường là chung cho mọi nước thì các hạn chế thực tế của nó ở các

* Phó tiến sĩ kinh tế, Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

nước lại không giống nhau. Ở nước ta, do mới hình thành và còn ở trình độ thấp, cơ chế thị trường có những hạn chế cụ thể như sau :

- Quy mô thị trường hẹp hơn quy mô hoạt động kinh tế, do đó thị trường *một mặt*, không bao quát được toàn bộ quan hệ cung cầu, *mặt khác*, lại là môi trường cho quan hệ độc quyền phát huy.

- Quan hệ thị trường không ổn định, do đó thường phát sinh những rối loạn (tuy nhỏ) trong đời sống kinh tế. Biểu hiện rõ nhất là giá cả thường xuyên biến động, hàng hóa lưu thông vòng vèo...

- Nhà nước khó nắm bắt và điều tiết thị trường.

- Trao đổi với bên ngoài còn hạn hẹp.

So với ở các nước phát triển, những hạn chế đó ở nước ta càng nổi bật. Trong thực tế, rất khó phân biệt đâu là tác dụng của thị trường và đâu là phát huy các nhân tố hạn chế khuyết tật của cơ chế thị trường (ở đây chưa bàn tới ý kiến cho rằng cơ chế thị trường hiện đại bao gồm cả quan hệ điều tiết của con người). Trong điều kiện như vậy, theo tôi, nên chú ý đến vai trò của nhà nước *ngoài phạm vi* điều tiết thị trường và kế hoạch hóa trực tiếp, trên cơ sở chiến lược và chính sách kinh tế đúng đắn.

Thực tiễn hiện nay và dự báo sau này đang đặt ra những vấn đề đòi hỏi chúng ta phải giải quyết. Các vấn đề đó càng quan trọng, thì ý đồ dựa vào cơ chế thị trường để giải quyết càng tỏ ra thiếu cơ sở. Xin nêu cụ thể một số vấn đề :

+ Trong đời sống kinh tế nước ta hiện nay còn thiếu *các chủ thể hoạt động có hiệu quả*, đặc biệt là thiếu *các nhà doanh nghiệp có thực lực*, do đó đã bắt cập trong tìm kiếm những giải pháp cho kinh tế quốc doanh, trong thu xếp việc làm cho người lao động, trong thu hút vốn của nước ngoài.

Vậy làm thế nào để có được đội ngũ các nhà doanh nghiệp hùng mạnh ? Đúng là cơ chế thị trường sẽ đẻ ra họ, nhưng chờ như vậy sẽ quá chậm so với yêu cầu phát triển kinh tế của chúng ta hiện nay. Vì vậy, cần tính đến các nỗ lực thực tế khác, đặc biệt là *vai trò của nhà nước*.

Nhà nước cần cụ thể hóa hơn nữa chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần để đáp ứng yêu cầu cuộc sống, cụ thể là không chỉ cho phép các lực lượng kinh tế khác nhau cùng tồn tại, mà còn tích cực giúp đỡ mọi lực lượng kinh tế có triển vọng.

Đối với kinh tế tư nhân, nhà nước không những bảo đảm quyền bình đẳng như các thành phần kinh tế khác, mà còn có sự giúp đỡ cần thiết về vốn, về công nghệ, về khu vực đầu tư... Đã từng có các hình thức tổ chức vốn gắn với cơ chế thị trường ở ta như tín dụng nhân dân, "mềm hóa" lãi suất, tự chủ đồng vốn trong kinh doanh... Nhưng thực tế cũng đã cho thấy, từ đó đã nảy sinh một loạt mâu thuẫn (giữa đề cao lợi ích kinh tế với đảm bảo độ tin cậy của người có vốn ; giữa tham vọng thu hút vốn với khả năng thanh toán ; giữa nỗ lực góp vốn với sử dụng có hiệu quả số vốn tập trung được...) cản trở việc tạo lập nguồn vốn có tính chiến lược (khối lượng lớn và ổn định trong một kỳ hạn dài). Trong khi đó, như kinh nghiệm Nhật bản, Nam Triều tiên, Đài loan... trong thời kỳ "cất cánh" chứng tỏ, nhà nước không thiếu tiềm năng để huy động vốn : sử dụng tín dụng nhà nước, hệ thống thuế, thu hút vốn bên ngoài.

Muốn thế, đương nhiên, nhà nước phải mạnh. Chắc chắn hiệu quả của hệ thống ngân hàng nước ta sẽ được nâng lên rất nhiều, nếu cùng với việc chuyển sang cơ chế thị trường, nội dung quản lý về mặt nhà nước được chú trọng đổi mới.

+*Mở cửa hướng ra thế giới* có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế nước ta. Song, chiến lược đó thành công nhiều hay ít, lại phụ thuộc vào kết quả sử dụng thành tựu của nhân loại và phát huy thế mạnh của đất nước. Trên cả hai phương diện này, cơ chế thị trường không phải luôn luôn là phương tiện hoàn hảo. Thực tế cho thấy, trong mối quan hệ giữa các nền kinh tế có trình độ khác nhau, các giá trị của cơ chế thị trường như tự do, lợi ích, bình đẳng... nhiều khi trở thành những cái thuộc sở hữu riêng của kẻ mạnh. Trái lại, bảo hộ mậu dịch trong không ít trường hợp lại là điều kiện cho sự tiếp thu có chọn lọc, tạo thế chủ động trên quan hệ quốc tế, cân đối lợi ích trước mắt và lâu dài. Thậm chí, ngay cả ở các nước phát triển, đối với những lĩnh vực còn non yếu, nhà nước vẫn phải can thiệp vào quan hệ ngoại thương. Như vậy, các nước đang phát triển như nước ta, đương nhiên không thể bỏ qua vũ khí lợi hại này.

Thời gian qua, dường như chúng ta đã *đồng nhất* "mở cửa" với "phi độc quyền ngoại thương", tự do hóa mậu dịch. Do việc làm trên chỉ mới bắt đầu, nền kinh tế nước ta lại quá "đói" hàng hóa, nên hậu quả tiêu cực chưa thấy nhiều và rõ. Nếu

Digitized by Google

cứ tiếp tục coi nhẹ quản lý ngoại thương như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ lún sâu vào tình huống "lợi bất cập hại".

+ Việc *phát huy tiềm lực của đất nước* trên quan hệ kinh tế quốc tế cũng cần được chú trọng ở *tầm quốc gia*. Cảnh "gà cùng một mẹ, cứ hoài đá nhau" của một số cơ sở xuất nhập khẩu Việt nam trên thị trường nước ngoài không phải không có. Tình hình đó đương nhiên làm yếu thế cạnh tranh của hàng hóa chúng ta. Chính vì vậy, *độc quyền* - chứ không phải cạnh tranh tự do - là động cơ hướng tới của các chủ thể tham gia thương trường. Và chúng ta, lẽ nào lại bỏ qua đặc quyền phát huy thế mạnh của một quốc gia ?

+ Cuối cùng, điều thuộc bản chất của sự phát triển kinh tế : *cần có sự ổn định chính trị - xã hội*. Tiếp sau các sự kiện thường được nêu ra trước đây như ở Bô-li-vi-a, Pa-ki-xtan... người ta lại đang chứng kiến nhiều ví dụ khác ở Nam tư, các nước thuộc Liên xô trước đây, các nước Đông Âu. Đó là những bất ổn định chính trị - xã hội cản trở bước tăng trưởng kinh tế. Chưa nói đến chiến tranh, đụng độ tôn giáo hay sắc tộc, hãy chỉ nói đến sự bất ổn định chính trị - xã hội bùng nổ từ quan hệ bất bình đẳng kinh tế, dẫn đến sự phân cực lợi ích trong xã hội, sự thao túng quyền lực của một nhóm người giàu có, dẫn đến mâu thuẫn giữa dân chúng và bộ máy chính quyền tham nhũng... Rõ ràng, môi trường thích hợp ở đây là *thể chế xã hội đề cao cơ chế thị trường* .

Để có được sự ổn định chính trị - xã hội, ngay các nước tư bản hiện đại, cũng phải duy trì và phát huy tác dụng của hệ thống phúc lợi xã hội, hệ thống phân phối lại, hệ thống pháp luật, bộ máy hành pháp. Còn ở nước ta, sự hăm hở tiến tới cơ chế thị trường dường như đang lấn át tất cả. Chúng ta chưa chuẩn bị sẵn sàng hoặc chỉ mới đi vào xây dựng các hệ thống nói trên, trong lúc nhiều quan hệ xã hội truyền thống đang bị bỏ mặc cho cơ chế thị trường bào mòn. Đó là một nguy cơ, nguy cơ về sự tụt hậu của hệ thống an toàn trước cỗ máy thị trường được khởi động với tốc độ cao.

BÀN THÊM...

(Tiếp theo trang 35)

cần lựa chọn những chiến lược phát triển, những vấn đề cần ưu tiên, những chương trình và phương hướng đầu tư trọng điểm.

Chính các nhà kinh tế Mỹ khi phân tích cơ chế thị trường và vai trò của nhà nước cũng thừa nhận : "Đối với việc mở rộng kinh tế thị trường, đòi hỏi phải có sự can thiệp không chỉ vì thị trường có những khuyết tật mà còn vì xã hội đặt ra những mục tiêu trên nó mà *thị trường dù có hoạt động tốt cũng không đáp ứng được*" (2).

Về phương pháp kế hoạch hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, rõ ràng không thể theo phương pháp mệnh lệnh với hệ thống cồng kềnh các chỉ tiêu pháp lệnh như trước. Nhưng ngược lại, cũng không thể để ở cấp vĩ mô thì kế hoạch hóa chung chiêng, còn ở cấp vi mô thì hoạt động hoàn toàn tự phát theo thị trường. Như vậy, nhiệm vụ đặt ra là phải *bắc những chiếc cầu nhỏ* giữa kế hoạch vĩ mô và kế hoạch vi mô. Ở đây, tùy từng lĩnh vực, cần có sự phân biệt. Đối với lĩnh vực *sản xuất hàng tiêu dùng*, thì cả kế hoạch vi mô lẫn kế hoạch nhà nước đều quan trọng để các xí nghiệp có thể thích ứng với cơ chế thị trường mà không xa rời các mục tiêu cân đối tổng cung - tổng cầu. Còn đối với lĩnh vực *đầu tư mới* theo hướng hiệu quả và đổi mới cơ cấu kinh tế, thì kế hoạch nhà nước vẫn đóng vai trò chủ yếu. Vì chỉ nhà nước mới có đủ điều kiện để nắm được thông tin trong và ngoài nước làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách và chương trình phát triển lớn.

Một phương pháp cân đối *động*, phát huy lợi thế so sánh, gắn kế hoạch với các công cụ điều tiết, coi trọng thông tin phản hồi từ thị trường để luôn luôn có thể điều chỉnh kế hoạch hoặc có sự can thiệp cần thiết vào thị trường, theo tôi, đó chính là phương pháp làm kế hoạch trong điều kiện thị trường ở nước ta hiện nay.

---

(2) Malcolm Gillis, Dwight H.Perkins, Michael Roemer, Donald R.Snodgrass : *Kinh tế học của sự phát triển*, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Trung tâm thông tin tư liệu, 1990, t.1, tr.203.

Digitized by Google

MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA

NGUYỄN THANH TUẤN *

NGHỊ quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI) khẳng định : "Nhà nước tạo môi trường thuận lợi cho phát triển khoa học và công nghệ thông qua việc tiếp tục mở rộng nền sản xuất hàng hóa,... tạo ra nhu cầu đối với khoa học và công nghệ" (1). Sở dĩ như vậy là vì đối với sự phát triển xã hội, khoa học và công nghệ không tác động trực tiếp mà thông qua quan hệ sản xuất, trạng thái của lực lượng sản xuất, thể chế chính trị và hoạt động thực tiễn của con người nói chung. Do đó, để quán triệt quan điểm của nghị quyết nói trên, ta cần làm sáng tỏ môi trường xã hội của khoa học và công nghệ trong công cuộc đổi mới đất nước theo *Cương lĩnh chính trị* của Đảng.

*

Theo ý nghĩa chặt chẽ, *khoa học* là sự sản sinh ra những kiến thức mới, còn *công nghệ* là việc áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm hoặc phương pháp mới trong sản xuất. Hiện nay, trong khi tại các nước Âu - Mỹ, chủ nghĩa *duy khoa học* nảy sinh từ thời kỳ khai sáng, được phát triển đến mức người ta đã nói về một thứ tôn giáo khoa học, thì ở Việt nam, vào cuối thế kỷ 20 này, trong cơn lốc của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, tri thức khoa học và công nghệ vẫn chưa được ứng dụng phổ biến trong xã hội, vẫn chưa "cất cánh", vượt ra khỏi những tập tục, kinh nghiệm thường ngày của "sản xuất nhỏ". Vì thế, cần làm sáng tỏ hai luận điểm sau đây còn chưa được nhận thức lại ở nước ta.

Một là, luận điểm của C.Mác về khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Luận điểm này ngày nay đã là một thực tế. Song, cần phân biệt rõ khoa học và công nghệ *dưới dạng tri thức*, với khoa học và công nghệ *dưới dạng được áp dụng thực tế* trong nền sản xuất xã hội. Khi còn ở dạng *tri thức*, khoa học và công nghệ mới phản ánh trình độ nhận thức của con người. Chỉ khi *được áp dụng phổ biến* vào quá trình sản xuất xã hội, chúng mới có ý nghĩa là "lực lượng sản xuất trực tiếp". Nhưng việc áp dụng phổ biến khoa học và công nghệ thì lại không do chúng quyết định, mà do các tiền đề chính trị, xã hội... cùng cơ chế chính trị - xã hội quyết định. Trong nền kinh tế bao cấp, thì dù khoa học và công nghệ có hạt giống tốt, cũng khó có thể phát triển đại trà. Như vậy, rõ ràng là đối với sự phát triển xã hội, khoa học và công nghệ không tác động và không quyết định trực tiếp mà thông qua môi trường xã hội, thông qua hoạt động thực tiễn của con người.

Hai là, sự phát triển của khoa học và công nghệ nói chung, không bắt nguồn từ bản thân, mà từ tính năng động tự giác vốn có của con người. Một mặt, để cải tạo thế giới khách quan một cách có hiệu quả hơn, loài người cần tự giác nhận thức thế giới đó. Cùng với sự phát triển của hoạt động nhận thức, là sự phát triển của tri thức khoa học và công nghệ. Mặt khác, mục đích của hoạt động nhận thức là để nâng cao hiệu quả xã hội của hoạt động thực tiễn, nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội và xã hội nói chung phát triển. Chính nhờ bản chất tự giác

* Viện Mác - Lê-nin

(1) Nghị quyết của Bộ chính trị về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới, Hà nội, 1991, tr 9

Digitized by Google

vốn có của con người mà khoa học và công nghệ mới phát triển. Do đó, khoa học và công nghệ chỉ là *một* trong nhiều nguồn lực, mà loài người dùng để phát triển bản thân mình và xã hội.

Động lực *thực sự* của sự phát triển đất nước chỉ có thể là nhân dân lao động được tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng đang đổi mới để quá độ thắng lợi lên chủ nghĩa xã hội. Vì thế, xuất phát từ quan niệm mác xít coi bản chất con người là "tổng hòa các quan hệ xã hội", tôi cho rằng, chỉ riêng tri thức khoa học và công nghệ (hay đạo đức và nghệ thuật...) không thể bảo đảm sự phát triển hài hòa của xã hội. Vai trò then chốt của khoa học và công nghệ chỉ được thực hiện khi chúng có sự phối hợp hài hòa trong các hoạt động thực tiễn của nhân dân lao động. Cần làm sao để các quá trình và quan hệ kinh tế, văn hóa, xã hội... đều có thể hướng vào khoa học và công nghệ mà không làm nghèo đi tính nhân văn cần có của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Chính là trong quá trình nhận thức lại và đổi mới, chúng ta mới hiểu được lời nhận định của Ph.Ăng-ghen vào năm 1894. Theo Ăng-ghen, chỉ thông qua hoạt động thực tiễn của con người, "nền kỹ thuật sản xuất" mới quyết định được phương thức sản xuất, và do đó, cũng quyết định nhà nước chính trị, luật pháp v.v. (2). Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới đất nước, vai trò ngày càng tăng của khoa học và công nghệ phản ánh sự phát triển hợp quy luật của xã hội nước ta. Lô gích phát triển của lịch sử đưa chúng ta đến chỗ nhận thức được rằng : chỉ có thông qua hoạt động thực tiễn của hàng chục triệu người lao động, và trong sự thống nhất hài hòa với đạo đức, nghệ thuật, pháp quyền..., khoa học và công nghệ mới có thể chuyển hóa thành lực lượng sản xuất trực tiếp thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

*

Từ sự phân tích bản chất xã hội của khoa học và công nghệ trên đây, ta thấy để tạo môi trường xã hội thuận lợi cho khoa học và công nghệ phát triển, cần tiến hành một số biện pháp chủ yếu sau :

1 - *Dân chủ hóa xã hội nói chung và dân chủ hóa hoạt động khoa học, công nghệ nói riêng.*

Trước hết, phải nói ngay rằng, ở nước ta từ sau Đại hội VI của Đảng, vấn đề dân chủ hóa đang từng bước được triển khai trên tất cả các bình diện của đời sống xã hội để xây dựng các giá trị dân chủ. Hiện nay, dân chủ hóa xã hội, như Đại hội VII của Đảng tiếp tục khẳng định, đang là mục đích phấn đấu từng bước của xã hội. Bản thân dân chủ không có mục đích tự thân. Dân chủ phải được hiểu như là phương tiện và điều kiện cho sự phát triển của mỗi người và của đất nước, vì mục đích thiêng liêng là "độc lập - tự do - hạnh phúc" trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chỉ có một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, nhân dân mới có thể tham gia vào việc hoạch định chính sách công nghệ. Không nói gì khoa học, ngay các yếu tố công nghệ cũng chịu ảnh hưởng rất mạnh của các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội... Các biện pháp công nghệ có thể giúp vượt qua những khó khăn về kỹ thuật, nhưng không thể giải đáp những vấn đề chính trị - xã hội và kinh tế - xã hội rộng lớn, như cơ giới hóa nông nghiệp, bảo vệ hệ sinh thái đồng bằng sông Cửu long và Tây nguyên, v.v.. Vì thế, phương thức hữu hiệu nhất để giải quyết những vấn đề phức tạp này là phát huy dân chủ, thu hút nhân dân tham gia rộng rãi ngay từ đầu vào việc phát triển và áp dụng công nghệ mới. Đồng thời qua đó, tăng cường xây dựng tập quán quý trọng khoa học và công nghệ hiện còn rất yếu trong nhân dân ta.

Đối với những người làm công tác khoa học và công nghệ (nghiên cứu, giảng dạy, triển khai...) ngày nay, cho dù vai trò tập thể rất cao, thì cũng không thể thay thế vai trò sáng tạo của cá nhân. Dân chủ hóa hoạt động khoa học và công nghệ sẽ giúp cho việc khắc phục tính chất "học để làm quan" chứ không phải để sáng tạo theo chuyên môn. Nó cũng giúp khắc phục tính chất "hành chính hóa" trong đội ngũ "cán bộ" khoa học và công nghệ thời cơ chế quan liêu - bao cấp.

2 - *Thực hiện cơ chế dân chủ - thị trường trong hoạt động khoa học và công nghệ.*

Ngày nay, chúng ta đã rõ : khoa học và công nghệ chỉ phát triển được trong nền sản xuất hàng hóa với cơ chế thị trường. Chỉ trong điều kiện này, các sản

(2). C.Mác - Ph-Ăngghen : Một số thư về chủ nghĩa duy vật lịch sử ; Nxb Sự thật, Hà nội, 1962, tr 107

Digitized by Google

phẩm khoa học và công nghệ mới được trao đổi, mua bán, phát triển như một *thứ hàng hóa đặc biệt*, có giá trị cao. Đương nhiên, trong cơ chế thị trường, nguyên tắc cạnh tranh không loại trừ một ai, một thành phần kinh tế nào. Để tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ chế thị trường, đến nay chúng ta đã thực hiện hai loại giải pháp :

a) Ban hành các văn bản pháp quy bảo hộ trên thực tế các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ như một loại hàng hóa đặc biệt (Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ; Quyết định 134/HĐBT về hoạt động khoa học - công nghệ trong các thành phần kinh tế ; Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt nam ; Điều lệ mua bán xi măng, v.v..). Nhờ đó, đang tạo cơ sở cho sự hình thành và phát triển thị trường công nghệ ở Việt nam.

b) Triển khai cơ chế thi tuyển để thực hiện các đề tài của cơ sở kinh tế cũng như của nhà nước.

Tuy nhiên, đang nổi lên một hiện tượng phổ biến đáng lưu tâm : cơ quan nghiên cứu - triển khai thường đi vào con đường thực dụng, lo đời sống trước mắt, mà ít quan tâm đến những đề tài nghiên cứu nghiêm túc, đón đầu về khoa học và công nghệ. Có hiện tượng này là do trước đây, trong cơ chế quan liêu - bao cấp, khi lựa chọn đề tài, các nhà khoa học ít xuất phá từ thực tiễn (vì thế, các đề tài thường mang tính "hàn lâm kinh viện"). Còn hiện nay, thực tiễn sản xuất nhiều khi lại đòi hỏi những vấn đề không mang tính khoa học cao, do đó mà không ít nhà khoa học bị lôi cuốn vào việc giải quyết những vấn đề "thường ngày", "ăn xổi".

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sản xuất sẽ tiến bộ nhanh về công nghệ, và ngày càng đặt ra cho khoa học và công nghệ những vấn đề phức tạp phải giải quyết. Vì thế, nếu khoa học và công nghệ không có những công trình nghiên cứu dự trữ đón đầu thì nhất định sẽ bị tụt hậu, không đáp ứng được những nhu cầu về kinh tế và xã hội. Mà muốn có những công trình này thì phải có các đề tài nghiên cứu nghiêm túc, lâu dài. Điều này cho thấy nhà nước cần có biện pháp hỗ trợ có hiệu quả cho các cơ quan khoa học. Trong giai đoạn chuyển sang cơ chế thị trường, nếu nhà nước không có biện pháp điều tiết và quản lý có hiệu quả đối với khoa học và công nghệ, thì rất có thể tiềm lực khoa học và công nghệ ngày càng hao mòn theo đà gia tăng "sản xuất - kinh doanh" hay "dịch vụ" của các đơn vị nghiên cứu - triển khai.

3 - *Nâng cao dân trí và xây dựng thói quen tư duy khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ để xử lý các vấn đề trong cuộc sống thường ngày, xây dựng truyền thống quý trọng nghề nghiệp chuyên môn trong xã hội.*

Ở nước ta, nhân dân vốn có truyền thống hiếu học. Nhưng tập quán ấy chưa phải là con đẻ của xã hội công nghiệp. Vì vậy, học chưa gắn với hành ; học để thực hành theo một chuyên môn cụ thể chưa trở thành phổ biến ở nước ta. Đấy cũng là nguyên nhân của thái độ chưa quý trọng nghề nghiệp, kỹ thuật và giá trị của lao động kỹ thuật trong xã hội ta.

Như ta đã rõ, thành tựu khoa học và công nghệ dù có giá trị mà không được những người lao động bình thường ủng hộ và tiếp nhận, thì cũng không thể đem lại kết quả đáng kể. Bởi thế, yếu tố quyết định số phận của những công nghệ đem ra phổ cập là xã hội hiểu được tác dụng của nó, tự ý thức được lợi ích lâu dài của nó. Trong trường hợp ngược lại, công nghệ không thể bắt rễ vào cuộc sống.

Kỹ thuật, như C. Mác nói, bao giờ cũng mang tính chất hai mặt, *vừa* thúc đẩy xã hội tiến lên, *vừa* gây cho xã hội những vấn đề khôn lường (ví dụ kỹ thuật hạt nhân). Vì thế, cần nhận thức được ý nghĩa của môi trường xã hội đối với khoa học và công nghệ. Đây là vấn đề vừa cấp bách vừa lâu dài nhằm xây dựng một nền văn hóa công nghệ dựa trên tư duy khoa học của đông đảo quần chúng. Cũng có nghĩa : cùng với nâng cao trình độ học vấn, cần phổ cập một nền văn hóa quần chúng hướng vào khoa học và công nghệ. Qua đó, từng bước xây dựng truyền thống hướng vào khoa học và công nghệ, đi đôi với thúc đẩy tiến hóa nhân văn trên cơ sở kết hợp có chọn lọc bảng giá trị truyền thống với các thang giá trị hiện đại.

Chỉ trên cơ sở nhận thức được môi trường xã hội của khoa học và công nghệ, chúng ta mới khắc phục được sự suy thoái nhân văn trong điều kiện kỹ thuật thống trị khi quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin trong các trường đại học, cao đẳng

TRẦN DUY KHANG - ĐINH XUÂN LÝ *

Từ sau Đại hội lần thứ VI và thứ VII của Đảng, nhiều cuộc hội thảo khoa học về thực trạng công tác giảng dạy lý luận được triển khai, nhằm tiến tới xây dựng các luận cứ khoa học cho quá trình đổi mới công tác này. Thời gian trôi qua, nhiều biến động sâu sắc của thế giới diễn ra, nhiều thay đổi của đất nước được định hình. Thế nhưng, công tác giảng dạy lý luận ở các trường đại học và cao đẳng vẫn chưa có được những bước đi đáng kể để bắt nhịp được với cuộc sống. Vì vậy, việc phân tích thực trạng, tìm ra bước đi và giải pháp cho các bước đi để đẩy nhanh quá trình đổi mới công tác này, đã trở thành vấn đề cấp bách.

***Trước hết**, cần nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí của lý luận Mác - Lê-nin trong đời sống xã hội nói chung và trong các trường nói riêng.* Đây là nhân tố mở đường cho quá trình đổi mới công tác này, nhưng lâu nay không được các cấp quản lý và một số cán bộ giảng dạy nhận thức đầy đủ.

Việc giảng dạy lý luận đương nhiên phải nhằm xác lập định hướng chính trị trên cơ sở khoa học. Song đồng nhất dạy lý luận Mác - Lê-nin với dạy chính trị, thậm chí coi nhiệm vụ của nó là minh họa, phụ họa đơn thuần cho các nhiệm vụ chính trị cụ thể trước mắt, đã "tầm thường hóa" vai trò, vị trí các môn lý luận, tạo nên tâm lý "coi thường" các môn này.

Từ nhận thức không đúng nói trên, kéo theo hàng loạt vấn đề khác. Không thiếu những hiện tượng các trường tự ý cắt giảm số tiết học, bố trí tùy tiện kết cấu giảng dạy các môn lý luận. Việc đầu tư, tạo điều kiện cho công tác nghiên cứu khoa học, công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy, cũng chưa được quan tâm. Hầu hết các bộ môn lý luận ở các trường chưa được trang bị tủ sách, tài liệu và phương tiện phục vụ cho giảng dạy.

Thời gian gần đây, sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nhiều nước đã tác động mạnh đến tư tưởng tình cảm của cán bộ và nhân dân. Tâm trạng hoài nghi về tính khoa học và tính thuyết phục, về vai trò tác dụng của lý luận Mác - Lê-nin xuất hiện ở một số người, càng làm giảm đi vị trí các môn lý luận trong nhận thức của những người có trách nhiệm, và cả trong học sinh, sinh viên.

Vì vậy, muốn đổi mới công tác giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin theo tinh thần Nghị quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI) "Về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới" và Nghị quyết 01 của Bộ chính trị (khóa VII) "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay", trước hết phải đổi mới nhận thức - tiến tới nhận thức đúng đắn vai trò vị trí của lý luận Mác- Lê-nin trong xã hội nói chung và trong các trường nói riêng.

Những công trình nghiên cứu đã công bố, cũng như quan điểm của Đảng ta, đã chỉ ra một số nguyên nhân dẫn tới sự thất bại, đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô. Đó là quá trình xa rời và đi đến từ bỏ những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; là sự đổ vỡ của mô hình chủ nghĩa xã hội mang nhiều khuyết tật, được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa chủ quan duy ý chí, bất chấp quy luật khách quan. Những khuyết tật đó, không thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà bắt nguồn từ sai lầm chủ quan của các đảng cộng sản.

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta từ Đại hội VI của Đảng đến nay, đã được cuộc sống kiểm nghiệm và cho thấy những nhận định trên là đúng đắn.

Bằng những kinh nghiệm lịch sử của mình, với những kết quả đạt được trên mọi lĩnh vực trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và trong thời kỳ

* Trung tâm Mác - Lê-nin, Đại học tổng hợp Hà nội

Digitized by Google

quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới, qua đợt sinh hoạt góp ý kiến xây dựng các văn kiện Đại hội VII của Đảng và Hiến pháp sửa đổi, nhân dân ta đã thể hiện ý chí quyết tâm đưa đất nước tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cương lĩnh chính trị của Đảng ta cũng đã xác định điều cốt yếu để lãnh đạo nhân dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là phải "lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động", phải "làm cho thế giới quan Mác - Lê-nin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống xã hội".

Như vậy, việc truyền bá và giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong xã hội và trong các trường, trở thành một công việc đặc biệt quan trọng.

Quán triệt và triển khai thực hiện những tư tưởng quan điểm trên đây của Đảng một cách đầy đủ cho các cấp, các trường, là hết sức cần thiết và cấp bách. Một mặt, nhằm "giải phóng" sự hoài nghi bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mặt khác tạo ra một sự thống nhất về nhận thức vai trò, vị trí của lý luận Mác - Lê-nin trong đời sống xã hội nói chung và trong các trường nói riêng.

Thứ hai, *việc biên soạn lại hệ thống các sách lý luận, từ sách giáo khoa đến các tài liệu tham khảo, cũng là yêu cầu rất quan trọng của quá trình đổi mới.* Những sách này, vốn trước đây được biên soạn mang những hạn chế của lịch sử, của lối tư duy cũ, một chiều, không gắn liền với những thành quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn cuộc sống. Người dạy "dạy theo sách", người học buộc phải "tả thi" theo đúng những lời thầy nói. Tình hình đó làm cho lý luận trở nên "khô khan", nhạt nhẽo, mâu thuẫn với thực tiễn, làm cho thầy ngại dạy, trò không muốn học, làm nảy sinh thái độ hoài nghi bản chất cách mạng và khoa học, vai trò và tác dụng của lý luận Mác - Lê-nin.

Ai cũng biết hoặc cảm nhận được những thành quả của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế, những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong những năm gần đây, những kết quả bước đầu trong công tác nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội từ sau Đại hội VI của Đảng, thế nhưng thử hỏi tất cả những điều ấy đã được phản ánh tới mức nào trên sách giáo khoa ? Hơn thế nữa, chúng ta cũng chưa thực hiện được việc rà soát lại một cách có hệ thống những luận điểm trong các tác phẩm kinh điển cũng như trong các sách giáo khoa biên soạn trước đây, để xem xem những luận điểm nào còn đúng, những luận điểm nào cần được bổ sung, phát triển, những luận điểm nào đã thuộc về lịch sử, hiện nay không còn đúng nữa.

Việc đưa thêm một số bài hoặc chuyên đề liên quan đến những thành tựu tri thức mới của nhân loại nhằm giúp cho học sinh thấy rõ hơn lịch sử ra đời và phát triển của lý luận Mác - Lê-nin gắn bó chặt chẽ như thế nào với tinh hoa tri thức chung của nhân loại, theo chúng tôi nghĩ, cũng là việc làm cần thiết.

Đã đến lúc chúng ta cần triển khai một cách khoa học và nghiêm túc việc nghiên cứu các di sản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và những vấn đề của công cuộc đổi mới đất nước đã được thực tiễn khẳng định, cần chọn lọc đưa thêm vào môn học những chuyên đề mới, để đặt cơ sở cho việc biên soạn, bổ sung sách giáo khoa lý luận và các tài liệu phục vụ giảng dạy lý luận.

Thứ ba, *việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy lý luận, cũng là một nhân tố quan trọng của quá trình đổi mới.* Đã có một thời kỳ dài, "đầu vào" của đội ngũ cán bộ giảng dạy chưa được chú ý đúng mức tới năng lực chuyên môn và khả năng truyền thụ kiến thức. Quá trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao sau đó cũng chưa được đặt ra như một nhu cầu bức bách thường xuyên. Quá trình tự bồi dưỡng lại thiếu điều kiện và động lực thúc đẩy, nhất là đối với môn học mang nhiều tính đặc thù này. Công tác nghiên cứu khoa học, một hoạt động quan trọng đối với cán bộ giảng dạy nói chung và cán bộ giảng dạy lý luận nói riêng, nhất là ở bậc đại học, cũng chưa được quan tâm và đầu tư. Các đề tài cấp nhà nước, cấp bộ và trường về lý luận và giảng dạy lý luận, gần như không được triển khai tới cán bộ giảng dạy. Ngành đại học và cao đẳng có hơn 100 trường và hàng nghìn cán bộ giảng dạy lý luận, mà không có một diễn đàn chính thức

(Xem tiếp trang 47)

Digitized by Google

Những kinh nghiệm đáng quý

HUY HÙNG

THÀNH phố Hồ Chí Minh là địa bàn chiến lược quan trọng ở phía Nam, một trong những vùng có tiềm lực kinh tế phong phú nhất ở nước ta, có triển vọng phát triển toàn diện các ngành kinh tế và tạo ra một khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn cho cả nước.

Qua năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, thành phố đã tạo nên những chuyển biến căn bản trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội... Tính đến năm 1990, thành phố có số dân bằng 6,1%, số lao động bằng 4,2% và số vốn sản xuất kinh doanh bằng trên 21% so với cả nước, đã có những đóng góp lớn về các mặt như sau : 32,8% giá trị tổng sản lượng công nghiệp, 32,8% tổng doanh số bán ra của thương nghiệp, 17,2% tổng khối lượng xây lắp, 35,1% tổng khối lượng vận chuyển hàng hóa và hành khách, 54,3% tổng doanh thu về bưu điện, 24,6% tổng thu ngân sách, 16,6% tổng sản phẩm xã hội, 19% thu nhập quốc dân sử dụng.

Nhờ ổn định và phát triển kinh tế, thành phố có điều kiện mở rộng đầu tư phát triển các ngành văn hóa, giáo dục, y tế, và từng bước cải thiện đời sống nhân dân lao động.

Từ thực tế sinh động của thành phố, có thể nêu lên một số kinh nghiệm bước đầu về *đổi mới quản lý kinh tế* :

1- *Xác định cơ cấu kinh tế hợp lý là nhân tố bảo đảm cho sự phát triển kinh tế đúng hướng và toàn diện.*

Việc xây dựng cơ cấu kinh tế của một vùng, một tỉnh, một thành phố, phải dựa trên cơ sở điều kiện kinh tế, tự nhiên, tập quán và truyền thống... Có như vậy mới mang tính khách quan. Nằm giữa Nam bộ - một vùng kinh tế giàu có, cơ cấu kinh tế của thành phố không thể không gắn thành một tổng thể kinh tế hoàn chỉnh với cơ cấu kinh tế của Nam bộ mà cốt lõi là tam giác kinh tế : TP Hồ Chí Minh - Biên hòa - Vũng tàu.

Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của cả nước, thành phố đã xác định cơ cấu kinh tế hiện tại và lâu dài là : công nghiệp - thương mại - dịch vụ. Cùng với phát triển nông nghiệp toàn diện, thành phố đẩy mạnh thâm canh gắn với công nghiệp chế biến, mở rộng ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động.

Xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, *một mặt*, chỉ ra hướng đi của các ngành kinh tế dựa trên tiềm lực và truyền thống vốn có của địa phương và vùng, xác định các ngành kinh tế bổ sung trong một tổng thể thống nhất ; *mặt khác*, tạo cơ sở cho việc xác định cơ cấu vốn đầu tư, cơ cấu kỹ thuật và công nghệ... nhằm tận dụng những khả năng tốt nhất của thành phố và của cả vùng phục vụ yêu cầu phát triển toàn diện nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế không phải là cái gì trừu tượng chung chung, mà chính là những khả năng tiềm ẩn vốn có của một địa phương và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, những khả năng đó không tự phát huy được tác dụng mà phải có sự tác động của con người. Con người phát hiện ra những khả năng đó và lựa chọn các biện pháp để khai thác, biến chúng thành hiện thực.

Có thể nói trong một địa phương hay vùng lãnh thổ, cơ cấu kinh tế ví như cái trục mà các biện pháp khác phải xoay quanh. Vì vậy, trên cơ sở cơ cấu kinh tế hợp lý, thành phố đã tiến hành xác định quy mô ngành sản xuất (chủ yếu là *vừa* và *nhỏ*, có sự phân công, hợp tác sản xuất đồng bộ, với chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cao), xác định cơ cấu kỹ thuật và công nghệ, cơ cấu vốn đầu tư, lựa chọn hình thức tổ chức quản lý sản xuất hợp lý với hệ thống chính sách kinh tế hấp dẫn, đủ sức thu hút các thành phần kinh tế tham gia xây dựng và phát triển kinh tế của thành phố.

Tính khả thi của những giải pháp thực hiện cơ cấu kinh tế nói trên là ở chỗ, nó có khả năng huy động sức mạnh tổng hợp của thành phố cũng như của cả Nam bộ và cả nước, có khả năng liên kết với nước ngoài, thông qua các chương trình và dự án kinh tế có căn cứ khoa học và đủ sức hấp dẫn.

Digitized by Google

2- *Gắn thị trường thành phố với thị trường Nam bộ, thị trường trong nước và thế giới.*

Nói đến sản xuất hàng hóa là nói đến thị trường. Một sản phẩm sản xuất ra mà không bán được, tức là không có thị trường tiêu thụ, thì sản phẩm đó không được coi là hàng hóa. Vì vậy, ngày nay, sự quan tâm của người sản xuất hàng hóa trước hết là thị trường. Nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trên các thị trường khác nhau là yếu tố quyết định việc lựa chọn quy trình công nghệ và quy mô sản xuất sản phẩm. Nắm vững yếu tố then chốt này, những năm qua thành phố đã chủ động tìm mọi biện pháp tiếp cận và mở rộng thị trường, trước hết là tạo các yếu tố cần thiết nhằm bảo đảm cho sự hình thành thị trường thống nhất vùng Nam bộ, mở ra thị trường cả nước, gắn thị trường thành phố với thị trường nước ngoài. Tìm ra được những yếu tố then chốt bảo đảm khả năng tiếp cận và chiếm lĩnh thị trường không phải là việc dễ dàng, các nhà lãnh đạo và các nhà doanh nghiệp thành phố đã khá thành công trong việc nghiên cứu phân tích một cách sáng tạo các yếu tố cơ bản của thị trường như : hàng hóa và dịch vụ, tiền tệ và vốn, sức lao động... Với kinh nghiệm vốn có và phong cách chỉ đạo năng động, nhạy bén, họ đã sớm tìm ra khâu mấu chốt nhất của thị trường, đó là *thị trường vốn*. Nhiều nhà doanh nghiệp của thành phố cho rằng thực chất của sản xuất kinh doanh có thể nói gọn trong một từ là "vốn". Việc tạo vốn và sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả có ý nghĩa quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Thực tế thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, để tiếp cận và mở rộng thị trường vốn, nhất là thị trường vốn các nước tư bản chủ nghĩa, không thể chỉ thông qua sự tháo vát của một số đơn vị và cá nhân, mà điều quan trọng là thông qua cơ chế chung, tức là thông qua hệ thống ngân hàng kinh doanh, tài chính, giao dịch ngoại hối, thị trường chứng khoán, hình thành các trung tâm nghiên cứu dự báo thị trường, thu thập và xử lý thông tin về thị trường trong nước và thế giới... Hệ thống này tuy mới bước đầu hình thành, còn phải hoàn thiện thêm, song nó đã tạo ra những phương tiện và công cụ quản lý rất cơ bản, cung cấp cho các nhà lãnh đạo và doanh nghiệp thành phố những tư liệu và dữ kiện làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Từ cách nghĩ và cách làm sáng tạo, mang tính khả thi như trên, thành phố những năm qua, mặc dù phải đương đầu với những khó khăn chung trong nước về kinh tế - xã hội cũng như chịu sự tác động phức tạp của tình hình thế giới, nhất là của tình hình Đông Âu và Liên xô (trước đây), vẫn bảo đảm thị trường buôn bán với cả nước và thế giới không những không bị thu hẹp mà còn được mở rộng. Thế mạnh về thương mại - dịch vụ của thành phố đã không ngừng được phát huy, và thành phố đang trở thành một trong những trung tâm tiền tệ, chuyển giao công nghệ và đầu mối quan hệ quốc tế của cả nước.

3 - *Sắp xếp lại kinh tế quốc doanh gắn với khuyến khích phát triển kinh tế ngoài quốc doanh.*

Kinh tế quốc doanh và kinh tế ngoài quốc doanh là những yếu tố hợp thành nền kinh tế của thành phố. Trên quan điểm tổng thể, toàn bộ sản phẩm và nguồn thu của thành phố đều do hai khu vực kinh tế này tạo ra. Năm 1990, kinh tế ngoài quốc doanh chiếm 45,2% thu nhập quốc dân sản xuất trên địa bàn thành phố. Tuy chiếm tỷ lệ cao, nhưng nhìn chung kinh tế quốc doanh làm ăn thua lỗ còn nhiều.

Sắp xếp lại kinh tế quốc doanh cũng có nghĩa là tạo ra những điều kiện cho các xí nghiệp quốc doanh sử dụng tiết kiệm vật tư, vốn... bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi thành phần kinh tế đều chịu sự tác động của các thành phần kinh tế khác. Kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh vừa là tiền đề, vừa là điều kiện cho nhau phát triển. Chẳng hạn, chuyển một số xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ từ sở hữu nhà nước sang sở hữu tập thể hoặc tư nhân, điều đó vừa làm giảm gánh nặng cho kinh tế quốc doanh, vừa làm tăng các yếu tố sản xuất và lao động cho khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Trong trường hợp cụ thể trên cũng như trong nhiều mối quan hệ khác, sự sắp xếp lại kinh tế quốc doanh không thể không liên quan đến việc khuyến khích phát triển khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của mối quan hệ trên, những năm gần đây, thành phố đã tập trung mọi cố gắng sắp xếp lại kinh tế quốc doanh, đồng thời, có chính sách đúng và mạnh dạn khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Có ý kiến cho rằng, trong cơ chế thị trường, hãy để cho thị trường tự sắp xếp lại kinh tế quốc doanh. Các nhà lãnh đạo và quản lý của thành phố đã không hoàn toàn làm như vậy, vì nghĩ rằng : bất cứ một sự vật

Digitized by Google

khách quan nào, nếu có sự tác động đúng quy luật của con người, thì đều vận động tới đích nhanh hơn. Thành phố đã chủ động phân loại các xí nghiệp quốc doanh, khẳng định những cơ sở nào, ở ngành nào nhất thiết phải duy trì (dù lỗ), còn ở ngành nào (nếu tiếp tục còn thua lỗ) thì dứt khoát phải giải thể, thanh lý, chuyển nhượng sở hữu cho các thành phần kinh tế khác. Tất nhiên, khi xử lý cụ thể, phải rất thận trọng và tiến hành từng bước. Sau khi được tổ chức lại, các xí nghiệp quốc doanh phải thực sự là các doanh nghiệp "có chủ" và kinh doanh có hiệu quả.

Để khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển mạnh mẽ và đúng hướng, thành phố đã tiến hành một bước cụ thể hóa các luật doanh nghiệp, luật công ty cổ phần, luật đầu tư..., xác định khung cảnh pháp luật rõ ràng, quy định thủ tục hành chính thống nhất, đơn giản và có sức hấp dẫn các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư để mở rộng và phát triển sản xuất. Thành phố đã đi đầu trong việc áp dụng các hình thức kinh tế mới như : công ty cổ phần (có hoặc không có phát hành cổ phiếu) ; công ty, xí nghiệp liên doanh ; công ty, xí nghiệp đại lý, gia công ; khu chế xuất, khu công nghiệp trung tâm, kinh tế tự do và các hình thức tô nhượng khác. Sự đa dạng hóa các hình thức kinh tế đã tạo tiền đề cho việc xử lý linh hoạt và tối ưu các quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối, tạo động lực mạnh mẽ cuốn hút mọi tầng lớp nhân dân tham gia quá trình sản xuất và trao đổi hàng hóa, làm cho thị trường thành phố vốn đã nhộn nhịp càng nhộn nhịp hơn.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa sắp xếp lại kinh tế quốc doanh và khuyến khích phát triển khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, là một vấn đề hết sức quan trọng ; nó quyết định sự phát triển toàn diện nền kinh tế, bảo đảm giải quyết việc làm, ổn định và nâng cao mức sống của nhân dân lao động. Đó chính là bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn đổi mới kinh tế ở thành phố.

4 - Đổi mới cơ chế quản lý phải đi đôi với nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước.

Thực tiễn quá trình đổi mới ở nước ta trong những năm qua đã cho chúng ta bài học sinh động về mối quan hệ giữa đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trước hết là phải xây dựng cho được hệ thống chính sách, luật pháp về kinh tế, vừa kế thừa và phát huy được truyền thống dân tộc, vừa tiếp thu được tinh hoa của thời đại. Tuy nhiên, bản thân hệ thống chính sách, luật pháp kinh tế dù có hoàn thiện đến đâu, tự nó không thể đi vào cuộc sống nếu không có một bộ máy quản lý nhà nước thực sự có hiệu lực.

Nói chức năng quản lý nhà nước về kinh tế cũng có nghĩa là nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật chứ không phải bằng sự can thiệp trực tiếp vào tác nghiệp sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế. Đúng như văn kiện Đại hội VII của Đảng đã xác định : "*Nhà nước* quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường..." (1).

Ở nước ta, chính quyền các cấp lâu nay vốn quen với cách quản lý mệnh lệnh, áp đặt chỉ tiêu kế hoạch từ trên xuống, do đó, để họ làm quen và làm tốt chức năng quản lý mới là một vấn đề không đơn giản. Có thể nói, trong các văn bản nghị quyết của Đảng và Chính phủ, những nguyên tắc chung về phân định chức năng giữa quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh đã khá rõ ràng, không phải người ta không nhận thức được. Song, do thói quen và những nguyên nhân về "lợi ích", nhiều người vẫn cố bám lấy những thể lệ và nguyên tắc cũ, tiếp tục lấn sâu và can thiệp thô bạo vào công việc của người khác. Để khắc phục cơ bản tình trạng này, trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra những vấn đề có tính nguyên tắc về phân định giữa quản lý nhà nước với quản lý kinh doanh, *tiến tới các cấp chính quyền chỉ làm chức năng quản lý hành chính*, không còn là cấp chủ quản đầu tư của các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Nói đến hiệu lực của bộ máy nhà nước, trước hết là nói đến hiệu lực quản lý hành chính (dựa trên bộ luật hành chính). Sự khởi xướng việc chuyển các cấp chính quyền của thành phố sang làm chức năng quản lý hành chính là phù hợp với xu hướng phát triển nhà nước pháp quyền. Nhà nước đó phải có một nền hành chính thống nhất, nhanh nhạy, nghiêm ngặt và hiệu nghiệm. Muốn vậy, phải có một đội ngũ cán bộ hành chính (bao gồm sơ cấp,

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 66 - 67

Digitized by Google

trung cấp và cao cấp) được đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng và tiêu chuẩn pháp định, được sử dụng và đãi ngộ thích đáng. Thực hiện tiêu chuẩn hóa, chức năng hóa đội ngũ công chức nhà nước, là điều kiện cơ bản để tiến hành sắp xếp lại đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp của thành phố, hướng hoạt động của các cấp chính quyền theo đúng chức năng đích thực của nó - chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.

Phát huy hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước có thể bao gồm nhiều khâu, song điều quan trọng là lãnh đạo thành phố đã nhạy bén tìm ra khâu mấu chốt nhất (hiệu lực quản lý hành chính) và tập trung mọi biện pháp tác động nhằm tạo nên sự chuyển biến đồng bộ giữa đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn thành phố. Nói tóm lại : *tìm ra khâu mấu chốt nhất, tháo gỡ từ khâu mấu chốt nhất, là cách nghĩ cách làm năng động sáng tạo và mang tính độc đáo của thành phố.*

Khi tôi viết về những kinh nghiệm bước đầu này của thành phố Hồ Chí Minh cũng là lúc thành phố đang đứng trước những khó khăn gay gắt về nhiều mặt. Ngoài khó khăn chung về khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài như cả nước (thiếu vốn, thiếu vật tư, kết cấu hạ tầng xuống cấp, đời sống nhân dân khó khăn, thiếu thốn), thành phố còn có khó khăn riêng, đặc biệt là tình trạng thiếu điện nghiêm trọng và kéo dài đã và đang gây tổn thất to lớn cho sản xuất, làm cho sinh hoạt của nhân dân thêm khó khăn.

Với truyền thống và kinh nghiệm vốn có của nhân dân thành phố, với sự quan tâm giúp đỡ hơn nữa của các cấp, các ngành và các địa phương trong cả nước, chắc rằng, thành phố mang tên Bác đi vào cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, sẽ nhanh chóng vượt qua mọi khó khăn thử thách, trở thành một thành phố giàu đẹp, đầy sức hấp dẫn đối với nhân dân trong nước và thế giới.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY...

(Tiếp theo trang 43)

để đăng tải những công trình nghiên cứu, trao đổi thông tin về nội dung và phương pháp giảng dạy.

Tình trạng thầy giáo chỉ giảng những gì đã được viết trong sách, ít được bồi dưỡng và cung cấp thông tin (đặc biệt là những thông tin mới), ít được đối thoại, tranh luận hoặc trình bày những vấn đề phát sinh trong quá trình giảng dạy, đã làm cho người nghe cảm thấy lý luận Mác - Lê-nin dường như là những giáo điều cứng nhắc, xa lạ với cuộc sống, "học khó vào".

Việc đào tạo lại và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy lý luận được đặt ra như một trong những yêu cầu bức bách của quá trình đổi mới. Trước mắt, có thể chưa làm ngay một lúc việc đào tạo lại một cách có hệ thống được. Vì vậy, nên chăng triển khai ngay lớp bồi dưỡng ngắn hạn kết hợp với đào tạo sau đại học và nghiên cứu sinh các môn lý luận. Đồng thời, tăng cường công tác hoạt động khoa học, coi đó như một điều kiện không thể thiếu của người giảng viên lý luận cấp đại học. Cần triển khai ngay một diễn đàn khoa học để đội ngũ thầy giáo có điều kiện công bố các công trình nghiên cứu và trao đổi nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận.

Cách đây 5 năm, tại một cuộc hội thảo khoa học về thực trạng công tác giảng dạy lý luận do *Tạp chí Giáo dục lý luận* tổ chức, có ý kiến cho rằng, công tác giảng dạy lý luận đang lâm vào "một cuộc khủng hoảng"(1). Quan điểm này có mặt hợp lý và gần đúng. Rõ ràng, thời gian và những sự kiện đột biến của thế giới đã làm trầm trọng thêm sự khủng hoảng này. Vì vậy, đổi mới công tác giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin trong tình hình hiện nay là hết sức cấp bách và là một công việc nặng nề, hệ trọng. Cần có sự nỗ lực rất lớn và tinh thần trách nhiệm cao của các cấp quản lý, của các cơ quan nghiên cứu và của đội ngũ cán bộ giảng dạy lý luận.

(1) Xem *Tạp chí Giáo dục lý luận, số 5-1988, tr 61, 62*

Digitized by Google

Hợp tác xã nông nghiệp ở Quảng nam - Đà nẵng : bức tranh đang rõ nét

HƯNG NGHIÊM

PHONG trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Quảng nam - Đà nẵng mở đầu ngay sau ngày giải phóng và hoàn thành vào năm 1979. Phần lớn hợp tác xã ở đây tổ chức theo quy mô toàn xã. Song cũng như ở nhiều nơi khác, lối làm ào ạt, "đánh trống ghi tên" này, hiệu quả mang lại không cao. Đời sống nông dân, một thời gian dài, gặp không ít khó khăn.

Vận dụng sáng tạo Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (khóa VI) về đổi mới quản lý sản xuất trong nông nghiệp, lãnh đạo và nhân dân Quảng nam - Đà nẵng vừa làm vừa thử nghiệm, nhạy bén uốn nắn sai sót và lệch lạc. Đến nay, qua 4 năm thực hiện phương thức khoán mới và tổng kết kinh nghiệm hằng năm, Quảng nam - Đà nẵng đã rút ra được nhiều bài học thiết thực, tự khẳng định con đường phát triển của mình ; bước đầu tìm được cách đi phù hợp cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của tỉnh.

Khi thực hiện "khoán 10", một số người muốn xóa ngay hợp tác xã, vì họ cho rằng, thực hiện khoán hộ, coi hộ là đơn vị sản xuất độc lập, thì vai trò hợp tác xã không còn nữa. Các cấp lãnh đạo, quản lý từ tỉnh đến xã đã bàn bạc và thấy rằng : trong tình hình hiện nay, mặc dù thay đổi phương thức khoán, vai trò kinh tế hộ gia đình được nâng cao, nhưng vẫn cần thực hiện những yêu cầu khách quan của hợp tác hóa về mặt lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và xây dựng nông thôn mới. Điều quan trọng nhất là làm thế nào để phát triển nhanh hơn lực lượng sản xuất nông nghiệp và hình thành nông thôn mới.

Thực tế cho thấy, biết xuất phát từ lực lượng sản xuất (coi trọng các yếu tố cụ thể về con người, đất đai, công cụ, vốn liếng...), sẽ tìm ra được những hình thức quan hệ sản xuất đa dạng, thích hợp với từng ngành, từng thành phần, từng hợp tác xã. Mấy năm qua, xuất phát từ đó, Quảng nam - Đà nẵng đã vạch ra con đường đi lên của phong trào hợp tác hóa trong tỉnh : từ hợp tác *giản đơn* đến hợp tác *văn minh* hay liên hiệp các hợp tác xã kinh doanh tổng hợp, tạo nên khả năng và điều kiện tích tụ vốn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, làm cho sản xuất phát triển, đời sống nông dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn mới dần dần hình thành.

Hiện nay, toàn tỉnh có 269 hợp tác xã, chia làm ba loại : khá, trung bình và kém.

Loại *kém* (chiếm 1/3), trên thực tế chỉ còn là "bộ khung" mang tính hình thức, hầu như không còn tác dụng thúc đẩy sản xuất. Cơ sở vật chất, vốn liếng thiếu hụt (phần vì xã viên chiếm nợ, phần vì vội vàng tư nhân hóa, bán mua, thanh lý tài sản, nên bị thất thoát). Loại này thường ở các vùng cát, vùng núi, có nhiều khó khăn. Tỉnh chủ trương ở những nơi này không nóng vội áp đặt, mà tùy hoàn cảnh cụ thể, áp dụng những hình thức tổ chức gọn nhẹ, thích ứng, miễn sao đạt được hiệu quả. Hiện đang thử nghiệm một kiểu quản lý là thành lập ban chỉ đạo sản xuất theo địa bàn thôn. Có lẽ kiểu này là phù hợp.

Loại *khá* (chiếm 1/3) đang được các cấp quan tâm đổi mới và hoàn thiện. Dưới đây xin trình bày rõ hơn loại hợp tác xã này trên ba mặt : sở hữu, quản lý điều hành sản xuất, phân phối và trao đổi sản phẩm.

1 - Về *quan hệ sở hữu*

Ở nông thôn, đất đai được coi là đối tượng quan trọng nhất. Song đất đai cần có chủ. Luật pháp đã quy định đất đai thuộc sở hữu nhà nước. Vậy về *tư cách pháp nhân*, ngoài hợp tác xã và chính quyền cơ sở là người đại diện nhà nước, không thể ai khác giữ vai trò chủ sở hữu đất đai. Còn quyền *sử dụng đất* thì giao cho xã viên (theo hộ gia đình).

Đất đai Quảng nam - Đà nẵng được phân thành *hai* quỹ : một là quỹ đất *giao lâu dài* (khoảng 15 năm) theo nhân khẩu (thống kê chính thức của xã) ; hai là quỹ đất *để đấu thầu* (3 - 5 năm) nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Trong quá trình giao đất, chú ý hai yếu tố : hướng sử dụng đất (trồng cây gì, nuôi con gì...) ; và mức tăng dân số.

Việc giao đất còn nhiều ý kiến và cách lý giải khác nhau, song trên thực tế, không có một khuôn

Digitized by Google

mẫu nào phù hợp cho tất cả. Trước mắt, lối làm như trên ở Quảng nam - Đà nẵng đã hạn chế được một phần hiện tượng tranh chấp đất dẫn đến mâu thuẫn xung đột trong nội bộ nhân dân, tạo thế ổn định lâu dài để nông dân yên tâm đầu tư sản xuất.

Với tư cách người chủ sở hữu đất đai, hợp tác xã thực hiện một nhiệm vụ quan trọng là hợp đồng chặt chẽ với từng hộ gia đình về khoán sản lượng, về quy hoạch phân phối. Hợp tác xã có quyền điều chỉnh đất trong địa bàn cho phù hợp. Đồng thời, có trách nhiệm giúp đỡ bà con những khâu dịch vụ cần thiết. Trong công tác quản lý đất đai, sự phối hợp giữa cơ quan hành pháp của địa phương với đảng ủy và hợp tác xã đã tạo thế chân kiềng vững chắc, hạn chế đến mức thấp nhất những hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra.

2 - Về *quản lý, điều hành sản xuất*

Hợp tác xã xác định chức năng của mình là đơn vị dịch vụ kinh doanh, thông qua hợp đồng kinh tế (hai bên đều có lợi). Hợp tác xã đảm nhiệm những khâu mà hộ nông dân không thể đảm đương hoặc đảm đương nhưng hiệu quả không cao, như : làm đất, thủy lợi, làm giống, bảo vệ động, thực vật, cung ứng vật tư, chế biến sản phẩm...Hợp tác xã còn chỉ đạo về kế hoạch thời vụ, cung cấp vốn, đầu tư kỹ thuật cho các hộ xã viên. Các khâu dịch vụ này đều dựa trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa hộ sản xuất và hợp tác xã theo nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Đương nhiên, xã viên chỉ chấp nhận hợp đồng khi thấy giá thành rẻ hơn và chất lượng công việc cao hơn so với đối tượng khác.

Như vậy, ở Quảng nam - Đà nẵng, vai trò của hợp tác xã thể hiện trên hai mặt : *một mặt*, tôn trọng tính tự chủ kinh doanh của hộ xã viên, thực hiện tốt khâu dịch vụ, điều hành sản xuất, kịp thời vụ, đúng kỹ thuật ; *mặt khác*, lập kế hoạch chỉ đạo theo hướng tập trung, tăng hiệu quả đồng vốn trong sản xuất.

Cả hai mặt này vừa nhằm phát huy khả năng tiềm tàng của xã viên, vừa tránh tình trạng cản trở sự phát triển sản xuất và gây rối loạn thị trường. Thực tế ở Quảng nam - Đà nẵng đã có những kinh nghiệm thiết thân. Đó là việc để cho xã viên tự làm lấy khâu phòng trừ sâu bệnh. Do xã viên chủ quan và thiếu phương tiện kỹ thuật cần thiết, có lúc bọ sâu đã nảy nở và lây lan nhanh chóng, tạo thành dịch lớn, gây hậu quả không nhỏ. Một việc nữa là có lúc đã để cho các hộ nông dân làm theo kinh nghiệm cũ, không chú ý đến sự hướng dẫn cần thiết của các cơ quan có trách nhiệm về thời vụ (nhất là trong tình hình thời tiết diễn biến thất thường), nên đã dẫn đến mất mùa, thất bát lớn.

Trong số hợp tác xã loại khá, Đại hiệp (huyện Đại lộc) là hợp tác xã có nhiều thành tựu về mặt quản lý điều hành sản xuất. Hợp tác xã này đảm nhiệm 4 khâu dịch vụ chính :

- Khâu *thủy lợi* : xây dựng 4 đập nước, đào đắp 2,5 triệu m^3 đất trị giá 5 tỷ đồng ; tổ chức một đội chuyên làm thủy lợi gồm 25 người, đảm bảo khâu tưới tiêu nước cho ruộng xã viên.

- Khâu *bảo vệ thực vật* : có một đội chuyên gồm 20 người bám sát đồng ruộng, dự báo kịp thời, cấp thuốc trừ sâu đúng lúc và giá hạ.

- Khâu *làm đất* : có 3 máy làm đất MTZ, một đội chuyên cày, bảo đảm cày kịp thời vụ, đúng hợp đồng, chất lượng cao, giá công thấp.

- Khâu *làm giống* : chọn một số hộ biết tạo giống giỏi, phối hợp với Công ty giống cây trồng của tỉnh, đảm bảo sản xuất và cung cấp giống cho các hộ rất hiệu quả.

Ngoài 4 khâu trên, hợp tác xã còn làm các khâu *cung ứng vật tư*, khâu *cải tạo đất*, nên đã gây được niềm tin trong xã viên.

Để các hợp tác xã trong tỉnh đảm bảo được vai trò quản lý điều hành sản xuất như trên, Quảng nam - Đà nẵng gần đây đã thực hiện cơ chế công khai và dân chủ trong bầu cử chủ nhiệm hợp tác xã. Chính vì vậy, nhiều cán bộ có đức có tài đã được xã viên "chọn mặt gửi vàng". Trong thực tế, những cán bộ như vậy đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, được quần chúng tin yêu.

3 - Về *phân phối và trao đổi sản phẩm*

- Đối với xã viên : thực hiện phân phối theo lao động một cách công khai, dân chủ ; phân phối dựa vào kết quả lao động cuối cùng qua khoán sản phẩm.

- Đối với cán bộ lãnh đạo, tỉnh chủ trương : quỹ lương cán bộ và quỹ hợp tác xã (quỹ phúc lợi, quỹ tích lũy cho tái sản xuất) sẽ dần dần được trích từ lợi nhuận do sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đem lại (chiếm từ 7 - 10% giá trị sản phẩm) ; giảm dần, đi đến bỏ hẳn cách thu khoán trên đầu sào. Bộ máy quản lý các hợp tác xã hiện nay đã giảm đi rất nhiều

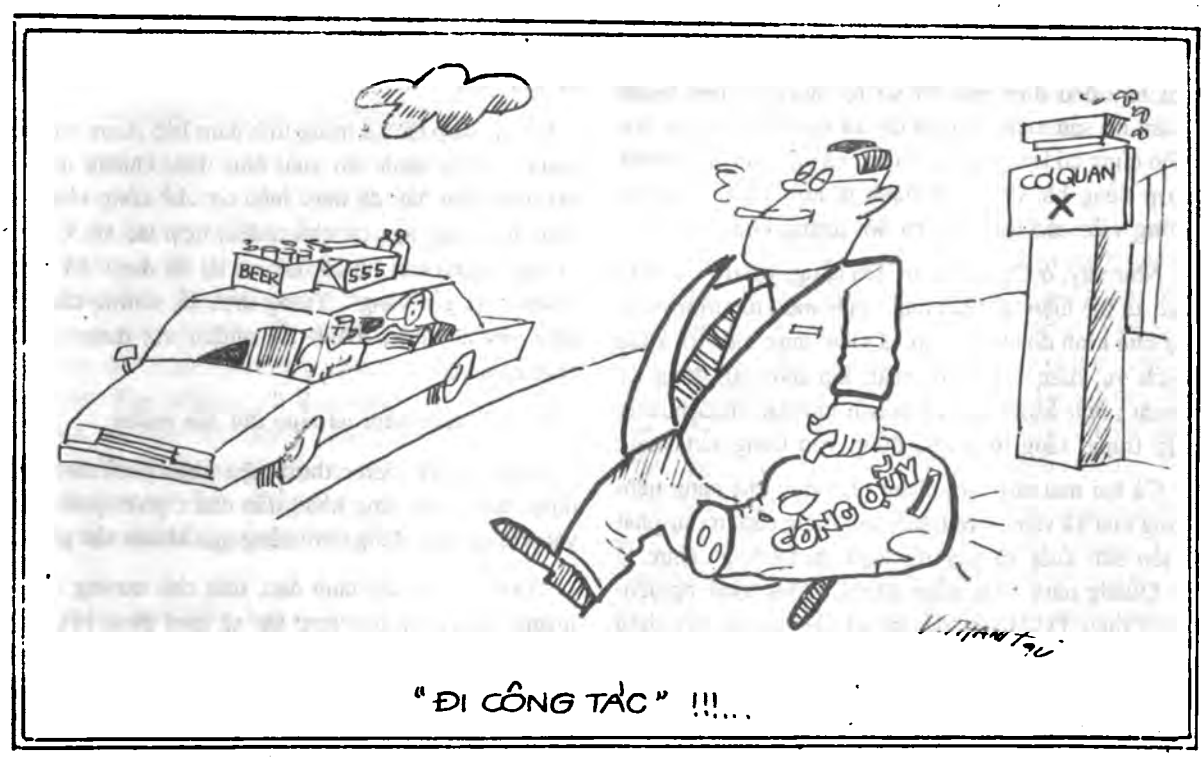
Digitized by Google

(trước đây mỗi hợp tác xã có từ 15 đến 20 người, nay chỉ còn 5 đến 7 người).

Đối với các hộ gia đình thuộc diện chính sách (có xã chiếm tới 80% số hộ), Quảng nam - Đà nẵng thực hiện cách phân phối tương đối thỏa đáng. Ở đây, coi sự mất mát hy sinh của bà con nông dân là thứ lao động quá khứ bằng máu, vì vậy mặc dù hoàn cảnh chung khó khăn, tỉnh đã mạnh dạn lập quỹ "đền ơn trả nghĩa" để giúp đỡ các hộ này. Các gia đình diện chính sách được ưu tiên giao ruộng tốt, thuận lợi, miễn phí, trợ cấp thường xuyên, đột xuất... Đối với các hộ nghèo, neo đơn gặp khó khăn, hợp tác xã cho vay vốn, vay vật tư, phân bón để sản xuất. Các đối tượng khác cũng được hợp tác xã chú ý, nhất là trẻ em (lương giáo viên mẫu giáo ở Đại hiệp được hợp tác xã trả 50%, còn phụ huynh trả 50%).

Như vậy, vừa tiến hành phân phối theo lao động trực tiếp, vừa quan tâm, phân phối lại theo phương châm "lá lành đùm lá rách", đó cũng là thành tựu đáng kể của tổ chức đảng, chính quyền và các ngành liên quan cùng với hợp tác xã ở Quảng nam - Đà nẵng.

Hợp tác xã còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao đời sống nhân dân, thể hiện ở cố gắng đưa điện về nông thôn với số vốn đầu tư tổng cộng gần 30 tỷ đồng trong đó nhà nước đóng góp không đáng kể. Tuy vậy, lãnh đạo và nhân dân Quảng nam - Đà nẵng chưa thỏa mãn và thấy còn nhiều khâu phải làm tốt như : chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xử lý giá cả vật tư, giá thu mua (có yếu tố không trong tầm tay của tỉnh). Cũng như ở các nơi khác trong nước, nông nghiệp Quảng nam - Đà nẵng đang phải giải quyết các vấn đề gay go phức tạp : giải phóng nông dân khỏi những công việc nặng nhọc, từng bước thực hiện cơ giới hóa và điện khí hóa ; nâng cao đời sống nhân dân bằng việc phát triển kinh tế nhanh hơn, giải quyết công ăn việc làm cho số lao động dư thừa do số dân tăng ; xây dựng một nông thôn mới với sản xuất, kinh doanh tổng hợp đa dạng, có sự kết hợp hài hòa giữa công và nông nghiệp, bảo đảm dân giàu nước mạnh, đi lên chủ nghĩa xã hội.



"ĐI CÔNG TÁC" !!!...

Digitized by Google

THANH NIÊN PHẤN ĐẤU GIA NHẬP ĐẢNG

Lời Bộ biên tập : Để góp phần chuẩn bị Hội nghị lần thứ ba BCHTƯ Đảng (khóa VII) bàn về xây dựng Đảng và chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, vừa qua tại Hà nội, Bộ biên tập TCCS và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức cuộc hội thảo khoa học - thực tiễn với chủ đề : **Thanh niên phấn đấu gia nhập Đảng.**

Nhiều cán bộ nghiên cứu công tác thanh niên, công tác đảng ở Trung ương đoàn, Tạp chí Cộng sản, các viện nghiên cứu, các cơ quan trung ương và Hà nội đã đến dự. Đồng chí Hà Quang Dự, Ủy viên BCH TƯ Đảng, Bí thư thứ nhất BCH TƯ Đoàn và đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập TCCS chủ trì cuộc hội thảo.

Dưới đây là tóm tắt một số nội dung chính của cuộc hội thảo.

I - TẦM QUAN TRỌNG VÀ Ý NGHĨA CẤP BÁCH CỦA VẤN ĐỀ

Nhiều đại biểu tham dự hội thảo cho rằng : phát triển Đảng, bổ sung sinh lực mới cho Đảng là một nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức Đảng. Trong tình hình hiện nay *vấn đề trẻ hóa đội ngũ của Đảng* càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và là một đòi hỏi cấp bách. Đó là vì :

Một là, cách mạng nước ta đang bước vào giai đoạn rất quan trọng : bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ; sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng tăng ; quan hệ kinh tế đối ngoại mở rộng, Đảng ta phải nhanh chóng vươn lên thích ứng với những yêu cầu mới. Tuổi trẻ là lực lượng xung kích của cách mạng, đi đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới ; Đoàn thanh niên là đội dự bị hùng hậu và đáng tin cậy của Đảng. Hơn lúc nào hết, lúc này Đảng cần có biện pháp thiết thực tổ chức, giáo dục và phát huy tiềm năng to lớn của tuổi trẻ, thu nhận vào đội ngũ của mình những phần tử ưu tú của tuổi trẻ để tăng thêm sức mạnh trí tuệ và sức trẻ của Đảng, chuẩn bị cho tuổi trẻ kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân.

Hai là, một bài học quan trọng rút ra từ sự tan rã của các đảng cộng sản và công nhân ở Liên Xô (trước đây) và Đông Âu là vấn đề xây dựng và chuẩn bị *thế hệ kế tục cách mạng*. Trong điều kiện hiện nay, đặc biệt hướng về tương lai, trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác này không chỉ có ý nghĩa trước mắt mà còn mang ý nghĩa chiến lược to lớn.

Ba là, cục diện chính trị thế giới biến đổi sâu sắc và phức tạp đang tác động mạnh vào đất nước và tuổi trẻ chúng ta. Các thế lực thù địch bên ngoài câu kết với bọn phản động và các phần tử xấu trong nước thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" hòng kích động thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập mà thực chất là nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng và lật đổ chế độ ta ; mặt khác, chúng truyền bá tư tưởng phản động, văn hóa đồi trụy, độc hại, lối sống vô đạo đức nhằm làm hư hỏng, và tiến tới giành giật, lôi kéo tuổi trẻ nước ta. Việc

Digitized by Google

bảo vệ và gìn giữ tuổi trẻ càng trở nên quan trọng.

Bốn là, đội ngũ đảng viên của Đảng đang có xu hướng "lão hóa". Bình quân tuổi đời của đảng viên toàn Đảng là hơn 42. Vì vậy, việc trẻ hóa đội ngũ của Đảng, làm cho Đảng năng động hơn, mạnh mẽ hơn bằng cách kết nạp nhiều hơn những thanh niên ưu tú vào Đảng, là một đòi hỏi rất khách quan và bức xúc.

II - THỰC TRẠNG THANH NIÊN GIA NHẬP ĐẢNG VÀ VIỆC KẾT NẠP THANH NIÊN VÀO ĐẢNG TRONG THỜI GIAN VỪA QUA

Khi đề cập vấn đề này, đã có nhiều cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau tùy thuộc vào chỗ đứng và góc nhìn của người xem xét. Ý kiến chung cho rằng, không nên "vơ đũa cả nắm" nói chung chung về sự "lão hóa đảng", hoặc nhận định tuổi trẻ không muốn gia nhập Đảng, mà phải phân tích rõ từng đối tượng cụ thể và xác định mức độ cho khách quan.

Một số bản báo cáo điều tra, khảo sát tình hình thực tế trong khoảng thời gian 10 năm (1981 - 1991) cho thấy :

+ Giai đoạn 1981 - 1987 : Có 529 414 đoàn viên được vào Đảng, chiếm tỷ lệ 78,7% tổng số 672 471 đảng viên mới. Năm cao nhất : 1981, với 86 828 người và năm thấp nhất : 1987, chỉ có 64947 người. Đáng chú ý là tỷ lệ đảng viên mới là đoàn viên so với tổng số đảng viên mới có sự thay đổi. Năm cao nhất (1983) : 93,35% và năm thấp nhất (1987) : chỉ còn 62,8%. Trung bình mỗi năm có khoảng 75630 đoàn viên được kết nạp vào Đảng.

+ Giai đoạn 1988 - 1991 : Có 157 845 đoàn viên được kết nạp vào Đảng trong tổng số 227 641 đảng viên mới của toàn Đảng. Năm cao nhất (1988) : 60891 người chiếm 72,2% và năm thấp nhất (1991) : chỉ còn 17676 người chiếm 63,7%. Trung bình mỗi năm có 39461 đoàn viên được vào Đảng.

Tuy nhiên ở mỗi khu vực và ở từng đối tượng thanh niên tình hình cũng khác nhau. Trong quân đội, tỷ lệ đoàn viên được kết nạp vào Đảng chiếm từ 85 - 90% tổng số đảng viên mới được kết nạp, trong khi đó ở các trường đại học tỷ lệ đó không quá 3%. Ở Hà Nội, năm 1991, số đoàn viên được kết nạp chỉ chiếm 38% tổng số đảng viên mới. Ở Thái bình : 50%.

Về việc kết nạp thanh niên vào Đảng của các cấp ủy đảng, một số báo cáo cho thấy : số đoàn viên được Đảng kết nạp so với tổng số đoàn viên ưu tú được Đoàn giới thiệu cho Đảng luôn đạt tỷ lệ thấp. Trung bình cả nước, hằng năm chỉ đạt 22%, nơi cao nhất : Quảng ninh 32%, và nơi thấp nhất : Thái bình 4,5%. Nếu tỷ lệ này được nâng lên 50%, thì ít nhất, mỗi năm Đảng sẽ có thêm hơn 8 vạn đảng viên trẻ.

Rõ ràng nhìn chung số đoàn viên gia nhập Đảng, qua mỗi năm, *ngày càng giảm sút*. Năm 1990, số đoàn viên thanh niên gia nhập Đảng chỉ bằng 37,44% của năm 1981, bình quân mỗi năm giảm hơn 2%.

III - NGUYÊN NHÂN CỦA TÌNH HÌNH TRÊN

Những người dự hội thảo cho rằng, sở dĩ có tình trạng như đã nói ở trên, là do nhiều nguyên nhân, song có thể rút ra *bốn nguyên nhân chủ yếu* sau đây :

Trước hết, nguyên nhân thuộc về Đảng. Đây là nguyên nhân chủ yếu nhất. Đảng là người trực tiếp lãnh đạo, dẫn dắt Đoàn thanh niên, cho nên người trước tiên chịu trách nhiệm về đội dự bị của mình là Đảng.

Nhiều cấp ủy đảng chưa thấy hết tầm quan trọng của công tác phát triển đảng trong thanh niên và buông lỏng công tác này ; không chú ý xây dựng đoàn thanh niên, coi nhẹ việc đào tạo, giáo dục và bồi dưỡng thế hệ kế tục cách mạng. Bộ chính trị Trung ương Đảng đã có nghị quyết về công tác thanh niên, nhưng nhiều cấp ủy chậm đề ra các biện pháp cụ thể để lãnh đạo công tác thanh niên. Nội dung tổ chức và phương pháp công tác thanh niên vẫn theo những kinh nghiệm cũ. Tư tưởng phong kiến, tác phong gia trưởng, thái độ hẹp hòi và cách đánh giá không đúng về tuổi trẻ đã kìm hãm tính tích cực của tuổi trẻ.

Digitized by Google

Không ít cấp ủy và cán bộ lãnh đạo của Đảng không tôn trọng tính độc lập về mặt tổ chức của Đoàn hoặc buông trôi, "khoán trắng" cho Đoàn trong việc kết nạp đoàn viên vào Đảng. Ở Hải hưng, có tới 52 đảng bộ cơ sở suốt 10 năm liền không làm công tác phát triển đảng ; ở quận Đống đa (Hà nội), 600 chi bộ trong nhiều năm không kết nạp được thêm đảng viên ; và ở quận Ba đình (Hà nội) cũng có tới 65% số đảng viên không làm công tác quần chúng. Có hàng chục đoàn viên ưu tú, đương chức bí thư huyện đoàn hoặc tương đương, đã từng là đối tượng hàng chục năm liền vẫn chưa được Đảng kết nạp... Ở một số nơi có làm công tác này nhưng lại theo kiểu "phe cánh", dòng họ.

Mặt khác, trong điều kiện mới, Đảng chưa xác lập được một mẫu hình người đảng viên phù hợp. Một số cán bộ, đảng viên không gương mẫu trước lớp trẻ ; phẩm chất đạo đức và trình độ trí tuệ của họ không theo kịp tình hình ; một bộ phận thoái hóa, biến chất đã nêu những "tấm gương mờ" trước tuổi trẻ. Chính điều này đã trực tiếp làm thanh niên phân tâm, không tích cực học tập và noi theo gương đảng viên.

Nói như vậy, không có nghĩa là thanh niên mất hết lòng tin vào đảng, không muốn vào Đảng, mà để thấy rằng, tuổi trẻ tích cực hay không tích cực xin gia nhập Đảng, trước hết là tùy thuộc vào Đảng.

Hai là, nguyên nhân thuộc về Đoàn. Những năm gần đây công tác của Đoàn thanh niên chậm được đổi mới cả về nội dung, hình thức và phương pháp, nếu không nói là vẫn còn mòn sáo, cũ kỹ và nhàm chán, dẫn tới làm cho tuổi trẻ "nhạt Đoàn", "khô Đoàn". Số lượng đoàn viên đã giảm sút và chất lượng cũng vậy. Trong khi đó, số cơ sở đoàn yếu kém còn nhiều, tới hơn 30%. Cán bộ đoàn đã yếu và thiếu ở nhiều khu vực, nhiều cán bộ đoàn không yên tâm công tác. Bệnh hành chính và hình thức còn nặng ; hình thức tập hợp các tầng lớp thanh niên còn đơn điệu, nghèo nàn. Nhiều thanh niên còn "đứng ngoài" tổ chức của Đoàn, của Hội. Đoàn viên bỏ sinh hoạt khá phổ biến.

Ngay trong thanh niên cũng có sự phân hóa. Bên cạnh lớp thanh niên tiên tiến, vẫn còn một bộ phận đáng kể tuổi trẻ chưa thấy hết trách nhiệm của mình, chưa xác lập được cho mình ý thức phấn đấu vươn lên để kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Một bộ phận dao động về lý tưởng, nhận thức về giá trị cuộc sống có những lệch lạc, bàng quan với trách nhiệm xã hội, lười biếng, chạy theo lối sống thực dụng, mê tín dị đoan, suy thoái về đạo đức, gây gổ, hung bạo, vi phạm pháp luật. Một bộ phận thanh niên nông thôn sa vào hủ tục, rượu chè, mê tín. Có những thanh niên học sinh, sinh viên, trí thức tiếp thu tư tưởng tự do tư sản, lối sống ngoại lai không lành mạnh, coi thường nếp sống văn hóa dân tộc tốt đẹp, thờ ơ với chính trị. Thanh niên trong các lực lượng vũ trang có tâm lý không muốn làm sĩ quan, tình trạng vô kỷ luật phát triển ở một số cán bộ và chiến sĩ. Nhiều người trong các tầng lớp thanh niên lao động, thợ thủ công bỏ sản xuất để đi buôn, trốn thuế, lậu thuế, lừa đảo, hợm của. Đời sống của thanh niên các dân tộc thiểu số nói chung còn khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật nhiều, nạn mù chữ và tập tục lạc hậu còn nặng nề. Một số không nhỏ thanh niên trong các tôn giáo còn mặc cảm trong sinh hoạt xã hội, đời sống văn hóa còn thấp... Rất tiếc, trước tình hình đó, sự nỗ lực của chúng ta chưa tương xứng và chưa làm được bao nhiêu.

Ba là, nền sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường đã làm phân hóa khá sâu trong xã hội và thanh niên, cộng với những khó khăn kinh tế - xã hội tồn tích lâu nay, làm nảy sinh nhiều vấn đề gay gắt đối với tuổi trẻ : thiếu việc làm, thu nhập thấp, thất học, bỏ học, sức khỏe giảm sút, tệ nạn xã hội phát triển. Nhưng nhà nước lại chưa kịp thời ban hành luật pháp, chế độ, chính sách và thiếu sự đầu tư cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển của thế hệ trẻ ; chậm xây dựng quy chế phối hợp với Đoàn thanh niên và các tổ chức thanh niên, thiếu cơ cấu tổ chức để phối hợp tốt lực lượng trong công tác thanh niên. Việc một bộ phận những người đi trước thoái hóa, biến chất và sự thiếu trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cơ quan, đơn vị, nơi cư trú đã ảnh hưởng không tốt đến thanh niên. Mặt khác, sự "bùng nổ" thông tin, sự du nhập tư tưởng phi xã hội chủ nghĩa, lối sống thực dụng tư sản, những mặt trái của cơ chế thị trường, làm cho thanh niên đã lúng túng, lại càng lúng túng trong việc nhận thức đúng về Đảng và chủ nghĩa xã hội.

Bốn là, như trên đã nói, tình hình chính trị thế giới biến đổi sâu sắc và phức tạp đang tác động mạnh vào thanh niên nước ta. Các thế lực thù địch thực

Digitized by Google

hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", truyền bá tư tưởng phản động, văn hóa đồi trụy, độc hại, lối sống vô đạo đức nhằm lôi kéo và làm hư hỏng thanh niên ta. Đặc biệt, sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội dẫn tới những đảo lộn và sụp đổ của Liên xô và các quốc gia xã hội chủ nghĩa Đông Âu, kéo theo sự tan rã của các đảng cộng sản và công nhân ở các nước này, là yếu tố quan trọng làm phân tâm thanh niên của chúng ta đối với chủ nghĩa xã hội, đối với Đảng và Đoàn thanh niên.

Tất cả những điều đó đã ảnh hưởng một cách mạnh mẽ và trực tiếp đến việc phấn đấu gia nhập Đảng của tuổi trẻ.

IV - KIẾN NGHỊ NHỮNG GIẢI PHÁP

Nhiều đại biểu tham dự hội thảo đã kiến nghị những giải pháp cụ thể, để khắc phục những tình trạng nói trên.

1 - Về Đảng

- Trong việc *tự chỉnh đốn, tự đổi mới mình*, Đảng cần chú ý đổi mới cả nhận thức, nội dung, phương pháp giáo dục thanh niên, tích cực chăm lo củng cố xây dựng Đoàn, coi *xây dựng Đoàn là xây dựng Đảng trước một bước*. Lãnh đạo xây dựng Đoàn *theo hướng* nâng cao chất lượng, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng, là hạt nhân chính trị của phong trào thanh niên, người đại diện chính đáng của thanh niên. *Đa dạng hóa* các phương thức vận động, các hình thức tập hợp thanh niên vì mục tiêu dân giàu nước mạnh. Nghiên cứu xây dựng *mẫu hình người đảng viên* trong điều kiện mới.

- Cùng với việc định hướng lý tưởng, Đảng lãnh đạo phối hợp hành động trong hệ thống chính trị để bồi dưỡng thanh niên thành người công dân tốt, yêu nước xã hội chủ nghĩa. Quan tâm toàn diện tới nhu cầu của tuổi trẻ, nhất là những nhu cầu chính đáng về vật chất, tinh thần và nguyện vọng tiến bộ của họ ; đồng thời, quan tâm giải quyết lợi ích của thanh niên, hướng dẫn họ chủ động tự giải quyết thỏa đáng các nguyện vọng của chính họ.

- Tổ chức điều tra, nghiên cứu, nắm chắc thông tin để đánh giá đúng tuổi trẻ, từ đó đưa ra những chủ trương, kế hoạch, biện pháp về công tác phát triển Đảng trong thanh niên. Xây dựng chế độ làm việc giữa cấp ủy đảng và ban chấp hành đoàn một cách dân chủ, bảo đảm mọi điều kiện cần thiết để thực hiện bằng được các chủ trương, kế hoạch đó.

- Làm trong sạch Đảng, thải loại ngay những đảng viên yếu kém, đồng thời củng cố các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, trong sạch. Mọi đảng viên phải có nghĩa vụ làm công tác thanh niên và kết nạp đảng viên mới.

- Rà soát, xem xét và sửa đổi các thủ tục kết nạp đảng viên mới một cách phù hợp ; bỏ những quy định đến nay không còn phù hợp.

- Có chế độ kiểm tra, sơ kết và phê bình kịp thời đối với các tổ chức đảng về công tác này.

- Không chỉ các cấp ủy đảng, mà đảng viên là thủ trưởng các đơn vị, cơ quan, xí nghiệp, trường học... cũng cần phối hợp và đích thân tham gia chỉ đạo công tác phát triển Đảng.

2 - Về Đoàn và bản thân thanh niên

Việc nâng cao chất lượng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh để Đoàn đủ sức làm hạt nhân chính trị, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên trong Hội liên hiệp thanh niên Việt nam, có vị trí quan trọng trong công tác thanh niên nói chung và trong công tác giáo dục đoàn viên gia nhập Đảng nói riêng.

- Công tác thanh niên trong tình hình mới chính là công tác giải quyết hài hòa nghĩa vụ và quyền lợi của tuổi trẻ, giáo dục thanh niên phát huy truyền thống tốt đẹp của các thế hệ cha anh, tham gia tích cực công cuộc đổi mới đất nước ; đồng thời góp phần giải quyết và đáp ứng những nhu cầu chính đáng của tuổi trẻ, như : việc làm, học tập, vui chơi, giải trí, tạo điều kiện thuận lợi để thanh niên có thể phát triển tài năng, cống hiến nhiều cho đất nước. Đấy cũng là những môi trường tốt nhất để thanh niên có thể tìm hiểu về Đảng, có được điều kiện cơ bản để hướng tới Đảng và gia nhập Đảng.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn nỗ lực chăm lo xây dựng mình vững mạnh, coi trọng chất lượng để thực sự xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng, là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, là hạt nhân chính trị của các phong trào và tổ chức thanh, thiếu niên, và là người đại diện và bảo vệ lợi ích của tuổi trẻ.

- Vấn đề có ý nghĩa to lớn là Đoàn phải tìm tòi

Digitized by Google

các hình thức và biện pháp giáo dục chính trị tư tưởng, khơi dậy các phong trào hành động phù hợp với đặc điểm của tuổi trẻ trong điều kiện kinh tế - xã hội mới. Phải từ việc quan tâm, đáp ứng các nhu cầu và lợi ích chính đáng của thanh niên mà thu hút ngày càng đông đảo thanh niên vào các hoạt động, từ đó giác ngộ, nâng cao dần trình độ mọi mặt của thế hệ trẻ.

- Chấn chỉnh bộ máy tổ chức và phương thức hoạt động của Đoàn sao cho gọn nhẹ, khắc phục tình trạng quan liêu, hành chính hóa, *hướng về cơ sở, chú trọng củng cố chi đoàn* ; đổi mới phong cách hoạt động của Đoàn bảo đảm được thông tin nhanh nhạy, chính xác, bám sát thực tiễn phong trào thanh niên, nắm chắc các khâu then chốt, giải quyết kịp thời, cụ thể, thiết thực từng vấn đề.

- Chú trọng tạo dựng mô hình xây dựng tổ chức và phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ, làm cho tổ chức Đoàn phát huy hết vai trò của mình trong việc tham gia xây dựng Đảng, trong đó có công tác giới thiệu các đoàn viên ưu tú để Đảng xem xét, kết nạp.

- Bản thân tuổi trẻ phải tự giác đòi hỏi mình phấn đấu vươn lên, thấy được trách nhiệm của mình trong việc kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, chứ không thể sống trông chờ, ỷ lại hoặc thờ ơ phó mặc, đổ lỗi cho người khác. Ở đây, Đoàn có vai trò rất to lớn trong việc phát triển các loại hình tập hợp thanh niên theo nghề nghiệp, sở thích và nhu cầu hoạt động.

3 - **Đối với toàn xã hội**

Giáo dục thanh niên, tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên cống hiến và trưởng thành là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Vì thế, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, đoàn thể phải phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả trong việc tập hợp và giáo dục tuổi trẻ, theo hướng :

- Đảng và nhà nước có chính sách đào tạo, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội... thực hiện dân chủ trong việc lựa chọn cán bộ làm công tác thanh niên, có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ Đoàn ; đầu tư cơ sở vật chất cho các hoạt động của Đoàn và công tác giáo dục thanh, thiếu niên.

- Cùng với việc xúc tiến nghiên cứu, ban hành một số luật bảo đảm cho thế hệ trẻ phát triển lành mạnh : Luật lao động, Luật thanh niên, Luật cải cách giáo dục..., cần hình thành một cơ cấu tổ chức thích hợp để xây dựng và phối hợp với các cơ quan chính quyền các cấp thực hiện chính sách xã hội đối với thanh niên.

- Xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa chính quyền và Đoàn thanh niên, để Đoàn thực hiện các chức năng của mình một cách đầy đủ và thật sự.

- Các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội có chương trình cụ thể phối hợp với Đoàn để làm công tác thanh niên. Các ngành, nhất là các ngành giáo dục, văn hóa, thông tin, lao động, các cơ quan truyền thông, xuất bản, báo chí, hướng hoạt động của mình vào việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, nhất là về mặt phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh.

Tất cả những người dự hội thảo đều nhấn mạnh rằng, các giải pháp cơ bản trên đây phải được tiến hành một cách đồng bộ, nhịp nhàng và phù hợp. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể từng bước lôi cuốn có hiệu quả tuổi trẻ vào công cuộc đổi mới đất nước, hướng họ tới Đoàn, tới Đảng, và động viên họ tích cực gia nhập Đảng trong tình hình hiện nay.

PHẠM ĐÌNH ĐẢNG
và **TRẦN MIỄU**
tổng thuật

Digitized by Google

Khen chê thời nay

NGUYỄN VĂN LỘC

KHEN chê vốn là chuyện thường tình trong đời sống. Từ xa xưa, nhân dân ta đã có câu *"Hay khen, hèn chê"*.

Đã một thời khen chê được coi như một vũ khí sắc bén giúp cho những người cách mạng phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, làm công tác tốt hơn. Nhưng những năm gần đây, vũ khí ấy không còn sắc bén như trước, và trong chuyện khen chê, có nhiều điều tế nhị, phức tạp. Có thể nói không quá đáng rằng, có những anh, những chị "lên" nhanh hoặc "xuống" nhanh, cũng bắt đầu từ chuyện khen chê.

Chúng ta đi dự hội nghị được nghe một đồng chí lãnh đạo nói chuyện. Người này khen là nói trúng vấn đề, là ý kiến sắc sảo. Người kia lại chê là "biết rồi, khổ lắm nói mãi", là "duy ý chí, chẳng có cơ sở khoa học nào"... Khen hay chê ở đó, bâng quơ một vài câu, nói chung là vô thưởng vô phạt, lời nói bay đi. Vả lại, ở chỗ đông người, ý kiến khác nhau, khen hay chê cũng là điều bình thường. Mà người nói đâu có biết ai khen mình, ai chê mình như thế nào, chỉ biết khi kết thúc buổi nói chuyện có nhiều tiếng vỗ tay rôm rả.

Khen chê "có vấn đề" thường là ở những khi có tiếp xúc, có đối thoại, nhất là giữa lãnh đạo và người bị lãnh đạo. Đồng chí lãnh đạo cấp trên sau cuộc nói chuyện, ở lại làm việc với một số cán bộ chủ chốt trong cơ quan, trong cấp ủy, hỏi ý kiến về bài nói của mình. Có người tuy nhất trí về nhiều điểm nhưng thấy có điểm còn chưa rõ, đang thận trọng cân nhắc xem nên nói như thế nào để đồng chí hiểu thật đúng những vấn đề của ngành mình, địa phương mình, đặng có sự chỉ đạo chặt chẽ hơn, khắc phục những khuyết điểm thường diễn ra như vừa qua. Nhưng một người vốn là chỗ quen biết với đồng chí cấp trên đã tỏ ra tâm đắc : "Anh nói rất trúng, rất hay, vấn đề sáng hẳn ra, gỡ thế bí cho chúng tôi". Hoặc khi thảo luận ở hội nghị, trong khi một số người còn đang cân nhắc, suy tính vì vấn đề lớn quá, không thể vội vã, thì anh bạn hăng hái kia lại khen lấy khen để người lãnh đạo đã có chủ trương đúng, có sáng kiến lớn. Hoặc khi có dịp gặp gỡ, làm việc với những đồng chí cấp trên, anh bạn và những người như anh bạn, dễ được nhận xét là nhanh nhạy, sớm nắm bắt được tư tưởng của lãnh đạo, và dễ "lọt mắt xanh" của những người có trách nhiệm, mặc dù về thực chất anh chưa bằng một số người khác.

Nói đúng ra, khen là cần thiết. Cuộc đời sẽ buồn tẻ biết bao nếu không biết khen, không có gì để mà khen. Điều quan trọng là khen đúng, không tô vẽ thêm, không phóng đại, không khen những điều sai trái, tiêu cực. Với những người tài giỏi, những người tốt, những việc làm tốt, rất nên khen lắm chứ ! Lúc sinh thời, Bác Hồ kính yêu rất trân trọng những người tốt, việc tốt. Theo dõi trên các báo, Bác đã gửi tặng nhiều huy hiệu cho những người tốt làm việc tốt.

Nhưng hiện tại, có những trường hợp thấy người ta khen mà ngại. Họ khen đến là khiếp ; rõ ràng là những lời tâng bốc có tính chất nịnh bợ, có màu sắc cơ hội.

Về phía người được khen, nhiều người rất khách quan, đúng mức. Họ nghiêm túc suy nghĩ lại những điều mình nói, những việc mình làm để kết luận về những lời khen, và từ đó mà hiểu thêm cán bộ. Có người đã khéo léo cắt ngang câu chuyện để kịp thời phanh lại những lời khen quá đáng đối với mình.

Tuy vậy, cũng nhiều người rất hài lòng về những lời khen quá mức. Có người đến lúc ấy mới chợt nhận ra rằng mình cũng là người rất chi là giỏi giang, tầm cỡ mà lâu nay không biết. Từ đó họ cảm thấy việc làm nào, lời nói nào của mình cũng đúng, cũng hay. Họ rất quý, rất tâm đắc với những người hay khen ấy, và nếu họ có quyền thì việc cất nhắc, lựa chọn người bạn vàng kia khỏi phải nói. Đúng như một số người đã tổng kết : "Sở dĩ có kẻ nịnh là vì có người ưa nịnh".

Khen thật, khen giả hoặc nịnh, dù sao cũng không "nguy hiểm" như chê. Chê mới dễ sinh rắc rối.

Công bằng mà nói, không phải tất cả những người bị chê đều phản ứng tiêu cực. Không hiếm người lãnh đạo, quản lý ở cấp cao, ở địa phương, ở cơ quan, xí nghiệp, trước những lời chê trách của cán bộ về vấn đề này, vấn đề khác đối với mình, đã có thái độ đúng đắn, bình tĩnh xem xét sự việc, từng bước khắc phục sai sót, được bạn bè, đồng chí quý mến hơn.

Nhưng nhiều người lại rất kiêng kỵ những lời chê, dù là chê trách đúng mười mươi. Có người đỏ mặt tía tai, tức không chịu được, tuy cũng có người trầm lặng, kín đáo. Anh thường có dịp tiếp xúc, làm việc với cán bộ lãnh đạo cấp trên, nếu vì tình thân quen, lần nào anh cũng "phổi bò" góp ý chê đồng chí ấy từ chuyện này sang chuyện khác, thì đến lúc nào đó, rất có thể anh sẽ được nhận xét là hay dao động, thiếu vững vàng, cái ghế anh ngồi sẽ lung lay. Ai cũng biết rõ ông A, bà B giàu sụ vì tham nhũng ; ông này ông nọ coi địa phương mình, đơn vị mình như vương quốc riêng, tự quyết định mọi vấn đề một cách chủ quan, tùy tiện, nhiều việc làm sai hẳn tư tưởng chỉ đạo của cấp trên. Hoặc công ty này, xí nghiệp nọ làm ăn thua lỗ, đời sống cán bộ nhân viên rất khó khăn mà giám đốc vẫn ăn chơi phè phỡn, mỗi tháng lĩnh mấy triệu đồng, xài một lúc mấy cô nhân tình, riêng tiền bao gái có tháng tới bạc triệu. Ở nhiều nơi, với mức độ thấp hơn, cũng có vô số người phụ trách coi trời bằng vung, làm bậy ra trò. Nhưng chê họ là cực khó. Một số người đã tự xếp họ vào diện "bất khả chê". Có người thanh minh rất lịch sự, đổ hết cho hoàn cảnh khách quan, đề nghị mọi người thông cảm. Người có ô dù tốt, thế lực mạnh thì không cần thanh minh dài dòng mà nổi nóng, bác bỏ tất. Sau đó thì những ai đã "dám" chê họ, dù đối với người nóng tính hay người mát tính, đều lần lượt được biết "thế nào là lễ độ". Người thì mất chức, người bị buộc thôi việc, người bị đưa vào danh sách giảm biên chế, người được ưu tiên cho về hưu ngay không phải chờ đợi gì. Có người còn bị quy kết tội này tội khác để xử lý kỷ luật Đảng. Tuy đã có nhiều vụ, việc tiêu cực được phanh phui trên báo chí, trước cơ quan, nhiều kẻ làm bậy, kể cả kẻ có chức có quyền, đã nằm trong các trại giam hoặc đang chờ ngày ra trước vành móng ngựa, đã rời khỏi quyền lực, nhưng đó mới chỉ là số ít trong rất nhiều vụ, việc mà nhiều người đã biết, đã từng chê nhưng chưa được xem xét, xử lý.

Thế mới hay cái sự khen chê thời nay đến là tế nhị, phức tạp. Xin để các đồng chí, các cơ quan có trách nhiệm suy nghĩ về chuyện này.

Digitized by Google

VỀ TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI

Tiến sĩ T.Q.Đ.

Lời người biên tập : Chúng tôi nhận được thư và bài của tiến sĩ T.Q.Đ., Việt kiều tại Mỹ. Dưới đây chúng tôi xin đăng bức thư và trích đăng một số đoạn trong bài viết của tác giả.

Ngày 10-3-1992

Kính gửi Ban biên tập Tạp chí Cộng sản

Chúng tôi rất phấn khởi về công cuộc đổi mới hiện nay ở trong nước, đặc biệt là những năm gần đây. Đọc Tạp chí Cộng sản, chúng tôi thấy có tính thuyết phục bởi sự cởi mở, sinh động, thể hiện được tư duy đổi mới. Trong Tạp chí Cộng sản số tháng 2-1992 có nhiều bài sâu sắc, có lý có tình.

Chúng tôi rất xúc động khi đọc những bài bày tỏ quan điểm của ĐCS Việt nam, trong đó công khai thừa nhận những khuyết điểm của mình. Và tôi rất kính phục sự quyết tâm, ý chí tự lực tự cường của chúng ta mà bài xã luận của Tạp chí đã nêu ra. Tôi viết bài sau đây để đóng góp với quý Tạp chí. Không hiểu là Tạp chí có đăng bài của người ngoài đảng hay không, nhưng tôi cứ mạnh dạn gửi đến Tạp chí, để nếu có thể, xin được đăng dưới dạng "Thư bạn đọc".

Hầu hết Việt kiều ở nước ngoài lo ngại sâu sắc trước sự mất ổn định như ở Nam tư hay ở Liên xô (chỉ trừ thiểu số phá rối). Ai nấy chỉ muốn ổn định là trên hết, và sau đó là đổi mới do Đảng cộng sản phát động và lãnh đạo. Phần lớn người có suy nghĩ đều thấy rằng ở Việt nam chưa có lực lượng chính trị nào đủ uy tín, kinh nghiệm và năng lực hơn Đảng cộng sản Việt nam. Do đó, rất nhiều Việt kiều muốn thảo luận với bên nhà trong khuôn khổ "Đảng lãnh đạo, đất nước ổn định và đổi mới". Chúng tôi e rằng, vì trong nước có thể còn thiếu thông tin, một số Việt kiều về thăm nhà lại cung cấp những hình ảnh "tô hồng" sai lạc, có thể gây ảo tưởng rằng cái gì của tư bản cũng "nhất" hết... Chúng tôi xin góp tiếng nói của một Việt kiều ở ngoài nước để mong rằng có thể có sự khách quan hơn là ở trong nước viết về bên ngoài.

VỀ TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI

THẾ giới đang hình thành một trật tự mới. Nhưng may thay, cái trật tự đang hình thành hiện nay khác với cái "New World Order"[1] mộng tưởng của tổng thống Hoa kỳ Giooc-giơ Bu-sơ.

Theo Bu-sơ, thế giới từ nay không còn hai cực đối đầu, nguy cơ chiến tranh nguyên tử hủy diệt nhau không còn nữa, Hoa kỳ từ địa vị lãnh đạo khối "Thế giới tự do" nhảy lên lãnh đạo toàn cầu.

Tuy nhiên, thực tế phũ phàng hơn nhiều. Chỉ sau mùa Giáng sinh đã không còn thấy giọng lên gân nữa.

(1)Trật tự thế giới mới

Digitized by Google

Hàng hóa ế ẩm, thất nghiệp gia tăng, Hãng xe Ford quyết định sa thải 75000 công nhân. Hãng điện tử lớn nhất IBM loan báo cho nghỉ việc 100000 người. Hãng hàng không lớn nhất PANAM - biểu tượng cho Hoa kỳ, sau mấy chục năm hoạt động, nay tuyên bố đóng cửa vì vỡ nợ.

Thế giới hiện nay không phải ở trong trật tự mới theo như Bu-sơ quan niệm, nghĩa là chỉ có mỗi Hoa kỳ là siêu cường. Từ sau khi Liên xô chia ra thành những nước nhỏ, trên thế giới nổi lên ba trung tâm quyền lực rõ rệt : Hoa kỳ, Cộng đồng châu Âu và Nhật bản. Trong thế chân vạc ấy, quả thực Hoa kỳ vẫn còn là siêu cường về quân sự, nhưng về kinh tế, Cộng đồng châu Âu là mạnh nhất. Còn Nhật bản là một trung tâm phát triển nhanh nhất, mức độ nhanh hơn cả hai trung tâm kia gộp lại.

Về mặt kinh tế, Hoa kỳ thua kém Cộng đồng châu Âu gồm 12 nước, với 338 triệu dân (Mỹ chỉ có 250 triệu). Cộng đồng này có tổng sản phẩm trị giá 6 nghìn tỷ đô la, trong khi Hoa kỳ chỉ có 5,4 nghìn tỷ. Thêm nữa, 7 nước khác như Áo, Thụy-điển, Na-uy, Phần-lan, Thụy-sĩ, Ai-xơ-len và Lích-ten-xtanh cũng đã xin gia nhập cộng đồng này. Như vậy, tổng sản phẩm của khối này có thể lên tới 7 nghìn tỷ đô la... Với những nước như trên hợp nhất lại, Cộng đồng châu Âu sẽ có sức mạnh to lớn về kinh tế. Nhanh nhất là đến năm 1996, hoặc chậm lắm là đến cuối 1999, các nước trong cộng đồng sẽ cho lưu hành một đơn vị tiền tệ chung gọi là đồng ECU (European Currency Unit). Theo dự tính, đồng tiền này sẽ là đồng tiền mạnh nhất, có thể thay thế đồng đô la Mỹ trên thị trường quốc tế...

Trong nền kinh tế thế giới với "ba trung tâm" như hiện nay, Nhật bản có vẻ yếu hơn cả. Tuy nhiên, đừng quên yếu tố những con rồng Đông - Nam Á hiện nay (như Nam Triều tiên, Đài loan, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái lan) có thể liên kết thành một khối dưới ảnh hưởng của Nhật bản. Hệ thống ngân hàng Nhật bản hiện nay là mạnh nhất và giàu nhất thế giới. Nếu họ chịu tài trợ cho các nước trong vùng này phát triển theo các nguyên tắc quản lý truyền thống (kiểm soát và kỷ luật chặt chẽ) thì có thể tin rằng, chẳng mấy thời gian, khối Đông - Nam Á do Nhật bản dẫn đầu, có thể vươn lên mạnh mẽ, tạo sức bật cho vùng này. Báo *Diễn đàn Chi-ca-gô* đã nhận xét : "Không có nước nào trên thế giới, kể cả Hoa kỳ lẫn các nước châu Âu, có được truyền thống làm việc tài giỏi, siêng năng, nhẫn nại và cần cù như vùng châu Á này... Thế kỷ tới, phải nói là thế kỷ của châu Á".

Khủng hoảng về kinh tế của Mỹ ngày nay còn có nguyên do sâu xa khác, quan trọng hơn.

Hết "tấm chắn Liên xô cộng sản" che tầm mắt, Hoa kỳ những tưởng có thể ngủ yên và hưởng thụ vai trò "độc quyền siêu cường". Nhưng không ! Hiện nay, Mỹ vừa phải lo đối phó với hai "chân vạc hùng mạnh" về kinh tế là Nhật bản (cùng các nước Đông - Nam Á) và Cộng đồng châu Âu, lại vừa phải lo đối phó với một số điểm nóng trên thế giới, đặc biệt là ở Trung Đông, I-rắc và I-ran...

Bu-sơ lý luận rằng chiến thắng vùng Vịnh là khởi đầu cho một "trật tự thế giới mới" và thời kỳ Hoa kỳ sẽ độc quyền lãnh đạo thế giới. Nhưng trên thực tế, trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, Hoa kỳ phải dựa vào Liên hợp quốc và kêu gọi sự đóng góp của nhiều nước, đặc biệt của Nhật bản và Cộng đồng châu Âu. Như vậy, trong cuộc chiến tranh này, thực tế Hoa kỳ chỉ đóng vai người đánh thuê, còn người trả tiền cho cuộc chiến là Nhật bản, Đức, Anh, Cô-oét và một số nước khác.

Khác với trước đây, khi thế giới còn phân thành hai cực luôn luôn chống đối nhau, ngày nay các nước nói chung không ai còn muốn đối đầu nhau nữa, mà cần buôn bán với nhau, cần chung sống hòa bình.

Trong tình hình như vậy, phương sách hiệu quả để chống lại "diễn biến hòa bình" của các lực lượng thù địch đế quốc, không thể là thụ động, mà phải là chủ động sáng tạo, chủ động mở rộng dân chủ. Lối lầm không phải ở "dân chủ hóa" và "công khai hóa". "Đặt vấn đề như vậy, chẳng khác gì quy tội gây tử vong cho con dao mổ của bác sĩ phẫu thuật. Thủ pháp khéo léo của bác sĩ với con dao mổ, có thể cứu sống bệnh nhân, nhưng cũng lưỡi dao ấy, chỉ cần đưa chệch một chút thôi, là có thể dẫn đến cái chết của bệnh nhân. Lỗi lầm đâu phải ở con dao mổ, đâu phải ở "dân chủ hóa", "công khai hóa"[2].

Dấu hiệu đáng mừng cho Việt nam là mấy tháng gần đây, chủ tịch Võ Văn Kiệt năng động viếng thăm các nước láng giềng, mở rộng thêm tự do làm ăn, chuẩn bị mọi điều kiện để Việt nam bước vào thời đại mới trong một thế giới mới. Thực tế đáng lạc quan hơn nữa là các văn bản, các bài bình luận của cơ quan đảng, các bài diễn văn của lãnh tụ Đảng cộng sản Việt nam, đã mạnh dạn, kiên quyết và công khai kêu gọi, khuyến khích làm cho dân giàu nước mạnh. Những cố gắng đó đã trả lời cho những điều mà những ai ở trong nước hay hải ngoại còn hoài nghi. Kể từ Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt nam năm 1986 tới nay, về kinh tế, Việt nam đã đạt được thành tựu lớn, giải quyết được nạn thiếu lương thực, huy động được nhân dân nhiệt tình làm ăn, và hơn hết là vẫn giữ được ổn định chính trị, đúng như đường lối mà Đảng cộng sản Việt nam đã vạch ra : đổi mới trong trật tự và ổn định.

---

(2) *Tạp chí Cộng sản* số 2-1992, tr 62 .

Digitized by Google

Trào lưu kinh tế tự do hiện đại ở phương Tây(*)

I

TRONG lịch sử chủ nghĩa tư bản, sự thay thế giữa xu hướng *kinh tế tự do*, và xu hướng *nhà nước can thiệp* đã lặp đi lặp lại nhiều lần. Trong thời kỳ tích lũy nguyên thủy, do nhu cầu tước đoạt của cải ở nước ngoài, lý luận kinh tế tư sản nhấn mạnh việc nhà nước can thiệp kinh tế, lũng đoạn mậu dịch đối ngoại. *Chủ nghĩa trọng thương* chính là đại biểu của lý luận này. Từ giữa thế kỷ 18 trở đi, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập, giới lý luận kinh tế tư sản lại nhấn mạnh xu hướng tự do kinh tế, phản đối việc nhà nước can thiệp và chủ trương tự do mậu dịch. *Học thuyết A-đam Xmít* đại biểu cho lý luận này. Đến thập kỷ 30 thế kỷ 20, mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản trở nên gay gắt, đã gây ra khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng và suy thoái kéo dài. Lúc này, để thích ứng nhu cầu của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, lý luận kinh tế nhấn mạnh sự can thiệp toàn diện của nhà nước. Đó là *học thuyết Kê-in-xơ*. Trong mấy chục năm từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu tương đối ổn định, tư tưởng tự do về kinh tế lại ngóc đầu dậy. Đến thập kỷ 70, do hiện tượng "trì trệ", chủ nghĩa Kê-in-xơ bất lực, vì thế hình thành trào lưu *kinh tế tự do hiện đại*.

Trào lưu kinh tế tự do hiện đại có *mấy trường phái* khác nhau. Một là, *chủ nghĩa tự do mới* bắt đầu hình thành trước khi thịnh hành chủ nghĩa Kê-in-xơ. Hai là, *chủ nghĩa tự do kinh tế* được phát triển từ trong cuộc tranh luận với chủ nghĩa Kê-in-xơ. Thuộc trường phái thứ nhất, có chủ nghĩa tự do mới của Hack Freibur. Thuộc trường phái thứ hai, có trường phái *tiền tệ*, trường phái *dự đoán lý tính* và trường phái *cung cấp*.

● *Chủ nghĩa tự do mới của Hack* là trường phái lâu đời nhất, có ảnh hưởng rộng nhất trong chủ nghĩa tự do mới. Nhà kinh tế học Hack sinh ở Áo, có quan điểm tự do có hệ thống nhất và cực đoan nhất. Ông cho rằng, chủ nghĩa tự do là nhằm bảo vệ tự do cá nhân, mà tự do cá nhân là mỗi người độc lập xác định mục đích của mình. Thủ đoạn để cá nhân thực hiện mục đích tự thân, là tự do lựa chọn. Tự do lựa chọn chỉ có thể thông qua thị trường có tính chất cạnh tranh mới có thể thực hiện được. Cho nên ông sùng bái kinh tế thị trường hoàn toàn. Thậm chí ông còn phản đối việc nhà nước độc quyền phát hành tiền tệ. Cho rằng sự độc quyền của nhà nước đối với việc phát hành tiền tệ là nguồn gốc gây ra thất nghiệp và lạm phát. Ông chủ trương để ngân hàng tư doanh phát hành tiền tệ.

● *Trường phái Freibur* (trung tâm của nó đặt tại trường đại học Freibur - Đức) cũng là một trường phái tự do mới hình thành tương đối sớm. Người đặt nền móng của trường phái này là Eugen. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, ông đã viết sách và xây dựng thành học thuyết. Trường phái này tuyên bố rằng, họ chủ trương tự do kinh tế, nhưng không phải là trở về chủ nghĩa tự do hoàn toàn của trường

* Bài của *Dụ Phẩm Căn* trên tạp chí Cầu thị (Trung quốc) số 1-1992

Digitized by Google

phái cổ điển. Bởi vì tự do hoàn toàn bác bỏ sự quản lý của nhà nước. Họ chủ trương nền kinh tế thị trường có "trật tự cạnh tranh" do nhà nước tổ chức, tức là "kinh tế thị trường xã hội". Họ tuyên bố : "kinh tế thị trường xã hội" vừa không giống kinh tế thị trường tự do, cũng không giống kinh tế kế hoạch của trung ương. Nó thuộc loại hình kinh tế thứ ba. Loại kinh tế này nhấn mạnh ý nghĩa của việc nhà nước áp dụng các biện pháp tích cực, nhưng không giống chính sách can thiệp của chủ nghĩa Kê-in-xơ. Vai trò của nhà nước, theo họ, là ở chỗ tạo môi trường ổn định cho việc cạnh tranh tự do giữa các xí nghiệp.

● **Trường phái "tiền tệ" còn gọi là trường phái Chi-ca-gô)** cho rằng, lạm phát hoàn toàn là hiện tượng tiền tệ. Sự biến động của lượng cung cấp tiền tệ là nguyên nhân cơ bản của việc biến động mức giá nói chung và sự biến động của toàn bộ nền kinh tế. Họ chủ trương trong một thời gian tương đối dài, tỷ lệ tăng trưởng của lượng cung cấp tiền tệ mỗi năm nên cố định ở một mức, và làm cho tỷ lệ tăng trưởng này đại thể nhất trí với tốc độ dự kiến về phát triển kinh tế. Như vậy có thể khắc phục được lạm phát.

● **Trường phái "dự đoán lý tính"** có lý luận khá độc đáo. Họ cho rằng, những người hoạt động kinh tế đều là những người có lý tính, muốn theo đuổi lợi ích lớn nhất. Để đạt được lợi ích lớn nhất, người ta phải cố gắng nắm được thông tin đầy đủ, và xử lý thông tin một cách lô gích, để có thể dự đoán đúng đắn hướng đi của các hoạt động kinh tế. Cho nên, chủ thể của các hoạt động kinh tế có thể dự đoán được các chính sách của nhà nước nhằm ổn định nền kinh tế, và từ đó họ hành động để khắc phục các hiệu ứng mà các biện pháp này có thể gây ra, và làm cho chính sách hoàn toàn vô hiệu. Trường phái "dự đoán lý tính" cho rằng, nhà nước nên từ bỏ chính sách điều tiết, mà để cho thị trường phát huy vai trò điều tiết.

● **Trường phái "cung cấp"** chỉ trích lý luận quản lý nhu cầu của chủ nghĩa Kê-in-xơ, chỉ trích cách làm của nhà nước. Họ chủ trương thông qua chính sách mở rộng tài chính - tiền tệ để kích thích nhu cầu. Họ cho rằng, vấn đề cơ bản của kinh tế Mỹ là năng suất lao động giảm, cung cấp không đủ, chứ không phải là nhu cầu không đủ. Cho nên lối thoát là tăng cung cấp. Phương pháp tăng cung cấp là hạ thấp thuế suất để kích thích sự hình thành tư bản. Trường phái này cho rằng, để bảo đảm tăng thêm cung cấp, nhà nước không nên can thiệp vào hoạt động của xí nghiệp ; luật pháp kinh tế càng ít càng tốt. Họ chủ trương phát huy đầy đủ vai trò của cơ chế thị trường, làm cho sự thay đổi về tỷ lệ việc làm, lãi suất, tỷ lệ tiền lương v.v. biến động tùy theo sự biến động của thị trường. Cuối cùng, do tác dụng điều tiết của thị trường, toàn bộ nền kinh tế quốc dân đi vào trạng thái cân đối.

Như vậy, mặc dầu trào lưu kinh tế tự do hiện đại có mấy trường phái và mỗi trường phái có lý luận và chủ trương chính sách riêng, họ đều có *hai* đặc điểm chung :

Thứ nhất, **phản đối sự can thiệp của nhà nước theo chủ nghĩa Kê-in-xơ.** Họ cho rằng sự mất ổn định trong kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại đều do nhà nước áp dụng chính sách của chủ nghĩa Kê-in-xơ. Nhà nước đã can thiệp quá nhiều, nên đã dẫn đến lạm phát và công nhân thất nghiệp. Như vậy, họ đã hoàn toàn né tránh việc phân tích ở tầng sâu hơn đối với sự mất ổn định của kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Thứ hai, **sùng bái sức mạnh điều tiết tự phát của thị trường.** Giáo điều truyền thống của họ là : cứ để mặc cho thị trường phát triển, miễn là cơ chế thị trường phát huy đầy đủ tác dụng. Như vậy, số hàng bán ra sẽ bằng số hàng mua vào trên thị trường, không thừa cũng không thiếu. Như vậy, vừa không làm đình trệ sản xuất, vừa tránh được lạm phát. Cũng như vậy, trên thị trường lao động, số giờ lao động mà người lao động đồng ý bỏ ra sẽ đúng bằng số giờ mà các xí nghiệp muốn thuê người lao động. Lượng cung lao động bằng lượng cầu lao động, do đó không thể xảy ra thất nghiệp. Như vậy, theo họ, chủ nghĩa tư bản không có sản xuất thừa, cũng không có thất nghiệp. Họ hoàn toàn

Digitized by Google

phủ định tính tất yếu của khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa.

II

TRÀO lưu kinh tế tự do hiện đại sùng bái công năng điều tiết của thị trường, phủ định tính tất yếu nhà nước can thiệp vào kinh tế. Họ coi cơ chế giá cả thị trường là rất thần kỳ, coi giá cả là cái quyết định tất cả. Giá cả có thể truyền thông tin, bắc cầu nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng ; có thể kích thích sản xuất với giá thành thấp nhất. Giá cả cũng quyết định phân phối phải theo cống hiến của mỗi người trong sản xuất. Họ cho rằng một số nước tư bản chủ nghĩa sở dĩ phát triển nhanh chóng là nhờ chính sách tự do. Nhân vật đại biểu của chủ nghĩa tiền tệ là Phơ-ri-đơ-man, từng nói : "Trong thời gian chưa đầy 10 năm sau chiến tranh, Tây Đức đã trở thành một trong những nước kinh tế hùng mạnh nhất ở lục địa châu Âu, đó là kỳ tích do thị trường tự do tạo ra".

Nhưng, như mọi người còn nhớ, trước chiến tranh thế giới thứ hai, các nước phương Tây cũng thực hiện chính sách tự do kinh tế. Song cơ chế thị trường đã không bắc được chiếc cầu nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Hàng loạt sản phẩm không tìm được chỗ tiêu thụ, nên đã xảy ra các cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng. Còn ngày nay, rất nhiều nước tư bản chủ nghĩa lại áp dụng biện pháp nhà nước can thiệp vào kinh tế, thậm chí nhà nước trực tiếp kinh doanh các xí nghiệp. Đó là xu thế tất yếu của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước.

Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước là sản phẩm của các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Tư bản lũng đoạn muốn thông qua nhà nước để làm dịu mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng, để điều hòa sự va chạm và xung đột giữa các ngành sản xuất, để giải quyết vấn đề thiếu vốn của tư bản tư nhân trong việc phát triển các ngành mới, để làm dịu mâu thuẫn giữa xu hướng quốc tế hóa sản xuất và thị trường dân tộc tương đối nhỏ hẹp. Chính phủ một số nước tư bản còn giữ những vị trí nhất định trong các tập đoàn kinh tế khu vực. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước bắt nguồn từ trong quan hệ kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại, chứ không phải do Kê-in-xơ hoặc nhân vật nào khác nghĩ ra. Như vậy, việc "cứ để mặc cho thị trường điều tiết hoàn toàn" theo chủ trương của trào lưu kinh tế tự do hiện đại, đã sớm *không còn điều kiện để tồn tại*, nói chi xây dựng lại.

Đi đôi với việc tuyên truyền tư tưởng tự do về kinh tế, trào lưu kinh tế tự do hiện đại còn ra sức công kích nền kinh tế kế hoạch, nhất là kinh tế kế hoạch xã hội chủ nghĩa. Họ phủ định tính tất yếu và khả năng của nền kinh tế kế hoạch, cho rằng người lập kế hoạch không thể có thông tin đầy đủ. Họ nói thông tin kinh tế rất phân tán, phân tán trong đầu óc hàng triệu con người. Thông tin kinh tế đã phân tán thì quyết sách cũng nên phân tán. Quyết sách hợp lý chỉ có thể có thông qua thị trường, chứ không thể có thông qua kế hoạch. Họ quả quyết : kinh tế kế hoạch đã không thể có quyết sách hợp lý, thì cũng không thể có hiệu quả. Họ coi yếu tố kế hoạch, dù dưới hình thức nào ở các nước tư bản chủ nghĩa, cũng mang tính chất xã hội chủ nghĩa, và đều là sai lầm ! Họ không hiểu rằng kinh tế kế hoạch dưới hình thức nào đó, là yêu cầu khách quan của nền sản xuất lớn xã hội hóa. Theo đà mở rộng của sản xuất và lưu thông, lao động xã hội ắt phải được phân phối một cách có kế hoạch vào các ngành và các khu vực khác nhau. Vì sao các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay đều phải đặt kế hoạch kinh tế ở mức độ khác nhau ? Đó là vì thị trường không giải quyết được hoàn toàn vấn đề bố trí hợp lý tài nguyên. Thị trường là "bàn tay vô hình" điều tiết. Nó mách bảo tư nhân nên đầu tư vào ngành nào để có lợi nhuận cao nhất, còn không cần biết đến những công trình đòi hỏi nhiều vốn, có nhiều rủi ro, thời gian xây dựng dài, lợi nhuận ít, thậm chí không có lợi nhuận. Cũng vì vậy, ở các nước tư bản chủ nghĩa, việc xây dựng đường sá, hải cảng, các cơ sở văn hóa giáo dục, các cơ sở y tế, bảo vệ sức khỏe... cũng như việc khai thác hải dương, hàng không, phần lớn đều do nhà nước làm.

Digitized by Google

Trào lưu kinh tế tự do hiện đại ở phương Tây là sản phẩm của các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản hiện đại, là trào lưu quan trọng của kinh tế học tư sản phương Tây, cho nên chúng ta cần nghiên cứu tỉ mỉ. Một số lý luận của trường phái "tiền tệ" và trường phái "cung cấp" có ảnh hưởng nhất định trong sự phát triển của tư tưởng kinh tế phương Tây. Ví dụ, sự phân tích của trường phái "tiền tệ" về *hàm số của nhu cầu tiền tệ*, sự phân tích của trường phái "cung cấp" về *ảnh hưởng của việc thu thuế đối với vận hành kinh tế*, đã vượt qua sự nghiên cứu của những người trước kia. Một số khía cạnh trong lý luận của họ, ví dụ của trường phái "tiền tệ" nghiên cứu các chính sách sau khi được áp dụng không còn hiệu quả, cũng có ý nghĩa tham khảo nhất định đối với chúng ta. Nhưng xét trên tổng thể, lý luận của họ không thể là khoa học.

III

Sự kiểm nghiệm tốt nhất đối với một trào lưu hay một trường phái kinh tế là trong thực thi, nó có phù hợp và giải quyết được vấn đề trong thực tế hay không.

Năm 1975, các nhà kinh tế học Anh xuất bản cuốn "Nguy cơ của thuyết kinh tế Kê-in-xơ"; đả kích rất mạnh chủ nghĩa kinh tế Kê-in-xơ. Hơn 10 năm sau, năm 1991, tờ *Bưu điện Oa-sinh-tơn* của Mỹ đăng bài của Kutnei nhan đề "Sự cáo chung của chủ nghĩa tự do hoàn toàn về kinh tế". Đây là một tín hiệu : chủ nghĩa tự do mới cũng đã sụp đổ.

Vậy thì vì sao chủ nghĩa tự do mới vừa phục hồi đã sụp đổ ? Nguyên nhân chủ yếu là vì chính sách kinh tế của chủ nghĩa tự do mới ở Anh và Mỹ không có hiệu quả như họ tuyên truyền. Ở Mỹ, "kế hoạch phục hưng kinh tế" của chính quyền Ri-gân năm 1988 được áp dụng theo chủ trương của chủ nghĩa tự do. Theo kế hoạch này, chính quyền Ri-gân đã giảm mạnh thuế, bãi bỏ hoặc nới lỏng các chế độ hạn chế xí nghiệp tư nhân, giảm ngân sách nhà nước, ổn định việc cung cấp tiền tệ... Kết quả là : tuy hạn chế được lạm phát và thất nghiệp, nhưng lại làm cho kinh tế mất ổn định thêm. Thâm hụt tài chính đạt tới mức kỷ lục : năm 1985 ngân sách thâm hụt hơn 200 tỷ đô la, vượt tổng số thâm hụt ngân sách của tất cả các đời tổng thống từ sau chiến tranh cộng lại. Nợ nần chồng chất. Tổng số nợ của Mỹ trong hơn 190 năm (từ năm 1789 khi Oa-sinh-tơn lên làm tổng thống thứ nhất, đến năm 1981, khi Ri-gân lên cầm quyền) là 1 000 tỷ USD. Nhưng chỉ trong vòng năm, sáu năm sau đó (từ 1981 đến 1986), số nợ đã lên tới trên 2 000 tỷ. Kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Mãi đến năm 1991, Mỹ mới giải quyết được vấn đề thâm hụt ngân sách, cân bằng thu chi. Nhưng sau đó, lại tiếp tục thâm hụt rất lớn. Thời hạn cân đối ngân sách lúc đầu dự kiến vào năm 1993, sau phải lùi lại đến năm 1995.

Ở Anh, sau khi lên cầm quyền năm 1979, để giải quyết nạn lạm phát nghiêm trọng, bà Thát-chơ đã thực hiện chính sách kinh tế theo trường phái "tiền tệ", khống chế chặt chẽ việc cung cấp tiền và tín dụng, thắt chặt mạnh chi tiêu tài chính. Sau hai năm thực hiện chính sách này, đã thu được hiệu quả rõ rệt. Lạm phát giảm mạnh, thâm hụt ngân sách giảm nhiều, thu chi quốc tế được cải thiện. Nhưng thất nghiệp lại ngày càng tăng. Sau năm 1982, tỷ lệ thất nghiệp thường hai con số. Điều này đã dẫn đến làm sóng bãi công và chống đối của công nhân. Cuộc bãi công của công nhân ngành than năm 1984 kéo dài 12 tháng. Tình hình này đã buộc bà Thát-chơ (sau 6 năm cầm quyền) phải từ bỏ chính sách kinh tế nói trên, chuyển từ chỗ lấy *chống lạm phát* sang lấy *giải quyết vấn đề thất nghiệp* làm mục tiêu chủ yếu. Điều đó chứng tỏ, trường phái "tiền tệ" cũng không chữa được "con bệnh nước Anh" ở bên kia bờ đại dương.

Cả chu nghĩa Kê-in-xơ lẫn trào lưu kinh tế tự do hiện đại đều có cách nhìn sai lầm, phiến diện đối với kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại. Trong khoảng 20 năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu ở phương Tây tương đối ổn định và liên tục tăng trưởng. Vì vậy, những người theo chủ nghĩa Kê-in-xơ cho rằng, đó là kết quả của các chính sách

Digitized by Google

kinh tế theo quan điểm của mình. Sự thực thì sự phồn vinh tương đối của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ này là do một loạt nhân tố sau chiến tranh tạo nên. Chủ yếu là do các nước này đổi mới thiết bị và điều chỉnh ngành nghề trên quy mô lớn, là do các nước này áp dụng rộng rãi kỹ thuật mới nhờ có nguyên liệu rẻ mạt và nhiên liệu cung ứng từ thế giới thứ ba. Chính sách tài chính tiền tệ có tính chất bành trướng của chủ nghĩa Kê-in-xơ chỉ đóng vai trò chất xúc tác. Cho nên, khi các nhân tố kích thích sự tăng trưởng kinh tế ở các nước nói trên dần dần suy yếu hoặc mất đi (nhất là sau cuộc khủng hoảng năng lượng vào thập kỷ 70) thì kinh tế tư bản chủ nghĩa lại lâm vào tình trạng suy thoái, chủ nghĩa Kê-in-xơ không còn tác dụng.

Còn trào lưu kinh tế tự do hiện đại thì lại phán đoán hiện thực bằng biểu hiện bề ngoài của nó, cho rằng sở dĩ kinh tế suy thoái là do nhà nước áp dụng chủ nghĩa Kê-in-xơ. Cho nên, theo họ, lối thoát là từ bỏ chủ nghĩa Kê-in-xơ và áp dụng chính sách kinh tế tự do của họ. Nhưng thực tế cho thấy, chỉ sau chưa đầy 10 năm thực hiện chính sách kinh tế tự do, một số nước đã phải bỏ dở nửa chừng, từng bước chuyển sang thực hiện chính sách kinh tế hỗn hợp.

Chủ nghĩa Kê-in-xơ hay chủ nghĩa tự do mới không thể không thấy : một số nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu, sau khi trải qua một thời kỳ phồn vinh, từ thập kỷ 70 đã bước vào giai đoạn suy thoái mới. Đó là do quy luật phát triển nội tại của chủ nghĩa tư bản chứ không phải do một tư tưởng kinh tế nào gây ra. Thực tế đã chứng minh : dù áp dụng chính sách can thiệp của nhà nước theo chủ nghĩa Kê-in-xơ hay áp dụng chính sách kinh tế tự do hoàn toàn theo chủ nghĩa tự do mới, đều không thể giải quyết được mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản.

Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, trong quá trình thực hiện chính sách kết hợp kinh tế kế hoạch với điều tiết của thị trường, có thể tham khảo với tinh thần phê phán một số bài học kinh nghiệm của các nước tư bản chủ nghĩa. Nhưng cần thấy rằng có sự khác nhau *về nguyên tắc* giữa nền kinh tế *xã hội chủ nghĩa* dựa trên chế độ công hữu và sự can thiệp của nhà nước xã hội chủ nghĩa thông qua kế hoạch như một biện pháp điều tiết cần thiết, với nền kinh tế *tư bản chủ nghĩa* dựa trên chế độ tư hữu và sự can thiệp của nhà nước tư bản chủ nghĩa thông qua các chính sách kinh tế theo chủ nghĩa Kê-in-xơ. Chúng ta sử dụng cơ chế thị trường và phát huy vai trò điều tiết của thị trường tuyệt nhiên không có nghĩa chúng ta bắt chước chủ trương của chủ nghĩa tự do mới. Về mặt lý luận cơ bản, chủ trương này hoàn toàn xa lạ với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa tự do mới sùng bái thị trường và đã chứng tỏ là không có hiệu quả. Lẽ nào chúng ta có thể coi nó là liều thuốc vạn năng chữa được bách bệnh ?

THANH HÀ trích dịch

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài "Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh" đăng trên TCCS số 5-1992, ở trang 13 (cột 1, dòng 7 từ trên xuống), xin đọc là : "quan hệ giữa cách mạng dân tộc dân chủ với cách mạng xã hội chủ nghĩa...".

Thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc.

TCCS

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY XÂY DỰNG VIỆT HOA

CÔNG TY XÂY DỰNG VIỆT - HOA
CHINESE - VIETNAMESE ARCHITECTURE COMPANY
TRUNG TÂM THƯƠNG NGHIỆP DỊCH VỤ AN ĐÔNG
AN ĐÔNG COMMERCIAL SERVICE CENTER



Đơn vị đầu tư xây dựng Chợ AN ĐÔNG
với số vốn đầu tư : 20.000.000.000đ
Trụ sở : Số 168 đường Trần Hưng Đạo B,
phường 7, quận 5 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 558313 - 553681

NHẬN :

* **Xây dựng các công trình hiện đại**
* **Thiết kế, trang trí nội thất**
* **Kinh doanh bất động sản**

The office which invesrs in building An Dong
marker with the capital of 20.000.000.000d
Office : 168 Tran Hung Dao B Street,
7th Quarter, 5th District, Ho Chi Minh city
Tel : 558313 - 551192

SERVICES :

* **Building modern constructions**
* **Designing, inner - house decorating**
* **Trading estate**

Digitized by Google

IÊN HIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

BITEX

BINHTAY IMPORT-EXPORT INC.

平西進出口企業公司

PHỐI CẢNH

TRUNG TÂM THƯƠNG NGHIỆP BÌNH TÂY

CHỦ TRÌ BỘ AN : KTS NGUYỄN VĂN CẢNH





- **Xuất** : Nông sản, lâm sản, thủy hải sản, quần áo may sẵn, hàng thêu đủ loại và hàng thủ công mỹ nghệ.
- **Nhập** : Hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu.
- **Đầu tư** : Đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với các công ty nước ngoài về nhà ở, văn phòng và chợ Bình Tây

Quý khách có nhu cầu xin liên hệ văn phòng công ty số : 78 - 80 - Hậu Giang - Quận 6 - TP. HCM

Điện thoại : 557846 - 559185 - 559669

- **Export** : Agricultural, forestal and marine products, garments, embroidered articles and art handicrafts.
- **Import** : Consumer goods, raw materials.
- **Investment** : We are in the process of materializing joint venture projects with various foreign companies in the construction of condominiums, offices and the Binh Tay Market.

For more information please contact our office at 78 - 80 Hậu Giang Street. Dist.6 - HCMC

Tel. 557846 - 559185 - 554669

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 2

Đơn vị 3 công trình chất lượng, huy chương vàng năm chất lượng 1990 - 1991.
Đơn vị chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam.



KHÁCH SẠN HÀNG CHÂU



KÝ TÚC XÁ ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM
Công trình chất lượng cao - HUY CHƯƠNG VÀNG NĂM CHẤT LƯỢNG



BƯU ĐIỆN VIBA THỊ XÃ SÓC TRĂNG
Công trình chất lượng cao - HUY CHƯƠNG VÀNG NĂM CHẤT LƯỢNG

1990 - 1991, được huy chương vàng. Đó là :

- Công trình khách sạn Hàng Châu - Châu Đốc
- Công trình Bưu điện Viba - Sóc Trăng
- Công trình Ký túc xá sinh viên Đại học Sư phạm TP.HCM

Nhận phục vụ cho tất cả các đối tượng tư nhân và Nhà nước
Nhận thầu thiết kế và thi công tất cả các công trình dân dụng và công nghiệp, công trình xây dựng trụ tháp.

PHƯƠNG THỨC NHẬN THẦU

Tổng thầu cung cấp cả vật tư và nhân công
Thầu riêng phần nhân công
Tổng thầu hình thức chìa khóa trao tay
Thầu khoán gọn

ĐẶC BIỆT

Đã áp dụng công thức thầu khoán gọn, tổng thầu từ A - Z "chìa khóa trao tay" thể hiện qua ba công trình chất lượng cao trong năm chất lượng của ngành xây dựng Việt Nam 1990 - 1991.



Văn phòng

- **553 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Bình Thạnh TP.HCM**
  ĐT : 996.200 - 995823
- **102 Cách Mạng Tháng Tám - Hậu Giang**
  ĐT : 22908
- **O32 Lô A Khu Gia cư Bình Đức Long Xuyên**
  ĐT : 53788

Ảnh : QUÁCH TÚ PHAN

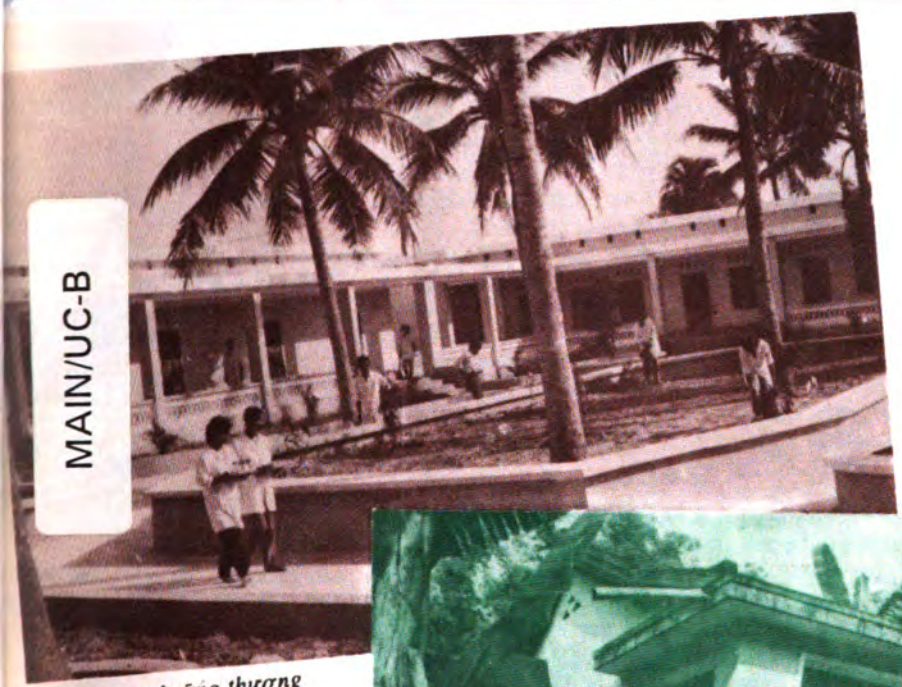
In tại Nhà in NHÂN DÂN HÀ NỘI 2. Bìa in tại NHÀ MÁY IN THỐNG NHẤT **Chỉ số** 12651 ● **ISSN** 0866 - 7276 GIÁ : 15

Digitized by Google

H129

Tạp chí Cộng sản

MAIN/UC-B



Khu an dưỡng thương binh nặng (Thanh hóa)



Ngôi nhà tình nghĩa tặng cụ Nguyễn Văn Thoan (thân sinh anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi)

7

1992

Digitized by Google

MỘT SỐ NÉT CHÍNH THÀNH TÍCH CỦA CÔNG TY KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN TÂN BÌNH



Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nghe báo cáo chương trình nhà trả góp, nhà cho thuê và tiến độ xây dựng khu dân cư Bàn cát nhân dịp thăm quận Tân Bình đầu xuân Nhâm thân.



NGUYỄN PHỤNG THIỆU
Giám đốc

CÔNG ty kinh doanh
phát triển nhà qu
Tân Bình, trước đây
Đội kiến trúc 304 từ nă
1976 - 1978 chuyển thà
Đội xây dựng sửa chữ
nhà. Năm 1982 có quy
định thành lập Xí nghi
xây dựng sửa chữa nh
Tháng 3-1989 chuy
thành Công ty phát tri
nhà. Tháng 12-1990 đổi t
thành Công ty kinh doa
và phát triển nhà quận T
Bình.

Trong suốt quá trình h
16 năm hoạt động, Công
đã ngày càng trưởng thà
lớn mạnh, vững vàng h
về chất, cũng như
lượng. Công ty liên
hoàn thành vượt mức
tiêu kế hoạch sản xuất
năm 1976 đến nay, và năm sau luôn cao hơn năm trước.

Tổng sản lượng thực hiện hằng năm từ 1986 đến nay như sau :
- Năm 1986 : 63 858 000 đ nộp ngân sách : 423 331 đ
- 1987 : 220 387 000 đ nộp : 2 976 480 đ
- 1988 : 862 712 000 đ nộp : 17 858 325 đ
- 1989 : 1 767 832 000 đ nộp : 42 865 830 đ
- 1990 : 2 700 000 000 đ nộp : 166 848 000 đ
- 1991 : 56000 000 000 đ nộp 450 000 000 đ

Trước đây Công ty chỉ xây dựng, cải tạo, sửa chữa các công trì
phúc lợi bệnh viện, trường học... là chủ yếu. Kể từ năm 1986, để đ
ứng nhu cầu nhà ở của nhân dân, Công ty bắt đầu chuyển sang
công và kinh doanh nhà ở là nhiệm vụ chính. Số lượng nhà do Cô
ty xây dựng tăng dần qua các năm :

- Năm 1986 : 09 căn
- 1987 : 40 căn
- 1988 : 71 căn
- 1989 : 78 căn
- 1990 : 230 căn (chưa kể phần dở dang chuyển sang 1991 là 70 căn)
- 1991 : 450 căn (trong đó có 190 căn trả góp).

Từ năm 1989, nhờ sự hỗ trợ của Sở nhà đất Thành phố, Công ty bắt đầu thực hiện
điểm bán nhà trả góp cho CBCNV, nhân dân lao động gặp khó khăn về nhà ở trong thành ph
Trong năm qua, số lượng nhà trả góp bán được là 150 căn.

Ngoài ra, Công ty còn vinh dự nhận được các danh hiệu thi đua như :
- Năm 1985 : Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng.
- Năm 1986 : Huân chương Lao động hạng 3 của Hội đồng Nhà nước
- Năm 1987 : Bằng khen công trình tiêu biểu của Hội x
dựng Việt Nam
- Năm 1989 : Bằng khen của Bộ trưởng Bộ xây dựng
việc thực hiện tốt chương trình nhà ở quốc gia
- Năm 1990 : Nộp ngân sách 200 triệu
- Năm 1991 : Dự kiến nộp ngân sách 260 triệu (đã ho
thành chỉ tiêu : Nhà trả góp 170 căn trên 150).
- Ngoài các căn nhà ở, bên cạnh các căn nhà ở Công ty c
xây dựng thêm trường học, nhà trẻ, chợ, làm đường cố
rãnh thoát nước của TP hàng năm lên đến 2 tỷ đồng (đ
vào giá thành của công trình).
- Năm 1991 : Được Bộ xây dựng tặng bằng khen : th
hiện xuất sắc chương trình nhà ở.

Cá nhân : Đồng chí Giám đốc cũng được Bộ trưởng B
xây dựng tặng bằng khen về thành tích xây dựng nhà ở.
- Được Bộ xây dựng tặng Huy chương vàng Hội chợ HH
- UBND TP tặng bằng khen cho tập thể và giám đ
công ty.



Digitized by Google

LIBRARY
AUG 06 1992
OF CALIFORNIA



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

7 - 1992 NĂM THỨ XXXVIII (439)

MỤC LỤC

Thông báo Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) 3

LÊ PHƯỚC THỌ - Những nhiệm vụ cấp bách đổi mới và chỉnh đốn đảng 6

TRẦN ĐÌNH HUỲNH - Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đảng cầm quyền 13

NGUYỄN KIM ĐỈNH - Quan hệ giữa số lượng và chất lượng đảng viên 18

TRẦN ĐÌNH HOAN - Công tác thương binh - liệt sĩ trong tình hình mới 21

PHẠM SONG - Đổi mới và phát triển nền y tế nước ta 25

*** Bầu ra một Quốc hội có chất lượng mới 28

Nghiên cứu - Trao đổi

NGUYỄN SINH CÚC - Quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất 30

HOÀNG THẾ LIÊN - Về sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay 33

HOÀNG NGỌC HÒA - Phát triển thị trường tiền tệ - tín dụng 37

HỒ VĂN THÔNG - Chính trị và xây dựng khoa học chính trị 40

Ý kiến và kinh nghiệm

PHAN HOAN - Công tác quốc phòng toàn dân trên địa bàn Quân khu 5 43

SƠN THÀNH - Phát triển kinh tế hàng hóa ở Tây nguyên 45

NHỊ LÊ - Bà rịa - Vũng tàu đánh thức những tiềm năng 48

VÕ ĐĂNG THIÊN - Mô hình văn hóa Hải hậu qua thử thách của thời gian 51

Sinh hoạt tư tưởng

NGUYỄN TRỌNG THU - Thư tay 55

Đọc sách

VŨ HIỀN - "Thời cơ" đâu dễ "chớp" ! 56

Qua sách báo nước ngoài

GIÊM-PI-TƠ-RÁT - Chủ nghĩa xã hội : những cáo phó quá sớm 60

Ảnh bìa 1 - Trọng Nghiệp, Trần Ấm

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội ● Dây nói : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Q. 3 TP Hồ Chí Minh ● **Dây nói :** 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Сообщение III Пленума ЦК КПВ (VII созыва)· ЛЕ ФЫОК ТХО- Актуальные задачи по обновлению и упорядочению партийных рядов. ЧАН ДИНЬ ХЮИНЬ- Президент Хо Ши Мин о правящей партии. НГУЕН КИМ ДИНЬ- Взаимосвязь между количеством и качеством членов партии. ЧАН ДИНЬ ХОАН- Работа с инвалидами и семьями погибших воинов в новой обстановке. ФАМ ШОНГ- Обновление и развитие отечественного здравохранения. *** Избрать Национальное собрание, обладающее новым качеством. **Исследования-обмен мнениями*** НГУЕН ШИНЬ КУК- Право собственности и право пользования землей. ХОАНГ ТХЕ ЛИЕН- О частной собственности на средства производства в нашей стране. ХОАНГ НГОК ХОА- Развитие валюно-кредитного рынка. ХО ВАН ТХОНГ- Политика и создание политических наук. **Мнения и опыт*** ФАН ХОАН- Работа в области всенародной обороны в военном округе 5. ШОН ТХАНЬ- Развитие товарного хозяйства в Тэйнгуене. **Читая книги*** БУ ХИЕН- "Возможность" не так-то просто "ухватить"!

CONTENTS

● Communiqué of the 3 rd Plenum of the 7th Party Central Comittee. LÊ PHƯỚC THỌ - Some urgent tasks for the renovation and reorganization of the Party. TRẦN ĐÌNH HUỲNH - Ho Chi Minh's thought on the party in power. NGUYỄN KIM ĐÍNH - The relationship between quantity and quality of Party members. TRẦN ĐÌNH HOAN - The work for war invalids and martyrs in the new context. PHẠM SONG - Renovation and development in our public health service. *** For a new and effective National Assembly ● **Research - Exchange of Views** ★ NGUYỄN SINH CÚC - On the ownership and use of land. HOÀNG THẾ LIÊN - On the private possession to wards means of production in our country at present. HOÀNG NGỌC HÒA - Developing the currency - credit market - HỒ VĂN THÔNG - Politics and political science. ● **Opinion and experience** ★ PHAN HOAN - The national defence work of the entire people at the 5th Military Zone. SƠN THÀNH - Developing the economy of commodities in the Western High Plateaux.● **Book Reviews** ★ VŨ HIÊN - "Oportunity", it is hard to "seize" !

SOMMAIRE

● Communiqué du 3è Plénum du Comité central du PCV (issu du VIIe Congrès national). LÊ PHƯỚC THỌ - Les tâches urgentes du renouveau et de la restructuration du Parti TRẦN ĐÌNH HUỲNH - La pensée du président Ho Chi Minh sur le rôle d'un Parti au pouvoir. NGUYỄN KIM ĐÍNH - Le rapport entre la quantité et la qualité des membres du Parti dans la situation nouvelle. TRẦN ĐÌNH HOAN - Le travail en direction des blessés de guerre et des morts pour la Patrie dans la situation nouvelle. PHẠM SONG-Comment rénover et développer la Santé publique de notre pays. *** Élire une Assemblée nationale de qualité nouvelle ● **Etudes - Echanges** ★ NGUYỄN SINH CÚC - Le droit de propriété et le droit d'utilisation des terres. HOÀNG THẾ LIÊN - Sur la propriété privée des moyens de production dans notre pays à l'heure actuelle. HOÀNG NGỌC HÒA - Développer le marché monétaire et des crédits. HỒ VĂN THÔNG - La politique et l'édification des sciences politiques ● **Opinions et expériences** ★ PHAN HOAN- Le travail de défense nationale par tout le peuple dans la Ve zone militaire. SƠN THÀNH - Développer l'économie marchande sur les hauts-plateaux du Tây Nguyên. ● **Lecture** ★ VŨ HIÊN "L'occasion" pas sifficile à la "saisir au vol".

SUMARIO

● Comunicado del tercero Pleno del Comité Central del Partido (VII Congreso) LÊ PHƯỚC THỌ - Urgentes tareas en la renovación y reorganización del Partido. TRẦN ĐÌNH HUỲNH - El pensamiento de Ho Chi Minh sobre el Partido en poder. NGUYỄN KIM ĐÍNH - Relación entre la cantidad y la calidad del miembro del Partido. TRẦN ĐÌNH HOAN - El trabajo de militares enfermos y mártires en la nueva situación. PHẠM SONG - Renovar y desarrollar la medicina en nuestro país. *** Elegir una Asamblea Nacional dotada de nueva calidad l **Estudios - Intercambios** ★ NGUYỄN SINH CÚC - Los derechos a la propiedad y al uso de las tierras. HOÀNG THẾ LIÊN - Sobre la propiedad privada de los medios de producción en Vietnam en la actualidad. HOÀNG NGỌC HÒA - Desarrollo del mercado de moneda y de créditos. HỒ VĂN THÔNG - La política y la edificación de la ciencia política ● **Opinión y experiencia** ★ PHAN HOAN - El trabajo de defensa nacional de todo el pueblo en la Quinta Región Militar. SƠN THÀNH - La economía mercantil en Tây Nguyên (Meseta Occidental) ● **Lectura** ★ VŨ HIÊN - ! No es " fácil" coger la "ocasión" !

目錄

越南共產黨第 七屆中央委員會第三次會議公報。

黎福壽：黨的更新與整頓的迫切任務。陳孝豐：胡志明主席關於執政黨的思想。陳金原：黨員的數量與質量之間的關係。 陳孝歡： 新時期的 榮軍工作。 范雙： 我國衛生事業的更新和發展。 *** 推選具有新質量的 國會。

●研究與交換★ 阮生禎：土地所有權與利用權。黃世聯：我國目前生產資料的私有制問題。黃玉和：發展金融信用市場。胡文遠：政治與政治科學建設。●意見與經驗★ 潘歡：第五軍區的全民 國防工作。山城：西原地區發展商品經濟。●閱讀★ 武賢："機遇" 何易 "抓住"。

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)

HỘI nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VII đã họp từ 18 đến 29-6-1992, tại Hà Nội.

Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã đọc báo cáo quan trọng về "Thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta".

Về tình hình trong nước và thế giới, Hội nghị nhận định rằng, một năm đã qua kể từ Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển, tình hình chính trị ổn định, sự nhất trí trong Đảng và trong nhân dân được tăng cường, tình hình kinh tế không bị đảo lộn, có mặt phát triển, có thêm những nguồn lực mới. Tình hình thế giới diễn biến phức tạp và có những thay đổi sâu sắc. Đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới.

Đảng phải có những quyết sách đúng đắn nhằm giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, thắt chặt hơn nữa quan hệ giữa Đảng và nhân dân, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII.

Hội nghị cho rằng ***công tác đối ngoại*** có vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm vụ đối ngoại bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội VII đã chỉ rõ : "Với chính sách đối ngoại rộng mở, chúng ta tuyên bố rằng : Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phải nhằm phục vụ chiến lược phát triển kinh tế, từng bước đổi mới cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta phát triển nhanh.

Chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại về mặt chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế, về mặt Nhà nước, Đảng và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, tài nguyên, môi trường và an ninh quốc gia, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hóa dân tộc.

Củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, trong đó các lực lượng vũ trang, bao gồm quân đội nhân dân và công an nhân

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Сообщение III Пленума ЦК КПВ (VII созыва)·ЛЕ ФЫОК ТХО- Актуальные задачи по обновлению и упорядочению партийных рядов. ЧАН ДИНЬ ХЮИНЬ- Президент Хо Ши Мин о правящей партии. НГУЕН КИМ ДИНЬ- Взаимосвязь между количеством и качеством членов партии. ЧАН ДИНЬ ХОАН- Работа с инвалидами и семьями погибших воинов в новой обстановке. ФАМ ШОНГ- Обновление и развитие отечественного здравоохранения. *** Избрать Национальное собрание, обладающее новым качеством. **Исследования-обмен мнениями*** НГУЕН ШИНЬ КУК- Право собственности и право пользования землей. ХОАНГ ТХЕ ЛИЕН- О частной собственности на средства производства в нашей стране. ХОАНГ НГОК ХОА- Развитие валюно-кредитного рынка. ХО ВАН ТХОНГ- Политика и создание политических наук. **Мнения и опыт*** ФАН ХОАН- Работа в области всенародной обороны в военном округе 5. ЛОН ТХАНЬ- Развитие товарного хозяйства в Тэйнгуене. **Читая книги*** БУ ХИЕН- "Возможность" не так-то просто "ухватить"!

CONTENTS

● Communiqué of the 3 rd Plenum of the 7th Party Central Comittee. LÊ PHƯỚC THỌ - Some urgent tasks for the renovation and reorganization of the Party. TRẦN ĐÌNH HUỲNH - Ho Chi Minh's thought on the party in power. NGUYỄN KIM ĐÍNH - The relationship between quantity and quality of Party members. TRẦN ĐÌNH HOAN - The work for war invalids and martyrs in the new context. PHẠM SONG - Renovation and development in our public health service. *** For a new and effective National Assembly ● **Research - Exchange of Views** ★ NGUYỄN SINH CÚC - On the ownership and use of land. HOÀNG THẾ LIỄN - On the private possession to wards means of production in our country at present. HOÀNG NGỌC HÒA - Developing the currency - credit market - HỒ VĂN THÔNG - Politics and political science. ● **Opinion and experience** ★ PHAN HOAN - The national defence work of the entire people at the 5th Military Zone. SƠN THÀNH - Developing the economy of commodities in the Western High Plateaux.● **Book Reviews** ★ VŨ HIÊN - "Oportunity", it is hard to "seize" !

SOMMAIRE

● Communiqué du 3è Plénum du Comité central du PCV (issu du VIIe Congrès national). LÊ PHƯỚC THỌ - Les tâches urgentes du renouveau et de la restructuration du Parti TRẦN ĐÌNH HUỲNH - La pensée du président Ho Chi Minh sur le rôle d'un Parti au pouvoir. NGUYỄN KIM ĐÍNH - Le rapport entre la quantité et la qualité des membres du Parti dans la situation nouvelle. TRẦN ĐÌNH HOAN - Le travail en direction des blessés de guerre et des morts pour la Patrie dans la situation nouvelle. PHẠM SONG-Comment rénover et développer la Santé publique de notre pays. *** Élire une Assemblée nationale de qualité nouvelle ● **Etudes - Echanges** ★ NGUYỄN SINH CÚC - Le droit de propriété et le droit d'utilisation des terres. HOÀNG THẾ LIỄN - Sur la propriété privée des moyens de production dans notre pays à l'heure actuelle. HOÀNG NGỌC HÒA - Développer le marché monétaire et des crédits. HỒ VĂN THÔNG - La politique et l'édification des sciences politiques ● **Opinions et expériences** ★ PHAN HOAN- Le travail de défense nationale par tout le peuple dans la Ve zone militaire. SƠN THÀNH - Développer l'économie marchande sur les hauts-plateaux du Tây Nguyên. ● **Lecture** ★ VŨ HIÊN "L'occasion" pas sifficile à la "saisir au vol".

SUMARIO

● Comunicado del tercero Pleno del Comité Central del Partido (VII Congreso) LÊ PHƯỚC THỌ - Urgentes tareas en la renovación y reorganización del Partido. TRẦN ĐÌNH HUỲNH - El pensamiento de Ho Chi Minh sobre el Partido en poder. NGUYỄN KIM ĐÍNH - Relación entre la cantidad y la calidad del miembro del Partido. TRẦN ĐÌNH HOAN - El trabajo de militares enfermos y mártires en la nueva situación. PHẠM SONG - Renovar y desarrollar la medicina en nuestro país. *** Elegir una Asamblea Nacional dotada de nueva calidad l **Estudios - Intercambios** ★ NGUYỄN SINH CÚC - Los derechos a la propiedad y al uso de las tierras. HOÀNG THẾ LIỄN - Sobre la propiedad privada de los medios de producción en Vietnam en la actualidad. HOÀNG NGỌC HÒA - Desarrollo del mercado de moneda y de créditos. HỒ VĂN THÔNG - La política y la edificación de la ciencia política ● **Opinión y experiencia** ★ PHAN HOAN - El trabajo de defensa nacional de todo el pueblo en la Quinta Región Militar. SƠN THÀNH - La economía mercantil en Tây Nguyên (Meseta Occidental) ● **Lectura** ★ VŨ HIÊN - ! No es " fácil" coger la "ocasión" !

目錄

越南共產黨第 七屆中央委員會第三次會議公報。

黎福壽：黨的更新與整頓的迫切任務。陳孝雲：胡志明主席關於執政黨的思想。陳金順：黨員的數量與質量之間的關係。 陳孝歡： 新時期的 榮軍工作。 范雙： 我國衛生事業的更新和發展。 *** 推選具有新質量的 國會。 ●研究與交換★ 阮生城：土地所有權與利用權。黃世聯：我國目前生產資料的私有制問題。黃玉和：發展金融信用市場。胡文遠：政治與政治科學建設。●意見與經驗★ 潘歡：第五軍區的全民 國防工作。山城：西原地區發展商品經濟。●閱讀★ 武賢："機遇" 何易 "抓住"。

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)

HỘI nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VII đã họp từ 18 đến 29-6-1992, tại Hà Nội.

Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã đọc báo cáo quan trọng về "Thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta".

Về tình hình trong nước và thế giới, Hội nghị nhận định rằng, một năm đã qua kể từ Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển, tình hình chính trị ổn định, sự nhất trí trong Đảng và trong nhân dân được tăng cường, tình hình kinh tế không bị đảo lộn, có mặt phát triển, có thêm những nguồn lực mới. Tình hình thế giới diễn biến phức tạp và có những thay đổi sâu sắc. Đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới.

Đảng phải có những quyết sách đúng đắn nhằm giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, thắt chặt hơn nữa quan hệ giữa Đảng và nhân dân, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII.

Hội nghị cho rằng ***công tác đối ngoại*** có vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm vụ đối ngoại bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội VII đã chỉ rõ : "Với chính sách đối ngoại rộng mở, chúng ta tuyên bố rằng : Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phải nhằm phục vụ chiến lược phát triển kinh tế, từng bước đổi mới cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta phát triển nhanh.

Chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại về mặt chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế, về mặt Nhà nước, Đảng và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, tài nguyên, môi trường và an ninh quốc gia, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hóa dân tộc.

Củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, trong đó các lực lượng vũ trang, bao gồm quân đội nhân dân và công an nhân

Digitized by Google

dân là những lực lượng nòng cốt. Phải phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, đề cao cảnh giác, kiên quyết chống lại những âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" và các hoạt động phá hoại khác của các thế lực thù địch ; xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trong sạch vững mạnh ; giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ an ninh, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần của lực lượng vũ trang.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương cho rằng trong bối cảnh quốc tế, tình hình đất nước hiện nay, việc ***đổi mới và chỉnh đốn Đảng*** đang nổi lên là một nhiệm vụ quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, đồng thời chuẩn bị cho Đại hội VIII. Việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải trên cơ sở quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ; thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng ; củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải gắn với đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết với quá trình thực hiện và hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế, với kiện toàn hệ thống chính trị, với phong trào hành động của quần chúng, khơi dậy và phát huy trí sáng tạo của nhân dân. Phải tiến hành tích cực và kiên quyết, có bước đi và phương thức phù hợp, làm từ trên xuống, từ lãnh đạo đến đảng viên, giải quyết tốt những vấn đề có tầm vĩ mô đi đôi với củng cố cơ sở.

Về các chủ trương và giải pháp đổi mới và chỉnh đốn Đảng hiện nay, Hội nghị nhấn mạnh các nội dung lớn và quan trọng sau đây :

Một là, tăng cường xây dựng Đảng về chính trị - tư tưởng.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng, tiếp tục cụ thể hóa và phát triển các quan điểm và đường lối của Đại hội VII, từng bước xác định rõ thêm mô hình con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống trong sạch của cán bộ, đảng viên trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế ; chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa thực dụng, lối sống xa hoa, trụy lạc.

Củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" và sự phá hoại của các thế lực thù địch.

Hai là, chỉnh đốn Đảng về tổ chức.

Thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, ngăn chặn và khắc phục tệ vô tổ chức, vô kỷ luật, độc đoán chuyên quyền.

Digitized by Google

Chấn chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp ; tiếp tục kiện toàn các cấp ủy đảng ; củng cố nâng cao chất lượng các ban của Đảng ; kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân.

Chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm cho tổ chức cơ sở đảng thực hiện đúng vị trí, chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị toàn diện ở cơ sở, là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, là đơn vị chiến đấu trực tiếp đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống.

Nâng cao chất lượng đảng viên ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ, bao gồm việc tăng cường giáo dục rèn luyện, bồi dưỡng đảng viên ; tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng ; chăm lo phát triển Đảng, bổ sung lực lượng mới, trẻ tuổi vào hàng ngũ của Đảng.

Ba là, tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ.

Hội nghị cho rằng vấn đề cán bộ vẫn là khâu then chốt có ý nghĩa quyết định toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Toàn Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng phải dành nhiều công sức cho nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược này. Phải xây dựng được đội ngũ cán bộ có đầy đủ phẩm chất và năng lực ngang tầm nhiệm vụ to lớn và phức tạp hiện nay. Đó là đội ngũ bao gồm cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, cán bộ quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực đối nội và đối ngoại, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh, cán bộ làm công tác quần chúng, cán bộ tham mưu, chuyên gia về các mặt.

Tiến hành sắp xếp, điều chỉnh, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có ; xúc tiến chuẩn bị cán bộ kế cận ; thực hiện chế độ phân công phân cấp cán bộ hợp lý trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị ; đổi mới chính sách đãi ngộ cán bộ, khắc phục tệ tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác.

Bốn là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xác định mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Yêu cầu của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét ***công tác tổ chức và vận động quần chúng của Đảng.*** Hội nghị cho rằng tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân là điều có ý nghĩa cực kỳ to lớn, bảo đảm sự vững vàng của chế độ.

Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, được phân công tham gia Ban Bí thư Trung ương Đảng. Hội nghị cũng đã bầu đồng chí Lê Khả Phiêu, Ủy viên Trung ương Đảng, tham gia Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đồng tâm nhất trí, tăng cường đoàn kết, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường, phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội VII và các nghị quyết của các Hội nghị lần thứ hai và lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VII.

Digitized by Google

NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

LÊ PHƯỚC THỌ *

TRONG lịch sử Đảng ta, có lẽ chưa bao giờ vấn đề đổi mới và chỉnh đốn Đảng lại có tầm quan trọng đặc biệt, có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của đất nước và sự sống còn của chế độ như hiện nay. Đó là vì tình hình thế giới, tình hình trong nước và tình hình Đảng ta có nhiều vấn đề mới đặt ra.

Tiếp sau sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, sự tan rã nhanh chóng của ĐCS Liên xô và Nhà nước Liên xô đã làm thay đổi lớn cục diện chính trị thế giới. So sánh lực lượng trở nên có lợi cho chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế. Chủ nghĩa xã hội bị khủng hoảng nghiêm trọng. Lợi dụng tình thế đó, chủ nghĩa đế quốc tiếp tục đẩy mạnh chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng hòng xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, mưu toan thiết lập một trật tự thế giới mới dưới cái gậy chỉ huy của chúng.

"Tát nước theo mưa", các thế lực phản động ở trong nước và ngoài nước cũng ráo riết đẩy mạnh hoạt động chống phá cách mạng nước ta hòng lật đổ sự lãnh đạo của Đảng ta và chế độ ta. Bằng kế hoạch "diễn biến hòa bình", chúng tìm mọi cách bôi nhọ Đảng, hạ thấp uy tín của Đảng, cổ vũ tích cực cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, kích động chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ nhân dân với Đảng. Chúng khuyến khích các phần tử chống đối, lôi kéo những người bất mãn, nhẹ dạ, móc nối, gây dựng cơ sở, tập hợp lực lượng chống phá ta.

Việc chúng ta chuyển sang cơ chế mới, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại làm cho kinh tế phát triển năng động và có hiệu quả hơn. Công cuộc đổi mới đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế - xã hội có bước chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên và khẳng định con đường chúng ta đang đi là đúng vì Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta tiếp tục sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội. Để có chủ nghĩa xã hội, nhận thức phải đổi mới, nếu trở lại nhận thức cũ, cơ chế cũ thì không thể đi lên chủ nghĩa xã hội và đất nước sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, đổi mới phải nhằm mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc mà toàn Đảng phải nắm vững.

Còn bản thân Đảng ta trong tình hình mới đã bộc lộ không ít khuyết điểm, nhược điểm. Nổi bật nhất là trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin, trong đó một số người chịu ảnh hưởng của quan điểm cơ hội, xét lại, muốn đi con đường khác ; không ít cán bộ, đảng viên sa vào lối sống cá nhân thực dụng, trở nên thoái hóa, hư hỏng, ăn chơi, hưởng lạc. Tệ tham nhũng, buôn lậu, vung

* Ủy viên BCT, Trưởng Ban tổ chức trung ương Đảng

Digitized by Google

phí tài sản của nhân dân, cùng với tình trạng mất đoàn kết xảy ra ở một số nơi do chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng địa vị, cục bộ địa phương, rất nghiêm trọng và kéo dài. Hệ thống tổ chức có nhiều khâu trì trệ, chưa bảo đảm được sự lãnh đạo thông suốt trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổ chức cơ sơ đảng ở một số nơi tê liệt, không giữ được vai trò lãnh đạo. Phương thức lãnh đạo của Đảng chậm được đổi mới. Bệnh quan liêu, xa thực tế, xa quần chúng rất nặng. Nhiều cán bộ, đảng viên nói không đi đôi với làm, sống xa dân, thậm chí cách biệt, xa lạ với cuộc sống của những người lao động.

Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn nhằm xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, trong đó *trọng tâm là phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị* ; đồng thời làm cho Đảng thực sự là một đảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một đảng thực sự vững mạnh và năng động, đoàn kết, gắn bó mật thiết với nhân dân.

*

Đại hội VII của Đảng đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ chung cho công tác xây dựng Đảng. Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng quyết định : trước mắt phải tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách sau đây :

1 - VỀ CHÍNH TRỊ - TƯ TƯỞNG :

Sức mạnh của Đảng bắt nguồn trước hết từ đường lối chính trị đúng đắn và sự đoàn kết thống nhất tư tưởng của toàn Đảng. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, công tác chính trị tư tưởng càng có vị trí đặc biệt quan trọng. Phải bồi dưỡng, nâng cao bản lĩnh chính trị, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên ; tiếp tục cụ thể hóa các quan điểm và đường lối của Đảng ; từng bước xác định mô hình con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Chú trọng xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí chiến đấu, kiên định lý tưởng, mục tiêu cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh chống những luận điệu thù địch, những quan điểm cơ hội, xét lại muốn đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa. Phê phán những nhận thức lệch lạc, mơ hồ, khuynh hướng phủ nhận quá khứ tốt đẹp của Đảng và của dân tộc. Muốn xây dựng được niềm tin, phải giải quyết nhiều vấn đề, đặc biệt là phải thường xuyên thông tin trung thực và phân tích sâu sắc những nhân tố mới, tổng kết thực tiễn những hoạt động đổi mới trên từng lĩnh vực ; đồng thời phấn đấu thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, giải quyết được một số vấn đề kinh tế xã hội cụ thể, nóng bỏng trước mắt như việc làm, đời sống, thu hẹp diện đói nghèo ; khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, trước hết là tệ tham nhũng.

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, chúng ta phải rất chú trọng giáo dục, xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống trong sạch của cán bộ, đảng viên ; chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa thực dụng, tệ làm ăn gian dối, lối sống xa hoa, trụy lạc. Củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Một trong những khuyết điểm nghiêm trọng trong công tác xây dựng đảng thời gian qua là chúng ta chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục, quản lý và rèn luyện đảng viên trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng quan hệ đối ngoại. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén và còn nặng về đối phó bị động.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, phải nâng cao tính hấp dẫn, thiết thực và kịp thời hơn nữa, khắc phục bệnh giáo điều, áp đặt, giản đơn, xa rời thực tế. Chú ý chất lượng thông tin, thực hiện có nền nếp việc thông báo tình hình, những chủ trương, chính sách, luật pháp mới. Đặc biệt, phải tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác báo chí,

Digitized by Google

xuất bản, văn hóa văn nghệ, bảo đảm theo đúng đường lối quan điểm của Đảng, đáp ứng yêu cầu phong phú, đa dạng của nhân dân. Đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống trường đảng và các trường học.

Công tác tư tưởng là công tác vận động, thuyết phục trên cơ sở khoa học ; là hoạt động tự giác, không thể áp đặt nóng vội, mà phải kiên trì, công phu. Vì thế, dân chủ chính là nhân tố bảo đảm hiệu quả của công tác tư tưởng. Cần đáp ứng nhu cầu về thông tin của cán bộ, đảng viên cũng như của nhân dân ; thực hiện thông tin đa dạng, nhiều chiều ; khuyến khích thảo luận, tranh luận những ý kiến, quan điểm khác nhau để đi tới sự nhất trí sâu sắc với các quan điểm, đường lối của Đảng. Tuy nhiên, phát huy dân chủ bao giờ cũng đi đôi với tôn trọng kỷ luật, giữ vững kỷ cương và nêu cao tinh thần trách nhiệm.

2 - VỀ TỔ CHỨC :

Sức mạnh của Đảng về chính trị và tư tưởng được bảo đảm bằng sức mạnh về tổ chức. Tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh sẽ tạo ra sức mạnh vô địch của Đảng.

a) Hiện nay, trong công tác tổ chức, vấn đề rất quan trọng là **thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng**, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, ngăn chặn tệ vô tổ chức, vô kỷ luật trong Đảng. Thời gian gần đây, bên cạnh những hiện tượng mất dân chủ xảy ra ở nhiều nơi, những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật, cục bộ địa phương cũng diễn ra khá phổ biến và nghiêm trọng. Nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng không được chấp hành nghiêm túc, cấp dưới không phục tùng cấp trên, cá nhân không phục tùng tổ chức, phát ngôn tùy tiện, công khai truyền bá những ý kiến trái với quan điểm, đường lối của Đảng... Phải kịp thời chặn đứng những hiện tượng nói trên. Nếu không làm tốt việc đó nó sẽ phá hoại kỷ cương, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất và sức chiến đấu của Đảng. Cần làm cho toàn Đảng hiểu đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội toàn quốc của Đảng và BCH TƯ Đảng. Thực hiện các nguyên tắc đó là một điều kiện hết sức quan trọng bảo đảm giữ vững được bản chất giai cấp công nhân và tính tiền phong của Đảng, là nguồn gốc tạo nên sức mạnh của Đảng. Nó luôn luôn phải là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, bảo đảm vừa phát huy tính chiến đấu, tính chủ động sáng tạo của từng tổ chức, từng địa phương, từng người, vừa gắn bó chặt chẽ toàn Đảng thành một khối thống nhất ý chí và hành động. Xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời đối với những tổ chức, những đảng viên vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật nhà nước. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ, bè phái, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất về tư tưởng và tổ chức của Đảng đều bị xử lý bằng những hình thức kỷ luật nghiêm khắc của Đảng.

b) **Chấn chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp**. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, lãnh đạo xã hội chẳng những bằng cương lĩnh, đường lối mà còn bằng đảng viên và các tổ chức đảng. Vì vậy, phải thường xuyên củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng. Đi đôi với việc tiếp tục kiện toàn các cấp ủy đảng ; củng cố, nâng cao chất lượng các ban của Đảng, phải chú ý tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các *đảng đoàn* trong các cơ quan dân cử và đoàn thể quần chúng ; lập *ban cán sự đảng* ở chính phủ, các bộ, các ủy ban trực thuộc chính phủ. Thực tế cho thấy, việc lập ban cán sự đảng ở các tổ chức nói trên là rất cần thiết. Nó giúp Bộ chính trị, Ban bí thư lãnh đạo quán triệt và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ; tham gia đóng góp về đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; quản lý về tổ chức và cán bộ ; kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và công tác đảng ; cùng với các cấp ủy và các đảng ủy cơ sở trong ngành làm công

Digitized by Google

tác xây dựng Đảng. Việc lập ban cán sự đảng là nhằm phát huy chứ không hạn chế quyền hạn và trách nhiệm cá nhân.

c) **Chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng**, làm cho tổ chức cơ sở đảng thật sự có vai trò lãnh đạo và là đơn vị chiến đấu trực tiếp của Đảng ở cơ sở. Vừa qua, có ý kiến cho rằng việc củng cố, chỉnh đốn Đảng cần tập trung làm ở trung ương. Điều đó đúng, nhưng chưa đủ. Trung ương có vị trí hết sức quan trọng, có vai trò chi phối cả nước, nhưng cơ sở là nơi thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, biến nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước thành hiện thực. Nếu không chăm lo đúng mức việc củng cố các cơ sở đảng, giữ vững khối liên minh công nông thì sự lãnh đạo của Đảng sẽ bị tuột tay. Hiện nay ta có trên 4 vạn tổ chức cơ sở đảng ở các xã, phường, các cơ quan, đơn vị kinh tế quốc doanh và đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội và công an. Cần xác định thật rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

Chức năng quan trọng nhất của các tổ chức cơ sở đảng là : *hạt nhân lãnh đạo chính trị toàn diện* ở cơ sở. Chức năng đó thể hiện ở mấy mặt :

- Lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời tham gia ý kiến xây dựng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, lãnh đạo thực hiện dân chủ, công khai trọng các vấn đề kinh tế, tài chính, phân phối thu nhập, thực hiện chính sách xã hội, đấu tranh chống các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật.

- Lãnh đạo thực hiện đúng chính sách cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ cơ sở theo quy định.

- Kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ được giao và kiểm tra tư cách đảng viên.

- Làm công tác tư tưởng và tổ chức, nâng cao giác ngộ chính trị, kiến thức và năng lực của đội ngũ đảng viên.

- Lãnh đạo công tác đoàn thể và công tác quần chúng.

Trong tình hình hiện nay, cần tập trung làm tốt việc chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị trọng yếu về chính trị và kinh tế. Đó là các xã, phường ; các đơn vị doanh nghiệp ; các cơ quan, nhất là cơ quan trung ương và cấp tỉnh, thành. Khi tập trung sức xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị nêu trên, không được xem nhẹ tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị khác. Đối với xã, phường, đơn vị sản xuất kinh doanh chưa có đảng viên hoặc đảng viên ít, cần có kế hoạch khắc phục để thành lập tổ chức cơ sở đảng.

d) **Công tác đảng viên** hiện nay đang nổi lên một số vấn đề : chất lượng giảm sút, tuổi bình quân cao, số lượng phát triển hằng năm giảm. Công tác đảng viên có ý nghĩa chiến lược, vì đảng viên mạnh thì tổ chức cơ sở đảng vững mạnh. Trong thời gian tới, chúng ta phải tạo ra bước chuyển mới trên cả ba mặt của công tác đảng viên là : bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực trí tuệ và phẩm chất của đội ngũ đảng viên ; sàng lọc đội ngũ đảng viên ; coi trọng việc phát triển đảng viên mới trên cơ sở bảo đảm chất lượng, không chạy theo số lượng. Để làm được việc đó, phải tập trung giải quyết tốt một số vấn đề cơ bản sau đây :

Một là, xác định rõ tư cách đảng viên trong tình hình mới : Đảng viên phải là người có giác ngộ chính trị, trung thành với mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa ; có phẩm chất, đạo đức và lối sống lành mạnh, gắn bó mật thiết với quần chúng ; sản xuất, công tác và quản lý giỏi, gương mẫu hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước ; thường xuyên học tập nâng cao trình độ nhận thức và năng lực công tác ; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Người đảng viên tất nhiên cũng có yêu cầu về lợi ích, nhưng phải biết đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích của cá nhân và gia đình.

Hai là, sàng lọc đội ngũ đảng viên. Chúng ta đã tiến hành nhiều đợt củng cố đảng, sàng lọc đội ngũ đảng viên nhưng kết quả đạt được còn rất hạn chế. Hiện nay, ai cũng thấy phải cấp bách

Digitized by Google

xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Nhưng làm như thế nào, làm bắt đầu từ đâu và làm với mức độ nào thì ý kiến còn khác nhau. Căn cứ vào tình hình thực tế và dựa vào kinh nghiệm đã đúc kết được trong thời gian qua, chúng ta chủ trương tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên một cách kiên quyết, nhưng phải có bước đi thích hợp, bảo đảm ổn định chính trị, thúc đẩy mọi mặt công tác.

Ba là, phát triển đảng viên mới. Để khắc phục tình trạng lão hóa đội ngũ đảng viên, tăng sinh lực mới cho Đảng, trẻ hóa, bảo đảm sự kế thừa, các cấp ủy cần có kế hoạch thường xuyên phát triển Đảng. Phải chú ý làm tốt công tác tạo nguồn để lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp những người ưu tú có giác ngộ chính trị trong Đoàn thanh niên cộng sản, trong công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và trong những cơ sở trọng yếu, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Trên cơ sở nắm vững về tư cách đảng viên và điều kiện kết nạp người vào đảng, cần đổi mới quan điểm đánh giá quần chúng ; không định kiến, hẹp hòi.

3 - VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ :

Cán bộ là vấn đề cực kỳ quan trọng, có vai trò to lớn thúc đẩy hoặc kìm hãm tiến trình cách mạng, nhất là ở vào những thời điểm bước ngoặt như hiện nay.

Một câu hỏi đặt ra là : Vì sao thời gian qua chúng ta tốn không ít công sức nhưng chưa tạo được những chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cán bộ ? Dường như ai cũng thấy cán bộ là vấn đề mấu chốt, vấn đề bức xúc, nhưng chưa có biện pháp giải quyết thật tích cực. Trả lời câu hỏi này có thể có rất nhiều cách tiếp cận, và có không ít khía cạnh khác nhau. Tôi cho rằng, nguyên nhân quan trọng là do chúng ta chưa nắm thật vững và chưa thực hiện nhất quán những quan điểm và nguyên tắc cơ bản về công tác cán bộ ; chưa có những biện pháp giải quyết tích cực, đồng bộ ; đồng thời vẫn còn những vướng mắc về chính sách và việc xem xét, đánh giá cán bộ chưa thật sự khách quan.

Để khắc phục tình trạng đó, chúng ta phải *nắm vững một số quan điểm và nguyên tắc cơ bản trong công tác cán bộ*. Trước hết, phải xác định rõ tiêu chuẩn cán bộ trong giai đoạn mới, xem đó là căn cứ quan trọng để đánh giá, đề bạt và sử dụng đúng cán bộ. Do yêu cầu mới đòi hỏi, phải làm rõ một số điểm cơ bản trong tiêu chuẩn cán bộ. Tiêu chuẩn hàng đầu của cán bộ lãnh đạo và quản lý hiện nay là : có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới ; có kiến thức và năng lực tham gia quyết định của tập thể và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, công tác có hiệu quả ; có đạo đức cách mạng trong sáng, thẳng thắn, trung thực, đấu tranh bảo vệ các quan điểm, đường lối của Đảng, có ý thức tổ chức kỷ luật ; có lối sống cần kiệm liêm chính ; giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng ; gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.

Trên cơ sở nắm vững tiêu chuẩn cán bộ, phải có chính sách thu hút và phát huy nhân tài của đất nước ; xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới ; tích cực bồi dưỡng, sử dụng cán bộ trẻ, xây dựng lực lượng kế thừa vừa đáp ứng được yêu cầu trước mắt, vừa đáp ứng được yêu cầu lâu dài ; đồng thời bồi dưỡng, phát huy cán bộ lớn tuổi ; chăm sóc cán bộ có công với cách mạng. Đối với cán bộ về hưu, cần động viên và tạo điều kiện để các đồng chí đó tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp cách mạng tùy theo khả năng và điều kiện sức khỏe. Miễn công tác và sinh hoạt đảng cho những đảng viên già yếu, ốm đau.

Phải nắm vững nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong công tác cán bộ. Phải giữ đúng nguyên tắc tập thể, dân chủ trong quyết định về cán bộ, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân trong phạm vi mình phụ trách.

Nắm vững các quan điểm và nguyên tắc nêu trên, chúng ta sẽ có điều kiện thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng yếu mà Hội nghị Trung

Digitized by Google

ương nêu ra:

- *Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có*, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt ở các ngành, các cấp, các cơ sở trọng điểm. Bổ sung những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, có triển vọng đảm đương tốt công việc ; đồng thời đưa ra khỏi cơ quan lãnh đạo những cán bộ có quan điểm, lập trường thiếu vững vàng, cơ hội, vi phạm phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật kém, cá nhân chủ nghĩa, gây mất đoàn kết, quần chúng không tín nhiệm. Đối với những cán bộ mà kiến thức và năng lực không đảm đương nổi nhiệm vụ, cần điều chỉnh, bố trí công việc khác thích hợp hơn. Ở những nơi trì trệ, yếu kém kéo dài, phải thay ngay cán bộ chủ chốt. Trường hợp cần thiết, có thể tăng cường cán bộ cấp trên xuống chỉ đạo trực tiếp. Mạnh dạn đề bạt những cán bộ đã được đào tạo, đã qua thử thách, đủ tiêu chuẩn vào các cương vị thích hợp. Dứt khoát phải theo nguyên tắc "vì việc đặt người", "có lên có xuống ", "có vào có ra", tránh tình trạng bố trí cán bộ vào những việc mà bản thân người cán bộ đó chưa được học, chưa từng làm hoặc chưa am hiểu. Những cán bộ trực tiếp quản lý kinh doanh, những cán bộ nghiệp vụ chuyên môn, cần được chuyên môn hóa.

- *Xúc tiến mạnh việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận*. Đổi mới nội dung và phương thức quy hoạch cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở trung ương, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp và các cơ sở kinh tế then chốt. Ở mỗi cấp, cố gắng hình thành cho được đội ngũ cán bộ có ba độ tuổi kế tiếp nhau. Trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chú ý gắn với mục tiêu, yêu cầu và địa chỉ sử dụng ; có nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng ; coi trọng đào tạo qua thực tiễn công tác và phong trào quần chúng ; tổng kết kịp thời những kinh nghiệm thực tế ; lựa chọn những cán bộ có triển vọng, tin cậy để đào tạo một cách cơ bản.

- *Cải tiến chính sách đãi ngộ cán bộ*, bảo đảm khách quan, công bằng, thu hút được nhân tài, khuyến khích những người làm việc tốt, có hiệu quả. Chú ý tương quan giữa cán bộ đảng, cán bộ nhà nước, cán bộ đoàn thể, cán bộ giữa các vùng, các lĩnh vực. Khắc phục tình trạng phân phối bình quân và sự chênh lệch quá lớn về thu nhập giữa các loại cán bộ. Cán bộ có công phải được khen thưởng kịp thời, cán bộ có khuyết điểm phải bị xử phạt nghiêm minh. Chấm dứt tình trạng người làm việc tốt, có hiệu quả cao và người làm việc kém, hiệu quả thấp đều được đãi ngộ và hưởng thụ như nhau. Có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ cơ sở, cán bộ dân tộc thiểu số, vùng cao, cán bộ miền xuôi lên công tác ở vùng cao. Đối với những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo có thái độ chính trị tốt (như già làng, linh mục, sư sãi), cần có chính sách phát huy và tạo điều kiện cần thiết để các vị đó phục vụ tốt cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thực hiện đúng quy định cán bộ làm việc gì thì được hưởng tiêu chuẩn, chế độ đãi ngộ tương ứng với chất lượng và số lượng công việc đó.

Cần thấy rằng, vừa qua chính sách sử dụng, đãi ngộ, cư xử không công bằng, thiếu khách quan, là một nguyên nhân chủ yếu làm cho cán bộ có nhiều tâm tư, hạn chế sự cống hiến của đội ngũ cán bộ.

- *Thực hiện chế độ phân công, phân cấp quản lý cán bộ*. Quản lý cán bộ phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành và lãnh thổ. Khi bổ nhiệm, đề bạt, điều động, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, cơ quan quản lý theo ngành dọc tham khảo ý kiến của cấp ủy địa phương ; cơ quan quản lý theo lãnh thổ thì cấp ủy tham khảo ý kiến của ngành trước khi quyết định.

- *Kiên quyết chống tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác*. Hiện nay, tệ tham nhũng vẫn đang là ung nhọt nhức nhối của xã hội ta ; chống tham nhũng đang là yêu cầu nóng bỏng. Nếu không chặn lại được tệ nạn này thì uy tín của Đảng và Nhà nước ta tiếp tục bị giảm sút. Chúng ta phải kiên quyết làm nghiêm từ trong Đảng ra và từ trên xuống. Cùng với việc xử lý kiên quyết và dứt khoát những vụ việc trước mắt, cần khẩn trương nghiên cứu để xây dựng và hoàn thiện những cơ chế, chính sách và cải tiến tiền lương...

Digitized by Google

Vì đây là biện pháp cơ bảnđể ngăn chặn tệ tham nhũng từ gốc.

4 - ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG :

Đảng ta là đảng cầm quyền. Đảng có trách nhiệm lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng trong tình hình mới, Đảng cần có phương thức lãnh đạo thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu quả của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, xây dựng một hệ thống chính trị gọn, nhẹ, hoạt động năng động, có hiệu lực và có hiệu quả.

Đối với Nhà nước, Đảng căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VII và Hiến pháp mới, tiếp tục hoàn chỉnh và cụ thể hóa các quan điểm, nguyên tắc xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân, lãnh đạo Nhà nước xây dựng luật về tổ chức các cơ quan nhà nước, hoàn thiện dần các văn bản pháp quy về mặt này để đưa vào thực hiện. Đồng thời có quy chế quy định phương thức lãnh đạo, quan hệ công tác giữa Đảng và Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thông qua cơ chế dân chủ do luật định, thông qua các tổ chức đảng và các đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước.

Đối với Mặt trận, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội, vấn đề quan trọng bậc nhất hiện nay là : định hướng mục tiêu, hướng phát triển trước mắt và lâu dài của các đoàn thể. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị xã hội đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, khắc phục bằng được tình trạng xơ cứng, quan liêu hóa, hành chính hóa. Chú trọng cải tiến hình thức sinh hoạt và tập hợp, nhất là ở cơ sở ; nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên. Lựa chọn và giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn vào các chức vụ chủ chốt của các đoàn thể để đoàn thể bầu cử theo quy định. Đảng hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của đảng viên công tác trong các đoàn thể, bảo đảm cho đoàn thể hoạt động đúng hướng ; kịp thời uốn nắn những nhận thức và phương thức hoạt động không đúng của các đoàn thể. Mặt khác, xây dựng quy chế và thực hiện công khai hóa, tạo điều kiện để quần chúng giám sát và tham gia quản lý các công việc nhà nước. Đối với các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, Đảng khuyến khích phát triển theo hướng tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính theo đúng luật pháp. Nghiên cứu nguyện vọng lập hội và xu hướng phát triển của các hội, đoàn thể để có định hướng chính sách chung và riêng phù hợp với từng loại.

Cùng với những việc trên, Đảng đổi mới, hoàn thiện phương thức hoạt động, phong cách công tác của mình. Cụ thể là tập trung hơn nữa thời gian và sức lực vào công tác lý luận, tổng kết thực tiễn và công tác chính trị - tư tưởng ; cải tiến việc ra nghị quyết, quyết định ; coi trọng việc lãnh đạo tổ chức thực hiện ; thực hiện nghiêm túc các chế độ kiểm tra ; cải tiến lề lối làm việc, dành thời gian đi nghiên cứu, khảo sát thực tế, chú trọng sơ kết, tổng kết thực tiễn, hướng mạnh về cơ sở, chỉ đạo tại chỗ, nói đi đôi với làm và làm có hiệu quả.

*

Việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng lúc này phải được tiến hành tích cực và kiên quyết, không né tránh, hữu khuynh, song phải có bước đi phù hợp, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố được mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là làm cho Đảng mạnh lên, đủ sức lãnh đạo toàn dân vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng không thể tiến hành một cách biệt lập mà phải gắn với đổi mới các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trước hết với quá trình hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý mới, với việc kiện toàn hệ thống chính trị, với phong trào hành động của quần chúng, khơi dậy và phát huy được trí sáng tạo của nhân dân.

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN

*TRẦN ĐÌNH HUỲNH**

CHỦ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng cộng sản Việt nam - từ lúc tìm được con đường cứu nước cho đến khi "từ biệt thế giới này", luôn luôn trăn trở, suy nghĩ và hành động để làm sao xây dựng thành công một đảng cầm quyền vững mạnh, một đảng thật sự của dân, do dân, vì dân. Trong nhiều bài nói và bài viết, Người đã thể hiện khá rõ tư tưởng của mình về một đảng như vậy và đã yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thực hiện cho đúng. Nhưng chúng ta cho đến nay chưa phải đã hiểu hết và thực hiện đúng tư tưởng của Người. Trước yêu cầu Đảng ta tự đổi mới, tự chỉnh đốn, việc nghiên cứu, học tập, thực hiện tư tưởng của Người về đảng cầm quyền là rất quan trọng và rất cần thiết. Dưới đây là một số suy nghĩ bước đầu của tôi về vấn đề này.

1 - Về vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản

Cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh là nhằm đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, mưu tự do, hạnh phúc cho toàn dân. Để đạt mục đích ấy, Người đã khẳng định rất sớm rằng : Nhân dân phải giành lấy chủ quyền. Muốn vậy, phải làm cách mạng. Cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu, phải đoàn kết toàn dân, tuyệt đối tránh chia rẽ, bè phái, làm cho sức dân chúng yếu sức đi như đũa mỗi chiếc mỗi nơi. Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng cách mệnh[1].

Như vậy, vấn đề tiên quyết là phải xây dựng được một Đảng cách mạng để lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành lấy chính quyền. Nhà yêu nước vĩ đại Nguyễn Ái Quốc đã tiếp nhận tư tưởng cách mạng của C.Mác và Ph.Ăng-ghen : "Mục đích trước mắt của những người cộng sản... là tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền", "giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc"[2].

Nguyễn Ái Quốc đến với V.I.Lê-nin cũng bắt đầu từ lòng kính yêu đối với một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình. V.I.Lê-nin vĩ đại, với "Luận cương về các dân tộc và thuộc địa", đã khai sáng cho Nguyễn Ái Quốc tìm được "con đường giải phóng" cho đồng bào mình đang bị đọa đầy, đau khổ. Theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của Đảng cộng sản (b) Nga, của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, Nguyễn Ái Quốc đã xúc tiến

---

* Phó giáo sư, Viện trưởng Viện xây dựng Đảng thuộc Viện Mác - Lê-nin

(1) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t2, tr 188

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t I, tr 558, 565

Digitized by Google

mạnh mẽ công việc tổ chức, xây dựng một đảng cách mạng. Từ đó Người thực hiện trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi để xây dựng một chính đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền phải là đảng thật vững mạnh, bởi vì đảng có vững, cách mệnh mới thành công. Cũng như người cầm lái có vững, thuyền mới chạy.

2- Về tiêu chuẩn một đảng cầm quyền vững mạnh

Đảng cầm quyền vững mạnh trước hết là một đảng có lý luận tiền phong. Lý luận, học thuyết cách mạng là "trí khôn" của Đảng. Hồ Chí Minh thường nhắc lời chỉ dẫn của V.I.Lê-nin : không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng, chỉ đảng nào có lý luận tiền phong mới làm được nhiệm vụ của đảng tiền phong. Người còn nói thêm : một đảng cách mạng chân chính, vững mạnh thì "phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"(3). Đảng cộng sản Việt nam là đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng. Nhưng đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lê-nin bao giờ cũng chỉ là vũ khí tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động. Nó hoàn toàn không phải là những tín điều, những kinh thánh, những bài thuốc chữa bách bệnh, những chỉ dẫn cho mọi tình huống, những lý thuyết khô cứng. Người chưa bao giờ coi nó là "khuôn vàng, thước ngọc" mà hiện thực sinh động phải khuôn theo. Ngược lại, Người đòi hỏi cán bộ của Đảng phải nắm vững cái tinh túy, cái bản chất của học thuyết ấy để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt nam và không ngừng phát triển học thuyết ấy. Làm cho đời sống có những bước tiến mới, làm cho đất nước có một nền chính trị ổn định, một nhà nước dân chủ, có một nền kinh tế và một xã hội phát triển lành mạnh, tiến bộ, trong đó người với người sống trong tình nhân ái và công bằng, danh dự và phẩm giá con người được đề cao... - đó chính là đường lối, phương châm hành động của một đảng cách mạng, và cũng là những đóng góp vào sự phát triển học thuyết Mác - Lê-nin trong những hoàn cảnh và điều kiện mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở Đảng ta phải biết làm giàu trí tuệ mình bằng tri thức của nhân loại, bằng truyền thống văn hóa dân tộc và bằng kinh nghiệm của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước ; phải trở thành một tổ chức chính trị thực sự đại diện cho trí tuệ của dân tộc.

Đã là Đảng cầm quyền vững mạnh thì phải đề ra được đường lối, chiến lược và sách lược đúng đắn. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, quy trình đề ra đường lối, chiến lược là : 1) Có trí thức, có lý luận cách mạng ; 2) Khi xác định đường lối (khẩu hiệu và chỉ thị) phải luôn luôn dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương ; 3) Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị ấy có đúng hay không ; 4) Phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng ; 5) Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng để lãnh đạo được dân chúng, học dân chúng và nâng cao được dân chúng ; 6) Phải giữ vững tính cách mạng và khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát, phải biết cách tổ chức thực hiện và phải biết liên hợp lợi ích ngày thường và lợi ích lâu dài của dân chúng ; 7) Không khi nào được che giấu khuyết điểm, sợ phê bình, phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài, nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc,

(3)Hồ Chí Minh : *Sđd*, t2, tr 189

Digitized by Google

làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Đó vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc xây dựng đảng của Hồ Chí Minh, một đảng *có tổ chức trong sạch, vững mạnh, đủ khả năng lãnh đạo nhân dân giành và giữ chính quyền, xây dựng đất nước giàu mạnh, độc lập, dân chủ, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.*

Đảng cầm quyền vững mạnh là đảng lãnh đạo nhân dân tổ chức ra được một nhà nước *thực sự là công bộc của nhân dân*. Nhà nước ấy từ trung ương đến các làng "đều là đầy tớ của nhân dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân". Nhà nước ấy phải biết yêu dân, kính dân, thấy việc gì lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại cho dân phải hết sức tránh.

Hồ Chí Minh quan niệm rất rõ và thực hành rất nhất quán *"Đảng ta là một Đảng cầm quyền"*. Nghĩa là Đảng phải giữ được vai trò là người chỉ lối, dẫn đường cho nhân dân làm cách mạng, để nhân dân thật sự là người làm chủ nước nhà, nhân dân biết "chọn mặt gửi vàng", biết ủy thác cho những người thay mặt mình đảm trách các công việc của nhà nước. Tổ chức của những người cộng sản phải bao gồm những người có lý tưởng cách mạng, có tri thức khoa học, trưởng thành từ phong trào cách mạng và phong trào yêu nước của nhân dân. Hồ Chí Minh đã không dừng lại ở luận điểm của V.I.Lê-nin : "Đảng cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân", mà đã phát triển sáng tạo luận điểm đó phù hợp với đặc điểm nước ta. Đảng cộng sản Việt nam là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Chính vì Đảng ta, do Người sáng lập và rèn luyện, thực sự là và luôn luôn là một tổ chức như vậy, nên đã giành và giữ được vị trí cầm quyền.

Theo Hồ Chí Minh, những người cộng sản được nhân dân tín nhiệm, trao cho nắm giữ các chức vụ trong bộ máy nhà nước, tuyệt đối không được biến thành những kẻ say mê quyền lực, mưu vinh thân, phì gia. Những lời sau đây của Hồ Chí Minh phải được coi là lời tuyên thệ mẫu mực của những người cộng sản với tư cách là đảng viên của đảng cầm quyền :

"Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận.

Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"(4).

3 -Về những nguy cơ của một đảng cầm quyền

Khi đảng cộng sản đã lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, thì vinh quang của những chiến công và thành tích lịch sử mang tầm cỡ thế giới, đương nhiên định vị chức quyền cho những người cộng sản. Đảng cộng sản trở thành đảng chấp chính thì đương nhiên đảng viên nắm các chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở. Tình hình mới với những nhiệm vụ hoàn toàn mới là tổ chức và xây dựng xã hội mới, đã đặt những người cộng sản cầm quyền trước một số nguy cơ. Theo V.I.Lê-nin, những người cộng sản cầm quyền có ba kẻ thù chính : thứ nhất, "tính kiêu ngạo cộng sản chủ nghĩa" ; thứ hai, "nạn mù chữ" ; thứ ba, "nạn hối lộ". Tính "kiêu ngạo cộng sản chủ nghĩa" làm cho người đảng viên đảm nhiệm công việc nhà nước tưởng rằng chỉ bằng những pháp lệnh cộng sản là có thể giải quyết được tất cả. "Nạn mù chữ" thì khách quan đẩy người cộng sản ra khỏi chính trị. Người không biết chữ là người đứng ngoài chính trị. Không trước hết dạy a, b, c cho họ, thì không thể có chính trị mà chỉ có những tin đồn đại, những chuyện nhảm nhí, những chuyện hoang

(4) Hồ Chí Minh : Sđd, t 4, tr 100

Digitized by Google

đường, những thiên kiến... Còn "nạn hối lộ" cũng vậy. Chừng nào còn có hối lộ thì cũng không thể nói đến chính trị... Một đạo luật có thể đưa đến kết quả xấu hơn nếu trên thực tiễn nó được đem áp dụng trong điều kiện nạn hối lộ còn được dung thứ và đang thịnh hành[5]. Cũng theo V.I.Lê-nin, nếu những người cộng sản cầm quyền không khắc phục được bệnh quan liêu, tham nhũng và nạn hối lộ, thì sự nghiệp của họ cũng không còn.

Chúng ta đều nhớ, chỉ một thời gian rất ngắn sau khi bản *Tuyên ngôn độc lập* (2-9-1945) khai sinh nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng (17-10-1945). Trong thư ấy, Người đã phê phán những "lỗi lầm rất nặng nề" mà các nhân viên nhà nước đã phạm phải như : trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo. Hơn một năm sau, Người lại có hai bức thư "Gửi các đồng chí Bắc bộ" và "Gửi các đồng chí Trung bộ". Nội dung những bức thư đó cũng đều nhằm phê bình các cơ quan đảng và nhà nước đã phạm phải các khuyết điểm : địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc quân phiệt, quan liêu ; óc hẹp hòi, ham chuộng hình thức ; làm việc bàn giấy, vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm, ích kỷ, kiêu ngạo, hủ hóa...

Có thể xem nội dung ba bức thư nói trên của Hồ Chí Minh là sự báo hiệu về nguy cơ tha hóa của những người cộng sản khi có chính quyền mà nếu họ không chú ý đề phòng và khắc phục thì khả năng mất chính quyền do không còn được nhân dân ủng hộ, không phải là không có. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng khi có chính quyền là phòng chống cho được những "căn bệnh ác tính", những nguy cơ làm cho Đảng bị tha hóa, không còn là người đầy tớ mà trở thành người đứng trên và làm hại nhân dân. "Nếu chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ"[6]. Đó là lời tuyên bố "quang minh chính đại" của một đảng lấy phục vụ nhân dân làm mục đích ; là chân lý muôn đời, là dự báo chính trị chính xác đối với tất cả những người cộng sản khi có chính quyền trong tay.

4 - Về việc chỉnh đốn Đảng

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cầm quyền còn thể hiện qua quan điểm của Người về chỉnh đốn đảng. Không phải như có người lầm tưởng, trước khi qua đời, do nhận thấy những "căn bệnh ác tính" có nguy cơ phát triển trong Đảng ta, Hồ Chí Minh mới viết trong Di chúc là phải chỉnh đốn đảng. Thực ra, Bác Hồ của chúng ta chưa bao giờ coi vấn đề chỉnh đốn Đảng như một giải pháp tình thế, một chủ trương thụ động, mà luôn luôn coi đó là điều kiện cần và đủ để sự lãnh đạo của Đảng thật sự là cần thiết, là tất yếu. Trong cuốn *Đường cách mệnh* Người viết năm 1927, bên cạnh tư tưởng về sự tất yếu phải có Đảng lãnh đạo là tư tưởng về sự tất yếu phải chỉnh đốn đảng. Trong quá trình chuẩn bị thành lập cũng như không ngừng rèn luyện Đảng cộng sản Việt nam, tư tưởng về chỉnh đốn đảng ở Người cũng thể hiện rất rõ. Năm 1949, trong bài nói chuyện ở buổi bế mạc Hội nghị cán bộ của Đảng lần thứ 6, sau khi nêu lên các nhiệm vụ trước mắt phải làm (kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội), Người đã nhấn mạnh : "Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng...". Nắm chắc phép biện chứng duy vật, Hồ Chí Minh đã tiên lượng về sự vận động của bản thân đảng trong quá trình biến đổi và phát triển của tình hình cách mạng để chỉ rõ tính tất yếu khách quan của việc chỉnh đốn đảng. Khi cách mạng gặp khó khăn, việc chỉnh đốn đảng được Người đề cập với thái độ bình tĩnh, sáng suốt, giúp cho Đảng không rơi vào tình trạng bị động, bi quan, dao động. Khi cách mạng trên đà thắng lợi, Người cũng nêu vấn đề : "trước hết phải chỉnh đốn Đảng" nhằm ngăn ngừa bệnh "kiêu ngạo cộng sản" có thể phát sinh trong đảng do đảng viên choáng ngợp trước những chiến công vĩ đại mà dâm chủ quan, tự mãn, dẫn đến sa đọa, hủ hóa. Thực tế cho thấy, khi Đảng cộng sản trở thành đảng cầm quyền, cán bộ, đảng viên có chức,

(5) Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 217 - 218

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 283

Digitized by Google

có quyền rất dễ "đánh mất mình". Hôm qua họ có thể là những con người "vĩ đại" được quần chúng tin cậy, kính trọng, nhưng hôm nay thì họ đã nhanh chóng biến thành kẻ tầm thường, tiêu tiện, bị quần chúng oán ghét, căm giận. Có những người trong lúc đấu tranh thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có công với cách mạng ; song đến khi có ít nhiều quyền hành trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu... cho nên lại biến thành người có tội với cách mạng. Vì vậy, chỉnh đốn đảng chính là "cứu vớt" cán bộ, khôi phục đạo đức cách mạng cho họ và giáo dục, đưa họ vào con đường cách mạng ; là khôi phục uy tín chính trị của Đảng với nhân dân - vấn đề cốt tử của một đảng cầm quyền.

5 - Về công tác cán bộ

Với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng cộng sản phải biết cách để tăng cường đoàn kết toàn dân, phát huy tính năng động, sáng tạo và tinh thần làm chủ của mọi tầng lớp nhân dân, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài nhằm huy động được sức mạnh toàn dân vào sự nghiệp kiến thiết đất nước. Có thể nói, "nhân tài và kiến quốc" là một vấn đề có tầm chiến lược, liên quan đến sự hưng thịnh hay suy vong của một đất nước. Chính vì vậy, khi Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa mới thành lập được 8 tháng, Hồ Chí Minh đã "e vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân". Và cũng vì vậy, Người đã thông báo để có thể "sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng". Người yêu cầu "các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết"(7).

Tìm người tài đức là một khâu trong toàn bộ chính sách cán bộ của Hồ Chí Minh. Hiểu rõ những non kém của đội ngũ cán bộ sau khi nắm chính quyền đi vào tổ chức và xây dựng xã hội mới, Hồ Chí Minh rất quan tâm vấn đề dạy dỗ cán bộ, yêu cầu cán bộ thường xuyên học hỏi để biết làm việc. Người cho rằng cách mạng là một nghề, nghề nào cũng phải học, cán bộ phải vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, "vừa hồng, vừa chuyên", phải "hồng thắm, chuyên sâu". Đối với cấp lãnh đạo và cơ quan tổ chức thì cần phải *lựa chọn* và *sử dụng* cán bộ cho đúng. Nếu V.I.Lê-nin yêu cầu phải đặt người đúng chỗ, đúng việc, vì việc mà chọn người, thì Hồ Chí Minh khuyên "dùng người như dùng gỗ". Tư tưởng này vừa thể hiện quan điểm của V.I.Lê-nin về công tác cán bộ, vừa bao hàm một tinh thần nhân đạo, bao dung, người nào cũng dùng được cả, như "gỗ nào việc ấy", mỗi người tùy theo khả năng mà góp tài, góp sức vào sự nghiệp chung.

Nếu Ç.Mác cho rằng thế hệ sau phải biết "đứng lên vai" thế hệ trước mà tiến lên, thì Hồ Chí Minh, nói theo cách nói truyền thống của tổ tiên ta : "con hơn cha, nhà có phúc", "vì lợi ích trăm năm, phải trồng người". Bác Hồ luôn luôn là tấm gương sáng, và Người đòi hỏi thế hệ cha anh phải sống mẫu mực, nêu gương, phải giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ thành "thế hệ cách mạng cho đời sau". Đó cũng là nhiệm vụ rất quan trọng của một đảng cầm quyền.

Để giáo dục thế hệ trẻ, chắc chắn những người cộng sản chúng ta không thể quên lời khuyên của Hồ Chí Minh : muốn giáo dục người ta làm cách mạng, thì phải cách mạng bản thân mình trước đã. Tư tưởng ấy thống nhất với tư tưởng vĩ đại của C.Mác : đã đến lúc các nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục.

Như vậy, có thể nói, tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về đảng cầm quyền là ở chỗ : Đảng phải luôn luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn, để giữ gìn và phát huy tư cách của một đảng cách mạng chân chính.

---

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd* : t 4, tr 192

Digitized by Google

Quan hệ giữa số lượng và chất lượng đảng viên

NGUYỄN KIM ĐỈNH *

THỜI gian qua, chúng ta thường nhận định "đảng viên đông mà không mạnh". Nhận định đó nói lên thực trạng quan hệ giữa số lượng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Qua các đợt phân loại đảng viên đầu những năm 80, số đảng viên phát huy tác dụng tốt chiếm khoảng 35%, số đảng viên "trung bình" khoảng 55% và số đảng viên yếu kém khoảng 10%. Đến cuối những năm 80 và đầu năm 1990, số đảng viên phát huy tác dụng tốt giảm xuống chỉ còn khoảng 25%, số đảng viên "trung bình" khoảng 60% và số đảng viên yếu kém khoảng 15%, trong đó có một số đảng viên phải xem xét tư cách và cần phải đưa ngay ra khỏi Đảng. Nếu xét một cách thực chất thì hiện có khoảng trên dưới 50% số đảng viên không bảo đảm được tiêu chuẩn người đảng viên trong giai đoạn mới (gồm những đảng viên gọi là "trung bình", không đủ trình độ và năng lực lãnh đạo quần chúng, và những đảng viên yếu kém).

Sở dĩ tình hình trên tồn tại và kéo dài là do tư duy về mẫu hình người đảng viên chậm đổi mới, duy trì quá lâu mẫu hình người đảng viên của thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc và thời kỳ đảng cầm quyền hoạt động trong môi trường kinh tế bao cấp.

Trong thời kỳ kháng chiến chống ngoại xâm, tuy ai nấy đều chịu đựng những thử thách ác liệt, những hy sinh to lớn, kể cả hy sinh tính mạng, nhưng vì mọi hoạt động đều nhằm tập trung cho chiến đấu thắng lợi, cho nên công việc xem chừng có phần giản đơn, ít phức tạp. Số môn khoa học được áp dụng vào cuộc sống, số người và phạm vi hoạt động khoa học cũng ít và hẹp. Trình độ văn hóa chung của nhân dân còn thấp. Do vậy, trong việc kết nạp đảng viên ở thời kỳ này, các tổ chức cơ sở đảng nói chung không coi trình độ văn hóa, chuyên môn là một tiêu chuẩn quan trọng. Có nơi, có lúc đã kết nạp hàng loạt đảng viên có trình độ văn hóa rất thấp miễn là có chí căm thù giặc, lòng yêu nước cao, chiến đấu giỏi và dám hy sinh vì sự nghiệp cách mạng. Không ít những đảng viên đó chỉ nhờ kinh nghiệm mà trở thành sĩ quan chỉ huy các cấp, có người được tặng danh hiệu "anh hùng lực lượng vũ trang".

Khi chuyển sang xây dựng kinh tế, mặc dù còn là nền kinh tế bao cấp, chúng ta đã bước đầu thấy được rằng đảng viên phải có trình độ văn hóa, chuyên môn. Tuy nhiên, nhận thức đó chưa được quán triệt trong Đảng, cho nên chưa có chuyển biến bao nhiêu trong công tác cán bộ và phát triển Đảng. Số đông đảng viên ta vẫn hoạt động theo chủ nghĩa kinh nghiệm ; số đảng viên trở thành cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp thường lại không phải do trí tuệ, tài năng cao, mà chủ yếu do uy tín cá nhân nhờ quá trình tham gia cách mạng lâu dài đưa lại. Đã có lúc chúng ta cho rằng đã là cán bộ chính trị và cán bộ quân đội thì bố trí vào khâu nào và chức danh nào cũng điều hành được, từ đó xuất hiện các từ "cán bộ đa giê năng", "cán bộ vạn năng", có nghĩa là cán bộ đó xếp vào cương vị gì, vào việc gì cũng đều làm được tất, bất cần kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn.

(*) Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Trong nhiều năm, Đảng và Nhà nước ta lại chậm xác định tiêu chuẩn các chức danh cán bộ, do đó việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chưa thật sát hợp và thiếu hệ thống. Những kiến thức cần cho các chức danh để thực hiện các công việc thì nhiều lúc không được coi trọng. Không ít chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp chưa qua đào tạo ở trường hành chính quốc gia. Trường này chỉ mới được thành lập cách đây không lâu, phải chăng vì chúng ta từng một thời nghĩ rằng quản lý đất nước có thể bằng mệnh lệnh hành chính, chứ không phải bằng pháp luật ? Nay chuyển sang quản lý bằng pháp luật, không ít chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp đã gặp rất nhiều lúng túng do không hiểu hoặc không nắm vững pháp luật, có người đã vi phạm pháp luật khi điều hành quản lý, v.v..

Trong ba mặt cấu thành tiêu chuẩn đảng viên (phẩm chất chính trị ; trình độ và năng lực lãnh đạo quần chúng ; phẩm chất đạo đức) thì có khoảng trên dưới 50% số đảng viên trong toàn Đảng yếu kém về mặt trình độ và năng lực lãnh đạo quần chúng. Số này thường gồm những đảng viên thường (không giữ các cương vị lãnh đạo), trình độ văn hóa thấp. Khả năng tiếp nhận đường lối, nghị quyết của Đảng và học thuyết Mác - Lê-nin ở số đông chí này rất hạn chế, thường chỉ tiếp nhận và chấp hành một cách hời hợt, thụ động, máy móc, điều này tất nhiên ảnh hưởng đến phẩm chất chính trị của họ. Việc thực hiện một cách máy móc nguyên tắc "hễ ở đâu có dân, có quần chúng, là ở đó phải có tổ chức đảng và đảng viên" cũng đã khiến cho việc kết nạp đảng viên không bảo đảm tiêu chuẩn cần thiết về trình độ, năng lực lãnh đạo.

Bước sang giai đoạn hiện nay, khi Đảng hoạt động trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thì quan hệ giữa số lượng và chất lượng đảng viên như trên càng không phù hợp. Ở giai đoạn này, trình độ hiểu biết của nhân dân cao hơn. Cách mạng khoa học - kỹ thuật phát triển như vũ bão trên thế giới. Việc "mở cửa" ra thế giới trở thành yêu cầu sống còn đối với đất nước ta. Công việc của Đảng đa dạng, phong phú và phức tạp hơn trước rất nhiều. Điều đó đòi hỏi đảng viên nhất thiết phải là người ưu tú về mọi mặt, phải có trí tuệ cao so với quần chúng thì mới lãnh đạo quần chúng được. Thật vậy, chẳng hạn, trong các cơ quan nghiên cứu khoa học, nếu đảng viên quá yếu về trình độ văn hóa, chuyên môn, thì làm sao có thể lãnh đạo số quần chúng có tri thức cao hơn mình ? Trong các nhà máy, xí nghiệp cũng vậy, nếu đảng viên không có trình độ văn hóa, chuyên môn cần thiết, không am hiểu các khâu quản lý sản xuất kinh doanh, thì làm sao có thể phát huy tác dụng lãnh đạo đối với quần chúng được ? Cũng do nhận thức không đúng về vai trò và tác dụng lãnh đạo của cán bộ đảng viên mà có trường hợp một vị tướng khi được cử làm bộ trưởng đã có ý đồ quân sự hóa các xí nghiệp, bố trí các sĩ quan quân đội vào các cấp lãnh đạo phân xưởng, phòng, ban. Rất may là cách làm này đã được ngăn chặn kịp thời. Tuy nhiên, cách bố trí cán bộ theo kiểu như trên đã để lại không ít hậu quả nghiêm trọng. Một số sĩ quan quân đội, vốn chỉ quen việc chỉ huy chiến đấu, sau khi chuyển ngành, được bố trí ngay làm giám đốc nhà máy hoặc xí nghiệp mà không cần qua một lớp đào tạo nào, cho nên đã làm cho không ít nhà máy hoặc xí nghiệp dưới quyền họ bị thua lỗ, "sập tiệm", làm thất thoát hàng chục tỷ đồng của nhà nước. Có nhiều người đã phải hầu tòa, vào sống trong nhà tù, thậm chí có người đã tự sát. Theo các nguồn tin trên báo chí, cứ 100 vị giám đốc phải ra hầu tòa thì hơn 70 là người trình độ văn hóa thấp và chưa qua đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho nghề giám đốc. Họ phải chơi luật rừng và sa vào vòng tội lỗi. Đây là bài học được kiểm nghiệm bằng thực tiễn với giá khá đắt.

Một trong những nguyên nhân khiến cho uy tín của Đảng những năm gần đây bị giảm sút, là do mẫu hình người đảng viên không còn phù hợp với giai đoạn mới. Nhiều đảng viên không còn là tấm gương sáng để quần chúng tin yêu. Do nhận thức không theo kịp tình hình mới, một số đã trở nên trì trệ, thành lực cản công cuộc đổi mới của Đảng và sự phát triển tương lai của đất nước. Đây có thể là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng đảng viên đông mà Đảng không mạnh. Còn đối với số đảng viên vi phạm về phẩm chất chính trị và đạo đức, thì dễ nhận biết hơn, và thực tế đã được các tổ

Digitized by Google

chức đảng thường xuyên xử lý. Hơn nữa, số đảng viên loại này không đông, chỉ vài ba phần trăm trong Đảng.

Nền kinh tế thị trường với tính đa dạng và năng động của nó đòi hỏi các tổ chức và các thành viên trong xã hội cũng phải linh hoạt và năng động hơn. Để phù hợp với đặc trưng này, chúng ta cần thay đổi quan niệm về số lượng và chất lượng đảng viên theo hướng chỉ dẫn của Lê-nin : "Thà ít mà tốt". Thời kỳ cần có đông đảng viên để "cầm tay chỉ việc" cho quần chúng đã qua rồi, ngày nay Đảng cần có một đội ngũ đủ trí tuệ và am hiểu thực tiễn để có thể đề ra đường lối, chủ trương, nghị quyết và các chính sách phù hợp với quy luật và lòng dân, qua đó nhân dân và các tổ chức quần chúng tự giác tổ chức thực hiện với sự hướng dẫn và kiểm tra của Đảng.

Theo ý tôi, việc quy định các chức danh chủ chốt cấp tỉnh, thành có trình độ văn hóa cấp 3 và cấp quận, huyện có trình độ văn hóa cấp 2, đảng viên tối thiểu có trình độ văn hóa cấp 2, là chưa đủ. Tiêu chuẩn các chức danh cán bộ và tiêu chuẩn đảng viên phải căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và xu thế của thời đại, để có chuẩn mực tiên tiến, phấn đấu khắc phục sự yếu kém, lạc hậu của đội ngũ cán bộ đảng viên, tạo ra khả năng mới, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Sự yếu kém kéo dài và tình trạng không ngang tầm với nhiệm vụ chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên, như nhiều nghị quyết của Đảng đã đánh giá, là do lâu nay không có tiêu chuẩn chức danh cán bộ và tiêu chuẩn đảng viên sát đúng, cụ thể không có mức chuẩn tiên tiến để phấn đấu vươn lên. Tình trạng đó khiến cho không ít cán bộ đảng viên vừa thiếu trình độ và năng lực, vừa không chịu học tập, nhưng vì lọt "mắt xanh" của người phụ trách, nên vẫn được cất nhắc đề bạt, lên chức, lên lương với tốc độ rất nhanh.

Để đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, người đảng viên phải có trình độ học vấn và chuyên môn cần thiết để có thể cạnh tranh trên thị trường sức lao động và chất xám, để có thể giữ được các vị trí then chốt trong kinh tế, trong tổ chức nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng. Chỉ như vậy, Đảng mới thật sự bảo đảm được vai trò lãnh đạo trong môi trường kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hiện nay.

Hướng phát triển đảng viên mới là theo yêu cầu của nhiệm vụ lãnh đạo, không chạy theo số lượng. Người đảng viên, ngoài phẩm chất chính trị và đạo đức ra, nhất thiết phải là người có trình độ và năng lực lãnh đạo quần chúng, phải là người tiên tiến trong các tập thể lao động, để khi cần có thể bố trí giữ các cương vị điều hành, lãnh đạo. Một số xí nghiệp và công ty hiện nay (như một số xí nghiệp dệt, cơ khí, luyện kim, điện tử... ở TP Hồ Chí Minh và Công ty cấp nước Bà rịa - Vũng tàu) đã quy định đảng viên mới phải tốt nghiệp trung học phổ thông, và trong phát triển Đảng, đã quan tâm hơn đến các đối tượng từ tổ trưởng sản xuất trở lên.

Để có nguồn phát triển Đảng, các tổ chức đảng cần tạo điều kiện cho quần chúng học tập văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, kể cả ngoại ngữ, để có đủ năng lực hoạt động trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, và qua đó, phát hiện những người ưu tú. Đối với các đảng viên đã kết nạp trước đây, các cấp nên có kế hoạch cụ thể buộc số đảng viên từ 40 tuổi trở xuống phải phấn đấu học tập theo yêu cầu của nhiệm vụ. Trong số này, những đảng viên nào không chịu học tập, hoặc không có khả năng tiếp nhận kiến thức mới, thì nên cho ra khỏi Đảng bằng nhiều hình thức, phù hợp với từng đối tượng, không gây sốc về tâm lý và tư tưởng. Đối với những đảng viên lớn tuổi, lại đã có nhiều năm tuổi Đảng nhưng trình độ văn hóa, chuyên môn thấp, thì sắp xếp bố trí công việc thích hợp, không giao những nhiệm vụ quá sức ; đồng thời có chế độ lương thâm niên cống hiến cách mạng, để các đồng chí đó đỡ thiệt thòi về quyền lợi vật chất và ổn định hơn về tâm lý, tư tưởng.

Thực hiện tốt các giải pháp trên đây, chắc chắn sẽ nâng được tỷ lệ đảng viên ưu tú và xóa được số đảng viên "trung bình". Như vậy, Đảng ta sẽ vững mạnh hơn, bảo đảm được vai trò lãnh đạo trong giai đoạn mới.

Digitized by Google

CÔNG TÁC THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TRẦN ĐÌNH HOAN *

NGÀY 27-7 năm nay, nhân dân ta kỷ niệm trọng thể lần thứ 45 ngày thương binh - liệt sĩ. Không phải chỉ đến ngày kỷ niệm, mà trong suốt 45 năm qua với hoàn cảnh của đất nước ta, chúng ta đã coi công tác thương binh - liệt sĩ là một công tác chính trị - xã hội quan trọng và đã làm được nhiều việc có kết quả tốt. Ý nghĩa sâu sắc của những việc làm đó là mỗi người chúng ta, với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bày "tỏ lòng hiếu nghĩa bác ái và tỏ lòng yêu mến thương binh liệt sĩ" của những người "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "làm cho thương binh, gia đình liệt sĩ được yên ổn về vật chất, vui vẻ về tinh thần và tiếp tục hoạt động có ích cho xã hội", như Bác Hồ đã căn dặn.

Công tác thương binh - liệt sĩ là một bộ phận đặc biệt của công tác xã hội, mang tính chất chính trị, tư tưởng và tình cảm sâu sắc. Bác Hồ đã dạy : "Máu đào của các liệt sĩ đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ đã chuẩn bị cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết quả tự do. Nhân dân ta phải đời đời ghi nhớ công ơn của các liệt sĩ". Cho nên, làm tốt công tác này là để đền ơn, thực hiện nghĩa vụ công dân, công bằng xã hội, và đối xử tình nghĩa đối với thương binh - liệt sĩ. Nó có tác dụng giáo dục sâu sắc đối với các thế hệ con cháu về lòng kính trọng sự hy sinh vô bờ bến của thương binh - liệt sĩ và gia đình họ. Làm tốt công tác này là sự đóng góp rất quan trọng đối với công tác hậu phương quân đội, làm yên lòng những chiến sĩ tại ngũ và gia đình họ. Nó thật sự cổ vũ, động viên anh chị em thương binh, gia đình liệt sĩ thêm hăng hái phấn đấu, "tàn nhưng không phế", đóng góp sức lực còn lại cho sự ổn định và cải thiện cuộc sống của bản thân, cho sự nghiệp chung của đất nước.

Thực hiện công tác thương binh - liệt sĩ ở nước ta là một nhiệm vụ nặng nề, lâu dài và phức tạp. Trải qua ba, bốn chục năm chiến tranh ác liệt kéo dài, một trong những hậu quả nặng nề mà nó để lại là số lượng thương binh, liệt sĩ rất lớn. Nhiều vùng có hàng vạn thương binh, liệt sĩ ; có những thôn xã dường như gia đình nào cũng có người ở trong diện chính sách. Thương binh thì có nhiều loại, nhiều thế hệ khác nhau, có người đã cao tuổi, có người còn rất trẻ. Gia đình liệt sĩ neo đơn, khó khăn chiếm số đông. Sự chồng chất và phức tạp này làm cho việc xác định số lượng, tình trạng cụ thể của các đối tượng ở nhiều nơi có những khó khăn. Trong công tác, thường gặp nhiều trường hợp phức tạp khi xác định thương tật, xếp loại thương binh - liệt sĩ, xác nhận và quy tụ mồ mả của các liệt sĩ, xây dựng nghĩa trang, đài tưởng niệm,v.v.. Không ít trường hợp cho đến nay, chúng ta vẫn chưa đủ điều kiện để làm rõ những vấn đề nói trên. Đây thật sự là những nỗi đau, những day dứt, trăn trở mà công tác thương binh - liệt sĩ chưa giải quyết hết

* Ủy viên TƯ Đảng, Bộ trưởng Bộ lao động - thương binh và xã hội.

Digitized by Google

được. Đương nhiên, đây là việc làm hệ trọng, công phu với tinh thần trách nhiệm cao, không thể qua loa, đại khái được.

Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, công tác thương binh - liệt sĩ lại nảy sinh nhiều khó khăn mới. Sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô, tình trạng khó khăn, khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, sự thay đổi so sánh lực lượng trên thế giới có lợi cho tư bản, đế quốc, đã ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng, tình cảm của một bộ phận không nhỏ nhân dân và gia đình thương binh - liệt sĩ. Sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, đã đặt ra những vấn đề mới đối với công tác thương binh - liệt sĩ. Cụ thể là, phải phân biệt rõ yêu cầu bảo đảm chính sách thương binh - liệt sĩ với xóa bỏ bao cấp trong lĩnh vực xã hội ; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hữu quan thực hiện chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường ; tìm ra những hình thức mới, thích hợp, động viên các tầng lớp xã hội làm tốt công tác thương binh - liệt sĩ, đồng thời phát huy được sức lực còn lại của anh chị em thương binh và gia đình liệt sĩ.

Công tác thương binh - liệt sĩ là một bộ phận quan trọng của công tác đối với những người có công với cách mạng. Hiện nay, những yêu cầu bảo đảm chính sách đối với các thương binh - liệt sĩ và những người có công với cách mạng nhằm "ổn định vật chất, vui vẻ về tinh thần" là rất lớn, nhưng khả năng đáp ứng của nhà nước lại có những hạn chế. Nền kinh tế nước ta còn chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Việc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước còn đang tiến hành và gặp không ít khó khăn. Đời sống nhân dân nói chung còn thấp. Số người mà nhà nước phải trợ cấp, giúp đỡ rất lớn. Đó là những nguyên nhân chính hạn chế khả năng đáp ứng của nhà nước.

Về phong trào toàn dân thực hiện chính sách thương binh - liệt sĩ, cũng có nơi làm tốt, có nơi chưa tốt. Nhưng nhìn chung trong cả nước, nhiều nơi số thương binh, gia đình liệt sĩ sống dưới mức trung bình còn chiếm tỷ lệ từ 55 đến 65%. Đây là vấn đề day dứt mà các cấp, các ngành, nhất là tổ chức đảng và chính quyền địa phương, cần có những biện pháp thiết thực để nâng cao mức sống của anh chị em và gia đình họ.

*

Để làm tốt công tác thương binh - liệt sĩ trong tình hình hiện nay, cần giải quyết mấy vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - Nâng cao trách nhiệm và vai trò chỉ đạo thực hiện của nhà nước.

Những năm gần đây, sự nghiệp đổi mới đạt được những thành tích bước đầu rất quan trọng, trong đó đời sống nhân dân ở một số vùng có sự cải thiện. Tuy vậy, anh chị em thương binh, gia đình liệt sĩ không khỏi có những suy tư, trăn trở về cuộc sống của mình do chính sách thương binh - liệt sĩ không theo kịp với chính sách phát triển kinh tế, nhất là với sự chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường. Hiện nay, nhiều chế độ ưu tiên, ưu đãi đối với thương binh, gia đình liệt sĩ trước kia không còn nữa, như chế độ miễn giảm viện phí, miễn giảm phí giao thông, chế độ bán và điều hòa lương thực, v.v.. Những biến động lớn về giá cả đã làm cho giá trị của các khoản trợ cấp cho thương binh và gia đình liệt sĩ bị sụt đi nhiều. Một suất tiền tuất liệt sĩ mặc dù nhà nước cố gắng nâng lên từng bước, nhưng cũng chỉ tương đương với 10kg gạo !

Một số quy định trong chính sách trước đây, do chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời và đầy đủ, nên cũng không thực hiện được. Ví dụ, việc sửa đổi phân hạng thương binh từ 8 xuống còn 4 hạng đã xuất hiện những bất hợp lý cần được sửa thêm như : cần tách hạng 1 thành 2 hạng là hạng đặc biệt và hạng 1. Phụ cấp thương tật của thương binh trong biên chế và ngoài biên chế nhà nước khác nhau là điều bất hợp lý. Trong điều kiện đất nước còn khó khăn, nhà nước tập trung tăng trợ cấp cho thương binh hạng 1 là đúng và cần thiết, nhưng trợ cấp của thương binh hạng 2 còn thấp. Quy định phát trợ cấp "tận tay, đúng kỳ, đủ số" chưa được thực hiện tốt. Có những chính sách mới về kinh tế - xã hội chưa tạo điều kiện để anh chị em thương binh và gia đình liệt sĩ có thể tham gia hoặc được hưởng. Ví dụ : chế độ miễn thuế, chính sách ưu tiên sắp xếp việc làm cho thương binh và người tàn tật. Hoặc, như Quyết định 176 của chính phủ (trong đó các xí nghiệp sản xuất của thương binh không được

Digitized by Google

hưởng chính sách công trợ). Hoặc như chủ trương cho dân nghèo vay vốn để sản xuất (thương binh và gia đình liệt sĩ không vay được, vì họ không có tài sản thế chấp). Những vướng mắc đó đòi hỏi nhà nước phải kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, kết hợp hài hòa chính sách kinh tế với chính sách xã hội đối với thương binh - liệt sĩ. Chính sách thương binh, liệt sĩ vốn là chính sách mang tính nhạy cảm chính trị - xã hội. Nó không chỉ là sự bảo trợ của nhà nước, mà còn thể hiện trách nhiệm của Đảng và Nhà nước ta, nghĩa vụ của toàn dân ta đối với những người đã hy sinh xương máu cho độc lập tự do của Tổ quốc và cuộc sống yên vui của mọi nhà.

Trước mắt, cần giải quyết sớm những điều bất hợp lý nhất trong chính sách, và luật hóa để tạo điều kiện cho thương binh và gia đình liệt sĩ có cuộc sống ổn định. Trên cơ sở ấy, huy động sự trợ giúp của nhân dân và khuyến khích sự phấn đấu cải thiện đời sống của bản thân anh chị em.

2 - Động viên, khuyến khích sự quan tâm và trợ giúp của toàn xã hội.

Thương binh, liệt sĩ là những người có công lớn đối với Tổ quốc, đối với mỗi người chúng ta. Máu của họ đổ xuống là để giành lấy cuộc sống yên vui, hạnh phúc cho cả dân tộc. Vì thế, toàn xã hội quan tâm và đóng góp thiết thực vào công tác thương binh - liệt sĩ, là điều rất cần thiết.

Ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, các phong trào giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ đã từ tự phát rồi tự giác ra đời trên khắp mọi miền của Tổ quốc, nhằm tìm kiếm, cứu chữa thương binh, cất bốc phần mộ, xây dựng nghĩa trang, ổn định cuộc sống về vật chất và tinh thần cho thương binh và gia đình liệt sĩ. Đó là các phong trào thiết thực và đượm tình người, như phong trào "mùa đông binh sĩ", phong trào "đón thương binh về làng", phong trào "Trần Quốc Toản", phong trào "đi tìm địa chỉ đỏ". Tiếp đến là các phong trào trong thời chống Mỹ và sau đó, như phong trào "ngôi nhà tình nghĩa", phong trào "xây dựng vườn cây ao cá", phong trào "người mẹ thứ hai", phong trào "lập quỹ bảo trợ xã hội", phong trào "tặng sổ tiết kiệm"...

Ngày nay, trong tình hình mới, học tập những kinh nghiệm của các phong trào ấy để tạo nên những phong trào mới, chúng ta cần chú ý :

- Các phong trào quần chúng có tác dụng chăm lo, hỗ trợ, giúp đỡ về đời sống vật chất và tinh thần của thương binh và gia đình liệt sĩ. Sự hỗ trợ phụ thuộc vào kết quả vận động của từng phong trào và hoàn cảnh cụ thể của từng gia đình đối tượng. Cùng với chính sách chế độ từ phía nhà nước, các phong trào này góp phần cải thiện và nâng cao mọi mặt đời sống, sinh hoạt cho thương binh và gia đình liệt sĩ.

- Cần có những hình thức tổ chức bảo đảm phong trào. Chẳng hạn, thành lập quỹ bảo trợ xã hội, nên có quy định nghĩa vụ, mức độ đóng góp tối thiểu. Với mức tối thiểu ấy, ai có điều kiện, khả năng và tự nguyện, có thể đóng góp nhiều hơn. Ở Hà bắc, trừ những người về hưu, mất sức và quá khó khăn, tỉnh quy định mức đóng góp tối thiểu vào quỹ hằng năm như sau : nông dân 3kg thóc ; công nhân viên chức 3 ngày lương ; các hộ tư nhân, buôn bán nhỏ 30% mức thuế doanh thu mỗi tháng. Trên thực tế, nhiều người đã tự nguyện đóng góp vượt xa mức quy định.

Hiện nay quỹ bảo trợ xã hội đã có ở 39 tỉnh và thành phố. Theo báo cáo của 31 tỉnh thì tổng số quỹ bảo trợ đã lên tới 14 tỷ đồng. Nhờ có quỹ này mà từng địa phương đã chủ động điều hòa, trợ cấp kịp thời, sát hợp cho các đối tượng. Tuy vậy, trên phạm vi cả nước, chưa có quỹ bảo trợ xã hội chung, nên chưa thể điều hòa và trợ giúp thêm cho những tỉnh quá nặng gánh, không đủ sức làm. Hướng tới, có thể sẽ thành lập quỹ bảo trợ xã hội của cả nước. Quỹ này phải được luật pháp hóa dưới hình thức luật hoặc pháp lệnh.

- Tùy theo đối tượng mà vận dụng những hình thức thích hợp. Ví dụ, đối với bố mẹ liệt sĩ già cả, cô đơn, có lẽ nên làm ngôi nhà tình nghĩa vừa phải, đồng thời kèm thêm sổ tiết kiệm thì sẽ tác dụng hơn.

3 - Phát huy tinh thần cố gắng vươn lên của thương binh và gia đình liệt sĩ.

Thực tế cho thấy, một mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân ta cần làm tốt trách nhiệm của mình, thật sự quan tâm, thông cảm với đời sống khó khăn của thương binh và gia đình liệt sĩ. Mặt khác, cũng rất cần có sự cố gắng của bản thân anh chị em thương

Digitized by Google

binh và gia đình liệt sĩ tự khắc phục khó khăn, tìm cách cải thiện đời sống của mình. Nếu không có sự kết hợp cả hai mặt thì công tác thương binh - liệt sĩ còn gặp nhiều khó khăn hơn. Đúng là phần lớn anh chị em thương binh và gia đình liệt sĩ đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, khắc phục khó khăn, phát huy khả năng lao động còn lại để ổn định thương tật, ổn định sức khỏe, nghề nghiệp và đời sống của mình, thực hiện lời dạy của Bác Hồ "thương binh tàn nhưng không phế". Nhiều gương thương binh mù cả đôi mắt, cụt cả hai chân, liệt cả người, nhưng vẫn lạc quan, cố gắng vươn lên với nghị lực to lớn tìm bằng được chỗ đứng mới cho mình trong xã hội. Các anh chị đó chẳng những ổn định được cuộc sống của mình, làm cho cuộc sống của mình có ý nghĩa, mà còn góp phần ổn định và bảo đảm cuộc sống cho nhiều người khác.

Bên cạnh số đông đó, có một số anh chị em còn bi quan, chán nản, ngại lao động, không muốn tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội, sinh đẻ nhiều, dựa dẫm vào nhà nước, vào nhân dân... cho nên cuộc sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Cá biệt một số còn có biểu hiện công thần, sống buông thả, hay gây gổ, làm ảnh hưởng xấu tới xã hội. Đối với số ít này, cần có những hình thức thiết thực giúp đỡ, động viên, giáo dục họ, tạo những điều kiện thuận lợi để họ sớm trở lại cuộc sống bình thường. Điều cần thiết là giúp họ hiểu được rằng dù thế nào đi nữa thì sự cố gắng, chủ động của bản thân họ vẫn là phần rất quan trọng để có một cuộc sống tốt đẹp hơn, mãi mãi xứng đáng với phần xương máu của họ đã cống hiến cho sự nghiệp vinh quang của Tổ quốc.

4 - Bộ chủ quản phải làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Bộ lao động - thương binh và xã hội là nơi trực tiếp, tổ chức điều hành công tác thương binh - liệt sĩ và làm công tác tham mưu cho Đảng và Nhà nước ta để có những chính sách phù hợp đối với công tác này. Hơn ai hết, bộ phải có trách nhiệm cao và thái độ tích cực trong công tác thương binh - liệt sĩ.

Ngay từ bây giờ và thời gian tới, bộ cần tập trung giải quyết một số vấn đề lớn sau :

1 - Đề xuất với Đảng và Nhà nước hoàn thiện hệ thống chính sách thương binh - liệt sĩ cho phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới ; cùng với các ngành, các cấp nghiên cứu để sớm thể chế hóa công tác này.

2 - Rà soát và giải quyết những vấn đề tồn đọng trong công tác này theo Chỉ thị 105/CT ngày 29-4-1989 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, trước hết là :

- Hoàn thành việc xác nhận những trường hợp hy sinh, bị thương tật trong hoạt động cách mạng và trong các thời kỳ kháng chiến.

- Hoàn thành cơ bản việc quy tập số mộ liệt sĩ đã phát hiện được và việc xây mộ liệt sĩ, lập danh sách mộ liệt sĩ, thông báo cho thân nhân liệt sĩ và địa phương biết những phần mộ của liệt sĩ đã xác định được.

- Xây dựng một số nghĩa trang liệt sĩ tiêu biểu cho các thời kỳ cách mạng hoặc các mốc lịch sử ; tu sửa, nâng cấp có trọng điểm một số nghĩa trang liệt sĩ ; nghiên cứu các hình thức ghi công liệt sĩ ở nguyên quán.

3 - Chấn chỉnh và bổ sung đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác thương binh - liệt sĩ có trình độ khoa học, nghiệp vụ cao, đồng thời phải là những cán bộ liêm khiết, có lòng kiên nhẫn, tận tụy, hết lòng thương yêu và kính trọng công lao của thương binh, liệt sĩ.

4 - Bảo đảm tốt các điều kiện để anh chị em thương binh nặng có nguyện vọng về nhà sớm ổn định đời sống, quy hoạch lại và củng cố các đơn vị điều dưỡng để bảo đảm nuôi dưỡng số thương binh còn lại.

5 - Tổ chức tuyên truyền giáo dục sâu rộng công tác thương binh - liệt sĩ nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể, các đơn vị kinh tế và toàn dân trong việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho thương binh và gia đình liệt sĩ.

6 - Tổ chức rút kinh nghiệm và kiểm tra việc thực hiện chính sách chế độ đối với thương binh và gia đình liệt sĩ. Kịp thời khen thưởng những đơn vị và cá nhân làm tốt, kiên quyết xử lý các vụ vi phạm chính sách. Mở hội nghị biểu dương thương binh và gia đình liệt sĩ đã thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ "mãi mãi xứng đáng là người công dân kiểu mẫu, gia đình gương mẫu".

Digitized by Google

ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN NỀN Y TẾ NƯỚC TA

PHẠM SONG *

NHỮNG năm qua, mặc dù kinh tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn, nền y tế nước ta vẫn không ngừng được củng cố và phát triển theo những định hướng cơ bản của Đảng : *dự phòng là chính ; kết hợp Đông - Tây y ; dựa vào dân, nhà nước và nhân dân cùng làm.* Chúng ta đã xây dựng được một mạng lưới y tế rộng khắp với những hoạt động khá toàn diện và có hiệu quả ; các tổ chức phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, đông y, sản xuất và phân phối thuốc, đào tạo và nghiên cứu khoa học... được triển khai hoạt động từ trung ương cho đến các huyện, xã ; góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX này, sự nghiệp đổi mới nền y tế nước ta vẫn đang đứng trước một thực tế đầy khó khăn. Chúng ta đi lên từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, nghèo nàn và lạc hậu, chiến tranh liên tục kéo dài để lại nhiều hậu quả y tế - xã hội nặng nề chưa khắc phục hết. Nền kinh tế chậm phát triển, kinh phí chi cho y tế rất thấp, hằng năm chỉ khoảng 3 - 3,77% ngân sách. Chúng ta đã cố gắng giữ vững và phát triển nền y tế nước nhà theo phương hướng mới, nhưng nhìn chung công tác phòng và chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe của nhân dân còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Đa số bệnh viện từ trung ương đến tỉnh huyện đều giảm chất lượng về điều trị, vì các cơ sở vật chất, nhà cửa, trang thiết bị y tế hầu hết đã cũ, máy móc viện trợ thiếu tổng bộ, không có phụ tùng thay thế. Thuốc và các loại vacxin cần thiết cho công tác bảo vệ sức khỏe vẫn còn rất hạn chế. Nguồn thuốc nhập mậu dịch chỉ có 0,3% USD/người/năm. Số nhập nội qua các con đường khác, không kiểm soát được chất lượng. Đời sống của cán bộ y tế còn gặp nhiều khó khăn, nhất là cán bộ y tế cơ sở ở những vùng cao và vùng sâu đồng bằng sông Cửu long. Bệnh sốt rét phát triển ở một số huyện xã miền núi. Kinh phí của nhà nước không đủ cho nhu cầu y tế, nhưng chưa có những hình thức và biện pháp thích hợp để giải quyết. Việc thu viện phí chưa hợp lý, gây nhiều lộn xộn. Vệ sinh môi trường như cung cấp nước sạch, giải quyết chất thải công nghiệp, bảo vệ môi trường sống, còn là những vấn đề tồn tại lớn. Bệnh nhiễm khuẩn vẫn đứng hàng đầu về số lượng người mắc và tỷ lệ tử vong.

Vẫn chưa khống chế được những bệnh gây dịch chưa có vacxin, đặc biệt là bệnh viêm gan virút B, một tai họa lâu dài cho nhân dân ta, nguồn gốc chính gây xơ gan và ung thư gan ; bệnh viêm não Nhật bản gây tử vong rất cao ở trẻ em từ 3 đến 6 tuổi và để lại di chứng nặng nề ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cũng là một vấn đề đáng lo ngại. Trẻ em sơ sinh cân nặng dưới 2500 gam lên tới 14% (tỷ lệ cho phép là dưới 10%). Chiều cao và cân nặng của thanh niên nước ta mấy chục năm nay không tăng mà lại có chiều hướng giảm. Thực chất lượng calo hằng ngày cho nhân dân thiếu 15% so với nhu cầu tối thiểu. Trong khi đó tốc độ phát triển dân số quá cao, không tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện nay vẫn là 2,2%. Đó là vấn đề đã, đang và sẽ tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống của nhân dân ta.

Đánh giá chất lượng công tác bảo vệ sức khỏe một cách toàn diện và khách quan, người ta thường dựa trên 12 chỉ tiêu cơ bản nhất về tình trạng sức khỏe của một quốc gia. Căn cứ vào đó, nước ta được xếp hơn 63 nước và kém 67 nước trên thế giới. Chỉ số *thấp kém nhất* của chúng ta là *thu nhập quốc dân* và *chi phí cho y tế.*

Bên cạnh những khó khăn và thử thách, *chúng ta cũng có những thuận lợi và điểm mạnh hết sức cơ bản.* Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, coi đó là vốn quý nhất để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, đẩy lùi nghèo khổ, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh. Y tế đã được tăng cường thêm về phúc lợi xã hội và ngân sách ; luật bảo vệ sức khỏe nhân dân được Quốc hội thông qua, cho phép thu một phần viện phí ; sắp tới chúng ta sẽ có pháp lệnh về bảo vệ sức khỏe và bệnh tật... Sự đóng góp kinh

---

(*) Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ y tế

Digitized by Google

phí của địa phương vào ngân sách y tế là vô cùng quan trọng, góp phần vào thành tựu chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Tiềm lực chất xám của nền y tế nước ta cũng khá mạnh, chúng ta có một đội ngũ cán bộ y tế bao gồm 270 000 người. Trong đó có nhiều cán bộ đầu đàn giỏi về chuyên môn, am hiểm về thực tiễn, có khả năng tiếp thu những thành tựu y học hiện đại của thế giới để làm giàu thêm và nâng cao nền y học nước nhà. Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân ta còn được sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức phi chính phủ, đặc biệt là các tổ chức quốc tế như OMS, UNFPA, UNICEF, UNDP...

Thấu suốt tinh thần Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đối chiếu với thực trạng của nền y tế nước ta, tôi cho rằng *mục tiêu chiến lược trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX phải hướng vào việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho mọi người tốt hơn hiện nay*. Trên cơ sở nguồn lực thực tế, chúng ta xác định chương trình y tế quốc gia và chỉ đạo hoạt động theo chương trình. Xây dựng chiến lược theo vùng địa dư kinh tế, văn hóa, xã hội để tổ chức chăm sóc sức khỏe thích hợp cho nhân dân lao động. Thực hiện tốt dự phòng tích cực ngay trong thời kỳ thai nhi và từ lúc còn khỏe, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, nhất là trong cấp cứu, chú trọng phục hồi chức năng sau chữa bệnh, kết hợp tốt hệ chuyên sâu với chăm sóc sức khỏe ban đầu, cung cấp thuốc và trang thiết bị thiết yếu, tạo dựng cơ sở vật chất cho ngành, xây dựng và phát triển các mũi nhọn y học - y tế, đón nhận những thành tựu tiến bộ của y học thế giới để ứng dụng thích hợp với nền y tế nước nhà trên cơ sở Đông Tây y kết hợp. Xây dựng và phát triển nền y tế phải phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Để thực hiện những mục tiêu chiến lược đó, chúng ta phải tiến hành những đổi mới có tính chất bản lề. Trước hết là *đổi mới sự lãnh đạo bằng việc lãnh đạo tài chính*. Hoàn thiện cơ chế kinh tế trong y tế trên quan điểm coi y tế là một loại hình kinh tế có điều khiển. Đổi mới cấp ngân sách, từ cấp theo giường bệnh sang cấp theo đầu người dân. Chỉ có như vậy, ngành y tế mới có điều kiện tổ chức lại màng lưới khám chữa bệnh hợp lý hơn, đi đúng phương châm dự phòng của Đảng. Thực hiện bảo hiểm sức khỏe để tăng ngân quỹ cho ngành y tế và đảm bảo công bằng trong phúc lợi khám chữa bệnh. Bảo hiểm y tế là một tư duy kinh tế mới trong y tế, đòi hỏi quản lý y tế bằng biện pháp kinh tế để tăng hiệu quả quản lý y tế. Thông qua bảo hiểm sức khỏe, xã hội sẽ nhận thức được dự phòng là kinh tế nhất. Đầu tư cho sức khỏe thực chất là vấn đề kinh tế, vấn đề chính trị, tạo ra sự an dân. Cũng từ bảo hiểm y tế, ngành y tế mới có điều kiện khám chữa bệnh theo cụm dân cư, tránh lãng phí giường bệnh, nhân lực, chi phí gián tiếp cho công tác khám chữa bệnh để giải quyết những vấn đề cơ bản như xây dựng cơ sở vật chất, mua trang thiết bị mới, đào tạo cán bộ.

Đổi mới cơ chế kinh tế trong hoạt động y - dược là một đòi hỏi bức bách. Đây là lĩnh vực có nhiều ứng dụng nhất trong thực tiễn. Yêu cầu đặt ra là phải tăng được ngân sách cho y tế bằng 5 nguồn kinh phí : trên cấp, tự có, liên kết, viện trợ và sử dụng hợp lý. Chúng ta đang thực hiện cơ chế một giá thuốc trong cả nước, tuy nhiên còn phải bù lỗ cho người tiêu thụ. Bán rộng rãi và cấp không, trực tiếp các thuốc chữa bệnh xã hội, các phương tiện tránh thai cho các đối tượng cần bao cấp. Mở rộng dịch vụ khám chữa bệnh, cho phép y tế tư nhân và nhà thuốc tư nhân hoạt động để giảm số người đến khám và chữa bệnh tại bệnh viện, tạo sự thuận tiện cho công dân trong việc khám chữa bệnh. Tuy nhiên, cần nhanh chóng ban hành luật hành nghề y - dược tư nhân để thực hiện kiểm tra chặt chẽ, hướng các cơ sở y - dược tư nhân vào phương hướng dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu, tránh những tác động tiêu cực đến phương hướng hoạt động chính của ngành y tế. Chúng ta cũng cần đấu tranh chống những tư tưởng chuyên môn y đơn thuần, tách rời y tế với kinh tế, không thật sự đi vào phục vụ sản xuất. Nhiều đơn vị và cán bộ y tế còn thiếu quan điểm kinh tế trong y tế, không quan tâm đến hiệu quả công tác, lỏng lẻo trong quản lý, nhiều khi gây lãng phí nghiêm trọng. Người cán bộ y tế phải tạo cho được thói quen mới là gắn bó mật thiết với các ngành kinh tế, các cơ sở sản xuất.

Vấn đề quan trọng nhất của chúng ta hiện nay là *đổi mới lề lối làm việc, tổ chức và cán bộ, đưa khoa học y tế cộng đồng vào trong toàn bộ các hoạt động của y tế*. Chúng ta phải quán triệt các quan điểm y học dự phòng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Vận động quần chúng tự bảo vệ sức khỏe của mình, đưa họ từ nhân vật thụ động trở nên chủ động. Đáng tiếc là hiện nay còn nhiều quan điểm tư tưởng lệch lạc, những thói quen lâu đời không đúng, lệch về điều trị và coi nhẹ y học dân tộc đang trói buộc chúng ta. Đấu tranh khắc phục những sai trái đó là một cuộc đấu tranh kiên trì, gian khổ để đổi mới tư duy, đổi mới nội dung hoạt động, đổi mới tổ chức và cán bộ. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế các cấp cho phù hợp với yêu cầu đổi mới của đất nước hiện nay và cho lâu dài, luôn luôn là một đòi hỏi cấp thiết.

Digitized by Google

Củng cố y tế cơ sở để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, là một sự đổi mới về lựa chọn biện pháp chiến lược hết sức quan trọng nhằm tạo ra nền móng cơ bản lâu dài và vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ sức khỏe của nhân dân. Những nội dung cốt yếu của y tế cơ sở phải là : kế hoạch hóa gia đình đi đôi với bảo vệ bà mẹ và trẻ em ; nhân vật trung tâm của y tế cơ sở là nam nữ hộ sinh có kiến thức xã hội học, đưa cán bộ y tế cơ sở vào biên chế. Tổ chức y tế cơ sở theo cụm dân cư và theo vùng kinh tế, địa dư khác nhau, phải đi đồng bộ với việc xây dựng quỹ y tế. Thực hiện biện pháp chiến lược xã hội hóa và luật pháp hóa. Trong thực tế, chương trình tiêm chủng mở rộng là chương trình điển hình về xã hội hóa và luật pháp hóa cao nhất trong mọi chương trình hoạt động y tế. Mặc dù cơ cấu hạ tầng nước ta còn hết sức thấp kém, nhưng chúng ta vẫn tận dụng được viện trợ quốc tế hoàn thành tiêm chủng mở rộng 6 loại vacxin có chất lượng cho 80% trẻ em dưới 1 tuổi, đưa nước ta đứng vào hàng thứ 43 của các nước thế giới thứ ba hoàn thành tiêm chủng mở rộng. Điều quan trọng là trong 43 nước đã hoàn thành tiêm chủng mở rộng thì chỉ có 4 nước giữ vững được thành quả, trong đó có nước ta giữ vững được 3 năm.

Xây dựng một nền y học hiện đại và một sự nghiệp y tế ngày càng vì con người, vì sức khỏe của mỗi người dân, vì tương lai của dân tộc, một nền y học y tế của dân và do dân, là một nhiệm vụ hết sức nặng nề, nhưng hết sức quan trọng, nhân đạo và nhân bản. Nhân loại đang tiến những bước dài trên con đường phát triển khoa học và công nghệ. Có thể một ngày không xa nhờ những thành tựu mới của y học, công nghệ sinh học, kỹ thuật chuyển gen... con người sẽ xóa được bệnh ung thư, sẽ loại trừ căn bệnh sida, sẽ nâng cao tuổi thọ và hạnh phúc rất nhiều so với hôm nay. Song viễn cảnh thì tươi đẹp mà khoảng cách từ nay tới đó còn xa đối với nhân dân ta. Nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực bảo vệ sức khỏe nhân dân đang đặt ra hết sức cấp bách. Do vậy, cần xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa việc nghiên cứu khoa học, tăng thêm thiết bị, tài liệu cho các viện và trường đại học y - dược, các bệnh viện lớn để tạo điều kiện cho nghiên cứu khoa học thuận lợi hơn. Trước mắt, cần tập trung tìm ra những phương pháp tốt nhất về phòng bệnh, chữa bệnh, tiến tới giải quyết được những vấn đề như : ngăn chặn tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em ; tăng tốc độ phát triển thể lực thanh thiếu niên ; đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo ; khống chế tình trạng bùng nổ dân số ; mang lại sự phát triển bình thường cho những dân tộc thiểu số đang suy thoái giống nòi ; bảo vệ môi trường với những biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao mức sống và sức khỏe cho nhân dân. Coi trọng hơn nữa công tác đào tạo, quy hoạch hợp lý mạng lưới đào tạo. Gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với sản xuất theo yêu cầu, theo địa chỉ, để giải đáp được những vấn đề thực tiễn của Việt nam. Phát triển khoa học y tế cộng đồng. Đây là một nhu cầu bức thiết để nâng cao chất lượng quản lý công tác y tế và tạo ra thế phát triển lâu dài. Chúng ta cần nhanh chóng khắc phục việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật chưa có định hướng, lựa chọn theo một quy hoạch rõ ràng, còn nặng về chiều rộng, kém hiệu quả. Công nghiệp dược, vật tư y tế chưa được coi trọng, công nghệ nhìn chung còn lạc hậu.

Tuy nhiên, *vấn đề bảo vệ sức khỏe của nhân dân phải được quy định bởi những luật pháp, những chính sách của nhà nước, được hoạch định trên cơ sở khoa học về con người.* Toàn bộ những chính sách ấy thống nhất với nhau theo một tổng thể những quan điểm và tư tưởng chiến lược về sự cải tạo giống nòi, khắc phục những trở ngại về sức khỏe đang kìm hãm mức độ gia tăng năng suất lao động xã hội, mở đường cho thế hệ trẻ bước vào thời kỳ phát triển nhanh hơn. Nâng cao thể lực và sức khỏe của nhân dân là một vấn đề có tầm cỡ chiến lược, muốn giải quyết phải có tầm nhìn xa, đối xử với nó phải như đối xử với tiềm năng trí tuệ, một tài sản quý giá nhất của đất nước.

Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân ra đời đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng, nhưng việc triển khai luật vào đời sống xã hội chưa được sự quan tâm đặc biệt của các ngành, các cấp ; chưa xã hội hóa được công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân. Chúng ta cũng chưa thực hiện được việc làm cho toàn bộ hệ thống chữa bệnh, đào tạo tích cực tham gia sự nghiệp chăm sóc sức khỏe ban đầu, chưa thực hiện tốt việc kết hợp Đông - Tây y, chưa phát huy được hết tiềm năng y học cổ truyền ở cơ sở ; tổ chức chỉ đạo vẫn nặng về chiều dọc, lồng ghép yếu, phối hợp quân dân y trên địa bàn dân cư chưa tốt. Việc vận dụng cơ chế kinh tế trong y tế còn lúng túng, chưa xác định được đối tượng phải bao cấp và tỷ lệ bao cấp...

Chúng ta cần nhanh chóng khắc phục những yếu kém đó, làm cho nền y tế nước nhà đổi mới mạnh mẽ hơn, thích nghi với yêu cầu của dân tộc và thời đại. Với sự nỗ lực phấn đấu của ngành y tế, của các ngành, các cấp và của toàn dân, nhất định chúng ta sẽ đưa sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân nước ta lên cao, góp phần xứng đáng vào thành tựu bảo vệ sức khỏe chung của nhân loại.

Digitized by Google

BẦU RA MỘT QUỐC HỘI CÓ CHẤT LƯỢNG MỚI

THỰC tiễn hoạt động của Quốc hội khóa 8 cho chúng ta thấy rõ những đòi hỏi mới, cao hơn đối với vai trò và nhiệm vụ của Quốc hội. Những kinh nghiệm hoạt động của Quốc hội khóa 8 được đúc kết và thể hiện trong Luật tổ chức Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Quốc hội vừa mới ban hành.

Luật tổ chức Quốc hội khẳng định vị trí, vai trò hết sức quan trọng của Quốc hội : là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước ta. Cũng có nghĩa Quốc hội là nơi nắm quyền lực cao nhất của nhân dân. Chỉ Quốc hội, chứ không phải cơ quan nào khác, mới có quyền lập hiến và lập pháp. Nó quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Nó thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Với vị trí, vai trò đặc biệt đó, Quốc hội có nhiệm vụ và quyền hạn rộng lớn, tối cao, từ việc làm Hiến pháp, làm luật, giám sát cao nhất đối với việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội ; quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ; quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ cao nhất của Nhà nước... cho đến việc quyết định đại xá, chiến tranh và hòa bình và trưng cầu ý dân.

Hiệu quả hoạt động của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Quốc hội, hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội. Song yếu tố quyết định nhất đối với hiệu quả hoạt động của Quốc hội, lại chính ở từng đại biểu Quốc hội.

Vì vậy, phải đặc biệt chú trọng khâu chọn lựa và bầu cử đại biểu Quốc hội. Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật tổ chức Quốc hội đã quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của đại biểu Quốc hội. Nó đòi hỏi ở đại biểu chẳng những trí tuệ, bản lĩnh, kinh nghiệm, mà cả những đức tính như trung thực, thẳng thắn, bám sát cuộc sống, gần gũi nhân dân. Với số lượng rút xuống còn không quá bốn trăm người, đại biểu Quốc hội khóa 9 về tiêu chuẩn chất lượng phải bảo đảm được mấy mặt sau :

1 - Đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, không chỉ đại diện cho nhân dân ở đơn vị bầu mình, mà còn đại diện cho nhân dân cả nước ; là người thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội.

2 - Trung thành với Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới làm cho dân giàu, nước mạnh.

3 - Thật sự có trình độ hiểu biết và năng lực thực hiện, đồng thời có thời gian thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn rất quan trọng của đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề hệ trọng của đất nước.

4 - Có phẩm chất và đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, được nhân dân tín nhiệm.

Điều đáng chú ý là cần chọn lựa và bầu những đại biểu Quốc hội thật sự có đủ năng lực trí tuệ và thời gian vật chất thực hiện công việc được giao, chứ không chỉ mang tính chất tiêu biểu, tượng trưng cho ngành giới mình. Bởi vì, Quốc hội của chúng ta là Quốc hội hành động, thực hiện quyền lực của nhân dân, hoạt động một cách thiết thực, chứ không phải là Quốc hội nghị luận, bàn bạc hình thức. Trong điều kiện Đảng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo đối với Quốc hội, mở rộng và phát huy dân chủ trong hoạt động của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội cần có ý thức trách nhiệm cao, tham gia đầy đủ

Digitized by Google

hoạt động của Quốc hội, đóng góp trí tuệ, thẳng thắn thảo luận và quyết định mọi công việc của Quốc hội.

Được nhân dân tín nhiệm, đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử trị ; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến của cử tri với Quốc hội và cơ quan nhà nước hữu quan, theo đúng nghĩa : Quốc hội là của dân, do dân và vì dân, nơi đại diện cao nhất nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân.

Luật tổ chức Quốc hội lần này quy định : đại biểu Quốc hội, nhất là đại biểu chuyên trách, phải thật sự có trình độ hiểu biết sâu rộng và năng lực thực hiện thì mới làm tròn được nhiệm vụ. Yêu cầu về cơ cấu thành phần là cần thiết, nhưng dứt khoát phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng của đại biểu Quốc hội, không thể vì cơ cấu mà coi nhẹ hoặc bỏ qua tiêu chuẩn. Những đại biểu được bầu thuộc cơ cấu phải là những người thật xứng đáng, nếu không thì yếu tố cơ cấu chẳng giúp ích gì cho việc nâng cao chất lượng của Quốc hội. Cần thấy rằng chúng ta đưa ra yêu cầu về cơ cấu thành phần cũng không ngoài mục đích tăng thêm sức mạnh chung của Quốc hội. Nếu ta không nhận thức rõ và có cách xử lý đúng mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, thì sẽ không tránh khỏi có những đại biểu đúng cơ cấu nhưng hoạt động lại rất hạn chế.

*

Để bầu ra một Quốc hội có trí tuệ tập thể, có năng lực hoạt động thật sự, cần tập trung làm tốt mấy việc :

Trước hết, làn tốt công tác cử tri, vì cử tri là người quyết định cuối cùng chất lượng đại biểu Quốc hội. Cần làm cho mọi cử tri hiểu thật rõ vai trò của Quốc hội và nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội, đặc biệt là nắm vững tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội khóa này và hiểu kỹ bản thân những đại biểu mà mình sẽ lựa chọn bằng lá phiếu. Ở đây trách nhiệm là bằng nhiều hình thức, tổ chức tốt việc tuyên truyền, tiếp xúc với cử tri có nội dung được chuẩn bị chu đáo, bao gồm những thông tin cần thiết, sự trao đổi thẳng thắn, đối thoại trực tiếp... tạo điều kiện cho cử tri suy nghĩ, cân nhắc chín chắn với ý thức xây dựng của công dân khi bỏ phiếu. Trong tình hình hiện nay, việc làm này có ý nghĩa quan trọng và thiết thực.

Hai là, bảo đảm làm đúng luật trong mọi khâu công tác bầu cử. Hết sức tránh dân chủ hình thức, áp đặt, gây khó khăn, trở ngại. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để cử tri làm tròn nghĩa vụ công dân. Điều quan trọng trong lãnh đạo công tác bầu cử là bảo đảm yêu cầu dân chủ, làm đúng luật, không để xảy ra vi phạm, đồng thời bảo đảm trật tự an toàn, kịp thời xử lý những hiện tượng vi phạm để cuộc bầu cử đạt kết quả tốt.

Ba là, đề cao tinh thần trách nhiệm làm tốt mọi công việc của các tổ chức và cán bộ tham gia công tác bầu cử, đặc biệt trong việc chọn lựa, giới thiệu danh sách những người ứng cử, trong việc tuyên truyền vận động cử tri, làm sao để họ hiểu rõ và thực hiện tốt bầu cử, trong việc tiến hành chu đáo các quy trình của ngày bầu cử, tạo nên không khí vui vẻ, nhộn nhịp của toàn dân đi bỏ phiếu bầu ra những người trong cơ quan đại biểu cao nhất của mình ; đồng thời, chủ động đề phòng những phần tử xấu gây rối.

*

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa 9 có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp tiếp tục đổi mới của đất nước ta. Nó sẽ góp phần quan trọng đổi mới từng bước hệ thống chính trị, đẩy mạnh đổi mới kinh tế.

Với những tiến bộ của công cuộc đổi mới mấy năm qua, với định hướng dứt khoát đi theo con đường xã hội chủ nghĩa và với trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân ta, chúng ta tin rằng, toàn dân ta sẽ thực hiện tốt nghĩa vụ công dân lựa chọn và bầu ra một Quốc hội xứng đáng với vị trí, vai trò của nó, một quốc hội có chất lượng mới.

Digitized by Google

QUYỀN SỞ HỮU VÀ QUYỀN SỬ DỤNG RUỘNG ĐẤT

NGUYỄN SINH CÚC*

Lời Bộ biên tập : *Quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất là vấn đề rất hệ trọng và được bạn đọc hết sức quan tâm, nhưng cũng là vấn đề rất phức tạp và nhạy cảm. Các văn kiện Đại hội VII của Đảng và Hiến pháp 1992 của Nhà nước đã khẳng định : "Ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, được Nhà nước giao cho hộ nông dân sử dụng lâu dài,... không thể tư hữu hóa ruộng đất". Nhưng trong việc cụ thể hóa để thực hiện chủ trương đó cũng còn không ít ý kiến khác nhau, cần được tiếp tục đi sâu nghiên cứu. Chúng tôi đăng bài này để bạn đọc tham khảo.*

Về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, Nghị quyết Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ : "... chúng ta chủ trương các hộ xã viên là những đơn vị kinh tế tự chủ... Ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, được nhà nước giao cho hộ nông dân sử dụng lâu dài... Con đường đi vào làm ăn hợp tác được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, không gò ép" (1). Để nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống nông thôn, cần phải cụ thể hóa các vấn đề về *quyền sở hữu* và *quyền sử dụng ruộng đất* theo quan điểm đổi mới, phù hợp với thực tế hiện nay.

1- *Quyền sở hữu ruộng đất*

Ruộng đất là thuộc sở hữu toàn dân (quốc gia công thổ). Điều đó là đương nhiên. Song, vấn đề cần đặt ra là : có phải nhà nước thực hiện quyền sở hữu *như nhau* đối với các *loại đất khác nhau* hiện có, mà không cần có sự phân biệt không ?

Theo tôi, nhà nước cần có sự phân biệt quyền sở hữu đối với từng loại đất :

Nhà nước cần thực hiện quyền sở hữu *hoàn toàn* đối với đất rừng, sông, biển, thềm lục địa, vùng đất có các loại khoáng sản, đất canh tác đã hình thành từ nhiều năm nay, đất chuyên dùng (đất xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt). Điều này là hợp lý, vì toàn bộ số đất này là tài sản quốc gia, do lịch sử để lại. Nhà nước thực hiện quyền sở hữu của mình thông qua luật pháp để quản lý chặt chẽ và phân phối cho nông dân sử dụng lâu dài nhằm khai thác hợp lý tiềm năng của từng loại đất đã có.

Nhà nước có thể cùng nhân dân thực hiện quyền sở hữu *hỗn hợp* đối với các loại đất xấu, đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa v.v. hiện tại vô chủ. Theo số liệu thống kê, hiện nay cả nước có tới 14 triệu 924 nghìn ha đất chưa sử dụng, trong đó đất hoang 12,3 triệu ha, đất bỏ hóa hàng triệu ha, riêng vùng Đồng tháp mười còn 120 nghìn ha đất hóa chưa sử dụng. Để khai thác, cải tạo loại đất này, từng bước biến nó thành đất nông, lâm, ngư nghiệp, cần phải có sự đầu tư rất lớn về vốn. Nguồn vốn đầu tư của nhà nước rất hạn chế, trong khi nguồn vốn trong dân, vốn từ nước ngoài còn lớn, nhưng đang ở dạng tiềm năng. Muốn biến tiềm năng đó thành vốn khai hoang, phục hóa, cải tạo đất, phủ xanh đồi trọc với quy mô hàng chục triệu ha, nhất thiết phải đổi mới một cách căn bản chính sách nông nghiệp nói chung, ruộng đất nói riêng. Thừa nhận quyền sở hữu *hỗn hợp* giữa nhà nước và nông dân trên ruộng đất mới khai phá bằng nguồn vốn chủ yếu của nông dân, là một bước quan trọng nhằm thực hiện có kết quả chính sách đổi mới nông nghiệp của Đảng.

Nội dung "sở hữu hoàn toàn" và "sở hữu hỗn hợp" về ruộng đất có những điểm khác nhau. Cụ thể là trong hình thức "sở hữu hoàn toàn", nông dân là người thuê đất của nhà nước để sử dụng lâu dài và họ chỉ có quyền sử dụng đất. Ngược lại, trong hình

* Phó tiến sĩ kinh tế học, Vụ trưởng Vụ nông lâm, Tổng cục thống kê.

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr117

Digitized by Google

thức "sở hữu hỗn hợp", nông dân là người bỏ vốn cùng với nhà nước khai hoang mở rộng diện tích do đó họ được quyền sử dụng vĩnh viễn, thừa kế, chuyển nhượng, cho thuê (thậm chí bán) tự do, rộng rãi hơn so với các loại đất khác.

Việc áp dụng hình thức "sở hữu hỗn hợp" ruộng đất ở các vùng đất mới khai phá là cần thiết. Vì nó sẽ tạo ra những yếu tố kích thích bằng lợi ích vật chất đối với việc thu hút mọi nguồn vốn trong dân vào mục tiêu mở đất với quy mô lớn. Đó là nét đặc trưng của mô hình sở hữu hỗn hợp về tư liệu sản xuất tồn tại tất yếu trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần mà Đại hội VII của Đảng đã lựa chọn. Đó cũng là phương thức liên kết giữa nhà nước với nông dân để thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh".

Thực tế những năm qua đã chứng minh rằng, vùng nào, địa phương nào có giải pháp về ruộng đất hợp lòng dân thì sẽ khơi dậy được mọi nguồn vốn trong dân, kể cả vốn đầu tư khai hoang mở đất, đem lại kết quả khích lệ. Huyện Thoại sơn (An giang) nằm sâu trong vùng tứ giác Long xuyên, nhờ có chủ trương táo bạo "*ai có vốn, có sức muốn mở rộng diện tích bao nhiêu cũng được*", nên đã huy động được *28 tỷ đồng vốn trong dân* để khai hoang vỡ hóa, cải tạo đất, biến vùng đất hoang vu được mệnh danh là "đất trắng" thành ruộng hai vụ lúa, với quy mô 32 nghìn ha năm 1991, tăng 24 nghìn ha so với hai năm trước, trong khi *nhà nước chỉ đầu tư 1 tỷ đồng* để làm kênh đầu nguồn. Tình hình tương tự cũng đã diễn ra ở vùng đất mới Đồng tháp mười, bán đảo Cà mau hay huyện Thủ thừa (Long an). Ở đó, giá trị của mỗi mảnh đất mới khai phá hoặc cải tạo đều là sản phẩm chung của phương thức đầu tư mới "*nhân dân + nhà nước*", trong đó vốn của nhân dân là chính. Trong điều kiện nông nghiệp và nông thôn nước ta hiện nay (đất trồng trọt ít, người đông, lao động thừa, thiếu việc làm, thu nhập thấp), thì việc khuyến khích nhân dân bỏ vốn đầu tư khai hoang phục hóa là cần thiết. Trước mắt cũng như lâu dài, hình thức "sở hữu hỗn hợp" có tác dụng kích thích cá nhân và tập thể (kể cả Việt kiều và người nước ngoài) bỏ vốn đầu tư khai hoang, vỡ hóa, cải tạo đất, phủ xanh đồi trọc, làm tăng đất nông, lâm nghiệp (cả về số lượng và chất lượng), làm tăng của cải vật chất cho xã hội.

Tất nhiên, cùng với hình thức "sở hữu hỗn hợp", nhà nước cần có các chính sách khác khuyến khích mạnh mẽ mọi tổ chức và cá nhân đầu tư khai hoang, phục hóa, như : miễn giảm thuế thỏa đáng, cung ứng vật tư, giúp tiêu thụ sản phẩm, và đặc biệt, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các vùng đất mới.

Tuy nhiên, hình thức "sở hữu hỗn hợp" đối với vùng đất mới cũng có những hạn chế nhất định. Nó có thể làm xuất hiện các hình thức bóc lột của một số chủ đất đối với người lao động làm thuê, làm tăng quá mức tình trạng phân hóa giàu - nghèo, làm nảy sinh xu hướng muốn thực hiện quyền "sở hữu hỗn hợp" luôn cả đối với vùng đất canh tác cũ, v.v.. Đương nhiên, những hạn chế này không lớn, nhà nước xã hội chủ nghĩa có thể ngăn chặn, khắc phục bằng các cơ chế và chính sách quản lý vĩ mô trong từng thời kỳ đối với vùng đất mới.

2- *Quyền sử dụng ruộng đất*

Quan điểm nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân lâu dài là đúng đắn, và hợp lòng dân, vì nó làm cho nông dân yên tâm đầu tư cải tạo và nâng độ phì của đất trong thời gian sử dụng. Từ quan điểm trên, theo tôi, cần giải quyết mấy vấn đề sau đây :

a) *Ai giao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ nông dân ?*

Trước hết, cần khẳng định đối tượng nhận đất là "hộ nông dân" nói chung. Vì vậy, hộ nông dân là chủ thể sử dụng ruộng đất, người trực tiếp đứng ra thuê đất của nhà nước ; còn nhà nước là chủ sở hữu ruộng đất, người giao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hoặc tập đoàn sản xuất nông nghiệp không giao ruộng đất cho nông dân với những lý do :

Một là, tâm lý chung của nông dân là muốn nhận ruộng đất từ nhà nước, không qua các tổ chức trung gian. Bài học rút ra từ thời kỳ "tập thể hóa" cho thấy, càng qua nhiều tổ chức trung gian thì quỹ ruộng đất càng thu hẹp, hao hụt càng lớn, mức khoán không ổn định và nói chung là tăng dần, làm thiệt hại lợi ích của hộ nông dân trực tiếp sản xuất.

Hai là,hợp tác xã hay tập đoàn sản xuất chỉ là hình thức tổ chức sản xuất, tuyệt nhiên không phải là chủ sở hữu ruộng đất. Hình thức tổ chức này tồn tại hay không là do đại hội xã viên hay tập.đoàn viên quyết định, vì vậy nó không thể đại diện cho chủ sở hữu ruộng đất. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp dù ở quy mô xã, bậc cao, theo luật pháp cũng không phải là chủ sở hữu ruộng đất, vì vậy không thể giao ruộng đất cho hộ nông dân. Sau Nghị quyết 10, nhiều hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ở miền núi và ở Nam bộ thực tế đã giải thể hoặc chỉ tồn tại một cách hình thức. Vì vậy ở những nơi này, nhà nước đã trực tiếp giao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân. Xét trên phạm vi cả nước, chỉ nhà nước ở cấp huyện mới đủ thẩm quyền cho hộ nông dân thuê đất dưới hình thức "khoán lâu dài" hay "khoán gọn".

Ba là, theo cơ chế quản lý mới, hộ nông dân là

Digitized by Google

đơn vị kinh tế cơ sở, tự chủ trong sản xuất kinh doanh ; còn hợp tác xã không phải là đơn vị kinh tế cơ sở, nó không tồn tại lâu dài và ổn định, không có chức năng điều hành toàn bộ quá trình sản xuất, thu sản phẩm, mà chủ yếu là làm dịch vụ. Mỗi hộ nông dân có thể tham gia nhiều hình thức tổ chức hợp tác kinh tế.

Bốn là, sau Nghị quyết 10, nhiều địa phương, nhất là ở miền Bắc và miền Trung, có tình trạng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trực tiếp giao khoán ruộng đất cho hộ xã viên. Nhiều cán bộ chủ chốt hợp tác xã đã lợi dụng chức năng giao khoán này để làm giàu cho bản thân, vi phạm nguyên tắc phân phối trong "khoán gọn", dành đất tốt, gần cho gia đình và cho người thân, tùy tiện nâng mức khoán, tăng các khoản thu lạm trên ruộng khoán (trên 15 khoán), làm cho nông dân không yên tâm sản xuất. Đã có một số hộ trả ruộng khoán, vì mức khoán quá cao, lại tăng dần (năm 1989, tỷ lệ huy động thuế nông nghiệp ở hợp tác xã Giao lạc, Xuân thủy, Nam hà chiếm tới 15-18% sản lượng khoán).

Năm là, nhà nước trực tiếp giao đất cho nông dân nhận khoán thì vừa tiết kiệm được ruộng đất, vừa bảo đảm được công bằng, hợp lý giữa các đối tượng nhận khoán ở nông thôn.

b) *Thời hạn giao quyền sử dụng ruộng đất*

Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất *lâu dài* cho nông dân. Vậy lâu dài là *bao nhiêu năm* ? Do không làm rõ khái niệm này, nên hiện nay các địa phương vận dụng rất khác nhau. Ở các tỉnh phía Bắc, phổ biến là 10 đến 15 năm, còn ở duyên hải miền Trung thì từ 5 đến 10 năm, một số vùng như Hoài nhơn (Bình định) chỉ 3 đến 5 năm. Đây là một trong những lý do khiến nông dân chưa thật yên tâm đầu tư phát triển sản xuất trên ruộng đất nhận khoán, không muốn nhận đất đấu thầu. Kết quả điều tra xã hội học trên 6500 hộ nông dân cả nước năm 1990 cho thấy : 59,4% không muốn nhận đất đấu thầu ; 3,9% muốn trả ruộng khoán cho hợp tác xã ; 25,9% cho rằng khoán ruộng đất chưa hợp lý ; ở Nam bộ, thực hiện khoán "nguyên canh" là chủ yếu.

Để có thể từng bước khắc phục hiện tượng trên, theo tôi, để nghị ổn định quyền sử dụng ruộng đất cho hộ nông dân lâu dài phải gắn với điều kiện kinh tế xã hội và đất đai từng vùng, từng loại đất.

- Đối với đất trồng cây *hằng năm* (đất canh tác) nên khoán ổn định ít nhất là 20 năm.

- Đối với đất trồng cây *lâu năm* (nông nghiệp và lâm nghiệp) nên khoán ổn định theo chu kỳ sinh trưởng của cây trồng,ít nhất là 30 năm, riêng đất rừng có thể đến 50 năm hoặc lâu hơn.

- Đối với đất phát triển kinh tế gia đình,nên thống nhất 10% quỹ đất của địa phương, ổn định vĩnh viễn, để hộ nông dân chủ động xây dựng, phát triển kinh tế vườn, rừng theo mô hình VAC hoặc VACR.

- Không nên duy trì đất "dự trữ" trong các xã và hợp tác xã, vì chừng nào còn đất "dự trữ" thì chừng đó còn tồn tại những tiêu cực trong phân phối, sử dụng quỹ đất và khuyến khích đẻ nhiều (vì cứ thêm khẩu, thêm lao động, thì lại được thêm đất khoán lấy từ đất "dự trữ"). Thực tế 4 năm sau Nghị quyết 10 đã chứng minh : sự tồn tại của đất "dự trữ" đã làm nảy sinh nhiều tiêu cực hơn là tích cực đối với tình hình kinh tế xã hội nông thôn. Đất "dự trữ" không giải quyết được công bằng xã hội, nó chỉ là một thứ chủ nghĩa nhân đạo hình thức.

Để khắc phục tình trạng tùy tiện trong giao khoán ruộng đất hiện nay, nhà nước cần sớm có quy định về thời gian sử dụng *tối thiểu* và *tối đa* đối với từng loại đất về sản lượng khoán, về thời gian ổn định mức thuế, về cấp có quyền sửa đổi thời hạn đó.

c) *Quyền thừa kế và chuyển nhượng ruộng đất.*

Đây là vấn đề phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Quan điểm *thứ nhất* là quan điểm không thừa nhận quyền thừa kế và chuyển nhượng ruộng đất, vì sợ như vậy sẽ đẻ ra tình trạng phân hóa giàu nghèo ở nông thôn.

Quan điểm *thứ hai* trái lại, khẳng định cần phải giao quyền thừa kế, chuyển nhượng ruộng đất cho nông dân. Tôi đồng ý với quan điểm thứ hai này, vì nó đáp ứng nguyện vọng của nông dân, phù hợp với yêu cầu tích tụ, tập trung ruộng đất theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo điều kiện phân công lại lao động trong nông thôn. Mặt khác, nó tạo điều kiện giảm bớt lao động trồng trọt, phát huy được tiềm năng đất đai, nhằm từng bước hình thành một cơ cấu kinh tế nông nghiệp toàn diện, có nông sản hàng hóa và ngành nghề dịch vụ phát triển. Quyền chuyển nhượng và thừa kế ruộng đất của hộ nông dân nhận khoán của nhà nước sẽ cho phép giải quyết mâu thuẫn mới nảy sinh ở nông thôn trong "khoán 10" : đó là mâu thuẫn giữa cách khoán manh mún, bình quân, kiểu tự cấp tự túc, với yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa, phân công lại lao động theo kiểu "ai giỏi nghề gì làm nghề đó". Giải quyết mâu thuẫn về ruộng đất, sẽ mở đường cho sự phát triển lực lượng sản xuất ở nông thôn theo quan điểm sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, định hướng xã hội

(Xem tiếp trang 36)

Digitized by Google

Về sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay

HOÀNG THẾ LIÊN

MỘT thời gian dài, ta thường quan niệm sở hữu tư nhân bao giờ cũng gắn với bóc lột và là đối tượng cần xóa bỏ (như xóa bỏ bóc lột) trong chủ nghĩa xã hội. Cũng vì vậy, ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, xác lập chế độ công hữu đối với tư liệu sản xuất luôn được coi là mục tiêu, là nội dung cơ bản của cách mạng quan hệ sản xuất, là tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của bản thân chủ nghĩa xã hội. Quá trình thực hiện mục tiêu đó đã cho thấy : bên cạnh một số kết quả tích cực đạt được, đã nảy sinh những hiện tượng khó lý giải : càng công hữu hóa tư liệu sản xuất thì năng suất lao động và hiệu quả kinh tế đạt được càng thấp ; không ít cơ sở kinh tế công hữu càng được nhà nước quan tâm đầu tư thì càng sa sút, thậm chí có nguy cơ phá sản. Trong khi đó, nhiều đơn vị kinh tế tư nhân, dù chưa được nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện, vẫn tìm cách vươn lên, đứng được.

Vì lẽ đó, có người đã nêu ý kiến : phải chăng sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất có thể là cứu cánh cho công cuộc đổi mới ở nước ta ? Đối với câu hỏi này, bài học rút ra từ thực tế các nước Đông Âu vừa qua, có lẽ đã giúp ta giải đáp một phần. Ở đây, tôi chỉ nêu một số suy nghĩ liên quan đến sự tồn tại và phát triển chế độ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay.

Trong những bước đi ban đầu của công cuộc đổi mới, một vấn đề được Đảng và Nhà nước ta quan tâm nghiên cứu, xem xét kỹ, là làm sao xác lập được một chế độ sở hữu hợp lý đối với tư liệu sản xuất trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trải bao trăn trở, từ những thành công và thất bại trong xây dựng kinh tế trước đây, từ những nhận thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về thời kỳ quá độ, Đảng ta từ Đại hội VI, đã chính thức thừa nhận sự tồn tại khách quan, lâu dài của các thành phần kinh tế, và cùng với nó, thừa nhận các hình thức sở hữu khác nhau đối với tư liệu sản xuất, trong đó có sở hữu tư nhân.

Thực ra, về mặt lô gích, khi đã thừa nhận nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì không lý gì lại không thừa nhận nước ta đang còn có các hình thức sở hữu khác nhau đối với tư liệu sản xuất. Bởi vì, quá độ lên chủ nghĩa xã hội, theo Lê-nin, có nghĩa là còn có "những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội"[1]. Khuynh hướng dùng mệnh lệnh hành chính để xóa bỏ nhanh sở hữu tư nhân và xác lập tràn lan chế độ công hữu, như thực tế cho thấy, chẳng những không góp phần củng cố chủ nghĩa xã hội, mà ngược lại, còn làm cho chủ nghĩa xã hội lâm vào tình trạng khó khăn kéo dài.

Một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất sẽ không tự mất đi khi vẫn còn khả năng tác động đến nhu cầu xã hội. Ở nước ta, trong giai đoạn hiện nay, vẫn còn cơ sở kinh tế và xã hội cho sự tồn tại của sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất. Điều đó thể hiện rõ ở chỗ : nguồn vốn trong nhân dân rất lớn, chưa được khai thác hết ; nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong xã hội rất bức bách ; số lao động chưa có việc làm còn nhiều và mỗi năm lại được bổ sung thêm. Như thực tiễn nước ta những năm gần đây chứng tỏ, việc thừa nhận sở hữu tư

(1) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 43, tr 248.

Digitized by Google

nhân đối với tư liệu sản xuất và bảo đảm cho nó phát triển trong phạm vi nhất định, không những có tác dụng giải phóng một tiềm năng sản xuất to lớn, mà còn có tác dụng hỗ trợ, bổ sung và phần nào kích thích khu vực công hữu, tạo môi trường vừa hợp tác, vừa cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế, thúc đẩy xã hội đi lên. Trong điều kiện sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất đang còn là một tất yếu kinh tế năng động và có sức sống như vậy mà vội vàng xóa bỏ nó thì, như Lê-nin đã từng nhắc nhở, là điều dại dột.

Đặc điểm cơ bản của sở hữu tư nhân là sự chi phối trực tiếp, có ý thức của người chủ sở hữu đối với tư liệu sản xuất. Vì vậy, chủ sở hữu đương nhiên coi tư liệu sản xuất của mình là điều kiện để mình thu về toàn bộ lợi ích kinh tế trong quá trình sản xuất vật chất độc lập. Trong bối cảnh như vậy, tư liệu sản xuất thuộc sở hữu tư nhân khó có thể chịu ảnh hưởng của xã hội và phục vụ theo nhu cầu xã hội.

Với nền kinh tế thị trường, các hình thức kinh tế mới xuất hiện, trình độ xã hội hóa tư liệu sản xuất đạt ở mức độ cao, sự chi phối và chiếm dụng trực tiếp tư liệu sản xuất thông qua chủ sở hữu tư nhân đang có những yêu cầu mới và mang hình thức mới. Cụ thể, *quyền chiếm hữu* ở đây còn biểu hiện thêm ở quyền *được đầu tư* và quyền *được hưởng các lợi ích kinh tế về tài sản*. Với hình thức mới này, quyền chiếm hữu *một mặt*, tạo điều kiện cho chủ sở hữu tư nhân hòa nhập vào nền kinh tế nói chung ; *mặt khác*, bảo đảm cho họ có khả năng phát triển tính tích cực (đầu tư mạnh vào sản xuất kinh doanh và tăng tính hữu ích của tư liệu sản xuất).

Nhưng dù có sự thay đổi về hình thức chiếm hữu như trên, bản chất của sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất vẫn không thay đổi : chủ sở hữu vẫn thông qua các hình thức chiếm hữu (kể cả chiếm hữu không điều kiện lao động của người khác) để có được lợi nhuận cao nhất. Động lực trực tiếp thúc đẩy mạnh mẽ chủ sở hữu quan tâm đến sản xuất và tích lũy, đến *chiếm hữu* một cách có hiệu quả những cái thuộc về mình, xét cho cùng, vẫn là lợi nhuận. Chiếm hữu tư liệu sản xuất mà không gắn với thụ hưởng phúc lợi, với việc gia tăng thu nhập và tiêu dùng, thì quyền sở hữu tư nhân không còn ý nghĩa.

Với bản chất như vậy, sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất liệu có thể hòa nhập vào nền sản xuất xã hội chủ nghĩa được không ? Tác dụng tích cực và tiêu cực của nó đến đâu ? Cần những điều kiện gì để nó có thể phát triển thuận chiều với định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế nước ta hiện nay ?

Về các vấn đề này, hiện có nhiều quan điểm khác nhau. Có người cho rằng, sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất là trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội, cho nên cần được xóa bỏ càng nhanh càng tốt. Có người lại coi sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất (với hình thức chi phối và chiếm hữu mới) là thuộc phạm trù chủ nghĩa xã hội. Thậm chí, có người còn dùng hẳn thuật ngữ "sở hữu tư nhân xã hội chủ nghĩa". Nói một cách khác, theo họ, sở hữu tư nhân có thể hòa nhập với một nền sản xuất có trình độ xã hội hóa cao, ở đó không còn cơ sở để quyền tư hữu tài sản có thể tự phát chuyển hóa thành quyền bóc lột và quyền chiếm hữu điều kiện lao động của người khác.

Một quan điểm khác nữa. Đây là quan điểm của những người nhân danh "đổi mới triệt để", "thực thi dân chủ triệt để" trong kinh tế. Họ kêu gọi : "Hãy để cho sở hữu tư nhân được tự do phát triển. Việc gì mà phải chú ý đến đường đi, nước bước của nó !".

Tất cả những quan điểm vừa nêu đều có một khuyết điểm chung là : không thấy được tính *hai mặt* của sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, và thường đặt nó trong điều kiện đã có chủ nghĩa xã hội phát triển. Cũng vì vậy, *hoặc là* quá định kiến với mặt tiêu cực xưa nay vốn có của nó, để rồi kiên quyết phủ nhận nó ; *hoặc là* quá tô hồng mặt tích cực của nó, biện minh một cách giản đơn và khiên cưỡng về vai trò rất mới của nó dưới chủ nghĩa xã hội. Còn về thái độ buông lơi, thờ ơ với sự tồn tại và phát triển của sở hữu tư nhân hiện nay thì đó chẳng qua chỉ là thái độ cực đoan trong quản lý.

Vậy nên có thái độ như thế nào với sở hữu tư nhân ?

Digitized by Google

Điều trước tiên cần khẳng định : ngoài mặt tích cực (thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển), sở hữu tư nhân luôn tiềm ẩn những nguy cơ và yếu tố không ổn định (như bóc lột với mức độ ngày càng tăng người lao động ; phân hóa hai cực giàu nghèo ; làm ăn gian lận, trốn thuế, lậu thuế, đầu cơ trục lợi...). Thừa nhận sự tồn tại khách quan của sở hữu tư nhân trong thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội là thỏa đáng. Song nếu quá nhấn mạnh mặt nào đó của sở hữu tư nhân, thì lại không đúng và có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường. Thấy cho hết mặt xã hội phức tạp của sở hữu tư nhân là cần thiết. Song như vậy không có nghĩa là phủ nhận sở hữu tư nhân. Điều cốt yếu là làm sao đề ra được chủ trương đúng, có bước đi thích hợp, vừa thừa nhận sở hữu tư nhân vừa hướng nó theo đúng quỹ đạo mà ta mong muốn. Muốn vậy phải có chính sách đồng bộ. Điều hệ trọng là xác định cho được những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất trong tình hình hiện nay. Cụ thể là :

a) *Củng cố và xây dựng một chính quyền nhân dân thật sự có hiệu lực.*

Sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất giống như một con ngựa hay nhưng bất kham. Muốn điều khiển được nó, phải có một hiệp sĩ tài ba. Một chính quyền nhân dân yếu kém ắt sợ sở hữu tư nhân, lo nó tự phát hằng ngày hằng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản. Ngược lại, một chính quyền nhân dân mạnh, sẽ không sợ sở hữu tư nhân, và có đủ khả năng để quản lý tốt nó vì lợi ích chung. Để có được một chính quyền nhân dân như vậy, đi đôi với việc đổi mới cơ chế kinh tế, dứt khoát phải đổi mới từng bước hệ thống chính trị nhằm đề cao quyền lực nhân dân.

b) *Xác lập và củng cố vững chắc vai trò chủ đạo của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.*

Như đã phân tích ở trên, không thể hạn chế mặt tiêu cực của sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất bằng những mệnh lệnh hành chính, những sự cấm đoán vô lý, mà phải bằng những biện pháp kinh tế, và bằng cả việc phát huy ưu thế của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, thông qua cạnh tranh lành mạnh. Một chế độ công hữu không chỉ đứng vững trong cạnh tranh mà còn thúc đẩy quá trình dân chủ hóa trên lĩnh vực kinh tế, sẽ có tác dụng lôi cuốn, "cảm hóa" sở hữu tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

c) *Xây dựng một hệ thống pháp luật bảo vệ con người về mặt xã hội, bảo vệ quyền sở hữu tư nhân.*

Chủ trương của Đảng ta về phát triển nền kinh tế thị trường, đặt con người vào vị trí trung tâm, phát huy sức mạnh của con người và vì con người. Vì vậy, cùng với việc thừa nhận sở hữu tư nhân, cần chú trọng xây dựng một hệ thống pháp luật bảo đảm được sự kết hợp hài hòa giữa *phát triển kinh tế* với *thỏa mãn những yêu cầu về mặt xã hội* (như : chống bóc lột quá mức ; không ngừng cải thiện điều kiện lao động ; xóa dần mối lo thất nghiệp ; tăng thêm các khoản trợ cấp ; giúp đỡ những người thuộc diện chính sách xã hội...). Đồng thời, bằng pháp luật, bảo đảm cho các tổ chức xã hội và các hội nghề nghiệp phát triển, đủ sức đại diện và bảo vệ lợi ích của người lao động, hạn chế sự tùy tiện của chủ sở hữu tư nhân...

Trong hệ thống pháp luật của nhà nước, cần có sự phân biệt thật rõ giữa *sở hữu tư nhân* và *quyền sở hữu tư nhân*. Đó là hai khái niệm không hẳn đồng nhất. Mọi quan hệ về quyền sở hữu tư nhân đều là quan hệ sở hữu tư nhân, nhưng mọi quan hệ sở hữu tư nhân lại không nhất thiết đều là quan hệ quyền sở hữu tư nhân. Quan hệ *sở hữu tư nhân* thuộc phạm trù kinh tế, tồn tại khách quan ; còn quan hệ *quyền sở hữu tư nhân* chỉ xuất hiện khi được nhà nước thừa nhận, và nhà nước có thể điều chỉnh quyền này bằng những văn bản pháp luật.

Khi quan hệ sở hữu tư nhân được nhà nước thừa nhận thì điều đó trước hết cũng có nghĩa là giá trị xã hội của hình thức sở hữu này được nhà nước thừa nhận. Từ sự thừa nhận đó, đương nhiên yêu cầu đặt ra đối với nhà nước là : phải bảo vệ và tự giác phát triển sở hữu tư nhân theo định hướng chung. Trong khoa học pháp lý, sở hữu nói chung và sở hữu tư nhân nói riêng được hiểu theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Theo *nghĩa hẹp*, sở hữu (và sở hữu tư nhân) được hiểu là quan hệ giữa người với người về tư liệu sản xuất (ở trạng thái tĩnh). Với cách hiểu theo nghĩa hẹp, sở hữu (và sở hữu tư

Digitized by Google

nhân) chỉ là đối tượng điều chỉnh của một *chế định pháp luật chuyên ngành*. Còn theo nghĩa *rộng*, sở hữu (và sở hữu tư nhân) được hiểu là toàn bộ quan hệ sản xuất, bao gồm không chỉ quan hệ giữa người với người về tư liệu sản xuất, mà cả quan hệ giữa họ về mặt tổ chức sản xuất và chi phối đối với lợi ích kinh tế do sự chiếm hữu về tư liệu sản xuất tạo ra. Với cách hiểu theo nghĩa rộng, sở hữu (và sở hữu tư nhân) phải là đối tượng điều chỉnh của một *hệ thống pháp luật thống nhất và đồng bộ*. Và khi xây dựng pháp luật về sở hữu tư nhân, cần có cách biểu đạt rõ ràng.

Một đặc điểm quan trọng của cơ chế kinh doanh tư nhân là sự thống nhất giữa quyền chiếm hữu và quyền sử dụng. Sự thống nhất đó thể hiện ở sự *tự do* trong kinh doanh. Nhưng quyền tự do của chủ doanh nghiệp tư nhân không phải là vô hạn. Cần phải tính đến lợi ích chung của xã hội, của tất cả những bạn hàng bình đẳng. Ý chí chung đó phải được thể hiện trong hệ thống pháp luật của nhà nước. Ở đây, không nên hiểu những quy định của nhà nước mang tính quản lý là những hạn chế đối với doanh nghiệp tư nhân. Nên hiểu đó là *hành lang pháp lý cần thiết* để vừa bảo đảm quyền tự do phát triển của chủ doanh nghiệp tư nhân, vừa bảo đảm trật tự chung của nền kinh tế.

Từ nhận thức trên, cần gấp rút ban hành Luật sở hữu, Bộ luật dân sự, Bộ luật lao động. Đó là những văn bản pháp lý cao nhất, góp phần quan trọng bảo đảm sự tồn tại và phát triển của sở hữu tư nhân. Những văn bản đó vừa bảo vệ quyền sở hữu, vừa thúc đẩy đầu tư vào sản xuất.

Trong hệ thống pháp luật về sở hữu tư nhân, cần lưu ý mấy vấn đề sau :

- Có một hệ thống chế tài bảo vệ quyền sở hữu tư nhân, trong đó quy định rõ bồi thường thỏa đáng những thiệt hại nếu có.

- Không dùng các biện pháp hành chính đánh vào quyền sở hữu tư nhân. Trường hợp đặc biệt, cần có sự can thiệp của nhà nước, thì điều đó phải được quy định rõ trong luật.

- Xóa bỏ mọi kiêng kỵ và phân biệt đối xử với chủ sở hữu tư nhân và những người làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân. Mọi đánh giá và đối xử với họ đều phải căn cứ vào cống hiến cụ thể của họ đối với xã hội. Mọi chế độ và chính sách của nhà nước phải làm sao để mọi người dù làm việc ở đâu đều có thể tự hào về những việc làm có ích, hợp pháp và hợp hiến.

VỀ QUYỀN SỞ HỮU...

(Tiếp theo trang 32)

chủ nghĩa, và trước hết là giúp cho việc tích tụ ruộng đất.

Vấn đề đặt ra là hình thức thừa kế và chuyển nhượng ruộng đất phải như thế nào để cá thể bảo đảm được mục tiêu tăng hiệu quả sử dụng đất và quyền sở hữu của nhà nước đối với ruộng đất ? Muốn vậy, theo tôi, trong điều kiện nông nghiệp và nông thôn nước ta hiện nay, hình thức chuyển nhượng và thừa kế ruộng đất phải bảo đảm được nguyên tắc sau : *đúng mục đích, đúng đối tượng, tự nguyện* với sự quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp giấy chứng nhận sử dụng ruộng đất *phải là* cơ quan nhà nước có thẩm quyền, *chứ không phải là* hợp tác xã). Hình thức chuyển nhượng thích hợp là có bồi hoàn, theo sự thỏa thuận về giá cả. Các ngành chức năng cần sớm nghiên cứu giá đất làm cơ sở cho quá trình chuyển nhượng ruộng đất ở nông thôn theo sự quản lý vĩ mô của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Phát triển thị trường tiền tệ - tín dụng

HOÀNG NGỌC HÒA *

I - THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - TÍN DỤNG, THỰC TRẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG NỀN KINH TẾ HÀNG HÓA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Thị trường là một nhân tố hợp thành không thể thiếu được của nền kinh tế hàng hóa. Vì thế, ở nước ta hiện nay, một yêu cầu bức bách đặt ra là phải phát triển thị trường, đặc biệt là thị trường tiền tệ - tín dụng theo các quy luật và phạm trù vốn có của nó.

Ở nước ta hiện nay, chưa có thị trường tiền tệ - tín dụng theo đúng nghĩa của nó. Chúng ta mới đang bước đầu phát triển thị trường liên ngân hàng. Do cơ chế vận hành còn thiếu đồng bộ và công nghệ còn lạc hậu, thị trường này hoạt động có nhiều sơ hở, yếu kém, chưa tương xứng với yêu cầu đổi mới nền kinh tế. Vừa qua, chúng ta chủ yếu mới sử dụng thị trường tiền tệ - tín dụng ở hình thức mua - bán lãi suất, chứ chưa có thị trường luân chuyển vốn, chưa có thị trường chứng khoán, bảo đảm cho thị trường tiền tệ - tín dụng hoạt động sôi động, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Sự chậm trễ trong tạo lập và phát triển những thị trường này là một trong những trở ngại lớn nhất, kìm hãm nhịp độ phát triển nền kinh tế hàng hóa, hạn chế việc phát huy vai trò tác dụng quản lý, điều tiết vĩ mô của nhà nước đối với đẩy mạnh phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa.

Thị trường tiền tệ - tín dụng (nội dung cơ bản và thực chất của thị trường tài chính) là nơi diễn ra những hoạt động "mua", "bán" quyền sử dụng các nguồn tài chính nhàn rỗi. Nhờ có thị trường này, các nguồn tài chính nhàn rỗi ngắn hay dài ngày trong nền kinh tế, trong dân cư, đều được khai thác, huy động và sử dụng một cách có hiệu quả.

Thị trường tiền tệ - tín dụng do các thị trường bộ phận có tính chuyên biệt tương đối hợp thành, bao gồm :

1 - **Thị trường tiền tệ**, nơi tập trung đại bộ phận các thành phần tiền có trong lưu thông và diễn ra việc trao quyền sử dụng các nguồn tiền đó.

Trên thị trường này, tiền tệ là hàng hóa nên cũng có giá của nó. Giá của tiền tệ biểu hiện ra khi tín dụng và tiền tệ hòa nhập làm một. Giá của tiền tệ cũng bị chi phối bởi quan hệ cung - cầu. Do đó, giá cả "mua", "bán" trên thị trường tiền tệ là lãi suất, trở thành công cụ trọng yếu được sử dụng để điều hòa lưu thông và quan hệ cung - cầu tiền tệ trong nền kinh tế.

2 - **Thị trường vốn**, một bộ phận của thị trường tiền tệ - tín dụng, nơi diễn ra việc trao quyền sử dụng dài hạn các nguồn tài chính với mục tiêu chủ yếu là để đầu tư dài hạn vốn cố định cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đặc điểm của giá cả trên thị trường vốn (lãi suất về sử dụng các nguồn tài chính được trao quyền sử dụng dài hạn) là có thể *được xác định trước*, như *lãi suất* đối với tiền vay dài hạn, hay trái phiếu và cổ phiếu đặc quyền. Nhưng cũng có thể *chưa được xác định trước*, như *góp vốn cổ phần* - mua cổ phiếu thông thường (ở đây, người bán trực tiếp trao quyền sử dụng nguồn tài chính của mình cho người khác với hy vọng sẽ có lợi tức cổ phần cao hơn hay ít ra cũng bằng lãi suất tín dụng).

Tham gia thị trường vốn là những người *cần vốn* (mua quyền sử dụng vốn) và người *có vốn* (bán quyền sử dụng vốn). Người mua trao cho người bán các chứng phiếu (cổ phiếu, trái phiếu...), và người bán phải nhận được ở người mua các chứng phiếu nói trên.

Người mua quyền sử dụng vốn ở đây có thể là các hộ gia đình, các doanh nghiệp, các tổ chức tài

---

(*) Phó tiến sĩ kinh tế học, Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

chính (như các cơ quan bảo hiểm), các tổ chức tài chính trung gian (như các ngân hàng thương mại, công ty tài chính...).

3 - **Thị trường chứng khoán**, một bộ phận của thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo, nó được tổ chức ra để mua, bán, luân chuyển các chứng khoán đã được phát hành, nhằm thay đổi một cách thuận tiện các chủ thể có quyền sử dụng các nguồn tài chính ghi trên các chứng khoán đó.

Việc mua, bán các chứng khoán trên thị trường này sẽ tạo khả năng và điều kiện thuận lợi cho cá nhân và hộ gia đình có tiền để dành đầu tư vào những khoản cho vay dài hạn. Vì thế, thị trường chứng khoán có vai trò rất quan trọng trong việc thu hút vốn để phát triển sản xuất.

Như vậy, mỗi thị trường bộ phận trong thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo (thị trường tài chính) có đặc điểm và hình thức đối tượng thương mại khác nhau. Song sự phân biệt giữa các thị trường bộ phận nói trên chỉ là tương đối, mang tính ước lệ. Bởi vì :

- Nội dung ẩn chứa trong các đối tượng thương mại trên các thị trường bộ phận đó thực chất chỉ là một - đó là TIỀN - và đều chịu sự chi phối với những mức độ khác nhau của lãi suất tín dụng.

- Các thị trường bộ phận đó có mối liên hệ mật thiết và trong những điều kiện nhất định có thể chuyển đổi vị trí. Chẳng hạn, trong thời kỳ lạm phát cao, thị trường vốn không phát triển được và thường bị co hẹp, trong lúc đó thị trường tiền tệ trở nên sôi động, hối hả hơn, nhưng hoạt động cũng rời rạc. Sở dĩ như vậy vì trong điều kiện lạm phát cao, tiền bị mất giá rất nhanh, tham gia thị trường vốn sẽ chịu rất nhiều mạo hiểm, rủi ro, và tham gia thị trường tiền tệ cũng gặp không ít những điều bất lợi. Ở trình độ kinh tế hàng hóa phát triển cao (như kinh tế tư bản chủ nghĩa cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX), thị trường vốn và thị trường chứng khoán phát triển tương đối ổn định, kế tiếp nhau và song song với nhau.

- Thị trường chứng khoán là biểu hiện đặc trưng của thị trường vốn trong giai đoạn phát triển cao. Cùng với thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán sẽ tổng hòa các mối quan hệ trong hệ thống thị trường tài chính thống nhất, tạo thành thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo.

II - SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN DẦN LÊN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - TÍN DỤNG HOÀN HẢO

1 - Sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đòi hỏi phải có sự phát triển tương xứng của thị trường tiền tệ - tín dụng.

Bất cứ một nền kinh tế hàng hóa phát triển nào cũng đòi hỏi phải có một thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo. Đó là vì :

- Có thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo thì mới có đầy đủ các thị trường bộ phận hợp thành thị trường tài chính, đặc biệt là thị trường chứng khoán. Trong điều kiện đó, nhà nước, các doanh nghiệp... mới có thể phát hành cổ phiếu, trái khoán, để huy động, thu hút nhiều nguồn vốn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất, lưu thông hàng hóa hoặc phát triển kết cấu hạ tầng, dịch vụ công nghiệp, đáp ứng nhu cầu quốc kế dân sinh. Người có vốn có thể có nhiều hình thức và lĩnh vực đầu tư có hiệu quả cao.

- Chỉ trong trường hợp có thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo, Ngân hàng trung ương mới thực hiện được nghiệp vụ thị trường mở để điều tiết quan hệ cung - cầu, tiền tệ - tín dụng. Nếu trong lưu thông thiếu tiền, Ngân hàng trung ương sẽ bơm tiền vào lưu thông bằng việc mua tất cả những chứng khoán có giá của ngân hàng thương mại và những chứng khoán trôi nổi trên thị trường tiền tệ - tín dụng. Ngược lại, nếu trong lưu thông thừa tiền, cần rút bớt tiền về, Ngân hàng trung ương sẽ bán ra thị trường tiền tệ - tín dụng tất cả các chứng khoán có giá đã dự trữ. Tùy tình hình cụ thể, Ngân hàng trung ương có thể mua hoặc bán các chứng khoán theo giá cao hơn hoặc thấp hơn giá thị trường với mức độ thích hợp.

Thực tế đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta đang đặt ra yêu cầu từng bước phát triển thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo :

- Sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (thương mại hóa vật tư hàng hóa và thực hiện cơ chế một giá) đã làm cho phạm vi hoạt động của các quỹ tiền tệ được mở rộng, làm tăng thêm ý nghĩa quan trọng của sự vận động độc lập của các nguồn tài chính.

- Việc đổi mới phương pháp kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới quản lý vĩ mô của

Digitized by Google

nhà nước đòi hỏi tất yếu phải sử dụng các đòn bẩy kinh tế thuộc lĩnh vực tài chính - tiền tệ - tín dụng - ngân hàng.

- Sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần làm cho nhu cầu phát triển của nền kinh tế và xã hội trở nên phong phú và đa dạng hơn. Thực tế đó cũng đòi hỏi phải đa dạng hóa phương thức tạo nguồn, phương thức tài trợ và huy động vốn bằng phát triển thị trường tiền tệ - tín dụng, tương ứng với đòi hỏi khách quan của sự phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và dùng thị trường để "nuôi" thị trường.

Việc chuyển dần lên thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo là một yêu cầu khách quan và có khả năng thực tế trong nền kinh tế nước ta hiện nay. Đây là quá trình trưởng thành của một lĩnh vực có quan hệ cực kỳ phức tạp, tinh tế, đòi hỏi phải có điều kiện và bước đi thích hợp.

2 - Những điều kiện cơ bản cần thiết để chuyển dần lên thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo.

a) *Nâng cao trình độ phát triển nền kinh tế hàng hóa.*

Lịch sử phát triển của thị trường tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã chứng minh rằng, thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo chỉ được xác lập trên cơ sở sản xuất và lưu thông hàng hóa đã phát triển. Ở Anh, năm 1773, sau khi kết thúc quá trình công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa, sở giao dịch vốn mới xuất hiện. Ở Mỹ, mãi đến năm 1817, sở giao dịch vốn với tên gọi chính thức mới ra đời. Vào nửa sau thế kỷ XIX, với sự phát triển rộng rãi của nội, ngoại thương trên cơ sở sử dụng những phương tiện giao thông liên lạc tiên tiến mới, sở giao dịch vốn mới trở nên phổ biến và hưng thịnh ở các nước có nền kinh tế hàng hóa phát triển. Ở nước ta hiện nay, để thị trường tiền tệ - tín dụng tiến dần lên thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo, đương nhiên cần khai thác các lợi thế bên trong và bên ngoài, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tạo cơ sở cần thiết cho thị trường tiền tệ - tín dụng phát triển.

b) *Đa dạng hóa sở hữu về tư liệu sản xuất, lấy kinh tế quốc doanh ở những vị trí then chốt làm chủ đạo.*

Việc xây dựng các đơn vị quốc doanh tự chủ và làm ăn có hiệu quả, đủ sức cạnh tranh, hướng dẫn, lôi kéo các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, sẽ tạo điều kiện cho thị trường tiền tệ - tín dụng xuất hiện và phát triển dần thành thị trường tiền tệ - tín dụng hoàn hảo.

c) *Cải cách cơ bản nền tài chính quốc gia.*

Cần phân biệt rạch ròi tài chính doanh nghiệp quốc doanh với tài chính nhà nước (theo hướng xóa bỏ hoàn toàn bao cấp đối với các doanh nghiệp quốc doanh) ; xác định rõ phạm vi hoạt động và thiết lập mối quan hệ tương tác giữa *ngân sách nhà nước* và *Ngân hàng trung ương*. Hoạt động của ngân sách là thực hiện *chính sách tài chính quốc gia*; còn hoạt động của ngân hàng là thực hiện *chính sách tiền tệ quốc gia*. Ngân sách và ngân hàng phải kết hợp chặt chẽ với nhau trong mối quan hệ tương tác nhằm đạt những mục tiêu của chính sách quốc gia về kinh tế - tài chính - tiền tệ. Quan hệ giữa ngân sách và ngân hàng dựa trên nguyên tắc : ngân sách thiếu hụt thì ngân hàng sẽ cho ngân sách vay *trực tiếp* thông qua hợp đồng phát hành, hoặc *gián tiếp* thông qua mua công trái. Điều này tránh cho ngân hàng khỏi quan hệ tín dụng bao cấp cho ngân sách và tạo điều kiện cho ngân hàng chuyển sang hạch toán kinh doanh thực sự. Với số công trái dự trữ, Ngân hàng trung ương có điều kiện sử dụng công cụ thị trường mở để quản lý điều tiết thị trường tiền tệ - tín dụng. Điều này có tác dụng rất tích cực đối với hoạt động của ngân sách nhà nước. Vì phải hoàn trả ngân hàng số tiền vay để mua công trái sau một thời gian nhất định, ngân sách đương nhiên phải tính toán cẩn thận, cân nhắc thời hạn vay và mức vay.

d) *Tạo lập một hệ thống ngân hàng hai cấp và các tổ chức tín dụng.*

Xây dựng ngành ngân hàng có đủ tài lực, vật lực, với một hội đồng quản trị mạnh có thực quyền cùng một bộ luật thích hợp và đội ngũ cán bộ tương xứng. Trước hết, Ngân hàng trung ương cần có đủ điều kiện hoạt động để làm chủ thị trường tiền tệ - tín dụng khu vực và quốc tế. Cần có sự tham gia ngày càng nhiều của các tổ chức tiền tệ - tín dụng nước ngoài trên đất nước ta để qua đó, chúng ta có thể tiếp nhận sự chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm cần thiết cho thị trường tiền tệ - tín dụng ở nước ta phát triển dần tới mức hoàn hảo.

Digitized by Google

CHÍNH TRỊ VÀ XÂY DỰNG KHOA HỌC CHÍNH TRỊ

HỒ VĂN THÔNG*

1

Xây dựng chủ nghĩa xã hội về mặt chính trị - về cơ bản là xây dựng quyền lực và hoạt động làm chủ của dân. Nhưng lâu nay nội dung và cơ chế cho quá trình đó không được xây dựng và thực hiện có hiệu quả.

Cuộc khủng hoảng chính trị diễn ra ở Đông Âu và Liên xô (trước đây) là cuộc khủng hoảng của bộ máy chính trị quan liêu hành chính, chưa thực sự thực hiện được quyền lực của dân. Sự đổi mới đã được thực hiện, nhưng những người cộng sản lại mất phương hướng chính trị, tạo thời cơ cho bọn cơ hội các loại và các thế lực phản động nhảy vào chi phối theo lô gích : *giáo điều tả khuynh - cơ hội hữu khuynh - tư bản hóa.*

Hàng loạt nguyên nhân dẫn đến tình huống chính trị đó, nhưng nhận thức về chính trị giữ một vai trò trọng yếu. Hàng nhiều chục năm, ngoài những nguyên tắc cơ bản có sẵn trong các sách kinh điển, thì chính trị cùng với các quan điểm về chính trị dường như là công việc riêng của các cấp lãnh đạo đưa ra cốt để chấp hành.

Ở đây, việc nghiên cứu lý thuyết chính trị về mặt khoa học thường bị xem nhẹ. Giá phải trả trong thực tế cho thiếu sót này là to lớn.

Trong bối cảnh đó, việc hình thành *khoa học chính trị* ở các nước xã hội chủ nghĩa đang trở thành *yêu cầu bức thiết*, có tầm quan trọng trực tiếp vạch đường đi, bảo vệ và phát triển việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu không làm tốt được lĩnh vực này, thì hoặc lúng túng trong nhận thức cũ, hoặc rơi vào các quan điểm chính trị tư sản.

2

Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế. Mối quan hệ có tính quy luật đó vẫn có giá trị lâu dài, chi phối sự vận động lịch sử. Nhưng lịch sử đương đại cũng đang bắt đầu nảy sinh những quan hệ mới, đòi hỏi chúng ta phải theo dõi và thực hiện những tổng kết mới.

Kinh tế là nền tảng cơ bản nhất của phản ánh chính trị. Nhưng ngày nay, chính trị đang dần dần là biểu hiện tập trung của nhiều nền tảng cơ bản khác không kém quan trọng so với kinh tế. Phải chăng, chính trị đương đại còn phải là biểu hiện tập trung của toàn bộ nền văn minh tin học đương đại. Chính trị không còn hoàn toàn đơn thuần là chính trị của kinh tế (của quan hệ kinh tế, quan hệ lợi ích giai cấp), mà bắt đầu có nội dung là chính trị của văn minh tin học, của lao động tự do, sáng tạo trí tuệ phổ biến. Nền tảng *xét đến cùng*, quy định tính tất yếu của vận động xã hội, là *kinh tế* (chủ yếu là *quan hệ lợi ích giai cấp*), đương nhiên chưa thể mất đi ý nghĩa chi phối của nó. Nhưng cá nhân tự do, lao động sáng tạo trí tuệ với những phương tiện tin học hiện đại, cũng đang hình thành như một phương thức sống và hoạt động phổ biến - trong đó quan hệ bóc lột và áp bức giai cấp dần dần không còn là cái chi phối toàn bộ cuộc sống nữa.

Ở các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, nếu muốn rút ngắn quá trình lịch sử, thì không thể chỉ xây dựng một hệ thống chính trị theo quan hệ kinh tế - giai cấp, mà còn phải biết xây dựng một hệ thống chính trị thúc đẩy lao động sáng tạo trí tuệ ; hơn nữa, còn phải dần dần lấy nó làm một trong những nền tảng cơ bản của chính trị. Chính trị phải trở thành ngọn nguồn, phương tiện, môi trường cho lao động trí tuệ sáng tạo. Xã hội có hoạt động sáng tạo phổ biến phải là nền tảng sống còn của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta không thể chờ quá trình lịch sử tự nhiên diễn ra tự phát, kéo dài vài trăm năm nữa, để có sự phát triển đương đại. Mà phải làm sao

* Giáo sư triết học, Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

để trong *năm ba chục năm* trước mắt, tiếp cận cho được nền văn minh *tin học* (tức nền văn minh của lao động sáng tạo trí tuệ phổ biến).

Không xây dựng được một hệ thống chính trị cho nhu cầu đó thì khó có gì để phấn khởi. Tất cả còn đang mò mẫm, tìm tòi, phải có nỗ lực lớn về lý luận - trước hết là lý luận về chính trị. Xây dựng khoa học chính trị là một mắt khâu quan trọng, không thể thiếu được trong nỗ lực này.

3

Tính tất yếu kinh tế sẽ quy định đời sống chính trị, nhưng đó là một xu hướng, muốn thấy rõ phải xét trong không gian *rộng* và thời gian *dài*.Không ít trường hợp 5, 7 thế kỷ trôi qua mà tính tất yếu xã hội vẫn chưa rõ. (Hãy xem cổ đại - phong kiến - tư sản ở *phương Đông* và *phương Tây* khác nhau biết bao nhiêu).

Tính tất yếu *xu hướng* của xã hội khác rất nhiều với tính tất yếu *động* của tự nhiên (và ngay tự nhiên cũng còn bao hàm những dạng khó xác định hoàn toàn tính tất yếu trực tiếp...)

Trong xã hội, nếu quy *tất cả* vào *tính tất yếu kinh tế*, sẽ làm nghèo chủ nghĩa Mác, vì nó không phản ánh đúng tính phức tạp của đời sống xã hội. Mác và Ăng-ghen đã từng nhắc : những điều các ông nhấn mạnh chỉ là những điều cơ bản mà kẻ thù phủ nhận ; không phải ở đâu, lúc nào, kinh tế cũng là cái duy nhất quyết định.

Đối với chính trị, càng không thể quy như thế. Trong lịch sử, chỉ xét đến cùng, chúng ta mới thấy tính tất yếu nói trên. Còn nếu nhìn vào từng giai đoạn lịch sử, thì không hẳn như vậy. Không ít trường hợp kinh tế đã chín muồi, nhưng chính trị lại không phát triển tương ứng. Ví dụ : kinh tế tư sản ở Anh và Đức phát triển hơn, nhưng cách mạng tư sản ở đấy lại không triệt để bằng ở Pháp ; kinh tế Tây Âu phát triển hơn, nhưng chủ nghĩa xã hội lại nảy sinh sớm hơn ở Liên xô, Đông Âu.

Chính trị là một lĩnh vực hoạt động cụ thể (một cuộc biểu tình chống thuế ở địa phương hay một chính sách tôn giáo của nhà nước cũng vậy) có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày và trên quy mô quốc gia. Vì vậy chính trị, hơn lĩnh vực nào khác, không thể chỉ dựa vào việc khẳng định những nguyên tắc chung, lý tưởng, mà điều quan trọng là dựa vào hành động, vào tác động hằng ngày bằng công việc, bằng cơ chế vận hành hữu hiệu, bằng sự đổi mới thích ứng không ngừng.

Nói cách khác, chính trị là lĩnh vực đầy rẫy những tai biến xung đột bất ngờ, những rủi ro, những cơ may, với các tầm cỡ khác nhau không dễ gì dự đoán được. Do đó, chính trị *vừa là* khoa học *vừa là* nghệ thuật. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, ta làm điều này rất tốt. Nhưng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì cả về mặt khoa học lẫn mặt nghệ thuật của chính trị, có lẽ ta còn quá ít cái để mà tự bằng lòng, thậm chí yên lòng.

4

Tạo ra một hệ thống chính trị là tạo ra sự thống trị của một giai cấp đối với một giai cấp. Nhưng rõ ràng ngày nay, xây dựng đời sống chính trị không chỉ nhằm xác định một quan hệ giai cấp ổn định, mà còn là một quan hệ giai cấp sao cho có sự phát triển và phát triển nhanh kinh tế - xã hội. Chính trị là *quan hệ giai cấp*, đồng thời phải là *quan hệ phát triển*. Chính trị thực hiện quyền lực của giai cấp tiên phong mà không đem lại sự phát triển kinh tế xã hội thì đó là thứ chính trị không phải của chủ nghĩa xã hội, không tạo ra được chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, chính trị phải gắn liền với phạm trù *phát triển* mà nghiên cứu. Và khi đã gắn chính trị vào phạm trù phát triển thì sẽ xảy ra hàng loạt sự bắt buộc phải đổi mới tư tưởng về quan hệ giai cấp trong kinh tế, và từ đó dẫn đến những thay đổi rất sâu xa về bản thân nhận thức chính trị.

5

Nói đến chính trị và hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa thì điều cơ bản là phải nói đến sự lãnh đạo và quyền lực chính trị của giai cấp công nhân và quyền làm chủ chính trị của nhân dân lao động. Hai vấn đề này có cùng một ý nghĩa, không thể có vấn đề này mà không có vấn đề kia.

Cho đến ngày nay, bất kỳ chế độ chính trị nào cũng đều là nền chuyên chính của một giai cấp. Ngay dân chủ cũng vẫn là chế độ chính trị, là quan hệ giai cấp - không biểu hiện trực tiếp thì cũng tiềm ẩn trong chiều sâu của đời sống chính trị. Trong lúc không ít người chúng ta ảo tưởng về tính phi giai cấp trong chính trị, thì kẻ thù lại thể hiện rất

Digitized by Google

triệt để và công khai tính giai cấp trong nhận thức và hành động chính trị.

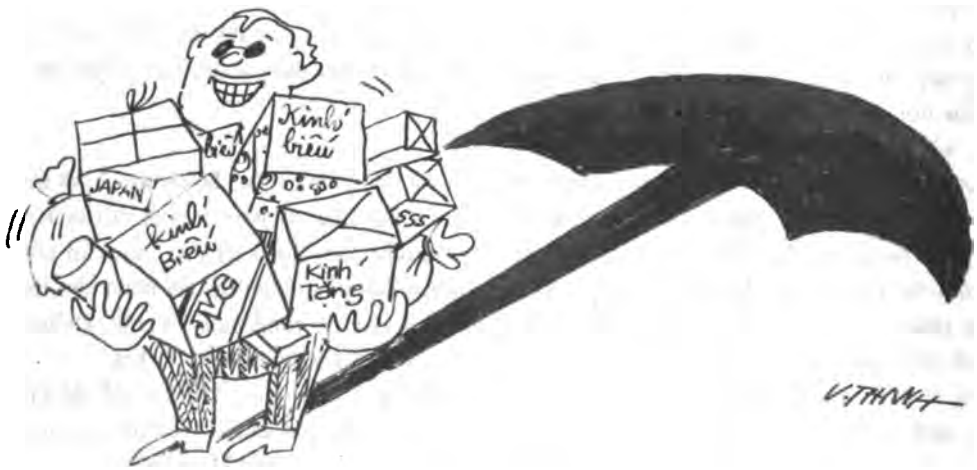
Tôi không suy nghĩ theo hướng phủ nhận quan hệ giai cấp, tính giai cấp trong đời sống kinh tế, xã hội và nhất là chính trị. Nhưng trong nền văn minh đương đại có những quan hệ mới đang hình thành, dù chưa có tác dụng chi phối nhưng cũng đang vượt qua giới hạn quan hệ giai cấp. Ở đây, những quan hệ dù mới sơ khai nhưng là hiện thực, chứ không phải ảo tưởng. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì bên cạnh những cái thuộc về nó, ngày càng nảy sinh những cái không thuộc về nó. Chính trị ở các nước tư bản là lĩnh vực quan hệ trực tiếp, gay gắt về quyền lực nhà nước giữa các giai cấp, nhưng cũng chính ở đây, ngoài những quan hệ giai cấp, đang nảy sinh những quan hệ mới, ngoài ý muốn của bất cứ ai, do nền văn minh đương đại đưa lại. Nghiên cứu chính trị một chiều sẽ không thấy được tính phức tạp của nó.

Quan hệ chính trị, dù trong nền chuyên chính chính trị nào, bao giờ cũng là chỉnh thể các quan hệ : quan hệ giữa các giai cấp, quan hệ giữa nhà nước và công dân, công dân với công dân, quan hệ dân tộc, quốc tế, v.v..

Trong nghiên cứu, không ít trường hợp, chúng ta thường tách rời các quan hệ nói trên với nhau, nhiều khi chỉ quy vào quan hệ giai cấp, làm mất nội dung cụ thể của những quan hệ khác. Nhất là quan hệ giữa nhà nước và công dân thì hầu như bị bỏ đi hoàn toàn. Trong việc xây dựng khoa học chính trị ở nước ta, có lẽ điều cần tập trung nghiên cứu là quan hệ giữa nhà nước và công dân - quan hệ sống còn của chủ nghĩa xã hội. Thực chất của quan hệ này là xác lập địa vị làm chủ của nhân dân lao động trong đời sống chính trị.

*

Biết bao nội dung về nhận thức và hoạt động chính trị cần được nghiên cứu với tư cách là một khoa học trên bình diện quốc gia và quốc tế trong thời đại ngày nay. Tất cả đều còn đang ở phía trước. Một loạt vấn đề : cán bộ, quan hệ phối hợp, điều kiện vật chất, tổ chức... chưa tương ứng với đòi hỏi cấp bách này. Tất nhiên, từng chúng ta phải nỗ lực. Nhưng sự nỗ lực đó chỉ có hiệu quả khi Đảng và Nhà nước ta có sự đầu tư thích đáng về các mặt trên.



Tranh : VĂN THANH

Digitized by Google

CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU 5

PHAN HOAN *

ĐỊA bàn quân khu 5 nằm giữa chiều dài đất nước với *ba* vùng có ý nghĩa chiến lược to lớn không chỉ về quân sự mà cả về kinh tế xã hội : vùng đồng bằng đô thị chạy dọc theo tuyến quốc lộ và đường sắt Bắc Nam dài hơn 800 km từ đèo Hải vân vào giáp với Đồng nai, có nhiều thành phố, thị xã, thị trấn đông dân, nhiều cánh đồng trù phú, nhiều sân bay, bến cảng lớn thuận tiện việc giao lưu trong nước và quốc tế ; vùng ven biển dài 1077 km, với hơn 200000 km^2 thềm lục địa và hai quần đảo Hoàng sa, Trường sa cùng hàng trăm đảo lớn nhỏ khác thuộc biển Đông ; vùng rừng núi phía Tây các tỉnh đồng bằng và Tây nguyên có đường biên giới giáp với Nam Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia dài 732 km.

Tiềm năng và cơ cấu kinh tế của các tỉnh miền Trung phong phú, "nông-lâm-ngư nghiệp kết hợp với tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp ngày càng phát triển". Trong những năm gần đây, các địa phương đều tăng thêm nguồn xuất, nhập khẩu đa dạng, năng động theo cơ chế thị trường, mở rộng hợp tác quốc tế. Nhân dân các tỉnh miền Trung với bản chất cần cù lao động, có truyền thống bất khuất, có tinh thần cách mạng cao đã được rèn luyện, hun đúc và thử thách qua các cuộc kháng chiến kiên cường của dân tộc. Đó là những thuận lợi cơ bản.

Gần đây tình hình quốc tế có những biến động phức tạp, đặc biệt là sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô đã để lại những hậu quả nghiêm trọng. Chủ nghĩa đế quốc lợi dụng tình hình đó, đẩy mạnh chiến lược toàn cầu hòng xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, áp đặt một trật tự thế giới theo kiểu của họ.

Những diễn biến trên đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của cách mạng nước ta nói chung. Trên địa bàn Quân khu 5, thêm nhiều hiện tượng cho thấy các loại phản động trong và ngoài nước đã và đang ra sức tập hợp lực lượng, câu kết với các phần tử cơ hội, bất mãn, tham nhũng, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phá hoại, trắng trợn kêu gọi lật đổ chế độ. Trên biên giới các tỉnh phía Tây, sau giải pháp về Cam-pu-chia, tình hình phức tạp hơn, các phần tử trong tổ chức phản động FULRO trở về hoạt động tại nhiều nơi.

Nhận thức rõ vị trí, tình hình và trách nhiệm của quân khu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết 02 của Bộ chính trị về quốc phòng và Chỉ thị 56 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh thành, mấy năm qua Thường vụ đảng ủy, Bộ tư lệnh quân khu cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương đã thực hiện có kết quả một số công tác về an ninh - quốc phòng.

Trước hết, đã giữ được trật tự, an ninh ở nội địa cũng như biên giới. Củng cố và từng bước phát triển thế trận phòng thủ, tiềm lực quốc phòng trên toàn địa bàn quân khu. Theo kế hoạch, 9/9 tỉnh, 108/108 huyện, thị xã trên địa bàn quân khu đã tổ chức diễn tập, thực nghiệm khu vực phòng thủ theo cơ chế mới : *"Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu, chỉ huy trưởng quân sự chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang"*. Gần đây, các địa phương còn lần lượt diễn tập theo phương án chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ ở một số thành phố, thị xã trọng điểm. Nhờ diễn tập, đã kiểm nghiệm được kết quả quá trình xây dựng khu vực phòng thủ, rà xét lại khả năng sẵn sàng chiến đấu với mọi tình huống chiến tranh và chống phá của kẻ thù, rút kinh nghiệm việc động viên quân đội, các lực lượng dự bị và nền kinh tế trong tình huống chuyển từ thời bình sang thời chiến ; củng cố, chấn chỉnh và nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ ở cơ sở. Một số tỉnh như Quảng nam - Đà nẵng, Khánh hòa và Đắc lắc đã có khả

(*) Trung tướng, Tư lệnh quân khu 5.

Digitized by Google

năng sản xuất vũ khí để trang bị cho các lực lượng vũ trang...

Cùng với việc xây dựng thế trận phòng thủ, mấy năm qua Quân khu đã kết hợp chặt chẽ với các địa phương xúc tiến giải quyết nhiều vấn đề về công tác hậu phương quân đội, nhất là một số công việc tồn đọng sau chiến tranh, như khảo sát và quy tập mộ liệt sĩ quản lý và chăm lo các thương binh và gia đình liệt sĩ. Chỉ tính riêng trên địa bàn quân khu đã có 45 425 thương binh (trong đó 1/4 là thương binh nặng), 158 091 liệt sĩ và 249 779 gia đình liệt sĩ ; các địa phương đã khảo sát 183 914 mộ, quy tập được 144 899 mộ liệt sĩ, đã báo tử 74 380 trường hợp. Với phong trào "đền ơn đáp nghĩa", các tỉnh đã trích ngân sách địa phương trợ cấp thêm cho các gia đình thương binh, liệt sĩ hàng trăm triệu đồng, hàng trăm tấn gạo (theo số liệu tính đến năm 1990 của 6 tỉnh là 838 triệu đồng và 665 tấn gạo). Nhiều đoàn thể đã tổ chức đón thương binh nặng về địa phương, gia đình. Các địa phương đã xây dựng được 9 nghĩa trang tỉnh, 52 nghĩa trang huyện, 334 nghĩa trang xã phường và 38 tượng đài kỷ niệm ; đã xây dựng được 4163 ngôi nhà tình nghĩa cho các gia đình liệt sĩ, thương binh nặng, anh hùng quân đội và gia đình có công với cách mạng, với tổng diện ích 142 890 m^2 và chi phí hết 12 tỷ 489 triệu đồng.

Các địa phương còn thành lập quỹ quốc phòng và quỹ hỗ trợ xã hội được hơn 2 tỷ đồng và 11 102,6 tấn thóc. Riêng Quảng nam - Đà nẵng đã thành lập được các quỹ cả ở cấp huyện và thị xã, với tổng số tiền 1,2 tỷ đồng. Về lập quỹ quốc phòng hiện vẫn còn nhiều việc phải giải quyết, nhưng thực tiễn cho thấy : trong điều kiện kinh tế thị trường, phải có những biện pháp thích hợp để củng cố quốc phòng, bảo đảm nhiệm vụ chiến lược. Việc quản lý, đăng ký số sĩ quan về hưu và số quân nhân phục viên do mất sức, với trên 11 vạn người, đã làm được tốt. Nhân kỷ niệm 45 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt nam (22-12), đã tổ chức gặp mặt 29 784 đồng chí, chi phí 424 883 890 đồng, trong khi ngân sách của trên chỉ cấp 2 triệu đồng.

Có thể nói đó là những việc làm đầy tình nghĩa của các tổ chức đảng, chính quyền và nhân dân trên địa bàn quân khu, phản ánh bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó không những góp phần vào việc tăng cường mối quan hệ và niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta, mà còn nâng cao trách nhiệm và tính tích cực của các lực lượng vũ trang, có ý nghĩa thiết thực đối với việc củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị - xã hội.

Có được kết quả như trên, trước hết là do có cơ chế đúng, phát huy được sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và vai trò điều hành trực tiếp của chính quyền, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, phát huy được vai trò tham mưu của cơ quan quân sự. Chỉ xin nêu vài ví dụ nói lên sự cố gắng rất lớn của quân và dân Quân khu 5 trong thời gian qua. Đó là việc huy động vốn, nguyên vật liệu và nhân lực ra xây dựng khu vực phòng thủ với hàng trăm công trình, hàng nghìn mét khối bê tông, tính theo giá trị lên đến 16 tỷ đồng, trong đó phần kinh phí quốc phòng và của Quân khu chỉ bảo đảm được khoảng 52%. Đó là việc làm hơn 600 km đường, chi phí khoảng 60 tỷ đồng, trong đó 75% là do ngân sách địa phương đài thọ.

Trong việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội, điều quan trọng là biết khai thác nhiệt tình và trách nhiệm của người dân và các tổ chức, đơn vị kinh tế. Ví dụ, Công ty thuốc lá Khánh hòa đã trích quỹ phúc lợi 139,5 triệu đồng xây dựng 19 "ngôi nhà tình nghĩa" và lập 19 sổ tiết kiệm cho số thương binh nặng ở địa phương. Cũng với mục đích ấy, 30 cơ sở kinh tế khác đã trích quỹ xây dựng 30 "ngôi nhà tình nghĩa" và lập 51 sổ tiết kiệm. Rõ ràng, đây là việc làm rất đáng trân trọng và cần được phát huy để cùng với Đảng, Nhà nước và quân đội, sớm giải quyết một vấn đề nhức nhối và cấp bách của xã hội.

Tuy nhiên, trên địa bàn quân khu hiện nay còn không ít vấn đề phải nghiên cứu, giải quyết. Đó là làm sao nâng cao được ý thức trách nhiệm của mọi người trong việc xây dựng tiềm lực quốc phòng, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân. Làm sao tháo gỡ được một số vướng mắc về chính sách xã hội, chính sách đối với lực lượng vũ trang. Nên tổ chức lực lượng dân quân tự vệ như thế nào trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường. Việc quản lý, giáo dục, xây dựng, huấn luyện lực lượng dự bị động viên ; công tác tuyển quân, tuyển sinh và các trường quân đội, cũng có những vấn đề gay cấn.

Bên cạnh đó, còn không ít vấn đề tồn đọng về chính sách : khoảng 30 000 mộ chí chưa được quy tập ; nhiều trường hợp báo tử, thương binh cần được xác minh và giải quyết tiếp. Số sĩ quan và quân nhân về hưu ngày càng đông ; mới tìm hiểu 8357 đồng chí thì đã có trên 35% số đồng chí mức sống khó khăn và khoảng 5% đặc biệt khó khăn, cần được trợ cấp, v.v.. Theo tôi, đây đang là điều nan giải, cần có sự cộng đồng trách nhiệm của toàn xã

(Xem tiếp trang 47)

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KINH TẾ HÀNG HÓA Ở TÂY NGUYÊN

SƠN THÀNH

TÂY nguyên là một vùng kinh tế lớn, một địa bàn chiến lược quan trọng của đất nước. Tuy tốc độ tàn phá rừng thật đáng sợ (15 năm qua mất 80 vạn ha), nhưng đến nay vẫn còn khoảng 2,6 triệu ha, là nơi giàu tài nguyên nhất so với các vùng, với trữ lượng gỗ chiếm 45% cả nước. Tuy dân số ở đây tăng nhanh (từ 24 vạn người năm 1906 lên 2,5 triệu người năm 1990), nhưng so với 5,5 triệu ha đất tự nhiên hiện có, Tây Nguyên vẫn còn là nơi đất rộng, người thưa, có mật độ dân số thấp nhất cả nước, 45 người/km ^{2}. Đến nay ở đây đã có trên 600 000 đồng bào được định canh, định cư (chiếm 70% số đồng bào trong diện vận động). Đã giao đất, giao rừng được 100 000 ha. Nhiều công trình phục vụ sản xuất và đời sống trị giá hàng trăm tỷ đồng đã được xây dựng. Kinh tế gia đình phát triển khá, nhiều gia đình đã trở thành triệu phú. Tuy nhiên, Tây Nguyên vẫn còn nhiều khó khăn, nhược điểm. Khó khăn lớn nhất là mạng lưới giao thông yếu kém (10 km đường bộ trên 100 km^2 lãnh thổ, chỉ bằng mức trung bình so với các vùng trung du và miền núi). Công nghiệp chưa phát triển (giá trị sản lượng công nghiệp chỉ chiếm 2,1% so với cả nước ; giá trị sản lượng công nghiệp tính theo đầu người thuộc loại thấp nhất so với các vùng, chỉ bằng 0,7% mức trung bình của trung du và miền núi). Và điều đáng chú ý là, tại các vùng căn cứ kháng chiến cũ và các vùng xa xôi hẻo lánh, đời sống của đồng bào mà hầu hết thuộc các dân tộc thiểu số, còn rất cực khổ, tối tăm, có khoảng cách rõ rệt so với các vùng gần thành thị và đường giao thông mà phần đông dân cư là người kinh.

Để phát huy thế mạnh, khắc phục thế yếu, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, sớm đưa Tây nguyên tiến kịp các vùng khác, thiết nghĩ, không có con đường nào khác là phải ra sức phát triển kinh tế hàng hóa theo các định hướng sau :

1 - Để có sản phẩm hàng hóa, trước hết phải có sản phẩm. Do vậy, đối với Tây nguyên không thể không đặt lên hàng đầu phương hướng *phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp theo phương thức nông - lâm kết hợp* nhằm giữ được rừng và tăng sản phẩm nông nghiệp.

Thực tiễn cho thấy nông nghiệp và lâm nghiệp có quan hệ mật thiết với nhau, không phát triển nông nghiệp thì không có lương thực thực phẩm để phát triển lâm nghiệp. Ngược lại, không phát triển lâm nghiệp thì không có môi trường để bảo vệ và thâm canh nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp theo phương thức nông lâm kết hợp, là một phương thức sản xuất kinh doanh khoa học, một phương pháp kỹ thuật thâm canh cao. Phương thức nông lâm kết hợp còn là phương thức kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, kết hợp giữ rừng, giữ nước và bồi dưỡng đất đai có hiệu quả.

Nội dung chủ yếu của phương thức nông - lâm kết hợp là thực hiện rộng rãi việc trồng cây gây rừng, trải rộng thảm thực vật rừng xen kẽ với đồng ruộng, đồi nương, bảo đảm tỷ lệ che phủ khoảng 40 - 50%, nhằm điều hòa khí hậu, chống xói mòn, góp phần thâm canh nông nghiệp và kết hợp thu hoạch gỗ củi. Còn phương thức lâm nông kết hợp thì áp dụng tại các địa bàn sản xuất lâm nghiệp, ở đó cần thực hiện rộng rãi việc đắp hồ chứa nước, mở rộng ruộng lúa nước, trồng các cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp dưới tán rừng và ở nơi rừng chưa khép tán, chăn nuôi bò, dê, thỏ dưới tán rừng...

Thực hiện phương thức nông lâm kết hợp là cần thiết và có lợi. Có thực hiện phương thức này mới phát huy được hai thế mạnh của Tây nguyên là nông nghiệp và lâm nghiệp, làm cho hai ngành này gắn bó với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển, vừa bảo vệ được môi trường và cân bằng sinh thái, vừa tạo được địa bàn cho định canh định cư. Và cũng do đó, sẽ tạo ra và thực hiện được *vòng tuần hoàn sinh thái hợp lý* : rừng nuôi dưỡng đất và nước - đất và nước nuôi dưỡng cây và con - cây và con nuôi dưỡng người - người nuôi dưỡng lại rừng

Để thực hiện tốt nông lâm kết hợp, cần chuyển lâm nghiệp nhà nước thành lâm nghiệp xã hội, tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ ba chủ trương : giao đất, giao rừng ; định canh, định cư ; và phát triển kinh tế gia đình. Về *định canh, định cư*, một mặt cần soát xét, củng cố các điểm định canh, định cư theo nội dung : " có nhà, có vườn, có đường, có cây, có công trình phúc lợi", nhằm thực sự ổn định và từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào. Mặt khác, cần tiếp tục vận động định canh, định cư cho số đồng bào còn lại bằng những hình thức thích hợp, như : định canh, định cư

Digitized by Google

tại chỗ ; di chuyển đến các vùng đất mới, thuận tiện cho việc sản xuất và xây dựng cuộc sống...

Phát triển kinh tế gia đình nói chung đã quan trọng, đối với Tây nguyên càng có nhiều ý nghĩa. Đó là con đường để tách các tập đoàn lớn, các nhà dài, thành các nhà nhỏ, các hộ độc lập. Đó là biện pháp để thực hiện định canh, định cư, góp phần phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng nền văn hóa mới, con người mới trong đồng bào các dân tộc.

Kinh tế gia đình ở Tây nguyên chủ yếu là kinh tế vườn, cho nên cần thực hiện tốt chủ trương *giao đất, giao rừng* cho các gia đình xây dựng vườn rừng và làm nhà trên mảnh vườn đó, khuyến khích các gia đình trồng bất cứ loại cây gì mà họ thấy có lợi, kể cả cây lấy gỗ, cây công nghiệp, cây ăn quả...

2 - Nông, lâm sản nguyên dạng thì không thể trở thành hoặc khó trở thành hàng hóa. Bởi vậy, để phát triển kinh tế hàng hóa ở Tây nguyên, vấn đề quan trọng tiếp theo là phải phát triển tương ứng công nghiệp khai thác và chế biến. Trước hết, phải gắn khai thác gỗ với tái sinh rừng bằng cách khai thác theo "lô". Chia rừng ra thành nhiều lô, số lượng các lô bằng số năm (20, 30 hoặc 50 năm) của luân kỳ khai thác ; mỗi năm khai thác một lô. Sau khai thác, phải làm vệ sinh, tu bổ, tra dặm và khoanh đóng lại để nuôi dưỡng, đến luân kỳ sau mới khai thác lại, tuyệt đối không được phá vỡ chu trình đó. Chấm dứt tình trạng khai thác vừa bãi, càn đi, vét lại, làm kiệt quệ rừng. Đầu tư thỏa đáng cho việc mở mang đường lâm nghiệp, tiến tới đạt chỉ tiêu 10 km đường cho 1000 ha rừng. Đồng thời, kết hợp chặt chẽ giữa các khâu khai thác, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ, khắc phục tình trạng để gỗ ứ đọng, mục nát trong rừng. Ngoài gỗ, cần coi trọng khai thác các lâm sản, đặc sản khác, tiến tới có kế hoạch quản lý và khai thác chim, thú rừng. Cùng với khai thác, phải mở rộng công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản, hạn chế đến mức thấp nhất việc xuất gỗ tròn ra ngoài lãnh thổ. Trong chế biến gỗ, cần chú ý tận dụng gỗ cành ngọn, sử dụng tổng hợp nguyên liệu, tiến tới ngâm tẩm để nâng cao tỷ lệ gỗ sử dụng và kéo dài tuổi thọ đồ gỗ.

Ở Tây nguyên, công nghiệp sẽ phát triển ở cả 3 khu vực : *gia đình, tập thể* và *quốc doanh* (ở mức cần thiết, với quy mô vừa và nhỏ). Trước mắt, chú trọng củng cố, sắp xếp tận dụng công suất các cơ sở hiện có nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Đồng thời, tích cực chuẩn bị và từng bước xây dựng thêm các cơ sở mới, cân đối với nguồn nguyên liệu tại chỗ và khả năng vật tư nhập khẩu. Coi trọng chế biến nông lâm sản và các đặc sản, như chè, tơ tằm, cà phê, nhựa thông, nhằm phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Ưu tiên phát triển năng lượng, chủ yếu là thủy điện, để phục vụ sản xuất và đời sống. Chú trọng đẩy mạnh sản xuất các loại công cụ cầm tay, công cụ cải tiến phù hợp với tập quán sử dụng, để trang bị cho gia đình, tăng cường khả năng sửa chữa máy móc, thiết bị tại chỗ. Coi trọng tổ chức mạng lưới lò rèn trong các xã và các vùng kinh tế mới. Phân bố hợp lý mạng lưới sản xuất vật liệu xây dựng để giảm bớt khối lượng vận tải, đồng thời đẩy mạnh sản xuất, để phục vụ yêu cầu xây dựng của nhà nước và nhân dân. Chú trọng sản xuất ngói, gạch không nung và các chất kết dính.

3 - Để phát triển kinh tế hàng hóa, cần coi trọng phát triển *thương nghiệp và dịch vụ* nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, và tiêu thụ hết sản phẩm hàng hóa do Tây nguyên làm ra. Cần thu gọn đầu mối hệ thống thương nghiệp quốc doanh, xóa bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết, mở rộng kinh doanh tổng hợp. Đổi mới tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã mua bán với nhiều quy mô và phương thức thích hợp, gắn với sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương. Tổ chức rộng khắp mạng lưới đại lý mua bán đến tận làng bản, tại các chợ và trên các trục giao thông. Khuyến khích cá thể, tư nhân kinh doanh, mua bán đối với tất cả các mặt hàng mà pháp luật không cấm. Khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế mở rộng các hoạt động dịch vụ, phục vụ tốt đầu vào và đầu ra cho kinh tế gia đình.

Mở rộng các hình thức kinh tế đối ngoại. Có chính sách ưu đãi, cởi mở, nhằm thu hút đầu tư nước ngoài để mở mang kinh tế Tây nguyên trên tất cả các lĩnh vực : nông, lâm nghiệp, công nghiệp khai khoáng, chế biến, và kết cấu hạ tầng. Đầu tư phát triển du lịch và dịch vụ du lịch ở Tây nguyên, nhất là ở Đà Lạt, để thu hút du khách trong nước và nước ngoài.

4 - Xây dựng *kết cấu hạ tầng*, phát triển giao thông vận tải, là điều kiện hết sức quan trọng để phát triển kinh tế hàng hóa ở Tây nguyên. Tập trung mọi nguồn vốn, kể cả tranh thủ vốn nước ngoài, tổ chức tốt lực lượng quân đội và thanh niên xung phong tham gia xây dựng và nâng cấp một số trục đường chính nhằm bảo đảm đi lại thông suốt giữa các tỉnh thuộc Tây nguyên giữa Tây nguyên với các tỉnh duyên hải miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh. Sửa chữa và phát triển hệ thống giao thông nội tỉnh, bao gồm các đường từ tỉnh xuống huyện, từ huyện xuống xã, từ xã ra ruộng, vào rừng. Chú ý trước các đường đi vùng kinh tế mới, đến các điểm định canh, định cư, các đường phục vụ khai thác gỗ và lâm sản. Phát triển rộng rãi các phương tiện vận tải thô sơ, cải tiến, sử dụng hợp lý phương tiện vận tải cơ giới. Có chính sách bán

Digitized by Google

phương tiện vận tải cho nhân dân, khuyến khích tư nhân làm vận tải, không hạn chế quy mô và cung độ vận tải.

Củng cố và phát triển mạng lưới thông tin bưu điện nhằm bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt, kịp thời từ trung ương đến cơ sở, và phục vụ tốt đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Phát triển hệ thống điện báo, điện thoại. Củng cố các đường thư nội tỉnh, phát triển hệ thống bưu cục, bảo đảm nghiệp vụ bưu chính thông suốt, nhanh chóng từ tỉnh đến hầu hết các xã. Phát triển rộng rãi mạng lưới truyền thanh đại chúng đến các gia đình.

Đẩy mạnh thăm dò, khảo sát và khai thác, xử lý các nguồn nước, kể cả nước ngầm, để phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Cải tạo và phát triển hệ thống đường ống nước, hệ thống cống rãnh và hệ thống giếng nước, trạm bơm, nhằm giải quyết tốt vấn đề cấp và thoát nước ở các thành phố, thị xã, các vùng kinh tế mới, các điểm định canh, định cư. Tăng thêm máy bơm các loại để bán cho nhân dân.

5 - Sau cùng, cần nói thêm là, Tây nguyên không chỉ là của đồng bào Tây nguyên mà là của cả nước. Tây nguyên tuy có nhiều tiềm năng, nhưng chưa thể tự vươn lên được nếu không có sự hỗ trợ của cả nước và những "cú hích" từ các bộ, ngành ở trung ương. Vấn đề đặt ra là "cả nước vì Tây nguyên, và Tây nguyên vì cả nước". Nghĩa là, trong bước đầu, ít nhất là đến năm 2000, cả nước phải giúp Tây nguyên làm giàu, và sau đó, Tây nguyên sẽ làm giàu lại cho cả nước. Cụ thể là :

Tây nguyên mong muốn cả nước, trước hết là các tỉnh duyên hải miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh, liên kết với Tây nguyên và hỗ trợ Tây nguyên trong việc phát triển và trao đổi lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, trong việc khai thác và chế biến lâm sản, trong việc xây dựng và phát triển công nghiệp, xây dựng các vùng kinh tế.

Tây nguyên cũng đề nghị trung ương : giúp làm những con đường có thể đi lại cả hai mùa đến các xã vùng căn cứ kháng chiến cũ và các vùng xa xôi hẻo lánh, giúp xây dựng những trạm thủy điện nhỏ và chuẩn bị đầu tư xây dựng những nhà máy thủy điện lớn ; cung cấp đủ thuốc chữa bệnh với giá vốn cho các bệnh viện huyện và các trạm y tế xã ; cử những giáo viên giỏi, yêu nghề tới Tây nguyên, và cung cấp đủ sách giáo khoa cho học sinh phổ thông ở đây.

CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG...

(Tiếp theo trang 44)

hội mới giải quyết nổi. Không riêng các quân nhân nghỉ hưu, mà ngay cán bộ, chiến sĩ nói chung ở quân khu đều đang gặp nhiều khó khăn về đời sống vật chất và tinh thần. Thực tiễn địa bàn quân khu cho thấy, cùng với việc chuyển sang cơ chế thị trường, rất cần có một cơ chế quốc phòng toàn dân phù hợp với bước chuyển ấy, nhằm bảo đảm các yêu cầu của quốc phòng. Cần có những kế hoạch cụ thể, vừa phát huy được tiềm năng của địa phương, vừa tranh thủ được sự hỗ trợ của Trung ương và các địa phương khác, trong hoàn cảnh quân khu không những chịu hậu quả rất nặng nề của chiến tranh trước đây mà còn có nhiều khó khăn do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.

Quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đảng, các lực lượng vũ trang Quân khu 5 phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, r sức phấn đấu góp phần nâng cao chất lượng tổn hợp của các lực lượng vũ trang và sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ độc lập. chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, chống mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của địch ; phối hợp cùng các ngành công an, bộ đội biên phòng và nhân dân các dân tộc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quân khu, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, đẩy mạnh làm kinh tế, thiết thực cải thiện đời sống bộ đội, góp phần nâng cao sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang và phát triển kinh tế đất nước.

Trước mắt, Quân khu 5 sẽ cùng với các cấp chính quyền địa phương khảo sát lại các kế hoạch xây dựng và phát triển tiềm lực kinh tế quốc phòng trong thế trận khu vực phòng thủ, phối hợp chặt chẽ với địa phương giữ gìn trật tự an ninh, kịp thời ngăn chặn và đập tan mọi hành động phá hoại của kẻ thù.

Digitized by Google

BÀ RỊA - VŨNG TÀU đánh thức những tiềm năng

NHỊ LÊ

TỰA lưng vào những trái núi lớn : Thị vải, Long hải, Minh đạm..., tỉnh Bà rịa - Vũng tàu trông ra biển Đông trong tầm bao quát hơn 60 nghìn km^2 vùng biển với các đảo Long sơn, Côn đảo và các mỏ dầu Bạch hổ, mỏ Rồng và Đại hùng... nằm rải rác ngoài khơi. Tỉnh có những cửa cảng lớn, gần đường hàng hải quốc tế, thông thoáng về đường bộ, đường sông, đường hàng không...

Với 99 km bờ biển, đây là nơi hội tụ nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản với sản lượng nhiều vạn tấn/năm. Đặc biệt, với gần 17 km bờ biển cát trắng mịn, khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu đại dương, lại có núi và đảo kề bên, Bà rịa - Vũng tàu đúng là khu du lịch lý tưởng.

Sâu vào đất liền, nơi đây có khả năng trồng cây công nghiệp, lương thực, thực phẩm và chăn nuôi.

Cùng với nguồn lực lao động trẻ có kỹ thuật, nơi đây còn tiềm ẩn hàng trăm tỷ đồng vốn trong dân cư ở ba thành phố và các quận, huyện, tiềm ẩn nhiều khả năng liên kết, liên doanh và gọi vốn từ bên ngoài.

Tóm lại, có thể nói, đây là một vùng công nghiệp, nông nghiệp quan trọng, một cửa ngõ của biển, một ngư trường rộng lớn, và là một trung tâm du lịch hấp dẫn... cùng với thành phố Hồ Chí Minh và Biên hòa hợp thành *trung tâm kinh tế phía nam Tổ quốc* .

NHỮNG TIỀM NĂNG ĐANG CHỜ ĐƯỢC KHAI THÁC

Nhìn lại những năm 1979 - 1985, để thực hiện nhiệm vụ trung ương giao, căn cứ vào thực lực của mình, tỉnh đã chủ trương tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh sản xuất theo phương hướng : *"từ kinh tế biển mà đi lên", coi ngư nghiệp là ngành kinh tế "mũi nhọn"*. Thoáng nhìn, chủ trương này có vẻ phù hợp, nhưng trong quá trình đi lên, đã bộc lộ một số nhược điểm : xem nhẹ, thậm chí buông lỏng tổ chức quản lý công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ; chưa thấy hết vị trí trọng yếu của kinh tế du lịch. Do đó, kết quả hạn chế, nhiều thế mạnh bị bỏ ngỏ.

Trăn trở, tìm tòi và tranh luận, phải đến tháng 10-1986, quan điểm phát triển công nghiệp với *hướng chủ yếu* là *tận lực mở rộng công nghiệp dịch vụ*, trong đó đặc biệt chú trọng các dịch vụ du lịch và xuất nhập khẩu, mới thật sự được ghi nhận, đứng vững và bắt nhịp với cuộc sống, nhanh chóng tạo nên hiệu quả rõ rệt, đánh dấu *một bước ngoặt* trong sự trưởng thành của kinh tế địa phương. Đây là một bước chuyển *về chất* của tư duy kinh tế theo hướng đổi mới. Nhờ những hiểu biết bước đầu về cách tiếp thị tận dụng khả năng sẵn có, mở rộng liên kết và "nối dài cánh tay liên doanh", đa dạng hóa sản phẩm và khách hàng, hai ngành du lịch và xuất nhập khẩu dần dần giữ vai trò chủ lực trong tạo dựng ngân sách. Tới nay, tỉnh đã xây dựng thêm được một cảng biển với hệ thống kho, bãi 28000 m^2, một cầu cảng dài 250m có thể tiếp nhận tàu hàng vạn tấn với công suất bốc dỡ 650 tấn/ngày, với nhiều thiết bị khá hiện đại, trở thành một trong ba phân cảng quốc tế ở Vũng tàu. Tỉnh cũng đã xây dựng lại và xây dựng mới 126 khách sạn và biệt thự với 3500 phòng đủ sức đáp ứng yêu cầu của hàng triệu lượt du khách hằng năm, trở thành một trong những điểm thu hút khách du lịch quốc tế.

Nhưng điều đáng nói hơn ở đây là thực tế đã gợi cho chúng ta thêm *cách nghĩ, cách nhìn và cách làm công nghiệp hóa*. Tại sao chúng ta không thể coi công nghiệp dịch vụ ở đây là một loại hình công nghiệp ? Trên thực tế, công nghiệp dịch vụ đã đem lại sự phồn vinh cho nhiều quốc gia. Nhất là ở Bà rịa - Vũng tàu, những điều kiện để xây dựng loại hình công nghiệp này như dịch vụ đóng sửa tàu thuyền, cung ứng tàu biển, trục vớt cứu hộ, kho tàng bến bãi... đều có đủ. Rồi ngành du lịch nữa. Tại sao không thể xem nó như một "ngành công nghiệp không có khói", trong khi mọi yếu tố cần thiết để phát triển nó ở đây (như cơ sở vật chất *vừa* và *nhỏ*, điều kiện thiên nhiên, lực lượng lao động lớn, sẵn sàng bắt nhịp) không thiếu ? Thực tế chứng tỏ : "phát triển hoạt động dịch vụ cho sản xuất kinh doanh và đời sống thành một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế", như Đảng ta chỉ rõ, là hoàn toàn đúng đắn, trong điều kiện ở đây.

Việc định hướng đúng phải đi liền với việc động viên các thành phần kinh tế mạnh dạn đầu tư vốn, nhân lực và kỹ thuật vào sản xuất và kinh doanh, có

Digitized by Google

như vậy mới thành công. Khắc phục những khuyết, nhược điểm, tỉnh một mặt chú trọng hướng dẫn việc mở rộng liên kết, liên doanh với các tỉnh, thành phố bạn trong kinh tế vùng ; mặt khác, kiên quyết cắt bỏ những thủ tục gây phiền hà đối với việc xét duyệt mở mới và tăng quy mô sản xuất, dịch vụ cho tất cả các thành phần kinh tế. Do đó, chỉ trong một thời gian ngắn, mọi thành phần kinh tế đã "bung" ra hoạt động khá mạnh, tạo nên sự gia tăng rõ rệt về số lượng và sự phong phú về chủng loại hàng hóa trên thị trường, giảm được những khó khăn, tiêu cực, cải thiện rõ rệt đời sống của đông đảo nhân dân lao động. Nhiều tiềm năng được giải phóng nhờ có sự ganh đua giữa các thành phần kinh tế và sự tác động của thị trường có điều tiết của Nhà nước.

Chủ động vận dụng luật đầu tư, tỉnh đã làm thử việc liên doanh với các công ty nước ngoài theo phương châm : *vừa làm vừa rút kinh nghiệm, từng bước nâng dần quy mô*. Chỉ mới bước đầu, với 26 hợp đồng kinh tế, đã tranh thủ được hàng chục triệu đô la đầu tư, giải quyết được việc làm cho hàng trăm người, mở ra một hướng làm ăn mới. Điều có ý nghĩa quan trọng là, từ đây tỉnh thấy rõ hơn các tiềm năng, cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ chế quản lý kinh tế mới của mình trong điều kiện kinh tế "mở cửa", sản xuất hàng hóa vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, nhằm bảo đảm sản xuất và kinh doanh ngày càng đạt hiệu quả cao.

Từ thực tế trên, có thể khẳng định : *sau khi định hướng đúng, thì vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu là xác lập các giải pháp, tìm bước đi phù hợp, chắc chắn và có hiệu quả nhằm khai thác triệt để mọi tiềm năng và trong phạm vi có thể, kịp thời sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm.*

Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn thì việc thực hiện tốt các chính sách xã hội có ý nghĩa to lớn. Nó là nguồn lực mạnh mẽ thúc đẩy việc khai thác các tiềm năng. Vì vậy, tỉnh đã tập trung giải quyết từng bước vấn đề này trong chừng mực có thể. Nhân dân đã được hướng dẫn làm dịch vụ phục vụ sinh hoạt của công nhân dầu khí và du khách vãng lai, dưới hình thức "*dịch vụ du lịch nhân dân*". Tỉnh đã chú ý cải thiện chế độ tiền lương đối với khối hành chính sự nghiệp và người về hưu. Các gia đình thương binh, liệt sĩ... đã có thêm những "ngôi nhà tình nghĩa". Tỉnh cũng đã tạo điều kiện về đất và nguyên vật liệu cho hàng trăm gia đình xây dựng nhà ở mới mỗi năm.

Mặt khác, theo phương châm *xã hội hóa* và *đa dạng hóa* nền giáo dục, tỉnh đã củng cố và xây dựng thêm hệ thống trường lớp, bảo đảm đời sống cho đội ngũ thầy cô giáo, tạo điều kiện cần thiết để 25% số dân có thể đi học... Nhờ vậy, công tác phổ cập cấp I và xóa nạn mù chữ đạt kết quả tốt ; hoạt động hướng nghiệp và dạy nghề chuyển mình đáng kể ; trang thiết bị được đầu tư và đổi mới... thực sự nâng được chất lượng giáo dục lên một bước.

Tỉnh đã có hệ thống bệnh viện, phòng trạm y tế khá hoàn chỉnh với số thầy thuốc tăng gấp nhiều lần ; đã thực hiện được sự phối hợp nhịp nhàng giữa các ngành y tế, thể dục thể thao và Hội chữ thập đỏ, bảo đảm việc đa dạng hóa các hình thức khám, chữa bệnh, kết hợp Đông - Tây y... Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu đi dần vào nền nếp, bảo đảm các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng, ngăn chặn có hiệu quả các dịch bệnh, đáp ứng cơ bản nhu cầu về thuốc chữa bệnh, giảm tỷ lệ tăng dân số xuống dưới 1,8%...

Những cố gắng và kết quả nêu trên đã góp phần ổn định đời sống, bồi dưỡng sức dân đưa lại hiệu quả rõ rệt cả về chính trị và kinh tế. Đương nhiên, còn nhiều hạn chế cần được tiếp tục khắc phục. Ở đây một lần nữa, thực tế lại cho thấy : *muốn khai thác tốt các tiềm năng phát triển kinh tế, không thể không giải quyết tốt các chính sách xã hội nhằm ổn định và cải thiện đời sống, thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân.*

CÁC GIẢI PHÁP HƯỚNG VỀ NGÀY MAI

Bà rịa - Vũng tàu tiếp tục khảo sát, hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trên nền các tiềm năng nhằm xây dựng tỉnh thành *một đặc khu kinh tế với cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp*. Thực tế đang đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu và tổ chức sao cho thế mạnh ở từng nơi, từng khu vực được phát huy cao nhất theo hướng : từ thực hiện nhiệm vụ theo *chức năng* sang thực hiện nhiệm vụ theo *tiềm năng*, tiến tới phát triển kinh tế *tổng hợp* và *sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường*.

- **Về công nghiệp.** Tạo ra sự chuyển động lớn từ nhận thức đến hành động thực hiện. Tận dụng mọi lợi thế do kinh tế trung ương trên địa bàn đưa lại. Với việc đẩy mạnh thăm dò và khai thác dầu khí trong những năm tới, tỉnh có thể phát triển hơn nữa ngành dịch vụ dầu khí và du lịch, khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển sản xuất những mặt hàng mới phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, thu hút

Digitized by Google

thêm vốn đầu tư của nước ngoài. Trong tỉnh đã và đang hình thành một số ngành công nghiệp mới với trang bị máy móc hiện đại, như : đóng - sửa chữa tàu biển ; nước ngầm ; may mặc ; và các "vệ tinh" của kinh tế ngành và kinh tế vùng... Một số xí nghiệp (như chế biến thực phẩm, da giày, thuốc lá, lắp ráp máy nông-ngư, công và may mặc...) đang được chuyển sang hình thức cổ phần. Mọi thành phần kinh tế đều có thể tham gia.

- **Về nông nghiệp.** Đẩy mạnh trồng trọt và chăn nuôi theo hướng thâm canh, bảo đảm một phần lương thực, thực phẩm, hoa quả và rau xanh, góp phần cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo tiền đề gắn công nghiệp với nông nghiệp thành một chỉnh thể, hòa nhập với kinh tế vùng và kinh tế cả nước.

- **Về ngư nghiệp.** Tiếp tục xem xét cho ngư dân vay vốn đầu tư phát triển các nghề truyền thống vốn là thế mạnh của địa phương.

- **Về xuất nhập khẩu - thương nghiệp và du lịch.** Khuyến khích việc sản xuất để xuất khẩu trực tiếp theo hướng mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Giảm đầu mối, xin làm dịch vụ bán hàng tạm nhập tái xuất cho người nước ngoài. Nắm một số doanh nghiệp chủ yếu, tập trung phục vụ khối dầu khí. Mở rộng du lịch quốc tế để thu ngoại tệ và tạo thêm nguồn khách. Chuyển sở hữu một số khách sạn và nâng cấp "sao" cho khách sạn. Khuyến khích tư nhân tham gia.

- **Về đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý.** Tiếp tục xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế tổ chức và quản lý mới. Đổi mới công tác cán bộ phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế nhiều thành phần. Thực hiện tốt chức năng quản lý của nhà nước đối với thị trường và mọi hoạt động kinh tế, đi đôi với bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Thực hiện nghiêm hệ thống pháp luật. Sử dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế, lấy thị trường làm đối tượng và căn cứ chủ yếu để xây dựng kế hoạch. Nâng cao khả năng dự báo kinh tế, thực hiện chính sách tài chính quốc gia, đẩy mạnh khoa học và công nghệ...

Cùng với những cố gắng nói trên nhằm xây dựng Bà rịa - Vũng tàu thành một đặc khu kinh tế có cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp thích hợp, tỉnh luôn luôn chú ý bảo đảm *sự phát triển đồng bộ, nhịp nhàng giữa kinh tế với xã hội và an ninh quốc phòng.*

Trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tỉnh đã và đang thực hiện yêu cầu đổi mới của trung ương nhằm tạo ra chất lượng mới trong toàn hệ thống theo hướng : hiện đại, thiết thực, tăng năng lực thực hành, giỏi ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh. Tỉnh đặc biệt coi trọng nâng cao chất lương toàn diện đội ngũ giáo viên ; thực hiện việc dân chủ hóa trường học ; phối hợp tốt giữa các lực lượng làm công tác giáo dục ; đa dạng hóa các loại hình dạy và học ; có chính sách thích đáng khuyến khích nhân tài và giúp đỡ các giáo viên và học sinh có nhiều khó khăn...

Để giải quyết việc làm, khai thác và sử dụng mọi tiềm năng lao động xã hội, tỉnh coi trọng mọi thành phần kinh tế, mọi hình thức hợp tác, liên doanh liên kết, chú ý phát triển các ngành kinh tế vốn có thế mạnh (du lịch ; dịch vụ khai thác, chế biến hải sản ; dầu khí)...

Tỉnh thực hiện đồng bộ chiến lược dân số trên cả ba mặt : quy mô, cơ cấu và phân bố. Công tác kế hoạch hóa gia đình đã trở thành cuộc vận động xã hội sâu, rộng trên cơ sở nâng cao dân trí, phát triển văn hóa, xây dựng lối sống, đi liền với các giải pháp về y tế và gắn với lợi ích kinh tế.

Tỉnh chú ý phát triển trên cơ sở tự nguyện các quỹ bảo hiểm về sản xuất và đời sống trong mọi tầng lớp dân cư, không phân biệt các thành phần kinh tế. Đặc biệt, đối với các đối tượng hưởng chính sách cần có sự ưu tiên, tỉnh có sự giúp đỡ thỏa đáng. Để cải thiện đời sống của người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, ngoài việc trực tiếp trợ giúp, tỉnh tiếp tục động viên sự đóng góp tự nguyện của những ai có khả năng, khuyến khích xây dựng và phát triển các hội bảo thọ, từ thiện, câu lạc bộ người về hưu...

Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường đã và đang là vấn đề được tỉnh hết sức quan tâm. Cùng với việc đẩy mạnh khai thác, chế biến dầu khí, phát triển công nghiệp hải sản và mở mang của du lịch..., không thể không tính tới những biện pháp thích đáng nhằm ngăn chặn việc hủy hoại tài nguyên và môi trường.

Trong điều kiện "mở cửa", công tác an ninh quốc phòng đối với Bà rịa - Vũng tàu càng quan trọng. Côn đảo, vị trí tiền tiêu, và gần một trăm kilômét bờ biển của tỉnh cần được ưu tiên đầu tư, bảo đảm kinh tế gắn chặt với quốc phòng trong thế trận của nền quốc phòng toàn dân. Chỉ có như vậy, tỉnh mới đủ sức hoàn thành nhiệm vụ, đứng vững và phát triển ở nơi đầu sóng ngọn gió trong thời gian tới.

Digitized by Google

Mô hình văn hóa Hải hậu qua thử thách của thời gian

VÕ ĐĂNG THIÊN

ĐIỂN hình văn hóa thông tin huyện Hải hậu, tỉnh Nam hà (Hà nam ninh cũ), được Bộ văn hóa - thông tin phát hiện và chính thức công nhận từ năm 1978, đến nay đã được 14 năm. Mười bốn năm qua, Hải hậu liên tục được công nhận là đơn vị xuất sắc nhất toàn quốc về đời sống văn hóa cơ sở. Nếu nhìn rộng ra trước đó, Hải hậu đã có một bề dày 12 năm liền (1965 - 1977) là lá cờ đầu của tỉnh về văn hóa thông tin.

Do đâu mà mô hình văn hóa thông tin cơ sở của Hải hậu lại có được một sức sống lâu bền, một bề dày thành tích đáng khâm phục như vậy ?

Mấy chục năm qua, chúng ta đã từng chứng kiến không ít những "mô hình" cấp huyện được dựng lên, được tuyên truyền ồn ào, được đầu tư bao nhiêu sức người, sức của để duy trì, phát triển. Nhưng rồi, cùng với thời gian, và đặc biệt là trước những thử thách nghiệt ngã của sự chuyển đổi cơ chế trong công cuộc đổi mới sau Đại hội VI của Đảng, những mô hình đó đã nhanh chóng đi vào quên lãng. Còn Hải hậu thì khác - không những đứng vững trước cú "sốc" của sự chuyển đổi cơ chế, mà bên cạnh thành tích đạt được về kinh tế, còn có bước phát triển vượt thời bao cấp về sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao. Hiện tượng này rất có ý nghĩa, bởi trong thời gian qua, văn hóa - xã hội nói chung là khu vực phải chịu những thử thách nặng nề nhất trước việc xóa bỏ cơ chế bao cấp, chuyển sang thực hiện cơ chế thị trường và khoán mới trong nông nghiệp. Lời giải cho hiện tượng trên chỉ có thể tìm trong những *đặc thù về truyền thống và con người Hải hậu*, đồng thời trong toàn bộ *hoạt động của đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hải hậu* về kinh tế - xã hội nói chung và về văn hóa - thông tin - thể thao nói riêng.

Là một huyện ven biển của tỉnh Nam hà, với 28 vạn dân, 41 xã, Hải hậu có tiềm năng về các ngành nông - diêm - ngư nghiệp. Đời sống của nhân dân, mà chủ yếu là nông dân, tương đối ổn định. Ngoài truyền thống văn hóa, yêu nước và cách mạng, truyền thống hiếu học, truyền thống cần cù và bền bỉ trong lao động và chống chọi với thiên nhiên như các vùng nông thôn khác thuộc đồng bằng Bắc bộ, Hải hậu còn có nét đặc thù riêng về dân cư : 42% đồng bào theo đạo Thiên chúa và một số theo đạo Phật. Ở một nơi nhiều đồng bào công giáo như vậy, nhà thờ đương nhiên có sức nặng trong đời sống tinh thần của nhân dân mà đảng bộ và chính quyền sở tại không thể không quan tâm.

Tất cả những đặc thù nêu trên là những thế mạnh, những tiềm năng; đồng thời cũng là những yêu cầu khách quan đối với sự nghiệp văn hóa, thông tin và thể thao ở Hải hậu. Nhưng tất cả những điều đó mới chỉ là những điều kiện cần, những nhân tố có tính khách quan, tự nó chưa thể làm nên "văn hóa Hải hậu" như hiện nay. Bởi Hải hậu, xét riêng về kinh tế, chưa phải là huyện giàu nhất ở Nam hà. Về truyền thống văn hóa và con người cũng vậy, Hải hậu còn thua nhiều nơi khác, bởi đây là vùng đất "sinh sau đẻ muộn", nhờ khai hoang lấn biển mà có. Nhưng xét về chất lượng sống toàn diện hôm nay ở nông thôn, thì không nơi nào sánh kịp Hải hậu. Đặc biệt, xét riêng về đời sống văn hóa tinh thần, thì Hải hậu là đỉnh cao. Vậy đâu là nhân tố quyết định ?

Trước hết, phải kể đến *quan điểm, nhận thức đúng đắn và khoa học của cấp ủy và chính quyền* ở đây đối với vai trò và vị trí của công tác văn hóa -

Digitized by Google

thông tin - thể thao cũng như của các công tác xã hội khác (giáo dục, y tế, v.v.) trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa được hiểu như là một bộ phận quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, một nội dung không thể thiếu, không thể coi nhẹ trong việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, nhằm tạo ra hiệu quả tổng hợp phục vụ con người. Có thể nói, quan điểm, nhận thức này đã được xác lập ngay từ những năm đầu sau khi miền Bắc bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, và được phát huy mạnh mẽ từ sau năm 1975.

Có được nhận thức đúng đắn, lãnh đạo huyện còn tạo nên sự thống nhất, thông suốt từ trên xuống cơ sở, tới mọi người dân địa phương, như ý kiến đồng chí bí thư huyện ủy xác định : "Công tác văn hóa luôn luôn chiếm từ 1/4 đến 1/3 toàn bộ hoạt động của huyện". Hoạt động văn hóa, không chỉ phục vụ mục đích đầu tiên của nó là thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân, phục vụ sự nghiệp nâng cao dân trí, mà còn trực tiếp phục vụ công tác tư tưởng (vai trò này đặc biệt quan trọng đối với địa bàn như Hải hậu), phục vụ nhiệm vụ chính trị cụ thể của địa phương trong từng thời kỳ. Bởi vậy, Hải hậu coi sự nghiệp văn hóa không phải việc riêng của ngành văn hóa thông tin, mà là trách nhiệm chung của đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong huyện. Hải hậu còn thường xuyên bảo đảm được tính kế thừa giữa các thế hệ lãnh đạo, dù có sự thay đổi về nhân sự, cơ chế hoặc chính sách cụ thể. Như vậy, có thể nói, sự nghiệp phát triển văn hóa, thông tin và thể thao ở Hải hậu luôn nhận được tác động tích cực từ phía lãnh đạo. Đây chính là nhân tố hết sức quan trọng đối với toàn bộ thành tích về văn hóa của Hải hậu. Điều đó có ý nghĩa rất lớn, bởi cho đến nay không phải ở đâu cũng có được nhận thức như vậy. Ở nhiều địa phương, vai trò và vị trí của văn hóa trong sự nghiệp kinh tế - xã hội, vẫn còn bị coi nhẹ và hiểu một cách đơn giản là "thứ ăn theo kinh tế", chỉ được hưởng phần "đầu thừa đuôi thẹo" trong ngân sách ; hoặc tệ hại hơn là "thả nổi" để văn hóa "chết chìm" trong kinh tế thị trường.

Do có quan điểm và nhận thức đúng, Hải hậu đã *đầu tư sức người, sức của thích đáng cho sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao* theo một chiến lược toàn diện và đồng bộ, gắn chặt với quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Tranh thủ và vận dụng sáng tạo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ văn hóa - thông tin - thể thao và của tỉnh, ngay từ cuối những năm 70 và đầu 80, Hải hậu đã xây một hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ bao gồm khu trung tâm văn hóa huyện lỵ ở thị trấn Yên định và ba cụm văn hóa thông tin gắn liền với ba cụm kinh tế kỹ thuật trên địa bàn huyện : thị trấn Cồn, Hải phú và Trực thái, với các thiết chế cơ bản : nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng (hoặc nhà truyền thống), bãi chiếu bóng, hiệu sách, đài truyền thanh, sân vận động, v.v..

Từ các cụm văn hóa thông tin có tác dụng như những "trung tâm nòng cốt" nêu trên, các thiết chế văn hóa cũng được tích cực xây dựng trên khắp các xã trong huyện làm nền tảng cho việc phát triển phong trào văn hóa thông tin cơ sở với sáu mặt hoạt động cơ bản như sau : đội văn nghệ không chuyên với phong trào văn nghệ quần chúng ; thư viện, phòng đọc với phong trào đọc và làm theo sách báo ; đội thông tin lưu động và hệ thống truyền thanh với phong trào đưa thông tin về cơ sở ; ban chỉ đạo nếp sống mới với phong trào nếp sống mới, gia đình văn hóa và làng văn hóa ; nhà bảo tàng truyền thống với phong trào giáo dục truyền thống ; nhà văn hóa với hoạt động câu lạc bộ.

Đến nay, Hải hậu đã có được một hệ thống thiết chế văn hóa rất mạnh, vào loại nhất trong toàn quốc : trung tâm huyện lỵ có một hệ thống thiết chế liên hoàn gồm nhà văn hóa 1000 chỗ ngồi, bảo tàng 1550 hiện vật và tài liệu gốc, thư viện 25786 bản sách và 1200 thẻ đọc thường xuyên, nhà triển lãm, đài truyền thanh, hiệu sách, sân vận động, bể bơi... ; dưới huyện có 42 nhà văn hóa xã (trong đó có 20 nhà có quy mô 600 chỗ ngồi trở lên), 22 câu lạc bộ, 6 nhà truyền thống xã, 45 đội văn nghệ quần chúng, 46 đội tuyên truyền thông tin lưu động với hàng chục cụm loa truyền thanh ở mỗi xã, ngoài ra còn có các công trình thể thao ở hầu khắp các xã. Về phong trào văn hóa thông tin và thể thao, năm

Digitized by Google

1991, Hải hậu có 78% số cơ sở đạt loại phát triển toàn diện, 22% đạt loại khá, không có cơ sở yếu kém. Những xã có phong trào mạnh toàn diện là Hải hà, Hải châu, Hải tân, Hải hưng, v.v..

Vấn đề cơ bản cần quan tâm không phải ở những con số mà ở phương pháp và cách làm của Hải hậu. Điểm nổi bật ở đây là : *Hải hậu đã đi lên bằng chính vốn liếng của mình*, bao gồm cả vốn vật chất, vốn văn hóa, vốn con người, cả yêu cầu của nhiệm vụ chính trị lẫn nhu cầu của nhân dân, cả vốn của nhà nước, của tập thể và của nhân dân. Vì vậy, phong trào văn hóa - thông tin - thể thao ở Hải hậu bắt rễ sâu từ chính mảnh đất và con người Hải hậu, với một sức sống mạnh mẽ bất chấp mọi thử thách. Thử thách khắc nghiệt nhất là sự chuyển đổi cơ chế với chính sách "khoán 10" trong nông nghiệp, tuy có gây một số khó khăn và lúng túng ban đầu, nhưng đồng thời lại có tác dụng giúp cho Hải hậu thấu suốt một vấn đề : tính hiệu quả, thiết thực của phong trào. Hoạt động bằng vốn liếng của mình trong điều kiện kinh tế thị trường, Hải hậu luôn chú trọng đến nội dung thiết thực, chất lượng và những hiệu quả cụ thể của các hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bề rộng và bề sâu, giữa hình thức và nội dung của phong trào. Nhờ vậy, phong trào đã từng bước phát triển một cách vững chắc, tránh được (tuy chưa hoàn toàn) căn bệnh phô trương hình thức, "đầu voi đuôi chuột", lãng phí vô ích.

Điều mà hiện nay gọi là "xã hội hóa sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao" đã được quán triệt rất sớm ở Hải hậu bằng việc *phân công trách nhiệm rõ ràng giữa huyện và xã, tăng cường trách nhiệm của cơ sở*, thu hút đông đảo nhân dân, các đoàn thể quần chúng và các ngành, tham gia đóng góp công sức, tiền của vào việc xây dựng, sử dụng và hưởng thụ các thiết chế và hoạt động văn hóa. Lãnh đạo huyện, phòng văn hóa - thông tin - thể thao và các bộ phận trực thuộc (nhà văn hóa, thư viện, ban chỉ đạo nếp sống mới của huyện, v.v.) chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn chung, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa cơ sở, tổ chức và thống nhất quản lý về mặt nhà nước đối với các hoạt động trên quy mô toàn huyện. Còn đối với các hoạt động ở cơ sở thì do xã và hợp tác xã chịu trách nhiệm. Các thiết chế văn hóa ở xã (nhà văn hóa, thư viện, nhà truyền thống, đội văn nghệ, sân vận động, v.v.) được xây dựng bằng kinh phí của xã và sự đóng góp của nhân dân trên cơ sở nhu cầu, nguyện vọng và khả năng. Kinh phí xây dựng các công trình (nhất là công trình quy mô như nhà văn hóa trên 600 chỗ ngồi) phải được đại hội xã viên thông qua. Các nhà truyền thống xã chỉ được xây dựng ở những xã có truyền thống đặc sắc, có thể khai thác, giới thiệu và giáo dục có hiệu quả, như ở các xã Hải anh, Hải trung, Trực đại. Ở các xã nhân dân thực sự có nhu cầu thường xuyên đọc sách báo và có khả năng duy trì hoạt động đều đặn, như ở các xã Hải chính, Hải vân, Trực đại, Trực phú, v.v. các thư viện xã đã từng bước được xây dựng và củng cố.

Nhà văn hóa là nơi mà người dân vừa có thể hưởng thụ những sản phẩm văn hóa cấp cao (điện ảnh, vidêô, biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp), vừa trực tiếp tham gia các hoạt động văn hóa phong phú đa dạng dưới hình thức câu lạc bộ. Với hình thức câu lạc bộ, các nhà văn hóa có thể thu hút sự tham gia của các ngành và đoàn thể (thanh niên, phụ nữ, trường học, y tế, hưu trí, cựu chiến binh...), vừa tự khai thác hết công suất của mình, vừa tạo điều kiện hỗ trợ cho phong trào của các giới, các đoàn thể có được nội dung phong phú. Các hình thức câu lạc bộ ở các nhà văn hóa xã như xã Hải tân, Hải xuân, Hải quang, Hải thịnh... thực sự là những hình thức giáo dục ngoài nhà trường rất có hiệu quả, nhất là trong việc sử dụng văn hóa như một công cụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

Nhờ có phương pháp và cách làm hợp lý, khoa học, Hải hậu hằng năm tổ chức được hàng chục hoạt động văn hóa - thể thao toàn huyện, mà nổi bật là ngày hội văn hóa - thể thao của huyện vào ngày 2-9 ở thị trấn Yên định với 24 loại hình hoạt động từ truyền thống đến hiện đại, thu hút hàng vạn người tham gia ; đồng thời tổ chức được nhiều cuộc "đem chuông đi đánh đất người" ở tỉnh và trung ương đạt kết quả cao.

Digitized by Google

Sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao ở Hải hậu sở dĩ có được thành tích như hôm nay, một phần quan trọng là nhờ nó *được tiến hành trong mối quan hệ gắn bó khăng khít, hỗ trợ qua lại với các lĩnh vực khác*, mà trước hết là giáo dục và y tế. Ở trung tâm huyện ly cũng như hầu khắp các xã của Hải hậu, các thiết chế văn hóa được xây dựng song song với bệnh viện, phòng khám, bệnh xá, trường học, mẫu giáo, nhà trẻ, hình thành những thiết chế văn hóa xã hội đồng bộ tương ứng. Đây là một cách nhìn sáng suốt, xa rộng. Bởi không thể có đời sống văn hóa cao, hoạt động văn hóa có hiệu quả, nếu người dân không được chăm sóc sức khỏe chu đáo, bệnh viện, trường học dột nát, tỷ lệ mù chữ và trẻ em bỏ học tăng. Giữa các lĩnh vực này, nếu có sự bất cập thì sẽ dẫn đến tác động kìm hãm lẫn nhau. Ở Hải hậu, bên cạnh những thành tựu về văn hóa - thông tin, là một hệ thống trường học, bệnh viện, bệnh xá khang trang, sạch đẹp (phần lớn là nhà cao tầng) hoạt động rất có hiệu quả : chất lượng giáo dục luôn ổn định ở mức cao ; số trẻ em bỏ học giữa chừng rất hãn hữu (chủ yếu là trong đồng bào công giáo do những quan niệm sai lầm) ; công tác kế hoạch hóa gia đình được thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả, tỷ lệ tăng dân số dưới 2%.

Từ thực tiễn Hải hậu, chúng ta càng thấy rõ : kinh tế là tiền đề, là điều kiện vật chất để phát triển văn hóa. Một hệ thống các thiết chế, các công trình văn hóa thể thao đồ sộ như ở Hải hậu, không thể là kết quả của một huyện nghèo, làm không đủ ăn. Rồi điện, giao thông nông thôn, các phương tiện nghe nhìn cá nhân..., những điều kiện cơ bản cho việc tiếp thu và mở rộng giao lưu văn hóa mà Hải hậu đạt được hôm nay, đều là kết quả của những nỗ lực trong kinh tế. Mặt khác, kinh tế cũng không phải là nhân tố hoàn toàn quyết định. Vấn đề còn là ở nhận thức của con người, của lãnh đạo và nhân dân, như trên đã nói. Hơn nữa, văn hóa, đến lượt nó, còn hỗ trợ cho kinh tế phát triển thông qua hình thức tuyên truyền, thông tin, cổ động việc đưa khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, thông qua hoạt động của hệ thống các đội thông tin lưu động, thư viện và câu lạc bộ, nâng cao khả năng tiếp nhận tiến bộ khoa học kỹ thuật ở người dân. Văn hóa, qua hoạt động của các ban nếp sống mới ở huyện và các xã, còn góp phần tạo nên bộ mặt xóm làng sạch đẹp văn minh, từ cảnh quan văn hóa (vườn hoa, cây cảnh... ở cơ quan, trường học, nhà dân) đến quan hệ ứng xử tốt đẹp giữa người với người, đến tinh thần tiết kiệm, thiết thực trong các hoạt động cưới xin, ma chay, hội hè, đình đám... Tất cả những điều đó đều tác động tích cực đến sản xuất của huyện. Khách xa đến Hải hậu hôm nay, có thể ấm lòng vì hình ảnh của một nông thôn mới đang đi lên.

Trên đây là những nét lớn, có tính chất chung nhất. Nếu xét riêng từng mặt hoạt động của phong trào văn hóa - thông tin - thể thao ở Hải hậu, có thể còn nhiều điều cần phân tích, đúc rút thành kinh nghiệm. Tuy nhiên, trong phạm vi có hạn của một bài báo, chỉ xin đề cập thêm một vấn đề không thể bỏ qua. Đó là công tác *tổ chức cán bộ*.

Bộ máy cơ quan văn hóa ở Hải hậu được tổ chức tương đối gọn nhẹ và có hiệu lực, gồm những người đã được đào tạo từ trung cấp trở lên và am hiểu về văn hóa. Ở các xã, trong điều kiện không có chức danh riêng cho người phụ trách ngành văn hóa - thông tin - thể thao theo quy định của nhà nước, ban lãnh đạo đã áp dụng hình thức kiêm nhiệm và có đãi ngộ thỏa đáng. Đa số cán bộ kiêm nhiệm đã được gửi đi đào tạo ở huyện và tỉnh. Đây là một đội ngũ mạnh, ngày đêm lặn lội với phong trào. Tuy nhiên, hình thức cán bộ kiêm nhiệm, lại thay đổi theo các kỳ bầu cử, ngày càng tỏ ra bất hợp lý và hạn chế nhiều sự phát triển của phong trào văn hóa cơ sở. Thực tế cho thấy, văn hóa thông tin là một lĩnh vực rộng, phức tạp, cần có cán bộ chuyên trách, gắn bó lâu dài với phong trào. Ở mỗi xã cần có ít nhất một cán bộ chuyên trách văn hóa thông tin, chịu sự quản lý theo ngành dọc, ăn lương nhà nước như cán bộ chuyên trách ở các ngành giáo dục, y tế. Hiện nay đã có một vài tỉnh ở nước ta thực hiện quản lý theo cách này. Nên chăng Bộ văn hóa - thông tin - thể thao và Nhà nước ta cần nghiên cứu để có chính sách chung ?

Digitized by Google

Thư tay

NGUYỄN TRỌNG THỤ

NHỮNG lá thư tay bình thường chẳng có tội tình gì. Bạn bè, người thân viết thư cho nhau, nhờ cầm tay đến, thăm hỏi sức khỏe, trao đổi tin tức, biểu lộ tình cảm v.v.. là việc thường tình. Ngay cả khi viết để nhờ cậy nhau cũng không có gì đáng trách. Bởi vì ai chẳng có lúc tối lửa tắt đèn phải nhờ cậy nhau ! Không tự mình đến được với bạn thì nhờ người thay mặt cầm thư, đó cũng là cách xử sự đẹp.

Ấy vậy nhưng có những lá thư tay mang nhiều tội lỗi. Xin lấy một vài ví dụ.

Một vị nọ có đứa cháu vì lêu têu dốt nát, không có công ăn việc làm. Thấy con mình, những đứa đến tuổi đều đã được mình xếp vào chỗ béo bở, nay để đứa cháu vô công rồi nghề e có điều bất tiện, ông liền viết thư giao cho đứa cháu họ đó cầm đến một thuộc hạ của ông, nhờ "thu nhận" hộ với lời hứa sẽ rất biết ơn. Vị thuộc hạ mặc dù biết cơ quan mình đang phải giảm biên chế, vẫn phải tìm đủ mọi cách làm vừa lòng cấp trên. Thế là người "cháu nhà quan" đó có ngay một việc làm vừa ý. Vị thuộc hạ hết lòng thực thi như vậy vì biết rằng thư tay kiểu này thực chất là một mệnh lệnh ; theo đúng lệnh thì con đường công danh của mình sẽ thuận chiều, còn trái lệnh thì cái ghế mình ngồi không khỏi lâm vào thế chông chênh !

Thư tay của người cấp trên gửi cho người cấp dưới loại này còn nhiều dạng. Nào là "thằng con trai tôi nó tốt đấy, kỳ này anh gắng tìm cách để bạt nó", nào là "đứa con gái tôi nhà ở còn chật, anh giải quyết cho nó ít diện tích thêm", hay "thằng cháu tôi vài năm nay chưa đi nước ngoài, mẹ nó cứ phàn nàn mãi, nay anh nhớ giúp nó một suất",v.v.. Đúng là những loại thư này nếu viết bằng văn bản chính thức thì chắc chắn là không hợp pháp, nếu gửi bằng đường bưu điện lỡ ra lọt vào tay người khác thì cũng rắc rối. Cho nên, tốt nhất là cho người thân tín cầm đến tận tay !

Có người cho rằng những lá thư tay như vậy "đáng bạc, đáng vàng" và đáng khép vào tội tham nhũng. Bởi vì ở những cơ sở có nhiều tiêu cực, một chỗ ngồi làm việc, một gian nhà được chia thêm, một suất đi nước ngoài,v.v. thường được tính bằng chỉ, bằng cây !

Lại có những lá thư tay làm đảo lộn cán cân công lý. Một bị cáo nọ phạm trọng tội, chứng cứ đã rành rành, sắp ra tòa lãnh án. Người nhà bị cáo dùng tình cảm thân thuộc, dùng quà cáp gõ cửa một số người có chức, có quyền. Thế rồi những lá thư tay được chuyển đến nhà riêng của các quan chức tòa án, nào là "đề nghị xét lại bản án", nào là "bị cáo đã từng là kẻ có công, không nên trừng phạt thẳng tay", nào là "người thân cận của tôi, các anh gắng châm chước". Các vị chánh án, hội thẩm nhận được thư không khỏi đau đầu. Xử đúng tội thì không ổn", vì "vuốt mặt phải nể mũi", xong phiên tòa biết ăn làm sao, nói làm sao với những người đã từng gửi thư tay cho mình. Còn để giảm nhẹ mức án thì phải làm điều dối trá, phải giấu bớt tội, hoặc đổ tội cho kẻ khác, thậm chí có lúc phải biến tội thành công, thì tự thấy trái với lương tâm, trái với lòng dân tin cậy. Thế mà cũng đã có nơi, có lúc, vì thiếu bản lĩnh, người ta đã chặc lưỡi làm theo ý những lá thư tay. Trong trường hợp đó, rõ ràng cán cân công lý đã bị ngả nghiêng.

Cũng xin nhắc lại rằng, những lá thư tay kiểu nói trên thường chỉ có tác dụng khi nó là thư của những người quyền thế hoặc có nhiều tiền. Bởi vì không ít cụ về hưu, khi trò chuyện với chúng tôi đã từng thổ lộ rằng nhiều lá thư tay của các cụ, dù viết với tinh thần "giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha", dù mang những đề nghị công bằng, hợp lý, và cả những thư bộc bạch nguyện vọng cá nhân chính đáng, đều thường không có hồi âm. Có thể những người nhận thư nghĩ rằng một khi người viết không còn trực tiếp có ảnh hưởng đến con đường công danh và ghế ngồi của họ, không còn có thể trả ơn cho họ bằng nhiều thứ bổng lộc, thì họ sẵn sàng xếp những lá thư đó vào ngăn kéo thứ yếu để cho chúng rơi vào quên lãng. Như vậy, sức nặng của lá thư tay được tính bằng chức quyền, hoặc bằng tiền ; người viết càng có chức quyền lớn, thế lực lớn hoặc càng có nhiều tiền nhiều vàng thì trọng lượng thư càng nhiều !

Nếu ai đó cho rằng sở dĩ có tệ "thư tay" là do cơ chế, là do những khó khăn của đời sống, là sự "chụp giật" tất yếu phải có "trong thời kỳ quá độ" thì đó hoàn toàn là một ngụy biện. Kẻ viết bài này đã gặp không ít người, tuy có chức quyền cao nhưng vẫn muốn con cháu mình, người nhà mình vươn lên bằng con đường tự lực phấn đấu, không làm những "cây tầm gửi". Họ rất xấu hổ nếu phải viết những lá thư tay trục lợi. Không ít cán bộ có chức, có quyền, khi biết người thân của mình phạm tội, chẳng những không dùng lối "thư tay", mà còn đề nghị các cơ quan pháp luật cứ thẳng tay làm theo phép nước. Lại cũng đã biết không ít người cấp dưới, khi nhận được thư tay của người cấp trên nhờ cậy những việc riêng tư bất chính, đã từ chối bằng cách nêu lên những quy định, những chế độ, chính sách và kỷ cương chung, những điều mà cấp trên vẫn thường nhắc nhở. Sự từ chối thẳng thắn đó đủ để cho những kẻ bất minh nếu còn lương tri, rút được cho mình một bài học.

Nêu lên những điều tốt đẹp nói trên cũng là để hy vọng rằng với việc chỉnh đốn Đảng, đân chủ hóa xã hội, cái tốt sẽ lấn át cái xấu, sẽ xóa dần - và tốt nhất là xóa được hết những lá thư tay tội lỗi.

Digitized by Google

"THỜI CƠ" DÂU DỄ "CHỚP" !

(Nhân đọc cuốn ***Chớp thời cơ : Thách thức đối với Hoa Kỳ trong thế giới một siêu cường*** của Ri-sớt Ních-xơn)

VŨ HIỀN

Cựu tổng thống Mỹ Ri-sớt Ních-xơn vừa cho ra đời cuốn sách *Chớp thời cơ : Thách thức đối với Hoa kỳ trong thế giới một siêu cường* , Nhà xuất bản Xi-mơn và Xớt-xtơ ấn hành tháng 12 năm 1991. Cuốn sách gồm 7 chương :

I - Thế giới hiện thực

II - Cái đế chế tàn bạo trước đây

III - Ngôi nhà chung xuyên Đại tây dương

IV - Tam giác Thái bình dương

V - Thế giới Hồi giáo

VI - Nam bán cầu

VII - Cuộc chấn hưng Hoa kỳ

Qua việc phân tích tình hình thế giới nói chung và thực trạng từng khu vực nói riêng, Ních-xơn muốn khẳng định vai trò trung tâm của Mỹ, nêu bật những thách thức và thời cơ lịch sử đối với nước Mỹ ; từ đó ông ta không ngần ngại bày tỏ tham vọng hoạch định chiến lược mới cho Hoa kỳ sau sự kiện Liên xô tan rã. Ních-xơn cho rằng : Hoa kỳ đang đứng trước thời cơ có một không hai để có thể dùng toàn bộ sức mạnh quân sự, chính trị, kinh tế làm thay đổi và thống trị thế giới.

MỘT GIỌNG ĐIỆU QUEN THUỘC

Với những lời lẽ trịch thượng dạy đời, kiêu ngạo và hợm hĩnh trong "Chớp thời cơ", Ních-xơn lại một lần nữa cho thấy giọng điệu quen thuộc của một nhân vật diều hâu khét tiếng, chống cộng điên cuồng. Ông ta trắng trợn tuyên bố :"chủ nghĩa cộng sản là một thứ ung thư cần phải cắt bỏ tận rễ" (1). Trước sự tan rã của Liên xô, ông ta "hân hoan tận hưởng cái thắng lợi đã giành được trước chủ nghĩa cộng sản". Đồng thời, Ních-xơn nhắc nhở Mỹ "cổ vũ các nước cộng hòa ở đó đoạn tuyệt hoàn toàn với quá khứ cộng sản". Với Ních-xơn, việc "tẩy bỏ khỏi đất nước này những biểu tượng cộng sản như tượng Lê-nin hay biểu tượng búa liềm là chưa đủ" ; cần phải "quyết liệt cổ vũ động viên những trao đổi tiếp xúc cá nhân, phải đặt trọng tâm phát triển vào những chương trình đưa giáo viên Mỹ tới giảng dạy, làm việc tại các trường học ở Liên xô cũ, phải tiến hành phân phát sách báo phổ biến về các nhà nước dân chủ, về một nền kinh tế thị trường, và quan trọng nhất, thay vì loại bỏ đài Tiếng nói tự do thì chúng ta phải tăng cường giờ phát sóng của nó".

Đối với Đông Âu, Ních-xơn cho rằng "việc giúp đỡ sự hồi phục hậu cộng sản ở Đông Âu phải là ưu tiên cao nhất, không chỉ vì lợi ích của bản thân họ, mà còn là vì số phận của cải cách ở đó sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến triển vọng của Liên xô".

Ních-xơn cao hứng trước sự đổ vỡ ở Đông Âu và Liên xô. Ních-xơn muốn thúc giục Mỹ thừa thắng xông lên để xóa bỏ tận gốc chủ nghĩa cộng sản. Nhưng chính ông ta vẫn phải thừa nhận một thực tế : "Thế nhưng,những tư tưởng thù địch không bị đẩy ra khỏi lĩnh vực của nó", và "chủ nghĩa Mác hãy còn sống ở nhiều trường đại học Mỹ".

Không chỉ như vậy đâu, thưa ông Ních-xơn. Chủ nghĩa Mác nhất định sẽ còn sống mãi với thời gian. Khủng hoảng và thất bại của chủ nghĩa xã hội

(1)Trong bài này, tất cả các đoạn để trong ngoặc kép mà không ghi xuất xứ đều trích trong cuốn sách "Chớp thời cơ".

Digitized by Google

dù thế nào cũng chỉ là tạm thời. Sớm muộn chủ nghĩa xã hội sẽ tìm được bước đi thích hợp và chiến thắng.

THẤY ĐỎ NGỠ CHÍN

Ngay đầu cuốn sách, Ních-xơn đã phê phán ba quan điểm liên quan đến đường lối đối ngoại của Mỹ mà ông ta cho là không đúng. Đó là các quan điểm cho rằng : 1 - Lịch sử, với tư cách là cuộc đấu tranh vũ trang giữa các ý thức hệ đối kháng, đã chấm dứt ; 2 - Sức mạnh quân sự đã lỗi thời, sức mạnh kinh tế hiện nay quan trọng hơn sức mạnh quân sự ; 3 - Mỹ là cường quốc đang suy vong. Ông ta nhận xét : chính ba quan điểm này sẽ đưa nước Mỹ trở lại thời kỳ biệt lập, mà biệt lập lúc này là một sai lầm nguy hiểm. Theo Ních-xơn, chủ nghĩa lý tưởng thực tế phải trở thành tư tưởng chỉ đạo và định hướng cho Mỹ. Ông ta đưa ra điều răn : "Chỉ có việc học tập được những bài học tích cực rút ra từ những sự phát triển đầy kịch tính của ba năm qua, thì chúng ta mới có thể thành công trong việc bảo vệ những lợi ích của chúng ta và nâng cao giá trị của chúng ta". Ních-xơn xác định : "Ngày nay là lần đầu tiên Hoa kỳ đứng vững với tư thế của một siêu cường quốc hoàn chỉnh nhất thế giới. Điều chủ chốt là chúng ta lựa chọn như thế nào để có thể sử dụng sức mạnh đó, một sức mạnh chưa từng có trước đây". Và từ đó, "với tư cách là một nước duy nhất có được sức mạnh toàn cầu về kinh tế, quân sự và chính trị, nước Mỹ đang đứng ở đỉnh cao của sức mạnh địa - chính trị của nó".

Chính ông Ních-xơn chứ không phải ai khác, "đã sai lầm trong việc lấy ước mơ làm hiện thực". Hoa kỳ đang suy vong. Điều đó không phải là huyền thoại. Nước Mỹ đang xuống sức một cách dễ thấy. Ông Hi-rô-hi-tô Ô-ku-mu-ra, giám đốc kiêm trưởng ban kinh tế Viện nghiên cứu Nô-mu-ra, đã nhận định : "Từ lâu, chúng tôi đã cùng nhau chiếm giữ thường xuyên 40% giá trị tổng sản phẩm (GNP) thế giới. Trước đây, Mỹ : 35%, và Nhật : 5%. Sắp tới, Mỹ : 25% và Nhật : 15%. Rồi đây, châu Âu cũng sẽ mạnh hơn Mỹ. Tôi nhìn thấy sự suy thoái của Mỹ trong vòng 5 năm tới".(2). Cùng chung quan điểm trên,nhà nghiên cứu Tây Âu Pi-e Ăng-toan Đon-nê,tác giả cuốn sách *Nước Nhật mua cả thế giới* đã cảnh tỉnh cho cả ông Ních-xơn và nước Mỹ : "Thật vậy, nước Mỹ luôn là một anh khổng lồ về quân sự, gầm thét dọa nạt... Ai khác hơn nước Mỹ có thể đóng vai trò sen đầm quốc tế ? Nhưng được bao lâu ? Dù cho người Mỹ không muốn nhìn vào sự thật, thì họ vẫn cứ từ từ lún sâu trong tình trạng "suy dinh dưỡng"... Một vị tổng thống dũng cảm đang gióng chuông báo động tình trạng suy thoái và nói đến sự khắc khổ để tránh sự phá sản. Nhưng không ai chịu nghe ; và thảm họa cứ đến gần. Và sẽ đến đúng vào lúc kẻ khác lại cứ phất lên. Tất nhiên, chẳng bao lâu nữa người Mỹ sẽ phải trả giá và có thể trả giá đắt đấy"(3).

THÒ LÒ HAI MẶT

Đọc cuốn sách "Chớp thời cơ", người ta rất dễ nhận ra những nghịch lý. Những nghịch lý đó mang tính "thò lò hai mặt". Chúng ta hãy thử xem. Để luận chứng cho việc nước Mỹ và chỉ có Mỹ mới xứng là người chỉ huy thế giới này, ông Ních-xơn nhấn mạnh : "Nước Mỹ không chỉ có các tài nguyên để lãnh đạo mà còn có tất cả những cái mà nước khác không có, đó là Mỹ không hề có những khát vọng đế quốc chủ nghĩa và không có những mưu đồ đối với các quốc gia khác". Thái độ và hành vi của Mỹ nếu thật là như vậy thì thế giới cũng nên mừng ! Nhưng thực tế có ai ở thế giới này mà không nhớ : Chính nước Mỹ của ông Ních-xơn đã ném 2 quả bom nguyên tử xuống dân lành Nhật bản ; chính nước Mỹ mà trong đó có cả bàn tay vấy máu của ông Ních-xơn đã xâm lược Việt nam, đã sử dụng biết bao bom đạn thảm sát bao người dân Việt nam vô tội, chính nước Mỹ chứ không phải nước nào khác đã tự cho mình quyền đưa quân vào Grê-na-đa, Pa-na-ma ; rồi mới đây thôi, nhân danh Liên hợp quốc, đem quân tiến công I-rắc, đe dọa Li-bi...

---

(2) Xem Pi-e Ăng-toan Đon-nê : *Nước Nhật mua cả thế giới*, Nxb Thông tin lý luận, 1991, tr 433

(3) *Sđd*, tr 431

Digitized by Google

Nhưng thôi, đấy là cái kiểu nói một đằng, làm một nẻo quen thuộc của nước Mỹ đế quốc xưa nay. Ngay trong cuốn sách "Chớp thời cơ", cùng với những lời tôi vừa trích dẫn, lại chính ông ta viết những dòng sau phản bác lại mình : "Chúng ta không thể cho I-rắc cái quyền kiểm soát việc chuyên chở dầu lửa qua vùng Vịnh và đe dọa thế giới bằng việc làm tắc nghẽn các ống dầu có tính chất sống còn của chúng ta".

Ông Ních-xơn nói rằng Mỹ không can thiệp và không có mưu đồ gì với các quốc gia khác. Thế mà ông ta lại to tiếng : "Bằng việc cổ vũ cho những cơ chế đa nguyên chính trị và cơ chế đa thị trường, chúng ta có thể giúp cho tiến trình hủy bỏ chủ nghĩa cộng sản diễn ra nhanh chóng hơn và sớm đưa tự do đến cho con người". Và đây nữa : "Chúng ta phải tìm cách để hòa nhập các nước cộng hòa cũ của Liên xô vào phương Tây".

Một quan điểm đã rất lỗi thời nhưng vẫn được Ních-xơn khăng khăng bám giữ là "bất kỳ ở đâu mà những quyền lợi sống còn của Hoa kỳ bị đe dọa thì Hoa kỳ nên hành động". Đáng chú ý là ông ta muốn áp dụng cách xử sự theo kiểu nước lớn như vậy ngay cả đối với các nước Tây Âu, đồng minh của Mỹ. Trước tình hình Tây Âu đẩy mạnh nhất thể hóa và thực sự trở thành một đối trọng đáng gờm của Mỹ, Ních-xơn đã than thở : bất hạnh thay, một châu Âu thống nhất, với một giá trị tổng sản phẩm quốc dân lớn hơn của Mỹ, đang trở thành một "pháo đài ở châu Âu". Và ông ta thẳng thừng tuyên bố : "Nhưng chừng nào mà các mối quan tâm tới an ninh châu Âu giảm sút đi, và chừng nào các vấn đề kinh tế có tầm quan trọng tương đối lớn hơn, thì Mỹ có thể lập tức không ủng hộ sự thống nhất này nữa với bất kỳ giá nào".

MỘT TIẾNG KÈN LẠC LÕNG

Cuộc chiến tranh với Việt nam đã kết thúc 17 năm rồi. Vậy mà khi nhắc tới Việt nam, Ních-xơn vẫn muốn bám giữ những ý nghĩ lỗi thời đầy thù nghịch. Xin trích dẫn những đoạn chủ yếu nói về Việt nam :"Một số học giả lập luận rằng đã đến lúc bình thường hóa quan hệ với Cu-ba và Việt nam ; rằng lý do thù ghét lẫn nhau giữa chúng ta đã phai mờ cùng chiến tranh lạnh ; và rằng phương Tây nên mở quan hệ thương mại và viện trợ để hòa giải. Quan điểm này là sai lầm. Mỹ phải yêu cầu mỗi nước này đáp ứng những điều kiện cụ thể về chính trị và nhân quyền trước khi lập quan hệ ngoại giao hoặc thương mại".

"Ngay cả khi Việt nam tạo thuận lợi cho một giải pháp hòa bình ở Cam-pu-chia... chúng ta vẫn cần nhấn mạnh hai điều kiện khác nhau cho bình thường hóa quan hệ : 1 - Nhà cầm quyền Hà nội phải tìm kiếm đầy đủ 2273 người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt nam. 2 - Họ phải tự do hóa chế độ chính trị độc đoán của họ, đặc biệt ở miền Nam".

Vậy Ních-xơn muốn gì ? Nhân quyền ư ? Nhưng quan niệm thế nào là nhân quyền mới được chứ ? Chính Ních-xơn đã thừa nhận : "ở Hoa kỳ, quốc gia giàu nhất và mạnh nhất thế giới, chúng ta phải đương đầu với những vấn đề ở trong nước đang lan rộng như tội phạm hình sự, ma túy, sự thiếu thốn giáo dục, sự chăm sóc y tế chưa phù hợp, nạn phân biệt chủng tộc và những ảnh hưởng của thành thị". Nước Mỹ với đầy rẫy các vấn đề như thế đâu phải là đỉnh cao về nhân quyền mà lên lớp cho ai ! Ngay cả Ních-xơn nữa. Một ông trùm của vụ Oa-tơ-ghết khét tiếng xấu xa mà ngay người Mỹ cũng kinh tởm, lại lớn tiếng đòi nhân quyền thì thật lạ ! Hơn nữa, cũng chính ông ta đã từng nhúng tay vào tội ác tàn phá, bắn giết ở Việt nam, muốn kế tục Giôn-xơn thực hiện bằng được ý đồ "đưa Việt nam trở lại thời kỳ đồ đá". Và cũng chính ông ta giờ đây lại đang đòi chính quyền Mỹ phải tiếp tục bao vây, cấm vận Việt nam, làm cho Việt nam kiệt quệ và phải khuất phục, chịu thỏa mãn mọi yêu cầu của Mỹ.

Ních-xơn còn đòi "Hà nội phải giải thích đầy đủ về số phận của 2273 người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt nam". Thật là ngạo mạn quá quắt ! Quan điểm của Nhà nước và nhân dân ta về vấn đề

Digitized by Google

này đã rất rõ ràng. Xuất phát từ lòng nhân đạo và bỏ qua quá khứ, chúng ta đã làm tất cả những gì có thể làm được để tìm kiếm những người Mỹ mất tích. Cũng cần nói một điều : trong cuộc chiến tranh chống xâm lược, giải phóng Tổ quốc thân yêu, hàng vạn chiến sĩ Việt nam đã anh dũng hy sinh mà đến nay chúng ta vẫn chưa tìm được hết nơi họ đã yên nghỉ. Thế mà Ních-xơn lại đòi chúng ta phải cho biết đầy đủ số phận của tất cả những người Mỹ đã mất tích ở Việt nam.

Ngạo ngược hơn nữa, Ních-xơn còn đòi Việt nam "phải tự do hóa chế độ chính trị độc đoán của họ, đặc biệt là ở miền Nam". Đất nước Việt nam, chế độ chính trị của Việt nam là do nhân dân Việt nam chọn lựa, làm chủ và xây dựng ; là chủ quyền thiêng liêng không thể bị xâm phạm. Thử hỏi rằng, trong quan hệ song phương và đa phương, đã ai đòi nước Mỹ phải thay đổi chế độ hay chưa ?

THẾ GIỚI NÀY ĐÂU CỦA RIÊNG AI

Tư tưởng xuyên suốt cuốn sách của Ních-xơn là Mỹ cần phải chớp thời cơ, biến thế kỷ 21 thành "thế kỷ Hoa kỳ thứ hai", chứ không phải chỉ để thiết lập "một trật tự thế giới mới". Ních-xơn đưa ra chủ trương tích cực tiến công, chủ động và cam kết có phân biệt. Trong 7 chương của cuốn sách, 5 chương giữa là những cách thức bài binh bố trận mà Ních-xơn định hướng cho nước Mỹ đối với từng khu vực. Từ việc nêu cách thức tiêu hóa Liên xô trước đây đến dự kiến xây to thêm "ngôi nhà chung châu Âu" của Goóc-ba-trốp thành "ngôi nhà chung xuyên Đại tây dương", từ việc hoạch định đối sách đối với 3 nước lớn trong "Tam giác Thái bình dương" đến mưu toan thu phục, cải hóa thế giới Hồi giáo và các nước Nam bán cầu, - tất cả cho thấy Ních-xơn muốn Mỹ trở thành người sắp đặt lại thế giới theo mô hình có lợi cho Mỹ. Đặc biệt đối với các nước xã hội chủ nghĩa, Ních-xơn chủ trương thừa thắng lấn tới, tiếp cận, chuyển hóa. Ních-xơn khẳng định Mỹ có đủ ý chí, sức mạnh và phương pháp để lãnh đạo thế giới.

Ai cũng biết việc Liên xô tan rã đưa tới những thay đổi vô cùng to lớn, tạo nên một khoảng trống về quyền lực chính trị, quân sự trên thế giới. Bởi thế, nếu xét theo quan điểm lô gích hình thức, thế giới chỉ còn lại một siêu cường lớn nhất là Mỹ. Và cũng bởi thế, Ních-xơn đã cả mừng, khuyên Mỹ xốc tới để thu cả thế giới vào tay mình. Thế nhưng, trái đất vẫn tự quay và thế giới tiếp tục vận động không ngừng. Đúng là trật tự cũ của thế giới bị phá vỡ, nhưng một trật tự mới, đa cực của thế giới lại đang hình thành. Các cực mới mà triển vọng trở thành đối trọng đáng gờm của Mỹ đang xuất hiện. Đó là một Tây Âu nhất thể hóa hơn nữa với tổng sản phẩm quốc dân và số dân hơn hẳn Mỹ. Đó là một Nhật bản đang muốn "mua cả thế giới" nhờ luôn luôn giữ được nhịp độ phát triển ổn định ở mức cao hơn Mỹ. Đó là một Trung quốc đang thực hiện có hiệu quả các bước cải cách để cuối thế kỷ này có thể trở thành hai Trung quốc. Và hơn cả, đó là ý chí và nguyện vọng của hơn 180 nước trên thế giới quyết giành và giữ vững độc lập dân tộc. Đây là nhân tố lớn nhất, nếu phát huy được sức mạnh tổng hợp, thì có khả năng quét sạch mọi thói lộng hành.

Trong cuốn sách "Thăng trầm quyền lực", An-vin Tô-phlơ, nhà tương lai học nổi tiếng người Mỹ, đã đưa ra cách nhìn khá thú vị về quyền lực. Theo ông, có ba yếu tố làm nên quyền lực : bạo lực, tiền của,trí tuệ. Bạo lực là "hạ sách", vì có bạo lực ắt sẽ có phản bạo lực ; vì bạo lực chỉ là "bà đỡ", không thể sinh ra bất cứ đứa trẻ nào. Tiền của là "trung sách", vì dù "có tiền mua tiên cũng được", nhưng thử hỏi "ai bán mà mua" và làm sao có đủ tiền để mua cả mọi thứ ? Thượng sách là trí tuệ, vì có nó sẽ có tiền của và bạo lực, nó là hiện thân của quyền lực.

Cứ tạm theo tiêu chí ấy thì nước Mỹ thế nào ? Mỹ có bạo lực, nhưng đế quốc Mỹ lại thua Việt nam vì vấp phải "lực phản" mạnh hơn và thông minh hơn ! Mỹ đâu có nhiều tiền của, vì đang chịu gánh nợ đến 6000 tỷ đô la kia mà ! Vậy thì quyền lực của Mỹ đang "thăng" hay đang "trầm" ? Quả thật, đối với cả Mỹ và Ních-xơn, "thời cơ" đâu dễ "chớp" !

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI : NHỮNG CÁO PHÓ QUÁ SỚM *

CHỦ nghĩa xã hội là một dự án có thể thực hiện được, nhưng đó cũng là một cuộc trường chinh.

Trước hết cần phải hiểu chủ nghĩa xã hội như một thực thể phức tạp với nhiều bộ phận cấu thành. Ở Liên xô và Đông Âu, những chế độ chính trị vừa sụp đổ lại là những chế độ đã thực sự thành công trong việc thực hiện hàng loạt sự thay đổi trong đời sống xã hội và tiến hành những cải cách đảm bảo việc làm cho người lao động. Xét về mặt nào đó, đây là một tiến bộ so với thời kỳ trước khi có chủ nghĩa Xta-lin. Và chắc chắn đó cũng là một bước tiến tốt đẹp vượt lên trên những gì đã diễn ra kể từ khi chủ nghĩa tư bản theo xu hướng *tự do mới* được thực thi.

Kinh nghiệm này càng làm rõ hơn một điều quá quen thuộc là thực tế thường phức tạp và chứa đựng mâu thuẫn, do đó cần phải phân tích kỹ càng các yếu tố, các bộ phận cấu thành của thực thể chủ nghĩa xã hội thì mới đưa ra được những kết luận đúng đắn. Đây là cách duy nhất để khỏi rơi vào cái bẫy của những kẻ đang muốn xóa đi không chỉ các chính quyền xã hội chủ nghĩa mà cả những thành quả kinh tế xã hội mà các chính quyền đó đã đem lại cho giai cấp công nhân.

Thật là quá sớm để nói đến "sự gạt bỏ chủ nghĩa xã hội". Lời phán xét ấy đã bị phủ nhận qua thực tế hằng ngày của nhân dân lao động ở châu Mỹ la tinh và cũng sẽ bị phủ nhận khi tình hình diễn biến ở Đông Âu thúc đẩy nhân dân tại đây đánh giá lại chủ nghĩa xã hội. Chúng ta thấy rõ hậu quả của "chủ nghĩa tư bản hiện thực" khi có tới 90% lực lượng lao động ở Pê-ru hoặc là không có việc làm, hoặc là làm việc không đủ giờ.

Không chấp nhận chủ nghĩa tự do mới !

Trái với những kịch bản tư bản chủ nghĩa viễn tưởng được trình bày trong những văn kiện của các nhà tư tưởng theo *chủ nghĩa tự do mới*, những người công nhân và những tầng lớp trung lưu bị bần cùng hóa ở Pa-na-ma không thừa hơi mà xướng lên huyền thoại "phụ thuộc lẫn nhau". Hai năm qua, nhân dân nước này phải sống dưới ách chiếm đóng quân sự của Mỹ.

Khu vực Trung Mỹ cho chúng ta thấy rõ, việc chủ nghĩa tư bản kiểm soát được một chính phủ không nhất thiết có nghĩa là đã giành được cả xã hội công dân. Có một khoảng cách khổng lồ giữa một bên là xã hội công dân và bên kia là chính phủ và giai cấp thống trị đang thi hành những chính sách tự do mới. Việc quần chúng bác bỏ học thuyết kinh tế tự do mới đã thể hiện rõ ràng ở Mê-hi-cô, một nước đã phải chịu đựng những sự cắt giảm lương tồi tệ nhất (hơn 50%, trong thập kỷ diễn ra những cải cách hướng tới thị trường tự do). Trong khi đó, ở Bra-xin, gần nửa số cử tri đã bỏ phiếu cho Đảng công nhân, một đảng tiến bộ, để biểu lộ sự bác bỏ chủ nghĩa tự do mới. Những người Ba-lan chống cộng sản ác liệt nhất cũng đang nghiêm chỉnh xem xét lại chủ nghĩa tự do mới, thậm chí nhiều người bây giờ nói rằng, nếu trước kia họ biết trước được những gì sẽ xảy ra, thì họ đã có những cam kết khác. Sự tuyên truyền thắng trận rùm beng của chủ nghĩa tư bản lên tới độ cao vào năm 1991, không phản ánh đúng những vấn đề khủng hoảng cơ cấu sâu sắc đang đặt ra ở châu Mỹ la tinh, Đông Âu, hoặc Mỹ và Ca-na-đa.

Huyền thoại mới

Nhiều trí thức trước kia thuộc cánh tả, nay lập luận rằng không còn có sự lựa chọn nào khác ngoài mô hình tự do mới của chủ nghĩa tư bản. Lập luận đó không có cơ sở trong lịch sử cũng như trong hiện tại. Bất cứ người nào nghiên cứu kinh tế học nghiêm túc cũng có thể dễ dàng bác bỏ *chủ nghĩa tự do mới*.

Trước hết, phải nói những mô hình thành công nhất của sự phát triển tư bản chủ nghĩa thuộc về những nước mà ở đó nhà nước đã đóng vai trò chủ đạo trong việc tổ chức lại sản xuất và buôn bán với nước ngoài. Ví dụ, Nhật bản bao giờ cũng thi hành những chính sách trái ngược với chủ nghĩa tự do

* Bài của *Giêm Pi-tơ-rát* đăng trên tuần báo *Người bảo vệ* (The Guardian), ngày 21-1-1992. Giêm Pi-tơ-rát là giáo sư xã hội học tại Trường đại học tổng hợp Niu-Oóc, là tác giả những công trình nghiên cứu nổi tiếng về các nước thuộc thế giới thứ 3, nhất là Mỹ la tinh.

Digitized by Google

mới. Tô-ky-ô bảo hộ thị trường trong nước, thực hiện những đầu tư khổng lồ của nhà nước, và ở một mức độ nhất định, đã hướng bộ phận tư bản tài chính đi vào đầu tư sản xuất hàng hóa (1).

Ở Nam Triều tiên và Đài loan, sự tăng trưởng kinh tế đạt được cũng là nhờ sự can thiệp ở tầm vĩ mô của nhà nước về đầu tư, giám sát và điều tiết vốn đầu tư của nước ngoài vào nền kinh tế quốc gia...

Ngay trong kinh nghiệm về tập thể hóa của khối phương Đông, cũng có những thực tế bác bỏ quan điểm của chủ nghĩa tự do mới. Cộng hòa dân chủ Đức (dù bị gán cho cái tên là "nhà nước cảnh sát") đã duy trì được mức độ phát triển với hiệu quả cao, giúp cho 30% xí nghiệp của mình cạnh tranh được trên thị trường thế giới.

Còn ở Liên xô, thì ngay một nhà báo chống cộng sản đầu bò đầu bướu như Xéc-giơ Mê-man của tờ *Thời báo Niu-Oóc*, cũng đã phải thừa nhận trong một bài báo đăng ngày 22-12-1991 : có sự phong phú về lương thực, thực phẩm, có "những chồng cao cua bể đóng hộp" ở các cửa hàng trong những năm Brê-giơ-nép cầm quyền ; còn hiện nay chỉ có "sự nghèo khổ, loạn lạc, tham nhũng và tội ác".

Ở châu Mỹ la tinh, mức tăng trưởng kinh tế trung bình của Cu-ba trong thập kỷ 80 cao hơn bất cứ nước nào khác trong khu vực, bất chấp sự bao vây ngày càng tăng của Mỹ.

Luận thuyết "sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội" không có cơ sở lịch sử nào. Cùng lắm thì cũng chỉ phản ánh một thời điểm đặc biệt có bước thụt lùi của chủ nghĩa xã hội. Nếu chúng ta phân tích lịch sử một cách biện chứng, nghiên cứu kỹ những chu kỳ dài đầy rẫy những sự kiện mâu thuẫn nhau, vốn là dấu ấn của thế kỷ 20, chúng ta sẽ đi tới một kết luận khác hẳn.

Trong 16 năm đầu thế kỷ này, chủ nghĩa xã hội cải lương của Béc-xtanh thống trị phong trào cánh tả. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, chủ nghĩa sô vanh của vua Đức, và của giai cấp thống trị ở Pháp, Anh thấm sâu vào phong trào cánh tả và phong trào công đoàn, đã góp phần đẩy hàng triệu công nhân vào thảm cảnh chết yểu trên chiến trường. Khi ấy, những luận thuyết của Lê-nin và Rô-da Lúc-xăm-bua mới chỉ là những tiếng nói thiểu số, bị gạt ra ngoài.

Từ năm 1917 đến năm 1932, một đợt sóng thần cách mạng dâng lên ở Liên xô, tràn qua Hung-ga-ri và Đức, với sự nổi dậy của Hạm đội Ban-tích và thực trạng hai chính quyền song song tồn tại ở Béc-lin. Nhưng sau năm 1932, cách mạng lại bị đẩy lùi một bước, những thất bại lớn lần lượt diễn ra ở Đức, ở Áo, rồi đến Tây ban nha và Pháp. Trong thời kỳ đó, các ngài thông thái cũng đã nói tới "sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội" và "chủ nghĩa phát xít là một định mệnh không sao thoát khỏi". Đó là một lập luận "hùng hồn" giữa bối cảnh các đảng cộng sản và các đảng xã hội bị tiến công tàn khốc, hàng triệu chiến sĩ cách mạng bị hy sinh.

Thế mà tới năm 1945 tình hình lại hoàn toàn khác, chủ nghĩa phát xít bị đánh bại. Những cuộc chiến đấu thắng lợi của Hồng quân Liên xô, của du kích ở Nam tư và một số nước Đông Âu khác, đã tạo ra một bước ngoặt mới trong sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Những thắng lợi sau đó ở Việt nam, Triều tiên và Cu-ba cũng không nằm ngoài bước ngoặt đó. Cần nhớ rằng, trước khi Cu-ba giành được thắng lợi, cũng đã có nhiều người lập luận rằng không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội ở vùng biển Ca-ri-bê vì "quá gần nước Mỹ, quá xa Thượng đế".

Hãy xem những kết quả kiểm phiếu và mỉm cười !

Những tình cảnh chính trị, kinh tế và xã hội mà cánh hữu áp đặt, đang làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn và xung đột. Ở Mỹ, sự bác bỏ những chính sách kinh tế của tổng thống Bu-sơ đã đạt tỷ lệ 75%. Ở Ca-na-đa, thủ tướng Mơn-rô-ni chỉ thu được 12% số phiếu ủng hộ, một tỷ lệ thấp nhất trong lịch sử nước này. Ở Bra-xin, tổng thống Phéc-năng-đô đơ Mê-giô chỉ giành được sự ủng hộ tính bằng một con số và đang phải đương đầu với những cuộc bãi công lớn. Ở U-ru-goay, nhà lãnh đạo chính trị được tín nhiệm nhất là thị trưởng (thuộc Đảng xã hội) của thủ đô Môn-tê-vi-đê-ô, nơi tập trung tới nửa số dân cả nước. Ở Ba-lan, đảng của Lếch Va-lê-xa đưa ra những chính sách thiết lập thị trường tự do, chỉ thu được dưới 10% số phiếu ủng hộ...

Di sản những giá trị

Ở những nước theo con đường tập thể hóa trước kia, một trong những di sản của chủ nghĩa Xta-lin, là tình trạng giai cấp công nhân bị phi chính trị hóa một cách sâu sắc. Thế nhưng, ngay khi chế độ quan liêu và các cơ chế gắn với nó sụp đổ, vẫn tồn tại

(1) Xu hướng đầu tư của tư bản tài chính nhiều nước khác, nhất là Mỹ, ngược lại, nhằm vào các hoạt động đầu cơ chứng khoán. Xem bài "Từ sự đổ bể của những "hụi" Mỹ", *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1991. Về vai trò của nhà nước trong việc hướng dẫn kế hoạch sản xuất cho các nhà đầu tư Nhật bản, xem bài "Thị trường ? Nhưng không phải tự phát". *Tạp chí Cộng sản*, số 9-1991.

Digitized by Google

trong quần chúng một ý thức sâu sắc về những giá trị của chủ nghĩa xã hội.

Cách đây mấy tháng, *Nhật báo phố U-ôn* đã phải than phiền : 40 năm Đông Âu đi theo chủ nghĩa xã hội đã làm cho nhân dân ở đây thấm nhuần tư tưởng chênh lệch tài sản là bất công và kiếm được nhiều tiền là dính đến bóc lột. Khó mà thuyết phục được họ tin rằng một số đặc quyền là thích hợp.

Trong hàng ngũ những người chống lại các chế độ cộng sản, có rất nhiều lực lượng khác nhau, có những kẻ sô vanh đủ loại, có những phần tử theo chủ nghĩa tự do mới, có cả những phần tử phát xít mới, nhưng cũng có những bộ phận công nhân và tổ chức công đoàn chỉ muốn có điều kiện làm việc xứng đáng, chỉ muốn có sự quản lý dân chủ đối với các cơ sở kinh tế quốc doanh.

Sức đề kháng đó của quần chúng có thể có tác dụng kiềm chế sự tiến công của chủ nghĩa tự do mới. Chính phủ Va-lê-xa ở Ba-lan, một chính phủ thuộc loại liều nhất trong việc bán công ty nhà nước cho tư bản nước ngoài, cũng chỉ mới tìm được khách hàng mua 20 công ty. Vác-sa-va đã hiểu rằng, các nhà tư bản phương Tây chẳng thích thú gì đầu tư khi mà giai cấp công nhân cứ khăng khăng đòi bất cứ ông chủ mới nào cũng phải bảo đảm những điều kiện như trước kia họ đã giành được.

Sự khủng hoảng của chủ nghĩa Xta-lin ở Đông Đức cũ không thấm vào đâu so với thảm họa hiện nay : 40% lực lượng lao động không có việc làm ; sản xuất công nghiệp giảm sút 50%, mức sống giảm sút 40%, và 800000 nông trang viên đang trên bờ vực phá sản. Những chuyện khủng khiếp đó vượt xa cuộc khủng hoảng những năm 1930 ở Đức. Thủ tướng Hen-mút Côn, năm ngoái còn được đón tiếp như một vị anh hùng ở Đông Đức, thì nay không dám xuất hiện trước công chúng ở đó nữa.

Còn ở Mỹ thì giữa sức mạnh quân sự và khả năng duy trì sự phát triển kinh tế đang có khoảng cách khổng lồ. Chính khoảng cách đó mở ra cơ hội lớn cho cánh tả. Chúng ta phải vạch trần những ý đồ toàn cầu ngạo mạn về một "trật tự thế giới mới" xây dựng trên sự cùng khổ hóa ngày càng tăng ở nước Mỹ và châu Mỹ la tinh. Chúng ta phải tố cáo mưu đồ đó của chủ nghĩa tự do mới, vì nó viển vông và bất công. Chúng ta phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quyền lực tư tưởng và quân sự của Oa-sinh-tơn.

Với tất cả những lập luận mang tính hình thức và trống rỗng về các lực lượng toàn cầu và nền kinh tế thế giới, nhiều ngài thông thái quên rằng : những quyết định về các chính sách tự do mới, ở Mỹ cũng như ở các nước khác, đều được thông qua ở cấp quốc gia. Và dù người ta có ba hoa "lực lượng thị trường" quyết định cái này cái nọ, thì mọi quyết định rốt cuộc đều do các thế lực chính trị nào đó quyết định, theo đúng lợi ích kinh tế xã hội của họ.

Tương lai của chủ nghĩa xã hội gắn chặt với kinh nghiệm lịch sử của từng dân tộc

Ví dụ ở Chi-lê, có truyền thống lịch sử đấu tranh lâu dài của các tổ chức quần chúng và có cả những mô hình kinh tế đã từng thay thế cho những mô hình hiện hữu. Nhân dân còn ghi nhớ tập thể chính phủ *Đoàn kết nhân dân* bị cuộc đảo chính phát xít lật đổ năm 1973. Chế độ xã hội chủ nghĩa dân chủ của tổng thống Xan-va-đo A-gien-đê cung cấp nhiều kinh nghiệm về quyền tự quản của các xí nghiệp quốc doanh. Những kinh nghiệm này chứng minh khả năng kết hợp quyền sở hữu của nhà nước và sự tham gia có chọn lọc vào thị trường. Đó là một nền tảng tích cực, phong phú để xây dựng một mô hình mới của chủ nghĩa xã hội.

Ở Bra-xin cũng đã có một bước tiến rõ ràng của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, với sự phát triển của Đảng công nhân và Tổng liên đoàn lao động liên kết với đảng, bao gồm 15 triệu đoàn viên. Ở các nơi khác trong khu vực Nam Mỹ, chúng ta chứng kiến sự trỗi dậy của các phong trào quần chúng và sức mạnh tiềm tàng to lớn của các giai cấp công nhân công nghiệp đông đảo và các tổ chức công đoàn của họ.

Và cuối cùng, tất cả sự phân tích trên đây sẽ chẳng đi đến đâu nếu không có sự thay đổi cơ bản trong khái niệm về chủ nghĩa xã hội. Đó không chỉ là vấn đề phát triển lực lượng sản xuất, làm cho nó có sức cạnh tranh ; không chỉ là vấn đề khôi phục nền kinh tế, xây dựng lại nền công nghiệp, v.v.. Nhân dân không phải là những cái máy chỉ nhằm phục vụ sản xuất. Nhân dân còn cần giải trí, còn muốn các quyền tự do của họ được tôn trọng, muốn hưởng thụ và làm việc trong tình đoàn kết, muốn hàng loạt hoạt động khác ngoài giờ làm việc. Điều quan trọng là hiểu rằng : xét trong một quan hệ xác định, các hình thức sở hữu về công cụ sản xuất - dù là tập thể, hợp tác hay cá nhân - đều chỉ là phương tiện, không phải là mục đích. Đó là những phương tiện để thực hiện các giá trị của tình đoàn kết, tự do và bình đẳng.

QUANG PHÚC
tổng thuật

Digitized by Google

Quảng cáo

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN (SAGECO)

TRỰC THUỘC UBND TP HỒ CHÍ MINH

- Thành lập ngày 28-02-1989, gồm 12 đơn vị, các đơn vị đều hạch toán độc lập.
- Hiệu quả đồng vốn :

Đến nay đã có 11/12 đơn vị làm ăn có hiệu quả.

9/11 đơn vị được nhà nước chính thức giao vốn hoạt động.

Tổng số vốn giao : 6 219 653 634đ.

Tổng lợi nhuận ước tính thực hiện trong năm 91 : 1749 000 000đ.

Đơn vị có tỷ suất lợi nhuận cao nhất là Công ty san nền và kỹ thuật hạ tầng.

- Nộp ngân sách nhà nước của Tổng công ty qua 3 năm :

1989 : 738 607 000đ
1990 : 1 186 753 000đ
1991 : 2 703 251 000đ

- Thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ hưu trí CBCNV thôi và nghỉ việc trong 3 năm đã chi :

1989 : 80 681 454đ
1990 : 75 390 000đ
1991 : 60 000 000đ

- Đã xây dựng và bàn giao hai căn nhà tình nghĩa ở huyện Thủ đức trị giá : 13 068 000đ.
- Đã quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt ở vùng đồng bằng sông Cửu long tổng số : 26 450 000đ.
- Những công trình đang thi công :

+ Khách sạn Lê Lai (Sài gòn Ind) 630 phòng, tiêu chuẩn từ 3 sao đến 4 sao. Tổng số vốn : 62 triệu USD. Công ty xây dựng số 1 tổng thầu.

+ Khách sạn 242 Trần Bình Trọng do Công ty Cosaco tổng thầu.

+ Nhà máy sản xuất ống bê tông Thủ đức (Liên doanh với Italia) do Tổng công ty xây dựng Sài gòn tổng thầu. Vốn : 57 tỷ đồng Việt nam và 8 triệu USD.

+ Trường mẫu giáo Bến dược, xã Phú mỹ hưng - Củ chi.

Đây là quà tặng cho nhân dân khu căn cứ địa đạo Bến dược, Củ chi.

Trị giá 36 triệu đồng Việt nam.

- Các đơn vị được Bộ xây dựng tặng thưởng Huy chương vàng đạt chất lượng sản phẩm cao :

+ Công ty COSACO : 3 huy chương vàng.

+ Công ty xây dựng số 2 : 3 huy chương vàng.

+ Nhà máy gạch ngói Long bình : 1 huy chương vàng.

Địa chỉ liên hệ : Tổng công ty xây dựng Sài gòn (SAGECO)
161 Trần Quốc Thảo, Q3.
ĐT : 446388
445226
444405
444408

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP DỆT LONG AN



Địa chỉ : Cạnh Cầu voi - Quốc lộ 1, Thủ thừa - Long an

Điện thoại : 26489 - 26454 - 26295

Xí nghiệp Dệt Long an được chính thức đưa vào Xí nghiệp quốc doanh năm 1980. Năm 1989, Xí nghiệp chuyển sang chế độ hạch toán kinh doanh toàn bộ, và từ đó có những bước phát triển mới.

Không ngừng cải tiến quản lý và đổi mới thiết bị, đó là con đường đi lên của Dệt Long an, nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng về chất lượng, mẫu mã, chủng loại cũng như về giá thành sản phẩm. Mục tiêu cao nhất của Xí nghiệp là giữ vững được uy tín đối với khách hàng. Dệt Long an coi những nhu cầu của khách hàng là mệnh lệnh cho chính mình và sẵn sàng bằng mọi cách thỏa mãn những yêu cầu đó.

Hiện nay, với 1200 công nhân có tay nghề cao, bậc thợ bình quân là 4,5 /6, đội ngũ cán bộ kỹ thuật trình độ đại học, trung cấp có chuyên môn vững, kết hợp với dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại (của Nhật bản, Nam Triều tiên) đồng bộ từ khâu hồ, mắc đến dệt nhuộm, hoàn tất, dệt Long an hằng năm sản xuất 25 triệu mét vải với mẫu mã mới lạ, chất lượng cao, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng và giá cả sinh hoạt của xã hội. Các mặt hàng OXFORD, TEIJIN, POLYSHUITING, KAKI, SATEN, KATÉ, POLY SOIE... không những được khách hàng trong nước ưa chuộng mà còn giành được nhiều hợp đồng tiêu thụ của Nhật bản, Nam Triều tiên, Đài loan... Trong nhiều năm qua, Xí nghệp dệt Long an luôn bảo đảm hoàn vốn và tự tạo vốn ; vốn cố định tính bằng đôla quy tỷ giá theo từng thời điểm, vốn lưu động tính theo hệ số trượt giá của Ủy ban vật giá nhà nước ban hành, đồng thời Xí nghiệp Dệt Long an luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nộp ngân sách, tăng thu nhập cho CBCNV và không ngừng mở rộng sản xuất. Với tiềm năng của mình, về vốn, cũng như trình độ kỹ thuật và quản lý Xí nghiệp Dệt Long an sẵn sàng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty trong và ngoài nước, bảo đảm thực hiện đầy đủ với chất lượng cao các hợp đồng đã được ký kết.

Đến với Xí nghiệp Dệt Long an, khách hàng có thể hoàn toàn tin cậy.

PETROLIMEX

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC II

15 - Lê Duẩn Q1 - TP HCM
ĐT : 292081-082-083
Telex : 811429 CTXD II - VT
Fax : 84.8.222082
NHẬN CUNG ỨNG

VÀ DỊCH VỤ :

- Xăng các loại
- Dầu Diesel, madut, dầu lửa
- Dầu nhờn mỡ máy

Đảm bảo chất lượng, số lượng cho các đối tượng khách hàng



KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP
NHẬP : Các loại sản phẩm dầu mỏ và vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu
XUẤT : Nông - lâm - thổ - hải sản ; khoáng sản...

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG - QUẢN LÝ GIAO THÔNG LONG AN

Địa chỉ : Xã Hướng Thọ Phú - thị xã Tân An
ĐT : 26265 - 26372 - 26458

Năm 1990 - 1991 :
- Huân chương Lao động hạng 3
- Cờ luân lưu của HĐBT
- Cờ Bộ nội vụ
- Cờ Tổng liên đoàn LĐVN
- Cờ UBND tỉnh Long An



Giám đốc : Kỹ sư Đoàn Quang Hưng



Đường về các huyện vùng Đồng Tháp Mười thuộc tỉnh Long An (tỉnh lộ 49).

* Đã xây dựng
- 23 cầu bê tông các loại dài 647 m
- 8 cầu dây dài 820 m trên vùng Đồng Tháp Mười.

* Thường xuyên duy tu, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ : 430 km, đường thủy : 538 km, cầu : 84 chiếc dài 266km.

* Đủ năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng cầu, đường, bến bãi phát triển mạng lưới giao thông của các địa phương, đơn vị.



Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh và đồng chí Nguyễn Văn Chính (Chín Cần) trong ngày khởi công xây dựng cầu Tân An.

Digitized by Google

VTEC

CÔNG TY MAY

VIỆT TIẾN

VIET TIEN GARMENT - IMPORT - EXPORT Co.

QUÁ TRÌNH VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Trước năm 1975 là Thái Bình Dương kỹ nghệ công ty (PACIFIC INDUSTRY Co.) của tư nhân
- Nhà nước tiếp quản cuối năm 1975 gồm có : 60 máy may gia đình các loại và 100 công nhân
- Tháng 5-1977 được Bộ công nghiệp nhẹ quyết định thành lập Xí nghiệp quốc doanh mang tên Xí nghiệp may Việt Tiến
- Tháng 2-1990 được Bộ công nghiệp nhẹ quyết định thành lập CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN

● VTEC chuyên sản xuất, gia công các mặt hàng may sẵn bằng các loại vải trong nước và nhập khẩu

Gồm : Sơmi các loại - váy, quần áo phụ nữ - quần áo trẻ em - áo thun - T.Shirt, Pullover, các loại áo Jacket - Pyjama...

● VTEC được quyền xuất nhập khẩu trực tiếp. Các sản phẩm đã xuất sang thị trường : Liên Xô, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Tiệp, CHLB Đức, Nhật, Ca-na-đa, Pháp, Úc, Đài Loan, Hồng Công...

● VTEC được trang bị : 1600 thiết bị máy móc các loại (Nhật) - Hệ thống máy ép cổ (CHLB Đức) - Hệ thống máy thêu tự động (CHLB Đức) - Hệ thống máy vi tính phục vụ quá trình quản lý.

● Lao động : 3000 người có tay nghề cao

● Năng lực sản xuất : Từ 7 đến 10 triệu sản phẩm xuất khẩu năm.

● Hệ thống các xí nghiệp trong công ty gồm : 1 xí nghiệp trung tâm VIỆT TIẾN, 1 xí nghiệp trực thuộc, và 4 xí nghiệp liên doanh.



Địa chỉ : 7 Lê Minh Xuân, Q.Tân Bình - TP HCM
Address : 7 Le Minh Xuan St, Tan Binh District HCM City
TL : 40800 45082 - Fax : 84 - 8 - 45085

CÁC XÍ NGHIỆP MAY TRỰC THUỘC CÔNG TY
GARMENT FACTORIES OF THE COMPANY

- Xí nghiệp may trực thuộc VIỆT PHÁT - 259 Hoàng Văn Thụ P.2 Q.Tân Bình ĐT : 45089
- Xí nghiệp liên doanh may VIỆT HẢI - 20 Ba Gia P.7 Q.Tân Bình ĐT : 45083
- Xí nghiệp liên doanh may ĐỒNG TIẾN - T.P. Biên Hòa - Đồng Nai ĐT : 2248 TP Biên Hòa
- Xí nghiệp liên doanh may TÂY ĐÔ - T.P. Cần Thơ - Hậu Giang ĐT : 21578 - qua tổng đài 10
- Xí nghiệp liên doanh may VIỆT ĐỨC xã Phước Long - Thủ Đức ĐT : 93251
- Việt Phát Dependent Garment Factory - 259 Hoàng Văn Thụ Str. Tân Bình District Tel : 45089
- Việt Hải Joint Garment Factory 20 Ba Gia Street, Tân Bình District Tel : 45083
- Đồng Tiến Joint Garment Factory Biên hòa Coty -Đồng nai Province Tel : 2248 Biên hòa coty
- Tây Đô Joint Garment Factory Cần thơ City - Hậu Giang Provin ce Tel 21578 Extension 10
- Việt Đức Joint Garment Factory Phước Long Village - Thủ Đức Suburban District - Tel : 93251

In tại Nhà in Nhân Dân Hà Nội 2
Bìa in tại Nhà máy in Thống Nhất

Chỉ số : 12651 . ISSN 0866 - 7276

Giá : 1.500 đồng

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

SEP 02 1992



8

1992

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ DẦU KHÍ PSC

Tổng giám đốc:
PHAN TIẾN

Địa chỉ : Số 95B, Lê Lợi,
TP Vũng Tàu

Điện thoại : 52581,
59858

Telex : 641051
PSC-VY



CHỨC NĂNG:

+ Dịch vụ nhập khẩu thiết bị, vật tư dầu khí.
+ Dịch vụ vận chuyển hàng hóa, thiết bị, hành khách.
+ Dịch vụ khoa học kỹ thuật.
+ Dịch vụ hàng hóa dân dụng, hàng thực phẩm cho các công ty tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí.



+ Dịch vụ môi giới.
+ Sẵn sàng liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước.
+ Tài khoản tiền Việt nam: 01-383-024

  Ngân hàng ngoại thương Vũng tàu
+ Tài khoản ngoại tệ: 37.110.024

  Ngân hàng ngoại thương Vũng tàu

Digitized by Google

SEP 02 1992
BERKELEY LIBRARY UNIVERSITY OF CALIFORNIA



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

8-1992 NĂM THỨ XXXVIII (440)

MỤC LỤC

	ĐỖ MƯỜI - Thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta	3
	NÔNG ĐỨC MẠNH - Mấy vấn đề bức thiết đối với các vùng dân tộc thiểu số hiện nay	11
	NGUYỄN VĂN TƯ - Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và hoạt động của công đoàn	15
Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Đảng cầm quyền : quan niệm và phương thức lãnh đạo	19
	CHU THÀNH - Dân chủ đại diện - phương thức chủ yếu thực hiện quyền lực của nhân dân	23
	PHẠM XUÂN NAM - Văn hóa và một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta	28
	BÙI NGỌC TRÌNH - Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám	33
Nghiên cứu - Trao đổi	QUANG CẬN - Giai đoạn mới của chủ nghĩa xã hội	36
	LƯU HÀ VĨ - Vấn đề sở hữu : cách tiếp cận hệ thống	40
Ý kiến và kinh nghiệm	NGUYỄN THẾ PHẤN - Một số vấn đề về mối quan hệ giữa lý luận và chính trị	46
	LÊ VINH DANH - Từ hoạt động của kinh tế ngoài quốc doanh ở TP Hồ Chí Minh	49
	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG - Xây dựng mô hình quản lý thống nhất ngân sách nhà nước	53
Điều tra	NGUYỄN PHƯƠNG - Đời sống và việc làm của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta	57
Sinh hoạt tư tưởng	DƯƠNG VŨ - Cớ sao ông buồn ?	60
Thư gửi Bộ biên tập	PHAN VĂN ĐÁNG - Để thực hành đổi mới và chỉnh đốn Đảng	61
Qua sách báo nước ngoài	*** Hồi ký của ông Ê-rích Hô-nếch-cơ	63

Bìa 1 : Cột cờ Hà nội
Ảnh : VĂN PHÚC

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội ● **Dây nói :** 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 TP Hồ Chí Minh ● **Dây nói :** 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДО МЫОЙ - Современность и наши задачи. НОНГ ДЬК МАНЬ -Актуальные проблемы, связанные с районами проживания нацменьшинств. НГУЕН ВАН ТЫ - Решение VII съезда КПВ и деятельность профсоюзов . **Социализм - теория и практика** * НГУЕН ФУ ЧОНГ - Правящая партия: представление о ней и ее способы руководства. ТЬЮ ТХАНЬ - Демократия и представительство как главный способ осуществления прав народа. ФАМ СУАН НАМ - Культура и некоторые вопросысоциально-экономического развития в нашей стране. БУЙ НГОК ЧИНЬ - Марксизм-ленинизм и победа Августовской революции .**Исследования - Обмен мнениями** * КУАНГ КАН - Новый этап социализма. ЛЬУ ХА ВИ - Вопрос собственности - систематический подход к нему . **Мнения и опыт** * НГУЕН ТХЕ ФАН- Некоторые вопросы о связи теории с политикой. ЛЕ ВИНЬ ЗАНЬ- Из деятельности негосударственного сектора экономики в г. Хошимине . **Расследование** * НГУЕН ФЬЮНГ - Жизнь и занятость населения нацменьшинств в нашей стране.

CONTENTS

ĐỖ MƯỜI - Present times and our task. NÔNG ĐỨC MẠNH - Some urgent problems currently facing ethnic minorities. NGUYỄN VĂN TƯ - Resolution of the 7th National Congress of the Communist Party and Trade Union activities. ● **Socialism - Theory and Practice** ★ NGUYỄN PHÚ TRỌNG - The Party seizes power : concepts and mode of leadership. CHU THANH - Democracy and representativeness - the essential mode of implementing people's power. PHẠM XUÂN NAM - Culture and some problems in socio - economic development in this country. BÙI NGỌC TRÌNH - Marxism - Leninism and the victory of the August Revolution. ● **Research - Exchange of Views** ★ QUANG CẬN - New stage of socialism. LƯU HÀ VĨ - The issue of ownership : a systematic approach. ● **Opinions and Experiences** ★ NGUYỄN THẾ PHÂN - Some problems regarding the relationship between theory and politics. LÊ VINH DANH - From activities of the non - State economic sec tor in Ho Chi Minh City. ● **Investigation** ★ NGUYỄN PHƯƠNG - Living standards and employment among ethnic minority people in our country.

SOMMAIRE

ĐỖ MƯỜI - La conjoncture actuelle et notre tâche. NÔNG ĐỨC MẠNH - Quelques problèmes urgents dans les régions des ethnies minoritaires. NGUYỄN VĂN TƯ - Les résolutions du VIIe Congrès du Parti et les activités du Syndicat. ● **Le socialisme - théorie et pratique** ★ NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Le Parti au pouvoir : conceptions et mode de direction. CHU THÀNH - Démocratie et représentation, mode de réalisation du pouvoir du peuple. PHẠM XUÂN NAM - La culture et quelques problèmes du développement économico-social dans notre pays. BÙI NGỌC TRÌNH - Le marxisme-léninisme et la victoire de la Révolution d' Août. ● **Etudes - Echanges de vues** ★ QUANG CẬN - La nouvelle étape du socialisme. LƯU HÀ VĨ - Le problème de la propriété : une approche systématique. ● **Opinions et expériences** ★ NGUYỄN THẾ PHÂN - Quelques problèmes sur les rapports entre théorie et politique. LÊ VINH DANH - A partir des activités économiques non-étatiques de Ho Chi Minh-ville ● **Enquête** ★ NGUYỄN PHƯƠNG - La vie et l'emploi chez les ethnies minoritaires du Vietnam.

SUMARIO

ĐỖ MƯỜI - La presente actualidad y nuestra târea. NÔNG ĐỨC MẠNH - Algunos problemas apremiantes para con las regiones minoritarias en la actualidad. NGUYỄN VĂN TƯ - La Resolución del VII Congreso del Partido y la actividad del sindicato. ● **El socialismo - teoría y práctica** ★ NGUYỄN PHÚ TRỌNG - El Partido en poder : criterio y método de dirección. CHU THÀNH - Democracia y representación - métodos principales por ejecutar el poder del pueblo. PHẠM XUÂN NAM - La cultura y algunos problemas de desarrollo socio - económico en Vietnam. BÙI NGỌC TRÌNH - El marxismo - leninismo y la victoria de la Revolución de Agosto. ● **Estudios - Intercambios** ★ QUANG CẬN - El nuevo período del socialismo. LƯU HÀ VĨ - El problema de la propiedad - el método de acercamiento sistemático ● **Opinión y experiencia** ★ NGUYỄN THẾ PHÂN - Algunos problemas sobre la relación entre la teoría y la política. LÊ VINH DANH - A partir de la actividad de la economía no estatal en Ciudad Ho Chi Minh ● **Encuesta** ★ NGUYỄN PHƯƠNG - La vida y el empleo de la población de las nacionalidades minoritarias en nuestro país.

目錄

杜梅：當今時局與我們的任務。農德孟：少數民族地區目前若干迫切的任務。阮文思：七大決議與工會活動。● 社會主義 - 理論與實踐 ★ 阮富仲：政黨觀念與領導方向。 周成：民主與代表，實現人民權力的主要方式。范春南：我國文化與發展經濟社會若干問題。裴玉程：馬列主義與八月革命勝利。● 硏究與交換 ★ 光近：社會主義新階段。 劉何偉：對所有制問題的有系統地接近方法。● 意見與經驗 ★ 阮世芬： 理論與政治之間關係的若干問題。 黎榮名：胡志明市國營外經濟的活動。● 調查 ★ 原方：我國少數民族同胞的生活與就業。

Digitized by Google

THỜI CUỘC HIỆN NAY VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHÚNG TA*

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư BCH TƯ ĐCS Việt nam

Thưa các đồng chí,

TRONG năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Trung ương 2 về kinh tế - xã hội đã đạt được những tiến bộ mới đáng kể. Quốc hội khóa VIII đã thông qua Hiến pháp năm 1992, khẳng định mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng và củng cố Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Những tiến bộ đó cho thấy những khả năng phát triển mới, khẳng định rằng chúng ta chẳng những đứng vững được mà còn ở thế đi lên. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu và thuận lợi, đất nước vẫn còn đang đứng trước nhiều khó khăn, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp.

Để thích ứng với thời cuộc hiện nay, Đảng ta phải có những quyết sách đúng đắn, giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, mà trọng tâm là *phát triển kinh tế*, chăm lo đời sống nhân dân ; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại ; củng cố quốc phòng, an ninh ; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và mối liên hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân, tạo ra sức mạnh của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII.

Thưa các đồng chí,

TRONG năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động, tích cực *mở rộng hoạt động đối ngoại*, đẩy lùi thêm một bước chính sách bao vây, cô lập Việt nam, góp phần bảo đảm cho đất nước đứng vững và tiếp tục phát triển.

Kết quả đó cho thấy công tác đối ngoại có vị trí ngày càng quan trọng, góp phần *kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*, yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên.

Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta càng phải mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhằm góp phần thực hiện mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1991 - 1995 mà Đại hội VII đề ra : "Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay".

Chúng ta ra sức thực hiện nhiệm vụ giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo môi trường và điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn luôn nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, *bảo đảm lợi ích dân tộc, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.*

Lợi ích cao nhất của dân tộc ta mà cũng là của giai cấp công nhân hiện nay là nhanh chóng ra khỏi khủng

* Bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng (khóa VII)

Digitized by Google

hoảng, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập và tự do của Tổ quốc. Lợi ích đó phù hợp với lợi ích độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân các nước trên thế giới.

Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng điều quyết định thành công của công cuộc đổi mới là do sức mạnh của toàn dân ta, của con người, ý chí, trí tuệ và tiềm lực của đất nước. Đồng thời, chúng ta cũng hiểu rằng trong thời đại ngày nay, bất cứ nước nào, dù phát triển đến đâu, cũng không thể tự khép kín được. Với điểm xuất phát rất thấp như nước ta, tranh thủ nguồn lực bên ngoài là rất quan trọng. Phải có chính sách khôn khéo, cách làm có hiệu quả để mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài nhằm khai thác tốt nhất tiềm lực và lợi thế bên trong.

Vì vậy, chúng ta chủ trương mở rộng, *đa dạng hóa và đa phương hóa* quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật ; cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, *trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc*. Mở rộng cửa để tiếp thu tốt vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới, nhưng phải bảo đảm ổn định chính trị, an ninh quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường, hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa. Trong khi mở rộng hoạt động đối ngoại, tranh thủ mọi điều kiện quốc tế thuận lợi để tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới, chúng ta vẫn *thực hiện nhất quán chủ trương đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa*, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, phong trào không liên kết, với các lực lượng hòa bình tiến bộ khác trên thế giới, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì thắng lợi chung, phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của nước ta.

Chúng ta xây dựng *quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực*, tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài chung quanh nước ta, đáp ứng lợi ích của dân tộc ta và phù hợp với xu thế các nước, tăng cường liên kết khu vực vì hòa bình và phát triển. Đồng thời, mở rộng *quan hệ với các nước tư bản phát triển, với các nước khác và các tổ chức quốc tế*, như Đại hội VII đã tuyên bố : Việt nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phải phục vụ chiến lược phát triển kinh tế, từng bước đổi mới cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta phát triển nhanh. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm phát huy lợi thế của từng vùng, của các địa bàn trọng điểm, đồng thời bảo đảm sự thống nhất về kinh tế và chính trị của cả nước. Gắn mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với tiếp tục đổi mới hệ thống quản lý kinh tế, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ; phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành, khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh tế đối ngoại, trong đó quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Điều rất quan trọng là phải quản lý tốt, chống khuynh hướng vô tổ chức, vô kỷ luật, thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật, phù hợp với những tiêu chuẩn, thông lệ, tập quán chung của thị trường thế giới.

Trong *tổ chức thực hiện*, phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước đối với công tác đối ngoại, kết hợp chặt chẽ các lĩnh vực hoạt động từ đối ngoại về mặt Nhà nước, đối ngoại về đảng đến đối ngoại nhân dân ; kết hợp chặt chẽ đối ngoại và quốc phòng, an ninh. Một vấn đề có ý nghĩa quyết định là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao và kinh tế đối ngoại vững vàng về chính trị, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có phẩm chất, đạo đức trong sạch và có kiến thức, thành thạo nghiệp vụ, ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Digitized by Google

Thưa các đồng chí,

TRONG khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Nhận thức này cần được quán triệt sâu sắc hơn nữa trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Mấy năm qua, các thế lực thù địch đã không ngừng tiến hành các hoạt động chống phá đối với nước ta. Song, mọi âm mưu và thủ đoạn của chúng đều bị nhân dân ta đánh bại. Điều đó là do toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã có nhiều cố gắng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, áp dụng những biện pháp chủ động và có hiệu quả.

Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh của nhân dân ta trong những năm tới là : trên cơ sở phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thống nhất ý chí và hành động, đề cao cảnh giác, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, chấp hành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Để chấp hành tốt nhiệm vụ đó, phải ra sức phát triển kinh tế, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, làm lành mạnh môi trường xã hội, tạo cơ sở nâng cao sức mạnh về quốc phòng, an ninh. Phải coi củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước ; trong đó các lực lượng vũ trang, bao gồm quân đội nhân dân và công an nhân dân, là những lực lượng nòng cốt. Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân.

Cùng với việc từng bước củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang. Nâng cao chất lượng quân đội và công an, bảo đảm vững vàng trong mọi tình huống. Chăm lo đời sống cán bộ và chiến sĩ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội ; củng cố và tăng cường quan hệ quân dân ; rèn luyện phẩm chất, đạo đức, ra sức xây dựng các lực lượng vũ trang thật sự trong sạch, vững mạnh.

Thưa các đồng chí,

TRONG bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước hiện nay, do yêu cầu của công cuộc đổi mới đang được triển khai toàn diện, đồng bộ và đi vào chiều sâu, *công tác xây dựng đảng* đang nổi lên như một nhiệm vụ quan trọng nhất.

Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, có đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn gắn bó với nhân dân ; số đông cán bộ, đảng viên có phẩm chất cách mạng tốt đẹp. Nhờ đó Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách to lớn, đưa cách mạng nước ta không ngừng phát triển.

Tuy nhiên, chúng ta cần nghiêm túc nhìn nhận những mặt yếu kém của Đảng : một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu vững vàng về chính trị ; một số ít có những khuynh hướng tư tưởng chính trị lệch lạc. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí và phẩm chất cách mạng, đặc biệt phạm vào tệ tham nhũng. Một số do nhận thức chậm hoặc còn bảo thủ nên chưa quyết tâm đổi mới. Công tác cán bộ vẫn trì trệ kéo dài, nhất là chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo một cách chủ động, bảo đảm tính liên tục và kế thừa. Nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm ở nhiều nơi.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị đang còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Đồng thời lại có thêm những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường. Từ nhận thức, quan điểm, tư tưởng, đạo đức, phẩm chất đến tiêu

Digitized by Google

chuẩn cán bộ, đảng viên, chức năng và phương thức lãnh đạo của Đảng trong các loại tổ chức khác nhau, v.v. đều là những vấn đề đang đặt ra cho công tác xây dựng đảng phải xem xét, xử lý đúng đắn.

Trong khi đó thì sự lãnh đạo công tác xây dựng đảng, từ trung ương đến cấp ủy các cấp, chưa được quan tâm đầy đủ. Việc tổng kết kinh nghiệm xây dựng đảng chưa được coi trọng, chậm làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng đảng trong giai đoạn mới, nhất là từ khi chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, dân chủ hóa đời sống xã hội. Đã đến lúc chúng ta phải nhận thức sâu sắc và đặt đúng vị trí công tác xây dựng đảng trong toàn bộ hoạt động của Đảng. Trước hết, sự vững mạnh của Đảng ta bắt nguồn từ *đường lối chính trị* đúng đắn. Thực hiện đường lối đó, những thành tựu hiển nhiên của công cuộc đổi mới mấy năm qua đã góp phần ổn định tư tưởng trong Đảng và nhân dân, củng cố một bước niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đẩy lùi một phần những khuynh hướng chính trị tư tưởng sai lầm.

Trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới, thì đổi mới kinh tế là lĩnh vực khó khăn, phức tạp nhất. Chúng ta chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Điều đó là hoàn toàn cần thiết, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, nhằm giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi tiềm năng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Cùng với việc chăm lo phát triển kinh tế, phải chú trọng giải quyết những vấn đề xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí và sức khỏe của nhân dân.

Phải đổi mới và chỉnh đốn Đảng để bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực ; phát huy quyền làm chủ của nhân dân về mọi mặt ; xây dựng và kiện toàn Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ; nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước, tạo cơ sở để vừa khai thác được mặt tích cực, vừa hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, đưa công cuộc đổi mới tiến lên vững chắc.

Nhiệm vụ chủ yếu của *công tác tư tưởng* lúc này là làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên thấm nhuần sâu sắc các quan điểm và đường lối đổi mới, thể hiện ở cương lĩnh, chiến lược kinh tế - xã hội và các nghị quyết hội nghị Trung ương. Một mặt, phải đấu tranh tiếp tục khắc phục bệnh giáo điều, bảo thủ, kỳ thị kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường ; mặt khác, phải đấu tranh chống những khuynh hướng xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các văn kiện Đại hội VII đã phác họa những nét chủ yếu về mục tiêu xã hội chủ nghĩa và con đường đi đến mục tiêu ấy. Song, còn nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn đang được đặt ra, đòi hỏi phải làm rõ hơn. Ngay từ bây giờ, cần triển khai việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để đến hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng có thể cụ thể hóa thêm một bước những luận điểm trong cương lĩnh, và đến Đại hội VIII sẽ lại phát triển hơn nữa.

Đảng phải vững về chính trị tư tưởng, đồng thời phải mạnh về *tổ chức*, kết hợp một cách hữu cơ sức mạnh tư tưởng, tinh thần với sức mạnh về tổ chức.

Tập trung dân chủ luôn luôn là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, chỉ đạo các mối quan hệ trong tổ chức, trong sinh hoạt và trong hoạt động của Đảng. Nguyên tắc đó vừa bảo đảm phát huy tính tích cực, chủ động của từng người, từng cơ sở, địa phương, vừa gắn bó chặt chẽ toàn Đảng thành một khối thống nhất ý chí và hành động. Trước tình hình phức tạp và nhiệm vụ cách mạng to lớn hiện nay, tăng cường tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là vấn đề nổi lên hàng đầu.

Trong thời gian qua, bên cạnh tệ quan liêu, độc đoán, mất dân chủ, những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật, phát ngôn tùy tiện, vi phạm Điều lệ Đảng, coi thường pháp luật Nhà nước đã diễn ra ở nhiều đảng bộ, nhiều cán bộ, đảng viên. Trong bước đầu đổi mới, cơ chế, chính sách còn những thiếu sót, chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ. Trách nhiệm của chúng ta là phải phát hiện những thiếu sót đó, kiến

Digitized by Google

nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh dần, nhất thiết không được lợi dụng những thiếu sót, sơ hở hoặc vin cớ năng động, sáng tạo để làm sai, mưu đồ lợi ích cá nhân, cục bộ, vi phạm pháp luật Nhà nước và kỷ luật Đảng.

Phải thiết lập trật tự kỷ cương trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trước hết từ trong Đảng, vì bản thân Đảng có giữ được kỷ luật, kỷ cương thì mới có thể lãnh đạo việc lập lại trật tự, kỷ cương ngoài xã hội.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ giữa tăng cường tập trung, kỷ luật với mở rộng dân chủ nội bộ, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa cấp dưới và cấp trên, giữa địa phương với trung ương, trong đó lợi ích chung phải đặt trên lợi ích riêng, lợi ích cục bộ phải phục tùng lợi ích toàn cục. Trong nguyên tắc đó, quan hệ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là vấn đề quan trọng nhằm tránh chủ quan, sai lầm của cá nhân khi quyết định, đồng thời khắc phục tình trạng vô trách nhiệm, ỷ lại, dựa dẫm vào tập thể khi thực hiện.

Phải kiên quyết khắc phục tình trạng hữu khuynh, buông lỏng cuộc đấu tranh giữ vững các nguyên tắc tổ chức. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ, bè phái, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất tư tưởng và tổ chức của Đảng... đều phải thi hành kỷ luật nghiêm khắc.

Trong xây dựng đảng, *vấn đề cán bộ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng*, là *khâu then chốt*. Phải đào tạo đồng bộ đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp, các lĩnh vực có đầy đủ phẩm chất và năng lực ngang tầm nhiệm vụ to lớn và phức tạp hiện nay. Đặc biệt là cần làm tốt việc phát hiện, lựa chọn, rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ở trung ương và các cấp, chẳng những cho trước mắt, cho Đại hội VIII, mà cả cho những thập niên tới.

Yêu cầu nghiêm khắc đặt ra đối với cán bộ lãnh đạo là phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước khó khăn thử thách, một lòng một dạ vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, phải có kiến thức, có năng lực tư duy sáng tạo, nhạy cảm với cái mới, biết vận dụng đúng đắn những nguyên lý chung vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt nam, biết kết hợp tính kiên định về nguyên tắc với sự khôn khéo, mềm dẻo trong sách lược. Cán bộ lãnh đạo phải có đạo đức cách mạng trong sáng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, gần gũi nhân dân, có phong cách làm việc dân chủ, tôn trọng tập thể, trung thực, thẳng thắn, có ý thức tổ chức và kỷ luật cao, quyết đoán và dám chịu trách nhiệm, quy tụ và đoàn kết được mọi người.

Cần hình thành cơ chế phát hiện, tuyển lựa, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ, trước hết là đối với cán bộ lãnh đạo, bảo đảm xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo vững vàng và tài năng, cho trước mắt và chuẩn bị những thế hệ kế tiếp ; ngăn chặn được những phần tử cơ hội len lỏi vào các cơ quan lãnh đạo. Cơ chế đó phải bảo đảm tính tập thể trong việc đánh giá cán bộ, trong việc phát hiện, tuyển lựa những người ưu tú nảy nở từ phong trào quần chúng, từ hoạt động thực tiễn trên các lĩnh vực, với một quy trình dân chủ dựa vào nhân dân, vào đông đảo cán bộ, đảng viên mà nhận xét, bầu cử hoặc bổ nhiệm cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo.

Hiện nay, số cán bộ hưu trí khá đông, cần động viên các đồng chí đó tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp cách mạng, cung cấp thông tin để các đồng chí thường xuyên tiếp cận với những vấn đề mới và giao việc thích hợp tùy theo khả năng và điều kiện sức khỏe từng người, đồng thời quan tâm chăm sóc đời sống của cán bộ hưu.

Cần quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, khắc phục các căn bệnh quan liêu, độc đoán, gia trưởng, vụ lợi, tham nhũng, cục bộ, địa phương chủ nghĩa... Trong điều kiện Đảng cầm quyền lại thêm tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, và do ta thiếu những biện pháp có hiệu quả, nên nạn tham

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДО МЬЮЙ - Современность и наши задачи. НОНГ ДЬЫК МАНЬ -Актуальные проблемы, связанные с районами проживания нацменьшинств. НГУЕН ВАН ТЫ - Решение VII съезда КПВ и деятельность профсоюзов . **Социализм - теория и практика** * НГУЕН ФУ ЧОНГ - Правящая партия: представление о ней и ее способы руководства. ТЬЮ ТХАНЬ - Демократия и представительство как главный способ осуществления прав народа. ФАМ СУАН НАМ - Культура и некоторые вопросысоциально-экономического развития в нашей стране. БУЙ НГОК ЧИНЬ - Марксизм-ленинизм и победа Августовской революции .**Исслсдования - Обмсн мнсниями** * КУАНГ КАН - Новый этап социализма. ЛЬУ ХА ВИ - Вопрос собственности - систематический подход к нему . **Мнения и опыт** * НГУЕН ТХЕ ФАН- Некоторые вопросы о связи теории с политикой. ЛЕ ВИНЬ ЗАНЬ- Из деятельности негосударственного сектора экономики в г. Хошимине . **Расслсдованис** * НГУЕН ФЬЮНГ - Жизнь и занятость населения нацменьшинств в нашей стране.

CONTENTS

ĐỖ MƯỜI - Present times and our task. NÔNG ĐỨC MẠNH - Some urgent problems currently facing ethnic minorities. NGUYỄN VĂN TƯ - Resolution of the 7th National Congress of the Communist Party and Trade Union activities. ● **Socialism - Theory and Practice** ★ NGUYỄN PHÚ TRỌNG - The Party seizes power : concepts and mode of leadership. CHU THANH - Democracy and representativeness - the essential mode of implementing people's power. PHẠM XUÂN NAM - Culture and some problems in socio - economic development in this country. BÙI NGỌC TRÌNH - Marxism - Leninism and the victory of the August Revolution. ● **Research - Exchange of Views** ★ QUANG CẬN - New stage of socialism. LƯU HÀ VĨ - The issue of ownership : a systematic approach. ● **Opinions and Experiences** ★ NGUYỄN THẾ PHÂN - Some problems regarding the relationship between theory and politics. LÊ VINH DANH - From activities of the non - State economic sec tor in Ho Chi Minh City. ● **Investigation** ★ NGUYỄN PHƯƠNG - Living standards and employment among ethnic minority people in our country.

SOMMAIRE

ĐỖ MƯỜI - La conjoncture actuelle et notre tâche. NÔNG ĐỨC MẠNH - Quelques problèmes urgents dans les régions des ethnies minoritaires. NGUYỄN VĂN TƯ - Les résolutions du VIIe Congrès du Parti et les activités du Syndicat. ● **Le socialisme - théorie et pratique** ★ NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Le Parti au pouvoir : conceptions et mode de direction. CHU THÀNH - Démocratie et représentation, mode de réalisation du pouvoir du peuple. PHẠM XUÂN NAM - La culture et quelques problèmes du développement économico-social dans notre pays. BÙI NGỌC TRÌNH - Le marxisme-léninisme et la victoire de la Révolution d' Août. ● **Etudes - Echanges de vues** ★ QUANG CẬN - La nouvelle étape du socialisme. LƯU HÀ VĨ - Le problème de la propriété : une approche systématique. ● **Opinions et expériences** ★ NGUYỄN THẾ PHÂN - Quelques problèmes sur les rapports entre théorie et politique. LÊ VINH DANH - A partir des activités économiques non-étatiques de Ho Chi Minh-ville ● **Enquête** ★ NGUYỄN PHƯƠNG - La vie et l'emploi chez les ethnies minoritaires du Vietnam.

SUMARIO

ĐỖ MƯỜI - La presente actualidad y nuestra târea. NÔNG ĐỨC MẠNH - Algunos problemas apremiantes para con las regiones minoritarias en la actualidad. NGUYỄN VĂN TƯ - La Resolución del VII Congreso del Partido y la actividad del sindicato. ● **El socialismo - teoría y práctica** ★ NGUYỄN PHÚ TRỌNG - El Partido en poder : criterio y método de dirección. CHU THÀNH - Democracia y representación - métodos principales por ejecutar el poder del pueblo. PHẠM XUÂN NAM - La cultura y algunos problemas de desarrollo socio - económico en Vietnam. BÙI NGỌC TRÌNH - El marxismo - leninismo y la victoria de la Revolución de Agosto. ● **Estudios - Intercambios** ★ QUANG CẬN - El nuevo período del socialismo. LƯU HÀ VĨ - El problema de la propiedad - el método de acercamiento sistemático ● **Opinión y experiencia** ★ NGUYỄN THẾ PHÂN - Algunos problemas sobre la relación entre la teoría y la política. LÊ VINH DANH - A partir de la actividad de la economía no estatal en Ciudad Ho Chi Minh ● **Encuesta** ★ NGUYỄN PHƯƠNG - La vida y el empleo de la población de las nacionalidades minoritarias en nuestro país.

目錄

杜梅：當今時局與我們的任務。農德孟：少數民族地區目前若干迫切的任務。阮文恩：七大決議與工會活動。● 社會主義 - 理論與實踐 ★ 阮富仲：政黨觀念與領導方向。 周成：民主與代表，實現人民權力的主要方式。范春南：我國文化與發展經濟社會若干問題。裴玉程：馬列主義與八月革命勝利。● 研究與交換 ★ 光近：社會主義新階段。 劉何偉：對所有制問題的有系統地接近方法。● 意見與經驗 ★ 阮世芬：理論與政治之間關係的若干問題。黎榮名：胡志明市國營外經濟的活動。● 調查 ★ 原方：我國少數民族同胞的生活與就業。

Digitized by Google

THỜI CUỘC HIỆN NAY VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHÚNG TA*

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư BCH TƯ ĐCS Việt nam

Thưa các đồng chí,

TRONG năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Trung ương 2 về kinh tế - xã hội đã đạt được những tiến bộ mới đáng kể. Quốc hội khóa VIII đã thông qua Hiến pháp năm 1992, khẳng định mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng và củng cố Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Những tiến bộ đó cho thấy những khả năng phát triển mới, khẳng định rằng chúng ta chẳng những đứng vững được mà còn ở thế đi lên. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu và thuận lợi, đất nước vẫn còn đang đứng trước nhiều khó khăn, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp.

Để thích ứng với thời cuộc hiện nay, Đảng ta phải có những quyết sách đúng đắn, giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, mà trọng tâm là *phát triển kinh tế*, chăm lo đời sống nhân dân ; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại ; củng cố quốc phòng, an ninh ; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và mối liên hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân, tạo ra sức mạnh của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII.

Thưa các đồng chí,

TRONG năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động, tích cực *mở rộng hoạt động đối ngoại*, đẩy lùi thêm một bước chính sách bao vây, cô lập Việt nam, góp phần bảo đảm cho đất nước đứng vững và tiếp tục phát triển.

Kết quả đó cho thấy công tác đối ngoại có vị trí ngày càng quan trọng, góp phần *kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*, yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên.

Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta càng phải mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhằm góp phần thực hiện mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1991 - 1995 mà Đại hội VII đề ra : "Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay".

Chúng ta ra sức thực hiện nhiệm vụ giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo môi trường và điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn luôn nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, *bảo đảm lợi ích dân tộc, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.*

Lợi ích cao nhất của dân tộc ta mà cũng là của giai cấp công nhân hiện nay là nhanh chóng ra khỏi khủng

* Bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng (khóa VII)

Digitized by Google

hoảng, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập và tự do của Tổ quốc. Lợi ích đó phù hợp với lợi ích độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân các nước trên thế giới.

Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng điều quyết định thành công của công cuộc đổi mới là do sức mạnh của toàn dân ta, của con người, ý chí, trí tuệ và tiềm lực của đất nước. Đồng thời, chúng ta cũng hiểu rằng trong thời đại ngày nay, bất cứ nước nào, dù phát triển đến đâu, cũng không thể tự khép kín được. Với điểm xuất phát rất thấp như nước ta, tranh thủ nguồn lực bên ngoài là rất quan trọng. Phải có chính sách khôn khéo, cách làm có hiệu quả để mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài nhằm khai thác tốt nhất tiềm lực và lợi thế bên trong.

Vì vậy, chúng ta chủ trương mở rộng, *đa dạng hóa và đa phương hóa* quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật ; cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, *trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc*. Mở rộng cửa để tiếp thu tốt vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới, nhưng phải bảo đảm ổn định chính trị, an ninh quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường, hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa. Trong khi mở rộng hoạt động đối ngoại, tranh thủ mọi điều kiện quốc tế thuận lợi để tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới, chúng ta vẫn *thực hiện nhất quán chủ trương đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa*, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, phong trào không liên kết, với các lực lượng hòa bình tiến bộ khác trên thế giới, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì thắng lợi chung, phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của nước ta.

Chúng ta xây dựng *quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực*, tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài chung quanh nước ta, đáp ứng lợi ích của dân tộc ta và phù hợp với xu thế các nước, tăng cường liên kết khu vực vì hòa bình và phát triển. Đồng thời, mở rộng *quan hệ với các nước tư bản phát triển, với các nước khác và các tổ chức quốc tế*, như Đại hội VII đã tuyên bố : Việt nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phải phục vụ chiến lược phát triển kinh tế, từng bước đổi mới cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta phát triển nhanh. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm phát huy lợi thế của từng vùng, của các địa bàn trọng điểm, đồng thời bảo đảm sự thống nhất về kinh tế và chính trị của cả nước. Gắn mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với tiếp tục đổi mới hệ thống quản lý kinh tế, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ; phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành, khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh tế đối ngoại, trong đó quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Điều rất quan trọng là phải quản lý tốt, chống khuynh hướng vô tổ chức, vô kỷ luật, thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật, phù hợp với những tiêu chuẩn, thông lệ, tập quán chung của thị trường thế giới.

Trong *tổ chức thực hiện*, phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước đối với công tác đối ngoại, kết hợp chặt chẽ các lĩnh vực hoạt động từ đối ngoại về mặt Nhà nước, đối ngoại về đảng đến đối ngoại nhân dân ; kết hợp chặt chẽ đối ngoại và quốc phòng, an ninh. Một vấn đề có ý nghĩa quyết định là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao và kinh tế đối ngoại vững vàng về chính trị, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có phẩm chất, đạo đức trong sạch và có kiến thức, thành thạo nghiệp vụ, ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Digitized by Google

Thưa các đồng chí,

TRONG khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Nhận thức này cần được quán triệt sâu sắc hơn nữa trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Mấy năm qua, các thế lực thù địch đã không ngừng tiến hành các hoạt động chống phá đối với nước ta. Song, mọi âm mưu và thủ đoạn của chúng đều bị nhân dân ta đánh bại. Điều đó là do toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã có nhiều cố gắng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, áp dụng những biện pháp chủ động và có hiệu quả.

Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh của nhân dân ta trong những năm tới là : trên cơ sở phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thống nhất ý chí và hành động, đề cao cảnh giác, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, chấp hành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Để chấp hành tốt nhiệm vụ đó, phải ra sức phát triển kinh tế, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, làm lành mạnh môi trường xã hội, tạo cơ sở nâng cao sức mạnh về quốc phòng, an ninh. Phải coi củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước ; trong đó các lực lượng vũ trang, bao gồm quân đội nhân dân và công an nhân dân, là những lực lượng nòng cốt. Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân.

Cùng với việc từng bước củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang. Nâng cao chất lượng quân đội và công an, bảo đảm vững vàng trong mọi tình huống. Chăm lo đời sống cán bộ và chiến sĩ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội ; củng cố và tăng cường quan hệ quân dân ; rèn luyện phẩm chất, đạo đức, ra sức xây dựng các lực lượng vũ trang thật sự trong sạch, vững mạnh.

Thưa các đồng chí,

TRONG bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước hiện nay, do yêu cầu của công cuộc đổi mới đang được triển khai toàn diện, đồng bộ và đi vào chiều sâu, *công tác xây dựng đảng* đang nổi lên như một nhiệm vụ quan trọng nhất.

Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, có đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn gắn bó với nhân dân ; số đông cán bộ, đảng viên có phẩm chất cách mạng tốt đẹp. Nhờ đó Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách to lớn, đưa cách mạng nước ta không ngừng phát triển.

Tuy nhiên, chúng ta cần nghiêm túc nhìn nhận những mặt yếu kém của Đảng : một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu vững vàng về chính trị ; một số ít có những khuynh hướng tư tưởng chính trị lệch lạc. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí và phẩm chất cách mạng, đặc biệt phạm vào tệ tham nhũng. Một số do nhận thức chậm hoặc còn bảo thủ nên chưa quyết tâm đổi mới. Công tác cán bộ vẫn trì trệ kéo dài, nhất là chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo một cách chủ động, bảo đảm tính liên tục và kế thừa. Nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm ở nhiều nơi.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị đang còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Đồng thời lại có thêm những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường. Từ nhận thức, quan điểm, tư tưởng, đạo đức, phẩm chất đến tiêu

Digitized by Google

những vẫn đang lan tràn, gây nhức nhối và bất bình trong toàn xã hội. Đảng ta phải lãnh đạo kiên quyết bài trừ tệ nạn đó cho bằng được. Song cần nhận rõ đại bộ phận cán bộ, đảng viên là tốt, giữ vững phẩm chất, sống giản dị và lành mạnh. Vì vậy, đấu tranh bài trừ tham nhũng là cần thiết, song phải tỉnh táo chống lại mọi âm mưu lợi dụng cuộc đấu tranh đó để bôi nhọ Đảng và chế độ ta, kích động quần chúng.

Để chống tham nhũng, *một mặt*, phải tăng cường quản lý Nhà nước, tăng cường thanh tra và kiểm tra của các cơ quan chức năng và của nhân dân, tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức, xử lý nghiêm minh theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. *Mặt khác*, phải từng bước hoàn chỉnh cơ chế, chính sách và pháp luật nhằm bịt những kẽ hở dễ bị lợi dụng. Chủ trương cổ phần hóa một số xí nghiệp quốc doanh mà Hội nghị trung ương 2 quyết định làm thí điểm là một giải pháp có thể giúp chống tham nhũng có hiệu quả. Theo hướng đó, cổ phần hóa, trong đó phần của Nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối, sẽ khiến cho quyền làm chủ đối với xí nghiệp quốc doanh được cụ thể hơn ; từ đó việc quản lý tài sản của các xí nghiệp đó chặt chẽ hơn, tạo điều kiện bài trừ tham nhũng ngay từ gốc. Cổ phần hóa các xí nghiệp quốc doanh chính là một hình thức thực hiện chính sách kinh tế mới của Lê-nin trong điều kiện hiện nay. Mong rằng trong các biện pháp chống tham nhũng, Trung ương quan tâm hơn nữa đến vấn đề này.

Phải chăm lo *xây dựng các tổ chức cơ sở đảng*, xác định rõ vai trò, chức năng lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, khắc phục tình trạng thụ động, trì trệ của nhiều cơ sở đảng hiện nay.

Cơ sở là cấp triển khai thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, tổ chức cơ sở đảng, mọi cán bộ, đảng viên phải nắm chắc và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên một cách tích cực, năng động và sáng tạo, với những hình thức, biện pháp, bước đi cách làm phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng cơ sở. Đồng thời, từ những hoạt động thực tiễn phong phú ở cơ sở mà tích lũy kinh nghiệm, góp phần bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng. Trong mọi hoạt động của mình, tổ chức cơ sở đảng phải chăm lo tới lợi ích của nhân dân ở địa phương, đơn vị, đồng thời phải xuất phát từ lợi ích toàn cục, của cả nước, không được cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Để tổ chức cơ sở đảng đủ sức đảm đương chức năng, nhiệm vụ nặng nề, các cấp ủy đảng cấp trên phải hướng mạnh về cơ sở, nhất là đối với những cơ sở yếu kém, những cơ cở đảng ở các vùng xung yếu ; chăm lo củng cố tổ chức cơ sở đảng, gắn với củng cố tổ chức chính quyền, các đoàn thể, tổ chức quản lý kinh tế.

Phải có biện pháp thiết thực *nâng cao chất lượng đảng viên* ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ, đồng thời, phải có quan niệm mới về chất lượng đảng viên phù hợp với tình hình và nhiệm vụ hiện nay. Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi đảng viên phải có nhiệt tình cách mạng cao, có ý chí phấn đấu bền bỉ khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đảng khuyến khích đảng viên lao động cần cù, sáng tạo, gương mẫu trong sản xuất kinh doanh, tuân theo pháp luật, đạt hiệu quả cao, và hướng dẫn, lôi cuốn quần chúng cũng làm như mình, vừa ích nước vừa lợi nhà.

Nâng cao chất lượng đảng viên phải được tiến hành đồng bộ trên cả mấy mặt : giáo dục đảng viên về lý luận chính trị, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, về quản lý kinh tế, xã hội, về kiến thức nghiệp vụ, chuyên môn, rèn luyện đảng viên trong hoạt động thực tiễn. Tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Chăm lo phát triển Đảng, củng cố, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục, rèn luyện thanh niên, tạo nguồn bổ sung lực lượng cho Đảng.

Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân là điều có ý nghĩa cực kỳ to lớn.

Digitized by Google

Có chính quyền, Đảng có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân, thông qua hoạt động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thông qua bộ máy Nhà nước và nhiều tổ chức khác nhau trong hệ thống chính trị. Song bên cạnh mặt thuận lợi đó, cũng xuất hiện nguy cơ lớn là đảng cầm quyền bị quan liêu hóa, từ việc đề ra chủ trương, chính sách không hợp quy luật, không hợp lòng dân, phương pháp công tác xa rời quần chúng đến tình trạng tha hóa trong lối sống của một bộ phận cán bộ. Toàn Đảng ta phải đấu tranh loại trừ nguy cơ đó, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, củng cố, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

Đảng và Nhà nước phải chăm lo hoàn thiện các chính sách kinh tế - xã hội, lấy việc phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh làm mục tiêu cao nhất, kết hợp đúng đắn chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với cải thiện đời sống nhân dân, đẩy mạnh sản xuất đi đôi với phân phối công bằng, đẩy lùi bất công xã hội. Trước mắt, phải cố gắng giải quyết những khó khăn về việc làm, tiền lương và đời sống của người lao động, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, chăm sóc cuộc sống của những người về hưu, thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, với đất nước, những người già cả, tàn tật, nco đơn và trẻ em không nơi nương tựa... Kết hợp động lực tinh thần với lợi ích vật chất để đẩy mạnh phong trào quần chúng thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội và mọi nhiệm vụ chính trị.

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội có những biến động mới cần được tiến hành điều tra, nghiên cứu, phân tích một cách khoa học để từ đó có chính sách phù hợp.

Các tổ chức Đảng và chính quyền phải mở rộng dân chủ, xây dựng và phát huy quyền làm chủ thật sự của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Quyền làm chủ đó phải được thể chế hóa thành pháp luật, chính sách. Đồng thời, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của mọi người. Bảo đảm dân chủ đầy đủ đối với nhân dân, đồng thời đấu tranh chống những phần tử xấu lợi dụng dân chủ gây tổn hại đến lợi ích chung.

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" phải được xây dựng thành những quy chế cụ thể, nhất là về sản xuất và phân phối ở cơ sở. Tổ chức để nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến xây dựng pháp luật và những chính sách có quan hệ đến đông đảo nhân dân cũng như góp ý kiến phê bình các cơ quan và nhân viên Nhà nước về đạo đức, tác phong làm việc. Mở rộng tiếp xúc, đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo, đại diện cơ quan Nhà nước với nhân dân. Đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của dân phải được cơ quan có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời nhanh chóng. Phải chỉnh đốn các cơ quan Nhà nước, xử trí nghiêm minh những cán bộ, nhân viên lợi dụng chức quyền vơ vét, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, ức hiếp nhân dân. Phải nghiên cứu sớm lập tòa án kinh tế, tòa án hành chính, ban hành luật dân sự.

Mọi đảng viên đều phải được phân công làm công tác vận động nhân dân. Chi bộ và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, có chế độ để nhân dân nhận xét, đánh giá đảng viên, biểu dương đảng viên tốt, kiến nghị xử lý đảng viên không đủ tư cách, cũng như chế độ lấy ý kiến nhân dân trong việc kết nạp đảng viên mới.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể, chăm lo lợi ích thiết thực của nhân dân gắn với tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mở rộng nhiều hình thức tổ chức xã hội đa dạng, phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp, sở thích của mỗi lớp người để tập hợp nhân dân một cách rộng rãi.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là vấn đề bức thiết nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời tăng cường trách nhiệm và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, nâng cao vai trò của các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị.

Sự lãnh đạo của Đảng bao quát toàn diện các lĩnh

Digitized by Google

những vẫn đang lan tràn, gây nhức nhối và bất bình trong toàn xã hội. Đảng ta phải lãnh đạo kiên quyết bài trừ tệ nạn đó cho bằng được. Song cần nhận rõ đại bộ phận cán bộ, đảng viên là tốt, giữ vững phẩm chất, sống giản dị và lành mạnh. Vì vậy, đấu tranh bài trừ tham nhũng là cần thiết, song phải tỉnh táo chống lại mọi âm mưu lợi dụng cuộc đấu tranh đó để bôi nhọ Đảng và chế độ ta, kích động quần chúng.

Để chống tham nhũng, *một mặt*, phải tăng cường quản lý Nhà nước, tăng cường thanh tra và kiểm tra của các cơ quan chức năng và của nhân dân, tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức, xử lý nghiêm minh theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. *Mặt khác*, phải từng bước hoàn chỉnh cơ chế, chính sách và pháp luật nhằm bịt những kẽ hở dễ bị lợi dụng. Chủ trương cổ phần hóa một số xí nghiệp quốc doanh mà Hội nghị trung ương 2 quyết định làm thí điểm là một giải pháp có thể giúp chống tham nhũng có hiệu quả. Theo hướng đó, cổ phần hóa, trong đó phần của Nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối, sẽ khiến cho quyền làm chủ đối với xí nghiệp quốc doanh được cụ thể hơn ; từ đó việc quản lý tài sản của các xí nghiệp đó chặt chẽ hơn, tạo điều kiện bài trừ tham nhũng ngay từ gốc. Cổ phần hóa các xí nghiệp quốc doanh chính là một hình thức thực hiện chính sách kinh tế mới của Lê-nin trong điều kiện hiện nay. Mong rằng trong các biện pháp chống tham nhũng, Trung ương quan tâm hơn nữa đến vấn đề này.

Phải chăm lo *xây dựng các tổ chức cơ sở đảng*, xác định rõ vai trò, chức năng lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, khắc phục tình trạng thụ động, trì trệ của nhiều cơ sở đảng hiện nay.

Cơ sở là cấp triển khai thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, tổ chức cơ sở đảng, mọi cán bộ, đảng viên phải nắm chắc và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên một cách tích cực, năng động và sáng tạo, với những hình thức, biện pháp, bước đi cách làm phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng cơ sở. Đồng thời, từ những hoạt động thực tiễn phong phú ở cơ sở mà tích lũy kinh nghiệm, góp phần bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng. Trong mọi hoạt động của mình, tổ chức cơ sở đảng phải chăm lo tới lợi ích của nhân dân ở địa phương, đơn vị, đồng thời phải xuất phát từ lợi ích toàn cục, của cả nước, không được cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Để tổ chức cơ sở đảng đủ sức đảm đương chức năng, nhiệm vụ nặng nề, các cấp ủy đảng cấp trên phải hướng mạnh về cơ sở, nhất là đối với những cơ sở yếu kém, những cơ cở đảng ở các vùng xung yếu ; chăm lo củng cố tổ chức cơ sở đảng, gắn với củng cố tổ chức chính quyền, các đoàn thể, tổ chức quản lý kinh tế.

Phải có biện pháp thiết thực *nâng cao chất lượng đảng viên* ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ, đồng thời, phải có quan niệm mới về chất lượng đảng viên phù hợp với tình hình và nhiệm vụ hiện nay. Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi đảng viên phải có nhiệt tình cách mạng cao, có ý chí phấn đấu bền bỉ khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đảng khuyến khích đảng viên lao động cần cù, sáng tạo, gương mẫu trong sản xuất kinh doanh, tuân theo pháp luật, đạt hiệu quả cao, và hướng dẫn, lôi cuốn quần chúng cũng làm như mình, vừa ích nước vừa lợi nhà.

Nâng cao chất lượng đảng viên phải được tiến hành đồng bộ trên cả mấy mặt : giáo dục đảng viên về lý luận chính trị, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, về quản lý kinh tế, xã hội, về kiến thức nghiệp vụ, chuyên môn, rèn luyện đảng viên trong hoạt động thực tiễn. Tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Chăm lo phát triển Đảng, củng cố, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục, rèn luyện thanh niên, tạo nguồn bổ sung lực lượng cho Đảng.

Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân là điều có ý nghĩa cực kỳ to lớn.

Digitized by Google

Có chính quyền, Đảng có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân, thông qua hoạt động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thông qua bộ máy Nhà nước và nhiều tổ chức khác nhau trong hệ thống chính trị. Song bên cạnh mặt thuận lợi đó, cũng xuất hiện nguy cơ lớn là đảng cầm quyền bị quan liêu hóa, từ việc đề ra chủ trương, chính sách không hợp quy luật, không hợp lòng dân, phương pháp công tác xa rời quần chúng đến tình trạng tha hóa trong lối sống của một bộ phận cán bộ. Toàn Đảng ta phải đấu tranh loại trừ nguy cơ đó, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, củng cố, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

Đảng và Nhà nước phải chăm lo hoàn thiện các chính sách kinh tế - xã hội, lấy việc phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh làm mục tiêu cao nhất, kết hợp đúng đắn chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với cải thiện đời sống nhân dân, đẩy mạnh sản xuất đi đôi với phân phối công bằng, đẩy lùi bất công xã hội. Trước mắt, phải cố gắng giải quyết những khó khăn về việc làm, tiền lương và đời sống của người lao động, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, chăm sóc cuộc sống của những người về hưu, thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, với đất nước, những người già cả, tàn tật, neo đơn và trẻ em không nơi nương tựa... Kết hợp động lực tinh thần với lợi ích vật chất để đẩy mạnh phong trào quần chúng thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội và mọi nhiệm vụ chính trị.

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội có những biến động mới cần được tiến hành điều tra, nghiên cứu, phân tích một cách khoa học để từ đó có chính sách phù hợp.

Các tổ chức Đảng và chính quyền phải mở rộng dân chủ, xây dựng và phát huy quyền làm chủ thật sự của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Quyền làm chủ đó phải được thể chế hóa thành pháp luật, chính sách. Đồng thời, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của mọi người. Bảo đảm dân chủ đầy đủ đối với nhân dân, đồng thời đấu tranh chống những phần tử xấu lợi dụng dân chủ gây tổn hại đến lợi ích chung.

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" phải được xây dựng thành những quy chế cụ thể, nhất là về sản xuất và phân phối ở cơ sở. Tổ chức để nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến xây dựng pháp luật và những chính sách có quan hệ đến đông đảo nhân dân cũng như góp ý kiến phê bình các cơ quan và nhân viên Nhà nước về đạo đức, tác phong làm việc. Mở rộng tiếp xúc, đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo, đại diện cơ quan Nhà nước với nhân dân. Đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của dân phải được cơ quan có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời nhanh chóng. Phải chỉnh đốn các cơ quan Nhà nước, xử lí nghiêm minh những cán bộ, nhân viên lợi dụng chức quyền vơ vét, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, ức hiếp nhân dân. Phải nghiên cứu sớm lập tòa án kinh tế, tòa án hành chính, ban hành luật dân sự.

Mọi đảng viên đều phải được phân công làm công tác vận động nhân dân. Chi bộ và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, có chế độ để nhân dân nhận xét, đánh giá đảng viên, biểu dương đảng viên tốt, kiến nghị xử lý đảng viên không đủ tư cách, cũng như chế độ lấy ý kiến nhân dân trong việc kết nạp đảng viên mới.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể, chăm lo lợi ích thiết thực của nhân dân gắn với tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mở rộng nhiều hình thức tổ chức xã hội đa dạng, phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp, sở thích của mỗi lớp người để tập hợp nhân dân một cách rộng rãi.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là vấn đề bức thiết nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời tăng cường trách nhiệm và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, nâng cao vai trò của các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị.

Sự lãnh đạo của Đảng bao quát toàn diện các lĩnh

Digitized by Google

dân tộc ở nước ta là đất tự nhiên rộng lớn, có những nơi đất rất phì nhiêu (như ở Tây nguyên). Rừng, tài nguyên, khoáng sản khá phong phú. Nhiều nơi có khả năng trồng cây công nghiệp ngắn và dài ngày, cây đặc sản có giá trị kinh tế cao ; chăn nuôi thuận lợi ; nguồn thủy điện với quy mô nhỏ, vừa và lớn có thể phát triển ở nhiều nơi, v.v..

Bên cạnh mặt thuận lợi, còn khá nhiều yếu tố đang cản trở sự phát triển kinh tế các vùng dân tộc thiểu số : tình trạng phổ biến là thiếu vốn, thiếu lao động, nhất là lao động và chuyên gia các ngành kinh tế kỹ thuật. Kết cấu hạ tầng (như đường giao thông, hệ thống thông tin, liên lạc, cầu phà, bến bãi...) cực kỳ lạc hậu và thiếu thốn. Địa hình phức tạp, hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt là thế bất lợi trong giao lưu giữa vùng nọ với vùng kia.

Mấy năm qua, kinh nghiệm bước đầu của công cuộc đổi mới giúp chúng ta tìm ra một số hướng đi mới, khắc phục khó khăn, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, tạo cơ sở bước đầu, phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số.

Một là, đổi mới cơ chế giao đất giao rừng cho hộ gia đình nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế lâu dài của người lao động.

Trên cơ sở rà soát lại và điều chỉnh hợp lý quỹ đất đai, thực hiện giao đất, giao rừng cho người lao động. Những nông lâm trường và các đơn vị kinh tế quốc doanh làm ăn kém hiệu quả có thể chuyển quyền sử dụng tài sản cố định (kể cả đất và rừng) của mình cho nông lâm trường viên và đồng bào dân tộc thiểu số trong vùng. Nông lâm trường và các tổ chức kinh tế quốc doanh chuyển sang làm dịch vụ về vốn, vật tư, kỹ thuật, đảm bảo chế biến, tiêu thụ sản phẩm, (đầu vào đầu ra) hỗ trợ và thúc đẩy sản xuất cho các hộ gia đình. Tổ chức chặt chẽ việc ký kết, giao kèo trách nhiệm giữa các thành phần kinh tế. Thay đổi hình thức khoán (cả lượng và chất) việc trồng và chăm sóc rừng. Người nhận khoán biết rõ phần mình được hưởng trong khối lượng công việc khoán. Bà con thực sự coi rừng là của mình, không chặt phá rừng và biết bảo vệ rừng.

Những nơi thiếu đất canh tác, chính quyền địa phương cần có kế hoạch chuẩn bị chu đáo đưa đồng bào đến nơi có điều kiện sản xuất, sinh sống. Hạn chế ở mức thấp nhất tình trạng di cư tự do, tự phát gây khó khăn , phức tạp cho cả người mới đến và đồng bào địa phương. Thực hiện định canh, định cư theo quan điểm tổng hợp, đồng bộ, vững chắc. Định canh gắn với định cư, làm cơ sở cho định cư. Định cư cần có cuộc sống ban đầu ổn định để phát triển sản xuất. Định canh, định cư cần được xử lý trong tổng thể công tác xây dựng vùng kinh tế mới, giao đất, giao rừng theo cơ chế phù hợp, từng bước nâng cao đời sống.

Hai là, từng vùng, từng dân tộc xác định đúng cơ cấu kinh tế để phát triển sản xuất. Trên cơ sở điều tra nghiên cứu, nắm chắc đặc điểm thiên nhiên, khí hậu, đất đai, lao động, tài nguyên để xác định phương hướng xây dựng cơ cấu kinh tế thích hợp. Mỗi vùng dân tộc bố trí kinh tế rừng kết hợp với kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Khôi phục và phát huy những nghề truyền thống của địa phương ; mở thêm ngành nghề mới tùy theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Phát triển công nghiệp, đặc biệt công nghiệp chế biến với quy mô nhỏ và vừa.

Phát huy vai trò chủ đạo của các ngành kinh tế quốc doanh đối với kinh tế địa phương. Các tổ chức kinh tế quốc doanh hướng dẫn, giúp đỡ thúc đẩy các thành phần kinh tế khác cùng phát triển ; ứng dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ ; làm công tác lưu thông, cung cấp nhu yếu phẩm ; giúp dân vay vốn, chăm lo phúc lợi công cộng trên địa bàn.

Chú ý phát triển kinh tế tập thể trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với trình độ sản xuất, quản lý của nhân dân mỗi vùng. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi gia đình, mọi người tham gia sản xuất kinh doanh. Trong nông lâm nghiệp, lấy hộ gia đình làm đơn vị sản xuất cơ bản. Có chính sách và định hướng sản xuất phù hợp với quy hoạch chung

Digitized by Google

từng vùng theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa. Những dân tộc ở vùng có nhiều khó khăn cần có những hình thức bước đi phù hợp để chuyển dần từ kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc sang kinh tế hàng hóa.

Điều tra khảo sát tình hình các mặt, giúp cho việc thẩm định những luận chứng kinh tế, xã hội ; nắm chắc các đặc điểm dân tộc, dân cư, các điều kiện tự nhiên để xây dựng các vùng kinh tế chiến lược như Tây nguyên, vùng núi phía Bắc, vùng đồng bằng Nam bộ, đặc biệt là những vùng biên giới.

Ba là, nhà nước áp dụng hình thức đa dạng với những cơ chế thích hợp huy động được nhiều nguồn vốn ; có chính sách đầu tư đồng bộ, có trọng điểm nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hiện nay, đồng bào các dân tộc thiểu số sản xuất chưa đủ ăn, chưa có tích lũy để tái sản xuất. Nếu không có sự đầu tư giúp đỡ của nhà nước, của các dân tộc anh em và các thành phần kinh tế, thì khẩu hiệu tự lực tự cường là không thực tế. Đồng bào vẫn không có điều kiện vật chất để phát triển sản xuất kinh doanh, mãi mãi giẫm chân tại chỗ và có khi còn thụt lùi trong nền kinh tế tự nhiên, tự túc tự cấp, hủy hoại môi trường.

Việc huy động được nhiều nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, tăng cường nguồn vốn đầu tư của nhà nước và huy động các nguồn vốn trong dân, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc. Trong những hướng đó, đặc biệt coi trọng chính sách hỗ trợ của ngân sách nhà nước nhằm đầu tư đồng bộ, có trọng điểm theo chương trình và dự án vào những lĩnh vực và vùng dân tộc quan trọng.

Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng một số cơ sở hạ tầng cho các vùng dân tộc thiểu số ; lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung du miền núi đến năm 2000 và dự thảo những giải pháp ổn định kinh tế - xã hội đối với các vùng dân tộc thiểu số đặc biệt có nhiều khó khăn, thiếu thốn. Bộ tài chính tăng trợ cấp ngân sách cho các vùng dân tộc thiểu số ; quy định một số chế độ ưu đãi trong phân phối lưu thông, trong ngân hàng tín dụng. Hàng loạt dự án đầu tư của các ngành, các cấp đã, đang và sẽ được triển khai.

Điều quan trọng là quản lý, sử dụng những khoản đầu tư (dù còn hạn chế nhưng rất cần thiết) một cách chặt chẽ, kịp thời, có hiệu quả, đúng đối tượng (đúng người, đúng việc), thực sự tạo cơ sở cho đồng bào ổn định để phát triển sản xuất và nâng cao đời sống.

3- *Nâng cao trình độ văn hóa, trình độ giác ngộ chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số.*

Thành công hay thất bại của quá trình phát triển dân tộc phụ thuộc vào yếu tố con người - con người có học vấn, có tri thức khoa học, kỹ thuật, có tinh thần yêu nước, giàu lòng nhân ái, đoàn kết giúp đỡ nhau.

Hiện nay, ở nhiều vùng dân tộc thiểu số, kẻ địch đang lợi dụng các hoạt động tôn giáo để móc nối với một số phần tử xấu, tuyên truyền xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta, dùng thủ đoạn kích động tư tưởng, tranh thủ quần chúng các dân tộc. Nạn khai thác khoáng sản quý hiếm một cách tùy tiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, trị an và môi trường. Nạn nghiện hút lan tràn và thâm nhập sâu vào đối tượng thanh thiếu niên. V.v.. Nguyên nhân của tình hình đó có nhiều, nhưng chủ yếu vẫn là do trình độ văn hóa, ý thức chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số còn thấp, chưa theo kịp những biến đổi nhanh chóng, lớn lao của xã hội và thời đại.

Nâng cao dân trí sẽ góp vào quá trình phân công lao động xã hội, và thực chất đây là quá trình biến đổi tư duy con người từ lối tư duy hạn hẹp trong nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, dần dần thích nghi với nền sản xuất hàng hóa.

Nâng cao dân trí cũng là quá trình giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, ngăn chặn sự xâm nhập của nền văn hóa đồi trụy, lai căng, làm ảnh hưởng đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của đồng bào các dân tộc. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân

Digitized by Google

tộc không có nghĩa chỉ khư khư coi dân tộc mình là hơn hết, dẫn đến tình trạng khép kín, bảo thủ, không mở cửa, không giao lưu với các dân tộc khác. Sức mạnh mỗi dân tộc sẽ được nhân lên bởi bản lĩnh và tiềm năng của chính dân tộc mình, đồng thời biết hấp thụ những yếu tố tinh túy của dân tộc khác.

4- Xây dựng đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc thiểu số .

Cán bộ các dân tộc thiểu số hiện nay còn quá ít, chất lượng lại yếu ; đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu ; sử dụng còn nhiều khâu không hợp lý, kém hiệu quả. Một trong những trở ngại lớn của công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc hiện nay là trình độ học vấn của cán bộ nói chung còn quá thấp ; chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác cán bộ dân tộc chậm đổi mới, thiếu quy hoạch, thiếu đầu tư thường xuyên dựa trên một mục tiêu chiến lược chung.

Trước hết phải nhận thức sâu sắc quan điểm đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc xuất phát từ những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc thiểu số. Phải thể hiện sự nhất quán trong ba khâu chính : giáo dục phổ thông để nâng cao mặt bằng dân trí và tạo nguồn cán bộ ; giáo dục chuyên nghiệp để đào tạo chuyên gia và cán bộ kỹ thuật ; bồi dưỡng và đào tạo nâng cao để có cán bộ quản lý, lãnh đạo ở các cấp, các ngành, các địa phương. Ở mỗi "công đoạn" ấy, điều cốt lõi là nâng cao chất lượng đào tạo để mỗi người khi ra trường có đủ khả năng giải quyết những công việc mình phụ trách. Đổi mới công tác đào tạo, cần tiến hành từ khâu tuyển sinh đến khâu xây dựng nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy...

Xây dựng quy hoạch đào tạo ở các trường nguồn ; đào tạo cán bộ người dân tộc cấp vĩ mô gồm những người lãnh đạo, các chuyên gia, các nhà khoa học nghiên cứu về dân tộc, cán bộ cấp địa phương, cấp cơ sở xã, bản v.v.. Đa dạng hóa công tác đào tạo đối với tất cả các loại đối tượng trên. Tăng cường đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo cán bộ. Trong công tác đầu tư này, chú ý đầu tư để xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số, người có uy tín ở địa phương (như già làng, trưởng bản), cần có chính sách tốt hơn để cán bộ từ nơi khác đến yên tâm, phấn khởi, sẵn sàng mang hết sức lực, tâm trí phục vụ cho sự nghiệp phát triển ở miền núi và vùng các dân tộc thiểu số.

Sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở các vùng dân tộc ngày càng cần cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo kinh tế và công nhân kỹ thuật. Đã đến lúc cần đẩy công tác đào tạo trở thành một nhiệm vụ trung tâm được tiến hành như một cuộc vận động cách mạng lớn trong nhân dân, trong cán bộ đảng viên. Cuộc vận động này nhằm ba mục đích : 1) Củng cố nền tảng giáo dục mà trước hết là xóa mù chữ bằng mọi biện pháp, mọi hình thức ; 2) Phổ cập tiểu học trong nhân dân, quan tâm đặc biệt đến con em trong độ tuổi đi học ; 3) Thực hiện nghĩa vụ học tập văn hóa, nâng cao trình độ của cán bộ và đảng viên, thực chất đây là yếu tố quyết định để thoát ra khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu. Tất nhiên, đây là cuộc vận động vô cùng khó khăn, phức tạp. Vì vậy, cần tổ chức chặt chẽ, đồng bộ, có tuyên truyền giáo dục, có chính sách khuyến khích, động viên thỏa đáng. Nguồn tài trợ trong nước và ngoài nước cần chú ý tập trung cho cuộc vận động này.

Nhà nước cần đầu tư mở trường tập trung, đào tạo lâu dài, chuẩn bị những cán bộ chủ chốt cho các vùng dân tộc thiểu số. Để có một đội ngũ thầy giáo, thầy thuốc và cán bộ các loại nói chung đủ mạnh hoạt động ở các vùng này, trong chương trình đào tạo cần chú ý giáo dục bổ trợ những kiến thức về dân tộc học, về công tác dân vận, về đặc điểm kinh tế tự nhiên miền núi, về bản sắc văn hóa của các dân tộc... Chỉ có như vậy mới dần dần tạo được ý thức tự giác và tình cảm gắn bó giữa cán bộ của Đảng với đồng bào các dân tộc thiểu số.

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII CỦA ĐẢNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN

NGUYỄN VĂN TƯ *

ĐẠI hội VII Đảng cộng sản Việt nam đã có sự nhất trí cao trên tất cả các vấn đề về quan điểm, đường lối có ý nghĩa quyết định đến vận mệnh của đất nước. Đại hội đã khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa, chỉ ra những đặc trưng chủ yếu của xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; đồng thời đã xác định mục tiêu và những nhiệm vụ cần tập trung giải quyết trong những năm 1991-1995. Đại hội cũng đã xác lập các quan điểm cơ bản về xây dựng đảng, khẳng định tính chất giai cấp công nhân của Đảng, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, vì dân, do dân ; xác định rõ vai trò chức năng của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể xã hội, chính trị nhằm từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Công nhân, lao động và các tổ chức công đoàn nhất trí cao với các nghị quyết của Đảng, nguyện làm hết sức mình cùng nhân dân cả nước phấn đấu thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng. Trước mắt phong trào công nhân và công đoàn cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng yếu sau đây :

1- *Đóng góp tích cực vào việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Đây là con đường để phát huy mọi tiềm năng sản xuất của xã hội, đưa đất nước vượt qua tình trạng đói nghèo và chậm phát triển, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Với chức năng của mình, công đoàn tích cực tham gia cùng nhà nước xây dựng pháp luật, chính sách, tạo điều kiện và môi trường cho các thành phần kinh tế phát triển, đồng thời hạn chế tới mức thấp nhất tác động tiêu cực của cơ chế thị trường đối với người lao động.

- Kinh tế quốc doanh là sức mạnh của nhà nước, là môi trường và địa bàn quan trọng của tổ chức và hoạt động công đoàn. Vì vậy, quan tâm đầu tiên của phong trào công nhân và công đoàn là góp phần làm cho kinh tế quốc doanh thực hiện được vai trò chủ đạo và chức năng quản lý vĩ mô của nhà nước. Nhà nước có những quyết sách cụ thể về cơ chế quản lý, về sắp xếp lại các cơ sở sản xuất qhốc doanh và tổ chức lại lao động trong khu vực này. Công đoàn ủng hộ các chủ trương đó, nhưng mặt khác, công đoàn phải kịp thời phát hiện những quyết sách chưa phù hợp với thực tế, có những kiến nghị cụ thể trong việc thực hiện quyền lợi c'ính đáng của người lao động. Công đoàn đặc biệt quan tâm tác động đến yếu tố xã hội và người lao động trong sản xuất kinh doanh. Sự quan tâm đó tập trung vào các vấn đề tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần nhằm kích thích tính năng động sáng tạo của hàng triệu công nhân viên chức, khiến cho họ thực sự quan tâm đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm cho kinh tế quốc doanh đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh. Tham gia với các cơ quan quản lý và doanh nghiệp bồi dưỡng nâng cao tay nghề và nghiệp vụ thích ứng với kỹ thuật sản xuất mới. Công đoàn tham gia với nhà nước đổi mới cơ chế quản lý, phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ của công nhân lao động ở cơ sở ; triển khai việc

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt nam

Digitized by Google

thực hiện quyền và trách nhiệm của công đoàn theo đúng Luật công đoàn ; đấu tranh với mọi biểu hiện mất dân chủ, trù dập quần chúng, vi phạm Luật công đoàn. Việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội là mục tiêu của hoạt động công đoàn, là điều kiện để có phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Vì thế, phải chú ý đồng bộ tất cả các yếu tố đó.

- Tham gia tích cực với nhà nước tạo mọi điều kiện và môi trường cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển. Có làm được như vậy, chúng ta mới huy động được mọi tiềm năng của nhân dân vào phát triển sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập quốc dân để có điều kiện thoát ra khỏi đói nghèo. Trong bước khởi đầu rất quan trọng này, công đoàn phải đề xuất với nhà nước tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách, để mọi người dân có thể yên tâm bỏ vốn vào sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt, công đoàn phải có nhận thức và phương pháp đúng đắn để tham gia giải quyết các mối quan hệ chủ - thợ theo đúng pháp luật, vừa đảm bảo lợi ích của người lao động, vừa đảm bảo lợi ích hợp pháp của chủ doanh nghiệp. Công đoàn chủ động tham gia với nhà nước sớm ban hành các chính sách bảo hiểm xã hội đối với công nhân lao động và viên chức thuộc tất cả các thành phần kinh tế. Công đoàn chủ động vận động phong trào bảo đảm an toàn lao động trong tất cả các cơ sở sản xuất, đặc biệt các cơ sở sản xuất tư nhân, tiểu thủ công nghiệp, và trong sản xuất nông nghiệp.

2-*Chủ động tham gia xây dựng các chính sách xã hội, bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của công nhân, lao động*. Dưới chủ nghĩa xã hội, chính sách xã hội đúng đắn, vì hạnh phúc con người, là mục tiêu của các chính sách kinh tế, là động lực to lớn để phát huy tài năng của nhân dân. Chính sách xã hội bao hàm nhiều loại vấn đề, đa dạng và phức tạp. Có loại vấn đề do lịch sử, do hậu quả chiến tranh để lại ; có loại vấn đề nảy sinh từ nền kinh tế lạc hậu, kém phát triển ; có loại vấn đề mới phát sinh trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Phải có thời gian và phải từng bước giải quyết trên cơ sở kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội ; kết hợp khả năng của nhà nước với của nhân dân, của trung ương với của địa phương. Thực hiện chức năng bảo vệ lợi ích người lao động, công đoàn chủ động tham gia xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách xã hội và kiểm tra việc thực hiện các chính sách ấy. Đồng thời đi vào các hoạt động xã hội, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái để tập hợp rộng rãi người lao động, làm cho họ gắn bó với công đoàn, chủ động ghé vai cùng nhà nước giải quyết những khó khăn chung của xã hội. Theo tinh thần đó, công đoàn cần tập trung vào các việc :

- Tham gia với nhà nước giải quyết việc làm cho người lao động. Đây là vấn đề bức xúc, cũng là vấn đề lâu dài và chỉ có thể giải quyết từng bước trên cơ sở tăng trưởng kinh tế, phát triển sản xuất và dịch vụ, kết hợp trách nhiệm của nhà nước với của từng người, từng cơ sở, từng địa phương. Trong phát triển kinh tế hàng hóa gắn với thị trường, chúng ta quan niệm việc làm không chỉ bó hẹp trong biên chế nhà nước. Việc làm là mọi hoạt động trong khuôn khổ pháp luật có ích cho xã hội, tạo cho người lao động có được thu nhập để tự nuôi sống mình và có phần đóng góp cho xã hội. Với nhận thức như thế, công đoàn cần tham gia cùng nhà nước xây dựng và thực hiện chương trình quốc gia về việc làm, xây dựng các chính sách về lao động, đào tạo nghề nghiệp, và chế độ quản lý cư trú dân cư. Mở rộng các trung tâm đào tạo nghề, thông tin giới thiệu việc làm, hướng dẫn các thủ tục hợp đồng lao động... Tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế để thực hiện các chương trình về giải quyết việc làm. Ở các nơi có điều kiện, công đoàn cũng có thể đứng ra tập hợp những người lao động tự nguyện tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, để tạo thêm việc làm cho người lao động. Công đoàn phát động công nhân lao động chủ động tham gia thực hiện đa dạng hóa sản phẩm trong sản xuất để có thêm việc làm. Công đoàn quan tâm giải quyết các chính sách đối với số lao động dôi ra, tạo điều kiện hỗ trợ họ

Digitized by Google

tự học tập, tự đào tạo lại, tự tìm nghề mới và việc làm mới.

- Tiếp tục tham gia với nhà nước từng bước thực hiện cải cách tiền lương, làm cho tiền lương bảo đảm tái sản xuất sức lao động và thực sự là đòn bẩy kích thích người lao động quan tâm đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả công tác. Cần thấy rằng, cải cách tiền lương là một quá trình không đơn giản. Vì vậy, công đoàn phải có cái nhìn tổng quát, thấy hết khó khăn và khả năng ngân sách của nhà nước, không nôn nóng, thật sự bình tĩnh, dồn sức vào giải quyết các vấn đề mang tính tiền đề như : sắp xếp lại tổ chức sản xuất kinh doanh, sắp xếp lại bộ máy, giảm biên chế hành chính,sự nghiệp... Tách chính sách xã hội ra khỏi tiền lương, xây dựng các quỹ bảo trợ xã hội, quỹ từ thiện, từng bước cải cách chính sách nhà ở. Đổi mới chính sách y tế, hình thành quỹ bảo hiểm xã hội. Phát triển giáo dục một cách toàn diện, có ưu tiên từng cấp và từng vùng.

- Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm 30 năm quản lý sự nghiệp bảo hiểm xã hội, công đoàn cần tích cực chủ động tham gia với nhà nước xây dựng luật mới về bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII của Đảng. Đồng thời, xây dựng pháp lệnh về bảo hộ lao động, đẩy mạnh phong trào an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Công đoàn đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động kế hoạch hóa dân số. Coi trọng chỉ đạo cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới.

3 - *Làm nòng cốt xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh.*

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Công việc này, phụ thuộc vào các chính sách kinh tế xã hội, là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị. Công đoàn là tổ chức rộng rãi của giai cấp công nhân, có trách nhiệm nòng cốt, xung kích trong đó. Chúng ta quan niệm xây dựng giai cấp công nhân trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là xây dựng một giai cấp công nhân kiên định lý tưởng xã hội chủ nghĩa, làm chủ các ngành sản xuất tiên tiến, then chốt, tiếp cận với công nghệ hiện đại, với thị trường, năng động, sáng tạo và đi đầu trong công cuộc đổi mới. Nắm vững mục tiêu đó, chúng ta dồn vào trọng tâm chăm sóc đội ngũ công nhân các ngành then chốt, đội ngũ công nhân trẻ, công nhân lành nghề và công nhân nữ.

- Coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng con người mới và tập thể lao động mới. Đổi mới chương trình giáo dục sao cho phù hợp với điều kiện sản xuất, ngành nghề, đời sống và nguyện vọng của các đối tượng công nhân. Các phong trào hành động cách mạng, các hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thông tin báo chí của công đoàn phải hướng vào mục tiêu đó.

- Là tổ chức chính trị-xã hội rộng lớn của công nhân, lao động, công đoàn là nhân tố tích cực xây dựng khối liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức. Động viên công nhân, lao động trong các cơ sở kinh tế đổi mới phương thức kinh doanh đáp ứng yêu cầu của nông dân ; động viên cán bộ lao động trong các ngành nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa... tích cực góp phần vào việc xây dựng nông thôn mới. Công đoàn cần mở rộng các hình thức thu hút, tập hợp lực lượng trí thức, mặt khác cùng nhà nước chăm lo, bảo vệ lợi ích hợp pháp của họ, tạo mọi điều kiện để họ lao động sáng tạo. Công đoàn phấn đấu làm tốt cầu nối giữa trí thức với Đảng và nhà nước. Khắc phục những định kiến hẹp hòi với trí thức trong mọi hoạt động của công đoàn ; bảo đảm cho các công trình lao động sáng tạo được đưa vào ứng dụng và được trả công xứng đáng.

4- *Góp phần tích cực vào việc đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.*

- Mục tiêu và động lực đổi mới hệ thống chính trị là thực hiện bằng được dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nội dung đổi mới này bao gồm chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng, khơi dậy

Digitized by Google

mọi tiềm năng và sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân. Đổi mới chính trị là một lĩnh vực phức tạp, cần thận trọng và có bước đi thích hợp, vừa thực hiện được đổi mới vừa giữ vững được ổn định, kiên quyết không để xáo trộn. Khâu cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới thật tốt mối quan hệ giữa các thành viên trong hệ thống. Công đoàn là một thành viên trong hệ thống đó, vì vậy khi đổi mới tổ chức và hoạt động, phải luôn luôn quán triệt các quan điểm, mục tiêu, nội dung, phương châm và bước đi trong đổi mới chính trị mà Đảng ta đã đề ra. Mặt khác, phải cảnh giác với những kẻ cơ hội, bất mãn, phản động, lợi dụng đổi mới để kích động quần chúng.

- Để góp phần tích cực nhất cho đổi mới hệ thống chính trị, công đoàn phải tự thân đổi mới. Mục tiêu đổi mới tổ chức và hoạt động của công đoàn là tập hợp trong công đoàn đông đảo công nhân và lao động thuộc mọi thành phần kinh tế (kể cả các cán bộ, đoàn viên công đoàn đã về nghỉ theo chính sách) tự nguyện phấn đấu vì lợi ích của người lao động, vì dân chủ và đổi mới xã hội. Hình thành cho được một hệ thống tổ chức phù hợp với cơ chế sản xuất mới, nâng cao năng lực và hiệu lực của bộ máy tổ chức công đoàn, xây dựng một đội ngũ cán bộ đủ bản lĩnh và năng lực thực hiện các chức năng của công đoàn. Hệ thống tổ chức công đoàn cần được phát triển đa dạng, phù hợp với các loại hình sản xuất và các thành phần kinh tế, bảo đảm cho các công đoàn cơ sở thực sự là nơi tập hợp và tổ chức quần chúng lao động ở cơ sở. Mô hình tổ chức công đoàn mới là vấn đề cần được nghiên cứu thận trọng và có bước đi khẩn trương, tích cực. Đổi mới và tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công đoàn là một nhiệm vụ cấp bách. Cán bộ công đoàn bao gồm cán bộ dân cử, chuyên gia, viên chức công đoàn. Cán bộ *dân cử* phải là người trưởng thành trong phong trào, được quần chúng tín nhiệm, lựa chọn. Cán bộ *chuyên gia và viên chức* công tác lâu dài trong các cơ quan công đoàn, nhất định phải được tiêu chuẩn hóa. Những cán bộ đó phải nắm vững các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, có hiểu biết về quản lý kinh tế, nắm chắc chức năng, nhiệm vụ công đoàn và biết hoạt động trong thực tiễn phong trào công nhân và xã hội. Để có một đội ngũ cán bộ như thế, trường công đoàn phải vừa là trung tâm đào tạo huấn luyện, vừa là trung tâm nghiên cứu lý luận về phong trào công nhân và công đoàn. Đổi mới công tác quản lý cán bộ, xác định rõ trách nhiệm cho từng loại hình cán bộ, là một đòi hỏi cấp bách. Nghiên cứu cải tiến chế độ đãi ngộ đối với các loại cán bộ công đoàn.

- Công đoàn phải tích cực góp phần xây dựng và bảo vệ Đảng ; thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa Đảng với đông đảo công nhân, lao động. Để thực hiện yêu cầu đó, công đoàn cần tích cực tham gia cuộc vận động làm trong sạch Đảng, giới thiệu những công nhân ưu tú vào Đảng. Các cấp công đoàn cần chủ động đề xuất với cấp ủy đảng đổi mới quy chế lãnh đạo ; chủ động, độc lập trong hoạt động, nhưng không xa rời sự lãnh đạo của cấp ủy đảng. Toàn bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản của hệ thống công đoàn phải nhằm phục vụ tuyên truyền về Đảng, về chủ nghĩa xã hội, tăng cường ảnh hưởng của Đảng trong đông đảo công nhân, lao động.

- Tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền, đấu tranh khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, là việc làm thường xuyên của các cấp công đoàn. Công đoàn cùng nhà nước triển khai thực hiện đúng Luật công đoàn mới, xây dựng quy chế phối hợp giữa công đoàn và cơ quan nhà nước ở từng cấp, nhất là cấp cơ sở. Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của công đoàn theo luật định. Hình thành các trung tâm tư vấn, dịch vụ pháp luật, giúp cho công nhân, lao động sử dụng đúng quyền khiếu nại, tố cáo, quyền và nghĩa vụ công dân.

- Phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể bạn trong việc tổ chức các phong trào quần chúng, trong việc thực hiện các nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đóng góp tích cực vào việc tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, các giai cấp và các tổ chức chính trị-xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt nam.

Digitized by Google

ĐẢNG CẦM QUYỀN : QUAN NIỆM VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

TRONG quá trình nghiên cứu lý luận về đảng, chúng ta đã đề cập không ít đến vấn đề *đảng cầm quyền*. Nhưng có lẽ vì đây là vấn đề rất mới và rất khó đối với chúng ta cho nên chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cơ bản và cặn kẽ. Cho đến nay, vẫn còn có những ý kiến băn khoăn xung quanh vấn đề này, ngay cả từ những nội dung rất cơ bản như : thế nào là đảng cầm quyền ? Đảng có phải là cơ quan quyền lực không ? Có nên nói Đảng ta là đảng cầm quyền không ? Đảng và nhà nước là hai hệ thống quyền lực song song hay đảng nên "hóa thân" vào nhà nước, "biến thành" nhà nước ? Đảng cầm quyền trong điều kiện một đảng khác trong điều kiện đa đảng ở chỗ nào ? Đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa khác ở các nước tư bản chủ nghĩa ra sao ?...

Trả lời cho được những câu hỏi đó rõ ràng là không đơn giản, nó đòi hỏi phải có sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc của nhiều người. Trong khuôn khổ một bài báo, tôi xin nêu một số suy nghĩ bước đầu của mình, mong được góp phần vào việc nghiên cứu chung một vấn đề còn đang bề bộn.

*

Một thời gian khá dài trước đây, cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, ở nước ta có những cách hiểu không đúng về "đảng cầm quyền". Từ đó dẫn đến những việc làm chưa phù hợp, nhất là trong quan hệ giữa sự lãnh đạo của đảng và vai trò quản lý của nhà nước, làm hạn chế việc phát huy dân chủ. Hệ thống chính trị của xã hội chưa thực sự thể hiện và thực hiện được quyền làm chủ của nhân dân. Tình trạng phổ biến là đảng làm thay công việc của chính quyền, bận rộn quá nhiều vào các công việc của nhà nước và các tổ chức kinh tế, gần như đảng cũng là cơ quan quyền lực nhà nước, đứng trên nhà nước. Bọn chống cộng, bọn thù địch vin vào đó đã lu loa lên rằng đảng cộng sản là "đảng trị", "đảng - nhà nước", "chế độ cộng sản là chế độ cực quyền" !

Nhận ra những thiếu sót và khuyết điểm, chúng ta chủ trương phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cũng như toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị theo hướng thật sự tôn trọng và phát huy vai trò của nhà nước, bảo đảm thực hiện tốt quyền làm chủ của nhân dân. Nhưng từ đó lại có khuynh hướng muốn xem nhẹ, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Có người đã bắt chước nước ngoài nêu ra những khẩu hiệu mị dân, kiểu như : "tất cả chính quyền về tay nhân dân", "trả lại quyền lực cho nhà nước" ; Đảng hãy "lui về tuyến sau", "rút vào hậu trường". Ở một số cơ quan, xí nghiệp đã có những biểu hiện coi thường, phủ nhận sự lãnh đạo của tổ chức đảng. Có người đề nghị không nên ghi vào Hiến pháp điều khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, không nên nói "đảng cầm quyền", "đảng lãnh đạo toàn diện". Rằng Đảng chỉ nên lãnh đạo chính trị định hướng rộng, v.v. và.v.v...

Không phải tất cả những người đưa ra các ý kiến nói trên đều là xấu, là phản động. Trừ những nhà tư tưởng chống cộng, những phần tử thù địch, bất mãn, chống đối, hoặc một số người nhận thức mơ hồ, còn hầu hết trong đội ngũ chúng ta đều muốn nghiên cứu, tìm tòi đóng góp cho công cuộc đổi mới. Chúng ta cần tôn trọng và lắng nghe lẫn nhau. Vì thật ra đây là vấn đề rất khó và phức tạp, nhiều khía cạnh lý luận và thực tiễn chưa được tổng kết và làm sáng tỏ. Không ít việc đang còn vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Ngay như gần đây, trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu, có ý kiến cho rằng phải đổi mạnh phương thức lãnh đạo của Đảng, đề cao hơn nữa quyền hạn và trách nhiệm của nhà nước.

Digitized by Google

Ngược lại, có ý kiến đề nghị phải nắm chắc và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sợ nhấn mạnh quyền hạn của nhà nước thì tuột mất vai trò lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân.

Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, chúng ta đã từng bước nhận thức rõ hơn và cũng đã có những đổi mới nhất định về phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm vừa nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng vừa tăng cường hiệu lực của nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị. Đã bước đầu xác định được mối quan hệ và lề lối làm việc giữa Đảng, nhà nước và các đoàn thể ; và ở một số nơi, một số lĩnh vực đã xây dựng được quy chế công tác. Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp hoạt động bớt hình thức, có thực quyền hơn.

Tuy nhiên, ở nhiều nơi, nhất là ở cơ sở, vẫn còn lúng túng, chưa phân biệt rõ chức năng, nhiệm vụ giữa Đảng và chính quyền. Có khi định hướng chung, quan điểm chung thì nhất trí, nhưng đi vào cụ thể hóa, xây dựng quy định, quy chế thì còn vướng mắc. Nhiều trường hợp vẫn chưa phân biệt được vấn đề nào cấp ủy cần ra nghị quyết, vấn đề nào ủy ban quyết định ; bí thư cấp ủy giải quyết công việc khác chủ tịch thế nào ; vấn đề nào cấp ủy chỉ cần nêu định hướng, có phải cấp ủy chỉ nêu định tính để chính quyền nêu định lượng không... Có không ít nghị quyết của cấp ủy còn giống như của chính quyền, và ngược lại.

Trong công tác cán bộ, chưa có một cơ chế và quy trình thật hợp lý để bảo đảm thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý công tác cán bộ, đồng thời phát huy vai trò của các cơ quan chính quyền, bảo đảm phối hợp công tác giữa cấp ủy và chính quyền, giữa ban tổ chức của đảng với ban tổ chức chính quyền.

Hệ thống tổ chức bộ máy của đảng nên thế nào, có nhất thiết bên nhà nước có bộ, sở gì thì bên đảng có ban, phòng tương ứng không ; cấp ủy đảng sử dụng bộ máy của chính quyền thế nào ; bí thư cấp ủy có nên kiêm chức vụ đứng đầu chính quyền không,... cũng là những vấn đề còn không ít ý kiến khác nhau. Nhiều ban, phòng "lập" rồi lại "bỏ", "bỏ" rồi lại "lập" ; có trường hợp "tách ra rồi lại nhập vào" mà không có căn cứ thật xác đáng...

Vì sao có những lúng túng như trên ? Chắc chắn là có nhiều nguyên nhân. Nhưng theo tôi, có lẽ có một nguyên nhân cơ bản là do chúng ta chưa có một quan niệm thật đầy đủ, nhất quán và thống nhất về vấn đề đảng cầm quyền.

*

"Đảng cầm quyền", "đảng chấp chính", "đảng nắm chính quyền" là những thuật ngữ được dùng từ lâu, ngay cả ở các nước tư bản chủ nghĩa, để chỉ rõ vai trò, trách nhiệm của đảng khi đã có chính quyền, phân biệt đảng nắm chính quyền với những đảng không nắm chính quyền, chưa giành được chính quyền, hoặc không có vai trò gì đối với chính quyền. Trong một xã hội có nhiều giai cấp và tầng lớp, có thể có nhiều đảng (vì đảng là tổ chức của những người tự nguyện cùng chung một chí hướng đấu tranh cho lợi ích của một giai cấp, tầng lớp nhất định). Trong đó có đảng cầm quyền, có đảng không cầm quyền. Tùy theo điều kiện và tương quan lực lượng cụ thể ở mỗi nước mà có thể do một đảng hoặc một số đảng liên minh với nhau cầm quyền. Đảng cầm quyền có nghĩa là đảng lãnh đạo chính quyền, chi phối chính quyền, làm cho mọi hoạt động của chính quyền thể hiện và thực hiện tư tưởng, đường lối của đảng đó, phù hợp với lập trường và lợi ích của đảng đó. Đồng thời đảng sử dụng bộ máy chính quyền và thông qua chính quyền để lãnh đạo toàn xã hội.

Nhà nước theo nghĩa gốc của nó, là công cụ thống trị của một giai cấp hoặc một liên minh giai cấp, bảo vệ lợi ích của giai cấp mình. Đảng chính trị của một giai cấp được tổ chức ra để lãnh đạo giai cấp đấu tranh giành chính quyền và dùng chính quyền đó để cải tạo xã hội theo hướng có lợi cho giai cấp mình, phục vụ cho lợi ích của giai cấp mình. Thực tế trên thế giới ngày nay không có nhà nước nào không chịu sự lãnh đạo, chi phối của một đảng hoặc một số đảng. Các nhà tư tưởng tư sản có cố tình che giấu bản chất giai cấp của nhà nước tư sản, nêu cao chiêu bài bịp bợm "nhà nước dân chủ", "nhà nước nhân dân", thì cũng không thể lảng tránh được câu hỏi : nhà nước, chính phủ của họ nằm trong tay đảng nào ? Do ai nắm giữ (dù bằng con đường bạo lực, đảo chính lật đổ, hay bằng phương pháp nghị trường, "bầu cử tự do"...) ? Và nó phục vụ cho lợi ích của ai ?

Ở nước ta, dù diễn đạt cách nào thì Đảng cộng sản Việt nam thực tế đang là đảng cầm quyền, hơn nữa là đảng duy nhất cầm quyền. Điều đó không phải tự nhiên mà có, mà là thành quả của bao nhiêu

Digitized by Google

năm đấu tranh gian khổ của toàn đảng toàn dân ta. Đảng ta được thành lập năm 1930, phải 15 năm sau, năm 1945, trải qua biết bao hy sinh thử thách, hàng loạt cán bộ, đảng viên, nhân dân, trong đó có rất nhiều lãnh tụ xuất sắc của Đảng hy sinh, Đảng ta mới thành công trong việc lãnh đạo nhân dân giành chính quyền. Rồi tiếp theo sau đó, ròng rã suốt 30 năm, trải hai cuộc chiến tranh ác liệt, chúng ta mới củng cố, giữ vững chính quyền, giành được chính quyền trọn vẹn trong cả nước. Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước là nhân tố quyết định bảo đảm cho nhà nước thật sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta bằng sự nhạy cảm và óc thực tế, đã thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng ta. Ngay cả những khi Đảng phạm khuyết điểm, sai lầm, nhân dân vẫn thông cảm và sẵn sàng giúp đỡ Đảng sửa chữa khuyết điểm sai lầm. Vì nhân dân thấy lợi ích của mình gắn liền với sự nghiệp của Đảng, mục đích lý tưởng của Đảng cũng là ước mơ, nguyện vọng của nhân dân. Và trong thực tế cho đến nay chưa có tổ chức chính trị nào khác ngoài Đảng cộng sản Việt nam có đủ khả năng, uy tín và bản lĩnh lãnh đạo đất nước.

Rõ ràng, không nên vì sửa chữa khuyết điểm trong phương thức lãnh đạo của Đảng mà đi đến buông trôi hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng. Không nên vì khắc phục bệnh "bao biện" "làm thay" mà không dám nhận Đảng ta là đảng cầm quyền, hoặc không dám nói Đảng là người lãnh đạo toàn diện đất nước. Kinh nghiệm ở Liên xô và Đông Âu thời gian qua cho thấy, chỉ cần một chút mơ hồ, buông lỏng sự lãnh đạo của đảng là lập tức tạo điều kiện cho các thế lực thù địch và đối lập dấn tới phá rã sự lãnh đạo của đảng, cướp lại chính quyền, đưa đất nước đi con đường khác. Mặt khác, chỉ có khẳng định rõ Đảng ta là đảng cầm quyền thì mới xác định đúng nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy mặt thuận lợi và hạn chế mặt nhược điểm, ngăn ngừa những nguy cơ của một đảng chấp chính.

Đảng cầm quyền có nghĩa là Đảng phải nắm chắc vai trò lãnh đạo chính quyền, *lãnh đạo toàn xã hội, chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước dân tộc*. Như Bác Hồ đã nói, Đảng chẳng những phải lo những việc lớn như biến đổi nền kinh tế và văn hóa, mà còn lo đến cả những việc nhỏ như "tương cà mắm muối" là những thứ cần thiết cho đời sống thường ngày của nhân dân. Nếu dân đói là Đảng có lỗi, nếu dân rét là Đảng có lỗi, nếu dân ốm, dân dốt là Đảng đều có lỗi. Không thể nói Đảng chỉ lãnh đạo chính trị chung chung, không chịu trách nhiệm gì trước nhân dân và dân tộc. Khi đã trở thành đảng cầm quyền, Đảng không chỉ đại biểu cho lợi ích của giai cấp mình là giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trở thành đội tiên phong chính trị của cả dân tộc. Điều quan trọng là Đảng phải có phương thức lãnh đạo đúng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của mình.

Trách nhiệm cao quý và nặng nề trước hết của Đảng là *vạch ra cương lĩnh, đường lối đúng để lãnh đạo, dẫn dắt cả nước đi lên*. Đây là trách nhiệm không ai thay thế được Đảng. Nhất là ở vào những thời điểm có tính chất bước ngoặt như hiện nay, khi mà trong nước và thế giới có những diễn biến rất nhanh và hết sức phức tạp. Hàng loạt vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đòi hỏi phải được làm sáng tỏ và có câu trả lời chính xác. Vì vậy, các cấp ủy đảng, trước hết là Trung ương Đảng có nhiệm vụ tập trung thời gian và sức lực vào lãnh đạo nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, nắm bắt những vấn đề mới nảy sinh, bám sát các sự kiện đang vận động, hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của nhân dân, dự báo chiều hướng phát triển của tình hình để rút ra những kết luận cần thiết, khẳng định những quan điểm định hướng cho sự tiến lên.

Ví dụ : Đảng cần làm sáng tỏ và sâu sắc hơn các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, từng bước cụ thể hóa và hoàn thiện các vấn đề nêu trong *Cương lĩnh* và *Chiến lược*, kết luận được một số vấn đề lâu nay vẫn bàn cãi như vấn đề sở hữu, vấn đề bóc lột và làm thuê, vấn đề hiệu quả của kinh tế quốc doanh, vấn đề kế hoạch và thị trường, vấn đề kinh tế thị trường và công bằng xã hội... Không chỉ dừng lại ở những định hướng chung mà đi sâu vào những mô hình cụ thể, giải pháp cụ thể.

Đề ra được cương lĩnh, đường lối đúng, Đảng lại phải lãnh đạo *đưa cương lĩnh, đường lối đó vào nội dung hoạt động của nhà nước*, thể chế hóa tư tưởng, quan điểm của Đảng thành chính sách, luật pháp của nhà nước. Đảng cầm quyền nào cũng phải làm như vậy. Đó là lý do tồn tại, là chức năng cực kỳ quan trọng của đảng cầm quyền. Nói cách khác, cương lĩnh, đường lối của đảng cầm quyền

Digitized by Google

phải biến thành chính sách, luật pháp của nhà nước, thấm sâu vào từng "chân tơ kẽ tóc" trong chính sách, luật pháp của nhà nước. Khi nhân dân thực hiện chính sách, luật pháp của nhà nước, cũng tức là thực hiện đường lối của Đảng. Khi tòa án xét xử một tội phạm, kết luận một tội danh hoặc tuyên phạt một mức án là căn cứ theo điều luật của nhà nước, tức cũng là thể hiện quan điểm, tư tưởng, thái độ của Đảng. Đảng không cần chỉ đạo từng công việc cụ thể thường ngày của nhà nước, không ra chỉ thị, mệnh lệnh cho cơ quan nhà nước.

Còn làm thế nào để biến cương lĩnh, đường lối của Đảng thành chính sách, luật pháp của nhà nước, thì đó là cơ chế, phương thức, là nghệ thuật lãnh đạo của đảng. Một biện pháp có ý nghĩa quyết định là Đảng phải *cử phần lớn những cán bộ, đảng viên có uy tín, có năng lực, có tính đảng cao vào hoạt động trong các cơ quan nhà nước, nắm giữ những cương vị then chốt trong bộ máy nhà nước*, đồng thời có cơ chế kiểm tra hoạt động của các đảng viên đó. Ở những nước thực hiện chế độ nhiều đảng thì các đảng phải ra tranh cử, đảng nào được nhiều đại biểu nhất thì đảng đó nắm chính quyền. Ở một số nước tư bản, chủ tịch của đảng cầm quyền thường được cử làm thủ tướng chính phủ. Các đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước có trách nhiệm vận động, thuyết phục các cơ quan nhà nước thực hiện quan điểm, đường lối của đảng và ra sức hoạt động biến đường lối của đảng thành hiện thực ; mọi đảng viên phải chấp hành các quyết định của đảng, phục tùng kỷ luật đảng.

Ở nước ta, Đảng chủ trương lựa chọn và giới thiệu các đảng viên có trình độ, năng lực và phẩm chất, có tính đảng sang hoạt động ở Quốc hội. Một số trưởng ban hoặc phó trưởng ban của trung ương có thể tham gia các ủy ban của Quốc hội. Ở các địa phương, bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy có thể ứng cử vào chức vụ chủ tịch hội đồng nhân dân ; một số cấp ủy viên được giới thiệu đứng đầu cơ quan quản lý ngành của chính quyền (đương nhiên phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn của từng chức danh và phải thông qua bầu cử hoặc bổ nhiệm theo quy định của nhà nước). Làm như vậy chính là để tăng thêm sự thống nhất giữa Đảng và nhà nước, vừa giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa tăng cường hiệu lực thực tế của nhà nước.

Có đồng chí lo ngại rằng nếu cán bộ chủ chốt của Đảng đảm nhiệm cả chức vụ chủ chốt của chính quyền thì dễ sinh ra độc đoán chuyên quyền, phải có cơ chế gì để kiểm tra, kiểm chế, ngăn ngừa tiêu cực. Đúng là phải có cơ chế. Ngoài sự giáo dục, quản lý của chi bộ, sự giám sát phê bình của nhân dân, theo tôi, một trong những cơ chế bảo đảm sự lãnh đạo và kiểm tra hoạt động của các đảng viên trong bộ máy nhà nước chính là *đảng đoàn* (ở các cơ quan dân cử) và *ban cán sự đảng* (ở các cơ quan chấp hành). Đảng thông qua đảng đoàn và ban cán sự đảng để lãnh đạo các cơ quan nhà nước (bao gồm cả việc quán triệt thực hiện các nghị quyết của Đảng, bố trí và quản lý đội ngũ cán bộ, kiểm tra hoạt động của cơ quan nhà nước) ; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các đảng viên trong các cơ quan đó, bảo đảm mọi đảng viên đều chấp hành các nghị quyết của Đảng, đưa tư tưởng, quan điểm của Đảng vào hoạt động của bộ máy nhà nước và biến nó thành hiện thực. Cơ chế này là sự thể hiện và tạo điều kiện để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng và tính chất dân chủ, thuyết phục trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước, hạn chế và khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo của đảng hoặc áp đặt, ra lệnh, gò ép các cơ quan nhà nước.

Một biện pháp nữa rất quan trọng là Đảng cần *nắm chắc và dựa vào đoàn thể quần chúng, thông qua các đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo để vận động, tổ chức các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng, củng cố nhà nước*, tham gia các công việc nhà nước, giám sát, kiểm tra hoạt động của nhà nước và của các cán bộ, đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước, bảo vệ nhà nước, bảo vệ pháp luật, giúp cho nhà nước hoạt động có hiệu lực và hiệu quả, đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục bệnh quan liêu, tệ tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác trong bộ máy nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước là làm cho nhà nước thật sự là nhà nước của dân, do dân và vì dân, một nhà nước vững mạnh, có hiệu lực, hoạt động năng động theo đúng chức trách và thẩm quyền do luật định, theo đúng đường lối quan điểm của Đảng và gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa khác về căn bản với nhà nước tư sản ở chỗ : đó không phải là ông chủ đứng trên nhân dân, cai trị dân, mà chính là tổ chức cao nhất, tập trung nhất quyền làm chủ của nhân dân, nòng cốt là giai cấp công nhân,

(Xem tiếp trang 27)

Digitized by Google

DÂN CHỦ ĐẠI DIỆN - Phương thức chủ yếu thực hiện quyền lực của nhân dân

CHU THÀNH *

Nói tới dân chủ, không thể không nói tới hai phương thức thực hiện nó là phương thức trực tiếp (dân chủ trực tiếp) và phương thức gián tiếp (dân chủ đại diện). Mông-te-xki-ơ, Giôn Lốc, Vôn-te đề cao phương thức dân chủ đại diện. Theo Mông-te-xki-ơ "nhân dân không phải tự mình hành động mà hành động thông qua những người đại diện". Khác Mông-te-xki-ơ, J.J. Rút-xô ca tụng nhiệt thành phương thức dân chủ trực tiếp, quan niệm "ý chí, chủ quyền (của nhân dân) không thể được đại diện". Như thế là giai cấp tư sản với bản chất thực dụng của nó, ngay buổi đầu đã nhìn đúng vấn đề cần giải quyết : *cơ chế thực hiện dân chủ.*

Lịch sử phát triển của chế độ dân chủ xác nhận dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp đều có những ưu thế và nhược điểm riêng, đều chứa đựng những yếu tố hợp lý lẫn không hợp lý.

Ưu thế của dân chủ trực tiếp được thể hiện rõ nét, là một cơ chế không bị quan liêu do thực hiện được trực tiếp ý chí của nhân dân. Nhược điểm cơ bản của nó là khả năng thực thi có hạn, đặc biệt trong điều kiện các quốc gia có lãnh thổ rộng, dân cư đông và trình độ dân trí thấp.

Dân chủ đại diện cho đến nay được coi là phương thức thực hiện dân chủ có những ưu điểm cơ bản : thể hiện tính hợp lý, khả năng thực thi, bảo đảm được sự sáng suốt trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đời sống cộng đồng. Trên thực tế, các giai cấp đại diện các nền dân chủ đều sử dụng dân chủ đại diện như phương tiện chính để thể hiện và thực hiện nền dân chủ mà nó đại biểu. Dân chủ tư sản, ở giai đoạn đầu, phương thức đại diện chiếm ưu thế tuyệt đối. Đó là thời kỳ thịnh trị của các nghị viện. Thông qua nghị viện, các thiết chế dân chủ được xác lập và hoàn thiện dần. Hiện nay, mặc dù giai cấp tư sản hạ thấp vị trí quyền lực của nghị viện, ở nhiều nơi, dân chủ đại diện vẫn là phương tiện chính để thực hiện nền dân chủ tư sản, vẫn có vị trí trội so với phương thức trực tiếp.

Nhận thức vị trí khách quan của phương thức đại diện trong việc thực hiện dân chủ, Lê-nin khẳng định : không thể quan niệm một nền dân chủ, dù là dân chủ vô sản, mà lại không có cơ quan đại diện.

*

Việc luận giải một cách khoa học về phương diện lý luận phương thức chủ yếu thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa là điều rất quan trọng. Trong một thời gian dài, có nhiều ý kiến cho rằng, dân chủ trực tiếp - được quan niệm như một sự áp dụng và mở rộng chế độ tự quản cho các tập thể lao động, tổ chức xã hội... - dường như thể hiện đầy đủ, triệt để quyền lực nhân dân, là hình thức cao hơn so với dân chủ đại diện.

Tuy dân chủ trực tiếp (kể cả hình thức trưng cầu ý dân) có ưu điểm lớn, cần được áp dụng đúng đắn, nhưng quan niệm nó như phương thức chính, mang tính trội trong việc thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thì không nên. Trong thực tiễn, quan niệm đó là một trong những nguyên nhân làm phương thức dân chủ đại diện chưa được chú trọng

---

* Phó tiến sĩ luật học

Digitized by Google

đúng mức. Mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan đại diện ở các nước xã hội chủ nghĩa trong nhiều thập kỷ đã không được đổi mới một cách thực chất. Phương thức dân chủ đại diện trở thành một cơ chế mang tính hình thức, mất đi khả năng thể hiện và thực hiện chức năng xã hội đích thực của nó - phương tiện chủ yếu thực hiện quyền lực của nhân dân.

Dân chủ là khái niệm gắn liền với nhà nước. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là quyền lực nhân dân được thực hiện thông qua nhà nước, bằng nhà nước.

Lê-nin cho rằng, trong nhà nước cộng hòa dân chủ (nhà nước xã hội chủ nghĩa) tất cả quyền hành thống nhất, đầy đủ và không chia sẻ trong tay toàn thể nhân dân. Mặc dù nhân dân tồn tại dưới hình thức các giai cấp, các tầng lớp có lợi ích khác nhau, nhưng nhân dân đồng thời cũng là một khối thống nhất cùng chung sống, tạo thành một quốc gia, có chung một lợi ích. Ở đây quyền lực chính trị (quyền lực của giai cấp công nhân) và quyền lực nhân dân (quyền lực chung của cả cộng đồng) là thống nhất, cái mà về nguyên tắc không thể có được ở các nhà nước trước đó.

Tuy nhiên, trong sự thống nhất giữa nhân dân và nhà nước xã hội chủ nghĩa, không phải không có yếu tố mâu thuẫn. Nguồn gốc của quyền lực nhà nước là quyền lực nhân dân, nhưng bệnh quan liêu vốn dĩ của nhà nước luôn có xu hướng tách nhà nước ra khỏi nhân dân, đặc biệt khi bộ máy nhà nước được thiết kế và xây dựng không hợp lý, không có cơ chế kiểm soát. Để đảm bảo bản chất dân chủ, nhân dân của nhà nước, việc cải cách bộ máy nhà nước không thể không thực hiện theo phương hướng "nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân" (1).

Quan niệm "nhà nước của dân, do dân, vì dân", xét về mặt lịch sử, đã được giai cấp tư sản nêu ra. Ở Mỹ, A.Lin-côn tuyên bố công thức này dưới áp lực của nhu cầu tự do và là thành quả của cuộc nội chiến dẫn đến giải phóng chế độ nô lệ. Ở Pháp, quan niệm đó đã được ghi nhận thành nguyên tắc Hiến pháp... Nhưng, xét về bản chất, quan niệm đó trong xã hội tư bản không thể vượt khỏi giới hạn của dân chủ tư sản. Một nhà nước theo quan niệm như trên, chỉ thật sự có được khi xuất hiện nền tảng của sự thống nhất giữa nhân dân và nhà nước.

Yếu tố "do dân" phản ánh phương thức nhân dân tổ chức, xây dựng nhà nước. "Do dân" có ảnh hưởng mang tính quyết định đến các yếu tố "của dân", "vì dân". Chỉ khi nhà nước thật sự do nhân dân quyết định thì nó mới có cơ sở vững chắc để không đi chệch khỏi mục đích vì dân, ngăn chặn xu hướng biến nhà nước thành phương tiện mưu lợi riêng của một số người. Cũng chỉ khi đứng vững trên hai yếu tố "do dân", "vì dân" thì nhà nước mới được nhân dân thừa nhận là của họ, khái niệm "của dân" mới thoát khỏi sự trừu tượng hình thức.

Về nội dung, khái niệm "do dân" trước hết và cơ bản bao hàm : 1 - Nhân dân trực tiếp và tự do bầu ra người đại biểu và cơ quan đại diện của mình. Bằng cách đó nhân dân tự tổ chức ra nhà nước. 2 - Mọi công việc quan trọng của nhà nước, đất nước và xã hội, chủ yếu do cơ quan đại diện thay mặt nhân dân quyết định. Thực chất, đó là việc xây dựng và thực hiện quyền lực nhân dân bằng cơ chế đại diện, phản ánh một cách tập trung khái niệm dân chủ.

Xác định dân chủ đại diện là phương thức chủ yếu thực hiện quyền lực nhân dân là do căn cứ vào khả năng, giá trị xã hội của kiểu cơ quan đại diện quyền lực nhân dân trong chủ nghĩa xã hội. Thế giới hiện tồn tại hai kiểu chế độ đại diện dựa trên hai nguyên tắc tổ chức nhà nước khác nhau : *chế độ đại nghị tư sản* dựa trên nguyên tắc *phân lập* các quyền ; và *chế độ đại diện xã hội chủ nghĩa* dựa trên nguyên tắc *thống nhất* quyền lực. Tuy nhiên, như kinh nghiệm thực tế cho thấy, nếu quan niệm phân quyền như một nguyên tắc hoàn toàn mang tính chất tư sản, thì sẽ hạn chế việc tiếp thu những yếu tố hợp lý của nó về mặt kỹ thuật.

Tư tưởng phân quyền xuất hiện rất sớm, A-ri-xtốt đã nói đến nó ngay từ thời cổ đại. Sau này, khi chuẩn bị cho cuộc cách mạng tư sản và

(1) *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội 1991, tr 91.

Digitized by Google

chuyên chính của giai cấp tư sản, các nhà tư tưởng đương thời như Lốc, Căng, đặc biệt là Mông-te-xki-ơ đã phát triển thành một học thuyết hoàn chỉnh, thể hiện thành tựu tư duy chính trị - pháp lý của nhân loại, như một sự phản ứng và phủ định đối với chế độ quân chủ chuyên chế. Sau đó, tư tưởng phân quyền đã ảnh hưởng lớn đến việc hình thành thiết chế nhà nước tư sản, trở thành nguyên lý tổ chức cơ bản của kiểu nhà nước này.

Về mặt nhận thức, khái niệm phân quyền được hiểu theo các nghĩa khác nhau. Nếu phân quyền được quan niệm như một sự phân chia quyền lực chính trị (quyền lực giai cấp - liên minh giai cấp), thì do quyền lực chính trị là không thể phân chia, nên không thể có sự phân quyền về mặt này. Trên thực tế, trong xã hội tư bản, quyền lực nhà nước luôn nằm trong tay giai cấp tư sản, mà không thể chia sẻ cho các giai cấp khác, các tầng lớp khác, mặc dù trong khi hoạt động nhà nước này chịu ảnh hưởng và do đó, phải tính đến lợi ích của các lực lượng, các giai cấp khác trong xã hội.

Ở nghĩa thứ hai, phân quyền được hiểu như một sự phân chia quyền lực trong bộ máy nhà nước. Khi mới ra đời, phân lập các quyền được coi là thành tựu của giai cấp tư sản trong việc tìm kiếm phương thức tổ chức một kiểu nhà nước mới thay cho kiểu nhà nước chuyên chế phong kiến ; nó được coi là phương thức có khả năng ngăn ngừa sự độc tài chuyên chế. Tuy vậy, nguyên tắc phân quyền hiểu theo nghĩa này cũng bộc lộ những nhược điểm. J.J. Sơ-va-li-ê, một học giả tư sản, cho rằng : nếu cả ba quyền đối nghịch, mà ngăn cản lẫn nhau thì cả guồng máy chính quyền sẽ ngưng trệ. Vì vậy, khuynh hướng hỗn hợp, thâm nhập lẫn nhau giữa các quyền, đang được coi là hợp lý hơn trong thực tế tổ chức cơ chế quyền lực nhà nước ở các nước tư bản hiện nay.

Ở nghĩa thứ ba, khái niệm phân quyền phản ánh tính kỹ thuật, tính khoa học của việc tổ chức một bộ máy nhà nước hợp lý, thể hiện sự phân công lao động theo chuyên môn trong cơ chế nhà nước. Cách tổ chức như vậy cho phép nhà nước thực hiện sự điều hành, quản lý xã hội một cách khoa học, có hiệu quả, do xác định được chức năng, thẩm quyền của mỗi loại cơ quan nhà nước. Chính Ăng-ghen đã chỉ ra và đánh giá cao yếu tố hợp lý này của nguyên tắc phân quyền. Với nguyên tắc phân quyền hiểu theo nghĩa này, chế độ đại nghị có những ưu điểm nhất định : các đại biểu nhờ hoạt động chuyên nghiệp mà có bản lĩnh, năng lực, có kinh nghiệm và trách nhiệm rõ ràng ; cơ quan đại diện được chuyên môn hóa nên tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác lập pháp, tạo ra cơ chế sinh hoạt dân chủ (tranh luận, chất vấn, ghi nhận các ý kiến khác nhau tại nghị viện...). Ở giai đoạn đầu của nền dân chủ tư sản, nghị viện là cơ quan nhà nước có vị trí trung tâm. Ở giai đoạn sau, giai cấp tư sản tìm cách và thực tế chuyển vị trí trọng tâm của nhà nước sang cơ quan hành pháp, đặt một hạn chế mới cho sự phát triển của dân chủ trong chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, dù ở giai đoạn nào, chế độ đại nghị cũng bộc lộ những nhược điểm rất cơ bản.Cơ chế phân quyền hạn chế hoặc ngăn cản cơ quan đại diện can thiệp vào hoạt động của cơ quan quản lý, biến hoạt động nghị viện thành đặc quyền của một số người.

Khi quan niệm dân chủ xã hội chủ nghĩa là kiểu dân chủ cao hơn dân chủ tư sản, các nhà kinh điển không thuần túy suy luận theo lộ gích. Ngoài cơ sở kinh tế - xã hội của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Mác, Lê-nin đã nhìn thấy phương tiện thực hiện hữu hiệu của nền dân chủ này khi đề xuất và khẳng định rằng thống nhất quyền lực là nguyên tắc tổ chức cơ bản của kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa. Việc xác định vị trí nổi trội, toàn quyền của cơ quan đại diện cao nhất (xô viết, quốc hội) đã "lấp" được hố ngăn cách mà nguyên tắc phân quyền tư sản đã gây ra do không cho cơ quan đại diện can thiệp vào hoạt động của cơ quan hành pháp, tư pháp.

Thực tiễn tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa những thập kỷ qua chứng tỏ nguyên tắc thống nhất quyền lực chưa được nhận thức một cách đúng đắn. Xu hướng giản đơn hóa nguyên tắc này dẫn đến việc thiết kế và xây dựng bộ máy nhà nước không bảo đảm được sự phân công, phân chia chức năng giữa các cơ quan nhà nước. Hậu quả là

Digitized by Google

trong khi quan niệm cơ quan đại diện là cơ quan toàn quyền thì tổ chức và hoạt động của chúng lại được thiết kế theo phương thức "nghiệp dư", do vậy cơ quan này mất đi khả năng, điều kiện thực hiện quyền lực của nó. Những luận điểm của Mác, đặc biệt là của Lê-nin về xây dựng chế độ đại diện xã hội chủ nghĩa, đã không được chú ý đầy đủ. Tư tưởng đặc sắc của Lê-nin "kết hợp cái hay của chế độ đại nghị..." không được tiếp thu. Những kinh nghiệm hợp lý của dân chủ đại diện trong chủ nghĩa tư bản ít được chú ý nghiên cứu. Không phải không có lý khi có người cho rằng : hình thức dân chủ đại diện như những năm qua chưa thoát ra khỏi sự phôi thai của chế độ dân chủ đại diện. Trước đây, chính Lê-nin khi khẳng định tính ưu việt của hình thức đại diện nhân dân (xô viết) so với hình thức đại nghị tư sản, cũng không đồng tình với quan niệm thổi phồng "quá đáng" tính ưu việt đó. Theo Người, cách quan niệm đó là nguy hiểm, làm hại chính hình thức dân chủ này.

Để thực hiện quyền lực của nhân dân, vấn đề cốt lõi của dân chủ xã hội chủ nghĩa, không thể không đổi mới cơ chế hoạt động của cơ quan đại diện.

*

Ở nước ta, cơ quan đại diện bao gồm Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp. Hiện nay đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện thực chất là xây dựng một cơ chế thực hiện có hiệu quả hơn quyền lực của nhân dân. Điều đó liên quan tới các vấn đề sau đây :

Thứ nhất. Trên cơ sở nguyên tắc "thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch" (2), nhận thức rõ chức năng của Quốc hội là cơ quan đại diện cao nhất, Hiến pháp mới năm 1992 đã quy định mấy điểm đáng chú ý liên quan đến chức năng của Quốc hội ta như sau :

1 - Là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. Các đạo luật phải do đa số đại biểu đồng ý và thông qua bằng các thủ tục dân chủ. Ngoài Quốc hội không có cơ quan nào có quyền ra luật. Không có sự phân biệt giữa quốc hội lập hiến và quốc hội lập pháp.

2 - Quyết định những chính sách cơ bản của quốc gia về đối nội, đối ngoại ; các quyết sách lớn về kinh tế - xã hội ; về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thẩm quyền của Quốc hội cũng được thể hiện trong việc quyết định những nhân sự chủ chốt của các cơ quan nhà nước. Trước hết là việc đại biểu quốc hội trực tiếp bầu người đứng đầu nhà nước (Chủ tịch nước) và đứng đầu các cơ quan nhà nước (Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao). Thứ hai là việc đại biểu quốc hội, theo đề nghị của những người đứng đầu các cơ quan nhà nước, phê chuẩn những nhân sự chủ chốt trong các cơ quan đó (các bộ trưởng, cấp phó của Tòa án tối cao, của Viện kiểm sát tối cao...). Như vậy là khác với cách làm phổ biến của nhiều nhà nước tư sản hiện đại : ở đấy những nhân sự chủ chốt của bộ máy nhà nước thường không phụ thuộc vào nghị viện, không do nghị viện quyết định. Cũng khác với quan niệm trước đây về sự toàn quyền của cơ quan đại diện trong việc quyết định nhân sự : trước đây các bộ trưởng phải do Quốc hội trực tiếp bầu.

3 - Thực hiện quyền giám sát tối cao. Về nguyên tắc, quyền này không bị hạn chế về phạm vi, đối tượng và hình thức thực hiện. Tuy nhiên, nhằm khắc phục tình trạng tản mạn dẫn đến hiệu lực giám sát thấp, đối tượng giám sát chủ yếu của Quốc hội được xác định là bộ máy hành pháp, tư pháp cấp cao. Nội dung giám sát trước hết là các văn bản do chính phủ, hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành và các hoạt động của chính phủ, của cơ quan kiểm sát và xét xử cao nhất.

Thứ hai. Khắc phục nhược điểm trước đây, Quốc hội như quy định của Hiến pháp năm 1992, hoạt động theo hướng chuyên môn hóa. Trước hết, Hội đồng nhà nước được thay bằng Ủy ban

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 91.

Digitized by Google

thường vụ Quốc hội là hình thức đáp ứng được yêu cầu nói trên và phù hợp với kinh nghiệm và truyền thống dân chủ đại diện ở nước ta ; đặt lại chức Chủ tịch nước ; bảo đảm mỗi ủy ban có một số đại biểu chuyên trách và là những chuyên gia giỏi ; bảo đảm hợp lý hơn số lượng đại biểu tách khỏi công tác chuyên môn, sản xuất để hoạt động chuyên nghiệp ở cương vị đại biểu.Quốc hội dành thời gian làm việc tại các kỳ họp nhiều hơn so với hiện nay.

Tuy nhiên, việc đổi mới Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp vẫn còn một số vấn đề cần được tiếp tục làm rõ để làm cơ sở cho những bước đổi mới tiếp theo.

1 - Tính chất hoạt động thường xuyên của Quốc hội ta khác với kiểu hoạt động chuyên nghiệp của nghị viện tư sản. Vì vậy, các vấn đề như cơ cấu đại biểu, tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách, thời gian làm việc tại kỳ họp, chế độ hoạt động của đại biểu v.v. cần được tiếp tục nghiên cứu, "lượng hóa" cụ thể hơn, để vừa bảo đảm được tính chuyên nghiệp của Quốc hội ta vừa không lặp lại những nhược điểm của kiểu nghị viện tư sản.

2 - Tuy cùng là cơ quan đại diện, nhưng Quốc hội khác hội đồng nhân dân. Hiến pháp năm 1992 quy định hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Điều này cần được nghiên cứu và cụ thể hóa sâu hơn để tránh tạo ra nhiều tầng, nấc quyền lực trong quản lý nhà nước ; ngăn ngừa khả năng phân tán, cục bộ trong việc thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất.

3 - Không nên quan niệm các ủy ban thường trực của Quốc hội chỉ là cơ quan tham mưu, tư vấn. Nhằm chuyên sâu hóa hoạt động của Quốc hội, làm tăng chất lượng của các quyết định, nên chăng Quốc hội chỉ hoặc chủ yếu nghị bàn và quyết định những vấn đề đã được các ủy ban thường trực theo thẩm quyền đã bàn và trình ra ? Số lượng đại biểu làm việc chuyên trách tại các ủy ban phải được tăng hơn, ít nhất phải là 1/3 tổng số đại biểu. Nếu cần thiết thì cứ sau 1/3 nhiệm kỳ quốc hội lại thực hiện luân chuyển định kỳ. Trong thời gian họp Quốc hội, nên thay hình thức sinh hoạt tại đoàn bằng sinh hoạt theo các ủy ban.

Sau nữa, cũng cần tính đến việc áp dụng một cách hợp lý hơn cơ chế ban hành pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bằng cách quy định đến kỳ họp gần nhất pháp lệnh đó phải được Quốc hội thảo luận, quyết định chuyển thành luật hoặc hủy bỏ, nhằm bảo đảm tính thống nhất của pháp luật.

ĐẢNG CẦM QUYỀN...

(Tiếp theo trang 22)

giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, do Đảng cộng sản lãnh đạo. Đảng lãnh đạo không phải là đảng thay thế nhà nước quản lý xã hội hoặc thay thế nhân dân làm chủ nhà nước, mà là để khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân, giác ngộ và tổ chức nhân dân xây dựng nhà nước của mình, và dùng nhà nước đó để cải tạo xã hội, đưa đất nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.,Cả đảng, cả nhà nước đều là công cụ để bảo đảm và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đều phấn đấu vì lợi ích của nhân dân. Đảng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước ; không nên coi đảng và nhà nước là hai hệ thống quyền lực song song, càng không nên tách rời hoặc đối lập đảng với nhà nước. Đảng lãnh đạo nhà nước, lãnh đạo hệ thống chính trị nhưng đồng thời lại là một bộ phận của hệ thống chính trị, một thành viên của Mặt trận tổ quốc. Đảng lãnh đạo định ra Hiến pháp và pháp luật, đồng thời hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật ; cán bộ và đảng viên của đảng không đứng trên pháp luật, không hoạt động ngoài pháp luật.

Nắm vững những quan điểm cơ bản của Đảng về đổi mới hệ thống chính trị, hiểu rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ của một đảng cầm quyền xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta sẽ có căn cứ để tiến hành đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng một cách vững chắc, đúng đắn và có hiệu quả.

Digitized by Google

Văn hóa và một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay

PHẠM XUÂN NAM*

VĂN hóa và phát triển là một vấn đề hết sức rộng lớn. Phải có hàng loạt công trình nghiên cứu nghiêm túc thì mới có thể làm sáng tỏ được. Bài viết này chỉ có thể nêu một số nhận thức ban đầu về mối quan hệ giữa văn hóa và *một số vấn đề* phát triển kinh tế- xã hội ở nước ta hiện nay.

1 - Trước hết cần nhận thức rõ văn hóa là gì ? Theo tôi, nhân tố *hàng đầu* của văn hóa là *sự hiểu biết*. Ngày nay, sự hiểu biết thường được người ta đo bằng trình độ học vấn - tức trình độ tiếp thu và vận dụng những kiến thức khoa học. Sự hiểu biết còn bao gồm cả kinh nghiệm và sự khôn ngoan tích lũy được qua quá trình lao động sản xuất và đấu tranh để duy trì và phát triển cuộc sống của mỗi cộng đồng và các thành viên trong cộng đồng ấy. Nhưng chỉ riêng sự hiểu biết không thôi chưa làm nên văn hóa. Sự hiểu biết chỉ trở thành văn hóa khi nó *làm nền và định hướng cho sự ứng xử* (thể hiện tâm hồn, đạo lý, lối sống, hành động) của mỗi cộng đồng dân tộc và các thành viên trong đó vươn tới *cái đúng, cái tốt, cái đẹp* trong mối quan hệ giữa người với người, giữa người với sự vật, với môi trường xã hội và môi trường tự nhiên xung quanh.

Với cách hiểu văn hóa là tổng hòa của các yếu tố kể trên, thì văn hóa không đứng ngoài phát triển. *Nó nằm bên trong, là nhân tố nội sinh của phát triển. Nó vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển.*

2 - **Văn hóa và sự lựa chọn con đường phát triển**. Nếu văn hóa là sự hiểu biết nhằm định hướng cho cái đúng, cái tốt, cái đẹp của sự phát triển, thì nhiệm vụ đầu tiên của văn hóa là phải tham gia vào sự lựa chọn con đường cho sự phát triển ấy. Điều này đã, đang và sẽ còn đặt ra đối với tất cả các dân tộc sống trên hành tinh chúng ta. Đối với trên 100 nước đã giành được độc lập dân tộc, sau hàng thế kỷ bị biến thành nô lệ của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc phương Tây, thì việc lựa chọn con đường phát triển càng có tầm quan trọng đặc biệt.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt nam đến năm 2000 khẳng định việc lựa chọn con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước đi lên. Một câu hỏi được đặt ra : trong thời điểm này, việc đi theo con đường đó có phải là một sự lựa chọn thức thời và khôn ngoan không ?

Ai cũng biết, chủ nghĩa xã hội trên thế giới đang lâm vào một cuộc khủng hoảng rất nghiêm trọng, mà điển hình là sự sụp đổ của hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, sự tan rã nhanh chóng của Liên xô (trước đây). Đứng trước tình hình đó, các chính giới và nhiều lý thuyết gia ở phương Tây, đặc biệt là ở Mỹ, đã viết hàng đống sách báo để chứng minh : "Chủ nghĩa xã hội đã cáo chung", "Chủ nghĩa tư bản đã toàn thắng" (Bush)."Thế kỷ XX là thế kỷ chứng kiến sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản" (Brezinski). Lịch sử đã phát triển đến "bước tận cùng", "nền dân chủ tự do phương Tây là hình thức chính phủ cuối cùng" của văn minh nhân loại (F.Fukuyama). V.v. và v.v..

Nhiều người có thiện chí băn khoăn lo lắng. Không ít người dao động bi quan. Cũng có cả những kẻ đã từ bỏ, thậm chí phản bội lại lý tưởng xã hội chủ nghĩa mà họ từng khát khao vươn tới. Nhưng những nhà nghiên cứu có thái độ khách quan trên thế giới, kể cả ở các nước tư bản phát triển, đã không để bị lôi cuốn vào "cơn sốt" phủ nhận chủ nghĩa xã hội và đề cao đến tận mây xanh con đường tư bản chủ nghĩa, nhất là con đường của Mỹ, đối với sự phát triển xã hội.

* Giáo sư, Phó viện trưởng Viện khoa học xã hội Việt nam

Digitized by Google

Tạp chí *The Futurologist* ở Mỹ số ra tháng 12-1990 đã có bài nhận xét : "Thật là một sai lầm nghiêm trọng nếu ta cho rằng chủ nghĩa xã hội đã cáo chung ; đồng thời cũng là sai lầm nếu cho rằng chủ nghĩa tư bản sẽ sớm bao trùm lên toàn thế giới. Hoàn toàn có thể hiểu được rằng phương Tây đang hỉ hả trước cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, thật là mỉa mai khi người Mỹ lớn tiếng quảng cáo cho chế độ của họ như là khuôn mẫu cho thế giới, bởi vì chính hệ thống này cũng đang bộc lộ nhiều dấu hiệu của sự thất bại ngay trên đất Mỹ"(1).

Cũng trong thời gian đang diễn ra các cuộc cách mạng gọi là "nhung lụa", là "hòa bình" ở các nước Đông Âu, dẫn đến sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội lỗi thời và kéo theo nó là sự háo hức quay về con đường tư bản chủ nghĩa, tại một cuộc hội thảo quốc tế ở Pa-ri, nhà sử học Pháp Giăng Se-xnô đã nói thẳng ra rằng : "Một điều mâu thuẫn là những nước mà chế độ đang chao đảo lại ở trong một trạng thái hoàn toàn không chuẩn bị cả về chính trị lẫn văn hóa đối với một khuôn mẫu phương Tây mà họ lý tưởng hóa. Nhưng chính khuôn mẫu này hiện cũng đang có nhiều vấn đề : nợ nước ngoài, xã hội phân hóa, khủng hoảng đô thị, băng hoại tinh thần, tan rã ý thức hệ" (2).

Rõ ràng, không thể giải quyết cuộc khủng hoảng hiện nay của chủ nghĩa xã hội bằng cách quay về con đường tư bản chủ nghĩa. Đồng thời, cũng không thể lặp lại những sai lầm "ấu trĩ" của thời gian qua, xem chủ nghĩa xã hội là kết quả của sự phu định siêu hình đối với chủ nghĩa tư bản.

Thật ra theo Mác, chủ nghĩa xã hội không phải như một cái gì từ trên trời rơi xuống. Chủ nghĩa xã hội là *một trào lưu lịch sử hiện thực*, xuất hiện từ yêu cầu và điều kiện khách quan của việc khắc phục những mặt "phi nhân tính" của chế độ tư bản chủ nghĩa, đồng thời, nó kế thừa và phát triển tất cả những thành tựu của văn hóa, văn minh mà loài người đã tích lũy được trong hàng ngàn năm, kể cả dưới chủ nghĩa tư bản. Sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin cũng từng đưa ra công thức : "Chính quyền Xô viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các tơ-rớt ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. ++ = (tổng kết lại) = chủ nghĩa xã hội" (3).

Chính sự phủ định sạch trơn và đem đối lập một cách siêu hình giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã là một trong những nguyên nhân sâu xa về mặt lý luận dẫn tới việc xây dựng một mô hình chủ nghĩa xã hội tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, mất dân chủ, kém hiệu quả, thiếu năng động, mà cuộc khủng hoảng hiện nay là hệ quả khó tránh. Do đó, theo quan điểm lịch sử và cách tiếp cận văn hóa, chỉ có đổi mới chủ nghĩa xã hội trên cơ sở phủ định biện chứng đối với chủ nghĩa tư bản mới là con đường đúng đắn để vươn tới một xã hội công bằng và tốt đẹp hơn.

Ở Việt nam, sự phủ định biện chứng đối với chủ nghĩa tư bản có nghĩa là : sau khi đánh đổ ách thống trị thực dân, đế quốc, giành lấy chính quyền về tay nhân dân, chúng ta có thể từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà không cần phải trải qua con đường đau khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa- một chế độ chạy theo tăng trưởng kinh tế dựa trên sự hy sinh con người (hy sinh hàng chục triệu người sống dưới mức nghèo khổ ở trong nước và hàng trăm triệu người đói khát ở thế giới thứ ba), coi lợi nhuận là trên hết bất chấp mọi đạo lý, sùng bái của cải vật chất mà xem thường những giá trị văn hóa tinh thần... Đồng thời, trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta vẫn chú trọng tiếp thu những thành tựu của chủ nghĩa tư bản về kỹ thuật và công nghệ, về sản xuất và kinh doanh, về kinh nghiệm quản lý kinh tế và quản lý xã hội, v.v. nhằm xây dựng một nước Việt nam giàu mạnh, trong đó mọi người đều có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Tôi cho rằng, truyền thống văn hóa Việt nam, mà tinh hoa cốt lõi của nó là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý "thương người như thể thương thân"... chính là nền tảng tinh thần để nhân dân ta vươn tới một xã hội công bằng và tốt đẹp nêu trên.

---

1) William F.Halal và Alexander I.Nikitin : *"Dự đoán thập kỷ tới sẽ tiến đến một thế giới đồng nhất"* (Bản dịch của Đặng Thế Truyền)

2)Xem báo *Tuổi trẻ*, TP Hồ Chí Minh, ngày 27-2-1990

3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t36 tr. 684.

Digitized by Google

Dĩ nhiên, con đường đi tới chủ nghĩa xã hội không phải là dễ dàng, thẳng tắp, mà đầy khó khăn, phức tạp và lâu dài.

Điều quan trọng lúc này là kiên trì mục tiêu đã lựa chọn và theo đường lối đổi mới của Đảng đã được thử nghiệm có kết quả bước đầu và hiện đang được hoàn thiện thêm, hãy tiếp tục làm đi rồi thực tiễn và sự thông minh của nhân dân sẽ sáng tạo ra một mô hình của chủ nghĩa xã hội phù hợp với những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và yêu cầu của thời đại.

3 - **Văn hóa và quá trình hiện đại hóa đất nước trên cơ sở khoa học và công nghệ.** Theo nhiều dự báo, với những phát minh, sáng chế kỳ diệu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại về điện tử, vi điện tử, tin học, năng lượng hạt nhân, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, v.v. loài người sẽ bước vào ngưỡng cửa của một nền văn minh mới trong thế kỷ sau.

Tình hình ấy đặt nước ta và các nước đang phát triển trước những thách thức cực kỳ to lớn, đồng thời cũng có cả những cơ may.

Chậm trễ, không kịp thời nắm bắt và ứng dụng được những thành quả khoa học và công nghệ hiện đại vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống, thì khoảng cách phát triển giữa nước ta và các nước tiên tiến ngày càng doãng xa. Khoảng cách này cũng sẽ không thu hẹp lại được nếu chúng ta định đuổi kịp các nước tiên tiến bằng chính con đường mà họ đã đi qua.

Chẳng hạn, trong lĩnh vực *công nghiệp*, tri thức mới và sự khôn ngoan đòi hỏi chúng ta phải dứt khoát từ bỏ con đường công nghiệp hóa theo kiểu cũ, dẫn tới chỗ làm cạn kiệt tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường sinh thái, để sớm chuyển sang con đường công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa bằng cách khai thác "lợi thế" của nước đi sau, tranh thủ tiếp nhận và ứng dụng nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ thích hợp của thế giới. Đồng thời, chúng ta phải ra sức phát huy trí thông minh, óc sáng tạo của con người Việt nam để có thể "đi tắt", "đón đầu" trên một số hướng ưu tiên về khoa học và công nghệ cao nhằm đuổi kịp các nước đi trước.

Trong *nông nghiệp*, với cách tiếp cận của "làn sóng thứ ba" trong khoa học hiện nay, chúng ta có thể kế thừa những nhân tố tích cực của nền văn minh lúa nước cổ truyền của ông cha để tiến lên nền văn minh nông nghiệp mới. Nền văn minh này định hướng chủ yếu vào sự tận dụng không gian sinh thái ba chiều, sử dụng các nguồn năng lượng và tài nguyên tái sinh, khai thác kho gien vô tận của giới thực vật và động vật, trên cơ sở những thành tựu mới của công nghệ sinh học.

Nhân đây cũng cần nói thêm rằng, theo truyền thống văn hóa của nhiều nước phương Đông và cũng là theo quan niệm hiện đại, trong phát triển công nghiệp, nông nghiệp và tổ chức đời sống của mình, con người cần đối xử nhân hậu với thiên nhiên. Yêu thiên nhiên như yêu bản thân mình, bởi vì thiên nhiên là "thân thể vô cơ" của chính chúng ta.

- *"Đêm thanh, hớp nguyệt nghiêng chén,*
  Ngày vắng, xem hoa bợ cây".
- *"Xem sách, chim rừng vào cửa đậu,*
  Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi".

Không phải chỉ là hồn thơ bay bổng, mà là thái độ chan hòa, đầy cảm xúc thẩm mỹ ấy của Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh đối với thiên nhiên đã nêu lên một tấm gương sáng cho chúng ta ngày nay.

Thái độ ứng xử có văn hóa ấy cần phải được quán triệt vào việc quy hoạch đô thị và nông thôn, khôi phục lại cân bằng sinh thái ở các vùng dân cư, thiết kế và thi công nhà ở, bệnh viện, trường học, xí nghiệp, cơ quan... nhằm tạo nên sự hài hòa giữa môi trường xã hội và môi trường thiên nhiên "theo quy luật của cái đẹp", qua đó bồi dưỡng thêm lòng yêu quê hương đất nước, tăng thêm giá trị nhân bản của tâm hồn và lối sống Việt nam.

4 - **Văn hóa và kinh tế thị trường.** Thực tiễn cho thấy, để ra khỏi cuộc khủng hoảng hiện nay, việc chuyển hẳn nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, là xu thế tất yếu của quá trình đổi mới chủ nghĩa xã hội.

Do tác động của quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh, kinh tế hàng hóa thúc đẩy con người vì lợi ích thiết thân mà phải không ngừng "nhân đôi" mình lên trong khi sản xuất ra hàng hóa với số lượng và chất lượng ngày càng cao để đáp ứng nhu cầu của thị trường, và do đó cũng "nhân đôi" mình lên về trình độ hiểu biết, óc sáng tạo và sự khôn ngoan - những yếu tố quan trọng của con

Digitized by Google

người có văn hóa. Nhưng nếu từ đó lại đi đến *tuyệt đối hóa* tác dụng của kinh tế hàng hóa, tới mức sùng bái hàng hóa, sùng bái tiền tệ, thì nó lại làm tha hóa bản chất người của chính con người.

Không phải ngẫu nhiên, chính những nhà văn hóa lớn của các dân tộc đã sớm nhìn thấy mặt trái của kinh tế hàng hóa, thể hiện ở sự sùng bái đồng tiền.

Đại văn hào Anh W.Sếch-xpia đã viết trong vở kịch *Ti-môn ở A-ten* rằng : "Ở đây có vàng là đủ để làm đen thành trắng, xấu thành đẹp, mọi tội lỗi thành công lý, mọi cái thấp hèn thành cao quý, kẻ hèn nhát thành dũng sĩ, và người già thành trẻ và tươi".

Sống trong một xã hội kinh tế hàng hóa chưa phát triển, đại thi hào Việt nam Nguyễn Du cũng đã nhạy cảm thấy rằng :

"Trong tay sẵn có đồng tiền,
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì".

Tóm lại, xét từ góc độ văn hóa đạo đức, kinh tế thị trường có cả mặt tích cực và mặt tiêu cực của nó.

Vậy chốt "an toàn" cho sự phát triển nền kinh tế hàng hóa dưới chủ nghĩa xã hội là ở đâu ? Phải chăng là ở chỗ : sức lao động của con người có thể trở thành hàng hóa, nhưng bản thân con người với lý tưởng, niềm tin, phẩm giá và nhân cách, "vốn là quả tim đích thực của một nền văn hóa" [4], không thể coi như hàng hóa. Bởi vì giá trị của con người, giá trị của văn hóa, không thể đo bằng giá trị của sức lao động làm ra nó. Trong kinh tế, "tiền nào của ấy". Trong văn hóa, không hẳn là như vậy. Giá trị đích thực của một sản phẩm văn hóa phụ thuộc chủ yếu vào tâm hồn và tài năng của người sáng tạo ra nó. Sản phẩm văn hóa cũng không thể có hao mòn vô hình và hữu hình như trong kinh tế. Có những kiệt tác văn hóa nghệ thuật mà thời gian tồn tại của nó càng dài, thì giá trị của nó càng được nhân lên cùng với sự phát triển trình độ cảm thụ thẩm mỹ của nhân loại.

Vì thế, không thể đồng nhất giản đơn "cái kinh tế" và "cái văn hóa", mặc dù chúng có quan hệ với nhau. Từ đó, không thể máy móc đòi hỏi trong văn hóa cũng phải hạch toán toàn bộ như trong kinh tế. Nếu kinh tế hóa, thương mại hóa văn hóa, thì tất yếu sẽ khuyến khích xu hướng chạy theo những thị hiếu tầm thường, có thể nhất thời thu được một số lợi ích kinh tế nào đó, nhưng về lâu dài thì sẽ thua lỗ lớn về mặt đạo đức của xã hội, có khi của cả một thế hệ.

Tóm lại, bên cạnh luật pháp, văn hóa phải đóng vai trò điều tiết về tinh thần cho sự phát triển nền kinh tế hàng hóa dưới chủ nghĩa xã hội. Nó phải định hướng cho việc khai thác những nhân tố tích cực và hạn chế các nhân tố tiêu cực của mối quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Theo chuẩn mực của *cái đúng, cái tốt, cái đẹp*, văn hóa phải dùng sức mạnh đạo lý để hạn chế khả năng đồng tiền "xuất hiện với tính cách là lực lượng *có tác dụng xuyên tạc* ấy đối với cá nhân, cũng như đối với những liên hệ xã hội và những liên hệ khác" [5]. Làm được như thế, thì đồng tiền không thể mua được tất cả. Trái lại, tình yêu chỉ có thể đáp ứng bằng tình yêu. Người hiền tài mới có thể sử dụng được người hiền tài. Sự cao quý trong xã hội phải dựa trên phẩm giá và tài năng. Cái đẹp chỉ có thể sáng tạo và cảm thụ bằng bộ óc và trái tim của người được giáo dục về thẩm mỹ, v.v..

5 - **Văn hóa và chính sách mở cửa.** Ngày nay, không có một quốc gia nào có thể phát triển bình thường nếu cô lập với thế giới bên ngoài. Mở cửa tăng cường giao lưu, hợp tác về nhiều mặt với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, là một chính sách thức thời và khôn ngoan.

Dĩ nhiên, việc mở cửa ra bên ngoài đòi hỏi phải có bản lĩnh để giữ vững độc lập và chủ quyền, để hợp tác kinh tế mà không bị thua lỗ lớn, để giao lưu văn hóa mà không làm mất đi bản sắc văn hóa dân tộc. Cố nhiên, chúng ta hiểu bản sắc văn hóa dân tộc không phải là nhất thành bất biến. Nó luôn luôn vận động, phát triển trong quá trình vừa phát huy những giá trị ưu tú của bản thân, vừa tiếp thu những nhân tố tích cực từ bên ngoài.

Nếu hơn 80 năm trước đây, Nguyễn Tất Thành đã quyết định rời Tổ quốc ra đi, bôn ba khắp thế giới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại kết hợp với tinh hoa văn hóa dân tộc để tìm đường cứu nước cứu dân, thì ngày nay để xây dựng đất nước giàu mạnh, chúng ta cũng cần xem ở đâu, nước nào, có cái gì hay nhất, giỏi nhất thì tìm

4) Lời của ông Tổng giám đốc UNESCO trong buổi lễ phát động *"Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa"*

5) Các Mác : *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1962, tr 182

Digitized by Google

cách cử người xứng đáng đến đó mà học hoặc mời thầy, đón thầy vào dạy cho ta.

Nhưng cũng phải có bản lĩnh như Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc để học tất cả mà không sao chép, rập khuôn của bất cứ ai.

Trong mở cửa về kinh tế, chúng ta chấp nhận chia sẻ lợi nhuận thỏa đáng để tranh thủ vốn, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và thị trường bên ngoài cho sự phát triển. Nhưng cần có hiểu biết và sự khôn ngoan để khỏi bị người ta lợi dụng biến mình thành kẻ đi vay nặng lãi, thành nơi cung cấp nguyên liệu và nhân công giá rẻ, thành nơi tiêu thụ hàng hóa thừa ế hoặc tiếp nhận chuyển giao công nghệ lạc hậu, v.v..

Trong mở cửa về văn hóa (bao gồm trao đổi, hợp tác về thể thao, du lịch, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, đào tạo...), chúng ta cũng có thể chấp nhận trả một khoản "kinh phí" nhất định để học khôn. Nhưng *không thể trả giá bằng sự hy sinh nền văn hóa dân tộc*. Thua thiệt về kinh tế thì còn có lúc bù đắp lại được. Còn *nếu để mất bản sắc văn hóa dân tộc là mất tất cả.*

Ngay trong kinh tế, tính đa dạng của sự phân công mới làm nảy sinh tính tất yếu của sự trao đổi và hợp tác giữa các nước. Trong văn hóa lại càng như thế. Hãy tưởng tượng cuộc sống tinh thần trên thế giới này sẽ nghèo nàn, buồn tẻ như thế nào nếu tất cả các dân tộc đều rập khuôn y hệt như nhau từ cái ăn,cái mặc, cái nhà để ở cho đến tín ngưỡng, tâm hồn, lối sống, đạo lý, triết học, văn học, nghệ thuật, v.v..

Do vậy, chỉ có biết giữ gìn, khai thác, phát triển và nâng cao bản sắc riêng của nền văn hóa dân tộc - nghĩa là tính độc đáo của nó trong sự vươn tới sự hoàn thiện của con người - thì mới có giá trị trong tiếp xúc và đối thoại với các nền văn hóa khác trên thế giới.

Nhưng văn hóa dân tộc không chỉ có ý nghĩa đơn thuần đối với việc bảo vệ và phát triển đời sống tinh thần của đất nước. Văn hóa dân tộc còn làm nền và định hướng cho việc hợp tác liên doanh, liên kết với nước ngoài để phát triển kinh tế. Thực tế đã cho thấy, mọi yếu tố ngoại sinh - vốn, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm quản lý từ nước ngoài - chỉ có thể biến thành động lực cho sự phát triển bên trong, một khi chúng được vận dụng phù hợp với các yếu tố nội sinh của một nước, mà trung tâm là con người với truyền thống đạo đức, tâm lý, lối sống của dân tộc.

Trong ba mươi năm qua, đại đa số nước sau khi giành được độc lập đã thất bại trong chính sách mở cửa để phát triển kinh tế, vì đã không giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các yếu tố ngoại sinh và nội sinh. Chỉ có một số ít nước đạt kết quả trong lĩnh vực này. Song riêng về mặt văn hóa - xã hội, cũng còn khá nhiều vấn đề nan giải ngay ở các nước NIC, như Bra-xin, Mê-hi-cô, Nam Triều tiên...

Trường hợp nước Nhật - một nước tư bản phát triển liên tục đạt được những bước tiến "thần kỳ" về kinh tế - là rất đáng cho ta nghiên cứu.

Bị thảm bại trong chiến tranh thế giới thứ hai, người Nhật đã quyết chí rửa nỗi nhục đó bằng phát triển kinh tế và khoa học - kỹ thuật. Họ đi khắp thế giới để học khôn, nhưng bao giờ cũng cố gắng làm hơn người khác với lòng tự tôn dân tộc của những người sinh ra ở nước "mặt trời mọc", kết hợp với những biện pháp đề cao tinh thần kỷ luật, phát huy ý thức cộng đồng truyền thống và động viên sự say mê cải tiến không ngừng.

Phải chăng, kinh nghiệm thành công trong phát triển kinh tế của Nhật bản thực chất là kinh nghiệm mở cửa, giao lưu hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở khai thác và phát huy những giá trị tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc. Như nhà kinh tế học Michio Morishima đã nhận xét : từ 100 năm nay, Nhật bản vẫn theo phương châm : "Kỹ thuật phương Tây + đạo lý Nhật bản".

*

Giữa văn hóa và phát triển còn nhiều mối quan hệ hữu cơ khác như : văn hóa và sự phát huy các nguồn lực con người ; văn hóa và sự hình thành hệ giá trị tinh thần mới ; văn hóa và quản lý kinh tế - xã hội ; văn hóa và việc bảo vệ môi trường sinh thái cho sự phát triển bền vững. Có dịp, tôi sẽ xin trao đổi tiếp với bạn đọc trên tạp chí của Đảng.

Digitized by Google

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám

BÙI NGỌC TRÌNH

GẦN đây có một số người cho rằng, chủ nghĩa Mác du nhập vào nước ta là "một thứ gì đó xa xỉ", "không can dự gì vào những thắng lợi to lớn của dân tộc ta" ; rằng Đảng cộng sản Việt nam đã lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng Tháng Tám thành công và giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến liền sau đó, "không phải nhờ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác", mà "nhờ đã khai thác được cái kho vàng ròng là lòng yêu nước của cả dân tộc". Phủ nhận vai trò của chủ nghĩa Mác, họ phê phán học thuyết về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản, về nguyên tắc tập trung dân chủ, coi đó là nguyên nhân sâu xa dẫn tới tai họa của dân tộc ta, và đòi Đảng ta phải từ bỏ nó.

Thực tế thế nào ? Chủ nghĩa Mác có can dự vào thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám của dân tộc ta không ? Xin nhìn trở lại những năm đầu thế kỷ 20, khi ngọn lửa yêu nước của các phong trào Cần vương đã tắt, cả non sông chìm đắm trong tối tăm nô lệ "tưởng như không có đường ra". Xã hội Việt nam bấy giờ ngột ngạt trong lao tù, quằn quại dưới roi vọt của bọn thực dân. Phan Chu Trinh lặn lội trời Âu, không nhận được một chút lòng thương của bọn cướp nước ; chúng vẫn dìm hàng chục cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân ta trong biển máu. Phan Bội Châu ném tâm can vào những dòng thơ văn cháy bỏng, làm sục sôi bầu máu nóng của hàng vạn thanh niên đương thời, vẫn không cứu được nước. Con đường bôn ba mượn Nhật đuổi Pháp của ông trước sau vẫn chỉ dẫn đến điều cay đắng : "Trăm thất bại mà không một thành công".

Với dân tộc ta, con đường giải phóng bấy giờ thực sự tắc tị. Ý thức hệ phong kiến dẫn đường các cuộc đấu tranh bấy giờ như một thứ quả trái mùa. Tư tưởng dân chủ cải lương thì không giải tỏa được khối mâu thuẫn cơ bản tích tụ nặng nề trong xã hội. Muốn đánh đuổi thực dân Pháp - con bạch tuộc có trăm cái vòi hằng ngày hút máu các dân tộc thuộc địa để vỗ béo mình, cách mạng Việt nam phải tìm cho được sự dẫn đường của một hệ tư tưởng hoàn toàn mới mẻ. Hệ tư tưởng ấy ở đâu ? Câu hỏi đang treo lơ lửng trên đầu dân tộc ta, làm mất ăn mất ngủ bao nhà yêu nước khắp bắc trung nam, thì trên đất Pháp, người thanh niên Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy nó trong *chủ nghĩa Mác*, trong *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin*.

Theo *Luận cương* này, thế giới đang phải sống trong một sự thật đau lòng : tuyệt đại đa số dân tộc trên trái đất bị một nhúm nước đế quốc giàu có nô dịch. Muốn tự giải phóng, giai cấp vô sản trên thế giới và các dân tộc bị áp bức phải liên hiệp lại. Đối với chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn thực dân Pháp, anh Nguyễn nhờ được soi sáng bởi tư tưởng mới mẻ và khoa học trên, đã nhận đúng bộ mặt thật và thủ đoạn thống trị của chúng. Đó là "dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các nước thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng" (1).

Vì thế Anh quyết định chọn con đường cứu nước theo *Luận cương* của Lê-nin, gắn phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản trong nước với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản Pháp, gắn phong trào giải phóng dân tộc mình với phong trào giải phóng các nước thuộc địa, với cách mạng vô sản thế giới.

Anh tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp, tìm cách truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt nam ; đem lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước sục sôi lúc bấy giờ để tiến tới thành lập Đảng cộng sản làm hạt nhân lãnh đạo. Từ sự chọn lựa và quyết định lịch sử đó, ở nước ta mới xuất

---

(1)Hồ Chí Minh : "Đông dương và Thái bình dương", *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tI, tr 51 - 52

Digitized by Google

hiện báo *Thanh niên*, tổ chức Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội những năm 1926 - 1928, các nhóm cộng sản ở ba miền năm 1929, dẫn đến sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam năm 1930.

Xét theo quan điểm lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lê-nin chẳng những "can dự", mà còn là cội nguồn của những thắng lợi vĩ đại mà dân tộc ta đã ghi được trong Cách mạng Tháng Tám và suốt sáu thập kỷ qua. Xét theo quan điểm đạo đức "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", nhân dân ta vô cùng biết ơn Bác Hồ và thế hệ những người cộng sản Việt nam đầu tiên đã chấp mọi gian nan, gông xiềng và gươm súng của kẻ thù để đến với những tư tưởng vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đem chủ nghĩa Mác - Lê-nin về đất nước ta, khiến chúng ta từ một dân tộc nô lệ, bị xóa tên trên bản đồ thế giới, ngày nay có thể ngẩng cao đầu, không phải hổ thẹn và mặc cảm về sự hèn kém, thất bại.

Vậy sao nỡ coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin như "một thứ gì đó xa xỉ", "không can dự vào những thắng lợi của dân tộc ta" ?

*

Trên cái căn bản phỉ báng lịch sử, vô hiệu hóa vai trò chủ nghĩa Mác - Lê-nin, có người đưa ra những so sánh kỳ cục. Theo họ thì "Lê Lợi chẳng hạn, Quang Trung chẳng hạn, Trần Hưng Đạo chẳng hạn" chống giặc ngoại xâm đâu cần có súng Nga, có lương khô Tàu, đâu cần có sự ủng hộ của Giên Phôn-đa, của Ray-mông Điêng, của nhân loại tiến bộ trên thế giới, thế mà vẫn cứ thắng giặc ! Cứ kiểu so sánh này thì có lẽ còn phải kể tiếp : Xưa kia ông cha ta chẳng có máy bay Mic-21, chẳng có tên lửa Xam-3 và xe tăng T-54, thế mà vẫn cứ chiến thắng ! V.v. và v.v..

So sánh vốn thường khập khiễng. Song lối so sánh như trên tự nó bộc lộ sự hiểu biết của họ về kẻ thù mà dân tộc ta phải đương đầu trong thời đại mới, chẳng hơn gì sự hiểu biết cạn hẹp của các sĩ phu phong kiến hồi đầu thế kỷ. Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản Việt nam đầu tiên đã vượt khỏi tầm nhìn hạn chế đó nhờ có sự soi sáng của tư tưởng Mác - Lê-nin ; đã hiểu rõ nguồn sức mạnh kẻ thù cũng như nguồn sức mạnh của quần chúng công nông, hiểu rõ tính chất quốc tế của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội trong thời đại mới, và đã tìm ra đường lối đúng.

Nhưng chủ nghĩa Mác - Lê-nin không chỉ giúp Đảng ta định ra đường lối cách mạng đúng đắn ngay khi vừa thành lập, mà với tư cách là một khoa học, nó còn vũ trang cho Đảng ta một phương pháp luận đúng đắn suốt trong quá trình chỉ đạo thực tiễn : xây dựng lực lượng, xác định chiến lược và sách lược, mục tiêu cụ thể và phương pháp đấu tranh, biết thắng từng bước và biết chọn thời cơ, huy động tổng lực để giành thắng lợi quyết định.

Nếu gọi cao trào Xô viết Nghệ tĩnh là cuộc tổng diễn tập đầu tiên không thành công vì nó nổ ra trong khi cả nước chưa có tình thế cách mạng, thì ngay trong thất bại ấy, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã giúp Đảng ta xác định được thái độ đúng : "Vừa biểu dương tinh thần cách mạng tiến công tuyệt vời của công nông Nghệ tĩnh, phát động phong trào cả nước ủng hộ công nông Nghệ tĩnh, vừa uốn nắn lệch lạc, chuẩn bị đối phó với khủng bố của địch ; đồng thời nhanh chóng chuyển vào bí mật và rút ra những kinh nghiệm thiết thực, chuẩn bị cho cao trào cách mạng tiếp theo" (2). Thái độ đó thật giống thái độ của Mác đối với Công xã Pa-ri. Trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa Pa-ri, Mác đã khuyên công nhân Pháp không nên bạo động non. Nhưng khi khởi nghĩa nổ ra rồi, Mác lại ca ngợi chiến công anh hùng của giai cấp công nhân Pháp là một hành động "xông lên chọc trời", là "sáng kiến lịch sử". Và cũng giống như thái độ của Lê-nin đối với thất bại của cuộc cách mạng 1905 ở nước Nga. Khi phân tích thất bại của cuộc cách mạng này, Lê-nin đã vạch rõ : không bao giờ người ta có thể tính trước một cách thật chính xác những cơ hội thắng lợi ; điều quan trọng là rút ra bài học bổ ích, và làm thế nào giữ vững được khí thế cách mạng của quần chúng để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới.

Thực dân Pháp đã dìm cao trào xô viết của ta trong biển máu. Nhưng được vũ trang bằng tư tưởng cách mạng và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống khủng bố trắng, chống những cải cách lừa

(2) *Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t I, tr 169.

Digitized by Google

bịp của chúng ; ra sức khôi phục phong trào, nên chỉ ít năm sau, cách mạng lại sục sôi trong cả nước.

Quá trình vận động cách mạng từ Xô viết Nghệ tĩnh đến Tổng khởi nghĩa Tháng Tám là quá trình tập dượt, nhưng Đảng ta đã thể hiện rõ sự vận dụng sáng tạo và đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê-nin cả trên hai mặt chiến lược và sách lược, đặc biệt là trong thời kỳ tiền khởi nghĩa. Từ việc quyết định hoãn phát động chiến tranh du kích ở ba tỉnh Cao Bắc Lạng (năm 1940) vì điều kiện chưa chín muồi đến việc thành lập Mặt trận Việt minh để mở rộng khối đoàn kết dân tộc, thành lập Đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân và đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tuyên truyền khắp nơi để chuẩn bị tích cực cho Tổng khởi nghĩa ; từ việc phân tích tình hình thế giới và trong nước ở Hội nghị trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941) đến việc ra chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ; từ việc phát động kháng Nhật ngay khi Nhật vừa hất cẳng Pháp đến việc quyết định tổng khởi nghĩa trong toàn quốc ngay khi Nhật vừa đầu hàng Đồng minh... tất cả đều cho thấy Trung ương Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện vô cùng nhuần nhuyễn tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Khi biết Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông-Nam Á ra đời, một số học giả phương Tây đã phải công nhận tính không biên giới của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Như vậy, lần đầu tiên, chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ châu Âu, quê hương quen thuộc của mình, đã vượt đại dương đến một phương trời hoàn toàn xa lạ.

Phủ nhận vai trò dẫn đường của tư tưởng và lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (cũng như đối với thắng lợi của hai cuộc kháng chiến liền sau đó ở nước ta), là phủ nhận một sự thực lịch sử *chưa xa* mà phần lớn những người Việt nam hôm nay đều đã trực tiếp tham gia, hay ít nhất cũng từng chứng kiến và ghi nhận. Trong bối cảnh ngày nay, khi chủ nghĩa xã hội đã sụp đổ ở Liên Xô (trước đây) và Đông Âu, khi những "con diều hâu trong văn học" ở đấy tha hồ đào bới, phỉ báng lịch sử Cách mạng Tháng Mười cùng lớp người đầu tiên xây dựng chính quyền xô viết, thì cũng chẳng có gì là lạ nếu ở nước ta có một vài người cầm bút hồ đồ lớn tiếng phê phán lịch sử này nọ như trên. Có thể họ bị xúc động bởi những diễn biến phức tạp và nhanh đến chóng mặt ở nước ngoài, có thể họ tưởng như thế là đổi mới, và cũng không loại trừ khả năng họ bị tuyên truyền kích động của các phần tử xấu, nghĩ một đằng, nói và viết một đằng... Bất kể thế nào, những phát biểu hồ đồ và trịch thượng của họ như trên, không chỉ xúc phạm tới chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tới lớp người cộng sản Việt nam đầu tiên có công truyền bá chủ nghĩa này vào nước ta và nhờ vậy, đưa Cách mạng Tháng Tám tới thắng lợi, mà thực tế, còn xúc phạm đến niềm tự hào của nhân dân ta, của các dân tộc sống trên đất nước ta đã làm nên thắng lợi vĩ đại đó.

Với thái độ tôn trọng tính khách quan của lịch sử, tôn trọng quá khứ oanh liệt và vẻ vang được tạo dựng nên bởi tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải của toàn dân tộc, chúng ta không thể đồng tình với những quan điểm sai trái của họ. Chúng ta không tuyệt đối hóa quá mức vai trò của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, cũng như không mỹ hóa một cách tuyệt đối thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám. Nhưng chúng ta quyết không hạ thấp vai trò chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trái lại, khẳng định rằng, trong điều kiện lịch sử cụ thể nước ta những thập kỷ đầu thế kỷ 20, chúng ta *chỉ có thể giành được độc lập thực sự* khi "kho vàng ròng là lòng yêu nước của dân tộc", phong trào đấu tranh giải phóng của dân tộc hội nhập vào phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản trên thế giới ; khi những lý tưởng cao cả của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về một xã hội công bằng và phương pháp luận khoa học của nó thâm nhập đội ngũ những người lãnh đạo, và trở thành mục tiêu chiến đấu của nhân dân.

Lịch sử đã diễn ra như vậy. Không ai làm lại được lịch sử theo ý mình. Người nghiêm túc và có trách nhiệm bao giờ cũng tôn trọng tính khách quan của lịch sử, biết rút từ quá khứ những kinh nghiệm cần thiết cho hiện tại để đoàn kết dân tộc, tăng cường sức mạnh dân tộc, thúc đẩy quá trình xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Thái độ bóp méo lịch sử, dè bỉu đối với quá khứ, cố bắn " những phát súng lục" vào quá khứ, tránh làm sao khỏi "tương lai sẽ nã đại bác vào mình".

Digitized by Google

GIAI ĐOẠN MỚI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

QUANG CẬN

HÌNH như trong giai đoạn hiện nay, khi chủ nghĩa xã hội khủng hoảng và tan rã ở nhiều nước, ít ai dám nói đến thời đại mới là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Còn nếu nói về "giai đoạn mới của chủ nghĩa xã hội", chắc có nhiều ý kiến phản bác.

Trước hết, đó là luận điệu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực chống cộng đang hí hửng và làm rùm beng về cái gọi là "sự tan rã" của chủ nghĩa xã hội. Theo chúng, làm gì có "giai đoạn mới của chủ nghĩa xã hội !" Không ít người chịu ảnh hưởng của luận điệu đó đâm hoang mang, dao động về sự lựa chọn xã hội chủ nghĩa mà Đại hội VII của Đảng tiếp tục khẳng định.

Đó còn là luận điệu của chủ nghĩa xét lại hiện đại, cơ hội hữu khuynh ; là kịch bản của những "hiệp sĩ" giấu mặt bán rẻ tâm linh cho chủ nghĩa tư bản, huênh hoang về cái gọi là "chủ nghĩa xã hội đích thực" hoặc "con đường thứ ba", sau cuộc khủng hoảng và sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô (trước đây). Theo họ, cái mà chúng ta lâu nay gọi là chủ nghĩa xã hội chẳng qua chỉ là "chủ nghĩa Xta-lin", "chủ nghĩa nhà nước tập trung quan liêu", "chủ nghĩa xã hội trại lính", làm gì đã có chủ nghĩa xã hội, và như vậy thì làm gì có "giai đoạn mới của chủ nghĩa xã hội "?

Có thể đó cũng là ý kiến của một số đồng chí mang nặng đầu óc bảo thủ về chủ nghĩa xã hội đã qua, cho rằng chủ nghĩa xã hội dù đang đổi mới, cải tổ, cải cách, thì vẫn là chủ nghĩa xã hội, không có gì khác. Hơn nữa, số đồng chí này thấy rằng hình như có cái gì đó trong đổi mới khác với những quan niệm giáo điều trước đây của mình về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nên sinh ra e ngại, nghi ngờ quá trình đổi mới hiện nay là sự trở về đúng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Và cũng vì vậy, theo các đồng chí đó, không thể nói và cũng không nên nói đến "giai đoạn mới của chủ nghĩa xã hội "!.

Có thể khẳng định rằng, trong giai đoạn hiện nay, chủ nghĩa xã hội thế giới đang trải qua một cuộc khủng hoảng cực kỳ nghiêm trọng, mô hình chủ nghĩa xã hội truyền thống đang bị phá vỡ, nhưng không phải chủ nghĩa xã hội đang tan rã mà đang chuyển một cách đau đớn, quanh co và phức tạp sang một *giai đoạn mới* mà tôi xin khái quát thành một tên gọi : *giai đoạn chủ nghĩa xã hội hiện đại.*

*

Lịch sử chủ nghĩa xã hội đã trải qua các thời kỳ khác nhau. Từ chỗ chỉ là ước mơ về một xã hội công bằng, chủ nghĩa xã hội được bổ sung, hoàn chỉnh thêm thành chủ nghĩa xã hội *không tưởng* của Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen ; rồi trở thành chủ nghĩa xã hội *khoa học* với lý luận của Mác dựa trên cơ sở phân tích một cách khoa học những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản. Tiếp đó là chủ nghĩa xã hội *hiện thực* sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga. Lê-nin và quần chúng công nông Nga đã biến chủ nghĩa xã hội từ khoa học thành hiện thực.

Hơn bảy mươi năm tồn tại, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở các nước xã hội chủ nghĩa nhìn chung đều

Digitized by Google

được xây dựng theo một mô hình gần như *mô hình Liên xô*, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên. Theo tôi, có thể gọi đó là chủ nghĩa xã hội *cổ điển*. Chủ nghĩa xã hội cổ điển đã đóng góp *nhiều thành tựu vĩ đại* cho nhân loại, trong đó có sự nghiệp giải phóng quần chúng công nông, làm cho họ nhận thức được vai trò lịch sử và sức mạnh của mình. Đồng thời, chủ nghĩa xã hội cổ điển cũng còn *nhiều non yếu và khuyết tật*, lại không được khắc phục kịp thời (chủ yếu do lãnh đạo duy ý chí, không tuân theo những quy luật khách quan), nên dần dần lâm vào khủng hoảng trầm trọng, dẫn tới tan vỡ như ở một số nước. Đương nhiên ở đây còn phải nói đến sự chống phá điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực chống cộng khác, vì quá trình ra đời, tồn tại và trưởng thành của chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng là quá trình đấu tranh quyết liệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc.

Vì vậy, có thể gọi chủ nghĩa xã hội ở giai đoạn *cổ điển* (tương ứng với chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn *đế quốc*) là chủ nghĩa xã hội *hiện thực, vừa khoa học vừa không tưởng* (khác với chủ nghĩa xã hội không tưởng thuần túy ở thời kỳ trước Mác). Chủ nghĩa xã hội cổ điển đang khủng hoảng để dần dần chuyển sang giai đoạn mới - *giai đoạn chủ nghĩa xã hội hiện đại*.

Chủ nghĩa xã hội phát triển từ giai đoạn cổ điển sang giai đoạn hiện đại như thế nào ?

Giai đoạn hiện nay của thời đại mới đang trải qua một khúc quanh lớn làm lạc hướng một số người, một số quốc gia dân tộc. Các thế lực đế quốc và chống cộng đang lợi dụng thời cơ đó để đẩy mạnh chiến lược xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, đề cao chủ nghĩa tư bản như một giải pháp tối ưu cuối cùng của nhân loại. Chúng tuyên bố trắng trợn : "Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa xã hội là một sai lầm lớn của lịch sử, nay đang quay trở về con đường đúng (!)".

Nhưng đâu phải chủ nghĩa xã hội đã tan rã, đâu phải đã bắt đầu cái gọi là "kỷ nguyên sau cộng sản". Chủ nghĩa xã hội chỉ đang trải qua một bước quanh co phức tạp để phát triển sang giai đoạn chủ nghĩa xã hội hiện đại mà thôi. Điều đó không chỉ nằm trong tính quy luật của thời đại mà còn nằm ngay trong các nhân tố hiện nay và triển vọng lâu dài của các cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Các cuộc đấu tranh này diễn ra dưới nhiều hình thức (chính trị - tư tưởng, kinh tế, quân sự, văn hóa, lối sống) và không chỉ giữa nước này với nước khác, mà ngay trong từng nước (không kể đó là nước tư bản phát triển, nước thuộc thế giới thứ 3 hay nước đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa).

Tương lai của chủ nghĩa xã hội, của chủ nghĩa xã hội hiện đại, là ở các cuộc đấu tranh đó. Và ở đây, nhân tố quyết định là con người, là các lực lượng cách mạng và tiến bộ. Bằng trí thông minh và sáng tạo, bằng kinh nghiệm thực tế rút ra từ cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội thế giới hiện nay, họ nhất định sẽ khắc phục được những non yếu và khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội cũ, xây dựng và hoàn chỉnh dần mô hình chủ nghĩa xã hội hiện đại phù hợp với đặc điểm của từng nước, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội hiện thực thoát khỏi khủng hoảng, tiếp tục đứng vững và phát triển ở các nước đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa.

Các cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc cần thiết cho sự ra đời của một chế độ xã hội mới trong lịch sử loài người, thật quanh co, phức tạp, đầy máu và nước mắt ! Những mâu thuẫn ngày càng sâu sắc trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đại ; sự bóc lột tàn tệ của các nước tư bản phát triển đối với các nước thế giới thứ 3 ; cuộc khủng hoảng nghiêm trọng và thất bại chưa từng thấy của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới - tất cả đều chứng tỏ sự ra đời của chế độ mới thật không dễ dàng ! Và lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện thực một lần nữa cho thấy : chỉ ở đâu có những quan hệ lành mạnh, chỉ ở đâu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trước sau vẫn là chỗ dựa tinh thần, là kim chỉ nam cho hành động, thì ở đó mới có thể sản sinh ra chủ nghĩa xã hội hiện đại. Còn ngược lại, ở đâu không có những

Digitized by Google

quan hệ lành mạnh, ở đâu chủ nghĩa Mác - Lê-nin bị phủ định sạch trơn, thì ở đó chỉ có thể sản sinh ra những quái thai, những biến dạng của chủ nghĩa tư bản.

Có thể dự đoán rằng, trong một tương lai không xa, khi những mâu thuẫn trong các nước tư bản hiện đại phát triển sâu sắc hơn nữa, khi nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa nhờ thực hiện đổi mới mà thoát khỏi cuộc khủng hoảng và tiếp tục tiến lên với những thắng lợi mới, thì trên 100 nước thuộc thế giới thứ ba, trước triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện đại, chắc chắn sẽ khẳng định được con đường cần lựa chọn, và cao trào cách mạng mới trên thế giới sẽ xuất hiện.

Về vấn đề này, rõ ràng không thể không phân tích những gì cần thiết để chủ nghĩa xã hội chuyển sang giai đoạn hiện đại.

Trước hết, cần thấy hết những chỗ được, những thành tựu to lớn của chủ nghĩa xã hội cổ điển trong phần lớn thời gian tồn tại của nó. Đồng thời, cũng phải thấy hết những nhược điểm và khuyết tật của nó khiến cho chủ nghĩa tư bản không những không bị đánh bại mà còn tiếp tục giữ được ưu thế trên lĩnh vực có ý nghĩa quyết định là lĩnh vực sản xuất vật chất.

Xin nêu mấy nhược điểm chủ yếu của chủ nghĩa xã hội cổ điển :

Một là, chế độ xã hội chủ nghĩa còn rất non trẻ so với chế độ tư bản chủ nghĩa. Xét cả hệ thống, mới khoảng gần nửa thế kỷ (tính từ sau chiến tranh thế giới thứ 2). Xét riêng từng nước, thì rất khác nhau, lâu nhất là Liên xô (trên 70 năm), và vào loại "trẻ" nhất là Việt nam (tính từ sau năm 1975).

Còn chủ nghĩa tư bản tính từ khi sinh ra trong lòng chế độ phong kiến đã có bề dày lịch sử khoảng 3 thế kỷ. Nếu tính từ khi được thiết lập hoàn toàn ở một nước cho đến khi thành hệ thống thế giới, chi phối cả hành tinh, thì cũng đã khoảng 2 thế kỷ.

Hai là, cũng do nhược điểm "còn rất non trẻ", nên đã nảy sinh 2 nhược điểm khác, những nhược điểm có thể gọi là cố hữu của "tuổi trẻ", nguồn gốc của những khuyết tật của chủ nghĩa xã hội cổ điển. Đó là *bắt chước* (giáo điều) *theo một mô hình như nhau* ở những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể hết sức khác nhau của các quốc gia - dân tộc khác nhau. Đó là *chủ quan, nóng vội, hành động trái với quy luật khách quan* (nhất là quy luật về sự phụ thuộc của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất). Kết quả là xa rời và từ bỏ một số nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khiến cho chủ nghĩa xã hội hiện thực vừa khoa học lại vừa không tưởng.

Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản thế nào ? Chúng ta chứng kiến rất nhiều mô hình : cùng là chủ nghĩa tư bản cả nhưng ở Tây Âu khác ở Bắc Mỹ, ở Bắc Âu không giống ở Tây Âu, ở châu Á khác ở châu Âu, ở những nước tư bản phát triển lâu đời không giống ở những nước mới công nghiệp hóa, những nước được gọi là "con rồng"... Dưới chủ nghĩa tư bản, cho dù có sự điều tiết vĩ mô của nhà nước tư bản, quy luật lợi nhuận không ngừng vận động và phát huy một cách tự phát trên nền tảng chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Ba là, chủ quan, bảo thủ, không những không biết tiếp thu những kinh nghiệm hay của chủ nghĩa tư bản hiện đại, mà còn không tận dụng được những thành tựu trí tuệ của nhân loại, những thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đánh dấu sự phát triển như vũ bão của lực lượng sản xuất. Kết quả là chủ nghĩa Mác - Lê-nin không được vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh mới.

Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản không những biết tận dụng những thành tựu mới nhất của trí tuệ loài người, mà còn biết học tập cả những cái hay, cái mạnh của chủ nghĩa xã hội non trẻ. Cũng vì vậy nó đã thích nghi được và tiếp tục phát triển trong điều kiện và hoàn cảnh mới. Đương nhiên, chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn là chủ nghĩa tư bản ; xã hội tư bản vẫn đầy rẫy tai họa và bất công ; những mâu thuẫn trong lòng nó tiếp tục sâu sắc thêm ; sớm muộn nó không tránh khỏi bị chủ nghĩa xã hội hiện đại phủ định.

Digitized by Google

Với chính sách cấm vận, bao vây kinh tế, chủ nghĩa đế quốc mưu toan làm cho nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa thêm khó khăn do không hòa nhập được vào nền kinh tế thế giới. Vì vậy, để thoát khỏi khủng hoảng, đứng vững và phát triển mạnh mẽ, chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện đại nhất thiết phải "mở cửa", tham gia sự phân công lao động quốc tế trên toàn cầu, phải trở thành một bộ phận của tổng thể kinh tế thế giới. Đương nhiên, trong điều kiện vẫn còn đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, "mở cửa" phải có nguyên tắc. Không thể tham gia hệ thống kinh tế thế giới mà không giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, không bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia và bản sắc dân tộc. Mấu chốt ở đây là nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, trên cơ sở đó, tận dụng mọi điều kiện quốc tế thuận lợi.

Từ những điều vừa trình bày trên, có thể thấy cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện nay là do nhiều nguyên nhân, cả bên trong và bên ngoài, trước hết là do sự sai lầm và phản bội của một số người lãnh đạo, và đồng thời là do sự chống phá điên cuồng của các thế lực đế quốc và chống cộng. Như vậy, tương lai của chủ nghĩa xã hội nói chung và của mỗi nước xã hội chủ nghĩa nói riêng, trước hết nằm trong công cuộc đổi mới xã hội chủ nghĩa theo đúng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin cách mạng và sáng tạo, nhằm khắc phục những nhược điểm của chủ nghĩa xã hội cổ điển. Đó cũng là những gì cần thiết để chủ nghĩa xã hội chuyển sang giai đoạn hiện đại.

Đảng ta, bằng những sự tìm tòi, đổi mới từ Đại hội VI, qua Đại hội VII đến nay, đang đi theo phương hướng đó. Đương nhiên, chúng ta còn phải tiếp tục tìm tòi, khảo nghiệm, thông qua nghiên cứu lý luận và tổng kết kinh nghiệm thường xuyên. Rồi còn phải có thời gian nữa, thời gian này chắc cũng không ngắn. Bởi vì, chúng ta tiến lên từ một điểm xuất phát rất thấp. Hơn nữa, để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới xã hội chủ nghĩa, chúng ta không chỉ phải giải quyết những khuynh hướng chủ quan, bảo thủ, lệch lạc và mơ hồ trong nội bộ, mà còn phải đương đầu với sự chống phá điên cuồng bằng nhiều thủ đoạn của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Không thể không lưu ý, hiện nay các thế lực này đang lợi dụng ngay công cuộc đổi mới xã hội chủ nghĩa của chúng ta để lái chúng ta theo hướng chiến lược "diễn biến hòa bình", tạo ngọn cờ hòng phá ta từ nội bộ. Tuy nhiên, với những kết quả đổi mới bước đầu rất quan trọng, chúng ta có căn cứ để tin tưởng.

Đương nhiên, trên thế giới sẽ xuất hiện nhiều mô hình khác nhau đi lên chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ những đặc điểm về trình độ phát triển, về điều kiện và hoàn cảnh lịch sử của từng nước.

Lịch sử phát triển của lực lượng sản xuất, trong các bước nhảy vọt của nó, thể hiện tiêu biểu ở các nền văn minh của nhân loại nối tiếp nhau. Lịch sử phát triển của đấu tranh giai cấp - cũng là sản phẩm sự phát triển của lực lượng sản xuất - thể hiện tập trung qua sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội. Những điều đó cho phép chúng ta có thể đi đến kết luận : "mọi con đường đều đi đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản".

Cũng cần nói thêm, chủ nghĩa xã hội tuy bị khủng hoảng nghiêm trọng chưa từng thấy, nhưng tư tưởng xã hội chủ nghĩa không mất. Còn áp bức giai cấp và nô dịch dân tộc, còn bất công xã hội và bất bình đẳng giữa người và người, ắt còn tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa là một động lực tinh thần vô cùng to lớn cổ vũ nhân dân các dân tộc, nhân dân lao động toàn thế giới tiếp tục đấu tranh. Tương lai của chủ nghĩa xã hội nằm trong động lực tinh thần đó.

Nhưng cũng không nên nói tư tưởng xã hội chủ nghĩa là bất diệt. Nói tư tưởng xã hội chủ nghĩa là bất diệt thì có khác gì nói chủ nghĩa tư bản bóc lột và đầy rẫy bất công là vĩnh hằng ?

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa sẽ không còn, hoặc chỉ còn trong ký ức của loài người, khi chủ nghĩa cộng sản trở thành hiện thực trên khắp hành tinh chúng ta.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ SỞ HỮU : cách tiếp cận hệ thống

LƯU HÀ VĨ *

VẤN đề sở hữu nói chung cũng như xóa bỏ chế độ tư hữu nói riêng trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng vô sản đòi hỏi tư duy mới phải tiếp cận lại từ những nguyên lý cội nguồn mác xít cũng như từ chính những bài học chính diện lẫn phản diện do thực tiễn cuộc sống hiện nay cung cấp.

Không phải tư duy kinh tế mà chính tư duy triết học, trước hết với tư cách là *tư duy chỉnh thể*, căn cứ vào "mối liên hệ phổ biến và sự phát triển", mới hy vọng tìm kiếm *cách tiếp cận hệ thống* với vấn đề nêu ra. Song, vấn đề sở hữu (cũng như bất kỳ sự vật nào khác) không chỉ gắn với một hệ thống duy nhất cố định nào đó, mà đồng thời còn tham gia nhiều hệ thống khác nhau đan kết với nhau, và tùy thuộc lẫn nhau. Sẽ không thể giải quyết nổi vấn đề nếu phải tiếp cận ngay một lúc mọi hệ thống có yếu tố sở hữu. Vì vậy, với khuôn khổ bài viết, chỉ cố gắng tiếp cận những hệ thống - hay chỉnh thể - có tính đặc trưng nhất, cơ bản nhất. Đó là :

1 - Sở hữu trong chỉnh thể phương thức sản xuất (PTSX).

2 - Sở hữu trong chỉnh thể hình thái kinh tế - xã hội (HT KT-XH).

3 - Sở hữu trong chỉnh thể sản xuất hàng hóa.

4 - Sở hữu trong chỉnh thể kinh tế thế giới đương đại.

5 - Sở hữu trong tổng thể khủng hoảng - tan rã của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội và cải cách, đổi mới để tiếp tục tiến lên.

Đương nhiên, việc phân định như trên theo những khía cạnh phương pháp luận để tiếp cận vấn đề, chỉ có ý nghĩa tương đối.

1 -Sở hữu trong chỉnh thể PTSX

Ở khía cạnh này, sở hữu cùng với quan hệ sản xuất nói chung bao giờ cũng phải đặt trong biện chứng nội tại của PTSX - đó là *quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất* (QLQL).

Có thể nói, chiến công khoa học đầu tiên của Mác là phát hiện ra QLQL với tư cách là quy luật *cơ bản nhất* , xuyên suốt sự tồn tại và phát triển của nhân loại, trở thành nguyên tắc phương pháp luận hàng đầu để hình thành "quan niệm lịch sử - tự nhiên" về xã hội loài người, từ đó phát hiện bản chất của hiện tượng giai cấp và đấu tranh giai cấp, quy luật cách mạng xã hội, sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp vô sản, chuyển chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học, dự đoán thắng lợi tất yếu của cách mạng vô sản... Điều đó cũng lý giải sâu sắc bi kịch trong mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội bắt nguồn từ việc vi phạm quy luật cơ bản này.

Trước và sau khi tuyên bố mục tiêu "xóa bỏ chế độ tư hữu", các nhà kinh điển đã từng cảnh cáo nguy cơ duy ý chí của các thế hệ cộng sản tương lai có thể "đốt cháy giai đoạn", dùng "sắc lệnh cộng sản" để tiêu diệt các quan hệ sản xuất còn địa bàn phát triển cho lực lượng sản xuất. Chẳng hạn, trong "Hệ tư tưởng Đức", Mác và Ăng-ghen đã "tiên tri" về bi kịch " nếu không có tiền đề tuyệt đối cần thiết" là phát triển sản xuất mà vội vã xã hội hóa các tư liệu sản xuất thì "tất cả sẽ chỉ là một sự *nghèo nàn* đã trở thành phổ biến, mà với sự thiếu thốn thì cũng bắt đầu trở lại một cuộc đấu tranh để giành

* Phó tiến sĩ, giảng viên Trường đại học kinh tế T.P Hồ Chí Minh

Digitized by Google

những cái cần thiết, thế là người ta lại không tránh khỏi rơi vào cũng sự tự tiện như trước đây" (1).

Nhiều thập kỷ qua, trong cương lĩnh các đảng cộng sản cầm quyền và trong các sách giáo khoa mác xít đã tồn tại quan điểm lý luận quan hệ sản xuất "đi trước" "mở đường" cho lực lượng sản xuất, coi đó là "bước đi của xã hội" sau khi giải quyết "mâu thuẫn chủ yếu" giữa chính quyền tiên tiến và các quan hệ kinh tế lạc hậu thông qua quốc hữu hóa trong thời gian ngắn.

Thực chất đó là một nghịch lý, khi mà sở hữu bị cào bằng trên nền tảng sản xuất nhỏ còn phổ biến, kể cả trong trường hợp năng suất lao động chưa vượt được chủ nghĩa tư bản. Lý luận "quan hệ sản xuất tiên tiến mở đường cho lực lượng sản xuất" là *biểu hiện tập trung* của chủ nghĩa chủ quan duy ý chí mà kết cục lô gíc không thể nào khác là đẩy lực lượng sản xuất rơi vào tình trạng vô chủ.

Dưới ánh sáng của tư duy mới cũng như của chính thực tiễn, *tính ưu việt chân chính* của một hình thức sở hữu nói riêng, của một kiểu quan hệ sản xuất nói chung, không phải ở chỗ bản thân nó là công hữu hay tư hữu, là bóc lột hay không bóc lột, mà ở chỗ : nó có phù hợp với trình độ và nhu cầu phát triển của lực lượng sản xuất hay không, *có tạo địa bàn tối ưu* cho sự kết hợp sức lao động với các tư liệu sản xuất hay không.

Với tinh thần đó, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội VII của Đảng nhấn mạnh rằng : *"Để thực hiện dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế xã hội kém phát triển..."*. Và, khác với Đại hội IV (năm 1976) đã tuyệt đối hóa "cách mạng quan hệ sản xuất" như tiền đề phải giải quyết để phát triển sản xuất, Đại hội VII đã khẳng định những phương hướng cơ bản đối với lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất (mà trước hết là quan hệ sở hữu) theo trình tự hợp quy luật như sau :

"... phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

"... phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu"(2).

Trong chỉnh thể PTSX, sở hữu còn được xem xét chính trong chỉnh thể của quan hệ sản xuất như một "hệ thống con" trong "hệ thống mẹ" là PTSX.

Quan hệ sản xuất là sự thống nhất biện chứng giữa ba mặt cơ bản cấu thành : quan hệ *sở hữu*, quan hệ *tổ chức quản lý* và quan hệ *phân phối*, trong đó sở hữu giữ vai trò quyết định. Về bản chất, quan hệ sản xuất, từ sở hữu đến tổ chức quản lý và phân phối, vốn mang tính khách quan của lực lượng sản xuất trong từng giai đoạn lịch sử.. Song, trong mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, *một hệ thống các quan hệ phi kinh tế* đã áp đặt lên cả ba mặt của quan hệ sản xuất, tạo nên những hậu quả nặng nề.

Các quan hệ sản xuất, như Ăng-ghen vạch rõ, được biểu hiện thành các quan hệ lợi ích. Vì thế, việc áp đặt các quan hệ phi kinh tế trong đời sống, không tránh khỏi dẫn tới *rối loạn sở hữu, rối loạn quản lý và phân phối*, tức *rối loạn lợi ích*. Điều đó dẫn đến *rối loạn động lực* và *rối loạn xã hội* nói chung. Khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới và mâu thuẫn hàng đầu cần giải quyết không còn ở lĩnh vực chính trị nữa, thì "mọi thứ chính trị - như nhận xét của Mác - xa rời lợi ích đều tự làm nhục mình" tất yếu sẽ bộc lộ ra không tránh khỏi trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Thực tế khủng khoảng của chủ nghĩa xã hội đã xác nhận điều đó.

Thật ra, quản lý và phân phối trước hết là *hệ quả lô gíc* của sở hữu, là *cái phái sinh* của sở hữu. Muốn cách mạng hóa quản lý và phân phối, không thể không xóa bỏ hệ thống sở hữu giả tạo, duy ý chí. Tiền đề cho đổi mới quản lý và phân phối trước hết là sự tìm kiếm những hình thức sở hữu đa dạng, hợp quy luật nội tại của PTSX (QLQL).

Đương nhiên, việc chuyển cơ chế hành chính - quan liêu - bao cấp sang cơ chế quản lý trên cơ sở

---

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tr 45

(2) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 9

Digitized by Google

tuân thủ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, vẫn là vấn đề *sống còn* cùng với quá trình đa dạng hóa sở hữu trong điều kiện tồn tại lâu dài các thành phần kinh tế ở nước ta. Theo tinh thần đó, Đảng ta chủ trương "... đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu"(3).

Chính trong chỉnh thể quan hệ sản xuất, việc phân định giữa sở hữu *pháp lý* và *thực tế*, với các quyền chiếm dụng, tổ chức kinh doanh, v.v. cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội thiếu hẳn những phân định như vậy. Ngày nay, việc phân định đó cho phép phân biệt (chứ không đồng nhất) *chế độ sở hữu* với *thành phần kinh tế*, đan kết các hình thức sở hữu, các phương thức kinh doanh, các thành phần kinh tế, làm sống động nền kinh tế quốc dân, giải phóng và khai thác các nguồn lực trong nước, kể cả sức mạnh của thời đại.

2 - Sở hữu trong chỉnh thể HT KT-XH

Trước hết, cần xem xét sở hữu trong chỉnh thể cơ sở hạ tầng như là tổng hợp các kiểu quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế có mặt trong giai đoạn lịch sử nhất định, tương ứng với hệ thống lực lượng sản xuất nhất định. Trong lịch sử, cơ sở hạ tầng ở dạng điển hình của nó, thường bao gồm ba bộ phận : quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất tàn dư và quan hệ sản xuất của xã hội tương lai. Cần lưu ý rằng quan hệ sản xuất thống trị là sản phẩm của một quá trình hình thành, củng cố và hoàn thiện không ngừng và đấu tranh lâu dài chống mọi thế lực lỗi thời, chứ không thể có ngay khi cách mạng chính trị kết thúc. Mặt khác, nếu đó là quan hệ sản xuất tư hữu thì có thể và đã tự phát hình thành trong lòng xã hội cũ.

Ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - dù điểm xuất phát là phát triển trung bình hay kém phát triển cũng vậy - không thể hình dung và chấp nhận ngay từ đầu một kiểu "quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thống trị", lại càng không thể ảo tưởng có một cơ sở hạ tầng thống nhất và thuần nhất trên cơ sở công hữu toàn dân và tập thể. Trong điều kiện chưa kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì khả năng và nhu cầu duy trì nhiều hình thức kinh tế tư bản với những mức độ khác nhau, cả trong đối nội lẫn đối ngoại, là *tất yếu*. Và cũng chính điều đó quyết định cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ nói chung và ở từng thời đoạn của nó nói riêng, quyết định sự sắp xếp lực lượng và thái độ đúng đắn của đảng cầm quyền đối với các giai cấp. Chính sách "thêm bạn, bớt thù" cả trong đối nội lẫn đối ngoại, trước hết tùy thuộc vào chỗ : kết cấu kinh tế nói chung và hệ thống sở hữu nói riêng có được thiết lập và vận hành theo các quy luật khách quan hay không ?

Trong chỉnh thể HT KT-XH, sở hữu cần được xem xét cả từ phía cấu trúc thượng tầng trong tương quan biện chứng với cơ sở hạ tầng. Chính *chất lượng của hệ thống sở hữu trên thực tế quyết định chất lượng hệ thống chính trị và hệ tư tưởng chỉ đạo hệ thống chính trị đó*. Khủng hoảng ở Liên xô (trước đây) và Đông Âu đã chứng tỏ cái khoảng trống về ý thức hệ là điều kiện tinh thần có lợi nhất cho đa nguyên chính trị, và điều này, suy cho cùng, cũng là do hệ thống công hữu hình thức khô cứng, không đáp ứng nổi sự phát triển hơn nữa của lực lượng sản xuất. Không thể có một cấu trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa trên một cơ sở hạ tầng lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến. Ngay cả trường hợp đã công nghiệp hóa, nhưng còn lạc hậu quá xa so với chủ nghĩa tư bản hiện đại, thì vẫn chưa đủ bảo đảm cho việc kết thúc thời kỳ quá độ.

Do vậy, việc "hiểu sai khái niệm" trong tư duy, đương nhiên sẽ dẫn đến những sai lầm trong chính trị - thực tiễn và sẽ phải trả giá đắt. Trong bối cảnh đó nếu đất nước chưa rơi vào tình thế đảo ngược (tức đảng cộng sản mất quyền lãnh đạo), thì muốn thoát khỏi khủng hoảng để tiếp tục tiến lên, nhất quyết phải hình thành *cả một thể thống những quan niệm có tính đột phá để tiến tới xóa bỏ toàn bộ hệ thống các quan hệ phi kinh tế áp lên cơ sở hạ tầng cũng như hệ thống chính trị, quan liêu, nhằm dân chủ hóa toàn bộ đời sống xã hội*. Dân chủ với tư cách vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới, cũng phải được bắt đầu từ những quan

(3) *Sđd*, tr 9 - 10.

Digitized by Google

hệ cốt lõi đó. Một hệ thống sở hữu hợp quy luật trên thực tế và "được pháp luật quy định và thừa nhận" - như cách nói của Lê-nin - chỉ có thể được tiếp cận và xử lý theo một tổng thể biện chứng như vậy. Và toàn bộ lực lượng sản xuất xã hội mà con người là trung tâm, cũng chỉ có thể được giải phóng triệt để với kịch bản đồng bộ như vậy.

3 -Sở hữu trong chỉnh thể sản xuất và tái sản xuất hàng hóa

Hơn nửa thế kỷ qua, tư duy cũ và mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội đã đối lập một cách duy ý chí và siêu hình chủ nghĩa xã hội với sản xuất hàng hóa, tức đồng nhất mọi quan hệ hàng hóa - thị trường với chính chủ nghĩa tư bản. Cùng với việc vi phạm QLQL, việc vi phạm các quy luật sản xuất hàng hóa cũng là một sai lầm có tính chiến lược.

Trong những tình huống nhất định thì động lực tinh thần - chính trị có vai trò quan trọng, thúc đẩy cá nhân sẵn sàng hy sinh tất cả cho đại nghĩa. Còn trong quan hệ *kinh tế*, đặc biệt trong thời bình, thì lợi ích kinh tế (biểu hiện rõ nhất bằng lợi nhuận) là chính. Lợi ích cá nhân của những công dân chỉ có thể được thực hiện trong sự kết hợp nhận thức và vận dụng đúng trước hết hai nhóm quy luật : QLQL và sản xuất hàng hóa. Chính đó là động lực cơ bản và trực tiếp của mọi quá trình kinh tế - xã hội chừng nào chưa thiết lập được đầy đủ chủ nghĩa cộng sản.

Vì vậy, tìm kiếm các quan hệ sản xuất - đặc biệt là các quan hệ sở hữu - hợp quy luật, phải đồng thời tuân thủ mọi quan hệ khách quan thuộc cơ chế thị trường, cả đối nội lẫn đối ngoại.

Đối tượng sở hữu giờ đây không còn đơn giản chỉ là các tư liệu sản xuất, mà mở rộng đến cả vốn, công nghệ, chất xám, thông tin, thị trường với tất cả các phạm trù của kinh tế hàng hóa. Sức lao động trong sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần cũng không thuộc ngoại lệ.

Vấn đề sở hữu và hiệu quả sở hữu phải được lượng hóa trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất và tái sản xuất hàng hóa. Hiện tượng "lãi giả lỗ thật" và "quốc doanh kém hơn tập thể, tập thể kém hơn tư nhân - cá thể" chỉ có thể được khắc phục trong sự vận dụng tổng hợp trước hết hai quy luật kinh tế nói trên.

Thực tiễn cuộc sống đã cung cấp cho chúng ta bài học về một trong số những tính quy luật từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là phải tuân thủ và phát triển sản xuất hàng hóa. Vấn đề sở hữu phải được xem xét trong chỉnh thể sản xuất hàng hóa chính là vì vậy.

Song, đừng quên rằng, tuyệt đối hóa hàng hóa sẽ dẫn tới "bái vật hóa" và tha hóa con người - điều mà chủ nghĩa tư bản đã coi như bản chất của mình. Xã hội ta đang chứng kiến một khuynh hướng tự phát như vậy, cần phải cảnh giác ! Cương lĩnh Đại hội VII của Đảng chủ trương "đa dạng hóa các hình thức sở hữu" nhưng cũng yêu cầu "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước", chính là vì vậy.

4 -Sở hữu trong chỉnh thể kinh tế thế giới đương đại

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật kể từ giai đoạn mới nhất (từ những năm 70 trở lại đây), với tư cách là *cuộc cách mạng khoa học và công nghệ*, đã thúc đẩy quá trình chuyển biến *từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu*, tất yếu dẫn tới *một nền kinh tế thế giới đương đại thống nhất, một chỉnh thể sản xuất hàng hóa thống nhất*, vừa đấu tranh vừa hợp tác, liên hệ chặt chẽ với nhau, không phân biệt chế độ chính trị cũng như trình độ phát triển. Khuynh hướng đối thoại dần dần thay thế đối đầu trước kia giữa các cường quốc, cũng tác động cùng chiều với quá trình này.

Một chính sách "đóng cửa" trước bối cảnh đó là tự sát ! Giá rẻ hàng công nghiệp cho những viên đạn trái phá chọc thủng mọi biên giới quốc gia - Mác đã nhận ra sự thật đó từ thế kỷ trước. Việc tìm kiếm các hình thức sở hữu cũng như chấp nhận các quy luật sản xuất hàng hóa, đương nhiên phải tính đến bối cảnh đó. Nếu hình dung kinh tế quốc dân của một nước như một "hộp đen", thì phương sách tối ưu để phát triển kinh tế là "đầu vào" lẫn "đầu ra" phải có những quan hệ cơ bản với thế giới. Đại hội VII của Đảng đã khẳng định chủ trương "mở cửa" như một quốc sách. Và chỉ như vậy mới chấp nhận trên thực tế thách thức, và tranh thủ được cơ may của cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới.

Digitized by Google

Tư duy mới về sở hữu nói riêng, về xác lập và củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa nói chung, không thể tách rời quá trình quốc tế hóa đó của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. "Chủ nghĩa tư bản nhà nước là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội" và "giữa chúng không có tường thành nào ngăn cách", điều đó hoàn toàn phù hợp với hình ảnh hiện đại về chủ nghĩa xã hội với tư cách là *sự chuyển hóa của chủ nghĩa tư bản hiện đại sang mặt đối lập biện chứng với nó*. Ngày nay, vẫn còn nguyên giá trị lời dạy chí lý của Lê-nin : "Chủ nghĩa xã hội đang nhìn sang chúng ta từ tất cả các ô cửa của chủ nghĩa tư bản hiện đại".

Vì thế mô hình sở hữu nói riêng và chủ nghĩa xã hội nói chung, *một mặt* phải được gạn lọc từ chính những kinh nghiệm thành công lẫn thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực, *mặt khác* phải là sản phẩm tất yếu của sự kế thừa - chứ không phải phủ định sạch trơn - đối với mọi giá trị tích cực của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Việc tuyệt đối hóa luận điểm "PTSX xã hội chủ nghĩa không phải tự phát hình thành trong lòng chủ nghĩa tư bản" đã góp phần tạo nên sự trì trệ, khủng hoảng của mô hình chủ nghĩa xã hội. Lịch sử đương đại đang chứng kiến chủ nghĩa tư bản hiện đại với sự dẫn đầu trong cách mạng khoa học và công nghệ, với những kinh nghiệm trong các thiết chế dân chủ, không chỉ làm chín muồi các tiền đề vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, mà còn làm chín muồi - hay cung cấp - ngày càng nhiều những kinh nghiệm, những yếu tố, những dữ kiện tích cực và hợp lý cho sự lựa chọn và tạo dựng mô hình chủ nghĩa xã hội cả trong các quan hệ sản xuất (từ sở hữu đến tổ chức - quản lý và phân phối) lẫn trong cấu trúc thượng tầng. Nổi bật trong số đó, phải nói tới *các công ty cổ phần* - thành quả tất yếu của lực lượng sản xuất đã xã hội hóa cao và là hình thức đầy triển vọng trong điều kiện nhân dân lao động nắm chính quyền.

Phạm trù "không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" chỉ có ý nghĩa là không kinh qua chủ nghĩa tư bản với tư cách là một chế độ xã hội, một hình thái kinh tế - xã hội thống trị, chứ không phải là bác bỏ và bỏ qua tất cả những gì tích cực mà chủ nghĩa tư bản hiện đại đã và sẽ đạt được.

Song, sẽ là ảo tưởng và phải trả giá đắt nếu sa vào chủ nghĩa cơ hội - cải lương chờ đợi tất cả những giá trị đó "tự động cộng lại" thành chủ nghĩa xã hội ! Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ không hề giấu giếm ý đồ của mình khi chủ trương chuyển hướng chiến lược từ "ngăn chặn" sang "vượt trên ngăn chặn" để "Phần lan hóa" Đông Âu. Chính khát vọng "diễn biến hòa bình" của phương Tây sau nhiều thập kỷ không tiêu diệt nổi chủ nghĩa xã hội bằng bạo lực, đã cổ xúy mạnh mẽ các thế lực thù địch bên trong các nước xã hội chủ nghĩa. Và như thực tế các nước Đông Âu và Liên xô (trước đây) cho thấy, chính các thế lực này đã đẩy các nước đó trượt nhanh sang đường ray tư bản.

Như vậy, tiếp cận vấn đề sở hữu trong chỉnh thể kinh tế thế giới đương đại, tư duy mới phải hết sức cảnh giác đối với âm mưu "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc.

5 - Sở hữu trong tổng thể khủng khoảng - sụp đổ của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội và đổi mới, cải cách để tiếp tục tiến lên.

Là nền tảng của mọi quan hệ xã hội, hệ thống sở hữu không được xác lập phù hợp với các quy luật khách quan như đã trình bày ở trên, là một trong những nguyên nhân chính đưa tới sự phá sản của mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ.

Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, của các quan hệ sở hữu, và chính trị, như Lê-nin đã khẳng định, vẫn không thể không ưu tiên so với kinh tế. Vì thế, những sai lầm cơ bản trong kinh tế, tự nó đã mang tính chất chính trị. Có thể nói cách khác : những sai lầm về sở hữu thuộc những sai lầm lớn về *lý luận*, do đó, không tránh khỏi dẫn tới những sai lầm về *chính trị - thực tiễn*. Việc đồng nhất sở hữu xã hội chủ nghĩa với công hữu ; đồng nhất thành phần quốc doanh với sở hữu toàn dân ; đồng nhất hợp tác hóa với tập thể hóa ; đồng nhất sản xuất hàng hóa với chủ nghĩa tư bản ; đối lập sở hữu xã hội chủ nghĩa với tất cả các thành phần kinh tế còn lại ; lẫn lộn sở hữu pháp lý với sở hữu thực tế, với các quyền chiếm dụng, tổ chức - kinh doanh,v.v. chính là những sai lầm thuộc loại đó.

Với những sai lầm đó, những mâu thuẫn vốn không thuộc bản chất và không phải là đối kháng có thể trở thành đối kháng do không được phát hiện và xử lý kịp thời. Có thể thấy điều này qua cuộc

Digitized by Google

khủng hoảng toàn diện của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô (trước đây). Ở màn chót tấn bi kịch, được sự trợ sức đắc lực từ bên ngoài, các lực lượng cơ hội và chống cộng dưới mọi màu sắc đã chớp thời cơ, làm khuynh đảo sự nghiệp xây dựng một trật tự xã hội mới đã có bề dày lịch sử trên 2/3 thế kỷ.

Không hoàn toàn đúng nếu cho rằng đây là cuộc khủng hoảng đầu tiên của chủ nghĩa xã hội hiện thực, cũng như cho rằng chưa hề có mô hình khoa học nào về chủ nghĩa xã hội. Chính Lê-nin với tinh thần tự chỉ trích bôn sê vích, đã tỉnh táo và dũng cảm phân tích cuộc khủng hoảng của mô hình "cộng sản thời chiến" bùng nổ ở nước Nga xô viết tháng 3-1921. Trong sự phân tích này, việc áp đặt hệ thống sở hữu cộng sản bị phê phán trước tiên như những sai lầm về *đường lối* dẫn tới khủng hoảng kinh tế và chính trị sâu sắc. Người viết : "Chế độ trưng thu lương thực thừa ở nông thôn, cách giải quyết những nhiệm vụ xây dựng ở thành thị một cách trực tiếp theo chủ nghĩa cộng sản như thế, đã làm trở ngại cho việc phát triển lực lượng sản xuất và đã tỏ ra là nguyên nhân chủ yếu gây nên cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị sâu sắc mà chúng ta vấp phải hồi mùa xuân 1921. Cho nên, đứng về mặt đường lối và chính sách của chúng ta mà xét, cần phải có cái mà người ta không thể gọi một cách nào khác hơn là một sự thất bại rất nặng nề và một sự rút lui rất nghiêm trọng"(4).

Chính sách kinh tế mới (NEP) của Lê-nin đã ra đời trong tình huống đó, trở thành "cẩm nang" thần kỳ đã cứu giúp nước Nga xô viết khỏi nguy cơ diệt vong trong thời gian kỷ lục (4 năm !). NEP hoàn toàn không phải là giải pháp tình thế, là "một bước lùi" mà thực chất là *một đường lối phát triển, một thiết kế lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội*. Thật không quá lời khi viện sĩ Môi-sép đánh giá kinh nghiệm và ý nghĩa của NEP những năm 20 "có thể trở thành cuốn sách giáo khoa tuyệt vời về chủ nghĩa xã hội thực tiễn" (5).

Triết lý sâu xa nhất của NEP là "kết hợp có nguyên tắc các mặt đối lập" mà biểu hiện tập trung nhất là thực hiện *chủ nghĩa tư bản nhà nước*. Chỉ có phương thức đó mới có hiệu quả nhất để *chiến thắng tính tự phát tiểu tư sản với tư cách kẻ thù nguy hiểm nhất của chủ nghĩa xã hội*.

Cải cách hay đổi mới nhìn ở một góc độ nào đó, cũng có nghĩa là trở lại với NEP *trên cơ sở cao hơn* với tất cả những kinh nghiệm của lịch sử và tương quan mới của thế giới đương đại. Lịch sử không giả định, nhưng nhà nghiên cứu Bu-glap-xki vẫn phải giả định : nếu Lê-nin sống lâu hơn nữa để NEP đi trọn quãng đường lịch sử dành cho nó, thì tình hình sẽ *nhẹ nhàng hơn, hiệu quả hơn* và có *tính người hơn*.

Song, cũng đừng ảo tưởng ở NEP như "chiếc đũa thần" nếu thiếu vắng *một chủ thể lãnh đạo chính trị ngang tầm với NEP*. Cũng như mọi tấm huân chương, NEP có mặt trái của nó, hay nói nôm na, giống như "con dao hai lưỡi". Đúng thế ! Các thế lực cơ hội và chống cộng dưới mọi màu sắc có thể và đã nhân danh NEP để thực hiện mưu đồ đen tối : xóa bỏ chủ nghĩa xã hội từ lý thuyết đến những giá trị thực tế. Trong bức tranh toàn cảnh hỗn loạn của khủng khoảng, các thế lực đó đã làm một "cuộc cách mạng nhung lụa" mà thực chất là đẩy xã hội tới cái gọi là "chủ nghĩa xã hội dân chủ" với tư cách là một biến thể của chủ nghĩa tư bản.

*

Với Đại hội VII, những người cộng sản Việt nam một lần nữa đã phê phán sâu sắc bệnh giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa. Toàn bộ các văn kiện của Đại hội thấm nhuần tinh thần tiếp cận NEP - *đa dạng hóa sở hữu, thực hiện nhất quán chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước*.

Việc đi sâu phân tích và xác định rõ các hình thức sở hữu cùng các thành phần kinh tế cũng như cơ chế liên kết chúng, xin đặt ngoài phạm vi bài viết này. Chỉ biết rằng, công việc đó đòi hỏi trước hết *tư duy triết học - tư duy chính thể*, chứ không chỉ tư duy kinh tế.

---

(4)V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 199

(5)Môi-sép : *Chủ nghĩa xã hội và tin học*, Viện tính toán và điều khiển, Hà nội, 1989, tr 89

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN THẾ PHẤN*

TRONG đổi mới lý luận, có khá nhiều vấn đề nảy sinh, trong đó có vấn đề quan hệ giữa lý luận và chính trị cũng như giữa nhà lý luận và nhà chính trị. Lý giải vấn đề này không đơn giản chút nào, vì thế bước đầu, tôi xin có một số ý kiến góp sức "khai thông".

Lý luận là gì và chính trị là gì ?

Trong bài diễn văn khai mạc lớp học lý luận khóa I Trường Nguyễn Ái Quốc năm 1957, Hồ Chủ tịch có đưa ra một định nghĩa như sau : "*Lý luận* là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay của tất cả các nước"(1). Nó là khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội ; khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột ; khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước ; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Cũng trong bài này, Hồ Chủ tịch còn viết : "Trong khi nhấn mạnh sự quan trọng của lý luận, đã nhiều lần đồng chí Lê-nin nhắc đi nhắc lại rằng lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng ; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo ; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng *những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động* (tôi gạch dưới - NTP). Những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi"(2). Hồ Chủ tịch còn viết : "dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế chúng ta mới *dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta* (tôi gạch dưới - NTP)"(3).

Định nghĩa về lý luận như trên của Hồ Chủ tịch là hoàn toàn chính xác và đầy đủ. Định nghĩa đó nêu bật tính khoa học và tính cách mạng của lý luận. Nó còn chỉ rõ hai bộ phận cấu thành không thể tách rời nhau của lý luận là *những lý luận chung* cho cả loài người, cả phong trào cộng sản quốc tế và *những lý luận cụ thể* cho cuộc cách mạng ở nước ta.

Cái chung là cái mình gặt hái được của cả loài người. Còn cái riêng là cái mình phải thông qua thực tiễn và vắt óc ra mà suy nghĩ thì mới có được.

Trên đây là định nghĩa về lý luận, còn *chính trị là gì ?* Theo Lê-nin, chính trị là "biểu hiện tập trung của kinh tế", là "tham gia vào việc nước, định hướng cho sự phát triển của đất nước và xác định hình thức, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của nhà nước". Ngoài ra, còn có những định nghĩa khác về chính trị của các nhà khoa học, như : chính trị là *một loại hoạt động, hoạt động cai trị con người*, của một tập đoàn hoặc cá nhân nhất định triển khai xung quanh quyền lực nhà nước. Chính trị là *một loại quan hệ, quan hệ giữa các giai cấp*, trước hết là các quan hệ về kinh tế. Chính trị là *hệ thống các chính sách và sách lược hành động* của các giai cấp và các chính đảng để giành và giữ chính quyền nhằm phục vụ cho lợi ích của mình ; là *cuộc đấu tranh giai cấp* xoay quanh vấn đề giành, giữ và sử dụng chính quyền nhà nước. Chính trị là *chủ thể của cấu trúc thượng tầng* có chức năng xử lý và điều tiết các mối quan hệ qua lại giữa các giai cấp, các dân tộc và các quốc gia. V.v..

* Chuyên viên cấp cao Viện Mác - Lê-nin.

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, t.7, tr. 789.

(2), (3) Sđd, tr. 788 785.

Digitized by Google

Những định nghĩa nêu trên tuy có khác nhau về hình thức biểu đạt hay ý muốn nhấn mạnh mặt này hay mặt khác, nhưng đều có những điểm chung : chính trị là biểu hiện của các mối quan hệ giai cấp, trước hết là quan hệ về kinh tế ; cái lõi của chính trị là vấn đề chính quyền thuộc về giai cấp (hay chính đảng) nào.

Để có thể hình dung rõ hơn mối quan hệ giữa lý luận và chính trị, và đặt thẳng vấn đề vào điều kiện của Đảng ta hiện nay, theo tôi, có thể quan niệm chính trị là *toàn bộ hoạt động* của Đảng nhằm củng cố chính quyền nhà nước và sử dụng chính quyền vào việc quản lý và điều hành xã hội theo *đường lối và chủ trương chính sách của mình*.

Trong quan niệm nêu trên, có hai điều tôi muốn nhấn mạnh là : 1 - Chính trị phải là toàn bộ hoạt động của Đảng, trước hết là việc vạch đường lối, chính sách ; 2 - Đảng không trực tiếp quản lý và điều hành xã hội mà thông qua bộ máy nhà nước do Đảng lãnh đạo.

Vậy *quan hệ lý luận và chính trị diễn ra như thế nào* ?

Xuất phát từ những định nghĩa như trên, có thể thấy chính trị cần đến lý luận như là kim chỉ nam cho hành động và nguồn cung cấp những luận cứ khoa học cho việc vạch đường lối, chính sách. Còn lý luận thì cần đến chính trị như là nơi ứng dụng hay "thị trường tiêu thụ" của mình. Chẳng những thế, thực tiễn chính trị còn là thước đo giá trị của lý luận và là nguồn bổ sung vô tận cho lý luận để làm cho lý luận luôn luôn sống động và đầy tính sáng tạo. Nói cách khác, chính trị đòi hỏi lý luận phải giải thích đúng những hiện tượng xã hội mới nảy sinh, đưa ra những dự báo khoa học về sự phát triển của tình hình, đề xuất những vấn đề mới cần giải quyết và những điều cần bổ sung sửa đổi, hoặc bỏ hẳn trong đường lối chính sách. Còn lý luận thì đòi hỏi ở chính trị một sự tiếp nhận thật sự khách quan khoa học và tự giác, không định kiến, bảo thủ hoặc xét lại.

Hồ Chủ tịch từng nói : Thực tiễn mà không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông.

Quan hệ giữa lý luận và chính trị như vậy, về nguyên tắc, là rất thuận chiều. Nhưng vì sao, trên thực tế, lại có những hiện tượng trục trặc ?

Nói riêng về *thuận chiều*, thì có cả thuận chiều theo hướng *đúng* và thuận chiều theo hướng *sai*. *Đúng*, như lý luận và chính trị của Đảng ta thể hiện trong những nguyên tắc về đổi mới, nên đã giữ vững được sự ổn định về chính trị để phát triển kinh tế. *Sai*, như lý luận và chính trị trong cải tổ, cải cách ở Liên xô và các nước Đông Âu những năm vừa qua, nên đã dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội và đảng cộng sản.

Còn *trục trặc ?* Đây mới là hiện tượng cần đi sâu phân tích để tìm cách khắc phục và đạt tới một quan hệ thuận chiều theo hướng đúng giữa lý luận và chính trị.

Theo tôi, trục trặc thường xảy ra trong hai trường hợp sau :

1 - Lý luận *không đúng* hoặc *không đủ*, tức là không phản ánh đúng những quy luật và yêu cầu của cuộc sống, không đáp ứng được những yêu cầu chính đáng của thực tiễn chính trị, nên không có sức thuyết phục và do đó không nhập được vào chính trị. *Ví dụ* : Lý luận về phi quốc doanh hóa toàn bộ nền kinh tế hay phi đảng hóa tất cả các cơ quan nhà nước.

2 - Lý luận *đúng nhưng không nhập được vào chính trị* hoặc *mới chỉ nhập "hờ" được vào các văn bản chính trị*, còn thực tế thì lại diễn biến theo chiều ngược lại. *Ví dụ* : Lý luận về chống quan liêu hóa bộ máy đảng và nhà nước.

Trường hợp *thứ nhất* thuộc về trách nhiệm của nhà lý luận ; trường hợp *thứ hai* thuộc về trách nhiệm của các nhà chính trị.

Còn có những trường hợp lý luận *chưa thật rõ ràng*, nên chính trị ít nhiều còn có tính chất dò dẫm, thực nghiệm, vừa làm vừa điều chỉnh. *Ví dụ* : Trước đây có lý luận về công nghiệp hóa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng... trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp ; và hiện nay có lý luận về "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần *theo định hướng xã hội chủ nghĩa*". Những trường hợp như vậy thì trách nhiệm thuộc cả về hai phía : nhà lý luận và nhà chính trị. Họ phải cùng nhau kết hợp mọi cố gắng để tìm ra những luận giải đúng về lý luận và những chính sách, biện pháp đúng trong thực tiễn.

Ngoài hai hiện tượng thuận chiều và trục trặc nêu trên, trong quan hệ giữa lý luận và chính trị, còn có một hiện tượng tựa hồ như là *đồng nhất* giữa hai cái. Đó là tình trạng coi việc phát triển và sáng tạo về mặt lý luận là thẩm quyền riêng của các nhà chính trị ; coi nhiệm vụ chính yếu của công tác lý luận là thuyết minh cho những đường lối, chính sách đã được vạch ra. Đây cũng là một hiện tượng có hại cho việc phát huy chức năng khoa học của công tác nghiên cứu lý luận là phải phát hiện, phê phán, dự báo và đề xuất. Nó làm cho *ranh giới* (chứ không phải sự đối lập) giữa công tác nghiên cứu lý luận và công tác tuyên huấn không được rõ ràng.

Digitized by Google

Về tính đảng và tính khoa học của lý luận và nhà lý luận.

Để thực hiện được vai trò lãnh đạo của mình, Đảng ta phải tiêu biểu cho trí tuệ của dân tộc và thời đại, hay nói như Lê-nin : Chỉ có một đảng được hướng dẫn bởi lý luận tiền phong thì mới có thể làm tròn được vai trò của người chiến sĩ tiền phong. Vì thế, về nguyên tắc, tính đảng và tính khoa học không mâu thuẫn mà thống nhất với nhau. Tính đảng chẳng những không hạn chế mà còn đòi hỏi tính khoa học ngày càng cao của lý luận. Tính đảng trước hết có nghĩa là một sự định hướng đúng cho việc nghiên cứu lý luận đạt được hiệu quả cao, hiệu quả cao trong thực tiễn chính trị. Nó đòi hỏi việc nghiên cứu lý luận phải xuất phát đầy đủ từ thực tiễn chính trị và cuộc sống của nhân dân để từ đó rút ra những luận giải đúng cho những vấn đề mới nảy sinh và những kết luận mới nhằm bổ sung cho đường lối chính sách và cho bản thân lý luận. Lý luận xuất phát từ thực tiễn và lại được kiểm tra bằng thực tiễn, thì chắc chắn sẽ có tính khoa học ngày càng cao.

Có người nói rằng hiện nay chúng ta đang có "một lý luận không thực tiễn và một thực tiễn không lý luận". Tôi nghĩ nói như vậy là quá đáng, nhưng cũng phải công nhận một sự thật là : các nhà lý luận của chúng ta hiện nay vẫn còn chưa có đủ vốn liếng về mặt thực tiễn nên vừa có hiện tượng giáo điều cũ, vừa có hiện tượng *giáo điều mới* (tức là nghiên cứu và phát biểu nhiều theo sách, báo của nước ngoài), và như vậy thì lý luận còn có khiếm khuyết cả về tính đảng và tính khoa học.

Quan niệm như trên về quan hệ giữa hai tính có phải là "xuôi chiều" quá không, và có phải là phủ nhận những mâu thuẫn thực tế đã xảy ra giữa chúng với nhau không ? Tôi xin sơ bộ có một số ý kiến như sau :

Một là, trong xã hội còn có giai cấp và đấu tranh giai cấp, thì nền chính trị nào cũng có tính giai cấp, tính khuynh hướng nhất định. Do đó, nó chỉ có thể tiếp nhận những lý luận có lợi cho nó, và không thể tiếp nhận những lý luận chống lại giai cấp mình và định hướng phát triển xã hội của mình. Cái gọi là "tính đảng" của lý luận cũng hình thành từ đó.

Hai là, trong nội bộ Đảng ta và nhân dân ta, tức là trong những người cùng có một chí hướng, thì như trên đã nói : về nguyên tắc, không có sự mâu thuẫn giữa tính đảng và tính khoa học, nhưng trên thực tế lại có những trục trặc giữa lý luận và chính trị, do trách nhiệm từ hai phía nhà lý luận và nhà chính trị. Những trục trặc nêu trên không phải là phản ánh mâu thuẫn giữa tính đảng và tính khoa học của lý luận, mà là *mâu thuẫn giữa trình độ còn thấp của lý luận so với yêu cầu của chính trị và mâu thuẫn giữa nhu cầu phải tiếp thu lý luận đúng đắn với trình độ, phẩm chất của nhà chính trị.*

Ba là, trong một tổ chức chiến đấu như Đảng ta, không thể không có một kỷ luật nghiêm ngặt như : quy định đảng viên chỉ có thể phát biểu trong tổ chức, chứ không được công khai truyền bá những lý luận trái với đường lối, quan điểm và nghị quyết của Đảng. Trong toàn xã hội cũng vậy, không thể không có sự hạn chế và ngăn cấm đối với việc truyền bá những lý luận phản động nhằm chống lại chế độ, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng và gây mất ổn định về chính trị. Mặt khác, Đảng và Nhà nước ta ngày càng có thái độ và chính sách rộng mở để khuyến khích các nhà nghiên cứu lý luận tìm kiếm, phát hiện và đề xuất những ý kiến mới có lợi cho quốc kế dân sinh.

Nếu hiểu tính đảng là cần thiết và có cả hai mặt hạn chế và rộng mở như trên, thì sẽ cảm thấy thoải mái trong nghiên cứu lý luận. Hơn nữa, ngoài các phương tiện thông tin đại chúng, nhà nghiên cứu lý luận còn có nhiều cơ hội để phát biểu ý kiến của mình, như tại các cuộc hội thảo, trên các tạp chí hay bản tin nội bộ, gặp trực tiếp hoặc biên thư cho các nhà lãnh đạo, v.v..

Bốn là, về ảnh hưởng của quyền lực đối với lý luận và các nhà nghiên cứu lý luận, cũng cần xem xét từ hai phía : nhà lý luận và nhà lãnh đạo.

Về phía *nhà lý luận*, nếu có đủ lòng tự tin, bản lĩnh, và sự trong sáng của mình trong việc bảo vệ chân lý, thì cũng chẳng có gì phải e dè trước quyền lực mà "co cụm" lại và "đánh mất mình". Điều đáng lo ngại nhất hiện nay không phải là hiện tượng "lý luận không vào được chính trị" ; mà là hiện tượng "lý luận còn thấp so với yêu cầu của chính trị" ; và nguyên nhân chính của hiện tượng đó là tình trạng công tác nghiên cứu lý luận còn xa rời thực tiễn. Muốn khắc phục tình trạng đó để có được một *lý luận - thực tiễn sống động*, cần tiến hành ba biện pháp sau đây :

Một : các nhà nghiên cứu lý luận phải đi sâu vào thực tiễn.

Hai : nâng cao trình độ nhận thức về lý luận của các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, trước hết là ở trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc.

Ba : có những phương pháp, hình thức để tập hợp và tổng hợp được trí tuệ của cả hai loại cán bộ nói trên, nhằm làm giàu thêm cho lý luận và gắn chặt

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

Từ hoạt động của kinh tế ngoài quốc doanh ở TP Hồ Chí Minh

LÊ VINH DANH *

Trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội* đến năm 2000, khi nói đến các thành phần kinh tế có nêu rõ : "Trong nền kinh tế thị trường với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm, từ ba loại hình sở hữu cơ bản (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân) sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế với các tổ chức kinh doanh đa dạng".

Thành phần kinh tế quốc doanh nằm trong sở hữu toàn dân. Hai loại hình sở hữu còn lại là cơ sở của khu vực *kinh tế ngoài quốc doanh*. Từ năm 1987 đến nay, khu vực kinh tế này đã được chú trọng, đã chứng tỏ nhiều tiềm năng, thể hiện qua những hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng mà nếu biết khai thác thì hiệu quả sẽ rất lớn, phục vụ tích cực cho chiến lược phát triển kinh tế quốc dân. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh vừa tạo ra một khối lượng lớn hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, vừa góp phần không nhỏ vào các dịch vụ sản xuất, dịch vụ cung ứng, lưu thông, phân phối, giao thông, vận tải, xây dựng... và đã giải quyết công ăn việc làm cho hàng triệu lao động đủ các thành phần. Trong thời kỳ quá độ nhằm ổn định và phát triển kinh tế xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò của kinh tế ngoài quốc doanh rõ ràng là quan trọng. Để góp phần chứng minh cụ thể nhận định nói trên, tôi xin đi sâu vào kinh tế ngoài quốc doanh ở TP Hồ Chí Minh. Dưới đây là những điều ghi nhận được qua những số liệu ban đầu của thành phố.

Về giá trị tổng sản lượng hàng hóa, dịch vụ, công nghiệp, thương nghiệp, xuất khẩu quý I - 1992[1]

NGÀNH	Giá trị tổng sản lượng (tỉ đồng)	*Trong đó*		*Tỷ lệ %* giữa khu vực ngoài quốc doanh và quốc doanh
		Khu vực quốc doanh (tỉ đồng)	Khu vực ngoài quốc doanh (tỉ đồng)	
Công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp	1.098,7	801,4	297,3	37,09
Thương nghiệp và dịch vụ	4.500	1.219,7	3.280,3	268,94
TỔNG SỐ	5.598,7	2.021,1	3.577,6	177,01

Từ những số liệu trong bảng trên, có thể rút ra mấy nhận xét :

- Tỷ trọng giá trị tổng sản phẩm thực hiện trong quý I-1992 giữa khu vực kinh tế *ngoài quốc doanh* (khu vực B) và khu vực *quốc doanh* (khu vực A) là 177,01%. Trong điều kiện thành phố còn gặp nhiều khó khăn về vốn đầu tư và khả năng tích lũy, sự đóng góp của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh như vậy là rất quan trọng.

- Tích lũy tiết kiệm cho đầu tư để mở rộng sản xuất và tái sản xuất mở rộng bao giờ cũng phụ thuộc vào nguồn thu của nhà nước và của nhân dân thể hiện qua giá trị tổng sản phẩm được tạo ra. Với tỷ lệ gần gấp đôi về giá trị tổng sản phẩm xã hội và dịch vụ, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đã góp phần không nhỏ cho tích lũy.

- Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh trong quý 1-1992 với doanh số 297,3 tỉ đồng, tăng 5,2% so với quý 1-1991.

Thương nghiệp, dịch vụ quý 1-1992 với doanh số 3280,3 tỉ đồng tăng 15% so với quý 1-1991. Trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, doanh số quý 1-1992 giữa thương nghiệp, dịch vụ cao hơn 11 lần so với công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Như vậy, xu

* Trường đại học tổng hợp - Thành phố Hồ Chí Minh

(1)Tài liệu của Cục thống kê TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

hướng đầu tư vào những ngành kinh doanh có lãi cao và nhanh, hoàn vốn gấp (như thương nghiệp, dịch vụ) đang chiếm ưu thế trong kinh tế ngoài quốc doanh. Đầu tư cho sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp - nền cơ bản của kinh tế quốc dân - còn thấp, mới chỉ chiếm 37,09% so với kinh tế quốc doanh.

Trong tổng kim ngạch xuất khẩu quý 1-1992 của TP Hồ Chí Minh (81,9 triệu USD), khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chiếm hơn 1/3, tăng 28,8% so với quý 1-1991[2]. Các nhóm mặt hàng có tỷ lệ xuất khẩu tăng nhiều là : nông sản tăng 42%, hải sản tăng 31% so với quý 1-1991. Đây cũng là các nhóm mặt hàng mà khu vực ngoài quốc doanh tham gia nhiều nhất. Dưới hình thức những hợp đồng xuất ủy thác và hợp đồng gia công cho các đơn vị quốc doanh, hoạt động sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu trong quý 1-1992 tại TP Hồ Chí Minh rất sôi nổi. Điều dễ hiểu là hoạt động sản xuất, cung ứng cho xuất khẩu là hoạt động sinh lãi cao, mức hoàn vốn nhanh hơn các ngành khác, kể cả các ngành thương nghiệp, dịch vụ nội địa. Đó là lý do tại sao hoạt động ngoại thương của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tại TP Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung tăng rất nhanh.

● **Về mức thu ngân sách thể hiện dưới dạng thuế**[3]

QUÝ	Tổng ngân sách đã thu (tỉ đồng)	Trong đó		Tỉ lệ % thuế giữa khu vực ngoài QD với TS	Tỉ lệ % thuế đã nộp giữa 2 khu vực B và A
		Khu vực quốc doanh (tỉ đồng)	Khu vực ngoài quốc doanh (tỉ đồng)		
1/90	233,37	179,083921	54,287082	23,26	30,31
1/91	245,804	199,090	46,714	19	23,46
1/92	459,649	368,482	91,166	19,83	24,74

Theo bảng trên, mức thuế mà khu vực ngoài quốc doanh thực hiện chỉ bằng 1/4 mức thuế của khu vực quốc doanh và chưa bằng 1/5 so với tổng mức thuế đã thu trong khi giá trị tổng sản lượng mà khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thực hiện (kể cả công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, ngoại thương...) gấp 1,77 lần khu vực quốc doanh và chiếm 63,9% tổng sản lượng tất cả các khu vực. Như vậy, một phần rất lớn mức thuế đã thất thoát từ khu vực ngoài quốc doanh do trốn thuế, lậu thuế...Đó là điều hoàn toàn không thể chấp nhận được. Nhà nước cần có những chính sách cụ thể, có những quy định hợp lý về thuế suất cho từng chủ thể, từng ngành hàng, quy định về những đối tượng ưu tiên, đồng thời có những biện pháp hợp lý, kiên quyết để theo dõi, quản lý, thu đúng, thu đủ cho ngân sách quốc gia. Nếu khoản thất thu này được bù đắp đủ, ngân sách chắc chắn dồi dào hơn, vấn đề trợ giá nông sản cho nông dân chắc sẽ giải quyết được. Để giải quyết tốt việc thu thuế ở khu vực ngoài quốc doanh, bên cạnh việc tích cực chống khai man, chống trốn thuế, dĩ nhiên cần có kế hoạch tạo điều kiện cho khu vực đó phát triển sản xuất, kinh doanh.

Trong những tháng vừa qua, hoạt động sản xuất, kinh doanh ở TP Hồ Chí Minh có khó khăn rất lớn về nguồn điện và về tiền mặt. Tình trạng thiếu điện đã làm cho nhiều nhà máy, xí nghiệp phải ngừng sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng. Trong khu vực quốc doanh, nhiều đơn vị trong quý 1/1992 đã thiệt hàng tỉ đồng. Thí dụ : Vì thiếu điện, Xí nghiệp dược phẩm TW 24 thiệt mỗi tháng 400 triệu đồng, Xí nghiệp liên hợp luyện cán thép miền Nam thiệt 3 tỉ đồng trong cả quý. Nhiều đơn vị phải hủy bỏ hợp đồng hoặc đền bù vì không thực hiện nổi hợp đồng[4]. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh dĩ nhiên cũng chịu những thiệt hại không nhỏ do thiếu điện.

Về tiền mặt, vụ Đông Xuân 91-92 là vụ được mùa cả về nông sản và cây lương thực. Nhưng do thiếu tiền mặt để thu mua kịp thời cho nên giá nông sản liên tục đi xuống trong quý 1-1992. Người nông dân cả thể làm ăn một nắng hai sương tăng sản lượng từ 5 đến 10% đâu phải là chuyện dễ, nhưng giá lúa sụt 10-20% là chuyện phải chịu đựng thường xuyên[5]. Hàng ngàn tấn lạc, hàng ngàn tấn mía bị ứ đọng và giảm chất lượng, trước khi được đưa đi chế biến... Thiếu tiền mặt và thiếu một chính sách trợ giá cho nông sản đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp, làm giảm việc hăng hái tăng năng suất cũng như sự tích cực sản xuất cho vụ mùa sau. Tác hại đã rõ ràng.

Để động viên sự tham gia mạnh mẽ và đúng hướng của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, bảo đảm nguồn thu cho ngân sách, tôi cho rằng cần giải quyết một số vấn đề cấp bách :

Ngành thương nghiệp và dịch vụ, do tính chất sinh lợi cao và nhanh, đang là điểm nóng thu hút phần lớn các nguồn đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài

(2) Tài liệu của Cục thống kê TP Hồ Chí Minh

(3) Tài liệu của Cục thuế TP Hồ Chí Minh

(4) (5) Xem Báo *Lao động chủ nhật*, chuyên mục kinh tế, số 11, ngày 29-3-1992

Digitized by Google

quốc doanh. Tỷ trọng đầu tư của kinh tế ngoài quốc doanh vào các ngành đó rất lớn. Với vốn đầu tư lớn kết hợp với tính linh hoạt và nhạy bén của cơ chế cá thể, các ngành này trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thực tế hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao. Do vậy, Nhà nước cần có những định chế cụ thể hơn, những quy định có tính chất pháp luật rõ ràng vừa nhằm ngăn chặn những hoạt động trái phép, vừa nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các chủ doanh nghiệp tư nhân, để thúc đẩy các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh cùng tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tổng sản phẩm xã hội.

Cũng cần giảm bớt những hạn chế ở lĩnh vực ngoại thương (như các quy định về vốn, doanh số đã xuất...) nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tham gia xuất khẩu trực tiếp trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện nay, tình trạng ủy thác phổ biến với các hạn chế của đơn vị trung gian, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự tham gia cung ứng xuất khẩu của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Cần nhớ rằng, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đã đóng góp không nhỏ vào hoạt động ngoại thương, mang lại nhiều ngoại tệ cho đất nước thông qua gia công, ủy thác... Nếu khu vực này được nhà nước khuyến khích và hỗ trợ về vốn, về thủ tục ngân hàng... để trực tiếp làm xuất nhập khẩu (dĩ nhiên là tùy điều kiện cụ thể và có sự kiểm soát hợp lý của Nhà nước) thì tôi nghĩ, hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu của khu vực ngoài quốc doanh chắc chắn sẽ phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ.

Có một cơ chế ngân hàng linh hoạt trong tín dụng và đầu tư, chính xác và đúng đắn trong điều tiết tiền tệ thông qua cơ chế lãi suất, chứ không phải kéo giá vàng và ngoại tệ xuống một cách không căn bản (vì không có lượng hàng hóa hỗ trợ). Cũng như, không phải đơn giản chỉ tăng sức ép căng thẳng của tiền mặt để tạo cho đồng bạc có giá một cách giả tạo. Vấn đề là phải linh hoạt, nhạy bén trong tín dụng, đầu tư và tái chiết khấu phù hợp, để thị trường tiền tệ đủ dung lượng cần thiết. Có thể mới mở rộng được sản xuất, tăng sản phẩm hàng hóa, tạo thêm công ăn việc làm, và nâng cao tích lũy cho đầu tư mới.

Cho đến nay, kinh tế ngoài quốc doanh ở TP Hồ Chí Minh vẫn còn chưa đồng bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Kinh doanh thì còn đậm tính chất thời vụ và giai đoạn. Cơ sở sản xuất còn phân tán, nhiều khi lẫn vào khu vực dân cư, ảnh hưởng không ít đến môi sinh. Ngoài một số đơn vị hoạt động có vẻ quy mô và kế hoạch, như Công ty tư doanh Huy Hoàng, Công ty tư doanh Việt Hoa, Xí nghiệp gạch bông Đồng Tâm, Tổ hợp Minh Phụng, Mỹ phẩm Nhà Rồng, Giày dép Bình Tiên... phần còn lại mang nét sản xuất nhỏ với quan hệ chủ - thợ. Mật độ của thành phần kinh tế tiểu chủ, cá thể còn chiếm đa số. Tính quy hoạch chuyên vùng và tính tập trung còn thấp. Nhà nước nên nhanh chóng có biện pháp định hướng và quy hoạch thích hợp để hướng sức sản xuất của khu vực này theo các chương trình kinh tế mũi nhọn của từng thời kỳ, đồng thời tạo tính tập trung hóa và chuyên môn hóa theo khu vực (khu vực sản xuất, khu vực lắp ráp, khu vực sơ chế bán thành phẩm v.v.).

Khả năng đầu tư và mở rộng đầu tư của kinh tế ngoài quốc doanh còn rất lớn. Nguồn vốn và chất xám chưa được phát huy bao nhiêu. Xin đơn cử, trong 2 năm 1990-1991, chỉ riêng vốn của thân nhân nước ngoài tài trợ cho tư nhân trong nước để làm ăn trong toàn TP Hồ Chí Minh là 20 triệu USD[6]. Con số thực tế có thể còn lớn hơn, nhưng vẫn chưa phải là khả năng tới hạn. Thêm vào đó, sự giao lưu trong và ngoài nước, qua con đường này, còn mang lại nhiều cải tiến về thiết bị, về tiến bộ khoa học-kỹ thuật. Luật đầu tư cũng như các bảo đảm khác cho doanh nghiệp tư nhân cần được phổ cập tới tận cơ sở bằng những quy chế chặt chẽ và cụ thể, có như vậy tư nhân mới dám mạnh dạn bỏ vốn nhiều hơn và đầu tư nước ngoài (dù vào trực tiếp hay qua con đường thân nhân) mới tăng cao được.

TP Hồ Chí Minh còn có một đặc điểm là tiềm lực kinh tế của người Hoa rất đáng kể. Nếu có biện pháp thích đáng trong quản lý, khai thác và bảo hộ quyền lợi cho họ, thì đó là một nhân tố tích cực góp phần làm cho khu vực kinh tế ngoài quốc doanh phát triển mạnh hơn.

Trong nông nghiệp, cần có chính sách trợ giá nông sản. Hầu hết các nước phát triển và một số lớn các nước đang phát triển đều có chính sách trợ giá nông sản thích hợp nhằm tránh thiệt hại cho nông dân. Khi giá nông sản trên thị trường thế giới giảm, có nguy cơ gây thất thu cho nông dân, ảnh hưởng đến tâm lý người dân và năng suất cho mùa sau, chính phủ các nước đó thường tung tiền ra mua nông sản với giá cao (bù lỗ cho nông sản khoản chênh lệch do giá hạ) để xuất khẩu hoặc bảo đảm dự trữ chiến lược. Khoản trợ giá này sẽ được bù đắp bằng các nguồn thu khác, từ dịch vụ, thương nghiệp, công nghiệp, xuất khẩu các mặt hàng khác... Biện pháp thứ hai mà các chính phủ đó áp dụng là miễn giảm thuế nông nghiệp để đỡ bớt khó khăn cho nông dân.

Hiện nay, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế nước ta. Riêng ở TP Hồ Chí Minh, khu vực này đang thu hút hàng triệu lao động. Việc nhà nước có biện pháp trợ giá để duy trì và phát triển hơn nữa sản xuất nông nghiệp không những mang ý nghĩa kinh tế mà còn mang ý nghĩa xã hội.

Có biện pháp khuyến khích khu vực ngoài quốc doanh đầu tư sâu hơn và quy mô hơn vào công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp. Nhà nước khuyến khích và điều tiết để các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tích cực tham gia những ngành tạo ra hàng hóa hữu hình này.

*

Từ thực tiễn hoạt động của kinh tế ngoài quốc doanh TP Hồ Chí Minh, có thể rút ra một vài kết luận giúp ích cho việc phát triển kinh tế chung của cả nước.

Hiện nay, cả nước ta có gần 30 triệu lao động trong đó lao động nông nghiệp chiếm 20 triệu, lao động các

(6) Xem báo cáo "Về tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp ngoài quốc doanh ở TP Hồ Chí Minh" tài liệu của Sở công nghiệp TP Hồ Chí Minh tháng 3-1992

Digitized by Google

ngành khác ngoài quốc doanh hơn 5 triệu, còn khu vực quốc doanh chỉ hơn 4 triệu. Con số này của khu vực quốc doanh có thể còn giảm nhiều do giảm biên chế, do một số cơ sở làm ăn thua lỗ phải giải thể. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh rõ ràng đã và sẽ góp phần giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân. Hơn 5 triệu lao động ở các ngành và 20 triệu lao động trong nông nghiệp là một con số không nhỏ, đặc biệt là trong tình hình kinh tế nước ta đang chuyển mình, ổn định để đi lên, nạn thất nghiệp còn đe dọa trầm trọng. Kinh tế ngoài quốc doanh phát triển, thì nạn thất nghiệp có điều kiện giảm bớt.

Kinh tế ngoài quốc doanh đa dạng trong sản xuất, kinh doanh và cung ứng, có thể cung cấp nhiều việc làm từ đơn giản đến phức tạp cho những lao động có tay nghề và cả những lao động không có tay nghề. Trong giai đoạn trước mắt, một trong những nhiệm vụ kinh tế - xã hội của nước ta là phải tạo cho mọi thành phần lao động có công ăn việc làm thích hợp, có được thu nhập hợp lý. Giải quyết công ăn việc làm, tạo thu nhập ổn định và tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội không thể tách rời mà trái lại phải gắn rất chặt với các biện pháp phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Về mặt lý luận, chúng ta đã thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Vấn đề chỉ còn là ở chỗ xác định đúng vai trò, tiềm năng của từng thành phần để có đối sách, cách khai thác thích hợp các tiềm năng ấy. Trong *Cương lĩnh* và *Chiến lược phát triển kinh tế -xã hội*, Đảng ta đã khẳng định sự bình đẳng của mọi thành phần kinh tế nhằm giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng. Nền kinh tế ta là nền kinh tế "vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước" trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo. Các thành phần kinh tế khác đóng vai trò bổ sung.

Nhấn mạnh kinh tế quốc doanh là chủ đạo, đó không phải chỉ là vấn đề của riêng nước ta. Ở Thụy điển, Nam Triều tiên, Xin-ga-po... kinh tế quốc doanh vẫn đóng vai trò chủ đạo. Ở Ấn độ, trong khi khu vực kinh tế tư nhân chiếm 78% tổng sản phẩm xã hội, khu vực quốc doanh chỉ chiếm khoảng 20% nhưng vẫn được chính phủ khẳng định là khu vực kinh tế chủ đạo. Vấn đề là ở chỗ xác định một chuẩn mực tạm thời nào đó trong tỷ lệ đầu tư và cơ cấu nhằm khai thác cho được sự toàn dụng của hai khu vực. Theo tôi, Nhà nước ta cũng nên xác định một tỉ lệ hợp lý cho khu vực quốc doanh. Khu vực này, với sự hỗ trợ của nhà nước về chính sách và các biện pháp tài chính, tập trung vào những ngành công nghiệp, xuất nhập khẩu và dịch vụ then chốt nhằm giữ vai trò chủ đạo, điều tiết nền kinh tế. Phần còn lại là kinh tế ngoài quốc doanh được bảo đảm về quyền lợi và những biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích mở rộng sản xuất và tái đầu tư.

Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, nếu được xác định vai trò đúng đắn, được phát triển tự do (trong khuôn khổ có điều tiết) và nếu được pháp luật bảo hộ, khuyến khích, chắc chắn sẽ khơi dậy được những nguồn sức ngầm về tài chính, về kỹ năng, về nhân lực, vật lực mà lâu nay chưa khai thác hết. Và kết quả sẽ tạo thêm nhiều giá trị tổng sản phẩm cho xã hội, tăng được thu nhập quốc dân, tăng nguồn tiết kiệm và tích lũy cho phát triển kinh tế đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa như Đại hội VII của Đảng đã vạch ra.

Một số vấn đề...

(Tiếp theo trang 48)

hơn lý luận với thực tiễn, như : thông tin về lý luận và thực tiễn, nghiên cứu tại chỗ, hội thảo và tranh luận, trước hết là về những vấn đề đang còn có nhiều ý kiến khác nhau.

Về phía các *nhà chính trị*, các *nhà lãnh đạo*, phải thừa nhận rằng cũng có những ý kiến và thái độ khác nhau đối với các vấn đề lý luận và nhà lý luận. Có đồng chí chăm chú lắng nghe với thái độ thực sự cầu thị đối với cả những quan điểm mà mình cho là sai trái. Có đồng chí ít chịu nghe, thậm chí còn tỏ ra khó chịu, trước những quan điểm không hợp với mình. Có đồng chí lại chỉ nghe thôi, chứ không trực tiếp tỏ thái độ tán thành hay phản đối.

Thực tế cho thấy, đồng chí lãnh đạo nào cởi mở, thì dễ tiếp cận được với giới nghiên cứu lý luận và như thế sẽ thu lượm được nhiều thông tin bổ ích cho công tác lãnh đạo của mình. Còn đồng chí nào ít chịu nghe, thì cán bộ lý luận thường ngại không dám gần, không dám phát biểu hết ý của mình, thậm chí còn có hiện tượng "lựa chiều, đón ý", bất chấp cả khoa học để mong nhận được những ân huệ nào đó.

Ảnh hưởng của *quyền lực*, chứ không phải là *tính đảng* đối với công tác nghiên cứu lý luận, thường là tiêu cực, đặc biệt là khi quyền lực bị lạm dụng. Nó làm cho chân lý bị vùi dập hoặc không được sáng tỏ, và làm cho người nghiên cứu trở nên nhỏ bé, thấp hèn đi với những "sáng tạo" nhằm chiều ninh người sính quyền lực. Vì thế, trong nghiên cứu khoa học lý luận, hãy để cho quyền uy thuộc về chân lý, chứ không thuộc về người nào có quyền lực hay là có quyền lực cao hơn. Đầu óc địa vị, sính quyền lực, tư tưởng tôn ti trật tự kiểu phong kiến và sự khuất phục trước quyền lực, là những trở ngại cần khắc phục để có thể phát huy được mạnh mẽ *tự do tư tưởng* và *dân chủ* trong tranh luận là những điều kiện tối cần thiết cho công tác nghiên cứu lý luận đạt được những kết quả tốt đẹp.

Digitized by Google

Xây dựng mô hình quản lý thống nhất ngân sách nhà nước

NGUYỄN ĐÌNH TÙNG *

NGÂN sách là công cụ, phương tiện vật chất bằng tiền của nhà nước. Thông qua ngân sách, nhà nước thực hiện điều chỉnh vĩ mô bằng chính sách, cơ chế và biện pháp phân phối tài chính để đạt mục đích chính trị, kinh tế, xã hội. Nhưng vấn đề quản lý thống nhất ngân sách nhà nước (bao gồm cả vấn đề tổ chức quản lý ngân sách các địa phương) để bảo đảm công ăn việc làm, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, giữ vững an ninh quốc gia là một vấn đề phức tạp.

I - Sự hình thành ngân sách địa phương, các mô hình quản lý

Không phải chỉ ở nước ta mới có vấn đề quản lý ngân sách địa phương, mà ở hầu hết các nước trên thế giới, các cơ quan tự trị địa phương đều có ngân sách theo từng đơn vị hành chính. Các nước đều xem ngân sách địa phương là một bộ phận của hệ thống tài chính quốc gia, chính phủ trung ương không những xác định cơ chế quản lý mà còn kiểm soát cả mục đích và khối lượng sử dụng các khoản chi của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, ở các nước tư bản, ngân sách địa phương không theo cơ chế cân đối tài chính theo địa giới hành chính. Mặc dù có sự phân luồng về đối tượng hoạt động của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, song giữa chúng không có sự tách biệt về các mối quan hệ tài chính tiền tệ. Ở các nước đó, tuyệt nhiên không có các lãnh địa cát cứ về kinh tế, xã hội, mà cả quốc gia là một hệ thống chuyển động theo các mạch luồng ngày càng phân mở sinh động.

Ở Việt nam, ngân sách địa phương đã có và tồn tại trên nghìn năm. Đến chế độ xã hội chúng ta, ngân sách địa phương đã trở thành hệ thống : ở *nông thôn* có ngân sách khu, tỉnh, huyện, xã ; ở *đô thị* có ngân sách thành phố, quận, thị xã ; thị trấn. Và mô hình quản lý ngân sách địa phương đã có sự thay đổi qua các thời kỳ.

Từ năm 1967 về trước, mô hình quản lý ngân sách nhà nước thống nhất theo *hai cấp* dự toán ngân sách : *trung ương* và *địa phương*. Dự toán ngân sách địa phương gồm dự toán ngân sách của khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Từ năm 1968, khi Đảng chủ trương chuyển hướng phát triển kinh tế địa phương, mô hình quản lý ngân sách địa phương theo cấp dự toán không còn phù hợp, nhà nước quy định lại cho mỗi tỉnh, thành phố tự xây dựng và quản lý ngân sách của mình (ngân sách này do hội đồng nhân dân địa phương xét duyệt và phê chuẩn theo quy định của trung ương) nhằm tạo điều kiện cho địa phương khai thác mọi tiềm năng sẵn có. Như vậy, mô hình quản lý ngân sách sau năm 1967 so với trước có sự bổ sung : địa phương tự xây dựng và tự xét duyệt, phê chuẩn ngân sách. Tuy nhiên, với mô hình này, nguồn thu chủ yếu của địa phương vẫn do ngân sách trung ương nắm và điều hành qua khâu trợ cấp, như vậy địa phương thực chất vẫn là một cấp dự toán gán thu bù chi.

Khi cả nước ra khỏi chiến tranh, bắt đầu công cuộc khôi phục lại đất nước, mô hình trên vẫn tiếp tục được áp dụng. Vì vậy, công tác quản lý ngân sách ngày càng bộc lộ nhược điểm, cản trở sản xuất, trói buộc và vi phạm quyền tự chủ về tài chính của các địa phương. Các địa phương đã đòi quyền tự chủ về tài chính và giao ngân sách địa phương cho

* Phó tiến sĩ kinh tế, Bộ tài chính.

Digitized by Google

chính quyền địa phương quản lý.

Năm 1978, nước ta bắt đầu thực hiện mô hình phân cấp quản lý ngân sách cho các địa phương, thực hiện cân đối ngân sách theo địa bàn hành chính. Mô hình này dựa trên phương pháp của các nhà kinh tế học ở Liên xô (trước đây) và một số nước Đông Âu về quản lý kinh tế cân đối theo ngành và lãnh thổ.

Để củng cố thêm một bước việc hoàn chỉnh hệ thống ngân sách quốc gia và mô hình cân đối ngân sách theo địa bàn hành chính, ngày 19-11-1983, Hội đồng bộ trưởng ra Nghị quyết số 138/HĐBT nhằm tăng thêm quyền hạn, trách nhiệm cho chính quyền các cấp, xác định nguồn thu và ổn định các khoản thu, chi cho các địa phương, khẳng định lại chủ trương xây dựng huyện thành một cấp kế hoạch có ngân sách thực sự, quy định hệ thống ngân sách nhà nước gồm 4 cấp : trung ương, tỉnh, huyện, xã. Như vậy, mô hình quản lý ngân sách địa phương với việc cân đối ngân sách theo địa bàn hành chính là *khá hoàn chỉnh* : dưới 53 ngân sách tỉnh có 528 ngân sách huyện và 9959 ngân sách xã, phường, thị trấn bao chặt lấy nhau khá chặt chẽ.

Tiếp tục được duy trì cho đến nay, mô hình này làm cho thu ngân sách nhà nước bị phân tán, cắt khúc giữa các cấp, các ngành. Nhà nước không thể thực hiện được sự điều chỉnh vĩ mô về ngân sách do hệ thống hoạt động tài chính tự cân đối khép kín trên địa bàn hành chính và không thể kiểm soát được. Còn hệ thống phân phối, cấp phát ngân sách theo hình thức điều tiết và trợ cấp thì trở thành một thứ công cụ để co kéo, ban phát và bòn rút giữa các cấp, các ngành và hệ quả cuối cùng là hành vi cắt xén, chi sai mục tiêu khối lượng dự toán từ trước và xem thường kỷ luật tài chính. Sự đối lập giữa tập trung và phân tán đã làm phát sinh hành động phi kinh tế, ngân sách trung ương mặc dù thiếu hụt, bội chi, nhưng vẫn phải trợ cấp theo kế hoạch cho ngân sách địa phương.

Tình trạng khá phổ biến xảy ra trong nhiều năm nay là ngân sách trung ương luôn luôn bội chi, ngân sách địa phương luôn luôn bội thu, nhưng nhịp độ trợ cấp ngân sách trung ương cho địa phương lại tăng tương ứng với nhịp độ tăng số bội thu (số dư) ngân sách địa phương.

Ở đây, tôi không có ý định phê phán quá trình điều hành, mà chỉ muốn nhấn mạnh một điều : do cứng nhắc, mô hình cân đối ngân sách theo địa giới hành chính đã đưa lại hậu quả nặng nề cho nền tài chính quốc gia. Vì vậy, theo tôi, không nên đặt vấn đề *nửa vời* là cải biên cơ chế vận hành của loại mô hình này, mà phải có sự *đổi mới về chất*, xóa bỏ sự phân phối ngân sách theo kiểu đóng khung trong các lãnh địa cát cứ, tránh vô trách nhiệm làm tổn hại lợi ích quốc gia.

Những năm gần đây, nhất là từ năm 1990 đến 1992, nền kinh tế nước ta có sự chuyển biến từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, thì cơ chế vận hành nền tài chính quốc gia như đã nói ở trên rõ ràng không còn thích hợp. Nhiều tỉnh đã nhận thấy ngân sách huyện là một trở ngại lớn cho việc điều hành thống nhất tài chính địa phương. Các tỉnh như An giang, Hậu giang, Kiên giang, Tuyên quang, Hà giang, Kon tum, Bến tre đã ra quyết định xóa ngân sách huyện, thực hiện quản lý ngân sách thống nhất trong toàn tỉnh, chuyển huyện thành đơn vị dự toán cấp I của ngân sách tỉnh và thực hiện cấp phát kinh phí theo ngành dọc từ tỉnh đến xã. Kết quả đạt được tuy mới bước đầu, song điều đáng mừng là những suy nghĩ và việc làm này đã tạo tiền đề cho việc tiến tới một mô hình quản lý ngân sách thống nhất theo đúng ý nghĩa của nó.

II - Thiết kế mô hình quản lý thống nhất ngân sách Việt nam

Tôi đã có dịp tìm hiểu mô hình quản lý ngân sách của nhiều nước, như Mỹ, Pháp, CHLB Đức và các nước Đông Nam Á. Việc chọn những điểm thích hợp để vận dụng cụ thể vào Việt nam là một bài toán khó. Chúng ta đều biết, ngân sách Việt nam phải gánh vác một nhiệm vụ rất nặng nề, bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, *nội dung* của mô hình quản lý thống nhất ngân sách nhà nước chính là *xây dựng các mối quan hệ quản lý thu và chi đáp ứng mục đích tích lũy và*

Digitized by Google

tiêu dùng.

Về thu ngân sách, chủ yếu là thuế và thực hiện theo pháp luật. Các cấp chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước bằng pháp luật, không trực tiếp thu.

Bên cạnh thu *thuế* chính tang, coi trọng các khoản đóng góp nghĩa vụ, thuế phụ trội phí và lệ phí, thu hồi vốn và tài sản, hoa lợi công sản. Các khoản thu này gắn liền với quản lý của chính quyền địa phương, trực tiếp với xã, thị trấn, thị tứ, do đó có thể giao cho cán bộ tài chính các cấp chính quyền đó tổ chức thực hiện.

Về chi ngân sách và phân phối sử dụng quỹ ngân sách của nhà nước, phải bảo đảm hài hòa giữa *tích lũy* và *tiêu dùng*. Không phải chỉ ngân sách các nước xã hội chủ nghĩa mới có chi tích lũy, mà ngân sách các nước tư bản cũng có, nhưng tỷ trọng thấp. Đối với nước ta, phần lớn các nguồn thu tài chính đều được tập trung vào ngân sách. Bởi vậy, ngoài việc tập trung đầu tư để phát triển khu vực kinh tế quốc doanh, nhà nước còn cần chi để xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng, kiến thiết thị chính, trụ sở, trường học, bệnh viện, sự nghiệp nhà ở và công cộng, tạo lập các vùng kinh tế, những hậu cứ quan trọng để thu hút vốn trong nước và nước ngoài đầu tư, khai thác. Muốn thực hiện điều đó, trong một chừng mực nhất định, cần giao cho một số cấp chính quyền, dựa trên các khoản thu để lại cho địa phương, quản lý đầu tư cơ sở kỹ thuật hạ tầng nội thành, nội thị, thị chính, trường học, nhà trẻ, mẫu giáo, thư viện, trung tâm văn hóa, nhà hát, công trình thể thao, chợ, nhà ở, nghĩa địa, công viên, cải tạo môi trường...

Chi *tiêu dùng xã hội* qua ngân sách, có các khoản chi thường xuyên mang tính chất *quốc gia* và được quản lý theo ngành dọc, như quốc phòng, an ninh, tòa án, giáo dục, đào tạo, thông tin liên lạc, thông tấn, phát thanh truyền hình, bộ máy quản lý nhà nước trung ương ; có khoản chi thường xuyên mang tính chất *địa phương*, như kinh phí quản lý bộ máy của các cấp chính quyền địa phương, các khoản chi cho sự nghiệp văn xã, săn sóc sức khỏe, duy trì hoạt động phúc lợi xã hội, và nhiều khoản chi tiêu khác để giải quyết mối quan hệ trực tiếp giữa nhà nước với dân.

Từ nội dung yêu cầu đã trình bày ở trên, mô hình được thiết kế cụ thể như sau :

Quốc hội là cơ quan tối cao quyết định các chính sách và luật ngân sách ; phê duyệt dự toán, phê chuẩn quyết toán ngân sách hằng năm. *Chính phủ* điều hành và giao cho *bộ tài chính* chuẩn bị dự toán, quyết toán hằng năm để Quốc hội quyết định phê chuẩn, đồng thời tổ chức hướng dẫn thực hiện các quyết định của Quốc hội và của chính phủ.

Để giúp bộ trưởng bộ tài chính điều hành, ngành tài chính tổ chức các cơ quan chủ yếu : tổng cục thu, vụ dự đoán và lập dự toán ngân sách, cục kho bạc và ban thanh tra ngân sách. Ở các địa phương, sẽ tổ chức bộ máy thích hợp, thực hiện được các nhiệm vụ lập dự toán và chấp hành ngân sách trên địa bàn.

Về hệ thống thu ngân sách nhà nước, gồm hệ thống chính sách cơ chế thu, hệ thống các nguồn thu và tổ chức bộ máy. Tổng cục thu giúp bộ tài chính xây dựng chính sách, cơ chế thu, thường xuyên hệ thống hóa, hoàn thiện các nguồn thu ngân sách nhà nước, tổ chức bộ máy và chỉ đạo thực hiện quá trình lập và chấp hành dự toán thu ngân sách. Dưới tổng cục thu, có cục thu trung ương, các cục và chi cục thu ở các địa phương. Cục thu trung ương thực hiện việc lập và chấp hành dự toán thu ngân sách các ngành dọc và các nguồn thu lớn quan trọng đặc biệt. Ngoài ra, còn có các tổ chức đại lý thu ngân sách. Các khoản thu để lại cho ngân sách một số địa phương cũng do bộ máy thu ngân sách thực hiện và nộp vào kho bạc sau khi đã khấu trừ chi phí quản lý thu.

Cục kho bạc nhà nước giải quyết những vấn đề lớn về cân đối ngân sách, cân đối lưu thông tiền tệ, cân đối thanh toán quốc tế và thực hiện tác nghiệp thường xuyên các nhu cầu chi với nguồn nhập quỹ tổ chức kế toán, quyết toán. Ở các địa phương, có chi cục kho bạc, chi nhánh kho bạc thực hiện nhiệm vụ theo quy chế hoạt động của kho bạc.

Digitized by Google

Vụ dự đoán và lập dự toán ngân sách có nhiệm vụ tổng hợp các thông tin có liên quan đến quá trình lập và chấp hành ngân sách, dự báo các xu thế hoạt động ngân sách, tổ chức và thực hiện lập các dự toán ngân sách, tổng hợp và duyệt các dự toán, kiến nghị sửa đổi các chính sách tài chính và các chế độ cụ thể có liên quan đến nhu cầu cân đối tài chính, ngân sách quốc gia. Ở các địa phương, có cơ quan cung cấp thông tin và giúp các cấp chính quyền xây dựng các dự toán kinh phí hằng năm để trình cấp có thẩm quyền duyệt theo luật định.

Ban thanh tra ngân sách có nhiệm vụ thanh tra quá trình lập và chấp hành ngân sách và được tổ chức theo hệ thống dọc từ trung ương đến địa phương, các thanh tra viên do bộ tài chính bổ nhiệm.

Những lĩnh vực phân cấp quản lý ngân sách giữa chính phủ và các địa phương sẽ được thiết kế cụ thể trong các dự toán và đơn vị dự toán. Về nguyên tắc, việc đầu tư kinh tế thuộc dự toán của chính phủ. Bộ tài chính tổ chức thực hiện quản lý cấp phát dưới dạng tín dụng nhà nước, hoạt động theo cơ chế thị trường vốn. Còn các đầu tư khác được quản lý dựa trên tính chất quan trọng, quy mô ảnh hưởng. Chính quyền địa phương tỉnh chỉ đầu tư một số khoản nhất định thuộc các lĩnh vực đào tạo, phổ thông trung học ; còn thành phố, thị xã đầu tư xây dựng các cơ sở kỹ thuật hạ tầng, thị chính, sự nghiệp nhà ở, các công trình văn hóa, đào tạo, giáo dục trung học và tiểu học, các cơ sở công cộng. Đối với xã, xây dựng trụ sở, trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo, nhà văn hóa, thư viện, công trình thể thao, chợ, nghĩa địa, đường liên thôn, nhà ở... Đối với thị trấn, giao xây dựng các công trình cùng loại đầu tư như thị xã, nhưng với quy mô nhỏ hơn.

Đối với ngân sách tiêu dùng, chính phủ đảm bảo chi thường xuyên cho bộ máy quản lý trung ương, cho hoạt động đối ngoại, quốc phòng, hoạt động nội chính, quản lý xã hội, quản lý kinh tế ; hỗ trợ kinh phí cho đảng, đoàn thể, mặt trận và các hội ở cấp trung ương. Đối với các đơn vị dự toán ở địa phương, chủ yếu là dự toán hạn mức kinh phí, gồm chi cho con người (lương, trợ cấp và các khoản bảo hiểm của cán bộ và nhân viên thuộc cấp chính quyền đó quản lý), mua sắm tài sản, kinh phí cho hoạt động thường xuyên về quản lý, dịch vụ, trả tiền thuê bao trụ sở, điện thoại, chi phí sửa chữa bảo dưỡng, sửa chữa các tài sản thuộc quyền quản lý. Như vậy, trong thiết kế cho dự toán của các đơn vị dự toán ở tỉnh và huyện, đã hạn mức kinh phí cho việc quản lý bộ máy hành chính.

Việc xét duyệt dự toán và quyết toán của các cấp chính quyền là căn cứ theo luật định, nhưng theo nguyên tắc : *hội đồng xét duyệt phải có đại diện của bộ trưởng bộ tài chính.*

Nét *nổi bật* trong mô hình được thiết kế là ngân sách nhà nước vận hành theo *hai quỹ* tích lũy và tiêu dùng với các kênh khác nhau và với các dự toán của các đơn vị dự toán tách biệt, không lồng ghép vào các cấp chính quyền cấp trên, và thực hiện quyền tự chủ trước pháp luật. Phần ngân sách dành để tích lũy được quản lý theo cơ chế vốn và thực hiện đầu tư có trọng điểm. Chi tiêu dùng ngân sách được quản lý theo đơn vị dự toán từ trung ương đến địa phương. Phân cấp nhiệm vụ chi phải căn cứ vào tính chất quan trọng của các mục tiêu kinh tế xã hội, có tính đến yếu tố địa lý. Mô hình thiết kế trên đây thể hiện được tính thống nhất nền tài chính quốc gia theo một hệ thống quan hệ mở, tách bạch được nhiệm vụ của các ngành, các cấp chính quyền, phân cấp được các nhiệm vụ chi tương ứng với các quy mô hoạt động quản lý của nhà nước, sử dụng thuận lợi các thước đo định mức chi tiêu về ngân sách và tác nghiệp kiểm soát được tài chính, phù hợp với phương thức quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường.

Mô hình quản lý ngân sách trên đây có đầy đủ yếu tố khả thi, vì công nghệ quản lý ngân sách không phức tạp và có khả năng sử dụng các công cụ quản lý hiện đại. Nếu chúng ta biết tổ chức và triển khai mô hình trên với một cơ chế vận hành thích ứng cho từng giai đoạn, thì ngân sách sẽ trở thành một công cụ điều chỉnh có hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội từ vĩ mô đến vi mô.

Digitized by Google

ĐỜI SỐNG VÀ VIỆC LÀM CỦA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ NƯỚC TA

NGUYỄN PHƯƠNG *

NƯỚC ta có trên 50 dân tộc thiểu số cư trú ở 21 tỉnh với số dân khoảng 8,3 triệu người, bằng 12,5% số dân cả nước, trong đó 86,76% sống ở nông thôn. Các dân tộc thiểu số có số dân tương đối đông là : Tày 14,58%, Thái 13,22%, Mường 11,92%, Khơ me 10,77%, Chàm 9,6%, Nùng 8,9%... Số lao động là 3,3 triệu (gần 40% tổng số dân), trong đó số lao động nông thôn là 2,8 triệu. Mỗi hộ bình quân 5,25 khẩu với 1,89 lao động (bằng 34,56% số nhân khẩu trong hộ).

Đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số ở nước ta là lao động ít, người ăn theo đông, phân bố dân cư thưa thớt, phân tán, địa bàn cư trú và sinh sống theo tính chất và tập quán của mỗi dân tộc. Nhìn chung, từ Tây nguyên trở ra, đặc biệt ở phía Bắc, các dân tộc thiểu số chủ yếu cư trú ở miền núi, trên ba địa bàn : vùng *núi cao* (vùng 1), vùng *núi cao trung bình* (vùng 2) và *vùng núi thấp* (vùng 3). Vùng 1 là nơi cư trú của đồng bào H'mông, Nhắng, Mảng, Cô lao, Xinh mần... với tập quán du cư, du canh, gắn với kinh tế nương rẫy, trình độ phát triển thấp và rất thấp. Vùng 2 chủ yếu là vùng núi đất, có đồng bào Dao, Cao lan, Nùng, Cống, Pu péo, Si la.. sống du cư, du canh, với kinh tế nương rẫy, kết hợp với lúa nước (không nhiều). Vùng 3 bao gồm vùng quanh thị xã, thị trấn, dọc đường giao thông, có đồng bào Tày, Nùng, Thái, Hoa... với kinh tế chủ yếu là lúa nước, kết hợp với nương rẫy, trình độ canh tác và trình độ dân trí nói chung khá. Dân tộc Khơ me ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long sống chủ yếu ở các vùng nước ngang, nước lợ, đất đai cằn cỗi.

Chiếm 3/4 đất đai của cả nước, miền núi có nhiều tiềm năng kinh tế lớn. Rừng và đất rừng là thế mạnh của miền núi trong sản xuất nông nghiệp (theo nghĩa rộng). Ở đây, có khả năng phát triển với quy mô lớn cây công nghiệp, cây dược liệu, chăn nuôi gia súc lớn... Nơi đây một thời gian dài là "cái nôi" của cách mạng và là căn cứ địa của hai cuộc kháng chiến chống đế quốc, giải phóng dân tộc, nhưng tới nay đời sống kinh tế xã hội của các dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng 1 và vùng 2, vẫn quá thấp so với các dân tộc ở miền xuôi. Chỉ có một số ít các dân tộc thiểu số ở vùng 3, như dân tộc Tày (miền Bắc) và Ê đê (Tây nguyên), là có mức sống tương đối khá. Còn nói chung mức sống của các dân tộc thiểu số là nghèo và rất nghèo. Tỷ lệ số hộ nghèo ở một số dân tộc thiểu số khá cao, như Dao - 37,20%, H'mông - 31,8%, Xơ đăng - 78,78% ; thu nhập tháng bình quân một người trong các dân tộc trên chỉ khoảng 8000 - 11000 đ. Số hộ có mức sống khá không nhiều : Xơ đăng 1%, Thái 3,92%, Mường 4%, Dao 0,92%... Còn lại là số hộ thuộc diện trung bình. Hộ gọi là trung bình ở các dân tộc thiểu số, thực chất là hộ nghèo, chỉ mới giải quyết được một phần lương thực, chủ yếu là màu (chiếm trên 60%). Riêng đồng bào H'mông sản xuất màu và ăn màu đến 90 - 95%[1]. Đối với các dân tộc thiểu số có tập quán du cư, du canh, cuộc sống hết sức tạm bợ, tài sản trong nhà thường chỉ có con dao rừng và cái gùi trên vai, còn nhà ở cũng chỉ là một túp lều dựng bên vách núi. Đời sống vật chất thấp

* Chuyên viên, Bộ lao động - thương binh và xã hội

(1) Số liệu năm 1989 của Tổng cục thống kê

Digitized by Google

kém như vậy, nên sự phát triển về văn hóa, giáo dục, y tế và các mặt xã hội khác cũng rất thấp.

Thực trạng trên có nhiều nguyên nhân, nhưng có thể có mấy nguyên nhân quan trọng sau :

- Lao động ít, người ăn theo đông, ngành sản xuất chủ yếu và duy nhất là độc canh cây lương thực, năng suất thấp, diện tích canh tác ít, nhất là diện tích lúa nước lại càng ít, trên 80% sản xuất một vụ, chế độ canh tác lạc hậu, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng thấp kém, giao lưu hạn hẹp... do đó, *nguồn việc làm khan hiếm*, lao động tuy ít nhưng *nạn thiếu việc làm là phổ biến*. Thời gian nhàn rỗi trong năm *tương ứng* với thời gian sản xuất trong năm, nên *đời sống thực sự nghèo túng*.

- Diện tích sản xuất cây lương thực ít nhưng lại bị *một sức ép* là sự gia tăng dân số và nguồn lao động từ các khu kinh tế mới, các nông lâm trường quốc doanh mới thành lập. Nếu nhìn thoáng qua thì tưởng như lao động nông nghiệp của các dân tộc thiểu số là quá ít so với đối tượng lao động nông nghiệp ở đây, nhưng thực tế thì lao động nông nghiệp của các dân tộc thiểu số lại quá thiếu hoặc thậm chí không có đối tượng lao động. Đây là một mâu thuẫn tưởng chừng như phi lý, nhưng lại là một thực tế. Với danh nghĩa là thành viên của các cơ sở kinh tế quốc doanh hoặc tập thể, không ít cư dân mới đã tự do khoanh vùng chiếm đất, nhất là ở những nơi dễ khai thác, dồn đồng bào các dân tộc thiểu số vào những địa bàn mà điều kiện tự nhiên có nhiều khó khăn. Do đó, họ vốn đã thiếu, càng thiếu diện tích canh tác. Ở Đắc lắc, các nông lâm trường, các khu kinh tế mới chiếm tới 1,7 triệu ha đất (tức hơn 86% diện tích tự nhiên của địa phương) với số dân chỉ bằng 21% số dân toàn tỉnh. Như vậy 79% số dân địa phương còn lại chỉ có 13,9% diện tích tự nhiên để khai thác. Thực tế có những buôn làng đã giao hết diện tích đất cho các nông lâm trường, nhưng chỉ khoảng 1/3 - 2/3 lao động của các buôn làng đó được thu hút vào làm việc ở các nông lâm trường, số còn lại không có đối tượng lao động. Do đó, trong nội bộ các dân tộc thiểu số, đã xuất hiện hiện tượng di dân. Thực chất của hiện tượng này là những người không có đối tượng lao động đi tìm điều kiện sống. Sự di chuyển này là sự di chuyển mang tính chất sinh tồn, đi tìm những nơi thuận lợi, nơi còn rừng, nơi có nguồn nước... nên hướng đi không xác định. Sự di chuyển này mang tính chất xâm canh, xâm cư giữa các tộc người hay giữa các nhóm trong cùng một tộc người và đã dẫn đến tình trạng tranh chấp rừng và đất rừng giữa cư dân các khu kinh tế mới, các nông lâm trường với cư dân các dân tộc bản địa và nạn phá rừng, nhất là rừng đầu nguồn, có xu hướng tăng lên.

- Hình thái xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số có những nét đặc trưng : sản xuất rất lạc hậu, phân công còn ở giai đoạn hoặc trước giai đoạn phân công lao động lần thứ nhất nhưng đã bị gò ép theo quỹ đạo chung "cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội", "miền núi tiến kịp miền xuôi". Ý đồ của chúng ta thì tốt, muốn cho các dân tộc thiểu số thoát khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu, nhưng do gò ép mà nảy sinh những mâu thuẫn. Thực tế cho thấy, muốn có sự phát triển "nhảy vọt", phải tạo ra động lực đủ mạnh, đặc biệt là động lực bên trong nhằm đưa các dân tộc thiểu số thoát ra khỏi sức ỳ của một xã hội còn mang nhiều đặc điểm của một xã hội nguyên thủy, lực lượng sản xuất chưa phát triển. Chúng ta không thể chủ quan áp đặt một phương thức sản xuất mới vượt quá trình độ của đồng bào các dân tộc thiểu số vốn còn rất lạc hậu. Một sự áp đặt chủ quan, duy ý chí chỉ dẫn đến sự trì trệ, kéo dài thêm thời gian.

Trong phát triển kinh tế miền núi, một thời gian dài, định hướng nói chung là bảo đảm "tự túc lương thực". Vì vậy, thường người ta phá đi một héc ta rừng để thay vào đó là một héc ta sắn... Kết quả là rừng ngày càng khánh kiệt, tác hại khôn lường về mặt sinh thái. Phá thế mạnh của rừng và đất rừng để tiếp tục đi vào con đường độc canh cây lương thực trên một địa bàn không có khả năng tự giải quyết được lương thực bằng con đường sản xuất lương thực, đương nhiên làm cho nguồn việc làm của người lao động tiếp tục khan hiếm. Cũng xuất phát từ định hướng bảo đảm "tự túc lương thực", để khắc phục tập quán du cư, du canh, chúng ta đã áp dụng biện pháp duy nhất là "hạ sơn" để giải quyết mặt bằng sản xuất lương thực mà chưa tính đến hoặc coi nhẹ các yếu tố truyền thống của các dân tộc, do đó thường không duy trì được lâu các khu định cư mới, và kết quả là đồng bào các dân tộc thiểu số thường lại quay về với môi trường và lối sống cũ.

Trong vấn đề tạo việc làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta, theo tôi, nên *trước hết* đặc biệt quan tâm tới *vùng 1* và *vùng 2*. Bởi lẽ, ở hai vùng này đa số đồng bào đều nghèo, lại cư trú rất

Digitized by Google

phân tán, ở những nơi xa xôi, hẻo lánh rải khắp các vùng biên cương của Tổ quốc. Giải quyết việc làm cho đồng bào ở đây không chỉ có ý nghĩa về kinh tế, mà còn có ý nghĩa chính trị, xã hội hết sức quan trọng. Đồng bào ở đây có việc làm đầy đủ, có thu nhập ngày càng cao, đời sống vật chất, văn hóa ngày càng được cải thiện, đó sẽ là cơ sở, là điều kiện để bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc. Số dân ở hai vùng này không đông. Nếu quyết tâm và có định hướng đúng, chúng ta sẽ có đủ khả năng giải quyết việc làm cho đồng bào ở đây.

Về hướng tạo việc làm cho lao động ở hai vùng này, tôi có mấy ý kiến nhỏ.

Để tạo việc làm cho lao động ở hai vùng này, điều *quyết định* là : *phải tạo được một quần cư ổn định*. Muốn vậy, phải bảo đảm *hai* yêu cầu : *có điều kiện sống lâu dài ; bảo đảm môi trường sinh thái tự nhiên phù hợp với đặc điểm, tính chất của mỗi dân tộc*.

Thời gian qua, việc định cư, định canh bằng biện pháp "hạ sơn" ở không ít nơi mới chỉ giải quyết được yêu cầu là tạo điều kiện sống ở quần cư mới, chứ chưa giải quyết được yêu cầu về môi trường sinh thái tự nhiên phù hợp. Theo tôi, muốn có quần cư mới không nhất thiết cứ phải "hạ sơn". Mặt bằng sản xuất vẫn có thể là nương rẫy, hốc đá, nhưng nếu tạo ra được điều kiện sống lâu dài để đồng bào các dân tộc gắn bó với nhau thì vẫn có thể có quần cư mới. Do đó, vấn đề ở đây là *định hướng sản xuất không thể như cũ*, tuy rằng trước sau vẫn phải chú ý giải quyết vấn đề lương thực.

Thực tế đã cho thấy, đối với miền núi nói chung và đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao nói riêng, không có khả năng giải quyết vấn đề lương thực, và càng không có khả năng giải quyết vấn đề việc làm, bằng con đường sản xuất lương thực đơn thuần mà phải có sự kết hợp với việc khai thác tiềm năng và thế mạnh của rừng và đất rừng theo hướng lâm nông kết hợp (trồng cây công nghiệp, cây dược liệu, cây lương thực...) Ngoài ra, để giải quyết một phần vấn đề lương thực ở đây không có cách nào khác là phải bảo đảm năng suất các loại cây trồng (ngô, sắn, khoai, lúa...), dù gieo trồng ở đâu, trên nương rẫy hay trong hốc đá, đều có năng suất ngày càng *cao* và *ổn định*. Muốn vậy, không thể không có *sự hỗ trợ của nhà nước* về giống, vốn và kỹ thuật để đồng bào có thể thâm canh, tăng năng suất cây trồng. Với đồng bào các dân tộc vùng cao hiện nay, việc ổn định và nâng cao năng suất cây lương thực là điều kiện để họ gắn bó với quần cư, từng bước xây dựng và ổn định kinh tế gia đình, tạo điều kiện phát triển cây dược liệu, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc lớn, trồng rừng, nhất là rừng đầu nguồn.

Về quy mô một quần cư, cũng không nên quá đông, chỉ nên khoảng 8 - 10 hộ, cùng một dòng tộc ; không nên dồn hai, ba dòng tộc vào một quần cư. Về hệ thống quản lý hành chính, không nên phủ định tính chất dân tộc, mà nên biết kế thừa mặt tích cực của hệ thống quản lý thị tộc, bộ tộc, thôn, bản.

Để ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, theo tôi, nhà nước cần chú ý giải quyết ba vấn đề sau :

- Nên giải quyết vấn đề sở hữu rừng và đất rừng theo hướng : chuyển *quyền sở hữu* rừng và đất rừng cho đồng bào dân tộc ở vùng núi cao hẻo lánh, và giao *quyền sử dụng* lâu dài rừng và đất rừng cho đồng bào dân tộc ở vùng 2 và vùng 3. Về quy mô, không nên bó hẹp trong một vài nghìn mét vuông, mà theo hướng phát triển của một quần cư. Đối với những diện tích rừng và đất rừng của nông lâm trường quốc doanh, nếu xét thấy cần thiết và tiện cho sản xuất và quản lý, cũng có thể chuyển giao cho họ quyền sử dụng lâu dài.

- Ở trung ương cũng như ở địa phương, nhà nước cần có chính sách đầu tư thỏa đáng về vốn, vật tư, kỹ thuật, lương thực. Trước mắt, nên tập trung vốn quốc tế viện trợ để trồng rừng cho hai vùng này. Vốn đầu tư trên không đòi hỏi phải hoàn lại (kể cả hoàn lại bằng sản phẩm khi có sản phẩm).

- Nhanh chóng hình thành thị trường tại chỗ, để tư thương đi lại trao đổi, mua bán hàng hóa, mở rộng thị trường ngoài khu vực, kể cả thị trường ngoài biên giới. Chính quyền địa phương phải nhanh nhạy nắm bắt và quản lý thị trường, hướng dẫn đồng bào phát triển sản xuất những mặt hàng thích hợp. Xây dựng một hệ thống chính sách kinh tế - xã hội phù hợp, thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta nhanh chóng đưa đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào ở vùng cao nói riêng ra khỏi tình cảnh nghèo nàn, lạc hậu, thường xuyên thiếu việc làm, từng bước vươn lên tiến kịp các dân tộc ở miền xuôi về đời sống vật chất và văn hóa.

Digitized by Google

Cớ sao ông buồn ?

DƯƠNG VŨ

Mấy hôm rày, bà T lo lắm. Bà thấy ông chồng đi làm hay về muộn ; vẻ mặt khó đăm đăm, có chiều không vui. Bà còn nhớ tuần trước, cô con gái tíu tít chạy về báo cho bà biết cái tin quan trọng : Bố kỳ này trúng vào thường vụ tỉnh ủy !

Mừng quá đi chứ ? Bố bên tỉnh ủy, con bên tỉnh đoàn, hai bố con tha hồ mà phối hợp công tác...

Vậy cớ sao ông ấy buồn ?

Đúng, bà T đâu hiểu nổi nỗi buồn của ông lúc này.

Hiện thực đang đặt ông vào thế khó xử : Trúng vào thường vụ tỉnh ủy, vài hôm sau ông nhận được quyết định chuyển sang phụ trách ban dân vận của tỉnh. Điều này thật bất ngờ với ông. Chả là lâu nay ông vẫn đinh ninh, đã là thường vụ thì cái chân phó chủ tịch tỉnh phụ trách khối công nghiệp hay thương mại cứ gọi trong tầm tay với. Bởi gần đây, ông đã từng giữ ghế giám đốc một sở chuyên môn. Có mèng ra, ông cũng phải nắm ủy ban kế hoạch tỉnh. Vậy mà... thời buổi xoay vần, rõ may hơn khôn. Đại hội vòng hai vừa qua, ông không lọt vào danh sách thường vụ, có khi lại hơn.

Giá như trước kia, cái vai trưởng ban bên tỉnh ủy, kể cũng oai lắm. Những kẻ cơ hội thường xầm xì bàn tán : Ban bên đảng là "cái bộ phóng quyền lực", là "cửa chùa nhiều xôi lắm oản". Thời bao cấp, nơi này nơi khác, quả có thế thật. Ở một địa phương, việc lớn việc bé, thượng vàng hạ cám, cái gì mà chẳng phải hỏi đến đảng. Anh cán bộ bên đảng được kính trọng, vì nể lắm chứ !

Nay đi vào sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường, trao quyền tự chủ, tách bạch chức năng, không bao biện, không làm thay, v.v. và v.v.. Toàn những chuyện mới mẻ, y như người ta muốn đổi thay ngay vai trò và vị trí của đảng trong xã hội. Thật có tiếng mà chẳng có miếng !

Các khoản vốn liếng, ngân hàng, tài chính, vật tư, kỹ thuật, đến cả kỷ cương phép tắc... cánh bên chính quyền, bên nghiệp vụ kinh tế họ nắm cả.

Đấy, cứ nhìn ngay cái nơi làm việc thì rõ ai phất hơn ai. Bên tỉnh ủy chỉ được cái vỏ bề ngoài, có vẻ bề thế, nhưng bên trong thì trống tuềnh trống toàng ; mỗi phòng vài tủ hồ sơ kiểu cổ, mấy bộ bàn ghế xoàng. Bên ủy ban, bên các cơ quan kinh tế, nhìn phòng tiếp khách của họ cũng đã sang trọng : bộ phô tơi êm ái, bộ đèn chùm rực rỡ, cửa rèm thêu ren, điều hòa nhiệt độ, vi đê ô, cát xét... toàn đồ xịn. Cánh cổng lúc nào cũng mở toang. Xe Nhật ra vào nườm nượp. Nhìn cái bắt tay của kẻ sang, ăn nên làm ra cũng khác, bả lả, tươi tắn, như cười ra của, hái ra tiền vậy.

Hãy xem mấy năm đổi mới, trừ những người liêm khiết như ông ra, cánh "làm ăn năng động" họ lên nhà tầng như bỡn. Nghĩ đến đồng lương hạn hẹp bên công tác đảng làm thế nào ông giữ được lời hứa với thằng con trai cả, sẽ làm cho nó một phòng ở mới để cưới vợ ?

Buồn, buồn thật ! Không ngờ ông lại lận đận đến thế. Ông ngồi vào bàn, định bụng viết lá đơn xin rút chân thường vụ...

Viết được vài chữ thì ngoài ngõ, tiếng cô con gái đã ríu rít :

- Mẹ ơi, bố có nhà không, con có câu chuyện muốn nói với bố.

Thôi chết, chưa chừng đứa con gái đã biết được tâm can của ông. Để giữ thế chủ động, ông lên tiếng trước :

- Bố trong này, chị cần gì ?

- May quá, con muốn nhờ bố can thiệp cho con : bên tỉnh ủy các bác ấy đang định điều con sang phụ trách một cơ quan thương nghiệp ở huyện. Họ bảo con trẻ, khỏe, lại có bằng đại học kinh tế. Nhưng...

- Nhưng sao ?

- Nhưng... con muốn ở bên phong trào ; con quen môi trường và cũng đang được bạn bè quý mến...

Bà T nhanh nhảu chen vào :

- Thì bố mày quen các bác bên tỉnh, nói hộ con một tiếng. Ý nó tôi chắc là...

- Chị lại không muốn xa cái anh chàng "Rô-mê-ô" của chị chứ gì ? Thôi, tôi quyết, tổ chức người ta đã phân công, chị là người cộng sản trẻ tuổi, đâu cũng là công việc của đảng, chị phải chấp hành, phải tuân thủ kỷ luật.

Cô con gái tần ngần một lát, rồi mạnh dạn ;

- Hay là bố xin cho con suy nghĩ thêm...

- Hừ ! tổ chức là tổ chức, ai người ta rỗi hơi chờ đợi mình. Vả lại, (đoạn này ông hạ giọng, trầm hẳn xuống) đó là nơi béo bở, dễ kiếm ăn, có khối người muốn cũng không được đấy, con biết chưa ?

- Bố ! ?

- Không bố con gì nữa. Tôi tưởng tuổi trẻ các chị có tư duy mới. Hóa ra các chị còn thủ cựu hơn tôi !...

Digitized by Google

ĐỂ THỰC HÀNH ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

PHAN VĂN ĐÁNG *

HỘI nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) đã thảo luận và ra Nghị quyết về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Nghị quyết đã đề cập một cách cơ bản các vấn đề về xây dựng Đảng. Để biến Nghị quyết đó thành hiện thực, tạo được những chuyển biến mới trong hoạt động của Đảng, tôi xin góp thêm một số ý kiến.

Quá trình thực hiện đổi mới Đảng trong những năm qua cho thấy sự đụng đầu giữa cái mới và cái cũ, giữa lẽ phải và sai trái diễn ra khá gay gắt chứ không đơn giản. Đồng thời cũng cho thấy đâu là giá trị đích thực cần được bảo vệ và nâng cấp, đâu là thoái hóa, lạc hậu phải kiên quyết loại trừ. Chỉ có đổi mới tư duy thì mới có quan điểm tư tưởng đúng đắn, mới có chiều sâu trong suy nghĩ, có phương pháp mới trong cách làm, nói đi đôi với làm, không dao động bi quan, thấy được triển vọng và có được niềm tin trên con đường phát triển. Để thực hiện việc này, không những rất cần có trí tuệ mà còn phải có dũng cảm và lòng tin.

Xây dựng Đảng là một khoa học. Công tác tư tưởng là bộ phận quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, gắn với sự tồn tại của Đảng và sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội. Công tác tư tưởng là hoạt động mang tính khoa học cao và tính cách mạng sâu sắc, do đó, nếu đơn giản, chủ quan, tùy tiện, mệnh lệnh, nóng vội thì sẽ không đạt được hiệu quả. Công tác tư tưởng là một quá trình liên tục giáo dục và tự giáo dục, rèn luyện và tự rèn luyện. Đặc biệt trong thời điểm có tính chất bước ngoặt, có những thử thách trước sóng gió, công tác tư tưởng càng giữ vai trò quan trọng. Công tác tư tưởng phải làm quán triệt quan điểm tư tưởng, đường lối của Đảng, nhận thức sâu sắc tính độc lập chính trị gắn với tự chủ kinh tế, không buông lơi cảnh giác, không chạy theo cái mới xa lạ để rồi phải trả giá bằng thu hẹp chủ quyền đất nước.

Cần thấy rằng, bất cứ vấn đề nào mà không được trả lời, bất cứ hiện tượng nào không được soi sáng từ quan điểm đúng đắn của Đảng thì sẽ dễ gây tâm lý bất ổn ; kẻ địch sẽ triệt để lợi dụng để xuyên tạc và kích động chống Đảng và Nhà nước. Do đó, không nên bỏ lửng những vấn đề nảy sinh, lẩn tránh những vấn đề cần giải thích, lại càng không nên động viên bằng sự hứa hẹn suông. Kẻ thù chủ yếu của chúng ta trên lĩnh vực này là chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa hình thức, lối rập khuôn, thái độ rụt rè và đôi khi cả sự lười biếng trong suy nghĩ.

Về tầm quan trọng và yêu cầu bức bách của sự đổi mới và chỉnh đốn Đảng thì không ai chối cãi cả, nếu có chăng, là sự tránh né trong hành động thực hiện mà thôi. Do đó, tới đây không thể chỉ hô hào thúc giục chung chung, mà phải đi sâu giải quyết vấn đề một cách thấu đáo, toàn diện và phải cụ thể, tiến hành đồng bộ và nhất quán, từng bước vững chắc. Trong quá trình đổi mới, mỗi tổ chức đảng cũng như mỗi cán bộ, đảng viên phải tự đòi hỏi cao đối với mình và có trách nhiệm cao trước nhiệm vụ chung của đất nước, của địa phương, của đơn vị.

Việc thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng, muốn đạt kết quả, đòi hỏi mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người phải có thái độ đúng đắn trong tự phê bình và phê bình, đi vào thực chất của vấn đề để phân tích, phê phán, đồng thời có những biện pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục những mặt yếu kém của từng người nói riêng và của toàn Đảng nói chung. Phê bình và tự phê bình là tiêu chuẩn nói lên sức mạnh và sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình hiện nay. Tự phê bình và phê bình cần gắn liền với đổi mới công việc, nếu tách rời với hành động sửa chữa thì cũng chỉ là sự hứa hẹn suông. Những ngôn từ dù hay đến mấy vẫn không thể thay thế được hành động. Kết quả của hành động là người giám khảo công bằng nhất. Bất cứ sự thay đổi nào cũng đều trải qua sự vật vã đau đớn và đều phải trả giá. Khi va chạm với thực tế nghiệt ngã mới thấy rõ cái đúng, cái sai của quan điểm tư tưởng, của con người.

Thực tế cho thấy yêu cầu nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng và bộ máy Nhà nước là vấn đề cấp bách hiện nay để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ đời sống xã hội. Có đường lối đúng là điều quan trọng có tính chất quyết định, nhưng chưa đủ, còn cần phải có công tác tổ chức rộng lớn để huy động và tận dụng mọi lực lượng xã hội, mọi khả năng vật chất cũng như tinh thần hướng vào giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.

Trong đổi mới phương pháp lãnh đạo, cần khắc phục tình trạng phiến diện, không cân đối trong việc đề ra và giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chính trị và tư tưởng. Vì rằng tính phiến diện cục bộ không thể phù hợp với tính khoa

* Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

học trong lãnh đạo. Chúng ta không thiếu ví dụ cụ thể về sự lủng củng trong công việc do thiếu đồng bộ và không nhất quán. Ngoài ra, trong kiểm tra việc thực hiện, chúng ta cũng thấy không ít trường hợp "dễ dàng" đồng ý với những lời giải thích về việc không hoàn thành nhiệm vụ ; thường chỉ ghi nhận tình hình khuyết điểm chứ không nêu rõ ai là người gây ra sai lầm, khuyết điểm, hoặc là cảm tình với ai thì giảm nhẹ lỗi, ai bị ghét thì lỗi được nhân lên nặng hơn ; thiếu sự đánh giá có tính nguyên tắc những trường hợp vô trách nhiệm, vô kỷ luật.

Vấn đề dân chủ và kỷ luật trong Đảng là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Dân chủ là nguyên tắc, là biện pháp, là hình thức tập trung trí tuệ của toàn Đảng. Dân chủ càng cao thì kỷ luật càng nghiêm. Thống nhất hành động, tự do thảo luận và phê bình - đó là định nghĩa của Lê-nin về dân chủ. Dân chủ và kỷ luật là biểu hiện của nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng ta. Tính tổ chức là sự thống nhất hành động, thống nhất trong hoạt động thực tiễn. Để bảo đảm cho sự thống nhất tư tưởng và thống nhất hành động, phải kiên quyết đấu tranh chống những hành vi tự do vô kỷ luật. Thực tế cho thấy, ở nơi nào các mối quan hệ tập thể được xử lý đúng, biết lấy tự phê bình làm nguồn sinh lực, thì ở nơi đó công việc diễn ra thuận lợi, nguyên tắc tập trung dân chủ được bảo đảm, đoàn kết nhất trí được tăng cường.

Về phong cách, người cán bộ lãnh đạo không nên nghĩ rằng có thể dùng quyền lực mà Đảng và Nhà nước trao cho để ép buộc người khác, ép buộc cấp dưới một cách thô bạo. Lê-nin đã từng lưu ý cán bộ lãnh đạo không nên chỉ đạo cấp dưới chỉ bằng sức mạnh quyền lực, mà phải bằng uy tín, bằng năng lực, bằng những kinh nghiệm phong phú, bằng sự thông thạo công việc. Ngoài ra, khi gặp thất bại trong công việc, không nên chỉ quy một chiều do cấp dưới, do cơ sở. Không nên cho rằng dường như mọi việc của cấp trên đều đúng cả, còn khuyết điểm chỉ là của cấp dưới. Người cán bộ lãnh đạo chân chính phải hiểu rõ và thực hiện đúng đắn nhiệm vụ của mình đối với cấp dưới cũng như đối với cấp trên, không đổ lỗi, không trốn tránh trách nhiệm.

Bài học "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" trước đây rất quan trọng, hiện nay lại càng quan trọng hơn. Đó là bài học vô giá trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, đảng viên nắm quần chúng qua các hình thức tổ chức, kể cả bằng cách "bắt rễ xâu chuỗi", qua đó mà phát động và lãnh đạo các phong trào đấu tranh chống địch. Chính thông qua các phong trào đó, thực lực cách mạng của quần chúng được mở rộng, Đảng càng có điều kiện tuyển chọn những người được quần chúng tín nhiệm, bồi dưỡng kết nạp họ vào Đảng. Do đó, có những chi bộ bị "lột xác" hai ba lần (bị địch bắt và hy sinh cả) nhưng sau đó cơ sở Đảng vẫn tiếp tục có mặt ở ấp, xã, ở khu phố... Trong thời kỳ ấy, đảng viên nào không nắm được quần chúng thì bị gọi là đảng viên "đực", chi bộ nào không tổ chức nắm quần chúng thì bị gọi là "cua không càng". Ngày nay, tuy có khác với thời kháng chiến, nhưng nếu đảng viên ở cơ sở đi sâu, đi sát thì cũng vẫn tập hợp và nắm được quần chúng, phát động được phong trào quần chúng xây dựng cuộc sống mới. Cố nhiên, xung quanh việc này có liên quan đến nhiều vấn đề khác cần phải giải quyết, trong đó có các vấn đề thuộc trách nhiệm các cấp bên trên.



Tranh : *VĂN THANH*

Digitized by Google

Hồi ký của ông

Ê-RÍCH HÔ-NẾCH-CƠ

Lời người biên tập : *Ông Ê-rích Hô-nếch-cơ, nguyên Tổng bí thư UBTƯ ĐXHCNTN Đức, Chủ tịch Hội đồng nhà nước CHDC Đức trước đây, vừa cho xuất bản cuốn hồi ký nhan đề "Về những sự kiện bi kịch". Cuốn sách được viết trong thời gian ông sống tại Mát-xcơ-va.* **"Báo Béc-lin"** *cho biết, cuốn sách do Nhà xuất bản Ru-nhơ CHLB Đức ấn hành với giá 16,80 DM một cuốn ; ngay sau khi được giới thiệu, cuốn sách đã được trên 5000 người đặt mua. Do vậy, Nxb đã phải tính tới việc tái bản. Những đoạn trích sau đây là theo bản dịch của Thông tấn xã Việt nam tại Béc-lin dựa trên* **"Báo Béc-lin"** *đầu tháng 7-1992.*

Về lý do viết hồi ký và sự kiên định của mình, ông Ê-rích Hô-nếch-cơ viết : Rời vũ đài lịch sử mà không trình bày lập trường của mình về những sự phát triển động trời trong thời gian qua, theo tôi, đó là điều đáng ô danh, không phải chỉ đối với riêng tôi, mà còn đối với cả phong trào cộng sản Đức và quốc tế. Tôi quyết tâm không để cho những kẻ thắng cuộc hiện nay, tương tự như trước đây tôi đã không để cho bọn Gestapo phát xít bịt được miệng mình. Một điều đáng tiếc cho giai cấp tư sản là tôi không thuộc số những người sau khi thất bại đã vội vàng chịu khuất phục. Bất chấp sự thảm bại mà chúng tôi phải trải qua, điều chắc chắn vẫn là : không gì có thể ngăn cản nổi bước đột phá tiến tới một thế giới mới.

Về biến động tháng 11-1989 ở CHDC Đức và sự thống nhất nước Đức. Vấn đề ở đây không phải là lật đổ "quyền lực của một cá nhân" hay lật đổ" sự thống trị của Bộ chính trị Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức", không phải là tịch thu các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh, thủ tiêu các hợp tác xã nông nghiệp và sở hữu xã hội chủ nghĩa. Vấn đề ở đây là xóa bỏ CHDC Đức. CHDC Đức bị giao nộp cho CHLB Đức, bị xâm chiếm, cho dù người ta gọi đó là một sự "sáp nhập tình nguyện"...

Các nhà tư bản cũ chiếm lại các nhà máy, xí nghiệp. Cốt lõi vấn đề ở đây đơn giản là sự tái lập quyền lực của tư bản độc quyền. Cung cách xuất hiện không thể mô tả được bằng lời của những *Wessi** ở CHDC Đức trước đây, và thói kiêu ngạo của họ như những ông chủ thực dân, càng có tác dụng làm cho nhiều người mở mắt. Nếu những người theo đuôi họ và bị họ lợi dụng hồi tháng 11-1989 giờ đây nói rằng chính mình không muốn mọi việc cuối cùng lại diễn ra như hiện nay, thì đó là một lời thú nhận đáng tin.

Về tính ưu việt của CHDC Đức và chủ nghĩa xã hội ở CHDC Đức. Theo tôi, ở CHDC Đức mọi người đã có thể sống tốt hơn và chắc chắn hơn so với ngày nay trong cái gọi là "kinh tế thị trường tự do". Các chính sách của CHDC Đức đều nhằm vào sự no ấm của nhân dân. Ở CHDC Đức không có những kẻ sống trên mồ hôi nước mắt của nhân dân. Tất cả những gì sản xuất ra đều chia cho nhân dân...

Trong thời đại bão tố này, người ta thường đặt câu hỏi liệu những gì đã diễn ra ở CHDC Đức có phải là chủ nghĩa xã hội hay không. Vâng, đó là chủ nghĩa xã hội. Chế độ người bóc lột người đã được xóa bỏ thông qua việc xã hội hóa những phương tiện sản xuất cơ bản. Khác với xã hội tư bản, chủ nghĩa xã hội hiện thực tồn tại đã bảo đảm an ninh và an toàn xã hội. Ở đây đã phát triển sự chung sống hòa bình, sự đoàn kết đã đơm hoa kết trái trong xã hội chúng tôi.

---

* Tức *người Tây Đức*, theo cách gọi có tính chất nguyền rủa

Digitized by Google

Qua các phương tiện thông tin, cho dù người ta chỉ đưa ra những bức ảnh chụp các ngôi nhà tồi tàn, việc ở CHDC Đức có trên 3700000 căn hộ được xây dựng hoặc hiện đại hóa là điều không thể phủ nhận.

Ngày nay người ta đã phải nói rằng, đối với nhiều người, đó là một sự nhầm lẫn khi cho rằng biến động mùa thu năm 1989 bắt đầu từ đường phố, từ "thành phố Lai-pơ-xích anh hùng". Mọi người phải từ bỏ quan điểm này. Không còn nghi ngờ gì nữa, thực tế là CHDC Đức đã trở thành nạn nhân của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và Đức.

Về Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức. 2,3 triệu người nguyên là đảng viên của ĐXHCNTN Đức không việc gì phải cúi đầu trước những kẻ thống trị hiện nay. Tất cả những người đã cống hiến sức lực và kiến thức của mình cho khoa học, giáo dục, y tế và thể dục thể thao ở CHDC Đức trước đây, cũng nên như vậy.

Cần phải đặt câu hỏi vì sao người ta đang tìm cách bôi bẩn toàn bộ ĐXHCN TN Đức, ban lãnh đạo của Đảng và chính phủ CHDC Đức trước đây ; vì sao người ta đang tiến hành một cuộc săn đuổi ma quỷ đối với các nhân viên của bộ máy đảng và nhà nước, đối với cơ quan an ninh quốc gia, đối với binh lính sĩ quan quân đội nhân dân quốc gia, đối với các giáo viên, bác sĩ, nhà khoa học và nghệ sĩ của CHDC Đức, giống như cuộc săn đuổi ma quỷ đã từng diễn ra trong thời kỳ năm 1933 (khi chủ nghĩa phát xít Hít-le lên nắm quyền ở Đức).

Về những sai lầm của mình, Ê-rích Hô-nếch-cơ viết : *Thứ nhất*, tôi đã không đánh giá được một cách kịp thời, một cách bao quát và thực tế được rằng, đã có một sự bất bình trong xã hội, thậm chí là ngay trong hàng ngũ của Đảng.

Thứ hai, từ cách nhìn ngày nay, tôi nhận thấy rằng, công tác tuyên truyền và tư tưởng trong chính sách thông tin của chúng tôi không còn phù hợp với những yêu cầu đòi hỏi của thời đại.

Thứ ba, các công dân CHDC Đức ngày càng cảm thấy khó hiểu rằng, do hệ thống quan liêu không cần thiết, các biện pháp mở rộng điều kiện đi du lịch ra nước ngoài đã không được áp dụng một cách đầy đủ.

Những điều trên tôi đã nói hồi tháng 3-1990 ! Tóm lại, lẽ ra chúng tôi còn có thể phục vụ cho sự nghiệp tốt đẹp của chúng tôi một cách tốt hơn.

Về Ghi-si, chủ tịch Đảng chủ nghĩa xã hội dân chủ (PDS). Thật là kiêu ngạo và thô bạo khi ngài Ghi-si coi tất cả những gì mà người dân Đông Đức ngày nay đau đớn nuối tiếc, là "chủ nghĩa phong kiến", là "chủ nghĩa Xta-lin"; coi ĐXHCNTN Đức là đảng phản cách mạng. Ghi-si và những người cùng giọng điệu quên rằng : chính họ là những người được hưởng tất cả những điều kiện mà nhà nước công nông tạo ra cho thế hệ này, kể cả cho việc đào tạo họ.

Việc một số nhân vật lãnh đạo PDS ca ngợi "nền dân chủ nhân quyền là hệ thống tiến bộ nhất từ trước tới nay", không hề mang lại vinh dự cho họ. Nỗi lo sợ của những gia đình, của hơn 4 triệu người thất nghiệp, đủ là lý do để người ta suy nghĩ lại. Cả ngài Ghi-si cũng cần phải làm điều đó.

Về thủ tướng CHLB Đức H.Côn và cựu ngoại trưởng Liên xô Sê-vác-nát-de. CHDC Đức là một kết quả của chiến tranh thế giới thứ hai và của sự phát triển thời hậu chiến. Cả những người "hậu sinh" như Sê-vác-nát-de và Côn đều không thể bỏ qua những sự thực lịch sử này ngay trong kiểu nhìn nhận quá khứ của họ. CHDC Đức không phải là một cái gì đó "giả tạo", không phải là một cái gì đó "phi tự nhiên" như ngài Sê-vác-nát-de. muốn tìm cách bào chữa cho chính sách đầu hàng của mình.

Nếu như ngài Sê-vác-nát-de ngay từ năm 1986 đã triết lý "liệu một cuộc cách mạng hòa bình hay một cuộc cách mạng bạo lực - cái nào khó thực hiện hơn", thì trước những diễn biến phản cách mạng như ở Liên xô và "cuộc chinh phạt" hiện đang diễn ra ở phần lãnh thổ CHDC Đức trước đây chống lại các đảng viên và cán bộ của ĐXHCNTN Đức, chống lại 1,7 triệu nhân viên của bộ máy nhà nước CHDC Đức, câu hỏi về sự diễn tiến của cái gọi là một cuộc "cách mạng hòa bình êm dịu" cũng đã được trả lời.

Về tương lai của chủ nghĩa xã hội. Việc hy sinh CHDC Đức là điều đau đớn nhất trong đời tôi. Nhưng niềm tin mà nhiều người cùng chia sẻ với tôi vẫn tồn tại : Chủ nghĩa xã hội không biến mất khỏi vũ đài thế giới và sẽ không rút khỏi vũ đài này... Có những người bỏ qua sự thật là vẫn còn một Trung quốc xã hội chủ nghĩa, một đất nước với gần 1,2 tỷ dân, vẫn còn Việt nam, Lào hay Bắc Triều tiên. Hay ta lấy nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa làm thí dụ, đất nước bảo vệ một cách dũng cảm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của mình và vẫn đứng vững bất chấp những khó khăn gần như vượt quá sức chịu đựng của con người.

Chủ nghĩa xã hội không phải là viễn tưởng. Các Li-ép-nếch đã từng viết : thất bại cũng có thể là thắng lợi vì nó giúp người ta rút kinh nghiệm để đi tới những thắng lợi mới.

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP THUỐC LÁ

ĐỒNG NAI

KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA — ĐT: 36113



Đồng chí Phạm Văn Hiệp - Giám đốc XNLH thuốc lá Đồng Nai - người có nhiều công lao xây dựng xí nghiệp từ những ngày đầu thành lập.

☐ Một thành viên của Hiệp Hội thuốc lá Việt Nam

☐ Là đơn vị chuyên ngành sản xuất và cung ứng các loại nguyên liệu và thuốc lá điếu hiệu: La Ngà, Trị An, Victory, Friendship...

☐ Nhờ làm ăn có hiệu quả, XNLH thuốc lá Đồng Nai đã được UBND tỉnh Đồng Nai giao vốn. Và đang liên kết với một Công ty Singapore để phát triển sản xuất.

- **Phương châm hoạt động của XNLHTL Đồng Nai là: Uy tín — Hiệu quả — Phát triển.**
- **Nhiều năm liền là đơn vị điển hình trong sản xuất, kinh doanh của tỉnh Đồng Nai.**

Digitized by Google



General Director
Mrs. LE THI LY

NHÀ MÁY LIÊN HỢP DỆT VIỆT THẮNG

VICOTEX

- Chuyên sản xuất kinh doanh hàng Dệt và may mặc.
- Hàng may mặc đã được xuất với số lượng lớn sang các nước Tây Âu, Đông Âu, Bắc Mỹ, Đông Nam Á.
- Với dây chuyền sản xuất đồng bộ từ khâu kéo sợi, dệt, hoàn tất vải và may mặc, VICOTEX có khả năng đáp ứng mọi yêu cầu đa dạng về thiết kế sản phẩm của khách hàng.





- Địa chỉ liên hệ:
- Nhà máy: Xã Linh Trung, huyện Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
  ĐT: 969337, 969319, 966936
  Telex: 811246/Texti VT. Fax (848) 969319
- Văn phòng giao dịch: 35, 37 (lầu 4) Bến Chương Dương, Q.1
  ĐT : 299291. Fax : (848) 299291
- Liên doanh may mặc HANJOO - VIET THANG (chuyên sản xuất áo JacKet)
  Xã Linh Trung, huyện Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
  ĐT : 966012. Fax : (848) 966013
- Liên doanh may mặc GOLDKAMVIMEX, CAMBODIA
  63 PeChengTong, PhnomPenh, Cambodia
- Văn phòng giao dịch tại Mat-xcơ-va, CHLB Nga
  ĐT : 124.01.97

In tại nhà in Nhân Dân Hà Nội 2
Bìa in tại Nhà Máy in Thống Nhất

Chỉ số 12651.ISSN 0866-7276

Giá : 1500đ

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản



9

1992

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP BỘT GIẶT

TICO

121 HƯƠNG LỘ 12 - P.20 - Q. TÂN BÌNH
TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT : 552730 - 557098

- Thơm lâu
- Nhiều bọt
- Tẩy sạch và chống sâu răng
- Chất lượng cao

Sẽ góp mặt trên thị trường
từ tháng 5-1992





Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

9 - 1992 NĂM THỨ XXXVIII (441)

OCT 6 1992
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

MỤC LỤC

Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	BÙI THIỆN NGỘ - Bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới	3
	NGUYỄN TẤN TRỊNH - Phát triển thủy sản Việt nam thời kỳ 1991 - 2000	8
	TRẦN THẾ THÔNG - Nông nghiệp Việt nam trong thập kỷ tới	12
	ĐÀO THẾ TUẤN - Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội	17
	TÔ XUÂN DÂN - Khả năng hội nhập của nền kinh tế Việt nam với nền kinh tế thế giới	21
	KHỔNG DOÃN HỢI - Về chủ nghĩa tư bản nhà nước	24
	SÔNG TÙNG - Đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử	29
Ý kiến và kinh nghiệm	LÊ XUÂN VŨ - Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nghệ thuật	33
	ANH ĐỨC - Mấy ý nghĩ trước hiện tình văn học	38
	VŨ QUẦN PHƯƠNG - Trách nhiệm công dân của người cầm bút	41
	TRỊNH ĐÌNH KHÔI - Quản lý văn hóa văn nghệ trong điều kiện kinh tế thị trường	43
Điều tra	NGUYỄN SINH - Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn hiện nay	48
Sinh hoạt tư tưởng	VŨ LÂN - Không "đánh mất" mình	52
Thư gửi Bộ biên tập	NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU - Cần lựa chọn, bố trí đúng cán bộ quản lý kinh tế	53
Thế giới : vấn đề, sự kiện	LÊ TỊNH - Các nước đang phát triển trong bối cảnh mới của quốc tế	54
	TRƯƠNG MINH DỤC - Vì sao liên bang nhiều dân tộc ở Liên xô bị tan rã ?	57
Qua sách báo nước ngoài	GHEN-NA-ĐI Ô-XI-PỐP - Nước Nga bị đẩy xuống đáy vực thẳm	60

Bìa 1 : Bưởi Đoan hùng bên lăng Bác
Ảnh : Đinh Đăng Dũng

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội ● **Dây nói** : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 TP Hồ Chí Minh ● **Dây nói** : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Социализм - теория и практика * БУЙ ТХИЕН НГО - Охрана государственной безопасности в новой обстановке. НГУЕН ТАН ЧИНЬ - Развитие водного хозяйства Вьетнама в 1991 - 2000 гг. ЧАН ТХЕ ТХОНГ - Сельское хозяйство Вьетнама в ближайшее десятилетие. ДАО ТХЕ ТУАН - Развитие экономики и обеспечение социальной справедливости. ТО СУАН ЗАН - Возможность слияния в мировой рынок вьетнамской экономики. КХОНГ ЗОАН ХОЙ - О государственном капитализме. ШОНГ ТУИНГ - Переход к социализму - историческая неизбежность. **Мнения и опыт** * ЛЕ СУАН ВУ - Хошиминовские мысли о культуре и искусстве. АНЬ ДЫК - Некоторые личные соображения о положении дел в литературе. ВУ КУАН ФЫОНГ - Гражданская ответственность человека, взявшегося за перо. ЧИНЬ ДИНЬ КХОЙ - Управление культурно-художественной деятельностью в условиях рыночного хозяйства. **Мир: проблемы, факты** * ЛЕ ТИНЬ - Развивающиеся страны в создавшейся международной ситуации. ЧЫОНГ МИНЬ ЗУК - Почему распало многонациональное содружество Советского Союза?

CONTENTS

● *Socialism - Theory and Practice* ★ BÙI THIÊN NGÔ - Protection of national security in the new situation. NGUYỄN TÂN TRỊNH - Development of Vietnamese aquatic produce during the years 1991 - 2000. TRẦN THẾ THÔNG - Vietnamese agriculture in the coming decade. ĐÀO THẾ TUẤN - Strengthening of the economy and social equity. TÔ XUÂN DÂN - Potential for the Vietnamese economy to integrate into the world economy. KHỔNG DOÃN HỢI - On State capitalism. SÓNG TÙNG - Advancing to socialism is a historical necessity ● *Opinions and Experience* ★ LÊ XUÂN VŨ Ho Chi Minh's thoughts on culture and the arts. ANH ĐỨC - Some reflections on the present situation of literature. VŨ QUẦN PHƯƠNG - Civil responsibility of writers. TRỊNH ĐÌNH KHÔI - Control of culture, literature and the arts in market economic conditions ● *The World : Issues and Events.* ★ LÊ TỊNH - The developing countries in the new international context. TRƯƠNG MINH DỤC - What made the Soviet Union break up ?

SOMMAIRE

● *Le socialisme - Théorie et pratique* ★ BÙI THIÊN NGÔ - Défendre la sécurité nationale dans la nouvelle conjoncture. NGUYỄN TÂN TRỊNH - Le développement des produits aquatiques dans la période 1991 - 2000 au Vietnam. TRẦN THẾ THÔNG - L'agriculture du Vietnam dans la décennie à venir. ĐÀO THẾ TUẤN - Développer l'économie et renforcer la justice sociale. TÔ XUÂN DÂN - La possibilité d'intégration de l'économie du Vietnam à l'économie mondiale. KHỔNG DOÃN HỢI - Sur le capitalisme étatique. SÓNG TÙNG - S'avancer vers le socialisme, une nécessité de l'histoire. ● *Opinions et expériences* ★ LÊ XUÂN VŨ - La pensée Ho Chi Minh sur la culture et les arts. ANH ĐỨC - Quelques réflexions sur l'état actuel de la littérature. VŨ QUẦN PHƯƠNG - La responsabilité civique des écrivains. TRỊNH ĐÌNH KHÔI - La gestion de la culture, des lettres et des arts dans l'économie de marché. ● *Le monde - problèmes et événements* ★ Les pays en voie de développement dans le nouveau contexte international. TRƯƠNG MINH DỤC- Pourquoi l'union pluriethnique de l'URSS se désagrège-t-elle ?

SUMARIO

● *El socialismo - Teoría y práctica* ★ BÙI THIÊN NGÔ - Proteger la seguridad nacional en la nueva situación. NGUYỄN TÂN TRỊNH - El desarrollo de los productos acuáticos de Vietnam en el período 1991 - 2000. TRẦN THẾ THÔNG - La agricultura vietnamita en la próxima década - ĐÀO THẾ TUẤN - Fortalecer la economía y la justicia social - TÔ XUÂN DÂN - Posibilidad de integración de la economía vietnamita en la economía mundial. KHỔNG DOÃN HỢI - Sobre el capitalismo de Estado - SÓNG TÙNG - Avance al socialismo, una necesidad histórica ● *Opinión y experiencia* ★ LÊ XUÂN VŨ - El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la cultura y artes - ANH ĐỨC - Algunas ideas sobre la actual situación de la literatura - VŨ QUẦN PHƯƠNG - La responsabilidad cívica del escritor - TRỊNH ĐÌNH KHÔI - La gestión de la cultura, literatura y artes en la economía del mercado ● *El mundo : problemas y acontecimientos* - LÊ TỊNH - Los países en desarrollo ante la nueva coyuntura internacional - TRƯƠNG MINH DỤC - ¿Por qué la desintegración de la URSS ?

目錄

● 社會主義 - 理論與實踐 ★ 裴普悟：新時期國家保安工作。阮晉鄒： 1991－2000 年時期越南水產發展。陳世通： 未來十年的越南農業。 陶世俊：增強經濟與社會公平。 鍾春民： 越南經濟融合於世界經濟的可能性。孔尹亥： 關於國家資本主義。 松浪：走上社會主義是歷史的必勝性。 ● 意見與經驗 ★ 黎春武：胡志明關於文化藝術的思想。 英德：當前文學狀況的几點思考。武群芳：作家的公民義務 。 鄒庭魁： 在市場經濟條件下的文化藝術管理。 ● 世界問題與事件★ 發晴：發展中國家在新的國際背景下。張明育：為何蘇聯多民族聯盟瓦解。

Digitized by Google

BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

BÙI THIỆN NGỘ *

Từ Đại hội VII của Đảng đến nay, tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến nhanh chóng, tạo ra cho chúng ta những cơ hội mới và cả những khó khăn, phức tạp mới.

Điểm nổi bật là cuộc khủng hoảng và tan rã chưa từng có của một số nước xã hội chủ nghĩa, cuộc chiến tranh vùng Vịnh... đã kích thích mạnh mẽ các thế lực thù địch hoạt động mưu toan xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, uy hiếp độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Bọn phản động các loại ở trong nước cũng hí hửng cho là thời cơ đã đến, tìm mọi cách câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động bên ngoài, nhen nhóm, gây dựng lại cơ sở hòng phá hoại sự nghiệp cách mạng, cản trở tiến trình đổi mới của nhân dân ta.

Nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đoàn kết, tự lực tự cường, vươn lên vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, phấn đấu thực hiện các nghị quyết của Đảng, giữ được ổn định về chính trị, tạo ra bước phát triển mới về kinh tế.

Tuy nhiên, với những mưu đồ đen tối, các thế lực thù địch đang ra sức thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" kết hợp với diễn biến không hòa bình đối với nước ta. Chúng kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, đòi xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, truyền bá tư tưởng, văn hóa đồi trụy, độc hại, đưa gián điệp, biệt kích vào phá hoại nước ta...

Thực chất của chiến lược "diễn biến hòa bình" là nhằm *lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng ta*. Thủ đoạn thường thấy của chúng là *sử dụng tổng hợp các lực lượng phá hoại thông qua các hoạt động chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội, từng bước thực hiện các mưu đồ một cách lặng lẽ, thầm dần, làm "mục ruỗng" từ bên trong ; kích động các lực lượng, khuynh hướng phản động, phản nhân dân nổi dậy mà không cần phải dùng đến lực lượng vũ trang xâm lược*. Đây cũng là nội dung cốt lõi của cái gọi là "chiến thắng mà không cần chiến tranh" của chúng. Thực tiễn cho thấy trong quá trình thực hiện "diễn biến hòa bình", chúng thường thay đổi các hình thức, biện pháp, thủ đoạn đối với từng nơi, từng lúc.

Phá hoại về tư tưởng là một mũi nhọn rất lợi hại và thâm độc đang được chúng ráo riết tăng cường. Chúng không chỉ sử dụng những luận điệu chiến tranh tâm lý thông thường mà còn mở ra sâu rộng trên nhiều lĩnh vực chính trị, triết học, luật học, sử học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, đạo đức, thẩm mỹ, lối sống ; len vào các cuộc đấu tranh lý luận, tư tưởng ở mọi nơi. Chúng thường phao tin đồn nhảm, xuyên tạc sự thật, bịa đặt, vu khống, nhằm đánh lạc hướng hoặc làm mất phương hướng tư tưởng của nhân dân và chia rẽ nội bộ Đảng. Đối tượng chủ yếu của sự phá hoại tư tưởng trước hết là những người mất phương hướng chính trị, trống rỗng về tư tưởng, thoái hóa về đạo đức, phẩm chất.

Cần phân biệt rõ đấu tranh tư tưởng trong nội bộ với sự phá hoại về tư tưởng từ phía kẻ địch. Trước những bước ngoặt của cách mạng, trong cán bộ, nhân dân có những ý kiến khác nhau, do nhiều nguyên nhân khác nhau, đó là chuyện bình thường. Vấn đề là phải trên cơ sở lợi ích cao nhất của đất nước mà giáo dục, thuyết phục nhau, có lý có tình, tránh mọi nghi ngờ, định kiến.

Chúng ta muốn là bạn của tất cả các nước trong

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ nội vụ

Digitized by Google

cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Nhưng chúng ta không chấp nhận một số người lợi dụng việc đó để thâm nhập văn hóa phản động, đồi trụy vào nước ta, càng không để ai lợi dụng việc đó để tuyên truyền, đả kích, lật đổ chế độ ta.

Phá hoại về kinh tế là một thủ đoạn nham hiểm đang được các thế lực thù địch tiến hành bằng mọi phương tiện nhằm làm cho chúng ta suy yếu, kiệt quệ về kinh tế, tạo ra tâm trạng thất vọng, bất mãn trong quần chúng, gây sức ép lật đổ chế độ ta. Phá hoại kinh tế gắn liền với phá hoại chính trị, và theo ý nghĩa nào đó, cũng là phá hoại chính trị. Điều đáng chú ý trong hoạt động phá hoại kinh tế của địch là kích thích những mặt trái của cơ chế thị trường, tổ chức các "chợ đen", các hoạt động đầu cơ, buôn lậu, hối lộ, mua chuộc cán bộ, đặc biệt là cán bộ các cơ quan kinh tế đối ngoại ; kích động đòi trả lại xí nghiệp, ruộng đất, nhà cửa về cho chủ cũ, kích động lãn công, bãi công...

Nhân dân ta hoan nghênh và sẵn sàng tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất, dễ dàng nhất cho các nhà tư bản nước ngoài vào đầu tư, các chuyên gia kinh tế, khoa học - kỹ thuật vào hợp tác, thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển nhanh hơn, theo nguyên tắc hai bên đều có lợi. Nhưng chúng ta không chấp nhận những kẻ lợi dụng việc đó để lừa đảo, càng không cho phép bất cứ ai lợi dụng mở cửa, giao lưu kinh tế để phá hoại nền kinh tế của nước ta.

Xem xét quá khứ và hiện tại, chúng ta thấy mục đích cuối cùng của chiến lược "diễn biến hòa bình" của kẻ thù là nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, lật đổ chính quyền nhân dân do đảng cộng sản lãnh đạo. *Các hình thức phá hoại tư tưởng, phá hoại kinh tế đều bắt nguồn từ yêu cầu chính trị và dẫn tới phá hoại chính trị.* Đáng tiếc là hiện nay có một số không ít cán bộ và nhân dân ta còn chưa hiểu đầy đủ, sâu sắc vấn đề đó, chưa thấy rõ yêu cầu cực kỳ quan trọng là phải thường xuyên củng cố chính quyền và bảo vệ chính quyền, không để cho các thế lực thù địch lợi dụng thời cơ làm suy yếu và lật đổ chính quyền. Phải thấy rằng hình thức, thủ đoạn phá hoại về chính trị của địch hiện nay rất xảo quyệt và tinh vi. Chúng tìm mọi cách chia rẽ Đảng, đánh vào nội bộ Đảng, lôi kéo những phần tử xét lại, cơ hội hữu khuynh, tạo dựng "ngọn cờ bên trong" làm chỗ dựa cho hành động lật đổ của các lực lượng đối lập ; chia rẽ các dân tộc trong nước, kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa ly khai ; chia rẽ tôn giáo, kích động các tôn giáo chống nhau và chống lại chính quyền cách mạng ; lôi kéo, mua chuộc một số người lầm lạc trong giới trí thức, văn nghệ sĩ, kích động sinh viên, thanh niên làm "ngòi nổ" gây rối, gây bạo loạn. Ở bên ngoài, chúng tổ chức, chỉ đạo bọn phản động lưu vong, tác động vào kiều dân nước ta, tuyển chọn, huấn luyện gián điệp các loại xâm nhập vào trong nước, móc nối với các lực lượng phản động, chống đối bên trong để xây dựng cơ sở, phát triển lực lượng, liên kết trong, ngoài, chờ thời cơ nổi dậy, lật đổ chính quyền của ta.

Âm mưu "diễn biến hòa bình" của địch rất thâm độc, thủ đoạn hoạt động phá hoại của địch rất tinh vi, kết hợp cổ truyền với hiện đại. Nhưng chúng có thực hiện được hay không và tới mức nào, điều đó còn tùy thuộc vào chúng ta, vào sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cho thấy, đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia chống "diễn biến hòa bình" là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc. Đó là *cuộc đấu tranh giữa cách mạng với phản cách mạng, giữa dân tộc với đế quốc và bọn phản động quốc tế.*

Đặt vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia là một nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Nghị quyết Đại hội VII của Đảng đã ghi rõ : "giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm khác, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc những thành quả của cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới". Trong tình hình mới, trên lĩnh vực an ninh quốc gia, chúng ta càng thấy rõ việc chống chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch là một nhiệm vụ cấp bách hàng đầu để góp phần ổn định chính trị, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

*

Để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

Digitized by Google

trong tình hình mới, chúng ta cần nắm vững một số quan điểm cơ bản sau đây :

1 - Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian qua, nhìn chung, chúng ta đã cố gắng kết hợp hai mặt này, do đó, từng bước khắc phục được thiếu sót, sơ hở, vừa từng bước xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa vừa đảm bảo được an ninh quốc gia. Tuy nhiên, trên một số mặt, từng lúc, từng nơi, vẫn còn có sự tách rời giữa xây dựng với bảo vệ, thậm chí có việc còn đối lập nhau, gây tổn thất không đáng có.

Ngày nay, trước biến động của tình hình quốc tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội càng gắn bó chặt chẽ với bảo vệ Tổ quốc ; bảo vệ an ninh quốc gia chính là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng đất nước về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... An ninh quốc gia không chỉ là an ninh chính trị, mà còn là an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh xã hội. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, thể hiện ngay trong nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp, từng đơn vị, là nghĩa vụ của từng cán bộ, nhân viên nhà nước, của mọi công dân.

Trong cuộc sống, có những vấn đề kinh tế - xã hội nếu giải quyết không tốt hoặc bị vi phạm nghiêm trọng, sẽ chuyển hóa thành vấn đề chính trị. Hiện tượng "bể hụi", lừa đảo tín dụng, sử dụng trái phép dự trữ lương thực quốc gia... không những gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, mà còn gây ảnh hưởng xấu về chính trị. Sự buông lỏng giáo dục tư tưởng, đạo đức dẫn tới hiện tượng truyền lan các loại văn hóa phẩm độc hại không chỉ là vấn đề tư tưởng, văn hóa đơn thuần, mà trở thành vấn đề chính trị. Chạy theo lợi ích cá nhân, lợi ích địa phương, cục bộ, thả cửa cho hàng hóa nhập lậu tràn vào, không những đã bóp chết hàng công nghiệp nội địa, mà còn làm trầm trọng thêm nạn tham nhũng vốn đã gây bất bình trong nhân dân và kéo theo nó, tội phạm tăng lên v.v.. Không nhận thức được mối quan hệ tác động "cộng hưởng", chuyển hóa nhau giữa các mặt quản lý xã hội sẽ không thể xây dựng được nền tảng vững chắc của an ninh quốc gia. Không nhận thức và xử lý đúng đắn mối quan hệ gắn bó, thống nhất giữa hai mặt xây dựng và bảo vệ, thì cả hai mặt đó đều không thể làm tốt.

2 - Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh.

Sự kết hợp này phải trở thành chiến lược thống nhất giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ an ninh, trật tự xã hội, kết hợp củng cố nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân.

Bảo vệ tốt an ninh, trật tự xã hội, giữ vững ổn định chính trị là bảo đảm vững chắc cho quốc phòng ; ngược lại củng cố quốc phòng vững chắc là tạo điều kiện bảo đảm an ninh, trật tự xã hội. Để phù hợp với tình hình mới, sự kết hợp giữa quốc phòng với an ninh, an ninh với quốc phòng có nội dung rộng hơn, hình thức, cơ chế kết hợp đa dạng hơn và đòi hỏi chặt chẽ hơn. Chiến lược, sách lược đối phó với kẻ thù trong thời bình không giống với thời chiến, đối với kẻ thù bên trong cũng không giống với kẻ thù bên ngoài. Trên từng lĩnh vực, quốc phòng và an ninh có những đối tượng cụ thể khác nhau, phương thức hoạt động, biện pháp đối phó khác nhau. Do đó, trên cơ sở cái chung thống nhất là bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, trong chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh, phải xây dựng những luận cứ khoa học và cơ chế kết hợp đúng đắn cho từng tình hình cụ thể, từng địa bàn cụ thể (biên giới, nội địa, hải đảo, thềm lục địa...). Xét về mục tiêu cơ bản, sự kết hợp đó vừa *bảo đảm chia cắt thù trong với giặc ngoài*, trước hết *kịp thời dập tắt mọi mầm mống phản loạn từ bên trong, vừa bảo đảm chuẩn bị mọi điều kiện đủ sức đánh thắng các âm mưu xâm lược bằng quân sự của kẻ thù.*

Sự kết hợp đó trong lĩnh vực quốc phòng có thể bao gồm mấy nội dung chủ yếu : bảo vệ bí mật quốc phòng (chiến lược, chiến dịch, chiến thuật...) ; bảo vệ tiềm lực quốc phòng ; bảo vệ nội bộ quân đội ; kết hợp bảo vệ an ninh chính trị với chống xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa trong quân đội, đặc biệt là quản lý chặt chẽ vũ khí, khí tài ; kết hợp bảo vệ an ninh trong quân đội với bảo vệ an ninh trật tự ngoài xã hội... Trên bình diện rộng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân phối hợp, kết hợp rất chặt chẽ với xây dựng và mở rộng thế trận an ninh nhân dân, đảm bảo cuộc sống yên vui, hòa bình

Digitized by Google

của nhân dân. Quân đội và công an nhân dân cần có và thực hiện tốt kế hoạch phối hợp, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới trong hòa bình, ổn định và phát triển của nước ta.

3 - Dựa vào nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của nhà nước, kết hợp các hình thức đấu tranh của quần chúng với các biện pháp nghiệp vụ, chuyên môn, xây dựng thế trận an ninh nhân dân rộng khắp và vững chắc.

An ninh quốc gia liên quan trực tiếp đến lợi ích thiết thân của mọi thành viên trong xã hội. Đó là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Về thực chất, đó là cuộc vận động phong trào cách mạng của quần chúng xây dựng thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ an ninh, trật tự từ cơ sở, bảo vệ cuộc sống yên vui, lành mạnh của chính bản thân mình. Khi quần chúng tự đứng lên bảo vệ an ninh, trật tự, thì đó là lực lượng đáng sợ nhất đối với kẻ địch, đối với mọi loại tội phạm. Chúng ta cần bỏ nhiều công sức và có những hình thức thích hợp xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự xã hội đều khắp ở các địa bàn, kết hợp chặt chẽ các hình thức đấu tranh của quần chúng với các biện pháp nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật, biện pháp hành chính và biện pháp vũ trang. Chỉ có sự kết hợp đó mới tạo ra sức mạnh tổng hợp, bảo đảm cho cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự có hiệu quả.

Sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia phải đặt *dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Đảng*. Đó là nguyên tắc chỉ đạo cơ bản nhất, quan trọng nhất để có thể huy động được sức mạnh của toàn dân, sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, bảo đảm thắng lợi của cuộc đấu tranh. Ngoài việc đề ra đường lối, chiến lược và chính sách đúng, việc giáo dục đảng viên - ở bất cứ cương vị nào - gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật là điều rất quan trọng.

Vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ an ninh, trật tự xã hội có ý nghĩa rất quan trọng. Việc mở rộng dân chủ phải được thể chế hóa thành luật pháp, và việc điều hành xã hội phải bằng pháp luật. Pháp luật phải thật sự là công cụ sắc bén, có hiệu lực to lớn, thể hiện ý chí và uy quyền của nhà nước ta, của nhân dân ta. Càng mở rộng dân chủ, càng phải tăng cường pháp luật, kỷ luật. Một mặt, phải nghiêm chỉnh thực hiện những luật pháp hiện có ; mặt khác kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế những luật pháp đã cũ nhằm đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới.

4 - Giữ vững bên trong, ngăn chặn phá hoại từ bên ngoài, giữ vững bên trong là điều kiện quyết định để đánh bại chiến lược diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, an ninh quốc gia được củng cố vững chắc trước hết là từ những yếu tố bên trong, đặc biệt là những yếu tố chính trị, tư tưởng và kinh tế. Phát huy truyền thống yêu nước kiên cường, bất khuất, kiên quyết đi theo ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã khắc phục biết bao khó khăn chồng chất, làm nên những thành tựu bước đầu trên con đường mới. Đó là yếu tố "bên trong" vững chắc mà chúng ta phải hết sức giữ gìn, bồi dưỡng và phát huy. Giữ vững bên trong, nhiệm vụ hàng đầu là đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng và củng cố nội bộ Đảng, nội bộ các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng. Đảng phải thật sự đoàn kết thống nhất, trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ đó mà tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đại đoàn kết dân tộc, củng cố sự nhất trí về tư tưởng chính trị trong nhân dân. Đó là cốt lõi của an ninh quốc gia, là nhân tố quyết định bảo đảm giữ vững bên trong, chống "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

*

Quán triệt các quan điểm cơ bản nêu trên, trước mắt cần thực hiện một số công việc cấp bách :

1 - Xây dựng và củng cố vững chắc trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Sự đoàn kết nhất trí tư tưởng, hành động trong cán bộ, đảng viên dẫn tới sự nhất trí chính trị sinh thần trong nhân dân, là yếu tố quan trọng quyết định tạo thành sức mạnh to lớn đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch trong bất cứ hoàn cảnh nào. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên

Digitized by Google

truyền làm cho cán bộ và nhân dân quán triệt sâu sắc, nhất trí cao với đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, nâng cao cảnh giác, không mơ hồ, ảo tưởng trước âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của địch ; kết hợp chặt chẽ công tác giáo dục chính trị tư tưởng với công tác chống địch phá hoại tư tưởng. Khơi dậy mạnh mẽ lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc vốn có của dân tộc ta, chấn hưng và phát triển nền văn hóa dân tộc. Đồng thời, mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động đấu tranh sắc bén, kịp thời với các luận điệu phá hoại tư tưởng của địch, kiểm soát và quản lý chặt chẽ các loại văn hóa phẩm từ nước ngoài đưa vào, phát hiện và xử lý kịp thời các loại có nội dung phản động, đồi trụy.

2 - Gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, cải thiện, ổn định đời sống cho nhân dân, cần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, quan tâm đến những quyền lợi chính đáng của công nhân, nông dân, dân nghèo thành thị, đồng bào dân tộc, tôn giáo ở các vùng cao, vùng sâu, lực lượng vũ trang, trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên. Đặc biệt phải vận động quần chúng các tầng lớp xã hội tổ chức mở rộng các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện, giúp đỡ những gia đình thương binh, liệt sĩ, những người già yếu neo đơn, những người tàn tật. Thực hiện công bằng xã hội, gắn phát triển kinh tế - xã hội với đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu, xử lý nghiêm minh những vụ đã phát hiện theo đúng pháp luật, không miễn trừ bất cứ ai. Gắn phát triển kinh tế với tăng cường tiềm lực an ninh, quốc phòng, đảm bảo kỷ cương, pháp luật và chủ quyền quốc gia.

3 - Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân.

Kết hợp với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, trên cơ sở đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, mau chóng củng cố các tuyến địa bàn an toàn về an ninh trật tự, củng cố lực lượng công an cơ sở và các lực lượng nửa chuyên trách, phát triển phong trào quần chúng vận động tội phạm ra đầu thú, tự thú. Kịp thời ngăn chặn, đập tan các âm mưu và hành động phản loạn ; chủ động và liên tục tấn công bọn tội phạm ; trấn áp mạnh bọn cầm đầu, ngoan cố trong các lực lượng chống đối ; khoan hồng, mở đường đối với kẻ lầm đường. Kiên quyết nghiêm trị bọn tội phạm hình sự nguy hiểm, chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn ; mở đường cải tạo, giáo dục cho những kẻ a tòng, nhất thời lầm lỗi.

Đối với tội phạm, chúng ta coi phòng ngừa toàn xã hội và giáo dục cải tạo là biện pháp cơ bản nhất.

4 - Tiếp tục xây dựng lực lượng công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, dựa vào nhân dân và làm đội quân xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh quốc gia là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Phải tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo và chỉ đạo, đổi mới công tác nghiệp vụ, phương pháp, phong cách làm việc. Rèn luyện, giáo dục cho công an nhân dân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với Đảng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, ra sức khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong toàn lực lượng. Bên cạnh việc nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, pháp luật, khoa học và kỹ thuật cho cán bộ, chiến sĩ, cần tăng cường trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công an nhân dân để đáp ứng được yêu cầu chiến đấu trong thời đại mới. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ công an, trước hết cho những người đang phải chiến đấu ngày đêm trên trận tuyến thầm lặng, đối mặt kẻ thù và bọn tội phạm khác trong điều kiện cực kỳ khó khăn, gian khổ và phức tạp.

*

Với những thành tựu bước đầu trên con đường đổi mới, phát huy truyền thống anh hùng của dân tộc, được sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, lực lượng công an nhân dân cùng với toàn dân ta nhất định sẽ tiếp tục vượt qua mọi khó khăn thử thách, đánh thắng âm mưu "diễn biến hòa bình" và các âm mưu phá hoại khác của kẻ thù, bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, góp phần vào sự nghiệp thiêng liêng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN THỦY SẢN VIỆT NAM THỜI KỲ 1991 - 2000

NGUYỄN TẤN TRỊNH *

VIỆT nam có bờ biển dài 3260 km với 112 cửa sông, cửa lạch, trong đó có những cửa sâu có thể xây dựng cảng lớn. Vùng biển đặc quyền kinh tế rộng khoảng 1 triệu km^2 và hơn 3000 đảo lớn nhỏ, hằng năm có thể khai thác nhiều hải sản. Với khoảng 1,4 triệu ha mặt nước nội địa, trong đó có hơn 30 vạn ha bãi triều, hàng chục vạn ha eo vịnh, tiềm năng nuôi trồng thủy sản cũng rất phong phú.

Vượt qua thời kỳ sa sút những năm 1976 - 1980, nghề đánh cá biển từ năm 1981 đến nay đã phát triển với nhịp độ tăng sản lượng bình quân năm từ 4 đến 7% (bình quân năm từ 1981 đến 1986 là 7% ; từ 1987 đến nay là 4%). So với năm 1980, kim ngạch xuất khẩu đã tăng hơn 12 lần.

Ngành đã khôi phục và phát triển một số nghề truyền thống có năng suất cao, duy trì và phát triển lực lượng cơ giới, đóng mới thêm nhiều phương tiện khai thác. Cuối năm 1991, toàn ngành có 41266 tàu thuyền máy với tổng công suất 730 ngàn mã lực (trong đó trên 80% là tàu thuyền có công suất dưới 45 mã lực) và gần 30 ngàn thuyền thủy công trọng tải 2 - 5 tấn/chiếc.

Nuôi trồng thủy sản đã và đang trở thành một ngành sản xuất hàng hóa. Nuôi tôm xuất khẩu có hiệu quả đã kích thích ngư dân nhất là ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long và duyên hải miền Trung bỏ vốn đầu tư phát triển nuôi tôm dưới nhiều hình thức : quảng canh, quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh. Đã triển khai việc nuôi thí điểm các loại đặc sản như điệp, trai, đồi mồi, hải sâm, ngao, sò v.v. ở một số nơi và bước đầu thu kết quả tốt. Nuôi cá lồng bè đang được khôi phục và phát triển ở nhiều địa phương. 530 ngàn ha mặt nước đã được nuôi trồng thủy sản, trong đó 192 ngàn ha nuôi tôm vùng nước mặn, lợ. Đã hình thành vùng nuôi cá cung cấp thực phẩm cho một số thành phố lớn và các khu công nghiệp. Đến nay cả nước đã có 375 cơ sở sản xuất cá giống và hơn 115 cơ sở sản xuất tôm giống.

Cơ sở chế biến, bảo quản và phương tiện vận chuyển thủy sản có bước phát triển nhanh. Đã đầu tư xây dựng 126 nhà máy đông lạnh với công suất 510 tấn/ngày, các cơ sở sản xuất nước đá với công suất 2000 tấn/ngày, hệ thống kho lạnh có sức chứa 7500 tấn. Có 84 cơ sở chế biến nước mắm quốc doanh và hàng chục cơ sở của tư nhân với công suất 180 triệu lít/năm. Có 11 cơ sở sản xuất bột cá. Có 115 xe ô tô vận tải lạnh với trọng tải 805 tấn. Có đội tàu vận tải lạnh chuyên chở hàng xuất khẩu với 28 chiếc, trọng tải 6150 tấn. Đã hình thành một số cầu cảng với tổng chiều dài 1100 mét, và có trên 75 bến cá. Có 35 cơ sở cơ khí (chưa kể các cơ sở của dân) đảm nhận việc đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và thiết bị chuyên dùng cho nghề cá. Đang cố gắng từng bước sản xuất các phụ kiện trang thiết bị cho khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

Các quốc doanh thủy sản trung ương và địa phương tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng đã phát triển theo hướng làm hậu cần dịch vụ cho nghề cá nhân dân và sản xuất kinh doanh tổng hợp nên đã nâng cao được hiệu quả. Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã phát huy tác dụng trong việc huy động vốn, thu hút phần lớn lao động vào sản xuất và dịch vụ nghề cá. Các đơn vị tập thể đang được sắp xếp và tổ chức lại cho phù hợp với tính chất sản xuất nghề cá ; chú trọng hình thức tổ chức theo đơn vị thuyền nghề là chủ yếu, nên đã tạo điều kiện cho các hộ gia đình bỏ vốn phát triển sản xuất.

Khoa học và công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh.

* Phó tiến sĩ, Bộ trưởng Bộ thủy sản

Digitized by Google

Có nhiều cải tiến trong khai thác cá biển, đem lại năng suất cao. Các tiến bộ khoa học và công nghệ về chọn giống, lai tạo, thuần hóa, giữ giống, đã tạo ra được các giống mới đa dạng, có chất lượng. Đã áp dụng nhiều công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu và đời sống.

Trong 5 năm 1986 - 1990, tổng số vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật là 264 200 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương cấp 44 220 triệu. Các xí nghiệp đầu tư bằng vốn tự bổ sung 221 980 triệu đồng, gấp 5,53 lần vốn trung ương đầu tư. Các công trình do các địa phương đầu tư là 144 989 triệu đồng (chưa tính vốn dân tự đầu tư cho khai thác, nuôi trồng, chế biến).

Hiện nay, lao động chuyên về nghề cá khoảng 1 triệu người, trong đó lao động trực tiếp đánh bắt hải sản là 289 ngàn người (chiếm 36% tổng số người làm nghề biển).

Nguyên nhân thành công chủ yếu là do : đổi mới cơ chế quản lý ; chuyển hoạt động sản xuất kinh doanh sang sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, gắn nội tiêu với ngoại tiêu, lấy xuất nhập khẩu làm mũi nhọn và phương tiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh nghề cá ; tạo được nguồn cân đối chủ yếu về vốn, vật tư và kỹ thuật.

Tuy vậy, đến nay nghề cá nước ta vẫn còn trong tình trạng lạc hậu, năng suất lao động thấp, thể hiện ở chỗ :

- Sản lượng khai thác mới đạt trên 50% mức nguồn lợi cho phép ; nguồn lợi bị tàn phá nghiêm trọng.

- Tàu thuyền số lượng tuy lớn nhưng hầu hết có công suất nhỏ nên chỉ có khả năng khai thác vùng ven bờ. Số tàu có công suất lớn hiện nay đã cũ, tiêu hao nhiều nhiên liệu, hiệu quả đánh bắt không cao.

- Mới đưa được 1/3 diện tích mặt nước vào nuôi trồng thủy sản. Việc nuôi trồng chủ yếu vẫn là quảng canh dưới dạng khai thác tự nhiên, năng suất thấp. Việc nuôi trồng đặc sản xuất khẩu cũng chưa được phát triển đúng mức so với tiềm năng hiện có.

- Cơ sở hậu cần dịch vụ cho nghề cá chưa đồng bộ, trang bị lạc hậu ; hệ thống bến cá, cầu cảng quá thiếu, đầu tư của nhà nước cho cơ sở hạ tầng quá ít ; việc xây dựng lại không theo quy hoạch tổng thể và thiếu đồng bộ.

- Mặt hàng chế biến cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tuy đã có bước phát triển nhưng còn nghèo về chủng loại, chất lượng chưa cao. Thị trường tuy có mở rộng nhưng chưa thật ổn định, trình độ kinh doanh chưa giỏi...

*

Mục tiêu tổng quát từ nay đến năm 2000 là : Xây dựng ngành thủy sản thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, sản xuất hàng hóa có hiệu quả cao nằm trong chiến lược phát triển kinh tế biển của cả nước. Phát huy thế mạnh của các vùng nước ngọt, lợ, mặn, tiềm lực về vốn, về lực lượng lao động nghề cá nhân dân và kinh nghiệm đã tích lũy được ; mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế biển ; kết hợp nông - lâm - ngư nghiệp - thủy lợi và du lịch để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh nhằm bảo đảm nhu cầu thực phẩm thủy sản cho nhân dân, nguồn nguyên liệu cho các ngành sản xuất khác ; tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu ; tạo thêm công ăn việc làm, bố trí lại dân cư trên các vùng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho ngư dân ; tăng cường tích lũy từ nội bộ ngành để mở rộng năng lực sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật xương sống của ngành ; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước ngày một nhiều hơn ; góp phần tích cực vào việc bảo vệ vùng biển thiêng liêng của Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu trên, các chương trình khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản, cơ khí, hậu cần dịch vụ cần được triển khai đồng bộ. Trong đó tập trung vào một số điểm chủ yếu sau :

Củng cố, cải tiến phương tiện hiện có ; đánh bắt gắn chặt với bảo vệ nguồn lợi một cách nghiêm ngặt. Phát triển thêm nghề mới, phương tiện thích hợp để từng bước mở rộng năng lực đánh bắt xa bờ. Tổ chức thăm dò và khai thác các loại đặc sản quý ở các vùng đảo, quần đảo Trường sa. Hoàn thiện và mở rộng các cơ sở hậu cần dịch vụ, xây dựng tuyến đảo để làm căn cứ cho việc tổ chức khai thác theo mùa vụ ở các ngư trường chính. Ưu tiên cho xây dựng các bến cảng, cơ sở chế biến sản phẩm mới, cơ sở sửa chữa và đóng mới tàu

Digitized by Google

thuyền, phương tiện vận tải chuyên dùng, chợ cá ở các điểm trung tâm giao dịch thương mại. Từ cơ sở vật chất được tăng cường mà sắp xếp điều chỉnh hợp lý cơ cấu dân cư vùng ven biển cho phù hợp với lực lượng sản xuất, góp phần giữ gìn an ninh vùng biển. *Đến năm 2000, sản lượng khai thác hải sản là 1 triệu tấn, hằng năm tăng 30 ngàn tấn. Giá trị kim ngạch xuất khẩu từ sản phẩm đánh bắt hải sản là 400 triệu USD* (kể cả dịch vụ). Thu hút thêm 200 ngàn lao động, đưa tổng số lao động đánh bắt hải sản lên 500 ngàn người và khoảng 3,2 đến 3,5 triệu lao động chế biến, dịch vụ. Nhu cầu vốn đầu tư cho khai thác trong 10 năm *khoảng 1000 tỷ đồng.*

Chuyển mạnh nuôi tôm, nuôi cá ao hồ nhỏ, nuôi cá lồng bè, nuôi cá ruộng, nuôi cá mặt nước lớn, nuôi cá eo vịnh biển và các hải sản khác. Chú trọng các đặc sản xuất khẩu như tôm, cua, nhuyễn thể, rong tảo và một số loài cá có giá trị kinh tế cao. Phấn đấu để đến năm 2000, *sản lượng nuôi trồng thủy, hải sản đạt 600 ngàn tấn, trong đó khoảng 100 ngàn tấn khai thác tự nhiên ; giá trị kim ngạch xuất khẩu từ nuôi trồng khoảng 540 - 600 triệu USD* ; thu hút thêm 270 ngàn lao động, đưa tổng số lao động làm nghề nuôi trồng lên trên 500 ngàn người và đưa tổng số lao động làm dịch vụ cho nuôi trồng lên 1,3 đến 1,5 triệu người. Nhu cầu vốn đầu tư trong 10 năm ít nhất là 1000 tỉ đồng. Như vậy, từ sản phẩm khai thác và nuôi trồng, có thể *đưa kim ngạch xuất khẩu lên 1000 triệu USD vào năm 2000.*

Về các giải pháp thực hiện, cần chú ý :

1 - **Vấn đề tạo vốn.** Vốn đầu tư là một yếu tố quyết định. Cần làm rõ nhu cầu về vốn, các nguồn tạo vốn và chủ trương sử dụng vốn có hiệu quả. Về cơ cấu vốn, khoảng 50% là ngoại tệ, 50% là tiền Việt nam. Trong từng lĩnh vực, cơ cấu vốn có khác nhau : về *nuôi trồng*, cần khoảng 20% là ngoại tệ ; về *khai thác*, cần khoảng 60 - 70% ; về *thiết bị*, thường chiếm tỷ lệ cao : trên 50% tổng ngoại tệ.

Nguồn vốn có thể huy động từ trong nước và nước ngoài. Nguồn vốn trong nước chủ yếu dựa vào tích lũy của sản xuất kinh doanh. Theo dự kiến, tỷ lệ các nguồn vốn trong nước như sau : vốn ngân sách cấp : 10% ; vốn vay tín dụng dài hạn : 40% ; vốn do liên doanh liên kết trong nước và tự có của cơ sở : 20% ; vốn trong dân : 30% (ở các tỉnh phía nam tỷ lệ này có thể cao hơn). Nguồn vốn nước ngoài trong 5 năm (1991 - 1995) dự kiến cần khoảng 400 - 550 triệu USD, trong đó khoảng 15% dựa vào các dự án của các tổ chức quốc tế, khoảng 25% dựa vào vay, khoảng 60% dựa vào vốn liên doanh của các công ty nước ngoài.

Để đảm bảo đầu tư kịp thời cho nghề cá có nhu cầu lớn về vốn, cần có *ngân hàng chuyên doanh thủy sản.* Đối với những công trình và dự án phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế thì do các thành phần đó tự đầu tư bằng nguồn vốn tự có, vốn vay hoặc vốn liên doanh liên kết. Còn đối với các công trình không thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh (như nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ, thực nghiệm công nghệ mới, kết cấu hạ tầng) thì có thể sử dụng nguồn vốn do ngân sách cấp hoặc do nước ngoài tài trợ, kể cả phần vốn được vay với lãi suất thấp.

2 - **Công tác khoa học kỹ thuật** tập trung vào mấy *khâu chính* sau đây :

- Tiếp tục điều tra phục vụ cho công tác quy hoạch. Tập trung điều tra nguồn lợi sinh vật biển, nhất là vùng biển xa và vùng đảo. Khảo sát đánh giá cụ thể hơn về vùng triều, hồ chứa nước.

- Đẩy nhanh việc nghiên cứu áp dụng các công nghệ tiến bộ, nhất là công nghệ sinh học, các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến, cơ khí, hậu cần dịch vụ, nhằm bổ sung, sử dụng tốt nhất tài nguyên, nâng cao năng suất, chất lượng thủy sản, giảm dần mức hao phí nguyên liệu trong khâu bảo quản và chế biến. Chú ý các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm vật tư.

- Nâng cao chất lượng thu nhận, xử lý thông tin kinh tế và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành ; tham gia nghiên cứu kinh tế biển và kết hợp nông - lâm - ngư nghiệp.

- Áp dụng các biện pháp và chính sách đầu tư thích đáng nhằm phát huy có hiệu quả tiềm lực khoa học kỹ thuật, khả năng và sức sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có.

3 - **Về hợp tác quốc tế.** Chú trọng quan hệ trực tiếp với các công ty, các tổ chức quốc tế để tạo vốn, kỹ thuật và công nghệ mới, nhằm nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở sản xuất kinh doanh, hậu cần dịch vụ cho nghề cá. Sớm có chính sách

Digitized by Google

và biện pháp phát triển mạnh hợp tác với các nước trong khu vực, với EEC, nhanh chóng hòa nhập vào thị trường thế giới.

4 - **Về thị trường.** Bên cạnh việc chú trọng thị trường ở các thành phố lớn, khu công nghiệp, khu trung tâm du lịch, cần quan tâm thị trường nông thôn và miền núi. Mỗi thị trường có nhu cầu về chủng loại, chất lượng mặt hàng khác nhau, do đó sản xuất và kinh doanh phải bám sát thị hiếu và tập quán của người tiêu dùng.

Coi trọng thị trường nước ngoài. Giữ vững và phát triển thị trường truyền thống, chú trọng thị trường châu Á, mở rộng thị trường EEC, Ca-na-đa và Bắc Mỹ.

5 - **Hoàn thiện và đổi mới cơ chế chính sách.** Đây là biện pháp cực kỳ quan trọng và có nội dung rất lớn. Cần tập trung vào những vấn đề chính như :

- Tạo điều kiện cho sự phát triển của các thành phần kinh tế, tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần trong ngành thủy sản. Khuyến khích sản xuất và tự do lưu thông tạo ra nhiều việc làm thu hút lao động nghề cá. Các hình thức sở hữu quốc doanh, tập thể, tư nhân, kinh tế hộ gia đình... đan xen hỗn hợp, bình đẳng và đều nhằm vào thực hiện mục tiêu kinh tế xã hội nghề cá.

- Đổi mới công tác kế hoạch hóa theo quan điểm phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Trên cơ sở đó, các địa phương và cơ sở xây dựng quy hoạch phát triển dài hạn 1991 - 2000 và kế hoạch 5 năm 1991 - 1995. Nhà nước chỉ giao một chỉ tiêu nộp ngân sách hằng năm. Nhà nước quy định và làm rõ khu vực cấm hoặc hạn chế tối thiểu trong sản xuất kinh doanh, như mùa vụ, khu vực, đối tượng cấm khai thác, tiêu chuẩn chất lượng cần có của từng loại sản phẩm...

- Về thuế, xây dựng quy chế để thực hiện chính sách thuế của nhà nước trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nghề cá. Đối với những tàu khai thác xa bờ, để khuyến khích, đề nghị thu thuế thấp hơn, ở mức 3 - 5%. Cần miễn giảm thuế cho những hàng hóa mới, hoặc cho những mặt nước mới đưa vào sản xuất trong 3 năm đầu.

6 - **Đổi mới bộ máy và công tác cán bộ.** Tổ chức bộ máy quản lý từ bộ đến tỉnh, huyện có hiệu lực để làm nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước. Tổ chức sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sản xuất kinh doanh để vừa đi sâu vào chuyên môn hóa vừa thực hiện kinh doanh tổng hợp. Trên từng vùng lãnh thổ, tùy theo điều kiện nguồn lợi, kết cấu hạ tầng, ảnh hưởng của các mối quan hệ liên ngành mà hình thành các tổ chức sản xuất - kinh doanh thích hợp. Tiến hành việc làm thí điểm tổ chức lại sản xuất các xí nghiệp theo ba hình thức : khoán đấu thầu, cho thuê xí nghiệp, công ty cổ phần.

7 - **Về lao động, dân cư và chính sách xã hội.** Lao động nước ta tăng nhanh. Riêng ở vùng biển lại tăng nhanh hơn. Vì vậy, khi quyết định các phương án sản xuất kinh doanh và quy trình công nghệ, phải tính toán để thu hút thêm nhiều lao động, đảm bảo cho những người đến tuổi lao động có việc làm và đời sống ổn định. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo thuận lợi cho ngư dân di chuyển đến nơi sản xuất. Phối hợp với các ngành, các địa phương, lập đề án xây dựng các vùng sản xuất mới, các làng cá, thị tứ, thị trấn, phục vụ dân sinh để ngư dân yên tâm và ổn định sản xuất lâu dài.

Nghiên cứu hình thành trung tâm hợp tác lao động và chuyên gia với nước ngoài.

8 - **Về quy hoạch phát triển nghề cá.** Trong quy hoạch phát triển nghề cá, cần chú ý kết hợp với việc điều động dân cư đến những nơi còn thưa dân, vùng trọng yếu, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và an ninh quốc phòng, đặc biệt ở vùng triều và hải đảo. Xây dựng các cơ sở sản xuất gắn với phát triển các cơ sở văn hóa, xã hội, giao thông và liên lạc, để ngư dân có điều kiện tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất kinh doanh.

Định rõ phương hướng và xác định đúng mục tiêu kinh tế, tổ chức và huy động tốt nguồn vốn, nắm bắt kịp thời những tiến bộ mới về kỹ thuật để đưa vào sản xuất kinh doanh. Có hệ thống chính sách đòn bẩy kích thích phát triển được năng lực sản xuất, lại có đội ngũ cán bộ và tổ chức hợp lý, như vậy chắc chắn sẽ khắc phục được những khó khăn trước mắt, đưa ngành thủy sản tiếp tục tiến lên với nhịp độ nhanh và hiệu quả kinh tế cao hơn.

Digitized by Google

Nông nghiệp Việt nam trong thập kỷ tới

TRẦN THẾ THÔNG *

Có thể nói, năm 1989 là năm đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử phát triển nông nghiệp Việt nam. Từ một nước thiếu gạo triền miên và đứng hàng thứ 17 trên thế giới về nhập lương thực, chúng ta đã vươn lên là nước thứ ba về xuất khẩu gạo, sau Thái lan và Mỹ.

Kết quả tốt đẹp đó phần quan trọng là do đường lối đổi mới của Đảng ta, bắt đầu từ Đại hội VI, nổi bật là *việc giao đất cho nông dân* và quyết tâm *chuyển mạnh sang kinh tế thị trường*.

Để tiếp tục phát triển nông nghiệp trong thập kỷ tới, chúng ta cần đi sâu tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn của ta, đồng thời nghiên cứu một số vấn đề đã và đang đặt ra cho nông nghiệp thế giới, từ đó suy nghĩ cách xử lý các vấn đề cho hợp với yêu cầu trong giai đoạn mới.

I - Nông nghiệp, một tổng thể phát triển liên tục, bảo đảm cho sự phát triển của xã hội

Không những chúng ta mà nhiều nhà chính trị và khoa học trên thế giới quan tâm đến Việt nam thường tự hỏi : nông nghiệp ở Việt nam sẽ quan trọng cho đến năm nào ? Và đến năm nào thì Việt nam sẽ trở thành một nước công nghiệp ?

Cho đến nay có rất nhiều câu trả lời khác nhau. Theo sự suy nghĩ của chúng tôi, nông nghiệp ở Việt nam sẽ còn chiếm một vị trí quan trọng trong một thời gian dài nữa, vì nói nông nghiệp không phải chỉ nói đến bao nhiêu tấn lúa, tấn thịt, tấn cá v.v. mà phải nghĩ đến *nông nghiệp công nghiệp thực phẩm*, phải đầu tư để chế biến theo kiểu công nghiệp. Giá trị thặng dư của ngành lương thực thực phẩm được qua công nghiệp lúc đó theo từng đối tượng sẽ tăng lên 2 lần, 3 lần... thậm chí 5 lần hoặc nhiều hơn nữa.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật bản bị tàn phá nặng nề, nông nghiệp cũng tan hoang, mức lương thực tính theo đầu người chỉ được 100 - 120 g/ngày. Nông dân phải sống nhờ khoai lang và đậu. Tỷ lệ nông dân lúc đó còn chiếm tới 80% (ở Việt nam hiện nay là 70%). Nhưng ngày nay Nhật bản chỉ còn có 4 triệu nông dân, chiếm 10% tổng số lao động cả nước. Đài loan hiện nay cũng chỉ còn 12% số dân là lao động nông nghiệp thực tế. Nông nghiệp ở các nước phát triển đã trở thành *hệ thống nông nghiệp công nghiệp thực phẩm*. Ở các nước đó, nhờ giải quyết tốt việc chế biến và phân phối sản phẩm về lương thực thực phẩm đến tận tay người tiêu dùng, nên người tiêu dùng mất rất ít thời gian trong việc chuẩn bị bữa ăn, kể cả các bữa ăn nóng.

Các nước Đông Nam Á đang đi mạnh theo hướng *hệ thống*, thể hiện ở hai mức độ khác nhau :

+ *Trên bình diện quốc gia*, đó là hệ thống khai thác theo không gian và thời gian. Cái mới ở đây là nhằm đạt hiệu quả quản lý kinh doanh lớn nhất. Ví dụ Công ty Ajinomoto của Nhật bản từ chỗ ban đầu chỉ sản xuất các gia vị, đã biết tận dụng quá trình khép kín để sản xuất bột ngọt L. Lysine (một chất axít amin cần thiết, nhất là cho chăn nuôi công nghiệp). Hiện nay L. Lysine của Ajinomoto đã chiếm 60% tổng sản lượng L. Lysine dùng trong chăn nuôi của thế giới (cả thế giới chỉ mới có 4 nhà máy sản xuất L.Lysine).

+ *Trên bình diện trang trại*, mỗi nông trại sẽ kinh doanh khai thác tổng hợp tài nguyên *đất nước - thiên nhiên* trong phạm vi diện tích của mình. Ở các nước

* Giáo sư, Viện trưởng Viện khoa học nông nghiệp miền Nam

Digitized by Google

Đông Nam Á hằng năm đều có các cuộc họp để bàn việc xây dựng những dự án thực thi phát huy các *hệ thống nông nghiệp* trên quy mô nông trại. Ở Thái lan, In-đô-nê-xi-a... không nông trại nào chỉ trồng trọt hoặc chỉ chăn nuôi, mà đều có kết hợp nông - lâm - ngư. Đó không phải là vấn đề mới đối với Việt nam vì trong thực tế ta đã có V.A.C. Đây cũng là kinh nghiệm của cha ông chúng ta từ thời xa xưa. Bao giờ ta cũng có "ruộng trên - ao dưới" và không hộ nào là không có con lợn, con gà... Nhưng *cái mới sắp tới cần thực hiện cho được* là các hộ nông dân trở thành hộ *"công nhân nông nghiệp"* có nghĩa là sản xuất ra những mặt hàng mà công nghiệp lương thực thực phẩm cần đến, có chất lượng, chất lượng ổn định, sản phẩm đồng đều. Ví dụ, nói về dứa thì 90% số dứa phải có trọng lượng như nhau và phải cùng một giống dứa để có thể đưa vào chế biến công nghiệp... Nói về chăn nuôi thì gà con và thức ăn cho gà được các công ty chăn nuôi đưa tới gia đình nông dân, đúng 45 ngày phải thành gà thịt đạt từ 1,8 - 2 kg để chuyển đến nơi chế biến, rồi lại tiếp tục quá trình mới gà con và thức ăn cho gà được đưa đến người chăn nuôi...

Một số tỉnh đã làm thí điểm về việc giao thức ăn, giao lợn con giao gà con để gia công chăn nuôi. Vấn đề chính là phải có đủ số lượng và chất lượng thức ăn công nghiệp để gia công.

II - Nông nghiệp phát triển trên cơ sở sinh học hiện đại và vận dụng các thành tựu công nghệ cao

Nhật bản đang dẫn đầu trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Chính trên lĩnh vực này đang diễn ra cuộc cách mạng sinh học trong nông nghiệp.

Trước đây cứ 2 - 3 năm phải nhân lại giống lúa để giữ giống. Công việc này khá tốn kém và nhiều khi còn làm mất giống, vì bị phân ly hoặc thoái hóa giống. Hiện nay, Viện lúa quốc tế (IRRI) ở Phi-líp-pin đã xây được kho lạnh giữ ở 3 mức : *ngắn hạn* - 3 đến 5 năm ; *trung hạn* - 15 đến 20 năm (đối với lúa) ; *dài hạn* - 50 đến 60 năm. Thái lan cũng đã làm theo hướng này, nhưng chỉ giữ ở mức trung hạn. Trên lý thuyết, tuy chưa có đủ bề dày thời gian để kiểm nghiệm, người ta vẫn dự đoán rằng, nhờ công nghệ sinh học, sẽ có thể giữ giống được lâu dài vô hạn.

Khoa học cấy ghép hợp tử đã giúp cho các giống bò tốt được nhân lên nhanh hơn 10 lần. Ở nước ta, Viện khoa học Việt nam cũng áp dụng và đã thu được kết quả bước đầu. Tuy nhiên giá thành còn quá đắt.

Kết hợp giữa sinh học và các thành tựu khoa học khác, nhiều nước đã xây dựng được nhiều nhà máy "thực sự để sản xuất lúa đúng tiêu chuẩn, từ khâu sản xuất lúa giống cho đến gạo bán ra thị trường", nhiều nhà máy "thực sự để sản xuất trứng gà, thịt gà, thịt lợn, sữa một cách có kế hoạch và ổn định".

Trong tất cả các đối tượng nông nghiệp, *khâu giống* là vô cùng quan trọng. Nước ta gần đây đã có Công ty giống cây trồng ở trung ương và các tỉnh. Nhưng thực ra, việc đầu tư để *có đủ hạt giống tốt* sạch bệnh, có năng suất cao, chống chịu được một số sâu bệnh... đang còn là khâu khá lớn cần được nhà nước lưu ý nhiều hơn nữa. Hiện nay ở nước ta, nhiều lúc, nhiều nơi vẫn còn phải dùng "thóc thịt" để làm giống.

Sản xuất lúa từng được coi là nặng nhọc nhất, phức tạp nhất, nhưng nay ở các nước phát triển đã được cơ giới hóa và điện khí hóa để điều khiển từ xa. Ở các nước đó, để sản xuất *một tạ gạo* có chất lượng cao chỉ mất khoảng 30 phút lao động, trong khi ở ta phải mất khoảng 6 công lao động. Do vậy, khâu cơ giới hóa trong nông nghiệp cũng cần được chú trọng đúng mức.

Ở Nhật bản, việc trồng lúa theo phương thức thâm canh trên cơ sở hộ nông dân, với quy mô bình quân khoảng 1 ha/hộ. Một số khâu như bón phân, phun thuốc đã có hợp tác xã dịch vụ đảm nhận.

Lâu nay nhờ áp dụng thành tựu sinh học vào nghề trồng lúa, chúng ta cũng đã tạo được nhiều giống mới, thực hiện được kỹ thuật chăm sóc theo quy trình tổng hợp, hệ thống phòng trừ tổng hợp.

III. Tác động của hệ thống và của các yếu tố ngoài nông nghiệp rất to lớn và có tính quyết định

Về mặt hệ thống thì như trên đã trình bày, nhiều nước đã *nhất thể hóa khối nông nghiệp - công nghiệp chế biến và kinh doanh thương mại* từ A đến Z, có nghĩa là từ sản xuất đến thẳng người tiêu dùng.

Digitized by Google

Khuynh hướng rõ rệt nhất là *hệ thống ngành dọc*. Ví dụ ở Thái lan, Hiệp hội khoai mì (củ sắn) bao gồm cả người sản xuất đến người chế biến, xuất khẩu và sử dụng trong nước. Do đó, hằng năm Thái lan đã xuất trên một triệu tấn sắn và bột sắn hoặc tapiôca của sắn. Đối chiếu với tình hình của ta, tôi thấy khuynh hướng này có tác động rất lớn đến sản xuất nông nghiệp. Trước hết, nó bảo đảm phân phối lợi nhuận hợp lý giữa phần nông nghiệp và phần chế biến - dịch vụ để không còn tình trạng bất công. Ví dụ ở ta, người chế biến của các nhà máy chè thì được lợi quá nhiều, còn người trồng chè để cung cấp cho các nhà máy thì không đủ ăn.

Giữa các hệ thống ngành dọc, dĩ nhiên sẽ có sự cạnh tranh. Cho nên *ở đây, rất cần có sự giám sát chặt chẽ của nhà nước*. Và cũng chính ở đây, *vai trò về quản lý kinh tế của nhà nước là vô cùng quan trọng*. Nếu chúng ta có chiến lược và chiến thuật đúng, thể hiện được sự thông minh và linh hoạt, thì *những cạnh tranh này sẽ là những cạnh tranh lành mạnh*. Và cũng nhờ những cạnh tranh lành mạnh mà nền kinh tế của chúng ta sẽ phát triển tốt.

Về các yếu tố khác thì nông nghiệp, qua kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới, là một ngành chậm phát triển so với các ngành kinh tế khác như công nghiệp, dịch vụ... Sở dĩ như vậy có thể do những nguyên nhân như sau :

Trước hết, nông nghiệp bị phụ thuộc vào thiên nhiên : đất đai, nguồn nước, mưa, nắng, gió, bão, lũ, lụt, sâu bệnh... Phần lớn những yếu tố này, ngay cả những nước rất giàu cũng chưa khống chế được, chỉ mới hạn chế được phần nào. Ở Nhật bản, năm 1987 chỉ một đợt lạnh trong tháng 8 ở miền Bắc đã làm năng suất lúa giảm 25%. Dĩ nhiên, để sản xuất một số rau và quả đất tiền dùng cho xuất khẩu, người ta có thể dùng nhà kính, nhà lưới, thậm chí nhà trồng cây có điều khiển tự động bảo đảm được độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng cần thiết... Tuy nhiên, không thể áp dụng biện pháp này một cách đại trà vì quá tốn kém.

Ở các nước kém phát triển, do còn nghèo và do trình độ khoa học kỹ thuật còn chưa cao, ảnh hưởng của thiên nhiên càng lớn, càng khó chế ngự. Ở Việt nam, hằng năm bình quân chúng ta chịu tới 10 cơn bão với những thiệt hại rất lớn.

Một nguyên nhân khác làm cho nông nghiệp phát triển chậm hơn so với các ngành khác là do *nông nghiệp trải rộng trong không gian*. Ở bất cứ nước nào dù lớn, dù nhỏ, diện tích nông nghiệp cũng lớn nhất so với các ngành khác (ngoài một vài trường hợp đặc biệt như Xin-ga-po và Hồng công). Diện tích nông nghiệp càng lớn thì điều kiện thâm canh và công nghiệp hóa nông nghiệp càng khó. Đây cũng là điều mà các nhà chiến lược của Việt nam cần lưu ý để làm sao có được một nước *nông - công nghiệp* hoặc *công - nông nghiệp hợp lý và cân đối trong nền kinh tế - xã hội nói chung*. Những sự tìm tòi của các nhà chiến lược nông nghiệp thế giới thể hiện ở những thành tựu đã có sẽ giúp chúng ta những kinh nghiệm cần thiết, nhưng khi áp dụng vào Việt nam, cần phải có tinh thần sáng tạo để phù hợp với điều kiện Việt nam.

Việt nam còn nghèo, nhưng chúng ta cần giữ môi trường sống, đừng để nó bị ô nhiễm. Vì vậy, trong nông nghiệp, một trong nhiều vấn đề chúng ta đã và đang hợp tác và phát triển mạnh với các cơ quan khoa học trong nước và ngoài nước là vấn đề *"phòng trừ tổng hợp"*, làm sao giảm được việc dùng thuốc trừ sâu bệnh mà vẫn đạt hiệu quả kinh tế cao. Làm được việc này, sẽ giữ lại được ở ruộng nước nhiều cá, tôm, cua... cho người và cho gia súc. Nhờ có thức ăn ở ruộng nước, con vịt sẽ phát triển nhiều hơn, và sẽ cùng cây lúa nước, tạo nên một hệ thống nông nghiệp rất kinh tế.

Do những nguyên nhân và khó khăn nói trên, để phát triển mạnh mẽ nông nghiệp, ngoài những việc làm đã nêu, cần giải quyết tốt mấy vấn đề khác cũng rất quan trọng :

1 - Cần có sự hỗ trợ cho nông nghiệp :

Tỷ lệ nông dân ở Đông Nam Á còn cao, từ 60% đến 85% số dân. Ở Việt nam, con số đó lên tới 70%. Đời sống, trình độ văn hóa ở nông thôn thường thấp hơn ở thành thị. Cơ sở vật chất kỹ thuật cũng còn yếu.

Nông nghiệp chỉ tự mình đứng vững trong xã hội

Digitized by Google

tự cấp, tự túc ở trình độ sơ khởi. Muốn đi lên với trình độ của thời đại thì phải có sự hỗ trợ của nhà nước về nhiều mặt. Ngoài ra, cũng cần có sự hỗ trợ của các công ty sử dụng sản phẩm nông nghiệp, nhất là những công ty có sản phẩm xuất khẩu.

Lấy một vài ví dụ ở một số nước để tham khảo :

Theo thống kê của Liên hợp quốc, năm 1986 quỹ trợ giá và trợ cấp cho nông dân ở một số nước như sau :

Mỹ :	66,2	tỉ USD
Nhật bản :	42,3	-
C.E.E :	67,3	-
Ca-na-đa :	5,7	-
Úc :	1,3	-

Ở một số nước, có lúc 50% giá trị của sữa bò là do nhà nước đóng góp dưới hình thức *trợ giá*. Ở Mỹ, năm 1986 tiền trợ cấp cho 1 con bò sữa đã lên đến 1400 USD.

Thông thường ở các nước đang phát triển, nhà nước trợ cấp hoặc trợ giá dưới hình thức :

+ Xây dựng các công trình phục vụ sản xuất (thủy lợi, điện, đường sá...) ;

+ Bảo đảm tiêu thụ sản phẩm với giá cả ổn định, luôn luôn có lời cho người sản xuất.

Đây là sự "bao cấp" cần thiết dựa trên *nền tảng phân phối lại*, lấy từ các ngành có lãi. (Tuy nhiên, người nông dân dùng nước tưới vẫn phải trả *lệ phí thủy lợi*, vì đây là biện pháp để họ *tiết kiệm nước*).

Một hình thức khác để hỗ trợ nông dân là bán vật tư với giá rẻ. Đây là một hình thức mà rất nhiều nước đã làm. Ở Phi-líp-pin đã có lúc áp dụng rộng rãi cách này để khuyến khích nông dân dùng phân bón nhằm tăng năng suất cây trồng, với mức trợ giá có lúc lên đến 50%. Ở Thái lan, chính phủ đã cấp không *vôi* để cải tạo ao hồ, cải tạo đất, và đã cấp không *lưới chống côn trùng* cho ngành trồng rau ở một số vùng cần phát triển rau.

Một hình thức khác để giúp nông dân là đào tạo, nâng cao trình độ mọi mặt cho họ và con cái họ. Họ được cấp học bổng dễ dàng hơn. Người dân về nông thôn sinh sống được trợ cấp khó khăn... Ở Phi-líp-pin, các viên chức khi về công tác ở các vùng hẻo lánh được tăng lương từ 50% đến 100%. Do đó, đã động viên được các kỹ sư mới ra trường tự nguyện đi xa. Ở Đài loan, những năm 50, có lúc, có nơi 50% ngân sách nhà nước dành cho phát triển nông nghiệp. Nhờ đó, ngày nay họ mới có hàng trăm tỷ USD để ở ngân hàng thế giới.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần, các công ty tư nhân có vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ nông dân, nhưng tất nhiên chỉ đối với những cây nào, hoặc con nào mà các công ty đó cần phát triển. Công ty xuất khẩu Rồng vàng (Thái lan) đã làm hưng thịnh ngành trồng lúa xuất khẩu, nhất là ở vùng Lop - Buri.

Ngoài ra, ở một số nước, các hội chuyên đề của nông dân cũng đã giúp nhau rất có hiệu quả, nhất là trong việc sản xuất kinh doanh. Các hợp tác xã chuyên đề tự nguyện đã phát triển rất mạnh, đã bán được sản phẩm nông nghiệp với giá cao hơn, nhưng lại mua được vật tư với giá rẻ hơn, có lúc rẻ được 10%.

Tóm lại, kinh nghiệm của các nước cho thấy, trong việc hỗ trợ nông dân, phải có sự kết hợp giữa nhà nước và tư nhân dưới nhiều hình thức, nhưng nhà nước vẫn là chính.

2 - Hướng nông nghiệp sang kinh tế thị trường.

Nói đến kinh tế thị trường là phải nói đến phẩm chất sản phẩm, thị hiếu, nhu cầu của người tiêu dùng và giao lưu (quốc tế, trong nước, và ngay tại địa phương).

Chúng ta hãy xét từng mặt đó :

Về phẩm chất sản phẩm. Đã khá lâu chúng ta không chú ý đến phẩm chất sản phẩm, nay đã đến lúc phải chú ý hơn. Một ví dụ : năm 1964 - 1965 giống lúa IR 8 được phổ biến ở trên 60 nước. Chỉ ba năm sau, giống này đã được thay thế và gần đây không đâu còn trồng giống này, trừ miền Bắc nước ta cho đến năm 1988 hãy còn dùng. Lý do : ta không quan tâm đến phẩm chất gạo mà chỉ quan tâm đến năng suất cao của lúa.

Nay ở miền Nam đã được thay bằng giống IR 64 và một số giống khác, mới xuất được gạo giá cao. Trên thị trường thế giới, giá gạo thường so với gạo đặc sản có lúc chênh lệch tới 100 đôla/tấn. Tuy

Digitized by Google

nhiên, cùng với việc thay giống mới, phải thay đổi cả quy trình sản xuất, tập quán canh tác, cải tiến cơ sở vật chất... Không thể muốn gặt lúc nào cũng được, không thể bạ đâu phơi đấy..., thậm chí phải có lò sấy thóc, nhất là trong mùa mưa.

Về thị hiếu, nhu cầu của người tiêu dùng. Muốn duy trì nền kinh tế hàng hóa, phải thích ứng nhanh với sự thay đổi nhu cầu, thị hiếu. Bra-xin từng nổi tiếng về cà phê. Nhưng 10 - 15 năm trước đây, một phần do cà phê bị sâu đục thân và bệnh rỉ sắt, phần khác do thấy được thị hiếu của khách hàng đối với đậu nành, họ đã phá một số cà phê để trồng đậu nành. Từ những kết quả ban đầu, chỉ trong vòng 3 năm, họ đã chuyển cả triệu héc ta cà phê sang trồng đậu nành và nay đã thành nước cạnh tranh với Mỹ và Trung quốc về mặt hàng mới này (mặc dù cạnh tranh với Mỹ rất khó vì Mỹ là nước sản xuất tới 70% đậu nành của thế giới).

Nông dân ta có đủ nhạy cảm để chuyển đổi sản xuất theo thị trường. Một bằng chứng mới nhất là ta đang có cả hàng mấy chục ngàn tấn hột điều. Trách nhiệm của các cấp chính quyền, của các công ty quốc doanh hay tư doanh là hướng dẫn họ để họ biết chế biến tốt hơn và giúp họ tìm được thị trường tiêu thụ.

Về giao lưu hay là gắn với thị trường, nhất là thị trường quốc tế, điều quan trọng là phải có biện pháp thực hiện tốt, nhất là từ phía chính quyền. Một ví dụ, để đón được nhiều khách hàng hơn, cần làm sao cho khách ra vào sân bay được thoải mái, nhanh chóng. Thế mà lâu nay có tình trạng trong khi bay từ Thái lan, Phi-líp-pin đến TP Hồ Chí Minh chỉ mất hơn 1 giờ, mà riêng việc làm thủ tục hải quan để ra khỏi sân bay Tân sơn nhất lại mất tới 1 - 2 giờ.

Muốn có thể phát huy kinh tế thị trường lại cần có tổ chức tiếp thị và thông tin nhanh nhạy. Trong các lĩnh vực này, nếu được học tập, bồi dưỡng, con người Việt nam không hề thua kém ai. Nhiều khách hàng ở các nước đã công nhận điều đó.

3 - Có đầy đủ trách nhiệm đối với nông dân.

Đây là vấn đề lớn đối với chúng ta. Ở các nước theo kinh tế thị trường, điều này đã thường xuyên được chú ý. Ngoài việc hỗ trợ nông nghiệp, trợ cấp, trợ giá cho nông dân, dành quỹ cho phát triển nông nghiệp, nhà nước còn có trách nhiệm buộc các cơ quan, các công ty quốc doanh, hợp doanh và tư doanh phải có trách nhiệm đối với đời sống của nông dân. Do đó chương trình "*khuyến nông*" ở nước ta phải là một trong những chương trình rất quan trọng.

Ở Phi-líp-pin, khi giá mía hạ, các công ty định ép giá, gây thiệt hại cho nông dân các vùng trồng mía. Hiệp hội nông dân đã đòi chính phủ phải can thiệp, và chính phủ đã phải ra tay để người trồng mía không bị thiệt thòi.

Trách nhiệm của nhà nước đối với nông dân cần được thể hiện ngay trong các chính sách, trong luật pháp. Ta đang xây dựng hệ thống luật. Điều này cần được xúc tiến nhanh, vì trong kinh tế thị trường, phải có đủ luật mới hoạt động được.

Digitized by Google

Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội

ĐÀO THẾ TUẤN *

HIỆN nay, trong các mục tiêu của phát triển và tiến bộ xã hội, giải quyết mối quan hệ giữa sự tăng trưởng nhanh về kinh tế với công bằng xã hội, giảm khoảng cách giữa người giàu, người nghèo vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau.

Trước đây, do chúng ta có phần quá chú ý mặt công bằng, thậm chí có xu hướng cào bằng, nên ảnh hưởng không nhỏ đến sự tăng trưởng kinh tế, triệt tiêu động lực phát triển xã hội. Giờ đây, có người lại nghĩ, muốn tăng trưởng nhanh kinh tế, phải tạm gác mục tiêu công bằng xã hội, sau này đất nước đã giàu, phân phối lại thu nhập (qua thuế), như vậy sẽ đạt được cả hai mục tiêu.

Sự thực, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội đâu đơn giản như vậy. Đây là đề tài các nhà nghiên cứu về phát triển đã tranh luận hàng thế kỷ, ý kiến vẫn chưa thống nhất. Chúng tôi nghĩ, đối với nước ta, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, muốn xác định chiến lược phát triển đúng đắn, nên hiểu thực chất mối quan hệ này, và tìm ra phương án giải quyết thỏa đáng, bảo đảm vừa tăng trưởng kinh tế vừa công bằng xã hội.

I - Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội

Công bằng xã hội không phải là vấn đề luôn được bàn đến trong các lý thuyết phát triển xã hội. Chỉ khoảng những năm 70 của thế kỷ này, người ta mới đi sâu tìm hiểu và cắt nghĩa nó, vì thực tế cho thấy ở nhiều nước đang phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao song thu nhập chung (nhất là khối người nghèo của xã hội) lại ít được cải thiện. Cùng với tốc độ tăng dân số mạnh mẽ, nạn thất nghiệp ngày càng nhiều, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo ngày càng lớn.

Vậy là quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội trở thành vấn đề gay cấn, gây ra nhiều tranh luận.

Quan niệm tương đối phổ biến cho rằng, giữa mục tiêu tăng trưởng và mục tiêu công bằng bao giờ cũng mâu thuẫn nhau. Vì vậy, trong phát triển cần có sự dung hòa, thỏa hiệp. Có người còn nhấn mạnh, giai đoạn đầu của công cuộc phát triển, sự bất công bao giờ cũng tăng lên. Sau đấy, lúc đã phát triển cao rồi, bất công sẽ giảm dần.

Tuy vậy, thực tế cho thấy có nước, công bằng được giải quyết ngay trong giai đoạn đầu của sự phát triển, trong khi đó ở nhiều nước khác, giữa thời kỳ phát triển cao mà công bằng vẫn không thực hiện được. Vì sao vậy ? Lý lẽ xoay quanh hai khuynh hướng :

- Dựa vào tính chất nhị nguyên của sự phát triển. Theo Lê-vít** (1954), trong thời kỳ đầu của sự phát triển, tất cả các nước đều có hai khu vực : khu vực *tiên tiến* (công nghiệp, thành thị) và khu vực *truyền thống* (nông nghiệp và nông thôn). Xu hướng phát triển là rút lao động và vốn từ khu vực truyền thống chuyển sang khu vực tiên tiến. Trong quá trình đó, thế nào cũng có một bộ phận bị thiệt thòi. Lý luận này bị thực tế đánh đổ vì có nước theo mô hình một khu vực như Đài loan, Nam Triều tiên mà phát triển lại nhanh hơn.

- Coi tiết kiệm như nhân tố quyết định của sự phát triển. Phái "cổ điển mới"*** cho rằng, óc kinh doanh mới là động lực quan trọng cho sự phát triển.

---

* Giáo sư, Viện trưởng Viện KHKT nông nghiệp Việt nam

** Giáo sư đại học ở Anh và Mỹ, chuyên về kinh tế phát triển, giải thưởng Nobel 1979, đề xuất thuyết phát triển nhị nguyên

*** Trường phái kinh tế học chủ trương dùng phương pháp phân tích kinh tế dựa vào giá cả để đánh giá kết quả của hoạt động kinh tế

Digitized by Google

Người có óc kinh doanh nhất định sẽ có thu nhập cao hơn. Phân phối công bằng sẽ triệt tiêu động lực phát triển. Như vậy, vấn đề quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội rất phức tạp. Thực tế phát triển của nhiều nước trong vài chục năm gần đây cho phép rút ra một số bài học về quan hệ giữa hai mục tiêu này như sau :

1 - *Nhìn nhận đúng hơn vai trò của nông nghiệp trong sự phát triển.*

Qua điều tra của nhiều cơ quan quốc tế, số người nghèo trong các nước đang phát triển chủ yếu tập trung ở nông thôn. Nếu một nước trong quá trình phát triển, chú ý phát triển nông nghiệp thì sẽ giảm bớt số người nghèo. Theo tổng kết 69 nước đang phát triển từ 1970 - 1979, Ngân hàng thế giới cho thấy, nông nghiệp đóng góp 17% và xuất khẩu đóng góp 14% số sản phẩm được tăng thêm trong nước. Cuộc cách mạng xanh đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế chung ở một số nước vì đã giải quyết việc làm, tăng thu nhập, tăng sức mua cho nông dân, tạo đà phát triển công nghiệp và dịch vụ. Trớ trêu thay, có những nước, tốc độ trong nông nghiệp tăng mạnh, nông dân vẫn nghèo. Lý do chính là vì chính sách phát triển nông nghiệp không đi đôi với chính sách phát triển nông thôn như : giải quyết vấn đề sở hữu ruộng đất ; tạo việc làm mới trong nông thôn ; cho nông dân vay vốn ; định giá nông sản thỏa đáng ; thu thuế vừa phải để nông dân còn khả năng tích lũy, mở mang và tái sản xuất.

2 - *Tạo và tăng việc làm là biện pháp đầu tiên để bảo đảm công bằng.*

Nhiều người nghĩ rằng, công bằng thể hiện chủ yếu ở cách phân phối kết quả lao động. Nhưng thực chất không phải như vậy. Theo lô gích phát triển, muốn có phân phối hợp lý, trước tiên phải có việc làm. Do dân số tăng nhanh nên tất cả các nước đang phát triển đều thừa lao động. Nếu đem vốn đầu tư vào việc khai thác tài nguyên, vào công nghiệp nặng, vào những ngành kỹ thuật cao (mua của nước ngoài) để tạo ra một chỗ làm việc, chi phí sẽ quá đắt. Vốn đã ít ỏi, tất chỉ tạo ra một số việc làm ít ỏi. Ở một số nước từ tham vọng không đúng của các nhà lãnh đạo, đi nước cờ sai trong sử dụng vốn đầu tư đã phải trả giá, gây ra thảm họa thừa lao động và đói khổ triền miên. Trái lại, một số nước khác thận trọng hơn, biết sử dụng vốn ban đầu nhỏ nhoi vào khu vực lao động đông, rẻ, sản xuất ra hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng, đã giàu lên nhanh chóng. Điển hình là các nước Đông Á. Người ta thấy bài học "vỡ lòng" ở đây không phải là bài học mở cửa mà lại là "bài học tạo việc làm". Trong khi đó nước có nhiều tiềm năng tự nhiên (mỏ dầu, khoáng sản, rừng, cây công nghiệp...) lại phát triển không nhanh. Đúng như có nhà kinh tế đã đi đến kết luận : thiếu nguồn lợi tự nhiên là một thuận lợi cho sự phát triển !

3 - *Vốn con người quan trọng hơn vốn vật chất.*

Các lý thuyết phát triển của những năm 50, 60 chỉ chú ý đến vốn vật chất. Dần dần người ta vỡ lẽ, nếu không có người sử dụng được vốn vật chất thì hiệu quả sẽ rất thấp. Vốn con người ở đây là con người có kiến thức, có tay nghề, có đạo đức, sức khỏe. Nếu xã hội tạo cho mỗi con người cơ hội để trở thành người lao động giỏi thì đây chính là đã giải quyết một bước quan trọng công bằng xã hội. Tăng cường công tác giáo dục, hạn chế sinh đẻ, tạo việc làm đều là những biện pháp hữu hiệu để đầu tư vào vốn con người.

Các nước đang phát triển đứng trước tình trạng nan giải : đã nghèo lại phải tập trung vốn vào sản xuất, không đủ tiền để chi phí đầu tư vào con người. Do thiếu "vốn" con người nên vốn vật chất bị sử dụng lãng phí, hao hụt, kinh tế càng khó khăn hơn. Để giải thoát khỏi khủng hoảng, dùng "đơn thuốc" của phái "cổ điển mới", nghĩa là "đông lạnh" tiền lương, hạn chế "bội chi ngân sách", giảm vai trò tác động của nhà nước, vốn con người càng bị lãng quên, coi nhẹ. Trong vòng luẩn quẩn đó, nhiều nước không gượng dậy được. Theo tổng kết của Ngân hàng thế giới năm 1991, cứ trung bình thêm một năm học cho người lao động, làm tăng sản phẩm trong nước 9%. Trên thế giới có hai khu vực Đông Á và Bắc Âu, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất cũng là hai khu vực biết đầu tư vào chiến lược con người một cách thông minh.

4 - *Phân phối lại thu nhập.*

Nhiều nhà kinh tế cho rằng, phân phối lại thu nhập, đánh thuế thu nhập cao và lũy tiến là biện pháp cơ bản thực hiện công bằng. Thực tế cho thấy, biện pháp này chỉ có hiệu quả đối với các nước đã giàu có, còn đối với các nước đang phát triển, nhiều lúc, có tác dụng ngược lại. Kinh nghiệm

Digitized by Google

Trung quốc cho thấy, trong 10 năm đầu cải cách kinh tế, nông dân chịu thuế rất thấp đã đẩy tốc độ tăng trưởng nông nghiệp cao nhất thế giới (6% một năm). Đây là bài học đáng chú ý trong việc sử dụng đòn bẩy kinh tế.

Như vậy, biết sử dụng tốt các biện pháp giải quyết công bằng thì không những không tạo ra mâu thuẫn trong quan hệ với tăng trưởng kinh tế, mà ngược lại, còn có tác dụng thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng đó.

II - Chiến lược thực hiện công bằng

Để thực hiện tăng trưởng và công bằng, hiện nay có *ba chiến lược* khác nhau :

1 - *Thực hiện tăng trưởng trước, công bằng sau.*

Đây là chiến lược của các nước theo kinh tế thị trường. Chiến lược này đã được thực hiện ở một số nước đang phát triển trong các năm 50 và 60 nhưng đều không mang lại kết quả, vì sau một thời gian phát triển, dẫn đến việc tăng thất nghiệp, đầu tư kém hiệu quả, cuối cùng các nước này đều phải điều chỉnh lại đường lối, chú ý đến việc thực hiện công bằng sớm hơn.

2 - *Thực hiện công bằng trước, tăng trưởng sau.*

Chiến lược này được thực hiện ở các nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa. Các nước này đã thực hiện việc phân phối lại tư liệu sản xuất ngay từ đầu, một phần đặt dưới hình thức sở hữu công cộng, một phần chia cho nhân dân hay nhập lại thành sở hữu tập thể. Trong quá trình thực hiện chiến lược này, nhiều nơi không thành công là do nhà nước đã chiếm hữu thặng dư quá mức hay không tạo ra được những tiền đề nhằm khuyến khích lao động mà chỉ lo phân phối thu nhập sao cho đồng đều. Trong thực tế có những nước không theo xu hướng xã hội chủ nghĩa đã áp dụng chiến lược này trong nông nghiệp (như Đài loan và Nam Triều tiên) vẫn thúc đẩy sự phát triển nhanh. Trung quốc sau khi sửa chữa sai lầm trong phân phối, cũng đạt được kết quả tốt.

3 - *Thực hiện công bằng cùng với tăng trưởng.*

Vào khoảng những năm 70, một số nhà kinh tế rút kinh nghiệm sai lầm trước đây đã đề ra một số chiến lược *trung gian* gọi là chiến lược "phân phối lại cùng với tăng trưởng" do Ngân hàng thế giới đỡ đầu hay chiến lược "nhu cầu cơ bản" do Tổ chức lao động quốc tế đỡ đầu. Các chiến lược này theo hướng tạo việc làm, chú ý đến con người, đầu tư, phân phối lại thu nhập có lợi cho người nghèo. Chiến lược "phân phối lại cùng với tăng trưởng" chú ý hơn đến việc tăng khả năng sản xuất và sức mua của số đông người nghèo, còn chiến lược "nhu cầu cơ bản" chú ý đến phát triển các dịch vụ quan trọng nhằm phục vụ người nghèo. Tư tưởng chung của các chiến lược này rất hay, tuy vậy đến nay vẫn chưa có một nước nào thực hiện thành công. Có nhà kinh tế nêu trường hợp của Xri Lan-ca, nhưng gần đây bản thân họ cũng đã bỏ chiến lược này để chuyển sang kinh tế thị trường.

Có lẽ vì các nước đang phát triển trong hai thập kỷ qua đang tập trung sức sửa chữa các sai lầm dẫn đến lạm phát, nợ nước ngoài, sử dụng vốn kém hiệu quả, thất nghiệp... nên không có điều kiện thực hiện các chiến lược nói trên.

Nói chung, về mặt lý luận, không có mâu thuẫn giữa hai mục tiêu tăng trưởng và công bằng, nhưng trong việc thực hiện cụ thể các biện pháp phát triển kinh tế, có biện pháp tăng thêm công bằng, có biện pháp làm giảm công bằng. Nhiệm vụ của chúng ta là phải cân nhắc, lựa chọn các biện pháp sao cho vẫn tăng trưởng mà không làm giảm công bằng.

Chiến lược bảo đảm tăng trưởng nhanh đi đôi với thực hiện công bằng xã hội có thể tóm tắt như sau :

- Thực hiện mạnh các biện pháp vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa tăng công bằng như tạo việc làm, phát triển nông thôn và đầu tư vào con người.
- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng khác như phát triển kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, khai thác nguồn lợi tự nhiên một cách thận trọng đi đôi với những biện pháp phân phối lại thu nhập trong xã hội, có cân nhắc, có bước thử nghiệm.

*

Hiện nay ở nước ta mục tiêu công bằng xã hội cần được đặt ra song song với mục tiêu tăng trưởng vì hai lý do :

1) Công bằng xã hội là một nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh. Như đã phân tích ở trên, không phải lúc nào, giữa tăng trưởng và công bằng cũng có mẫu thuẫn, nhiều biện pháp nhằm đảm bảo công bằng lại thúc đẩy sự tăng trưởng kinh

Digitized by Google

tế. 2) Mục tiêu chủ yếu của chủ nghĩa xã hội là tạo được sự công bằng xã hội. Sở hữu công cộng không phải là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà chỉ là một biện pháp để đảm bảo công bằng xã hội.

Tuy vậy, nếu chúng ta phát triển như hiện nay thì *một mặt* chúng ta không sử dụng được các biện pháp tạo ra công bằng xã hội để thúc đẩy được phát triển, *mặt khác* sẽ tạo ra sự không công bằng dẫn đến tăng thêm các khó khăn cho sự phát triển.

Để đảm bảo được việc phối hợp hai mục tiêu tăng trưởng và công bằng, tôi thấy có một số vấn đề cần được làm rõ :

Vấn đề quan trọng nhất là vấn đề **hướng đầu tư**. Hiện nay trong đầu tư có ba hướng lớn :

- Đầu tư để khai thác nguồn lợi tự nhiên : dầu mỏ, khoáng sản, rừng, cây công nghiệp lâu năm...
- Đầu tư nhập thiết bị tiên tiến phát triển công nghiệp chế biến để xuất khẩu.
- Đầu tư để tạo việc làm và phát triển nông thôn.

Ba hướng đầu tư này hiện nay đang cạnh tranh nhau, cần phải tính xem nên tập trung đầu tư trước vào đâu. Thực ra thì cả ba hướng đầu tư trên đều cần thiết cho sự phát triển, nhưng mỗi hướng đầu tư có *hệ số vốn trên sản phẩm* khác nhau. Đầu tư để khai thác nguồn lợi tự nhiên và nhập thiết bị tiên tiến có hệ số vốn trên sản phẩm cao hơn đầu tư để tạo việc làm và phát triển nông thôn. Do đấy hướng đầu tư thứ ba tạo được tốc độ tăng trưởng cao hơn.

Có thể hai hướng đầu tư 1 và 2 trước mắt dễ giúp cho việc tích lũy vốn nhanh và thu hút nhiều ngoại tệ, cần cho sự phát triển. Nhưng cần phải tính toán thế nào để khỏi ảnh hưởng đến hướng đầu tư 3, vì nếu không giải quyết được việc làm và đẩy mạnh công cuộc phát triển nông thôn thì sẽ không tạo được tốc độ phát triển nhanh.

Vấn đề thứ hai là phải **điều chỉnh lại nền kinh tế** thế nào để đảm bảo được tăng trưởng nhanh. Hiện nay trong công cuộc đổi mới, chúng ta đang áp dụng một số biện pháp kinh tế vĩ mô nhằm phát triển kinh tế thị trường, tạo ra động lực và cơ chế bảo đảm một tốc độ tăng trưởng hợp lý. Theo kinh nghiệm của nhiều nước, việc điều chỉnh này dễ dẫn đến hy sinh mục tiêu công bằng, vì phải cắt giảm mạnh một số khoản chi tiêu thực hiện chiến lược con người và trợ cấp xã hội. Đây là tình trạng nan giải mà nhiều nước đang gặp phải.

Thực tế cho thấy, nếu không tạo được việc làm, không phát triển các vùng nông thôn, không đầu tư vào con người thì không thể tạo được một sự phát triển bền vững về sau. Vì vậy, trong việc xây dựng chiến lược kinh tế, cần cân nhắc lợi và hại một cách thận trọng trong công tác đầu tư.

Khoa học nghiên cứu về phát triển cần được đẩy mạnh hơn nữa nhằm phục vụ cho việc hoạch định chiến lược và bảo đảm cân bằng trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Đây là công việc vừa mang tính cơ bản lâu dài, vừa mang tính cấp thiết, đòi hỏi có sự quan tâm giải quyết thỏa đáng.

Thêm 3 cán bộ Tạp chí Cộng sản *được tặng*

Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam"

Vừa qua, **Tạp chí Cộng sản** có thêm 3 nhà báo được tặng thưởng Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam" : MAI THỊ ĐẠM, NGUYỄN TIẾN HẢI, NGUYỄN PHÚ TRỌNG.

Như vậy, đến nay **Tạp chí Cộng sản** đã có 25 đồng chí được nhận Huy chương cao quý này.

Digitized by Google

KHẢ NĂNG HỘI NHẬP CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM VỚI NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

TÔ XUÂN DÂN *

Xu thế khách quan của việc quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới tất yếu đòi hỏi sự tham gia mạnh mẽ của nền kinh tế Việt nam vào phân công lao động quốc tế và trao đổi mậu dịch quốc tế. Để khai thác triệt để các nguồn lực trong nước, để tạo được vị trí thuận lợi trong phân công lao động quốc tế, phải xác định được bước đi thích hợp cho sự "hội nhập" vào nền kinh tế thế giới. Bước đi thích hợp (bao gồm cả về quy mô, nhịp độ và hướng đi) sẽ quyết định hiệu quả của quá trình hội nhập. Vấn đề quan trọng là phải dự báo được những khả năng và điều kiện cần thiết cho sự hội nhập nền kinh tế nước ta với nền kinh tế thế giới.

I - KHẢ NĂNG KINH TẾ VIỆT NAM THAM GIA PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG VÀ TRAO ĐỔI MẬU DỊCH QUỐC TẾ

1 - Năm 1990 có thể coi là điểm xuất phát mà nền kinh tế Việt nam chuyển qua giai đoạn phát triển mới - giai đoạn thực hiện *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Điều cần khẳng định là nhờ thực hiện chính sách kinh tế mới, nền kinh tế Việt nam từng bước chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, và dần dần thoát khỏi sự trì trệ và khủng hoảng trước đây. Tuy nhiên, trình độ phát triển kinh tế còn ở mức thấp : tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người năm 1990 mới khoảng 200 USD. Trong khi đó, một số nước châu Á có điểm xuất phát (cách đây 30 năm) cao hơn nhiều : Đài loan với mức GDP bình quân đầu người 1000 USD ; Nam Triều tiên - 700 USD ; Thái lan - 300 USD. Điều đó đòi hỏi chúng ta muốn đuổi kịp các nước và hội nhập vào nền kinh tế thế giới phải cố gắng rất lớn trong phát triển kinh tế.

Khả năng phát triển của Việt nam trong 10 năm tới phụ thuộc vào hai nhân tố : *các chính sách bên trong* và *bối cảnh bên ngoài*. Về các chính sách bên trong, có thể khẳng định : quá trình đổi mới nền kinh tế Việt nam là không thể đảo ngược, các chính sách phát triển sẽ tiếp tục theo hướng *cởi mở* và *thông thoáng*. Kinh tế Việt nam đang vượt qua thử thách và mở rộng cơ hội đầu tư, đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng.

Bối cảnh quốc tế hiện nay tuy có nhiều tác động phức tạp, nhưng trước hết, trong khu vực châu Á - Thái bình dương, đang hình thành thế ổn định về chính trị và nâng cao tính năng động về kinh tế. Với chính sách "Việt nam thật sự muốn là bạn của tất cả các nước", chúng ta có thể xây dựng được quan hệ hữu nghị và ổn định với các nước trong khu vực và có nhiều cơ hội khai thác có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

2 - Quy mô các hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt nam những năm qua tuy chưa lớn nhưng tốc độ tăng đáng kể.

Kim ngạch xuất khẩu thời kỳ 1981 - 1985 tăng bình quân hằng năm 15,6%, thời kỳ 1986 - 1990 là 20,7%. Năm 1991 tuy có biến động mạnh về thị trường song xuất khẩu cũng đạt được 2082 triệu USD và 80 triệu rúp chuyển nhượng (vượt trên 10% kế hoạch năm). Khoảng cách giữa xuất và nhập giảm dần (nhập khẩu năm 1991 là 2198 triệu USD). So với cùng kỳ năm trước, 6 tháng đầu năm 1992 xuất khẩu ước tăng 37%, nhập khẩu tăng 9%.

Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài tuy còn ở bước đầu nhưng cũng đạt kết quả đáng khích lệ. Trong 4 năm 1988 - 1991, nhà nước đã cấp giấy phép đầu tư cho 363 dự án với tổng số vốn pháp định là 2692 triệu USD, trong đó năm 1991 có chuyển

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ kinh tế học, Trường đại học kinh tế quốc dân Hà nội

Digitized by Google

biến đáng kể (149 dự án với số vốn là 1234,3 triệu USD). Quý I-1992 đã cấp giấy phép cho 40 dự án với tổng số vốn pháp định là 273 triệu USD. Điều đáng lưu ý là không chỉ số dự án tăng mà quy mô mỗi dự án đầu tư cũng tăng. Năm 1990 vốn pháp định bình quân mỗi dự án công nghiệp là 1,8 triệu USD, mỗi dự án khách sạn là 4,48 triệu USD, thì năm 1991 các con số tương ứng là 7,5 triệu USD và 9,03 triệu USD.

Các hoạt động dịch vụ quốc tế thu ngoại tệ ở nước ta khá phong phú đa dạng : du lịch, hàng không, vận tải biển, bưu điện... Các kết quả trên cho thấy, hoạt động kinh tế đối ngoại ở nước ta ngày càng mở rộng, phong phú và đa dạng, tốc độ phát triển ngày càng tăng. Rõ ràng, với khả năng của mình, với chính sách kinh tế đối ngoại cởi mở thông thoáng, khôn khéo, chúng ta sẽ thu được kết quả lớn hơn, mức độ tham gia phân công lao động quốc tế và trao đổi mậu dịch quốc tế sẽ mạnh mẽ hơn.

3 - Từ mục tiêu của *Chiến lược kinh tế - xã hội của nước ta đến năm 2000*, từ các khả năng và lợi thế so sánh của nền kinh tế Việt nam, có thể nêu lên một số dự báo sơ bộ về quy mô và tốc độ tham gia của nước ta vào phân công lao động quốc tế và trao đổi mậu dịch quốc tế trong 10 năm tới như sau :

- *Về thu hút vốn đầu tư nước ngoài.* Trong 10 năm tới, Việt nam cần khoảng 40 - 50 tỷ USD vốn đầu tư vào các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, trong đó phần thu hút vốn nước ngoài phải ở mức 20 - 30 tỷ USD. Trong thu hút vốn đầu tư thì hình thức phổ biến có tác dụng tích cực là thông qua các hợp đồng liên doanh. Vốn liên doanh nước ngoài phải đạt mức 17 - 22 tỷ USD. Yêu cầu đặt ra là các nguồn vốn liên doanh này cần được phân bố hợp lý giữa các ngành kinh tế, giữa các vùng trong nước ; hướng vào một số ngành và vùng trọng điểm để tạo cơ cấu năng động và có hiệu quả cho nền kinh tế.

- Đi liền với thu hút vốn là việc *tổ chức chuyên môn hóa và hợp tác hóa quốc tế trong sản xuất và trong nghiên cứu khoa học - công nghệ*. Cần thiết lập được các mối liên hệ chuyên môn hóa và hợp tác hóa với các công ty nước ngoài, nhất là các công ty xuyên quốc gia, ở các ngành công nghiệp lắp ráp, gia công, các hoạt động du lịch quốc tế, vận tải quốc tế... Cần có sự phối hợp với nhiều nước khác, trước hết là với các nước trong khu vực, để mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả của việc chuyên môn hóa và hợp tác hóa quốc tế.

- Về *trao đổi thương mại quốc tế*. Để khắc phục tình trạng nhập siêu kéo dài, tăng khả năng trả nợ và nâng hiệu quả kinh tế, cần và có thể đưa kim ngạch xuất khẩu năm 2000 lên khoảng 10 - 12 tỷ USD (tăng 5 - 6 lần so với năm 1991). Kim ngạch nhập khẩu cũng sẽ tăng tương ứng, song cần bảo đảm thắng bằng tích cực cán cân thương mại vào cuối thập kỷ. Yêu cầu này đòi hỏi không những phải phát triển sản xuất, mà điều quan trọng là phải mở rộng quan hệ thị trường, lựa chọn được cơ cấu xuất khẩu phù hợp và tổ chức công tác xuất nhập khẩu sao cho có hiệu quả cao.

- Các *hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ* (như du lịch quốc tế, vận tải hàng không và đường biển, dịch vụ xuất khẩu sức lao động, thông tin liên lạc, bảo hiểm quốc tế...) sẽ được mở rộng với nhiều loại hình đa dạng phù hợp với khả năng của nền kinh tế Việt nam và đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thế giới. Tốc độ tăng trưởng trung bình hằng năm của các dịch vụ này ở mức khá cao, khoảng 20 - 25% năm.

II - MẤY VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT CHO SỰ HỘI NHẬP VÀO THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Những dự báo xuất phát từ *yêu cầu phát triển* và *khả năng khách quan* của nền kinh tế Việt nam. Để những dự báo trở thành hiện thực, cần có sự nỗ lực chủ quan của các cấp quản lý kinh tế cũng như của các đơn vị kinh tế cơ sở, cần có khả năng tổ chức cao với các bước đi hợp lý. Một số vấn đề quan trọng cần chú ý giải quyết là :

1 - *Chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nước* theo hướng năng động, có hiệu quả cao, phù hợp với các yêu cầu của thị trường thế giới ; đồng thời khai thác, phát huy triệt để các lợi thế của nền kinh tế nước ta. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế đã được xem xét từ nhiều năm nay, cần được tiếp tục hoàn thiện và bổ sung. Đây là quá trình tiệm tiến, thích nghi dần, diễn ra liên tục, không áp đặt chủ quan, và cần không ngừng được hoàn thiện. Cơ cấu của nền kinh tế không chỉ là cơ cấu ngành, mà còn là

Digitized by Google

cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế, cơ cấu trình độ công nghệ, cơ cấu tái sản xuất theo các giai đoạn...

Chính quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế một cách triệt để sẽ làm xuất hiện các lợi thế so sánh của nền kinh tế nước ta, làm cho hàng hóa Việt nam đáp ứng được yêu cầu của thị trường thế giới và cho phép chúng ta tham gia phân công lao động quốc tế.

2 - *Đổi mới hoàn thiện cơ chế và chính sách kinh tế, xây dựng hệ thống luật pháp đồng bộ và phù hợp với luật pháp quốc tế.* Đây là vấn đề có ý nghĩa mấu chốt, nó tác động đến tất cả các điều kiện khác cho sự hội nhập, đặc biệt là việc bảo đảm điều kiện pháp lý bình đẳng và công minh cho môi trường kinh doanh. Việc chuyển đổi cơ chế và chính sách kinh tế không chỉ bao gồm việc tạo điều kiện cho cơ chế thị trường vận hành, sử dụng triệt để các đòn bẩy kinh tế, mà điều hết sức quan trọng là từng bước thể chế hóa chúng thành luật với những bảo đảm vững chắc về mặt pháp lý. Điều quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp nước ngoài không chỉ là sự ưu đãi về các chính sách đầu tư, mà còn là sự rõ ràng, nhất quán, ổn định trong cơ chế và chính sách kinh tế, là sự bảo đảm thực sự về mặt pháp lý, thi hành luật pháp một cách nghiêm minh. Việc gia nhập các công ước quốc tế và bảo đảm sự phù hợp giữa luật pháp nước ta với luật pháp quốc tế là một điều kiện quan trọng cho sự hội nhập về kinh tế. Những chuyển đổi triệt để trong cơ chế và chính sách kinh tế sẽ kéo theo những đổi mới trong hệ thống quản lý, nhất là bộ máy quản lý nhà nước phải được tinh giản, hoạt động thật sự có hiệu quả. Từ đó tạo được nền nếp làm ăn thông thoáng, nhanh nhạy, thực tế, chống quan liêu cửa quyền, chống tệ tham nhũng, với việc sử dụng đầy đủ các công cụ quản lý. Điều này tạo ra sự lành mạnh trong môi trường kinh doanh, tăng khả năng hợp tác, nâng cao trách nhiệm của từng đơn vị và cá nhân.

3 - *Từng bước xây dựng và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.* Đây là đòi hỏi khách quan cho sự hội nhập, là điều kiện khách quan cho sự vận hành nền kinh tế trong nước theo các tiêu chuẩn chung, là yếu tố cần thiết cho môi trường đầu tư, là bảo đảm điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho mọi người. Các yếu tố kết cấu hạ tầng cần được xây dựng đồng bộ với những bước đi cụ thể, cần được hoàn thiện dần từng bước và phải được quản lý, sử dụng có hiệu quả. Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội gồm nhiều yếu tố phong phú và đa dạng từ điện nước, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm y tế - xã hội... đến việc bảo đảm an ninh và an toàn xã hội. Việc bảo đảm sự ổn định sức mua của đồng tiền Việt nam và nâng dần khả năng chuyển đổi của nó ra ngoại tệ cũng là một điều kiện rất quan trọng cho sự hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

4 - *Xây dựng một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn giỏi và tinh thần dân tộc cao với cơ cấu phù hợp.* Muốn vậy, đội ngũ cán bộ cần được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện thường xuyên để có trình độ kỹ thuật và quản lý giỏi ; am hiểu các luật pháp và thông lệ quốc tế, có tri thức và bản lĩnh kinh doanh. Chỉ có một đội ngũ cán bộ như vậy mới có thể trực tiếp điều hành nền kinh tế nước ta hội nhập với kinh tế thế giới một cách có hiệu quả.

5 - Bước đi *đầu tiên* vào nền kinh tế thế giới là *hội nhập với nền kinh tế khu vực.* Sự ổn định và hòa bình trong khu vực ngày càng tăng là một thuận lợi quan trọng cho việc phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Những kinh nghiệm phát triển của các quốc gia trong khu vực sẽ giúp chúng ta tìm ra bước đi tốt nhất của mình. Quá trình hội nhập với các nước trong khu vực có nhiều thuận lợi, song cũng có nhiều khó khăn và nhiều vấn đề đặt ra. Song chính sự phát triển và những lợi ích chung sẽ tạo khả năng để dàn xếp, khắc phục những vấn đề còn tồn tại cần giải quyết.

Dư luận nhiều nước cho rằng Việt nam đang là nhân tố mới đóng góp tích cực vào sự ổn định chính trị của khu vực, tăng thêm tính hấp dẫn và năng động của sự phát triển kinh tế trong khu vực. Chủ động tham gia các hoạt động chính trị - ngoại giao - văn hóa - khoa học trong khu vực, tham gia ký kết các văn bản pháp lý để tạo sự ổn định và hợp tác chính là những bước đi rất quan trọng của Việt nam trong sự hội nhập với khu vực và nền kinh tế thế giới.

Digitized by Google

VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC

KHỔNG DOÃN HỢI

LÊ-NIN đánh giá cao chủ nghĩa tư bản nhà nước và coi nó là một hình thức quan trọng để đưa một nước tiểu nông quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở nước ta hiện nay, nhận thức và vận dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước đang là một vấn đề cần được nghiên cứu công phu, để phục vụ cho sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành Đại hội XI của Đảng cộng sản (b) Nga có nhiều tiếng nói phản đối ý kiến của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước. Không ít người cho rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước là "chủ nghĩa tư bản" hoặc chỉ là sự "tống cổ bọn tư bản nói tiếng Nga" để rồi "lại rước bọn tư bản nói tiếng Anh và tiếng Pháp vào". Lê-nin cho rằng quan niệm như vậy là cách hiểu kinh viện, chỉ đúng trong điều kiện chính quyền nhà nước còn nằm trong tay giai cấp tư sản và chính quyền đó trực tiếp khống chế những xí nghiệp tư bản chủ nghĩa này hay xí nghiệp tư bản chủ nghĩa khác (1).

Theo Lê-nin, chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khi quản lý nhà nước không phải là giai cấp tư sản nữa mà là giai cấp vô sản, thì đó không phải là chủ nghĩa tư bản nhà nước như đã có dưới chế độ tư bản. Đây là một hiện tượng *mới* , một khái niệm *mới* , chưa có trong lý thuyết. Ngay C.Mác cũng chưa dự kiến. Nó là *"điều bất ngờ"*. Bởi lẽ, không ai ngờ rằng, giai cấp vô sản lại nắm được chính quyền ở một nước tư bản phát triển thấp của châu Âu. Hy vọng có thể tổ chức nền sản xuất lớn và phân phối trực tiếp cho nông dân trong điều kiện kinh tế và văn hóa như thế - như người ta nghĩ - là một điều không tưởng.

Lê-nin đã luận giải rằng, một nước tiểu nông, muốn xây dựng được chủ nghĩa xã hội, phải lôi kéo được nông dân bằng sự liên minh kinh tế theo một kiểu mới. Trong *chính sách kinh tế mới* của Lê-nin, sự trao đổi buôn bán được coi là "một hình thức mới của chủ nghĩa tư bản" (2), là sự lập lại chủ nghĩa tư bản ở mức độ nào đó, là "một thứ chủ nghĩa tư bản được giai cấp công nhân tự giác cho phép tồn tại và hạn chế" (3). Lê-nin còn nhấn mạnh nhiều lần rằng, nếu có kinh tế nhỏ, có tự do trao đổi, là chủ nghĩa tư bản xuất hiện, phát triển, "không thể nào tránh được sự thật đó". Kẻ nào lẩn tránh hay xua đuổi nó, thì chỉ là tự an ủi bằng lời nói suông thôi. Nhưng đối với chúng ta, chủ nghĩa tư bản ấy không những "không đáng sợ" (4), mà còn *"đáng mong đợi"* (5), "một sự cứu nguy đối với chúng ta" (6).

Như vậy, chủ nghĩa tư bản nhà nước, nếu hiểu một cách ngắn gọn, "là một thứ chủ nghĩa tư bản mà chúng ta có thể hạn chế, có thể quy định giới hạn ; chủ nghĩa tư bản nhà nước đó gắn liền với nhà nước, mà nhà nước chính là công nhân, chính là bộ phận tiên tiến của công nhân, là đội tiên phong, là chúng ta" (7). Lê-nin còn có nhiều cách giải thích cụ thể khác về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong điều kiện chính quyền nhà nước nằm trong tay giai cấp vô sản. Chẳng hạn, đó là một chủ nghĩa tư bản nhà nước "đặc biệt", khác với chủ nghĩa tư bản nhà nước hiểu theo "nghĩa đen", "với khái niệm thông thường về chủ nghĩa tư bản nhà nước". Đó là một thứ chủ nghĩa tư bản "phục tùng nhà nước", "phục vụ nhà nước", "được giai cấp công nhân tự giác cho phép tồn tại và hạn chế", v.v..

Căn cứ vào sự phân tích của Lê-nin, có thể hiểu *chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới chính quyền công nông ở một nước tiểu nông,là sự phát triển kinh tế*

(1) Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t45, tr 101
(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 58
(3) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 343 - 344
(4) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 43, tr 187
(5) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 43, tr 462
(6) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 311
(7) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 102

Digitized by Google

hàng hóa, từ đó chấp nhận sự "hồi sinh", "lập lại", "phát triển" chủ nghĩa tư bản ở chừng mực nhất định ; "dung nạp", đồng thời "du nhập" chủ nghĩa tư bản từ bên ngoài. Đó chính là sự vận dụng những thành quả của loài người, kể cả của chủ nghĩa tư bản, là tạo điều kiện để "chủ nghĩa tư bản tham gia vào sự nghiệp của mình". Đồng thời, đó cũng là "mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội" ; là phương tiện, con đường, phương thức để tăng lực lượng sản xuất, và là "một bước quá độ từ một nền kinh tế kém phát triển, đi lên chủ nghĩa xã hội". Để có thể lợi dụng được chủ nghĩa tư bản, "tạo điều kiện để chủ nghĩa tư bản tham gia vào sự nghiệp của mình", đương nhiên trong cơ cấu thành phần kinh tế quá độ, phải có sự hiện diện của thành phần kinh tế tư nhân, tư nhân tư bản chủ nghĩa và thành phần kinh tế tư bản nhà nước (được hiểu là *những xí nghiệp tư bản chủ nghĩa này hay xí nghiệp tư bản chủ nghĩa khác do chính quyền nhà nước trực tiếp khống chế*).

V.I. Lê-nin không những chỉ đề xướng lý luận về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong điều kiện nhà nước công nông, mà còn trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện nó dưới nhiều hình thức : tô nhượng, kinh tiêu, liên doanh giữa nhà nước với tư bản tư nhân, tư bản nước ngoài. Chẳng hạn, cho tư bản thuê một xí nghiệp hoặc một vùng mỏ, khu rừng, khu đất (giống tô nhượng), cho nông dân thuê hầm mỏ nhỏ, v.v.. Trong các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước, hình thức tô nhượng được áp dụng nhiều hơn cả. Riêng hình thức hợp tác xã, thoạt đầu Lê-nin coi đó là một hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước, nhưng về sau này, Lê-nin cho rằng : chế độ hợp tác xã là hoàn toàn đồng nhất với chủ nghĩa xã hội (8).

Việc thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước hồi ấy đã góp phần không nhỏ vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế nước Nga. Tuy nhiên, do thái độ thù địch của chủ nghĩa tư bản thế giới đối với chính quyền xô viết đầu tiên trên thế giới, cho nên trong những năm 1923 - 1924 (lúc Lê-nin còn sống), tỷ trọng của chủ nghĩa tư bản nhà nước trong tổng sản phẩm của cả nước chỉ mới đạt 1%, và tỷ trọng này tụt dần vào những năm 1927 - 1928 (0,6%). Đến năm 1931, hình thức kinh tế này không tồn tại nữa !

Theo Lê-nin, vai trò rất quan trọng của chủ nghĩa tư bản nhà nước được vận dụng lúc đó là ở chỗ : nó làm cho nhà nước công nhân có thể nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất, tăng nhanh số lượng sản phẩm trong một thời gian ngắn, để thỏa mãn yêu cầu bức bách của nông dân. "Trong một nước bị tàn phá chưa từng thấy, mà tuyệt đại đa số nhân dân lại là nông dân và cũng bị phá sản, nếu không có sự giúp đỡ của tư bản (tất nhiên là giúp đỡ ta thì chúng sẽ bóp nặn ta lấy những số lời quá mức), thì không thể giữ vững được chính quyền vô sản" (9). Chủ nghĩa tư bản nhà nước còn là công cụ để liên hiệp nền sản xuất lại, khắc phục tình trạng phân tán và đấu tranh chống tính tự phát tiểu tư sản và tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản tuy lạc hậu so với chủ nghĩa xã hội, nhưng lại là chế độ kinh tế tiến bộ so với nền kinh tế tiểu nông. Sự phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước còn giúp chính quyền xô viết đấu tranh chống tệ nạn quan liêu. Bởi vì, nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa quan liêu ở một nước tiểu nông là tình trạng không có sự trao đổi, thiếu sự liên hệ và tác động qua lại giữa công nghiệp và nông nghiệp. Thông qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, giai cấp công nhân có thể học tập được ở những nhà tư bản cách quản lý một nền sản xuất lớn. Phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước còn có nghĩa là phát triển đội ngũ giai cấp công nhân. Chủ nghĩa tư bản nhà nước còn được xem là phương pháp cải tạo hòa bình giai cấp tư sản, trên con đường quốc hữu hóa xã hội chủ nghĩa. Sự "du nhập" chủ nghĩa tư bản nước ngoài dưới hình thức kinh tế tư bản nhà nước, thực chất là du nhập vốn, kỹ thuật..., là sự tận dụng sức mạnh thời đại. Lê-nin còn nói rõ : nếu không sử dụng được chủ nghĩa tư bản nhà nước, thì đó không phải là biểu hiện sức mạnh và trí thông minh của ta, mà là biểu hiện của cách nhìn hẹp hòi, yếu kém, ngu ngốc.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, một số nước đã thực hiện hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước và thu được những thành tựu nhất định. Ví dụ như CHDC Đức trước đây, cho đến những năm đầu thập kỷ 70 vẫn tồn tại 6700 xí nghiệp tư bản nhà nước và 2300 xí nghiệp tư bản tư nhân. Nước CHND Trung hoa trước đây, cũng có những thành

(8) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 427, 428
(9) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 43, tr 82

Digitized by Google

công khi vận dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước với tính cách là phương pháp cải tạo hòa bình giai cấp tư sản dân tộc. Sau này, khi Trung quốc thi hành chính sách cải cách, mở cửa, thì việc sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước mới mang những nội dung mới.

Nhìn chung lại, sau khi Lê-nin mất, việc thực hiện hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước ở các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội đều chưa làm đúng tư tưởng của Lê-nin, coi đó chỉ là phương pháp hòa bình cải tạo tư sản dân tộc theo tinh thần "chuộc lại". Chỉ riêng việc nền kinh tế phi hàng hóa ngự trị suốt bao năm ròng ở các nước này cũng đủ nói lên người ta đã quan niệm như thế nào về chủ nghĩa tư bản nhà nước mà Lê-nin đề xướng.

*

Mặc dù trong nền kinh tế nước ta trước đây đã ít nhiều tồn tại những hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước, song phải thừa nhận rằng : do bị chi phối bởi những quan điểm giáo điều, duy ý chí về chủ nghĩa xã hội, chúng ta chưa thấu suốt một luận điểm hết sức quan trọng mà V.I. Lê-nin đã nói nhân kỷ niệm lần thứ tư cuộc Cách mạng Tháng Mười : "Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội" (10).

Nghị quyết Đại hội VI và tiếp đó là Nghị quyết Đại hội VII của Đảng ta, về thực chất, là trở lại với những luận điểm của Lê-nin. Có khác chăng là ở sự phân tích bối cảnh lịch sử mới trong đó chủ nghĩa tư bản nhà nước được vận dụng vào nước ta. Đó là quan điểm về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước là những bộ phận cấu thành.

Sự vận dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước trên đất nước ta ngày nay có nhiều điều mới so với sự vận dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước vào nước Nga ở thời Lê-nin.

Ở thời Lê-nin, nước Nga nằm trong thước ngắm của chủ nghĩa đế quốc thế giới, là đối tượng chủ nghĩa đế quốc muốn dùng thủ đoạn bạo lực, chủ yếu là chiến tranh, tiêu diệt cho bằng được. Ngày nay, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội vẫn chưa hề giảm và dịu đi. Chủ nghĩa tư bản - theo nhận định của ĐCS Pháp - vẫn là chủ nghĩa đế quốc kinh tế và chính trị. Mỹ - theo Răm-xây Clác, cựu bộ trưởng tư pháp Mỹ - còn là chủ nghĩa đế quốc pháp lý ! Song, có ba nhân tố mới có tác động dây chuyền làm thay đổi cơ bản bộ mặt kinh tế, chính trị của thế giới hiện đại. Đó là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ; là hiện tượng quốc tế hóa nền sản xuất công nghiệp thế giới và toàn cầu hóa kinh tế hàng hóa ; là trào lưu cải cách thể chế và cơ cấu kinh tế ở mỗi nước. Đặc trưng của thời đại ở cuối thế kỷ này là : cuộc chạy đua toàn cầu về kinh tế trong bối cảnh các nước trên thế giới đấu tranh và hợp tác trên cơ sở cùng tồn tại hòa bình. *Hòa bình* và *phát triển* là hai trào lưu lớn trên thế giới hiện nay. Bối cảnh này, cùng với những thách thức, đang tạo cho chúng ta những cơ hội thuận lợi.

Về khách quan, do sự phân công lao động quốc tế mới trong một nền sản xuất toàn cầu hóa, tính phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên thế giới đã trở thành một quy luật ràng buộc tất cả những nước đặt yêu cầu phát triển kinh tế thành mục tiêu chiến lược của mình. Phụ thuộc lẫn nhau cũng có nghĩa là không chỉ ta cần người, mà người cũng cần ta. Do sự xoay vần của lịch sử, Việt nam nằm ở vùng vành đai Thái bình dương thuộc châu Á, là khu vực phát triển vào loại năng động nhất của thế giới trong thế kỷ tới. Do sự đổi ngôi về địa lý - kinh tế từ Đại tây dương sang Thái bình dương, mà Đông Nam Á được đánh giá là nơi có nhiều tiềm năng phát triển nhất. Rồi sự dự báo về một làn sóng kinh tế mới ở Trung quốc và Đông dương, đấy cũng là điều khiến "thiên hạ" quan tâm tới ta. Ngoài ra, còn phải kể đến những mâu thuẫn mà ta có thể và cần phải lợi dụng trong quan hệ cạnh tranh giữa các nước và các thế lực kinh tế...

Về chủ quan, đó là đường lối đổi mới của ta đúng đắn, có bước đi phù hợp, đang thấm dần vào cuộc sống, tạo ra những chuyển biến mới về chất trong đời sống kinh tế, chính trị. Điều kiện thiên nhiên, tài nguyên của đất nước ta cũng có nhiều sức hấp dẫn đối với bên ngoài...

Những khó khăn của ta phải kể đến là tiềm lực vốn không nhiều của giai cấp tư sản dân tộc, của

(10) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t44, tr 189

Digitized by Google

thành phần kinh tế tư nhân. Kinh nghiệm phát triển nền kinh tế thị trường nói chung của ta hầu như chưa có, đặc biệt là cách làm ăn với các nước tư bản, cách quản lý các xí nghiệp tư bản nhà nước. Sự cấm vận của Mỹ cũng gây cho ta nhiều khó khăn. Nổi lên hơn cả là một khó khăn mới chưa từng có ở thời Lê-nin. Thời Lê-nin, sự chênh lệch về trình độ khoa học và công nghệ giữa các nước đối lập nhau về chính trị không lớn lắm. Nhưng ngày nay, sự chênh lệch này rất lớn. Hơn nữa, ưu thế lại thuộc về các nước công nghiệp phát triển. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới hiện nay có thể làm cho một số nước chậm phát triển như nước ta nhanh chóng tìm được chỗ đứng trong sự phân công lao động quốc tế. Nhưng mặt khác, nó cũng là một thách thức, một nguy cơ đối với những nước có trình độ khoa học, công nghệ lạc hậu. Nó có thể biến những nước này thành những thuộc địa mới của các nước công nghiệp phát triển trong những cuộc "chiến tranh mềm".

Tuy nhiên, theo nhận định chung, với chính sách kinh tế cởi mở đi đôi với sách lược chính trị và ngoại giao mềm dẻo trên nguyên tắc bảo đảm độc lập, chủ quyền, nêu cao tinh thần "dũng cảm" và "dám trả giá", nhất là khi đã tạo được sức ép để phá thế bao vây của Mỹ, thì khả năng thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước ở nước ta không phải là không có nhiều triển vọng. Nhưng dẫu sao thì việc đi "xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước để xây dựng chủ nghĩa xã hội" đối với một nước còn "nông dân hơn nước Nga" như nước ta, không phải là điều dễ dàng. Chúng ta sẽ khó tránh khỏi những sai lầm, vấp váp, những "học phí" phải trả. Bởi lẽ, về thực chất, đây là những vấn đề mới, lại đang trong quá trình thực thi, cho nên còn quá sớm để liệt kê ra một đơn thuốc công hiệu. Song, căn cứ vào những kinh nghiệm ít ỏi thời Lê-nin và những di huấn của Người, vào sự phân tích vấn đề một cách lô gích, chúng ta có thể nêu lên một số điểm cần chú ý để có thể sử dụng có hiệu quả chủ nghiã tư bản nhà nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trước hết, cần có quan niệm đúng về chủ nghĩa tư bản nhà nước đối với một nước tiểu nông đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là chiếc cầu phải "bắc". Không có nó, không thể tiến thêm được bước nào trên con đường xã hội chủ nghĩa. Khi thực hiện thứ chủ nghĩa tư bản do nhà nước của dân kiểm soát, điều tiết và hạn chế ấy, cần phải có cách nhìn rộng rãi hơn, cần phải chấp nhận những sự trả giá không nhỏ mà bất cứ một quốc gia lạc hậu về kinh tế nào muốn vươn lên cũng phải trả. Cần phải có tầm nhìn xa và thống nhất quan niệm trong toàn Đảng và toàn dân, tỉnh táo và kiên định đón nhận, xử lý không ít những nghịch lý sẽ diễn ra.

Thứ hai, cần phát triển mạnh kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Điều quan trọng ở đây là có chính sách hợp lý để giải phóng và phát triển ở mức độ cần thiết những hình thức kinh tế tư nhân nói chung, kinh tế tư bản tư nhân nội địa nói riêng, vừa để phát triển lực lượng sản xuất, vừa tạo điều kiện thu hút vốn từ bên ngoài. Lê-nin đã khẳng định : từ quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội, thì "chủ nghĩa tư bản tư nhân... đóng vai trò trợ thủ cho chủ nghĩa xã hội..." và "có thể sử dụng chủ nghĩa tư bản tư nhân (chứ đừng nói gì đến chủ nghĩa tư bản nhà nước nữa) để xúc tiến chủ nghĩa xã hội" (11). Nhưng sử dụng mức độ bao nhiêu là vừa ? Điều này chính Lê-nin cũng chưa xác định được, và Người cũng chỉ mới nói : "Kinh nghiệm sẽ chứng tỏ" (12). Còn đối với một nước tư bản chủ nghĩa, thì theo tính toán của Va-xi-li Lê-ôn-chi-ép, nhà kinh tế học Mỹ được giải Nô-ben : tư bản tư nhân phải chiếm 1/2 giá trị tổng sản phẩm quốc dân. Đối với nước ta, những hình thức hiện thực lúc này là : dưới những hình thức ký hợp đồng cho thuê, bán đấu thầu, nộp tô có thời hạn dài hay ngắn (đặc biệt trong nông và lâm nghiệp), chuyển nhượng cho các nhà tư bản, các tổ chức kinh tế tư nhân... quyền kinh doanh đối với các xí nghiệp quốc doanh làm ăn kém hiệu quả và các xí nghiệp mà nhà nước chưa có điều kiện hoặc chưa cần thiết đầu tư.

Thứ ba, điều cốt yếu đối với một nước chưa qua chủ nghĩa tư bản là làm sao "du nhập" được chủ nghĩa tư bản từ bên ngoài. Những năm gần đây, chính sách cởi mở của ta đã thu hút được một số vốn đầu tư của nước ngoài, nhưng so với khả năng

(11) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 43, tr 281
(12) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 43, tr 463

Digitized by Google

và nhu cầu của ta, số vốn ấy còn quá ít. Theo dự tính, trong 10 năm tới, số vốn từ bên ngoài ít nhất cần 10 - 12 tỷ USD. Để có được điều ấy, ta có thể áp dụng những hình thức đa dạng như : liên doanh; hợp tác hoặc đầu tư với 100% vốn nước ngoài; công ty cổ phần; gia công; chế biến; khu chế xuất; người nước ngoài mở đại lý bán vật tư, ngân hàng... Trong các hình thức này, hình thức liên doanh - theo nhận xét của một số nhà kinh doanh nước ngoài - "là một ý tưởng tuyệt vời". Trong tình hình mới, cần lưu ý hình thức tô nhượng và huy động nguồn vốn của người Việt nam sống ở nước ngoài. Hình thức tô nhượng trước đây khi còn có Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, ta ít chú ý hoặc không cần đặt ra, nhưng hiện nay lại là một đòi hỏi cấp thiết.

Gắn với việc xác định, tìm kiếm những hình thức khả thi để "du nhập" chủ nghĩa tư bản từ bên ngoài, cần có chiến lược hòa nhập vào thị trường thế giới, bao gồm việc nắm bắt đúng nhu cầu và lợi ích của các đối tượng, phân tích và lợi dụng quan hệ cạnh tranh giữa các nước và các thế lực kinh tế. Việc xác định bước đi cho phù hợp với thực lực kinh tế, văn hóa của đất nước, như chiến lược "theo sau", "đuổi bắt", "vượt lên"... Việc lựa chọn cơ sở làm ăn với nước ngoài, lựa chọn "bạn cùng chơi"... cũng là những vấn đề không đơn giản. Thực tiễn thế giới cho thấy : không ít trường hợp liên doanh thì có, mà thị trường tiêu thụ bên ngoài thì không (ví dụ liên doanh của Nga với hãng giầy A-đi-đát).

Thứ tư, chủ nghĩa tư bản nhà nước là cần thiết và đáng mong đợi trong chừng mực nó chịu sự kiểm soát và điều tiết của nhà nước. Còn nhà nước thì còn kiểm soát và điều tiết được nó. Nói cách khác : có thể và cần lợi dụng chủ nghĩa tư bản để xúc tiến chủ nghĩa xã hội, nhưng cũng cần thấy : chủ nghĩa tư bản có thể thắng thế nếu bộ máy nhà nước chúng ta không mạnh mà yếu kém.

Muốn sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước - như Lê-nin thường nhắc nhở - phải có chính sách thật mềm dẻo. Khi chính sách mềm dẻo thì bộ máy nhà nước phải vững mạnh. Sự vững mạnh ấy được tạo nên từ sức mạnh kinh tế, nhà nước nắm và sử dụng có hiệu quả các đài chỉ huy kinh tế, các khối lượng vật tư, hàng hóa, các cơ sở kinh tế thuộc sở hữu công cộng, công nghiệp và giao thông vận tải v.v.. Trong nền kinh tế hàng hóa và sự hiện diện của chủ nghĩa tư bản nhà nước, sức mạnh của nhà nước biểu hiện tập trung ở sức mạnh tài chính. Nhà nước do giai cấp vô sản quản lý, như Lê-nin nói, phải trở thành, nhà nước "độc quyền tư bản" nhưng không có sự tham gia của giai cấp tư sản. Nhà nước phải thông qua việc cấp tín dụng, đầu tư, v.v. để kiểm soát, điều tiết chủ nghĩa tư bản tư nhân cũng như chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Sự vững mạnh của bộ máy nhà nước còn ở *năng lực chấp hành*. Nếu không như vậy thì bộ máy nhà nước cũng chẳng còn tác dụng. Chủ nghĩa tư bản nhà nước tự bản thân nó đã nói lên một trình độ văn hóa, văn minh nhất định của loài người. Do vậy, không thể sử dụng nổi chủ nghĩa tư bản nhà nước làm phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nếu không am hiểu văn hóa, văn minh, đặc biệt là văn hóa kinh tế thị trường mà chế độ tư bản đã đạt được. Bộ máy nhà nước ta, ít ra cũng phải có "một số nhân viên có phẩm chất cao, nghĩa là không kém gì những nhân viên kiểu mẫu giỏi nhất ở Tây Âu" (13).

Thứ năm, cần có chính sách xã hội và công tác chính trị - tư tưởng tương ứng với tiến trình thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước ở nước ta, mà cái nút của vấn đề là giải quyết hợp lý sự chênh lệch về thu nhập giữa người làm trong các cơ sở kinh tế tư bản nhà nước với người làm trong các xí nghiệp còn lại. Thực tiễn tỉnh Quảng đông (Trung quốc), nơi có các công ty liên doanh với nước ngoài, cho thấy : người làm trong các công ty liên doanh với nước ngoài có thu nhập trung bình hằng tháng 200 USD, còn người làm ngoài các công ty đó chỉ 100 USD. Mức thu nhập như vậy thường gấp 5 mức thu nhập của người làm ở những tỉnh không có các công ty liên doanh với nước ngoài. Cũng vì vậy, không tránh khỏi xuất hiện những hiện tượng tha hóa, mà tai hại hơn cả là sự phai mờ ý thức hệ trong đội ngũ người lao động.

Cuối cùng, "ai sẽ thắng ai" và "ai sẽ lợi dụng ai" - điều đó tùy thuộc vào phẩm chất, năng lực của đội ngũ những người thừa hành.

(13) - V.I Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 442

Digitized by Google

Đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử

SÓNG TÙNG *

NHÂN loại tiến bộ đã trải qua biết bao nhiêu cuộc đấu tranh để định hướng đi lên của mình. Ngày nay, một khi đã xác định mục tiêu hướng tới là phá bỏ xã hội bất công và vô đạo của chủ nghĩa tư bản, tiến tới một xã hội công bằng, nhân ái, và khi mục tiêu ấy đã trở thành hiện thực, thì dù có những khó khăn, trở ngại to lớn đến mấy, thậm chí những thất bại bộ phận nặng nề đến mấy, loài người cũng không thể đi chệch mục tiêu đã định.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu đã sụp đổ. Ở đó, tư tưởng xã hội chủ nghĩa có thể một thời lắng xuống, có thể bị dồn nén, nhưng rồi sẽ có ngày nó sẽ bùng lên mạnh mẽ hơn để vượt qua chướng ngại, tìm ra con đường tiếp tục đi lên. Đó là tính quy luật trong sự phát triển, mà tính quy luật thì khi nào cũng khắc nghiệt.

*

Sau khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô sụp đổ, ở nước ta có một số người băn khoăn về con đường đã chọn của Việt nam. Họ nghĩ rằng : Việt nam, một nước có nền kinh tế kém phát triển, đi lên chủ nghĩa xã hội được là nhờ có Liên xô. Ngày nay Liên xô không còn nữa, thì Việt nam có còn khả năng tự mình đi lên chủ nghĩa xã hội được không ?

Về sự giúp đỡ của quốc tế đối với các nước kém phát triển tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, tháng 7 năm 1920, tại Đại hội II của Quốc tế cộng sản, Lê-nin đã nói : "... Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" (1). Sau đó, tháng 3 năm 1922, tại Đại hội XI Đảng cộng sản (b) Nga, Người nhắc lại điều đó khi nói về cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước Nga : "Ngay từ đầu, chúng ta đã nói rằng chúng ta phải bắt tay vào một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ. Và nếu các đồng chí công nhân trong những nước phát triển hơn về phương diện tư bản chủ nghĩa không mau chóng giúp đỡ chúng ta, thì sự nghiệp của chúng ta sẽ vô cùng khó khăn, và chắc chắn là chúng ta sẽ phạm nhiều sai lầm" (2).

Như vậy là đã rõ, Lê-nin muốn nói đến *sự giúp đỡ của giai cấp công nhân quốc tế* đối với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của một nước kém phát triển, chứ không có ý nói sự giúp đỡ của một nước tiên tiến đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công. Và điều đó, Lê-nin đã giải thích như sau : "Tư bản là một lực lượng quốc tế. Muốn thắng nó, cần phải có sự liên minh quốc tế, tình anh em quốc tế của công nhân"(3).

Tinh thần quốc tế vô sản là một nguyên tắc lớn trong học thuyết Mác - Lê-nin. Đảng ta trước sau vẫn xem rất trọng nguyên tắc đó, và Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời đã thường nhắc nhở lòng biết ơn về sự giúp đỡ to lớn của phong trào cách mạng thế giới, của giai cấp công nhân và Đảng cộng sản Pháp, Mỹ..., nhất là của hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây do Liên xô là trụ cột, đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

---

* Thành phố Hồ Chí Minh

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t41,tr 295

(2) *Sđd*, t45, tr 90

(3) *Sđd*, t40, tr 49

Digitized by Google

Tuy nhiên trong thực tế, đã có nơi, có lúc tinh thần quốc tế vô sản bị hiểu lệch hay làm sai ; những biểu hiện của tư tưởng nước lớn, tư tưởng dân tộc tư sản, quan điểm bao cấp hay tư tưởng ỷ lại... đã phần nào hạn chế sự lớn mạnh của mỗi nước và của phong trào cách mạng chung trên thế giới. Tinh thần quốc tế vô sản đúng đắn là sự tôn trọng và khuyến khích tính độc lập tự chủ, tự lực tự cường của mỗi nước, quan tâm đến lợi ích của mỗi bên, trên cơ sở đó mà tăng cường hợp tác, giúp đỡ, làm tăng thêm sức mạnh của mỗi nước, đồng thời tăng thêm sức mạnh của cả phong trào.

Ngày nay, phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa đang trong giai đoạn khủng hoảng trầm trọng, nhưng sự đoàn kết đúng đắn của giai cấp công nhân quốc tế không vì thế mà giảm sút ý nghĩa quan trọng của nó ; ngược lại, trong tình hình hiện nay, nó còn có ý nghĩa bức xúc bội phần, khi chủ nghĩa đế quốc đang lợi dụng cơ hội để mong áp đặt "trật tự mới" của chúng lên toàn thế giới.

Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động đang tiếp tục cuộc đấu tranh ở khắp mọi nơi trên trái đất. Các nước xã hội chủ nghĩa mà đảng cộng sản đang còn nắm giữ chính quyền, có số dân hàng tỷ người, trong đó có nước như Trung quốc, diện tích rộng, số dân đông, đang giữ một vị trí quan trọng trong nền chính trị và kinh tế của khu vực và của thế giới ; những nước này đang rút những bài học của lịch sử, kiên trì đường lối cải cách, đổi mới và ngày càng xác định rõ hơn con đường đúng đắn hợp quy luật để tiến lên. Ngay ở các nước mà đảng cộng sản đã mất chính quyền, những cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục dưới nhiều hình thức. Ở các nước tư bản phát triển cao như Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, v.v. giai cấp công nhân vẫn khẳng định mục tiêu chiến đấu vì chủ nghĩa xã hội mà không hề lùi bước. Ở các nước thuộc thế giới thứ ba, những phong trào tập hợp lực lượng đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội vẫn tiếp tục, bất chấp thái độ hung hăn của chủ nghĩa đế quốc. Ngày nào "chủ nghĩa tư bản còn là một lực lượng quốc tế", thì "tình anh em quốc tế của công nhân", cộng với sự đoàn kết quốc tế của các dân tộc bị áp bức, vẫn là một nhân tố quan trọng đảm bảo thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa của mỗi nước.

*

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, để thấy rõ hơn tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, một vấn đề quan trọng được đặt ra : *nhận diện cho đúng bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại*.

Về "Chủ nghĩa tư bản hiện đại", trên *Tạp chí cộng sản* đã có nhiều tác giả đề cập đến nhiều khía cạnh. Ở đây, trong phạm vi đề bài đã chọn, tôi chỉ xin phân tích thêm một số vấn đề nhằm góp phần làm rõ bản chất của chủ nghĩa tư bản ngày nay, từ đó làm nổi lên tính chất của thời đại.

Trong nửa sau thế kỷ này, cùng với những kết quả của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới và cơ chế thích nghi của chủ nghĩa tư bản để khai thác cuộc cách mạng đó, lực lượng sản xuất ở các nước tư bản phát triển đã có những bước nhảy vọt, những thay đổi về chất. Người ta đã tạo ra ở đây một năng lực sản xuất khổng lồ, một năng suất lao động rất cao. Hàng hóa ngày càng có hàm lượng khoa học - kỹ thuật cao. Trong sản xuất, lao động trí óc ngày càng thay thế dần lao động chân tay. Sự bùng nổ của những ngành khoa học - công nghệ mới : tin học, sinh học, vật liệu mới, v.v. mở ra những khả năng to lớn cho con người chinh phục thiên nhiên. Người ta đã nói đến một thời đại của trí tuệ, lực lượng sản xuất, đặc biệt là lực lượng cơ bản nhất của sản xuất - người lao động trí óc và chân tay - đã có những tiến bộ to lớn làm thay đổi bộ mặt của thế giới.

Tuy nhiên, cũng cần chú ý đến mặt *thứ hai* của vấn đề lực lượng sản xuất :

Một là, lực lượng sản xuất phát triển không đều trong thế giới tư bản, giữa các nước đế quốc với nhau, và nhất là giữa các nước đế quốc với các nước phụ thuộc, làm tăng thêm nhiều mâu thuẫn trong nội bộ chủ nghĩa tư bản thế giới.

Hai là, ngay ở các nước đế quốc chủ nghĩa, sự phát triển của lực lượng sản xuất không đi đôi với phát triển kinh tế, nhiều nước có lực lượng sản xuất hùng hậu, nhưng sự tăng trưởng kinh tế thì bị giảm sút, thậm chí sản xuất không tăng. Điều đó nói

Digitized by Google

lên rằng *lực lượng sản xuất đang bị lãng phí nghiêm trọng* ở các nước tư bản chủ nghĩa ; thành tựu về cách mạng khoa học kỹ thuật là thành tựu chung của cả nhân loại, nhưng nhiều kết quả khoa học kỹ thuật bị bỏ quên, nhiều công suất không được sử dụng, tài nguyên bị vung phí, nạn thất nghiệp trầm trọng, chạy đua vũ trang ngốn mất những khoản ngân sách khổng lồ, làm tiêu phí bao nhiêu mồ hôi nước mắt của nhân dân lao động ; khủng hoảng cơ cấu và khủng hoảng chu kỳ thường xuyên nổ ra, gây nhiều thiệt hại cho lực lượng sản xuất ở các nước đế quốc và ảnh hưởng tai hại đến các nước thuộc thế giới thứ ba...

Quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản càng phát huy tác dụng trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc, *càng làm sâu sắc thêm mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp tư sản quốc tế* ; ngày càng bộc lộ ra nhiều chỗ yếu trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc.

Để giải quyết những mâu thuẫn nội bộ đó, chủ nghĩa đế quốc tăng cường sự liên minh giữa các tổ chức độc quyền ở các nước đế quốc, nhằm tạo ra một sức mạnh quốc tế để thống trị và bóc lột tốt hơn, ứng phó với những mâu thuẫn và khủng hoảng tốt hơn, ứng phó với phong trào của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc cũng như ở các nước phụ thuộc tốt hơn.

Cùng với sự bùng nổ của thông tin, với các tiến bộ khoa học - kỹ thuật nói chung, sự liên minh của chủ nghĩa đế quốc đã đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa nền kinh tế, làm thay đổi cơ cấu kinh tế thế giới, thúc đẩy việc phân công lao động mới, bố trí lại nền công nghiệp, tăng cường chuyển giao kỹ thuật..., tạo thuận lợi cho việc phát triển hơn nữa lực lượng sản xuất trong một môi trường vừa cạnh tranh gay gắt, vừa hợp tác rộng rãi, vừa mâu thuẫn, vừa phụ thuộc lẫn nhau... Do đó, quan hệ kinh tế quốc tế đã có nhiều thay đổi, theo hướng mở rộng buôn bán, liên kết sản xuất và kinh doanh, không những giữa các nước tư bản với nhau, mà cả giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau. Bối cảnh đó cũng tạo cơ hội cho một số nước kinh tế kém phát triển tranh thủ vốn và kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản, nhanh chóng xây dựng và phát triển công nghiệp nước mình.

Nhưng quốc tế hóa kinh tế cũng còn có nghĩa là phương thức bóc lột của chủ nghĩa tư bản ngày nay bao trùm lên tất cả thế giới tư bản chủ nghĩa, không một nước nào, không một dân tộc nào thoát khỏi cái ách nghiệt ngã ấy. Có thể nói, *đặc trưng nổi bật* của chủ nghĩa đế quốc ngày nay là một nhóm nhỏ các nước đế quốc chủ yếu đấu tranh và hợp tác với nhau để giành giật và thỏa thuận chia nhau thống trị và bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động của toàn thế giới tư bản chủ nghĩa, cả ở chính quốc và ở các nước phụ thuộc.

Những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản chẳng những không dịu đi, mà ngày càng gay gắt. Nếu tình hình cứ tiếp tục phát triển theo chiều hướng đó, sẽ dẫn đến bùng nổ cách mạng, đe dọa cả sự sống còn của chủ nghĩa tư bản quốc tế. Đó là lý do tại sao chủ nghĩa đế quốc phải "tự điều chỉnh" để thích nghi. Ta hãy xem sự "tự điều chỉnh" đó thực chất là gì ?

- Tư bản độc quyền lập ra các công ty cổ phần, cho phép những người công nhân mua cổ phiếu. Mặt khác, chuyển một bộ phận xí nghiệp mà để trong tay tư nhân không có lợi, vào tay nhà nước tư bản. Họ coi như vậy là đã "xã hội hóa" chế độ sở hữu. Thực ra bản chất của quan hệ sở hữu tư bản chủ nghĩa không hề thay đổi. "Nhà nước phúc lợi chung" chỉ là khẩu hiệu đầu lưỡi, còn người công nhân có cổ phần cũng không có quyền gì đối với xí nghiệp mà anh ta là "chủ cùng sở hữu".

- Chủ tư bản tăng lương, tăng thu nhập cho người lao động, mở rộng tầng lớp hữu sản, ưu đãi công nhân lớp trên v.v. và cho như vậy đã là thay đổi quan hệ phân phối.

Tư bản độc quyền có khả năng làm như trên vì có thể và cần dành một phần lợi nhuận độc quyền cao thu được ở các nước khác, nhất là ở các nước phụ thuộc, để mua chuộc một bộ phận công nhân ở chính quốc làm chỗ dựa. Dù sao thì tiền lương của giai cấp công nhân nói chung so với lợi nhuận của nhà tư bản không thấm vào đâu cả.

Nhưng điều đáng nói ở đây là việc tư bản độc quyền tăng cường áp bức bóc lột nhân dân lao động các nước phụ thuộc để có điều kiện xoa dịu cuộc đấu tranh của công nhân chính quốc, hay nói cách khác, *hy sinh khu vực ngoại vi để cứu vãn khu vực*

Digitized by Google

trung tâm, càng làm cho tinh thần đấu tranh cách mạng ở các nước phụ thuộc lên cao.

Để đối phó với phong trào đấu tranh ở các nước phụ thuộc, chủ nghĩa đế quốc ngày càng áp dụng những hình thức bóc lột tinh vi, xảo quyệt hơn, từ bề rộng chuyển sang bề sâu, với những hoạt động nhiều hình nhiều vẻ của tư bản độc quyền xuyên quốc gia (như đầu tư cho vay và đầu tư trực tiếp, phân công lao động theo hướng chuyển gánh nặng từ trung tâm sang ngoại vi, trao đổi kinh tế bất bình đẳng...). Hình thức bóc lột có khác, nhưng tỷ suất bóc lột nặng nề hơn. Ngày nay, phong trào ở các nước thuộc thế giới thứ ba đòi thiết lập trật tự kinh tế thế giới mới, đòi xóa nợ, đòi tự do lựa chọn con đường phát triển kinh tế xã hội của mỗi nước... đang trở thành một sức mạnh mà chủ nghĩa đế quốc không thể xem thường. Dĩ nhiên chủ nghĩa tư bản hiện đại còn có khả năng thỏa hiệp, điều chỉnh để tồn tại và phát triển thêm nữa. Nhưng tình hình đó chỉ có thể tạm thời duy trì ở khu vực trung tâm của chủ nghĩa đế quốc, còn ở khu vực ngoại vi, khâu yếu trong sợi dây chuyền của nó, thì bão táp cách mạng chưa biết lúc nào sẽ nổ lên, với cường độ ngày càng mạnh hơn, và đó chính là nguy cơ lớn nhất đối với chủ nghĩa tư bản hiện đại.

*

Nhân dân Việt nam đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình trong một thời đại như vậy. Sự nghiệp này rất khó khăn, gian khổ và phức tạp. Nhưng chúng ta tin rằng, chúng ta nhất định sẽ đi trọn con đường mà Bác Hồ và Đảng ta, nhân dân ta đã chọn, chính vì nó phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài của nhân dân ta, với chiều hướng cơ bản của thời đại : độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Kẻ thù còn đó, và chúng ta không lơ là cảnh giác. Nhưng bạn bè khắp thế giới cũng đang bên cạnh chúng ta, đồng tình và ủng hộ chúng ta. Cần thấy hết những khó khăn, nhưng cũng cần thấy hết những thuận lợi.

Chủ nghĩa đế quốc còn có quá nhiều tham vọng. Nó không từ thủ đoạn nào hòng đánh gục đối thủ bằng chiến tranh lạnh, chiến tranh nóng, chiến tranh kinh tế, diễn biến hòa bình... Nhưng có nhiều điều hạn chế, không cho phép chủ nghĩa đế quốc muốn làm gì thì làm. *Trước hết*, sức lực bản thân nó có hạn, lại phải đối phó với các khó khăn chồng chất về các mặt, trong và ngoài nước. *Hai là*, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới buộc nó phải tính toán trước những cuộc phiêu lưu mới. *Ba là*, mâu thuẫn luôn luôn sâu sắc về quyền lợi giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, giữa các nước đế quốc với nhau, không cho phép nó bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, cũng có thể tập trung lực lượng để can thiệp vào công việc của nước khác. Nếu các nước đế quốc có thể liên kết với nhau, thì như Lê-nin nói : đó chỉ là những cuộc ngừng bắn giữa các cuộc chiến tranh mà thôi.

Trong hoàn cảnh quốc tế hiện nay, cùng với đường lối độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta rất rõ ràng và đúng đắn : nước ta muốn là bạn của tất cả các nước ; dân tộc ta muốn cùng với tất cả các dân tộc trên thế giới phấn đấu cho sự nghiệp chung cao cả của loài người là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Điều đó cũng sẽ góp phần ngăn chặn sức phá hoại của các lực lượng thù địch.

Với *Cương lĩnh* và *Chiến lược kinh tế - xã hội*, Đảng ta đã cơ bản xác định được mục tiêu và con đường đi đến mục tiêu của cách mạng nước ta. Đại hội VII của Đảng và các Hội nghị Trung ương 2 và 3 gần đây trên cơ sở phân tích một cách khách quan, khoa học tình hình thế giới và trong nước, đã đề ra những chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân. Đó là những nhân tố rất quan trọng để chiến thắng. Vấn đề mấu chốt, theo tôi, là trong quá trình biến Nghị quyết Đại hội VII và các nghị quyết của Trung ương Đảng thành hiện thực, mọi cán bộ, đảng viên cần thấm nhuần sâu sắc *hai tư tưởng lớn của Bác Hồ*, cũng là những tư tưởng truyền thống của dân tộc ta suốt trong quá trình dựng nước và giữ nước. Đó là *độc lập dân tộc, tự lực tự cường* và *lấy dân làm gốc*.

Nếu những tư tưởng đó được hiểu đúng, vận dụng tốt và thực hiện đến nơi đến chốn, chắc chắn nhân dân ta sẽ dần khắc phục được những yếu kém, vươn lên nhanh hơn, và sẽ thành công trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

LÊ XUÂN VŨ

CHỦ tịch Hồ Chí Minh là nhà hoạt động chính trị lỗi lạc, người thầy và lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt nam, đồng thời là nhà báo, nhà văn, nhà thơ lớn, người sáng lập, đặt nền móng và chỉ đạo việc xây dựng nền văn hóa mới Việt nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đã sum suê hoa trái trên đất nước ta để chúng ta có thể nói đến một "nền văn hóa Hồ Chí Minh". Chỉ riêng về văn hóa nghệ thuật, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đã là cả một kho tàng, ở tầm chiến lược và ngày càng ngời sáng qua thực tiễn. Có thể tìm thấy ở đây những vấn đề lý luận văn nghệ rất cơ bản theo quan điểm Mác - Lê-nin được diễn đạt giản dị và thiết thực. Bài báo này chỉ mong nêu lên được đôi ba điều then chốt, như là tâm đắc của người viết.

*

Nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nghệ thuật, trước hết phải nói đến "văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy"(1). Tư tưởng này trước khi phát biểu thành lời đã thể hiện trong truyện và ký của Người từ những năm 20. Những tác phẩm ấy biểu hiện tinh thần chiến đấu không thỏa hiệp chống đế quốc và phong kiến, niềm tin sắt đá vào lý tưởng và thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Trong dòng tư tưởng ấy, *Đề cương văn hóa Việt nam* năm 1943 ghi rõ : "Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động". Và chúng ta vẫn nhớ "cảm tưởng đọc *Thiên gia thi*" : "Nay ở trong thơ nên có thép. Nhà thơ cũng phải biết xung phong" *(Nhật ký trong tù)*.

Mặt trận văn nghệ không gươm súng nhưng thường là mặt trận tiền tiêu, tác động to lớn, lâu dài. "Văn chương có sức mạnh của nghìn quân", "văn chương làm đẹp cho nước", "văn chương có đủ sức sửa sang việc đời". Văn chương thế kỷ Ánh sáng Pháp chuẩn bị tư tưởng cho Đại cách mạng 1789. Văn chương cách mạng Việt nam "nuôi dưỡng và làm bùng nổ những gì đang sục sôi, đang gào thét" trong lòng người dân Việt nam mất nước, "gieo hạt giống của công cuộc giải phóng". Rồi nó cổ vũ tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc, "ca tụng chân thật những người mới, việc mới", " phê bình rất nghiêm khắc những thói hư tật xấu như tham ô, lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con đập vợ v.v." "nhằm làm cho xã hội ta ngày càng lành mạnh, tốt đẹp hơn"(2). Nó góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ngày nay, với lực lượng hùng hậu hơn và dồi dào sức trẻ hơn, nó dấn thân trong sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

"Viết để làm gì ?", văn nghệ không thể không vì một mục tiêu chính trị - xã hội nhất định. Do đó, nó "có liên lạc với chính trị rất là mật thiết". Nó không thể đứng trên, đứng ngoài "mà phải ở trong kinh tế và chính trị"(3). Nó đấu tranh cho cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ thì nó phải chống lại cái Giả, cái Ác, cái Xấu, ngòi bút trở thành "vũ khí sắc bén" và văn nghệ sĩ là "những chiến sĩ anh dũng " trong" sự nghiệp phò chính trừ tà".

Chúng ta không thể đồng tình với ý kiến cho rằng ngày nay đã trở lại "đời thường" mà còn nói "mặt trận văn nghệ", "vũ khí ngòi bút", "nhà văn -

---

(1)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t6, tr 136

(2)Hồ Chí Minh : *Sđd*, t9, tr 444

(3)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, t6, tr 137

Digitized by Google

chiến sĩ", "nghệ sĩ - chiến sĩ" thì "cũ quá và không hợp thời nữa" ! Bởi vì đâu đã ngừng được đấu tranh ? Cuộc đấu tranh ngày nay, ở nhiều khía cạnh, lại có phần khó khăn, phức tạp hơn. Chúng ta phấn đấu để nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu nước mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, tự do, thống nhất của Tổ quốc, đẩy tới sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng ngoài những yếu kém chủ quan, những hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tệ tham nhũng, đang cản trở chúng ta, vẫn còn có những thế lực tuyệt đối không muốn nước ta đứng vững và phát triển đi lên. Những trung tâm phá hoại tư tưởng từ các nước đế quốc vẫn kịch liệt chống phá ta. Ngay trên mặt trận văn nghệ, mặt tiêu cực của cơ chế thị trường và sự buông lỏng quản lý đã khuyến khích sách báo xấu độc tràn lan, bất lợi cho văn nghệ chân chính. Chúng ta lại đã chứng kiến cái gọi là" tư duy chính trị mới", những huyền thoại về "ngôi nhà chung", về "sự ưu tiên cho lợi ích chung của nhân loại so với lợi ích giai cấp" v.v, rốt cuộc phải trả giá bằng sự đổ vỡ của cả một siêu cường và sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội. "Những cái hôn kiểu La-mu-ret*", cả sự đơn phương giải trừ tư tưởng, sám hối tự phủ định mình đâu có ngăn được việc tỉnh táo xúc tiến kế hoạch "tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản trước năm 2000", "chiến thắng không cần chiến tranh".

"Nhà văn - chiến sĩ", "nghệ sĩ - chiến sĩ" là danh hiệu cao quý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho người làm văn nghệ, bởi "cây bút phục vụ chính nghĩa trong tay nhà văn chiến đấu có một lực lượng cực kỳ mạnh mẽ"(4). Chiến sĩ nghệ thuật có kiểu "xung phong" riêng của mình, dĩ nhiên, nhưng theo Người, đã là chiến sĩ thì "phải biết xung phong". "Biết xung phong" và "xung phong" là sứ mạng, là trách nhiệm không thể thoái thác của người cầm bút. Đại diện cho đời sống tinh thần lý tưởng của xã hội, chiến sĩ nghệ thuật là người "biết xung phong" trả lời những câu hỏi bức bách, khó khăn nhất của xã hội bằng nghệ thuật một cách hấp dẫn, say mê, thắp sáng những tâm hồn, thổi bùng những khát vọng cao đẹp, tự khẳng định mình cho dù là giữa dòng xoáy của thời cuộc. Ngay cả Xác-tơ-rơ, nhà văn hiện sinh Pháp nổi tiếng, cũng nhấn mạnh trách nhiệm nhà văn trong thời điểm cụ thể : "Mỗi chữ của anh ta đều có tiếng vang ngân. Nhưng cả mỗi sự im lặng của anh ta nữa cũng vậy. Tôi nghĩ rằng Phlô-be và Gông-cua phải chịu trách nhiệm về những vụ tàn sát sau Công xã Pa-ri, bởi vì họ không viết lấy một dòng nào lên án sự bạo ngược đó...".

Để "biết xung phong", làm tròn trách nhiệm văn nghệ sĩ - chiến sĩ, theo chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, văn nghệ sĩ ta phải học tập chính trị, trau dồi nghệ thuật, nghiệp vụ, văn hóa, đạo đức cách mạng, đi sâu vào quần chúng, đi sát sự thật v.v, nhưng trước hết "cần có lập trường vững, tư tưởng đúng"(5) Lập trường đó là độc lập, tự do, thống nhất của Tổ quốc, hạnh phúc nhân dân ; tư tưởng đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào thực tiễn Việt nam.

*

Văn nghệ đi con đường cách mạng của giai cấp công nhân, phục vụ nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, đó cũng là một tư tưởng then chốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa nghệ thuật.

Người nói : "Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy. Văn nghệ của dân tộc ta vốn rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tồi tàn, không thể phát triển được"(6). "Dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng"(7). Còn tại sao phải phục vụ nhân dân, trước hết là nhân dân lao động ? Vì nhân dân "là gốc của nước nhà", "công nông là người chủ của cách mạng". "Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo". "*Viết cho ai*" ?, theo Người, điều ấy cũng phải rõ ràng. Nền văn nghệ nước ta "lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm cơ sở"thì nó phải phản ánh đời sống nhân dân vì nhân dân. "Không thể nói nghệ

---

* *Lamourette* (Adrien), hồng y giáo chủ và chính khách Pháp (1742 - 1794).

(4)Hồ Chí Minh : *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb Văn học, Hà nội, 1981, tr 357

(5)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, t6, tr 136

(6)Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa, văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr 27

(7)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, t 9, tr 443

Digitized by Google

thuật vị nghệ thuật, mà cần nói rõ văn hóa phục vụ công nông binh", "tức là phục vụ đại đa số nhân dân"[8]. Đại đa số nhân dân ngày nay là công nhân, nông dân, trí thức, là nhân dân lao động nói chung, cả trí óc và chân tay. Người nói : *"Về sáng tác*, thì cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân. Như thế, mới bày tỏ được tinh thần anh dũng và kiên quyết của quân và dân ta, đồng thời để giúp phát triển và nâng cao tinh thần ấy"[9]. Người rất hài lòng vì phần lớn các nhà văn và các nhà công tác nghệ thuật đều gắn bó chặt chẽ với nhân dân, bởi vì "chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu nhà văn quên điều đó nhân dân cũng sẽ quên anh ta"[10].

Văn nghệ phục vụ nhân dân phải có nội dung chân thật, thiết thực, có ý nghĩa giáo dục, được nhân dân hiểu và yêu thích. Phổ cập để có được đông đảo công chúng nghệ thuật thật ra đâu phải dễ, đâu phải chỉ là đưa đến cho quần chúng những điều tầm thường, sơ đẳng mà họ thừa biết từ lâu ? Các tác phẩm có giá trị nghệ thuật của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều đưa đến cho quần chúng những nhận thức mới và tư tưởng mới, những chân lý lớn của thời đại bằng ngôn ngữ quần chúng, hợp trình độ quần chúng. Song Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn kiên trì giải thích : "... Muốn nâng cao lên thì phải ở đâu mà nâng lên, nếu ở giữa "khoảng không" mà nâng thì không cao mà cũng không thấp. Tóm lại, phải có cái nền đã, rồi từ cái nền ấy mới biết là nâng cao đến chừng nào, chỗ nào nên nâng cao". Phổ cập và nâng cao là một quan hệ biện chứng : nâng cao trên cơ sở phổ cập, trong phổ cập có nâng cao, nâng cao tới thành phổ cập. Xã hội ngày một tiến, trình độ nhân dân ngày một cao thì ngay văn báo chí, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng tán thành "Chớ viết khô khan quá. Phải viết cho văn chương. Vì ngày trước khác... Còn bây giờ khác, sinh hoạt đã cao hơn, người ta thấy hay, thấy lạ, thấy văn chương thì mới thích đọc"[11].

*

Một tư tưởng then chốt nữa của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa nghệ thuật là *văn nghệ phải đậm đà bản sắc dân tộc.*

Là lãnh tụ Đảng của giai cấp công nhân Việt nam đồng thời là lãnh tụ của dân tộc Việt nam, Người đánh giá cao và rất tự hào về truyền thống quý báu của dân tộc Việt nam, văn hóa Việt nam. "Nghệ thuật của cha ông hay lắm, tốt lắm"[12]. "Âm nhạc dân tộc của ta rất độc đáo"[13]. "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp"[14]... Người là hình ảnh của dân tộc Việt nam trong tính cách, tâm hồn, phong độ, lời ăn tiếng nói. Người tiêu biểu cho đạo lý làm người Việt nam, trí tuệ Việt nam, tinh thần và sức mạnh Việt nam. Người hết sức nhạy cảm với tất cả những gì liên quan đến truyền thống, đến vận mệnh của dân tộc. Đối với Người, dân tộc là trường tồn trong phát triển, và văn hóa là tinh hoa của dân tộc. Cho nên, Người rất chú ý đến bản sắc dân tộc của văn hóa trong đó văn nghệ là bộ phận đặc trưng quan trọng nhất.

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc, về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, dân tộc và thời đại, phân biệt tinh thần dân tộc với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi hay sô vanh nước lớn, dân tộc vị kỷ, độc tôn hoặc kỳ thị dân tộc v.v., Người nhấn mạnh : "mỗi dân tộc cần chăm lo đến đặc tính dân tộc của mình trong nghệ thuật"[15]. Ngày nay, chăm lo đến "đặc tính dân tộc" trước hết có nghĩa là khắc họa con người Việt nam đang xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần cao đẹp, khí phách anh hùng, tâm hồn phong phú; miêu tả sự việc, biểu dương thành tích, nhưng cốt nhất là vẽ lên được cái thần thái, tính cách Việt nam, "chú ý phát huy cốt cách dân tộc"[16], "lột cho hết tinh thần dân tộc"[17]. Bản sắc dân tộc thể hiện cả trong nội dung và hình thức của

---

(8)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, 1988, t8, tr 198

(9)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, t6, tr 136

(10)Hồ Chí Minh : *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Sđd, tr 515 - 516

(11)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Sđd, t8, tr 398 - 399.

(12), (13) *Bác Hồ với Văn nghệ sĩ*, Nxb Tác phẩm mới, Hà nội 1985, tr 176, 229

(14)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, t9, tr 415

(15)Hồ Chí Minh : *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Sđd, tr 480

(16) (17) Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa, văn nghệ*, Sđd, tr 77, 72

Digitized by Google

tác phẩm. Và, theo quan niệm của Người, "phát triển hết cái hay cái đẹp của dân tộc, tức là ta cùng đi tới chỗ nhân loại"(18).

Người rất quan tâm đến "việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh "phục cổ" một cách máy móc) và học tập văn hóa tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn")(19). Học tập vốn cũ dân tộc phải với tinh thần cách mạng chân chính để thâu thái được những cái hay của các đời trước. Học tập văn hóa tiên tiến của các nước thì phải tránh nguy cơ trở thành kẻ bắt chước không còn bản sắc. "Mình có thể bắt chước những cái hay của bất kỳ nước nào ở Âu Mỹ, nhưng điều cốt yếu là sáng tác. Mình đã hưởng cái hay của người thì mình cũng phải có cái hay cho người ta hưởng. Mình đừng chịu vay mà không trả"(20).

Dân tộc và quốc tế, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là thống nhất và làm phong phú lẫn cho nhau. Sự tác động qua lại giữa các nền văn hóa, văn nghệ của các dân tộc phải là sự tác động tích cực trên cơ sở bình đẳng, tự chủ, giữ gìn và phát huy được bản sắc dân tộc của mình. Chỉ dẫn này trở thành sự phê phán cần thiết đối với "chủ nghĩa đóng cửa" bảo thủ, duy ngã độc tôn, nhất là đối với "chủ nghĩa bê về" sống sượng, háo hức đánh mất mình trong việc tiếp thu văn hóa, văn nghệ nước ngoài. Chỉ dẫn này nhắc nhở chúng ta trong bối cảnh hiện nay chuyển theo cơ chế thị trường, mở cửa, mở rộng giao lưu và hợp tác văn hóa.

*

Thứ tư là tư tưởng *văn nghệ phải miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn, văn nghệ phải hấp dẫn và bổ ích.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Quần chúng mong muốn những tác phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có bổ ích"(21). "Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn những người, những việc ấy, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác"... "để cổ vũ đồng bào ta, để giáo dục con cháu ta"(22).

Thực hiện được yêu cầu này giả định là đã có hiểu biết nhất định về chức năng của nghệ thuật, nội dung và hình thức nghệ thuật, văn nghệ phản ánh hiện thực là phản ánh cái gì và thế nào, tính chân thật nghệ thuật, thể loại, ngôn ngữ nghệ thuật v.v. Về những vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói rất ngắn gọn, giản dị, có vấn đề chỉ nói tạt qua khi có dịp và cần thiết. Người không đi sâu vào học thuật, kỹ thuật. Đó là công việc của những nhà lý luận văn nghệ hoặc là nghiệp vụ sáng tạo của mỗi nghệ sĩ. Nhưng, sẽ là không đúng nếu cho rằng vì "nền văn nghệ mà Bác cổ vũ là một nền *văn nghệ phục vụ*, nền văn nghệ hướng vào mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng" nên "Bác ít chú ý đến *phương diện chủ quan* của hoạt động này như *tài năng*, cá tính *sáng tạo*" ; "Bác chưa quan tâm nhiều đến chức năng nhận thức (và tự nhận thức), chức năng thẩm mỹ và hầu như không nói đến chức năng *biểu hiện* (và tự biểu hiện) của văn nghệ".

Có thể bàn thêm về chức năng của văn nghệ, ba, bảy hay bao nhiêu tùy từng lập luận, nhưng rốt cuộc văn nghệ vẫn phải nhằm cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh văn nghệ phải có ý nghĩa giáo dục,... đồng thời cũng nhấn mạnh phải "hay", "thật hay", "sinh động", hấp dẫn", "chân thật và phong phú", "trong sáng và vui tươi". Ngay cả khi cần "viết những bài ca vắn, dễ hiểu, dễ thuộc lòng, phát cho dân", cần "diễn những bản kịch giản đơn", Người vẫn yêu cầu phải "cảm động", nghĩa là phải có nghệ thuật. Thế là Người chú ý cả ba chức năng phản ánh (hay nhận thức), giáo dục, thẩm mỹ, chú ý cả tính tư tưởng lẫn tính nghệ thuật, cả nội dung lẫn hình thức của tác phẩm.

Người cũng rất chú ý đến những nhân tố đặc thù của hoạt động văn nghệ. Người vui mừng khi nhờ cách mạng "những người văn nghệ cũng có điều kiện thuận lợi để phát triển tài năng của mình". Giữa Người với văn nghệ sĩ "có cái gì là dễ dãi, là quen thuộc, là hấp dẫn, là thân mật của tình cha con"(23). Người nói : "Văn học của chúng tôi, nghệ

(18) Theo báo *Tiền phong*, số 23, ngày 15-11-1946
(19)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sdd, 1987, t7, tr 59
(20)*Có một nền văn hóa Việt nam*. Hội văn hóa cứu quốc xuất bản, 1946, tr 25
(21)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sdd, t9, tr 444
(22)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sdd, t9, tr 356
(23)*Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Sdd, t r 26

Digitized by Google

thuật của chúng tôi cũng *luôn luôn tìm tòi những con đường* (người dẫn nhấn mạnh) để làm sao có thể kể một cách chân thực hơn và chân thành hơn cho nhân dân nghe về những mối lo âu và những suy nghĩ của nhân dân"[24]. Người nhắc nhở : "Cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi. Cũng như vào vườn hoa, cần cho mọi người được thấy nhiều loại hoa đẹp". Từ thực tiễn sáng tác của mình, Người hiểu rõ nghệ thuật không chấp nhận sự thô thiển, gò ép, can thiệp vào công việc sáng tạo cụ thể, Người căn dặn : "Cần khuyến khích, giúp đỡ tốt hơn nữa những anh chị em trẻ, bày vẽ thêm cho họ, nhưng phải chú ý làm cho họ giữ tình cảm chân thật, chớ gò vào khuôn làm mất về sáng tạo"[25]. Rõ ràng, không thể nói là Người không chú ý đến sự phong phú, đa dạng của chủ quan nghệ sĩ, của tài năng, của cá tính sáng tạo. Chỉ có mỹ học duy tâm mới thần bí hóa văn nghệ, tuyệt đối hóa chủ thể sáng tạo. "Tự biểu hiện" bất chấp thực tế khách quan đến mức "rất khó hiểu và ngay các nhà chuyên môn có khi cũng không hiểu nổi" như nhiều trường phái của chủ nghĩa hiện đại thì Người khuyên chớ nên theo.

Nội dung của mỗi tác phẩm nghệ thuật cụ thể là sự thống nhất giữa thế giới hiện thực và thái độ của chủ thể sáng tạo đối với nó. Chẳng hạn, cùng viết về cái Ác nhưng có tác phẩm đọc "chỉ thấy tối sầm lại", có tác phẩm cho "thấy được ánh sáng để nhảy qua bóng tối". Viết về chiến tranh chống Mỹ, cứu nước vĩ đại mà có tác giả lại miêu tả cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân ta một cách bi thảm qua tâm trạng buồn tủi của riêng mình. Có nhiều lý do khiến nghệ sĩ quan tâm điều này hay điều khác trong hiện thực, cảm thụ và đánh giá chúng thế này hay thế khác. Quá trình sáng tác là sự trình bày thái độ của nghệ sĩ đối với thực tế, là sự lựa chọn có sáng tạo, là sự đánh giá về tư tưởng, là sự khẳng định hay phủ định, là bản án đối với cuộc sống theo cách nói của Tréc-nư-sép-xki, hay theo Ip-xen, là việc xét xử cuộc sống và trước hết là xét xử mình. Hình tượng nghệ thuật phản ánh cuộc sống bao giờ cũng chứa đựng ít hoặc nhiều, kín đáo hay bộc bạch tư tưởng, tình cảm chủ quan của nghệ sĩ sáng tạo ra nó. Chỉ có sao chép hiện thực, phản ánh hiện thực một cách giản đơn, thô thiển, không hoặc ít làm công việc sáng tạo nghệ thuật - tác phẩm mới không có tư tưởng của cá nhân người nghệ sĩ.

Vì vậy, không nên sợ rằng nhấn mạnh văn học có nhiệm vụ phản ánh hiện thực thì sẽ không chú ý đến vai trò chủ thể của nhà văn, tác phẩm sẽ không có tư tưởng hay "suy tư tưởng" mà lập luận rằng "trên bình diện lý luận nghệ thuật.... văn học trước hết không phản ánh hiện thực...". Chưa nói đến sáng tạo nghệ thuật, chỉ riêng thuyết phản ánh duy vật trong lĩnh vực triết học, nhận thức luận, cũng đã nói đến khả năng nhận thức hết sức phức tạp và đầy mâu thuẫn, chủ thể nhận thức phải trăn trở, nghiền ngẫm, khắc phục dần mâu thuẫn giữa cái chủ quan và cái khách quan, đi từ chỗ chưa đến chỗ nhận thức được, từ ít đến nhiều, từ nông đến sâu, ngày càng tiếp cận bản chất của hiện thực khách quan, nhằm cải tạo hiện thực khách quan...

Nhấn mạnh sự phong phú của thực tế khách quan, coi đó là "kho nguyên liệu vô tận" cho những tác phẩm mà đồng bào ta đang chờ đợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh không bảo phải sao chép hiện thực. Người yêu cầu nghệ thuật phải phản ánh được bản chất, xu thế phát triển tất yếu của cuộc sống trong tất cả tính phong phú, phức tạp của nó. Người nói : có thể" viết về mọi cái. Đừng bỏ qua ngóc ngách gay cấn nào hết, đừng im lặng làm ngơ chuyện gì hết", và có khen cũng phải có chê : "Viết để *nêu* những cái hay, cái tốt của dân ta, của bộ đội ta, của cán bộ ta, của bạn ta. Đồng thời để *phê bình* những khuyết điểm của chúng ta, của cán bộ, của nhân dân, của bộ đội. Không nên chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu"[26]. Nhưng, "nhân dân ta rất anh hùng", "Đảng ta thật vĩ đại", "quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta". Người nhắc nhở trách nhiệm cao quý

(Xem tiếp trang 59)

(24)Hồ Chí Minh :*Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận* Sđd, tr 515

(25)Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa văn nghệ* Sđd, tr 77

(26)Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Sđd, tr 22

Digitized by Google

MẤY Ý NGHĨ TRƯỚC HIỆN TÌNH VĂN HỌC

ANH ĐỨC *

CÙNG công cuộc đổi mới với xiết bao nỗ lực để giữ vững ổn định, xây dựng và phát triển đất nước, văn học nước ta trong mấy năm nay có những phấn đấu và chuyển động đáng chú ý. Ai cũng có thể nhìn thấy bầu không khí sáng tạo đã được mở ra rộng hơn, thoáng đãng hơn. Từ đó sáng tác văn học cũng trở nên đa dạng và phong phú hơn. Đề tài của sáng tác bớt đi vẻ đơn điệu, người viết đáp ứng yêu cầu ngày càng cao hơn của người đọc, đã trăn trở rất nhiều, đã đi sâu khai thác nhiều chiều, nhiều hướng, nhiều góc cạnh của đời sống, do đó đã đưa người đọc hôm nay đến với bao cảnh đời, bao con người mà họ ít biết tới, trong đó có những cảnh đời trắc trở, u uẩn, trong đó có những con người nếm trải buồn vui, hy vọng và thất vọng... Nhờ vậy, sáng tác văn học đã góp phần tác động tích cực đến quá trình vận động tiến lên của xã hội, đến sự nghiệp đổi mới của đất nước. Tôi có điều kiện được biết sự chuyển động này, sự phong phú và đa dạng này nhờ tham gia đọc và chấm giải mấy cuộc thi truyện ngắn với quy mô lớn, trong đó có cuộc thi, số người dự lên tới bốn, năm ngàn người. Riêng ở thể loại truyện ngắn, tôi ngạc nhiên về sự tham gia đông đảo đó. Có rất nhiều tác giả mới, viết khá thành thạo và chững chạc, chứng tỏ họ có công thâm nhập, tìm hiểu, nắm được kỹ thuật và có khả năng sắp xếp, diễn đạt những gì cõi lòng họ bức xúc, tha thiết muốn nói. Và đời sống ở từng truyện nếu đem gộp lại, thật là nghìn vẻ. Đây là điều đáng mừng. Về tiểu thuyết, tôi có cảm tưởng đi chậm hơn. Có người cho rằng tiểu thuyết chựng lại. Việc này cần phải khảo sát kỹ hơn. Nhưng rõ ràng có tình hình tiểu thuyết in ra rất nhiều, mà quyển hay, quyển có chất tiểu thuyết đích thực là hiếm. Tại thành phố Hồ Chí Minh, có người một năm cho ra ba, bốn quyển nhưng chất lượng yếu kém. Tình trạng sao chép, sửa lại chút ít sáng tác của tác giả khác rồi đem in đã xảy ra ngày một nhiều khiến cho thị trường sách rất lộn xộn. Văn chương trong các cuốn tiểu thuyết này hời hợt, kém cỏi, có quyển câu chuyện xảy ra tách rời bối cảnh xã hội Việt nam, khiến người đọc thấy dường như nó xảy ra ở Hồng công hay Đài loan chứ không phải ở nước ta. Loại ra những cuốn tiểu thuyết in rất tốn giấy đó, có những cuốn đáng chú ý, viết có văn và có vấn đề, tuy số lượng không nhiều.

Sau khi đọc một số sáng tác văn học gần đây gồm truyện ngắn và tiểu thuyết, tôi muốn nói lên ý nghĩ trước tiên của tôi *về việc miêu tả thiện và ác*. Tôi nhận thấy có cuốn tuy thể hiện cuộc sống khá gay gắt, ác liệt giữa tốt và xấu nhưng đọc xong vẫn chấp nhận được, tin tưởng được vào con người và tương lai, vì khi viết, tác giả luôn biểu thị thái độ hướng tới điều tốt, mong muốn xã hội trở nên tốt hơn. Nhưng rất đáng tiếc là có những sáng tác đã viết về sự ác không có được một thái độ như vậy. Trong văn học, điều này từ lâu đã thành như một luật định, một mục đích và tôn chỉ bất thành văn, như một chân lý : Văn học là phải hướng thiện, nâng đỡ và cổ vũ con người đi lên trong cuộc sống, cho dù khi ấy tác giả đang tả cái ác. Điều tối kỵ của sáng tác văn học là sự phơi bày cái ác một cách dửng dưng, hoặc lợi dụng cái ác để khoét sâu vào những thiếu sót, những mảng lở mà ta cần khắc phục và hàn lại. Tôi có đọc một truyện ngắn viết về một thị trấn ở miền Bắc, một thị trấn mà tôi ngờ ngợ rằng mình đã từng biết, từng sống qua. Trong câu chuyện tác giả viết về thị trấn này toàn là sự đố kỵ, xúc xiểm, lại căng và diễn ra những pha đâm chém nhau ráng rọn giữa người thân. Tôi bàng hoàng về thái độ người viết khi dựng nên các cảnh tượng ấy, và cuối cùng là tôi không tin. Không phải tôi không tin không có các chuyện ấy trong cuộc đời - mà là vì tôi nhận thấy ở đây có sự gom góp, xâu chuỗi, đúc lại, khiến cho cái ác trở nên tập trung có dụng ý, trong khi cái ác rất có thể có, nhưng nó nằm rải rác. Như thế là lộ ra ý hướng, thái độ. Nên nhớ rằng đối với việc này, người đọc ngó thấy rất mau lẹ, và một khi họ thấy thái độ người viết

* Nhà văn

Digitized by Google

không hướng thiện sau dòng chữ, tức thì họ ngờ vực, không tin.

Trong lịch sử văn học tự cổ chí kim, ở nước ta và thế giới, chưa thấy có tác phẩm nào thuộc loại đó tồn tại nổi qua thời gian. Những tác phẩm vĩ đại, bền vững đều chứa đựng tính nhân đạo và nhân bản. Nhân đây, ta cần nhớ lại nhận xét rất xác đáng của Mác đối với hai quyển tiểu thuyết : "Những người khốn khổ" của Vích-to Huy-gô và "Những bí mật thành Pa-ri" của Ơ-gien Xuy (Eugène Sue). Mác đã ca ngợi chất nhân đạo ở Huy-gô và nghiêm khắc phê phán sự thể hiện cái ác thiếu tính người của Xuy. Và hiển nhiên, trải qua bao năm tháng, "Những người khốn khổ" đã vươn lên sum suê, đồ sộ che khuất "Những bí mật thành Pa-ri", trong khi cả hai cuốn đều viết về những cảnh đời ở Pa-ri.

Về sáng tác văn học thể hiện cuộc kháng chiến cứu nước, thì các sáng tác viết về cuộc chống Pháp và chống Mỹ ngay giữa lúc còn đang kháng chiến cũng như sau đó đã đạt được những thành tựu rất lớn, mặc dù còn có nhiều thiếu sót, non yếu và chưa cân xứng với tầm vóc lớn lao của một thời kỳ oanh liệt nhất của dân tộc. Có thể trong các sáng tác về đề tài chiến tranh, các nhà văn Việt nam còn đơn giản, thiếu chú ý đi sâu miêu tả thực tế khốc liệt của cuộc chiến, những hy sinh, mất mát, để từ đó nâng cao hơn giá trị chiến thắng đạt được. Riêng tôi, là người đã viết nhiều về đề tài này, tôi xin được nói thêm rằng : cũng không phải hoàn toàn khi đó chúng tôi không hiểu và không ý thức được mặt trái, mặt tổn thất nặng nề mà quân dân ta phải gánh chịu khi phải đương đầu với một kẻ địch quá mạnh là Mỹ. Nhưng khi đó, nếu miêu tả đậm về mặt này, dù là trong một phạm vi hẹp, sẽ gây bất lợi cho cách mạng, sẽ có ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu chung, bởi vì sáng tác văn học dù phản ánh ở một phạm vi nào cũng đều có ý nghĩa nhằm đưa tới cái khái quát và điển hình. Nếu nhà văn không nhằm đạt tới điều đó thì sáng tác đâu có nghĩa lý gì. Nói chuyện này, tôi muốn nói về quyển sách của anh Bảo Ninh, quyển "Nỗi buồn chiến tranh". Tôi cho rằng những gì anh Bảo Ninh miêu tả có thể là có thực, ở một nơi nào đó, ở một đơn vị nào đó. Thậm chí, bằng thực tế mà tôi đã trải, tôi còn có thể nói là có nơi, có lúc ta còn lâm vào tình huống bi thảm, ngặt nghèo hơn thế nữa. Nhưng đó không phải là cái phổ quát và tiêu biểu, *nhất là về mặt ý chí*. Ngoài ra, đọc quyển sách người đọc nhận thấy rất rõ tác giả đã đem tâm trạng ngày hôm nay của mình đặt vào ngày hôm qua. Như thế thì không phù hợp. Khi nói về tính khái quát và tiêu biểu, có người đã bảo tôi : "Giờ đây cần gì tới cái đó, miễn có là viết ra được !" Tôi vẫn nghĩ : sáng tác văn học ở bất cứ xứ sở nào, ở bất cứ thời đại nào cũng đòi hỏi tính tiêu biểu. Đây là ý nghĩa trọng yếu của văn học. Đây là điều then chốt mà mỗi người viết hiểu rõ chức năng và công việc của mình đều phấn đấu để đạt tới cho được.

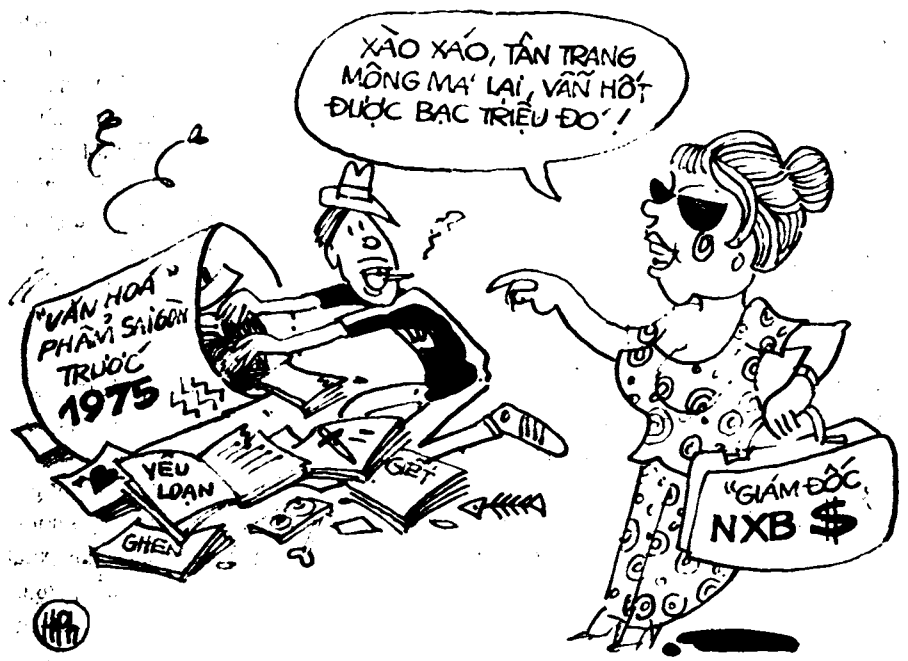
Trước hiện tình văn học, tôi còn có suy nghĩ về cái gọi là *đời thường*. Gần đây, bỗng nhiên lan ra hai chữ đời thường mà trước kia ít thấy ai nói. Nào là "muôn mặt đời thường", "hoa hậu đời thường", "tham nhũng đời thường"... Tôi hiểu hai chữ này chỉ cuộc sống riêng tư, bình thường của mỗi người. Trên bình diện chung, nó chứa đựng ý nghĩa tích cực là lưu ý xã hội về những cảnh đời riêng, những thân phận, mà có một thời ta ít để ý, quan tâm, và sáng tác văn học cũng không đi sâu miêu tả, có phần mải lo chú trọng viết về những con người với hành động cao cả, cao vời, khó với tới. Tôi thấy nay ta có sự quan tâm, lưu ý là rất hay vì con người cần có nhiều thứ tưởng như vặt vãnh nhưng lại hết sức tự nhiên, bức xúc : cơm áo, vui chơi, yêu đương, việc làm... Nhưng đời thường vốn mông mênh rộng lớn như biển, và đầy phức hợp. Có những đời trong sáng, giản dị, đẹp đẽ mà cũng có những đời độc ác, tiện, hèn mọn. Người viết ngoài việc cần phải ra sức thâm nhập, tìm hiểu, nhìn thấu đáo các mặt ấy để thể hiện sao cho đúng đắn, thì cũng không thể quên nhiệm vụ cổ vũ những con người, những yếu tố tích cực góp vào hướng đi lên chung của dân tộc, của đất nước. Vì rằng công cuộc đổi mới cũng là một trận đánh, một trận đánh mới mẻ và khác lạ, thậm chí còn nhọc nhằn gian nan hơn trận đánh bằng súng đạn. Vậy thì tại sao văn học không ra sức vun vào sự nghiệp ấy, thổi một luồng gió mạnh mẽ vào tâm hồn người đọc như chúng ta đã từng làm trong những ngày chống Mỹ.

Sáng tác văn học không được lợi dụng hai chữ "đời thường" mà thêm thắt, bịa tạc những hành động thô lỗ, bạc ác cho những nhân vật có thật trong lịch sử. Đã có trường hợp anh hùng dân tộc bị gán cho hành vi tệ hại mà các vị ấy không hề có. Trong giới văn học nghệ thuật mới đây xuất hiện một số bài viết bươi móc, nói xấu đồng nghiệp của mình. Tất cả những điều ấy, trước hết hủy hoại chính người viết, đồng thời làm hại cho uy tín của cả giới.

Digitized by Google

Về vấn đề tiếp thu văn học truyền thống và tinh hoa văn học thế giới, tôi vẫn luôn nghĩ rằng bản thân tôi đã chịu ơn nhiều tác giả và tác phẩm trước Cách mạng Tháng Tám. Nhưng không phải vì vậy mà tiếp thụ tất cả. Một người viết thuộc thế hệ sau, và những người đọc minh mẫn đều biết tự xử lý, đều có sự gạn lọc. Có một thời chúng ta không nhắc tới nhiều tác phẩm tốt, hoặc đã từng phê phán các tác phẩm ấy một cách khắt khe, phiến diện. Xét cho cùng,đây là hệ quả của một thời ấu trĩ và giáo điều. Nay ta có cái nhìn lại khách quan hơn, đúng hơn, nên việc chọn in lại những tác phẩm tốt là hết sức cần. Nhưng coi bộ có phần đi quá đà, phục hồi lại hầu như toàn bộ, không có phân tích, phê phán, không tính gì đến mặt lợi, hại. Công bằng mà nói, trước cách mạng, có những tác phẩm hay, tạo nên xúc cảm mỹ học lâu dài giữa lòng người đọc. Nhưng không phải tất cả đều hay và lành mạnh. Trong số đó, có những bài thơ đi vào bí hiểm, siêu thực, đã được tác giả viết ra trong lúc bế tắc ; có những quyển truyện đề cao anh hùng cá nhân hoặc viết về những tình yêu ủy mị mà hôm nay đọc lại thấy rất lạc hậu, cổ lỗ và lạc lõng. Gần đây văn học thế giới được truyền bá nhiều hơn, nhưng cũng còn chắp vá, chưa có một kế hoạch đồng bộ. Lẽ ra việc này phải được tổ chức cẩn thận, ở cấp nhà nước, để tiếp nhận, đem về cho nhân dân ta thụ hưởng kho giá trị tinh thần to lớn của nhân loại. Chúng ta cần loại bỏ những cuốn sách xấu và kém của nước ngoài, để in những cuốn hay nhất, tốt nhất. Việc này đòi hỏi các nhà xuất bản phải có nhãn quan rộng, có trình độ thẩm định, và có trách nhiệm.

Văn nghệ nói chung và văn học nói riêng của một nước có khởi sắc hay không, chủ yếu là nhờ vai trò sáng tạo của nhà văn, nhà thơ ở nước đó làm nên. Kế đó còn nhờ ở hoạt động lý luận và phê bình (cũng là những nhà văn) đóng vai trò cổ vũ, phê phán, kích thích nền văn học đi lên. Rất tiếc là thời gian qua, hoạt động của lý luận và phê bình yếu - riêng về lý luận có hiện tượng đặt lại vấn đề, như vấn đề phản ánh hiện thực, vấn đề văn học và chính trị, đều là những vấn đề cũ, về cơ bản hầu như đã được xác định từ lâu. Đối với người viết, theo tôi, họ không mấy quan tâm tới những vấn đề đó. Cái mà họ cần là chất liệu của cuộc sống, có điều kiện vật chất tương đối bảo đảm ngồi viết, và được in ra. Một nền văn học lớn không thể thiếu một nền lý luận phát triển cao. Nhưng xét cho cùng, đời sống với ý hướng phản ánh tốt vì con người, vì nhân dân, vì đất nước, điều đó cao hơn hết thảy. Nó nằm ở bên trên mọi thứ trường phái, mọi phương pháp, mọi luận lý.



Tranh : Hồng Phương (Hà nội)

Digitized by Google

Trách nhiệm công dân của người cầm bút

VŨ QUẦN PHƯƠNG *

Có lẽ không ai phản đối tính thực tiễn của khái niệm này. Điều mà hiện nay ta vẫn gọi bằng những thuật ngữ hiện đại : "trách nhiệm công dân", "nghĩa vụ công dân", "tinh thần công dân", ngoài ý nghĩa thông thường được quy định trong Hiến pháp, thì đối với người cầm bút, hay người nghệ sĩ nói chung, nó còn có một ý nghĩa cao cả và sâu sắc hơn. Đó chính là sự đúc kết và nâng cao của những truyền thống tốt đẹp đã được hình thành và thử thách trong lịch sử hàng nghìn năm của nền văn học nước nhà, qua các thế hệ những người cầm bút ; là tiếng lòng của trái tim nghệ sĩ trước vận mệnh của dân tộc, của cộng đồng, trước số phận và nỗi đau của người dân. Những bài thơ Thiền đầy hư vô của các vị cao tăng từ thời Lý, cũng đã tràn đầy thiện ý giúp đời của người cầm bút. Các vị giải thích mọi lẽ huyền vi để hướng người đọc vào một cách sống giàu tính nhân văn nhất, hơn nữa còn có những bài bàn về phép an dân trị nước. Thơ Nguyễn Trãi phóng túng với thiên nhiên mà thâm trầm trong đạo lý làm người : "Trồng cây đức để con ăn". Sau này Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng rất gần với Nguyễn Trãi. Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương phong cách ngược nhau, nhưng đều là những nhà truyền giáo của chủ nghĩa nhân văn, đứng lên đòi hạnh phúc cho con người, đặc biệt là cho người phụ nữ. Có những giai đoạn lịch sử văn học trực tiếp làm nhiệm vụ của chính trị. Đó là ở những thời kỳ chống ngoại xâm. Lý Thường Kiệt dùng thơ bảo vệ cương vực quốc gia, Phan Bội Châu hòa máu vào nước mắt viết thư gửi đồng bào, Tố Hữu từ xiềng xích và máu lửa nhà tù làm thơ giác ngộ cách mạng. Các nhà thơ hồi chống Pháp chống Mỹ lấy nhiệm vụ đánh giặc cứu nước làm nền tảng cho cảm hứng, lấy cảnh ngộ của nhân dân làm tâm trạng của chính mình. Thơ đã có sức lay động hàng triệu lòng người, đã có thời : "Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy" (1). Nhiều nhà thơ, nhà văn đã hy sinh giữa trận tiền với tư thế chiến sĩ. Ngay Tản Đà, nhà thi sĩ nổi tiếng ngông và ham rượu, ham chơi, nhưng ham gì thì ham, ông vẫn luôn tự răn mình : "Hai chữ Thiên Lương thằng Hiếu nhớ".

Đã là nghĩa vụ thì phải có tính bắt buộc. Nhưng đây là sự bắt buộc của lương tâm, hoàn toàn có tính tự giác và được thực thi theo quan niệm của từng người cầm bút.

Một quan niệm rộng rãi : bản thân việc làm nghệ thuật đã là đóng góp của nghệ sĩ, bất luận là tác phẩm nói về điều gì. Như trước đây có người nói : ngay thứ nghệ thuật vị nghệ thuật cũng là vị nhân sinh rồi, bởi nhân sinh cần cái đẹp. Vậy sáng tạo ra cái đẹp cũng là một cái thực thi nghĩa vụ công dân. Quan điểm này không phải không có lý nhưng nó dễ làm mờ đi phía quan trọng hơn là nội dung xã hội của cái đẹp. Hiển nhiên là người nghệ sĩ sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, song bản thân cái đẹp, tuy không hoàn toàn đồng nhất với cái có ích, nhưng cũng không thể tách rời khỏi các ý nghĩa xã hội. Chẳng hạn, với thơ, dù nói những tình cảm muôn đời của con người như tình yêu, tình mẹ con, thì từ trong những tầng sâu cảm xúc vẫn ẩn giấu một thái độ xã hội. Còn đối với những bài thơ mang nội dung xã hội, chính trị, thì tác động xã hội của tác giả là đương nhiên, cụ thể, rõ ràng.

Phẩm chất chiến sĩ của nhà thơ Việt nam thể hiện khá rõ trong suốt thế kỷ XX. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc đã lay gọi mọi trái tim Việt nam. Nhiều trái tim thi sĩ đã biểu lộ sự nhạy cảm đầu tiên. Với họ, thơ đã là vũ khí, là công cụ tập hợp đồng bào đánh giặc. Chúng ta đã có cả một nền thơ yêu nước và cách mạng. Thuở ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, bao lớp thanh niên đã đồng cảm và xúc động khi bắt gặp lý tưởng và tình cảm của cha ông trong những bài thơ yêu

* Nhà thơ, Chủ tịch Hội văn nghệ Hà nội

(1) Thơ Chế Lan Viên

Digitized by Google

nước đầu thế kỷ. Cái khí phách "Vạch trời thét một tiếng vang, cho thân tan với giang san nước nhà" (2) là khí phách của cả một thời đại. Vích-to Huy-gô, trong trường ca *Trừng phạt* đã rất có lý khi viết : sau tất cả mọi điều, thiêng liêng nhất chỉ là Tổ quốc và tự do. Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cũng nói : *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Thơ và toàn bộ nghệ thuật chân chính chắc không nằm ngoài mục đích cao cả đó. Không một nghệ sĩ lương thiện nào lại không hướng lòng mình vào độc lập Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.

Lòng yêu nước không bao giờ là cũ. Các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm ở tất cả các thế kỷ không bao giờ là vô ích. Có những lúc thực tế xã hội xấu tốt đan cài, tiến bộ và lạc hậu xen kẽ, không dễ phân biệt chân ngụy. Chỉ còn cách dựa trên những nguyên tắc lớn. Đánh đuổi ngoại xâm cũng là một nguyên tắc lớn. Cả về vật chất lẫn tinh thần, không ai bênh vực một đời sống thuộc địa. Ngay cả khi những cuộc khởi nghĩa thành công bị đánh cắp thành quả thì cũng không vì thế mà làm mờ đi phẩm chất cao cả của cuộc đấu tranh. Chúng ta đã thấy nhà Trần bê bối sau chiến thắng quân Nguyên, triều Lê sát hại công thần sau khi đánh đuổi giặc Minh, gia đình Tây sơn lục đục sau chiến thắng quân Thanh. Nhưng rõ ràng, chúng ta không mất đi một mảy may tự hào nào khi nhìn lại các chiến công đó. Nó có tác động kỳ diệu hun đúc cho ta lòng yêu nước. Đó cũng là cái nhìn biện chứng về lịch sử. Người cầm bút, cố nhiên có sẵn trái tim yêu nước rồi, vẫn cần có cái nhìn khoa học và tỉnh táo để phát hiện những yếu tố, những cội nguồn làm nên sức mạnh thần kỳ của dân tộc, để chúng ta trở thành người chiến thắng mà thắng Mỹ là một ví dụ điển hình. Đó là chiến công khiến cho tất cả những ai yêu công lý và tự do trên trái đất đều vui mừng và khâm phục. Nhiều tấm gương hy sinh của dân ta đã thành biểu tượng cho cái đẹp của con người. Là người Việt nam chúng ta có quyền và cần phải tự hào về điều đó. Đó cũng là một trong các nguồn gốc đạo lý của chúng ta. Xin đừng để mất ! Tôi đã sống qua thời chống Mỹ, đã chứng kiến những hy sinh, dù chỉ là một phần quá bé, nhưng xiết bao thiêng liêng và xúc động. Do vậy tôi thấy không chân thực, ở một cuốn tiểu thuyết viết về chiến tranh gần đây, vốn chứa đựng nhiều ý nghĩ thành thực của tác giả - khi anh miêu tả những cái chết của người ra trận có gì như tức tưởi oan ức, đầy bi đát. Tôi cũng hiểu rằng mỗi tác giả có một "tạng" chọn tình huống cho nhân vật, nhưng cách nhìn bao trùm thì phải trung thành với hiện thực. Hồi ấy, những cái chết ở trận tiền, những lời nói cuối cùng của người hy sinh, nhiều khi rất mộc mạc, đều có sức lay gọi ta tiếp bước họ. Làm mất đi vẻ đẹp ấy - dù vẻ đẹp có cả sự ấu trĩ - là không công bằng với người đã khuất, bắt họ phải hy sinh một lần nữa : hy sinh cái lý tưởng của họ.

Cái nghĩa lớn của con người, trong sự hiểu biết của tôi, hầu hết các nhà văn Việt nam đều có. Và lòng yêu công lý, yêu công bằng xã hội là một khát khao của họ. Nỗi khát khao ấy làm họ như bị bỏng khi chạm vào những bất công còn đang có trong xã hội ta. Nỗi đau bỏng rát ấy làm họ phải thét lên, khi căm giận khi bi quan. Người bình tĩnh, tỉnh táo có thể phân tích đúng sai của một tiếng thét tự đáy lòng. Đó cũng là việc nên làm. Nhưng xin hiểu đấy là những tiếng kêu lương thiện. Đồng thời, cũng cần tinh tế để phân biệt trường hợp không đau mà thét, có khi thét to, thét nhiều. Tính chân thực là yêu cầu số một đối với nghệ sĩ. Những vấn đề của trái tim thì cần được thông cảm bằng trái tim. Nhưng lợi dụng sự độ lượng của trái tim để gieo rắc bạo lực, tuyên truyền mê tín dị đoan, thủ tiêu lý trí, gây rối loạn xã hội, làm băng hoại đạo đức thì cần phê phán kịp thời, bởi nó trái với lương tâm và trách nhiệm của người nghệ sĩ - công dân. Đó là điều kiện tiên quyết để chúng ta xây dựng được nền văn học chân chính, để không bị tan rã đội ngũ, để hoàn thành được trách nhiệm mà cộng đồng giao cho.

Tôi không tán thành việc sử dụng văn nghệ như một công cụ thô thiển cho các mục đích chính trị. Nhưng bản thân văn nghệ nhìn từ bất cứ góc độ nào cũng không nằm ngoài ảnh hưởng và chi phối

(Xem tiếp trang 47)

(2) Thơ Phạm Tất Đắc

Digitized by Google

Quản lý văn hóa văn nghệ trong điều kiện kinh tế thị trường

TRỊNH ĐÌNH KHÔI *

TRƯỚC hết, ta hãy nhìn lại văn hóa nghệ thuật từ khía cạnh kinh tế trong lịch sử phát triển của nó, trong hai nền văn hóa phát triển và song song tồn tại - văn hóa *dân gian* và văn hóa *bác học*. Văn hóa dân gian có tính tự phát, sống bằng sự tự nguyện đóng góp của nghệ nhân hoặc lòng từ thiện của cộng đồng, nên nó phổ biến, và chỉ phát triển đến mức nào đó. Văn hóa bác học từ xưa đến nay thường được các tổ chức tôn giáo hoặc chính quyền bảo trợ và có định hướng rõ rệt. Những tác phẩm kiến trúc, hội họa tiêu biểu, còn lại đến ngày nay, đa số nhờ vào sự tài trợ của vua chúa, giáo hội. Cũng nhờ thế mà những nghệ sĩ chuyên nghiệp xuất hiện. Họ sống bằng sự bảo lãnh và chuyên tâm vào sáng tác, họ sống để làm nghệ thuật, vì nghệ thuật. Hoạt động văn nghệ trở nên phong phú, đa dạng.

Đối với giáo hội, vua chúa, quan lại cấp cao, nghệ thuật không phải chỉ là nghi lễ, thú vui, mà còn là biểu hiện của quyền lực, sự giàu có, thịnh trị. *Tao đàn nhị thập bát tú* của Lê Thánh Tông là một ví dụ. Ngược dòng lịch sử nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc thời Lý, Trần phát triển phồn thịnh là nhờ Phật giáo trở thành quốc giáo.

Khi kinh tế hàng hóa phát triển, thành thị ra đời đòi hỏi văn hóa cao, con người có khả năng chi phí cho hưởng thụ nghệ thuật ngoài nhu cầu ăn uống, thì người ta mới thấy xuất hiện nhiều loại hình nghệ thuật với nhiều hình thức đầu tư. Phải chăng từ đó văn nghệ mới thật sự trở thành hàng hóa, một loại hàng hóa *đặc biệt* ?

Là hàng hóa, nghệ thuật đương nhiên được mua bán trên thị trường, và giá cả, giá trị của nó cũng bị chi phối bởi quy luật cung cầu như các hàng hóa khác. Tuy nhiên, là hàng hóa *đặc biệt*, nghệ thuật cần có sự trợ giúp của xã hội (của tôn giáo, chính quyền, đoàn thể, thậm chí của cá nhân vì những mục đích nhất định).

Như vậy, đối với văn nghệ sĩ, những người sản xuất tinh thần, có cần được xã hội tài trợ dưới nhiều hình thức không ? Hơn nữa, những sản phẩm mà văn nghệ sĩ phải đầu tư nhiều công sức và phương tiện, có khả năng tồn tại và phát triển không ? Những sản phẩm làm theo đơn đặt hàng của xã hội với yêu cầu cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ra đời được không ? Rõ ràng, đó là những câu hỏi quan trọng và bức thiết cần được phân tích và trả lời đúng đắn đối với bất cứ nhà quản lý xã hội nào muốn đưa văn nghệ trở về với nhiệm vụ xã hội vốn có, muốn văn nghệ trở thành mục tiêu và phương tiện để xây dựng một xã hội tốt đẹp.

Thực tế cho thấy, ngay ở những nước kinh tế thị trường phát triển cao, đa số hoạt động đều mang khía cạnh kinh tế và phần lớn các sản phẩm xã hội đều trở thành hàng hóa, thì hoạt động nghệ thuật, nhất là nghệ thuật cao cấp vẫn không thể tự sống được, mà cần có sự tài trợ dưới nhiều hình thức của các tổ chức xã hội. Coi văn hóa, văn nghệ là loại hàng hóa đặc biệt, là vì ở nó sự lỗ lãi không thấy ngay. Văn hóa, văn nghệ có sản phẩm trực tiếp cụ thể, nhưng lại có cả sản phẩm gián tiếp vô hình. Nó tác động vào con người, vào nền sản xuất xã hội bằng con đường riêng của nó. Nghệ thuật là hàng hóa đặc biệt còn bởi nó ít chịu tác động của sự phát triển khoa học kỹ thuật. Ở đây, không thể có năng

* Ban tư tưởng - văn hóa trung ương

Digitized by Google

suất ngày càng cao, không thể có sản phẩm nhanh, nhiều, tốt, rẻ, cho dù hợp lý hóa cao độ. Ở đây không thể có chuyện giảm công lao động để tăng sản phẩm và tăng lợi nhuận. Mỗi tác phẩm nghệ thuật là sản phẩm đơn chiếc, không lặp lại, nó phụ thuộc vào chủ thể sáng tạo hơn là vào người điều hành quản lý. Giá trị của nó không phụ thuộc vào số lượng mà vào chất lượng, không phụ thuộc vào thời gian bỏ ra ít hay nhiều. Tuy nhiên, giá cả của nó lại phụ thuộc giá cả thị trường của những loại hàng hóa khác. Vì vậy, nếu không có sự điều tiết hợp lý của nhà nước thì giá cả của loại hàng hóa đặc biệt này so với các loại hàng thông thường sẽ bị giảm đi, vì như trên đã nói, loại hàng hóa đặc biệt này ít chịu tác động của sự phát triển khoa học kỹ thuật. Và như vậy, đương nhiên thu nhập bình quân của những người làm văn hóa nghệ thuật, nếu sản phẩm của họ không chạy theo thị hiếu của thị trường, sẽ thấp hơn so với người lao động và buôn bán bình thường.

Cần thấy rằng trên thị trường văn hóa của ta hiện nay đang diễn ra việc mua bán dịch vụ sản phẩm tinh thần, chứ chưa phải việc mua bán sức lao động trí tuệ sáng tạo ra sản phẩm. Giữa các sản phẩm văn hóa có sự cạnh tranh nội bộ mà việc định giá sản phẩm lại phụ thuộc trình độ giáo dục và hiểu biết của nhân dân. Đây không phải là loại hàng hóa thông thường có thể đong đo mà không cần thời gian và trình độ. Như vậy ở đây có *hai* loại hàng hóa, một ở môi trường *hoàn toàn cạnh tranh* và một ở môi trường *không hoàn toàn cạnh tranh*. Giữa hai loại hàng hóa này có sự khác biệt lớn. Trong kinh tế thị trường, về mặt lý thuyết, thu nhập cá nhân chủ yếu dựa vào cạnh tranh. Nhưng với người sản xuất loại hàng hóa đặc biệt, thu nhập lại không thể dựa vào cạnh tranh. Bởi vì có loại hàng hóa đặc biệt không có mặt trên thị trường vì không được thị trường chấp nhận, nhưng thật ra lại rất cần cho quốc gia, dân tộc vì nó thể hiện gương mặt tinh thần của xã hội, thể hiện văn minh dân tộc... Vì vậy, đối với loại hàng hóa đặc biệt này, nhà nước không thể không tiếp tục tài trợ.

Yếu tố hàng hóa và thị trường ở đây biểu hiện không trực tiếp. Hành động mua ở đây không thấy ngay được hiệu quả hưởng thụ, sử dụng ; giống như mua không phải để ăn, để uống, để dùng, mà để đầu tư lâu dài. Văn nghệ là loại hàng hóa riêng, nhưng cũng là loại hàng hóa chung. Người mua để hưởng thụ có lợi cho mình, và còn có lợi cho cả người không mua, không thưởng thức, có lợi cho toàn xã hội. Kiến thức, cái tốt đẹp của mỗi người, đâu chỉ có lợi cho cá nhân người đó.

Đặc tính của sản phẩm văn hóa là lợi ích chung, điều này nói lên sự cần thiết phải quan niệm đúng vai trò của văn hóa, và giải thích vì sao phải tài trợ văn hóa một cách hợp lý. Văn hóa là của cải của toàn xã hội, ai cũng được hưởng, kể cả người mua người bán, người chẳng mua chẳng bán. Nhà nước phải đứng ra tài trợ "của trời cho" ấy để mọi người cùng hưởng.

Trong kinh tế hàng hóa, không có thị trường ổn định cho hoạt động văn nghệ, nhất là văn nghệ vận động theo một định hướng tư tưởng nhất định. Văn hóa tạo ra tài sản chung, nên không thể chỉ nhờ cậy vào thị trường. Nhà nước có chính sách điều tiết giá cả, lợi nhuận, để bù đắp cho văn hóa phục vụ lợi ích của toàn xã hội. Để phát triển tốt văn hóa, hoạt động quản lý lãnh đạo trước hết phải tính đến quy luật khách quan của nghệ thuật, của kinh tế thị trường và tính đặc thù của nghệ thuật. Mặt ưu và mặt trái của kinh tế thị trường đang tác động vào văn nghệ cả về cách thức sản xuất, nội dung tư tưởng lẫn về phương tiện biểu hiện. Đây là điều quan trọng cần nắm vững.

Lại phải chú ý đến quy luật đặc thù của văn nghệ, quy luật phát triển văn hóa dân tộc ; hướng cho văn nghệ đi đúng quy luật nói trên mà vẫn bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhận rõ những nét phù hợp của tư tưởng xã hội chủ nghĩa với kinh tế thị trường, với đặc trưng văn nghệ và văn hóa dân tộc. Xem xét lại những điểm không phù hợp hoặc những yếu tố có tính lịch sử trong quá trình hình thành văn hóa xã hội chủ nghĩa. Cần thống nhất nhận thức về những mặt cơ bản. Phát triển văn nghệ được coi như một mục tiêu, một động lực. Tương lai của một dân tộc phụ thuộc vào việc nhân lên những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc kết hợp với những đặc tính tốt đẹp của nhân loại, và lịch sử tụ hội ở mỗi

Digitized by Google

cá nhân và những tập đoàn người, ở sự hoàn thiện của bản thân mỗi cộng đồng. Và như vậy, chỉ có thể dựa vào văn hóa.

Đảng ta đang tiến hành cuộc đổi mới và thực hành dân chủ, tư tưởng của nghệ thuật chân chính tự nó đã gắn với tư tưởng của Đảng. Khi tiến hành công tác tư tưởng và xây dựng nền văn hóa, chúng ta trước hết tuân theo những quy luật phổ biến của nền kinh tế, nhưng đồng thời cũng chú ý đến những điều kiện cụ thể, những đặc điểm riêng về kinh tế, tư tưởng xã hội và những truyền thống văn hóa của mình, để có những biện pháp thích hợp. Khi nền kinh tế chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường thì cách chỉ đạo đối với sản xuất tinh thần cũng phải chuyển theo tương ứng. Đặc biệt, cần chú ý tới quan hệ giữa người và người trong xã hội, tới hội chứng vô cảm của con người trong kinh tế thị trường.

Trong kinh tế thị trường, cùng với những tiến bộ khoa học kỹ thuật, cùng với sự cạnh tranh, sản xuất hàng hóa phát triển, của cải tăng lên, con người có thêm quyền lực vật chất, cuộc sống tiện nghi nhưng lại thiếu những tiến bộ tinh thần tương ứng, thiếu những giá trị đạo đức mới gắn bó con người như trong chiến tranh. Trong xã hội bắt đầu xuất hiện nhiều thói hư tật xấu, những ham muốn ích kỷ, làm lu mờ những giá trị truyền thống, làm nảy sinh những thiên lệch trong bảng giá trị. Điều đó đặt ra trước xã hội yêu cầu phát triển văn hóa, phục hưng đạo đức. Không thành công trên mặt trận xây dựng văn hóa, thì cơ chế thị trường sẽ gây hại cho chúng ta không chỉ trên phạm vi tư tưởng chính trị mà cả trên phạm vi tinh thần.

Để tránh chếnh choáng trước sự đổ vỡ của ý thức hệ như ở một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây, chúng ta cần xây dựng sự ổn định ở nước ta bằng văn hóa xã hội chủ nghĩa và ý thức dân tộc. Thực hiện đổi mới văn hóa có nghĩa là kết hợp giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc với giá trị văn hóa của thời đại. Văn hóa có ý thức hệ khác với văn hóa bị ràng buộc bởi ý thức hệ. Tư tưởng chính trị chỉ có ý nghĩa lịch sử thời đại chứ không làm mất đi tính độc lập và đặc trưng của văn hóa.

Văn hóa ta đang vận động trong cơ chế thị trường, nhưng không nên quan niệm kinh tế thị trường một cách chung chung. Kinh tế thị trường ở mỗi nước phụ thuộc vào đặc điểm dân tộc, vào mục tiêu xã hội và ý thức hệ mà nước đó theo đuổi.

Thực tế cho thấy, thị trường ở các nước tùy thuộc trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế xã hội, tài nguyên, nhân lực, trình độ khoa học kỹ thuật và nhiều nhân tố khác nữa. Có nước mạnh về kinh tế nội địa, có nước mạnh về phát triển kinh tế đối ngoại, nhưng mỗi nước một kiểu, không nước nào giống nước nào. Điều này phản ánh vào nội dung và cơ cấu văn hóa. Thật vậy, một sự chuyển đổi không đúng về đầu tư, về giá cả, về quyền sở hữu, một sự bất lực, không kiểm soát nổi đối với thị trường đầu cơ, trục lợi trên lĩnh vực kinh tế, tất cả đều dội vào văn nghệ những mặt tiêu cực. Vì vậy, khi chuyển sang kinh tế thị trường, về mặt văn hóa, nhà nước cần có sự điều tiết hợp lý. Có như vậy, mới có thể phát triển văn hóa dân tộc trước sự du nhập và cạnh tranh của văn hóa nước ngoài. Nếu không, văn hóa trong nước khó tránh khỏi sự lộn xộn, suy giảm, như thực tế ở ta vừa qua cho thấy.

Khi nói đến những biện pháp, những chính sách văn hóa, các cơ quan lãnh đạo và quản lý thường dè dặt, vì đây là vấn đề khó, nó đụng chạm đến sự lãnh đạo quản lý, đến những quy định cưỡng bức. Mà không tạo điều kiện khơi nguồn, kích thích, thúc đẩy, thì lại không phải là một chính sách văn hóa với quan niệm đầy đủ và chính xác. Văn hóa là lĩnh vực sáng tạo tinh thần, bắt đầu từ những tình cảm chủ quan của người sáng tạo. Nó không phải là sản phẩm của lý trí đơn thuần. Do đó, cái họ muốn và lãnh đạo muốn, phải có những điểm chung. Mặt khác, phải làm thế nào để những hoạt động văn hóa không chỉ là của giới văn hóa mà là của toàn xã hội. Văn hóa tinh thần gồm triết học, pháp luật, chính trị, đạo đức, khoa học, tôn giáo, văn hóa giáo dục, văn hóa thẩm mỹ, trong đó chủ yếu là văn hóa nghệ thuật. Tất cả đều đòi hỏi một chính sách hợp lý, vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa mang tính cấp thời thường xuyên.

Sau khi đã có nhận thức đúng về vai trò văn hóa và ý đồ xây dựng chiến lược văn hóa, phải nghĩ

Digitized by Google

ngay đến những mặt như tổ chức, thiết chế, cơ cấu của văn hóa nghệ thuật. Trong thời kỳ quá độ, những tổ chức, thiết chế nào còn phù hợp thì cần được duy trì. Những tổ chức, thiết chế nào không còn phù hợp thì cần được cải tổ, phát triển. Vấn đề là làm sao thực hiện được một sự phân phối lại trong lĩnh vực văn hóa, làm sao để mọi người đều được hưởng thụ văn hóa.

Trong kinh tế thị trường, sẽ có sự chênh lệch về thu nhập, sự phân hóa giàu nghèo. Nhà nước có nhiệm vụ dùng chính sách xã hội để điều chỉnh, vừa khuyến khích sản xuất, chống chủ nghĩa bình quân, vừa không để có sự chênh lệch bất hợp lý giữa các tầng lớp xã hội. Về mặt văn hóa, nhà nước cũng phải làm như vậy. Chính sách văn hóa phải thực hiện được mục tiêu kích thích sáng tạo, điều tiết sản xuất bằng giá cả, bằng hạn chế, thậm chí bằng kiểm duyệt, nhưng phải trên cơ sở pháp lý, chứ không thể theo ý thích cá nhân, thiên kiến thẩm mỹ. Không thể chỉ dùng cái do mình sản sinh ra, mà còn phải biết thừa kế những di sản quá khứ và thành tựu của người khác.

Trong sản xuất tinh thần, việc quan tâm đầu tiên phải là lực lượng sản xuất. Ở đây là *văn nghệ sĩ*, những người làm ra những giá trị tinh thần. Đối với lực lượng này, phải chú ý đến đầu vào và đầu ra của họ. Lịch sử nghệ thuật cho dù có trải qua nhiều thập kỷ, thế kỷ phát triển nữa, vẫn không gì có thể thay thế người nghệ sĩ. Vì vậy, nhà nước cần có chính sách bảo trợ, giúp đỡ họ trong quá trình sáng tạo, và khi họ đã có sản phẩm thì giúp họ công bố. Phải có công chúng, có thị trường cho họ tiêu thụ sản phẩm. Mở rộng thị trường người đọc, người xem, người nghe là một biện pháp kích thích sản xuất, tăng thu nhập cho họ và cho nhà nước. Thu nhập của nhà nước ở đây là tiền bạc cụ thể và cả những giá trị tinh thần, đạo đức mà xã hội cần đến. Cần phát triển không chỉ những loại hình nghệ thuật có công chúng, có thị trường, mà cả những loại hình nghệ thuật ít công chúng, thậm chí không được thị trường chấp nhận. Về phương diện tài chính, hai loại hình nghệ thuật này có thể hỗ trợ nhau. Nhiều loại hình nghệ thuật không thể lấy thu bù chi, nhưng lại rất cần cho xã hội. Những loại hình nghệ thuật dân tộc như tuồng chèo và nghệ thuật cao cấp như nhạc giao hưởng, hiện nay không thể có thị trường như điện ảnh, sân khấu hiện đại, nhạc rốc... Nhưng phải chăng vì thế mà không cần thiết cho chúng ta ?

Nhà nước có thể điều tiết các hoạt động nghệ thuật bằng nhiều biện pháp. Tùy theo thể chế xã hội mà quy định các hình thức tổ chức, thiết chế thích hợp. Có những loại hình nghệ thuật có thể áp dụng biện pháp thị trường hóa, tư nhân hóa một phần, nhưng có những loại hình nghệ thuật hoàn toàn không thể làm như vậy. Để văn hóa nghệ thuật có thể phát triển lành mạnh trong kinh tế thị trường, vai trò của nhà nước đặc biệt quan trọng. Trước hết, cần có một thiết chế văn hóa phù hợp với kinh tế. Mọi chính sách phải được luật hóa, chứ không chỉ là các thông tri, chỉ thị. Nhà nước có thể cấp giấy phép, kiểm duyệt, đánh thuế, có thể tài trợ, khuyến khích, ưu đãi... Nhìn chung, văn hóa là một hoạt động không vụ lợi và là thứ hàng hóa chung, nên cần có những chính sách ưu đãi, khuyến khích. Đồng thời phải có biện pháp xử lý những hoạt động văn hóa xấu độc, tổn hại đến lợi ích chung.

Trong văn hóa, hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, cần chấp nhận con người như nó tồn tại. Con người sáng tạo là con người đầy cái riêng, cái hay và cả cái dở. Họ có những ý nghĩ phù hợp và nếu có những ý kiến ngược chiều thì cũng là dễ hiểu. Chỉ cần người quản lý biết khuyến khích, biết điều tiết bằng chính sách. Đối với thị trường văn hóa cũng vậy, cần chấp nhận nó như nó tồn tại. Đã là thị trường thì phải có cạnh tranh, có lợi nhuận. Nhiệm vụ của người quản lý là chỉ rõ mục tiêu của thị trường văn hóa : vừa bảo đảm lợi ích riêng vừa bảo đảm lợi ích chung. Mưu lợi riêng mà đi ngược với lợi ích chung, thì phải dùng pháp luật điều tiết.

Về đầu tư văn hóa, không thể chỉ một mình nhà nước lo. Cần kết hợp nhiều hình thức đầu tư : nhà nước, nhà nước và nhân dân, đoàn thể, cá nhân. Trong nhiều trường hợp, nhà nước chỉ nên làm nhiệm vụ đề ra phương hướng, hướng dẫn hoạt động và kiểm tra. Nhà nước cần giám sát hoạt động của các hội, đoàn, và cá nhân liên quan, xem có đúng với tôn chỉ, mục đích đã đề ra không. Nếu hoạt

Digitized by Google

động tốt, có thể có chính sách ưu đãi ; nếu không, có thể rút giấy phép, tăng thuế...

Tóm lại, *cần có một chính sách văn hóa phù hợp với cơ chế thị trường thay cho sự bao cấp văn hóa như ta đã làm lâu nay*. Vấn đề là làm cho nền văn hóa phát triển *đúng định hướng tư tưởng* và *phù hợp với dân tộc*. Muốn vậy, trước hết, cần có một cơ cấu thiết chế phù hợp, dần dần đi vào luật hóa. Chú ý đến luật cung cầu, nhưng không để thị trường và luật cung cầu chi phối văn hóa. Mức độ tài trợ của nhà nước tùy thuộc vào tầm quan trọng của sản phẩm văn hóa đối với lợi ích xã hội và khả năng thu nhập của nó trên thị trường. Không thể "thị trường hóa" nhưng cũng không thể bao cấp như cũ đối với nghệ thuật. Tùy từng tác phẩm, từng loại hình nghệ thuật mà có chính sách phù hợp. Đối với một số loại hình nghệ thuật có công chúng, có thị trường (như phim truyện, kịch nói, cải lương, nhạc nhẹ...), nhà nước có thể không cần quốc doanh hóa, mà nên để cho các tổ chức, đoàn thể, thậm chí cá nhân làm "Mạnh thường quân" đỡ đầu, nhà nước chỉ tài trợ một phần khi cần thiết và giám sát bằng luật. Còn đối với một số loại hình nghệ thuật dân tộc và nghệ thuật cao cấp không có thị trường, hoặc nói đúng hơn là có rất ít công chúng, thì nhà nước có thể tài trợ thông qua việc xem xét các chương trình dàn dựng, bảo đảm phục vụ lợi ích chung. Mọi chính sách và biện pháp cụ thể phải thực sự góp phần hoàn chỉnh phương thức lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ.

Đã đến lúc phải có một chiến lược văn hóa để mấy thập kỷ nữa, ta có thể có được một nền văn hóa vững chắc với những đỉnh cao về văn hóa. Văn hóa đã giúp chúng ta thực hiện cuộc cách mạng chính trị. Nhưng có lúc, có nơi, nó mới được xem như phương tiện. Ngày nay, hơn lúc nào hết, văn hóa phải được xem như mục tiêu, động lực, giúp chúng ta thực hiện cuộc cách mạng xã hội, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh.

Trách nhiệm...

(Tiếp theo trang 42)

của chính trị. Có những nhà văn, nhất là các nhà thơ, hiểu một cách đơn giản tính đặc trưng của nghệ thuật, cứ yên trí rằng mình chỉ viết về cái đẹp, cái tốt vượt lên trên mọi thể chế, mọi đường lối chính trị. Nhưng nếu hiểu chính trị theo nghĩa rộng, thì có thể thấy các nghệ sĩ ấy vẫn cứ được xếp chỗ trong từng "công năng" chính trị. Thực tế những bước phát triển văn học trong mấy năm đổi mới vừa qua đã cho thấy, có những người chủ trương phi chính trị hóa văn nghệ lại dùng nghệ thuật làm chính trị hơn cả, và bản thân chủ trương đó cũng đã mang tính chính trị rồi. Trong bối cảnh xã hội hiện nay - lúc giáp hạt của các phương thức tư duy, của các tiêu chí giá trị khác biệt ở tất cả mọi lĩnh vực sinh hoạt tinh thần - vai trò định hướng của người nghệ sĩ là rất cần thiết. Người nghệ sĩ sáng tạo trước hết là vì những thôi thúc bên trong nhằm thỏa mãn những khát vọng của cái tôi cá nhân, nhưng khi tác phẩm đã được lưu hành thì nó trở thành tài sản chung của xã hội, nó có đời sống riêng và có trường hợp tạo nên những tác động và ảnh hưởng xã hội vượt quá ý đồ chủ quan và tầm kiểm soát của chính tác giả. Và như vậy, lúc đó không còn chuyện của "cái đẹp" chung chung trừu tượng hay "cái tôi" riêng tư nữa mà là việc chung của xã hội, một xã hội có định hướng, có kỷ cương và luật pháp. Vì vậy, những người cầm bút trong quá trình sáng tạo hôm nay cần nhận thức đầy đủ về tư cách công dân của mình để góp phần tạo nên một đời sống tinh thần lành mạnh và ổn định trong xã hội, đưa đất nước đến phồn vinh.

Digitized by Google

SỰ PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO Ở NÔNG THÔN HIỆN NAY

NGUYỄN SINH*

I - THỰC TRẠNG PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO Ở NÔNG THÔN

Theo điều tra của Tổng cục thống kê năm 1990 trên gần 7000 hộ nông dân ở 17 xã thuộc 7 huyện và 5 tỉnh tiêu biểu cho 5 vùng kinh tế lớn của cả nước, thì tỷ lệ các loại hộ như sau : loại *giàu* 8,06% ; loại *khá* 10,34% ; loại *trung bình* 26,54% ; loại *nghèo* 45,62% ; loại *nghèo khổ* 9,44%. Giữa hộ *giàu* và hộ *nghèo khổ* có sự chênh lệch khá lớn về thu nhập. Hộ giàu có mức thu nhập thuần túy tương đương 156 kg thóc/khẩu/tháng ; còn hộ *nghèo khổ* có mức thu nhập thuần túy tương đương 21,4 kg thóc/khẩu/tháng. Như vậy, chênh lệch về thu nhập giữa hai loại hộ trên là 7,3 lần. Có nơi (như ở Đắc lắc) chênh lệch về thu nhập giữa hộ giàu nhất và hộ nghèo nhất là 43 lần. Mức chênh lệch về thu nhập ở các vùng, các địa phương cũng không giống nhau : ở vùng Nam bộ và Tây nguyên là 20 - 30 lần ; ở duyên hải miền Trung và đồng bằng Bắc bộ là 2 - 5 lần ; ở miền núi phía Bắc là 10 - 15 lần. Đối với vùng đồng bằng, đất ít, người đông, khoán bình quân theo khẩu hoặc theo định suất, ngành nghề không phát triển, hầu hết nông dân sống ở mức trung bình và nghèo, thì sự chênh lệch về thu nhập không lớn. Ngược lại, ở những vùng đất rộng, người thưa, sản xuất hàng hóa phát triển, ngành nghề, dịch vụ mở rộng, quá trình tích tụ ruộng đất đã hình thành, có "ông chủ" và người làm thuê (như ở các nông trại), thì sự chênh lệch về thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo khá lớn, sự phân hóa giàu nghèo khá rõ.

1 - Hộ giàu

Hộ giàu là hộ có thu nhập cao, sản xuất không những đủ ăn mà còn thừa để bán, cho vay, dự trữ ; đời sống vật chất và tinh thần đạt mức cao ở nông thôn. Họ có đủ điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh như có vốn, có đất, có nhiều lao động, có máy móc và nông cụ, có kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, nhạy bén với cơ chế thị trường. Về thực trạng các hộ giàu ở nông thôn ta hiện nay, có thể phân thành *ba* loại, đặc trưng cho ba phương thức làm giàu chủ yếu :

Loại thứ nhất : Gồm những hộ làm giàu chính đáng bằng sức lực và trí tuệ của mình. Loại hộ này, chiếm tỷ trọng lớn nhất, có vùng chiếm gần như tuyệt đối trong tổng số các hộ giàu. Trong cơ chế cũ, họ là những xã viên, tập đoàn viên có kinh nghiệm, có lao động, nhưng thiếu động lực kích thích nên thu nhập không cao. Trong cơ chế mới, nhà nước khuyến khích làm giàu chính đáng, những hộ này mạnh dạn đầu tư vốn, mua thêm máy móc, trâu bò, nông cụ, phân bón, khai thác tối đa tiềm năng lao động và kinh nghiệm sản xuất để thâm canh ruộng khoán, đấu thầu vườn cây, ao cá,mở mang ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn (xay xát gạo, chế biến nông lâm hải sản, vận chuyển, cung ứng vật tư, bao tiêu nông sản). Từ những *hộ thuần nông* trước đây, họ từng bước chuyển thành *hộ nông nghiệp kiêm ngành nghề*, phát triển theo hướng sản xuất kinh doanh tổng hợp. Thực tế cho thấy, những hộ giàu thu từ nông nghiệp chỉ chiếm 47,2%, còn từ ngành nghề phi nông nghiệp chiếm 52,8%. Số hộ có sản phẩm hàng hóa vài tấn thịt lợn, hàng chục tấn thóc/năm, không còn là hiện tượng cá biệt. Ở vùng Đồng tháp mười và tứ giác Long xuyên, có nhiều hộ nông dân đầu tư khai hoang, chuyển vụ trên vùng lúa nổi, đất nhiễm phèn nặng trước đây, thu được 30 đến 50 tấn thóc. Ở Tây nguyên và miền núi phía Bắc, phương pháp làm giàu của phần lớn

* Phó tiến sĩ kinh tế học

Digitized by Google

các hộ nông dân là phát triển kinh tế đồi rừng, vườn rừng theo mô hình nông lâm kết hợp, tận dụng tiềm năng đất đai và lao động gia đình. Ở Gia lai, Kon tum và Sông bé, có những hộ trồng từ 130 đến 300 ha cao su. Ở Lào cai, Yên bái và Tuyên quang, có nhiều hộ trồng từ 20 đến 30 ha chè.

Loại thứ hai : Gồm những hộ làm giàu bằng các hoạt động đầu cơ, buôn lậu, khai thác bất hợp pháp lâm sản, đặc sản, hải sản và khoáng sản. Họ lợi dụng những sơ hở của cơ chế và chính sách của nhà nước, sự yếu kém về công tác quản lý của các ngành, các địa phương để làm giàu. Việc khai thác bừa bãi rừng đầu nguồn, rừng gỗ quý, săn bắt chim thú quý... ở Tây nguyên, Đông Nam bộ, miền núi phía Bắc, đã biến hàng chục vạn héc ta rừng tự nhiên, rừng trồng thành đất trống, đồi trọc, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Ở đồng bằng sông Cửu long, nuôi tôm nước lợ đã đem lại cho các hộ nông dân nguồn thu hàng chục triệu đến hàng trăm triệu đồng/năm, thậm chí có nhiều hộ thu 300 triệu đồng/năm. Nhưng ở một số vùng có tình trạng là nuôi thì ít, khai thác "trắng" thì nhiều. Ở vùng gần biên giới, nhiều hộ nông dân giàu lên nhờ buôn gian bán lận, đầu cơ, trốn thuế và làm giàu bất chính.

Loại thứ ba : Gồm những hộ làm giàu bằng bóc lột dưới các hình thức khác nhau : sử dụng lao động làm thuê và trả công thấp ; phát canh thu tô ; cho vay nặng lãi (lãi suất phổ biến là 15%). Số hộ có bóc lột ở nông thôn hiện nay không nhiều ; mức độ và hình thức bóc lột có phần bị hạn chế do vai trò quản lý của chính quyền địa phương, do sự phê phán của quần chúng, và do có các hộ giàu vốn là những người lao động.

2 - Hộ nghèo

Hộ nghèo là hộ thu nhập thấp, không ổn định, đời sống khó khăn, sản xuất lương thực không đủ ăn, mỗi năm thiếu ăn khoảng 3 - 5 tháng. Hộ nghèo chiếm khoảng 10% số hộ ở nông thôn. Có thể phân các hộ nghèo thành *ba* loại như sau :

Loại thứ nhất : Gồm những hộ làm ăn vụng về, thiếu vốn, thiếu lao động. Loại này chiếm tỷ trọng cao nhất trong các hộ nghèo ở nông thôn. Trong cơ chế cũ, họ được nhà nước, hợp tác xã trợ cấp bằng nhiều hình thức, như dùng quỹ điều hòa thóc của tập thể để bảo đảm mức sống chung "tối thiểu 13, tối đa 18kg/tháng". Trong cơ chế khoán mới, các khoản bao cấp trước đây không còn, bản thân họ lại thiếu kinh nghiệm, thiếu vốn hoặc thiếu lao động, nên không đủ sức tự chủ sản xuất trên ruộng đất nhận khoán. Họ duy trì phương thức sản xuất tự cấp, tự túc và độc canh, năng suất thấp, dẫn đến thu nhập thấp, đời sống khó khăn. Trong số các hộ nghèo loại này, có một số là hộ "chính sách" như gia đình thương binh, liệt sĩ vừa thiếu vốn, thiếu lao động, nên trong sản xuất và đời sống gặp khó khăn. Đương nhiên, không phải tất cả hộ chính sách đều là hộ nghèo đói.

Loại thứ hai : Gồm những hộ vốn lười biếng, cờ bạc, nghiện ngập. Loại này chiếm khoảng 6% số hộ nghèo ở nông thôn. Đây là di sản của các chế độ cũ. Trong cơ chế khoán mới, họ cũng được giao ruộng đất với mức bình quân chung, nhưng do lười biếng, không thiết tha với ruộng đất, nên thường xuyên hụt khoán, khê đọng sản phẩm. Ở một số vùng, chính quyền địa phương buộc phải thu lại ruộng đất, và số nông dân này trở thành những người không có đất, đời sống càng khó khăn hơn. Phần lớn họ phải đi làm thuê, bán sức lao động, vay nặng lãi ; họ biết bị bóc lột, nhưng vẫn phải chấp nhận.

Loại thứ ba : Gồm các hộ nghèo thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, đồng bào Khơ me vùng sâu ở đồng bằng Nam bộ. Các hộ này nghèo chủ yếu là do đất xấu, địa hình phức tạp, khí hậu, thời tiết không thuận, giao thông khó khăn, trình độ hiểu biết thấp. Điều tra cho thấy, nếu thu nhập của hộ người Kinh là 100, thì thu nhập của hộ người Dao là 46, người Mường là 59, người Thái là 55, người H'mông là 41, người Ê đê là 72, người Sê đăng là 29,62 và người Khơ me khoảng 50.

Tóm lại, sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn nước ta là hiện tượng có thật do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nó phát triển mạnh trong những năm thực hiện cơ chế khoán, đặc biệt là sau "khoán 10". Sắp tới chắc chắn nó sẽ còn tiếp tục diễn ra cùng với sự phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường.

Digitized by Google

Sự phân hóa nói trên có mặt *tích cực* và *tiêu cực*. Mặt tích cực là tiềm năng đất đai, lao động và vốn được huy động tối đa để sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp, nhất là lương thực, thực phẩm cho xã hội. Nó tạo điều kiện thực hiện phân công lại lao động xã hội theo hướng ai giỏi nghề gì, làm nghề đó. Ruộng đất tập trung vào những hộ giỏi cày cấy, do đó quỹ đất được sử dụng có hiệu quả. Bộ phận nông dân không đủ sức hoặc không có kinh nghiệm làm ruộng, sẽ chuyển sang làm ngành nghề khác phù hợp hơn. Chính các hộ giàu cũng góp phần tạo ra việc làm cho lao động dư thừa ở nông thôn. Phương thức làm giàu chính đáng ở nông thôn đã tạo ra nhiều mô hình mới trong nông nghiệp, như lấy hộ làm đơn vị kinh tế cơ sở, kinh tế nông trại gia đình.

Mặt tiêu cực là xuất hiện các hình thức người giàu bóc lột người nghèo qua phát canh thu tô, sử dụng lao động làm thuê với tiền công rẻ mạt, cho vay nặng lãi, buộc phải bán chui ruộng đất, bán lúa non. Từ đó, dẫn đến hậu quả là một bộ phận nông dân nghèo ngày càng gặp khó khăn về đời sống, cá biệt có hộ khó tránh khỏi bị bần cùng hóa.

Phân hóa về thu nhập cũng khơi dậy tính tư hữu vốn có của người nông dân, dẫn đến chủ nghĩa thực dụng trên mọi phương diện : kinh tế, xã hội, đạo đức và lối sống. Điều tra xã hội học ở nông thôn đã cho thấy : trật tự kỷ cương, an ninh xã hội, tình nghĩa xóm làng, các hoạt động đoàn thể sở dĩ bị xuống cấp chính là do chủ nghĩa thực dụng.

II - NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Muốn chống nghèo đói phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Cho nên, giải pháp chống nghèo đói cũng bao hàm nội dung khuyến khích nông dân làm giàu chính đáng để tạo ra nhiều nông sản hàng hóa cho xã hội, ổn định giá cả thị trường. Theo hướng đó, tôi đề nghị một số giải pháp sau đây :

1 - Giải pháp về ruộng đất

Mục tiêu của giải pháp này là giải tỏa từng bước những mâu thuẫn mới trong quan hệ ruộng đất đã phát sinh sau Nghị quyết 10 của Bộ chính trị. Nội dung của giải pháp về ruộng đất bao gồm :

Một là, *thừa nhận ruộng đất là hàng hóa*. Việc thừa nhận này sẽ làm thay đổi quan niệm về đất, không phải là của "trời cho" mà là một loại hàng hóa. Vấn đề là phải đánh giá, phân loại đất, định giá đất làm cơ sở cho việc trao đổi đất trên thị trường thông qua các hình thức chuyển nhượng và cho thuê. Tác dụng của việc đánh giá đất là bảo vệ độ màu mỡ của đất, bồi dưỡng đất bằng các biện pháp thâm canh, mở đường cho quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất vào hộ làm ăn giỏi, chống lãng phí đất. Nếu đất là hàng hóa, nhờ đất hộ giàu sẽ tăng lên nhanh.

Hai là, *giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân*. Mục đích là nhằm làm cho nông dân yên tâm về chính sách ruộng đất của nhà nước, khắc phục tình trạng sử dụng đất theo hướng bóc lột mà ít quan tâm đến cải tạo đất, làm tăng độ phì của đất. Để thực hiện mục đích trên, cần triển khai sớm việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất. Giấy chứng nhận này, do nhà nước cấp cho nông dân, và chỉ cấp một lần, không qua bất kỳ tổ chức trung gian nào.

Ba là, *cụ thể hóa quyền thừa kế, chuyển nhượng*, cho thuê đất theo các hình thức thích hợp với từng vùng. Nông dân nghèo không có khả năng sản xuất nông nghiệp, muốn chuyển nhượng đất để làm ngành nghề sẽ được hộ giàu bồi hoàn một khoản tiền tương ứng với giá đất từng loại. Đó là hình thức chuyển nhượng có bồi hoàn, có lợi cho cả hộ giàu và hộ nghèo cũng như toàn xã hội. Điều cần chú ý là khi nào giải pháp ruộng đất được giải quyết cụ thể thì người nông dân mới yên tâm làm giàu trên mảnh đất của mình.

2 - Giải pháp về tổ chức sản xuất

Mục tiêu của giải pháp này là tạo ra một hình thức tổ chức sản xuất thích hợp ở nông thôn mà kẻ giàu, người nghèo đều có thể hợp tác với nhau tự nguyện, hai bên đều có lợi. Mỗi hình thức tổ chức sản xuất mới đều phải có tính kế thừa và đổi mới, thích ứng với điều kiện mỗi vùng, tránh rập khuôn máy móc. Cụ thể là :

● Đối với *nông nghiệp quốc doanh* : Giữ lại những đơn vị quốc doanh (nông trường, trạm trại) cần thiết, sản xuất kinh doanh có lãi. Các đơn vị

Digitized by Google

khác chuyển sang hình thức tổ hợp, công ty cổ phần, hợp tác xã hoặc nông trại gia đình, theo nguyện vọng của người lao động. Đất đai của nông trường mà không sử dụng hết thì chuyển cho chính quyền để xây dựng các vùng kinh tế mới, thu hút nông dân ở đồng bằng lên khai thác theo mô hình kinh tế hộ. Những nông trường hoặc trạm, trại còn lại thì chuyển mạnh sang kinh doanh dịch vụ, xóa bao cấp, thực hiện hạch toán độc lập.

● Đối với *hợp tác xã sản xuất nông nghiệp* : Đổi mới một cách cơ bản mô hình hợp tác xã nông nghiệp hiện nay theo hướng đa dạng hóa hình thức hợp tác, không phân biệt quy mô, trình độ tập thể hóa tư liệu sản xuất. Tùy theo điều kiện của từng vùng, từng địa phương mà hình thành các hình thức hợp tác phù hợp, tránh áp đặt. Chẳng hạn :

+ Đối với các hợp tác xã thực tế *còn hoạt động và ban quản lý còn điều hành một số khâu*, thì chuyển mạnh sang hoạt động dịch vụ cho hộ xã viên, xóa bỏ tất cả các quỹ tập thể, lấy thu nhập dịch vụ bù đắp chi phí quản lý.

+ Đối với các hợp tác xã chỉ còn *tồn tại trên danh nghĩa*, nhất là ở miền núi và Tây nguyên, thì nên chuyển sang các hình thức khác phù hợp với trình độ cán bộ và nguyện vọng của nhân dân, trong đó các hình thức đáng chú ý là tổ đổi công, tập đoàn sản xuất. Những vùng không có nhu cầu sản xuất tập thể, nên chuyển sang kinh tế hộ hoặc tổ chức hợp tác theo khâu, theo từng loại sản phẩm.

+ *Nông trại gia đình* là hình thức *thích hợp* tạo ra *sự liên kết tinh tế giữa hộ giàu và hộ nghèo*. Đó là hình thức hợp tác tự nguyện giữa kẻ có công và người có của với mục tiêu tạo ra nhiều sản phẩm trên một đơn vị diện tích. Sẽ xuất hiện các "ông chủ trại" và người làm thuê gắn bó với nhau theo các hợp đồng lao động dưới sự quản lý của nhà nước để hạn chế các hình thức bóc lột. Xét về bản chất, nông trại gia đình cũng là hình thức kinh tế hợp tác kiểu mới giữa những người nông dân theo nguyên tắc bình đẳng. Cũng không nên cho rằng, hình thức này sẽ làm tăng sự phân hóa giàu nghèo và hình thành quan hệ bóc lột ở nông thôn.

● Đối với *kinh tế hộ gia đình* : Đây là hình thức tổ chức thích hợp nhất trong nông thôn nước ta hiện nay. Hình thức này sẽ tồn tại lâu dài với tư cách là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn. Dù có tổ chức nông nghiệp quốc doanh hay tập thể, hộ gia đình vẫn là đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Với tư cách là chủ thể kinh tế, hộ có điều kiện phát huy tính chủ động, sáng tạo, khai thác tốt tiềm năng đất đai và lao động để sản xuất ra nhiều sản phẩm. Do vậy, khuyến khích kinh tế hộ là một trong những biện pháp có hiệu quả nhất để từng bước chuyển đại bộ phận nông dân từ nghèo lên trung bình và giàu. Mọi hình thức hợp tác mới ở nông thôn sẽ do các hộ tự chủ quyết định.

3 - Xây dựng chiến lược chống nghèo đói ở nông thôn

Đối với nhiều nước trên thế giới, chống nghèo đói là một nội dung quan trọng trong chiến lược kinh tế - xã hội ở nông thôn. Ở nước ta, nội dung này chưa được quan tâm đúng mức, nên thiếu các chính sách cụ thể. Vì vậy, đã đến lúc cần có *một chiến lược chống nghèo đói ở nông thôn* làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội phù hợp. Một trong những chính sách quan trọng của chiến lược này là *điều tiết thu nhập của các hộ giàu cho các hộ nghèo*. Mục tiêu cơ bản của chính sách này là nhằm chống việc bần cùng hóa nông dân nghèo, bảo đảm cho họ có được việc làm và thu nhập đủ sống. Ở đây không phải là dùng các biện pháp hành chính tước đoạt, lấy thu nhập của hộ giàu chia cho hộ nghèo, mà là thông qua cơ chế, chính sách cùng những biện pháp linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội từng vùng, từng địa phương. Để điều tiết thu nhập ở nông thôn, có thể sử dụng các chính sách như : thuế nông nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập, thuế vốn, tín dụng nông thôn, khuyến nông, trợ giá vật tư nông nghiệp, v.v.. Trong từng chính sách cụ thể, cần tôn trọng nguyên tắc công bằng, bình đẳng giữa các loại hộ, các thành phần kinh tế ở nông thôn. Mặt khác, đối với các hộ nông dân nghèo, các hộ chính sách, neo đơn, tàn tật, nhất là những hộ nghèo ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường gặp thiên tai, hạn hán, nhà nước cần có chính sách ưu đãi (như miễn giảm thuế và các khoản đóng góp khác) cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

Digitized by Google

KHÔNG "ĐÁNH MẤT" MÌNH

VŨ LÂN

Hơn mười năm trước đây, khi ông K về nhận chức bộ trưởng ở bộ M, cũng là lúc ngôi nhà tập thể của bộ được khánh thành. Ngôi nhà không lớn nhưng được xây dựng khá khang trang, hiện đại. Hơn nữa, nó lại ở mặt phố, ngay sát cơ quan, đông đúc người qua lại. Chẳng bao lâu, gia đình bộ trưởng K, đồng chí chánh văn phòng, hai gia đình cán bộ cấp vụ, năm hộ độc thân và hai gia đình lái xe được dọn đến ở ngôi nhà này.

Nhiều tiếng xì xào : ông bộ trưởng mới về mà đã đặc quyền, đặc lợi, lại còn kéo theo một loạt "cánh hẩu" nữa...

Tại một cuộc họp cơ quan bộ, ông K tuyên bố :

- Gia đình tôi và một số đồng chí khác đến ở ngôi nhà đó cốt cho tiện điều hành công việc. Hằng ngày không phải xe đưa, xe đón. Đến khi nào tôi thôi chức bộ trưởng, các đồng chí khác thôi đảm nhiệm những công việc hiện nay, khi đó, chúng tôi sẽ xin chuyển đi ở nơi khác. Đây là ngôi nhà để luân phiên cho các đồng chí đương chức đến ở và làm việc.

Lúc đó, nhiều người nghĩ rằng, bộ trưởng tuyên bố thế thôi, chứ khi hộ khẩu đã được nhập vào đó rồi thì có trời mà "bảy" được các vị ấy đi nơi khác.

Năm tháng qua đi. Khi chuẩn bị về hưu, bộ trưởng K đã giữ lời hứa của mình. Ông xin một căn hộ ở một khu tập thể ngoại thành Hà nội và chuyển về đó sống quãng đời còn lại. Hành động của ông làm nhiều người ngạc nhiên và kính nể.

Đến nay, ngôi nhà tập thể đó đã được "chia năm, xẻ bảy". Người ta đã trồng những "cây đa", "cây si", đã "đổ bê tông", cơi nới, mở cửa, làm ăn, buôn bán. Có những người vì tranh giành nhau từng tấc đất mà "không thèm nhìn mặt nhau". Cơ chế thị trường với cả mặt tích cực và tiêu cực của nó đang làm thay đổi ngôi nhà và từng con người trong ngôi nhà đó. Các phòng ở tầng một đã trở thành những cửa hàng, những ki ốt, suốt ngày tấp nập buôn bán. Người được ở đó như ngồi trên đống của. Chỉ cần cho thuê mấy mét vuông, hằng tháng cũng có thể thu hàng trăm nghìn đồng.

Trong khi đó, ông K "bỏ của đấy mà đi". Ông vẫn sống lặng lẽ, thanh đạm. Nhiều người hỏi ông có tiếc chỗ ở cũ không. Ông điềm nhiên trả lời : "Tôi không cho đó là sai lầm, bởi vì tôi không bao giờ tự đánh mất mình".

*

Còn ở bộ Đ, nhiều người phải thừa nhận vụ trưởng N. có "thừa" năng lực, phẩm chất để giữ chức thứ trưởng. Thế nhưng, vụ trưởng N vẫn chỉ là vụ trưởng với thâm niên ngót nghét chục năm. Ngoài năng lực chuyên môn - điểm mạnh vốn có - vụ trưởng N. còn là người dám đấu tranh, nói thẳng, nói thật, không né tránh, không lựa chiều. Tại nhiều cuộc họp, ông đã phê phán những biểu hiện xấu xa, bè phái, tham nhũng, tham quyền cố vị,.. trong cơ quan bộ. Có lần ông đã điểm mặt, chỉ tên một số cán bộ lãnh đạo cấp vụ cơ hội trong khoa học, lấy "khoa học" làm những bậc thang để leo lên danh vọng.

Quần chúng, anh em cán bộ bình thường nghe vụ trưởng N phê bình những cán bộ lãnh đạo tiêu cực thì hả lòng, hả dạ, "sướng cái lỗ tai". Còn những người bị phê bình thì "nghe không lọt" và phản ứng kịch liệt. Quần chúng, đảng viên dù có tin yêu ông, thì cùng lắm cũng chỉ bầu ông làm chủ tịch công đoàn hay bí thư đảng ủy. Còn trong các cuộc họp cán bộ chủ chốt của bộ, ý kiến của ông dù có đúng, vẫn chỉ là "thiểu số". Nhiều người dù có thấy ông đúng, cũng không dám công khai ủng hộ, bởi vì họ còn phải giữ miếng cơm, manh áo cho vợ, cho con. Thời buổi đang giảm biên chế mà ! Nhiều người khuyên vụ trưởng N một cách rất chân thành : đừng "húc đầu vào tường" làm gì, chỉ thiệt cho anh thôi ! Nhưng cuối cùng thì nhiều vụ bê bối cũng bị phanh phui.

Ông bộ trưởng và hai thứ trưởng phải chuyển sang bộ khác. Bộ trưởng mới về. Hai vụ trưởng được đề bạt thứ trưởng. Riêng vụ trưởng N vẫn yên vị vì tuổi của ông đã gần sát "buổi hoàng hôn" của cuộc đời. Người được bộ trưởng mới quan tâm, gọi đến làm việc đầu tiên là vụ trưởng N. Hai người tỏ ra "tâm đầu ý hợp". Chẳng bao lâu, ở bộ Đ, như có một luồng gió mới thổi vào, mọi việc bắt đầu chuyển động theo chiều hướng tốt. Ai cũng mừng cho vụ trưởng N vì đã được đánh giá đúng.

Ông N đang được trọng dụng. Thế nhưng, khi vừa tròn 60 tuổi ông đã nộp đơn xin về hưu. Nhiều người ngạc nhiên, hỏi tại sao ông lại làm như vậy. Ông N thành thật trả lời : nếu người cán bộ lãnh đạo nào đến tuổi về hưu cũng không chịu nghỉ thì làm sao có thể trẻ hóa được đội ngũ cán bộ.

*

Thế đấy ! Khi có những cán bộ, đảng viên đã không bỏ lỡ cơ hội làm giàu trong thời kỳ đương chức, thì vẫn còn không ít người thanh thản đón nhận cuộc sống bình thường, thanh đạm. Khi có những cán bộ, đảng viên có chức, có quyền lợi dụng từng kẽ hở để đục khoét tiền của của Nhà nước, của nhân dân để làm giàu cho cá nhân, thì vẫn còn nhiều cán bộ không vì chút lợi lộc nhỏ mà bán rẻ danh dự, lương tâm của mình. Khi có những cán bộ bằng mọi giá kể cả việc chà đạp lên đạo đức, nhân phẩm để đạt được tiền tài, danh vọng, địa vị xã hội thì vẫn có những người ngàn vàng không mua được nhân phẩm của họ.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, sẽ có nhiều cán bộ, đảng viên bị sa ngã, bán mình cho "quỷ sứ", nhưng chắc chắn cũng sẽ còn nhiều người không bao giờ tự "đánh mất" mình. Cuộc sống là như thế. Từ ngàn đời nay, dù ở thời đại nào, chế độ xã hội nào, dù sống trong cảnh giàu sang hay nghèo túng, thì cái mà nhân loại tiến bộ hằng coi trọng và vươn tới, suy cho cùng, là cái chân, cái thiện, cái mỹ... Phải chăng đó cũng là những biểu hiện trong lẽ sống của mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta ?

Digitized by Google

Cần lựa chọn, bố trí đúng cán bộ quản lý kinh tế

NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU *

KHI chuyển sang nền kinh tế thị trường, vấn đề cấp thiết đặt ra cho công tác cán bộ nói chung là phải xây dựng một đội ngũ cán bộ (đặc biệt là cán bộ quản lý kinh tế) đáp ứng được yêu cầu mới. Nền kinh tế thị trường có quy luật vận động riêng, có những ưu điểm và khuyết tật riêng khác với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung mà chúng ta đã quen vận hành trước đây. Sự bỡ ngỡ của cán bộ quản lý kinh tế hiện nay trong quản lý điều hành ở cả tầm vĩ mô và vi mô là điều dễ hiểu.

Việc xây dựng những tiêu chí để lựa chọn, bố trí, sử dụng một cách hợp lý cán bộ quản lý kinh tế trong giai đoạn mới, là điều có ý nghĩa rất quan trọng và là yêu cầu khách quan cấp thiết của công tác cán bộ. Cần chú ý một số khâu chủ yếu sau đây :

1 - *Đánh giá và lựa chọn cán bộ quản lý kinh tế*

- Việc đánh giá cán bộ xưa nay chủ yếu dựa vào kết quả công tác của cán bộ. Đối với kết quả công tác của người lãnh đạo quản lý kinh tế thì đó là kết quả hoạt động của toàn đơn vị, xí nghiệp, doanh nghiệp hoặc toàn ngành mà người đó phụ trách. Lê-nin đã từng nhắc nhở : đánh giá một con người không phải theo lời nói mà theo việc làm. Song, đánh giá việc làm của cán bộ quản lý kinh tế không thể chỉ nhìn vào kết quả hôm nay, bởi vì kết quả hôm nay có thể là cố gắng của các tháng năm trước, có thể là công lao của người khác. Vậy khi đánh giá cán bộ, ta cần chú ý đến khoảng thời gian người cán bộ đó thực sự có đóng góp.

- Đánh giá cán bộ quản lý kinh tế còn phải xét đến mối tương quan giữa kết quả và chi phí. Bởi vì, có thể công việc của người cán bộ đó có kết quả, nhưng những chi phí để đạt kết quả đó lại quá lớn.

- Phải xem những điều kiện (nguồn lao động, vật tư, tài chính) mà cán bộ quản lý kinh tế có trong tay. Có thể có người đạt kết quả cao hơn người khác chỉ vì có điều kiện thuận lợi hơn.

- Còn phải tính đến điều kiện công tác và sở trường của người cán bộ quản lý kinh tế, xem mức độ phức tạp của công việc mà người đó đảm nhận. Thực tế công tác quản lý kinh tế cho thấy, có những cán bộ có sức bật tốt, giỏi tháo gỡ khó khăn, nhưng lại không đủ tầm và năng lực cần thiết để điều hành một quy trình sản xuất trong điều kiện bình thường.

- Phải xem xét cán bộ cụ thể được đào tạo như thế nào (qua trường lớp chuyên môn, qua thực tiễn công tác và cả tự đào tạo) ; cần chuẩn hóa khâu xem xét này, tránh để bạt cán bộ theo kiểu chủ quan, hời hợt (như mới chỉ nghe họ phát biểu có vẻ gẫy gọn ở một cuộc họp đã vội cho là có tài, cần cất nhắc,v.v.).

Tóm lại, để đánh giá và lựa chọn cán bộ quản lý kinh tế, cần chú ý những tiêu chí : phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức thực hiện, khả năng tư duy và đạo đức công tác.

2 - *Bố trí, sử dụng cán bộ quản lý kinh tế*

Doanh nghiệp là nơi làm ra sản phẩm với chất lượng cao, giá thành hạ, có thể đương đầu và chiếm lĩnh các thị trường trong và ngoài nước. Doanh nghiệp còn là nơi để tập thể người lao động dưới sự lãnh đạo của người chỉ huy thực hiện quyền làm chủ của mình trong sản xuất và quản lý doanh nghiệp ; là nơi hiện thực hóa các chủ trương, chính sách kinh tế xã hội của Đảng và nhà nước, nơi tổ chức đời sống và hoạt động xã hội. Vì vậy, sau khi đã lựa chọn đúng cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp, cần trao cho họ các quyền sau đây để họ có thể tiến hành tốt việc điều hành doanh nghiệp :

1 - Quyền vạch chương trình, kế hoạch phát triển doanh nghiệp do mình phụ trách để doanh nghiệp có thể đứng vững trước sự cạnh tranh trên thị trường. (Để làm được việc này, nhà nước phải thể chế hóa quyền hạn của các chủ doanh nghiệp, không thể có ai đó trực tiếp can thiệp vào công việc của doanh nghiệp mà lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với doanh nghiệp).

2 - Quyền xây dựng và vận hành bộ máy doanh nghiệp theo luật pháp của nhà nước.

3 - Quyền lãnh đạo tập thể doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đúng luật pháp và thông lệ của thị trường ; tạo đủ công ăn việc làm và cải thiện đời sống của mọi người lao động trong doanh nghiệp.

4 - Quyền tự chọn một "ê kíp" giúp việc phù hợp với bản thân và sự phát triển của doanh nghiệp.

5 - Quyền tạo thời cơ hoặc khơi thông thời cơ cần thiết cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Để cán bộ lãnh đạo cũng như người lao động khác trong doanh nghiệp có thể dồn mọi sức lực làm giàu cho doanh nghiệp, cho nhà nước và bản thân, cần bảo đảm cho họ nguồn động lực làm việc (đãi ngộ vật chất, sự thừa nhận của xã hội, sự bình đẳng trước pháp luật, sự an toàn...).

Cũng cần có cơ chế sàng lọc và đào thải để mỗi cán bộ lãnh đạo luôn ý thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trước nhà nước và nhân dân, vươn lên không ngừng vì công việc, không chủ quan, tự mãn, lo "tranh ghế" và "giữ ghế".

Tóm lại, để làm tốt việc bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo trong quản lý kinh tế, cần thấu suốt quan điểm : quản lý kinh tế là một nghề hết sức cao quý và khó nhọc, người ta có thể học chứ không thể dễ dàng giỏi nghề. Chú ý chuẩn hóa tất cả các khâu : đào tạo, lựa chọn, sử dụng và đào thải. Chỉ như vậy, chúng ta mới đưa việc lựa chọn, bố trí cán bộ quản lý kinh tế vào nền nếp, đạt hiệu quả thiết thực trong nền kinh tế thị trường đầy biến động.

---

* Vụ trưởng, Ban tổ chức cán bộ của chính phủ

Digitized by Google

CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH MỚI CỦA QUỐC TẾ

LÊ TỊNH

CÁC nước đang phát triển (ĐPT) hầu hết là những nước giành được độc lập dân tộc kể từ sau đại chiến thế giới thứ hai. Sau chiến tranh, kinh tế xã hội các nước ĐPT có những tiến bộ đáng kể. Nhưng cho đến nay, chỉ trừ một số rất ít nước đã trở thành hoặc đang tiếp cận những nước công nghiệp mới (NIC) và một số ít nước xuất khẩu dầu mỏ, còn hầu hết các nước ĐPT đang đứng trước những khó khăn và thách thức mới chưa từng có. Sau khi Liên xô tan rã, mức gay gắt của những vấn đề trong thế giới thứ ba vẫn còn nguyên vẹn, thậm chí còn trầm trọng hơn ! Làm thế nào để thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đó là câu hỏi lớn gây nhức nhối nhân dân các nước ĐPT.

NHỮNG GIẢI PHÁP TRONG NƯỚC

Chuyển hướng chiến lược, từ tăng trưởng kinh tế đơn thuần sang phát triển tổng hợp.

Nhiều nước ĐPT xác định một chiến lược kinh tế xã hội lấy việc phục vụ lợi ích con người làm nhiệm vụ trung tâm, thực hiện chính sách phân phối công bằng, thỏa mãn nhu cầu đời sống cơ bản của tuyệt đại đa số nhân dân. Về kinh tế, chú trọng phát triển toàn diện công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế phù hợp với tiềm năng đất nước, chú trọng cả thành thị, nông thôn và vùng rừng núi, biên giới, hải đảo, tăng cường giúp đỡ phát triển vùng nghèo đói lạc hậu. Chiến lược đó thực chất là kết hợp chính sách kinh tế với chính sách xã hội, lấy phát triển kinh tế để phát triển xã hội, lấy hoàn thiện và phát triển xã hội để tạo thuận lợi và thúc đẩy kinh tế phát triển. Đó là một xu hướng mới trong chiến lược kinh tế xã hội của các nước ĐPT hiện nay.

Đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý.

Về cơ cấu kinh tế, các nước ĐPT chú trọng khắc phục sự mất cân đối trong kinh tế, xác định một cơ cấu kinh tế hợp lý, nhằm tận dụng và khai thác thế mạnh về nguồn tài nguyên trong nước, đẩy mạnh hợp tác kinh tế quốc tế.

Những nước ĐPT có nhiều sức lao động và tài nguyên khoáng sản đang mất thế mạnh của mình trước sự phát triển của kỹ thuật và công nghệ mới có năng suất lao động rất cao. Do đó, họ đang cố gắng cải tiến kỹ thuật, chế biến nông sản và khoáng sản, nâng cao chất lượng chế biến, thực hiện sự đa dạng hóa kinh tế và tăng cường tính chất toàn diện, hợp lý trong kinh tế. Những nước ĐPT đã trở thành NIC hoặc tiếp cận NIC, trước đây chủ yếu là xây dựng những ngành công nghiệp dựa vào sức lao động là chính, nay chuyển sang dựa vào công nghệ mới là chính. Ở châu Á, Nhật bản có trình độ kỹ thuật cao, chuyển nhượng những kỹ thuật hạng hai sang các nước NIC và tiếp cận NIC. Trong khi đó, các nước NIC lại chuyển nhượng những kỹ thuật dựa vào sức lao động là chính sang các nước ĐPT khác. Các nước này không thể không phát triển những xí nghiệp sử dụng nhiều sức lao động nhằm giải quyết việc làm cho đông đảo người lao động.

Đó là xu hướng chuyển đổi cơ cấu kỹ thuật đang diễn ra trên thế giới. Một số nước ĐPT đang tận dụng thời cơ đó, thi hành chính sách mở cửa, tích cực và chủ động tham gia phân công lao động quốc tế, tìm mọi cách thu hút kỹ thuật và công nghệ thích hợp để phát triển kinh tế xã hội trong nước. Về mặt này, những thành công của các nước ASEAN, của Trung quốc, Ấn độ là đáng chú ý.

Tại hầu hết các nước ĐPT, dù là nước tư bản chủ nghĩa, độc lập dân tộc hay xã hội chủ nghĩa,

Digitized by Google

đều có bộ phận kinh tế quốc doanh. Kinh tế quốc doanh là gì ? Đối với các nước thuộc địa cũ, kinh tế quốc doanh được coi là thành quả của cuộc đấu tranh chống đế quốc thực dân, chống áp bức và chèn ép của tư bản lũng đoạn quốc tế. Kinh tế quốc doanh, theo đúng nghĩa của nó, là biểu tượng của nền kinh tế tự chủ, của độc lập kinh tế, và cũng là của độc lập dân tộc. Tại nhiều nước ĐPT, kinh tế quốc doanh giữ địa vị chủ đạo trong kinh tế, là chỗ dựa để điều tiết tái sản xuất xã hội, là những ngành có liên quan đến quốc kế dân sinh. Trong khi vốn, kỹ thuật, trình độ quản lý... của lực lượng kinh tế tư nhân ở các nước này còn yếu kém, nếu thực hiện tư nhân hóa toàn bộ kinh tế quốc doanh, thì thực chất là để cho tư bản nước ngoài có cơ chiếm lĩnh những vị trí trọng yếu trong nền kinh tế, đe dọa trực tiếp chủ quyền và độc lập dân tộc.

Tuy nhiên, kinh tế quốc doanh ở các nước ĐPT đang gặp nhiều khó khăn về quản lý và kinh doanh. Nhiều nước đang phải *cải tổ* (chứ không phải phủ định) kinh tế quốc doanh, nhằm giảm bớt gánh nặng bù lỗ của nhà nước, làm cho kinh tế quốc doanh chuyển lỗ thành lãi, phát huy được vai trò nòng cốt trong quốc kế dân sinh.

Cùng với việc củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh, nhiều nước ĐPT cũng đang đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, coi việc phát triển kinh tế nhiều thành phần là một phương hướng chiến lược lâu dài.

Về cơ chế quản lý, khuynh hướng chung là : phát huy quyền chủ động của xí nghiệp, giảm bớt sự can thiệp của nhà nước, giảm bớt tối đa các chỉ tiêu pháp lệnh ; sử dụng các đòn bẩy kinh tế và cơ chế thị trường, thực hiện cạnh tranh tự do, phát triển tự do, nhằm phát huy mặt tích cực của các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, giảm bớt sự can thiệp của nhà nước không có nghĩa là bãi bỏ vai trò quản lý của nhà nước. Nếu để cho cơ chế thị trường tự phát điều tiết toàn bộ sản xuất và lưu thông, sẽ gây ra những tác động tiêu cực đối với kinh tế xã hội, sẽ phải trả giá rất đắt. Điều này là một bài học lớn đối với những nước đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu và cơ chế kinh tế. Trong khi kinh tế hàng hóa trong nước chưa phát triển, cơ chế thị trường chưa định hình, cơ sở kinh tế dân tộc còn yếu, tư bản nước ngoài lại rất mạnh và không ngừng bành trướng, thì việc phát triển kinh tế nhiều thành phần, phát triển kinh tế tư nhân, mở rộng cơ chế thị trường, là phù hợp với xu thế chung, là đáp ứng đòi hỏi khách quan của quá trình phát triển kinh tế ở mỗi nước cũng như quá trình quốc tế hóa kinh tế thế giới. Tất nhiên, không thể vì thế mà để cho tư bản lũng đoạn quốc tế lợi dụng, gây thêm khó khăn cho kinh tế xã hội trong nước.

NHỮNG GIẢI PHÁP VỀ QUAN HỆ VỚI BÊN NGOÀI

Trong xu thế ngày càng có nhiều nước tham gia quá trình phân công lao động quốc tế và quốc tế hóa kinh tế thế giới, việc cải thiện và đổi mới quan hệ kinh tế thế giới, trước hết là quan hệ Bắc - Nam, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế xã hội các nước.

Hiện nay, giữa các nước ĐPT có sự chênh lệch về trình độ phát triển, do đó, có những yêu cầu khác nhau đối với quan hệ kinh tế quốc tế. Một số nước đã trở thành hoặc đang vươn tới NIC, họ quan tâm nhiều hơn đến vấn đề đòi xóa bỏ chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước công nghiệp, đòi các nước này mở rộng cửa thị trường nhập khẩu. Các nước Mỹ la tinh nợ nước ngoài chồng chất, trọng tâm của họ là đòi hỏi giải quyết vấn đề nợ một cách công bằng hợp lý. Các nước châu Phi đang ngắc ngoải vì đói, khát. Điều bức xúc đối với họ là được giúp đỡ để có cái ăn, uống. Các nước có thu nhập cao nhờ xuất khẩu dầu mỏ thì quan tâm tới giá cả dầu mỏ và đầu tư ra nước ngoài (1). Những nước ĐPT bước đầu thành công trong cải cách, đổi mới, thì cố gắng cải thiện quan hệ kinh tế thương mại quốc tế, tranh thủ gia nhập kinh tế thế giới, thúc đẩy kinh tế dân tộc phát triển. Bức tranh của thế giới ĐPT thật đa dạng, nhiều màu sắc. Nhưng tất cả đều có nguyện vọng chung là xây dựng được một nền kinh tế dân tộc vững mạnh, không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân

(1) Năm 1990, thu nhập bình quân đầu người của Liên hiệp các tiểu vương quốc A rập là 14 680 đô la, nước thấp nhất chỉ trên 100 đô la (Việt nam 200 đô la).

Digitized by Google

dân. Vì vậy, trên phương diện quan hệ kinh tế quốc tế, họ có chung những vấn đề như sau :

Mở cửa nhưng bảo vệ được lợi ích dân tộc. Mở cửa để đưa nền kinh tế dân tộc tham gia thị trường thế giới, thực hiện đa phương hóa trong hợp tác kinh tế là xu thế tất yếu. Nhưng mục đích cuối cùng của những giải pháp đó là nhằm phục vụ lợi ích dân tộc, bảo đảm chủ quyền và địa vị bình đẳng của mọi nhà nước trong cộng đồng quốc tế. Nhiều nước ở châu Á thi hành một chính sách mở cửa rất rộng rãi, nhưng lại hết sức chú ý bảo vệ công nghiệp dân tộc, bảo vệ văn hóa dân tộc, bảo vệ bản sắc dân tộc, bảo vệ uy tín và lòng tự hào dân tộc. Điều này phản ánh hai xu thế chủ yếu hiện nay trên thế giới : *một là*, độc lập tự chủ, tự lực tự cường ; và *hai là*, quốc tế hóa và phụ thuộc lẫn nhau trong kinh tế thế giới. Đó là thách thức và cũng là vận hội của các dân tộc.

Yêu cầu các nước phát triển tăng cường cung cấp vốn dưới mọi hình thức. Theo quy định của Liên hợp quốc, các nước phát triển phải dành 0,7% giá trị tổng sản phẩm xã hội để viện trợ các nước ĐPT. Nhưng nhiều nước không đạt con số này. Mỹ và Nhật chỉ dành từ 0,15% đến 0,32%. Do vậy, tỷ trọng vốn rót vào các nước ĐPT đầu những năm 80 chiếm 25% tổng số vốn lưu chuyển trên thế giới, đến năm 1990 chỉ còn 18%, trong khi đó nợ của các nước ĐPT tăng lên chưa từng có. Đòi hỏi hiện nay của thời đại là : việc cung cấp tài chính cho các nước ĐPT, không đơn thuần do nhu cầu xuất khẩu tư bản và theo nguyên tắc cùng có lợi, mà còn là nghĩa vụ lịch sử không thể thoái thác của các cường quốc công nghiệp phương Tây đối với các nước chậm tiến, nạn nhân của chính sách bóc lột, tước đoạt trước đây, nguồn gốc chủ yếu của sự lạc hậu đói nghèo hiện nay (2).

Đẩy mạnh chuyển nhượng kỹ thuật từ các nước phát triển sang các nước ĐPT. Trong thập kỷ 50 và 60, việc chuyển nhượng kỹ thuật được thực hiện khá rộng rãi. Nhưng từ những năm 70 việc này bắt đầu bị giảm bớt, và đến những năm 80 thì càng bị giảm đi. Tình hình này rất bất lợi cho các nước ĐPT, kìm hãm các nước này trong lạc hậu, trì trệ. Một trật tự kinh tế quốc tế công bằng và hợp lý, cũng như địa vị bình đẳng của các nước ĐPT trong quan hệ với các nước tiên tiến sẽ không bao giờ có được, nếu các nước giàu có cứ khư khư giữ kín những bí mật về công nghệ mới, đòn bẩy của tiến bộ công nghiệp và cả của tiến bộ xã hội. Liệu chủ nghĩa bá quyền về kỹ thuật còn tồn tại được bao lâu ? (3) Thực tế ngày càng chứng tỏ : sự phồn vinh của các nước phát triển không thể tồn tại bên cạnh sự không ổn định và khủng hoảng của các nước ĐPT. Việc chuyển nhượng kỹ thuật cho các nước ĐPT là một trong những điều kiện để bảo đảm sự phát triển ổn định của các nước phát triển.

Tăng cường hợp tác Nam - Nam và hợp tác khu vực. Đây là hình thức nhằm bảo vệ những lợi ích chung của các nước ĐPT và các nước trong cùng một khu vực, nhằm đối phó với những thách thức mới từ bên ngoài, nhất là trong bối cảnh thực lực kinh tế ngày càng nghiêng về các nước phát triển. Bản thân các nước phát triển cũng đang xây dựng những thị trường chung khu vực, đang tăng cường hợp tác khu vực, đẩy mạnh chính sách bảo hộ mậu dịch, nhằm nâng cao sức mạnh cạnh tranh của họ trên thế giới.

Về mặt *chính trị*, các nước ĐPT đang trong quá trình tập hợp lại lực lượng, cùng nhau bảo vệ lợi ích chung, đẩy mạnh cuộc đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế công bằng, cùng có lợi và một trật tự chính trị quốc tế hòa bình, ổn định, bình đẳng, đa cực về quyền lực ; loại bỏ những chính sách can thiệp và đe dọa kiểu chủ nghĩa bá quyền nước lớn như mới đây người ta thấy xuất hiện ở vùng Vịnh, ở biển Đông và nhiều nơi khác. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Hội nghị cấp cao các nước không liên kết họp tại Gia-các-ta, thủ đô In-đô-nê-xi-a trong tháng 9 này.

---

(2) Ngày 4-7-1992, khoảng 15000 người Đức biểu tình phản đối Hội nghị cấp cao 7 nước công nghiệp chủ yếu (G7). Họ hô vang khẩu hiệu chống các nước G7, lên án các nước này bóc lột các nước ĐPT, phá hoại môi trường và mưu toan duy trì vĩnh viễn một trật tự kinh tế thế giới vô nhân đạo. Họ đòi bồi thường cho các nước đã bị chủ nghĩa thực dân bóc lột trước đây.

(3) Năm 1979, năm đầu tiên thực hiện chính sách mở cửa, Trung quốc đã mời Ủy ban hạ bên về kiểm soát xuất nhập khẩu kỹ thuật cao của các nước phương Tây (COCOM) đến họp tại Bắc kinh. Phó thủ tướng Trung quốc lúc đó là Đặng Tiểu Bình đã đến phát biểu tại hội nghị. Đây là một cố gắng quan trọng để mở thông cánh cửa tranh thủ kỹ thuật cao trên thế giới.

Digitized by Google

Vì sao liên bang nhiều dân tộc ở Liên Xô bị tan rã ?

TRƯƠNG MINH DỤC *

ĐÃ có một thời ở Liên xô (trước đây) người ta khẳng định : vấn đề dân tộc đã được giải quyết. Nhận định này trở thành tiền đề lý luận và ăn sâu vào tâm thức của những người lãnh đạo cũng như dân chúng. Văn kiện Đại hội 27 ĐCS Liên xô vẫn ghi : ở Liên xô "đã thủ tiêu bất bình đẳng dân tộc, đã xác lập được quyền bình đẳng về luật pháp và thực hiện tình hữu nghị anh em giữa tất cả các dân tộc".

Tuy nhiên, chỉ sau đó không lâu, những xung đột dân tộc ở đây đã bùng lên, vấn đề dân tộc nhanh chóng trở thành vấn đề trung tâm trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước. Xung đột dân tộc ngày càng quyết liệt, gây ra những thiệt hại ngày càng to lớn, và cuối cùng đã phá vỡ cơ cấu chính trị - xã hội của nhà nước liên bang nhiều dân tộc đã từng tồn tại hơn 70 năm qua. Sự tan rã của nhà nước liên bang nhiều dân tộc này, đương nhiên gây hậu quả tiêu cực đối với phong trào cách mạng thế giới. Cho nên, nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến sự tan rã liên bang nhiều dân tộc ở Liên xô là điều cần thiết giúp cho việc giải quyết tốt hơn vấn đề dân tộc trong giai đoạn hiện nay

*

Vấn đề dân tộc ở Liên xô, như chúng ta đều biết, vốn rất phức tạp. Trước Cách mạng Tháng Mười, trên đất nước rộng lớn này có tới 194 dân tộc và bộ tộc sinh sống với những trình độ phát triển kinh tế - xã hội rất khác nhau. Một số dân tộc đã bước vào giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như Nga, U-crai-na, Bê-la-rút... Nhưng nhiều dân tộc còn ở giai đoạn tiền phong kiến, thậm chí thị tộc. Sau cách mạng, vẫn còn tồn tại sự bất bình đẳng xã hội nghiêm trọng do hậu quả của áp bức dân tộc. Sự phân biệt, chia rẽ và mâu thuẫn dân tộc còn gắn liền với tôn giáo. Bọn đế quốc và phản động luôn luôn kích động sự khác biệt và gây thù hằn giữa các dân tộc, chia rẽ và phá vỡ sự đoàn kết giữa nhân dân các dân tộc.

Dựa vào lý luận của Mác và Ăng-ghen về vấn đề dân tộc, xuất phát từ thực tiễn nước Nga đa dân tộc và tham khảo kinh nghiệm các nước khác trên thế giới, Lê-nin đã phát triển và xây dựng một hệ thống lý luận khá hoàn chỉnh và sâu sắc làm cơ sở cho chính sách của Đảng bôn sê vích trong việc giải quyết vấn đề dân tộc phức tạp ở nước Nga. Cốt lõi của lý luận này là vấn đề "dân tộc tự quyết" : mỗi dân tộc, dù nhỏ, đều có quyền tách ra khỏi nước Nga, cũng như có quyền tự nguyện liên hiệp lại.

Chính sách dân tộc của Lê-nin và Đảng bôn sê vích là một động lực quan trọng thúc đẩy các dân tộc bị áp bức bóc lột ở nước Nga xa hoàng tích cực tham gia Cách mạng Tháng Mười vì sự nghiệp giải phóng giai cấp và dân tộc, giải phóng con người.

Sau Cách mạng Tháng Mười, Đảng và Nhà nước xô viết đã nỗ lực để xóa bỏ sự bất bình đẳng giữa các dân tộc do lịch sử để lại ; thực hiện quyền dân tộc tự quyết và thành lập chế độ nhà nước của từng dân tộc ; từng bước thực hiện quyền bình đẳng thực tế về mặt kinh tế. Nhờ những nỗ lực lớn lao đó, trong một thời gian ngắn, các dân tộc lạc hậu ở Liên xô đã có sự phát triển vượt bậc và

* Phó tiến sĩ, Trường Nguyễn Ái Quốc, khu vực III

Digitized by Google

đạt trình độ các dân tộc tiên tiến. Thực tiễn ở Liên xô và các nước khác trên thế giới chứng minh những quan điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc và xu hướng phát triển của nó là hoàn toàn đúng đắn.

Vậy thì vì sao vừa qua Liên xô, một nhà nước liên bang nhiều dân tộc tưởng như không gì phá vỡ nổi, lại tan rã nhanh như vậy ?

Chúng ta biết rằng, quy luật vận động trong lĩnh vực dân tộc mà Lê-nin nêu ra là dựa trên yếu tố quyết định : *sự phát triển kinh tế*. Ở Liên xô trước đây, sự liên kết các dân tộc hình thành trong một hoàn cảnh đặc biệt. Trong Cách mạng Tháng Mười, giai cấp vô sản giành chính quyền từ tay giai cấp tư sản và làm luôn nhiệm vụ giải phóng các dân tộc trước đây từng bị chế độ xa hoàng áp bức bóc lột. Sau Cách mạng Tháng Mười, sự phản ứng và chống lại điên cuồng của các thế lực phản cách mạng bên trong và bên ngoài đã là yếu tố chủ yếu liên kết các lực lượng cách mạng trong các dân tộc thuộc nước Nga cũ thành một khối để chống kẻ thù chung và giúp đỡ nhau xây dựng một liên bang nhiều dân tộc mới. Đó cũng là điều kiện thuận lợi để các dân tộc lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Do hoàn cảnh đặc biệt như vậy, khi thực hiện chính sách dân tộc, Lê-nin đã yêu cầu những người cộng sản phải chú ý đến mối quan hệ giữa hai khuynh hướng : phân lập và liên kết. Để tạo cơ sở kinh tế cho sự liên kết vững chắc giữa các dân tộc, Người chỉ rõ : phải tạo điều kiện cho các dân tộc tự do phát triển, ra sức phát triển kinh tế để các dân tộc vượt qua sự nghèo nàn lạc hậu, thực hiện quyền bình đẳng thực tế, trước tiên là bình đẳng về kinh tế. Chỉ có sự phát triển của lực lượng sản xuất, tạo nên một cơ sở kinh tế xã hội vững mạnh và ổn định, mới là nền tảng bền chắc cho sự liên kết dân tộc, cho nhà nước liên bang nhiều dân tộc.

Tuy nhiên, sau khi Lê-nin mất, tư tưởng đúng đắn của Người về vấn đề dân tộc cũng như về sự cần thiết phải thay đổi căn bản quan niệm về chủ nghĩa xã hội đã không được những người lãnh đạo Liên xô coi trọng và thực hiện. Sai lầm lớn nhất là tuyệt đối hóa cái chung mà không tính đến cái riêng, coi nhẹ những cái đặc thù, nên công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội về mặt kinh tế ở Liên xô nói chung và ở các vùng dân tộc ở đây nói riêng, dần dần bị biến dạng, hoàn toàn không tương xứng với quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin coi chủ nghĩa xã hội là một hệ thống phát triển hơn hẳn chủ nghĩa tư bản.

Đến đầu những năm 40, Liên xô đã vươn lên thành một nước công nghiệp hàng đầu ở châu Âu, đủ sức đương đầu và đánh thắng chủ nghĩa phát xít. Nhưng, rất tiếc những thành tựu đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô đã không dẫn tới sự phát triển kinh tế - xã hội tương xứng của mỗi dân tộc trong liên bang xô viết, không tạo ra sự bình đẳng thật sự về kinh tế và xã hội giữa các dân tộc. Bên cạnh mặt ưu điểm, những sai lầm khuyết điểm lớn trong chính sách dân tộc tích tụ hàng chục năm đã không được phân tích và đánh giá đúng để giải quyết. Điều đó thực tế đã kìm hãm sự phát triển hài hòa giữa các dân tộc trong liên bang, làm cho nhà nước nhiều dân tộc mất dần tính năng động.

Từ năm 1985 công cuộc cải tổ được đề xướng. Điều đó tưởng như sẽ tạo điều kiện tốt cho việc giải quyết những sai lầm tích tụ trong vấn đề dân tộc. Thế nhưng, do một loạt sai lầm mới của Đảng cộng sản Liên xô, mọi chuyện đã xảy ra ngược lại !

Các chủ trương "dân chủ hóa", "công khai hóa" cùng với quan điểm đa nguyên, đa đảng được đưa ra một cách vội vã, thiếu cân nhắc, vượt khỏi ngưỡng giới hạn, đã tạo nên sự mất ổn định về chính trị. Đảng cộng sản Liên xô mất dần quyền lãnh đạo, chính quyền trung ương mất dần quyền điều khiển, tình trạng địa phương cát cứ trở nên phổ biến. Đội ngũ gọi là "tiên phong" của các dân tộc trong liên bang xuất hiện ngày một nhiều. Chủ nghĩa ly khai, như một bệnh dịch, lan rộng khắp liên bang. Ở mỗi nhóm sắc tộc đều xuất hiện bọn cực đoan quá khích. Chính quyền trung ương ngày càng suy yếu và mất dần quyền điều khiển thì bọn cực đoan quá khích càng có điều kiện cổ xúy cho cái gọi

Digitized by Google

là "bản sắc" dân tộc, khai thác những sai lầm trong chính sách dân tộc của chính quyền xô viết, lái dần phong trào dân tộc vào con đường đối đầu trực tiếp với nhà nước liên bang, với nhà nước cộng hòa cũ. Kết quả là ở nhiều nơi, nhân dân đã bị đẩy vào những cuộc xung đột sắc tộc đẫm máu.

Để có được sự ủng hộ từ bên ngoài, những người lãnh đạo các phong trào ly khai còn tìm cách quốc tế hóa các vấn đề dân tộc, làm cho tình hình càng thêm rối loạn. Nắm lấy cơ hội có một không hai này, bọn đế quốc và các thế lực phản động đã nhanh chóng nhảy vào, giúp sức cho các khuynh hướng dân tộc ly khai mà xưa nay chúng vẫn bám riết và hết lòng ủng hộ để phá vỡ Liên xô từ bên trong. Cho nên, cũng dễ hiểu vì sao sau cuộc trưng cầu ý dân ngày 17-3-1991, mặc dù đa số nhân dân các dân tộc ở Liên xô đã biểu thị rõ sự mong muốn duy trì và củng cố Liên bang xô viết, nhưng xu hướng ly khai vẫn tiếp tục phát triển.

Trong bối cảnh ấy, để duy trì sự tồn tại của Liên bang, một số người lãnh đạo lại dùng tới biện pháp quân sự. Sau đó, thất bại của cuộc chính biến tháng tám năm 1991, như ngòi nổ cho phản ứng dây chuyền, càng đẩy nhanh quá trình ly khai giữa các nước cộng hòa trong Liên bang xô viết.

Sau khi nhà nước liên bang nhiều dân tộc tan rã, vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở các nước thuộc Liên xô (trước đây) tiếp tục diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, việc thành lập SNG dù sao vẫn chứng tỏ : những mối quan hệ về chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự được xây dựng hơn 70 năm qua giữa các dân tộc ở Liên xô không dễ bị thủ tiêu. Xu hướng phân lập tới nay vẫn chưa hoàn toàn thắng thế. Đấu tranh giữa ly khai và liên kết đang còn tiếp diễn. Song, sự thất bại của những người cộng sản Liên xô trong việc giải quyết vấn đề dân tộc đã cho chúng ta một bài học quan trọng : phải vận dụng đúng đắn và sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc ; nghiên cứu sâu hơn lý luận về vấn đề dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong điều kiện chủ nghĩa xã hội ; giải quyết kịp thời và thỏa đáng những mâu thuẫn về kinh tế xã hội có thể nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc anh em.

TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 37)

của văn nghệ sĩ. Còn phản ánh cuộc sống bằng nghệ thuật sao "cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn", cho "hấp dẫn" và "bổ ích", quá trình sáng tạo đó là công việc, là tự do của mỗi văn nghệ sĩ.

*

Chủ tịch Hồ Chí Minh không tự nhận mình là nhà văn nghệ, nhưng thực tế Người là một cây bút bậc thầy. Những chỉ dẫn của Người về văn nghệ không chỉ có tầm chiến lược của một lãnh tụ chính trị vĩ đại mà còn có cả uy tín từ bề dày kinh nghiệm sáng tác phong phú, đa dạng của một nhà văn, nhà thơ lớn. Những chỉ dẫn ấy cần được tiếp tục thấu suốt trong thực tiễn văn nghệ nước ta.

Đương nhiên, không phải là Người đã đưa ra mọi lời giải đáp đầy đủ cho mọi vấn đề văn nghệ. Cuộc sống không ngừng phát triển. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, nhiều vấn đề mới nảy sinh đang trở thành đề tài cho những cuộc thảo luận dân chủ nhằm mục đích bảo vệ và phát triển tốt hơn nữa sự nghiệp văn nghệ. Nhưng, trong công cuộc đổi mới ấy, và ngay trong những cuộc thảo luận sôi nổi ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nghệ thuật, kể từ điều đầu tiên là cần có chung một "lập trường vững", một "tư tưởng đúng", vẫn hướng dẫn chúng ta đi tới, bởi đó là *những tư tưởng lớn, những nguyên tắc lớn, rường cột* trong nền văn nghệ ta.

Digitized by Google

NƯỚC NGA BỊ ĐẨY XUỐNG ĐÁY VỰC THẲM

Vừa qua, viện sĩ, viện trưởng Viện nghiên cứu chính trị-xã hội trực thuộc Viện hàn lâm khoa học Nga **Ghen-na-đi Ô-xi-pốp** *đã trả lời phỏng vấn của báo* **"Pra-vđa"** *chung quanh những khó khăn hiện nay của nước Nga. Dưới đây là nội dung những câu hỏi và trả lời đăng trên* **"Pra-vđa"** *số 75 năm 1992.*

- Thưa viện sĩ Ghen-na-đi Ô-xi-pốp, tháng 2 vừa qua, khi đọc báo cáo tại phiên họp đoàn chủ tịch Viện hàn lâm khoa học Nga, viện sĩ đã xác định trạng thái hiện nay của xã hội ta là thảm họa. Giờ đây viện sĩ có còn giữ quan điểm đánh giá như vậy không ?

- Giờ đây đánh giá như vậy lại càng đúng. Những chiều hướng tiêu cực được nhận xét trong báo cáo "Tình hình chính trị-xã hội ở nước Nga", và sau này trong chương trình đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng do một nhóm nhà khoa học Viện hàn lâm chúng tôi xây dựng, vẫn nguyên như cũ, thậm chí căng thẳng hơn.

Thảm họa mang tính toàn cục. Nước Nga bị đẩy xuống đáy vực thẳm và không thể nào ngóc đầu lên được. Tình trạng không có luật pháp hiện nay cực kỳ nguy hiểm. Chẳng hạn, kẻ ăn cắp một hộp trứng cá thì bị truy tố trước tòa án, còn kẻ lấy cắp của nhân dân những tòa nhà và những căn hộ rồi đem bán cho các hãng và công ty nước ngoài thì lại không bị trừng phạt và vẫn yên vị. Trong điều kiện như vậy mà trông chờ vào những khoản tín dụng của phương Tây thì đó là đường lối lún sâu vào thảm họa : tiền của đổ ra biển, còn nhà nước và nhân dân chẳng được lợi lộc gì.

- Người ta cam đoan với chúng ta rằng chỉ có chuyển sang cơ chế thị trường mới giải quyết được tất cả những vấn đề kinh tế-xã hội ; rằng xã hội sẽ có khả năng tự điều chỉnh và tự điều tiết ; rằng nếu không có sự thống trị của quan hệ thị trường thì chúng ta không vươn tới được những đỉnh cao của nền văn minh thế giới...

- Ngay từ năm 1985 tôi là một trong những người đầu tiên ở trong nước đã công bố một bài báo đề cập đến sự cần thiết phải tạo ra chân trời rộng lớn cho quy luật giá trị được phát huy tác dụng đầy đủ hơn. Và giờ đây, tôi vẫn giữ lập trường này. Vấn đề là ở chỗ lựa chọn những hình thức sử dụng cơ chế thị trường thích hợp với điều kiện thực tế của nước ta.

Trước đây ngự trị định đề : kế hoạch quyết định hết thảy. Giờ đây, người ta lại đề xuất phải ngưỡng mộ khẩu hiệu : Thị trường quyết định hết thảy. Thế nhưng, đó cũng chỉ là cùng một cách : tuyệt đối hóa một mặt.

Còn chúng ta chuyển sang cơ chế thị trường như thế nào ? Đã tiến hành thăm dò ý kiến của các chuyên gia Mỹ và chuyên gia xô viết, mỗi bên 30 người. Yêu cầu họ nêu những ưu tiên của cải cách kinh tế. Người Mỹ đề xuất trình tự sau : cơ sở pháp lý của việc chuyển sang kinh tế thị

Digitized by Google

trường ; tư nhân hóa ; ổn định tài chính. Các chuyên gia của chúng ta thì quên hẳn những cơ sở pháp lý. Họ đặt vấn đề tư nhân hóa lên hàng đầu. Trong thực tế,công cuộc cải cách đã bắt đầu từ việc tự do hóa (thả nổi) giá cả, có nghĩa là tăng giá lên gấp nhiều lần.

- *Người ta thường giải thích những khó khăn của chúng ta là do bắt đầu chuyển sang cơ chế thị trường từ chỗ không đáng bắt đầu.*

- Đó lại là một huyền thoại nữa. Tư nhân hóa hoặc phi nhà nước hóa không thể là một quá trình một sớm một chiều. Chúng ta thử nhớ lại xem tư nhân hóa tiến hành mất bao nhiêu năm ở nước Anh, đất nước có nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa truyền thống. Hy vọng thực hiện tư nhân hóa toàn cục trong vòng một năm đến một năm rưỡi, là chuyện ngây thơ và nực cười.

Còn người ta muốn thấy ai trở thành chủ sở hữu các cơ sở sản xuất được tư nhân hóa ? Đối với tôi, đây còn là một ẩn số khó giải. Làm thế nào cá nhân ở nước ta có thể mua (tư nhân hóa) toàn bộ công xưởng và nhà máy ? Tìm đâu ra được những con người như vậy ? Bố tôi là giáo sư tiến sĩ, tôi cũng là giáo sư tiến sĩ, và bây giờ lại thêm học vị viện sĩ. Song, dù cóp nhặt tất cả những khoản tiền mà tôi và bố tôi làm ra suốt đời, liệu có đủ để mua chẳng hạn 3 chiếc máy kéo không ?

Vả lại, nếu chỉ định hướng vào việc tư nhân hóa toàn cục thì chúng ta lại mâu thuẫn với thực tiễn của thế giới. Ở Mỹ, trình độ xã hội hóa sản xuất chiếm 43%. Trong thời gian tới, sẽ tăng lên 5-6%. Phần lớn nền công nghiệp của Nhật bản và Đức cũng nằm dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Trong bộ máy chính quyền của tất cả những nước này đều có những bộ phận kế hoạch hóa mang tính chiến lược và chiến thuật. Ở nước ta tất cả những bộ phận này bị giải thể. Nhằm mục đích gì ? Xóa bỏ cơ sở kế hoạch và sự quản lý của nhà nước đối với những ngành kinh tế quốc dân có tính chất chiến lược đã làm cho nền kinh tế lâm vào thảm họa chăng ? Vì lẽ gì người ta lại gọi tình trạng hoạt động kinh tế không có giới hạn này là quyền tự chủ, là tính tháo vát, là quan hệ thị trường ?

- *Thưa viện sĩ Ghen-na-đi Va-xi-lê-vích, ngày nay người ta chạy theo mốt biện giải cho tất cả những cái đó là những khiếm khuyết của thời kỳ tích lũy ban đầu.*

- Nước Nga ngày nay đối với tôi không giống như thời kỳ tích lũy ban đầu, mà giống năm 1612. Hồi ấy, Cu-dơ-ma Mi-nin kêu gọi nhân dân hy sinh con em và tiền của của mình để cứu nước Nga. Ngày nay, chúng ta hy sinh vợ, con, nhà nước để cho... Tổ quốc bị tan rã. Ai sẽ phải thanh toán những món nợ khổng lồ mà chính phủ hiện nay đang lôi kéo đất nước vào cái tròng như vậy ?

- *Viện nghiên cứu của viện sĩ không chỉ điều tra, nghiên cứu mà còn phân tích những quá trình chính trị-xã hội trong xã hội. Vậy xin viện sĩ cho phép được hỏi thẳng : "Thảm họa hiện nay ở nước Nga có lợi cho ai ?"*

- Câu hỏi ông đặt, tôi có thể nói, nếu trả lời sẽ rất nguy hiểm. Tuy nhiên, trước hết dựa vào kinh nghiệm sống của bản thân, tôi sẽ trả lời.

Có thời tôi quan niệm rằng tất cả những tồn tại và những nỗi bất hạnh của chúng ta là hậu quả của những sai lầm và thiếu suy nghĩ. Còn sai lầm thì rất nhiều, kể cả những sai lầm đem lại những hậu quả khủng hoảng trầm trọng. Hồi ấy, trong những bài báo, tôi luôn xuất phát từ quan điểm cho rằng những người có chức có quyền phải chịu trách nhiệm về những tính toán sai lầm của mình. Và giờ đây tôi sẵn sàng luận giải quan điểm này. Thế nhưng, không thể nào giải thích thảm họa chỉ là do những sai lầm và thiếu suy xét.

Những ý định ban đầu muốn đặt vấn đề về nền tảng pháp lý của việc chuyển sang cơ chế thị trường, của việc tư nhân hóa và của những quá trình tương tự khác, đã vấp ngay phải sự phản kháng. Cả các quan chức lẫn các chủ doanh nghiệp đều lẩn tránh việc thiết lập những khuôn khổ vững chắc của luật pháp chẳng khác gì con chạch. Trong chuyện này, không có sai lầm, không có sự nhầm lẫn, mà vì lợi ích đã ngự trị. Tình trạng không có luật pháp, để cho nạn ăn hối lộ và đầu cơ tư bản tự do hoành hành, cho phép bán rẻ đất nước, các thành phố và tài nguyên - đó là tất cả những gì họ muốn.

Digitized by Google

Tình trạng không có luật pháp dẫn đến chỗ một số chủ doanh nghiệp gọi là lanh lợi nhất đã gửi tư bản của mình vào các ngân hàng nước ngoài. Theo tính toán của các chuyên gia, số lượng tư bản của họ ở đó còn lớn hơn tổng tín dụng mà phương Tây cấp để làm ổn định nền kinh tế nước Nga.

Còn chẳng lẽ có thể giải thích ý định bắt đầu tư nhân hóa đất đai vào tháng 5 cũng là sai lầm sao ? Có lần, thậm chí một em học sinh phổ thông cũng hỏi tôi làm thế nào người ta lại có thể thông qua một quyết định như vậy. Em nhỏ hiểu rằng ở nông thôn, vào tháng 5 người ta bận gieo hạt, chứ không phải chia đất. Nếu như ý đồ của các nhà chức trách được thực hiện thì sản lượng nông nghiệp ít nhất sẽ bị giảm 40%. Có nghĩa là, nếu không đặt mục đích phản bội lại sinh mạng 20-30 triệu đồng bào bị chết đói, thì đất nước buộc phải mua khối lượng khổng lồ lương thực ở nước ngoài. Tất yếu phải tìm đến những người môi giới cho việc mua bán này, hơn nữa theo pháp luật hiện nay, ăn hối lộ không còn là tội phạm hình sự. Đây lại thêm một câu giải đáp cho câu hỏi : thảm họa có lợi cho ai.

- Những lực lượng chính trị ủng hộ đường lối hiện nay muốn trút trách nhiệm lên ban lãnh đạo trước đây của đất nước ?

- Đã đến lúc các nhà chức trách hiện nay phải chịu trách nhiệm về những việc làm của mình. Ngày nay ở trong nước đang hình thành một dạng hệ thống quan liêu - cực quyền. Trong không gian chính trị - địa dư này, hệ thống đó hình thành trên cơ sở "chế độ phong kiến dân tộc chủ nghĩa"; còn trong không gian chính trị- địa dư khác, nó hình thành trên cơ sở "chủ nghĩa tư bản man rợ". Còn những quan chức cũ...

Tôi cho rằng thật hổ thẹn cho đất nước khi cựu tổng thống của đất nước đã xách cặp đi ăn xin các nước và quyên góp từng đồng đô la vào quỹ của mình. Nhân dân cảm thấy cay đắng. Việc làm đó không đem lại vinh dự gì cho trung tâm khoa học do vị cựu tổng thống lãnh đạo.

- Thưa viện sĩ Ghen-na-đi Va-xi-lê-vích, liệu viện sĩ có thể đánh giá về phương diện chính trị : hoạt động của chính phủ Nga hiện nay có liên quan trực tiếp đến thảm họa dân tộc hay không ?

- Tôi không thể đánh giá. Bởi vì không có chính phủ. Ở ta có ủy ban hàn những lỗ rò rỉ của nền kinh tế, song chính phủ thì không tồn tại. Có thể, trong cái mà người ta gọi là ủy ban thì bao gồm những người không đến nỗi tồi. Có thể, họ là những chuyên gia ở cương vị công tác trước đây của họ, song không quản lý được đất nước, và có lẽ, họ không có khả năng quản lý. Cơ chế tái sản xuất và cơ chế hoạt động của các quan hệ quyền lực bị phá vỡ.

Tình hình nước Nga ngày càng tuột ra khỏi sự kiểm soát của Trung tâm nước Nga. Ít nhất cũng có thể nói, các nghị định của chính phủ không được thực hiện - trên thực tế, thiếu môi trường thực hiện những quyết định của chính phủ. Đang diễn ra quá trình chủ quyền hóa khu vực hết sức nguy hiểm, đang có nguy cơ chia cắt nhà nước (quốc gia) Nga và những cuộc chiến tranh huynh đệ. Chẳng lẽ có thể nói nghiêm túc về chính phủ, nếu như thảm họa đất nước ngày càng sâu sắc và nguy hiểm hơn ư ?

- Thế các nhà xã hội học của Viện đánh giá như thế nào về mức độ căng thẳng xã hội hiện nay ở nước Nga ?

- Có lẽ ông đã đụng đến cái chỉ báo chính xác nhất về thảm họa. Các cuộc xung đột giữa các dân tộc, nạn đất đỏ, tình hình tội phạm tăng lên, nạn thất nghiệp đe dọa, sự di dân bất đắc dĩ và những nỗi bất hạnh xã hội khác đã dẫn đến chỗ hơn 80% dân chúng nước Nga không hài lòng với cuộc sống của họ hiện nay. Năm 1984, trước khi tiến hành cải tổ, chỉ có chừng 20% dân chúng phát biểu không hài lòng về cuộc sống.

Tính chất động của tâm tư xã hội là ở chỗ : trên thực tế, không còn những nhóm người lao động có thể đánh giá tốt tình hình chính trị và kinh tế ở trong nước và những hành động của ban lãnh đạo nước Nga. Chỉ có 6% số người được thăm dò ý kiến tin rằng đến cuối năm 1992 cuộc sống của họ sẽ được cải thiện.

- Và hiển nhiên, có một câu hỏi tự nảy ra là : Nếu thảm họa đã xảy ra với đất nước thì liệu phải đấu tranh khắc phục như thế nào ?

- Thiết nghĩ, trước hết cần phải khắc phục cuộc khủng hoảng chế độ nhà nước. Việc thủ

Digitized by Google

tiêu các xô viết, thủ tiêu Đại hội đại biểu nhân dân Liên bang Nga mà người ta đề xướng hiện nay, tức là thủ tiêu các cơ quan dân cử, chỉ có thể làm sâu sắc thêm thảm họa. Cho nên, không thể cho phép làm việc đó. Chỉ một nhà nước dân chủ hợp hiến đủ mạnh mới có khả năng quy tụ mọi khuynh hướng khác nhau và mọi mâu thuẫn xã hội vào một mẫu số chung thống nhất.

Một lần nữa, tôi xin nhắc lại tư tưởng cho rằng sản xuất phải là trung tâm của đường lối kinh tế. Không chỉ cần chặn đứng suy thoái sản xuất, mà còn cần phải phấn đấu tăng nhanh sản xuất. Nhưng không phải bằng cách bần cùng hóa nhân dân, không phải bằng những khoản tín dụng của phương Tây.

- Có lẽ cũng không có trở ngại gì cho người ta trong việc hướng về những kinh nghiệm khắc phục khủng hoảng của đất nước. Và cần sử dụng điểm gì trong thực tiễn xô viết trước đây để có thể thoát khỏi thảm họa ?

- Tất nhiên, lịch sử của chúng ta sau Cách mạng Tháng Mười là một chuỗi những hành động trái ngược, bởi vì trong những thập kỷ vừa qua, chúng ta đã coi thường nhiều quy luật khách quan. Hơn nữa, khi "hành động trái ngược", đất nước lại xây dựng nền công nghiệp hùng mạnh. Và đã xây được. Khi mới bước vào cải tổ, nền công nghiệp của chúng ta là một trong những nền công nghiệp lớn nhất thế giới. Và giá như tiềm lực này không bị hủy hoại, mà có thể được sử dụng hợp lý ở nửa cuối thập kỷ 80, thì bây giờ đã có thể cất cánh mạnh mẽ. Lúc này, chúng ta đã có thể có nhiều hàng tiêu dùng, và chính phủ đã không phải đi ra nước ngoài ngửa tay ăn xin.

Khi tiến hành cải cách, chớ nên quên rằng dân chúng nước ta vẫn thích những hình thức sở hữu tập thể và ít ủng hộ các hợp tác xã mới và những trang trại cá thể, kể cả của người nước ngoài. Điều này đã được xác nhận qua kết quả nghiên cứu, điều tra thăm dò của chúng tôi. Những kết quả đó cho phép khẳng định rằng, những người xô viết quen với chế độ bảo hiểm xã hội ở mức tương đối cao. Tư tưởng công bằng xã hội giữ vị trí then chốt trong thang bậc giá trị của những người dân nước Nga. Và nhà nước không có quyền xem thường ý chí của đồng bào.

Nhìn đại thể, nước Nga vẫn còn cơ hội để vượt qua thảm họa. Nhưng chỉ có toàn dân mới có thể làm được việc này, bởi lẽ cải cách không có sự tham gia của nhân dân, đi ngược lại ý chí của nhân dân, sẽ không thành công.

TẤN VIỆT lược thuật

CÙNG BẠN ĐỌC

Do giá giấy và công in tăng, để giảm bớt sự bù lỗ của ngân sách Đảng, bắt đầu từ tháng 10-1992, **giá bán mỗi số Tạp chí Cộng sản là 2.000đ.**

Digitized by Google

RETURN TO → PERIODICAL ROOM 133 Main Library 642-2975
LOAN PERIOD 1 | 2 | 3

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN (SAGECO)

Trực thuộc UBND tp Hồ Chí Minh

- Thành lập ngày 28-02-1989 gồm 12 đơn vị, các đơn vị đều hạch toán độc lập.
- Hiệu quả đồng vốn :
  Đến nay đã có 11/12 đơn vị làm ăn có hiệu quả
  9/11 đơn vị được nhà nước chính thức giao vốn hoạt động
  Tổng số vốn giao : 6 219 653 634đ
  Tổng lợi nhuận ước tính thực hiện trong năm 1991 : 1 749 000 000đ
  Đơn vị có tỷ suất lợi nhuận cao nhất là Công ty san nền và kỹ thuật hạ tầng.
- Nộp ngân sách nhà nước của Tổng công ty qua 3 năm :
  1989 : 738 607 000đ
  1990 : 1 186 753 000đ
  1991 : 2 703 251 000đ
- Thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ hưu trí CBCNV thôi và nghỉ việc trong 3 năm đã chi :
  1989 : 80 681 454đ
  1990 : 75 390 000đ
  1991 : 60 000 000đ
- Đã xây dựng và bàn giao hai căn nhà tình nghĩa ở huyện Thủ đức trị giá :13 068 000đ.
- Đã quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt ở vùng đồng bằng sông Cửu long tổng cộng : 26 45 000đ.
- Những công trình đang thi công :
  + Khách sạn Lê lai (Sài gòn Ind) 630 phòng, tiêu chuẩn từ 3 sao đến 4 sao. Tổng số vốn : 62 triệu USD. Công ty xây dựng số 1 tổng thầu
  + Khách sạn 242 Trần Bình Trọng do Công ty Cosaco tổng thầu.
  + Nhà máy sản xuất ống bê tông Thủ đức (Liên doanh với Italia) do Tổng công ty xây dựng Sài gòn tổng thầu. Vốn 57 tỷ đồng Việt nam và 8 triệu USD.
  + Trường mẫu giáo Bến dược, xã Phú mỹ hưng - Củ chi.
  Đây là quà tặng cho nhân dân khu căn cứ địa đạo Bến dược, Củ chi. Trị giá 36 triệu đồng Việt nam
- Các đơn vị được Bộ xây dựng tặng thưởng Huy chương vàng đạt chất lượng sản phẩm cao :
  + Công ty COSACO - : 3 huy chương vàng
  + Công ty xây dựng số 2 : 3 huy chương vàng
  + Nhà máy gạch ngói Long bình : 1 huy chương vàng
  Địa chỉ liên hệ : Tổng công ty xây dựng Sài gòn (SAGECO), 161 Trần Quốc Thảo, Q 3
  ĐT : 446388, 445226, 444405, 444408

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU - PETROLIMEX

Tổng giám đốc TRƯƠNG ĐÌNH TUYỂN

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU ĐƯỢC THÀNH LẬP NGÀY 12 THÁNG 1 NĂM 1956, LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CÓ CHỨC NĂNG KINH DOANH XĂNG DẦU, SẢN PHẨM HÓA DẦU ĐÁP ỨNG CÁC NHU CẦU CỦA NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN, AN NINH QUỐC PHÒNG VÀ ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN. TÊN GIAO DỊCH QUỐC TẾ CỦA TỔNG CÔNG TY LÀ PETROLIMEX.

● Hiện nay Petrolimex:

+ Chuyên kinh doanh các loại xăng dầu và sản phẩm hóa dầu : xăng, diesel, madut, nhiên liệu máy bay, dầu hỏa, dầu nhờn, mỡ máy, khí hóa lỏng, nhựa đường, hóa chất ... từ khâu nhập khẩu đến khâu bán buôn, bán lẻ trên thị trường trong nước và xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

+ Chuyên kinh doanh vận tải xăng dầu trong nước và ngoài nước.

+ Mua và xuất khẩu các loại hàng hóa sản xuất trong nước (nông, lâm, thủy và khoáng sản ...) nhằm bổ sung nguồn ngoại tệ nhập khẩu xăng dầu.

+ Chuyên kinh doanh các loại vật tư, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng xăng dầu.

+ Chuyên kinh doanh các dịch vụ ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và làm đại lý bán các mặt hàng thuộc phạm vi kinh doanh của Tổng công ty cho các tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của luật pháp hiện hành.

+ Liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để vận tải, sản xuất, gia công, pha chế các mặt hàng trong phạm vi kinh doanh của Tổng công ty.

+ Kinh doanh các dịch vụ khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Petrolimex sẵn sàng hợp tác với khách hàng trong và ngoài nước trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.



- Trụ sở giao dịch : Số 1 Khâm Thiên - Hà Nội
- Điện thoại : 2.52603 - 2.52604.
- Telex : 411241 TCTXD-VT
- Điện tín : Petrolimex - Hà Nội

● Các đơn vị trực thuộc Petrolimex

1- Công ty xăng dầu khu vực I : Thị trấn Đức Giang - Gia Lâm Hà Nội
ĐT : 2.71841 - 71400

2- Công ty xăng dầu khu vực II : Số 15 Đường Lê Duẩn - Quận I
TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 01.82.92081. 91433. 92082

3- Công ty xăng dầu khu vực III : Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng
TP. Hải Phòng.
ĐT : 01.31.42833 - 42832

4- Công ty xăng dầu khu vực V : Số 1 Đường Lê Quý Đôn
TP. Đà Nẵng
ĐT : 01.51.21979 - 21413 - 21981

5- Công ty xăng dầu B12 : khu 1 - Phường Bãi Cháy -
Thị xã Hòn Gai - Quảng Ninh
ĐT : 01.33.46360 - 46377

6- Công ty xăng dầu Hà Bắc : Đường Châu Xuyên - Phường Lê Lợi
Thị xã Bắc Giang
ĐT : 01.24.54508 - 54778 - 54307

7- Công ty xăng dầu Bắc Thái : Tân Quang - Sông Công
TP. Thái Nguyên ĐT : 382 Lưu Xá

8- Công ty xăng dầu Vĩnh Phú : Phường Vân Cơ - TP. Việt Trì
ĐT : 01.211.457 - 239 - 254

9- Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình : Xã Văn Yên - Thị xã Hà Đông
ĐT : 01.34.24699

- Chi nhánh XD Hòa Bình : ĐT : 01-34.52089

10- Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh : Số 107 Đường Đông An -
Phường Năng Tĩnh - TP. Nam Định
ĐT : 01.85.49639 - 49638 - 49444

11- Công ty xăng dầu Thanh Hóa : Phường Hàm Rồng - Thị xã Thanh Hóa
ĐT : 01.37.52785

12- Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh : Số 1 Đường Nguyễn Sĩ Sách-TP. Vinh
ĐT : 01.38.4601 - 4701 - 4801

13- Công ty xăng dầu Nghĩa Bình : Số 101 Đường Trần Hưng Đạo
TP. Qui Nhơn
ĐT : 01.56.22250 - 22606 - 22623

14- Công ty xăng dầu Phú Khánh : Số 10B Đường Nguyễn Thiện Thuật
TP. Nha Trang
ĐT : 01.58.22171 - 22395 - 22173

15- Công ty xăng dầu Hậu Giang : Số 21 Đường Cách Mạng Tháng Tám
TP. Cần Thơ ĐT : 01.71.21655 - 21656

16- Công ty vận tải nhiên liệu Vitaco : Số 12 Đường Lê Duẩn -
TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 01.82.93848 - 23061 - 22675

17- Công ty vận tải xăng dầu Đường thủy I : Số 37 Đường Phan Bội Châu
TP. Hải Phòng - ĐT : 01.31.47815

18- Công ty vật tư chuyên dùng xăng dầu : Ngọc Khánh - Quận Ba Đình
Hà Nội - ĐT : 2.43654 - 44769

19- Xí nghiệp cơ khí xăng dầu : Số 446 Đường Nơ Trang Long -
Phường 13 - Quận Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh - ĐT : 01.89.40223

Digitized by Google

LONG AN : KHAI THÁC ĐỒNG THÁP MƯỜI



* Trong các năm từ 1986 đến nay, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Đảng bộ Long An đã tập trung lãnh đạo các ngành, các địa phương và nhân dân trong tỉnh khai thác vùng "Đồng Tháp Mười" của tỉnh bước đầu có hiệu quả, góp phần giải quyết vấn đề khó khăn về lương thực, cùng cả nước thực hiện thắng lợi 3 chương trình kinh tế lớn và tổ chức phân bố lại lao động và dân cư trên phạm vi cả nước.

Đ/c PHẠM VĂN CA - Phó chủ tịch UBND tỉnh (bên trái). Giới thiệu với khách nước ngoài đến tìm hiểu vùng ĐTM thuộc tỉnh Long An

* Bằng những chủ trương và chính sách kinh tế - xã hội phù hợp với hoàn cảnh thực tế địa phương, bình quân mỗi năm Long An tổ chức khai hoang đưa vào sản xuất trên 5000 ha đất, bước đầu và chủ yếu là sản xuất lúa.

Năm 1986 trong 3 vụ lúa mùa, đông - xuân và hè thu, diện tích toàn tỉnh chỉ có gần 230 ngàn ha thì đến năm 1991 đã tăng lên 313 ngàn ha, đưa sản lượng lương thực (lúa) từ 700 ngàn đến năm 1986 lên 974000 đến năm 1991

* Bài học kinh nghiệm của Long An là chọn được mô hình cụ thể cho từng vùng, từng giai đoạn khai thác với việc thành lập ngay từ đầu các "Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp Mười" làm mũi nhọn trong khâu tổ chức xây dựng các công trình mang ý nghĩa khép kín, liên hoàn : thủy lợi kết hợp giao thông - trường học, trạm y tế, chợ, khu dân cư - xây dựng đồng ruộng - đầu tư vốn, khoa học kỹ thuật v.v...

Long An đang thực hiện dự án 1 về khai thác ĐTM do Trung ương đầu tư với nguồn vốn lớn.

Một mô hình nông thôn mới với sinh hoạt và sản xuất lớn nay, mai sẽ được xây dựng nên ở vùng Đồng Tháp Mười.



Các nhà đầu tư nước ngoài đi tham quan ĐTM (xã Tân Hiệp - huyện Thạnh Hóa)



Nông trường trồng chuối do nước ngoài đầu tư tại Đồng Tháp Mười (huyện Thạnh Hóa)

In tại nhà in Nhân Dân Hà Nội 2
Bìa in tại Nhà Máy in Thống Nhất

Chỉ số 12651.ISSN 0866-7276

Giá : 1500đ

Digitized by Google

29

Tạp chí Cộng sản



MAIN/UC-B

10
1992

Digitized by Google



CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 14

TRỤ SỞ :
8 PHẠM NGỌC THẠCH -
QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : 299.474
290.039

VỚI LỰC LƯỢNG CÁN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG NHÂN, KỸ THUẬT LÀNH NGHỀ, NHIỀU KINH NGHIỆM, LỰC LƯỢNG XE MÁY ĐỦ NĂNG LỰC :

- NHẬN THẦU THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG, TRANG TRÍ NỘI THẤT, THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI; THI CÔNG LẮP ĐẶT CÁC THIẾT BỊ, MÁY CÔNG NGHỆ, ĐỦ MỌI QUY MÔ VỚI YÊU CẦU KỸ, MỸ THUẬT CAO.
- SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG, GIA CÔNG CÁC BÁN THÀNH PHẨM : CỪ BÊ TÔNG CỐT THÉP, VÌ KÈO, XÀ GỒ THÉP; PANEN SÀN BÊ TÔNG CỐT THÉP; CÁC LOẠI CỬA, LAN CAN SẮT, CỬA GỖ CÁC LOẠI...
- SỬA CHỮA CÁC MÁY, THIẾT BỊ XÂY DỰNG, VẬN TẢI.



Digitized by Google

LIBRARY
NOV 1 8 1992
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
PERIODICALS



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

10 - 1992 NĂM THỨ XXXVIII (442)

MỤC LỤC

Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX	ĐỖ MƯỜI - Xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân	3
Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	NGUYỄN HÀ PHAN - Một số vấn đề về xây dựng nông thôn mới	15
	SONG THÀNH - Chủ tịch Hồ Chí Minh - người xác lập những nguyên lý cơ bản về nhà nước dân chủ ở nước ta	21
	NGUYỄN DUY GIA - Cải cách một bước bộ máy nhà nước ta	25
	NGUYỄN VĂN THẢO - Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước	29
	NGUYỄN THẾ UẨN - Mấy vấn đề về kinh tế đối ngoại	32
Nghiên cứu - Trao đổi	THIỆN NHÂN - Định hướng xã hội chủ nghĩa	35
	XUÂN CANG - Thực trạng giai cấp công nhân và giải pháp công đoàn	38
	NGUYỄN THANH TUẤN - Đổi mới phương pháp nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin	43
Ý kiến và kinh nghiệm	VŨ HUY ANH - Viết cái gì ? Câu hỏi mới thật bức xúc	47
	QUỲNH UYÊN - Nhận thức và vận dụng lý luận vào thực tiễn	49
	PHẠM THẮNG - Con đường phát triển của một đơn vị kinh tế quốc doanh	53
Sinh hoạt tư tưởng	BÙI TIẾN SINH - Yêu nên tốt, ghét có nên...xấu ?	56
	NGUYỄN TRỌNG THỤ - Câu chuyện quanh bài báo "Cớ sao ông buồn ?"	57
Thế giới : Vấn đề, sự kiện	LÊ BÁ THUYÊN - Những vấn đề mấu chốt trong chiến lược toàn cầu mới của Mỹ	58
	VÕ THỦ PHƯƠNG - Cam-pu-chia : khúc quanh của con đường hòa bình	60
Tìm hiểu khái niệm	● Lý luận ● Lý luận Mác - Lê-nin	62
Tin hoạt động lý luận	● Các chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước giai đoạn 1991 - 1995 về khoa học xã hội ● Khai giảng lớp "Nghiên cứu lý luận và nghiệp vụ báo chí"	64

Ảnh bìa 1 : Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX tại Hội trường Ba đình, Hà nội

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội ● **Dây nói :** 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch - Quận 3 TP Hồ Chí Minh ● **Dây nói :** 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• *Первая сессия Национального собрания IX созыва* • ДО МЫОЙ - Построить правовое государство, по-настоящему принадлежащее народу, созданное им и для него.• *Социализм - теория и практика* • НГУЕН ХА ФАН - Некоторые вопросы по строительству новой деревни. ШОНГ ТХАНЬ - Президент Хо Ши Мин - установитель основных принципов демократического государства в нашей стране. НГУЕН ЗЮИ ЗА - Шаг на пути преобразования государственного аппарата в нашей стране. НГУЕН ВАН ТХАО - Обновление руководства партии государством. НГУЕН ТХЕ УАН - Вопросы по внешнеполитической экономике. •. *Исследования - Обмен мнениями* • ТХИЕН НЬЯН - Социалистическая ориентация. СУАН КАНГ - Положение рабочего класса и резолюции о профсоюзах. • *Мнение и опыт* • ВУ ГЮИ АНЬ - Что писать ? - актуальный вопрос. ФАМ ТХАНЬ - Путь развития одной экономической единицы государственного управления. • *Мир: проблемы, факты* • ЛЕ БА ТХУЕН - Ключевые проблемы новой глобальной стратегии США. ВО ТХУ ФЫОНГ - Камбоджа: зигзаги пути к миру.

CONTENTS

● *The first session of the National Assembly (9th Legislature)** ĐỖ MƯỜI - Building a jurisdictional State of the people, by the people and for the people ● *Socialism - Theory and Practice** NGUYỄN HÀ PHAN - Some problems on building a new countryside. SONG THÀNH - President Ho Chi Minh - the author of the basic principles of a democracy in Vietnam. NGUYỄN DUY GIA - A further step in restructuring our State apparatus. NGUYỄN VĂN THẢO - Renovation of the Party's leadership over the State. NGUYỄN THẾ UÂN - Some problems on the exterior relation economy ● *Research - Exchange of Views** THIỆN NHÂN - Socialist orientation. XUÂN CANG -The real state of the working class and the trade unions' measures ● *Opinions and Experience** VŨ HUY ANH - What to write - a hard nut to crack ! PHẠM THĂNG - The path of development of a State-run economic establishment ● *The World : Issues and Events** LÊ BÁ THUYÊN - The key points in the new global strategy of the USA. VÕ THÙ PHƯƠNG - Cambodia at a bend of the path to peace.

SOMMAIRE

● *Première session de la IXe législature de l' Assemblée nationale** ĐỖ MƯỜI - Edifier un Etat de droit vraiment du peuple, par le peuple et pour le peuple. ● *Le socialisme - Théorie et pratique** NGUYỄN HÀ PHAN - Quelques problèmes de l'édification de la campagne nouvelle. SONG THÀNH - Le président Ho Chi Minh, celui qui a défini pour notre pays les principes fondamentaux d'un Etat démocratique. NGUYỄN DUY GIA - Réformer d'un pas l'appareil d'Etat de notre pays. NGUYỄN VĂN THẢO - Rénover la direction du Parti vis-à-vis de l' Etat. NGUYỄN THẾ UÂN - Quelques problèmes sur les relations économiques extérieures. ● *Etudes, échanges de vues** THIỆN NHÂN - Orientation socialiste. XUÂN CANG - L'état réel de la classe ouvrière et la solution syndicale. ● *Opinions et expériences** VŨ HUY ANH - Sur quoi écrire ? une nouvelle question pressante. PHẠM THĂNG - La voie de développement d'une entreprise d'Etat. ● *Le monde - problèmes et événements** LÊ BÁ THUYÊN - Les problèmes-clés dans la nouvelle stratégie mondiale des Etats-Unis. VÕ THÙ PHƯƠNG - Cambodge : détour de la voie vers la paix.

SUMARIO

● *Primer perlodo de la Asamblea Nacional (IX Legislatura)** ĐỖ MƯỜI - Edificar un Estado de derecho que sea verdaderamente del pueblo, por el pueblo y para el pueblo, ● *El socialismo - Teoría y práctica** NGUYỄN HÀ PHAN - Algunos problemas sobre la edificación del campo nuevo. SONG THÀNH - El Presidente Hồ Chí Minh, el instituidor de los principios fundamentales del Estado democrático en Vietnam. NGUYỄN DUY GIA - Reformar de un paso nuestro aparato estatal. NGUYỄN VĂN THẢO - Renovar la dirección del Partido sobre el Estado. NGUYỄN THẾ UÂN - Algunos problemas sobre las relaciones económicas exteriores. ● *Estudios - Intercambios** THIỆN NHÂN - Orientación socialista. XUÂN CANG - El estado real de la clase obrera y la solución sindical. ● *Opiniones y experiencias** VŨ HUY ANH-¿Qué se escribe ? una nueva interrogación apremiante ● PHẠM THĂNG - El camino de desarrollo de una unidad económica estatal. ● *El mundo : problemas y acontecimientos* ● LÊ BÁ THUYÊN - Los problemas claves en la nueva estrategia global de Estados Unidos. VÕ THÙ PHƯƠNG - Cambodia : El rodeo de la vía de paz.

目錄

● 第九屆 國會第一次會議 ★ 杜輝： 建設真正為人民所有，由人民產生和為人民的法權國家。

● 社會主義 - 理論與實踐 ★ 阮何福：建設新農村若干問題。雙成：胡志明主席是我國民主國家基本原理的提倡者。阮維喜：我國國家機構的進一步改革。 阮文草：改革黨對國家的領導。 阮世雄：對外經濟若干問題。

● 經驗與交換 ★ 善仁：社會主義定向。 春鋼：工人階級的實況與工會措施。● 意見與經驗 ★ 武聊英：寫什麼？一個新的迫切大問號。伯勝：一個國營經濟單位的發展道路。 ●世界問題與事件★ 黎伯雄：美國新全球戰略的几個關鍵問題。 武守芳：柬埔寨和平道途的轉折點。

Digitized by Google

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN THỰC SỰ CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN*

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư BCHTƯ Đảng CS Việt nam



Kính thưa đồng chí Phạm Văn Đồng, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,

Kính thưa đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước,

Kính thưa đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng,

Kính thưa đồng chí Lê Quang Đạo, Chủ tịch Quốc hội,

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Thưa các vị khách quốc tế,

THAY mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu Quốc hội khóa IX vừa được cử tri trong cả nước bầu vào cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại thời điểm lịch sử đầy trọng trách hiện nay.

Chúng ta vui mừng về sự thành công tốt đẹp của cuộc bầu cử Quốc hội vừa qua, thể hiện sự gắn bó và niềm tin của các tầng lớp nhân dân cả nước đối với Đảng, Nhà nước và đối với chế độ ta.

Nhân dịp này, cho phép tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã thay mặt nhân dân cả nước đề cử và nhân dân thủ đô Hà Nội đã bầu tôi làm đại biểu Quốc hội khóa IX. Tôi hiểu đây là sự tin cậy của đồng bào không chỉ đối với cá nhân tôi mà cả đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

TỪ 1987 đến 1992, năm năm của nhiệm kỳ Quốc hội khóa VIII là một thời kỳ lịch sử sôi động, đầy biến cố. Trên thế giới, chủ nghĩa xã hội phải trải qua thử thách nặng nề. Những khó khăn trong nước có lúc tưởng chừng không vượt qua nổi. Nhờ kịp thời thực hiện đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà lịch sử và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, nhân dân ta đã đứng vững và đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Ổn định chính trị tiếp tục được giữ vững. Nền kinh tế chẳng những không bị đảo lộn lớn mà còn có nhiều mặt phát triển, tạo được thế đi lên. Văn hóa, giáo dục có những mặt tiến bộ. Việc xây dựng và tăng cường Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân có bước phát triển mới ; quan hệ đối ngoại được mở rộng ; quốc phòng, an ninh được củng cố.

Chúng ta hiểu rằng, khó khăn vẫn còn nhiều. Những nhân tố gây mất ổn định vẫn tồn tại. Còn nhiều mặt yếu kém, khuyết điểm cần kiên quyết

* Bài nói tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX (Đầu đề là của Bộ biên tập)

Digitized by Google

khắc phục. Song những tiến bộ đạt được cho thấy triển vọng sáng sủa của tình hình, khẳng định đường lối của Đảng và Nhà nước ta là đúng đắn. Điều đó củng cố niềm tin và quyết tâm sắt đá của toàn dân ta phấn đấu đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đến thành công.

Năm năm qua cũng là thời kỳ đánh dấu bước chuyển biến có ý nghĩa cơ bản trong hoạt động của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước ta. Bắt đầu nhiệm kỳ vào tháng 6-1987, trong năm đầu triển khai thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng, Quốc hội khóa VIII đã thực hiện sứ mệnh cao cả mở đường cho công cuộc đổi mới toàn diện đời sống xã hội ở nước ta về mặt Nhà nước.

Quốc hội khóa VIII đã tiến hành tương đối đồng bộ, khẩn trương và có hiệu quả trên quy mô rộng lớn các hoạt động nhằm thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ do Hiến pháp quy định : lập hiến, lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề trọng đại về quốc kế - dân sinh, về đối nội và đối ngoại, trong đó đặc biệt nổi bật là hoạt động lập hiến và lập pháp. Tuy còn xa mới đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, song khối lượng công việc mà Quốc hội khóa VIII đã hoàn thành thật to lớn và đầy ý nghĩa. Điều đó tạo ra một tiền đề quan trọng cho Quốc hội khóa IX không những sẽ tiếp tục mà nhất định còn đẩy mạnh một cách khẩn trương và có hiệu quả hơn mọi nhiệm vụ của mình.

Chúng ta đánh giá cao hoạt động lập hiến của Quốc hội khóa VIII với hai lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1980 và đặc biệt tại kỳ họp thứ 11, tháng tư năm nay, sau những ngày thảo luận sôi nổi và thực sự dân chủ, Quốc hội đã nhất trí thông qua Hiến pháp mới của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ra đời vào thời kỳ đổi mới, Hiến pháp 1992 thực sự là Hiến pháp của nước Việt Nam trong hành trình đổi mới, phù hợp với thực tế và đáp ứng yêu cầu phát triển của nước ta, phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại. Nó không những đã kịp thời ghi nhận, khẳng định những thành quả bước đầu, to lớn của cuộc đấu tranh kiên trì, nhất quán của nhân dân ta thực hiện đổi mới trên mọi lĩnh vực mà còn chỉ ra phương hướng lâu dài nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, bảo đảm dân chủ và công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và đặc điểm Việt Nam.

Là văn kiện Nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất, Hiến pháp 1992 đã điều chỉnh, sửa đổi một cách cơ bản, toàn diện các quy định của Hiến pháp 1980. Nhiều quy định, đặc biệt là chương "Chế độ kinh tế", đã ghi nhận những thành quả của nhân dân ta, thể chế hóa những gì đã, đang và tất yếu sẽ xuất hiện trong cuộc sống của toàn thể đồng bào đang lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên ý nghĩa đó, Hiến pháp mới là đạo luật cơ bản chỉ đạo hoạt động thực tiễn của mọi thành viên xã hội, là một chương trình hành động. "Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" phải trở thành thói quen hằng ngày trong nếp sống, hành vi và ứng xử của mọi công dân.

Để thực hiện điều đó, trước hết Hiến pháp mới phải được tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, trở thành môn học phổ thông đối với mọi người ; bồi dưỡng kiến thức về Hiến pháp và pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng và đấu tranh bảo vệ Hiến pháp và pháp luật. Đây chính là điều kiện thiết yếu để cùng với quá trình tổ chức thực tiễn, thiết lập một môi trường, không gian pháp luật đáng tin cậy rất cần thiết hiện nay.

Để cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp mới, chúng ta phải khẩn trương rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, kịp thời xây dựng, ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung và các đạo luật mới, làm cho hệ thống pháp luật nước ta phù hợp với Hiến pháp mới, bảo đảm việc quản lý xã hội thực sự được tiến hành bằng pháp luật và theo pháp luật. Đó chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Quốc hội khóa IX, kế thừa và phát triển những việc Quốc hội khóa VIII đã làm.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

NHÂN dân là người sáng tạo lịch sử, nhân dân phải là nguồn gốc của quyền lực. Trong xã hội ta, quyền lực Nhà nước bắt nguồn từ nhân dân, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây là tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chúng ta phải thấm nhuần sâu sắc và thực hiện một cách đầy đủ nhất.

Trong điều kiện đổi mới nói chung và đổi mới hệ thống chính trị hiện nay, chúng ta phải ra sức phát triển và không ngừng hoàn thiện ***chế độ đại diện***, làm cho nó thực sự thể hiện bản chất nhân dân của Nhà nước ta. Điều quan trọng nhất là mỗi đại biểu Quốc hội đều ý thức sâu sắc mình là người được nhân dân ủy nhiệm tham gia quyết định những việc trọng đại của đất nước ; mọi việc mình làm đều phải thể hiện ý chí, nguyện vọng và lợi ích của

Digitized by Google

nhân dân. Phải phấn đấu để xứng đáng với danh hiệu cao quý là đại biểu nhân dân, vì nhân dân mà hết lòng phục vụ.

Chúng ta phấn khởi nhận thấy rằng trong những năm gần đây, không khí dân chủ trong sinh hoạt của Quốc hội ngày càng rõ nét, thể hiện ở ý thức trách nhiệm cao của các đại biểu. Có những vấn đề, để đi đến quyết định, đã phải trải qua tranh luận sôi nổi, với nhiều ý kiến khác nhau. Phải xem đấy là sinh hoạt bình thường của một quốc hội dân chủ. Sinh hoạt dân chủ đòi hỏi mỗi đại biểu không những phải biết trình bày ý kiến của mình một cách thuyết phục mà còn phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của đại biểu khác, dù người đó không tán thành ý kiến của mình. Dần dần, những điều này phải trở thành nếp sinh hoạt bình thường của Quốc hội ta.

Ngay tại khóa Quốc hội này, tôi xin đề nghị đổi mới một bước căn bản quy trình và phương pháp làm việc của Quốc hội, nhất là cách thức thảo luận, biểu quyết tại kỳ họp. Những vấn đề đưa ra thảo luận, quyết định tại các kỳ họp Quốc hội đều là những việc hệ trọng ở tầm quốc gia. Trí tuệ tập thể của các đại biểu phải được huy động để đi đến những quyết định đúng đắn, sáng suốt ; phát huy đầy đủ dân chủ trong thảo luận và biểu quyết theo đa số, đồng thời bảo đảm tập trung, thống nhất khi thực hiện trên phạm vi cả nước, thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật trong toàn xã hội.

Cuộc sống và hoạt động xã hội đòi hỏi phải ban hành nhiều luật một cách có hệ thống, đồng bộ và nhất quán, thể hiện đúng đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, và phải bảo đảm duy trì hiệu lực của Hiến pháp và pháp luật đã được ban hành. Chúng ta đang cố gắng để làm tốt việc đó. Chúng ta không cho phép bất kỳ ai làm trái pháp luật, coi thường phép nước. Phải nói rằng ở khá nhiều nơi, nhiều ngành, nhiều cấp, một bộ phận dân cư, trong đó có cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước có thái độ và hành vi xem thường, bất chấp pháp luật, kỷ cương ; thậm chí có những biểu hiện ngang ngược, thách thức và chà đạp pháp luật. Đây đang là điều nhức nhối của xã hội ta, khiến mọi người đều băn khoăn, lo lắng và phẫn nộ.

Bản chất xã hội ta là một xã hội dân chủ. Chúng ta chủ trương cùng với sự phát triển của đất nước, dân chủ sẽ ngày càng nhiều hơn, càng được mở rộng hơn. ***Song dân chủ phải luôn luôn nằm trong khuôn khổ của pháp luật*** ; mọi hành vi của công dân phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật. Thách thức và chà đạp pháp luật tức là thách thức, chà đạp nền dân chủ, là lộng hành bất chấp tự do, dân chủ của người khác, của nhân dân. Đó là điều không thể dung thứ được.

Hiện nay, có những người tự cho mình là người phán xét cao nhất về nhân quyền, chỉ trích người khác vi phạm nhân quyền. Song tôn trọng nhân quyền là gì nếu không phải là bảo đảm quyền con người được sống trong hòa bình, độc lập, tự do ; được quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân mình ; được quyền có cuộc sống ấm no, bình đẳng và hạnh phúc. Tôn trọng quyền của mỗi con người phải gắn với tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia, không bị nước khác áp đặt. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật, bình đẳng dân tộc, bình đẳng nam nữ, tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng cũng như các quyền tự do, dân chủ khác phải gắn với nghĩa vụ và trách nhiệm trước đất nước và xã hội. Những kẻ làm trái Hiến pháp và pháp luật, xâm phạm tự do, dân chủ của người khác, gây thiệt hại đến lợi ích của dân tộc, của cộng đồng, thậm chí lợi dụng tự do, dân chủ để phản bội Tổ quốc, chống lại đồng bào, đều phải bị xử phạt, trừng trị nghiêm minh theo đúng Hiến pháp và pháp luật. Nhân quyền mà chúng ta quan niệm là như vậy. Xét theo những tiêu chuẩn đó, chúng ta có thể khẳng định đất nước ta, nhân dân ta, Nhà nước ta thật sự tôn trọng nhân quyền, tôn trọng tuyên ngôn và các công ước quốc tế về quyền con người.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

QUỐC hội ta không chỉ là cơ quan bàn và thông qua các quyết định mà còn là một cơ quan hành động, không chỉ thông qua các Luật mà còn giám sát việc thi hành các luật đó. Các đại biểu Quốc hội chúng ta với cương vị, trách nhiệm xã hội của mình, phải đi đầu trong việc xác lập trật tự, kỷ cương, gương mẫu và động viên mọi người nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và đấu tranh bảo vệ pháp luật ngay tại nơi làm việc và nơi mình cư trú. Phải đề cao trách nhiệm tinh thần, trách nhiệm pháp lý của người đại diện nhân dân trước các vấn đề của đất nước.

Trong các cuộc tiếp xúc với cử tri trước ngày bầu cử, các đại biểu chúng ta đã được nghe nhiều ý kiến thẳng thắn, có khi rất gay gắt của nhân dân kiến nghị với Nhà nước kiên quyết đấu tranh chống lại những hiện tượng vi phạm pháp luật mà nổi bật là tham nhũng, xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, buôn lậu, làm hàng giả, trốn thuế, lậu thuế... gây tổn thất lớn cho Nhà nước và nhân dân.

Digitized by Google

Đó không chỉ là tâm tư, nguyện vọng mà còn là sự ủy nhiệm của nhân dân đối với đại biểu của mình. Trách nhiệm, nghĩa vụ đại biểu cao cả của chúng ta là phải cùng các cơ quan Nhà nước hữu quan quyết tâm thực hiện cho bằng được.

Cần đề cao mối quan hệ giữa quyền hạn và trách nhiệm, quyền hạn càng lớn thì trách nhiệm càng cao. Vì vậy, đã đến lúc Nhà nước ta phải ban hành quy chế chặt chẽ về trách nhiệm pháp lý của người có chức, có quyền, bảo đảm tôn trọng pháp luật, trước hết đối với người đứng đầu các ngành, các cấp về tình hình thi hành pháp luật ở ngành mình, cấp mình, địa phương mình phụ trách. Nếu phép nước không nghiêm, kỷ cương lỏng lẻo, pháp luật bị xem thường thì trước hết người đứng đầu và người quản lý trực tiếp phải chịu trách nhiệm và phải áp dụng các hình thức trách nhiệm pháp lý nghiêm minh chứ không chỉ có phê bình, kiểm điểm, xử lý nội bộ là đủ.

Để thực hiện điều đó, tôi đề nghị ngay tại kỳ họp mở đầu nhiệm kỳ này, Quốc hội giao cho Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng các cơ quan hữu quan xây dựng đề án, chương trình hành động với các cơ chế, biện pháp, bước đi thích hợp trình Quốc hội xem xét, quyết định tại một kỳ họp sau, nhằm ***tăng cường một cách căn bản chế độ trách nhiệm***, chế độ kỷ luật trong hoạt động của bộ máy Nhà nước và các nhân viên Nhà nước, xem đó là tiền đề, điều kiện tiên quyết xác lập kỷ cương, trật tự trong hoạt động của toàn xã hội.

Song song với việc phát triển và từng bước hoàn thiện chế độ dân chủ đại diện, chúng ta cần hết sức coi trọng việc phát huy quyền ***dân chủ trực tiếp*** của nhân dân. Từ trước đến nay, chúng ta đã làm tốt việc này, tạo ra thói quen trong sinh hoạt xã hội. Các dự thảo Cương lĩnh, Chiến lược, Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng, dự thảo Hiến pháp, các đạo luật đều được công bố rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp trực tiếp của các tầng lớp nhân dân. Rất nhiều kiến nghị xác đáng của nhân dân đã được bổ sung vào các văn kiện của Đảng và Nhà nước ; nhiều ý kiến của nhân dân đã giúp cho việc xử lý được đúng đắn, kịp thời.

Với nhận thức sâu sắc rằng việc của đất nước là việc của nhân dân, chúng ta cần rút kinh nghiệm để làm tốt hơn nữa việc này, nhằm tập hợp rộng rãi, phát huy đầy đủ khả năng và trí tuệ của toàn dân để cùng lo việc nước. Đồng thời, cần nghiên cứu định ra cơ chế để nhân dân có thể trực tiếp giám sát hoạt động của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cũng như giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước và nhân viên Nhà nước. Trước mắt, nên nghiên cứu hình thức thích hợp để cử tri có thể bày tỏ sự tín nhiệm của mình vào giữa nhiệm kỳ đối với đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân mà mình đã bầu ra ; tạo điều kiện để cử tri thường xuyên giám sát hoạt động của đại biểu ; đồng thời, để các đại biểu gắn bó hơn với cử tri, đề cao ý thức trách nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ, phấn đấu luôn luôn xứng đáng với sự tín nhiệm của cử tri.

Cùng với việc tăng cường vai trò và nhiệm vụ của Quốc hội, để từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, chúng ta phải củng cố, tăng cường vai trò của các cơ quan hành pháp và tư pháp theo tinh thần đổi mới, gọn nhẹ và có hiệu lực.

Chính phủ là cơ quan cao nhất trong hoạt động điều hành, như Hiến pháp đã quy định, là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước ta. Trong điều kiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, cần tiến hành cuộc ***cải cách hành chính***, làm cho nền hành chính hoạt động thông suốt, thống nhất, có hiệu lực, khắc phục mọi biểu hiện phân tán và cục bộ.

Cùng với cải cách hành chính, phải tiến hành ***cải cách tư pháp***, làm cho nền tư pháp hoạt động thec đúng nguyên tắc của Hiến pháp. Đào tạo, bổ nhiệm một đội ngũ thẩm phán, hội thẩm có phẩm chất tốt và đủ trình độ xét xử một cách công tâm và đúng luật.

Một việc rất hệ trọng cần tiến hành ngay tại kỳ họp đầu tiên này là Quốc hội chúng ta có nhiệm vụ cử ra những người đứng đầu Nhà nước và Quốc hội, các Hội đồng và các Ủy ban của Quốc hội, những người đứng đầu các cơ quan hành pháp và tư pháp : Thủ tướng và các thành viên Chính phủ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Mong các vị đại biểu Quốc hội đề cao trách nhiệm trước nhân dân, sáng suốt lựa chọn và quyết định.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

QUỐC hội khóa IX đảm nhiệm sứ mệnh cao cả của mình ở thời điểm mà dân tộc ta cùng cả loài người chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI. Đây là thời điểm vô cùng quan trọng với những thử thách lớn, nhưng cũng nhiều triển vọng và vận hội lớn. Nhân dân ta không những phải thắng cho được nghèo nàn, lạc hậu mà còn phải quyết tâm thực hiện dân giàu, nước mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Digitized by Google

Là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng của toàn dân, Quốc hội khóa IX có trách nhiệm lịch sử to lớn, phát huy vai trò của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức và động viên toàn dân đương đầu với mọi thử thách, vượt qua mọi trở ngại, tận dụng mọi thời cơ, giải quyết các vấn đề quan trọng vừa cơ bản, vừa cấp bách để đẩy mạnh quá trình phát triển.

Chúng ta vui mừng nhận thấy rằng, Quốc hội lần này bao gồm những đại biểu ưu tú, tiêu biểu cho trí tuệ của toàn dân, phản ánh trung thành khối đại đoàn kết toàn dân Việt Nam trong thời kỳ tiến hành sâu sắc và toàn diện công cuộc đổi mới đất nước.

Đại đoàn kết toàn dân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công vun đắp luôn luôn là truyền thống quý báu của nhân dân ta ở mọi thời kỳ cách mạng. Khối đại đoàn kết đó đã tạo ra sức mạnh làm nên thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong chiến tranh cứu nước. Ngày nay hơn bao giờ hết, chúng ta phải phát huy truyền thống vẻ vang đó, ra sức củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước thuộc các giai cấp, các tầng lớp với liên minh công nhân, nông dân và trí thức là nền tảng ; đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo ; đoàn kết đồng bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài, xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ hận thù; nhìn về tương lai. Tất cả đều nhằm mục tiêu cùng nhau phấn đấu ***vì độc lập của Tổ quốc, tự do của nhân dân, hạnh phúc của đồng bào***. Phải đoàn kết, đồng tâm nhất trí xây dựng nước ta trở thành một nước có nền kinh tế phồn thịnh, cuộc sống văn minh, quốc phòng, an ninh vững mạnh, sánh vai cùng các nước trên thế giới bước vào thế kỷ XXI.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

CÙNG với những thành tựu bước đầu rất quan trọng về đổi mới kinh tế, xã hội và chính trị, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đã được mở rộng một bước, góp phần bảo đảm cho nước ta đứng vững và tiếp tục phát triển.

Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Trong bối cảnh đó, chúng ta ra sức thực hiện nhiệm vụ giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, trước hết với các nước láng giềng và các nước trong khu vực, tạo môi trường và điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; đồng thời, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta tích cực mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật, cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ. Chính sách đối ngoại của ta dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ với nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc.

Chúng ta chủ trương giải quyết bằng thương lượng hòa bình những vấn đề tồn tại giữa các nước, tích cực góp phần vào việc củng cố hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực và trên thế giới, vào cuộc đấu tranh nhằm thiết lập trật tự thế giới mới công bằng, hợp lý cũng như vào việc dân chủ hóa quan hệ quốc tế.

Là một bên ký Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia, chúng ta nghiêm chỉnh thi hành những điều khoản trực tiếp liên quan tới Việt Nam ; đồng thời, yêu cầu các bên liên quan thi hành nghiêm chỉnh hiệp định ; kiên quyết bác bỏ những luận điệu vu khống và chống Việt Nam, khủng bố Việt kiều, nhằm che đậy việc phá hoại hiệp định. Chúng ta chân thành mong muốn Cam-pu-chia trở thành một nước hòa bình, độc lập, trung lập, không liên kết, hữu nghị với tất cả các nước, nhất là các nước láng giềng.

Hiện nay, dư luận trong nước và quốc tế đang quan tâm sâu sắc tới tình hình trên Biển Đông. Chủ trương nhất quán của chúng ta là, một mặt, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước ; mặt khác thông qua thương lượng để giải quyết tranh chấp trên cơ sở tôn trọng luật pháp và thông lệ quốc tế, vì hòa bình, ổn định hữu nghị và hợp tác trong khu vực. Trong khi chờ đợi giải quyết, các bên liên quan không làm gì để gây tình hình phức tạp thêm.

Chúng ta tiếp tục khẳng định : Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

ĐẢNG Cộng sản Việt Nam được nhân dân ta trao cho sứ mệnh lãnh đạo đất nước, đã được Hiến pháp 1959, 1980 và Hiến pháp 1992 long trọng ghi nhận. Đây là vinh dự to lớn, đồng thời cũng là trách nhiệm hết sức nặng nề, nhất là trong thời cuộc hiện nay.

Để làm tròn sứ mệnh cao cả đó, Đảng Cộng sản Việt Nam quyết tâm đổi mới phương thức lãnh đạo

Digitized by Google

của Đảng đối với Nhà nước. Trước hết, Đảng tự đổi mới để tạo tiền đề cho đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước và toàn xã hội. Đảng khẳng định bản thân Đảng không phải là cơ quan quyền lực Nhà nước, không hoạt động như một cơ quan Nhà nước. Đảng lãnh đạo nhằm xây dựng một Nhà nước thật sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ; phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của bộ máy Nhà nước ; xây dựng một bộ máy Nhà nước vững mạnh, có hiệu lực theo đúng chức trách và thẩm quyền do luật định.

Nguy cơ của một đảng cầm quyền xa rời, mất lòng tin của nhân dân luôn luôn là điều răn cần tránh đối với tất cả các cấp ủy và toàn thể đảng viên của Đảng. Đảng ý thức được rằng không bao giờ hàng triệu người lại nghe theo tiếng nói của một đảng, nếu lời nói đó không phù hợp với những điều mà kinh nghiệm sống của bản thân họ dạy họ. Từ thực tế Việt Nam phong phú và sinh động, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu lên bài học hết sức quý báu là : ***mọi việc Đảng đề ra đều phải hợp quy luật, hợp lòng dân.*** Cương lĩnh, chiến lược do Đảng đề ra đã thấm nhuần tinh thần đó.

Hiện nay có người cho rằng phải thi hành chế độ đa đảng mới là dân chủ. Nhớ lại những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tình hình rất rối ren, nhiều đảng phái mọc lên, núp sau lưng các thế lực bên ngoài, tiến hành những hoạt động phá hoại và khủng bố, âm mưu cướp chính quyền, mưu cầu lợi ích của một nhúm người, không đếm xỉa đến tình thế hiểm nghèo của Tổ quốc và cuộc sống cơ cực của đồng bào. Đó là bài học lịch sử mà nhân dân ta mãi mãi ghi nhớ để không bao giờ lặp lại.

Trải qua thời kỳ sóng gió đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành thắng lợi hoàn toàn, thu giang sơn về một mối, đất nước được độc lập, nhân dân được tự do. Ngày nay, Đảng nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp đổi mới để đưa đất nước thoát khỏi lạc hậu, nghèo nàn, phát triển kinh tế, văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ, làm cho dân giàu nước mạnh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc yêu quý của chúng ta. Đó là mục tiêu của Đảng và của cả dân tộc.

Để thực hiện mục tiêu trên đây, chúng ta phải giữ vững ổn định chính trị. Có giữ vững ổn định chính trị thì mới có thể phát triển kinh tế. Ngược lại, kinh tế phát triển là điều kiện bảo đảm chính trị càng ổn định hơn.

Như vậy nước ta thực hiện chế độ một đảng là do quy định của lịch sử, đã được thực tế khẳng định là đúng đắn. Đảng được nhân dân tin yêu, thừa nhận là người lãnh đạo duy nhất của mình. Chúng ta phải từ thực tế của đất nước để tham khảo và học hỏi những điều hay, nhưng nhất thiết không máy móc áp dụng kinh nghiệm của người khác, không phù hợp với lịch sử và truyền thống của dân tộc mình.

Đương nhiên, để có thể làm tròn sứ mệnh lịch sử được nhân dân giao phó, Đảng phải tự đổi mới ; toàn thể đảng viên của Đảng phải tự đổi mới, rèn luyện phẩm chất, trau giồi bản lĩnh, nâng cao trình độ, vươn lên làm tốt mọi nhiệm vụ, xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân.

Từ nhận thức sâu sắc điều vừa nói trên đây, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã xem xét kỹ tình hình trong Đảng và ra Nghị quyết về xây dựng Đảng nhằm tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao bản lĩnh và năng lực lãnh đạo của Đảng, nâng cao phẩm chất và trình độ của đảng viên để bảo đảm thắng lợi vững chắc của công cuộc đổi mới, đáp ứng sự tin cậy và ý nguyện của toàn dân.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

NHIỆM kỳ Quốc hội khóa IX là nhiệm kỳ tiếp tục thể chế hóa cương lĩnh và chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới sâu sắc và toàn diện, phát huy vai trò của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Kỳ họp đầu tiên lần này có tầm quan trọng đặc biệt, tạo đà thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động của Quốc hội ta trong suốt nhiệm kỳ.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, một lần nữa tôi xin nhiệt liệt hoan nghênh các vị đại biểu. Kính chúc các vị sức khỏe dồi dào, mang hết tài năng, kinh nghiệm, trí tuệ và sức lực để hoàn thành nhiệm vụ cao cả mà nhân dân đã trao cho.

Xin cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội và các vị khách quốc tế.

Digitized by Google



Chủ tịch nước CHXHCN Việt nam

LÊ ĐỨC ANH

(Được bầu tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX)

ĐỒNG chí Lê Đức Anh, sinh ngày 1-12-1920, tại xã Trường Hà, huyện Phú Vang, quê quán ở huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên-Huế, tham gia cách mạng năm 1937, vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1938.

Năm 1937, tham gia phong trào bình dân, phụ trách tổ chức các nghiệp đoàn cao-su ở Lộc Ninh, Quảng Lợi.

Digitized by Google

Tháng 8-1945, làm chỉ huy quân đội ở tỉnh Thủ Dầu Một và là Tỉnh ủy viên Thủ Dầu Một.

Năm 1948 đến 1954, giữ chức Tham mưu trưởng Quân khu VII, Quân khu VIII, Quân khu Sài Gòn - Chợ Lớn, rồi Tham mưu phó Bộ tư lệnh Nam Bộ.

Năm 1955 đến 1962, giữ chức Cục phó Cục Tác chiến, Cục phó rồi Cục trưởng Cục Quân lực, Bộ Tổng tham mưu, được phong quân hàm Đại tá.

Năm 1963, làm Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, rồi Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh miền nam.

Năm 1969, làm Phó bí thư khu ủy, Tư lệnh Quân khu IX, rồi Phó tư lệnh Bộ Tư lệnh miền nam, Ủy viên Quân ủy miền, được phong quân hàm Trung tướng.

Năm 1975, làm Phó tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Năm 1976, làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu VII, Ủy viên Quân ủy Trung ương. Đầu năm 1980, được phong quân hàm Thượng tướng, sau đó được cử giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tư lệnh Bộ đội tình nguyện Việt Nam tại Cam-pu-chia. Năm 1982, được phân công làm Trưởng ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia giúp Cam-pu-chia. Năm 1984, được phong quân hàm Đại tướng. Tháng 12-1986, được phân công giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, thứ V, thứ VI, thứ VII đều được bầu vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, từ Đại hội lần thứ V đến Đại hội lần thứ VII, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị, riêng khóa VII, được bầu làm Bí thư Trung ương Đảng và là Phó bí thư thứ nhất Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Là đại biểu Quốc hội khóa VI (1976), khóa VIII (1987) và khóa IX (1992).

Ngày 23-9-1992, được Quốc hội bầu làm Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

● Phó chủ tịch nước CHXHCN Việt nam
NGUYỄN THỊ BÌNH

● Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao
PHẠM HƯNG

● Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao
LÊ THANH ĐẠO

Digitized by Google



Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt nam
VÕ VĂN KIỆT
(Được bầu tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX)

ĐỒNG chí Võ Văn Kiệt sinh ngày 23-11-1922 trong một gia đình nông dân ở tỉnh Vĩnh Long. Sinh ra và lớn lên trong một vùng đất nghèo nhưng có truyền thống cách mạng, từ năm 1938, đồng chí đã hoạt động trong các tổ chức yêu nước, tham gia Đoàn thanh niên phản đế và tham gia cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940. Cuộc khởi nghĩa thất bại, đồng chí rút vào hoạt động bí mật, cùng nhiều chiến sĩ cách mạng khác tích cực khôi phục cơ sở, chuẩn bị thời

Digitized by Google

cơ và tháng 8 năm 1945, tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng ở tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang).

Sau cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, nhưng không được bao lâu, Pháp trở lại xâm chiếm Việt Nam. Đồng chí tham gia lãnh đạo các tổ chức kháng chiến trong nhiều năm, ở nhiều địa phương thuộc đồng bằng sông Cửu Long, những nơi mà cuộc đấu tranh hết sức gay gắt.

Từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ về Việt Nam (năm 1954), đồng chí Võ Văn Kiệt đã cùng đồng bào miền nam Việt Nam đấu tranh để thi hành Hiệp định, hòa bình thống nhất nước nhà. Thế nhưng, chính quyền miền nam Việt Nam do Mỹ dựng lên đã đàn áp đẫm máu phong trào. Trước sức đấu tranh mãnh liệt của nhân dân miền nam Việt Nam, Mỹ đã trực tiếp can thiệp, ồ ạt đưa quân vào, buộc nhân dân miền nam Việt Nam phải tiến hành đấu tranh vũ trang. Thời gian này, đồng chí liên tục tham gia lãnh đạo cuộc đấu tranh ở vùng Tây Nam Bộ, ở Sài Gòn - Gia Định (trung tâm đầu não của chính quyền ngụy thời đó) và tiếp đó là trong cơ quan lãnh đạo toàn miền nam Việt Nam.

Năm 1975, cuộc chiến đấu giải phóng miền nam thắng lợi, nước Việt Nam thống nhất bước vào một giai đoạn mới. Đồng chí Võ Văn Kiệt phụ trách những cương vị quan trọng của thành phố Hồ Chí Minh : Phó Bí thư, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố, đã cùng nhân dân thành phố khắc phục những hậu quả của chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới.

Từ năm 1982, đồng chí Võ Văn Kiệt tham gia công tác lãnh đạo ở Trung ương : Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, rồi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (từ tháng 8 năm 1991 đến nay). Trong thời kỳ này, đồng chí đã góp phần vào việc tìm tòi, thử nghiệm một mô hình mới cho công cuộc xây dựng kinh tế ở Việt Nam, chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu sang cơ chế thị trường. Tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa IX (ngày 24-9-1992), đồng chí được bầu là Thủ tướng Chính phủ.

Đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1960, sau đó là Ủy viên chính thức (năm 1972) ; là Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị (năm 1976) và Ủy viên chính thức từ năm 1982 đến nay.

CÁC PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1 - PHAN VĂN KHẢI
2 - NGUYỄN KHÁNH
3 - TRẦN ĐỨC LƯƠNG

Digitized by Google



Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt nam
NÔNG ĐỨC MẠNH
(Được bầu tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX)

ĐỒNG chí Nông Đức Mạnh, sinh ngày 11-9-1940, tại xã Cường Lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Thái, dân tộc Tày, kỹ sư lâm nghiệp.

Tham gia cách mạng từ tháng 4-1958, vào Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 7-1963. Từ năm 1958 đến 1965, công tác ở các cơ sở ngành lâm nghiệp. Từ năm 1966 đến 1971, học Trường đại học Lâm nghiệp. Từ năm 1972 đến 1974, tham gia trong ban lãnh đạo Ty Lâm nghiệp Bắc Thái,

Digitized by Google

và sau đó đi học Trường đảng Nguyễn Ái Quốc. Từ 1976 đến 1980, tham gia Ban Chấp hành tỉnh ủy, làm Trưởng ty Lâm nghiệp. Từ 1980 đến 1986, làm Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh rồi giữ chức Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, sau đó làm Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái.

Tháng 12-1986, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái. Tháng 3-1989, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu được bầu làm ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 9-1989, được cử làm Trưởng ban Dân tộc Trung ương và được bầu bổ sung đại biểu Quốc hội khóa VIII, được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.

Tháng 6-1991, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, được bầu lại Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị.

Tháng 7-1992, được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa IX. Ngày 23-9-1992, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX, được bầu làm Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CÁC PHÓ CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

1 - NGUYỄN HÀ PHAN
2 - ĐẶNG QUÂN THỤY
3 - PHÙNG VĂN TỬU

CÁC ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

1 - VŨ ĐÌNH CỰ
2 - TRẦN THỊ TÂM ĐAN
3 - Y NGÔNG NIÊ KĐĂM
4 - MAI THÚC LÂN
5 - VŨ MÃO
6 - HOÀNG BÍCH SƠN
7 - PHAN MINH TÁNH
8 - NGUYỄN THỊ THÂN
9 - HÀ MẠNH TRÍ

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

NGUYỄN HÀ PHAN *

NÔNG thôn nước ta có địa bàn rộng lớn, chiếm 95% diện tích lãnh thổ, trải ra trên các vùng miền núi, trung du, đồng bằng và ven biển, với 54 dân tộc anh em, chiếm 80% số dân, 65% lao động cả nước, sống trong 10 triệu hộ gia đình, làm rất nhiều nghề : trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt hải sản, thủ công mỹ nghệ truyền thống... Nông thôn nước ta, trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, đều là nơi cung cấp sức người sức của cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Để đưa nông thôn nước ta vững bước tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ : "phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội".

I - BỨC TRANH CHUNG VỀ THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN HIỆN NAY

Từ Đại hội VI, nhất là từ Đại hội VII của Đảng đến nay, với đường lối đổi mới, nền kinh tế nước ta thu được nhiều thành tựu quan trọng : đời sống vật chất tinh thần của nhân dân đã được nâng lên rõ rệt ; kinh tế nông thôn chuyển sang hướng sản xuất hàng hóa với cơ cấu nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nhiều điển hình, nhân tố mới xuất hiện, làm ăn có hiệu quả ; cảnh quan làng xã nhiều vùng nông thôn được xây dựng khang trang. Cấu trúc xã hội nông thôn cũng bắt đầu có một số thay đổi, và đạt được tiến bộ rõ rệt. Thực tế cho thấy : nơi nào đảng bộ và chính quyền sát dân, biết dựa vào sức mạnh của dân, tự lực đi lên, thì nghèo nàn lùi dần, đời sống khá giả lên, văn minh cuộc sống xuất hiện.

Song nhìn chung, nông thôn nước ta vẫn là khu vực chậm phát triển. Kinh tế nông thôn về cơ bản đang gắn với một nền nông nghiệp chủ yếu là sản xuất nhỏ, cơ cấu sản xuất và cơ cấu kinh tế còn đơn điệu, năng suất lao động rất thấp. Nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng miền núi, vùng hẻo lánh, còn nghèo nàn và lạc hậu ; đời sống nhân dân còn rất khó khăn ; văn hóa, giáo dục... không những không được cải thiện mà có nơi còn xuống cấp nghiêm trọng. Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội do lịch sử để lại nổi cộm ở nông thôn là sản xuất hàng hóa chậm phát triển. Ở một số nơi như ven đô, vùng đồng bằng trù phú... mặc dù sản lượng hàng hóa ít, nhưng do thị trường tiêu thụ bấp bênh, sản phẩm ứ đọng, nông dân vẫn phải bán với giá rẻ, theo thời vụ. Sức mua của người nông dân còn co hẹp so với nhu cầu của họ.

Các hình thức kinh tế ở nông thôn có sự thay đổi, kinh tế hộ trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, đã tạo ra bước chuyển biến lớn trong nông nghiệp. Ở một số nơi đã kịp thời chuyển hợp tác xã sang làm dịch

---

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban kinh tế trung ương.

Digitized by Google

vụ, kết hợp cả quốc doanh và hợp tác xã lo cho nông dân khá tốt. Tuy nhiên, những mô hình hợp tác xã kinh doanh dịch vụ tốt chậm được nhân ra. Việc đổi mới phương thức hoạt động của một số hợp tác xã chưa đáp ứng yêu cầu cuộc sống hiện nay.

Lao động ở nông thôn thiếu việc làm nghiêm trọng. Các ngành nghề, kể cả nghề truyền thống, chậm phát triển. Hiện có 70 - 80 vạn người dôi dư trong khu vực nhà nước, có hàng vạn bộ đội xuất ngũ, có hàng chục vạn người đi lao động hợp tác ở nước ngoài trở về, rồi người xuất cảnh trái phép mới hồi hương, tất cả đều dồn về nông thôn, tạo nên một sức ép rất lớn về việc làm và các nhu cầu khác phải quan tâm giải quyết.

Tốc độ tăng dân số bình quân trên 2,2% mỗi năm và tốc độ tăng lao động 3,5% mỗi năm dẫn đến bình quân ruộng đất cho một lao động thấp, chỉ có 0,3 ha ; thậm chí có vùng chỉ có 0,1 ha.

Đời sống vật chất của người nông dân tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Trong số 10 triệu hộ nông dân, chỉ có khoảng 15 - 20% là hộ khá giả, 50 - 60% là hộ đủ ăn hoặc tạm đủ ăn, 10 - 20% là hộ thường xuyên thiếu ăn, hằng năm nhà nước phải cứu tế. Có những nơi, tuy không nhiều, thu nhập bình quân nhân khẩu chỉ dưới 1000 đồng một tháng, trẻ em bị suy dinh dưỡng tới mức đáng lo ngại.

Đối tượng hưởng chính sách xã hội ở nông thôn có gần 3,2 triệu người, trong đó khá đông sống dưới mức sống trung bình của nhân dân địa phương. Ngoài ra, còn có 30 - 50 vạn người rủi ro, tàn tật, neo đơn, cô quả.

Không ít nơi nhu cầu văn hóa tối thiểu chưa được đáp ứng, trẻ em bỏ học và nạn mù chữ ngày một nhiều. Một số hủ tục mê tín dị đoan, nghiện hút, cờ bạc có chiều hướng phát triển, đang là nỗi nhức nhối phải sớm có biện pháp giải quyết. Có nơi, mối quan hệ dòng họ phát sinh mâu thuẫn trong cộng đồng làng xã.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuy có ổn định hơn trước, song yếu tố không ổn định vẫn còn nguy cơ xuất hiện. Tranh chấp ruộng đất, mua bán sử dụng đất trái phép xảy ra ở nhiều nơi và kéo dài, chưa có giải pháp phù hợp. Việc thực hiện dân chủ, công bằng xã hội còn bị vi phạm. Hiện tượng phân cực giàu nghèo chưa được phân tích, đánh giá đầy đủ, hiện thời có bộ phận giàu lên không chính đáng.

Những tồn tại yếu kém nói trên là do đâu ?

Chúng ta xây dựng đất nước từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến, lại bị chiến tranh tàn phá, thiên tai bão lụt thường xuyên xảy ra, nên làm cho nông thôn nước ta sớm thoát khỏi cảnh đói nghèo là điều không dễ dàng. Chúng ta không nôn nóng, song cũng không nên vì thế để cho cảnh nghèo túng kéo dài, vì nước nhà đã 17 năm độc lập, thống nhất.

Trải qua nhiều kỳ đại hội, Đảng ta đã nhấn mạnh vị trí quan trọng của mặt trận nông nghiệp. Nhưng cho tới nay, trong việc đổi mới, cụ thể hóa đường lối phát triển nông nghiệp, Đảng ta vẫn chưa định hình được thật rõ nét hệ thống các quan điểm, chính sách và giải pháp đồng bộ về nông thôn, nông nghiệp, nông dân. Trong thời gian tới, Ban chấp hành trung ương Đảng sẽ có một phiên họp chuyên đề về nông nghiệp và nông thôn mới nhằm khắc phục những tồn tại này.

Việc điều hành, quản lý vĩ mô của Nhà nước chưa theo kịp cuộc sống ở nông thôn, nghiêm khắc mà nói là do bệnh quan liêu, xa rời quần chúng còn nặng. Đáng chú ý là do nhận thức chưa nhất quán về luật đất đai và chính sách sử dụng đất đai mà nông dân chưa thật yên tâm bỏ vốn đầu tư, thâm canh, khai hoang mở rộng diện tích mới ; thậm chí, có nơi xảy ra tranh chấp đất đai gay gắt, ảnh hưởng đến trật tự an ninh, đến tình làng nghĩa xóm.

Xóa bỏ bao cấp là một chủ trương đúng đắn, song cần có giải pháp thỏa đáng đối với những đòi hỏi chính đáng của đông đảo đối tượng hưởng chính sách xã hội, nếu không sẽ gây nên sự hẫng hụt, hiểu lầm, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Sự lãnh đạo và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn vừa qua đã được chú ý chỉnh

Digitized by Google

đốn, song tới nay chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống mới. Không ít đảng viên chưa phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu thực hiện nghiêm chỉnh lời dặn của Bác Hồ : "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

Chính quyền xã ở nhiều nơi lâu nay chưa làm tròn nhiệm vụ là cơ quan quyền lực của dân, do dân, vì dân ; nay chuyển sang cơ chế mới,tuy có nhiều cố gắng, song đang còn lúng túng, bất cập trước yêu cầu và nhiệm vụ mới.

Vai trò đoàn thể có nơi lu mờ, hoạt động còn lúng túng, vận dụng quan điểm lấy dân làm gốc để thực hiện chủ trương chính sách chưa tốt.

Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ đối với cán bộ nông thôn chưa phù hợp, làm hạn chế đáng kể nhiệt tình hăng say trong các phong trào xây dựng nông thôn mới.

Từ sự phân tích những tồn tại và nguyên nhân nói trên, chúng ta đang tìm tòi một mô hình xây dựng nông thôn mới.

II - MÔ HÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, MỤC TIÊU THỜI KỲ 1991 - 2000

1 - Mô hình nông thôn mới mà chúng ta đang xây dựng là một xã hội nông thôn giàu có, phát triển toàn diện, có cơ cấu kinh tế đa dạng, các thành phần kinh tế hợp tác đan xen, sản xuất hàng hóa ngày càng phát triển. Người nông dân có ruộng cày cấy, mọi người có công ăn việc làm, mức thu nhập tối thiểu được bảo đảm, đời sống ngày một nâng cao, số người làm giàu chính đáng không ngừng tăng lên, hộ nghèo khó sẽ giảm và tiến tới xóa bỏ. Người dân được sống trong bầu không khí công bằng xã hội, dân chủ, cởi mở, đậm đà tình làng nghĩa xóm, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Đời sống văn hóa, y tế, giáo dục ngày càng phát triển tương ứng với tăng trưởng kinh tế. Các tầng lớp trẻ, phụ nữ, phụ lão được quan tâm đúng mức. Truyền thống tốt đẹp của cộng đồng làng xã được phát huy, tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng quê hương, cuộc sống. Nông thôn từng bước được điện khí hóa, hướng tới văn minh, hiện đại dần cả về nhà ở, đường sá, kết cấu hạ tầng mà vẫn giữ được môi trường sinh thái hài hòa và mang bản sắc dân tộc làng quê Việt nam trù phú.

Xây dựng nông thôn theo mô hình đó là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta, nhất là nông dân, với tinh thần cần cù lao động và truyền thống yêu nước, nhất định sẽ thực hiện tốt mô hình này. Muốn vậy, cần thống nhất một số quan điểm sau đây :

- Phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới là một mặt trận hàng đầu trong *Chiến lược kinh tế - xã hội của đất nước từ nay đến năm 2000*. Quan điểm ấy chỉ rõ : cơ cấu kinh tế nước ta trong thời gian tới vẫn là nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

- Nông thôn mới là kết quả tổng hợp của quá trình phát triển, biến đổi cả về kinh tế và xã hội. Bởi vậy, xây dựng nông thôn mới phải có quan điểm toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, và mang tính cách mạng triệt để, sâu sắc, đồng thời tôn trọng nguồn gốc lịch sử của dân tộc.

- Xây dựng nông thôn mới là một bộ phận cấu thành của chiến lược phát triển nông thôn, nông nghiệp, nông dân, mà trung tâm là hướng tới lợi ích chính đáng của người nông dân lao động, tất cả vì "dân giàu, nước mạnh". Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa chiến lược, chính sách phát triển kinh tế với chiến lược, chính sách giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội, sao cho tăng trưởng của kinh tế đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn. Đến lượt nó, giải quyết các vấn đề xã hội lại tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế phát triển, góp phần công nghiệp hóa đất nước.

- Hướng tới một nông thôn giàu có, văn minh, hiện đại, không thể không coi phát triển lực lượng

Digitized by Google

sản xuất là mục tiêu đích thực với thước đo năng suất, chất lượng, hiệu quả và ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở nông thôn. Trên cơ sở đó mà phát động phong trào yêu nước, phong trào quốc phòng an ninh nhân dân, lòng tự hào và tự trọng dân tộc, tiến công vào nghèo nàn lạc hậu và xây dựng được quan hệ sản xuất phù hợp theo đường lối đổi mới của Đảng. Luôn luôn vun đắp thành quả cách mạng đã đạt được, quyết tâm đi tới xã hội xã hội chủ nghĩa.

2 - **Mục tiêu kinh tế - xã hội xây dựng nông thôn mới thời kỳ 1991 - 2000 :**

a) Giải phóng triệt để mọi nguồn lực : đất đai, đồi rừng, mặt nước, tư liệu sản xuất, nguyên liệu, nguồn vốn, kinh nghiệm nghề nghiệp, sức lao động, v.v. trong từng hộ nông dân, các thành phần kinh tế để sản xuất kinh doanh. Tạo cho nông thôn có bước phát triển mới, cả bề rộng và chiều sâu, đưa nông thôn nước ta từ trạng thái thuần nông, chủ yếu sản xuất tự cung, tự cấp sang một nông thôn phát triển toàn diện cả nông - lâm - ngư - nghiệp và dịch vụ. Nâng cao mức sống, thu nhập và sức mua của nông dân và có tích lũy cho đất nước ngày một nhiều. Tạo điều kiện cho bà con có vốn ở thành thị về đầu tư cho nông thôn và cùng có lợi.

b) Phát huy những nhân tố, tiền đề và môi trường kinh tế, chuyển kinh tế nông thôn sang sản xuất hàng hóa. Phát triển công nghiệp chế biến, khôi phục, phát huy ngành nghề truyền thống, mở mang nghề mới thu hút nhiều lao động. Đổi mới kỹ thuật công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo ra sản phẩm đa dạng của nông nghiệp nhiệt đới, chất lượng cao, đáp ứng tiêu dùng trong nước và có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

c) Mở rộng giao lưu hàng hóa ở nông thôn và miền núi, xây dựng mạng lưới thương nghiệp ở cả đô thị và nông thôn, nhằm giải quyết tốt mối liên minh công - nông về kinh tế.

d) Quy hoạch lại và xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở nông thôn phù hợp với cơ cấu kinh tế mới, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Thu hút đầu tư, tài trợ của các tổ chức quốc tế và Việt kiều yêu nước vào các dự án phát triển nông thôn mới.

e) Phát huy truyền thống tốt đẹp của người nông dân nước ta, xây dựng xã hội nông thôn ngày một nâng cao dân trí, dân chủ, bình đẳng và được pháp luật hóa. Khuyến khích mọi người ra sức cần kiệm để làm giàu theo luật pháp và chính sách của Nhà nước. Từng bước thu hẹp, giảm bớt sự cách biệt quá xa giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi. Thực hiện tốt chính sách xã hội và công bằng xã hội, trong đó chú trọng những người có công với cách mạng. Phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nông dân, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội.

III - CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1 - **Về kinh tế** : Trước hết, từng xã, thôn, ấp, bản, từng hộ gia đình phải soát xét lại tiềm năng lao động, đất đai, vốn liếng, nhu cầu hợp tác sản xuất để bố trí cơ cấu, phân công lao động hợp lý.

Phát triển mạnh mẽ chương trình khuyến nông, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh cây trồng, vật nuôi. Đổi mới và tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất, sinh học, chế biến và phương pháp quản lý kinh tế mới ở nông thôn. Chú trọng mở mang diện tích, phát triển kinh tế vườn.

Phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế hộ xã viên giữ vị trí trọng yếu, kinh tế tập thể, kinh tế quốc doanh giữ vai trò quan trọng, có chính sách điều tiết và định hướng giúp đỡ kinh tế hộ và các thành phần kinh tế khác phát triển đúng hướng. Nếu không có kinh tế quốc doanh và tập thể đổi mới thì kinh tế nông nghiệp cá thể tự nó không thể phát triển tốt được. Đặc biệt, tạo mọi điều kiện, môi trường kinh tế, xã hội thuận lợi đủ mức cho kinh tế hộ phát triển hàng hóa. Phát triển và nhân rộng loại hộ sản xuất hàng hóa từ nhỏ

Digitized by Google

đến lớn, từ thí điểm đi dần lên hộ sản xuất theo mô hình nông trại, trang trại. Kinh tế hộ phát triển mạnh mẽ và các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng, chính là nhằm đổi mới một cách căn bản mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ, thúc đẩy phong trào hợp tác hóa ở nông thôn.

2 - Về đời sống và việc làm : Trước mắt và trọng tâm là kiên quyết thực hiện có hiệu quả chương trình kế hoạch hóa gia đình, tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân. Phương hướng cơ bản để giải quyết việc làm ở nông thôn là phải gắn lao động tự do với đất đai, tư liệu sản xuất... (có chủ thực sự). Thông qua các chương trình di dân và định canh định cư của đồng bào các dân tộc, phủ xanh đất trống, đồi trọc. Tiếp tục giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình sử dụng lâu dài.

Nhà nước nên tiến hành lập quỹ việc làm quốc gia, cho dân vay vốn với lãi suất nâng đỡ (bảo toàn vốn ban đầu) ; cho vay theo nhóm hộ gia đình ; trợ giúp các dự án di dân, xây dựng vùng kinh tế tại chỗ ; miễn giảm các loại thuế đối với sản phẩm mới, nghề mới, vùng đất mới khai hoang, lấn biển. Đồng thời, chú trọng phát triển các ngành nghề mới, xây dựng công nghiệp nông thôn : tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ để thu hút lao động và cải biến bộ mặt nông thôn.

3 - Về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng : Trọng tâm những năm tới đây là tập trung xây dựng các công trình thiết yếu. Muốn vậy, Nhà nước phải có quy hoạch, dự án đầu tư thích đáng từ trung ương tới tỉnh, huyện, xã, trong đó sức dân đóng góp là vô cùng quan trọng.

Trước hết, phải gấp rút tiến hành quy hoạch lại nông thôn, xây dựng mạng lưới giao thông, chợ nông thôn một cách khoa học, gắn với việc phát triển xây dựng thị trấn, thị tứ, các tụ điểm văn hóa, tụ điểm kinh tế kỹ thuật, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống.

Xây dựng rộng khắp các công trình nước sạch theo các dự án, chủ yếu là nhân dân và Nhà nước cùng làm có sự tài trợ của các tổ chức quốc tế. Hoàn thiện và xây dựng mới các công trình thủy lợi nhỏ do dân tự đóng góp tiền của công sức, hoặc kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Dựa vào quy hoạch tổng thể trên địa bàn xã, thôn, ấp mà xây dựng mới hoặc cải tạo nhà ở, nhà văn hóa, hệ thống truyền thanh, trạm bưu điện, trường học, nhà trẻ, trạm xá, sân thể thao phù hợp với nhu cầu học tập, giải trí, chữa bệnh một cách thiết thực của nhân dân, sử dụng có hiệu quả, bảo quản lâu bền.

Vùng có mạng lưới điện đi qua, tổ chức đưa điện vào từng hộ gia đình. Xây dựng thủy điện nhỏ dùng cho từng hộ hoặc nhóm hộ ở miền núi. Thực nghiệm xây dựng phong điện quy mô nhỏ ở các nơi thường xuyên có gió mạnh.

4 - Về chính sách xã hội và phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, truyền thông đại chúng ở nông thôn :

Thiết thực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho những người có công với cách mạng, bảo đảm đời sống vật chất của mọi đối tượng được hưởng chính sách cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi đối tượng cư trú. Các đối tượng đặc biệt, Nhà nước có chế độ đãi ngộ tương xứng (không để tùy thuộc vào khả năng của từng địa phương).

Đối với những người nghèo khó, rủi ro trong cuộc sống, ngoài việc cứu trợ xã hội, cần tạo mọi điều kiện giúp đỡ về vốn, công cụ lao động, hướng dẫn kỹ thuật cần thiết để họ có điều kiện tự vươn lên lo liệu cuộc sống. Xúc tiến lập quỹ trợ giúp xã hội từ nhiều nguồn, như quyên góp trong cộng đồng dân cư, viện trợ nhân đạo, từ thiện. Sự trợ giúp có thể thông qua chương trình quốc gia về chống đói nghèo, chương trình tạo việc làm cho người nghèo, vùng nghèo khổ, người tàn tật. Phát triển hình thức quỹ tín dụng người nghèo ở nông thôn.

Từng thôn xã chủ động khuyến khích nông dân, các đoàn thể, các hội kinh tế, xây dựng quỹ bảo

Digitized by Google

hiểm, quỹ bảo thọ hoặc quỹ hưu của nông dân như ở huyện Phú xuyên (Hà tây).

Từng xã, thôn, ấp, bản có nhiều hình thức phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng làng xã, chú trọng vai trò của các đoàn thể, vai trò của chủ hộ gia đình trong việc giáo dục con em giữ gìn thuần phong mỹ tục, đồng thời lên án mạnh mẽ, tiến tới xóa bỏ các tệ nạn xã hội. Tăng cường giáo dục nếp sống gia đình văn hóa mới, sinh hoạt văn hóa lành mạnh ở nông thôn như mở hội làng, thành lập câu lạc bộ đọc sách báo, và hướng dẫn kinh nghiệm làm kinh tế nông nghiệp giỏi. Phát triển phương tiện thông tin đại chúng về tận thôn xóm ; ở vùng miền núi cao, hải đảo cần có sự hỗ trợ của Nhà nước để mua sắm phương tiện thông tin.

Phát triển giáo dục phổ thông ở nông thôn một cách thiết thực. Đối với trường phổ thông cơ sở cấp I, nhất là ở miền núi, nơi giao thông có nhiều khó khăn, cần mở lớp học gần dân, thầy gần trò. Thực hiện xóa mù chữ bằng nhiều hình thức, kể cả hình thức mở "lớp bình dân học vụ", người biết chữ dạy người chưa biết chữ mà trong thời kỳ kháng chiến chúng ta đã làm. Kết hợp xóa mù chữ với xóa mù kiến thức khoa học thường thức cho các đối tượng còn tuổi lao động, nhất là cho các chủ hộ ở miền núi. Mở các trường học dân lập. Miễn giảm học phí cho các đối tượng Nhà nước quy định, nâng cao chất lượng học tập của các trường học thiếu nhi vùng cao. Dân trí không mở mang thì không thể có "dân giàu nước mạnh" được.

Phát triển dịch vụ y tế tại nhà và kết hợp với các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường đào tạo đội ngũ thầy thuốc đủ cho từng thôn, ấp, bản. Xây dựng và thực hiện dự án chống suy dinh dưỡng cho trẻ em ở các vùng trọng điểm. Kiên quyết thực hiện tốt chương trình tiêm chủng phòng bệnh, tập trung điều trị các bệnh xã hội như bệnh bướu cổ, sốt rét, nhất là cho vùng núi phía Bắc và Tây nguyên.

5 - Đổi mới sự lãnh đạo của cơ sở đảng, quản lý của chính quyền xã và công tác cán bộ ở nông thôn

Sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở nông thôn phải chuyển mạnh sang phương thức bàn bạc, dân chủ, công khai, thuyết phục, tránh kiểu ra lệnh, chuyên quyền, áp đặt, phe cánh. Thông qua vai trò tiên phong, gương mẫu, làm ăn giỏi, giữ gìn đạo đức phẩm chất, chủ yếu là cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, ham học hỏi của cán bộ, đảng viên mà phát động dân chúng tham gia vào tiến trình xây dựng nông thôn mới. Giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến lợi ích của dân phải theo đường lối quần chúng của Đảng. Tổ chức đảng ở nông thôn phải thật sự lãnh đạo chứ không làm thay các công việc thuộc chức năng của chính quyền xã và các tổ chức kinh tế. Song thôn, xã là nơi thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ; vì thế, tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn không chỉ nêu phương hướng chung mà phải có chủ trương, giải pháp cụ thể để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, thực hiện sự kiểm tra nghiêm ngặt và có biện pháp xử lý kịp thời những việc làm trái với nghị quyết của Đảng.

Chính quyền cơ sở ở nông thôn cần thực hiện tốt chức năng quản lý bằng pháp luật và tăng cường quản lý hành chính kinh tế. Trước mắt, phải chăm lo việc quản lý đất đai, chỉ đạo quy hoạch làng xã, xây dựng cơ sở hạ tầng, trật tự an toàn xã hội, chăm lo thu thuế theo luật định, làm tròn nghĩa vụ quân sự, phát triển ngân sách xã vững mạnh ; hướng dẫn hoạt động của thôn, ấp, bản theo hình thức tự quản, phù hợp với luật pháp nhà nước. Mặt khác, để quản lý nhà nước có hiệu quả ở nông thôn cần tăng cường các hình thức hoạt động của thôn, ấp, bản và của các trưởng thôn, trưởng bản. Nghiên cứu hình thành quy chế quản lý nhà nước ở thôn, ấp, bản (nói một cách dễ hiểu : ấp A còn mấy hộ nghèo, vì sao ? ;làm sao để mỗi năm hộ nghèo một ít đi và tới năm nào thì chấm dứt ?). Đó là trách nhiệm cao cả của chính quyền của dân.

Tiếp tục đổi mới và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ về công tác ở nông thôn, nhất là ở vùng núi cao, vùng hẻo lánh. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và kiện toàn đội ngũ cán bộ, hoàn chỉnh các chức danh cán bộ ở cấp cơ sở xã là việc làm cần thiết và hết sức cấp bách.

Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI XÁC LẬP NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC DÂN CHỦ Ở NƯỚC TA

SONG THÀNH*

TRÊN cương vị là Chủ tịch đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, và giữ liên tục cương vị đó trong suốt gần 1/4 thế kỷ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp công đầu vô cùng to lớn vào việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt nam, vào việc mở rộng và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt nam.

Di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về pháp lý rất phong phú, là tài sản tinh thần vô giá đối với chúng ta. Bài này chỉ xin đề cập đến công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc xác lập những nguyên lý cơ bản về nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở nước ta.

Thứ nhất, nhà nước kiểu mới của ta là *nhà nước của dân, do dân và vì dân.*

Điều 1 của Hiến pháp năm 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng ban soạn thảo, đã khẳng định : *Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt nam*, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo... Vì nhiều địa phương, nhiều cán bộ chưa hiểu thấu, chưa làm đúng, nên trong một bài viết năm 1949, Người thấy cần phải nhắc lại : *"Nước ta là nước dân chủ*. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân" (1).

Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền. Vấn đề cơ bản của một chính quyền là ở tính chất và nội dung giai cấp của nó : chính quyền đó thuộc về ai, phục vụ cho quyền lợi của ai ? Ngay từ năm 1925, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người đã chỉ rõ : "Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc" (2). Đó là điểm khác nhau về bản chất giữa nhà nước của nhân dân với các nhà nước của giai cấp bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử.

Nói nhà nước là của dân, như Bác Hồ giải thích, là : "tất cả quyền lực trong nước Việt nam dân chủ cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân... Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình" (3).

---

* Phó giáo sư, Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, năm 1985, t 5, tr 299

(2) *Sđd*, t 2, tr 192

(3) *Sđd*, t 8, tr 564 - 565

Digitized by Google

Như vậy là, sau khi giành được chính quyền, nhân dân đã ủy quyền cho các đại diện do mình cử ra. Nhưng có những vị đại diện đã lầm lẫn sự ủy quyền đó với quyền lực cá nhân, sinh ra lộng quyền, cửa quyền... Chính sự "lầm lẫn" đó đã đẻ ra biết bao quan hệ phản văn hóa, bao câu chuyện bi hài mà Bác Hồ đã từng phê phán từ rất sớm : "Cậy thế mình ở trong ban này, ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân" (4).

Nhà nước ta là *của dân* cho nên nó do dân bầu ra, do nhân dân ủng hộ, giúp đỡ, phê bình, xây dựng và khi nó không *vì dân*, nghĩa là nó không đáp ứng được lợi ích và nguyện vọng của nhân dân thì nhân dân sẽ bãi miễn nó, như Bác Hồ đã nói : "Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ" (5).

Đến đây, nảy sinh mối quan hệ giữa người chủ nhà nước là nhân dân với người cán bộ nhà nước do dân bầu ra, được nhân dân ủy quyền. Trong các chế độ cũ, nhà nước là bộ máy của giai cấp bóc lột dùng để thống trị và áp bức nhân dân ; viên chức, quan lại tự xưng là cha mẹ dân, đè đầu cưỡi cổ dân. Trong chế độ dân chủ, Bác Hồ đã lật ngược mối quan hệ đó. Người nói : "Dân chủ là thế nào ? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì ? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng" (6).

Bác Hồ nhấn mạnh nhiều lần hai chữ "đầy tớ" có phần nôm na, kéo nó từ hàng "dân chủ phụ mẫu" xuống hàng "đầy tớ", không phải như có người nghĩ là uốn quá đi để khi trở lại thực tế thì vừa. Thực ra hai chữ "đầy tớ" Người dùng gốc từ hai chữ "công bộc", vốn nghĩa là "người phục vụ chung của xã hội" (serviteur public), cũng là một cách dùng để chỉ hàng ngũ quan lại, chứ không hoàn toàn chỉ có ý nghĩa thấp kém.

Ngày xưa, quan lại cũng có người tốt, người xấu. Ở buổi suy vi, chính trường thối nát, không phải ai đỗ đạt cũng muốn ra làm quan, hoặc đang làm quan, vì trọng danh dự mà từ quan về ở ẩn. Cụ Huỳnh Thúc Kháng là một nhà cách mạng, nhà nho khí tiết, nhiều lần được các chính quyền bù nhìn thân Pháp, thân Nhật hồi trước cách mạng, mời ra làm quan, giữ chức này, chức nọ, nhưng Cụ đều từ chối, chỉ muốn làm người dân, viết báo để nói lên "tiếng dân". Sau Cách mạng Tháng Tám, Bác Hồ hai lần điện mời Cụ ra tham gia chính phủ, Cụ đều từ chối. Đến khi ra Hà nội để gặp Bác Hồ, Cụ vẫn chưa chịu nhận chức Bộ trưởng Bộ nội vụ. Bác Hồ đã phải gọi riêng người thư ký của cụ Huỳnh lại và bảo : Chú thưa lại với cụ Huỳnh, khi xưa làm quan là hưởng đỉnh chung, bây giờ chúng ta làm việc cho dân, cho nước, gọi là *"công bộc"*. Cảm động trước tấm lòng tha thiết của Bác Hồ và tâm đắc về hai chữ "công bộc", cuối cùng Cụ đã nhận lời ra gánh vác việc nước. Qua đó, có thể thấy hai chữ "công bộc" không phải là không có giá với những người một lòng một dạ với nước, với dân !

Nhưng đối với cán bộ nhà nước, Bác Hồ không bao giờ chỉ nhấn mạnh một vế. Là người phục vụ, cán bộ nhà nước đồng thời là người lãnh đạo, người hướng dẫn của nhân dân. Người nói : "Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường" (7). Trong *Di chúc*, Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải làm thế nào để xứng đáng vừa là *người lãnh đạo*, vừa là *người đầy tớ* của nhân dân. Đây thực sự là một nghịch lý, nhưng không phải là không giải được. Là *người đầy tớ* thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ...; là *người lãnh đạo* thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa

(4) *Sđd*, t 4, tr 36
(5) *Sđd*, t 4, tr 283
(6) *Sđd*, t7, tr 654
(7) *Sđd*, t4, tr 35

Digitized by Google

trông rộng, gần gũi người trí, trọng dụng người tài... Như vậy, để làm người thay mặt dân, phải gồm đủ *đức* và *tài*, phải vừa *hiền* lại vừa *minh*.

Đúng rằng : nhân dân là sức mạnh, quần chúng làm ra lịch sử. Nhưng ở những thời điểm phức tạp, khủng hoảng, rối ren, nhân dân gửi hy vọng, niềm tin vào lá phiếu chọn người dẫn đường, người lãnh đạo của mình. Song lựa chọn con đường, lựa chọn giải pháp để vượt qua khủng hoảng, rối ren lại thuộc về người lãnh đạo. Đủ biết, trách nhiệm trên vai của người đại biểu nhân dân, để hoàn thành được trọn vẹn, thật quả là nặng nề lắm thay !

Thứ hai, nhà nước kiểu mới của ta là *một nhà nước pháp quyền mạnh mẽ và sáng suốt*.

Trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân chủ và pháp luật luôn luôn đi đôi với nhau, nương tựa vào nhau trong một nhà nước dân chủ đã phát triển, đảm bảo cho chính quyền trở nên mạnh mẽ và sáng suốt. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật ; ngược lại, hệ thống pháp luật bảo đảm cho quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

Bác Hồ nói : "Pháp luật của ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động... Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Nhân dân ta hiện nay có tự do, tự do trong kỷ luật. Mỗi người có tự do của mình, nhưng phải tôn trọng tự do của người khác. Người nào sử dụng quyền tự do của mình quá mức mà phạm đến tự do của người khác là phạm pháp" [8]. Nói cách khác, ý chí của một người phải phục tùng ý chí chung của xã hội. Pháp luật của ta chính là sự thể hiện ý chí chung của mọi công dân. Thiếu một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, hoặc không làm cho nó trở nên có hiệu lực trong thực tế, đó là nguyên nhân dẫn đến hỗn loạn xã hội, quyền tự do, dân chủ của công dân bị triệt tiêu.

Vì vậy, từ năm 1919, khi đưa ra bản yêu sách gồm 8 điểm đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân ta, Nguyễn Ái Quốc đã đòi thực dân Pháp phải cải cách nền pháp lý ở Đông dương, phải bãi bỏ chế độ cai trị bằng các sắc lệnh và thay thế bằng các đạo luật. Trong "Việt nam yêu cầu ca", Người đã thể hiện yêu sách thứ bảy đó bằng câu :

Bảy xin hiến pháp ban hành
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền [9].

Năm 1926, Bác Hồ lại gửi tới Hội vạn quốc một bản yêu sách đòi độc lập cho dân ta, trong đó có một đoạn nói về pháp luật : "Nếu được độc lập ngay thì nước chúng tôi sẽ xếp đặt một nền Hiến pháp... theo như những lý tưởng nhân quyền"... đồng thời sẽ "cử đại biểu vào Hội vạn quốc... nguyện cùng nhau đấu tranh cho nền văn minh, chống chế độ dã man".

Sau khi nhà nước dân chủ kiểu mới của ta ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có công lớn nhất trong sự nghiệp lập hiến và lập pháp ở nước ta. Người đã trực tiếp thảo ra bản *Tuyên ngôn độc lập*, áng văn lập quốc vĩ đại, mở đầu kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập và chủ nghĩa xã hội - của nước ta ; một đạo luật khẳng định quyền tự do, độc lập bất khả xâm phạm của các dân tộc bị áp bức, một văn bản pháp lý có giá trị đóng góp vào nền pháp lý dân chủ và tiến bộ của loài người.

Ở cương vị Chủ tịch nước, Người đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959, đã ký lệnh công bố 16 đạo luật và gần 300 văn bản dưới luật khác...

Một mặt chăm lo hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật của nước ta, mặt khác Người hết sức chăm lo đưa pháp luật vào đời sống, tạo ra cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thi hành, cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành đó trong các cơ quan nhà nước và trong nhân dân.

Trước hết, Người rất coi trọng việc nâng cao

---

(8) Hồ Chí Minh : *Nhà nước và pháp luật*, Nxb Pháp lý, Hà nội, 1985, tr 187
(9) Báo *Nhân dân*, số ra ngày 30-1-1977

Digitized by Google

dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển nhân cách chính trị và bản lĩnh công dân, khuyến khích nhân dân tham gia các công việc Nhà nước. Người thường nhắc nhở cán bộ phải lo *"làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm"* (10). Người kêu gọi nhân dân giám sát công việc của Chính phủ : "Từ ngày thành lập Chính phủ, trong nhân viên còn có nhiều khuyết điểm. Có người làm quan cách mạng, chợ đỏ chợ đen, khinh dân, mưu vinh thân, phì gia... Xin đồng bào hãy phê bình, giúp đỡ, giám sát công việc Chính phủ (11).

Tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa I (họp cuối tháng 10 đầu tháng 11-1946), Người rất vui mừng trước việc các đại biểu Quốc hội đã chất vấn công việc của Chính phủ với nhiều câu hỏi sắc sảo, thể hiện trình độ phát triển về văn hóa chính trị của đại biểu Quốc hội ta. Người nhận xét : "Chính phủ hiện thời mới thành lập hơn một năm nay, hãy còn thanh niên. Quốc hội bầu ra mới được tám tháng, lại còn thanh niên hơn nữa. Vậy mà Quốc hội đã đặt ra những câu hỏi thật già dặn, sắc mắc, khó trả lời, đề cập đến tất cả những vấn đề có quan hệ đến vận mệnh nước nhà. Với sự trưởng thành chính trị và sự quan tâm về việc nước ấy, ai dám bảo dân ta không có tư cách độc lập ?" (12)

Cũng tại kỳ họp trên, có đại biểu đã chất vấn về việc ông Chu Bá Phương, Bộ trưởng Bộ kinh tế, là đại biểu của Việt nam quốc dân đảng, được cử tham gia phái đoàn Chính phủ ta đi dự Hội nghị Phông-te-nơ-blô. Trong chuyến đi đó, ông ta đã mang theo vàng để buôn lậu, bị các nhà chức trách Pháp khám và bắt được, làm rầy rà. Báo chí Pháp lợi dụng rêu rao về việc này để làm mất ảnh hưởng của đoàn đại biểu Chính phủ ta. Nêu sự việc trên, Quốc hội muốn chất vấn về sự liêm khiết của 1, 2 nhân viên Chính phủ. Bác Hồ đã trả lời : "Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ, từ Hồ Chí Minh cho đến những người làm việc ở các ủy ban làng, đông lắm ; phức tạp lắm. Dù sao, Chính phủ đã hết sức làm gương, và nếu làm gương không xong thì *sẽ dùng pháp luật mà trị* những kẻ ăn hối lộ. *Đã trị, đang trị và sẽ trị cho kỳ hết"* (13).

Qua đó, có thể thấy Bác Hồ rất đề cao phép nước, nhân trị gắn liền với pháp trị. Bản thân Người nêu gương sáng đạo đức, hết lòng yêu thương, dạy bảo cán bộ. Nhưng người nào lạm dụng tình thương của Bác, vi phạm pháp luật, làm hại đến tài sản và tính mệnh của người dân, làm mất uy tín của Đảng và Nhà nước, người ấy phải bị nghiêm trị, dù có là Bộ trưởng, Thứ trưởng hay cán bộ cao cấp trong quân đội, như Trần Dụ Châu hay Trương Việt Hùng...

Đối với các tội tham ô, hối lộ, chiếm đoạt tài sản của công, Bác Hồ rất nghiêm khắc. Trong một bài viết nhân dịp kỷ niệm V.I. Lê-nin, Người dẫn lại với thái độ đồng tình lời phê phán của Lê-nin đối với tòa án Mạc-tư-khoa đã xử nhẹ một vụ ăn hối lộ, rằng : "Không xử bắn kẻ ăn hối lộ, mà xử nhẹ như thế, là một việc xấu hổ cho những người cộng sản, những người cách mạng..." (14).

Nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đi theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta nhất định xây dựng thành công một nhà nước dân chủ mạnh mẽ, nhất định sẽ thanh toán được hiện tượng đặc quyền, đặc lợi, chuyên quyền, độc đoán vi phạm thô bạo những quyền dân chủ của người dân, làm sáng lên bản chất ưu việt của nhà nước dân chủ kiểu mới của chúng ta - nhà nước của dân, do dân và vì dân.

---

(10) *Hồ Chí Minh Sđd*, t 10, tr 508
(11) *Sđd*, t 4, tr 283
(12) Theo Hồi ký của Lâm Quang Thư (chưa xuất bản)
(13) Theo Hồi ký của Lâm Quang Thư (chưa xuất bản)
(14) Hồ Chí Minh : *Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tr 51.

Digitized by Google

CẢI CÁCH MỘT BƯỚC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TA

NGUYỄN DUY GIA *

VẤN đề mấu chốt để xây dựng nhà nước ta hiện nay là phải bảo đảm cho nhân dân lao động thực sự làm chủ xã hội ; nhà nước quản lý xã hội bằng quyền lực công ; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội, hướng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nước ta :

1 - **Toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân**, mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo, một nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Những biện pháp cơ bản bảo đảm cho quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là :

- Nhân dân nắm công quyền trên những vấn đề liên quan đến vận mệnh quốc gia, đến sự phát triển đất nước, đến quyền và nghĩa vụ của công dân.

- Nhân dân trực tiếp và thực sự xây nên chính quyền của mình từ trung ương đến địa phương, giám sát các hoạt động của chính quyền các cấp, khiến cho chính quyền các cấp phải thực hiện đầy đủ ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân.

- Cơ quan đại diện quyền lực của nhân dân phải thực hiện cho được mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản hiện tại là củng cố và giữ vững hòa bình, tập trung sức xây dựng nền kinh tế tiến lên chủ nghĩa xã hội. Toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân có nghĩa là toàn bộ quyền lực mà nhân dân trao cho nhà nước phải thực sự thuộc về chính quyền các cấp, người mà nhân dân đã tín nhiệm bầu ra và trao quyền lực để quản lý đất nước.

Nhân dân không phải là một khái niệm trừu tượng. Trong xã hội quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu nhân dân có nội dung của nó. Nội dung đó gắn liền với cơ cấu kinh tế, cơ cấu sở hữu về tư liệu sản xuất trong một nền kinh tế nhiều thành phần. Do bản chất của nó, nhà nước ta có tính dân chủ và nhân dân rộng rãi nhất, nên nó là của đông đảo nhân dân lao động, các giai tầng xã hội tồn tại trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Và để bảo đảm tính chất dân chủ và nhân dân của nhà nước thì phải có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, là nhà nước của chế độ xã hội chủ nghĩa, dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân lao động và chuyên chính với một thiểu số kẻ thù của chủ nghĩa xã hội.

2 - Quyền lực nhà nước là **thống nhất, không phân chia, nhưng có phân công rành mạch** chức năng và phân bố các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong hệ thống bộ máy nhà nước thống nhất. Nguyên tắc này đòi hỏi sự tổ chức nhà nước phải bảo đảm hai nội dung quan trọng :

- Phải tập trung quyền lực nhà nước vào một cơ quan duy nhất, tối cao là Quốc hội. Quốc hội phải thực hiện ngày càng có hiệu quả chức năng của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, trong đó chức năng quan trọng nhất là lập hiến, lập pháp và giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước.

---

* Giáo sư, tiến sĩ, Giám đốc Học viện hành chính quốc gia.

Digitized by Google

- Nhà nước phải được tổ chức và phân công rành mạch chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp ; đồng thời, giám sát các cơ quan được giao thực hiện các chức năng đó ; có sự ràng buộc, hợp tác và giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan đó, bảo đảm mỗi cơ quan làm đúng chức năng và đúng pháp luật, không lạm quyền và đứng trên pháp luật.

Quyền lực của ba loại tổ chức : lập pháp, hành pháp, tư pháp không phải tách bạch, khống chế, ngăn cản và cân bằng lẫn nhau, mà là sự phân công, phối hợp, thống nhất với nhau trong một tổng thể quyền lực nhà nước. Ngay trong chủ nghĩa tư bản, ba cơ quan này cũng không có sự phân lập tuyệt đối, mà chúng có mặt thống nhất với nhau (thể hiện trong nội dung của luật pháp tư sản) nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản.

3 - **Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.** Đây là một nhà nước hoạt động theo pháp luật, tự đặt mình dưới pháp luật và tuân thủ pháp luật ; quy định những quyền tự do, dân chủ, nghĩa vụ của nhân dân thành luật ; chịu trách nhiệm trước nhân dân, bảo đảm và bảo vệ những quyền và nghĩa vụ của công dân ; thực hiện quyền lực quản lý của mình theo pháp luật đối với mọi hoạt động xã hội.

Quản lý xã hội bằng pháp luật là một thành tựu trong lịch sử phát triển của xã hội loài người cũng như lịch sử phát triển của nhà nước. Nhà nước xã hội chủ nghĩa càng phải là nhà nước biết và thực hiện tốt nhất sự quản lý xã hội bằng pháp luật. Không chỉ mọi công dân, mà cả nhà nước, cũng phải tuân thủ pháp luật, tuân theo ý chí, nguyện vọng của toàn xã hội.

4 - **Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ** trong tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước. Hệ thống quản lý phải tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ khi tiến hành tổ chức và hoạt động. Trong thực tiễn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước của ta, nguyên tắc này từ lâu đã được thực hiện. Đó là hệ thống chính quyền các cấp thống nhất từ Chính phủ trung ương đến Ủy ban nhân dân các cấp (cơ quan thẩm quyền chung) và hệ thống các cơ quan quản lý theo ngành và lĩnh vực, được tổ chức từ các bộ ở trung ương đến các cơ quan tương ứng ở các cấp : sở, ủy ban ở tỉnh, thành phố, và phòng, ban ở quận, huyện (cơ quan thẩm quyền riêng).

Tuy nhiên, việc cải cách bộ máy nhà nước đòi hỏi chúng ta phải nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng đắn hơn nguyên tắc và cơ cấu tổ chức nói trên. Phải thấy rõ tính thống nhất của nhà nước và của hệ thống các cơ quan nhà nước : cơ quan thẩm quyền chung và cơ quan thẩm quyền riêng đều là các bộ phận hợp thành của nhà nước thống nhất, được lập ra để thực hiện những chức năng, nhiệm vụ cụ thể theo pháp lý trong tổng thể các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

Cần nhận thức sâu sắc địa vị pháp lý của Hội đồng nhân dân và mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân các cấp với Ủy ban nhân dân cùng cấp. Đối với Hội đồng nhân dân, phạm vi quyền lực của nó được giới hạn trong thẩm quyền quy định và theo lãnh thổ địa phương, đồng thời phải tuân thủ quyền lực của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Ủy ban nhân dân các cấp vừa là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, vừa là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm chấp hành hiến pháp, luật, các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

5 - **Thực hiện đúng vai trò, vị trí và chức năng** của nhà nước trong quản lý xã hội ; nhà nước không trực tiếp sản xuất kinh doanh và tổ chức hoạt động sự nghiệp. Theo nguyên tắc này cần được thực hiện trước hết và chủ yếu ở khâu hành pháp và hành chính, tức là phải tổ chức lại bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở và hướng các hoạt động của nó vào việc thực hiện đúng vai trò pháp nhân nhà nước, chứ không đóng vai trò pháp nhân người sản xuất kinh doanh hoặc thực hiện hoạt động sự nghiệp. Sự "trở về đúng vị trí" của nhà nước đòi hỏi phải

Digitized by Google

thực hiện hai việc : *trước hết*, phải hình thành tư cách và hình thức pháp nhân đầy đủ cho các chủ thể thực hiện các hoạt động nói trên (đơn vị sản xuất kinh doanh và đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân) ; *thứ hai*, thiết lập phương pháp quản lý đối với các tổ chức pháp nhân trên, về nguyên tắc, như đối với tất cả các đơn vị kinh tế và sự nghiệp khác do tư nhân tiến hành (các xí nghiệp tư, trường học tư, bệnh viện tư) trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, chống độc quyền, thúc đẩy phát triển, thích ứng với tình hình mới.

*

Dựa theo những nguyên tắc nói trên, trong việc cải cách bộ máy nhà nước cần thực hiện *những nội dung chủ yếu* sau đây :

1 - Trong toàn bộ vấn đề tổ chức bộ máy nhà nước, việc cải cách nền hành chính quốc gia được xem là *một trong những vấn đề quan trọng nhất* . Vì hoạt động của nền hành chính quốc gia, xét theo các góc độ khác nhau, có thể gọi là hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động hành pháp hay hoạt động chấp hành. Đó là một dạng hoạt động phong phú, phức tạp, thường xuyên và phổ cập đến mọi hoạt động của cuộc sống xã hội, đến mọi công dân. Nó động chạm trực tiếp đến mọi đối tượng quản lý của nhà nước, sử dụng một lực lượng đông đảo công chức nhà nước. Hiệu lực của quản lý nhà nướcv.v... tùy thuộc trước hết vào năng lực hoạt động của nền hành chính quốc gia.

Hoạt động hành chính quốc gia mang tính chuyên môn rõ rệt, đòi hỏi người quản lý phải có kiến thức và thông thạo chuyên môn, không chỉ về mặt quản lý và mặt xã hội của quản lý, mà cả về đối tượng mà nó quản lý. Điều đó thể hiện rõ nét trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về tài chính, tiền tệ, tín dụng, y tế, giáo dục, v.v.. Một hoạt động như vậy đòi hỏi phải được tổ chức theo các nguyên tắc chung của tổ chức bộ máy nhà nước, đồng thời lại phải tuân thủ các nguyên tắc đặc thù của tổ chức bộ máy quản lý nhà nước. Những nguyên tắc đó được vận dụng cụ thể khi hình thành tổ chức, phân hệ quản lý và phân công, phân nhiệm giữa các bộ phận cấu thành cũng như phối hợp giữa chúng trong vận hành của hệ thống. Bộ máy hành chính quốc gia có quy mô to lớn và cơ cấu phức tạp, nên bộ máy đó phải hoạt động có kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm túc vai trò, vị trí của từng phân hệ, từng bộ phận đối với toàn hệ thống. Như vậy, có hàng loạt vấn đề không đơn giản đặt ra và phải có thời gian mới giải quyết được.

2 - Đối với *hệ thống tổ chức* bộ máy quản lý nhà nước và *cơ chế hoạt động* của nó. Trước mắt, cần làm rõ phạm vi, nội dung, tính chất hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước. Hàng loạt khái niệm cần được quan niệm thống nhất, như : quyền lực nhà nước là thống nhất không phân chia, quản lý nhà nước, hành chính, hành pháp, chấp hành, v.v.. Có hay không có những đặc tính riêng của hoạt động hành chính chi phối cách giải quyết về tổ chức nền hành chính quốc gia. Các tính chất như tính độc lập (hoặc phụ thuộc) tương đối vào chính trị của hành chính quốc gia, tính chuyên môn, nghề nghiệp, tính liên tục, ổn định, v.v. là như thế nào. Đó là những vấn đề đã và đang chi phối nhiều điều cụ thể về tổ chức, phương thức hoạt động, nhân sự cũng như chế độ làm việc của bộ máy quản lý nhà nước.

Việc xem xét tính hệ thống và các bộ phận cấu thành hệ thống quản lý nhà nước và nền hành chính quốc gia chứa đựng hàng loạt vấn đề mới, như : cơ cấu hành pháp và tổ chức bộ máy hành chính ở trung ương và địa phương ; quy tắc và cơ chế hành chính ; tổ chức bộ máy công sở ; công vụ và công chức ; tài phán hành chính ; nghiệp vụ và kỹ thuật hành chính. Đồng thời, phải tiến hành xây dựng bộ luật hành chính thích hợp với thời kỳ mới.

Nếu đi sâu vào tổ chức cụ thể, còn có hàng loạt vấn đề như mối quan hệ giữa các bộ trong Chính phủ, giữa các Bộ với các Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, giữa các sở với

Digitized by Google

Bộ và giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với Bộ và Chính phủ, v.v..

Một yêu cầu quan trọng và cấp thiết là phải tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động quản lý nhà nước, chống sự tùy tiện, phân tán, không chấp hành chỉ thị của cơ quan hành chính cấp trên, đồng thời chống tập trung quan liêu, bản vị, cục bộ, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của nhà nước.

3 - Cải cách bộ máy hành chính nhà nước, trước hết phải *xuất phát từ quan niệm mới về vai trò, vị trí, chức năng quản lý của nhà nước*. Từ đó, thay đổi quan niệm về Chính phủ, Bộ và Chính quyền địa phương. Có như vậy, mới thiết lập được đúng nhiệm vụ, nội dung quản lý của mỗi loại cơ quan và mối quan hệ giữa chúng trong vận hành chung của bộ máy hành chính nhà nước. Trong bộ máy nhà nước chỉ có sự phân công nhiệm vụ quản lý, chứ không thể có sự phân chia đối tượng quản lý. Mỗi đối tượng quản lý được nhà nước cấp này quản lý mặt này, nhà nước cấp cao hơn hoặc thấp hơn quản lý mặt khác. Qua đó cho thấy, phải thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thích hợp, đi đôi với việc thay đổi cơ cấu và nội dung quản lý bằng pháp luật.

4 - Cần *tăng cường pháp chế hành chính, giữ nghiêm phép nước*. Cũng như pháp luật nói chung, pháp luật hành chính là tiền đề của pháp chế hành chính. Không có pháp luật đừng nói đến pháp chế. Song, không phải pháp luật nào cũng là tiền đề tăng cường pháp chế. Có pháp luật rồi, đi đôi với giáo dục pháp luật, còn phải tổ chức cưỡng chế thi hành. Tính cưỡng chế phải có ngay trong cấu thành các yếu tố của mỗi quy phạm luật hành chính và trong tổ chức bộ máy cưỡng chế có hiệu lực. Các quy phạm luật hành chính của ta phần nhiều còn ở dạng các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, phương pháp, thủ tục tiến hành các loại công vụ, chưa đề cao các yếu tố chế tài, đặc biệt là chưa hình thành hệ thống các hình phạt vi phạm luật hành chính, trình tự tố tụng các vi phạm luật này.

Vì thế, chưa có chế tài xử lý nghiêm đối với các vi phạm pháp luật hành chính do các cơ quan và công chức hành chính gây ra mà nhân dân là người chịu hậu quả. Các công chức làm sai, các cơ quan hành chính cấp dưới làm sai công vụ của mình chỉ chịu sự áp lực từ một phía duy nhất là thủ trưởng hoặc cơ quan hành chính cấp trên. Còn công dân thì không có quyền gì. Bởi vậy, xây dựng mới một tổ chức và cơ chế giám sát việc tôn trọng kỷ luật hành chính của bộ máy hành chính nhà nước lúc này là việc làm có ý nghĩa nhiều mặt, trong đó điều quan trọng là bảo đảm dân chủ trong đời sống công dân, góp phần đấu tranh chống tham nhũng, làm trong sạch bộ máy nhà nước ta.

5 - Coi trọng công tác bồi dưỡng và đào tạo một đội ngũ công chức hành chính nhà nước ngày càng chính quy, có đủ tri thức về chính trị học, xã hội học, về hệ thống chính trị và nhà nước, về pháp luật, về quản lý nhà nước, về nghiệp vụ hành chính, về tổ chức lao động khoa học và tâm lý quản lý. Để đáp ứng yêu cầu trước mắt của cải cách nền hành chính quốc gia, đội ngũ công chức đó phải được tiêu chuẩn hóa theo các ngạch, bậc công chức, đào tạo và thi tuyển, bổ nhiệm theo chức danh. Các cán bộ lãnh đạo đương chức trong bộ máy hành chính nhà nước cũng cần được bồi dưỡng theo phương thức tập trung, tại chức, ngắn hạn, chuyên đề. Đồng thời, khẩn trương đào tạo chính quy, dài hạn các loại công chức hành chính : cán sự hành chính (trình độ trung cấp), chuyên viên chính và chuyên viên cấp cao (trình độ sau đại học) để trở thành những công chức hành chính theo các ngạch, bậc của quy chế công chức nhà nước, có trình độ từ cán sự hành chính đến công chức hành chính nhà nước cấp cao làm việc trong bộ máy quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, nhất là cấp tỉnh và thành phố. Công chức hành chính nhà nước được đào tạo chính quy, có đủ phẩm chất, năng lực và sáng tạo là yếu tố quyết định của việc nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và xây dựng nhà nước hiện đại, chính quy.

Digitized by Google

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước

NGUYỄN VĂN THẢO *

TRONG Nghị quyết về đổi mới và chỉnh đốn Đảng của Hội nghị Trung ương lần thứ ba vừa qua có vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước. Bài viết này cố gắng nghiên cứu nội dung đổi mới đó xuất phát từ đặc điểm riêng có của nhà nước để đặt những luận cứ về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước ta trải qua các giai đoạn với nhiệm vụ chính trị của mỗi thời kỳ khác nhau, bộ máy cụ thể mỗi giai đoạn thay đổi về nhiều mặt (hình thức tổ chức, định chế chính trị, thiết chế nguyên thủ quốc gia, bộ máy lập pháp, hệ thống hành pháp v.v.), nhưng quan điểm nổi bật nó *vẫn là một tổ chức quyền lực chính trị*. C.Mác đã có lúc nhấn mạnh tới quyền lực công (tức quyền lực chính trị), xem đó như là dấu hiệu đặc trưng của nhà nước. Đối với nhà nước xã hội chủ nghĩa, đặc trưng này còn biểu hiện nhà nước là một tổ chức quyền lực chính trị của nhân dân, được nhân dân thành lập, bầu ra, trao cho những quyền lực mà *xét về thực chất*, là *của nhân dân*. Nguyên tắc Hiến pháp truyền thống ở nước ta ghi rõ : tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân. Tuy nhiên, trước đây chúng ta ít giải thích và phân tích về tính nhân dân, tính xã hội trong tổ chức hoạt động của nhà nước, do đó thường quan niệm nhà nước như là một bộ phận giống các bộ phận khác trong hệ thống chính trị. Với tư cách là một thực thể quyền lực của nhân dân, nhà nước có các nguyên tắc tổ chức, hình thức hoạt động, mô hình, phương thức, cách vận hành không giống như các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng, đồng thời cũng không giống tổ chức hoạt động của cơ quan đảng.

Khoa học tổ chức nhà nước cũng chứng minh : ngay trong bản thân nhà nước, cách tổ chức và hoạt động của các bộ phận cũng không hoàn toàn giống nhau.

Cách thức tổ chức quyền lực theo hướng tập quyền, phân quyền hoặc tản quyền ; sự phân công giữa các bộ phận lập pháp, hành pháp, tư pháp, mối quan hệ trung ương và địa phương là những vấn đề rất cơ bản của tổ chức nhà nước. Trong các bộ phận lập pháp, hành pháp, tư pháp, mỗi bộ phận cũng có nguyên tắc, hình thức, mô hình và cách vận hành khác nhau xuất phát từ vai trò, vị trí, mục tiêu và chức năng của từng bộ phận.

Pháp luật, với tư cách là một phương pháp riêng có của nhà nước, gắn liền hữu cơ với nhà nước. Giá trị nổi bật của pháp luật là ở chỗ nó có thể tạo lập những quan niệm chính thống trong toàn xã hội, tạo thành thói quen, nếp sống của con người trong xã hội. Không một phương pháp nào của nhà nước có thể thay thế cho pháp luật mặc dù có những phương pháp rất hiệu lực, như phương pháp giáo dục, động viên, tổ chức, v.v..

Nhấn mạnh đặc điểm đó không hề rơi vào quan điểm phi lý cho rằng nhà nước, với tư cách đó, tồn tại và phát triển độc lập như thế, có cần đến sự lãnh đạo của Đảng hay không ? Nghĩ thế chỉ là sự mơ hồ về chính trị.

Thiếu sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong điều kiện lịch sử nước ta, nhà nước sẽ mất phương hướng. Nhưng nếu phương thức lãnh đạo của Đảng như cũ thì sức mạnh lãnh đạo sẽ giảm sút, vai trò lãnh đạo bị hạ thấp, còn nhà nước thì trở thành một hệ thống hình thức.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối

* Viện trưởng Viện khoa học pháp lý, Bộ tư pháp.

Digitized by Google

với nhà nước trước hết và rất cơ bản là cần nhận thức rõ *nhà nước là một thực thể quyền lực của nhân dân*, tồn tại và phát triển theo ý muốn của nhân dân.

Mục tiêu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là làm cho sự lãnh đạo của Đảng *phù hợp với tiến trình đổi mới* kinh tế xã hội, *đáp ứng nguyện vọng* của nhân dân, *thích nghi* với xu thế chung của thời đại, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với mọi lĩnh vực của đời sống. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng *không phải là hạ thấp vai trò*, làm giảm quyền lãnh đạo, đưa cơ quan đảng "lui vào hậu trường", mà đề cao hơn nữa về mặt pháp lý vai trò lãnh đạo của Đảng.

Phương thức lãnh đạo liên quan chặt chẽ với cơ cấu bộ máy và bố trí nhân sự, nên phải đặt nó trong tổng thể của đổi mới hệ thống chính trị, thực hiện từng bước, giữ vững sự ổn định và trật tự, khắc phục cả ba khuynh hướng : không muốn đổi mới, đổi mới hình thức, đổi mới cực đoan, nôn nóng.

Phương thức nổi bật của sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền là các cơ quan đảng, các đảng viên phải thông qua nhà nước, "trở thành" nhà nước, và bằng phương thức của nhà nước để lãnh đạo xã hội. Đặc điểm này đòi hỏi các đảng viên bố trí vào các cơ quan khác nhau của nhà nước phải thông thạo lĩnh vực chuyên môn mà họ đảm nhiệm. Phương thức lãnh đạo của Đảng phải phù hợp với đặc điểm tổ chức của mỗi bộ phận trong bộ máy nhà nước, Đảng lãnh đạo Quốc hội khác với lãnh đạo chính phủ lãnh đạo tòa án khác với lãnh đạo Quốc hội, lãnh đạo chính phủ. Đảng lãnh đạo quân đội khác với lãnh đạo kinh tế lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước khác với lãnh đạo các tổ chức sự nghiệp nhà nước ; lãnh đạo các cấp địa phương khác với lãnh đạo cơ sở.

Trong điều kiện kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, Đảng lãnh đạo *một mặt* bằng nhà nước, thông qua nhà nước (mặt chủ yếu nhất) ; *mặt khác* bằng các tổ chức quần chúng của các lực lượng quan trọng nhất (như mặt trận tổ quốc, công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân, tổ chức của những người trí thức ; tổ chức của những chủ xí nghiệp tư nhân, của những thương gia ; tổ chức của các cựu chiến binh, của những người nghỉ hưu, v.v.).

Bằng nhiều hình thức tổ chức và biện pháp thích hợp, Đảng lãnh đạo và thông qua các lực lượng trên đây, thực hiện những sự thỏa thuận xã hội, giảm bớt những mâu thuẫn về quyền lợi, giảm bớt sự đối trọng giữa các tầng lớp, giữa nhân dân với nhà nước, làm cho nhà nước quản lý có hiệu quả, hiệu lực hơn, đẩy mạnh tiến trình dân chủ và sự công bằng, bình đẳng trong điều kiện kinh tế thị trường.

Phải rất xem trọng việc lãnh đạo các lực lượng trong xã hội, nhìn rõ những bất bình đẳng, những chênh lệch, mâu thuẫn trong xã hội, để lãnh đạo làm giảm bớt những điểm căng, tạo điều kiện ổn định đưa xã hội tiến lên.

*

Theo những quan niệm trên đây, nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước cần được cụ thể hóa cho phù hợp với từng loại cơ quan.

1 - *Quốc hội* là cơ quan do dân trực tiếp bầu ra, giữ vị trí quyền lực cao nhất, hoạt động theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội phải căn cứ vào các đặc điểm đó, chọn các đảng viên có trình độ chính trị vững vàng, hoạt động chuyên trách Quốc hội, làm theo đúng nghị quyết của Đảng trong hoạt động đại biểu và biểu quyết các vấn đề trước Quốc hội.

Với tư cách lãnh đạo, Đảng đưa ra trước Quốc hội ý kiến của mình về những quốc sách lớn để Quốc hội thảo luận, biểu quyết. Trong hoạt động lập hiến và lập pháp, các đảng viên ở cương vị lãnh đạo nhà nước bảo đảm cho các định chế phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng. Trong hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội, cần từng bước thiết lập đầy đủ cơ chế của nhà nước *về* sự kiểm soát đối với hoạt động của nguyên thủ quốc gia, thủ tướng, các bộ trưởng và chánh án tòa án tối cao ; *về* sự kiểm tra tính hợp hiến của các đạo luật và các văn bản lập quy của chính phủ, nhằm tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật.

2 - *Chính phủ* là cơ quan tổ chức thi hành pháp luật, cơ quan hành pháp cao nhất của nhà nước, có trách nhiệm quản lý toàn diện các lĩnh vực đời

Digitized by Google

sống (kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng, ngoại giao, văn hóa, giáo dục, y tế xã hội, tư pháp, đời sống, dân cư...). Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính phủ là tạo điều kiện cho nền hành chính quốc gia hoạt động liên tục, thông suốt, thống nhất, tập trung và có hiệu lực cao trên cơ sở pháp luật.

Trong nền hành chính, từ thủ tướng, phó thủ tướng, các bộ trưởng là cán bộ chính trị, còn đều là viên chức có nghề nghiệp, được đào tạo lâu năm, làm việc theo quy chế và mệnh lệnh của nền hành chính, khác với Quốc hội là cơ quan được bầu cử, hoạt động theo nhiệm kỳ, không liên tục.

Sự lãnh đạo của Đảng ở cấp trung ương là thông qua ban cán sự đảng và các đảng viên giữ chức thủ tướng, phó thủ tướng, bộ trưởng để lãnh đạo chính phủ và các bộ.

Ở các địa phương, cấp ủy viên phụ trách lĩnh vực nào nên là người đứng đầu cơ quan địa phương ở lĩnh vực đó, trừ một số ít cấp ủy chuyên trách công tác Đảng. Vấn đề đặt ra là : những người đứng đầu cơ quan chuyên môn ở địa phương phải là những công chức cao cấp được đào tạo có hệ thống trong nền hành chính quốc gia.

3 - *Tòa án* là cơ quan xét xử, hoạt động theo nguyên tắc độc lập khi xét xử, nguyên tắc truyền thống của tất cả các nước trên thế giới, cũng là nguyên tắc Hiến pháp nước ta từ năm 1945 đến nay. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với tòa án là tạo điều kiện cho nền tư pháp hoạt động liên tục, xét xử theo thẩm quyền sơ thẩm và phúc thẩm, xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm và thực hiện sự công bằng xã hội, thể hiện nền công lý xã hội chủ nghĩa.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xét xử là quyết định đường lối và chính sách xử lý trong từng giai đoạn phù hợp với đường lối, chính sách kinh tế, xã hội. Đảng thông qua các cơ chế của nhà nước để cử ra một đội ngũ thẩm phán được đào tạo có hệ thống, thành thạo nghề nghiệp, làm việc liên tục và ổn định, đủ tầm vóc đại diện cho quyền lực nhà nước xét xử tội phạm và các tranh chấp trong xã hội.

ĐỔI MỚI...

(Tiếp theo trang 46)

cứu . Thực ra, trong một số ngành khoa học ở nước ta, như khảo cổ học, dân tộc học, xã hội học... chúng ta đã bước đầu sử dụng các phương pháp trắc lượng khoa học của toán học, phương pháp liên ngành, phương pháp chuyên gia, phương pháp điền dã, v.v..

Các phương pháp tiên tiến trên cho phép *lượng hóa* thông tin, do đó giúp cho nhà khoa học có thể chuẩn hóa, chính xác hóa thông tin, hạn chế được cảm tính chủ quan. Cách đây hơn một thế kỷ, C. Mác đã từng kêu gọi : "Hãy lượng hóa tất cả những gì có thể định lượng được". Và trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, thì việc lượng hóa thông tin quả thực có ý nghĩa thời đại mà giới khoa học nước ta cũng ý thức được.

Chỉ có tiếp thu được các kỹ thuật tiên tiến để lượng hóa thông tin, chúng ta mới sử dụng được các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu hiện đại. Trong đó, trước tiên phải kể đến *lý thuyết hệ thống* mà mục tiêu là xây dựng một mô hình tổng hợp, như một cơ cấu thứ bậc, một cấu trúc nhiều tầng, nhiều chất lượng theo các lát cắt đương đại, lịch sử, lô gích, hình thức... Ngoài ra, còn phải kể đến các phương pháp *toán thống kê*, phương pháp *hình thức hóa, mô hình hóa*... cho phép thống nhất phương pháp tư duy thực nghiệm và tư duy lý luận, thống nhất phương pháp định tính và định lượng.

Các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu hiện đại sẽ góp phần khắc phục phương pháp tư duy kinh nghiệm và giáo điều để xây dựng phương pháp tư duy khoa học với các đặc điểm thực nghiệm, hệ thống và duy lý trong hoạt động lý luận Mác-Lê-nin ở Việt nam.

Digitized by Google

Mấy vấn đề về kinh tế đối ngoại

NGUYỄN THẾ UẨN *

ĐẠI hội VII của Đảng khẳng định rõ vị trí quan trọng, không thể thiếu của các nguồn lực ngoài nước đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta, trước mắt cũng như lâu dài. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng của *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* là : *"Mở rộng quan hệ kinh tế* với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, các công ty và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi". Và : "Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, không ỷ lại vào bên ngoài, khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực của đất nước là điều kiện cơ bản để mở rộng có hiệu quả kinh tế đối ngoại, bảo đảm cho nền kinh tế luôn luôn phát triển trong thế chủ động" (1).

Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng (tháng 6 - 1992) tiếp tục cụ thể hóa và phát triển các quan điểm của Đại hội VII. Hội nghị nhấn mạnh : Phải mở rộng mạnh mẽ quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc : bảo vệ độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ sản xuất, tài nguyên, môi trường và an ninh quốc gia ; giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hóa dân tộc ; phục vụ phát triển nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công nhiệm vụ trên, chúng ta cần nắm vững một số vấn đề sau đây :

Một là, vấn đề độc lập và chủ quyền trong kinh tế đối ngoại.

Chúng ta đều ý thức được rằng độc lập và chủ quyền là mệnh hệ số một của một quốc gia. Thực tế cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ của nhân dân ta để giành lại độc lập và chủ quyền từ tay thực dân Pháp, phát xít Nhật đến xâm lược Mỹ đã cho chúng ta thấy rõ chân lý mà Bác Hồ đã từng dạy : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

Độc lập và chủ quyền có thể nói là mục tiêu của mọi mục tiêu đối với một nước. Để mất độc lập và chủ quyền thì một quốc gia dù rộng lớn đến mấy cũng trở thành hèn yếu. Vì vậy, cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập và chủ quyền của đất nước là thiêng liêng nhất, nó không chỉ mang tính chất chính trị mà còn có nội dung kinh tế - xã hội rất to lớn. Cuộc đấu tranh đó, không loại trừ các tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Những quan điểm cho rằng các nhà kinh doanh đối ngoại chỉ biết có lợi nhuận mà không cần lưu ý đến lợi ích quốc gia là những quan điểm sai lầm và thiển cận.

Tuy nhiên, trong điều kiện thế giới ngày nay, độc lập và chủ quyền của một quốc gia hoàn toàn không có nghĩa là biệt lập theo lối bế quan tỏa cảng như thời đại phong kiến. Với sự phát triển nhanh chóng và sâu rộng của các quá trình nhất thể hóa thế giới, mối quan hệ giữa các quốc gia ngày càng trở nên khăng khít và đa dạng. Độc lập và chủ quyền của mỗi quốc gia đều có liên quan mật thiết với liên kết quốc tế. Có thể khẳng định rằng trong thời đại chúng ta, không một quốc gia nào có thể xây dựng thành công đất nước cả về kinh tế, chính trị và xã hội, nếu tự mình tách khỏi trào lưu liên kết quốc tế.

Tất nhiên, trong quá trình liên kết quốc tế, mỗi quốc gia là một yếu tố độc lập. Giữa chúng có một sự lệ thuộc lẫn nhau rất biện chứng. Sự lệ thuộc lẫn nhau đó tạo thành những tương quan đối sánh mà các nước tham gia liên kết có thể chấp nhận được.

Tóm lại, độc lập và chủ quyền của một quốc gia hiện nay hoàn toàn không thể tách rời và đối lập với xu thế liên kết quốc tế. Tham gia một cách chủ động vào trào lưu chung của thế giới, tranh thủ đến mức cao nhất sức mạnh của thời đại là những điều kiện quan trọng để bảo vệ độc lập, chủ quyền và xây dựng thành công nền kinh tế trong nước.

---

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ kinh tế học

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 9

Digitized by Google

Hai là, vấn đề bình đẳng, cùng có lợi trong trao đổi quốc tế.

Nói chung, nước nào tham gia liên kết quốc tế đều kiên trì nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Tuy nhiên, cần hiểu bình đẳng cùng có lợi trong trao đổi quốc tế như thế nào cho đúng ? Đó là vấn đề hết sức phức tạp. Chúng ta cần giải đáp để tránh mơ hồ hoặc ảo tưởng. Theo tôi, trong trao đổi quốc tế, vấn đề bình đẳng, cùng có lợi không phải là những khẩu hiệu suông mà lệ thuộc vào những điều kiện rất cụ thể. Đó là độc lập, chủ quyền và tiềm năng kinh tế của đất nước.

Có thể khẳng định : một nước không có độc lập và chủ quyền, thì không bao giờ có thể thực hiện được bình đẳng, cùng có lợi trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, một quốc gia có độc lập và chủ quyền nhưng nếu tiềm năng kinh tế lại quá yếu kém, thì việc thực hiện nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi cũng chỉ đạt được ở mức hạn chế.

Sự thực, trong quan hệ kinh tế quốc tế, quy luật cạnh tranh luôn phát huy tác dụng tổng hợp. Các nước công nghiệp phát triển (kể cả các công ty đa quốc gia và siêu quốc gia) có tiềm năng kinh tế lớn, bao giờ cũng ở vị trí thống trị. Các nước kinh tế kém phát triển thường bị lép vế, bị áp đặt và chịu nhiều thua thiệt hơn. Vì vậy, bình đẳng cùng có lợi hoàn toàn không có nghĩa là những đại lượng bình quân mà phải phụ thuộc vào tương quan lực lượng giữa các bên tham gia trao đổi.

Đối với nước ta, tuy đã giành được độc lập và chủ quyền, nhưng do trình độ phát triển kinh tế còn thấp, cho nên khó đấu tranh để thực hiện nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi một cách ngang giá. Ví dụ : trong quá trình trao đổi với các nước có tiềm năng kinh tế mạnh hơn, ta đã phải chấp nhận không ít những điều kiện có lợi nhiều cho đối phương. Có làm như vậy, ta mới có thể thâm nhập thị trường, mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại, tranh thủ đến mức cao nhất các nguồn lực bên ngoài. Đương nhiên, sự nhượng bộ nói trên có một giới hạn nhất định. Trước hết, đó là giới hạn của độc lập và chủ quyền, tức là không để cho nước ngoài xâm chiếm lãnh thổ và can thiệp vào công việc nội bộ của mình. *Thứ hai*, đó là lợi ích quốc gia về mặt kinh tế, tức là lợi ích kinh tế *trước mắt* và *lâu dài*, lợi ích *tương đối* và *tuyệt đối*, thu được qua trao đổi với nước ngoài. Đối với các nước kinh tế kém phát triển, thường lợi ích tương đối và lâu dài có ý nghĩa quan trọng.

Ba là, mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và liên kết kinh tế quốc tế.

Ngày nay, khoa học kỹ thuật của thế giới đã đạt đến trình độ phát triển rất cao và có tác động sâu rộng và trực tiếp đến sản xuất và thị trường, lôi cuốn tất cả các nước tham gia vào liên kết kinh tế. Có thể nói, hòa nhập vào kinh tế thế giới đã trở thành một xu thế mang tính quy luật đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Các nước kinh tế kém phát triển không thể thụ động ngồi chờ khi nào kinh tế trong nước phát triển rồi mới mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại. Ngược lại, càng phải tranh thủ đến mức cao nhất các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển nhanh chóng các tiềm năng kinh tế trong nước đặng hòa nhập với thế giới để đưa đất nước nhanh chóng đi lên. Nhiều nước đang phát triển đã thành công về mặt này.

Đối với nước ta, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh kinh tế bên trong đang là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Đảng ta đã sớm đề ra chính sách mở cửa và trên cơ sở đó, luật đầu tư ra đời đã tạo cơ hội thu hút đầu tư của nước ngoài vào Việt nam. Tuy nhiên, chúng ta còn không ít những khó khăn khách quan và chủ quan cần tháo gỡ để thực hiện thắng lợi chính sách mở cửa nói trên.

Điều đáng được quan tâm đúng mức là vai trò của *nhập khẩu*, đặc biệt là nhập khẩu phục vụ sản xuất và đổi mới công nghệ. Nói đến chính sách mở cửa là phải nói đến vấn đề nhập khẩu, vì mở cửa thường tạo lợi thế cho nhập khẩu nhiều hơn là xuất khẩu. Phải sử dụng có mục tiêu nhập khẩu để không những thúc đẩy sản xuất nói chung mà còn thúc đẩy sản xuất cho xuất khẩu nói riêng. Nhà nước phải chú ý điều tiết nhập khẩu về cơ cấu, thị trường và phương thức kết hợp với xuất khẩu, để giữ vững độc lập và chủ quyền trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

Bốn là, vấn đề hòa nhập vào quá trình liên kết kinh tế thế giới.

Đây là xu thế chung của thời đại. Dùng thuật ngữ "mở cửa" chưa thể nói hết được nội dung của "hòa nhập", vì hòa nhập bao gồm cả một quá trình tiếp cận, thâm nhập, thích nghi và phát triển giữa nhiều thực thể có mối quan hệ chung. Hòa nhập là một khái niệm rộng, không tách bạch giữa chính trị, kinh tế và ngoại giao. Nói cách khác, nó là biểu hiện bề ngoài của mối quan hệ giữa *độc lập, tự chủ* và *liên kết quốc tế* của một quốc gia.

Để quá trình hòa nhập diễn ra nhanh chóng và có

Digitized by Google

kết quả thì sự tiếp cận rộng rãi giữa trong nước với ngoài nước có ý nghĩa rất quyết định. Bởi vì, chỉ có như vậy mới có những hiểu biết cần thiết để có thể lựa chọn các phương án hòa nhập tối ưu.

Quan hệ kinh tế quốc tế dù ở hình thái nào, cuối cùng đều phải thực hiện thông qua *xuất nhập khẩu*. Trong điều kiện xuất khẩu còn bị hạn chế thì *nhập khẩu bằng vốn vay của nước ngoài* có tầm quan trọng đặc biệt. Chúng ta không nên vận dụng máy móc nguyên tắc có xuất mới được nhập, mà phải chủ động sử dụng *nhập để thúc đẩy xuất*. Tất nhiên, việc điều tiết cơ cấu và sử dụng có hiệu quả các tư liệu nhập khẩu trong quá trình sản xuất có ý nghĩa quyết định.

Hòa nhập về khoa học kỹ thuật là yếu tố quan trọng thúc đẩy các quá trình hòa nhập về kinh tế. Hiện nay, chúng ta đã có một đội ngũ các nhà khoa học và công nhân lành nghề tương đối mạnh. Tạo điều kiện cho đội ngũ này tiếp cận nhanh chóng với trình độ thế giới, chắc chắn chúng ta sẽ tạo ra một nguồn chất xám tự có khá mạnh cho sự phát triển toàn diện và có kết quả của đất nước.

Chúng ta đều biết, cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện nay đang phát triển như vũ bão. Sự đổi mới các quy trình công nghệ trong sản xuất diễn ra khá nhanh. Nếu không tiếp cận được với sự phát triển khoa học - kỹ thuật của thế giới, chúng ta sẽ không những bị lạc hậu mà còn có nguy cơ bị đào thải, vì hao mòn vô hình đang tăng với cấp số nhân. Hòa nhập được về khoa học kỹ thuật, chúng ta có thể rút ngắn bước đi của chúng ta hàng thế kỷ.

Hòa nhập nhanh chóng vào thị trường thế giới bằng nhiều cách :

- Chủ động tham gia các hiệp ước và công ước hai bên và nhiều bên về kinh tế và mậu dịch.

Trong điều kiện thế giới ngày nay, không thể chen chân vào bất kỳ một thị trường nào mà không có những ràng buộc song phương hoặc đa phương. Vì vậy, việc tham gia các hiệp ước, công ước quốc tế về kinh tế, tài chính, tiền tệ và mậu dịch có tầm quan trọng đặc biệt. Tất nhiên, trước lúc tham gia cần có sự nghiên cứu và lựa chọn.

- Nhà nước cần có sách lược thị trường. Nói chung, các nước tham gia mậu dịch quốc tế đều có những thị trường thích ứng cho mình tùy thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế và ngoại giao. Đối với nước ta , đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại là cần thiết, song không có nghĩa cào bằng mà vẫn phải có bố cục thị trường thích nghi tùy thuộc vào các điều kiện chính trị, kinh tế và ngoại giao. Chỉ có xác định thị trường hợp ký mới có thể tạo cơ sở thực hiện tốt nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi trong trao đổi quốc tế.

- Cần tham gia nhanh chóng các thị trường dịch vụ thế giới như vận tải, thông tin, bưu điện, du lịch, v.v. cũng như các hoạt động ngân hàng, tài chính và các dịch vụ khác, để có thể sớm khai thác được những khả năng to lớn này của đất nước phù hợp với xu thế chung của thế giới. Hiện nay tỷ trọng dịch vụ trong tổng thu nhập quốc dân ở nhiều nước châu Á rất lớn. Năm 1989, tỷ trọng đó ở Xin-ga-po là 67,8%, ở Hồng công là 73,8%, ở Đài loan là 52,4%, ở Nam triều tiên là 46,2%, ở Phi-líp-pin là 40%, ở In-đô-nê-xi-a là 39%...

Hòa nhập vào thị trường dịch vụ các loại không những tăng được thu nhập ngoại tệ, mà còn tạo điều kiện thúc đẩy việc trao đổi hàng hóa hữu hình với nước ngoài.

Năm là, nhà nước cần quản lý toàn bộ các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Quan hệ kinh tế đối ngoại là quan hệ giữa trong và ngoài nước, là quan hệ giữa hai hoặc nhiều quốc gia độc lập với nhau. Vì vậy, chỉ có nhà nước mới có quyền xử lý các mối quan hệ đó. Tất nhiên, nhà nước quản lý mối quan hệ đó bằng một hệ thống đồng bộ các chính sách, luật pháp và cơ chế. Các tổ chức ngoại thương được quyền tự chủ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về tài chính. Nhà nước tăng cường sự kiểm tra, kiểm soát, và xử lý thích đáng đối với các vi phạm pháp luật.

Tăng cường vai trò quản lý của nhà nước đối với các hoạt động kinh tế đối ngoại có tầm quan trọng đặc biệt. Nó nhằm các mục tiêu cơ bản sau : *một là*, phát huy tác dụng của các hoạt động kinh tế đối ngoại đối với việc cân đối các quá trình phát triển kinh tế quốc dân ; *hai là*, điều tiết tổng thể cán cân thanh toán quốc tế, bao gồm cả việc vay nợ và các dịch vụ trả nợ đối với nước ngoài ; *ba là*, phối hợp đồng bộ các yếu tố chính trị, kinh tế và ngoại giao trong quan hệ với các nước và các khối nước.

Tóm lại, càng mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại cho nhiều tổ chức kinh tế trung ương và địa phương, thì nhà nước càng phải quản lý tập trung và thống nhất các hoạt động này.

Digitized by Google

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

THIỆN NHÂN

Có thể nói, từ khi mở đầu công cuộc đổi mới đến nay, "định hướng xã hội chủ nghĩa" là một trong những khái niệm được dùng nhiều trong các bài nói, bài viết, trong các sách báo, các văn kiện của Đảng và Nhà nước, trong các cuộc hội thảo, tọa đàm về các lĩnh vực lý luận khác nhau.

Nếu xét về mặt xây dựng chế độ xã hội mới và con đường đi lên của nước ta, thì từ lâu và cho đến nay, dù thế giới có đổi thay đến đâu, chúng ta vẫn kiên trì đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, về nội dung lý luận và ý nghĩa của nó, khái niệm "định hướng xã hội chủ nghĩa" cho đến nay vẫn còn những mặt cần được làm rõ, bổ sung và hoàn chỉnh.

Hiện nay, có không ít trường hợp khái niệm này được sử dụng như một thứ bảo hiểm để có thể tự yên tâm : nói như thế là xã hội chủ nghĩa chứ không phải là cái khác, và càng không phải là tư bản chủ nghĩa. Hơn nữa, có những vấn đề lẽ ra phải tiếp cận hơn nữa, đi sâu hơn nữa để phân tích, lý giải, đem lại những nhận thức mới về các vấn đề của chủ nghĩa xã hội, thì người ta lại dùng cụm từ "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" để chấm dứt sự suy nghĩ, tìm tòi, và bằng lòng với những hiểu biết còn sơ lược.

Cả lý luận và thực tiễn đến nay đều chứng tỏ : không phải hễ cứ nói định hướng xã hội chủ nghĩa là đã có nội dung xã hội chủ nghĩa và không đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Bài học phải trả giá quá đắt ở một số nước xã hội chủ nghĩa còn đó : nói cải tổ, đổi mới để có nhiều chủ nghĩa xã hội hơn, nhưng rút cục là đã xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Đã có một thời, do hiểu sai chủ nghĩa xã hội cả về lý luận lẫn thực tiễn, chúng ta thường muốn cái gì cũng phải "tiến thẳng" lên chủ nghĩa xã hội, không muốn xây dựng từng bước mà muốn xây dựng ngay nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, con người xã hội chủ nghĩa. Cả đến tên gọi của một số tổ chức, bao giờ chúng ta cũng muốn phải có chữ xã hội chủ nghĩa đi kèm... Nói tóm lại, chúng ta quen nghĩ rằng : có thể "sờ thấy" hoặc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực trong một thời gian ngắn. Cho nên, lúc này mà nói "định hướng xã hội chủ nghĩa" thì có vẻ xa xôi và không cần thiết.

Thế nhưng, khi chế độ xã hội chủ nghĩa tan rã ở các nước Đông Âu và Liên xô, mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở đây sụp đổ, thì thực tế đã nảy sinh hai suy nghĩ rất khác : *một là*, "chủ nghĩa xã hội chưa có trong hiện thực" ; *hai là*, "chủ nghĩa xã hội là vấn đề tương lai xa vời". Như vậy, có nghĩa là ngay cả định hướng xã hội chủ nghĩa cũng không có nữa, và nếu có, thì đó cũng chỉ là một thứ định hướng nặng về lý luận trừu tượng, mang tính giả thuyết.

Vậy nên hiểu nội dung khái niệm "định hướng xã hội chủ nghĩa" như thế nào ?

Trước hết, định hướng xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu khách quan, phù hợp với chiều hướng phát triển chung của xã hội loài người : một xã hội mới chắc chắn sẽ nảy sinh và phát triển sau xã hội tư bản chủ nghĩa. Và ngay trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa đương đại cũng đã có những yếu tố mang tính định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội được hình thành và vận động. Chính những yếu tố này nằm trong các mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản (giữa kinh tế và xã hội, giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở kinh tế và cấu trúc thượng tầng, giữa con người và tự nhiên...), và chỉ có bằng những biến đổi cách mạng, những yếu tố đó mới được giải phóng, tạo nên định hướng khách quan đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, do những nấc thang phát triển khác nhau của xã hội ở mỗi nước khi chuyển sang xã hội mới, nhất là trong tình hình so sánh lực lượng bất lợi cho chủ nghĩa xã hội, thì ngoài những yếu tố khách quan, định hướng xã hội chủ nghĩa phụ thuộc ở

Digitized by Google

mức độ rất lớn, có ý nghĩa quyết định vào những yếu tố chủ quan. Yếu tố chủ quan quan trọng *hàng đầu*, không thể thiếu, là người định hướng và dẫn đường - *Đảng cộng sản* ; là người tạo dần con đường đi tới và hình dáng của chủ nghĩa xã hội ở đất nước mình - *Nhà nước của dân, do dân và vì dân*. Hai yếu tố này gắn liền với nhau, bảo đảm cho định hướng xã hội chủ nghĩa có được nội dung đúng đắn, ngăn chặn mọi hướng đi lệch hoặc xa rời chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng và Nhà nước nếu không được đổi mới và chấn chỉnh kịp thời, nếu không thật sự nâng cao được năng lực lãnh đạo và quản lý, thì chẳng những không bảo đảm được việc định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn khó đứng vững để duy trì định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, trong hoàn cảnh đất nước ta hiện nay, định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực không phải là công việc dễ dàng, bởi vì :

1- Nước ta phải trải qua một xã hội quá độ đặc biệt, mà kết cấu của nó chứa đựng nhiều khâu trung gian, chuyển tiếp, "bỏ qua", trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội. Như Lê-nin nói : "Chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách *trung gian* cần thiết để chuyển từ những quan hệ *tiền tư bản chủ nghĩa* lên chủ nghĩa xã hội. Đó là mấu chốt của vấn đề" [1]. Xã hội quá độ này không chỉ mang những mảnh, những bộ phận, những thành phần của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội như Lê-nin nói, mà còn mang những mảnh, những bộ phận, những thành phần của cả *ba* loại kết cấu xã hội : xã hội *xuất phát* (xã hội tiền tư bản chủ nghĩa), xã hội *bỏ qua* (xã hội tư bản chủ nghĩa) và xã hội *định hướng* (xã hội xã hội chủ nghĩa). Một xã hội với các yếu tố cấu thành như thế, đương nhiên là có nhiều trạng thái trung gian, và sự chuyển tiếp sẽ không giống nhau qua các thời kỳ khác nhau. *Nếu không có tác động định hướng* thì sự chuyển tiếp của các khâu trung gian rất dễ trở thành những cái không phải xã hội chủ nghĩa, bởi vì sự chuyển hóa này luôn luôn chứa đựng các mặt vừa đấu tranh vừa thống nhất, tạo nên những khả năng chuyển hóa khác nhau. Trong các lĩnh vực hoạt động xã hội phức tạp, thì điều này lại càng rõ ràng.

2 - Về lý luận và tư tưởng, mặc dù chúng ta đã có những cố gắng trong việc tiếp cận, nhìn lại và đổi mới lý luận về chủ nghĩa xã hội (điều này thể hiện trong *Cương lĩnh, Chiến lược* và các văn kiện của Đảng và Nhà nước), song những gì đạt được đến nay mới chỉ là một số nét phác họa chung, cơ bản, mang tính định hướng lớn, còn rất nhiều vấn đề chưa rõ, cần có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu thêm. Vì thế, chúng ta thừa nhận chúng ta còn lạc hậu về lý luận.

Chính do sự lạc hậu về lý luận mà nhiều vấn đề trong định hướng xã hội chủ nghĩa tới nay chúng ta vẫn chưa rõ hoặc chưa lý giải được. Chúng ta nói định hướng xã hội chủ nghĩa trong lúc thực tế chúng ta đang còn phải nhìn nhận lại, bổ sung và phát triển một cách tổng thể *cơ sở lý luận của cái hướng tới* (chủ nghĩa Mác - Lê-nin) *và bản thân cái hướng tới* (chủ nghĩa xã hội). Chúng ta nói định hướng xã hội chủ nghĩa trong lúc thực tế chúng ta đang còn phải nghiên cứu, tìm tòi, mò mẫm một loạt vấn đề rất mới về lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội (như nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước ; chế độ sở hữu xã hội và các hình thức đa dạng của nó ; vấn đề bóc lột trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ; quan hệ giữa kinh tế và xã hội trong điều kiện mới ; quan hệ giữa mở cửa hợp tác, hòa nhập vào nền kinh tế thị trường thế giới với sự tự lực tự cường ; xây dựng một đảng cầm quyền hoạt động trong nền kinh tế thị trường...). Chúng ta nói định hướng xã hội chủ nghĩa trong lúc thực tế chúng ta hầu như chưa làm được gì trong việc tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn có tính lý luận của công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta.

Tình hình trên dẫn đến hai hiện tượng trong cuộc sống thực tế : *một là*, thiếu cơ sở lý luận để đưa ra những định hướng cụ thể có tính chất dẫn đường cho sự hình thành và phát triển của các hoạt động cần thiết trên các lĩnh vực của xã hội ; và *hai là*, do thiếu những định hướng cụ thể dẫn đường, những quan hệ và hoạt động nào đó của xã hội có thể không đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà đi theo tính tất yếu kinh tế - xã hội vốn có. Như vậy, nếu định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ dừng ở một số nét phác họa chung như hiện nay, thì rất có thể nó chỉ là định hướng xa xôi, trừu tượng, không ngăn được quan hệ và hoạt động của xã hội đi theo hướng khác.

---

(1)V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 43, tr 274

Digitized by Google

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu là một trong những khó khăn lớn nhất đối với việc định hướng xã hội chủ nghĩa về mặt tư tưởng. Khó khăn này biểu hiện rõ nhất ở sự mất lòng tin của không ít người (kể cả những người có trình độ nhất định) vào chủ nghĩa xã hội và muốn đi theo con đường khác. Đã mất lòng tin vào chủ nghĩa xã hội thì suy nghĩ và hành động không thể có tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

3- Nước ta ngày càng tăng cường quan hệ và mở rộng hợp tác với các nước khác. Điều này đang và sẽ tác động nhiều mặt đến xã hội ta, trong đó đương nhiên có cả tác động tiêu cực về tư tưởng và chính trị. Đặc biệt, chúng ta không thể không thấy, sau khi chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô (trước đây) bị tan rã, các thế lực chống cộng càng có điều kiện thuận lợi để hướng mũi nhọn tiến công, đặc biệt về tư tưởng và chính trị, vào các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Chúng muốn làm cho nhiều người mơ hồ, trống rỗng và biến chất về tư tưởng, chính trị, đi tới phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa trong mọi hoạt động.

Bốn là, qua sự phân tích nói trên, định hướng xã hội chủ nghĩa không phải chỉ ở những mục tiêu chung, đường hướng chung, đặc trưng và mô hình chung, mà còn ở trên những lĩnh vực hoạt động cụ thể, những quan hệ cụ thể để đi tới mục tiêu định hướng ; không phải chỉ ở cương lĩnh, chiến lược chung, mà còn ở các chặng đường, các bước đi tới, ở các sách lược, chính sách, kế hoạch 5 năm, 3 năm, 1 năm ; không phải chỉ ở định hướng tầm xa, ở mức vĩ mô, mà còn ở định hướng tầm gần, ở mức vi mô. Định hướng xã hội chủ nghĩa phải thấm vào công việc của các tổ chức và từng cá nhân con người. Qua kiểm nghiệm của thực tiễn và thời gian, nó cần được điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh khách quan và điều kiện chủ quan của đất nước. Như vậy, định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi có sự nhất quán và thống nhất về nguyên tắc và phương hướng qua các chặng đường đi lên, mọi hướng đều quy tụ theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều quan trọng và có tính quyết định là định hướng xã hội chủ nghĩa rút cục phải được thể hiện bằng chất xã hội chủ nghĩa được tạo nên và ngày càng tăng tiến trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đẩy lùi và xóa bỏ các chất không phải xã hội chủ nghĩa, sự biến đổi bộ phận về chất dần dần dẫn đến sự biến đổi toàn bộ về chất, xã hội nước ta mang bản chất xã hội chủ nghĩa, thật sự là một xã hội mới - xã hội vận động theo các quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội, mang những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, chúng ta không quan niệm xã hội mới ấy mang thuần túy chất xã hội chủ nghĩa.

Năm là, để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa biến thành hiện thực trong cuộc sống, ngoài hai yếu tố chủ quan quan trọng nhất như đã nói trên, có mấy việc cần quan tâm giải quyết :

1- Tập trung sức và cố gắng xóa bỏ sớm tình trạng lạc hậu về lý luận nói chung, đặc biệt là làm rõ những vấn đề lý luận liên quan trực tiếp đến định hướng xã hội chủ nghĩa (kể từ những khái niệm cơ bản và mới trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, như : bóc lột, hàng hóa sức lao động, cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, sở hữu công cộng và sở hữu tư nhân, công bằng xã hội và đạo đức trong kinh tế hàng hóa... cho đến những vấn đề lý luận về mô hình, đặc trưng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta...).

2- Chú trọng tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn trong công cuộc đổi mới để khẳng định những hướng đi đúng, uốn nắn những hướng đi lệch lạc, hoặc xa rời chủ nghĩa xã hội, tiếp tục định ra những hướng đi mới, làm cho định hướng gần nối tiếp định hướng gần, tất cả đều hướng vào định hướng xa, cuối cùng, là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

3- Bằng những phương tiện và hình thức thích hợp, tiến hành kiên trì cuộc đấu tranh lý luận và tư tưởng cùng với cuộc đấu tranh trong thực tế trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nhằm phê phán những quan điểm tư tưởng lệch lạc, sai lầm, và xử lý những hành động sai trái, chống đối, bảo vệ định hướng mà chúng ta đã lựa chọn và đang đi.

4- Thông qua một cơ chế tuyển chọn ngày càng chính xác, khoa học, bảo đảm chất lượng về các mặt, đặc biệt là chất lượng chính trị của các lớp cán bộ (nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý) trên các lĩnh vực hoạt động của xã hội. Họ phải là những người không chút dao động, kiên trì và tích cực thực hiện nhằm đạt tới những mục tiêu của định hướng xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

THỰC TRẠNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ GIẢI PHÁP CÔNG ĐOÀN

XUÂN CANG *

I

GIAI cấp công nhân Việt nam đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng dấu ấn lịch sử cũng để lại trong giai cấp công nhân Việt nam ba nhược điểm nặng nề :

Đó là một giai cấp công nhân thoát thai từ lực lượng đông đảo nông dân của một nền nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ.

Đó là một giai cấp công nhân hình thành trong cơ chế bao cấp, rất xa lạ với kinh tế thị trường.

Đó cũng là một giai cấp công nhân mà quá trình trưởng thành gắn liền với một nền công nghiệp chậm phát triển. Chính sự chậm phát triển ấy là một tác nhân của khủng hoảng kinh tế xã hội thời kỳ cuối thế kỷ này.

Bởi vậy, cơ chế thị trường chỉ mới hình thành và vận hành khoảng vài ba năm nay nhưng nó đã gây ra những biến đổi sâu xa, nhiều mặt trong đời sống xã hội mà tác động mạnh mẽ nhất là vào giai cấp công nhân.

Trước hết là sự hình thành và phát triển nhanh các ngành nghề mới với sự đầu tư của nước ngoài. Đó là các ngành dầu khí, điện tử, tin học. Có một ngành mới đã hình thành, có triển vọng rất lớn, phù hợp với xu thế phát triển công nghệ hiện đại, đang tìm chỗ đứng của mình, đó là ngành dịch vụ.

Đồng thời, đã diễn ra một sự sàng lọc với quy mô lớn. Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh bám vào cái vú sữa của cơ chế bao cấp đều chịu thử thách sống còn. Rất nhiều đơn vị phá sản, phải giải thể. Nhìn tổng quát, có hàng triệu người lao động, bằng các hình thức khác nhau, đã rời khỏi các dây chuyền sản xuất của quốc doanh và kinh tế tập thể. Số các cơ sở quốc doanh tự thích ứng được với cơ chế thị trường, cho những kinh nghiệm rất quý, nhưng số này còn ở một tỷ lệ thấp.

Những cuộc điều tra, khảo sát cho thấy đội ngũ công nhân quốc doanh tuổi đời bình quân có xu hướng cao lên (có nghĩa là già đi). Hải phòng, công nhân từ 30 - 50 tuổi chiếm 77,13% ; Hà nội từ 30 tuổi trở lên chiếm 59,38%. Nhưng mặt khác, quan trọng hơn là tuổi thợ và cấp bậc thợ bình quân giảm xuống. Số thợ bậc 7 (cao nhất trong các bậc thợ) chỉ chiếm tỷ lệ 0,4%. Bậc thợ bình quân trong cả nước là 3,1 đối với thang 5 bậc, và 3,3 đối với thang 7 bậc.

Tình trạng thừa công nhân (làm các thao tác công nghệ riêng lẻ) và thiếu thợ (có khả năng thao tác tổng hợp và sáng tạo) rất phổ biến trong đội ngũ lao động quốc doanh. Phải kể đến một khía cạnh quan trọng là toàn bộ trình độ lành nghề của công nhân ta gắn với một nền công nghiệp phát triển chậm, không đáp ứng được yêu cầu phát triển công nghệ hiện đại.

Số lượng đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản - nòng cốt chính trị - giảm sút. Nhiều cơ sở không còn tổ chức đoàn thanh niên. Tuổi đời của đảng viên trong công nhân cao lên. Ở nhiều cơ sở có hiện tượng đáng chú ý : số đảngviên là công nhân trực tiếp sản xuất ít và thường ở tỷ lệ rất

* Ủy viên Ban thư ký Tổng liên đoàn lao động Việt nam

Digitized by Google

thấp so với số đảng viên ở khu vực gián tiếp, quản lý lao động.

Lâu nay, khi nói đến giai cấp công nhân, người ta hình dung ngay ra đó là một đội ngũ thuần nhất và do nhà nước quản lý : công nhân quốc doanh. Ngày nay khái niệm ấy không còn như vậy nữa. Bên cạnh khu vực quốc doanh đã xuất hiện ồ ạt, nhộn nhịp một khu vực mới gồm nhiều thành phần kinh tế, thu hút khoảng 2 triệu người lao động. Khu vực này có tiềm năng to lớn, hiện đang chiếm tới 40 - 45% giá trị tổng sản lượng công nghiệp cả nước ; 50% khối lượng vận chuyển hàng hóa và hành khách, 60% tổng khối lượng hàng hóa bán buôn và bán lẻ ; 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong sự phát triển ồ ạt ấy, mấy năm qua cũng nổi lên những vụ lừa đảo lớn hàng trăm tỷ đồng làm xôn xao dư luận, nhưng khung cảnh chung vẫn là sự phát triển làm thay đổi bộ mặt các thương trường, các thành thị.

Bên cạnh sự biến động lớn trong cơ cấu xã hội của giai cấp công nhân, còn một thực trạng thứ hai nữa cần xem xét, đánh giá, để có một cái nhìn đầy đủ hơn về một toàn cảnh giai cấp công nhân. Đó là các lĩnh vực việc làm, điều kiện làm việc, mức sống, điều kiện sống, đời sống văn hóa, những biến đổi về tâm trạng chính trị, tâm lý xã hội. Những cuộc điều tra xã hội học và khảo sát thực tế từ năm 1989 đến nay cho thấy :

- Về *việc làm*, do sự sàng lọc của cơ chế thị trường, có hàng triệu người ra khỏi các dây chuyền sản xuất quốc doanh và tập thể. Trong số đó có khoảng 50% tìm lại được việc làm. Trong số người có việc làm ở cả hai khu vực quốc doanh và ngoài quốc doanh thì cũng có tới hàng triệu người việc làm không ổn định, ngày làm ngày nghỉ. Nhu cầu đào tạo và đào tạo lại phát sinh rất lớn. Hiện tượng thừa lao động có nguyên nhân do "ế" lao động.

- Về *điều kiện làm việc*, bên cạnh một bộ phận nhỏ công nhân có điều kiện làm việc được cải thiện và tốt, đại bộ phận vẫn phải làm việc trong những điều kiện thấp kém. Trên 80% lao động là thủ công. Phần lớn trang thiết bị, nhà xưởng đã cũ, hỏng, kỹ thuật an toàn rất thiếu và kém hoạt động. Do đó, tai nạn lao động xảy ra nghiêm trọng ; sức khỏe, nhất là sức khỏe của nữ công nhân giảm sút rõ rệt ; số bệnh nghề nghiệp tăng lên.

- Về *mức sống vật chất, văn hóa, và điều kiện sống* . Sự cải thiện rõ rệt nhất trong vài năm nay là về phương tiện thông tin và đi lại (trừ các vùng núi). Nhưng nhìn chung, mức sống còn thấp. Tiền lương bình quân của công nhân tính theo đầu người không đủ nuôi sống bản thân họ, nhiều khoản chi phí phải trang trải bằng các thu nhập ngoài lương.

- Về *tâm trạng chính trị*, cần thấy rõ một điều cơ bản là giai cấp công nhân tích cực ủng hộ đường lối đổi mới của Đảng, nhưng chính họ phải gánh chịu những thiệt thòi không tránh khỏi trong quá trình đổi mới (ví dụ vấn đề việc làm). Người lao động cũng hết sức bất bình với những hiện tượng tiêu cực nghiêm trọng như nạn tham nhũng, tệ quan liêu.

Các nhà tâm lý học xã hội cũng quan sát thấy những chuyển biến rõ rệt về tâm lý xã hội dưới tác động của cơ chế thị trường phổ biến trong số đông người lao động. Ví dụ tâm lý tự cứu lấy mình ; tâm lý thực dụng, lấy lợi ích, nhu cầu thiết thân làm động lực của hành vi ; tâm lý miệt thị tính sĩ diện...

Trên đây chỉ là những nét chấm phá về thực trạng giai cấp công nhân hiện nay. Những phác họa đó cho thấy đang diễn ra một sự chuyển biến lớn từ một giai cấp công nhân - sản phẩm của thời kỳ bao cấp, kế hoạch hóa tập trung, gắn với một nền công nghiệp chậm phát triển - sang một giai cấp công nhân có một cơ cấu xã hội mới, phức tạp, đa dạng, thích ứng với nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường và tiếp cận với công nghệ hiện đại. Những chuyển biến ấy khá phức tạp và gay gắt nhưng hợp quy luật và mới ở bước đầu.

Digitized by Google

II

XÂY dựng giai cấp công nhân vững mạnh trước hết là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước. Trách nhiệm ấy đòi hỏi những giải pháp toàn diện. Ở đây tôi chỉ đề cập một trong những giải pháp ấy - *giải pháp công đoàn.*

Muốn tìm kiếm những giải pháp hữu hiệu, giải pháp tối ưu, cần xuất phát từ thực tiễn, từ thực trạng tình hình giai cấp công nhân đã nêu trên kia. Thực trạng ấy cho thấy đã hình thành một môi trường hoạt động mới của công đoàn với những đặc điểm phổ biến như sau :

- Rất nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của nhiều thành phần kinh tế cùng hoạt động đan xen. Người lao động không chỉ là ông chủ, dù là hình thức, mà còn là người làm thuê. Lao động là hàng hóa đúng với nghĩa của từ ấy. Trước mặt người lao động bây giờ là những ông chủ thực sự.

- Người lao động di chuyển ngày càng nhiều hơn và thường xuyên hơn. Người lao động ngày càng có ý thức về lợi ích riêng, lợi ích thiết thân của mình nhiều hơn. Một bộ phận công nhân, lao động không còn là "vô sản" nữa. Họ vẫn là người làm công ăn lương nhưng đã là chủ nhân của những cổ phần, có sở hữu tư liệu sản xuất. Xuất hiện những xung đột giữa người lao động quản lý và lao động trực tiếp sản xuất, giữa người sử dụng lao động và người lao động.

- Điều kiện hạch toán kinh doanh không còn cho phép hội họp nhiều trong giờ sản xuất. Bản thân người lao động cũng còn rất ít thời giờ nhàn rỗi ngoài giờ sản xuất, trong khi đó nhu cầu thông tin, liên lạc tăng lên gấp nhiều lần.

- Khu dân cư ngày càng tách khỏi và rời xa khu sản xuất. Xuất hiện nhu cầu tập hợp người lao động theo khu vực dân cư (ví dụ công đoàn những người về hưu, công đoàn ở các nông trường).

- Xuất hiện nhu cầu liên kết người lao động với nhau theo hội nghề nghiệp, hội làm ăn (câu lạc bộ giám đốc, hội các chủ doanh nghiệp, nghiệp đoàn xích lô đạp...).

- Đã có những nghịch lý trong hoạt động công đoàn : có những phong trào quần chúng sôi động và lan rất nhanh thì công đoàn hoặc đứng ngoài, hoặc không biết gì (ví dụ các phong trào học ngoại ngữ, học nghề mới, phong trào thể thao bàn bi-a, lắc vòng...) trong khi đó phong trào do công đoàn khởi xướng và kêu gọi thì người lao động làm ngơ (phong trào thi đua...). Ngoài ra còn có những phong trào tiêu cực, chỉ khi nó bị "đổ bể" thì công đoàn mới biết (có khi chính mình tham gia phong trào mà không biết) nhưng không ngăn chặn được nữa, ví dụ phong trào chơi hụi (hội).

Trong một môi trường như vậy, rõ ràng tổ chức hoạt động công đoàn không thể như trước và cũng không thể như hiện nay. Sau đây là một số giải pháp công đoàn :

1 - Đã đến lúc cần có một giải pháp tổng thể, tôi hình dung như một chiến lược công đoàn, gọi tắt là **giải pháp chiến lược**. Chiến lược này nằm trong chiến lược kinh tế - xã hội của Đảng từ nay đến năm 2000.

Giải pháp chiến lược trả lời câu hỏi có tính chiến lược là từ nay đến năm 2000, công đoàn nên quan tâm nhất vấn đề gì của giai cấp công nhân rồi đến vấn đề gì của bản thân công đoàn.

Trước hết, đó là vấn đề *con người lao động*, trong đó đầu tiên phải là những vấn đề bảo đảm xã hội đối với con người lao động rồi mới đến vấn đề khai thác, phát huy con người lao động. Tính chiến lược của giải pháp là ở chỗ công đoàn dồn sức lực phấn đấu cho giai cấp công nhân thoát ra khỏi sự chấn động xã hội hiện nay. Cũng vẫn là khẩu hiệu chiến lược do Đại hội VI công đoàn Việt nam vạch ra : việc làm - đời sống - dân chủ - công bằng xã hội, nhưng cụ thể hóa và trật tự ưu tiên có lẽ nên là : giới thiệu và chăm lo việc làm ; đào tạo

Digitized by Google

lại ; thu nhập và giá trị thu nhập ; điều kiện làm việc ; môi trường ; bảo hộ lao động ; điều kiện sống (nhà ở, đi lại, thông tin) ; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nữ và trẻ em, bảo hiểm tuổi già...).

Trong chiến lược về *dân chủ*, công đoàn quan tâm nhất những bảo đảm về luật pháp đối với giai cấp công nhân. Luật công đoàn và Pháp lệnh bảo hộ lao động cần được từng bước đưa vào cuộc sống. Cần sớm ban hành bộ luật lao động, luật về bảo hiểm xã hội (có thể dưới hình thức pháp lệnh).

Trong chiến lược về *công bằng xã hội*, công đoàn quan tâm nhất vấn đề chống tham nhũng. Phát hiện và xử lý chỉ là giải quyết những việc đã rồi. Vấn đề hiện nay là tạo ra một cơ chế ngăn ngừa tham nhũng (hoặc hạn chế đến mức thấp nhất tệ nạn nhức nhối này). Rồi đến việc bảo đảm công bằng trong thu nhập cho nhóm người thực sự có vai trò phát triển sản xuất - kinh doanh (chất xám). Cùng lúc là những vấn đề của số đông : những người lao động thua thiệt, cơ nhỡ, đơn côi ; kể cả những vấn đề của người lao động do lịch sử để lại.

Tại sao đặt ra giải pháp chiến lược của công đoàn mà không nói tới những vấn đề phát huy tính tiền phong của giai cấp công nhân, như : các phong trào thi đua, các cuộc vận động xã hội do giai cấp công nhân khởi xướng và đi đầu ? Những việc ấy vẫn có thường xuyên và vẫn phát huy tác dụng ; nhưng một lựa chọn chiến lược của công đoàn lúc này, theo tôi là cần tập trung hướng vào những vấn đề nóng bỏng nhất, cấp bách nhất. Chọn đúng hướng thì sẽ tác động mạnh mẽ và hữu hiệu đến tình hình chung.

2 - **Giải pháp đoàn viên.** Tư tưởng của giải pháp này là coi trọng sự tự nguyện (gia nhập và hoạt động công đoàn) của đoàn viên và chú ý đầy đủ những nhu cầu, lợi ích thiết yếu, chính đáng của đoàn viên. Cả hệ thống công đoàn cần phấn đấu lấy người đoàn viên làm trung tâm, thắt chặt mối quan hệ giữa công đoàn với đoàn viên, coi việc bảo vệ, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của đoàn viên là động lực gắn bó công đoàn với đoàn viên. Người lao động thường hỏi : tôi vào công đoàn thì được cái gì ? Trả lời : khi nào lợi ích bạn bị vi phạm, bạn hãy tìm đến công đoàn. Cần có biện pháp duy trì quan hệ giữa đoàn viên và công đoàn trong điều kiện, môi trường mới. Chấm dứt việc phát triển ồ ạt các đoàn viên.

3 - **Giải pháp công đoàn cơ sở.** Tư tưởng của giải pháp này là đa dạng hóa các hình thức tập hợp của công đoàn. Từ trước đến nay, công đoàn cơ sở được coi là đơn vị công đoàn gắn với đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính, sự nghiệp. Tôi cho rằng đã đến lúc cần đổi mới quan niệm ấy. Cần tính tới những cơ sở của công đoàn tập hợp người lao động theo đơn vị dân cư, theo nghề, theo nhóm xã hội. Cần thiết lập những ban đại diện công nhân ở các cơ sở tư doanh ; các văn phòng đại diện công đoàn ở các khu vực dân cư, bắt đầu đi vào các khu vực tư doanh và khu dân cư. Ủng hộ nhu cầu lập những công đoàn nghề, các nghiệp đoàn. Cần thanh toán những định kiến đối với nghiệp đoàn (cho rằng bản chất nghiệp đoàn là "phường hội", nghiệp đoàn chỉ biết đấu tranh cho lợi ích chật hẹp). Vừa qua ở quận 1 thành phố Hồ Chí Minh mới xây dựng thử nghiệp đoàn những người đạp xích lô. Nghiệp đoàn đứng ra lo bến bãi cho đoàn viên, mua phụ tùng xe "thứ thiệt" với giá phải chăng, xin giảm thuế cho anh em. Nghiệp đoàn có sáng kiến vận động anh em đón đưa khách du lịch nước ngoài đi tham quan, chăm lo lợi ích cho đoàn viên nên được người lao động hưởng ứng, phát triển từ 200 đoàn viên đến 600 đoàn viên.

4 - **Giải pháp mô hình tổ chức.** Mô hình tổ chức là kết cấu cơ bản của một tổ chức, làm cho tổ chức đó phù hợp với thực tiễn và có khả năng biến tôn chỉ, mục đích, chức năng của tổ chức thành hiện thực. Cần có một mô hình tổ chức hợp lý thì mới có một hệ thống tổ chức hoàn thiện. Tư tưởng của

Digitized by Google

giải pháp này là thiết kế, cấu tạo lại một mô hình tổ chức công đoàn Việt nam (là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân) vừa có kế thừa mô hình trong lịch sử vừa phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và những đổi mới về cơ cấu xã hội của giai cấp công nhân hiện nay. Đó là một mô hình tổ chức xã hội - nghề nghiệp, lấy các công đoàn ngành nghề làm xương sống cho hệ thống tổ chức. Với mô hình này thì hầu hết các công đoàn cơ sở sẽ được tập hợp trong các công đoàn ngành, nghề tùy theo quy mô đến tỉnh hay đến toàn quốc. Các công đoàn ngành, nghề là cấp chỉ đạo trực tiếp các công đoàn cơ sở. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố là một tập hợp các công đoàn ngành, nghề có quy mô đến tỉnh, thành phố (và các cơ sở còn lại). Tổng liên đoàn lao động Việt nam là một tập hợp các công đoàn ngành, nghề có quy mô toàn quốc và các công đoàn tỉnh, thành phố.

Nguyên tắc kết cấu tổ chức của mô hình này có thể là tự nguyện - dân chủ - thống nhất hành động.

Ưu điểm của mô hình này là kết cấu tổ chức theo nghề nghiệp mà nghề nghiệp bao giờ cũng là cốt lõi của cuộc đời mỗi người lao động, gắn liền với nhu cầu, lợi ích, nếp sống, tập quán, tính cách con người ; là chất keo gắn bó người lao động với cộng đồng. Nhờ kết cấu theo nghề nghiệp sẽ tạo cho công đoàn một khả năng nhạy cảm với chức năng bảo vệ lợi ích người lao động, sắc sảo trong tham gia quản lý và truyền thông, giáo dục. Từ đó mà khắc phục nhược điểm quan trọng của công đoàn hiện nay là quan liêu hành chính.

5 - **Giải pháp chức năng**. Tư tưởng của giải pháp này là mô hình hóa, công nghệ hóa một số nhiệm vụ chức năng của công đoàn, tổ chức thực nghiệm ở cơ sở rồi tổng kết, xây dựng thành một hệ thống các giải pháp chức năng.

Ví dụ : để thực hiện chức năng bảo vệ lợi ích người lao động, công đoàn phải làm hàng loạt công việc như tham gia xây dựng pháp luật, chính sách ; kiểm tra, thanh tra ; khi cần thì tổ chức đối thoại giữa người sử dụng lao động và người lao động ; tổ chức các ban tư vấn pháp luật gồm các luật sư, các chuyên gia về pháp luật để giúp đỡ người lao động khi cần thiết... Tất cả những công việc ấy cần được xây dựng thành những quy chế, quy trình, những phương pháp, quy định đơn giản, dễ nhớ, dễ làm, kể cả thành những thao tác, những ứng xử cụ thể trong các trường hợp tiêu biểu. Đằng sau những điều cần nhớ, cần biết ấy, là khoa học, là kinh nghiệm đã đúc kết. Từ trước đến nay mọi nhiệm vụ và phương pháp hoạt động công đoàn thường dừng lại ở những bài bản gồm ý nghĩa, nội dung, một số biện pháp, một số kinh nghiệm để các cấp công đoàn vận dụng, tùy cơ ứng biến ; khi cần thì có những chỉ thị từ trên xuống để thống nhất hành động. Nay thì cuộc sống không cho phép chỉ làm như vậy. Người cán bộ công đoàn ở cơ sở phải ứng xử với một lượng thông tin lớn trong từng giờ phút. Cán bộ cơ sở lại thay đổi luôn, không có hệ thống đào tạo, bồi dưỡng nào theo kịp. Bởi vậy, các "bài bản" cần được đúc kết thành các thao tác của cán bộ công đoàn ở cấp thấp nhất, như khoa học phải trở thành công nghệ, thì mới có sản phẩm và sản phẩm ngày càng đa dạng. Chính hệ thống các giải pháp chức năng này là cơ sở để thống nhất hành động từ dưới lên thay cho những chỉ thị từ trên xuống.

6 - Cuối cùng là **giải pháp cán bộ**. Tư tưởng của giải pháp này là xây dựng cho được một bảng tiêu chuẩn mới về cán bộ công đoàn. Đó không phải là một viên chức mà là một nhà hoạt động xã hội, một người thông thạo các vấn đề của ngành, nghề (chính đây là cơ sở kiến thức để "tham gia quản lý") ; một người từ quần chúng lên, gắn bó với lợi ích quần chúng... Cần căn cứ cả vào tiêu chuẩn ấy để lựa chọn và bồi dưỡng cán bộ công đoàn, tạo nên một lớp cán bộ công đoàn mới, có khả năng dẫn dắt phong trào quần chúng trong những điều kiện mới.

Digitized by Google

Đổi mới phương pháp nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin

NGUYỄN THANH TUẤN*

ĐẠI hội VII của Đảng đã chỉ rõ : phải đổi mới lý luận để "góp phần xứng đáng trong việc đổi mới tư duy, xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta" (1). Đổi mới lý luận bao gồm nhiều mặt : đổi mới đối tượng, lý luận, phương pháp luận, phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, trong đó đổi mới lý luận và phương pháp luận là then chốt. Để góp phần trao đổi về các vấn đề trên, bài viết này sẽ bàn về việc đổi mới phương pháp nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin ở nước ta.

I - VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP.

Là một hệ thống các luận điểm, các nguyên lý cơ bản và các khái niệm khoa học, phạm trù lý luận trước tiên không được phép đồng nhất với phạm trù khoa học. Bởi lẽ, phần lớn các khoa học không chỉ bao gồm các kết quả thực nghiệm, các kiến thức tiền khoa học, mà còn bao gồm các chỉ dẫn hoạt động thực tiễn, các thuật toán và thông số về quá trình tiến hành các thực nghiệm và quan sát. Trong khi đó, lý luận, *theo nghĩa nghiêm ngặt nhất*, chỉ bao gồm các kiến thức suy lý lô gích mang tính khách quan.

Mặt khác, là sản phẩm hoạt động tinh thần của xã hội con người, phạm trù lý luận có nhiều ý nghĩa khác nhau. Lý luận *trước hết* là một phạm trù đối lập với thực tiễn. Thực tiễn là tiêu chuẩn quyết định tính đúng đắn khách quan và sự cần thiết của lý luận. Mối quan hệ giữa chúng hiển nhiên là chặt chẽ và gắn bó với nhau. *Sau nữa*, cũng cần phân biệt lý luận với phương pháp. Lý luận là hệ thống các phạm trù khoa học, trong khi đó phương pháp là hệ thống các quy tắc, các chuẩn mực yêu cầu. Lý luận là cơ sở của phương pháp, vì nó phản ánh bản chất, tính quy luật về một lĩnh vực cụ thể của hiện tượng khách quan. *Cuối cùng*, phạm trù lý luận còn cần được phân biệt với khái niệm giả thuyết (hypothesis). Giả thuyết có thể coi là lý luận chưa được kiểm nghiệm, chứng minh. Sự phát triển của khoa học diễn ra trên cơ sở chuyển hóa từ giả thuyết đến lý luận.

Lý luận Mác - Lê-nin là hệ thống các luận điểm, các nguyên lý cơ bản và các phạm trù khoa học về quá trình cải biến xã hội có tính cách mạng nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội khoa học, vì tự do, hạnh phúc của con người. Chỉ có vận động và phát triển từ hệ thống này sang hệ thống khác cao hơn về chất, lý luận Mác - Lê-nin mới thực hiện được hai chức năng : phản ánh và phương pháp luận triết học. Vì thế, lý luận Mác - Lê-nin phải tự đổi mới, để chuyển sang một hệ thống mới về chất, thì mới trở thành hệ thống các quy tắc, chuẩn mực, nguyên lý v.v. mà con người buộc phải tuân theo nếu muốn đạt tới mục đích xã hội chủ nghĩa.

Với tư cách là lý luận về các phương pháp, phạm trù phương pháp luận bao gồm hệ thống các phương pháp nhận thức khoa học và phương pháp hoạt động thực tiễn. Do tính độc lập tương đối của phương

* Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội 1991, tr 80

Digitized by Google

pháp đối với lý luận, nên không thể đồng nhất phương pháp luận với lý luận. Và do không thể đồng nhất phương pháp của triết học mác xít với phương pháp đặc thù của các khoa học khác, nên cũng không thể đồng nhất phương pháp luận của lý luận Mác - Lê-nin với phương pháp luận của các khoa học khác. Với tư cách là phương pháp luận của lý luận Mác - Lê-nin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở triết học cho phương pháp luận của các khoa học khác, chứ không thể chi phối và càng không thể bao trùm phương pháp luận của các khoa học khác. Mỗi khoa học, cả khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội, đều có phương pháp đặc thù, do đó có phương pháp luận riêng.

II- VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN MÁC - LÊ-NIN.

Thứ nhất, *lý luận thông tin và tư liệu học.*

C.Mác đã viết rất đúng rằng : "Nghiên cứu thì phải nắm lấy vật liệu với tất cả những chi tiết của nó, phải phân tích các hình thái phát triển khác nhau của nó và phải tìm ra được mối liên hệ bên trong của những hình thái đó. Chỉ sau khi hoàn thành công việc đó rồi thì mới có thể mô tả sự vận động thực tế một cách thích đáng được" (2).

Theo tinh thần đó, trong các thập kỷ qua chúng ta đã thu thập, tích lũy được nhiều nguồn tư liệu trong và ngoài nước, đặc biệt là từ Liên xô (trước đây) và các nước Đông Âu. Và trong chiến lược "Việt nam muốn làm bạn với tất cả các nước" tất nhiên chúng ta sẽ phải khảo chứng các nguồn tư liệu rất khác nhau về chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung. Nếu trước đây, ở chừng mực nào đó chúng ta coi các quan điểm của giới khoa học ở Liên xô (trước đây) và Đông Âu là chuẩn mực để định hướng tiếp cận các nguồn tài liệu mác xít khác từ khắp nơi trên thế giới, thì ngày nay, với sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở những nơi ấy, chúng ta đương nhiên không thể giữ "cách nghĩ" và "cách làm" ấy. Vấn đề này, tất nhiên không đơn giản. *Trước tiên*, nó liên quan đến sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin ở nước ta : từ nguyên tắc "vận dụng sáng tạo" chuyển sang nguyên tắc "tự sáng tạo" lý luận Mác - Lê-nin trên mảnh đất hiện thực Việt nam đang đổi mới. *Sau nữa*, nó đòi hỏi một bước ngoặt cơ bản trong phương pháp và kỹ thuật thu thập, xử lý thông tin và tư liệu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ các nguồn *rất khác nhau* (không chỉ từ các đảng cộng sản, mà cả từ các đảng dân chủ - xã hội, các đảng tư sản, thậm chí từ giới khoa học chống cộng). Muốn vậy, không thể không có trình độ cao về tư tưởng, chính trị, kiến thức, ngoại ngữ...

Đây là vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận hết sức quan trọng. Tiến bộ của lý luận mác xít ở nước ta hiện nay không đơn giản chỉ phụ thuộc vào việc xử lý đúng đắn các nguồn thông tin, tư liệu giờ đây đã trở nên đa dạng và phức tạp với nhiều biến thái về tư tưởng và chính trị. Tiến bộ đó chủ yếu phụ thuộc vào giới nghiên cứu nước ta có hay không có khả năng tự chủ, sáng tạo và hòa nhập vào đời sống lý luận mác xít trên trường quốc tế.

Thứ hai, *tính đảng và tính khách quan khoa học.*

Dù có tính đặc thù về chính trị (suy cho cùng, khoa học nào cũng có tính đặc thù), lý luận Mác - Lê-nin cũng giống các khoa học khác, có chức năng phát hiện quy luật, và mang tính khách quan. Cả tự nhiên lẫn xã hội đều có quy luật khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Vì vậy, thiếu khách quan trong khoa học, thì không thể hy vọng tìm ra quy luật nằm trong bản chất các hiện tượng và quá trình xã hội.

Tuy nhiên, trong xã hội có giai cấp, lý luận bao giờ cũng có tính đảng. Tính đảng cộng sản của lý luận Mác - Lê-nin dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để giải thích và cải tạo xã hội theo định hướng của chủ nghĩa xã hội khoa học. Tính đảng cộng sản thống nhất với tính khách quan khoa học. Tuy nhiên, trong vận dụng vào thực tiễn hoạt động lý luận, có một sai lầm khá phổ

(2) C.Mác : *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1973, quyển 1, tl, tr 26

Digitized by Google

biến là : đồng nhất "tính đảng" (với tính cách là phương pháp luận khoa học) với đảng hay "chính đảng" (với tính cách là một tổ chức chính trị). Thực ra, "tính đảng" trong hoạt động khoa học và "chính đảng" trong hoạt động chính trị chỉ có sự liên quan, chứ không phải bao giờ cũng thống nhất, và càng không thể đồng nhất.

Tính đảng trong hoạt động khoa học, nhất là trong lý luận Mác - Lê-nin, bao giờ cũng mang mục đích chính trị. Vì vậy, để thống nhất được tính khách quan khoa học và tính chính trị trong phạm trù tính đảng, cần xác định hai quy tắc sau : a) Hoạt động lý luận là để giải đáp và dự báo những nhiệm vụ chính trị đặt ra, chứ không phải "nghiên cứu" để đi tới những kết luận đã có sẵn ; b) Việc công bố các kết quả nghiên cứu phải bảo đảm nguyên tắc không có hại về phương diện chính trị. Nói ngắn gọn : trong nghiên cứu, phải bảo đảm cho các nhà khoa học có tính đảng thực sự ; còn trong công bố ấn phẩm khoa học, các nhà khoa học phải tuân thủ nguyên tắc "chính đảng".

Thứ ba, *vận dụng sáng tạo các phạm trù khoa học Mác - Lê-nin.*

Đối tượng của lý luận Mác - Lê-nin là quá trình cải tạo khách quan xã hội loài người theo hướng của chủ nghĩa xã hội khoa học, chứ không phải là những khái niệm trừu tượng có sẵn. Song, muốn thúc đẩy lý luận Mác - Lê-nin tiến lên, nhất thiết phải nắm vững nội dung các khái niệm khoa học như các công cụ lô gích không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu. Ở nước ta hiện nay có hai "căn bệnh" phổ biến : 1) Hiểu các phạm trù khoa học (ví dụ phạm trù "tính đảng" vừa nêu ở trên) theo cái vỏ thuật ngữ bên ngoài ; 2) Kiến giải các phạm trù khoa học của lý luận Mác - Lê-nin vốn là một khoa học mang tính quốc tế theo nhận thức chủ quan mang tính "đặc thù Việt nam". Cũng vì vậy, nội dung khoa học của các phạm trù nhiều khi bị bóp méo hoặc mang nặng tính tư biện.

Không nhận thức được nội dung khoa học của các phạm trù lý luận Mác - Lê-nin thì không thể phát triển lý luận này được. Bởi vì, chỉ trên cơ sở nắm vững nội dung khoa học của các phạm trù, nhà khoa học mới có khả năng bác bỏ hay khẳng định những khái niệm đã có, đồng thời sáng tạo các khái niệm mới, làm giàu thêm kho tàng các công cụ lô gích của lý luận Mác - Lê-nin.

Thứ tư, *nhận thức các quy luật lịch sử và hoạt động thực tiễn của con người.*

Cho đến nay, về lý luận, mối quan hệ giữa quy luật đặc thù và quy luật phổ biến dường như vẫn còn là một vấn đề tranh cãi ở nước ta. Trong khi đó, trên thực tiễn, việc "cường điệu đặc thù dân tộc" để phủ nhận quy luật phổ biến trong lịch sử nhân loại, có thể làm cho quá trình phát triển ở nước ta mất đi sự định hướng cần thiết, nhất là khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên xô (trước đây) và Đông Âu đã bị đổ vỡ. Song, nếu hoàn toàn phủ nhận quy luật đặc thù, thì lại dễ rơi vào khuynh hướng hoặc *rập khuôn* hoặc *áp đặt*.

Trong việc nhận thức các quy luật lịch sử và hoạt động thực tiễn của con người, có điều phi lý là chúng ta vẫn chưa vượt qua giới hạn của chủ nghĩa duy vật cũ. Bằng chứng là trong quá trình nhận thức và cải tạo xã hội, chúng ta thường rơi vào xu hướng chỉ thấy các quy luật mà ít thấy con người, hơn nữa lại là con người thực tiễn. Con người và ý thức con người thường bị diễn tả dưới dạng phản ánh thụ động hơn là chủ động sáng tạo. Vì vậy, chúng ta thực tế chưa tiếp cận đầy đủ và chính xác chủ nghĩa duy vật biện chứng, ít ra là đối với những luận cương của Mác về Phoi-ơ-bắc.

Như vậy, định hướng đổi mới ở đây là phải xuất phát từ con người thực tiễn để kiến giải các quan hệ giữa người và người, người với tự nhiên, cùng các quy luật xã hội chi phối những quan hệ đó. Bởi vì, không có sự sản sinh chính bản thân mình, không có sự tiến hóa và phát triển, không có sự đổi mới bản thân mình, thì con người cũng không có lịch sử của mình, do đó cũng không có quy luật lịch sử.

Digitized by Google

Thứ năm, *nghiên cứu lịch sử lý luận mác xít-lê nin nít ở nước ta.*

Sự phát triển của lý luận nước ta đã dẫn tới chỗ "bản thân khoa học cũng là đối tượng để nghiên cứu một cách khoa học"(3).

Trong quá trình đổi mới lý luận hiện nay, việc nghiên cứu lịch sử lý luận góp phần quan trọng vào sự phát triển của lý luận nói riêng và của khoa học nước ta nói chung. Bởi vì :

1- Lịch sử lý luận đánh giá một cách sâu sắc và toàn diện những thành tựu nghiên cứu của khoa học, từ đó rút ra bản chất và những quy luật phát triển của nó.

2- Lịch sử lý luận khái quát các giai đoạn phát triển của nó trên cơ sở phân tích các điều kiện xã hội và vai trò của lý luận trong mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể. Ví dụ, phải chăng lý luận Mác - Lê-nin ở nước ta đã trải qua các giai đoạn sau :

a) **1925/1930 - 1960** (từ "Bản án chế độ thực dân Pháp" và "Đường kách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng cộng sản Đông dương cho đến sự điều chỉnh về lý luận sau sự kiện "xét lại" ở Liên xô (trước đây). Nội dung : *lý luận về cách mạng dân tộc, dân chủ* ;

b) **1960 - 1986** (cho đến Đại hội đổi mới của Đảng). Nội dung : *lý luận về cách mạng dân tộc, dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cơ chế quan liêu - bao cấp* ;

c) **1986 đến nay**. Nội dung : *lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ trong cơ chế dân chủ - thị trường.*

Thiết nghĩ, việc thảo luận về những vấn đề này sẽ rất bổ ích cho quá trình đổi mới lý luận ở nước ta.

III - ĐỔI MỚI VÀ HIỆN ĐẠI HÓA PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT NGHIÊN CỨU.

Ở khía cạnh nào đó, có thể nói, chúng ta đang cần phải chuyển từ công nghệ thủ công, lạc hậu, "sản xuất nhỏ", sang công nghệ hiện đại trong nghiên cứu lý luận ở nước ta. Vì sao ? *Một mặt*, phương pháp và kỹ thuật lạc hậu đã hạn chế chất lượng nghiên cứu. *Mặt khác*, việc dùng phương pháp luận làm công cụ vạn năng thay cho phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, đã khiến cho nhiều công trình lý luận nghiêm túc trở nên thiếu sức thuyết phục. (Ấy là chưa nói đến việc sử dụng phương pháp luận dường như chỉ dừng ở mức vận dụng cứng nhắc một số nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chứ chưa đi sâu vào việc xây dựng một hệ thống phương pháp hoàn bị và phát triển).

Cho đến nay, về cơ bản, chúng ta mới dùng phương pháp *mô tả* hay *suy lý*. Nhà nghiên cứu, trên cơ sở những nguyên lý kinh điển, các văn kiện đại hội của Đảng... tiến hành tập hợp tư liệu (chủ yếu theo phương pháp thủ công) để có được một hình dung nào đó về vấn đề nghiên cứu, rồi tiến hành mô tả chúng một cách luận lý theo sự hình dung của mình. Phương pháp này thường rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm. Hoặc nhà nghiên cứu, trên cơ sở những nguyên lý kinh điển, các văn kiện đại hội của Đảng... tiến hành luận lý những kết luận đã có sẵn từ các văn kiện và nguyên lý đó. Phương pháp này dễ dẫn đến chủ nghĩa duy tâm tư biện.

Ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển lý luận, thì các phương pháp trên tỏ ra có ích cho sự chuyển biến từ khuôn mẫu hay kiểu "tầm chương trích cú" nho học sang kiểu khái quát (suy diễn và quy nạp), và bước đầu sáng tạo khoa học. Thế nhưng, ngày nay nếu cứ giữ nguyên phương pháp đó, không có sự phát triển tiếp theo, thì lý luận có nguy cơ sẽ chỉ giới hạn ở mức độ thuần túy tuyên truyền, trái với yêu cầu của Đại hội VI và VII của Đảng. Để lý luận đạt tới trình độ khoa học cao hơn, dứt khoát phải *đổi mới và hiện đại hóa phương pháp và kỹ thuật nghiên*

(3) G.M. Do brov : *Khoa học về khoa học*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà nội, 1976, tr 7

(Xem tiếp trang 31)

Digitized by Google

VIẾT CÁI GÌ ? CÂU HỎI MỚI THẬT BỨC XÚC

VŨ HUY ANH *

Có lẽ chưa bao giờ công việc văn chương dễ như hiện nay và cũng khó như hiện nay. Dễ, vì có sự cởi mở trong chính sách, trong quan niệm, trong dư luận đối với văn nghệ, hệ quả của tinh thần đổi mới chung mà toàn Đảng, toàn dân ta đang chủ trương và thực thi. Dễ, còn vì sự tác động của cơ chế thị trường, việc ấn hành những tác phẩm văn chương không còn tình trạng bản thảo nằm xếp hàng ở các tòa soạn báo hoặc ban biên tập nhà xuất bản. Nhưng chính sự dễ dàng đó, lại là chỗ khó cho các nhà văn, chí ít là những nhà văn thực sự quý trọng công việc lao động văn chương. Sự thuận lợi về nhiều phương diện ấy trả nhà văn về với trách nhiệm cá nhân của anh ta. Bây giờ tác phẩm của anh ta hay hoặc dở chủ yếu là do chính bản thân anh ta : tài năng nhiều hay ít, lao động nghiêm túc hay hời hợt, tinh thần trách nhiệm đến đâu đối với độc giả, với xã hội và với chính trang viết của mình. Không còn những nguyên cớ có tính chất cơ chế và xã hội để ỷ lại, để đổ lỗi ; nhà văn bóc trần mình ra trong sự hay, dở của chính mình. Tình hình này đối với nhà văn, chưa lâu, còn là niềm ao ước, mà nay đã được rồi, mừng thì có mừng nhưng không phải không lo. Tình thế tựa như anh con trai nọ, sau khi cưới vợ cứ mong bố cho ra ăn riêng, đến khi được ra ăn riêng rồi, anh ta mới nhận ra rằng : cái việc tự lo cho mình và cho tình yêu của mình đâu có dễ dàng, đơn giản. Dĩ nhiên, không có sự kiện ấy thì người con trai kia biết đến bao giờ mới tự chịu trách nhiệm được với chính mình để mà khôn ngoan, trưởng thành. Cũng dĩ nhiên, khi người ta rời bầu sữa mẹ, rời sự nuôi nấng, răn bảo và cả sự nhận trách nhiệm thay, chịu lỗi thay, khỏi sự bao cấp về nhiều phương diện, những bước đi ban đầu tránh sao khỏi mò mẫm, chập chững, thậm chí va vấp, tổn thương.

Vì vậy, cũng không lạ gì đã có biết bao ấn phẩm dán nhãn văn chương, nhưng sự thực như thế nào mọi người đã rõ. Người viết viết vội, người đọc đọc nhanh, đọc lướt, tạm bằng lòng với nhau như đã quy ước rằng đây là loại truyện giải trí, đọc để lấy vui, viết để lấy tiền. Tất nhiên, loại văn chương giải trí bậc thấp, trong những đất nước theo cơ chế thị trường, không nơi nào và không lúc nào không có. Chẳng nên khuyến khích sản xuất loại văn chương đó, nhưng cũng đừng quá lo lắng, quá hốt hoảng, thậm chí có những biện pháp thô bạo đối với nó. Trình độ dân trí ngày một nâng cao nhất định sẽ loại bỏ những thứ "hàng rởm và phế phẩm" đó. Rồi sẽ đến lúc xã hội buộc nó cũng phải tự nâng cao chất lượng theo định hướng văn hóa và tiêu chuẩn đích thực của văn chương. Mặc dù vậy, bộ mặt văn chương của một đất nước, thị hiếu chung của một xã hội đang nỗ lực phấn đấu để giảm dần loại văn chương giải trí bậc thấp. Kể ra văn chương nào mà chẳng góp phần đáp ứng yêu cầu giải trí của người đọc. Có điều một nền văn chương đích thực, bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu giải trí, quan trọng hơn còn phải giúp người đọc soi vào trong đó mà tự nâng mình lên, thứ văn chương phản ánh được trung thực hiện thực xã hội, nâng cao hiểu biết về cái đẹp, cái tốt cho con người.

Chính là ở loại văn chương chính yếu, rất cần khuyến khích này mà người viết, người đọc, người hoạch định các chính sách đối với công việc sáng tác văn học trăn trở, tìm tòi, băn khoăn trong cách hiểu, cách bình giá, xem xét, tỏ bày thái độ.

---

* Nhà văn

Digitized by Google

Thực ra, có là nhà văn hay có gần gũi nhà văn lúc này mới thấy hết nỗi khó khăn của người cầm bút. Khoan hãy nói đến những chật vật trong đời sống thường ngày. Điều dằn vặt nhà văn nhất hiện nay là : viết cái gì đây ? Ngày trước, nhà văn đạo qua các cửa hàng sách, nhìn sách mới của bạn đồng nghiệp được bày trang trọng trên các kệ sách, dẫu có chán viết đến đâu cũng muốn quay ngay về nhà, ngồi trước trang giấy trắng của mình. Còn bây giờ, mỗi lần đứng nhìn từng đống sách của biết bao tác giả (lạ và quen) xếp chất ngất trong các gian hàng sách với các bìa sách lòe loẹt, tên sách "rẻ tiền", người đang làm nghề văn muốn gác bút luôn. Phải ! Thêm vào làm gì trong đống sách xô bồ kia một quyển sách nữa của mình ? Điều này lý giải phần nào hiện tượng một số nhà văn có tài thực sự nhưng mấy năm nay vắng bóng trên văn đàn. Và qua đây, cũng thấy sự phức tạp, đa dạng trong việc chọn một hướng đi, hướng viết của nhiều nhà văn. Có thấy thực trạng đó mới cảm thông, thể tất cho những điều tìm tòi chưa hay, chưa đúng của những nhà văn tâm huyết còn đang lúng túng trước hiện thực đời sống bộn bề, mới mẻ. Nói như vậy không có nghĩa biện hộ cho nhà văn tùy tiện, vô trách nhiệm trong sự sai trái, lệch lạc của mình. Vấn đề có lẽ là ở sự biết tìm, biết nhận thức và biết dừng lại đúng lúc. Khuôn sáo cũ chẳng còn mấy ai quan tâm, nhưng để độc giả chú ý đến mình chỉ nhờ ở sự xu thời, thậm chí làm ra vẻ lập dị, ngược đời thì cũng chẳng bền lâu. Người đọc trước sau sẽ nhận ra sự giả dối hay cơ hội của người viết. Chỉ trong vòng mấy năm nay mà biết bao thứ lập dị, quá khích hoặc xu thời kiểu mới trên chợ trời văn chương đã mau chóng trở thành thứ hàng ế ẩm. Bây giờ một quyển tiểu thuyết nặng lời chửi bới sẽ chẳng còn mấy ai chú ý. "Đốt đền" ư ? Đạp đổ các thần tượng ư ? Thoạt đầu nghe có vẻ hấp dẫn, nhưng tỉnh trí lại, cả một dân tộc vẫn thấy cần vĩnh viễn thắp hương kính cẩn trước một Nguyễn Quang Trung, một Trần Hưng Đạo, ngược lên cho đến Bà Trưng, Bà Triệu và các vua Hùng. Dân tộc nào, đất nước nào muốn bền vững, hưng thịnh mà chẳng suy tôn và lưu kính các thần tượng. Sự sa sút về đạo lý một phần là kết quả của những thái độ thiếu tôn trọng các giá trị lịch sử và văn hóa dân tộc. Theo tinh thần đổi mới, chính là việc sửa chữa, uốn nắn những sự ấu trĩ, lệch lạc, cực đoan đó, trân trọng trở lại mọi giá trị lịch sử dân tộc, chứ đâu phải nhân danh đổi mới để đạp đổ đi tất cả. Gần đây, có nhà văn đi tìm một cách viết mới về chiến tranh vệ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc. Nhiều sự khám phá sáng tạo đem lại những tác phẩm về đề tài chiến tranh cách mạng có hồn, có văn, không đơn giản, sơ lược. Nhưng từ đó mà chỉ chuyên viết về những mất mát, đau khổ, thê thảm của chiến tranh cứu nước, giữ nước, rồi chê bai hết lời những tác phẩm trước đây (đang lúc kháng chiến không biết viết như vậy), thì ngẫm kỹ ra, có điều không ổn. Trong ý thức công dân và tinh thần trách nhiệm của nhà văn, văn học chân chính của bất cứ thời đại nào, nước nào đều ca ngợi, cổ vũ tinh thần yêu nước. Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi đến tận bây giờ vẫn là những nhà văn vĩ đại được cả dân tộc nhớ tới đâu phải vì các ông đã viết những áng văn thuần mô tả sự khủng khiếp của chiến tranh chống xâm lược. Nhìn sang một nền văn học có ảnh hưởng nhiều đến văn chương nước ta, văn học Pháp chẳng hạn, A.Đô-đê và G.Mô-pát-xăng đâu có từ chối việc tự mình viết những tác phẩm ca ngợi tinh thần ái quốc.

Loại truyện "tam tình" (tình báo - tình yêu - tình dục), thoạt đầu bán chạy, song rất nhanh trở nên lạc lõng. Loại truyện mô tả cái ác, hoặc tự xử theo luật giang hồ, một, hai truyện đầu có làm người đọc chú ý. Sau đó trên báo chí xuất hiện một loạt truyện tương tự khiến người đọc không khỏi băn khoăn : nên chăng chỉ viết thuần về cái ác ? Có sự lập luận rằng, trong văn học hiện đại của thế giới - loại văn chương đặt vấn đề - người ta nói cái ác để nhắc nhở con người nhớ về cái thiện, khi viết về cái cô đơn để nhắc nhở con người đến tình thần đoàn kết. Một nhà văn có thể làm như thế, nhưng một nền văn học toàn viết về cái ác thì vừa không đúng hiện thực, vừa có hại. Cuộc sống bao giờ cũng bao gồm cả cái ác và cái thiện. Nói quá nhiều về cái ác, đến mức bão hòa thì con người sẽ xem cái ác là hiển nhiên, sẽ dửng dưng với cái ác, chưa nói đến việc học theo cái ác. Các triết gia phương Đông, người thì bảo "con người sinh ra tính vốn thiện", người khác lại bảo "con người sinh ra tính vốn ác",

(Xem tiếp trang 61)

Digitized by Google

Nhận thức và vận dụng lý luận vào thực tiễn

QUỲNH UYÊN *

Sự sụp đổ, tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu đã, đang và sẽ là điều day dứt của hàng triệu người. Nó đặt ra cho chúng ta rất nhiều vấn đề phải tìm hiểu, nghiên cứu và kết luận, trong đó có vấn đề nhận thức lý luận và vận dụng lý luận trong thực tiễn. Thực tế đã đặt ra những câu hỏi lớn : vì sao chủ nghĩa xã hội ở một số nước lại sụp đổ, vì lý luận sai hay vì nhận thức và vận dụng lý luận sai ? Tương lai của chủ nghĩa xã hội ra sao, nó có còn là tương lai của xã hội loài người như Mác và Ăng-ghen dự đoán không ? Đến nay đã có những câu trả lời rất khác nhau : khác nhau về động cơ, quan điểm, khác nhau về cách tiếp cận và lý giải vấn đề, khác nhau về mức độ đánh giá các sự kiện và dự đoán tương lai của chủ nghĩa xã hội, và hầu như ý kiến nào - dù là từ phía này hay phía khác - đều có lý lẽ của mình. Trong bài viết nhỏ này, tôi chỉ đề cập đến *hai khía cạnh* của lý luận Mác - Lê-nin và việc vận dụng lý luận đó trong thực tiễn 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa qua. Đó là vấn đề *xây dựng kinh tế* và *công tác xây dựng đảng*.

Bản thân các tư tưởng xã hội chủ nghĩa có cội nguồn sâu xa trong quá trình phát triển lịch sử của nhân loại. Học thuyết về chủ nghĩa xã hội do Mác và Ăng-ghen sáng lập là kết quả của sự khái quát những nhân tố nảy sinh trên mảnh đất của xã hội tư bản trong bối cảnh của những năm giữa thế kỷ 19. Chủ nghĩa xã hội không phải là điều bịa đặt, không phải là một dích dắc của lịch sử. Đó là một hiện thực lý luận, tư tưởng và thực tiễn, là một thành tựu văn minh của nhân loại. Đó là một phong trào hiện thực với những tư tưởng vĩ đại : thủ tiêu áp bức, bóc lột, giải phóng con người, giải quyết toàn bộ các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa v.v. vì lợi ích của nhân dân lao động và tiến bộ của loài người.

Nhưng Mác, Ăng-ghen và kho tàng lý luận do hai ông để lại, không chỉ ra cho chúng ta những việc cụ thể phải làm để thực hiện lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội. Đó là công việc của các thế hệ sau, là công việc của chúng ta. Hơn nữa, hoàn cảnh lịch sử, sự phát triển, nền văn minh của nhân loại lúc hai ông sống khác rất xa với bối cảnh hiện nay của thế giới, với những thành tựu khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội mà loài người đã đạt được trong thế kỷ qua. Do vậy, lý luận của hai ông cần được tiếp tục bổ sung và phát triển. Thêm vào đó, thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mấy chục năm vừa qua cũng chứng minh rằng lý luận khoa học về chủ nghĩa xã hội chưa được nhận thức đúng, do đó, học thuyết Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội cũng chưa được vận dụng đúng. Bởi vậy, cuộc khủng hoảng và sự sụp đổ của một mảng chủ nghĩa xã hội *không phải là sự tan vỡ của bản thân các tư tưởng xã hội chủ nghĩa mà là sự sụp đổ của những hình thức biểu hiện của nó*. Cuộc khủng hoảng này sẽ không dẫn đến sự phủ định chủ nghĩa xã hội mà dẫn đến sự đổi mới chủ nghĩa xã hội, làm cho nó được hiện thực hóa với đúng những tư tưởng của nó.

* Chuyên viên Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

1 - Một số vấn đề lý luận trong xây dựng kinh tế

Sinh thời, Mác và Ăng-ghen không có đủ điều kiện khách quan để đưa ra một học thuyết toàn diện về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Các ông mới chỉ có những dự đoán có tính nguyên tắc chung về vấn đề này, vì kinh nghiệm lịch sử được tích lũy cho tới lúc đó mới chỉ liên quan tới sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, và ngay các quy luật của nó cũng chưa bộc lộ đầy đủ, còn chủ nghĩa xã hội tương lai thì mới chỉ được mường tượng với những nét khái quát nhất. Dù vậy, học thuyết của Mác - Ăng-ghen và sau này được Lê-nin phát triển, đã vạch ra rằng những hình thái kinh tế xã hội kế tiếp nhau không chỉ có sự khác nhau bởi những mối quan hệ đặc thù, mà còn có sự thống nhất như một quá trình phát triển lịch sử tự nhiên, có sự kế thừa về mặt phát triển không những của khoa học, kỹ thuật và văn hóa, mà cả của quan hệ sản xuất và mọi hình thức hoạt động sống của con người. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn nối tiếp của chủ nghĩa tư bản, nó kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được trong lịch sử phát triển xã hội. Mác và Ăng-ghen coi trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất và những kết quả kinh tế - xã hội nảy sinh từ trình độ phát triển đó của sức sản xuất đạt được trong chủ nghĩa tư bản là tiền đề vật chất có ý nghĩa quyết định đối với việc giải phóng con người, đối với sự phát triển tự do và toàn diện của con người. Lê-nin đã tiếp tục những tư tưởng đó của Mác - Ăng-ghen về tiền đề kinh tế cho sự giải phóng con người. Trong *chính sách kinh tế mới*, Lê-nin đã nêu quan điểm về cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Theo đó, *nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội* là *nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, có nhiều hình thức kinh tế khác nhau và lấy sự quan tâm tới lợi ích thiết thân của người lao động làm động lực chủ yếu...*

Thực tế hơn 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa qua cho thấy, không ít nhà lý luận ở các nước xã hội chủ nghĩa đã đồng nhất sản xuất hàng hóa với chủ nghĩa tư bản ; không thừa nhận mối quan hệ tiền - hàng - thị trường là hiện tượng vốn có của nhiều hình thái kinh tế - xã hội ; chỉ thấy hệ thống những thể chế quản lý nền kinh tế và điều tiết thị trường là kết quả của sự phát triển những mâu thuẫn nội tại của chế độ tư bản, mà không thấy trước hết đó là công cụ để thực hiện mỗi nền kinh tế, là thành tựu của nền văn minh chung của nhân loại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội mà lại chối bỏ sản xuất hàng hóa, đi theo con đường kinh tế hiện vật, tự cấp, tự túc, là đưa xã hội trở lại quá khứ xa xưa của nhân loại, là đã phạm một sai lầm to lớn. Cũng vì vậy, trong khi chủ nghĩa tư bản không những không mất đi khả năng tồn tại như người ta tưởng, mà còn làm chủ được những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật, tiếp tục phát triển với những xung lực mới, thì chủ nghĩa xã hội hiện thực sau khi đạt được những thành tựu chưa từng thấy về mọi mặt, lại lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng như chúng ta đã thấy.

Sự phát triển kinh tế nói chung ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây bị gò ép vào một khuôn mẫu bất di, bất dịch của chế độ duy ý chí, nhà nước hóa - điều đó đã dẫn đến những kìm hãm to lớn đối với việc giải phóng sức sản xuất và năng động hóa nhân tố con người. Sự vận dụng thiếu sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cuộc sống, cũng như việc chậm tổng kết kinh nghiệm từ thực tiễn cuộc sống để bổ sung và phát triển lý luận, việc duy trì quá lâu một "mô hình" cứng nhắc về chủ nghĩa xã hội trong đó có nhiều nét không phù hợp với lý tưởng, đã làm cho chủ nghĩa xã hội xa rời với chính bản chất của nó. Bộ mặt chủ nghĩa xã hội được thể hiện hết sức sơ sài theo tinh thần chủ nghĩa bình quân, và được lý tưởng hóa một cách thiếu cơ sở thực tế.

Nền kinh tế xây dựng và phát triển ở các nước xã hội chủ nghĩa mấy chục năm qua, hầu như tách khỏi nền kinh tế thế giới, tự cô lập mình. Do vậy, nó không tiếp thu được các thành tựu hiện đại của thế giới về khoa học, công nghệ và quản lý. Một nền kinh tế "khép kín" như vậy, không thể phát triển bình thường, và tất yếu lâm vào trì trệ, lạc hậu. Khoảng cách giữa nền kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa và ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển ngày càng xa. Vì vậy, cũng dễ hiểu vì sao trong các nước xã hội chủ nghĩa bắt đầu xuất hiện tâm lý muốn thay đổi hiện trạng, muốn cải tổ, đổi mới

Digitized by Google

chủ nghĩa xã hội như thế nào đấy. Qua nhiều năm, tâm lý đó dần lớn lên và trở thành một đòi hỏi khách quan, ngày càng bức bách của toàn xã hội. Lợi dụng tình hình đó, bọn chống cộng và chống chủ nghĩa xã hội đủ loại đã ra sức hoạt động, tìm mọi cách lái tâm lý trên theo ý đồ phá hoại, tiêu diệt chủ nghĩa xã hội. Và như chúng ta thấy, chúng đã đạt được ý đồ đó ở Liên xô và các nước Đông Âu.

2 - Công tác xây dựng đảng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì đảng cộng sản là đội tiên phong chính trị, là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng là người lãnh đạo giai cấp, lãnh đạo dân tộc thực hiện sự nghiệp cao cả là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, trong đó con người được tự do phát triển, được giải phóng. Đảng không phải và không thể là một tổ chức hành chính quyền lực siêu giai cấp, không thể là một bộ máy quan liêu phân phát mọi địa vị, chức quyền, bổng lộc và các đặc quyền, đặc lợi.

Nhưng trong nhiều năm trước đây đảng cộng sản ở một số nước đã không thực hiện đúng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về xây dựng đảng. Trong đảng đã nảy sinh những hiện tượng xấu như độc đoán, quan liêu, chuyên quyền, đặc quyền, đặc lợi, ức hiếp nhân dân. Một số không ít đảng viên lợi dụng chức quyền thu vén cho lợi ích cá nhân, củng cố quyền lực của bản thân bằng những thủ đoạn truy chụp tư tưởng, trấn áp phê bình, coi thường pháp luật. Một số người đã ngang nhiên coi quyền lực mà đảng, nhà nước, nhân dân trao cho mình như là một thứ "sở hữu riêng", và họ đã sử dụng nó như một thứ công cụ để đục khoét nhà nước, chiếm đoạt tài sản của nhân dân, "ngồi trên" pháp luật. Những biểu hiện gia trưởng hình thành trong sinh hoạt đảng đã làm cho dân chủ trong sinh hoạt đảng trở thành một khẩu hiệu suông.

Do những nguyên lý mác xít - lê nin nít về xây dựng đảng bị vi phạm nghiêm trọng, kỷ luật đảng không nghiêm minh, tham nhũng không bị trừng trị thích đáng, số đông đảng viên bình thường rơi vào tình trạng thụ động hoặc thờ ơ với các diễn biến tiêu cực diễn ra trong các tổ chức đảng. Họ không còn coi công việc của đảng là của chính mình nữa. Lâu dần, sự thống nhất ý chí trong đảng chỉ là hình thức. Mặt khác, do không ít cán bộ lãnh đạo của đảng đồng thời là cán bộ quản lý các cơ quan chính quyền từ cấp trung ương đến cấp cơ sở, nên dẫn tới hiện tượng đảng trở thành "nhà nước thứ hai" đứng trên các tổ chức nhà nước vốn có, đứng trên tất cả các đoàn thể quần chúng. Vì vậy, đảng không chịu sự giám sát, kiểm soát từ bất kể phía nào.

Cơ chế ấy tồn tại trong nhiều chục năm đã dần dần làm cho dân xa đảng, tách khỏi đảng, và đó cũng chính là quá trình đảng tự làm tan rã mình.

Một vấn đề được đặt ra là : vì sao trước đây, đảng có đủ sức mạnh, đủ uy tín để lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền, nhưng từ khi giành được chính quyền rồi, tức là khi đã có điều kiện, có công cụ để đem lại lợi ích cho nhân dân lao động, thì đảng lại suy yếu, thoái hóa dần đến mức làm cho một bộ phận quần chúng nhân dân (đương nhiên là có cả công nhân) quay lưng lại với đảng, thậm chí đối lập với đảng ? Phải chăng quá trình ấy liên quan đến vấn đề *lợi ích* ? Vì lợi ích mà một số người quay lưng lại lợi ích của toàn đảng, toàn dân tộc !

Ngoài ra, trong công tác xây dựng đảng, còn có một vấn đề nữa cần được nhận thức đúng, đó là hệ tư tưởng. Các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây có một *quan niệm chung* là : hệ tư tưởng thống trị ý thức xã hội là tư tưởng Mác - Lê-nin. Điều này luôn được khẳng định trong các nghị quyết đại hội, trong các cương lĩnh, chương trình hành động của các đảng cộng sản. Và sự khẳng định này là hoàn toàn đúng. Nhưng trong thực tế có những việc cần phải rút kinh nghiệm. *Một là*, tư tưởng Mác - Lê-nin, do không được nhận thức đúng và vận dụng đúng vào hoàn cảnh cụ thể của từng nước, nên đã dẫn đến khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội. *Hai là*, quan niệm tư tưởng Mác - Lê-nin là tư tưởng thống trị, nên các đảng cộng sản các nước xã hội chủ nghĩa thường có thái độ thù địch, phê phán một chiều và coi nhẹ sự cần thiết nghiên cứu, tìm hiểu đối với các hệ tư tưởng khác. Quan niệm chung đó phần nào còn *ru ngủ* các đảng cộng sản cầm quyền, khiến họ không chú ý giải quyết kịp thời những

Digitized by Google

diễn biến tư tưởng không lành mạnh trong đảng và trong xã hội, để cho tư tưởng Mác - Lê-nin ngày càng bị các hệ tư tưởng phi xã hội chủ nghĩa lấn át.

Chủ nghĩa xã hội là cái đích đi tới của nhiều dân tộc. Nhưng con đường đi tới đích đó đâu phải chỉ có một. Mỗi dân tộc, mỗi đất nước có những đặc điểm riêng về trình độ phát triển, truyền thống dân tộc, hoàn cảnh đất nước... Do vậy, mỗi nước sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường riêng của mình. Cái tài, cái giỏi của đảng lãnh đạo là tìm ra con đường hợp với dân tộc mình, đất nước mình. Muốn có cái tài, cái giỏi ấy, muốn có sức mạnh, đảng phải ở trong dân; trong lòng dân tộc. Những kinh nghiệm học hỏi được ở đảng khác, nơi khác, chỉ là để bổ sung, làm giàu thêm tri thức, năng lực lãnh đạo và sáng tạo của đảng mình, chứ không thể là cái quyết định, và càng không thể là cái thay thế cho cái của chính mình. Lịch sử cách mạng Việt nam đã cho chúng ta nhiều bài học lớn về tính độc lập, tự chủ. Thời điểm lịch sử hiện nay đầy thách thức đối với Đảng ta và dân tộc ta. Tình hình thế giới hiện nay đúng là rất phức tạp, rất bất lợi cho cách mạng, cho chủ nghĩa xã hội nói chung, nhưng đồng thời cũng đang mở ra những thời cơ, những triển vọng cho nước ta phát triển, mở cửa ra thế giới, làm bạn với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

Hiện nay, Đảng ta đang tự đổi mới, tự chỉnh đốn, kiên quyết sửa chữa sai lầm để lấy lại lòng tin của nhân dân ; Đảng ta đang cố gắng nâng cao năng lực lãnh đạo, đưa đất nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, sử dụng có hiệu quả sự hợp tác, giúp đỡ của quốc tế, trước hết là của các nước trong khu vực, nhằm tạo thế cho đất nước phát triển mạnh mẽ trong những năm tới.



BIA ĐÁ HÓA... BIA NHẬU !

Tranh MAI HƯƠNG

Digitized by Google

Con đường phát triển của một đơn vị kinh tế quốc doanh

PHẠM THẮNG

CÔNG ty dệt Thành công (TP Hồ Chí Minh) trước đây có tên là Tái Thành kỹ nghệ dệt - một cơ sở dệt có trang thiết bị hiện đại với năng lực dệt (thoi và kim) 4 - 5 triệu mét/năm ; năng lực nhuộm hoàn tất 10 - 12 triệu mét/năm. Các sản phẩm dệt từ tơ sợi tổng hợp hóa học có phẩm chất cao, được người tiêu dùng ưa thích như : OXFORD DE LUXE, TROPICAL, XOA, POLYSATIN... Hơn 10 năm qua, mặc dù tình hình kinh tế - xã hội có nhiều biến động, Công ty dệt Thành công vẫn đứng vững và phát triển. Kết quả sản xuất năm 1991 so với năm 1985 về giá trị sản lượng tăng từ 20,4 tỉ đồng lên 52 tỉ đồng, gấp 2,5 lần ; vải thành phẩm từ 8,3 triệu mét lên 19,6 triệu mét, gấp hơn 2 lần ; doanh số bán hàng từ 3,7 triệu đô la lên 12,5 triệu đô la ; kim ngạch xuất nhập khẩu từ số không nay đạt 20,7 triệu đô la ; nộp ngân sách từ 18,5 triệu đồng lên gần 7 tỷ đồng.

Đó là kết quả của quá trình phấn đấu gian khổ, luôn suy nghĩ tìm tòi, thử nghiệm với tinh thần dám nghĩ dám làm, chớp thời cơ để sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Từ thực tế vận động và phát triển của Thành công, có thể nêu lên mấy kinh nghiệm thực tế của một đơn vị kinh tế quốc doanh làm ăn có hiệu quả.

1 - Mở rộng xuất khẩu là điều kiện quyết định cho ổn định và phát triển sản xuất.

Sau khi được tiếp quản và phục hồi, nhà máy được nhà nước giao sản xuất gia công theo hiệp định với nước ngoài là chính. Ngay từ khi có dự thảo Nghị quyết 306 của Bộ chính trị (ngày 8-4-1986), và sau đó là Quyết định 217 của Hội đồng bộ trưởng (ngày 17-11-1987), ban lãnh đạo nhà máy đã sớm nhận thức rằng bước đầu sản xuất gia công là rất quan trọng, nhưng về lâu dài, nếu dừng ở đấy thì không thể mở rộng sản xuất và khai thác triệt để thế mạnh vốn có của Công ty về máy móc thiết bị, về khả năng sản xuất những mặt hàng cao cấp truyền thống được thị trường ưa chuộng. Con đường mà Công ty dệt Thành công lựa chọn là vừa mở rộng tới mức cần thiết sản xuất gia công để giải quyết việc làm, vừa chủ động từng bước *mở rộng xuất khẩu*, từ xuất khẩu tại chỗ đến xuất khẩu ủy thác và xuất khẩu trực tiếp. Những thử nghiệm đầu tiên về xuất khẩu tại chỗ năm 1980 đã tạo tiền đề cho việc hình thành phương án : *vay ngoại tệ nhập nguyên liệu, thực hiện cơ chế xuất khẩu tam giác để tự cân đối kế hoạch*. Để thực hiện phương án này, năm 1981, Thành công đã mạnh dạn vay ngân hàng ngoại thương 1,7 triệu đô la để nhập 650 tấn sợi, 200 tấn hóa chất thuốc nhuộm, chủ động giải quyết toàn bộ sợi và phụ tùng thiết bị thay thế, bảo đảm cho sản xuất liên tục có hiệu quả. Sau một năm thực hiện phương án này, nhà máy không những trả xong nợ (cả vốn và lãi) cho ngân hàng ngoại thương, mà còn để ra được hơn 1 triệu đô la cho tích lũy mở rộng sản xuất. Nhờ liên tục đầu tư mở rộng sản xuất, đẩy mạnh liên kết kinh tế, sản lượng năm 1985 đạt 8,3 triệu mét vải, năm 1987 và 1988 tăng lên 13 và 14,7 triệu mét vải.

Việc đổi mới cơ chế, sản xuất theo yêu cầu của thị trường, sự thay đổi thị trường từ khu vực I sang khu vực II đòi hỏi phải có sự thay đổi về cơ cấu sản phẩm. Hàng dệt kim từ 20% tăng lên 60% ; vải từ 16,1 triệu mét năm 1989 lên 19,6 triệu mét năm 1991 (trong đó 40% vải các loại là xuất ra nước ngoài, chủ yếu là các nước khu vực II). Ngoài dệt vải các loại, Thành công còn tổ chức may áo PUL xuất khẩu sang các nước như Nhật bản, Nam Triều tiên v.v.,

Digitized by Google

từ 520 ngàn chiếc năm 1989 lên 2,3 triệu chiếc năm 1991 ; doanh số xuất khẩu từ 639 ngàn đô la (năm 1989) lên 6,5 triệu đô la (năm 1991).

Để có thể chiếm lĩnh và giữ vững thị trường, Thành công xác định 3 phương châm lớn của công tác xuất khẩu là : bảo đảm chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý và giao hàng đúng hạn. Đây là những yếu tố hết sức quan trọng để gây uy tín với khách hàng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Nhờ coi trọng công tác tổ chức nắm bắt, thu thập, xử lý thông tin đầy đủ và chính xác, Công ty đã đưa ra được những quyết định đúng đắn, có hiệu quả về cơ cấu sản phẩm, tổ chức sản xuất, cũng như phương pháp cạnh tranh trực tiếp, gián tiếp...

Mở rộng xuất khẩu đối với các xí nghiệp dệt là một phương hướng cơ bản, có ý nghĩa hết sức quan trọng để mở rộng sản xuất. Nhưng vấn đề là ở chỗ : làm thế nào để xuất khẩu ngày một nhiều ? Bài học mà Thành công rút ra được là : phải xác định được thị trường, cơ cấu và chủng loại sản phẩm xuất khẩu ; phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hoàn thiện phương pháp cạnh tranh có hiệu quả trên cơ sở thế mạnh của mình.

2 - Thường xuyên đổi mới thiết bị công nghệ, không ngừng đầu tư cho khoa học kỹ thuật.

Trong thời đại ngày nay, khi khoa học kỹ thuật phát triển ngày càng mạnh, thì đổi mới công nghệ là vấn đề sống còn đối với công ty. Đổi mới công nghệ trước hết là để tồn tại, và sau nữa là để phát triển. Nhận rõ như vậy, Thành công đã xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới công nghệ, dùng vốn tích lũy để đầu tư chiều sâu, giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng.

Chất lượng sản phẩm là yêu cầu cốt yếu để chiếm lĩnh thị trường. Muốn nâng cao chất lượng sản phẩm, không thể không đổi mới công nghệ và tăng cường công tác khoa học kỹ thuật. Từ năm 1981, Công ty đã tiến hành các biện pháp : đầu tư chiều sâu, cải tiến và đổi mới máy móc thiết bị gắn với mở rộng cơ cấu mặt hàng. Do vậy, năng lực thực tế của nhà máy năm 1984 đạt 6,3 triệu mét, gấp 1,3 lần năng lực thiết kế. Nhà máy ngày càng có nhiều mặt hàng mới, chất lượng ổn định, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng. Năm 1984 sản phẩm loại A : 93%, loại B : 6,8%, loại C : 0,2% (kế hoạch là 85%, 12% và 8%).

Việc đổi mới thiết bị kỹ thuật được tiến hành theo phương châm : chọn lựa thiết bị kỹ thuật tiên tiến để giúp ngành dệt nước ta hòa nhập với thế giới, đồng thời sử dụng có hiệu quả máy móc thiết bị hiện có. Việc chọn lựa máy móc và đầu tư khoa học kỹ thuật được tiến hành căn cứ vào *sản phẩm xuất khẩu* (ở đâu, yêu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu, chủng loại...), vào *năng lực kỹ thuật, năng lực quản lý của nhà máy*. Trên cơ sở đó, Công ty có kế hoạch đầu tư trước mắt và lâu dài, xác định bước đi cho phù hợp với khả năng của mình.

Nhận thức rõ đầu tư chiều sâu cho khoa học và công nghệ là nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, Thành công đã quyết định dành một khoản tiền bằng 0,5% giá thành sản phẩm để lập quỹ nghiên cứu khoa học ; đồng thời, mở rộng liên kết, ký kết hợp đồng với các cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật, bảo đảm nhanh chóng hiện đại hóa công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tốt việc sửa chữa, bảo trì thiết bị...

Do chú trọng đầu tư mở rộng sản xuất, giá trị vật chất và vốn sản xuất của Công ty đã không ngừng tăng lên : từ 71 triệu đồng năm 1985 lên 79,5 tỉ đồng năm 1991, trong đó vốn cố định từ 1,34 triệu lên 44 tỉ đồng. Như vậy là trong cùng một thời gian, Thành công vừa bảo đảm phát triển sản xuất theo chiều sâu, vừa bảo đảm mở rộng quy mô sản xuất (xây thêm một Thành công nữa). Thành công đã dự định đưa giá trị sản lượng hiện nay lên gấp đôi vào năm 1993.

Rõ ràng, muốn phát triển sản xuất, mở rộng xuất khẩu, thì tất yếu phải đổi mới công nghệ, thường xuyên đầu tư cho khoa học kỹ thuật. Trong thời kỳ chuyển sang cơ chế mới, nhiều chính sách, chế độ chưa thật phù hợp, để giải quyết vấn đề này, phải có nghệ thuật trong việc xử lý mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa trước mắt và lâu dài.

3 - Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ, công nhân.

Nhờ không ngừng mở rộng và phát triển sản

Digitized by Google

xuất, Công ty dệt Thành công đã giải quyết được về cơ bản vấn đề việc làm cho đội ngũ lao động ở đây. Vấn đề cấp bách hiện nay là làm thế nào để nhanh chóng nâng cao tay nghề cho đội ngũ này. Để có thể khai thác hết khả năng của đội ngũ này, Công ty đã thường xuyên mở lớp đào tạo, bổ sung kiến thức và kỹ năng lao động, đồng thời tiến hành rà soát, sắp xếp việc làm cho phù hợp với từng đối tượng lao động, không đẩy người lao động ra khỏi dây chuyền sản xuất.

Nhằm nâng cao trình độ quản lý và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân, lãnh đạo Công ty đã tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây :

Một là, xem xét, đánh giá cán bộ, công nhân trên cơ sở khả năng và hiệu quả công tác cụ thể. Hiệu quả công tác là thước đo tài năng, biểu hiện sự cống hiến và đóng góp của mỗi người lao động vào quá trình tái sản xuất sản phẩm hàng hóa của Công ty. Đây chính là cơ sở để bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp với yêu cầu của sản xuất và khả năng của từng người.

Hai là, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực tế ở Công ty cho thấy, hiệu quả của sản xuất chỉ đạt mức cao nhất khi đời sống vật chất và tinh thần của người lao động không ngừng được nâng cao, khi người lao động thực sự gắn bó với Công ty, sẵn sàng phát huy hết khả năng của mình. Từ giám đốc, bí thư đảng ủy đến các đoàn thể quần chúng đều coi nhiệm vụ cơ bản của mình là thường xuyên quan tâm đến lợi ích thiết thân của người lao động. Mỗi kế hoạch phát triển sản xuất cũng là mỗi kế hoạch bảo đảm nâng cao mức sống. Do vậy, sản xuất năm sau cao hơn năm trước cũng có nghĩa đời sống vật chất, văn hóa của người lao động được nâng cao tương ứng. Thu nhập bình quân của người lao động đã ngày một tăng : từ 220 nghìn đồng năm 1989 đã lên 523 nghìn đồng năm 1991. Để người lao động yên tâm sản xuất và thật sự gắn bó với công việc, Công ty thường xuyên chú ý xây dựng và mở rộng các công trình phúc lợi công cộng (nhà ăn tập thể, hội trường, câu lạc bộ, nhà trẻ, trạm xá với đầy đủ tiện nghi).

Ba là, quản lý con người chặt chẽ. Trong điều kiện kỹ thuật hiện đại, kỷ luật lao động là yếu tố hết sức quan trọng. Thành công đã xây dựng các quy chế nhằm bảo đảm nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật công nghiệp, thực hiện đúng những quy định về năng suất và chất lượng, về thái độ đối với khách hàng, về vệ sinh công nghiệp. Việc thực hiện nội quy và quy chế được kiểm tra thường xuyên và có chế độ thưởng phạt nghiêm minh, hướng mọi người vào nền nếp.

Thực tế ở Thành công đã cho thấy, để phát huy vai trò và khả năng của người lao động, cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa chăm lo đời sống với nâng cao trình độ, bố trí và sử dụng hợp lý người lao động.

*

Với những thành tích nêu trên, Công ty Thành công đã được Nhà nước ta tặng thưởng nhiều huân chương (Huân chương lao động hạng nhất, hạng nhì và hạng ba cho toàn Công ty ; Huân chương lao động hạng ba cho giám đốc và cho bí thư đảng ủy...). Đảng bộ Công ty liên tục được công nhận là vững mạnh, trong sạch.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện mục tiêu của năm 1992 : 22 triệu mét vải (tăng 13,4% so năm 1991) ; hơn 3 triệu sản phẩm may xuất khẩu (tăng 36%) ; doanh số tăng 26 - 30%, trong đó xuất khẩu đạt 10,4 triệu đô la ; thu nhập 550 nghìn đồng/người/tháng ; tích lũy 17 tỉ đồng. Để đạt mục tiêu trên, Thành công đã xác định một số vấn đề cần giải quyết : đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa các nguồn vật tư, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm ; đẩy nhanh điện toán hóa quản lý, đổi mới phương thức giao dịch, mua bán, quảng cáo, chào hàng, thực hiện cổ phần hóa Công ty...

Để hoàn thành những nhiệm vụ đã đề ra, ngoài sự nỗ lực của bản thân, Công ty cần có sự hỗ trợ của nhà nước, của các ngành các cấp có liên quan. Nếu được nhà nước tạo điều kiện và môi trường thuận lợi, thì với kinh nghiệm đã tích lũy được và với truyền thống đoàn kết, năng động sáng tạo vốn có, Công ty Thành công nhất định sẽ thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra và vươn xa hơn nữa.

Digitized by Google

Yêu nên tốt, ghét có nên... xấu ?

BÙI TIẾN SINH

YÊU ghét là trạng thái tâm lý phổ biến và rất nhạy cảm của người đời. Nhưng "yêu nên tốt, ghét nên xấu" lại là căn bệnh riêng của những người ít được giáo dục và tu dưỡng về tình cảm.

Không phải bây giờ, từ mấy nghìn năm trước người đời đã mắc bệnh này. Ai đọc chuyện cổ đều biết, luật lệ của nước Vệ xưa quy định : "Hễ kẻ nào đi trộm xe của nhà vua thì phải chặt chân". Bấy giờ có Di Tử Hà là kẻ bầy tôi đang được vua yêu. Một đêm, nghe tin mẹ ốm nặng hối ở quê, Hà vội vàng lấy xe của vua về thăm mẹ. Sáng dậy nghe biết, vua khen rằng : "Tử Hà có hiếu thật. Vì thương mẹ mà quên cả tội chặt chân". Lại một lần khác, theo vua đi chơi ở trong vườn, Hà ăn dở quả táo thấy rất ngon, liền dâng nửa quả còn lại cho vua. Vua nói : "Hà yêu ta thật. Của đang ngon miệng mà biết để nhường ta. Thật đáng khen thay !".

Về sau, vì lẽ gì đó, nhà vua không còn yêu Hà nữa. Một hôm Hà phạm lỗi, vua giận nói rằng : "Di Tử Hà ngày trước tự tiện lấy xe của ta đi. Lại một bận dám cho ta ăn quả táo thừa, thực mang tội với ta đã lâu ngày". Nói xong, liền giao Hà cho án quan trừng trị.

Ngày nay, chẳng mấy người biết câu chuyện cổ trên đây. Nhưng cái bệnh mà các cổ nhân nhiễm nặng thì người đương đại giờ đây vẫn mắc. Những người này thường lấy tình cảm yêu ghét của mình làm chuẩn để nhận xét sự tốt xấu của người chung quanh. Nếu giữ trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, họ thường đánh giá cán bộ dưới quyền qua tình cảm yêu ghét của họ hơn là qua cái tốt xấu khách quan, có thực, của người giúp việc. Do không làm chủ được cảm xúc, không cân bằng được tình cảm và lý trí, nên họ thường đưa ra những quyết định về cán bộ vào lúc mất bình tĩnh, bực dọc, và thường thay đổi quyết định một cách tùy hứng. Những quyết định như vậy thường rất ít khi chính xác, gây tác hại lớn đến công việc chung và để lại ấn tượng nặng nề cho người giúp việc.

Anh bạn tôi công tác ở cơ quan X. kể rằng, khi còn làm chánh văn phòng, anh được thủ trưởng rất mến yêu. Chẳng là tính anh khiêm tốn và chịu khó, thường giúp thủ trưởng nhiều việc linh tinh ngoài nhiệm vụ. Bấy giờ, anh đề xuất với thủ trưởng thu xếp một khoản tiền để trợ cấp đột xuất cho cán bộ, công nhân viên trong lúc khó khăn. Thủ trưởng khen anh biết quan tâm đến mọi người, biết nêu những ý kiến có tầm cỡ ! Nhưng mấy năm nay, anh thôi làm chánh văn phòng, để làm chủ tịch công đoàn theo sự phân công của tổ chức, nên ít có dịp trực tiếp giúp thủ trưởng trong những công việc hằng ngày. Đã thế, khi thủ trưởng muốn mang chiếc ti vi màu ở hội trường về nhà mình để sử dụng riêng thì anh tỏ ý can ngăn, nên anh không còn được thủ trưởng mến yêu như trước. Mới rồi, nhà nước tăng giá điện, nhiều gia đình lương thấp xoay ra đun than. Thấy trong kho còn một số gỗ củi, để lâu ngày sẽ mục nát dần, anh bạn tôi liền đề xuất : đem thanh lý cho các gia đình mỗi nhà một ít. Đề xuất này của anh cũng thiện ý như việc đề nghị trợ cấp trước đây thôi. Nhưng lần này anh bị thủ trưởng quát cho một trận. Nào là mưu đồ chiếm dụng của công. Nào là mị dân, cơ hội ! Thủ trưởng còn đòi anh thôi giữ cái chức chủ tịch công đoàn.

Câu chuyện "yêu nên tốt, ghét nên xấu" của anh bạn tôi có vẻ vặt vãnh so với vô số những chuyện đời thường mà ta bắt gặp ngày nay, nhưng nó lại rất giống chuyện Di Tử Hà nước Vệ ngày xưa. Tại sao vậy ? Có thể là, người xưa và người thời nay, tuy cách xa nhau hàng ngàn năm, nhưng đều giống nhau ở chỗ quen sống nặng về tình cảm tự nhiên ; ít người chịu khó bình tĩnh suy ngẫm đúng sai, và có bản lĩnh chừng cảm ủng hộ cái đúng khi nó trái với tình cảm bột phát của mình. Lại sinh ra và lớn lên trong một xã hội mà nền sản xuất hàng hóa chưa phát triển, việc đánh giá sự vật, con người, thường theo thói quen ước lệ, chứ chưa quen định tính, định lượng thật rõ ràng, trên cơ sở khoa học và yêu cầu phát triển... Trong điều kiện đó, những "người trưởng", "người trên", thường dễ nhìn nhận mù mờ về cái tốt xấu của người dưới, người cộng sự với mình, và thường nhận xét thiếu chính xác về họ.

Bởi thế, muốn khắc phục, công tác lãnh đạo và quản lý cần chú ý xây dựng các tiêu chuẩn cho từng loại công việc và con người cụ thể. Phải chọn lựa và đánh giá con người theo một hệ thống chuẩn mực về các loại phẩm chất chính trị, phẩm chất công tác và phẩm chất cá nhân. Những tiêu chuẩn này cũng cần được áp dụng trong việc chọn lựa và đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý. Phải nhắc nhở cán bộ lãnh đạo và quản lý không chỉ tu dưỡng về lập trường tư tưởng, mà phải tu dưỡng cả tình cảm nữa. Không nên đưa vào cương vị lãnh đạo và quản lý những người tính tình đồng bóng, sống nặng về cảm tính yêu ghét cá nhân. Những người này thường làm hỏng việc hơn là được việc.

Để giúp cán bộ lãnh đạo, quản lý, cân bằng được trí tuệ và tình cảm, đưa ra được những quyết định đúng trong công tác chuyên môn cũng như trong đánh giá cán bộ, cần xây dựng cơ chế tham mưu và giám sát có hiệu lực ở từng đơn vị. Tham mưu phải nêu lên được những việc tốt nên làm, những người tốt nên đề bạt, để thủ trưởng cân nhắc và quyết định. Giám sát phải phát hiện kịp thời những việc sai nên sửa, và dự cảm được những tiên lượng xấu trong hoạt động của bộ máy và từng người để tìm cách tránh. Được như vậy, cách nhìn nhận công việc và đánh giá con người sẽ khách quan hơn, phản ánh đúng đắn hơn những điều đối tượng vốn có. Bệnh "yêu nên tốt, ghét nên xấu", xưa nay từng được coi là thói thường tình của người đời, sẽ dần dần biến đi trong xã hội mới của chúng ta.

Digitized by Google

CÂU CHUYỆN QUANH BÀI BÁO "CỚ SAO ÔNG BUỒN ?"

NGUYỄN TRỌNG THỤ

NHÂN ngày Quốc khánh 2-9, tôi đến thăm bác X., một đồng chí lão thành cách mạng hiện về nghỉ ở thành phố Hồ Chí Minh. Biết tôi đang công tác ở *Tạp chí Cộng sản*, sau mấy câu thăm hỏi, bác "vào đề" ngay :

- Này anh, tôi vừa đọc bài "Cớ sao ông buồn ?" trên tạp chí số 8. Dương Vũ viết hay, nêu được một hiện tượng có thật trong đội ngũ cán bộ ta. Hiện nay, quả là đời sống của cán bộ đảng có khó khăn, cơ quan chính quyền, cơ quan kinh tế "bề thế" hơn cơ quan đảng. Cùng một cỡ cán bộ với nhau, cùng trình độ như nhau, ông nào rơi vào ngành kinh tế thì quả là dễ phất hơn. Thế nhưng...

- Dạ, thưa bác, thế nhưng sao ạ ?

Ngừng một lát, nhấm nháp thêm ngụm nước trà, bác X. thong thả tiếp :

- Theo tôi nghĩ, đã là anh cộng sản, lại được tín nhiệm bầu vào thường vụ tỉnh ủy, lẽ ra điều lo đầu tiên của ông T. nào đó là làm sao phục vụ nhân dân, phục vụ Đảng tốt hơn, nhiều hơn. Nếu thế, thì được phân việc gì cũng quý, cũng tốt, cũng toàn tâm toàn ý lo chu đáo. Đằng này ông ta chỉ nghĩ đến cái oai bề ngoài, chỉ nghĩ đến lợi riêng. Mặc dù ông ta tự nhận mình là "liêm khiết" nhưng lại muốn được cả cái tiếng lẫn cái miếng. Những kiểu người trục lợi như thế mà lọt vào thường vụ tỉnh ủy thì chỉ "chết" cho phong trào. Có điều là ông T. của Dương Vũ muốn nhiều bổng lộc nhưng chưa thuộc loại "cáo già". Đối với phường trục lợi cao tay, đã lọt được vào thường vụ tỉnh ủy, họ chẳng dại gì mà làm đơn xin rút. Có cái "mác" thường vụ tỉnh ủy mà lòng dạ xấu thì ở đâu, làm gì mà chẳng kiếm chác được !

- Nhưng thưa bác, phụ trách dân vận thì có bổng lộc gì đâu ạ ?

- Ai bảo anh thế. Anh là nhà báo mà còn xa thực tế quá. Ông thường vụ tỉnh ủy ấy nếu nhiều lòng tham thì vẫn ối cách vơ vét. Này nhé, ông ta được giao phụ trách chung các đoàn thể trong tỉnh. Thời buổi bung ra này, đoàn thể nào chẳng lo làm ăn kinh tế, chẳng lập xí nghiệp, cửa hàng, công ty này nọ để kiếm lời nuôi mình. Và trong các tổ chức kinh doanh đó thế nào mà chẳng có những cơ sở làm ăn bậy bạ. Đứng ra bao che cho các tổ chức kinh doanh làm ăn bậy bạ đó, lờ đi cho họ những điều khuất tất, xấu nói thành tốt, thế là tha hồ được họ cung phụng. Là người phụ trách dân vận, tất nhiên phải làm công tác vận động các nhà doanh nghiệp, các chủ tư nhân mới ra đời từ khi có nền kinh tế nhiều thành phần. Ông ta tham thì ông ta thiếu gì cách móc ngoặc với những người này, đứng ra làm ô dù cho họ, giúp họ trốn thuế, lậu thuế, làm ăn gian dối, khi họ bị lộ tẩy thì giúp họ chạy cửa này cửa khác. Được thế thì họ cũng chẳng tiếc gì với ông. Chơi với họ mà đã ăn cánh thì tha hồ béo bở ! Chưa hết đâu, ông ta phụ trách dân vận, tức là sẽ tham gia Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Việc giới thiệu ai phụ trách các đoàn thể, các hội, việc đề nghị ai ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp, v.v. ý kiến của ông ta có sức nặng lớn lắm. Thế nào mà chẳng có những anh tham chức, tham quyền, tham ghế, tìm cách đưa quà, kể cả phong bì đựng "đô" đi cống sau đến gặp ông ta xin được đề cử. Thế đấy ! Và còn không ít cách khác để vớ bẩm. Sự đời ngày nay nó phức tạp lắm, điều quan trọng là cái tâm. Cái tâm cộng sản mà còn thì dù ở đâu cũng hết lòng giữ mình lương thiện. Thiếu gì ông trưởng ban kinh tế, thiếu gì ông giám đốc sống giữa đống tiền vẫn thanh bạch. Còn khi cái tâm cộng sản đã mất, thì làm gì, ở đâu cũng có thể dục khoét !

Chừng như muốn làm thật rõ ý của mình, bác X. nói sát ngay vào nghề làm báo của chúng tôi để liên hệ :

- Cứ lấy ngay cái nghề làm báo của anh mà nói. Cứ đường thẳng mà suy thì làm báo vất vả, khó nhọc, lại chẳng xơ múi gì ! Thức đêm, thức hôm hàng tuần viết được một bài, nhuận bút ba bốn chục ngàn, khó sống lắm. Cho nên, tôi rất thông cảm với ông nào đấy về câu nói có vẻ : "Nhà văn, nhà giáo, nhà báo, nhà đài ; Bốn nhà cộng lại thành hai nhà nghèo". Đúng vậy. Nhưng đó là nói chung. Trong lúc các nhà báo chân chính sống chật vật bằng ngòi bút của mình, thì có những ông cũng mang danh nhà báo - số này tuy ít thôi, hốt bạc triệu. Này nhé, một ông chủ tư nhân đứng ra làm một bộ phim dở òm, nhưng để câu khách, ông ta móc với "nhà báo" viết bài ca ngợi thật kêu trước khi phim được đưa ra chiếu. Biết thế là đánh lừa công chúng, trước sau cũng bị lộ tẩy, nhưng chỉ cần mỗi người xem bị lừa một lần, ông chủ phim đã vớ bẩm. Và "nhà báo" cũng được ông xí phần bạc triệu. Lại có đơn vị, cơ quan, nhà máy, phe ông phó và phe ông trưởng kình địch nhau kiểu một mất một còn, người ta cũng thuê "nhà báo" viết bài tố cáo đối phương. Lại có những giám đốc tham nhũng, sắp sập tiệm, có thể bị đi tù nếu mọi việc vỡ lở. Họ cần những bài báo "bốc thơm" cho họ để họ hạ cánh an toàn, tất cả đều là bạc triệu ! Tuy nhiên, tôi cũng nói để anh an tâm là số "nhà báo" vô lương tâm đó chỉ là rất ít, và chắc là số người như ông T. cũng chưa phải là đông...

Vì lâu ngày gặp nhau, lại là chỗ thân tình, câu chuyện giữa bác X. và tôi chuyển sang nhiều đề tài khác. Nhưng khi tiễn tôi ra về, bác X. còn cầm tay dặn :

- Nhớ chuyển lời tôi khen và cảm ơn ông Dương Vũ. Có điều là những kẻ tham nhũng ngày nay nó xảo quyệt, nó ranh ma lắm. Nó vỡ bẩm ngay cả ở những nơi mà ta tưởng không có gì để vớ. Cho nên chưa hẳn là làm dân vận thì nghèo. Ông T. của Dương Vũ có thể buồn, nhưng có ông khác tham hơn ông T. ở hoàn cảnh đó lại vui, tất nhiên là vui theo kiểu của những người đã mất lương tâm. Còn những ai giữ được lương tâm trong sạch thì ở đâu cũng thế thôi. Ở đâu cũng có tốt, có xấu, có thanh cao, có ti tiện. Có điều là cái tốt, cái thanh cao đang quyết đẩy lùi cái xấu, cái ti tiện...

Chào bác X ra về, tôi càng khâm phục vốn kinh nghiệm, vốn từng trải cuộc đời của bác, một lão thành cách mạng. Tôi không dám bình luận gì thêm, chỉ xin ghi lại câu chuyện của bác và gửi đăng lên báo.

Digitized by Google

NHỮNG VẤN ĐỀ MẤU CHỐT TRONG CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU MỚI CỦA MỸ

LÊ BÁ THUYÊN

TÌNH hình quốc tế đang có những thay đổi sâu sắc. Với cuộc chiến tranh lạnh kết thúc, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, thế giới đang chuyển sang một thời kỳ mới phức tạp. Tình hình đó buộc tất cả các nước phải điều chỉnh lại chiến lược của mình cho phù hợp với các điều kiện mới của thế giới hôm nay. Hoa kỳ - cường quốc hàng đầu của phương Tây và thế giới, cũng không ngoại lệ. Đứng trước những vấn đề mới, thách thức mới, đối thủ mới, những ông chủ Nhà trắng đã tiến hành điều chỉnh chiến lược toàn cầu của mình mà mục tiêu chủ yếu, như tổng thống G. Bu-sơ nói, là nhằm "giúp hình thành một thế giới mới trong đó các giá trị căn bản " của Mỹ " không chỉ tồn tại mà còn nở rộ".

NHỮNG MỤC TIÊU VÀ TRỌNG ĐIỂM CHIẾN LƯỢC

Chủ trương xuyên suốt trong chiến lược mới của Mỹ là *đảm bảo vị trí lãnh đạo củaOa-sinh-tơn trên thế giới*, hay nói như ông Bu-sơ : "đưa Hoa kỳ tiến lên phía trước với tư cách là người lãnh đạo không có gì bàn cãi của thời đại".

Ba mục tiêu lớn của chiến lược toàn cầu mới này là : *về chính trị*, thiết lập trật tự thế giới mới do Mỹ điều khiển ; ngăn chặn sự nổi lên của bất kỳ địch thủ nào đối với ưu thế quân sự của Hoa kỳ và có thể thách thức sự lãnh đạo của nước này ; khống chế các khu vực. Về *quân sự*, duy trì, củng cố ưu thế quân sự của Mỹ trên thế giới cả về hạt nhân lẫn vũ khí thông thường, làm công cụ răn đe khống chế các nước khác, đối phó với các cuộc xung đột khu vực, làm công cụ vững chắc cho việc thực hiện chiến lược toàn cầu mới, trong khi vẫn phải thực hiện giảm quân số và chi tiêu quân sự. Về *kinh tế*, thực hiện quan điểm "an ninh quốc gia và sức mạnh kinh tế không thể tách rời", thúc đẩy một nền kinh tế Mỹ "phát triển và lành mạnh", đảm bảo tiềm lực cho "các nỗ lực quốc gia ở trong và ngoài nước", giành lại sức cạnh tranh của Mỹ trên thị trường thế giới vào năm 2000.

Để thực hiện các chủ trương và mục tiêu lớn đó, cuộc điều chỉnh chiến lược lần này của Hoa kỳ đề ra *sáu trọng điểm chiến lược* :

1- Khống chế các khu vực trên thế giới, "xóa bỏ nguồn gốc gây mất ổn định và xung đột khu vực" theo hướng có lợi cho Oa-sinh tơn. Theo chiến lược mới, "nhiệm vụ mấu chốt với tương lai là sẽ duy trì các cân bằng khu vực và giải quyết các cuộc tranh chấp khu vực trước khi nó trở thành xung đột vũ trang". Các nhà chiến lược Mỹ cho rằng sau khi Liên xô tan vỡ, xung đột khu vực đã thay thế cho sự đối đầu Mỹ - Xô trước đây, và vấn đề này là trở ngại lớn nhất đối với kế hoạch của Oa-sinh-tơn thiết lập trật tự quốc tế mới. Chính vì lẽ đó, Nhà trắng coi vấn đề này là trọng điểm hàng đầu của chiến lược toàn cầu mới.

2- Đặc biệt coi trọng an ninh kinh tế, khắc phục các thách thức về kinh tế tài chính, phấn đấu đưa nước Mỹ ra khỏi những khó khăn khủng hoảng kéo dài hiện nay. Chiến lược mới đề ra yêu cầu giải quyết thâm hụt ngân sách, kiểm soát lạm phát, khuyến khích sự cạnh tranh, thúc đẩy mở rộng thị trường tự do trên thế giới..., coi đó là những vấn đề thiết yếu đối với sự thịnh vượng chung và nền an ninh của Mỹ, đối phó có hiệu quả với sự cạnh tranh gay gắt của hai trung tâm khác của chủ nghĩa tư bản là Nhật bản và Tây Âu. Đây cũng là trọng điểm chiến lược hàng đầu của Mỹ.

3- Điều chỉnh chiến lược quân sự theo hướng tập trung vào các vấn đề mấu chốt duy trì lực

Digitized by Google

lượng răn đe mạnh gồm cả vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường; giữ vững sự có mặt về quân sự của Mỹ ở các khu vực quan trọng ; đối phó có hiệu quả với các cuộc khủng hoảng bằng các lực lượng phản ứng nhanh ; duy trì khả năng ở tầm quốc gia để tổ chức lại lực lượng khi cần thiết nhằm đối phó với những mối đe dọa trong tương lai. Địa bàn trọng điểm chiến lược sẽ bao gồm cả châu Âu và châu Á - Thái bình dương.

4- Kiềm chế các đối thủ tiềm tàng, ngăn chặn sự nổi lên của bất kỳ địch thủ nào đối với ưu thế quân sự của Mỹ, đặc biệt Nhật bản và CHLB Đức. Chiến lược mới cho rằng "một trong những phát triển quan trọng nhất và có tính chiến lược tầm xa của kỷ nguyên mới là sự trỗi dậy của Đức và Nhật bản thành các nhà lãnh đạo chính trị và kinh tế" ; rằng đối với Mỹ, họ là "những đối thủ cạnh tranh, thậm chí đôi lúc là những đối thủ cạnh tranh gay gắt trên lĩnh vực kinh tế".

5- Ngăn ngừa tình hình ở Liên xô (trước đây) và các nước Đông Âu có thể xuất hiện những đổi thay bất lợi cho Mỹ và phương Tây. Theo chiến lược mới, trách nhiệm của Mỹ, với tư cách một chính phủ, là "bao vây, chống lại sự bất ổn trong tương lai" ở khu vực này, thúc đẩy các nước nói trên chuyển sang "kinh tế thị trường tự do" tư bản chủ nghĩa, xây dựng các thể chế chính trị dân chủ kiểu phương Tây.

6- Thiết lập trật tự quốc tế mới do Hoa kỳ điều khiển. Đây là tham vọng lớn mà ông Bu-sơ đã đề cập mấy năm gần đây và đặc biệt nhấn mạnh từ sau cuộc chiến tranh vùng Vịnh Pécxích. Oa-sinh-tơn chủ trương "xây dựng một nền hòa bình dân chủ trên toàn cầu" như lời cựu bộ trưởng ngoại giao Mỹ G. Bây-cơ nêu rõ, một nền hòa bình kiểu Mỹ, coi đó như "nội dung cơ bản của chính sách đối ngoại của Mỹ trong thế giới sau chiến tranh". Cùng với các công cụ về chính trị và quân sự, Hoa kỳ rất coi trọng vấn đề viện trợ cho nước ngoài. Như chiến lược mới nêu rõ : các chương trình viện trợ của Mỹ "có thể đóng một vai trò chủ chốt trong việc đưa lại một trật tự thế giới hòa đồng với các giá trị cơ bản của chúng ta".

KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

Trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu mới, Oa-sinh-tơn vấp phải nhiều khó khăn. Có ba mâu thuẫn gay gắt.

Thứ nhất, một nước Mỹ bị suy yếu về kinh tế liệu có đủ khả năng làm chỗ dựa vững chắc cho chiến lược toàn cầu mới mà việc triển khai đòi hỏi những chi phí khổng lồ ? Kinh tế Mỹ đang mắc phải những căn bệnh kinh niên mà triển vọng khắc phục còn mờ mịt. Thâm hụt ngân sách năm 1992 này lên tới 400 tỉ đô la, gần gấp đôi mức thâm hụt kỷ lục năm 1986 (221 tỉ đô la). Từ một nước chủ nợ, Mỹ trở thành nước mắc nợ lớn nhất thế giới, đến nay nợ nước ngoài khoảng 1000 tỉ đô la. Cuộc khủng hoảng cơ cấu diễn ra từ đầu thập kỷ 80, có khả năng tới năm 2000 may ra mới có thể khắc phục được.

Thứ hai, mâu thuẫn ngày càng tăng giữa ba trung tâm của chủ nghĩa tư bản là Mỹ, Tây Âu và Nhật bản; giữa các nước tư bản phát triển với Hoa kỳ. Phù hợp với quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, một số nước như Nhật bản, CHLB Đức đã đuổi kịp và vượt Mỹ trên một số lĩnh vực quan trọng. Thế giới hôm nay không phải là "thế giới một siêu cường" như Mỹ tự đánh giá, mà là thế giới nhiều trung tâm. Những trung tâm này không dễ dàng chịu khuất khục, khoanh tay ngồi nhìn để cho Oa-sinh-tơn áp đặt trật tự thế giới mới kiểu Mỹ lên đầu họ.

Thứ ba, chủ trương của Hoa kỳ áp đặt sự khống chế của họ ở các khu vực trên thế giới, đe dọa can thiệp vào các cuộc đấu tranh giành giải phóng và độc lập dân tộc, nhất định sẽ làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc và dân tộc thêm gay gắt. Việc Oa-sinh-tơn xác định khu vực châu Á - Thái bình dương - cùng với châu Âu - là địa bàn chiến lược trọng điểm, khiến cho các dân tộc thuộc khu vực này không thể không quan tâm theo dõi những toan tính mới của Oa-sinh-tơn. Mặt khác, chiến lược toàn cầu mới của Mỹ mâu thuẫn sâu sắc với đòi hỏi khẩn thiết của các dân tộc trên thế giới và với xu thế phát triển của thời đại là hòa bình, độc lập và phát triển.

Nổi bật lên là mâu thuẫn *bao trùm* : mâu thuẫn giữa tham vọng lớn và khả năng có hạn của Hoa kỳ, thể hiện tình trạng "lực bất tòng tâm".

Chính những khó khăn, mâu thuẫn nói trên cùng với những mâu thuẫn mới có thể nảy sinh trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu mới này, sẽ là những lực cản quan trọng làm cho Hoa kỳ khó lòng thực hiện được đầy đủ chiến lược mới như các nhà cầm quyền Oa-sinh-tơn mong muốn.

Digitized by Google

Cam-pu-chia : khúc quanh của con đường hòa bình

VÕ THỦ PHƯƠNG

Từ ngày 13-6-1992, giai đoạn hai của tiến trình hòa bình ở Cam-pu-chia, giai đoạn tập kết và giải giáp các lực lượng quân sự hiện có, đã bắt đầu. Nếu như giai đoạn một được coi là tiến hành khá suôn sẻ, thì sang giai đoạn hai này, những người thực thi sứ mạng hòa bình ở Cam-pu-chia gặp nhiều khó khăn hơn. Việc phe Pôn Pốt từ chối giải giáp lực lượng quân sự của mình, cố tình trì hoãn và dây dưa không chịu thi hành những điều khoản của Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia đã đẩy tiến trình hòa bình ở Cam-pu-chia vào một khúc quanh mới.

Việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia sở dĩ hết sức phức tạp và khó khăn là vì nhiều lẽ :

Một là, vấn đề Cam-pu-chia đã mang tầm vóc quốc tế và do Liên hợp quốc (LHQ) thực hiện. Theo tinh thần Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia, LHQ đã đưa vào Cam-pu-chia gần 20 000 nhân viên quân sự và dân sự với tổng chi phí dự tính trên 2 tỉ đô la Mỹ. Trong lịch sử của mình, LHQ chưa khi nào triển khai một lực lượng lớn với chi phí tốn kém đến như vậy để giải quyết một vấn đề "trọn gói". Khối lượng công việc của LHQ mà đại diện là UNTAC dự định thực hiện ở Cam-pu-chia thật to lớn : trực tiếp nắm những bộ lớn và cùng chính phủ Phnôm Pênh điều hành đất nước, giám sát việc giải ngũ các lực lượng quân sự ở Cam-pu-chia, tái định cư cho 170 000 dân tị nạn, tổ chức và giám sát bầu cử tự do vào năm 1993, v.v..v.v.. Do tính chất và tầm vóc của vấn đề như vậy, nên UNTAC trên từng bước thực thi kế hoạch hòa bình, luôn gặp những khó khăn không thể lường trước.

Hai là, nếu xem xét vấn đề Cam-pu-chia trong toàn cảnh quốc tế, sẽ thấy sau nó là quyền lợi, ý đồ của nhiều nước khác nhau, cả trong và ngoài khu vực. Chính vì vậy tiến trình hòa bình ở Cam-pu-chia khó tránh khỏi diễn biến phức tạp. Nếu ví cục diện chính trị ở Cam-pu-chia hiện nay như một bàn cờ với các quân cờ là các phe phái, thì rõ ràng các quân cờ đang di động không theo ý đồ của người điều khiển. Chính hiện tượng quan hệ quốc tế đan cài vào quan hệ nội tại đã làm cho vấn đề Cam-pu-chia càng trở nên phức tạp, khó gỡ.

Ba là, xét cho cùng, yếu tố quan trọng nhất quyết định hiện trạng Cam-pu-chia nằm ở bản thân quan hệ nội tại, tương quan lực lượng và sự vận động chuyển hóa giữa các phái ở Cam-pu-chia.

Xem xét hành vi các bên Cam-pu-chia trong việc thi hành Hiệp định Pa-ri, mọi người đều thấy Khơ me đỏ đang nổi lên như một vật cản. Tình hình Cam-pu-chia, như một số nhà bình luận phương Tây nhận xét : mờ mịt trong lớp hỏa mù mà Khơ me đỏ tung ra từ rừng núi.

Nhìn vào thực lực của Khơ me đỏ, người ta thấy rõ : về *quân sự*, Khơ me đỏ thường huyênh hoang tuyên bố có khoảng 25 sư đoàn và vài trung đoàn độc lập, nhưng trên thực tế họ có ước độ 17 500 binh lính (so với hơn 100 000 binh sĩ của quân đội Phnôm Pênh). Có thể nói, Khơ me đỏ không có ưu thế về quân sự, và không thể có cơ may giành chính quyền bằng quân sự khi ba phái kia đã hợp nhất. Về *kinh tế*, Khơ me đỏ đang tăng cường buôn bán gỗ và đá quý với các thương nhân Thái lan để tăng cường ngân sách (hằng tháng họ thu được hàng triệu đô la). Nhưng nếu cộng đồng quốc tế thông qua một lệnh cấm vận thì ngân sách ấy cũng sẽ rất hạn hẹp cho một cuộc chiến tranh kéo dài. Về *chính trị*, dù đã sử dụng những chính sách rất thâm độc như mị dân, kích động sự hằn thù dân tộc của nhân dân Cam-pu-chia đối với Việt nam để làm phai mờ hình ảnh diệt chủng của mình, nhưng Khơ me đỏ cũng không đủ uy tín để hy vọng có thể thắng thế qua cuộc bầu cử tự do vào năm 1993 tới. Như vậy, về thực lực, Khơ me đỏ thua kém cả về quân sự lẫn chính trị.

Vậy thì vì sao Khơ me đỏ ra sức trì hoãn tiến trình hòa bình ? Khiêu Xăm-phon có nói : "Chúng tôi không có ý định trở lại nắm quyền". Nhưng thực tế cho thấy, quyền lực từ trước đến nay vẫn là mục tiêu chiến lược của Khơ me đỏ. Ai cũng hiểu rằng, nếu cuộc bầu cử diễn ra như dự kiến vào tháng 5-1993 tới, thì chắc chắn phái Khơ me đỏ sẽ thất bại. Vì tới lúc đó, nhân dân chắc chưa quên hình ảnh ghê tởm của Khơ me đỏ ; sẽ rất ít người bầu cho họ.

Digitized by Google

Mặt khác, nếu Khơ me đỏ không chấp nhận bầu cử, có nghĩa là chọn con đường chiến tranh, thì với tương quan lực lượng như hiện nay, Khơ me đỏ làm sao tránh khỏi thất bại ? Vậy chỉ còn một cách mà theo họ nghĩ, có thể là chắc ăn hơn cả : "bầu cử muộn". "Bầu cử muộn", theo tính toán của họ, có nhiều cái lợi cho Khơ me đỏ :

- Họ có thể tranh thủ thời gian củng cố lực lượng, chiếm thêm đất, nắm thêm dân, tô vẽ cho bộ mặt đỡ ghê tởm bằng "chiến dịch dân vận".

- Nếu kéo dài được thời gian chờ đợi bầu cử thì họ sẽ có thêm điều kiện để làm biến chất nhà nước Cam-pu-chia. Tư tưởng tạm bợ chờ thời trong các giới chức, thể chế chính quyền Phnôm Pênh ngày càng lỏng lẻo, điều đó nhất định sẽ đẻ thêm nhiều tệ nạn xã hội làm mất lòng dân, và các nhà lãnh đạo nhà nước Cam-pu-chia hiện nay không tránh khỏi bị giảm phiếu trong cuộc bầu cử.

- Nếu kéo dài được thời gian, làm cho việc thi hành kế hoạch hòa bình bị bê trễ, họ có thể làm nản lòng Liên hợp quốc, làm sao nhãng sự chú ý của quốc tế đối với việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia...

Tuy nhiên, sự việc thực tế đang diễn ra không như tính toán của Khơ me đỏ. Để thực hiện kế hoạch của mình, LHQ đã và đang gây sức ép ngoại giao, và không loại trừ việc áp dụng các biện pháp trừng phạt, kể cả biện pháp quân sự đối với phái Pôn Pốt. LHQ không muốn lui thời gian bầu cử, và phương án bầu cử không có Khơ me đỏ đã được nhiều người đề cập. Khả năng thành công của tiến trình hòa bình không có Khơ me đỏ dường như đã lấp ló, và theo nhà phân tích Sép Lôi-man, nếu khả năng này trước đây bị nghi ngờ, thì nay đã khác.

Đứng trước tình thế như vậy, Khơ me đỏ đang tính cách trì hoãn giai đoạn hai bằng việc đưa ra các điều khoản bổ sung (có lợi cho mình) trong các văn bản chính thức ký kết giữa các phái. Nhưng nếu cố tình ngoan cố, Khơ me đỏ chắc không tránh khỏi bị loại ra khỏi tiến trình hòa bình, giai đoạn ba sẽ cứ được thực hiện.

Mặc dù tiến trình hòa bình ở Cam-pu-chia đang ở khúc quanh co, nhưng với sự nỗ lực của cộng đồng quốc tế thông qua LHQ mà đại diện là UNTAC, với sự hợp tác và cố gắng của ba phái còn lại, nhất định tiến trình đó sẽ đi tới đích. Xu thế hòa bình ở Cam-pu-chia là không thể đảo ngược vì nó cùng chiều với lợi ích của đông đảo nhân dân Cam-pu-chia, của các nước trong khu vực và cả thế giới. Vấn đề là LHQ và các thành viên LHQ (UNTAC) có chịu trách nhiệm thi hành đúng đắn và kiên quyết Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia hay không.

Viết cái gì...

(Tiếp theo trang 48)

song các vị đó đều thống nhất với nhau ở một điểm : phải dạy, phải tập cho con người tính thiện.

Gần đây có truyện ngắn tả một cậu em phải lòng bà chị họ kèm theo vài pha ngắm trộm tắm táp, ngủ, nghỉ, v.v. khá hấp dẫn, được một số người tìm đọc. Liền ngay đó, trên báo xuất hiện tiếp mấy truyện khác cũng kể em trai, chị gái yêu nhau mà sự mùi mẫn và loạn luân có phần gia tăng hơn. Đề tài loạn luân đâu có mới trong văn chương thế giới và chắc rằng nhà văn Việt nam nào có tài lắm cũng khó viết một cái gì vượt được truyện Ơ-díp bất hủ. Có điều từ truyện Ơ-díp đến kịch Lôi Vũ của Tào Ngu, sự loạn luân đều do lầm lẫn, ngộ nhận và đều bị lên án, còn trong mấy truyện loạn luân được đăng trên các báo gần đây của ta thì lại thấy sự chủ động, sự cố tình, vui thích... Cứ đà ấy, liệu văn chương nước ta có khỏi sinh ra những quái thai như một nhân vật mình người đuôi lợn trong tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* của Mác-két hay không ?

Rõ ràng, cái khó của nhà văn hôm nay thể hiện ngay ở việc đi tìm đề tài, chủ đề cho tác phẩm của mình. Sự khó khăn ấy phần chính yếu, mỗi người cầm bút phải tự mình vượt qua, song cũng không thể không cần đến sự hiểu biết, cảm thông, chia sẻ của xã hội. Sáng tác một bài thơ, quyển truyện cho hay là trách nhiệm của mỗi nhà văn. Nhưng xây dựng một nền văn học vừa giữ truyền thống, vừa đổi mới, mang tính dân tộc, hiện đại, đạt đến những giá trị cao về nghệ thuật thì còn có trách nhiệm của Đảng, của Nhà nước và độc giả đông đảo. Thiếu một sự chăm lo đầy đủ về mọi phương diện của Đảng, Nhà nước đối với văn học và nhà văn với những chính sách cụ thể, hỗ trợ cho lao động của họ (như chế độ nhuận bút, quy định riêng về giờ giấc lao động tại cơ quan, chế độ tổ chức sáng tác hằng năm, v.v.) và thiếu một công chúng văn học nhiệt tình, công minh và lành mạnh về thị hiếu, thì bản thân mỗi nhà văn Việt nam sẽ gặp rất nhiều trở ngại trong công việc lao động văn học cực nhọc của mình, mà phong trào văn học trong xu thế đổi mới cũng khó lòng tiến xa và đúng hướng được.

Digitized by Google

Lời BBT : Với mong muốn giúp bạn đọc nắm lại các khái niệm lý luận cơ bản, phục vụ cho việc thực hiện Nghị quyết 01 của Bộ chính trị về công tác lý luận, từ số này Tạp chí Cộng sản *mở mục* TÌM HIỂU KHÁI NIỆM *và sẽ lần lượt giới thiệu một số khái niệm lý luận cần thiết nhất để bạn đọc tham khảo.*

LÝ LUẬN, LÝ LUẬN MÁC - LÊ-NIN

● LÝ LUẬN

Lý luận là phạm trù triết học (chữ Hy-lạp *Theôria*, có nghĩa là quan sát, nghiên cứu). Theo nghĩa rộng là hệ thống quan niệm chủ đạo trong một lĩnh vực tri thức, kinh nghiệm loài người đã khái quát, sự tổng hợp các tri thức về tự nhiên và xã hội tích lũy được trong quá trình lịch sử, hướng đến giải thích, làm rõ một lĩnh vực nào đấy của hiện thực.

Lý luận có đặc điểm là chân lý khách quan ; nhất quán về lô gích ; có khả năng phát triển ; có tính độc lập tương đối ; tác động tích cực đến hoạt động thực tiễn. Bản chất của lý luận là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, là sự phản ánh gần đúng hiện thực khách quan. Hình thức của lý luận rất đa dạng và phong phú. Có thể phân lý luận thành các lý thuyết khoa học tự nhiên và các lý luận khoa học xã hội. Cũng có thể phân lý luận thành lý luận chung và lý luận riêng, lý luận cơ bản và lý luận chuyên ngành.

Xuất phát từ thực tiễn và phản ánh thực tiễn, lý luận đem lại những tri thức cơ bản, chân thực về các mối liên hệ phổ biến và các quy luật phát triển của hiện thực khách quan. Lý luận thể hiện như một hình thức hoàn thiện của tri thức khoa học giúp cho các hoạt động thực tiễn có hiệu quả.

Lý luận phải được kiểm nghiệm từ thực tiễn, vì thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức (lý luận) ; Lê-nin viết : *"Thực tiễn cao hơn nhận thức (lý luận)*, vì nó có ưu điểm không những của tính phổ biến, mà cả của tính hiện thực trực tiếp" [1]. Thực tiễn bao gồm hoạt động sản xuất vật chất của con người, hoạt động cách mạng của những giai cấp, những tập đoàn xã hội góp phần thúc đẩy xã hội phát triển, hoạt động thực nghiệm khoa học. Thực tiễn đề ra những vấn đề mà lý luận phải giải đáp. Những nhu cầu của thực tiễn có tác dụng quyết định đối với sự phát triển của lý luận.

Lý luận là hình thức phát triển cao nhất và phức tạp nhất của tri thức khoa học. Quá trình nhận thức khoa học là quá trình chuyển hóa từ nhận thức kinh nghiệm (phân loại, mô tả, khái quát những tài liệu kinh nghiệm), đến nhận thức lý luận (giải thích, tiên đoán, phát hiện ra các quy luật). Lý luận được hình thành từ các yếu tố sau đây :

1 - Cơ sở kinh nghiệm xuất phát (gồm các sự kiện khoa học thu được trong quá trình thực nghiệm và đòi hỏi được giải thích).

2 - Cơ sở lý luận xuất phát (gồm những giả thiết, những tiền đề, những quy luật chung của lý luận v.v.).

3 - Lô-gích của lý luận (gồm những quy tắc kết luận và chứng minh lô gích).

4- Kết quả của lý luận (gồm những điều khẳng định được chứng minh tạo thành hệ thống tri thức lý luận).

Trung tâm tạo thành các yếu tố hình thành lý luận là khách thể được tư duy trừu tượng hóa.

Lý luận định hướng cho hoạt động thực tiễn, chỉ rõ phương pháp hoạt động để đạt tới kết quả. "Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông" [2]. Vai trò đó của lý luận được thể hiện nổi bật trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại, của việc khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Trong đời sống xã hội, lý luận tiên tiến lại càng có tác dụng to lớn : "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng" [3]. Lý luận Mác - Lê-nin là một ví dụ điển hình nói lên vai trò to lớn của lý luận thúc đẩy lịch sử xã hội loài người phát triển.

Trong thời đại ngày nay, thời đại có nhiều biến đổi phức tạp, có những bước quanh co của lịch sử, lý luận lại càng có vai trò lớn lao. Nó giúp người ta nhận thức đúng đắn thực tiễn thế giới, chiều hướng phát triển của thế giới, những vấn đề về cách mạng và tiến bộ xã hội, về hướng đi, hình thức, giải pháp của các dân tộc trên con đường phát triển của mình. Gắn liền với thực tiễn, lý luận lúc này đang cần cho định hướng nhận thức tư tưởng, mục tiêu và con đường đi tới của các dân tộc trên thế giới.

Coi thường lý luận và tách rời lý luận khỏi thực tiễn lúc này lại càng là sai lầm cả về nhận thức lẫn hành động.

● LÝ LUẬN MÁC - LÊ-NIN

Trong kho tàng lý luận của loài người, cho đến nay lý luận Mác - Lê-nin vẫn là khoa học về những quy luật phát triển chung của tự nhiên, của xã hội và của tư duy con người ; là khoa học về cách mạng lật đổ ách

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t29, tr 230
(2) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t2, tr 73
(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t6, tr 30

Digitized by Google

thống trị của các giai cấp bóc lột trong xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, ấm no, hạnh phúc, bình đẳng của nhân dân lao động ; là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và chính đảng của nó - đảng cộng sản.

Sự ra đời của lý luận mác xít vào những năm 40 của thế kỷ XIX là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử phát triển tư tưởng của xã hội loài người. Nó là sản phẩm của những đòi hỏi khách quan về kinh tế, chính trị, tư tưởng thời đó.

C.Mác và Ph.Ăng-ghen, những nhà tư tưởng lớn và lãnh tụ của giai cấp công nhân, đã tổng kết và tiếp thụ một cách phê phán những giá trị tiến bộ của trí tuệ loài người, phát triển và sáng tạo ra học thuyết khoa học và cách mạng của mình.

V.I.Lê-nin là người kế tục sự nghiệp vĩ đại của Mác và Ăng-ghen trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Người đã bảo vệ chủ nghĩa Mác, chống lại sự tấn công của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cơ hội các loại, và phát triển một cách sáng tạo, toàn diện học thuyết Mác trong điều kiện lịch sử mới, làm cho học thuyết Mác trở thành học thuyết Mác - Lê-nin.

Những bộ phận hợp thành học thuyết Mác - Lê-nin là triết học mác xít, kinh tế chính trị mác xít, lý luận về chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Triết học Mác - Lê-nin là chủ nghĩa duy vật biện chứng - sự thống nhất giữa phương pháp biện chứng với chủ nghĩa duy vật, và chủ nghĩa duy vật lịch sử - sự áp dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc nghiên cứu đời sống xã hội, trong đó phép biện chứng là linh hồn của toàn bộ học thuyết Mác - Lê-nin. Nó chỉ ra những quy luật khách quan phát triển chung của tự nhiên, của xã hội và của tư duy con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin nghiên cứu những quan hệ sản xuất trong xã hội. Nền tảng chủ yếu của lý luận về kinh tế của Mác là lý luận về giá trị thặng dư. Dưới chế độ tư bản, mâu thuẫn cơ bản giữa tính chất xã hội trong việc sản xuất của cải vật chất với chế độ chiếm hữu tư nhân về các của cải ấy ngày càng gay gắt, và tới một lúc nào đó mâu thuẫn này cùng các mâu thuẫn khác phải được giải quyết bằng cuộc cách mạng xã hội.

Trước Mác và Ăng-ghen đã xuất hiện các học thuyết nêu lên tính tất yếu phải thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng những học thuyết này không khoa học. Chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán kịch liệt chế độ tư bản nhưng không vạch được con đường đúng đắn đi tới chủ nghĩa xã hội ; không thấy đầy đủ, khoa học sức mạnh của quần chúng là lực lượng quyết định sự tiến bộ xã hội. Lý luận Mác - Lê-nin đã biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học nhờ hai phát minh quan trọng của Mác, Ăng-ghen : chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư.

Đặc trưng của các bộ phận cấu thành lý luận Mác - Lê-nin là tính khoa học và tính cách mạng sáng tạo. Nó thể hiện lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân, bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác. Nó khác về chất với lý luận của chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa cơ hội các loại. Nó là cơ sở khoa học đáng tin cậy để vạch ra chiến lược, sách lược đấu tranh đúng đắn. Nó đưa lại sự hiểu biết về quá trình diễn biến của lịch sử, về chiều hướng phát triển kinh tế, xã hội, chính trị của thời đại, giúp ta nhận thức được bản chất các sự kiện quốc tế.

Học thuyết Mác - Lê-nin còn là một học thuyết mang tính quốc tế và tính nhân đạo cao cả. Các luận điểm của nó mang tính phổ biến, khi áp dụng chúng vào mỗi nước đòi hỏi phải phân tích sâu sắc hoàn cảnh cụ thể, các đặc điểm lịch sử, dân tộc, thời đại, v.v..

Học thuyết Mác - Lê-nin đã có chiều dài lịch sử gần 150 năm nay. Nó đã trải qua các thời kỳ khác nhau gắn liền với các phong trào cách mạng của giai cấp công nhân trên thế giới. Ảnh hưởng của nó ngày càng lan rộng. Cái mốc đầu tiên quan trọng nhất đánh dấu thắng lợi của học thuyết Mác - Lê-nin trong cuộc sống là sự thành công vang dội của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại (năm 1917). Sau đó là thành công của cách mạng ở hàng chục nước khác dưới ảnh hưởng của nó.

Cho đến nay, chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn là lý luận tiên tiến, "là vũ khí tinh thần" của giai cấp công nhân và nền tảng tư tưởng của đảng cộng sản. Trên thế giới đã có nhiều học thuyết có tham vọng chỉ dẫn con đường tiến lên của nhân loại, nhưng chưa có học thuyết nào khoa học và cách mạng, cũng như chưa có học thuyết nào đi sâu vào lòng người và đã trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống của hàng tỉ người như học thuyết Mác - Lê-nin.

Từ khi ra đời cho đến nay, học thuyết Mác - Lê-nin luôn luôn là đối tượng công kích quyết liệt của đủ loại kẻ thù, nhưng dù gặp những khó khăn như thế nào, kể cả những lúc lâm vào khủng hoảng, nó vẫn bảo vệ được mình, tiếp tục vươn lên đáp ứng yêu cầu của cuộc sống.

Nhiệm vụ cấp bách và nặng nề của những người cách mạng lúc này là phải bảo vệ, khẳng định những giá trị to lớn của lý luận Mác - Lê-nin, đồng thời bổ sung, phát triển, vận dụng sáng tạo nó. Có như vậy mới có cơ sở lý luận đầy đủ để nhận thức về chủ nghĩa xã hội hiện đại, và chỉ dẫn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở các nước.

CÙNG BẠN ĐỌC

Sắp tới, *Tạp chí Cộng sản* sẽ phát hành lịch tờ năm 1993, giấy phấn, in ấn hiện đại, với 5 tờ khổ 45 x 70 in các cảnh đẹp đất nước. Tạp chí sẽ dành ra một số để bán lẻ với giá phải chăng (nếu mua nhiều, có giảm tỷ lệ phần trăm). Các cơ quan ở trung ương và địa phương có nhu cầu, xin đặt mua tại trụ sở Bộ biên tập (thời hạn chậm nhất là 31-10-1992).

● *Miền Bắc* : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội, điện thoại : 252061

● *Miền Nam* : 19 Phạm Ngọc Thạch, Q 3, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại : 225768.

Digitized by Google

● CÁC CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 1991 - 1995 VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI

Vừa qua, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng đã ký Quyết định số 246 - CT phê duyệt danh mục 30 chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp nhà nước tiến hành trong giai đoạn 1991 - 1995, trong đó có 8 chương trình thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. Đây là lần đầu tiên các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội cấp nhà nước được tổ chức xây dựng một cách có hệ thống. Những giai đoạn trước đây, số lượng các chương trình về khoa học xã hội không nhiều và thường chỉ đi vào một số lĩnh vực hoặc một số ngành kinh tế - kỹ thuật (giai đoạn 1981 - 1985 có 4 chương trình thuộc lĩnh vực khoa học xã hội trong số 76 chương trình khoa học - kỹ thuật trọng điểm nhà nước ; giai đoạn 1986 - 1990 có 8 chương trình khoa học xã hội về một số bộ phận, lĩnh vực, chưa thành một hệ thống nghiên cứu có tính toàn diện).

Trước những đòi hỏi cấp bách toàn diện của sự nghiệp đổi mới ở đất nước ta từ Đại hội VI của Đảng và trước những biến động lớn lao của cục diện chính trị - kinh tế - xã hội trên thế giới, hàng loạt vấn đề cơ bản có tính chất quyết định vận mệnh đã đặt ra cho chúng ta về quan điểm lý luận, về chính sách, về phương hướng và biện pháp vĩ mô để xác định mô hình và con đường đi thích hợp, đặng đưa đất nước ta tiến tới giàu mạnh, văn minh, dân chủ, công bằng. Những vấn đề lớn lao đó đã được nêu thành những yêu cầu cho các chương trình nghiên cứu khoa học để xác định những luận cứ khoa học và phương hướng cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở đất nước ta trong những năm tới.

Các chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 1991 - 1995 đã được xây dựng có hệ thống, trước hết phân tích rõ để nhận thức đúng về thời đại ngày nay, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về chủ nghĩa xã hội dân chủ, xác lập rõ những đặc trưng và biểu hiện của chủ nghĩa xã hội và định ra mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội thích hợp với nước ta *(Chương trình KX.01)* ; nghiên cứu đúc kết những nội dung tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh *(Chương trình KX.02)* để làm cơ sở chỉ đạo vận dụng trong suy nghĩ và hành động của chúng ta. (Đang xây dựng thêm một chương trình nghiên cứu về lý luận Mác - Lê-nin trong giai đoạn hiện nay).

Từ những nhận thức và quan điểm cơ bản ấy, các chương trình đi vào phân tích từng khối hoạt động của xã hội. *Chương trình KX.03* nghiên cứu xác định những quan điểm trọng đổi mới phát triển kinh tế và yêu cầu điều chỉnh các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế để phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật và các chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, về tổ chức các doanh nghiệp, hoạt động ngân hàng, tiền tệ, tài chính, giá cả, lao động, kinh tế đối ngoại, biện pháp khắc phục cơ bản nạn lạm phát để tiến tới sự ổn định phát triển kinh tế - xã hội. *Chương trình KX.04*. nghiên cứu xác định những quan điểm và yêu cầu đổi mới và hoàn thiện các chính sách xã hội trong quản lý phát triển dân số, giải quyết việc làm, các chính sách nhằm đảm bảo dân chủ và công bằng trong phát triển đối với các giai tầng và bộ phận dân cư trong xã hội, đối với các dân tộc và các tôn giáo, các biện pháp thực hiện an ninh xã hội và các cơ chế quản lý việc thực hiện các chính sách xã hội ấy. *Chương trình KX. 06* nghiên cứu xác định những quan điểm và yêu cầu xây dựng và phát triển nền văn hóa, văn minh Việt nam, vừa kế thừa những bản sắc truyền thống dân tộc vừa có tính hiện đại theo xu thế phát triển, nghiên cứu những yêu cầu của một đề cương văn hóa mới và chính sách văn hóa để phát triển và bảo tồn nền văn hóa, văn minh Việt nam trong giai đoạn mở rộng giao lưu kinh tế và văn hóa với quốc tế hiện nay. *Chương trình KX.05* nghiên cứu xác định tính chất và cơ cấu hệ thống chính trị của nước ta theo yêu cầu hiện nay, nghiên cứu định rõ vị trí chức năng và phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, và mối quan hệ giữa các bộ phận ấy của hệ thống chính trị, mối quan hệ và hoạt động của bộ máy lập pháp - hành pháp - tư pháp trong quá trình tiến tới xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu của nước ta và tình trạng phát triển của nông thôn hiện nay đang còn quá khó khăn và kém xa đô thị. *Chương trình KX.08* nghiên cứu các biện pháp kinh tế - kỹ thuật công nghệ - xã hội tổng hợp đối với nông nghiệp và nông thôn để thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển kinh tế - xã hội toàn diện ở nông thôn Việt nam. Tất cả những yêu cầu phát triển đó cũng là vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân Việt nam. Những yêu cầu đặt ra cho *Chương trình KX.07* là nghiên cứu nhu cầu phát triển toàn diện về trí - đức - thể - mỹ ở con người Việt nam trong những năm tới, nghiên cứu những biện pháp về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ hiểu biết, năng lực, nhân cách và năng khiếu của người dân với tư cách là người chủ của nước Việt nam phát triển, định hướng cho các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Ngoài 8 chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước với 120 đề tài nói trên, còn có các chương trình nghiên cứu cấp bộ và cấp địa phương với hàng trăm đề tài về những vấn đề kinh tế - xã hội cụ thể của các ngành và địa phương, phục vụ các yêu cầu về lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới hiện nay.

Các chương trình và các đề tài đang được triển khai theo tinh thần đáp ứng cả những yêu cầu lâu dài và yêu cầu trước mắt, định kỳ có những báo cáo về kết quả nghiên cứu và kịp thời có những kiến nghị để phục vụ một cách hiệu quả nhất các yêu cầu về lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước.

● KHAI GIẢNG LỚP "NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VÀ NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ"

Nhằm bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu biên tập tạp chí, vừa qua Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* tổ chức khai giảng lớp "Nghiên cứu lý luận và nghiệp vụ báo chí". Phó giáo sư, phó tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*, đã khai mạc lớp học. Tham gia lớp học này có các cán bộ biên tập trẻ của *Tạp chí Cộng sản*, một số cán bộ nghiên cứu và biên tập của các tạp chí *Xây dựng Đảng, Công tác tư tưởng văn hóa, Thông tin lý luận, Quốc phòng toàn dân*...

Nội dung giảng dạy và nghiên cứu bao gồm : 1 - Những quan điểm lý luận cơ bản của Nghị quyết Đại hội VII và các nghị quyết của BCH TƯ Đảng ; 2 - Những vấn đề lý luận cơ bản của báo chí ; 3 - Vai trò và nhiệm vụ của báo chí trong công cuộc đổi mới ; 4 - Những kinh nghiệm nghiên cứu, biên tập và viết bài trên tạp chí của Đảng.

Tham gia giảng dạy cho lớp học là các giảng viên của Hội nhà báo Việt nam, các cán bộ chủ chốt của *Tạp chí Cộng sản*, các nhà báo lão thành có nhiều kinh nghiệm trong công tác báo chí và các giảng viên khoa báo chí Trường đại học tuyên giáo.

Digitized by Google

LIÊN HIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH TÂY

BITEX

BINHTAY IMPORT-EXPORT INC.

平西進出口企業公司



- **Xuất** : Nông sản, lâm sản, thủy hải sản, quần áo may sẵn, hàng thêu đủ loại và hàng thủ công mỹ nghệ.
- **Nhập** : Hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu.
- **Đầu tư** : Đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với các công ty nước ngoài về nhà ở, văn phòng và chợ Bình Tây

Quý khách có nhu cầu xin liên hệ văn phòng công ty số : 78 - 80 - Hậu Giang - Quận 6 - TP. HCM

Điện thoại : 557846 - 559185 - 559669



- **Export** : Agricultural, forestal and marine products, garments, embroidered articles and art handicrafts.
- **Import** : Consumer goods, raw materials.
- **Investment** : We are in the process of materializing joint venture projects with various foreign companies in the construction of condominiums, offices and the Binh Tay Market.

For more information please contact our office at 78 - 80 Hậu Giang Street. Dist.6 - HCMC

Tel. 557846 - 559185 - 554669

ĐÍNH CHÍNH

Trong bìa 3 Tạp chí Cộng sản số 7-1992, dòng 4 từ dưới lên, xin đọc là 2,66 km

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP TRỤC VỚT CỨU HỘ (VISAL)



Địa chỉ liên hệ :

- 360 Hai Bà Trưng, Q1, TP. HỒ CHÍ MINH

Tel. : 294023-294013-290597-721196

Telex : 811281-VISAL-VT

FAX : 84.8.294025

- QUY NHƠN

Tel. : 22275-22208

- HẢI PHÒNG

Tel. : 47701-47444

FAX : 45127-VISAL3

- HÀ NỘI

Tel. : 268546



Tàu cứu hộ Đại Lãnh 4800 CV

Xí nghiệp liên hợp trục vớt Cứu hộ là Xí nghiệp liên hợp có trên 17 năm kinh nghiệm chuyên ngành trục vớt cứu hộ trực thuộc Bộ giao thông vận tải và Bưu điện nước CHXHCN Việt Nam, có tên gọi là VISAL, chính thức được phép hoạt động kinh doanh đa dạng trên nhiều lĩnh vực :

1 - Cứu hộ hàng hải và trục vớt hàng hóa trong tàu đắm, kể cả di chuyển, cắt phá xác tàu đắm. Thành công trong việc trục vớt các tàu cổ tại Hòn Cau - Côn Đảo và Phú Quốc.

2 - Kỹ thuật ngầm dưới nước và hoạt động ngoài khơi bao gồm cả công tác lặn sâu 60m, phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí. Do hợp tác với công ty Thụy Điển HALLSTROM theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Công ty này đã đem hai tàu lặn ngầm có người hoạt động tới độ sâu 360m, máy viễn khiển dò tìm khảo sát đáy biển, hệ thống máy quay phim dưới nước, máy dò lọc kim loại, máy từ tính... sẵn sàng phục vụ công tác dưới nước. Vừa qua hai tàu lặn ngầm đã phục vụ có kết quả cho việc khảo sát phức tạp hệ thống dàn khoan ở vùng mỏ Bạch Hổ cho VIETSOVPETRO.

3 - Vận tải và lai dắt xà lan hàng hóa, tàu hư hỏng di dường dài trong và ngoài nước

4 - Sửa chữa công nghiệp tàu xà lan tại 3 ụ tàu từ 800T - 3000T

5 - Sản xuất thiếc để xuất khẩu

6 - Hoạt động xuất nhập khẩu và đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam

In tại nhà in Nhân dân Hà Nội 2
Bìa in tại Nhà máy in Thống Nhất

Chỉ số 12651 - ISSN0866-7276

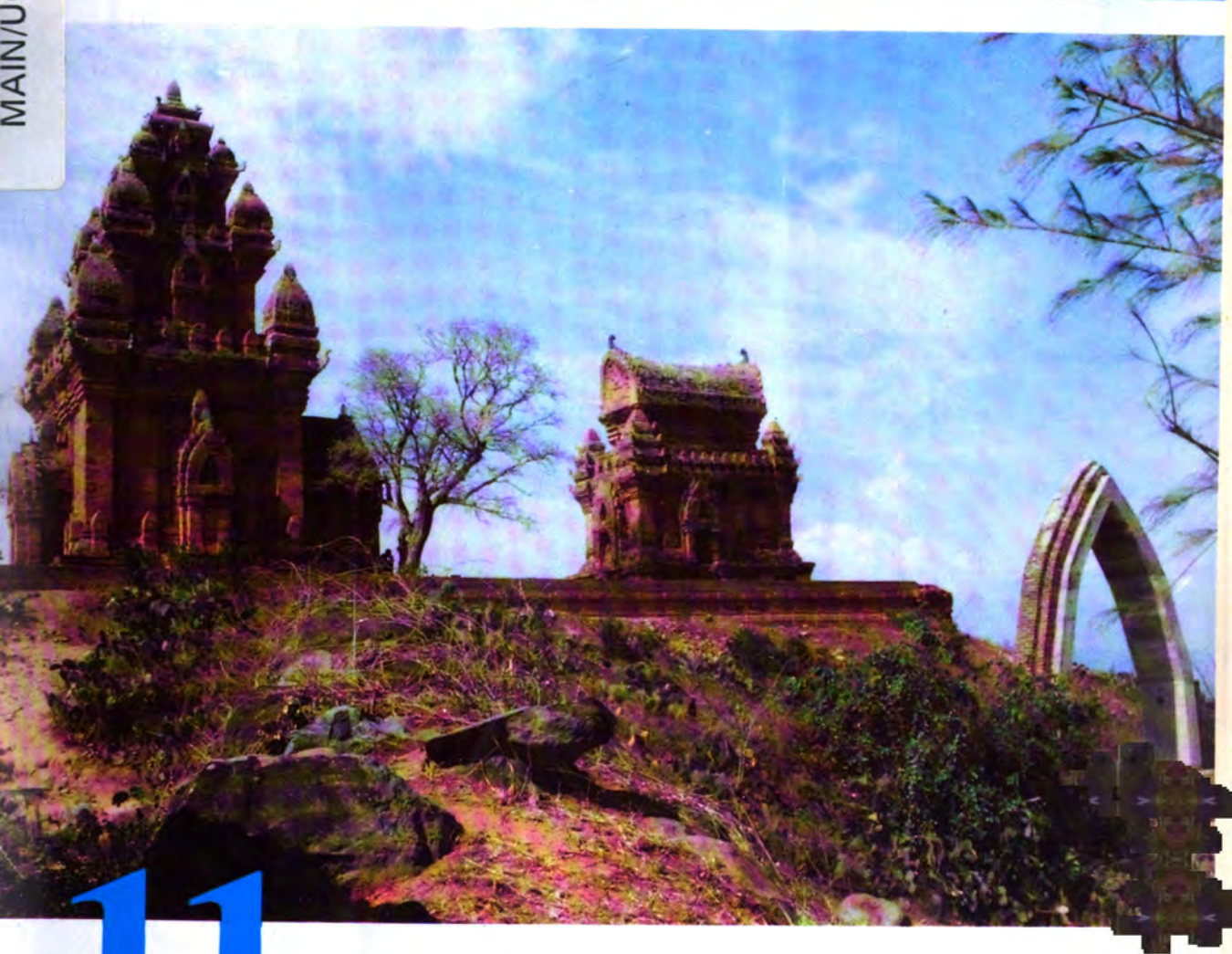
Giá : 2000đ

Digitized by Google

329

Tạp chí Cộng sản

MAIN/UC-B



11
1992

Digitized by Google

CÔNG TY NUÔI TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN HẢI SẢN XUẤT KHẨU TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Khách hàng đừng bỏ qua thời cơ đến với :



Một mô hình nuôi trồng thủy sản ở Vũng Tàu

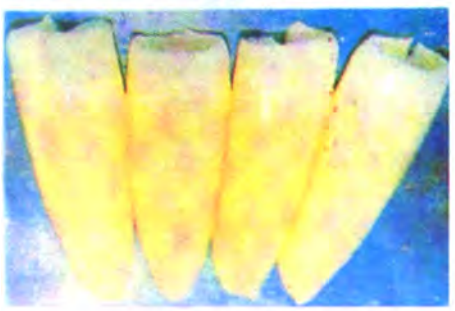
Dia chỉ : 121A - Quốc lộ 51
Phường 9 - TP Vũng Tàu
ĐT : (01.64)52108-
8347-2101

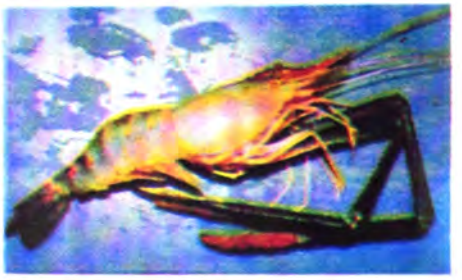
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN HIỆP











Công ty chuyên tổ chức nuôi trồng, chế biến các loại hải sản xuất khẩu. Ngoài ra còn thu mua chế biến các nông thổ sản khác theo yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

Hân hạnh đón tiếp quý khách

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

11-1992 NĂM THỨ XXXVIII (443)

MỤC LỤC

Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	LÊ KHẢ PHIÊU - Mấy vấn đề đổi mới và chỉnh đốn đảng trong quân đội	3
	HỒ TẾ - Chính sách tài chính quốc gia đến năm 2000	7
	HỒNG VINH - Chính sách dân số quốc gia trong chiến lược phát triển đất nước	11
	PHAN THANH XUÂN - Vấn đề giao đất giao rừng đến hộ gia đình	16
Nghiên cứu - Trao đổi	HOÀNG CHÍ BẢO - Xu hướng và triển vọng của chủ nghĩa xã hội	19
	ĐỨC VƯỢNG - Sự giống nhau và khác nhau trong tư tưởng của Hồ Chí Minh và các nhà yêu nước phương Đông	23
	NGUYỄN NGỌC TUẤN - Sở hữu quốc doanh trong nền kinh tế thị trường	26
	NHẬT TÂN - Dân chủ trong kinh tế	31
Ý kiến và kinh nghiệm	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Điểm lại một tình hình văn học	33
	VŨ NGỌC NHUNG - Cần xây dựng và phát triển một cơ sở lý luận kinh tế vững chắc	37
	NGUYỄN ĐÌNH PHAN - Liên kết kinh tế giữa các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay	42
	TRỌNG NGUYỄN - Hướng đi đúng của đảng bộ Công ty bách hóa - điện máy TP Hồ Chí Minh	46
Điều tra	HOÀNG BÁ THỊNH - Cơ cấu dân số sinh viên và chính sách giáo dục, đào tạo đối với nông thôn	49
Sinh hoạt tư tưởng	NHI LÊ - Gióng tiếp... tiếng chuông !	53
Thư gửi Bộ biên tập	ĐẶNG VĂN ĐÔNG - Về công tác khen thưởng	54
Thế giới : vấn đề, sự kiện	BÙI THANH TÙNG - Mãi mãi với Cu-ba	55
	★★★ Mười bốn đại hội Đảng cộng sản Trung quốc	56
Qua sách báo nước ngoài	Ô-LÉCH PƠ-SI-LIN-XÉP - "Chuyển đổi sở hữu" khi quá độ sang cơ chế thị trường	58
Tìm hiểu khái niệm	● Tư duy lý luận. ● Đổi mới tư duy lý luận	61
Tin hoạt động lý luận	Cuộc tranh luận xung quanh cuốn *Lý luận và văn học*	62

Bìa 1 - *Tháp chàm (Phan rang).* Ảnh : *ĐINH QUANG*

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội ● **Dây nói** : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 TP Hồ Chí Minh ● **Dây nói :** 25768

LIBRARY
DEC 09 1992
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• *Социализм- теория и практика* • ЛЕ КХА ФЬЕУ- Некоторые вопросы обновления и упорядочения партийной организации в армии. ХО ТЭ - Национальная финансовая политика на период до 2000 г. ХОНГ ВИНЬ- Национальная политика народонаселения в Общей стратегии национального развития. ФАН ТХАНЬ СУАН - Предоставлениеправа на исследование земельно-лесных угодий отдельным семьям • *Исследования - обмен мнениями* • ХОАНГ ТЬИ БАО- Тенденции иперспективы развития социализма. ДЫК ВЬОНГ - Сходства и своеобразия политических мыслей ХО Ши Мина и других патриотов Востока. НГУЕН НГОК ТУАН - Государственная собственность в условиях рыночной экономики. НЯТ ТАН - Демократия в хозяйственной деятельности • *Мнения и опыт* • ХА СУАН ЧЬОНГ - Обзор положения дел в литературе. ВУ НГОК НЬОНГ - Необходимость создания и развития прочной основы экономической теории. НГУЕН ДИНЬ ФАН- Экономическая интеграция экономических секторов в нашей стране сегодня • *Мир: проблемы, факты* • БУЙ ТХАНЬ ТУНГ - Всегда рядом с Кубой.

CONTENTS

● *Socialism - Theory and Practice* ★ LÊ KHẢ PHIÊU - Party renovation and restructuring in the army. HỒ TẾ - On national budgetary policy up to the year 2000. HỒNG VINH - Regarding the national population policy in Vietnam's development policy. PHAN THANH XUÂN - On the issue of land and forest allocation to family households. ● *Research - Exchange of Views* ★ HOÀNG CHÍ BẢO - Trends in and prospects for socialism. ĐỨC VƯỢNG - The thoughts of Ho Chi Minh and those of Oriental patriots : similarities and differencies. NGUYỄN NGỌC TUÂN - State ownership in the market economy. NHẬT TÂN - Democracy in the economy. ● *Opinions and Experience* ★ HÀ XUÂN TRƯỜNG - Review of one cultural situation. VŨ NGỌC NHUNG - On the need to build and develop a firm basis for economic theory. NGUYỄN ĐÌNH PHAN - Economic cooperation among our country's economic sectors at present. ● *The World : Issues and Events* ★ BÙI THANH TÙNG - With Cuba for ever.

SOMMAIRE

● *Le socialisme - Théorie et pratique* ★ LÊ KHẢ PHIÊU ★ Quelques problèmes sur le renouveau et la réorganisation du Parti dans l'armée. HỒ TẾ - La politique financière nationale jusqu'à l'an 2000. HỒNG VINH - La politique démographique nationale dans la stratégie de développement du pays. PHAN THANH XUÂN - Sur la remise des terres et forêts à chaque foyer ● *Etudes - Echanges* ★ HOÀNG CHÍ BẢO - Les tendances et les perspectives du socialisme. ĐỨC VƯỢNG - L' analogie et la différence entre la pensée de Ho Chi Minh et celle des autres patriotes de l' Asie. NGUYỄN NGỌC TUÂN - La propriété de l' Etat dans l' économie de marché. NHẬT TÂN - La démocratie en économie ● *Opinions et expériences* ★ HÀ XUÂN TRƯỜNG - Faire le point d' une situation littéraire. VŨ NGỌC NHUNG - Nécessité d'édifier et de développer une solide base pour la théorie économique. NGUYỄN ĐÌNH PHAN - La coalition entre les composantes économiques de notre pays à l'heure actuelle. ● *Le monde : Problèmes, événements* ★ BÙI THANH TÙNG - A côté de Cuba pour toujours.

SUMARIO

● *El socialismo - Teoria y práctica* ★ LÊ KHẢ PHIÊU - Algunos problemas sobre la renovación y reorganización del Partido en el ejército. HỒ TẾ - La política financiera nacional hasta el ano 2000. HỒNG VINH - La política demográfica nacional en la estrategia de desarrollo del país. PHAN THANH XUÂN - El problema de entrega de tierras y selvas a la familia. ● *Estudios- Intercambios* ★ HOÀNG CHÍ BẢO - La tendencia y la perspectiva del socialismo. ĐỨC VƯỢNG - La similitud y la diferencia en el pensamiento de Ho Chi Minh y los patriotas orientales. NGUYỄN NGỌC TUÂN - La propiedad estatal en la economía de mercado. NHẬT TÂN - Democracia en la economía ● *Opiniones y experiencias* ★ HÀ XUÂN TRƯỜNG - Una resena de la situación literaria. VŨ NGỌC NHUNG - Hace falta edificar y desarrollar un firme fundamento de teoría económica. NGUYỄN ĐÌNH PHAN - Unión económica entre los componentes económicos en Vietnam en la actualidad ● *El mundo : problemas y acontecimientos* ★ BÙI THANH TÙNG - Siempre junto a Cuba.

目錄

● 社會主義 - 理論與實踐 ★ 黎可喜：軍隊中黨的更新與整頓若干問題 。 何濟： 二000 年 國家財政政策。紅樂：在國家發展戰略中的國民人口政策。 潘青春：土地，林木分到戶問題。 ● 經驗與交換 ★ 黃志實： 社會主義趨向與前途。德旺：胡志明思想與東方愛國者思想的同異之處。 阮玉瓊：市場經濟中的國營所有制問題。日新： 民主在經濟中。 ● 意見與經驗 ★ 何春長 ： 回顧文學狀況。武玉城：必須建設與發展可靠的經濟理論基礎。阮孝潘：我國當前各經濟成份間的經濟融合。 ● 世界問題與事件 ★ 裴清松 ：永遠與古巴在一起。

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI

*Thượng tướng LÊ KHẢ PHIÊU**

QUÁN triệt và phấn đấu thực hiện có kết quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn đảng là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt để bảo đảm cho quân đội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Mấy năm qua, trong bối cảnh chung có nhiều biến động hết sức phức tạp, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, mà thường xuyên và trực tiếp là của Bộ chính trị và Ban bí thư, các tổ chức đảng trong quân đội đã lãnh đạo toàn quân quán triệt những yêu cầu nội dung mới trong nhiệm vụ của quân đội, tiến hành điều chỉnh chiến lược, chấn chỉnh tổ chức lực lượng, giảm quân số, hoàn thành nghĩa vụ quốc tế, rút quân ở Lào và Cam-pu-chia về nước, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và tăng cường phòng thủ đất nước, tập trung sức xây dựng quân đội về chính trị làm cơ sở xây dựng quân đội cách mạng, chính quy và từng bước hiện đại. Đặc biệt là đã thực hiện nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên là tập trung xây dựng quân đội về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đối với đảng viên, cán bộ, trước hết là cán bộ trung cao cấp, đã nâng cao thêm về trình độ, bản lĩnh chính trị, kiên định vững vàng trước mọi thử thách. Trước diễn biến phức tạp, quân đội ta vẫn giữ vững sự ổn định về chính trị tư tưởng, góp phần tích cực vào sự ổn định tình hình chính trị xã hội, tiếp tục phát huy bản chất và truyền thống cách mạng, là lực lượng trung thành của Đảng, là chỗ dựa tin cậy của Nhà nước, của nhân dân, ra sức khắc phục khó khăn, tự lực tự cường, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ. Đội ngũ đảng viên và cán bộ trong quân đội luôn luôn xứng đáng là lực lượng nòng cốt lãnh đạo, động viên giáo dục bộ đội thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ.

Nguyên tắc "Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt quân đội" được khẳng định trong Điều lệ Đảng và được củng cố trong thực tiễn. Hệ thống tổ chức đảng và cấp ủy đảng được khôi phục và thường xuyên được kiện toàn từ Đảng ủy quân sự trung ương đến cơ sở. Cơ chế lãnh đạo của Đảng được tiếp tục củng cố và thực hiện thống nhất trong toàn quân. Đó là một nội dung đổi mới quan trọng.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng trong quân đội cũng không tránh khỏi những tác động to lớn của tình hình quốc tế và trong nước ; đồng thời, từ tình hình cụ thể về mặt quân

* Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị

Digitized by Google

sự, cũng bộc lộ những mặt hạn chế, yếu kém nhất định.

Trước tình hình biến động mau lẹ và phức tạp, một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên ở mức độ khác nhau, giảm sút ý chí chiến đấu và nhiệt tình cách mạng, chưa thật yên tâm phục vụ quân đội ; kém cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của địch. Cá biệt, cũng có một số người dao động, bị ảnh hưởng của những quan điểm lệch lạc, sai trái, thoái hóa biến chất... gây tác động xấu.

Đội ngũ đảng viên, cán bộ có nhiều biến động theo sự biến động của tổ chức quân đội. Cơ cấu đội ngũ đảng viên không đồng đều và không cân đối. Nguồn kế cận cán bộ chủ trì các cấp chưa bồi dưỡng kịp ; đội ngũ cán bộ cơ sở vừa thiếu, vừa yếu kéo dài.

Khâu yếu hiện nay là tổ chức cơ sở đảng. Điều đáng quan tâm là ở nhiều nơi lãnh đạo còn thiếu chủ động, nhạy bén trong việc quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của Đảng ; không nắm vững nguyên tắc ; hạn chế về năng lực làm công tác quần chúng, có những biểu hiện quan liêu, hình thức, hành chính hóa trong phương thức lãnh đạo, phong cách công tác. Vì vậy, có nghị quyết chất lượng chưa cao, hời hợt, thực hiện nửa vời, kém hiệu lực ; có mặt, có việc còn bỏ trống, buông trôi.

Một số ít cấp ủy chưa thực sự là nòng cốt chính trị của tổ chức đảng ở đơn vị, có nơi còn nặng về cơ cấu. Trong một số cấp ủy còn hiện tượng né tránh, hữu khuynh, tinh thần tự phê bình và phê bình yếu.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ và thể hiện đúng mức trách nhiệm chính trị đối với công tác xây dựng Đảng. Việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và xây dựng một kế hoạch tổng thể dài hạn về công tác xây dựng Đảng chưa được chú ý để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của quân đội trước tình hình mới. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chưa gắn chặt với công tác xây dựng Đảng. Cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ và chính sách cán bộ còn nhiều vấn đề bức xúc, gây trở ngại trực tiếp đến công tác xây dựng Đảng, cả trước mắt và lâu dài. Đội ngũ cán bộ chính trị vừa thiếu vừa yếu, chưa ngang tầm yêu cầu công tác đảng và công tác chính trị trong quân đội.

*

Việc đổi mới và chỉnh đốn đảng trong quân đội là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trước tình hình mới ; củng cố và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội, bảo đảm Đảng luôn luôn nắm chắc quân đội trong mọi tình huống ; xây dựng hệ thống tổ chức đảng vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, nâng cao chất lượng và làm trong sạch đội ngũ đảng viên, cán bộ. Bảo đảm quân đội luôn luôn là lực lượng trung thành tin cậy của Đảng, của nhân dân ; hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh chính trị trong mọi tình huống, đập tan mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Yêu cầu mấu chốt là tập trung sức xây dựng, nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ đảng viên, gắn chặt việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên, xây dựng tổ chức đảng. Đây là *nhận thức mới* về quan điểm xây dựng đảng trong quân đội và là *khâu then chốt nhất*. Chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ. Đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách công tác bảo đảm hiệu quả ngày càng cao. Tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và quần chúng, cán bộ và chiến sĩ, quân đội và nhân dân, củng cố nền tảng chính trị của quân đội. Chuyển biến sâu sắc ý thức và trách nhiệm chính trị đối với công tác xây dựng đảng của mọi cấp ủy, mọi cán bộ, đảng viên.

Thực hiện mục tiêu và yêu cầu đó, việc xây dựng quân đội về chính trị, tư tưởng và tổ chức là đặc biệt quan trọng.

Digitized by Google

Về mặt chính trị tư tưởng, điều cần thiết là bằng những hình thức thích hợp, nâng cao trình độ và bản lĩnh chính trị. Bảo đảm cho mọi đảng viên kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định sự nghiệp đổi mới, nhất trí cao với quan điểm đường lối, cương lĩnh của Đảng, củng cố niềm tin, phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, vững tin vào chính mình vượt qua mọi thử thách. Khắc phục những biểu hiện giảm lòng tin, dao động, tư tưởng bảo thủ, giáo điều, mơ hồ với kẻ địch, đề phòng những ảnh hưởng của quan điểm chính trị lệch lạc, cơ hội.

Coi trọng giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Chống bệnh quan liêu, quân phiệt, tham nhũng, thu vén cá nhân, hiện tượng tự do vô kỷ luật, gây mất đoàn kết.

Trong tình hình phức tạp hiện nay, cần làm cho cán bộ, đảng viên nhận rõ âm mưu thủ đoạn chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, những nhân tố có thể gây mất ổn định về chính trị, cảnh giác cao, chủ động phòng ngừa và sẵn sàng đối phó thắng lợi mọi tình huống có thể xảy ra. Việc giáo dục chính trị tư tưởng ngày nay không thể đơn giản, cứng nhắc, mà phải chú ý đến cơ sở lý lẽ và thực tế, những hình thức linh hoạt. Vì thế, cần coi trọng công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, đổi mới chương trình nội dung và phương pháp giáo dục chính trị cả tại trường và tại chức, bảo đảm nâng cao chất lượng, có sức chiến đấu và tính thuyết phục cao. Nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ công tác thông tin, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ để một mặt, bảo đảm những yêu cầu không thể thiếu về đời sống tinh thần hiện nay của bộ đội, và đây là một phần rất quan trọng ngăn chặn ảnh hưởng xấu về tư tưởng, văn hóa ; mặt khác, chủ động ngăn ngừa và đấu tranh kịp thời với những quan điểm lệch lạc, sai trái, những luồng thông tin xấu độc, không để những ấn phẩm xấu lưu hành trong nội bộ quân đội. Vì thế, cần kiện toàn đội ngũ làm công tác tư tưởng - văn hóa các cấp, để đội ngũ này thực sự là lực lượng xung kích giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong quân đội.

Trên lĩnh vực tổ chức, trước hết, cần tích cực xây dựng và từng bước tạo nên chất lượng mới của đội ngũ đảng viên kết hợp chặt chẽ với xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội. Đây là vấn đề chiến lược, quyết định trực tiếp chất lượng các tổ chức đảng và chất lượng quân đội. Việc quản lý, giáo dục, bồi dưỡng và kiểm tra của tổ chức - trước hết là tổ chức cơ sở và quần chúng trong đơn vị và nơi cư trú - không tách rời với việc tự tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu của từng đảng viên. Cấp ủy đảng cần định kỳ tiến hành kiểm tra phân tích chất lượng đảng viên, và có biện pháp thiết thực để phát huy số tích cực, bồi dưỡng số yếu, và thanh lọc số thoái hóa biến chất.

Công tác phát triển Đảng phải thực hiện đúng yêu cầu về chất lượng và hướng vào yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo của từng loại tổ chức đảng. Đối với những đảng viên trước khi chuyển ra ngoài quân đội, cần có sự chuẩn bị kỹ về chính trị, tư tưởng để có thể phát huy tính tích cực của người cán bộ, chiến sĩ quân đội trên cương vị công tác mới.

Yêu cầu cơ bản và quan trọng nhất của việc *xây dựng đội ngũ cán bộ* là nhằm *bảo đảm và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng* đối với quân đội, làm nòng cốt xây dựng quân đội về mặt chính trị và tổ chức - cơ sở nâng cao chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu của quân đội. Đội ngũ cán bộ phải vững mạnh toàn diện, cân đối, đồng bộ, ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ và bảo đảm sự chuyển tiếp vững chắc. Muốn vậy, cần phát huy những kinh nghiệm tốt đã có, tiếp tục đi sâu hoàn thiện hơn những vấn đề : quan điểm, trách nhiệm chính trị và quy chế công tác cán bộ cũng như chính sách đối với cán bộ.

Mọi cán bộ của Đảng trong quân đội, cả cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị, cán bộ chuyên môn kỹ thuật... đều phải được đào tạo bồi dưỡng để có được trình độ toàn diện cả về phẩm chất chính trị, năng lực chỉ huy, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và biết làm công tác đảng, công tác chính trị tư tưởng. Cán bộ chính trị có thể làm được nhiệm vụ quản lý chỉ huy đơn vị ; cán bộ chỉ huy quản lý đều phải đảm nhiệm và biết làm công tác đảng, công tác chính trị tư tưởng của đơn vị ; cán bộ các cấp đều

Digitized by Google

có đủ phẩm chất và năng lực để có thể tham gia cấp ủy đảng cấp mình. Đây là một yêu cầu mới, cao, quân đội ta cố gắng làm sớm để trong một số năm tới có được đội ngũ cán bộ toàn diện như thế. Vấn đề bức xúc là tập trung sức giải quyết sự thiếu hụt cán bộ ở cơ sở. Cơ quan, đơn vị, nhà trường phải phối hợp chặt chẽ với nhau, có những biện pháp thiết thực giải quyết sự thiếu hụt này, nhất là loại cán bộ trung đội trưởng và cán bộ chính trị đại đội.

Cùng với việc tập trung sức xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, các đơn vị cần xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ chủ trì các cấp, trọng điểm là cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược, bảo đảm tốt việc chuyển tiếp các thế hệ cán bộ. Trên cơ sở quy hoạch, tiến hành bồi dưỡng và sắp xếp, điều chỉnh cán bộ một cách hợp lý và kịp thời.

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, một vấn đề không thể xem thường là việc bổ sung, sửa đổi và tổ chức thực hiện kịp thời, chu đáo các chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội. Các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu đề nghị Nhà nước đổi mới một cách cơ bản, đồng bộ và từng bước thể chế hóa các chính sách đối với cán bộ khi tại ngũ cũng như khi chuyển ra ngoài cho phù hợp với tính chất lao động đặc thù của quân đội và trong điều kiện cơ chế thị trường, làm cho cán bộ gắn bó với quân đội và yên tâm khi ra ngoài quân đội, cũng như các chính sách khác đối với quân đội và hậu phương quân đội.

Việc đánh giá, bố trí, sử dụng, đề bạt cán bộ ở tất cả các cấp đều phải nắm vững quan điểm của Đảng và phải được tiến hành theo một quy trình dân chủ chặt chẽ để đảm bảo chính xác và phải được tập thể cấp ủy quyết định. Đổi mới, kiện toàn và tích cực bồi dưỡng cơ quan và người làm công tác cán bộ các cấp thực sự có phẩm chất tốt và năng lực giỏi để làm tham mưu đắc lực cho cấp ủy đảng. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện công tác cán bộ của các cấp.

Việc tập trung sức làm *chuyển biến năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng*, nhất là ở các đơn vị chiến đấu, cơ quan chiến dịch, chiến lược, học viện, nhà trường và các đơn vị làm kinh tế của quân đội, đang là vấn đề bức xúc. Các cơ quan và các cấp ủy đảng cấp trên cần giúp cho tổ chức cơ sở đảng cụ thể hóa được yêu cầu nhiệm vụ, nội dung xây dựng và phương thức sinh hoạt sát hợp. Khâu then chốt hiện nay là xây dựng chi bộ đảng, thường xuyên cải tiến chất lượng sinh hoạt chi bộ sát với từng loại hình (cơ quan, đơn vị, nhà trường...) để có tác dụng giáo dục thiết thực, khắc phục lối sinh hoạt hình thức.

Phải làm tốt mối liên hệ giữa đảng viên, tổ chức đảng với quần chúng, giữa quân đội và nhân dân. Về mặt này, cần nâng cao trách nhiệm của các cấp bộ đảng, cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng về kiến thức và kinh nghiệm vận động quần chúng phù hợp với hoàn cảnh cụ thể và tùy từng đối tượng. Ở từng chi bộ, thực hiện việc phân công đảng viên làm công tác quần chúng. Xây dựng và đẩy mạnh hoạt động các tổ chức quần chúng trong quân đội. Tiếp tục làm chuyển biến mạnh mẽ công tác dân vận bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động và có hiệu quả thiết thực. Đây vừa là nhiệm vụ chính trị cấp bách hiện nay, vừa là chức năng truyền thống của quân đội ta.

Để có thể mang lại chuyển biến mới của tình hình, cần chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, giải quyết tốt các mối quan hệ giữa lãnh đạo và chỉ huy nhằm phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, củng cố và nâng cao hiệu lực của người chỉ huy, thực hiện đầy đủ chức năng của cơ quan chính trị, phát huy vai trò các tổ chức quần chúng trong quân đội như : thanh niên, công đoàn, phụ nữ, hội đồng quân nhân.

*

Nhiệm vụ của quân đội trong giai đoạn này đặt ra nhiều yêu cầu mới, đòi hỏi đảng bộ quân đội không ngừng đổi mới và chỉnh đốn. Có nghị quyết của Hội nghị Trung ương 3 chỉ dẫn, tổ chức đảng và toàn quân tin ở những tiến bộ mới đạt được trong những năm trước mắt.

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2000

HỒ TẾ *

TÀI chính là phạm trù kinh tế thuộc lĩnh vực phân phối dưới hình thức giá trị, gắn liền với sự ra đời, tồn tại và hoạt động của nhà nước. Nó phát triển trong mối quan hệ hữu cơ với nền kinh tế hàng hóa và quan hệ hàng hóa - tiền tệ.

Từ năm 1986 đến nay, tình hình tài chính ở nước ta mặc dù có nhiều diễn biến phức tạp, song chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Những năm đầu của sự nghiệp đổi mới (1980 - 1988), do sai lầm về điều chỉnh giá lương tiền mà tỷ lệ lạm phát tăng vọt từ 2 con số lên 3 con số (năm 1986 : 587%, năm 1987 : 416%, năm 1988 : 410,9%). Hằng năm bội chi ngân sách chiếm tỷ lệ rất cao (năm 1987 : 17,3%, năm 1988 : 25,1%, năm 1989 : 25,5%). Từ cuối năm 1991 đến tháng 9 năm 1992, nhà nước đã dùng nhiều biện pháp tổng hợp, như quản lý chặt chẽ việc phát hành, cải tiến công tác điều hòa lưu thông tiền tệ, xóa bỏ dần bao cấp qua ngân sách và tín dụng, chấn chỉnh việc quản lý ngoại hối với sự can thiệp của nhà nước vào thị trường vàng và đôla, nên đã từng bước kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, ổn định giá cả, góp phần tăng trưởng kinh tế (từ 7 - 8%/năm).

Cũng trong thời kỳ này, nhiều mặt cơ chế được thay đổi cơ bản đem lại hiệu quả rõ rệt. Trong nông nghiệp, "khoán 10" đã tạo động lực cho kinh tế hộ nông dân phát huy tiềm lực về lao động, đất đai và nguồn vốn hiện có của mình để sản xuất nhiều lương thực và thực phẩm cho xã hội. Việc nhà nước trao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân là sự đổi mới căn bản trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong công nghiệp, quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị sản xuất kinh doanh được thừa nhận, kế hoạch hiện vật được gắn với kế hoạch giá trị và lấy giá trị làm chính. Giám đốc xí nghiệp được trao toàn quyền lựa chọn mặt hàng theo yêu cầu của thị trường. Đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, mọi thành phần kinh tế, mọi hình thức kinh doanh đều được khuyến khích phát triển theo pháp luật. Về mặt tài chính, các chính sách mới được xây dựng từng bước theo hướng chuyển nền tài chính nhà nước sang nền tài chính nhiều thành phần, bao gồm : tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính các tổ chức xã hội và dân cư. Xóa bỏ cơ chế tài chính theo nguyên tắc "cấp phát và giao nộp", thiết lập cơ chế quản lý mới theo nguyên tắc tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Từ thực tế đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - tài chính trong những năm qua, có thể rút ra một số kết luận quan trọng sau đây :

1 - Quản lý tài chính không thể thoát ly sự vận động khách quan của các quy luật kinh tế trong quá trình chuyển đổi cơ chế. Để làm được điều này, cần có bước đi phù hợp với hệ thống chính sách và biện pháp tài chính đồng bộ nhằm đổi mới nền kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô.

2 - Coi trọng vai trò của công cụ tài chính, tiền tệ, kết hợp chặt chẽ với hệ thống các công cụ kinh tế khác như kế hoạch, giá cả... trong điều hành và quản lý nền kinh tế quốc dân. Phân định rõ đối tượng, phạm vi, chức năng quyền hạn giữa tài chính, ngân hàng, kế hoạch để tạo ra hệ thống đòn bẩy kinh tế và điều chỉnh nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

* Bộ trưởng Bộ tài chính

Digitized by Google

3 - Tài chính và cơ chế quản lý tài chính không chỉ bó hẹp trong việc phân phối tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, mà còn cần bảo đảm việc quản lý, khai thác, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn tài sản quốc gia, mọi nguồn vốn trong nước và ngoài nước.

4 - Quản lý tài chính phải góp phần phục vụ sản xuất, tạo môi trường, điều kiện và các biện pháp thu hút, khuyến khích và động viên các nguồn vốn trong nội bộ nền kinh tế bằng nhiều hình thức, nhiều kênh huy động trực tiếp và gián tiếp, thông qua các tổ chức tài chính trung gian, hình thành hệ thống thị trường tài chính hoạt động theo sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật.

5 - Mở rộng và thu hút các nguồn vốn nước ngoài, nhất là nguồn vốn đầu tư trực tiếp để thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo nguồn cho nền tài chính quốc gia, cùng quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn viện trợ, vay nợ theo các địa chỉ cụ thể.

6 - Đổi mới bộ máy tổ chức ngành tài chính phù hợp với cơ chế mới, đào tạo và đào tạo lại cán bộ tài chính, trang bị và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý tài chính phù hợp với sự thay đổi của cơ chế và bộ máy tổ chức.

Những kết luận đó là một trong những căn cứ quan trọng giúp chúng ta hoạch định *mục tiêu* và *giải pháp* thực hiện chính sách tài chính quốc gia đến năm 2000, nhằm củng cố và tăng cường tiềm lực của nền tài chính quốc gia, trước hết là tiềm lực của ngân sách nhà nước và tài chính doanh nghiệp. Cụ thể là phải phấn đấu để :

- Từng bước giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, góp phần ổn định sức mua đồng tiền, ổn định giá cả, kiềm chế lạm phát, và sau năm 1996 có thể giải quyết cơ bản vấn đề lạm phát, tạo điều kiện và môi trường cho sản xuất phát triển, ổn định tình hình kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

- Động viên tới mức cao nhất nguồn vốn và tài sản, các tiềm năng về lao động, tài nguyên và chất xám trong nước ; ra sức khai thác các nguồn vốn từ bên ngoài để đầu tư phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trên nguyên tắc xóa bao cấp, thực hành tiết kiệm, chặn đứng tình trạng lãng phí, tham nhũng, góp phần quan trọng vào việc hình thành cơ cấu kinh tế mới, tăng nhanh tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân và từng bước làm lành mạnh cán cân thanh toán, thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật, giải quyết các vấn đề xã hội và việc làm.

- Hình thành và phát triển các quan hệ tài chính thích ứng với sự hoạt động của thị trường vốn và thị trường tiền tệ, khơi dậy và đẩy mạnh giao lưu các nguồn vốn nhằm cung ứng có hiệu quả cho các lĩnh vực của nền kinh tế.

Để thực hiện được các mục tiêu nói trên, cần tập trung giải quyết một số vấn đề lớn sau :

1 - Về ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước là công cụ quan trọng để điều tiết nền kinh tế. Phải có chính sách động viên hợp lý các nguồn tài chính, đổi mới nội dung chi tiêu, đổi mới cơ chế quản lý ngân sách. Cụ thể là :

a) Động viên các nguồn tài chính vào ngân sách nhà nước trên cơ sở thu nhập từ sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế và dân cư. Chính sách tạo vốn của ngân sách nhà nước là bồi dưỡng, phát triển nguồn thu, tập trung khai thác các nguồn thu trên nguyên tắc phân phối hợp lý thu nhập quốc dân giữa nhà nước và xã hội, giữa tích tụ và tập trung, bảo đảm tính thống nhất và công khai. Nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước là thuế. Do đó, giải pháp quan trọng để thực hiện chính sách là tiếp tục quá trình cải cách hệ thống thuế. Việc hoạch định chính sách thuế phải dựa trên nguyên tắc kích thích sản xuất, định hướng đầu tư và hướng dẫn tiêu dùng hợp lý. Kiên quyết chống thất thu thuế trên mọi phương diện và bằng mọi biện pháp, đưa kỷ luật chấp hành nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước thành nguyên tắc cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức và cá nhân.

Ngoài thuế, cần tăng cường các khoản thu từ phí và lệ phí trên cơ sở quy định thống nhất cả về diện thu và mức thu, chấm dứt tình trạng điều chỉnh tùy tiện ở các ngành, các cấp. Điều cần chú ý là nguồn thu từ phí và lệ phí phải được tập trung thống nhất vào ngân sách nhà nước để bố trí sử dụng theo chế độ quy định. Mở rộng quan hệ hợp tác lao động quốc tế để giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động và tạo nguồn thu ngoại tệ cho ngân sách nhà nước.

Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần sẽ thúc đẩy quá trình mua, bán và cho thuê các tài nguyên và tài sản quốc gia (như cho thuê đất, rừng, mặt biển, mặt

Digitized by Google

sông, hồ...). Vấn đề đặt ra là nhanh chóng củng cố và hoàn thiện hệ thống giá cho thuê tài nguyên và tài sản, mọi nguồn thu từ hoạt động này đều phải tập trung vào ngân sách nhà nước.

b) Vay nợ là biện pháp tích cực để bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước.

- Đổi mới hoạt động phát hành công trái cả về mặt hình thức và nội dung nhằm khuyến khích các tổ chức và cá nhân mua công trái. Thanh toán trả nợ dân đầy đủ, đúng hạn và bảo đảm các quyền lợi vật chất khác ghi trong phiếu công trái.

- Tiến hành các nghiệp vụ vay dân thông qua phát hành công trái, các loại tín phiếu kho bạc để huy động nguồn tiền mặt cho kho bạc và giải quyết một phần khó khăn cho ngân sách nhà nước.

- Đối với vay nợ nước ngoài để bù đắp thiếu hụt ngân sách, cần tính toán kỹ lưỡng và quản lý chặt chẽ, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn vay. Chỉ sử dụng vốn vay cho đầu tư phát triển kinh tế, chứ không dùng để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng của ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, cần tranh thủ nguồn vốn viện trợ của chính phủ, của các tổ chức quốc tế và các cá nhân người nước ngoài. Các khoản viện trợ cần được thể hiện qua ngân sách nhà nước và bố trí sử dụng cho các mục đích đã được chỉ định.

c) Có chính sách phân phối và sử dụng tốt vốn ngân sách nhà nước. Chấm dứt các khoản chi có tính chất bao cấp, thực hiện phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm", bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Về các chính sách và biện pháp tiêu dùng thường xuyên, nhà nước sẽ phân bổ nguồn vốn cho các mục tiêu nhằm giảm tốc độ tăng dân số ; tiến hành phân bố lại lao động, tạo công ăn việc làm ; hỗ trợ đầu tư cho các trường phổ thông cơ sở ; bảo đảm nghĩa vụ đối với thương binh, thân nhân gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng...

Đối với công tác nghiên cứu khoa học, cần coi trọng đầu tư nhằm bảo đảm cho đội ngũ trí thức có khả năng và điều kiện đóng góp trí tuệ cho yêu cầu tăng trưởng kinh tế của đất nước. Chi quản lý hành chính thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn, định mức phù hợp. Không nên chi đầu tư xây dựng trụ sở và các công trình chưa thực sự cần thiết cho yêu cầu quản lý. Kiện toàn bộ máy, củng cố các hoạt động tài chính trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, bảo đảm chi tiêu tài chính đúng mục đích, đúng đối tượng và triệt để tiết kiệm. Thực hiện quan điểm quốc phòng toàn dân, giảm số lượng đi đôi với nâng cao chất lượng của quân đội thường trực. Trong lĩnh vực đầu tư quốc gia, ngân sách nhà nước cần bố trí nguồn hợp lý và ngày càng tăng để bảo đảm vai trò điều tiết vĩ mô của nhà nước, ổn định đời sống kinh tế xã hội. Hằng năm, ngân sách nhà nước cần dành một khoản chi với tỷ lệ thích đáng (15 - 20% tổng số chi) để trả nợ, kết hợp giữa vay nợ mới và trả nợ cũ một cách hợp lý, có hiệu quả.

Về các chính sách và biện pháp chi đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhà nước trước mắt sẽ hướng vốn ngân sách đầu tư vào hệ thống kết cấu hạ tầng, vào một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng yếu nhằm bảo đảm sự phát triển bình thường của nền kinh tế. Các khoản chi đầu tư từ ngân sách nhà nước đều dựa trên nguyên tắc hoàn vốn. Với tốc độ phát triển kinh tế như hiện nay, dự kiến trong giai đoạn 1992 - 1995, sẽ dành khoảng 20 - 25% tổng số chi ngân sách nhà nước cho mục đích đầu tư phát triển kinh tế.

2 - *Chính sách tài chính đối với doanh nghiệp*

Tài chính doanh nghiệp là bộ phận chủ yếu của nền tài chính quốc gia, có chức năng huy động, tích tụ và phát triển vốn trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh và không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Chính sách tài chính đối với doanh nghiệp là khuyến khích, tạo điều kiện và định hướng cho các doanh nghiệp đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp nhà nước được cấp vốn đầu tư ban đầu và thực hiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc phân biệt quyền sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện với quyền sử dụng tài sản trong từng doanh nghiệp để hình thành hệ thống quản lý doanh nghiệp thích hợp. Trước mắt, cần xử lý ngay các cơ sở kinh tế nhà nước theo hướng : chuyển phần lớn các xí nghiệp sang hình thức công ty cổ phần. Đương nhiên, tùy theo tầm quan trọng của từng lĩnh vực mà xác định tỷ lệ cổ phần của nhà nước trong tổng số vốn của doanh nghiệp. Các cơ sở sản xuất kinh doanh kém hiệu quả có thể thực hiện phương thức tư nhân hóa hoặc cho giải thể.

Đối với *doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh*, nhà nước cần hoàn chỉnh các định chế về sở hữu vốn và tài sản, về quyền

Digitized by Google

thừa kế, chuyển nhượng, lựa chọn, thay đổi hướng đầu tư theo chính sách và luật pháp, về quyền sử dụng kết quả kinh doanh (sau khi nộp thuế), về nghĩa vụ đối với nhà nước. Trong giai đoạn tới, cần phát triển hình thức doanh nghiệp cổ phần với sở hữu hỗn hợp (nhà nước và tư nhân). Các xí nghiệp tư nhân, kể cả tư nhân người nước ngoài cư trú thường xuyên ở Việt nam, được khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước và được bình đẳng trước pháp luật.

Về phân phối thu nhập, mọi xí nghiệp đều bình đẳng trong sản xuất kinh doanh và có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo pháp luật quy định. Phần thu nhập còn lại sau khi đã bù đắp chi phí và nộp các khoản theo nghĩa vụ, xí nghiệp được toàn quyền tự phân phối và sử dụng cho các nhu cầu của mình. Khuyến khích các doanh nghiệp dành lợi nhuận tái đầu tư cho sản xuất. Xóa bỏ cơ chế bù lỗ từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp nhà nước.

3 - *Chính sách tiền tệ và tín dụng*

Trong cơ chế mới, hoạt động kinh doanh tiền tệ và tín dụng cần được quản lý thống nhất bằng luật pháp và cơ chế. Định hướng phát triển hệ thống tín dụng đa thành phần (quốc doanh, cổ phần, hợp doanh) ; khuyến khích các ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh tại Việt nam. Phát triển mạnh mẽ các hoạt động tín dụng ở nông thôn ; mở rộng và đa dạng hóa các loại hình tín dụng và các hình thức thu hút cung ứng vốn tín dụng.

Xây dựng những định chế nghiêm ngặt về vốn, về ký quỹ, về nghiệp vụ ngân hàng và hệ thống kiểm tra, thanh tra nhằm ngăn chặn kịp thời tệ đầu cơ, lừa đảo. Mặt khác, thực hiện cơ chế lãi suất tín dụng thị trường (lãi suất dương), tăng cường vai trò của ngân hàng nhà nước trong hoạt động tín dụng, thông qua các công cụ ký quỹ, lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu và tham gia thị trường tiền tệ. Điều cần chú ý là khuyến khích và định hướng các tổ chức và cá nhân tự do mua bán, chuyển nhượng các loại tín phiếu, cổ phiếu, công trái... tiến tới hình thành và phát triển thị trường vốn và sở giao dịch chứng khoán tại Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện đa dạng hóa kết cấu tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho thị trường tiền tệ hoạt động. Tránh tình trạng khan hiếm tiền mặt trong đời sống kinh tế ; kiểm soát mối quan hệ giữa cung ứng tiền tệ với tăng trưởng kinh tế, lạm phát, giá cả... Mặt khác, chấm dứt phát hành tiền làm nguồn tín dụng. Nhà nước thực hiện quản lý thống nhất ngoại tệ, chủ động thông qua quỹ dự trữ vàng và ngoại tệ để tác động đến thị trường, điều hòa cung - cầu. Mọi hoạt động của doanh nghiệp ngân hàng đều chịu sự kiểm soát về tài chính của cơ quan tài chính nhà nước.

4 - *Chính sách tài chính đối ngoại*

Kiên trì chính sách đổi mới, tích cực tham gia các công việc của cộng đồng quốc tế và khu vực trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và bảo vệ chủ quyền dân tộc. Chính sách huy động vốn từ nước ngoài được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực. Điều cần chú ý là thực hiện triệt để và nhất quán chính sách xuất nhập khẩu và chính sách mở cửa kinh tế với bên ngoài nhằm kích thích phát triển sản xuất trong nước và cải thiện cán cân thanh toán. Bằng các công cụ thuế, tỷ giá, tài trợ và tín dụng, nhà nước thực hiện chính sách vừa bảo hộ sản xuất trong nước, vừa khuyến khích và tạo điều kiện cho tất cả các ngành, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài tập trung cho sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng xuất khẩu.

Để tạo điều kiện và môi trường cho sự thâm nhập của các nguồn vốn đầu tư trực tiếp, bảo đảm lợi ích chính đáng của các nhà đầu tư, nhà nước cần đơn giản hóa các thủ tục về xuất nhập cảnh, đi lại, ăn ở cho các nhà doanh nghiệp và các thương nhân. Từng bước hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, luật pháp hóa các chủ trương, chính sách, phát triển các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm tài chính, kế toán phục vụ cho hoạt động của các nhà đầu tư, tạo ra sự tin cậy đối với họ.

Về vốn vay nợ, các doanh nghiệp và các chủ đầu tư được vay vốn trên thị trường tín dụng quốc tế và thực hiện chế độ bảo lãnh do pháp luật quy định. Các tổ chức đi vay phải có khả năng, điều kiện và kế hoạch trả nợ đúng hạn, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay và trả nợ.

Đối với vốn viện trợ của chính phủ, các tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài cho chính phủ và các tổ chức doanh nghiệp ta (gồm vốn cho vay ưu đãi và vốn viện trợ không hoàn lại), cần có sự quản lý thống nhất và sử dụng hợp lý, có hiệu quả, tạo sự tin cậy đối với các nước và các tổ chức tài trợ quốc tế.

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH DÂN SỐ QUỐC GIA TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

HỒNG VINH*

TRƯỚC đây, khi nói về dân số, hoặc chính sách dân số, nhiều người chỉ nghĩ tới kế hoạch hóa gia đình. Nói về kế hoạch hóa gia đình, nhiều người chỉ nghĩ tới việc giảm tỷ lệ sinh thô. Cách nghĩ như vậy không sai, nhưng không đầy đủ. Vấn đề dân số và chính sách dân số của quốc gia được nêu lên trong các văn kiện Đại hội VII của Đảng, có nội dung rộng lớn và phong phú hơn nhiều. Nó không chỉ đề cập tới tỷ lệ sinh, tới quy mô gia đình, mà còn đề cập cả mặt cơ cấu phân bố, và chất lượng sống của từng đối tượng.

Quán triệt tư tưởng chiến lược phát triển đất nước, các cơ quan soạn thảo chính sách dân số quốc gia đang khẩn trương làm việc để đưa ra những văn bản pháp quy của Nhà nước ta, như các điều luật, nghị định, quyết định, các chương trình mục tiêu về dân số phù hợp với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến năm 2000 và xa hơn nữa, sang những năm đầu của thế kỷ 21. Có ý kiến cho rằng, chính sách dân số của quốc gia nào cũng hàm chứa rất nhiều nội dung, nhưng ở nước ta hiện nay, quy mô dân số là vấn đề bức xúc nhất. Trong khi ta chưa đủ sức giải quyết tất cả các vấn đề, thì chính sách dân số nên dừng ở phạm vi *hẹp*, tác động đến quá trình sinh đẻ, tử vong và di dân là chính. Sau này, khi điều kiện cho phép, mới thực thi chính sách dân số ở phạm vi *rộng*, tác động đến cả tính *cơ động xã hội*, bảo đảm đạt tới *một cơ cấu xã hội hợp lý nhất* bằng cách kích thích sự chuyển dịch của nhóm xã hội này sang nhóm xã hội khác, bao gồm cả sự thay đổi về thành phần kinh tế, văn hóa, xã hội và nghề nghiệp của dân cư phù hợp với sự phát triển.

Có ý kiến lại cho rằng, chính sách dân số quốc gia nếu được hiểu với ý nghĩa là một *chiến lược dân số* tương ứng với chiến lược kinh tế - xã hội, thì ngay từ khi bắt đầu được xây dựng, nó đã cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa "hẹp và "rộng", giữa trước mắt và lâu dài. Trong chiến lược phát triển, phải có sự kết hợp tốt giữa chính sách dân số với các chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục và các chính sách xã hội khác. Khó có thể đưa ra một chính sách dân số hẹp đúng, nếu không có định hướng của một chính sách dân số rộng. Cũng khó đạt tới kết quả tốt đẹp của một chính sách dân số rộng, nếu ngay từ bây giờ và trong một số năm tới chúng ta không giải quyết được vấn đề quy mô dân số, tỷ lệ sinh đẻ hợp lý... Vậy ở ta cần có một chính sách dân số quốc gia bao quát được cả ba mặt "quy mô", "cơ cấu" và phân bố, xem nó là bộ phận trọng yếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là yếu tố trực tiếp thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, nhưng trong chặng đường từ nay đến năm 2000, vấn đề "quy mô" là vấn đề bức xúc nhất, là khâu đột phá mà kết quả của nó quyết định sự thành bại của toàn bộ chiến lược về dân số ở nước ta.

*

Nước ta đang đứng trước một sức ép rất nặng nề về tăng số dân. Theo số liệu của Ủy ban quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình, năm 1992 số

Digitized by Google

dân nước ta lên tới 70 triệu người, và về số dân, nước ta xếp thứ 12 trong số 226 quốc gia trên thế giới. Nếu chỉ nhìn qua con số này, có thể chưa thấy hết tính bức xúc, gay gắt của vấn đề. Nhưng nếu so sánh giữa một bên là số dân và một bên là tài nguyên, của cải hiện có của đất nước, thì bất cứ ai nhạy cảm với những vấn đề kinh tế - xã hội đều phải "giật mình". Mật độ dân số nước ta hiện khoảng 208 người/km^2 trong khi theo tính toán của các nhà khoa học, để đảm bảo cuộc sống bình thường trong điều kiện kinh tế kỹ thuật hiện nay, mật độ dân số mỗi nước chỉ nên ở mức 35 - 40 người/km^2. Như vậy ngay bây giờ, chứ không phải trong tương lai xa, mật độ dân số nước ta đã cao gấp 5 lần "mật độ chuẩn" (1). Là nước nông nghiệp, nhưng diện tích đất canh tác của ta chỉ có 0,11 ha/người, trong khi ở Tây Âu, nơi công nghiệp đã phát triển cao, chỉ tiêu này vẫn ở mức 2,17 ha/người (mỗi nước bình quân hơn ta khoảng 20 lần ; có nước thực tế hơn ta 100 lần). Về tổng sản phẩm quốc dân, nước ta bình quân đầu người mới đạt mức trên dưới 200 USD, trong khi ở các nước công nghiệp phát triển, chỉ tiêu này trung bình ở mức 15000 USD, (tức hơn ta 75 lần), có nước đạt tới 25000 USD (hơn ta trên 100 lần) (2). Rõ ràng, chẳng những về đất đai, mà cả về mức thu nhập, nước ta đang ở tình trạng "nghèo tuyệt đối" so với các nước phát triển, và "nghèo tương đối" so với các nước đang phát triển.

Ấy thế mà số dân nước ta vẫn đang tăng nhanh, vượt xa tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nếu lấy khoảng thời gian 70 năm (1921 - 1990) mà xét, ta thấy 35 năm đầu (1921 - 1955) cả nước chỉ tăng 9,6 triệu người, còn 35 năm cuối (1955 - 1990) tăng thêm 41,6 triệu. Mỗi thập kỷ trong giai đoạn đầu số dân chỉ tăng 2 - 3 triệu, còn trong giai đoạn sau, mặc dù có cuộc vận động "kế hoạch hóa gia đình", số dân vẫn tăng trên 10 triệu (3). Ủy ban quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình cho biết : từ tổng điều tra dân số năm 1989 đến nay, mới hơn 3 năm, nhân khẩu nước ta đã tăng thêm 4,5 triệu, bằng số dân của ba tỉnh Tiền giang, Quảng nam - Đà nẵng và Thái bình cộng lại. Nếu dân số cứ tiếp tục tăng hằng năm trên 2% như hiện nay (bình quân mỗi gia đình có 4 con) thì 30 - 35 năm sau, số dân cả nước sẽ lên tới 149 triệu. Trên một địa bàn lãnh thổ chật hẹp, kinh tế công nghiệp chưa phát triển, mà số dân tăng gấp đôi trong một khoảng thời gian ngắn, đó cũng là một nguyên nhân trực tiếp gây nên nạn thất nghiệp và bao tệ nạn xã hội khác. Thật vậy, số dân tăng nhanh, đất canh tác bình quân sẽ càng thu hẹp, rừng sẽ bị tàn phá thêm, nguồn nước và thức ăn sẽ càng khan hiếm, tình trạng thất học và không được chăm sóc về y tế sẽ càng phổ biến. Và như vậy, làm sao phát triển được trí tuệ và thể lực của giống nòi ? Có thể thấy trước những mục tiêu kinh tế - xã hội từ nay đến năm 2000 ít có khả năng đạt được. Vì sao ? Bởi cuối thập kỷ 90 này, chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc dân (GNP) theo đầu người ở ta có thể tăng 2,5 lần, nhưng với tốc độ tăng dân số như hiện nay, thì bình quân thu nhập theo đầu người ở ta khi đó cũng chỉ ở mức 400 USD, nghĩa là, cuối thế kỷ này, nước ta vẫn ở mức nước nghèo. Hiện nay, về thu nhập thực tế, ta thua kém các nước phát triển tới 75 lần. Nếu số dân cứ tiếp tục tăng với tỷ lệ như hiện nay, thì đến năm 2000, cho dù GNP của ta giả định có tăng nhanh bằng các nước phát triển, khoảng cách về thu nhập thực tế giữa ta và các nước đó sẽ càng lớn hơn nữa : không phải là 75 lần mà là 100 lần ! Nói cách khác, số dân tăng nhanh đang như một gánh nặng đè lên nền kinh tế nước ta, kìm hãm mạnh xu hướng nâng GNP. Không nâng được GNP theo đầu người, luẩn quẩn mãi trong tình trạng nước nghèo và kém phát triển, thì cái gì chờ đợi chúng ta khi bước vào thế kỷ 21 ? Điều này mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân đều có thể hình dung được.

(1) Xem *Những quy luật địa lý chung của trái đất*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà nội, 1978, tr310.

(2) Theo *The State of World Population 1991*, thu nhập quốc dân bình quân đầu người năm 1988 của Nhật-bản là 21020 USD, của Hồng-kông là 9220 USD, của Xin-ga-po là 9070 USD, của Nam Triều-tiên là 3600 USD, của Trung quốc là 330 USD, của Thái-lan là 1000 USD.

(3) Theo tài liệu của giáo sư, tiến sĩ Lương Xuân Quỳ, phó hiệu trưởng Trường đại học kinh tế quốc dân, công bố tại cuộc hội thảo về chính sách dân số, do Ủy ban quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình tổ chức ngày 28-7-1992 tại Hà nội.

Digitized by Google

*

Từ những năm 60, Đảng và Nhà nước ta đã sớm thấy nguy cơ của việc số dân tăng quá nhanh. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được triển khai theo tinh thần các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước ta, đã được ngành y tế, Hội liên hiệp phụ nữ và Tổng công đoàn tích cực hưởng ứng. Nó cũng đã thu hút được sự giúp đỡ về vật chất và kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch tiến hành 30 năm qua ở miền Bắc và 17 năm qua ở miền Nam đã đạt được những kết quả nhất định : hạ tỷ lệ sinh bình quân ở mỗi gia đình từ 6 con những năm 1961 - 1962 xuống còn dưới 4 con hiện nay ; tạo được tâm lý mới về sinh đẻ và nuôi dạy con trong các đối tượng dân cư ở thành phố, thị xã và một bộ phận nhỏ dân cư ở nông thôn.

Tuy nhiên, mục tiêu giảm tỷ lệ sinh xuống 1,7% đề ra từ sau khi nước nhà thống nhất, được nhắc lại qua ba kỳ Đại hội toàn quốc thứ V, VI và VII của Đảng, vẫn chưa thực hiện được. Nguyên nhân có thể do mục tiêu đề ra có phần cao so với khả năng thực tế. Nhưng chủ yếu có lẽ do quan niệm về công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình còn quá đơn giản, dẫn đến các giải pháp thiếu đồng bộ ; nguồn lực đầu tư vừa ít lại phân tán ; tổ chức bộ máy làm công tác dân số chưa đủ mạnh ; sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và chính quyền chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ, nhiều nơi khoán trắng công tác này cho ngành y tế, v.v..

Để có mức sinh hợp lý, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng mức sống và chất lượng sống của nhân dân, chính sách dân số quốc gia của ta phải huy động được mọi nỗ lực của cộng đồng nhằm đạt mức sinh đẻ thay thế tự nhiên, trung bình mỗi gia đình chỉ có 1 - 2 con trong 15 - 20 năm tới. Mục tiêu tổng quát của chính sách này là "thực hiện gia đình quy mô nhỏ, khỏe mạnh, văn minh, giàu có, góp phần vào sự phồn vinh của đất nước". Hiện nay, quy mô gia đình nước ta còn lớn, trung bình là 3,8 con. Mức tăng số dân hằng năm vẫn trên 2,2%. Cứ với quy mô và tốc độ này thì đến năm 2015, số dân nước ta sẽ lên tới khoảng 120 triệu. Trái lại, nếu thực hiện được quyết tâm hạ tỷ lệ này xuống 1,7 - 1,8%, bảo đảm mỗi gia đình trung bình chỉ có 2 con, thì tới năm 2015, số dân nước ta chỉ khoảng 100 triệu (giảm được khoảng 20 triệu). Nếu những năm trước mắt đạt được mức phấn đấu mỗi cặp vợ chồng trung bình chỉ có 3 con, thì đến năm 2000, số dân cả nước khoảng 81 triệu, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình liên quan chặt chẽ và tác động trực tiếp đến các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, mang lại lợi ích trực tiếp cho mọi người, mọi gia đình thực hiện chính sách này.

Chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình cũng tác động trực tiếp đến tâm lý xã hội phức tạp, nhằm thay đổi nhận thức về quy mô gia đình và phổ cập rộng rãi các phương pháp hiện đại về kế hoạch hóa gia đình. Do đó, nó đòi hỏi tính tự giác rất cao của từng người, từng gia đình, và cần được xã hội hóa cao trong quá trình thực hiện.

Hệ thống chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình trong phạm vi hẹp đề cập ở bài này, gồm những quy định nhằm khuyến khích và không khuyến khích việc sinh đẻ. Ủy ban dân số - kế hoạch hóa gia đình đang nghiên cứu chuẩn bị một số chính sách cụ thể. Chẳng hạn, đối với những hộ đăng ký thực hiện chương trình dân số thì được cung cấp các phương tiện và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình không mất tiền ; được các cơ sở y tế và cán bộ chuyên môn theo dõi sức khỏe định kỳ và xử lý khi có hiện tượng không bình thường liên quan đến việc sử dụng các phương tiện tránh thai ; được bồi dưỡng khi làm thủ tục triệt sản. Những hộ đăng ký thực hiện "quy mô gia đình nhỏ 1 - 2 con" nếu ở nông thôn thì được các ưu đãi : giảm một phần thuế nông nghiệp trong thời gian nuôi dưỡng trẻ ; được phân phối đất canh tác, đất thổ cư như các gia đình đông con. Đối với cán bộ, công nhân,

Digitized by Google

viên chức đăng ký thực hiện quy định trên thì được ưu tiên phân phối nhà ở, được đi tham quan, nghỉ mát, nâng cao tay nghề, không phải đóng học phí cho con học bậc phổ thông, không mất tiền khám, chữa bệnh cho con dưới 15 tuổi...

Chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình cũng bao gồm những hình thức khen thưởng bằng vật chất cho những người vận động được người khác chấp nhận các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và những người tích cực làm dịch vụ này. Chính sách cũng bảo hộ và khuyến khích xuất khẩu các mặt hàng kế hoạch hóa gia đình sản xuất trong nước có chất lượng cao ; miễn thuế nhập khẩu và nghiêm cấm việc tái xuất các mặt hàng kế hoạch hóa gia đình.

Đối với các dân tộc ít người, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình không nhằm hạ mà khuyến khích nâng tỷ lệ sinh phù hợp với điều kiện từng vùng và từng dân tộc.

Do chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình liên quan chặt chẽ với các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, nên khi xây dựng nó phải xuất phát từ những quan điểm cơ bản trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng phải đổi mới các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội cho phù hợp với nó. Các bộ, ngành và tổ chức xã hội nên rà soát lại và hủy bỏ những quy định cũ (như quy định về phân phối nhà ở, về trợ cấp, v.v.) trực tiếp hoặc gián tiếp khuyến khích việc nâng tỷ lệ sinh. Nhà nước nên sửa đổi và sớm ban hành một số chính sách hỗ trợ cho chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình (như tạo công ăn việc làm ; phân bố dân cư hợp lý trên các địa bàn lãnh thổ ; xóa nạn mù chữ, phát triển nông thôn ; nâng cao vị thế của phụ nữ ; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tuổi già) để nhân dân yên tâm thực hiện mô hình gia đình nhỏ 1 đến 2 con.

Tóm lại, xây dựng tốt chính sách dân số quốc gia trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đại hội VII của Đảng đã khẳng định : "Giảm tốc độ tăng *dân số* là một quốc sách, phải trở thành cuộc vận động rộng lớn, mạnh mẽ và sâu sắc trong toàn dân" (4). Qua các cuộc hội thảo về chính sách dân số quốc gia, phần đông ý kiến đều cho mục tiêu tổng quát và mục tiêu trước mắt về dân số từ nay đến năm 2000 là hợp lý. Điều quyết định còn lại, theo tôi, là :

1 - Các cấp ủy đảng và chính quyền từ trung ương đến cơ sở thật sự lãnh đạo, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, làm chuyển biến mạnh mẽ tư tưởng và tác phong chỉ đạo của các ngành, các cấp và các tổ chức xã hội, không khoán trắng công tác này cho một số ngành chức năng.

2 - Công tác thông tin, giáo dục cần được tăng cường và mở rộng tới mọi miền, mọi vùng, mọi đối tượng, đặc biệt tới các đối tượng chủ yếu ở nông thôn, nhằm làm chuyển biến nhận thức, thái độ của nhân dân đối với vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình. Cần tác động mạnh tới đối tượng ở độ tuổi sinh đẻ. Đồng thời cũng cần đưa vấn đề này vào chương trình giáo dục trong nhà trường để thế hệ trẻ có cách ứng xử đúng khi lập gia đình. Các tổ chức văn học nghệ thuật cần xây dựng chương trình sáng tác và biểu diễn có chất lượng cao phục vụ chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình của quốc gia, giúp cho sự hình thành tâm lý mới và định hướng giá trị mới trong quần chúng đối với việc thực hiện quy mô gia đình nhỏ, ít con. Không đưa lên đài truyền hình, đài phát thanh và sân khấu những sáng tác chất lượng thấp, giễu cợt nhạt nhẽo, làm mất tính nghiêm túc của vấn đề, và làm người xem, người nghe khó chịu. Không phổ biến những văn hóa phẩm khiêu dâm, kích dục làm tăng số người có thai ngoài kế hoạch và tăng tỷ lệ phá thai...

3 - Củng cố và tăng cường hệ thống tổ chức làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, đổi mới các hoạt động dịch vụ cho phù hợp với cơ chế mới. Phải xây dựng mạng lưới từ trung ương đến

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr76

Digitized by Google

các cơ sở làng bản, đủ sức làm tham mưu, quản lý, điều phối và thực hiện có hiệu quả chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình trong cả nước, cũng như từng địa phương. Ở các cấp trung ương và tỉnh, huyện, nên kiện toàn Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình. Ủy ban này phải do một đồng chí lãnh đạo cấp hành chính tương ứng làm chủ tịch ; một đồng chí phó chủ tịch có năng lực làm chuyên trách và các đại diện của các ngành kế hoạch, tài chính thống kê, y tế, văn hóa thông tin, lao động và các đoàn thể làm thành viên phối hợp. Cơ quan thường trực của ủy ban các cấp cần gọn nhẹ, nhưng phải đủ cán bộ chuyên trách có năng lực để quản lý, điều phối chương trình. Ở cấp xã phường, tùy theo số dân và điều kiện địa lý, có thể bố trí 1 hoặc 2 định suất chuyên trách làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể triển khai các hoạt động theo sự chỉ đạo của Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình cấp trên, nhằm chuyển tải thông tin và cung cấp kịp thời các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến tận người dân.

4 - Tăng nguồn lực đầu tư. Muốn thực hiện được mục tiêu tổng quát xây dựng gia đình quy mô nhỏ, khỏe mạnh, văn minh, và mục tiêu trước mắt hạ tỷ lệ sinh xuống còn 1,7 - 1,8% để có số dân thích hợp khoảng 81 triệu vào năm 2000, ngoài các giải pháp về lãnh đạo, quản lý và tổ chức lực lượng vừa nói ở trên, cần tăng nguồn tài chính và các nguồn lực khác đầu tư cho các chương trình cụ thể, như chương trình đào tạo cán bộ, chương trình giáo dục và truyền thông, chương trình xây dựng hệ thống các chính sách và kế hoạch hóa, chương trình kiểm kê dân số định kỳ, điều tra, chọn mẫu hằng năm, phân tích các động thái dân số, v.v.. Theo số liệu năm 1980 của các nước trong khu vực (như In-đô-nê-xi-a, Thái-lan, Nam Triều- tiên...), bình quân chi phí theo đầu người mỗi năm ở đây cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là từ 0,5? đến 1,18 đô la. So với các nước trong khu vực, thực chi của nước ta cho lĩnh vực hoạt động này trong những năm qua rất thấp. Phần lớn còn dựa vào nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức quốc tế. Giờ đây, chúng ta vẫn phải tiếp tục huy động tối đa nguồn tài trợ này. Nhưng để chính sách dân số quốc gia thực thi có hiệu quả cao trên phạm vi cả nước, nhà nước cần dành thêm ngân sách cho các chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Vấn đề...

(Tiếp theo trang 18)

kém các doanh nghiệp tư nhân. Lâm trường quốc doanh phải thực hiện tốt chức năng liên kết sản xuất trên mỗi địa bàn, để vừa thực hiện được mục tiêu định hướng cơ cấu sản xuất đối với vùng, vừa phát huy được khả năng to lớn của mọi tầng lớp nhân dân trong sản xuất kinh doanh cũng như trong việc bảo vệ môi trường sinh thái.

*

Để thực hiện tốt và có hiệu quả chính sách giao đất giao rừng, cần áp dụng đồng thời nhiều loại biện pháp, trong đó việc đổi mới và hoàn thiện chính sách giao đất giao rừng là hết sức quan trọng nhằm khơi dậy và thu hút mọi tiềm năng to lớn trong nhân dân. Chính sách ấy cần khẳng định quyền sử dụng lâu dài, kể cả quyền thừa kế, chuyển nhượng quyền sử dụng. Đặc biệt, đối với các vùng dân tộc thiểu số, vùng xa xôi hẻo lánh, có nhiều khó khăn, nhà nước cần có chính sách đầu tư, hỗ trợ, cho vay và thu hút vốn của nước ngoài để gây trồng, phát triển rừng và chế biến nông lâm sản, tạo nên động lực mới, phát triển mạnh mẽ các vùng này.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ GIAO ĐẤT GIAO RỪNG ĐẾN HỘ GIA ĐÌNH

PHAN THANH XUÂN *

I - *NHỮNG TIẾN BỘ VÀ KHÓ KHĂN TỒN TẠI*

Giao đất giao rừng là một trong những chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện đường lối phát triển lâm nghiệp dựa vào sức dân, thu hút mọi năng lực tiềm tàng của các thành phần kinh tế về lao động, nguồn vốn, kinh nghiệm kỹ thuật vào việc bảo vệ, sử dụng có hiệu quả đất đai tài nguyên, tạo công ăn việc làm, tăng thêm sản phẩm cho xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Chủ trương giao đất, giao rừng đã có từ năm 1968, nhưng phải nói rằng kể từ khi có Chỉ thị 29 của Ban bí thư trung ương (tháng 11-1983) thì công tác này mới có nội dung cụ thể. Tuy nhiên, do nhận thức và bối cảnh lịch sử, do quan niệm cứng nhắc rừng và đất rừng là tài sản quốc gia thì phải do nhà nước thống nhất quản lý, việc kinh doanh khai thác đều phải do quốc doanh và tập thể làm, nên việc giao đất, giao rừng chủ yếu là giao cho quốc doanh và tập thể làm. Kết quả là mặc dù đã giao được trên 4 triệu ha rừng và đất rừng, nhưng hiệu quả quản lý kinh doanh số diện tích đó rất thấp. Nhiều nơi sau khi được giao, rừng vẫn tiếp tục bị phá hoại, đất trống đồi trọc vẫn bị bỏ hoang.

Những năm gần đây, sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (T.Ư. khóa VI) về đổi mới cơ chế khoán trong nông nghiệp, ngành lâm nghiệp và các địa phương đã vận dụng và thực hiện giao đất giao rừng trực tiếp đến hộ nông dân (hoặc áp dụng hình thức khoán trực tiếp đến hộ gia đình cán bộ công nhân viên trong lâm trường), lấy hộ làm đơn vị sản xuất kinh doanh và đơn vị hợp đồng khoán, nên kết quả giao đất giao rừng đã có những tiến bộ đáng kể, mang lại khởi sắc mới cho nghề rừng nước ta. Ở những nơi làm đúng và có chính sách khuyến khích rõ ràng, rừng và đất rừng đã thực sự có người làm chủ cụ thể, không còn tình trạng làm chủ chung chung mà thực chất là vô chủ. Người nhận đất, nhận rừng yên tâm đầu tư vào việc kinh doanh rừng và bồi bổ đất đai, nhiều nơi đã có sản phẩm hàng hóa. Diện tích đất trống đồi trọc được đưa vào khai thác, sử dụng ngày càng tăng. Nhiều loại mô hình rừng vườn và trang trại, thực hiện nông lâm kết hợp, đã phát triển khá phổ biến ở nhiều địa phương, có hộ gia đình đã đầu tư vốn trồng hàng trăm ha rừng. Qua nhận đất, nhận rừng, phát triển kinh tế vườn, đời sống của nhân dân đã khá lên rõ rệt. Những hộ nông dân và hộ công nhân viên chức nhận đất kinh doanh có thu hoạch hằng năm vài chục triệu đồng không còn là hiện tượng hiếm thấy. Trong những năm gần đây, mặc dầu nhà nước giảm mạnh đầu tư cho trồng rừng, mỗi năm cả nước vẫn trồng được từ 120 000 đến 150 000 ha rừng, trong đó 52% do nhân dân tự bỏ vốn để trồng. Đó là tiến bộ đáng kể của công tác giao đất giao rừng theo cơ chế mới.

Tuy nhiên, kết quả và tiến bộ nói trên chưa đều. Bên cạnh những đơn vị và địa phương làm tốt, việc giao đất giao rừng ở nhiều nơi vẫn mang nặng tính chất hình thức, chưa xem trọng chất lượng và hiệu quả thiết thực, giao nhưng lại buông lỏng quản lý, thiếu hướng dẫn, tổ chức nhân dân sản xuất kinh doanh cụ thể. Ở nhiều nơi, nhất là ở vùng cao, đồng bào chưa có tập quán làm rừng, vấn đề bảo đảm lương thực và đời sống hằng ngày cho đồng bào còn rất khó khăn, khả năng đầu tư hạn chế, cơ sở dịch vụ và thị trường tiêu thụ chưa được giải quyết, thì việc giao đất giao rừng dường như chưa có kết quả và tiến bộ cụ thể.

II - *TIẾP TỤC ĐỔI MỚI ĐỂ THỰC HIỆN CÓ KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIAO ĐẤT GIAO RỪNG*

Ngành lâm nghiệp được nhà nước giao quản lý kinh doanh 19,3 triệu ha rừng và đất rừng, trong đó có 10 triệu ha đất trống đồi núi trọc cần phải sớm được phủ xanh và đưa vào khai thác sử dụng để cải

* Thứ trưởng Bộ lâm nghiệp

Digitized by Google

tạo môi trường sinh thái và tạo công ăn việc làm cho hàng triệu hộ gia đình. Do khả năng đầu tư của nhà nước có hạn, nên việc thu hút và phát huy tiềm năng về vốn của các thành phần kinh tế vào sự nghiệp to lớn này là điều cần thiết. Mặt khác, rừng và đất rừng là địa bàn sinh sống của hơn 20 triệu đồng bào miền núi, trong đó hơn 2 triệu còn sống du canh du cư. Cho nên việc thu hút và tổ chức lực lượng to lớn này vào việc xây dựng bảo vệ và phát triển rừng theo hình thức nông lâm kết hợp thông qua việc giao đất giao rừng và tổ chức lại sản xuất lâm - nông nghiệp trên địa bàn này, là yêu cầu khách quan của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội miền núi, đồng thời cũng là đòi hỏi bức thiết của bản thân sự tồn tại và phát triển của nghề rừng nước ta, trước mắt cũng như lâu dài.

Trong chiến lược phát triển lâm nghiệp đến năm 2000, cả nước sẽ phấn đấu tạo thêm 5 triệu ha rừng (kể cả trồng và khoanh nuôi tái sinh), thực hiện nông lâm kết hợp, thu hút và tạo việc làm cho 1 triệu hộ với 2 triệu lao động. Nhằm thực hiện mục tiêu này, biện pháp có tầm chiến lược quan trọng nhất, là tiếp tục đổi mới để thực hiện có hiệu quả việc giao đất giao rừng.

1 - Trước hết, cần nắm vững mục đích của việc giao đất giao rừng. Giao đất giao rừng là để xác định quyền làm chủ cụ thể, từ đó tạo ra động lực để thu hút lao động, gắn lao động với đất đai và tài nguyên, tạo thêm công ăn việc làm và thu nhập mới cho nhân dân, tăng thêm sản phẩm cho xã hội, bảo vệ và phát triển tốt vốn rừng. Mục đích chủ yếu của giao đất giao rừng là nhằm thúc đẩy sản xuất, tăng cường quản lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên. Giao đất giao rừng phải nhằm làm cho rừng và môi trường được bảo vệ tốt hơn, đất đai được khai thác và sử dụng tốt hơn, thu nhập và đời sống của người lao động được cải thiện. Vì vậy, phải coi trọng việc tổ chức sản xuất sau khi giao nhằm đảm bảo mục đích và hiệu quả của công tác này. Không thể chỉ dừng ở số diện tích đã giao, số hộ đã nhận, ở việc xác định quyền làm chủ bằng cơ sở pháp lý (tuy đây là điều quan trọng để nhân dân yên tâm, tin tưởng), mà phải xem mục đích chủ yếu của giao đất giao rừng là để làm cho sản xuất phát triển, tài nguyên được bảo vệ và sử dụng tốt hơn, từ đó tìm những biện pháp có hiệu quả nhằm thực hiện đến nơi đến chốn công tác quan trọng này.

2 - Để đảm bảo mục đích và hiệu quả thiết thực của công tác giao đất giao rừng, cần đổi mới cơ chế quản lý trong khi giao, trong đó *trọng tâm là giao rừng và đất rừng trực tiếp đến hộ và lấy hộ làm đơn vị sản xuất kinh doanh chủ yếu trong mối liên kết hợp lý trên mỗi vùng có tổ chức quốc doanh.* Đây là cơ chế đã chứng tỏ có hiệu quả. Đối với các đơn vị được nhà nước giao quyền quản lý kinh doanh (như lâm trường, nông trường, đơn vị tập thể), thì áp dụng hình thức khoán lâu dài, ổn định trực tiếp đến hộ gia đình công nhân viên chức, là hình thức có nhiều ưu điểm đã và đang được vận dụng có kết quả ở nhiều nơi.

Dựa trên quỹ đất đai ở mỗi địa phương và dựa trên quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch đối với ba loại rừng trên mỗi địa bàn và mỗi vùng kinh tế sinh thái, để có phương án giao phù hợp. Mặt khác, cần dựa vào đặc điểm kinh tế - xã hội, năng lực quản lý kinh doanh, khả năng đầu tư, trình độ tập quán canh tác và yêu cầu sử dụng đất đai, để giao với khối lượng và diện tích phù hợp, tuyệt đối không giao theo lối bình quân hoặc giao với diện tích vượt quá khả năng quản lý kinh doanh. Nhằm thực hiện nông lâm kết hợp, lấy ngắn nuôi dài, tạo thu nhập trước mắt và thu nhập thường xuyên cho nhân dân, diện tích và cơ cấu rừng và đất rừng giao cho mỗi hộ nói chung khoảng 5 ha là thích hợp, trong đó 1 ha để sản xuất lương thực và chăn nuôi, 1 ha để trồng cây công nghiệp và cây ăn quả, và 3 ha để trồng rừng và kinh doanh rừng. Đối với vùng đồng bào dân tộc còn dựa vào phương thức canh tác nương rẫy để giải quyết lương thực, thì trong quy hoạch và phương án giao đất giao rừng phải tính đến nhu cầu này, giao thêm phần đất rừng làm nương rẫy luân canh, đồng thời tích cực hướng dẫn và giúp đỡ đồng bào chuyển mạnh sang sản xuất thâm canh, trồng cây công nghiệp hàng hóa, thực hiện nông lâm kết hợp, để thay thế dần phương thức nương rẫy du canh.

3 - Giao đất giao rừng cho nhân dân quản lý, sử dụng, là để thực hiện đường lối lâm nghiệp nhân dân, thu hút và tổ chức lực lượng nhân dân vào làm nghề rừng. Ở đây cần có sự phân biệt giữa *quyền sở hữu* và *quyền sử dụng* đối với tư liệu sản xuất, trong đó quyền sở hữu vẫn thuộc về nhà nước.

Digitized by Google

Một mặt, phải khẳng định quyền sử dụng hợp pháp, lâu dài và ổn định của nhân dân để tạo động lực thúc đẩy sản xuất, tăng cường đầu tư theo hướng thâm canh, nhưng *mặt khác*, phải đảm bảo lợi ích chính đáng của nhà nước là người chủ sở hữu đối với rừng và đất đai. Có nghĩa là, sau khi giao hoặc khoán, phải có chính sách ăn chia rõ ràng và được quy định thành văn bản pháp lý cụ thể. Ví dụ, đối với từng loại đối tượng rừng như rừng tự nhiên, rừng đã có thể thu hoạch sản phẩm, rừng non, đất lùm bụi, đất trống đồi trọc, v.v. thì nhà nước được gì, người nhận đất, nhận rừng được gì. Không thể cứ được giao, là có thể tùy tiện khai thác, sử dụng theo ý muốn, làm thiệt hại đến lợi ích chung.

4 - Muốn vậy, nhà nước và cơ quan lâm nghiệp phải làm tốt vai trò quản lý này, sớm nghiên cứu và hoàn thiện chính sách và những quy định về cơ chế giao đất giao rừng vận dụng thống nhất trong cả nước ; quy định những điều khoản vận dụng cụ thể ở địa phương, đồng thời khẩn trương làm tốt công tác đào tạo, tập huấn cán bộ, kỹ thuật viên và phổ cập rộng rãi những tiến bộ kỹ thuật mới, đáp ứng yêu cầu phát triển nghề rừng nhân dân sau khi giao đất giao rừng. Thực hiện khẩn trương việc tổng kết kinh nghiệm của các điển hình, mô hình, và có biện pháp nhân rộng, áp dụng thành sản xuất đại trà. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát đi đôi với hướng dẫn giúp đỡ để các hộ nhận đất, nhận rừng quản lý kinh doanh, sử dụng đúng mục đích, đúng hợp đồng, đúng pháp luật, là trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm đảm bảo việc sử dụng đất và sử dụng rừng phát triển đúng hướng, có lợi cho quốc kế dân sinh.

III - *ĐẨY MẠNH GIAO ĐẤT GIAO RỪNG ĐỂ PHÁT TRIỂN MẠNH NGHỀ RỪNG NHÂN DÂN PHẢI ĐI ĐÔI VỚI TĂNG CƯỜNG CỦNG CỐ CÁC LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH*

Theo đường lối của Nghị quyết Đại hội VI và VII của Đảng, nghề rừng nước ta đang được tổ chức lại theo hướng lâm nghiệp ***nhân dân*** (còn gọi là lâm nghiệp *xã hội* hay lâm nghiệp *cộng đồng*). Đây cũng là phương hướng chung của lâm nghiệp thế giới, khác với lâm nghiệp truyền thống trước đây chỉ do nhà nước thực hiện, tách rời và đối lập với lợi ích chính đáng của nhân dân. Việc đẩy mạnh chính sách giao đất giao rừng là yêu cầu khách quan của sự nghiệp phát triển lâm nghiệp và phù hợp với xu hướng phát triển chung của nghề rừng hiện đại.

Việc giao đất giao rừng khác với việc giao khoán ruộng đất trong nông nghiệp. Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ dài, mỗi vùng đất rừng là một vùng kinh tế - sinh thái có những đặc trưng nhất định, do vậy phải được quản lý kinh doanh theo những phương thức nhất định, không thể canh tác theo kiểu chia cắt manh mún. Ngoài lợi ích kinh tế, rừng còn có chức năng phòng hộ quan trọng. Hai mặt lợi ích kinh tế và sinh thái luôn luôn gắn liền với nhau, tạo nên đặc điểm kinh tế - sinh thái của mỗi vùng mà trong định hướng kinh doanh phải chú ý để phát huy cả hai (ví dụ vùng nguyên liệu giấy, vùng đặc sản quế, vùng phòng hộ đầu nguồn, v.v.). Mặt khác, sản xuất nông nghiệp vốn là nghề truyền thống trong đó mỗi hộ có thể độc lập kinh doanh khép kín, còn nghề rừng đối với đồng bào miền núi nói chung, chưa trở thành tập quán, muốn làm tốt phải có sự hướng dẫn, hỗ trợ của nhà nước, mà trực tiếp là của hệ thống các lâm trường quốc doanh. Vì vậy, đẩy mạnh công tác giao đất giao rừng cho các thành phần kinh tế mà chủ yếu là giao đất giao rừng trực tiếp đến hộ, phải đi đôi với tăng cường và củng cố các lâm trường quốc doanh, làm cho các đơn vị này thực hiện tốt chức năng hướng dẫn dịch vụ sản xuất, tổ chức chế biến, liên kết kinh tế, cung cấp thông tin và thị trường. Có như vậy, mới thiết thực góp phần tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để đồng bào sản xuất kinh doanh sau khi nhận đất, nhận rừng. Đặc biệt, ở những nơi khó khăn, vùng đồng bào dân tộc còn du canh du cư, kinh tế hàng hóa chưa phát triển, thì càng không thể thiếu vai trò nòng cốt của các lâm trường quốc doanh đối với sự nghiệp phát triển nghề rừng nhân dân.

Tuy nhiên, tăng cường và củng cố lâm trường quốc doanh phải trên cơ sở hiệu quả thiết thực. Lâm trường quốc doanh cần có quy mô thích hợp, tổ chức gọn nhẹ, chủ yếu đi vào kinh doanh dịch vụ sản xuất, chế biến và dịch vụ khoa học kỹ thuật, chấm dứt tình trạng sử dụng rừng và đất đai vượt quá khả năng quản lý kinh doanh. Lâm trường cũng phải có hình thức biện pháp khoán quản đúng đắn, đảm bảo mỗi khu đất của lâm trường đều được khai thác sử dụng có hiệu quả hơn, chứ không thể

(Xem tiếp trang 15)

Digitized by Google

Xu hướng và triển vọng của chủ nghĩa xã hội

HOÀNG CHÍ BẢO *

NGAY từ những năm 70 của thế kỷ XIX, khi tổng kết những bài học kinh nghiệm của Công xã Pa-ri, C. Mác đã nhận định : Cách mạng có thể bị thất bại nhưng cách mạng sẽ không bao giờ bị tiêu diệt.

Thực tế Công xã Pa-ri tồn tại được 72 ngày và đã bị thất bại trước sự phản công của các thế lực tư sản. Nhưng lý tưởng của các chiến sĩ Công xã không vì thế mà tàn lụi trong cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì tiến bộ, dân chủ và tự do. Chứng cớ là sau Công xã Pa-ri 46 năm, năm 1917 Cách mạng Tháng Mười Nga nổ ra và thắng lợi oanh liệt, mở đầu quá trình sinh thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới.

Sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô gần đây một lần nữa lại đặt niềm tin của những người mác xít trước những thử thách mới. Sự thử thách lần này rất gay gắt và nặng nề, vì chưa bao giờ chủ nghĩa xã hội bị tổn thất lớn lao đến thế. Việc chủ nghĩa xã hội hiện thực bị sập một mảng lớn, trong đó có nước xã hội chủ nghĩa lâu năm nhất, hùng mạnh nhất là Liên xô, đã làm đảo lộn sự suy nghĩ, nhận thức và tình cảm của nhiều người. Thậm chí có một số người dao động, băn khoăn, muốn đặt lại hướng đi, chọn lại con đường. Có người đã nói thẳng ra là nên từ bỏ chủ nghĩa xã hội khoa học, chuyển sang áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ theo trào lưu xã hội - dân chủ hiện đại Tây Âu. Có người lại muốn quá độ "ngược dòng" đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Đây là những vấn đề rất nghiêm túc và bức xúc, đòi hỏi phải được nghiên cứu và bàn bạc một cách khoa học. Trong phạm vi bài này tôi xin nêu lên một số suy nghĩ bước đầu của mình.

Trước hết là vấn đề *có nên áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ theo trào lưu xã hội - dân chủ hiện đại Tây Âu không ?*

Tôi xin trả lời ngay rằng, *từ bỏ chủ nghĩa xã hội khoa học và áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ Tây Âu không thể là sự lựa chọn có triển vọng, không phải là lối thoát của khủng hoảng* để thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội và giải phóng con người.

Không phủ nhận một thực tế là, trào lưu xã hội - dân chủ hiện đại phát triển từ những năm 50, đặc biệt trong những năm 70 của thế kỷ này đã có những tìm tòi tích cực. Những giải pháp mà các nhà xã hội - dân chủ đề xuất và áp dụng nhằm phát triển dân chủ trong các thiết chế chính trị, nhằm thực hiện công bằng và nhân đạo trong các chính sách xã hội đối với con người và bảo vệ môi trường có những mặt hợp lý và tiến bộ. Nó đã từng có sức hấp dẫn và lôi cuốn sự chú ý của nhiều phong trào xã hội, nhiều tổ chức. Nó cũng giành được sự ủng hộ của một lực lượng cử tri đông đảo trong xã hội đưa tới sự thắng thế của những người xã hội - dân chủ trong các cuộc vận động tranh cử vào bộ máy quyền

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ triết học, Viện trưởng Viện chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

lực ở một số nước Tây Âu. Một số đảng xã hội - dân chủ trong thời gian cầm quyền đã thực thi nhiều chính sách và biện pháp có tác dụng cải thiện điều kiện lao động và nâng cao được mức sống nhân dân, giải quyết ở mức độ nhất định các quyền dân sinh, dân chủ, phúc lợi và công bằng xã hội cho người lao động. Nhưng các phong trào xã hội - dân chủ luôn bị một giới hạn cố hữu, thuộc về bản chất của phong trào - đó là những cải cách mà phong trào xã hội - dân chủ thực hiện không đưa đến một cuộc cách mạng phủ định chủ nghĩa tư bản, mà trên thực tế *vẫn bảo toàn chủ nghĩa tư bản*, cả chế độ sở hữu trong kinh tế lẫn quyền lực và thể chế nhà nước trong chính trị. Những cải cách xã hội - dân chủ được lý luận hóa trong mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ và được thực hiện trong cuộc sống, đem lại những biến đổi đồng thời và khách quan trên *hai* phương diện :

+ mặt *tích cực*, hướng vào sự cải thiện đời sống xã hội, đáp ứng những nguyện vọng và lợi ích trực tiếp, hằng ngày của nhân dân trong trật tự hiện tồn của xã hội tư bản ;

+ mặt *hạn chế*, chủ nghĩa xã hội dân chủ chỉ có thể làm dịu đi những mâu thuẫn và xung đột vốn có, thuộc bản chất của chế độ kinh tế và chính trị tư bản chủ nghĩa, chứ không thể xóa bỏ, giải quyết chúng. "Con đường thứ ba, không cộng sản" để tiến tới một xã hội "công bằng, tự do, dân chủ và nhân đạo", "vượt qua cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội", như các thủ lĩnh của phong trào xã hội - dân chủ từng tuyên bố trước đây, trên thực tế, chỉ là con đường dẫn tới duy trì chủ nghĩa tư bản, chứ không dẫn tới sinh thành chủ nghĩa xã hội.

Hai phương diện biến đổi đồng thời và khách quan nói trên tự chế ước nhau một cách nghiêm ngặt, và thỏa mãn yêu cầu của chủ nghĩa tư bản hiện đại về tự điều chỉnh, tìm kiếm những hình thức mới để thích nghi và phát triển.

Sự phát triển như vũ bão của khoa học - kỹ thuật và công nghệ, của lực lượng sản xuất trên phạm vi thế giới, kéo theo vô số những biến đổi trong đời sống xã hội cũng như trong mô hình tổ chức quản lý, trong những thiết chế chính trị và trong những phương thức thực hiện quyền lực của giai cấp tư sản dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Giai cấp các nhà tư bản hiện đại ý thức rõ những nhân tố biến đổi ấy, nó không thiếu sự nhạy cảm và càng không chậm trễ trong những đối sách để thích nghi, để phát triển. Nó tìm thấy trong lý luận chủ nghĩa xã hội dân chủ một *lý luận hòa nhượng* với chủ nghĩa tư bản, và trong thực tiễn, trào lưu xã hội - dân chủ hiện đại đang vận động theo chiều hướng có lợi cho chủ nghĩa tư bản.

Điều này giải thích vì sao "chủ nghĩa xã hội dân chủ" có thể tồn tại và phát triển trong lòng chủ nghĩa tư bản, vì sao các thế lực cầm quyền tư bản chủ nghĩa cần đến chủ nghĩa xã hội dân chủ. Chủ nghĩa tư bản đã không cản trở những chương trình cải cách của các nhà xã hội - dân chủ mà còn tham dự vào việc hướng dẫn đường đi, nước bước của những cải cách đó sao cho hợp với những giới hạn mà chủ nghĩa tư bản có thể chấp nhận được. Đó là sự thật không thể lảng tránh, cũng không thể mơ hồ trước khuynh hướng lý tưởng hóa phong trào cải cách này và muốn khẳng định nó như một giải pháp lựa chọn về con đường phát triển. Những dấu hiệu khủng hoảng và cạn dần năng lượng của chủ nghĩa xã hội dân chủ gần đây (mà sự thất cử của một số đảng xã hội - dân chủ Tây Âu là một bằng chứng) càng cho thấy mặt hạn chế và *tính thiếu triển vọng* của những cải cách theo mô hình lý luận chủ nghĩa xã hội dân chủ. Nhận xét của Jắc Đuy-canh trong cuốn sách *Tự phê phán* xuất bản năm 1985 ở Pa-ri, cho rằng khuynh hướng chủ nghĩa xã hội dân chủ, về thực chất, chỉ là sự chấp nhận "chịu thua" chủ nghĩa tư bản, cho đến nay vẫn đúng.

Tuy không lựa chọn con đường phát triển theo mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ, nhưng điều đó không cản trở chúng ta *đoàn kết* và *hợp tác* với những người xã hội - dân chủ, với các đảng xã hội - dân chủ. Không nên đẩy những khác biệt về hệ tư tưởng và quan điểm chính trị thành những bất đồng dẫn tới đối đầu, mà cần học hỏi kinh nghiệm, khai thác những yếu tố hợp lý và tích cực của những người xã hội - dân chủ trong Cương lĩnh và các chương trình cải cách kinh tế - xã hội của họ. Điều đó sẽ có ích đối với chúng ta trong sự nghiệp đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó làm phong phú thêm nhận thức của chúng ta về cải cách và phát triển, về tiến hóa và cách mạng, về đổi mới và chủ nghĩa

Digitized by Google

xã hội trong những điều kiện và hoàn cảnh mới. Nó liên kết những người cộng sản và những người xã hội - dân chủ trong một mặt trận chung, giúp họ cùng tìm thấy những mẫu số chung làm cơ sở cho sự phối hợp nỗ lực và phát huy sức mạnh chung trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và an ninh của các dân tộc, vì sự phát triển của các quốc gia, vì quyền sống và hạnh phúc của con người.

Vậy *có nên quá độ "ngược dòng" đi theo con đường tư bản chủ nghĩa không* ?

Theo tôi, *quá độ "ngược dòng" đi theo con đường tư bản chủ nghĩa cũng không phải là một sự lựa chọn hợp lý.*

Vấn đề này đã có nhiều đồng chí phân tích ở nhiều bài báo khác nhau, chỉ ra mặt phải và mặt trái của chủ nghĩa tư bản, khẳng định nếu quay lại với chủ nghĩa tư bản là không nắm vững quy luật phát triển của xã hội, là kéo lùi lịch sử. Thực tế diễn ra ở Liên xô (trước đây) và một số nước ở Đông Âu sau khi mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu cũ bị phá sản, có khuynh hướng muốn lựa chọn mô hình quá độ "ngược dòng", từ chủ nghĩa xã hội hiện thực quay trở lại phục hồi chủ nghĩa tư bản, đang chứng minh điều đó. Cộng đồng các quốc gia có chủ quyền (SNG), hình thành từ các nước cộng hòa sau khi Liên bang xô viết tan vỡ, đang ngày càng phải đối đầu gay gắt với những mâu thuẫn và nghịch lý.

Có thể nêu lên mấy nhận xét sau đây về xu hướng quá độ "ngược dòng" này :

Một là, sau khi liên bang tan vỡ, tình trạng suy thoái kinh tế, các xung đột về dân tộc, sắc tộc, càng trở nên gay gắt, gây tổn hại nặng nề về vật chất và tinh thần đối với nhân dân. Áp dụng chính sách thả nổi giá cả, tư nhân hóa và thị trường tự do trong điều kiện xã hội đang rối loạn, đã gây nên những chấn động lớn và đẩy một bộ phận lớn dân cư vào cảnh bần cùng hóa với hàng mấy chục triệu người ở vào mức sống nghèo khổ. Cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế quốc phòng hùng mạnh trước đây đang bị chia cắt, phân tán, tranh chấp đi liền với sự suy giảm không tránh khỏi về tinh thần, ý thức và ý chí của quân đội, đã phá hoại trực tiếp cơ sở đảm bảo an ninh quốc gia và vai trò của nó trên trường quốc tế. Tình hình đó chứa đựng nguy cơ nội chiến kéo dài và lan rộng dưới sức ép của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi và biệt phái ngày càng mạnh. Việc khắc phục khủng hoảng trở nên khó khăn hơn, thậm chí không giải quyết được mà còn làm bùng nổ thêm các cuộc khủng hoảng mới, nhất là về chính trị, có thể làm tan rã SNG vốn đã rất mỏng manh. Do đó, chương trình cải cách theo mô hình phương Tây với thị trường tự do, tư nhân hóa, dân chủ nghị viện, đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập hòng xóa sạch cơ sở của chủ nghĩa xã hội đã được tạo lập trước đây, gạt bỏ hẳn ảnh hưởng của hệ tư tưởng Mác - Lê-nin và đảng cộng sản ra khỏi xã hội, không dễ gì thực hiện được. Nó vấp phải những phản ứng xã hội của các tầng lớp nhân dân, nhất là khi tự họ đã tự rút ra được những bài học từ thực tế phũ phàng của sự đổ vỡ liên bang, từ sự mất mát các thành quả cách mạng và các giá trị lý tưởng của chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng trong nhiều thập kỷ. Mặt khác, mặc dù các thế lực tư bản chủ nghĩa phương Tây vui mừng trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô mà chúng coi như "một thắng lợi của các lực lượng tự do" và mặc dù Mỹ cho rằng "cần phải nắm lấy thời cơ", "cần phải thực hiện vai trò lãnh đạo của Mỹ đối với thế giới"(1), nhưng tất cả bọn chúng không dễ đổ tiền, đổ của vào nước Nga, vào SNG đang rất không ổn định. Các nước cộng hòa ở đây, kể cả nước Nga, đều đang bị phương Tây vượt quá xa về trình độ phát triển và mức tăng trưởng. Trước tất cả những gai góc ấy, dù đã từ bỏ chủ nghĩa xã hội, nhưng muốn quay trở lại chế độ tư bản chủ nghĩa cũng không phải là điều dễ dàng đối với các nhà lãnh đạo Nga và SNG.

Hai là, không nên quên rằng, chủ nghĩa tư bản ngày nay đã ở vào trình độ của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nó đã *khác rất xa* so với chủ nghĩa tư bản cổ điển, không chỉ về các lĩnh vực sản xuất, phát triển khoa học - kỹ thuật, phát minh và ứng dụng công nghệ mới..., mà còn về trình độ quản lý, tổ chức xã hội và tác động đến các quan hệ quốc tế. Phát triển theo chiều sâu, nắm ưu thế về tiến bộ kỹ

(1) R.Ních-xơn : *Chớp lấy thời cơ*, Nxb Xi-mơn Xớt-xtơ, 12-1991

Digitized by Google

thuật hiện đại, về ngân hàng, tài chính, về thị trường, chủ nghĩa tư bản hiện đại đang hiện diện trong đời sống thế giới như một sự thách thức đối với các nước đang phát triển, các nước nghèo, lạc hậu, chậm phát triển. Thực hiện bước quá độ ngược dòng, trở về với chủ nghĩa tư bản, SNG rõ ràng *đang thiếu hụt hàng loạt điều kiện*. Sự trở về này đối với SNG giỏi lắm cũng chỉ đạt mức "tương đương" với chủ nghĩa tư bản trong hình thái cổ điển của nó ở thế kỷ trước. Hình thái này, hiển nhiên là đã bị chính chủ nghĩa tư bản vượt qua. Đó là chỗ bế tắc không tránh khỏi của xu hướng lựa chọn này.

Đúng như giáo sư Xin-viu Bru-can người Ru-ma-ni đã nhận xét : Tất cả những gì đang diễn ra tại mảnh đất này (chỉ SNG) là sự chuyển theo hướng ngược lại, là sự thụt lùi 70 năm... Theo ông, ý nghĩa của tất cả những thay đổi này thể hiện ở chỗ : đây là sự quá độ *từ chủ nghĩa xã hội kém phát triển sang chủ nghĩa tư bản kém phát triển* (do tôi nhấn mạnh - H.C.B). Nhân tố thường trực ở đây là "kém phát triển" (2).

Do những hạn chế và khuyết tật của mô hình cũ, chủ nghĩa xã hội đã có lúc lâm vào tình trạng chậm phát triển, kém phát triển. Chính vì vậy, cải tổ, cải cách và đổi mới được đặt ra như một tất yếu để phá bỏ những cơ chế kìm hãm, để đạt tới trình độ phát triển cao hơn. Bất cứ một giải pháp lựa chọn nào muốn phù hợp với tiến bộ lịch sử và mang ý nghĩa cách mạng, đều phải hướng tới những mục tiêu phát triển cao hơn trạng thái hiện tại của mình hoặc vượt qua những giới hạn đã từng bị lịch sử phủ định. Trước một chủ nghĩa xã hội trì trệ, kém phát triển và khủng hoảng, cần phải cải biến nó, làm cho nó trở thành phát triển cao hơn, chứ không phải dừng lại ở cái cũ như nguyên trạng, hoặc lùi lại với chủ nghĩa tư bản.

Không vượt qua được những giới hạn đó, không đưa chủ nghĩa xã hội tới sự phát triển lành mạnh, mà mưu toan kéo nó lùi lại, tìm kiếm những giá trị đã bị lịch sử vượt qua (chủ nghĩa tư bản cổ điển trong quá khứ), đó không phải là giải pháp đúng đắn, hợp lý và có triển vọng.

Như vậy, kết luận rút ra ở đây là : *Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, là hợp với quy luật phát triển của lịch sử*. Đương nhiên, chúng ta phải *hiểu đúng về chủ nghĩa xã hội, và phải có những giải pháp và bước đi đúng đắn* để xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách có hiệu quả.

Bản chất của chủ nghĩa xã hội là *khoa học* và *cách mạng*, là sáng tạo và *phát triển không ngừng*. Mà sự phát triển thì bao giờ cũng bao hàm *sự phức tạp*. Giản đơn, thô sơ, chỉ dẫn tới đơn điệu và nghèo nàn. Trong phát triển, vấn đề mới nảy sinh bao giờ cũng nhiều hơn, phức tạp hơn những vấn đề đã được giải quyết. Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, chủ nghĩa xã hội cũng đang vận động theo những đặc điểm và xu hướng đó.

Công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đang đặt ra hàng loạt vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội liên quan trực tiếp và sâu xa tới sự phát triển của xã hội Việt nam, tới thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, biến lý tưởng nhân đạo cao cả của chủ nghĩa xã hội dần dần trở thành hiện thực trên mảnh đất này.

Chủ nghĩa xã hội thế giới, trên con đường phát triển hiện nay, cũng đang phải giải quyết không ít những vấn đề khó khăn, thậm chí rất khó khăn và phức tạp. Phát triển không bao giờ là một đường thẳng tắp, không mâu thuẫn, không tình huống. Phát triển được nhân lên từ những thắng lợi. Nó dũng cảm đi xuyên qua cả những sai lầm và thất bại, những dích dắc, những bước lùi tạm thời, những gián đoạn trong liên tục như Lê-nin nói.

Song, với ý nghĩa là lý tưởng giải phóng con người, một xu thế tất yếu của phát triển, rất gần gũi với nhân dân và do nhân dân sáng tạo nên, chủ nghĩa xã hội là cái không gì loại bỏ được. Nó đang và sẽ mãi mãi thúc đẩy con người hành động. Mà hành động sáng tạo kỳ diệu nhất của con người là *giải phóng và phát triển chính mình*. Muốn vậy, họ không có cách nào khác, như toàn bộ lịch sử phát triển của loài người đã chứng minh, là *thông qua con đường chủ nghĩa xã hội khoa học*, xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa, biến chủ nghĩa xã hội từ lý tưởng thành hiện thực.

---

(2) Xem *Tin tham khảo chủ nhật*, 7-6-1992, tr 7

Digitized by Google

Sự giống nhau và khác nhau trong tư tưởng của Hồ Chí Minh và các nhà yêu nước phương Đông

ĐỨC VƯỢNG*

Sự thống trị của chủ nghĩa thực dân ở phương Đông đã nảy sinh ra những cuộc đấu tranh của nhân dân chống lại. Nhưng muốn chống lại bọn thực dân có hiệu quả thì phải có đường lối đúng. Trong tư tưởng của những nhà yêu nước phương Đông, khi bàn về đấu tranh giành độc lập dân tộc, lúc đầu họ đã gặp nhau ở nhiều điểm. Nê-ru gặp Tôn Dật Tiên (Trung hoa), và Tôn Dật Tiên gặp Hồ Chí Minh. Dàn đồng ca của phong trào giải phóng dân tộc được cất lên cùng một nhịp ở nhiều nước phương Đông.

TRONG lịch sử phát triển của các dân tộc phương Đông, có một thời ghi dấu ấn đậm nét về sự gặp gỡ trong tư tưởng cứu dân, cứu nước của Hồ Chí Minh với các nhà cách mạng ở phương Đông. Và, lịch sử cũng chứng minh sự khác nhau giữa Hồ Chí Minh với các nhà yêu nước ở phương Đông, khi Người rẽ sang chủ nghĩa cộng sản, còn các nhà yêu nước ở phương Đông dừng lại ở tư tưởng dân tộc thuần túy, sau khi đất nước của họ đã giành được độc lập.

Ta hãy xem xét trên ba loại vấn đề :

1 - *Vấn đề dân tộc* : Trong tư tưởng của các nhà yêu nước phương Đông có nhiều nét giống nhau. Đó là cách nhìn nhận sự áp bức dân tộc của chủ nghĩa đế quốc, thực dân ; là sự mưu cầu đưa dân tộc thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu ; là vấn đề dân sinh, dân trí, dân quyền... Nếu như Nguyễn Ái Quốc có lần đã phải kêu lên : "Sẽ không còn lấy một tấc đất tự do nào để trồng trọt và sinh sống trên Tổ quốc mình mà không phải chịu cái ách bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa thực dân" (1), thì Nê-ru (Ấn độ) cũng nói những lời tương tự : "Anh quốc giàu có, và Mỹ quốc còn giàu có hơn nữa, lại không chú ý mấy đến cái đói thể xác đang giết hàng triệu người ở Ấn, cũng như họ không chú ý gì lắm đến cái khát hừng hực đang hành hạ nhân dân Ấn" (2). Nguyễn Ái Quốc lên án thực dân Pháp bóc lột người Đông dương bằng bạo lực và chính sách ngu dân, thì Nê-ru lên án đế quốc Anh đã khóa đầu óc người Ấn độ lại, không cho người Ấn độ phát triển trí tuệ, để họ dễ bề cai trị.

Nguyễn Ái Quốc và Tôn Dật Tiên đều chung một nhận thức, rằng vấn đề dân tộc trước hết phải được biểu hiện trong việc chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc đang thống trị các nước phương Đông và thiết lập sự tự do, bình đẳng giữa các dân tộc, Cả hai ông đều nhất trí cho rằng, sau khi đánh đuổi được thực dân, đế quốc, thì phải thành lập ngay nhà nước cộng hòa dân chủ. Chính quyền của nhà nước ấy theo quan điểm của cả Nguyễn Ái Quốc, Tôn Dật Tiên và Nê-ru, phải là chính quyền thật sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nê-ru nói : "Chúng tôi không muốn đổi những người chủ từ trắng sang nâu, mà là chính quyền thật sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, và chấm dứt cảnh nghèo khổ của chúng ta" (3). Còn Hồ Chí Minh thường nói rằng đã gọi là chính quyền dân chủ nhân dân thì phải mang ba nội dung : "của dân", "do dân", "vì dân".

Sau khi có nước cộng hòa dân chủ rồi, nhà nước ấy cần tiến hành cuộc cách mạng ruộng đất cho nông dân. Sự giống nhau trên phương diện tư tưởng này thực chất mang sắc thái, nét đặc thù rất phương Đông.

Tuy nhiên, về vấn đề dân tộc, quan điểm của các nhà yêu nước phương Đông cũng có chỗ khác nhau.

---

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 383

(2) J.Nê-ru : *Phát hiện Ấn Độ*, Nxb Văn học, Hà nội, 1990, t 1, tr 15

(3) J.Nê-ru : *Sđd*, t1, tr 96

Digitized by Google

Tôn Dật Tiên có lúc hy vọng một ngày nào đó bọn đế quốc sẽ tự nguyện rút khỏi Trung hoa, thậm chí muốn dựa vào đế quốc giúp đỡ trong cuộc chiến đấu chống nhà Mãn Thanh. Còn Nguyễn Ái Quốc thì hoàn toàn không có ảo tưởng đối với thực dân Pháp ở Đông dương. Điều này được thể hiện rất rõ qua lời Nguyễn Ái Quốc nói với nhà yêu nước Phan Chu Trinh : "Nếu Bác luôn luôn tin cậy vào sự quan tâm của chính phủ (thực dân - Đ.V.) để cải thiện mọi tình trạng hiện nay, thì Bác sẽ phải đợi đến muôn đời" (4).

Đạo đức, tôn giáo, văn hóa... là những bộ phận cấu thành tinh thần mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Ở phương Đông, vấn đề này càng nổi cộm, nên bất cứ nhà yêu nước chân chính nào khi tìm đường cứu nước, không thể không tính đến nó. Nét chung nhất trong vấn đề đạo đức của Nguyễn Ái Quốc, Găng-đi, Nê-ru, Tôn Dật Tiên là lòng thương yêu nhân dân vô bờ bến. Găng-đi miệt mài quay lại chiếc xa xưa, tượng trưng cho sự mưu cầu cơm no áo ấm cho nhân dân, và khuyên nhân dân Ấn độ dùng hàng nội hóa. Nê-ru có lần đã thở than rằng, ở Ấn độ, với quá nhiều cái chết bám chặt vào cái sống, chúng ta phải cứu những người nghèo, vì họ chẳng có tội gì, vậy mà họ phải sống khổ cực, gico neo. Tôn Dật Tiên cho rằng, nông dân Trung hoa chiếm số đông, vấn đề là phải mang lại ruộng đất cho họ để họ tự cày cấy, sinh sống, không còn cảnh nghèo đói. Còn Hồ Chí Minh nói rõ mục đích nhân đạo của mình : "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó" (5).

Nghiên cứu sự phát triển của xã hội loài người, thấy rằng đã có lúc, có nơi, chủ nghĩa, chế độ mất đi, nhưng tôn giáo xem ra còn tồn tại khá lâu bền. Các nhà tư tưởng của phương Đông như Hồ Chí Minh, Găng-đi, Nê-ru... biết rõ điều đó, cho nên các ông đã đối xử với những người theo đạo bằng "đạo". Cái khéo của các ông là biết đưa đạo vào đời, cùng nhân dân xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Các nhà yêu nước phương Đông - đặc biệt là Hồ Chí Minh - luôn luôn lôi kéo những người theo đạo vào khối đại đoàn kết dân tộc, trong mặt trận thống nhất để mưu cầu đại nghĩa.

Các nhà yêu nước ở phương Đông đồng thời là các nhà văn hóa lớn. Nét chung các ông gặp nhau là tiếp thu một cách có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại, dân tộc, trên cơ sở đó mà đề xuất sự hướng tới một nền văn hóa đẹp cho dân tộc mình. Các ông nhận thức đầy đủ về những sự khác biệt trong các giai cấp, đẳng cấp, tôn giáo, chủng tộc, trình độ văn hóa khác nhau. Nhưng các ông cũng cho rằng, đất nước nào cũng có nền văn hóa lâu đời và một nhân sinh quan chung. Điều đó đã tạo nên một tinh thần riêng biệt, mang dấu ấn của nền văn hóa có bản sắc dân tộc. Găng-đi, Nê-ru, Tôn Dật Tiên, đặc biệt là Hồ Chí Minh, hết sức tôn trọng nền văn hóa châu Âu của "thế kỷ ánh sáng". Hồ Chí Minh không thành kiến cho rằng, nền văn hóa ấy là của riêng giai cấp tư sản. Người muốn tiếp thu những tinh hoa văn hóa mà giai cấp tư sản đã giành được.

Trong vấn đề dân tộc, các nhà yêu nước phương Đông đều có chung một nhận thức là cần thiết phải "chống sự đơn độc dân tộc", và có chung một nhu cầu là xây dựng mối quan hệ tương hỗ giữa dân tộc này với dân tộc khác. Nếu như Nê-ru chăm lo việc vun đắp "chung tình" giữa dân tộc Ấn độ với dân tộc I-ran... thì Hồ Chí Minh hết sức chăm lo đến mối tình đoàn kết anh em giữa dân tộc Việt nam với dân tộc Lào và dân tộc Cam-pu-chia. Như vậy, có thể nói chủ nghĩa yêu nước của các nhà tư tưởng phương Đông đầu thế kỷ 20 đã mở rộng ra ngoài phạm vi dân tộc mình.

2 - *Vấn đề giai cấp :* Quan điểm của Hồ Chí Minh và các nhà yêu nước phương Đông có sự khác nhau cơ bản. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì, năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong khi đó các nhà yêu nước - cách mạng phương Đông khác, vẫn dừng lại ở chặng mốc dân chủ tư sản.

Nê-ru và Tôn Dật Tiên đã từng bàn đến Lê-nin và chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tôn Dật Tiên đã tiếp cận sát nút với tư tưởng của Lê-nin về Cách mạng Tháng Mười Nga. Nê-ru khi tiếp cận tư tưởng mácxít thấy nó phù hợp với tình hình hiện tại của tri thức khoa học và thấy sự phân tích của Mác về phát triển xã hội là đúng đắn. Tuy nhiên, các ông chỉ nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin như một tri thức mới, có

(4) Theo báo cáo của mật thám tay sai Pháp Ê-đu-a (Edouard) về Nguyễn Ái Quốc, năm 1919, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số tháng 3-1983, tr 66

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 136

Digitized by Google

tính chất học thuật thuần túy. Còn Hồ Chí Minh, người phương Đông đầu tiên đã áp dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin để giải phóng xã hội.

Muốn giải phóng xã hội nhất thiết phải có đấu tranh giai cấp. Tư tưởng này của Lê-nin được Hồ Chí Minh tiếp thu có sáng tạo. Nhưng một số nhà yêu nước ở phương Đông lại muốn giải phóng xã hội bằng con đường đạo đức - tôn giáo. Theo con đường này, sự giải phóng ấy không thể đi đến triệt để. Đây chính là chỗ khác nhau cơ bản trong tư tưởng cứu nước của Hồ Chí Minh với các nhà yêu nước ở phương Đông.

Hồ Chí Minh cố gắng làm theo tư tưởng của Lê-nin là muốn đánh đuổi bọn xâm lược, giành lại tự do, độc lập cho dân tộc mình, thì cần phải tổ chức một chính đảng của giai cấp công nhân ; phải dựa vào lực lượng của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, trên cơ sở đó tập hợp mọi lực lượng yêu nước thành một mặt trận rộng rãi chống đế quốc ; đồng thời, phải đoàn kết với những người lao động bị áp bức trên toàn thế giới. Áp dụng một cách sáng tạo tư tưởng của Lê-nin, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân Việt nam làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam Á, tiếp đó là thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, dẫn tới thống nhất Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong vấn đề giai cấp, quan niệm của Hồ Chí Minh rất thực tế. Lê-nin thường đặt vấn đề giai cấp trong phạm vi toàn cầu, còn Hồ Chí Minh đặt vấn đề giai cấp nằm trong vấn đề dân tộc. Người quan niệm giai cấp công nhân ở một nước tư bản phát triển có đặc điểm khác với giai cấp công nhân ở một nước nông nghiệp lạc hậu... Từ đặc điểm đó mà có cách giải quyết khác nhau trong vấn đề dân tộc theo đặc điểm riêng của mỗi nước. Nét đặc sắc của Hồ Chí Minh trong vấn đề giai cấp là Người biết đem những tinh hoa giai cấp ở những nước công nghiệp phát triển để giải quyết vấn đề dân tộc của nước mình. Chính vì vậy mà Hồ Chí Minh đã thành công trong việc giải quyết vấn đề dân tộc cũng như vấn đề giai cấp ở một nước nghèo nàn và lạc hậu. Cái hay ở đây là Hồ Chí Minh đã đưa ra mô hình một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa do đảng cộng sản lãnh đạo nhưng lại không xa lạ với nhiều dân tộc ở phương Đông. Việt nam xây dựng đất nước có nhiều nét giống Ấn độ, In-đô-nê-xi-a,... như vấn đề phát triển nông nghiệp, nếp sống văn hóa, v.v..

3 - *Vấn đề thời đại* : Nê-ru, Tôn Dật Tiên, Xu-các-nô coi vấn đề thời đại là độc lập cho các dân tộc. Còn Hồ Chí Minh nhận thức vấn đề thời đại là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội mà hạt nhân hợp lý của nó là dân tộc gắn với giai cấp. Đây là bước tiến dài của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, so với bước tiến của các nhà yêu nước khác ở phương Đông. Nhờ có bước tiến dài này mà Hồ Chí Minh đã đưa dân tộc mình ra khỏi áp bức dân tộc lẫn áp bức giai cấp.

Các nhà yêu nước ở phương Đông đều có chung một nhận thức là dân tộc sẽ trở nên bất hạnh nếu nó thoát ly khỏi thời đại. Chính vì thế các ông coi thời đại là vấn đề định lượng, chứ không phải vấn đề định tính. Các ông cho rằng, thời đại là một thực tế, còn các quy tắc đạo đức chỉ là sự ước lệ do con người đặt ra. Mỗi khi nhìn châu Á rộng lớn và phương Đông thâm thúy, các ông lại liên tưởng ngay đến vấn đề nó đang sống trong thời đại nào. Sự tác động qua lại giữa thời đại - dân tộc - giai cấp, là vấn đề mà Hồ Chí Minh không bao giờ bóc tách ra.

Sự liên kết các quốc gia trong thời đại ngày nay để cùng sống trong hòa bình và hữu nghị, là khát vọng của các nhà yêu nước ở phương Đông. Đây là chỗ gặp nhau trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, Nê-ru... Nhưng với Nê-ru, con đường đi tới hòa bình đó chưa được định hình rõ ràng ; trong khi đó, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng, muốn có hòa bình phải có sự nỗ lực phấn đấu mới có thể đạt tới. Hồ Chí Minh nói : "Chúng ta bao giờ cũng chủ trương hòa bình" (6), nhân dân Việt nam "luôn luôn muốn giành độc lập và giải phóng nước Việt nam bằng con đường hòa bình" (7), cho tới ngày nay, "nhân dân Việt nam vẫn chủ trương giải quyết vấn đề Việt nam bằng cách hòa bình" (8).

Để giải quyết vấn đề thời đại, Hồ Chí Minh không có ảo tưởng xây dựng "xã hội thịnh vượng chung", "ngôi nhà chung" như một số chính khách ở các nước tư bản vẫn mưu toan. Nhưng Người đề xuất việc "thương lượng hòa bình" giữa các dân tộc trên thế giới. Với Người, biện pháp đó có thể giải quyết được những mối bất hòa giữa các dân tộc.

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội 1986, t6, tr 459

(7) (8) *Sđd*, t6, tr 557

Digitized by Google

Sở hữu quốc doanh trong nền kinh tế thị trường

NGUYỄN NGỌC TUẤN *

CHÚNG ta đang xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường tự nó đòi hỏi phải cơ cấu lại sở hữu quốc doanh hiện nay cho phù hợp : phải đổi mới cơ chế quản lý theo hướng biến các xí nghiệp quốc doanh (XNQD) thực sự trở thành những người sản xuất, kinh doanh hàng hóa tương đối độc lập.... ; phải cải biến các tham số hoạt động kinh tế, như giá, lương, tiền, thuế, lợi nhuận ; phải tổ chức và hoàn thiện hệ thống thị trường, kể cả thị trường sức lao động. Ba mặt lớn ấy có quan hệ hữu cơ và gắn bó với nhau tạo nên *tính đồng bộ lớn* trong đổi mới quản lý kinh tế. Đồng thời, trong từng mặt cụ thể, lại cần có sự đổi mới những mặt nhỏ liên quan với nhau, bảo đảm *tính đồng bộ nhỏ*.

Kinh tế quốc doanh (KTQD) có máy móc, trang thiết bị hiện đại hơn, có chất lượng lao động cao hơn, được sử dụng tín dụng nhà nước nhiều hơn... so với các thành phần kinh tế khác. Song qua mấy năm thực hiện cơ chế thị trường, trừ một số xí nghiệp (chiếm khoảng 20% tổng số XNQD hiện có) sau một thời gian ít nhiều chao đảo đã vươn lên làm ăn có lãi, còn thì tới 40% tổng số bị thua lỗ kéo dài, và từ 30% đến 40% lâm vào tình trạng khó khăn nhiều mặt, nhất là về vốn và thị trường. Thực trạng ấy đã phản ánh đậm nét trong phần đóng góp của XNQD trong cơ cấu thu của ngân sách nhà nước. Tuy chiếm 60% cơ cấu thu, song phần rất lớn tỷ trọng ấy là thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt ; còn thuế từ lợi nhuận chỉ chiếm phần nhỏ. Do đó, nhiều XNQD đã phải "ăn dần" vào vốn, làm cho vốn doanh nghiệp bị cụt dần, khó có thể trụ nổi trước sóng gió của cạnh tranh và thử thách khắc nghiệt của thị trường. Trước thực trạng ấy, nếu không kịp thời cơ cấu lại sở hữu quốc doanh và gắn liền với nó là đổi mới đồng bộ ba mặt quản lý kinh tế nói trên, thì chúng ta khó lòng nâng cao được nhịp độ tăng trưởng kinh tế, cất bỏ được gánh nặng tài chính do các XNQD thua lỗ và hoạt động khó khăn đè mạnh lên ngân sách nhà nước, để hạn chế lạm phát và cải thiện đời sống nhân dân.

Thực trạng trên, có nguyên nhân khách quan (bao cấp quốc tế không còn, thị trường khu vực I bị khép lại, hàng nhập lậu tràn lan), song cái chính vẫn là :

- Nhận thức không đúng trước đây về sự phát triển, về cách đánh giá trình độ phát triển cao thấp của một nước là căn cứ vào trình độ sở hữu, theo đó : sở hữu quốc doanh cao hơn và tốt hơn sở hữu tập thể, sở hữu tập thể tốt hơn và cao hơn sở hữu cá thể ; quan hệ sản xuất đi trước để "mở đường" cho lực lượng sản xuất... Do đó, đã dẫn đến việc quốc doanh hóa một cách tràn lan, nhất là vào những năm 80, bất chấp khả năng vật lực, tài lực quốc gia cho phép, trong đó không ít XNQD được "dây non" với vốn liếng ban đầu : một quyết định được thành lập với một con dấu (!).

(*) Chuyên viên kinh tế, Viện khoa học xã hội tại TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

- Khi chuyển sang cơ chế thị trường, các XNQD vẫn chưa được đảm bảo thực sự trở thành những người sản xuất hàng hóa tương đối độc lập, được quyền tự chủ tương ứng trên các mặt *kế hoạch, giá cả, vật tư, vốn, lao động* và *tiêu thụ* do sản xuất hàng hóa đòi hỏi ; chưa thoát khỏi sự can thiệp tùy tiện của bộ máy hành chính vào các công việc sản xuất và kinh doanh cụ thể, do chưa phân biệt rõ quyền sở hữu với quyền kinh doanh, chức năng của bộ máy chính quyền với chức năng sản xuất kinh doanh của xí nghiệp. Việc xử lý quan hệ giữa giám đốc, đảng ủy và công đoàn trong xí nghiệp chưa tốt. Không ít giám đốc đã lợi dụng những sơ hở trong các quy định về quyền điều hành xí nghiệp để lộng quyền, tham nhũng, gây thất thoát tài sản xã hội chủ nghĩa. Không ít tổ chức cơ sở đảng trong các xí nghiệp lúng túng về nội dung và phương thức lãnh đạo, thậm chí buông lơi vai trò lãnh đạo. Các XNQD cũng chưa thực sự được bình đẳng trong cạnh tranh.

Việc cơ cấu lại sở hữu quốc doanh, trước hết đòi hỏi phải có lý luận soi đường cho nó. Do vậy, thống nhất một số quan điểm cơ bản hiện đại về KTQD và kinh tế cổ phần (KTCP) là rất cần thiết cho chỉ đạo hoạt động thực tiễn.

Ở nước ta, trước thực trạng trì trệ nói trên của XNQD cộng thêm những tác động từ bên ngoài vào trong nước hiện đang *thiếu một "bộ lọc"* qua chính sách mở cửa, và nhất là do ảnh hưởng tiêu cực của chính sách tư nhân hóa ồ ạt sở hữu quốc doanh đã và đang diễn ra ở Liên xô (cũ) và các nước Đông Âu sau khi chủ nghĩa xã hội ở đây bị xụp đổ, có nhiều người đã bài xích, nói xấu hoặc đòi xét lại vị trí của sở hữu quốc doanh, mà thực chất là muốn tư nhân hóa hay cổ phần hóa nó nhất loạt. Đó là những nhận thức và hành động sai lầm. Thực tiễn và lý luận đã chỉ rõ :

- Trong và sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, chưa thấy nước nào trên thế giới (kể cả những nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất) chủ trương xóa KTQD ; chỉ có sự thu hẹp các doanh nghiệp nhà nước về số lượng mà thôi. Kinh tế thị trường có nhiều ưu điểm : là một bộ máy cực kỳ tinh vi, nhạy bén, có động lực khá mạnh, phát ra những mệnh lệnh được người ta "tự giác" tuân theo, có khả năng tự điều chỉnh hệt như một phong vũ biểu... Song, nó cũng có nhiều khuyết tật và cạm bẫy : gây mất cân đối cho nền kinh tế quốc dân ; làm phân hóa giàu nghèo ; dẫn đến độc quyền, hạn chế cạnh tranh và làm giảm động lực ; tàn phá môi sinh ; tạo ra cả một lớp người buôn gian, bán lận, lừa đảo, hối lộ, mua chuộc, đầu cơ, v.v.. Vì thế, chính phủ các nước đã phải can thiệp vào đời sống kinh tế, trong đó có việc lập ra các doanh nghiệp nhà nước để hạn chế những khuyết tật của kinh tế thị trường, đáp ứng những nhu cầu mà tư nhân không đủ khả năng đầu tư hoặc không muốn đầu tư vì lãi suất thấp.

- Không chỉ ở ta mà ngay cả ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất như Mỹ, Anh... vẫn có tình trạng KTQD trì trệ, trình độ kinh doanh không bằng doanh nghiệp tư nhân. Vì thế, chính phủ các nước này đang nỗ lực tìm kiếm những hình thức quản lý mới cho phù hợp. Chẳng hạn ở Mỹ, ngoài việc cho thuê, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, chính phủ còn tiến hành cải cách hai mặt sau : nới quyền cho xí nghiệp, tăng cường các biện pháp kinh tế, luật pháp, giám sát kinh tế (bằng cách cử các đoàn giám sát hoặc giám sát viên tài vụ) để khống chế gián tiếp xí nghiệp, v.v..

- KTQD ngay ở các nước tư bản phát triển nhất đã và đang tồn tại như một đối trọng, một sự cần thiết, thì ở ta càng phải như vậy. KTQD ở ta khác căn bản với KTQD ở các nước tư bản chủ nghĩa. Nền kinh tế ở ta là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mà theo bản chất là nền kinh tế hàng hóa *dựa trên chế độ công hữu* (chứ không phải *chỉ có kinh tế công hữu*, như quan niệm trước đây). Nó lấy sở hữu quốc doanh làm *chủ đạo* ; lấy sở hữu tập thể và sở hữu hỗn hợp làm *bộ phận cấu thành quan trọng nhất* ; lấy các hình thức sở hữu khác làm *người đồng hành lâu dài*. Tính chủ đạo của KTQD

Digitized by Google

thể hiện ở chỗ : nó nắm - và nhất thiết phải nắm - những ngành hàng then chốt, có ý nghĩa chiến lược đối với quốc kế dân sinh. Do đó, nó quyết định sự vận động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giúp cho nhà nước *duy trì định hướng đã chọn* và *điều tiết thị trường*, từ đó hình thành *hệ thống thị trường được điều tiết, để mách nước, hướng dẫn các xí nghiệp làm ăn trúng và có hiệu quả*. Nếu lực lượng KTQD không đủ mạnh và kinh doanh thiếu năng động, thì các lực lượng kinh tế khác sẽ vươn ra chiếm lĩnh, chi phối thị trường và tác động đến định hướng kinh tế đã chọn. Do vậy, xa rời KTQD hay để cho nó trì trệ, suy yếu, đều là điều tối kỵ đối với chủ nghĩa xã hội, vì nó đụng chạm đến nền tảng tồn tại của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Song ở vị trí chủ đạo, KTQD không nhất thiết phải chiếm tỷ trọng cao hay áp đảo trong cơ cấu sở hữu, nhất là ở chặng đầu thời kỳ quá độ. Tuy nhiên, theo đà phát triển của lực lượng sản xuất và của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tỷ trọng KTQD có thể được nâng dần, và tính chất chủ đạo của KTQD do đó, sẽ phát huy mạnh hơn. Cùng với sự phát triển ấy sẽ là sự lớn mạnh của hệ thống sở hữu hỗn hợp, đan xen, liên kết giữa các thành phần kinh tế khác nhau do quá trình xã hội hóa sản xuất tạo nên, trong đó sẽ có những công ty cổ phần (lấy hoặc không lấy sở hữu quốc doanh làm đầu đàn), trở thành những tổ hợp sản xuất lớn, những tập đoàn kinh tế mạnh có khả năng vươn ra thị trường ngoài nước, lập những xí nghiệp sản xuất tại nước ngoài. Theo tôi nghĩ, đó cũng là một hình thức trong mô hình sở hữu xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tất nhiên, mô hình này, cả trong tương lai xa, vẫn không loại trừ sở hữu cá thể, hay sở hữu tư nhân, cần cho việc sản xuất những sản phẩm nhỏ, nhẹ, thích hợp với kinh doanh phân tán, hoặc việc thực hiện những dịch vụ đòi hỏi phục vụ kịp thời.

*

Từ thực tế và quan điểm phát triển trên, theo ý tôi, việc cơ cấu lại sở hữu quốc doanh nên theo các hướng sau :

Trước hết, cần xác định có căn cứ các XNQD trọng yếu, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế của đất nước và các thành, tỉnh. Ở nước ta, đó là các xí nghiệp và các ngành than, điện, dầu khí, xi măng, đường sắt, hàng không, ngân hàng trung ương, giao thông công cộng thành phố... Theo hướng đó, *cần kiên quyết rút số xí nghiệp quốc doanh hiện có xuống mức tối thiểu cần thiết, để từ đó, có thể phát huy đến mức tối đa những cái cần thiết có trong tay*. Trong vấn đề này, cần chống khuynh hướng địa phương cục bộ, duy trì tràn lan XNQD với năng suất thấp chỉ vì lợi ích cá nhân, cục bộ. Mặt khác, cần chống khuynh hướng chạy từ cực nọ sang cực kia, từ "tả" sang "hữu", thường thấy ở các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ tình trạng chậm phát triển, mà hậu quả của nó khó lường hết.

Thứ hai, đối với các XNQD trọng yếu, có ý nghĩa chiến lược, đang làm ăn có lãi, thì trước mắt nên tạm đặt chúng trong bối cảnh đổi mới cơ chế quản lý nói chung, để tập trung lực lượng sắp xếp lại các xí nghiệp khác. Còn các XNQD cũng thuộc diện trọng yếu, nhưng bị lỗ hay thuộc loại có doanh lợi thấp, thì nhà nước nên có chính sách hỗ trợ cần thiết (như trợ giá, giảm hay miễn thuế, hỗ trợ đầu tư hay cung cấp tín dụng có ưu đãi) để các xí nghiệp này có thể bù đắp chi phí và có lãi, vì hoạt động của các xí nghiệp này ngoài lợi nhuận, còn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển. Đặc biệt, cần chú ý :

- Tách quyền sở hữu với quyền kinh doanh, để các XNQD thực sự trở thành những người sản xuất hàng hóa tương đối độc lập, năng động, có *quyền lợi* và *nghĩa vụ* rõ ràng, hoạt động trong điều kiện "bên trong có động lực, bên ngoài có áp lực". Việc tách rời hai quyền này là đòi hỏi tất nhiên của sản xuất hàng hóa. Chính nhờ tách hai quyền này qua khoán 10, mà nông nghiệp ở nước ta đã có những

Digitized by Google

bước tiến vượt bậc trong khi cơ sở vật chất - kỹ thuật của nó chưa có thay đổi bao nhiêu.

- Phân định chức năng của bộ máy chính quyền trong quản lý kinh tế với chức năng sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, theo đó, chức năng chủ yếu của bộ máy chính quyền có thể và nên là : vạch ra chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tài nguyên, cải tạo kỹ thuật ; điều phối kế hoạch phát triển và quan hệ kinh tế giữa các vùng, các ngành, các xí nghiệp ; chăm lo xây dựng các công trình trọng điểm, cơ sở hạ tầng ; thu thập và phổ biến kịp thời thông tin về sản xuất và thị trường ; định ra và giám sát nghiêm ngặt việc chấp hành luật kinh tế, v.v.. Nói tóm lại, *bộ máy chính quyền cần chuyển từ việc quản lý trực tiếp các xí nghiệp trước đây sang quy hoạch, tính toán thống nhất, điều phối, phục vụ và giám sát.*

- Làm rõ mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và công đoàn theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng về công tác xây dựng Đảng. Tổ chức cơ sở đảng trong xí nghiệp phải lãnh đạo xí nghiệp bảo đảm phương hướng, mục tiêu kinh doanh và quản lý của cơ sở theo đúng quan điểm đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách và cơ chế quản lý của Nhà nước, nhất là phải bảo toàn và phát triển được tài sản và vốn, đổi mới công nghệ, tiếp cận thị trường, nâng cao trình độ kỹ thuật và quản lý, nâng cao hiệu quả kinh tế, phân phối lợi nhuận và thu nhập đúng đắn, nắm vững và làm đúng công tác cán bộ theo quy định ; phát huy đúng mức vai trò quản lý điều hành của giám đốc (hoặc hội đồng quản trị) và quyền làm chủ của công nhân ở cơ sở. Đảng ủy lãnh đạo và kiểm tra thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, không can thiệp vào công việc quản lý điều hành cụ thể của hội đồng quản trị hoặc của giám đốc xí nghiệp.

Thứ ba, với các XNQD sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thông thường đang làm ăn có lời, thì nhà nước có thể giữ lại số ít, còn nên chuyển đại bộ phận số xí nghiệp này sang cho đấu thầu, cho thuê, bán, hoặc cổ phần hóa.

- Trong việc cho *đấu thầu, cho thuê* hoặc *bán* xí nghiệp, cần quy định cụ thể những xí nghiệp có vốn và lãi hằng năm là bao nhiêu thì có thể đem cho thuê hoặc bán (ví dụ ở Trung quốc, quy định tạm thời hiện nay là những xí nghiệp có vốn dưới 1,5 triệu và có lãi dưới 2 vạn nhân dân tệ/năm). Tiền thuê xí nghiệp nên lấy mức lãi trung bình tính theo vốn trong xã hội và mức lãi cho vay của ngân hàng để xác định. Thời gian cho thuê xí nghiệp phải có tác dụng kích thích người thuê đầu tư mới vào xí nghiệp. Còn giá bán xí nghiệp không chỉ dựa vào giá trị thực tồn của vốn cố định và vốn lưu động như cách làm hiện nay, mà nên căn cứ vào địa vị của xí nghiệp trên thị trường, lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của nó. Tuy vậy, việc cho thuê, như kinh nghiệm các nước lân cận ta cho thấy, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, vì số người thuê có đủ tài sản cá nhân để thế chấp không nhiều ; lại nữa, người thuê do nhu cầu bố trí lại công việc theo cách của họ, thường phải thải ra một số không nhỏ người lao động, làm tăng thêm đội quân thất nghiệp, v.v.. Vì vậy, nhiều nước có xu hướng đặt hy vọng vào chế độ cổ phần.

- *Cổ phần hóa* xí nghiệp là hình thức kinh tế còn rất mới đối với ta, song đó là biểu hiện của sự phát triển các hình thức sở hữu trên thế giới, theo xu thế từ hình thức sở hữu "nhất nguyên" chuyển dần sang "nhị nguyên" và "đa nguyên". Đó còn là sự phản ứng tự nhiên của các xí nghiệp trong kinh tế thị trường, không dồn vốn cả gói vào một túi "để đề phòng rủi ro, đỡ bể. Kinh tế cổ phần (KTCP) có nhiều ưu điểm lớn :

a) *Cá nhân hóa quan hệ sở hữu*, tạo ra và - quan trọng hơn - *duy trì* động lực thúc đẩy việc nâng cao năng suất và làm cho mọi người quan tâm đến kết quả lao động riêng và chung của xí nghiệp ; nó tạo nên sự thống nhất hữu cơ về lợi ích giữa nhà nước, xí nghiệp và người lao động ;

Digitized by Google

b) *Thúc đẩy việc tập trung các nguồn vốn phân tán trong xã hội* - và đây là một đặc điểm của những nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội chưa qua sản xuất lớn, biến vốn chết thành vốn sống, vốn tiêu dùng chưa thật cần thiết thành vốn sản xuất, biến vốn nhỏ thành vốn lớn, để đẩy mạnh sản xuất, tăng thêm của cải cho xã hội ;

c) Tạo điều kiện hình thành mau hơn những tổ hợp sản xuất lớn, những tập đoàn kinh tế mạnh theo chiều ngang để tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường ;

d) Tạo tiền đề để tiến tới lập thị trường vốn, mà nếu thiếu thị trường này, thì những thâm hụt trong ngân sách nhà nước ở nước ta - cũng như ở các nước đang phát triển - chỉ có thể được giải quyết bằng con đường lạm phát ;

đ) Góp phần đào luyện những giám đốc, những nhà quản trị xí nghiệp năng động, viễn kiến, tài ba, làm nền cho việc phát triển nền kinh tế hàng hóa theo quy mô lớn...

KTCP có nhiều loại : KTCP trong nội bộ xí nghiệp (có thể gọi là KTCP lao động) ; KTCP do các xí nghiệp mua cổ phiếu của nhau ; KTCP do phát hành cổ phiếu công khai v.v.. Tuy vậy, KTCP cũng có mặt trái không thể xem nhẹ : nó gây khó khăn cho việc kiểm tra hoạt động của vốn và quy mô vốn đầu tư : nó dễ bị bó hẹp trong lợi ích vi mô, nên ở nhiều nước đã xảy ra tình trạng xí nghiệp cổ phần trốn thuế điều tiết, chia lợi nhuận trước, nộp thuế thu nhập sau ; về lâu dài, KTCP do thu hút ngày càng nhiều vốn của tư nhân và của tư bản nước ngoài, nên tính chất sở hữu của nó có thể thay đổi... Kinh nghiệm của Trung quốc cho thấy, đầu những năm 80, Trung quốc bắt đầu thí điểm KTCP. Đến 1987, lập được hơn 6 nghìn xí nghiệp cổ phần (XNCP) với tổng số vốn là 6 tỷ nhân dân tệ, trong đó phần lớn là vốn của XNQD, chỉ có phần nhỏ là vốn của lao động. Thêm nữa, ở các XNCP lại nổi lên vấn đề người có vốn nhỏ, thì lợi nhuận nhỏ, nên quyền nhỏ. Và ngược lại. Còn người đại diện cho cổ phần nhà nước lại thường là những người của các bộ chủ quản hay của các thành, tỉnh cử đến, tức là những người không có cổ phần trên thực tế nhưng lại có quyền lớn, và họ đã lạm dụng quyền đó để thao túng xí nghiệp, thu vén cá nhân... Do vậy, đến đầu 1989, Ủy ban cải cách kinh tế Trung quốc đã yêu cầu thu hẹp diện thí điểm KTCP mà trước đó, theo dự kiến, sẽ hoàn thành vào năm 2000.

Ở ta, khi làm thử KTCP, cần lưu ý những vấn đề nêu trên để có cách xử lý, uốn nắn cho phù hợp. Đặc biệt, cần lưu ý áp dụng hình thức tiệm tiến, tức là có nhân ra từng giai đoạn, từng bước đi, từ điểm (có lựa chọn) đến diện ; vừa tích cực, vừa thỏa đáng, vừa thận trọng, trước mỗi bước đi phải chuẩn bị chu đáo. Sau mỗi bước lớn, cần có thời gian điều chỉnh, củng cố, để việc cổ phần hóa bớt gây rối đỡ sai, hoặc làm mất đi ý nghĩa của việc đổi mới sở hữu.

Thứ tư, đối với các XNQD sản xuất các mặt hàng thông thường nhưng bị lỗ, không bảo toàn được vốn, thì có thể cho sáp nhập một số vào các XNQD cùng loại kinh doanh có lời để hạn chế thất nghiệp ; còn *nói chung*, nên cho giải thể hoặc cho thuê, bán, cổ phần hóa. Trong việc cho thuê, bán hay cổ phần hóa, cùng với việc có chính sách cụ thể để kích thích những người mua cổ phiếu, phải đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền hướng dẫn công chúng trong việc bỏ vốn đầu tư, làm cho họ không chỉ thấy cái lợi trước mắt mà còn thấy cả triển vọng của xí nghiệp. Còn vấn đề *thất nghiệp*, thì trước mắt (và cả trong một thời gian không ngắn nữa) chúng ta buộc phải chấp nhận một số nhất định. Số này, một phần có thể quay về với sản xuất nông nghiệp đang cần họ ; phần khác, sẽ được thu hút dần vào các ngành nghề khi sản xuất được mở rộng. Với cơ chế thị trường và chế độ hợp đồng lao động, số thất nghiệp sẽ có tác dụng như một sức ép tự nhiên đối với số lao động tại chức, buộc số lao động tại chức phải làm việc tốt hơn, để khỏi bị thay thế.

Digitized by Google

Dân chủ trong kinh tế

NHẬT TÂN

DÂN chủ trong kinh tế là một nhân tố quan trọng kích thích tính năng động sáng tạo của các chủ thể sản xuất kinh doanh, giải phóng và phát triển các năng lực sản xuất, đổi mới công tác tổ chức quản lý, đem lại lợi ích thiết thân cho người lao động, góp phần nâng cao trình độ và mở rộng phạm vi dân chủ trong các lĩnh vực khác. Thực tế đã chứng minh, thực hiện tốt dân chủ trong kinh tế, đem lại lợi ích và quyền hạn cho người lao động, coi trọng lợi ích cá nhân - động lực trực tiếp của sự phát triển xã hội, bảo đảm quan hệ giữa lợi ích xã hội với lợi ích cá nhân, thì dân chủ trong các lĩnh vực khác mới có nội dung và ý nghĩa thiết thực.

Tuy nhiên, dân chủ trong kinh tế không phải là yếu tố duy nhất và tuyệt đối, nó không phải không chịu sự tác động qua lại của dân chủ trong các lĩnh vực khác. Có thể nói, dân chủ trong kinh tế là nền tảng, dân chủ trong chính trị là tiền đề không thể thiếu, còn dân chủ trong các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, khoa học... là nội dung quan trọng của nền dân chủ xã hội.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, chúng ta đã có bước chuyển lớn về thực hiện dân chủ nói chung và dân chủ trong lĩnh vực kinh tế nói riêng. Có được tiến bộ về dân chủ trong kinh tế là do chuyển từ cơ chế quản lý quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, con người trong sản xuất kinh doanh được tự chủ, phát huy năng lực sáng tạo, tìm tòi, tự chịu trách nhiệm về công việc của mình. Các tổ chức sản xuất kinh doanh có điều kiện cạnh tranh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Nhà nước đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách mới (như khoán trong nông nghiệp ; giao đất, giao rừng cho người trực tiếp làm ; thực hiện quyền tự chủ sản xuất kinh doanh trong các xí nghiệp quốc doanh ; giảm bớt tối đa các chỉ tiêu pháp lệnh ; xóa bỏ thiên kiến đánh giá và đối xử không đúng đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh ; thực hiện nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật).

Thực hiện dân chủ trong kinh tế bao gồm việc chống lại những biểu hiện độc đoán chuyên quyền, tự do vô chính phủ của các cá nhân, tập thể và các thành phần kinh tế, đem lại những giá trị dân chủ chân chính trong đời sống kinh tế. Những nội dung chủ yếu của dân chủ trong kinh tế đã được thể hiện tập trung trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* và trong Hiến pháp năm 1992. Nhà nước thừa nhận "người lao động chủ động tạo việc làm và tìm việc làm. Mọi nghề mang lại thu nhập cho người lao động và có ích cho xã hội đều được tôn trọng". "Mọi người được *tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp*... Mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt quan hệ sở hữu, đều hoạt động theo cơ chế *tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau, bình đẳng trước pháp luật*". "Phát triển nhiều hình thức dịch vụ thông tin kinh tế, quảng cáo, hội chợ, triển lãm... Tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất trực tiếp tìm hiểu nhu cầu thị trường, giao dịch với bạn hàng trong và ngoài nước". '*Mở rộng quan hệ kinh tế* với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, các công ty và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi". Những điều quy định đó nhằm mục đích "vì con người, do con người" [1], "làm cho dân giàu, nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế" [2].

Với những nội dung nói trên, dân chủ trong kinh tế trước hết nhằm giải quyết *quan hệ chính trị* giữa nhà nước với nhân dân ; nhà nước bảo đảm bằng pháp luật cho mỗi công dân, với tư cách là chủ thể lao động, có thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ trong hoạt động kinh tế ở mọi khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh (từ sở hữu, quản lý, phân phối, đến tiêu dùng). Các quyền cơ bản của công

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Nxb sự thật, Hà nội, 1991, tr33,8,25,9.
(2) Hiến pháp năm 1992, điều 16.

Digitized by Google

dân đều được thể chế hóa, nhằm bảo đảm quyền mỗi người được lao động, được tự do lựa chọn những hình thức kinh tế mà nhà nước không cấm để thực hiện các lợi ích kinh tế chính đáng của mình. Đồng thời, cũng nhằm bảo đảm công bằng xã hội, mọi người lao động và mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật trong cống hiến và hưởng thụ, dựa trên những hình thức phân phối hợp lý. Vai trò của nhà nước ở đây là giữ nghiêm những điều pháp luật đã quy định, tạo ra một cơ chế hoạt động và kiểm soát nhằm bảo đảm lợi ích chính đáng cũng như nghĩa vụ của người lao động.

Tuy vậy, dân chủ trong kinh tế ở nước ta hiện nay còn có những hạn chế. Do trình độ và điều kiện phát triển kinh tế còn thấp, nhiều người ở độ tuổi lao động chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định. Một bộ phận không nhỏ người lao động chưa được tự do sản xuất kinh doanh. Nhiều nơi tư liệu sản xuất còn vô chủ hoặc có chủ không đầy đủ, người lao động chỉ là chủ sở hữu trên danh nghĩa, không đủ quyền hạn và không gắn với trách nhiệm của họ. Trong quản lý, đây đó còn những biểu hiện gia trưởng, độc đoán, áp đặt của các cơ quan quyền lực nhà nước, của giám đốc, của thủ trưởng đơn vị kinh tế, thể hiện sự không tôn trọng hoặc biến thành hình thức quyền tham gia quản lý của người lao động. Trong phân phối, tình trạng bất công và bình quân còn phổ biến, làm cho không ít người lao động chân chính bị thiệt thòi, đời sống thêm khó khăn. Trong tiêu dùng, người lao động còn phải sử dụng không ít sản phẩm chất lượng không bảo đảm như quy định, thậm chí phải bỏ không dùng được vì hàng rởm, hàng giả... Để khắc phục những hạn chế nói trên, cần mở rộng hơn nữa dân chủ trong kinh tế, ở đây biện pháp kinh tế và pháp luật là rất quan trọng.

*

Những kinh nghiệm bước đầu trong công cuộc đổi mới ở nước ta về thực hiện dân chủ trong kinh tế cho thấy :

1 - Thực hiện dân chủ trong kinh tế là quá trình giải quyết quan hệ chính trị - kinh tế giữa nhà nước với nhân dân, bảo đảm cho nhân dân lao động có quyền lao động, quyền tự do sản xuất kinh doanh, tự do làm ăn sinh sống trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước. Tất cả các quyền này đều được thể chế hóa thành văn bản pháp luật. Đồng thời, đó cũng là quá trình nhà nước tạo ra cơ chế bảo đảm các quyền trên được thực thi trong thực tế ;

2 - Dân chủ trong kinh tế cần có những nội dung và hình thức thích hợp với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và cơ chế thị trường, góp phần bảo đảm và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh ; bảo đảm và phát huy tính tích cực sáng tạo của các chủ thể sản xuất - kinh doanh, đem lại lợi ích kinh tế ngày càng tăng cho người lao động ; bảo đảm quyền bình đẳng, công bằng, hợp lý theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện và phát huy dân chủ trong kinh tế, cần dựa trên phương hướng và yêu cầu nội dung những năm trước mắt về ổn định và phát triển nền kinh tế nước ta, trên những quy định mới của Hiến pháp năm 1992, chú ý giải quyết một số điểm sau :

1- Tiếp tục thể chế hóa quyền sở hữu và quyền sử dụng các tư liệu sản xuất và các tư liệu tiêu dùng của cá nhân, của các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động yên tâm và hăng hái sản xuất kinh doanh, làm cho việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước và người sản xuất kinh doanh, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội ngày càng tốt hơn. Đây là một nội dung quan trọng nhất của dân chủ xã hội chủ nghĩa trong kinh tế.

2- Cải tiến các hình thức sở hữu, quy mô tổ chức và phương thức quản lý đối với các xí nghiệp quốc doanh để các xí nghiệp này có điều kiện thực hiện tốt hơn quyền tự chủ sản xuất kinh doanh trong cơ chế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần. Giải quyết tiếp những mắc mứu trong quan hệ giữa quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất tự chủ để hai bên đều có thể phát huy vai trò của mình trong việc thúc đẩy sản xuất phát triển.

3- Thực hiện tốt vấn đề công khai cần thiết trong kinh tế để mọi người lao động đều biết rõ, nhanh chóng và kịp thời những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình (như : công khai kế hoạch, chỉ tiêu, các điều kiện và nhân tố bảo đảm sản xuất kinh doanh ; công khai lợi ích và chế độ phân phối lợi ích ; công khai việc khen thưởng, xử phạt vật chất, v.v.). Như vậy càng nêu cao được vai

(Xem tiếp trang 41)

Digitized by Google

ĐIỂM LẠI MỘT TÌNH HÌNH VĂN HỌC

HÀ XUÂN TRƯỜNG

CHÚNG ta đang đánh giá văn học của thời kỳ đổi mới từ sau Đại hội VI của Đảng.

Văn học nước ta sau Đại hội VI phát triển khá nhanh trên nhiều mặt. Nhiều tác phẩm đã miêu tả khá sâu sắc những tình huống gian khổ, phức tạp, không né tránh mất mát, đau thương của hai cuộc kháng chiến trước đây. Ý thức được vai trò của văn học đối với con người, nhiều tác giả đi sâu vào các thân phận cá nhân, phanh phui, mổ xẻ các dạng tiêu cực, phản ánh sinh động cuộc sống nhiều mặt của nhân dân. Nhiều khía cạnh của những vấn đề phi đạo đức đang nổi cộm lên ở xã hội ta từ khi bước vào nền kinh tế thị trường bị phê phán quyết liệt. Bút pháp, phong cách đa dạng hơn trước, những tìm tòi trong sáng tạo được mở rộng. Những cây viết trẻ, một thế hệ mới từ trong chiến tranh và sau chiến tranh bắt đầu xuất hiện với một sức sống và tài năng đầy hứa hẹn. Những bút ký, phóng sự xông xáo hơn, sinh động hơn đóng góp nhiều cho cuộc đấu tranh xây dựng lối sống, đạo đức, tăng cường những quan hệ tốt đẹp trong xã hội. Công tác nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học cũng làm được khá nhiều việc, như cố gắng đánh giá công bằng những tác giả, những trào lưu văn học trước Cách mạng Tháng Tám một cách đầy đủ hơn; mạnh dạn nêu lên những vấn đề lý luận quan hệ đến đổi mới trong văn học, mạnh dạn đổi mới nội dung và cách giảng dạy văn học ở nhà trường, v.v..

Rõ ràng Đại hội VI, và tiếp đó Nghị quyết 05 của Bộ chính trị về "Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa" đã gây được khí sắc mới trong văn học. Những thành tựu đạt được là đáng mừng, là không nhỏ. Sự phát triển lành mạnh của văn học chứng tỏ đại bộ phận đội ngũ nhà văn của ta vẫn giữa được phẩm chất tốt đẹp vốn có, được tôi luyện trong cách mạng và có nhiều tài năng đáng trân trọng.

Song cùng với những mặt tích cực đó, văn học nước ta đã và đang có những mặt tiêu cực. Loại sách tuyên truyền cho bạo lực, tình dục và sự sa đọa hằng ngày đầu độc bạn đọc, nhất là đối với lứa tuổi thanh thiếu niên, công khai phổ biến, len lỏi khắp nơi. Những tiểu thuyết phản động, sa đọa của thời Mỹ - ngụy trước đây được in lại bất hợp pháp và hợp pháp, cộng với những thứ viết mới và nhập từ nước ngoài như những cơn dịch bệnh cho đến nay vẫn chưa bị dập tắt, trái lại còn có nguy cơ tiếp tục lan rộng dưới những dạng hợp pháp, tinh vi với danh nghĩa "văn nghệ đời thường", "thỏa mãn nhu cầu của quần chúng". Trong lúc đó, một số nhà văn đã bộc lộ tâm trạng dao động, bi quan, xa rời sự lãnh đạo của Đảng. Rất ít tác phẩm đề cập đến những vấn đề lớn của dân tộc, của xã hội với những quan điểm lành mạnh, cảm hứng anh hùng trong sáng tác gần như không có. Đã trở thành một tình trạng khá phổ biến là nhiều tác phẩm ngày càng xoáy sâu vào những số phận cá nhân bi thảm, những cảnh ngộ éo le, những tình cảm riêng tư lạc lõng, tạo ra ấn tượng cuộc đời đen tối không có lối thoát. Bị tác động bởi những mặt tiêu cực trong đời sống, một số tác giả đã nhìn hiện thực một cách lệch lạc, miêu tả đầy rẫy

Digitized by Google

tội ác, miêu tả chiến tranh yêu nước theo một chiều bi thảm, gây thêm tâm lý thất vọng trong quần chúng. Rất đáng chú ý là trong số những tác phẩm xấu về tư tưởng và nghệ thuật, có cả những tác phẩm phản động về chính trị, công nhiên xuyên tạc lịch sử, mưu toan "hạ bệ" anh hùng dân tộc, lãnh tụ của nhân dân.

Về công tác lý luận phê bình văn học, đúng là sau Đại hội VI, và đặc biệt sau khi có Nghị quyết 05 của Bộ chính trị, một không khí thảo luận trong giới văn học đã được dấy lên sôi nổi. Nhưng điều không bình thường là trong các cuộc thảo luận ấy, ở những cơ quan ngôn luận chính thức của Hội nhà văn và của một số hội văn nghệ địa phương, tiếng nói nổi lên lại là những tiếng nói theo một dòng với những quan điểm lệch lạc khơi lên từ những năm 1979 tưởng như đã bị đẩy lùi do cuộc đấu tranh lúc đó, như "ảnh hưởng tiêu cực của xu hướng cao cả tới đông đảo công chúng của ta", "chủ nghĩa hiện thực phải đạo", "cuộc đấu tranh lâu dài của cá thể với số đông, của mỗi người với toàn xã hội", sự "bắt buộc văn học phải khiếp nhược trước đời sống", v.v.. Một phần rất quan trọng của Nghị quyết 05 đã bị một số người, kể cả một số cán bộ có trách nhiệm lãnh đạo và quản lý văn học, thi hành chệch hướng. Nghị quyết khẳng định lại sự đánh giá của Đại hội IV của Đảng về văn học kháng chiến của nước ta "xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay", thì một số người lại truyền bá nhận định văn học kháng chiến là "nghèo nàn", "không có gì", là "không phải văn học đích thực" trong lúc đó lại đề cao một chiều thiếu sự nhận định mang tính lịch sử những tác phẩm, những trào lưu trước cách mạng thường được gọi là "tiền chiến". Nghị quyết chủ trương văn nghệ phải gắn bó với cuộc sống, nêu cao bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội, trau dồi đạo đức cách mạng của quần chúng, thì một số cây bút "lý luận đổi mới" lại phê phán thuyết phản ánh, chủ trương "văn học không làm nhiệm vụ giáo dục đạo đức". Nghị quyết ghi "phát huy chức năng hiểu biết, khám phá, dự báo, sáng tạo", thì một số người lại chỉ một chiều đề cao chức năng "dự báo", coi đó như là thiên chức của nhà văn. Nghị quyết khuyến khích "phát hiện và biểu dương cái mới, khẳng định những mầm non đang nảy nở" trong xã hội ta, thì tuyệt đại bộ phận sáng tác mấy năm gần đây tập trung vào những mặt tiêu cực của xã hội. Nghị quyết yêu cầu "văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính đảng và tính nhân dân", thì ngoài một vài bài đăng trên Tạp chí Cộng sản và báo *Nhân dân* phê phán quan điểm tách văn nghệ khỏi chính trị của Đảng, không có một bài nào bàn về tính đảng của văn học, nghệ thuật trong tình hình mới trên các cơ quan ngôn luận văn học. Nghị quyết yêu cầu "đoàn kết với nhau chân thành, sâu sắc", thì tính biệt phái và bè phái trong giới văn học kéo dài. Nghị quyết yêu cầu "phát huy truyền thống dân tộc", thì báo "Văn nghệ" lại đăng liên tiếp mấy truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp thóa mạ Quang Trung, hạ thấp Nguyễn Du, bôi nhọ nền văn hóa dân tộc...

*

Những thành tựu của sự đổi mới trong văn học từ sau Đại hội VI, và những lệch lạc phát sinh từ trong sự đổi mới đó đều đã được báo hiệu từ những năm sau 1975.

Chỉ vài ba năm sau ngày miền Nam được giải phóng, văn học đã mau chóng nhạy cảm với những vấn đề của đất nước đã bước sang một giai đoạn mới hoàn toàn khác trước : cuộc sống hòa bình với bao nỗi lo toan trong hoàn cảnh khó khăn chồng chất do hậu quả chiến tranh cùng sự bao vây kinh tế và tấn công chính trị của các thế lực đế quốc.

Nguyễn Minh Châu, một cây bút nổi tiếng viết về chiến tranh, tạm thời gác việc viết tiểu thuyết về chiến tranh, cho ra đời những truyện ngắn đi vào tâm lý, tâm tư, cách xử thế của người đời, những trăn trở của nhà văn trước số phận của nhân vật trong cuộc sống đời thường sau chiến tranh. *Đứng trước biển*, *Cù lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn xông thẳng vào cuộc đấu tranh sống động của những người lao động và quản lý ở xí nghiệp và nông thôn đồng bằng sông Cửu long vượt bao trở ngại vươn tới cái mới. *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng báo hiệu khá sâu sắc những bi kịch gia đình và xã hội trước nguy cơ sụp đổ của những giá trị đạo đức truyền thống trong sự tác động của mặt trái của nền kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường bắt đầu hình thành. Nếu coi văn học là cơ

Digitized by Google

sở của sân khấu, ta có thể kể đến cuộc đấu tranh quyết liệt giữa cái cũ và cái mới chống tiêu cực trong *Tôi và chúng ta* và những vở khác của Lưu Quang Vũ, trong *Nhân danh công lý* của Võ Khắc Nghiêm, *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình. Bộ ba vở chèo *Bài ca giữ nước* của Tào Mạt phản ánh một đoạn đường lịch sử dân tộc nhưng mang rõ nét về những thế thái nhân tình của ngày nay. Tôi chỉ ghi lại một số tác phẩm trong nhiều tác phẩm ở thời gian trước Đại hội VI đã gây tranh luận trong giới văn học và công chúng bạn đọc.

Cùng với khuynh hướng lành mạnh, sáng tạo trong sự đổi mới văn học, khuynh hướng thương mại mà lúc đó nhiều người gọi là "khuynh hướng kiếm sống", các loại sách "đen" của ta và của nước ngoài đã xuất hiện đến mức phải báo động. Và ngay từ năm 1978, 1979 đã xuất hiện những quan điểm lệch lạc khi đánh giá văn học cách mạng và kháng chiến, và những lý giải không đúng đắn về các hiện tượng mới, những yêu cầu mới của văn học. Khác với những năm gần đây, những quan điểm lệch lạc đó bị phê phán kịp thời trên tinh thần đoàn kết vì sự phát triển của văn học.

Tôi nêu lại một số nét của tình hình những năm 1975 - 1985 để tìm *cái dây nối liên tục* của sự đổi mới văn học của nước ta, để khẳng định sự đổi mới trong văn học của nước ta là thực chất, là từ yêu cầu của giai đoạn mới của cách mạng. Những lệch lạc nảy sinh trong thời kỳ đổi mới là chuyện bình thường, miễn là những lệch lạc cần được phát hiện sớm, không để cho chúng gây những tổn thất không đáng có cho nền văn học. Văn học chân chính bao giờ cũng là sự phản ánh đúng đắn, chân thực cuộc sống và khát vọng của nhân dân, và bản thân nó là cuộc đấu tranh chống cái xấu, cái ác, vươn tới cái thiện, cái đẹp. Tìm nguyên nhân thành tựu cũng như thiếu sót phải từ cuộc sống, từ nhà văn và sự lãnh đạo của Đảng đối với văn học.

Văn học phản ánh cuộc sống thông qua nhận thức, khám phá và sáng tạo của nhà văn. Nhưng chính cuộc sống với những *mặt tích cực* và những *mặt tiêu cực* cũng tác động tới nhà văn. Ở bài báo này tôi muốn nói đến nguyên nhân chủ yếu của những mặt tiêu cực trong văn học. Chúng ta nói đến mặt trái của cơ chế thị trường, nói đến nhiều mặt văn hóa đạo đức của xã hội bị suy thoái, nói đến những thiếu sót của quản lý vĩ mô và vi mô của các cơ quan nhà nước làm cho một số nhà văn mất bình tĩnh, buồn chán, bất mãn. Chúng ta nói đến sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, đến sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội làm cho không ít nhà văn hoang mang về định hướng của mình, về chính bản thân mình, về một nền văn học cách mạng và kháng chiến, mà chính mình là một bộ phận máu thịt. Tôi cho rằng tất cả những điều đó đều đúng. Nhưng tất cả những điều đó không thể biện minh được cho những sai sót của những nhà văn và Hội nhà văn mà người viết bài này là một thành viên.

Ở xã hội ta, trên mọi lĩnh vực, sự lãnh đạo của Đảng là rất quyết định, nhưng quyết định nhất trong văn học trước hết là những người trực tiếp làm ra tác phẩm văn học - những nhà văn. Trong mọi sai sót ở thời gian qua, có những sai sót chỉ ở một số nhà văn nhưng tính chất quả là nghiêm trọng. Đó là :

1 - Một số ít nhà văn tự cho mình đứng trên chính trị, ngoài chính trị, nhưng trên thực tế là xa rời chính trị của Đảng, vô tình hay hữu ý ủng hộ chính trị của các thế lực thù địch với chế độ xã hội chủ nghĩa. Họ làm một việc như Lỗ Tấn nói, tự nắm tóc mình nhấc mình lên khỏi mặt đất.

2 - Một số nhà văn để "đổi mới" đã đánh vào quá khứ, một quá khứ đầy tự hào và mang đậm dấu ấn đau thương trong cuộc đời của mỗi người hôm nay, đó là hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chấm dứt sự nô lệ và chia cắt thân mình. Thậm chí có người còn cho mình là bị lừa dối, và "sám hối". Từ phủ định nền văn học cách mạng và kháng chiến, coi đó không phải là "văn học đích thực" vì "không có cá tính", "không có số phận", không có nhân nghĩa, nhân tình, một thứ văn học viết theo mệnh lệnh ("văn học phải đạo"), một thứ văn học viết cho bọn quan liêu ("văn học cung đình"), v.v. và v.v., đến phủ định bản thân, từ đó dẫn đến phủ định sự nghiệp kháng chiến của nhân dân do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo.

3 - Dùng văn học để khêu gợi hận thù, kích động hận thù, không phải chống cái ác mà truyền bá cái ác - một việc làm hoàn toàn phi văn học, ngược với đạo lý thông thường của dân tộc.

Digitized by Google

Điều đáng nói là những sai sót trên tuy bị phê phán, nhưng có cái vẫn kéo dài, thậm chí nó còn dai dẳng tồn tại cho đến hôm nay. Năm 1989 tạp chí *Sông Hương* (số 37) của Hội văn học nghệ thuật Bình trị thiên đăng bài "Tổ quốc nhìn từ xa" của Nguyễn Duy mà nhiều bạn đọc cho là bài "chửi Tổ quốc từ xa", thì tháng 8-1992 trên tạp chí *Cửa Việt* của Hội văn học nghệ thuật Quảng trị lại xuất hiện một bài thơ khác của tác giả ấy, được tạp chí này giới thiệu là "Cuộc sống nhìn từ gần", độ dài không kém và tính độc địa cũng không kém.

Tính chất nghiêm trọng của sai sót còn ở chỗ những sách xấu hầu hết đều do nhà xuất bản của nhà nước hay đoàn thể của Đảng xuất bản, những tác phẩm xấu đều được đăng trên các cơ quan ngôn luận của Hội trung ương hay địa phương. Sự lãnh đạo của Đảng ở đâu ? Nói sự lãnh đạo của Đảng, trước hết phải nói tới vai trò và trách nhiệm của người đảng viên và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cùng các ban tham mưu giúp cấp ủy. Xin nói là tuyệt đại bộ phận những cán bộ phụ trách các hội, các nhà xuất bản, báo và tạp chí văn học là đảng viên ; trong số 420 hội viên Hội nhà văn Việt nam thì 302 hội viên là đảng viên. Xét từ một bình diện như thế để thấy mức độ sa sút của kỷ cương, kỷ luật của Đảng, tính đảng của nhà văn đảng viên trong lĩnh vực hoạt động văn học.

*

Đội ngũ nhà văn nước ta cùng với nhân dân đã tạo nên được một thời kỳ văn học rực rỡ và hào hùng trong hai cuộc kháng chiến mà đề tài, chủ đề, tinh thần sáng tạo của nhà văn đều tập trung cho sự chiến thắng của dân tộc. Từ sau 1975, văn học bước sang một thời kỳ đổi mới, thời kỳ này được mở rộng và toàn diện từ sau Đại hội VI, nhất là sau Nghị quyết 05. Văn học vẫn tiếp tục vận động theo quy luật của nó : phản ánh sống động cuộc đời thông qua sự nghiền ngẫm của nhà văn để văn học thực sự là tiếng nói của sự thật, của lương tri, của tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa. Bối cảnh lịch sử mới, cuộc sống hòa bình và sau chiến tranh đã tạo cho văn học những cảm hứng mới. Cuộc sống đời thường, những trăn trở, những nỗi đau, nỗi buồn cùng những hy vọng, những lạc quan ào ạt vào văn học. Chúng ta có quyền tự hào về những thành quả đạt được gần 17 năm qua, nhất là những thành quả của những năm từ sau Đại hội VI, những thành quả của ý chí chịu đựng gian khổ, những thành quả của sự kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa, của sự sáng tạo trong một bối cảnh vô cùng phức tạp mà chúng ta chưa từng biết đến. Sự ngả nghiêng, chuệch choạc là điều dễ hiểu. Trong sáng tạo và đổi mới tránh sao khỏi sai lầm. Nhưng ranh giới phải rõ ràng giữa những "sai lầm vì sự nghiệp" với những mưu toan cá nhân, những tính toán phi văn học. Chúng ta kiên quyết đấu tranh chống lại những khuynh hướng phản động và đồi trụy, kiên quyết loại ra khỏi văn học những mưu đồ chính trị muốn dùng văn học để chống chế độ, chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội.

Cùng với việc mở rộng tự do dân chủ, khuyến khích sự đa dạng, đa thanh, đa phong cách, đa phương pháp, cần đề cao tinh thần trách nhiệm công dân của nhà văn, tính đảng của nhà văn cộng sản. Tự do thảo luận, tranh luận là điều kiện cần thiết cho tự do sáng tạo, nhưng không vì thế mà thiếu định hướng, thiếu những kết luận kịp thời những vấn đề có thể kết luận. Cuộc thảo luận chung quanh cuốn sách "Lý luận và văn học" của Lê Ngọc Trà chủ yếu trên báo *Văn nghệ* là cuộc thảo luận tốt theo phương thức đúng đắn. Một trong những yêu cầu cấp bách của văn học đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là sớm có những chính sách, những luật pháp về xuất bản, về tự do sáng tác, về quyền tác giả, về nhuận bút v.v. để mỗi nhà văn chuyên nghiệp có thể sống được bằng lao động văn học, để cho những tác phẩm có giá trị, những khuynh hướng lành mạnh có vị trí chủ lực trong đời sống tinh thần của xã hội.

Điểm lại một tình hình văn học trong một bài báo nhỏ không thể nói hết, và trong nội dung trình bày có thể có điều chưa chính xác, mong các bạn đồng nghiệp và bạn đọc cho ý kiến. Điều có thể nói ngay, người viết bài này mong muốn chúng ta cùng nhau nhìn lại một cách khách quan, bình tĩnh, tự tin, cùng nhau hun lại tinh thần trách nhiệm, tính công dân và tính đảng của nhà văn cộng sản, tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới văn học tiến tới xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng và nhân dân.

Digitized by Google

Cần xây dựng và phát triển một cơ sở lý luận kinh tế vững chắc

VŨ NGỌC NHUNG*

MỘT trong những nguyên nhân thất bại của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu là do đã không phát triển kinh tế học cho kịp với những biến chuyển của thời đại. Chủ nghĩa sùng bái cá nhân đã hạn chế sức sáng tạo của các nhà kinh tế và làm nảy sinh bệnh giáo điều, công thức. Ở các nước tư bản phát triển cũng vậy, nhiều chính sách chính phủ đưa ra đã bị phê phán gay gắt, thậm chí như ở Mỹ, có lúc các nhà kinh tế học đã đặt thẳng câu hỏi : "Ai cho hệ thống dự trữ liên bang quyền gây ra cuộc suy thoái rợn tóc gáy năm 1980 - 1982 ?" Đã hơn 10 năm nay kinh tế Mỹ chựng lại, thu nhập của dân chúng giảm sút, người dân mất lòng tin vào tương lai. Có thể thấy, một trong những nguyên nhân của tình trạng này là sự trì trệ của kinh tế học Mỹ. Nó bằng lòng với lý thuyết kinh tế hiện có : "không thể giữ cho nền kinh tế đi vào giữa đường, chỉ có thể tránh cho nó khỏi lao xuống hố lạm phát phi mã hay lao xuống bờ vực đại suy thoái mà thôi". Một cỗ xe kinh tế chạy ngoằn ngoèo theo hình rồng rắn, lúc thì lấn qua làn ranh lạm phát một con số, lúc thì nhảy sang lề đường suy thoái, tất sẽ chọt chết cả trăm doanh nghiệp, làm cho cả triệu người nghèo đói, thất nghiệp. Và dân chúng làm sao có thể tin được những người lái cỗ xe kinh tế đó. Tổng thống Bu-sơ, nạn nhân của lý thuyết kinh tế trên, ắt chỉ có thể lái cỗ xe kinh tế đi theo kiểu ngoằn ngoèo. Chính vì thế mà ở không ít nước tư bản phát triển, xu hướng không muốn nhà nước can thiệp vào nền kinh tế xuất hiện khá nhiều. Ở Mỹ, đó là lời hô hào : "Để cho nền kinh tế tự vận hành !". Ở Pháp, cuốn *Ngoại lệ Pháp* ("L' Exception française") rất được giới kinh tế chú ý, đã cho rằng : nên chuyển "từ nhà nước chỉ huy sang nhà nước giỏi chiến lược". Đó là một ý tưởng hay, nhưng làm thế nào để "giỏi chiến lược" ? Câu trả lời sẽ lại dẫn ta trở về vấn đề cơ sở lý luận vững chắc đủ sức giải thích thỏa đáng các hiện tượng kinh tế phức tạp và soi sáng cho những dự đoán tương lai.

Đối với nước ta, việc lý luận kinh tế cần có một cơ sở vững chắc càng trở nên hết sức cấp bách. Nếu không thiết lập được một hệ thống các quan điểm lý luận vững chắc thì chính sách sẽ không rõ ràng, và khi thực hiện khó tránh khỏi tình trạng chập chững, lúc thành công, lúc thất bại mà không tìm được nguyên nhân. Cho đến nay, chúng ta đã thành công bước đầu trong chống lạm phát vì đã tuân thủ lý luận của Mác về quy luật lượng tiền cần cho lưu thông, nhưng chúng ta lại cũng đang đứng trước những đe dọa của hiện tượng suy thoái. Tình trạng này chẳng phải riêng ở ta. Vào những năm 1980 - 1982, nước Mỹ kéo được lạm phát từ 16% xuống 0,5% thì cũng gặt hái suy thoái sâu sắc và thu nhập của dân chúng sút giảm từ đó đến nay. Điều này đòi hỏi chúng ta phải phân tích kỹ tình hình kinh tế học hiện nay.

KINH TẾ HỌC - NHỮNG PHÁT HIỆN MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CHƯA CÓ LỜI GIẢI ĐÁP

Cuối thế kỷ 19, Mác và Ăng-ghen đã phát hiện hàng loạt quy luật kinh tế mới qua phê phán khoa kinh tế chính trị và đã tạo dựng được những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa xã hội khoa học. Lê-nin đã vận dụng các nguyên lý đó vào thực tiễn và đưa tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Dù nói gì thì nói, không ai có thể phủ nhận chính chế độ xã hội chủ nghĩa (dù mô hình còn những thiếu sót và chưa hoàn chỉnh) đã đưa Liên xô (trước đây) từ một nước tư bản chủ nghĩa dưới trung bình thành một siêu cường về kinh tế và quân sự. Nhưng rồi do một loạt nguyên nhân khách quan và chủ quan,

* Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đặc biệt là do sự quan liêu, trì trệ trong tư duy, do cách làm duy ý chí, giáo điều của các nước xã hội chủ nghĩa, lý luận Mác - Lê-nin đã không có được những bổ sung và phát triển cần thiết, vì vậy đã lâm vào tình trạng khủng hoảng. Và kết quả là chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô bị tan vỡ như chúng ta đã thấy. Cũng từ đó, trong các nhà lý luận, thực tế đã xuất hiện hai quan điểm trái ngược nhau : 1 - Lý luận Mác - Lê-nin là sai lầm, chí ít cũng già cỗi, không còn phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại ; 2 - Lý luận Mác - Lê-nin vẫn tuyệt đối đúng, ngay cả trong thời đại ngày nay ; không cần bổ sung, phát triển ; sở dĩ có đổ vỡ là do các nhà lãnh đạo ưa sùng bái cá nhân, đã làm sai lý luận gốc.

Tôi cho rằng hai quan điểm trên đều mang tính cực đoan, không khoa học, do cách phủ nhận sạch trơn hoặc do tính bảo thủ. Phân tích một cách khoa học và thực sự khách quan sẽ thấy, lý luận Mác - Lê-nin là học thuyết có tính khoa học cao, đến nay chưa một học thuyết nào vượt nổi. Nhiều nguyên lý của học thuyết đó vẫn có giá trị trong thời đại ngày nay. Tuy nhiên, do sự phát triển của lịch sử, có những điểm của học thuyết đó cần được bổ sung, phát triển. Chẳng hạn, những điểm nói về sự bần cùng hóa tuyệt đối của giai cấp công nhân, hoặc nói về sự giãy chết của chủ nghĩa tư bản. Những điều đó chỉ đúng với điều kiện trước năm 1933, khi chủ nghĩa tư bản còn có những cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ hay còn bị suy yếu bởi những cuộc đại suy thoái với quy mô thế giới, làm sản xuất của toàn thế giới tư bản sút giảm tới 30%, làm hàng vạn ngân hàng ở Mỹ bị phá sản, v.v.. Thực tế cho thấy, nếu không sa vào cực đoan, chúng ta sẽ có thể bảo vệ những điểm đúng của lý luận Mác - Lê-nin bằng lập luận khoa học sắc bén và đầy hiện thực, đồng thời có thể phân tích những điểm không còn phù hợp để phát triển nó.

Về phía các nước tư bản, cuộc cách mạng trong kinh tế học của Kê-in-xơ (J.M.Keynes) đã "phát hiện lại tiền tệ" với luận điểm lấy lạm phát và bội chi ngân sách để xóa khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp. Nhiều nhà nước tư bản đã ứng dụng học thuyết này, thực hiện bội chi ngân sách để thành lập các công trường lớn thu hút nhiều lao động thất nghiệp, và thực tế đã tránh được khủng hoảng kinh tế từ năm 1933. Nhưng sau đó, việc lạm phát tràn lan vào thập kỷ 50 và 60 ở khắp các nước tư bản đã gây ra "siêu lạm phát toàn cầu" mà vẫn không xóa bỏ được suy thoái kinh tế và thất nghiệp. Trước đây người ta ca ngợi Kê-in-xơ hết lời, thì đến thập kỷ 70 người ta lại đổ tội cho ông đã gây ra căn bệnh *lạm phát* rồi *lạm - suy* (vừa lạm phát vừa suy thoái). Người ta coi như học thuyết Kê-in-xơ đã chết và gọi nó là cái chết thứ hai của ông. Cái kiểu các trường phái khác nhau phủ nhận nhau sạch trơn như vậy đã đẩy kinh tế học sau Kê-in-xơ vào tình trạng trì trệ khó hiểu. Và chính sự phủ nhận Kê-in-xơ đến lượt nó lại gặp bế tắc. Chẳng hạn, việc thắt chặt tiền tệ mạnh ở Mỹ vào thập kỷ 70 đầu thập kỷ 80 là do các nhà cầm quyền tiền tệ (autorités monétaires) ở đây áp dụng luận điểm của trường phái trọng tiền có thế lực ở Mỹ . Việc tiền tệ chỉ được phát ra thêm tương đương với mức tăng trưởng kinh tế theo luận điểm của trường phái này, đã đẩy nền kinh tế Mỹ tới chỗ không còn là mô hình cho các nước châu Âu học tập.

Như vậy, không riêng gì lý luận kinh tế Mác - Lê-nin mà ngay các lý thuyết về kinh tế thị trường cũng có những trì trệ, đặc biệt là từ thập kỷ 70. Vì vậy, có thể ví trình độ của kinh tế học hiện nay như trình độ của khoa học tự nhiên trong các thế kỷ trước, nghĩa là còn có quá nhiều vấn đề có những lời giải đáp khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Chẳng hạn :

- *Tại sao lại có thất nghiệp và đói nghèo ở ngay những nước giàu có như Mỹ* ? Xa-mu-en-xơn (Samuelson) đã trả lời đó là căn bệnh không chữa được. Nhưng chúng ta, với lòng tin ở sức mạnh cải tạo thế giới, ở lương tri của loài người, chúng ta cho rằng sớm muộn kinh tế học cũng sẽ tìm ra thuốc chữa bệnh thất nghiệp, bảo đảm công bằng xã hội, tất nhiên không phải bằng cách chia đều cái nghèo.

- *Liệu có phải cứ chữa được lạm phát là tất nhiên sẽ lâm vào suy thoái và thất nghiệp tăng lên không ?* Trong khi nước Mỹ đang lúng túng vì câu hỏi này, thì một số nước ở Bắc Âu và Nhật bản đã kéo dài được thời kỳ không suy thoái, và cũng đã giảm được tỷ lệ thất nghiệp xuống rất thấp. Nước ta năm 1989 đã kéo được lạm phát từ 450% xuống còn 36% mà không bị suy thoái chung, đời sống nhân dân nhiều vùng được cải thiện rõ. Đó là do chúng ta

Digitized by Google

đã làm đúng yêu cầu của quy luật lưu thông tiền tệ, không giáo điều nghe theo lời khuyên của trường phái trọng tiền, vũ đoán áp đặt định nghĩa "lạm phát giá cả" và cách quản lý tiền tệ cứng nhắc theo tỷ lệ tăng trưởng. Nhưng do cơ sở lý luận chưa thật vững, nên cũng đã để xảy ra vỡ nợ của hàng loạt hợp tác xã tín dụng và xí nghiệp nhỏ, xảy ra những cơn sốt vàng. Như vậy, rõ ràng ở đây vẫn còn một số vấn đề chưa có lời giải đáp, nhưng chúng ta tin là sẽ có, chứ không phải không có.

Những vấn đề chưa có lời giải đáp thỏa đáng như vậy còn rất nhiều. Chẳng hạn, trong một số sách đã xuất bản ở nước ta, việc đưa đồ thị vào kinh tế học còn mang nặng tính tượng hình ; trong lúc các đường cong chưa có hàm số biểu hiện thì một số tác giả đã vội vã đưa ra những con số nhân, đại để như : cứ đầu tư 1 đô la, sẽ tăng được 3 đô la sản lượng ; cứ định tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho các ngân hàng là 10%, sẽ tạo được tiền gửi gấp 10 lần, v.v.. Có cuốn sách, ở đoạn này thì công nhận giá trị của hàng hóa, nhưng ở đoạn khác lại phủ nhận giá trị của hàng hóa và của tiền *thực* (đúc bằng vàng, mà thực chất là một thứ hàng hóa được tách ra khỏi thế giới hàng hóa để thực hiện vai trò tiền tệ)...

NGUYÊN NHÂN CHƯA XÂY DỰNG ĐƯỢC CƠ SỞ LÝ LUẬN KINH TẾ VỮNG CHẮC

Nguyên nhân *thứ nhất* là tình trạng giáo điều, thể hiện ở việc sao chép nguyên xi một số sách nước ngoài, một số văn bản pháp luật của kinh tế thị trường trong giảng dạy và thực hành. Trước đây chúng ta đã giáo điều sao chép gần như nguyên xi lý luận và cách quản lý kinh tế của Liên xô, thì giờ đây lại có tình trạng người đi học ở Pháp về giảng đúng nguyên xi theo sách Pháp, người nghiên cứu ở Đức về chỉ nói theo sách Đức. Họ quên rằng sách chỉ là phương tiện truyền bá quan điểm của một trường phái nào đó ở nước ấy mà thôi.

Nguyên nhân *thứ hai* là sự lúng túng trong phương pháp tư duy. Có những nhà quản lý kinh tế không chịu đọc sách báo để tiếp cận những kiến thức mới, nhưng khi nói họ đưa ra những "quy luật" suy diễn chủ quan một cách quá đơn giản, đại loại như : "giá vàng hạ 30% thì mọi thứ hàng hóa cũng hạ giá 30% và cho rằng như vậy mọi người sản xuất đều vẫn lãi, có gì mà phải kêu ca ! Điều nguy hiểm là chính họ vẫn tưởng là mình đúng và muốn lấy những "quy luật" đó để điều hành việc quản lý kinh tế vĩ mô (!). Họ không nhìn thấy thực tế vừa qua là giá vàng giảm khoảng 25% nhưng chỉ số giá cả chung lại vẫn tăng 14,4%. Rất may là cách tư duy chủ quan, duy ý chí đó đã giảm bớt nhiều, nhưng tình trạng lúng túng trong phương pháp tư duy đang khá phổ biến, thể hiện ở chỗ không biết theo quan điểm nào là đúng. Từ đó dẫn đến sùng ngoại và "theo mốt" trong kinh tế học : mọi người đổ xô theo kinh tế thị trường thì cũng giảng theo, làm theo "kinh tế thị trường", bất chấp đó là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Điều nguy hiểm là từ đó người ta chê bai lý luận của Mác là già cỗi, là không thích hợp với kinh tế thị trường, mặc dù chính Mác đã đưa ra nhiều quy luật kinh tế và tiền tệ dựa theo sự phân tích kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa từ khi nó ra đời. Xin lấy một ví dụ về kinh tế tiền tệ. Có tác giả của ta, trong một cuốn sách viết chung, đã sao chép lại định nghĩa "lạm phát giá cả", cho rằng lạm phát xảy ra khi mức chung của giá cả và chi phí sản xuất tăng lên. Nếu theo định nghĩa này thì đã xảy ra lạm phát vàng vào thế kỷ 16, khi châu Âu tiêu tiền đúc bằng vàng, mà mức chung của giá cả và chi phí sản xuất tăng từ 4 đến 6 lần. Nhưng tình trạng lạm phát vàng đã không xảy ra. Mác đã dầy công nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn để khẳng định khi dùng tiền vàng, lượng tiền thực tế lưu thông luôn luôn bằng lượng tiền cần cho lưu thông, nghĩa là không bao giờ có lạm phát tiền vàng cả. Lập luận sau đây của Mác cho tới nay vẫn giữ nguyên giá trị khoa học : "Những bể chứa tiền tích trữ vừa dùng làm kênh tiêu nước, lại vừa dùng làm kênh tưới nước cho số tiền đang nằm trong lưu thông, vì vậy mà chúng không bao giờ làm ngập những kênh lưu thông cả" [1]. Mác đã hoàn toàn có lý khi nhận xét : giá cả tăng từ 4 đến 6 lần vào thời kỳ đó là do việc phát hiện ra nhiều mỏ vàng lớn ở châu Mỹ và châu Phi làm cho thời gian lao động cần để khai thác vàng - giá trị của vàng - giảm. Cho nên, bác bỏ Mác chỉ với lý do Mác đã viết những điều này từ thế kỷ 19, thì chẳng khác gì khuyên bộ giáo

(1) C.Mác, *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà nội 1973, quyển I, tập I, tr.254

Digitized by Google

dục ở các nước không nên để giảng hình học Ơ-clít hay các định luật Niu-tơn nữa vì chúng đã quá cũ.

Nguyên nhân *thứ ba* là do chưa thấy sự cần thiết của việc nghiên cứu lý luận. Bên cạnh rất nhiều nhà quản lý kinh tế chịu khó học hỏi, đọc sách báo, vẫn còn không ít cán bộ kinh tế (kể cả ở cấp bộ), không ít giám đốc ngại đọc các tài liệu nghiên cứu lý luận kinh tế, mà chỉ biết làm việc theo chủ nghĩa kinh nghiệm, theo cách suy tính chủ quan. Các cuộc hội thảo tuy có, nhưng do tổ chức thiếu chặt chẽ, nặng về thời gian thuyết trình, nên ít có sự trao đổi, tranh luận cho dứt điểm về một số quan điểm lý luận khác nhau. Do vậy, các nhà nghiên cứu thường phải tự xoay sở lấy trong tình trạng thiếu sách báo và thông tin.

LÀM GÌ ĐỂ TẠO DỰNG MỘT CƠ SỞ LÝ LUẬN KINH TẾ VỮNG CHẮC CHO CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ VIỆC QUẢN LÝ VĨ MÔ THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ?

Một khi các lý thuyết kinh tế còn chưa thống nhất được với nhau trên những vấn đề quan trọng và chưa giải thích được các hiện tượng kinh tế đã và đang diễn ra ở nhiều nước trên thế giới, thì làm thế nào chúng có thể là nền tảng lý luận vững chắc cho việc quản lý kinh tế vĩ mô ? Trong điều kiện như vậy, muốn xây dựng một cơ sở lý luận kinh tế vững chắc cho các chính sách kinh tế và việc quản lý vĩ mô, đương nhiên phải có sự lãnh đạo và tổ chức của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, tôi xin đề nghị :

1 - Nhà nước nên phân công cho từng bộ phụ trách từng phần của một chương trình nghiên cứu chung do Trung ương Đảng chỉ đạo soạn thảo, vì Trung ương là bộ não của giai cấp công nhân và của toàn thể nhân dân.

Các bộ phải lo kinh phí hay trích quỹ phát triển sản xuất để tài trợ và thực sự chỉ đạo thực hiện phần chương trình nghiên cứu của mình, không nên để tồn tại tình hình có viện của bộ chỉ đưa ra chương trình nghiên cứu, còn khi các trường đăng ký theo chương trình ấy thì không thấy hồi âm. Ngân hàng trung ương cũng cần bỏ ra một số tiền thích đáng cho việc nghiên cứu các vấn đề nghiệp vụ của ngành theo định hướng xã hội chủ nghĩa và theo kịp với hoạt động ngân hàng trên thế giới.

2 - Cần coi trọng các trường đại học và các viện nghiên cứu, vì đây là những nơi tập trung các nhà nghiên cứu. Ngay ở các nước tư bản phát triển, phần lớn các nhà kinh tế lỗi lạc của chủ nghĩa tư bản đều ở các viện và các trường đại học. Học viện Nguyễn Ái Quốc nên đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu này. Cũng cần tăng cường việc xuất bản các tạp chí nghiên cứu kinh tế, coi trọng các công trình nghiên cứu lý luận cơ bản.

3 - Một trong những công việc cấp bách hiện nay là cần tổ chức thông tin kinh tế, tài chính và tiền tệ, tạo cơ sở cho việc kiểm nghiệm những điểm còn nghi vấn cũng như những phát hiện mới của các lý luận kinh tế. Xin dẫn chứng để thấy rõ sự cần thiết. Theo thống kê tài chính quốc tế của Quỹ tiền tệ quốc tế, trong những năm 1985 - 1990 các nước tư bản phát triển như Mỹ, Pháp, Đức, v.v. tuy có tốc độ phát hành tiền cao hơn tốc độ phát triển kinh tế, nhưng vì mức chênh lệch giữa hai loại tốc độ đó không lớn, nên mức tăng trưởng kinh tế cũng không lớn. Chẳng hạn ở Pháp năm 1989 so với năm 1985, tiền phát hành tăng 23,8%, còn kinh tế tăng 12,7%. Ở Mỹ, năm 1990 so với năm 1985, tiền phát hành tăng 32,2%, còn kinh tế tăng 14,8%. Trái lại, ở một số nước châu Á như Nam Triều tiên, Thái lan, vì không theo thuyết trọng tiền, đưa mức phát hành tiền trong cùng thời gian ấy lên gần gấp đôi, thậm chí gần gấp ba, nên đã đưa mức tăng trưởng kinh tế lên khá cao mà vẫn giữ được tỷ lệ lạm phát ở mức 1 con số. Chẳng hạn, ở Thái lan năm 1990 so với năm 1985 mức phát hành tiền tăng 148%, mức

Digitized by Google

tăng trưởng kinh tế tăng 45,8% mà mức lạm phát bình quân chỉ có 3,5% (năm thấp nhất : 1,8% ; năm cao nhất : 5,3%). Do đâu có tình hình này ? Câu trả lời hợp lý nhất ở đây là : do hàng hóa và dịch vụ đưa ra lưu thông ở các nước này tăng nhanh hơn mức tăng trưởng kinh tế nên đã đẩy *mức cầu tiền tệ* (hay *khối lượng tiền cần cho lưu thông*) tăng nhanh hơn. Vì vậy, về lý luận, xác định thế nào cho đúng mức cầu tiền tệ là cực kỳ quan trọng. Nếu hiểu theo quan niệm của Mác, mức cầu tiền tệ là "khối lượng tiền cần cho lưu thông", thì *các giải pháp chống lạm phát* sẽ là *tăng cầu tiền tệ*, như : tăng sản xuất để tăng lượng hàng hóa đưa ra lưu thông, đưa vàng tích trữ trong nhân dân ra nước ngoài nhập hàng về, thu hút đầu tư để hút thiết bị vật tư... Ngược lại, nếu hiểu mức cầu tiền tệ là "mức tiền mà các gia đình và các doanh nghiệp cần để giao dịch" và lấy đó làm cơ sở lý luận cho chính sách tiền tệ, thì *các giải pháp chống lạm phát* sẽ là *tiết chế cầu*, như : giảm đầu tư, giảm sản xuất, dẫn tới giảm sức mua và suy thoái kinh tế. Như vậy, chưa nói đến việc phát triển thêm lý luận về phát hành tiền, về quy luật lưu thông tiền tệ, chỉ nói riêng việc làm thế nào kiểm nghiệm hai quan niệm trên về "mức cầu tiền tệ" thôi, chúng ta cũng đã thấy cần tới biết bao loại thông tin (về nhập khẩu, về sức mua, về mức phát hành tiền từng tháng và theo thời vụ, cả ở các nước nói trên lẫn ở nước ta) mà nếu không có sự lãnh đạo và tổ chức của Đảng và Nhà nước thì không một nhà nghiên cứu nào có thể làm được.

Dân chủ...

(Tiếp theo trang 32)

trò, trách nhiệm làm chủ của cả người lãnh đạo, quản lý và người lao động.

4- Coi trọng nguyên tắc tập trung dân chủ. Hiện nay, nhờ có quan hệ kinh tế với nhiều nước trên thế giới, nhờ đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, nhờ đa dạng hóa các hình thức sở hữu, nhờ mạnh dạn sử dụng các thành phần kinh tế cá thể và tư nhân tư bản..., hiện tượng tập trung quan liêu đã giảm bớt. Nhưng bên cạnh đó, đang xuất hiện khuynh hướng không tốt : "dân chủ quá trớn" (trên không nói được dưới ; địa phương không nghe trung ương ; ở cơ sở kinh tế thì mạnh ai cứ làm). Nếu không sớm khắc phục hiện tượng này, lập lại trật tự kỷ cương, thì cũng không bảo đảm được dân chủ trong kinh tế. Đương nhiên, chúng ta cần nắm được những đặc điểm của quan hệ giữa hai mặt *tập trung* và *dân chủ* trong kinh tế để vận dụng cho thích hợp.

5- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nhà nước, đặc biệt là hệ thống luật về kinh tế, về lao động. Cũng như dân chủ trong các lĩnh vực khác, dân chủ trong kinh tế không thể không gắn với pháp luật. Trong kinh tế lại càng phải tuân thủ pháp luật, và chính đó là phương hướng phát huy dân chủ đúng đắn nhất. Mặt khác, dân chủ được phát huy sẽ làm cho pháp luật được kịp thời bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế.

6- Tăng cường giáo dục văn hóa dân chủ xã hội chủ nghĩa nói chung và văn hóa dân chủ trong lĩnh vực kinh tế nói riêng cho cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân. Hiện nay, trình độ hiểu biết và ý thức của ngay một số không ít cán bộ, công nhân, viên chức về dân chủ nói chung và dân chủ trong kinh tế nói riêng còn thấp. Nhiều người chưa hiểu đúng bản chất của dân chủ và tự do ; chưa biết xử lý quan hệ giữa dân chủ và tập trung, giữa người thi hành và người lãnh đạo, quản lý, do đó hoặc đi đến dân chủ cực đoan hoặc tự bỏ quyền dân chủ của mình. Vì vậy, nâng cao trình độ văn hóa dân chủ cho cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân là một yêu cầu quan trọng, không thể thiếu, để thực hiện và phát huy dân chủ trong kinh tế.

Digitized by Google

LIÊN KẾT KINH TẾ GIỮA CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN ĐÌNH PHAN*

NỀN sản xuất xã hội phát triển dựa trên cơ sở phân công và hiệp tác lao động đòi hỏi sự phối hợp giữa các doanh nghiệp với nhau, giữa các doanh nghiệp với các tổ chức khoa học để bảo đảm sản xuất và tái sản xuất có hiệu quả. Trong cơ chế bao cấp, sự phối hợp này mang nặng tính áp đặt từ phía nhà nước và chủ yếu thông qua các biện pháp tổ chức hành chính mà không tôn trọng lợi ích kinh tế giữa các bên tham gia. Trong cơ chế mới, các quan hệ phối hợp trên mang đầy đủ ý nghĩa là liên kết kinh tế (LKKT). Các quan hệ LKKT được thực hiện một cách tự nguyện, đảm bảo cùng có lợi, và chủ yếu thông qua các biện pháp kinh tế.

Những năm qua, LKKT giữa các thành phần kinh tế ở nước ta đã bước đầu phát triển cả về hình thức, phạm vi, tính chất và đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực. Có thể khái quát 4 hình thức phổ biến như sau :

1 - Liên kết giữa các xí nghiệp quốc doanh trong ngành công nghiệp chế biến với các hợp tác xã, các hộ gia đình sản xuất nguyên liệu. Hình thức này được áp dụng hầu hết trong các ngành chế biến *nông sản* (chè, thuốc lá, mía đường), dâu tằm, thủy sản... Trong quan hệ liên kết này, xí nghiệp quốc doanh đóng vai trò trung tâm, chi phối khâu sản xuất. Các xí nghiệp chế biến ứng trước vốn, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật hoặc giao vốn, giao đất của mình cho hộ gia đình sử dụng, và sẽ nhận lại sản phẩm nguyên liệu. Hình thức này đã có tác dụng trên các mặt sau :

- Tạo cho công nghiệp chế biến có vùng nguyên liệu ổn định với số lượng, chủng loại, chất lượng phù hợp ; khắc phục tình trạng công nghiệp chế biến thiếu nguyên liệu.

- Thúc đẩy hình thành các vùng chuyên canh sản xuất cây con theo hướng sản xuất hàng hóa, tận dụng đất đai, mặt nước tạo thêm sản phẩm cho xã hội và giải quyết việc làm cho người lao động.

2 - Hiệp tác, gia công sản xuất giữa các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế để cùng nhau sản xuất ra sản phẩm cuối cùng. Ở đây các xí nghiệp quốc doanh thường đảm nhiệm các khâu then chốt, các bộ phận hay giai đoạn đòi hỏi trình độ kỹ thuật, công nghệ cao. Các khâu sản xuất, các công đoạn khác do các cơ sở ngoài quốc doanh thực hiện và trở thành "vệ tinh" của xí nghiệp quốc doanh. Đây là hình thức quen thuộc, phổ biến trong các ngành mà sản phẩm cuối cùng gồm nhiều chi tiết, bộ phận có công nghệ chế tạo khác nhau hoặc sản phẩm phải trải qua nhiều giai đoạn công nghệ khác nhau, như : dệt, gốm sứ, kim khí tiêu dùng (quạt điện, xe đạp...). Nó có tác dụng :

- Thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của chuyên môn hóa và hiệp tác hóa sản xuất, tránh đầu tư không cần thiết và không có hiệu quả do khép kín sản xuất trong một xí nghiệp.

- Tận dụng và phát triển các ngành nghề truyền thống để tạo sản phẩm cho xã hội và giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

- Một mặt vẫn bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các bên tham gia LKKT, mặt khác

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ kinh tế, Trường đại học kinh tế quốc dân, Hà nội

Digitized by Google

nâng cao vai trò của xí nghiệp quốc doanh trong đầu tư kỹ thuật, đào tạo lao động kỹ thuật cho các cơ sở ngoài quốc doanh.

3 - LKKT giữa các tổ chức xuất nhập khẩu, tổ chức thương nghiệp với cơ sở sản xuất để mở rộng thị trường trong và ngoài nước thông qua biện pháp đầu tư tạo nguồn hàng. Hình thức này, tuy mới mẻ nhưng đã có tác dụng rõ trên các mặt sau :

- Gắn sản xuất với tiêu thụ, gắn trách nhiệm với lợi ích, chủ động hỗ trợ vốn cho sản xuất.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ, giải quyết việc làm cho nhiều người lao động, nhất là người làm hàng xuất khẩu.

4 - Liên kết giữa cơ sở sản xuất với các cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật để sản xuất sản phẩm mới, hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm.

Từ thực tế sinh động của các hình thức LKKT, có thể thấy *phát triển LKKT giữa các thành phần kinh tế* là *tất yếu khách quan*. Bởi vì :

- Phân công lao động trong nền kinh tế nhiều thành phần sẽ diễn ra đồng thời theo hai xu hướng đan xen, kết hợp hỗ trợ nhau trên hai mặt : *một là*, chuyên môn hóa sản xuất kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm ; và *hai là*, hợp tác hóa, đa dạng hóa sản phẩm - kinh doanh, để thực hiện sự kết hợp giữa các doanh nghiệp đã được chuyên môn hóa, phát huy ưu điểm của chuyên môn hóa, thích ứng với sự biến đổi của thị trường.

- Mỗi doanh nghiệp với tư cách là một chủ thể sản xuất hàng hóa đều có mặt mạnh, mặt yếu so với các đối thủ cạnh tranh. Muốn tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp không thể đơn phương tiến hành kinh doanh mà phải có sự liên kết nhất định với nhau. Phát triển LKKT sẽ làm tăng khả năng sản xuất của từng doanh nghiệp và của cả hệ thống kinh tế quốc dân mà không cần tăng đầu tư một cách tương ứng.

- Nền kinh tế nước ta gồm nhiều thành phần, trong đó thành phần ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng không nhỏ, nó không những tồn tại trong những năm trước mắt mà còn tồn tại lâu dài, tăng cả về tỷ trọng lẫn tốc độ. Không chỉ mỗi ngành mà ngay mỗi địa phương, thậm chí mỗi làng xã, cũng có nhiều thành phần kinh tế. Muốn giải phóng mọi lực lượng sản xuất, tận dụng phát triển các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cần kết hợp các thành phần kinh tế, trong đó thành phần quốc doanh giữ vai trò chủ đạo.

Như vậy, phát triển LKKT giữa các thành phần kinh tế là *điều kiện quan trọng để phát triển sản xuất có hiệu quả*, và cũng là *giải pháp để nâng cao vai trò chủ đạo của thành phần quốc doanh* trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*

Để phát triển mạnh mẽ LKKT giữa các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay, theo tôi, cần chú ý một số vấn đề cơ bản như sau :

1 - *Tiếp tục phát triển LKKT cả về chiều sâu và chiều rộng.*

Những năm qua, các hình thức LKKT tuy đã bước đầu mở rộng phạm vi, hình thức và nội dung, nhưng chủ yếu mới dừng ở khâu cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm hoặc gia công sản xuất. Các hình thức liên kết giữa các tổ chức khoa học với sản xuất, giữa các tổ chức ngân hàng, thương mại với sản xuất, chưa được phát triển thích đáng. Liên kết giữa các thành phần kinh tế đã có sự thay đổi theo chiều hướng sử dụng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và các biện pháp kinh tế là chủ yếu, nhưng sự gắn bó giữa các thành phần đó với nhau về tổ chức và lợi ích kinh tế chưa chặt chẽ, hình thức liên doanh chưa phát triển.

Có hai vấn đề quan trọng cần chú ý trong phương hướng hoàn thiện các hình thức liên kết. *Một mặt*, cần nâng cao chất lượng liên kết giữa công nghiệp chế biến với công nghiệp sản xuất nguyên liệu để tạo vùng nguyên liệu, và cần thực hiện gia công hiệp tác sản xuất để cùng sản xuất ra sản phẩm hoàn chỉnh cuối cùng. *Mặt khác*, cần tích cực áp dụng các hình thức LKKT ở trình độ cao hơn, như :

- Liên kết khoa học với sản xuất thông qua sự phối hợp giữa các doanh nghiệp với nhau hoặc giữa các doanh nghiệp với các tổ chức khoa học nhằm giải quyết các vấn đề về nghiên cứu chế thử sản phẩm mới, về nâng cao chất lượng sản phẩm, về đổi mới thiết bị và công nghệ, về chuyển giao công nghệ mới, về sử dụng tiến bộ kỹ thuật để tiết kiệm nguyên liệu.

Digitized by Google

- Liên kết giữa các tổ chức tiêu thụ, tổ chức ngân hàng với các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, nông nghiệp thông qua các hình thức : đầu tư vốn vào sản xuất, ứng trước vốn và bao tiêu sản phẩm, đại lý tiêu thụ sản phẩm, bán hàng theo phương thức chậm trả.

- Liên doanh giữa các thành phần kinh tế để hình thành các xí nghiệp hợp doanh, các công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn.

Hình thức và mức độ liên kết giữa các doanh nghiệp căn cứ vào nhu cầu LKKT của mỗi doanh nghiệp. Nhu cầu này xuất phát từ khả năng vốn có của mỗi doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao nhất. Hình thức và mức độ liên kết còn căn cứ vào đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của từng doanh nghiệp, từng ngành, trước hết vào đặc điểm về cấu tạo và công nghệ của sản phẩm ; về vai trò, tính chất của nguyên liệu sử dụng ; về trình độ kỹ thuật và công nghệ của sản xuất, trình độ tích tụ, tập trung và chuyên môn hóa sản xuất kinh doanh.

2 - *Lựa chọn hình thức tổ chức thích hợp để thực hiện LKKT.*

Xuất phát từ quy mô, tính chất, trình độ, nhu cầu LKKT giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau và xuất phát từ nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, đảm bảo hiệu quả kinh tế của các hình thức tổ chức LKKT, chúng ta hãy xem xét chức năng, nhiệm vụ của một số hình thức tổ chức đó.

● *Liên hiệp xí nghiệp, liên hiệp xã ngành.* Ra đời và hoạt động trong cơ chế bao cấp trước đây, hình thức này được xác định như một tổ chức cấp trên của các doanh nghiệp trong cùng ngành, cùng thành phần kinh tế. Chuyển sang cơ chế mới, các doanh nghiệp trở thành chủ thể sản xuất hàng hóa, do vậy liên hiệp xí nghiệp và liên xí nghiệp trở thành khâu trung gian không cần thiết. Việc tổ chức sắp xếp lại liên hiệp xí nghiệp đang là vấn đề bức xúc đặt ra trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay. Để thực hiện tốt việc này, theo tôi, cần rà soát lại một cách thận trọng các liên hiệp xí nghiệp. Đối với những liên hiệp xí nghiệp xét thấy không cần thiết, cần mạnh dạn và kiên quyết giải thể. Một số liên hiệp xí nghiệp có thể chuyển trọng tâm hoạt động sang làm dịch vụ cho ngành, và trở thành doanh nghiệp. Một số liên hiệp xí nghiệp, nếu đủ điều kiện, có thể phát triển thành tập đoàn sản xuất - tài chính - thương mại.

● *Hiệp hội.* Đây là tổ chức kinh tế - xã hội tự nguyện, bao gồm các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học của một ngành kinh tế - kỹ thuật thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, các cơ quan chủ quản khác nhau. Nó có các chức năng :

+ Tổ chức các hoạt động liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành thông qua các biện pháp : phân công, hiệp tác sản xuất ; tạo và phân công thị trường ; thống nhất một số hành động để chi phối thị trường, thông tin kinh tế, khoa học - kỹ thuật...

+ Tham gia có tính chất tư vấn cho nhà nước trong việc xây dựng, thực hiện chiến lược và các chính sách phát triển, quản lý ngành.

+ Bảo vệ lợi ích của những người sản xuất kinh doanh trong ngành.

Hiệp hội tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi. Cơ cấu tổ chức của hiệp hội là hội đồng quản trị và ban thường trực của hội đồng quản trị. Hiệp hội không có bộ máy và biên chế riêng.

Hiện nay ở nước ta đã hình thành một số hiệp hội, nhưng nhìn chung còn mang nặng tính chất hình thức. Tuy nhiên, sự tồn tại của hiệp hội là *cần thiết* . Vấn đề là cần rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của từng hiệp hội, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả tương xứng với lợi ích chung của các thành viên. Về phía bộ quản lý ngành và nhà nước, cũng nên có sự theo dõi, giúp đỡ các hiệp hội trong việc xây dựng điều lệ, trong hoạt động, và cả trong việc thử nghiệm, tổng kết, rút kinh nghiệm.

● *Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.* Với các thành viên thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần là một trong những hình thức tổ chức liên kết có nhiều hứa hẹn, cần được áp dụng. Hình thức tổ chức này, không chỉ giúp cho việc huy động vốn, mà còn tạo ra sự gắn bó về lợi ích kinh tế, về tổ chức, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vấn đề khó khăn, lúng túng nhất hiện nay là làm thế nào tạo điều kiện và môi trường cho các công ty này hình thành và hoạt động có hiệu quả.

Digitized by Google

Thực tế cho thấy, để các hình thức tổ chức LKKT trên tồn tại và phát triển, cần có các *xí nghiệp quốc doanh* làm *trung tâm* và *đầu mối liên kết*. Điều này xuất phát từ tính chất xã hội hóa sản xuất và lao động, từ thực lực, thế mạnh của các xí nghiệp quốc doanh về công nghệ, trang bị kỹ thuật. Đương nhiên, để giữ vững và phát huy vai trò là trung tâm và đầu mối liên kết, các xí nghiệp quốc doanh không thể bằng lòng với trình độ hiện có mà phải vươn lên không ngừng, làm chủ các ngành kinh tế mũi nhọn, làm chủ khoa học - kỹ thuật, đổi mới không ngừng quy trình công nghệ, nâng cao không ngừng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

3 - *Tăng cường và đổi mới công tác quản lý của nhà nước đối với quá trình phát triển LKKT.*

Một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho LKKT chưa phát triển về chiều rộng và chiều sâu là do chưa thực hiện tốt việc quản lý của nhà nước đối với quá trình này. Thật vậy, chừng nào còn thiếu thị trường ở trong và ngoài nước cho việc tiêu thụ sản phẩm, chưa có chiến lược hữu hiệu về phát triển ngành và vùng, chưa có được nền kinh tế ổn định và lạm phát còn cao, thì chừng đó các doanh nghiệp dù có liên kết với nhau thì sự liên kết đó cũng chỉ là tạm thời, họ không thể mạnh dạn chung vốn để kinh doanh lớn.

Để phát triển LKKT giữa các thành phần kinh tế đúng hướng, đúng pháp luật, theo tôi, cần tăng cường và nâng cao vai trò của nhà nước trên các mặt định hướng, tạo môi trường và điều kiện, thực hiện kiểm tra và kiểm soát. Cụ thể là :

- Nhà nước cần có các chiến lược phát triển ngành, vùng ; có chương trình mục tiêu của cả nước và của địa phương về phát triển một số ngành, một số mặt hàng. Đây là sự định hướng, là cơ sở để thiết lập các quan hệ liên kết ổn định lâu dài, gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế. Thiếu điều này thì LKKT giữa các doanh nghiệp chỉ có thể đạt được mục tiêu *cục bộ* (như giải quyết nguyên liệu), chứ chưa thể đạt được mục tiêu *toàn cục* là phát triển có hiệu quả một ngành, một vùng kinh tế.

- Tình trạng phổ biến hiện nay là sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các bên tham gia LKKT, mà sự yếu kém về trình độ, sự hạn chế về khả năng (vốn, công nghệ...) lại rơi vào khu vực ngoài quốc doanh. Đây chính là nguyên nhân tạo nên sự bất bình đẳng và mối quan hệ LKKT không bền vững giữa các thành phần kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh khó mà tự vươn lên, nếu thiếu sự hỗ trợ (thông qua các chính sách thích hợp) của nhà nước và của các xí nghiệp quốc doanh. Trong việc hỗ trợ, sự hỗ trợ về *vốn đầu tư* là quan trọng hơn cả. Vấn đề là lấy vốn ở đâu và đầu tư bằng cách nào ? Trước hết, nhà nước cần đầu tư có mục tiêu và có trọng tâm, thông qua các xí nghiệp quốc doanh đóng vai trò trung tâm, đầu mối của LKKT. Các xí nghiệp quốc doanh này được nhà nước cho vay với lãi suất ưu đãi và được giảm thuế. Khoản dôi ra do có sự ưu đãi trên, sẽ là nguồn vốn để các xí nghiệp quốc doanh đầu tư cho các cơ sở ngoài quốc doanh nhằm tạo vùng nguyên liệu và nâng cao trình độ công nghệ.

- Hiện nay, hợp đồng kinh tế đã trở thành công cụ quan trọng để điều hành quan hệ LKKT. Nhưng hợp đồng đó hiện nay chủ yếu mới là hợp đồng mua bán, rất ít có hợp đồng LKKT lâu dài, ổn định (chưa kể không ít trường hợp chỉ là thỏa thuận miệng, hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh đã ký hợp đồng). Để nâng cao vai trò quản lý nhà nước thông qua hợp đồng kinh tế, xin kiến nghị :

+ Từ hai pháp lệnh hợp đồng kinh tế và hợp đồng dân sự, nhà nước cần xây dựng điều lệ mẫu về hợp đồng LKKT.

+ Xử phạt nặng những trường hợp không đủ điều kiện kinh doanh, không đủ tư cách pháp nhân, không có đăng ký kinh doanh mà vẫn ký kết hợp đồng LKKT.

+ Mọi hợp đồng LKKT đã ký kết đều phải đăng ký trước cơ quan công chứng nhà nước, để nhà nước có thể bảo hộ quyền của mỗi bên ký kết và có căn cứ để xử lý khi có đơn kiện bên nào đó vi phạm hợp đồng. Mặt khác, thông qua đó, nhà nước còn nắm được tình hình kinh doanh, không để thất thu thuế.

- Nhà nước cần tạo cho các doanh nghiệp có được môi trường và điều kiện thuận lợi, giúp cho việc mở rộng quan hệ LKKT.

Digitized by Google

HƯỚNG ĐI ĐÚNG CỦA ĐẢNG BỘ CÔNG TY BÁCH HÓA - ĐIỆN MÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRỌNG NGUYỄN

TRONG quá trình thực hiện quyền tự chủ kinh doanh và thực hiện Quyết định 217 của Hội đồng bộ trưởng về việc điều hành doanh nghiệp quốc doanh, không ít đảng bộ cơ sở ở các doanh nghiệp gặp lúng túng trong công tác lãnh đạo, thậm chí buông trôi lãnh đạo. Thế nhưng đảng bộ Công ty bách hóa - điện máy thành phố Hồ Chí Minh lại thuộc số đảng bộ biết cách làm tốt nhiệm vụ. Chỉ trong chưa đầy 3 năm, đảng bộ đã cùng giám đốc đưa Công ty từ chỗ yếu kém trở nên khá.

Đầu năm 1989, lúc Công ty còn là Công ty bách hóa, việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Số vốn chỉ còn 1,1 tỷ đồng nhưng giá trị khối lượng hàng tồn kho lại quá lớn, đến trên 3 tỷ, trong đó hàng khó bán chiếm 1,7 tỷ. Cuối năm 1988, đã có những tháng Công ty không có tiền trả lương cho cán bộ công nhân viên, chỉ tợ cấp hằng tháng mỗi người 15 000 đồng. Sau đó Công ty lại phải tiếp nhận hai đơn vị mới (Cửa hàng tổng hợp số 2 và Công ty điện máy), cả hai đơn vị này cũng đang làm ăn thua lỗ. Từ đó, Công ty đổi tên là Công ty bách hóa - điện máy. Hiện Công ty có 15 đơn vị trực thuộc, gồm các cửa hàng, các cơ sở tổng đại lý, trạm kinh doanh và 2 đơn vị sản xuất (Xí nghiệp sản xuất tập vở học sinh và giấy manh, và Xưởng dán ép áo mưa và làm một số hàng văn phòng phẩm), với tổng số 762 cán bộ, công nhân, viên chức.

Qua mấy năm phấn đấu, Công ty đã khắc phục được những khó khăn căn bản, đã đạt thành tích về nhiều mặt, thể hiện cụ thể qua các số liệu dưới đây : *(Xem biểu cuối trang).*

Theo biểu này, nếu lấy năm 1991 so với năm 1990 thì doanh số thực hiện gấp hơn 3 lần, số nộp thuế và nộp ngân sách gấp hơn 5 lần, mức tăng vốn gấp hơn 12 lần, thu nhập của cán bộ, công nhân, viên chức gấp hơn 2 lần. Năm 1992 hứa hẹn những mức tăng đáng kể.

Thành công của Công ty trong kinh doanh do nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết và chủ yếu là do *đảng bộ biết giữ đúng vai trò lãnh đạo*. Đảng bộ đã nhận thức được rằng trong bất cứ tình hình nào, sự lãnh đạo của đảng bộ cũng là nhân tố quyết định. Vì vậy, trước những khó khăn của Công ty đầu năm 1989, trước khi tiến hành đại hội đảng bộ, bầu đảng ủy mới, đảng bộ đã kiến nghị thay đổi giám đốc vì đồng chí này do nhận thức và phong cách quá cũ, không thể chuyển đổi được phương thức kinh doanh của Công ty. Kiến nghị này của đảng bộ đã được chấp nhận. Một giám đốc trẻ tuổi hơn, có hiểu biết về hoạt động kinh doanh, từng học tập ở nước ngoài được cử về thay thế. Tuy vậy, đảng ủy không ỷ lại vào

Năm	Doanh số thực hiện	Nộp thuế và nộp ngân sách	Tăng vốn	Bình quân thu nhập/ tháng của cán bộ, công nhân, viên chức
1989	38,9 tỉ		15 triệu	45 000 đồng
1990	136 -	629 triệu	235 triệu	170 000 đồng
1991	465 -	3600 -	3000 triệu	360 000 đồng
6 tháng đầu năm 1992	394 -	2482 -	1462 triệu	414 000 đồng

Digitized by Google

giám đốc, mà vẫn xác định cho mình nhiệm vụ đề ra những phương hướng lớn trong kinh doanh và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm gỡ rối cho Công ty. Đảng ủy đã đề nghị giám đốc, với tư cách là người phụ trách điều hành kinh doanh đồng thời là phó bí thư đảng ủy, căn cứ vào đặc điểm của Công ty, suy nghĩ đề ra phương án củng cố Công ty để đảng ủy cho ý kiến quyết định. Đảng ủy có 9 đồng chí, trong số đó 8 đồng chí đã qua đại học, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết, cho nên đã có nhiều ý kiến xác đáng, quan trọng bổ sung vào phương án do giám đốc đề xuất. Từ đó, đảng ủy có được những chủ trương lớn trong kinh doanh.

Trong điều kiện Công ty thiếu vốn, ngân hàng lại giảm mức vay tín dụng, đảng ủy chủ trương phải bằng mọi cách giải phóng nhanh hàng tồn kho. Để có nguồn hàng, phải kiên trì bám sát các cơ sở sản xuất không chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh mà cả ở các tỉnh, nắm được nhiều loại sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của các địa phương khác nhau, vừa góp phần với các cơ sở sản xuất tiêu thụ sản phẩm ở nhiều vùng trong cả nước, vừa hưởng được chênh lệch giá giữa các vùng. Trong quan hệ với khu vực xuất nhập khẩu, phải chọn những đơn vị làm ăn có uy tín, có nguồn hàng thường xuyên, tương đối ổn định, để mua hàng và đặt hàng, đồng thời tạo chân hàng cung ứng cho xuất khẩu. Trong tổ chức tiêu thụ, phải đưa hàng đến các tỉnh, đặc biệt là các tỉnh thuộc thị trường phía Bắc. Tại thị trường thành phố Hồ Chí Minh, do có sự cạnh tranh gay gắt của các cửa hàng tư doanh có những mặt hàng trùng lắp, phải khai thác thêm các mặt hàng mới.

Đảng ủy cũng đã chủ trương áp dụng các hình thức khoán phù hợp với đặc điểm kinh doanh của từng đơn vị trong Công ty để tạo quyền chủ động kinh doanh cho các đơn vị. Trong kinh doanh, phải hết sức cố gắng giữ được chữ tín, giữ được niềm tin lâu dài của bạn hàng, v.v..

Những chủ trương đó của đảng ủy đã được giám đốc cụ thể hóa trong công tác điều hành quản lý. Chẳng hạn, trong việc giải tỏa hàng tồn kho, việc định giá từng loại hàng sao cho hợp lý là thuộc trách nhiệm của giám đốc. Trong chủ trương bám sát các cơ sở sản xuất để tìm nguồn hàng, giám đốc được quyền chọn những cơ sở sản xuất thích hợp để đặt mối quan hệ. Trong việc đưa hàng ra các tỉnh miền Bắc, giám đốc và các trưởng đơn vị quyết định đưa loại hàng gì, đưa vào lúc nào, đưa đến đâu, số lượng bao nhiêu, bằng phương tiện gì, v.v. để có được lợi nhuận cao. Trong chủ trương khai thác các mặt hàng mới ở thị trường thành phố Hồ Chí Minh, giám đốc quyết định các mặt hàng cần khai thác, v.v..

Chủ trương đúng của đảng ủy cộng với sự điều hành hợp lý của giám đốc đã mang lại hiệu quả cụ thể. Chẳng hạn, việc giải tỏa hàng tồn kho đã giúp khắc phục khó khăn về vốn, đồng thời tránh được những thiệt thòi do phải vay vốn. Việc đưa hàng ra các tỉnh miền Bắc đã giúp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng doanh số, có tháng số hàng ra phía Bắc và đến các tỉnh chiếm 2/3 doanh số chung của toàn Công ty. Năm 1991, lúc thị trường Hà nội có "cơn sốt" bột ngọt, sữa và áo đi mưa, nhờ nắm thông tin nhanh và xử lý khẩn trương, chỉ hai ngày sau hàng của Công ty đã có mặt ở thủ đô. Những chuyến hàng kịp thời như vậy chẳng những mang lại hiệu quả kinh tế cao mà còn góp phần dập tắt các "cơn sốt".

Đối với công tác tổ chức bộ máy, sắp xếp, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, nâng bậc lương cho cán bộ, công nhân viên chức..., giám đốc đều có dự kiến trước và đưa ra tập thể đảng ủy thảo luận. Giám đốc chỉ thực hiện khi có sự nhất trí của đảng ủy.

Trong quá trình điều hành kinh doanh, khi có những vấn đề phát sinh ngoài dự kiến, ngoài những định hướng đã có mà lại phải giải quyết ngay, giám đốc hội ý kịp thời với bí thư, nếu nhất trí, thì tổ chức thực hiện, sau đó báo cáo lại với đảng ủy.

Cách làm trên sở dĩ được thông suốt là do đảng ủy nắm vững chức năng của mình, đồng thời giám đốc có tính đảng cao, biết tôn trọng và tranh thủ sự lãnh đạo của tổ chức đảng. Đảng ủy Công ty tôn trọng quyền của giám đốc, không can thiệp vào công việc quản lý điều hành cụ thể của giám đốc. Đảng ủy lại giao nhiệm vụ cho các đảng viên lãnh đạo quần chúng thực hiện tốt các chủ trương của đảng ủy được thể hiện qua các chỉ thị của giám đốc. Chính vì vậy mà giám đốc tìm thấy ở đảng ủy, ở đảng bộ sự ủng hộ mạnh mẽ, chỗ dựa chính trị vững chắc cho hoạt động quản lý điều hành của mình.

Digitized by Google

Cùng với việc đề ra các chủ trương đúng, đảng ủy Công ty bách hóa - điện máy nhận thức rằng muốn kinh doanh có kết quả thì trước hết cần có *sự ổn định tư tưởng, thông suốt nhiệm vụ* trong toàn Công ty. Vì vậy, đảng ủy đã coi trọng việc quán triệt trong đảng bộ và ngoài quần chúng đường lối, chính sách, các chủ trương của Đảng và Nhà nước. Các đợt sinh hoạt chính trị được thực hiện nghiêm túc. Các buổi báo cáo thời sự được tổ chức thường kỳ. Điều đáng nói là đảng ủy đã cố gắng phát huy tính tích cực chủ động của quần chúng, gắn mọi cán bộ, công nhân, viên chức với Công ty bằng cách tạo không khí công khai, dân chủ trong toàn đơn vị về các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảng ủy đã đề nghị với giám đốc hằng tháng cho công bố công khai trước đại diện các đơn vị các số liệu hoạt động kinh doanh, lời, lỗ của từng đơn vị, của toàn Công ty và các khoản thu nhập của cán bộ công nhân viên. Việc làm này chẳng những giúp đảng ủy kiểm tra được thường xuyên hoạt động kinh doanh của Công ty, mà còn có tác dụng thiết thực chống lại nạn tham nhũng, ăn cắp của công, phân phối không công bằng, đồng thời tăng cường được khối đoàn kết trong Công ty. Và một khi lòng tin, niềm phấn khởi, tính năng động của cán bộ, công nhân viên được phát huy, họ đã và sẽ tìm mọi cách cùng lãnh đạo đưa phong trào của đơn vị tiến tới.

Đảng ủy đã coi trọng vai trò của tổ chức công đoàn, tạo điều kiện để công đoàn thực hiện trách nhiệm bảo vệ lợi ích của cán bộ, công nhân, viên chức, giám sát hoạt động của chuyên môn, tham gia công tác quản lý, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Công ty. Theo đề nghị của Ban chấp hành công đoàn Công ty, giám đốc đã xử lý thích đáng những người có sai phạm, biểu dương, khen thưởng, thậm chí nâng lương trước thời hạn cho những cán bộ, công nhân, viên chức có thành tích xuất sắc.

Trong việc ổn định tư tưởng, tạo không khí phấn khởi trong Công ty, đảng ủy biết lấy cái gốc là *công tác xây dựng Đảng*. Với số lượng 93 đảng viên, được tổ chức thành 8 chi bộ, sự phân bố lực lượng đảng đã được đều khắp trong các đơn vị của Công ty. Những cửa hàng hoạt động chưa tốt đều được tăng cường thêm đảng viên, do vậy, đến nay hầu hết các cơ sở của Công ty đều đã có bước tiến đồng đều.

Nhờ các chi bộ thường xuyên giữ vững sinh hoạt, coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, ý thức tự phê bình và phê bình, hầu hết đảng viên đã phát huy tác dụng tốt. Những đồng chí không làm tròn nhiệm vụ đảng viên đều được xử lý kịp thời. Trong nhiệm kỳ 1989 - 1991, đảng ủy đã xóa tên 2 đảng viên dự bị vì không đủ tư cách chuyển thành đảng viên chính thức, và cảnh cáo một đảng viên vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế. Qua đợt khảo sát trong cuộc vận động củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên theo nghị quyết của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, đảng bộ Công ty bách hóa - điện máy đã được công nhận là đảng bộ vững mạnh, tất cả các đảng viên đều đủ tư cách đảng viên, trong đó 3,5% đạt tiêu chuẩn được biểu dương toàn diện, 14% được biểu dương từng mặt.

*

Cho đến nay, trong hoạt động của đảng bộ Công ty bách hóa - điện máy thành phố Hồ Chí Minh, dĩ nhiên vẫn còn những mặt non yếu. Công tác lãnh đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chưa được quan tâm đúng mức, khiến cho phong trào của Đoàn bị sút kém. Công tác phát triển đảng còn bị coi nhẹ, trong các năm 1989 - 1991 chỉ kết nạp được 1 người vào Đảng, trong khi số quần chúng tốt trong các đơn vị rất đông. Hoạt động của Công ty có lúc vẫn còn sơ hở khiến cho một số thương vụ bị lỗ, một số hàng bị đơn vị khác chiếm dụng ; việc trốn thuế, lậu thuế đôi lúc vẫn xảy ra ở một vài đơn vị trong Công ty v.v..

Tuy nhiên, những kết quả đạt được trong lãnh đạo kinh doanh của đảng bộ Công ty bách hóa - điện máy thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa khá lớn. Chỉ chưa đầy ba năm, nó đã mang lại cho Công ty những bước tiến rõ rệt về mọi mặt. Đồng thời, bằng thực tế sinh động của mình, nó góp phần khẳng định việc tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết về xây dựng Đảng của Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng là việc làm đúng đắn và cấp bách.

Digitized by Google

CƠ CẤU DÂN SỐ SINH VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NÔNG THÔN

HOÀNG BÁ THỊNH *

CÔNG cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với những thay đổi sâu sắc trong cơ cấu xã hội. Việc nghiên cứu những biến đổi trong cơ cấu xã hội có ý nghĩa rất quan trọng bởi vì nếu không làm rõ được những biến đổi đó thì như V.I Lê-nin đã chỉ ra : không thể tiến thêm một bước nào trên bất cứ lĩnh vực nào của hoạt động xã hội.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay ở Việt nam, cùng với sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế là các giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau tương ứng với các thành phần kinh tế ấy. Sự phân hóa xã hội - giai cấp đã và đang diễn ra đa dạng cùng với sự phát triển của đất nước ta. Trong sự phân hóa đó có sự phân hóa của sinh viên - những trí thức tương lai của nước nhà.

Sinh viên là một tầng lớp trong cơ cấu xã hội - giai cấp. Tầng lớp này *vừa là* một bộ phận của giới thanh niên (xét từ góc độ dân số học), *vừa là* một bộ phận của giới trí thức (xét theo nghề nghiệp tương lai). Nó có dạng hoạt động cơ bản là học tập và có đặc trưng cơ bản là đang nằm trong trạng thái quá độ hình thành về mặt xã hội. Do vậy, nó chứa đựng tính di động xã hội cao, là một trong những nguồn dự trữ cho các tầng lớp và các tập đoàn xã hội khác nhau.

Xuất phát từ cách đặt vấn đề như vậy, chúng ta hãy tìm hiểu mối quan hệ giữa cơ cấu dân số sinh viên với cơ cấu dân số xã hội, hay nói cách khác, là tìm hiểu sự di chuyển xã hội của sinh viên trong điều kiện hiện nay, từ đó liên hệ đến chính sách giáo dục và đào tạo.

1 - *Quan hệ giữa cơ cấu dân số sinh viên và cơ cấu dân số xã hội***

Có thể thấy mối quan hệ này qua những số liệu điều tra xã hội học về *nguồn vào* và *nguồn ra* của sinh viên.

● *Nguồn vào của sinh viên*

Theo thống kê của Bộ giáo dục và đào tạo, từ năm 1986 đến 1989, trong tổng số sinh viên được tuyển vào và đang theo học, nguồn gốc xuất thân của họ như sau : công nhân - 13% ; nông dân - 40% ; viên chức - trí thức - 31,5%. Với 1629 phiếu hỏi, cuộc điều tra do Đoàn nghiên cứu sinh viên của Trường đại học tổng hợp thực hiện tháng 11-1990 đối với 5 trường đại học lớn ở Hà nội (Tổng hợp, Bách khoa, Văn hóa, Sư phạm I, Kinh tế quốc dân) cho thấy nguồn gốc xuất thân của sinh viên đã có sự biến đổi như sau : công nhân - 22,7% ; nông dân - 19,6% ; viên chức - trí thức - 49,8%. Như vậy là tỷ trọng nông dân trong cơ cấu sinh viên (19,6%) thấp hơn rất nhiều so với tỷ trọng của họ trong cơ cấu xã hội (78,6%).

Vì sao nông dân chiếm gần 4/5 số dân mà số sinh viên là con em họ chỉ chiếm chưa đầy 1/5 tổng số sinh viên hiện nay ? Để làm rõ vấn đề này, chúng ta hãy tìm hiểu thêm số dân nông thôn và đô thị trong cơ cấu sinh viên và cơ cấu xã hội :

	Số dân nông thôn	Số dân đô thị
Cơ cấu sinh viên	42,2%	57,8%
Cơ cấu xã hội	80,4%	19,6%

Bảng trên cho thấy, số dân nông thôn trong cơ cấu sinh viên chỉ gần bằng nửa số dân nông thôn trong cơ cấu xã hội, còn số dân đô thị trong cơ cấu sinh viên lại gần gấp ba số dân đô thị trong cơ cấu xã hội. Nghĩa là, nếu tính tỷ lệ tương quan trung bình, thì

* Cán bộ giảng dạy Trường đại học tổng hợp Hà nội.

** Từ đây, xin gọi tắt là *cơ cấu sinh viên* và *cơ cấu xã hội*

Digitized by Google

trong sinh viên hiện nay, "số dân đô thị" gấp nhiều lần "số dân nông thôn". Sự mất cân đối này thể hiện cái gì ? Phải chăng thể hiện tính ưu việt của các trung tâm văn hóa - kinh tế - xã hội ở đô thị so với nông thôn ? Hay đó chỉ là sự khập khiễng trong nền giáo dục của chúng ta hiện nay : đầu tư ngân sách giáo dục bình quân theo số lượng học sinh, chứ không tính đến điều kiện đặc thù của mỗi vùng, miền ?

Nếu tìm hiểu thêm cơ cấu nguồn gốc xã hội của sinh viên ở một số trường đại học ở Hà nội, chúng ta cũng thấy có những nét khác biệt :

Nguồn gốc xã hội của sinh viên	Trường đại học		
	Tổng hợp	Sư phạm I	Kinh tế quốc dân
Công nhân	21,9%	22,7%	20,3%
Nông dân	11,9%	21,5%	26,7%
Trí thức	38,3%	31,0%	21,3%

Lý do nào dẫn đến sự khác biệt về cơ cấu thành phần xuất thân của sinh viên ở các trường đại học nói trên ? Do các tầng lớp, giai cấp xã hội có quan niệm khác nhau về giá trị nên ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của các em ? Hay do môi trường xã hội nhỏ (gia đình, họ hàng, bạn bè) tác động đến việc lựa chọn nghề ? Vì sao, như bảng trên cho thấy, con em trí thức vào học khối khoa học cơ bản và sư phạm nhiều hơn vào khối kinh tế, còn con em nông dân thì lại vào học khối kinh tế nhiều hơn vào khối khoa học cơ bản ? Phải chăng trong thời đại khoa học - kỹ thuật phát triển như vũ bão hiện nay, khi những giá trị xã hội thấm đượm "màu sắc kinh tế", nông dân có quan niệm "mới" về học hành ? Họ thấy rằng, trong điều kiện sống và học tập ở nông thôn khó khăn hơn ở đô thị, con em họ phải "thực tế" hơn khi chọn trường đại học ? Định hướng giá trị là tìm được việc làm có thu nhập cao sau khi tốt nghiệp ?

● *Nguồn ra của sinh viên*

Nguồn ra của sinh viên chính là nguồn vào của tầng lớp trí thức và các tầng lớp xã hội khác. Xem xét sự gia nhập xã hội của sinh viên tốt nghiệp, ta thấy rằng, đa số sinh viên chọn chỗ đứng trong tầng lớp trí thức. Bước vào một tầng lớp xã hội với một vị trí nhất định đã có, đó là sự *di chuyển dọc*. Sự di chuyển này nhấn mạnh sự vận động về chất của cá nhân trong một nhóm xã hội. Cũng như vậy, các giai đoạn đào tạo sau (và trên) đại học là chỉ báo cho biết có sự thay đổi về "chất" trong tầng lớp trí thức. Nó ảnh hưởng đến vị trí xã hội, đến công ăn việc làm của mỗi cá nhân trong tầng lớp đó. Thật vậy, việc đòi hỏi phải có bằng cấp *sau* (và *trên*) đại học mới được đảm nhận công việc có nghĩa là cá nhân nào chưa có sẽ phải chuyển công tác hoặc thôi việc. Nói cách khác : phải *di chuyển ngang*, gia nhập một nhóm xã hội khác, như về hưu, mất sức, thất nghiệp, v.v..

Về sự *di chuyển ngang*, theo thống kê của Bộ giáo dục và đào tạo, trong số sinh viên được phân công công tác từ năm 1989 trở về trước, có 37,6% nhận quyết định, 43,5% xin hoãn, 11,4% xin chuyển ngành nghề khác, và 8,9% không nhận quyết định. Như vậy, trong khoảng 2 vạn sinh viên tốt nghiệp mỗi năm, có khoảng 2000 sinh viên rẽ ngang. Đối với số xin hoãn và không nhận quyết định, thì khả năng di chuyển ngang, dọc đều có. Điều này cho thấy xu hướng di động nghề nghiệp của tầng lớp trí thức tương lai là rất mạnh. Từ đó, có thể thấy trước : trong thập kỷ tới, nhà nước và xã hội vẫn còn phải chi phí rất lớn đào tạo lại tay nghề cho số "cử nhân" rẽ ngang này.

Đáng chú ý là sau khi tốt nghiệp, số sinh viên là con em nông dân (kể cả số cán bộ được chọn cử đi đào tạo) không muốn trở lại quê hương. Họ tìm cách ở lại các thành phố lớn. Vì vậy, tỷ trọng cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ khoa học nông lâm ở cấp huyện rất thấp : chỉ có 0,1% (so với 6,2% ở cấp tỉnh, 33,7% ở trung ương) và 1,8% (so với 8,9% ở cấp tỉnh, 89,3% ở trung ương). Trong khi đó, trình

Digitized by Google

độ học vấn của đội ngũ lao động ở nông thôn lại quá thấp. 81,2% số lao động mới có trình độ phổ thông cơ sở. 26,3% số cán bộ quản lý mới có trình độ văn hóa cấp III. Số có trình độ đại học và cao đẳng chỉ chiếm 1% (con số thực tế còn thấp hơn nữa). Chúng ta đều biết, lao động nông thôn hiện nay vẫn chiếm tới 70% lao động xã hội ở nước ta. Với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý như vậy, làm sao có thể thực hiện được chiến lược phát triển nông thôn ?

Qua phân tích nguồn vào và nguồn ra của sinh viên, có thể rút ra mấy nhận xét sau đây :

- Có sự mất cân đối khá nghiêm trọng giữa cơ cấu sinh viên với cơ cấu xã hội. Đối với giai cấp nông dân, sự mất cân đối này càng lớn dù nhìn từ góc độ nào (theo *thành phần xuất thân* hay theo *vùng lãnh thổ...*).

- Sự di động của tầng lớp sinh viên về mặt xã hội hiện nay có những biến động khác trước đây. Sinh viên tốt nghiệp không gia nhập hết (hay hầu hết) vào tầng lớp trí thức, mà có sự đa dạng hóa ở nguồn ra. Hiện tại chỉ có 40 - 50% số người có bằng đại học làm việc theo đúng chuyên môn được đào tạo.

- Do tỷ lệ sinh viên xuất thân từ nông dân quá thấp, trong đó nhiều sinh viên tốt nghiệp lại bỏ nghề hoặc không quay trở lại nông thôn làm việc, nên đã và đang diễn ra tình trạng phân bố đội ngũ cán bộ khoa học rất không hợp lý : vùng nông thôn và miền núi thì quá thiếu cán bộ khoa học, còn vùng đô thị thì lại dư thừa. Nếu không có chính sách giáo dục, đào tạo và sử dụng hợp lý, chúng ta sẽ khó tránh khỏi gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các chương trình kinh tế của đất nước, đặc biệt là trong việc đưa nông nghiệp lên mặt trận hàng đầu. Đây là vấn đề đặt ra đòi hỏi ngành giáo dục và đào tạo cùng nhà nước giải đáp.

*

Thực trạng trên có nhiều nguyên nhân:

1 - *Chính sách giáo dục và đào tạo* (đặc biệt đối với nông thôn) *có sự bất cập*. Chúng ta đã nghe không ít lời kêu cứu về sự xuống cấp của nền giáo dục nước nhà. Hiện tượng học sinh phổ thông bỏ học và lưu ban khá phổ biến. Một vài số liệu cơ bản về giáo dục phổ thông cho thấy * :

Năm học	Cấp I		Cấp II		Cấp III	
	Lưu ban	Bỏ học	Lưu ban	Bỏ học	Lưu ban	Bỏ học
85 - 86	7,83%	10,35%	4,43%	11,41%	4,04%	9,06%
90 - 91	8,2%	13,32%	2,7%	32,37%	1,03%	11,04%
91 - 92	8,16%	13,4%	2,7%	32,0%	1,03%	14,5%

Đó là con số chung của cả nước. Còn ở địa phương, nhất là ở vùng cao, miền núi, số học sinh bỏ học thường lớn hơn nhiều : học sinh cấp II ở Cao bằng và Gia lai - Kon tum bỏ học đến 40%, ở Hoàng liên sơn bỏ học đến 80%. Năm học 1991 - 1992 huyện Mèo vạc (Hà giang) không có học sinh nào học lên cấp II. Theo đánh giá của Bộ giáo dục và đào tạo, hiệu quả đào tạo ở miền Bắc đạt 60 - 70%, còn ở miền Nam đạt 50%. Hiệu quả giáo dục tiểu học nhìn chung quá thấp : giai đoạn 1981 - 1985 đạt 54,5%, giai đoạn 1986 - 1991 đạt 46,7% (riêng miền núi chỉ đạt 10 - 20%). Nếu cứ theo đà sau đây : 85% trẻ em ở độ tuổi đi học từ lớp 1 đến lớp 5 (cấp I) rớt hơn 40%, tới cấp II rớt tiếp, chỉ còn 30%, lên cấp III lại bỏ tiếp 19,45% (như năm 1988 - 1989), thì số học sinh tốt nghiệp lớp 12 chỉ đạt 1% dân số. Trong lúc đó, số người thất học và mù chữ trở lại, nhất là ở nông thôn, ngày càng tăng. Với thực trạng nguy cấp này, nếu không có biện pháp ngăn chặn kịp thời, thì chỉ dăm năm nữa, các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp của chúng ta sẽ không có đủ học sinh vào học.

* *Nguồn* : Tài liệu Hội nghị giám đốc các sở giáo dục - đào tạo và Hội nghị hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng toàn quốc, Hà nội, 8-1992.

Digitized by Google

Lý giải điều này có thể viện dẫn nhiều yếu tố, song xét từ góc độ chính sách xã hội thì có thể nói rằng : *nhà nước đầu tư cho giáo dục và đào tạo quá thấp* . Năm 1990 chúng ta mới dành 3% thu nhập quốc dân (bằng 12,6% ngân sách nhà nước) cho giáo dục và đào tạo, trong khi đó ở các nước khác dành tới 5 - 7%, thậm chí 20 - 23%. Do thiếu kinh phí sửa chữa và xây dựng mới, nên ở nhiều nơi, "trường chẳng ra trường, lớp không ra lớp", tình trạng học sinh học ba ca là phổ biến vì không đủ phòng học. Ở một số nơi, học sinh phổ thông "tan" từng mảng lớn.

2 - *Đời sống người dân nông thôn quá khó khăn.* Chúng ta đều biết rằng, do đất nước còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, chúng ta không có cách nào khác là phải thực hiện phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm" trong giáo dục. Nhưng thực hiện điều này ở nông thôn không dễ dàng. Theo điều tra của Ban nông nghiệp trung ương, 55,06% hộ gia đình ở nông thôn hiện nay thu nhập bình quân chưa đến 20 nghìn đồng/người/tháng, mà phải chi cho con em đi học tới 5 - 16 nghìn đồng/tháng. Số liệu điều tra của Tổng cục thống kê cho biết : năm 1989, người dân nông thôn phải đóng tới 19 khoản cho ngành giáo dục. Ở Bình trị thiên - Huế, mỗi học sinh phải đóng 100.000 đ [(1)]. Năm học 1989, điều tra ở 13 tỉnh trong nước cho thấy : hơn 50% số học sinh phải bỏ học là do hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn. Phần lớn số học sinh cấp II và cấp III bỏ học ở Lạng sơn là học sinh ở nông thôn không có tiền mua sách vở. Ở Minh hải có tới 2 vạn trẻ em từ 10 đến 14 tuổi chưa bao giờ đến trường. Ở một số vùng miền núi và đồng bằng sông Cửu long hiện nay có xã không còn trường cấp I.

3 - *Hiệu quả xa vời của việc học lên.* Hiện nay, trong nhân dân, đặc biệt là trong nông dân, có một câu hỏi nhức nhối chưa có lời giải đáp : "Học để làm gì ?". Bởi mỗi năm có khoảng 1,0 - 1,2 triệu học sinh, sinh viên tốt nghiệp không có việc làm. Nói chính xác hơn : nếu họ ở lại các đô thị thì thiếu việc làm, còn nếu về nông thôn thì điều kiện sống và làm việc quá thấp. Vả lại, học sinh một số ngành đào tạo ra không phù hợp với nhu cầu nông thôn. Với tình hình như vậy, cũng dễ hiểu vì sao số học sinh, nhất là học sinh nông thôn (chiếm 80% số đang độ tuổi đi học), cứ ngày một giảm dần.

*

Để từng bước khắc phục sự chênh lệch khá lớn về tỷ lệ sinh viên trong các giai cấp, tầng lớp xã hội cũng như về tỷ lệ cán bộ khoa học giữa các thành phố lớn và các địa phương, tôi có một số *kiến nghị* :

1 - Về lâu dài, nhà nước cần có *chính sách toàn diện thực hiện giáo dục phù hợp với yêu cầu và điều kiện kinh tế - xã hội từng vùng, miền*, tránh bình quân chủ nghĩa. Cần tăng tỷ lệ đầu tư cho giáo dục và có chính sách ưu tiên đối với vùng nông thôn, miền núi. Trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, ngoài kinh phí từ trên "rót" xuống, các cấp chính quyền địa phương cần quan tâm hơn nữa đến các chế độ, chính sách cụ thể, bảo đảm cho con em mình có trường lớp đàng hoàng, có sách vở đi học, có thầy cô dạy tốt.

Tuy nhiên, giải quyết vấn đề "nguồn ra" còn phức tạp hơn nhiều, vì nó đòi hỏi sự quan tâm và hợp tác của các cấp, các ngành. Nó nằm trong tổng thể "tìm việc làm, tạo việc làm". Vì vậy, nhà nước nên sớm có *chính sách xã hội đồng bộ, có chế độ đãi ngộ đặc biệt, để động viên cán bộ khoa học đi về nông thôn, miền núi.* Cũng nên tham khảo "Quy chế 797" (năm 1985) của các nước EEC về việc bồi dưỡng một nghề cụ thể và trợ cấp một lần tiền (ví dụ Pháp trợ cấp 27082 đến 69 969 ê quy (ECU)*, Hy lạp trợ cấp 6 344 đến 8 652 ê quy...) cho những thanh niên nhận làm việc trong nông nghiệp một thời gian nhất định (5 năm như ở Tây ban nha, 10 năm như ở Ý, Pháp). Đồng thời, để thu hút cán bộ, cần không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống nông thôn (xây dựng và hoàn thiện các kết cấu hạ tầng như đường sá, thông tin, dịch vụ, các thiết chế văn hóa...).

2 - Đảm bảo mức sống *tối thiểu* cho cán bộ khoa học và giáo viên vẫn là vấn đề hàng đầu trong chính sách xã hội. Cần có cơ chế "mở", cho phép cán bộ khoa học có thể đảm nhiệm công việc ở nhiều nơi theo khả năng chuyên môn của mình và được hưởng lương theo những công việc đã làm. Như vậy, vừa phát huy được tiềm năng chất xám, vừa tạo điều kiện cho trí thức nâng cao đời sống của mình.

---

(1) Xem *kinh tế - xã hội nông thôn Việt nam ngày nay*, Nxh Tư tưởng - văn hóa, 1991, tập II, tr 229

* 1 đô la Mỹ bằng khoảng 1,4 ê quy

Digitized by Google

Gióng tiếp... tiếng chuông !

NHỊ LÊ

CÁCH đây không lâu, chúng tôi đã thử "Gióng một... tiếng chuông" xung quanh những chuyện về công tác xây dựng đảng. Nhưng bị hối thúc bởi "những điều trông thấy", không thể không gióng tiếp... tiếng chuông sau tiếng đã gióng hôm nào.

Dài hơn... đại hội

Đại hội Đoàn thanh niên xã Y. kết thúc từ mấy tháng nay. Nhưng đó là sự kết thúc khác thường, bởi hầu hết các đại biểu đều xì xào, bàn tán và không hài lòng với kết quả của đại hội.

Giống như đại hội của nhiệm kỳ trước, đại hội Đoàn thanh niên xã Y. lần này dự định tiến hành trong một ngày. Một ngày, nhưng với bao nhiêu công việc phải làm, có thể nói gấp đôi ba lần so với kỳ đại hội trước. Bởi ngoài những công việc thường nhiệm ra, đại hội còn phải góp ý kiến vào bản dự thảo báo cáo của Đoàn cấp trên và bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội Đoàn cấp trên.

Sau phần khai mạc và trình bày bản báo cáo của Ban chấp hành Đoàn xã, kim đồng hồ đã chỉ 10 giờ 30 phút. Giải lao 20 phút. Và, khi ý kiến tham luận của người thứ hai tại đại hội vừa ngừng, thì cũng là lúc chuông đồng hồ đổ chính ngọ.

Vào buổi chiều, sau một ý kiến tham luận nữa, Đoàn chủ tịch trân trọng kính mời đồng chí đại diện đảng ủy xã phát biểu. Với hào khí ngợi ca, cổ vũ tuổi trẻ, đồng chí ấy đã để một tiếng đồng hồ trôi qua, các đại biểu đại hội đã ra chiều uể oải ; nhưng vì ý thức tổ chức kỷ luật nên họ vẫn phải "chú ý lắng nghe". Rồi tiếp đến, đồng chí nói tới tầm quan trọng của tuổi trẻ, ý nghĩa to lớn của đại hội Đoàn lần này. Một giờ nữa đi vèo. Và cho đến hết buổi chiều hôm đó, bài phát biểu của đồng chí đại diện đảng ủy xã mới được một nửa. Thế là đại hội phải kéo dài thêm một buổi sáng của ngày hôm sau.

"Đến" với tuổi trẻ, nhưng "đến" với họ như thế nào : lãnh đạo đoàn thể nhưng lãnh đạo ra sao... đấy thực sự là việc không dễ. Đại hội Đoàn của xã Y. bị kéo dài chỉ vì bài phát biểu tràng giang đại hải và vô bổ của đồng chí đại diện đảng ủy xã là một thực tế khiến các cấp ủy đảng phải suy nghĩ.

"Thâm niên đối tượng Đảng"

Một cuộc hội ngộ không hẹn mà nên. Có tới bảy, tám cán bộ đoàn kỳ cựu và cũng kỳ cựu luôn trong việc mang danh hiệu "đối tượng Đảng" về dự Hội nghị "Đoàn thanh niên giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng". Khi cử tọa nhắc đến tên bảy, tám người đó làm ví dụ về "thâm niên đối tượng Đảng", tôi mới vỡ lẽ : họ đều là bí thư hoặc của Đoàn xã, Đoàn huyện, hoặc của Đoàn Liên hiệp xí nghiệp, Công ty, đều có "thâm niên" bảy, tám năm liền, và đều rất tha thiết được gia nhập Đảng. Ấy là điểm chung nhất.

Nhưng về chuyện con đường họ đang đến với Đảng thì mỗi người một cảnh ngộ, rất riêng :

- Đồng chí bí thư Đoàn Liên hiệp xí nghiệp Đ. đã tám năm liền là "đối tượng" kết nạp Đảng. Đồng chí đã làm thủ tục giới thiệu nhiều đoàn viên ưu tú cho Đảng và họ đều đã được vào Đảng cả rồi, còn mình thì chưa. Quần chúng thanh niên rất tín nhiệm đồng chí. Đảng ủy cũng gợi ý nhiều lần nhưng chi bộ thì nhất quyết không chịu thông qua chỉ vì lý do : đồng chí này "cứng đầu, cứng cổ" quá !

- Đồng chí bí thư Đoàn xã D. cũng vinh dự được tám năm liền đi học lớp "cảm tình Đảng". Tưởng rằng lần này là lần chót, ai ngờ, cũng lại "để chi bộ nghiên cứu". Vì sao ? Chẳng ai dám nói ra. Nhưng mọi người đều thừa hiểu vì anh mang họ Nguyễn. Ở xã Đ, họ Phạm là họ "to nhất" và có "thế lực nhất". Những người ngoài dòng họ Phạm rất khó được kết nạp Đảng. Đơn giản thế thôi !

- Bí thư huyện Đoàn huyện C. cũng đang lận đận trên con đường làm "đối tượng". Có lẽ, về huyện C. hỏi đến những người trẻ tuổi triệu phú, ít ai không xếp anh ở đầu bảng. Nguyên là bộ đội xuất ngũ, anh về quê. Gia đình rất gieo neo : một vợ, hai con nhỏ. Khi xã đấu thầu khu ao hồ, anh nhận. Và thế là, một tay làm bí thư huyện đoàn, tay kia xoay xở với bốn mẫu ao hồ : be bờ, thả cá, chăn nuôi... Tất nhiên, hai vợ chồng anh có thuê mướn một ít nhân công theo mùa vụ cấp thời. Ba năm đầu, anh thu cứng bốn chục triệu đồng từ lô hồ ao đó. Năm nay, theo lời bạn bè, mới là năm anh "phất" to. Còn việc phấn đấu vào Đảng của anh ? Chi bộ đã hoàn tất thủ tục gửi lên cấp ủy cấp trên. Một năm, hai năm, rồi ba năm, vẫn im lặng. Tới năm thứ tư, anh được hỏi âm : cấp trên chưa duyệt. Gặng mãi thì được trả lời : thuê mướn nhân công và giàu lên như thế, thì làm sao Đảng có thể kết nạp được !

"Lính" ủy ban hơn... "quan" đoàn thể

Đồng chí bí thư huyện đoàn H. được điều động lên tỉnh để làm chuyên viên văn phòng UBND. Nói chính xác hơn, anh xin lên tỉnh để làm việc đó. Và nguyện vọng của anh được cấp trên chấp nhận. Tôi hỏi vì sao lại làm như vậy, anh trả lời thành thật : thu nhập khá hơn, trách nhiệm cũng nhẹ tênh chứ không "quyền rơm vạ đá", "dưới búa trên đe", tiền lương ba cọc ba đồng như cái hồi làm công tác thanh niên. Tiện đường, tôi ghé thăm gia đình anh. Mọi thứ tiện nghi sinh hoạt tươm tất cả. Tôi thán phục khen, thì anh trả lời gọn lỏn, tỉnh như không : "Lính" ủy ban hơn "quan" đoàn thể !

Digitized by Google

VỀ CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG

ĐẶNG VĂN ĐỒNG *

KHEN thưởng ngoài việc động viên, khích lệ những đơn vị và cá nhân có thành tích tốt, còn có ý nghĩa khẳng định, ghi công những tập thể và cá nhân đã có những đóng góp nhất định vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, yêu cầu công tác khen thưởng phải chính xác, kịp thời và có tác dụng kích thích.

Để đạt được mục đích, yêu cầu trên, hạn chế những việc làm theo cảm tính, tùy tiện, ban ơn, công tác khen thưởng cần chú ý những vấn đề sau :

Thứ nhất, quán triệt tư tưởng của Bác Hồ trong công tác khen thưởng : bất cứ ai, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, dân tộc, tuổi tác... nếu có công lao với đất nước, với dân tộc, đều được Nhà nước khen thưởng. Công ở mức độ nào thì khen thưởng ở mức độ đó. Tránh những quy định như trước đây, chỉ tập trung khen thưởng những đối tượng quốc doanh, tập thể và những người đã thành niên. Còn đối với những đối tượng khác, khi họ có công lao, thì việc khen thưởng tỏ ra rất lúng túng.

Thứ hai, phải căn cứ vào nhu cầu khách quan của công tác thi đua mà tổ chức bộ máy điều hành với những chức năng, quyền hạn rõ ràng. Do chưa làm như vậy nên trước đây ta đã tổ chức bộ máy thi đua khen thưởng *quá cồng kềnh* từ trung ương đến địa phương. Năm 1980, Hội đồng bộ trưởng đã phải ra nghị định giải thể Ban thi đua trung ương, sáp nhập với Viện huân chương thành *Viện thi đua khen thưởng nhà nước*, đồng thời giải thể toàn bộ hệ thống bộ máy thi đua khen thưởng các cấp. Tuy vậy đến nay công tác khen thưởng chưa hết lúng túng, nhiều nơi làm khác nhau.

Nhiệm vụ cụ thể của thi đua và khen thưởng chưa được xác định rõ và chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể để thi hành. Cho nên, đến nay nhiều nơi vẫn còn ban thi đua khen thưởng với số lượng cả chục người, làm việc theo nếp cũ. Tóm lại, về tổ chức, có thể nói, công tác thi đua khen thưởng ở nhiều nơi đến nay vẫn chưa ổn định.

Bác Hồ từng kêu gọi : "Người người thi đua, ngành ngành thi đua", như vậy thi đua *không phải là* một nghề trong xã hội, không phải là nhiệm vụ của một bộ máy hoặc một nhóm chuyên trách làm thi đua. Muốn tổ chức và phát động thi đua tốt, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các cơ quan, đơn vị đều có trách nhiệm đối với công tác này. Còn *khen thưởng* là một công tác cụ thể, *cần có bộ máy tổ chức cụ thể để thực hiện.*

Vì vậy, chỉ cần thành lập bộ máy khen thưởng ở các cấp, làm tham mưu cho chính quyền, đoàn thể, đơn vị... để động viên những nhân tố thi đua tích cực, là đủ. Ở trung ương chỉ nên có một cơ quan khen thưởng, gọi là *Viện khen thưởng nhà nước*, thay cho Viện thi đua khen thưởng nhà nước hiện nay. Còn ở các bộ, tỉnh, chỉ cần thành lập *hội đồng khen thưởng* làm tư vấn cho thủ trưởng với một số người chuyên trách làm công tác khen thưởng. Ở các cấp dưới, chỉ cần có người kiêm nhiệm làm công tác khen thưởng.

Thứ ba, cần có phương thức khen thưởng đúng. Đề nghị khen thưởng phải từ cơ sở, vì chính cơ sở mới sâu sát và hiểu rõ đối tượng. Mặt khác, tác dụng hay tác hại của khen thưởng cũng ảnh hưởng trực tiếp đến cơ sở. Tuy vậy, cũng không phải đợi khi cơ sở đề nghị, thì cấp trên trực tiếp mới xét. Cấp trên cần sâu sát các cơ sở, đánh giá, so sánh thành tích giữa đơn vị này và đơn vị khác trong cùng ngành, cùng địa phương, tránh khen thưởng theo lối bình quân, hoặc nơi nào đề nghị thì khen thưởng còn nơi nào không đề nghị thì thôi.

Từ trước đến nay, chúng ta gặp nhiều lúng túng trong định kỳ xét khen thưởng. Khi quy định một năm xét 2 lần thì Nhà nước không mấy khi xét và công bố kịp vào dịp 19-5 và 2-9. Còn khi quy định hẳng năm xét thường kỳ thì lại cho là lắt nhất, mất công. Vì vậy, theo tôi, nên tập trung xét một năm 2 lần, đồng thời cũng linh hoạt xét những trường hợp cần thiết khi có đề nghị khen thưởng bất thường của các đơn vị nhằm động viên kịp thời.

Trong việc xét khen thưởng, trước khi đề nghị lên chính phủ, cần có sự trao đổi kỹ giữa tỉnh, thành, bộ và Viện thi đua khen thưởng nhà nước, vì thực tế cho thấy có những trường hợp khác ý kiến nhau về mức khen thưởng mà không được bàn bạc kỹ để đi tới thống nhất hoặc báo cáo lên cấp trên. Viện thi đua khen thưởng nhà nước cần cải tiến lề lối làm việc để giải quyết công việc vừa nhanh gọn, vừa có kết quả tốt.

Thứ tư, khen thưởng phải kịp thời. Bởi vì, một tấm huân chương, một bằng khen, một giấy khen, thậm chí một lời khen của cấp trên, nếu đưa ra kịp thời, đúng lúc, sẽ khích lệ mạnh mẽ đối với những cá nhân, những tập thể có thành tích thi đua. Nếu làm chậm thì chắc chắn sẽ giảm bớt ý nghĩa, và có khi không còn ý nghĩa nữa. Trong thực tế, chúng ta làm công tác khen thưởng còn nhiều chậm trễ. Ví dụ ca mổ tách đôi hai cháu Việt, Đức ở bệnh viện sản phụ thành phố Hồ Chí Minh, từ khi có văn bản đề nghị khen thưởng đến khi nhận được quyết định khen thưởng là 6 tháng. Hoặc, một đơn vị tác chiến chống buôn lậu thuốc lá ngoại ở thành phố Hồ Chí Minh lập công suất sắc cũng 8-9 tháng sau mới được khen... Trong những trường hợp như thế, tác dụng sẽ bị hạn chế.

* Quận 10, TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

MÃI MÃI VỚI CU-BA

BÙI THANH TÙNG *

NHỮNG ngày này, khi nói đến Cu-ba chúng ta nghĩ ngay đến những khó khăn mà nước bạn đang phải đương đầu trước những thách thức chưa từng có. Sự bao vây kinh tế của Mỹ suốt hơn 30 năm qua đã gây thiệt hại 20 tỉ USD cho Cu-ba. Giờ đây, cuộc bao vây lại càng khốc liệt hơn sau những biến đổi đột ngột ở Liên xô và Đông Âu. Đất nước đã phải ban bố thời kỳ đặc biệt. Sản xuất công nghiệp giảm sút nghiêm trọng. Thiếu điện, thiếu lương thực, thiếu những nhu yếu phẩm. Giao thông thành phố hết sức khó khăn, người Cu-ba phải trở lại sử dụng xe đạp làm phương tiện đi lại chủ yếu.

Các thế lực thù địch đang mơ tưởng rằng lúc này là cơ hội thuận lợi nhất để bóp chết cách mạng Cu-ba, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên hòn đảo anh hùng. Đương kim tổng thống Mỹ Bu-sơ tháng tư vừa qua dương dương tự đắc rằng ông ta sẽ là tổng thống Mỹ đầu tiên "đặt chân lên đất Cu-ba tự do sau Ca-xtơ-rô" !

Cu-ba - hòn đảo của niềm tin và hy vọng của nhiều dân tộc Mỹ la tinh và thế giới đang bị vu cáo và bôi nhọ, bị tiến công từ nhiều phía. Tuy nhiên, hơn bao giờ hết, cùng với Phi-đen, nhân dân Cu-ba anh em không hề nao núng, vẫn giữ vững niềm tin vào con đường cách mạng, một cuộc cách mạng đã phải đấu tranh liên tục trong suốt hơn 30 năm nay để tự tồn tại và phát triển. Là một dân tộc đã nếm trải những bất công, những oan trái, những đau khổ của chế độ tư bản và thực dân mới, nhân dân Cu-ba đã và sẽ không bao giờ quay lại chủ nghĩa tư bản, không bao giờ kéo lùi lịch sử. Nhân dân Cu-ba đã đĩnh đạc tuyên bố rằng họ sẽ hy sinh đến người Cu-ba cuối cùng để bảo vệ quyền tự quyết thiêng liêng của mình, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, vì chủ nghĩa xã hội là giải pháp duy nhất đúng cho Cu-ba và cho mọi dân tộc.

Trong muôn vàn khó khăn, nhân dân Cu-ba vẫn phấn đấu với nghị lực phi thường. Năm nay, sản xuất kền có khả năng đạt 50 nghìn tấn, mức cao kỷ lục. Thu nhập về du lịch dự kiến lên tới hơn 500 triệu đô la. Chương trình lương thực, thực phẩm bắt đầu có kết quả. Trước những thay đổi trong chính sách của Cu-ba, một số nước đã bắt đầu làm ăn với Cu-ba, bất chấp sự bao vây của Hoa kỳ. Tuy nhiên, nhân dân Cu-ba hiểu rõ rằng khó khăn không biến mất ngày một ngày hai. Những thử thách hiện nay đòi hỏi sự hy sinh lớn lao hơn nữa. Nhưng bạn có lý do để tin ở sự tất thắng của mình.

Tình đoàn kết với Cu-ba lúc này càng cần thiết hơn bao giờ hết. Không một sự vu khống hoặc xuyên tạc nào có thể phủ nhận thực tế sáng ngời về những gì mà Cu-ba đã làm cho Cu-ba, cho Mỹ la tinh và thế giới. Trong mấy thập kỷ vừa qua, trên hành tinh này, có lẽ hiếm có một dân tộc nhỏ kiên cường và nhân hậu như Cu-ba. Thử hỏi có một đất nước nhỏ bé nào đã làm được nhiều như thế đối với cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân mình, đối với danh dự và phẩm giá của dân tộc mình, đối với sức sống và uy tín của ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân các dân tộc anh em ? Trong những khó khăn kéo dài, nhân dân Cu-ba đã phấn đấu không mệt mỏi để thực hiện những ước mơ đẹp đẽ của loài người về sự công bằng, bình đẳng, tự do, về tình đoàn kết giữa con người và con người. Cách mạng đã mang lại cho nhân dân những gì họ bị tước đoạt dưới chế độ tư bản, nâng cao phẩm giá con người. Và cũng chính cách mạng đã làm cho nhân dân Cu-ba có thêm sức mạnh mới, niềm tin mới, quyết tâm mới, không gì có thể chuyển lay được. Sự chống phá của các thế lực thù địch đối với Cu-ba, ngoài mưu đồ triệt tiêu một tấm gương cổ vũ các dân tộc trong sự nghiệp giải phóng, còn là sự trả thù đối với một dân tộc nhỏ bé đã hiên ngang thách thức mưu đồ bá quyền của Mỹ.

---

* Thông tấn xã Việt Nam

Digitized by Google

Trong giờ phút khó khăn của nhân dân Cu-ba, những người Việt nam càng thấm thía tình thần quốc tế vô tư mà Phi-đen, Đảng, Chính phủ và nhân dân Cu-ba dành cho nhân dân Việt nam trong những năm tháng kháng chiến gian khổ và trong buổi đầu xây dựng lại đất nước. Hình ảnh Cu-ba trong chúng ta mãi mãi là bông hoa tươi đẹp của những người bạn, người anh em thân thiết. Mãi mãi bên cạnh Cu-ba ! Đó là tiếng nói từ trái tim mỗi người Việt nam. Chúng ta ủng hộ Cu-ba, đòi Mỹ hủy bỏ chính sách thù địch chống Cu-ba, bãi bỏ cuộc bao vây kinh tế tội ác chống Cu-ba. Thật mỉa mai khi người ta luôn miệng nói đến quyền tự quyết, dân chủ, tự do và nhân quyền, nhưng chính họ lại ngang nhiên bóp nghẹt quyền tự lựa chọn chế độ, quyền sống của cả một dân tộc, và hòng buộc họ quỳ gối.

Nhân dân Cu-ba có quyền tự quyết định tương lai, vận mệnh của mình !

TƯ LIỆU

Mười bốn đại hội Đảng cộng sản Trung quốc

ĐẢNG cộng sản Trung quốc được thành lập ngày 1-7-1921. Từ đó đến nay, Đảng đã qua 14 lần đại hội.

Đại hội I. Họp bí mật tại Thượng hải từ 1 đến 5-7-1921. Bảy nhóm cộng sản trong và ngoài nước đã cử 13 đại biểu, thay mặt cho 57 đảng viên. Nhiệm vụ chủ yếu của đại hội là đề ra cơ sở của Cương lĩnh chính trị ; hình thành đảng về mặt tổ chức. Đại hội không bầu ra Ban chấp hành trung ương, mà chỉ bầu Ban thường vụ gồm 3 người : Trần Độc Tú (Bí thư), Trương Quốc Đào và Lý Đạt.

Đại hội II. Họp bí mật tại Thượng hải từ 16 đến 23-7-1922. Tham dự đại hội có 12 đại biểu thay mặt cho 127 đảng viên. Chương trình nghị sự gồm có : thông qua Cương lĩnh cơ bản, những vấn đề về sách lược của phong trào cách mạng trong nước ; xây dựng đảng và thông qua Điều lệ Đảng. Đại hội bầu ra Ban chấp hành trung ương gồm 5 người do Trần Độc Tú làm Tổng bí thư.

Đại hội III. Họp tại Quảng châu từ 12 đến 20-6-1923. Tham dự có 30 đại biểu thay mặt cho 420 đảng viên. Chương trình trọng tâm của đại hội là bàn vấn đề hợp tác Quốc - Cộng. Đại hội bầu ra Ban chấp hành trung ương do Trần Độc Tú làm Tổng bí thư.

Đại hội IV. Họp bí mật tại Thượng hải từ 11 đến 22-1-1925. Tham dự có 20 đại biểu thay mặt cho 994 đảng viên. Đại hội đã thảo luận các vấn đề : phát triển phong trào cách mạng trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm một năm hợp tác với Quốc dân đảng, nhiệm vụ và vai trò của công đoàn ; cải tiến công tác tổ chức đảng. Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 9 người do Trần Độc Tú làm Tổng bí thư.

Đại hội V. Họp ở Vũ hán từ 27-4 đến 9-5-1927. 80 đại biểu dự đại hội thay mặt cho 57 967 đảng viên toàn quốc. Đại hội đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ mới, Nghị quyết về công đoàn, Nghị quyết về tổ chức đảng. Đại hội cũng đã bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng. Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 40 người (29 ủy viên chính thức và 11 ủy viên dự khuyết). Trần Độc Tú được bầu lại làm Tổng bí thư.

Đại hội VI. Họp ở Mát-xcơ-va từ 18-6 đến 11-7-1928. Dự Đại hội có 84 đại biểu thay mặt cho gần 40 (000 đảng viên. Đại hội đề ra 3 nhiệm vụ chính : chống đế quốc, chống phong kiến và lật đổ chính quyền Quốc dân đảng. Đại hội bầu Ban chấp hành mới do Hướng Trung Phát làm Tổng bí thư.

Đại hội VII. Họp ở Diên an từ 23-4 đến 11-6-1945. Tham dự có 547 đại biểu chính thức và 208 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 1 triệu 21 vạn đảng viên. Đại hội đã thông qua các báo cáo : "Bàn về chính phủ liên hiệp", "Tình hình khu giải phóng", "Sửa đổi Điều lệ Đảng". Đại hội bầu Ban chấp

Digitized by Google

hành trung ương gồm 44 ủy viên chính thức và 33 ủy viên dự khuyết. Mao Trạch Đông được bầu làm Chủ tịch Đảng, một chức vụ mới được đề ra trong Đảng.

Đại hội VIII. Họp tại Bắc kinh, chia làm hai kỳ. Kỳ một : từ 15-9 đến 27-9-1956 ; kỳ hai : từ 5-5 đến 23-5-1958. Tham dự đại hội có 1 026 đại biểu chính thức và 86 đại biểu dự thính, thay mặt cho 10 triệu 73 vạn đảng viên (có tài liệu nói là 8 triệu 546 nghìn 916 đảng viên).

Đại hội tập trung bàn các vấn đề : tổng kết kinh nghiệm hoạt động của đảng từ Đại hội VII, nhất là từ khi nắm chính quyền, thông qua Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ; sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 97 ủy viên chính thức và 96 ủy viên dự khuyết. Mao Trạch Đông được bầu làm Chủ tịch Đảng ; các phó chủ tịch : Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức và Trần Vân. Đặng Tiểu Bình là Tổng bí thư. Tại Hội nghị trung ương lần thứ 5 họp ngày 25-5-1958, cử thêm Lâm Bưu vào chức phó chủ tịch Đảng.

Đại hội IX. Họp tại Bắc kinh từ 1 đến 24-4-1969. Tham dự có 1 512 đại biểu thay mặt cho 25 triệu đảng viên. Đại hội đánh giá cuộc "Đại cách mạng văn hóa", đề cao tư tưởng và đường lối Mao Trạch Đông, bàn các vấn đề củng cố Đảng, chính sách đối ngoại, thông qua Điều lệ mới của Đảng. Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 170 ủy viên chính thức và 109 ủy viên dự khuyết ; Ban thường vụ Bộ chính trị gồm 5 người : Mao Trạch Đông (Chủ tịch Đảng), Lâm Bưu (Phó chủ tịch), Chu Ân Lai (Phó chủ tịch), Trần Bá Đạt, Khang Sinh.

Đại hội X. Họp tại Bắc kinh từ 20 đến 28-8-1973. Tham dự có 1 249 đại biểu thay mặt cho 28 triệu đảng viên. Đại hội thảo luận và thông qua "Báo cáo chính trị" (do Chu Ân Lai đọc) và "Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng" (do Vương Hồng Văn đọc). Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 195 ủy viên chính thức và 124 ủy viên dự khuyết. Mao Trạch Đông được bầu làm Chủ tịch Đảng ; các phó chủ tịch : Chu Ân Lai, Vương Hồng Văn, Khang Sinh, Diệp Kiếm Anh, Lý Đức Sinh. Đến tháng 1-1974 bổ sung Đặng Tiểu Bình.

Đại hội XI. Họp tại Bắc kinh từ 12 đến 18-8-1977. Tham dự có 1 510 đại biểu thay mặt cho 35 triệu đảng viên. Hoa Quốc Phong đọc "Báo cáo chính trị", Diệp Kiếm Anh đọc "Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng", Đặng Tiểu Bình đọc diễn văn bế mạc. Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 201 ủy viên chính thức và 132 ủy viên dự khuyết. Chủ tịch Đảng : Hoa Quốc Phong, các phó chủ tịch : Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Trần Vân, Uông Đông Hưng.

Đại hội XII. Họp tại Bắc kinh từ 1-9 đến 11-9-1982. Tham dự có 1600 đại biểu thay mặt cho 39 triệu đảng viên. Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị "Mở ra toàn diện cục diện mới xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa" (do Hồ Diệu Bang đọc), thông qua Điều lệ mới của Đảng. Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 210 ủy viên chính thức và 138 ủy viên dự khuyết. Hồ Diệu Bang được bầu làm Tổng bí thư. Bộ chính trị gồm 25 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Đại hội còn bầu Ủy ban cố vấn trung ương và Ủy ban kiểm tra kỷ luật trung ương. Ủy ban cố vấn trung ương gồm 172 thành viên do Đặng Tiểu Bình làm Chủ tịch. Ủy ban kiểm tra kỷ luật trung ương gồm 132 thành viên do Trần Vân làm Bí thư thứ nhất.

Đại hội XIII. Họp tại Bắc kinh từ 25-10 đến 1-11-1987. Tham dự đại hội có 1936 đại biểu thay mặt 46 triệu đảng viên. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị "Tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung quốc" (do Triệu Tử Dương trình bày) và thông qua Dự thảo sửa đổi một phần Điều lệ Đảng. Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 175 ủy viên chính thức và 110 ủy viên dự khuyết. Tổng bí thư : Triệu Tử Dương. Đại hội còn bầu 69 người vào Ủy ban kiểm tra kỷ luật trung ương và 200 người vào Ủy ban cố vấn trung ương.

Đại hội XIV. Họp tại Bắc kinh từ 12-10 đến 18-10-1992. Tham gia đại hội có 1 965 đại biểu chính thức và 35 đại biểu dự khuyết, đại diện cho 51 triệu đảng viên. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương (do Giang Trạch Dân trình bày), thông qua các báo cáo của Ủy ban cố vấn trung ương và Ủy ban kiểm tra kỷ luật trung ương, Dự thảo sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đại hội bầu Ban chấp hành trung ương gồm 189 ủy viên chính thức và 130 ủy viên dự khuyết ; Ủy ban kiểm tra kỷ luật trung ương gồm 108 thành viên. Ban chấp hành trung ương đã bầu Bộ chính trị gồm 22 người, trong đó có 20 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết ; Ban thường vụ Bộ chính trị 7 người, và Ban bí thư trung ương 5 người. Giang Trạch Dân được bầu lại làm Tổng bí thư.

(Theo tài liệu của TTXVN)

Digitized by Google

"CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU" KHI QUÁ ĐỘ SANG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG *

Ô-LÊCH PƠ-SI-LIN-XÉP

Có một nghịch lý ít người nhận thấy. Quỹ tiền tệ quốc tế và ba tổ chức quốc tế khác đã chuẩn bị một báo cáo công phu về vấn đề chuyển sang cơ chế thị trường ở Liên xô (trước đây), và đề nghị rằng : biện pháp đầu tiên quan trọng nhất trên con đường này là *thương mại hóa* các xí nghiệp thuộc thành phần nhà nước (tự chủ kinh tế đầy đủ với những hạn chế nghiêm ngặt về tài chính), chứ không phải là "chuyển đổi sở hữu tràn lan".

Chắc chắn là các tác giả bản báo cáo đó không "chống chuyển đổi sở hữu". Vì vậy, quan trọng là hiểu được những lý lẽ của họ. Bản báo cáo chỉ nêu lên một lý lẽ. Đó là chưa có thị trường, không có thị trường thì không thể đánh giá đúng lỗ lãi của các xí nghiệp. Tức là sự chuyển đổi sở hữu sẽ trở thành kiểu xổ số tồi tệ nhất. Nhưng quan trọng hơn ở đây lại là một lẽ khác có thể hiểu ngầm, đó là thái độ nghiêm chỉnh và có trách nhiệm của các nhà kinh tế phương Tây đối với tài sản. Chuyển đổi sở hữu, theo ý họ, không phải là cái công thức "lấy tất cả đi rồi đem phân chia".

Trước mắt chúng ta là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng : chuyển sang cơ chế thị trường. Và cái làm hỏng mọi việc là tự sa vào cuộc phiêu lưu phân chia tài sản mà không có cơ chế thị trường.

Ngay cả về mặt kỹ thuật, cũng không thể phân chia vốn và đất đều cho mọi công dân : những người chưa đẻ bị "gạt ra ngoài". Còn về mặt kinh tế, thì đó là đòn nặng đánh vào tích lũy : lợi tức rải khắp hàng triệu gia đình sẽ chỉ trở thành phần phụ thêm cho tiền lương. Và tất cả là trái với cơ chế thị trường, vì quy luật tuyệt đối của cơ chế thị trường là sự bù đắp lại. Còn chúng ta thì bắt đầu từ việc trao tặng rộng khắp.

Thoạt nhìn thì tưởng việc bán tài sản của nhà nước như vậy không có những khuyết tật ấy. Thật ra, chúng ta muốn phát triển kinh doanh, nhưng lại tạo ra một lớp người cho vay lấy lãi.

Và chăng, lấy ở đâu ra từng ấy tiền ? Chương trình "500 ngày" nổi tiếng đánh giá nhu cầu tiềm tàng về chuyển đổi sở hữu ở ta là 100 - 150 tỉ rúp, trong khi tổng giá trị vốn cố định của nhà nước ở Liên xô là 2000 tỉ rúp. Cho nên, ở đây không thể nói đến một sự chuộc lại nào đó, ít nhất là trong những năm trước mắt. Bởi vì, *một là*, trong điều kiện lạm phát, phải đánh giá lại bản thân vốn cố định với giá tăng hơn 10 lần. *Hai là*, khi chuyển sang cơ chế thị trường, tuyệt đại đa số nhân dân và cả các xí nghiệp không có đủ tiền để chi cho các nhu cầu tối thiểu nhất. Và *ba là*, ngay cả khi dư dật đồng tiền đi nữa, thì trong điều kiện cạnh tranh, trước hết phải bỏ vào tiến bộ kỹ thuật, chứ không phải bỏ vào việc chuộc lại vốn cũ.

Rốt cuộc, đối với nhiều người, chuyển đổi sở hữu chỉ là cái tên gọi mới của bảo hiểm xã hội. Nghĩa là nó được dùng làm phương tiện để chống lại, chứ không phải để chuyển sang cơ chế thị trường.

Không phải ngẫu nhiên, chuyển đổi sở hữu

(*) Bài đăng trên tạp chí Nga *Tư tưởng tự do*, số 3-1992.

Digitized by Google

thường có những hình thức tồi tệ, như nhà kinh tế nổi tiếng Hung-ga-ri Ia.Co-rơ-ai đã nhận xét : sở hữu nhà nước đã bị thủ tiêu một cách thô bạo và vô trách nhiệm giống như trước đây sở hữu tư nhân bị thủ tiêu.

Thực tế, không có mối liên hệ cứng nhắc nào giữa chuyển đổi sở hữu và cơ chế thị trường. Để chuyển sang cơ chế thị trường, chỉ cần đem phần lớn các xí nghiệp quốc doanh cho thuê, hình thành "chế độ nhà nước cho thuê", như thuật ngữ nhà kinh tế Mỹ gốc Tiệp Ia.Va-nếch đã dùng.

Điều đó quan trọng trước hết về mặt pháp luật. Vì rằng ở Liên xô trước đây thực tế không có sở hữu nào khác ngoài sở hữu nhà nước. Hãy còn tàn tích của ý thức pháp luật tôn trọng sở hữu đó. Cho nên, bất cứ sự tấn công nào vào sở hữu nhà nước đều sẽ phá hủy nốt tàn tích đó. Chỉ có thể chuyển sang cơ chế thị trường thành công, nếu có thể duy trì và phát triển thái độ coi sở hữu nhà nước (đương nhiên, cả các hình thức sở hữu khác) là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Nói cách khác, việc thừa nhận quyền bình đẳng của sở hữu tư nhân với các hình thức sở hữu khác hoàn toàn không phải là tấn công tổng lực vào sở hữu nhà nước.

Về mặt lý luận, cũng không phải mọi việc đều ổn. Nhiều nhà kinh tế và nhà chính trị đã giải thích một cách giáo điều rằng : chuyển đổi sở hữu là phương pháp thích hợp cả với sản xuất, cả với kết cấu hạ tầng và lĩnh vực xã hội, cả với khu vực thương mại và phi thương mại. Điều đó thể hiện việc thông qua những đạo luật "cả gói" về chuyển đổi sở hữu, đặc biệt là khi tính giá trị của tài sản được chuyển đổi, chỉ đem vốn của các ngành cộng lại mà không tính lợi nhuận trên thị trường ra sao, không tính xem có hay không có những độc quyền tự nhiên. Và đó cũng là lý do họ không đề cập đến những hiện tượng quan trọng như hiệu quả bên ngoài, hàng hóa xã hội, chi phí tới hạn hạ thấp, là những hiện tượng mà hàng chục năm nay các đồng nghiệp phương Tây đều chú ý đến. Thế mà chính những "lỗ hổng âm thầm" đó của cơ chế thị trường lại đòi hỏi phải có sự phân biệt đối với các lĩnh vực nói trên ; trong các lĩnh vực này, có một số chẳng những không được chuyển đổi, mà còn không được thương mại hóa.

Việc thiếu những tổ chức được pháp luật quy định là không thương mại hóa (không đem lại lợi nhuận) đã đưa đến những hậu quả đặc biệt tiêu cực. Vì rằng, những tổ chức dưới hình thức này chính là những tổ chức có tính chất mấu chốt đối với sự phát triển của lĩnh vực xã hội và phúc lợi ở phương Tây. Còn ở ta thì sự thật về các tổ chức không thương mại hóa nằm chết dí trước đây ở Xô viết tối cao Liên xô và bây giờ ở Quốc hội Nga.

Đáng chú ý là người ta chỉ gắn việc chuyển đổi sở hữu với sở hữu về tư liệu sản xuất mà không gắn với sở hữu về sản phẩm làm ra. Kết quả là dưới chiêu bài chuyển đổi sở hữu, các cơ quan hành chính từ nước cộng hòa đến xô viết địa phương đều chiếm giữ ngày càng nhiều vốn hàng hóa. Tất cả những gì sản xuất ra ở các nước cộng hòa đều thuộc về họ, đó là tài sản của họ.

Ngày nay, giải quyết vấn đề sở hữu một cách khoa học chẳng phải là lựa chọn giữa các hình thức của nó (tranh cãi về ưu thế của sở hữu tư nhân hay sở hữu xã hội đã thuộc về quá khứ của khoa học kinh tế), mà là phân chia thẩm quyền của sở hữu, cũng giống như phân chia quyền lực trong chính trị. Cho thuê phải trở thành biểu hiện thực tế của tư tưởng đó. Ngày nay, gắn với tư tưởng đó, là thành tựu nổi bật của các xí nghiệp nhỏ, là sự đổi mới kỹ thuật nhanh chóng hơn trước đây. Trong điều kiện cho thuê, nguồn chủ yếu bổ sung cho ngân sách là tiền trả cho của cải quốc gia (lãi của vốn, tiền thuê ruộng). Như thế có nghĩa là chế độ nhà nước cho thuê sẽ có thể đem lại một nền kinh tế với thuế thấp nhất.

Về mặt kinh tế, vấn đề nghiêm trọng nhất mà việc chuyển đổi sở hữu "tràn lan" tạo ra là không khuyến khích đầu tư. Thật vậy, nhà kinh doanh tội gì phải bỏ tiền ra xây dựng mới, nếu anh ta có thể có vốn cần thiết mà không phải trả tiền từ tài sản nhà nước đã có ? Khủng hoảng đầu tư hiện nay là ở chỗ đó.

Digitized by Google

Nếu muốn có tích lũy, phải chặn ngay việc phá hoại sở hữu nhà nước. Cần phải kêu gọi mọi người muốn làm giàu : hãy tiết kiệm, hãy giữ gìn, hãy bỏ vốn.

Tóm lại, không phải việc cho thuê, mà việc chuyển đổi sở hữu (chẳng những thực tế, mà cả tiềm ẩn) ngày nay là trở ngại chính trên con đường thị trường hóa nền kinh tế. Cho thuê chính là tạo ra vốn tín dụng cho đầu tư. Chỉ còn phải khắc phục tâm lý "sợ tín dụng" của các tập thể lao động, và ở đây quyết định là ban quản trị các xí nghiệp nhà nước.

Chế độ nhà nước cho thuê không chỉ là sự từ bỏ ảo tưởng cho rằng có thể chuyển đổi sở hữu nhanh chóng và công bằng. Đây chính là vai trò mới của nhà nước trong kinh tế, mà thực chất có thể định nghĩa như sau : *chuyển từ quản lý sản xuất về mặt nhà nước sang quản lý sở hữu về mặt nhà nước*

*

"Những luận điểm cơ bản của Cương lĩnh chuyển đổi sở hữu các xí nghiệp của nhà nước và thành phố ở Liên bang Nga năm 1992" vừa được công bố. Tiếc rằng văn kiện đó thực chất là sự từ bỏ việc quản lý sở hữu về mặt nhà nước, và thay vào đó là ý đồ đưa quá trình thủ tiêu nó vào quỹ đạo pháp luật.

Người ta nói rằng nhà nước đang bị khủng hoảng về tài chính, và cần bán gấp một phần tài sản để sống sót. Nhưng ai ngăn cản nhà nước có được thu nhập chính đáng từ sở hữu không lồ của mình, thay cho việc trao tặng nó ("không phải trả cho vốn", "trao đất cho các nông trường sử dụng vĩnh viễn không phải trả tiền", v.v.) rồi sau đó góp nhặt bằng nâng thuế thu nhập ?

Chính sách "thuế thuần túy" đem lại hậu quả xấu. Những xí nghiệp nhận được của nhà nước nhiều của cải (hay là bỏ toàn bộ thu nhập vào trả lương) thực tế lại không có nghĩa vụ gì về tài chính vì các xí nghiệp đó không có lãi và chẳng có gì để nộp. Ngược lại, những cơ sở chẳng lấy của nhà nước cái gì, chẳng hạn các hợp tác xã hoạt động bằng vốn của chính mình, lại phải đóng trả cao, nghĩa là dưới chiêu bài cải tổ hệ thống kinh tế, người ta lại định tuôn ra chủ nghĩa bình quân thật sự.

Có sự hiểu không thấu đáo kinh nghiệm của phương Tây khi thuế "hoạt động" trong điều kiện phải *trả đầy đủ cho của cải*, và thuế điều tiết quan hệ kinh tế của nhà nước trước hết với thành phần phi nhà nước.

Ai phải quản lý sở hữu nhà nước ? Để cho các cơ cấu ngành làm việc ấy tức là đẩy nền kinh tế vào sự thống trị của các tổ chức độc quyền, duy trì truyền thống quản lý trực tiếp đối với các xí nghiệp. Vì vậy, việc quản lý sở hữu nhà nước phải được tổ chức theo nguyên tắc lãnh thổ. Và thay mặt nhà nước, phải là các tổ chức thương mại hóa độc lập, tức là các ngân hàng chủ cho thuê ở khu vực và các quỹ đầu tư.

Và chỉ sau khi lập mạng lưới các ngân hàng và quỹ đó, sau khi có kinh nghiệm bước đầu quản lý sở hữu nhà nước trong điều kiện cơ chế thị trường, mới có thể và cần đặt vấn đề xóa bỏ những bộ phận tài sản tỏ rõ không có hiệu quả. Và khi ấy, mới cần có chương trình chuyển đổi sở hữu.

Trong "Những luận điểm cơ bản của Cương lĩnh chuyển đổi sở hữu..." nói trên, cần có một "ngòi nổ" - đó là toàn bộ những quan hệ giữa các ngành chuyển đổi sở hữu với các ngành không chuyển đổi sở hữu. "Sự ghen ghét âm thầm" của số này đối với số kia có thể dễ dàng vượt ranh giới hợp lý. Và kết quả là tất cả sẽ phải ngừng hoạt động cho đến khi làm thật rõ các quan hệ đó.

Và còn một chướng ngại nữa - chủ nghĩa độc quyền địa phương. Thị trường dân tộc ("không gian kinh tế") mà bị phân chia thành nhiều khoảng, thì trong những khoảng đó, sẽ có một hay vài đơn vị cung ứng chiếm vị trí chủ đạo. Ở Nga bây giờ đã có những xí nghiệp đặt toàn bộ một khu vực vào địa vị phụ thuộc. Như vậy sẽ đẩy hàng loạt xí nghiệp khác đi đến phá sản.

TIẾN LÂM lược dịch

Digitized by Google

TƯ DUY LÝ LUẬN, ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN

● TƯ DUY LÝ LUẬN

Tư duy lý luận là hoạt động của trí tuệ con người theo những quy luật của nhận thức để nắm được những thuộc tính căn bản của sự vật, những quan hệ cơ bản giữa các sự vật và hiện tượng, để ngày càng hiểu sâu bản chất của sự vật, thấy được những mâu thuẫn bên trong và chiều hướng phát triển khách quan của sự vật. Nó không dừng lại ở những cảm giác trực tiếp và những kinh nghiệm cụ thể.

Tư duy lý luận là quá trình suy nghĩ, vận dụng các khái niệm, phạm trù theo những nguyên tắc lô gích chặt chẽ nhằm đạt đến chân lý. Đây là quá trình chuyển lô gích khách quan thành lô gích chủ quan, chuyển tính tất yếu hiện thực thành quy luật của lý tính. Nó là quá trình sáng tạo lại hiện thực dưới dạng tinh thần, theo con đường khái quát hóa, hướng sâu vào nhận thức bản chất, quy luật của đối tượng.

Theo trình độ phát triển của năng lực tư duy nói chung, người ta thường phân biệt kiểu tư duy *kinh nghiệm* và kiểu tư duy *lý luận*. Mỗi kiểu tư duy trải qua những trình độ phát triển khác nhau với những phong cách tư duy đặc trưng. Tư duy lý luận là trình độ phát triển cao của năng lực tư duy của con người. Lý luận đóng vai trò phương pháp luận của nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn. Nhưng lý luận chỉ được hình thành thông qua tư duy lý luận của những đại biểu tư tưởng nhất định, nhờ tiếp thu có chọn lọc và tương đối bao quát những thành tựu trong kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra, đồng thời sáng tạo ra những nhận thức lý luận mới. Như vậy, phải từ khi con người có lao động trí óc, mới có khả năng hình thành tư duy lý luận, và cũng chỉ từ khi đó, tư duy của loài người mới phát triển như một quá trình lịch sử tương đối độc lập.

Tư duy lý luận có *hai* mặt gắn liền với nhau : *nội dung* của nó gồm hệ thống khái niệm về một đối tượng xác định ; và *phương pháp* của nó là cách vận hành hay lô gích của các khái niệm đó. Một phương pháp rất quan trọng của tư duy lý luận là từ trừu tượng đến cụ thể trong tư duy. Về vấn đề này, C. Mác đã viết trong "Lời tựa" bộ *Tư bản* như sau : "... khi phân tích những hình thái kinh tế, người ta không thể dùng kính hiển vi hay những chất phản ứng hóa học được. Sức trừu tượng hóa phải thay thế cho cả hai cái đó" (1).

Là sản phẩm lịch sử, tư duy lý luận ở những thời đại khác nhau, mang những hình thức khác nhau.

Tư duy lý luận đóng vai trò ngày càng quan trọng trong sự phát triển của các khoa học và thực tiễn xã hội. Sự ra đời và phát triển của các khoa học vẫn dựa trên cơ sở thực tiễn, nhưng mối liên hệ phụ thuộc của các khoa học vào thực tiễn ngày càng phức tạp, tác động trở lại của các khoa học đối với thực tiễn ngày càng to lớn và chủ động. Từ thế kỷ trước, Ph. Ăng-ghen đã nói : Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận.

Tuy nhiên, nhìn chung, tư duy lý luận không phải lúc nào cũng đáp ứng được nhu cầu phát triển sinh động, phong phú của thực tiễn cuộc sống con người, nhất là của thế giới năng động ngày nay. Vì thế, thường có tình trạng lý luận lạc hậu so với thực tiễn. Đối với nước ta, yêu cầu đổi mới tư duy lý luận lại càng cần thiết và quan trọng nhằm khắc phục tình trạng lạc hậu về lý luận, bảo đảm có cơ sở lý luận khoa học cho sự nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta trong hoàn cảnh hiện nay.

● ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN

Đổi mới tư duy lý luận của chúng ta dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh : khẳng định, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể hóa, làm phong phú thêm và vận dụng sáng tạo nó trong điều kiện thế giới hiện đại, nhằm đáp ứng những đòi hỏi lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, cùng những đòi hỏi lý luận về các mặt khác.

Đổi mới tư duy lý luận có những yêu cầu nhất định trong từng thời kỳ. Yêu cầu trong những năm trước mắt là chuyển từ quá trình suy nghĩ theo chủ nghĩa kinh nghiệm sang quá trình suy nghĩ bằng sự khái quát trừu tượng, tiếp cận chân lý khách quan, phản ánh quy luật khách quan ; từ sự suy nghĩ chủ quan, duy ý chí sang sự suy nghĩ theo quy luật khách quan và yêu cầu của thực tiễn.

Đổi mới tư duy lý luận đòi hỏi phải khắc phục lối tư duy một chiều, cứng nhắc, hời hợt, xây dựng phương pháp tư duy biện chứng, khoa học, nắm vững phép biện chứng của lý luận Mác - Lê-nin. Không có phương pháp tư duy đúng đắn thì không đổi mới được tư duy lý luận. Cho nên, có thể nói, đổi mới tư duy lý luận bắt đầu từ đổi mới phương pháp tư duy.

Đổi mới tư duy lý luận còn bao gồm cả việc tìm ra cách tiếp cận mới đối với những vấn đề lý luận của chủ nghĩa xã hội và của thế giới đương đại. Cách tiếp cận mới đem lại khả năng nhận thức lý luận khoa học hơn đối với những vấn đề quan trọng đang cần nhìn nhận lại và đưa ra những hiểu biết mới.

Đổi mới tư duy lý luận là một quá trình không ngừng, để con người có thể tiếp cận và hiểu ngày càng sâu bản chất các sự vật và hiện tượng trong vận động và phát triển, làm cho quá trình cải tạo thế giới của họ ngày càng có hiệu quả hơn.

---

(1) C. Mác-Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t III, tr 198

Digitized by Google

● ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ CỘNG SẢN THĂM TRUNG QUỐC

Nhận lời mời của Ban biên tập tạp chí *Cầu thị* (cơ quan chính trị và lý luận của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc), vừa qua, Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã cử một đoàn đại biểu sang thăm Trung quốc. Đoàn gồm có 3 người : phó giáo sư, phó tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập, làm trưởng đoàn ; hai đoàn viên là phó tiến sĩ Vũ Hiền, Trưởng Ban quốc tế và Trịnh Cư, chuyên viên biên tập.

Trong thời gian 10 ngày ở Trung quốc (từ 27-9 đến 8-10-1992), Đoàn đã trao đổi kinh nghiệm công tác với Bộ biên tập tạp chí *Cầu thị*, nhất là kinh nghiệm tổ chức biên tập bài về những vấn đề lý luận và thực tiễn để đăng trên tạp chí lý luận của đảng trong tình hình hiện nay. Đoàn cũng có cuộc trao đổi ý kiến về vấn đề kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa với một số cán bộ nghiên cứu và cán bộ lãnh đạo tỉnh Quảng đông, thành ủy Quảng châu ; thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa, báo chí ở Bắc kinh, Thiên tân, Thượng hải, Thâm quyến và Quảng châu ; trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ báo chí với ban biên tập các báo *Tân dân văn báo*, (ở Thượng hải), tạp chí *Lý luận và thực tiễn* (ở Thâm quyến), *Nam phương nhật báo* (ở Quảng châu)... Đoàn dự buổi chiêu đãi trọng thể nhân ngày quốc khánh Trung quốc tại Đại lễ đường nhân dân do Trung ương Đảng cộng sản và chính phủ Trung quốc tổ chức. Ngày 29-9, Ủy viên dự khuyết Bộ chính trị (nay là ủy viên chính thức), Bí thư trung ương Đảng cộng sản Trung quốc Đinh Quan Căn đã tiếp đoàn. Cùng dự buổi tiếp có Tổng biên tập tạp chí *Cầu thị* Hữu Lâm và Đại sứ Việt nam tại Trung quốc Đặng Nghiêm Hoành.

● CUỘC TRANH LUẬN XUNG QUANH CUỐN "LÝ LUẬN VÀ VĂN HỌC"

Có thể nói, cuộc tranh luận xung quanh cuốn *Lý luận và văn học** của Lê Ngọc Trà trên báo chí vừa qua là một sinh hoạt lý luận sôi động đáng chú ý, có quy mô khá lớn cả về nội dung vấn đề đặt ra lẫn số người tham gia.

Cuộc tranh luận trải ra trên nhiều tờ báo, với ý kiến trao đổi của nhiều cây bút nghiên cứu, giảng dạy, phê bình văn học ; có người viết đến hai, ba bài trong một thời gian ngắn ; có báo khách quan nêu ý kiến của cả hai bên đối thoại để giúp độc giả tiện so sánh.

Điều cần nói ngay là đa số người tham gia tranh luận đều rất thẳng thắn, khách quan, đánh giá đúng mức những bài viết của Lê Ngọc Trà được tập hợp trong cuốn sách ; khẳng định ý hướng tâm huyết của anh mong muốn góp phần đổi mới nền văn học nước nhà. Trên đường tìm tòi, trăn trở về mặt lý luận, tác giả đã có một số nhận định xác đáng, những ý tưởng đáng trân trọng.

Tuy vậy, có một số vấn đề cơ bản mà cuốn sách nêu lên đã được trao đổi, tranh luận. Nổi bật và tập trung nhất là vấn đề *văn học phản ánh hiện thực*, rồi sau đó là các vấn đề : *đặc trưng, chức năng của văn học, mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị*.

Trên vấn đề *văn học phản ánh hiện thực* (cũng là tên của một tiểu luận trong tập sách), Lê Ngọc Trà, từ nhận định** : "Tình trạng nghèo nàn của văn học cách mạng trong mấy chục năm vừa rồi"... có một nguyên nhân quan trọng "là vấn đề văn học phản ánh hiện thực" (tr 32 - 33) ; "Việc nhấn mạnh quá mức bản chất phản ánh và nhiệm vụ mô tả hiện thực của văn học là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng "suy tư tưởng" của khá nhiều tác phẩm văn học trong mấy chục năm vừa qua" (tr 33). Đi tìm nguyên nhân của nguyên nhân nói trên theo tác giả là từ "tư tưởng văn nghệ Diên an (Trung quốc) và cách hiểu nghệ thuật một cách dung tục trong mỹ học và lý luận văn học xô viết. Còn về phương diện nhận thức, chủ trương này gắn liền với hàng loạt quan niệm thiếu chính xác về triết học và lý luận nghệ thuật" (tr 36).

Lê Ngọc Trà đã làm công việc đọc và nghiên cứu lại quan điểm của Mác - Ăng-ghen - Lê-nin về văn học nghệ thuật, nhất là phản ánh luận của Lê-nin để đề xuất cách hiểu mới về quan điểm của các nhà kinh điển : *không coi phản ánh hiện thực là nhiệm vụ quan trọng nhất của văn học*. Trên cơ sở đó, Lê Ngọc Trà khẳng định : "Trên bình diện lý luận nghệ thuật (khác với bình diện lý luận phản ánh), văn học trước hết không phản ánh hiện thực mà là sự nghiền ngẫm về hiện thực" (tr 41) ; "Phản ánh hiện thực là thuộc tính chứ không phải là nhiệm vụ của văn học" (tr 37) ; "Văn học chủ yếu không phải là ghi chép mô tả hiện thực mà là hành động tự nhận thức của nhà văn" (tr 41) ; "Nội dung của tác phẩm văn học... chứa đựng trước hết không phải hiện thực được phản ánh, mà là tư tưởng, tình cảm của nhà văn" (tr 42)...

Đó là những nhận định gây nhiều tranh cãi nhất, bởi nó đụng chạm đến một vấn đề cốt tử của lý luận văn học, đồng thời đảo lộn hoàn toàn những cách hiểu truyền thống.

Các tác giả Hà Xuân Trường, Bảo Định Giang, Trần Đình Sử, Lã Nguyên, Nguyễn Văn Lưu, Trần Thanh Đạm trong các bài viết của mình gần như đều có chung nhận định : Lê Ngọc Trà có phần bất cập về cơ sở khoa học và thực tiễn trong những nhận định của mình về vấn đề *văn học phản ánh hiện thực*. Các tác giả đều tỏ ra không đồng tình với Lê Ngọc Trà khi anh coi sự nhấn mạnh, khuếch đại nhiệm vụ phản ánh hiện thực là nguyên nhân quan trọng làm nghèo

---

* Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990

** Những trích dẫn ý kiến của Lê Ngọc Trà trong bài đều lấy từ cuốn *Lý luận và văn học*.

Digitized by Google

nàn nền văn học cách mạng mấy chục năm qua, coi lý luận "văn học phản ánh hiện thực" ở ta có nguồn gốc trực tiếp từ tư tưởng văn nghệ Diên an và lý luận mỹ học xô viết ; và đặc biệt là cách hiểu "mới" của Lê Ngọc Trà đối với lý luận phản ánh của Lê-nin và quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác về văn nghệ.

Hà Xuân Trường, trong bài đối thoại với Lê Ngọc Trà trên *Nhân dân chủ nhật* (số 13, 29-3-1992) viết : "phải phân biệt dứt khoát "văn học phản ánh hiện thực một cách giản đơn" và "văn học phản ánh hiện thực". Cách lập luận của anh Trà làm người đọc thấy anh đồng nhất hai khái niệm ấy". Trần Đình Sử, trong hai bài báo : *Văn học có nhiệm vụ phản ánh hiện thực không ? (Văn nghệ quân đội*, số 4-1992) và *Bàn thêm về vấn đề đổi mới lý luận văn học (Văn nghệ*, số 29, 18-7-1992) cũng cho rằng : Lê Ngọc Trà đã "đồng nhất khái niệm phản ánh hiện thực với sự mô tả, ghi chép sự thực của hiện thực ; đối lập phản ánh hiện thực với nghiền ngẫm về hiện thực, với tự nhận thức, với tư tưởng, tình cảm của nhà văn" ; "sự đánh giá tình hình văn học một thời kỳ qua bài báo của Lê Ngọc Trà... còn không ít chỗ gây cho người đọc ấn tượng là hình như thời ấy văn học phản ánh hiện thực nhiều quá, khách quan quá... cho nên nay phải làm ngược lại". Trần Đình Sử đã điểm qua lịch sử của "lý luận văn học phản ánh hiện thực" từ thời A-ri-xtốt đến nay để khẳng định : đó là "một truyền thống lớn xuyên suốt chiều dài lịch sử văn học nghệ thuật". Ở điểm này, Trần Đình Sử tỏ ra gần gũi với quan điểm của Lã Nguyên trong bài *Lý luận văn học phải là lý luận của lịch sử (Văn nghệ*, số 23, 6-6-1992). Trong bài báo của mình, Lã Nguyên đã chứng minh tính lịch sử của "lý luận văn học phản ánh hiện thực" để bác bỏ quan điểm của Lê Ngọc Trà cho rằng nó bắt nguồn từ "tư tưởng văn nghệ Diên an" và "lý luận văn học xô viết".

Điểm qua lịch sử của nền văn học nước nhà, Trần Đình Sử cũng nhấn mạnh : "cần đổi mới quan niệm văn học phản ánh hiện thực chứ không phải là đẩy việc phản ánh hiện thực xuống hàng thứ yếu". Nghiên cứu những quan điểm của Mác - Ăng-ghen - Lê-nin về văn nghệ và phản ánh luận của Lê-nin, Trần Đình Sử cho rằng "cách đọc lại Mác - Ăng-ghen - Lê-nin" của Lê Ngọc Trà thực ra chỉ là "một phát hiện giật gân... không phù hợp với thực tế". Theo Trần Đình Sử, Mác - Ăng-ghen - Lê-nin luôn luôn đề cao và nhấn mạnh nhiệm vụ phản ánh hiện thực của văn học và coi đó là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá tác phẩm văn học và tài năng nghệ sĩ. Phản ánh luận của Lê-nin, hiểu một cách toàn diện (bao gồm bốn phương diện) thì cũng bao gồm trong nó cả *lý luận sáng tạo nghệ thuật* mà Lê Ngọc Trà đã tách ra khỏi lý luận phản ánh, và tất nhiên bao gồm cả việc *nghiền ngẫm về hiện thực*. Vì vậy, "đối lập phản ánh hiện thực với nghiền ngẫm về hiện thực là một điều không ổn về lập luận và lô gích" ; "có thể phân biệt nhưng tuyệt đối không nên đối lập phản ánh luận triết học với lý luận nghệ thuật trong vấn đề phản ánh hiện thực".

Tiếp cận vấn đề từ góc độ phương pháp, Trần Thanh Đạm, trong bài *Khái niệm phản ánh và hiện thực trong luận đề văn học phản ánh hiện thực (Văn nghệ* số 31, 1-8-1992) cho rằng : đầu mối gây tranh cãi là ở vấn đề khái niệm. Do cách hiểu mơ hồ hạn hẹp các khái niệm *phản ánh, hiện thực*, dẫn đến hiểu sai về mệnh đề *văn học phản ánh hiện thực* và một số vấn đề khác trong cuốn sách của Lê Ngọc Trà.

Cũng trên vấn đề văn học phản ánh hiện thực, một số tác giả như : Lữ Phương, Đỗ Lai Thúy, Bùi Việt Thắng, Nguyên Ngọc lại có những cách hiểu khác với các tác giả vừa nêu trên.

Lữ Phương, trong bài *Về tính đặc trưng của văn nghệ (Văn nghệ*, số 24, 13-6-1992), đề xuất một "cách đọc" mới về Lê Ngọc Trà : "Mối quan tâm chính yếu của Lê Ngọc Trà không phải là bản thân vấn đề phản ánh hiện thực mà là *tính đặc trưng của văn nghệ*", đề cập đến vấn đề văn học phản ánh hiện thực chẳng qua là "công việc dọn đường" để đến với đặc trưng văn nghệ ; "Lê Ngọc Trà không hề đồng nhất phản ánh hiện thực" với "phản ánh hiện thực một cách giản đơn"". Lữ Phương viết tiếp : "thiết nghĩ cần quan tâm đầy đủ sự phân biệt của Lê Ngọc Trà về ... *lý luận phản ánh* và *lý luận sáng tạo*" theo nghĩa : phản ánh là "vô ngã, khách quan", còn sáng tạo là "hành động chủ tâm".

Bùi Việt Thắng, trong bài *Về vấn đề phản ánh hiện thực (Văn nghệ*, số 26, 27-6-1992), hướng người đọc vào cách hiểu khác : "Lê Ngọc Trà không hề đặt vấn đề : "Văn học có nhiệm vụ phản ánh hiện thực ?" "... mà chỉ đặt vấn đề vì sao văn học ta vừa qua mắc bệnh "suy tư tưởng" ? Và phải làm gì để nó trở nên cường tráng hơn ?". Đi sâu vào quan điểm của Lê Ngọc Trà, Bùi Việt Thắng cho rằng : "Rõ ràng sự phản ánh hiện thực giản đơn, y như thật sẽ không có hiệu quả... Vì thế, Lê Ngọc Trà có lý khi khẳng định : "Văn học chủ yếu không phải là ghi chép, mô tả hiện thực mà là hành động tự nhận thức của nhà văn". Còn Nguyên Ngọc, trên tạp chí *Tác phẩm mới* (số 1-1992) thì cho rằng : "cái chút" khác biệt giữa phản ánh và nghiền ngẫm" mà Lê Ngọc Trà nêu lên "có thể là một bước tiến không nhỏ..." (về lý luận).

Trên một vấn đề khác : *Văn nghệ và chính trị*, quan điểm của Lê Ngọc Trà cũng gây tranh luận khi anh phân biệt hai vấn đề : 1- Văn nghệ phục vụ chính trị trong một chế độ xã hội cụ thể ; 2- Văn nghệ và chính trị với tư cách là hai hình thái ý thức xã hội cùng thuộc cấu trúc thượng tầng, tồn tại song song, độc lập với nhau.

Nguyễn Văn Lưu, trong bài *"Lý luận và văn học" của Lê Ngọc Trà (Tác phẩm mới*, số 1-1992), chứng minh rằng, sự phân biệt nêu trên của Lê Ngọc Trà chỉ hợp lý nếu xét thuần túy về mặt thuật ngữ, trên mô hình sách vở, còn nếu gắn với từng thời đại, từng giai đoạn lịch sử nhất định thì có thể khẳng định rằng : chính trị chi phối văn nghệ không chỉ trên phương diện tổ chức quyền lực mà cả về mặt tư tưởng. "Không thể có văn học đứng ngoài, độc lập với chính trị mà chỉ có văn học chịu sự chi phối của các tư tưởng và quyền lực chính trị khác nhau". Khác với Nguyễn Văn Lưu, Lữ Phương, khi đề cập đến quan điểm này của Lê Ngọc Trà lại khẳng định : "không thể nói đến dân chủ nếu không thừa nhận nghệ thuật như một hình thái ý thức phát triển song song với ý thức chính trị và các kiểu ý thức khác".

Còn một vài điểm khác thuộc về nội dung cuốn sách cũng được trao đổi khi Lê Ngọc Trà nhấn mạnh một số khía

Digitized by Google

cạnh trong đặc trưng nội dung của văn học như : ăn năn, thú tội, xưng tội, sám hối... mà coi nhẹ khía cạnh giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng đạo đức của văn học. Về đặc trưng của văn học, Trần Duy Châu trong bài : *Mới hay cũ (Văn nghệ*, số 32, 8-8-1992) cho rằng : xuất phát từ chỗ lý giải không đúng về mối quan hệ giữa văn học và hiện thực, Lê Ngọc Trà có cách hiểu đơn giản về *hình tượng* và *tính hình tượng*, coi đó chỉ là yếu tố thuần túy hình thức, kỹ thuật để đi đến phủ nhận đặc trưng hình tượng của văn học. Trong khi đó khái niệm *hình tượng nghệ thuật*, với tính cách là một phạm trù chính của mỹ học, bao hàm một nội dung sâu và rộng hơn nhiều.

Văn phong của cuốn sách cũng là một điểm gây tranh luận một cách lý thú. Nếu Nguyên Ngọc và một số người khác coi đấy là một đóng góp của cuốn sách, tạo nên sức hấp dẫn, tạo nên một thứ lý luận "vừa có tính khoa học, chính xác, lại vừa có tính lung linh, uyển chuyển, những khái niệm *mềm, động*" thì Trần Đình Sử lại tỏ ra nghi ngờ tính khoa học, chính xác của thứ "văn phong tùy bút" trong một công trình lý luận.

*

Cuộc tranh luận xung quanh cuốn sách của Lê Ngọc Trà đến nay dường như đã tạm thời dừng lại. *Báo Văn nghệ*, tờ báo được coi là chủ công của cuộc tranh luận, trong số 42 (17-10-1992) đã có bài tổng kết : *Để lý luận văn học ngày thêm xanh tươi* nêu rõ quan điểm của mình đối với những vấn đề đã được tranh luận. Theo tôi đó là việc làm rất cần thiết ; những nhận xét và kết luận nêu ra là tương đối thỏa đáng.

Cuộc tranh luận nêu trên, xét cho cùng, cũng đã mang lại một số ý nghĩa nhất định cho sự phát triển của công tác nghiên cứu lý luận văn học. Đây là dịp để đánh giá thực trạng trình độ phát triển của lý luận văn học ở ta (thể hiện qua các bài tham gia tranh luận), trình độ dân chủ trong tranh luận khoa học (thể hiện qua thái độ tranh luận) ; và cũng là dịp để giới nghiên cứu lý luận, kể cả tác giả Lê Ngọc Trà, "nghiền ngẫm" thêm những vấn đề cơ bản của văn học, tưởng chừng đã được giải quyết từ lâu nhưng thực ra vẫn còn mang ý nghĩa thời sự.

Cuốn sách của Lê Ngọc Trà, do đặc điểm của nó là tập hợp những bài báo được viết ra trong những thời điểm khác nhau nên thiếu tính hệ thống và hoàn chỉnh, vốn là những quy phạm bắt buộc của một công trình khoa học. Cũng vì vậy, rất nhiều chỗ tác giả tự mâu thuẫn, tự phủ định ngay trong một bài hoặc giữa các bài với nhau. Về điểm này, Phương Lựu trong bài *Về cuốn "Lý luận và văn học"* (*Văn nghệ*, số 34, 22-8-1992) đã chứng minh rất rõ. Đôi lúc người đọc có cảm tưởng, tác giả đã để cho nhiệt tình và tâm huyết che lấp đi sự tỉnh táo, sự mẫn cảm trong lô gích khoa học. Một số nhận định, kết luận được đưa ra không có chứng minh và kiến giải đầy đủ như một công trình khoa học đòi hỏi. Vì vậy, cuốn sách, bên cạnh những tìm tòi, những đóng góp, những gợi mở đáng quý thì cũng chứa đựng không ít sự chông chênh về mặt lý luận, sự thiếu hụt cơ sở khoa học và thực tiễn.

Theo dõi cuộc tranh luận, tôi đồng tình với nhiều ý kiến vạch những thiếu sót, những hụt hẫng của cuốn sách của Lê Ngọc Trà, đồng thời cũng thấy rằng lập luận của một vài bài cố gắng bảo vệ cho những thiếu sót đó là gượng gạo. Phê phán Lê Ngọc Trà như Hoàng Nhân trong bài *Lý luận lạc hướng* (*Văn nghệ*, số 22, 30-5-1992) đã đành là quá nặng nề và có tính chất quy chụp, nhưng bảo vệ Lê Ngọc Trà theo kiểu *Bàn tròn với Lê Ngọc Trà* (*Tạp chí Cửa Việt*, số 16, 1992) thì cũng chẳng hay ho gì. Đó hoàn toàn không còn mang tính chất một cuộc trao đổi lý luận, phê bình văn học mà chỉ là sự công kích, quy chụp, thóa mạ những người khác ý kiến với mình, mà ở đây lại là những đồng nghiệp trong giới. Tổ chức ra "bàn tròn" kiểu như vậy, rõ ràng là việc làm không hay, không thiện chí, không có ích lợi gì cho đời sống văn nghệ ; ngược lại, nó chỉ hạ thấp uy tín của giới văn nghệ trước công chúng.

Trên một số vấn đề đã được "trừu xuất ra khỏi hệ thống đầy mâu thuẫn" của cuốn sách (như Phương Lựu đã làm) để tranh luận, chẳng hạn vấn đề *văn học phản ánh hiện thực*, tôi cho rằng : dù nhìn dưới góc độ nào, việc đối lập phản ánh hiện thực với nghiền ngẫm về hiện thực, đối lập lý luận phản ánh với lý luận sáng tạo nghệ thuật, đều không ổn, cả trên cơ sở phản ánh luận Mác - Lê-nin lẫn thực tiễn sáng tạo nghệ thuật. Tôi đồng ý với ý kiến của Trần Đình Sử, rằng, Lê Ngọc Trà đúng khi nhấn mạnh tính tích cực chủ quan trong sáng tạo của người nghệ sĩ, nhưng nếu vì thế mà hạ thấp chức năng phản ánh hiện thực của văn học xuống thứ yếu thì rõ ràng không phù hợp với điều kiện nền văn học nước ta đang rất cần tăng cường chất liệu hiện thực. Ở bình diện văn nghệ và chính trị, nếu chỉ xét riêng tư cách là hình thái ý thức xã hội trong những thời đại lịch sử và điều kiện xã hội cụ thể thì đúng là văn nghệ và chính trị cùng thuộc cấu trúc thượng tầng, nhưng không thể vì thế mà nói chúng độc lập, song hành ; văn nghệ, cũng như các hình thái ý thức khác, không thể đứng ngoài sự chi phối của chính trị, ít nhất là trên phương diện tư tưởng.

Còn những vấn đề khác, chẳng hạn khi bàn về đặc trưng nội dung của văn học, Lê Ngọc Trà nhấn mạnh nhiều lần các khía cạnh "ăn năn", "sám hối", "thú tội", "xưng tội", "nỗi buồn"... Theo tôi, văn học không loại trừ những khía cạnh ấy trong cuộc sống tinh thần và tình cảm của con người, nhưng quan niệm như Lê Ngọc Trà, không khỏi mâu thuẫn và hạ thấp tính tích cực chủ quan, trách nhiệm công dân, tư tưởng "nhập thế" tích cực của người nghệ sĩ trong sáng tạo mà chính tác giả cũng đã nhiều lần nhấn mạnh.

Như trên đã nói, những vấn đề gây tranh luận trong cuốn sách của Lê Ngọc Trà đã từng gây tranh luận trong quá khứ. Thiết tưởng, những vấn đề đã được "đào xới" khá kỹ kia đã đủ để kết luận, để đưa lý luận hướng tới những vấn đề mới mà sự phát triển và những biến động của nền văn học mấy năm qua đang đặt ra, ngõ hầu "xốc" công tác nghiên cứu lý luận, phê bình lên ngang hàng với sự phát triển của sáng tác.

VÕ ĐĂNG THIÊN
thực hiện

Digitized by Google

come to

ÔNG TY CUNG ỨNG TÀU BIỂN SAIGON SHIPCHANCO

SAIGON SHIPCHANDLER CORPORATION



VĂN PHÒNG CÔNG TY
ĐỊA CHỈ : 19 - 20 TÔN ĐỨC THẮNG
Q.1 TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM
☎ 224180 - 224022
FAX : 84-8-298070
TELEX : 811239 - SSC - VT

HEAD OFFICE
ADDRESS : 19 - 20 TON DUC THANG STREET
DISTRICT I. HO CHI MINH CITY - VIETNAM
☎ 224180 - 224022
FAX : 84-8-298070
TELEX : 811239 - SSC - VT

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

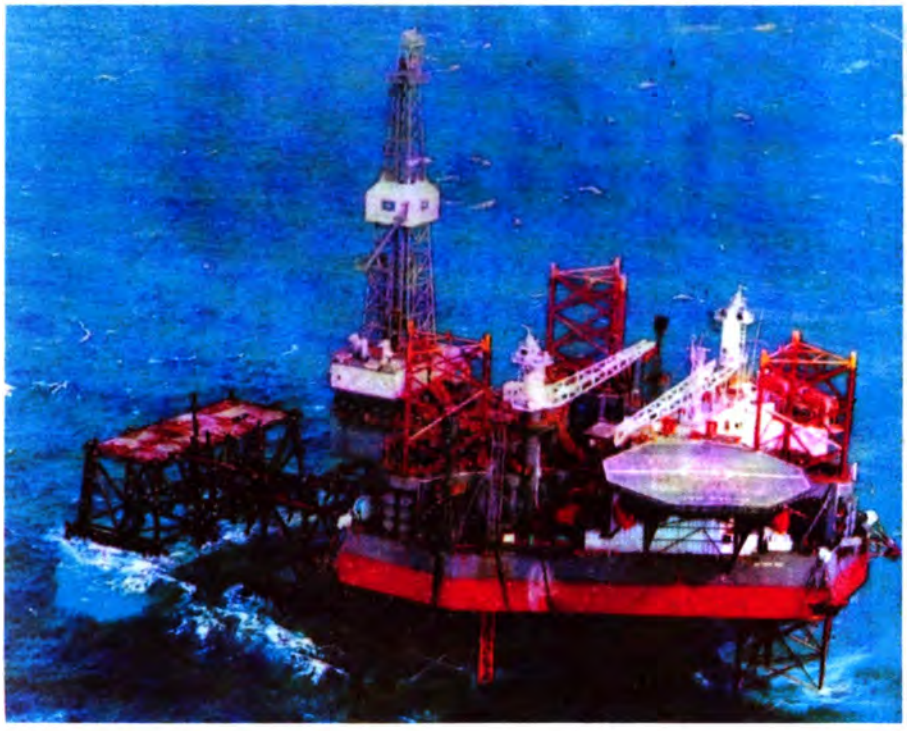
- CHI NHÁNH CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ TÀU BIỂN CHUYÊN CUNG CẤP PHỤ TÙNG, DẦU BÔI TRƠN HÀNG HÓA VÀ THỰC PHẨM.
  ĐC : 2 NGUYỄN HUỆ Q.1 - TP. HCM. ĐT : 295174
- XÍ NGHIỆP SỬA CHỮA TÀU BIỂN THỰC HIỆN CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA TÀU BIỂN.
  ĐC : 448 NGUYỄN TẤT THÀNH. Q.4 - TP. HCM.
  ĐT : 725113
- CỬA HÀNG MIỄN THUẾ CHUYÊN BÁN CÁC LOẠI HÀNG TIÊU DÙNG CAO CẤP.
  ĐC : CẢNG KHÁNH HỘI. ĐT : 725436
- CÂU LẠC BỘ THỦY THỦ TỔ CHỨC SINH HOẠT VUI CHƠI THAM QUAN ĂN UỐNG.
  ĐC : CẢNG KHÁNH HỘI. ĐT : 725743.
- XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP CÁC NÔNG LÂM SẢN VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ.
  ĐC : 20 TÔN ĐỨC THẮNG. Q.1 - TP. HCM.
  ĐT : 224022
- KHÁCH SẠN RIVERSIDE (PHONG LAN)
- BAO GỒM NHÀ HÀNG VÀ CÁC TOURS DU LỊCH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

BUSINESS OPERATIONS

- SHIP SUPPLIES AND SERVICES BRANCH OFFERS SPAREPARTS, LUBRICANTS, COMODITIES AND FOOD. ADD : 2 NGUYEN HUE STREET DISTRICT 1-HCMC. TEL. 295174
- SHIP REPAIR ENTERPRISE COVERS TECHNICAL MAINTENANCE AND SHIP REPAIRS. ADD : 448 NGUYEN TAT THANH STREET. DISTRICT 4 - HCMCT. TEL : 725113
- DUTY FREE SHOP SELLS HIGH CLASS CONSUMER GOODS. ITS LOCATION IS AT KHANH HOI PORT. TEL : 725436
- SEAMENS CLUB ORGANISES RECREATION, SIGHT-SEEING TOURS AND BANQUETS. ITS IS LOCATED IN THE PORT. TEL : 725743
- SSC TRADING COMPANY DIRECTLY IMPORTS AND EXPORTS AGRIFOREST AND CRAFTY PRODUCTS. ADD : 20 TON DUC THANG STREET. DISTRICT 1 - HCMC. TEL : 224022
- RIVERSIDE HOTEL (PHONG LAN) INCLUDES THE RESTAURANT AND DOMESTIC AND INTERNATIONAL TOURISM.

Digitized by Google

CÔNG TY PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÔN ĐẢO



★ Địa chỉ : Số 29 - Lê Lợi
Thành phố Vũng Tàu
ĐT : (01-64) 52156
★ Văn phòng đại diện
tại TP Hồ Chí Minh :
40B Lý Thái Tổ - Quận 10
ĐT : 358878
Fax : 84.8.392616
Telex : 811587 EDC VT

GIÁM ĐỐC
ĐÀO QUANG PH

★ Thành lập theo quyết định số 272/UBQĐ.TCCB của UBND Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo (Trước đây).

★ Chức năng : Sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp về các mặt : xuất nhập khẩu, du lịch, thương nghiệp, hải sản...

★ Toàn bộ lợi nhuận do Công ty làm ra sẽ được dùng vào việc xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng tại Côn Đảo.

★ Sẵn sàng liên doanh với các cá nhân, đơn vị trong và ngoài nước.



In tại nhà in Nhân Dân Hà Nội 2
Bìa in tại Nhà máy In Thống Nhất

Chỉ số 12651 - ISSN 0866-7276

Giá : **2000đ**

Digitized by Google

29

Tạp chí Cộng sản

RECEIVED
JAN 8 1993



12
1992

Digitized by Google

CÔNG TY NHỰA RẠNG ĐÔNG (UFIPLASTIC)





- Địa chỉ : 190 đường Lạc Long Quân - QUẬN 11 - TP HỒ CHÍ MINH
- Điện thoại : 558272-550642-550652 - Telex : 811322 RĐ UFIP.VT
- Fax : 84-8-552843

Công ty nhựa rạng đông : Huân chương lao động hạng nhất và hạng ba

Năm 1990 và năm 1991 được Hội đồng Bộ trưởng tặng cờ thưởng luân lưu và Bộ công nghiệp nhẹ chọn là đơn vị dẫn đầu thi đua ngành công nghiệp nhẹ.

CÔNG TY NHỰA RẠNG ĐÔNG chuyên sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng bằng nhựa PVC, LDPE, LLDPE, PU v.v. và các loại nguyên liệu, hóa chất ngành nhựa.

Với máy móc, thiết bị hiện đại và đồng bộ, công nghệ sản xuất tiên tiến, sản phẩm đa dạng và chất lượng cao, CÔNG TY có quy mô hoạt động vào loại lớn nhất trong ngành nhựa VIỆT NAM và thường xuyên có quan hệ thương mại với nhiều nước trên thế giới.

Các sản phẩm chủ yếu của CÔNG TY bao gồm :

1. Các loại giả da và màng mỏng bằng nhựa với nhiều quy cách vân hoa, màu sắc rất phong phú và đa dạng được dùng làm áo mưa, trải bàn, đồ dùng du lịch, đồ chơi trẻ em thổi khí, may cặp, túi xách, bọc nệm, làm dép, giầy thể thao, áo lạnh, găng tay bóng đá, vải mex v.v...

2. Các loại tôn nhựa sóng vuông hay sóng tròn, màu đục hay trong suốt để lợp nhà lấy ánh sáng tự nhiên. Các loại vân nhựa phẳng dùng đóng trần nhà và trang trí nội thất.

3. Gạch nhựa với nhiều vân hoa, màu sắc phong phú nhẹ dễ sử dụng, dùng lát nền nhà bê tông, sàn gỗ. Sản phẩm lần đầu tiên được sản xuất tại VIỆT NAM.



4. Các loại ống nhựa cứng, nhẹ, bền, dễ lắp đặt, dùng làm ống nước thay ống sắt tráng kẽm. Các loại ống nhựa mềm, ống luồn dây điện v.v...

5. Các loại túi, bao bì bằng nhựa PE, PP, giấy tráng nhựa, màng phức hợp nhiều lớp. Có máy in 6 màu theo mẫu mã của khách hàng, dùng làm bao bì đựng thực phẩm khô và bao bì các hàng tiêu dùng.





6. Sản xuất các loại áo mưa, áo gió, áo Jacket, túi sách, cặp học sinh, giầy dép v.v...

Sản phẩm của CÔNG TY NHỰA RẠNG ĐÔNG rất nổi tiếng trên thị trường, đã được tặng nhiều HUY CHƯƠNG VÀNG tại TRIỂN LÃM KINH TẾ KỸ THUẬT VIỆT NAM và HỘI CHỢ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY NHỰA RẠNG ĐÔNG sẵn sàng mở rộng quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết, mua bán sản phẩm và nguyên liệu với các khách hàng trong và ngoài nước.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

12 - 1992 NĂM THỨ XXXVIII (444)

MỤC LỤC

	Thông cáo đặc biệt về việc đồng chí Cay-xón Phôm-vi-hản từ trần	
	ĐOÀN KHUÊ - Kết hợp kinh tế với quốc phòng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới	5
	HỒNG HÀ - Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của ta	10
Nghiên cứu - Trao đổi	TRẦN ĐỨC - Vấn đề đa dạng hóa các hình thức sở hữu	14
	HOÀNG VĂN HÀO - Quyền con người và quyền công dân trong sự phát triển kinh tế - xã hội	18
	TÀO HỮU PHÙNG - Kiềm chế và đẩy lùi lạm phát qua kênh ngân sách nhà nước	21
	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG - Những mấu chốt để phát triển kinh tế nhanh	24
Ý kiến và kinh nghiệm	PHẠM VĂN TRÀ - Quân khu ba kết hợp kinh tế với quốc phòng trong cơ chế kinh tế mới	27
	LÊ VĂN CƯƠNG - Có thể khắc phục được tệ tham nhũng không ?	31
	NGUYỄN NGỌC - Góp thêm ý kiến về chống tham nhũng	34
	NGUYỄN QUANG DU - Nâng cao dân trí ở nông thôn	37
	TRẦN VĂN TƯ - Cần thơ - Con đường phát triển	39
	NHỊ LÊ - Đảng bộ huyện Đại lộc tìm được "lối ra"	42
Tọa đàm	★ ★ ★ Văn học nước ta từ sau 1975 đến nay	45
Điều tra	TRƯƠNG XUÂN TRƯỜNG - Thực trạng đội ngũ công nhân ở Hà nội	49
Sinh hoạt tư tưởng	DƯƠNG TÙNG - Hạ cánh	52
Thư gửi Bộ biên tập	★ ★ ★ Bạn đọc với *Tạp chí Cộng sản* 1992	53
Thế giới : vấn đề, sự kiện	LA CÔN - Bin Clin-tơn, tiếng nói của "đa số thầm lặng" ?	56
	TRẦN TRỌNG - Mấy xu hướng về quân sự hiện nay trên thế giới	58
Qua sách báo nước ngoài	★ ★ ★ Có một "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" hay không ?	61
Tìm hiểu khái niệm	● Chính trị ● Khoa học ● Chính trị học	62
Tin hoạt động lý luận	● Tình hình thực hiện chương trình nghiên cứu "Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta" ● Hội thảo khoa học về "Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt nam"	63 64

Bìa 1 : *Bình minh ở Trường Sa*
Ảnh : KINH QUỐC

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội ● **Dây nói** : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh ● **Dây nói** : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Особое сообщение о кончине тов. Каисона Фомвихана *ДОАН КХУЭ- Увязывание экономики с национальной обороной в целях строительства и защиты Родины в новой обстановке. ХОНГ ХА- Международная обстановка и наша внешняя политика. ● *Исследования - обмен мнениями* *ЧАН ДЫК- Разнообразие форм собственности. ХОАНГ ВАН ХАО- Человеческие и гражданские права в социально-экономическом развитии. ТАО ХЫУ ФУНГ- Обуздание и отталкивание инфляции посредством государственного бюджета. НГУЕН ВАН ФЫОНГ- Ключевые основы быстрейшего развития экономики. ● *Мнения и опыт* * ФАМ ВАН ЧА- Увязывание экономики с национальной обороной в Третей военной зоне в условиях нового экономического механизма. ЛЕ ВАН КЫОНГ- Возможно ли покончить с коррупцией ? НГУЕН НГОК- Еще несколько предложений по борьбе с коррупцей. *Дискуссия* * Литература Вьетнама за период с 1975 до сегодняшнего дня. ● *Мир: проблемы, факты* * ЛА КОН- Билл Клинтон - голос "невымолвившего большинства" ?

CONTENTS

● *Special Announcement on the Passing Away of Comrade Kaysone Phomvihane* ● ĐOÀN KHUÊ - Combination between economy and National defence to build and safeguard our homeland in the new situation ★ HÒNG HÀ - The world situation and our foreign policy ● *Research - Exchange of Views* ★ TRẦN ĐỨC - On the diversification of ownership ★ HOÀNG VĂN HÀO - The human rights and civic rights in the economical and social development ★ TÀO HỮU PHÙNG - Controlling and pushing back inflation by means of State budget ★ NGUYỄN VĂN PHƯƠNG - The key - points for the fast development of our economy ● *Opinions and Experience* ★ PHẠM VĂN TRÀ - The 3rd military zone have managed to combine economy with national defence in the new economic mechanism ★ LÊ VĂN CƯƠNG - Can we overcome the corruption ? ★ NGUYỄN NGỌC - Some more opinions on the fight against corruption ● *Discussion* ★*** Vietnamese Literature from 1975 up to now ● *The World : Issues and Events* ★ LA CÔN - Mr Bill Clinton - The voice of the "silent majority" ?

SOMMAIRE

● *Communiqué spécial sur le décès du Camarade Kaysone Phomvihane* ● ĐOÀN KHUÊ - Combiner l'économie à la défense nationale pour édifier et défendre la Patrie dans la situation nouvelle ★ HÒNG HÀ - Le contexte international et notre politique extérieure ● *Etudes - Echanges* ★ TRẦN ĐỨC-La diversification des formes de propriété ★ HOÀNG VĂN HÀO-Les droits de l'homme et du citoyen dans le développement socio - économique ★ TÀO HỮU PHÙNG Contrôler et repousser l'inflation en faisant intervenir le budget de l'Etat ★ NGUYỄN VĂN PHƯƠNG - Les points clés pour un développement rapide de l'économie ● *Opinions et expériences* ★ PHẠM VĂN TRÀ - La combinaison de l'économie à la défense nationale dans le nouveau mécanisme économique à la IIIe zone militaire ★ LÊ VĂN CƯƠNG Peut - on vaincre la corruption ? ★ NGUYỄN NGỌC - Contributions à la lutte contre la corruption ● *Colloque* ★ La littérature vietnamienne après 1975 ● *Le monde : Problèmes, événements* ★ LA CÔN - Bill Clinton, la voix de la "majorité silencieuse" ?

SUMARIO

● *Comunicado especial sobre fallecimiento del compañero Kaysone Phomvihane* ● ĐOÀN KHUÊ - Combinar la economía con la defensa nacional para edificar y defender la patria en la nueva situación. HÒNG HÀ - La situación mundial y la política exterior de Vietnam ● *Estudios - Intercambios* ★ TRẦN ĐỨC - La diversificación de las formas de propiedad. ★ HOÀNG VĂN HÀO - El derecho del hombre y el derecho cívico en el desarrollo económico - social. ★ TÀO HỮU PHÙNG - Controlar y repeler la inflación por el canal del presupuesto estatal. ★ NGUYỄN VĂN PHƯƠNG- - Los puntos claves por un rápido desarrollo de la economía. ● *Opiniones y experiencias* ★ PHẠM VĂN TRÀ - La Tercera Zona Militar en la combinación economía - defensa en el nuevo mecanismo económico. ★ LÊ VĂN CƯƠNG ¿ Se podrá liquidar la corrupción ? ● NGUYỄN NGỌC - Algunas opiniones a la lucha contra la corrupción ● *Debate* ★ La literatura vietnamita de 1975 hasta hoy día. ● *El mundo : problemas y acontecimientos* ★ LA CÔN - Bill Clinton, la voz de la "mayoría silenciosa" ?

目錄

● 關於凱山．丰威漢同志逝世的特別公報 ★
段春：新時期經濟與國防相結合，建設與保衛祖國。紅河：世界形勢與我國的對外政策。● 研究與交換 ★ 陳德：所有制形式的多樣化。黃文好：人權與公民權在經濟社會發展中。曹友遠：通過國家預算與通貨制與幣迴通貨膨脹。阮文芳：快速發展經濟的關鍵所在。● 意見與經驗 ★ 范文茶：第三軍區在新經濟機制之下實行經濟與國防相結合。黎文綱：貪污賄病能否排除？ 阮玉：為反貪污提點意見。● 座談 ★ 一九七五年以來的我國文學。
● 世界：問題與事件 ★ 羅民：＂無言多數＂的發言人 — 賓．克林頓。

Digitized by Google

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC ĐỒNG CHÍ CAY-XỎN PHÔM-VI-HẢN KÍNH MẾN

THÔNG CÁO ĐẶC BIỆT

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM...

(Trang 4)



Đồng chí CAY-XỎN PHÔM-VI-HẢN
(13-12-1920–21-11-1992)

Digitized by Google

THÔNG CÁO ĐẶC BIỆT

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Đồng chí **Cay-xỏn Phôm-vi-hản**, *Chu tịch Ban Chấp hành Trung ương Đang Nhân dân Cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, đã từ trần hồi 11 giờ 23 phút ngày 21-11-1992 tại Viêng Chăn (Lào) do bị bệnh, thọ 72 tuổi.*

Đồng chí Cay-xon Phôm-vi-han qua đời là một tổn thất vô cùng to lớn đối với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và nhân dân các bộ tộc Lào cũng như đối với Đang Cộng san Việt Nam và nhân dân Việt Nam, đối với đồng chí và bầu bạn trên thế giới.

Đang Nhân dân Cách mạng Lào, Nhà nước Lào và nhân dân các bộ tộc Lào mất đi một nhà lãnh đạo xuất sắc, một chiến sĩ cách mạng trung kiên, một người con ưu tú. Phong trào cộng san và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình thế giới mất đi một chiến sĩ kiên cường. Đảng Cộng san Việt Nam và nhân dân Việt Nam mất đi một đồng chí, một người bạn lớn thân thiết.

Đồng chí Cay-xon Phôm-vi-han đã sống một cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nôi, gắn liền với lịch sư đấu tranh lâu dài, gian khổ nhưng đầy ve vang cua nhân dân các bộ tộc Lào, đưa nước Lào tiến lên con đường dân chu nhân dân, xây dựng và bao vệ nước Lào hòa bình, độc lập và phồn vinh.

Liên tục trong gần 40 năm trên cương vị là Tông Bí thư và Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, người đứng đầu Chính phủ và Nhà nước Lào, đồng chí Cay-xon Phôm-vi-han đã cống hiến toàn bộ tài năng, trí tuệ và sức lực cua mình cho sự nghiệp cách mạng Lào, cùng toàn Đang, toàn dân vượt qua mọi khó khăn, thư thách, giành thắng lợi ve vang trong sự nghiệp đấu tranh của nhân dân các bộ tộc Lào trước đây và trong công cuộc đôi mới cua đất nước hiện nay.

Đồng chí Cay-xon Phôm-vi-han luôn luôn trân trọng, nghiên cứu vận dụng tư tương và đạo đức của Chu tịch Hồ Chí Minh vào hoạt động cách mạng thực tiễn cua mình. Suốt mấy chục năm qua, đồng chí Cay-xon Phôm-vi-han đã có công lớn xây dựng và vun đắp tình cam gắn bó Lào - Việt, thường xuyên quan tâm chăm lo việc cung cố và tăng cường mối quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam.

Đang Cộng san Việt Nam, Nhà nước và nhân dân Việt Nam luôn luôn ghi nhớ tình cam và những đóng góp to lớn cua đồng chí Cay-xon Phôm-vi-han đối với cách mạng Việt Nam, đối với quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt Lào - Việt Nam.

Thương tiếc và biết ơn đồng chí Cay-xon Phôm-vi-han, toàn Đảng, toàn dân ta, tuân theo lời dạy của Chu tịch Hồ Chí Minh kính mến, nguyện đem hết sức mình vun đắp cho tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào.

Chúng ta tin tương sâu sắc rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, nhân dân các bộ tộc Lào, đoàn kết chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đang Nhân dân Cách mạng Lào sẽ biến đau thương thành sức mạnh, kế tục xứng đáng sự nghiệp ve vang cua đồng chí, sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ V Đang Nhân dân Cách mạng Lào và thực hiện thành công đường lối đôi mới toàn diện có nguyên tắc do Chu tịch Cay-xon Phôm-vi-han đề xướng.

Toàn Đang, toàn dân ta vô cùng thương tiếc và kính cân nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí Cay-xon Phôm-vi-han. Tên tuổi và sự nghiệp cua đồng chí sống mãi trong lòng những người cộng san và nhân dân Việt Nam.

BCH TƯ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CHỦ TỊCH NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM, UỶ BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ CHXHCN VIỆT NAM, UB TƯ MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Digitized by Google

KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG ĐỂ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đại tướng ĐOÀN KHUÊ*

I

Từ sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên xô (cũ) bị tan rã, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đẩy mạnh thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó có Việt nam. Tình hình khu vực tuy có những thuận lợi mới, nhưng cũng còn nhiều phức tạp tác động vào nước ta. Đất nước ta đang có cơ hội lớn mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế, nhưng cũng đang trải qua thử thách lớn.

Mấy năm qua chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới ; đã xuất hiện khả năng phát triển mới giúp cho nước ta chẳng những đứng vững được mà còn có thể đi lên. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta vẫn đang đứng trước những khó khăn lớn, kinh tế - xã hội chưa ra khỏi khủng hoảng.

Tình hình nói trên đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta yêu cầu cấp thiết là giữ vững độc lập, chủ quyền, tạo môi trường thuận lợi cho đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội VII của Đảng một lần nữa khẳng định : "Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt nam". Đi đôi với việc xây dựng đất nước giàu về kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cố gắng xây dựng một nền quốc phòng toàn dân đủ mạnh. Sự kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược đó phản ánh quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta trong thời đại ngày nay.

Bất cứ quốc gia độc lập, có chủ quyền nào muốn tồn tại và phát triển, cũng phải quan tâm tới việc xây dựng và bảo vệ đất nước mình. Làm sao cho đất nước giàu mạnh luôn là mục tiêu và động lực phấn đấu của nhiều thế hệ dân tộc Việt nam. Đó cũng là mục tiêu và động lực của sự nghiệp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng trên đất nước ta hiện nay.

Trong thời đại chúng ta, đi lên chủ nghĩa xã hội là quy luật tất yếu, nên xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng cần được xem xét theo quan điểm vì lợi ích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ chiến lược chung của đất nước ta hiện nay.

Nhiệm vụ xây dựng kinh tế và nhiệm vụ củng cố quốc phòng vừa có quy luật vận động riêng, vừa có sự thống nhất biện chứng trong quy luật vận động chung.

Nói tới xây dựng kinh tế là nói tới việc làm ra của cải vật chất để thỏa mãn các nhu cầu của con người về ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, thưởng thức văn hóa nghệ thuật... Yêu cầu cơ bản của hoạt động xây dựng kinh tế là áp dụng các biện pháp (quản lý, khoa học kỹ thuật, công nghệ...) sử dụng tốt nhất các nguồn lực về tiền vốn, lao động, tài nguyên, kỹ thuật, lợi thế về điều kiện địa lý, môi trường... sao cho chi phí ít nhất, đạt được kết quả và hiệu quả cao nhất, bảo đảm sự phồn thịnh và công bằng xã hội.

Nói tới củng cố quốc phòng là nói tới việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, tự do, sự toàn vẹn lãnh thổ (vùng đất, vùng trời và vùng biển) của đất nước, bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững và củng cố sự ổn định, hòa bình, an ninh. Muốn vậy, cần có những tri thức về khoa học kỹ thuật quân sự, khoa học nghệ thuật quân sự và các khoa học khác, áp dụng các biện pháp hữu hiệu sao cho sử dụng tốt nhất nguồn nhân, tài, vật lực và điều kiện địa lý tự nhiên của đất nước, nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Xét về tổng thể thì hai nhiệm vụ xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc là thống nhất trong một mục đích làm cho đất nước

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ quốc phòng

Digitized by Google

giàu mạnh, thiếu một trong hai nhiệm vụ này, không thể bảo đảm lợi ích đất nước theo nghĩa đầy đủ.

Xây dựng kinh tế là tạo tiền đề vật chất quan trọng để từng bước xây dựng tiềm lực các mặt cho sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Còn củng cố quốc phòng là để bảo vệ và tạo môi trường an toàn cho xây dựng kinh tế, đồng thời trong quá trình triển khai nhiệm vụ củng cố quốc phòng cũng tạo ra những nhân tố góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng kinh tế. Xét cho cùng, củng cố quốc phòng là nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế của đất nước.

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, nghị quyết về thực hiện kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, kết hợp kinh tế với quốc phòng. Các cấp, các ngành (cả dân sự và quân sự) đã cố gắng triển khai thực hiện, và bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng trong từng lĩnh vực, như xây dựng thế trận quốc phòng, xây dựng tỉnh, thành phố thành những khu vực phòng thủ vững chắc. Các ngành kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ của nhà nước đã góp phần bảo đảm nhu cầu quốc phòng, giúp cho các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng và các đơn vị quân đội làm kinh tế trên các địa bàn chiến lược được duy trì và củng cố thêm. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng ở cả phạm vi vĩ mô và vi mô còn có những hạn chế, thậm chí còn có những nhận thức và hoạt động lệch lạc, do không thấy hết mối quan hệ biện chứng và tác động qua lại giữa xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, đối lập nhiệm vụ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, cho củng cố quốc phòng là gánh nặng của nền kinh tế. Còn nhiều vấn đề cụ thể chưa được thể chế hóa bằng các văn bản pháp lý của nhà nước, nhất là chậm xác định những cơ chế và chính sách phù hợp để điều hành và quản lý thống nhất việc kết hợp kinh tế với quốc phòng trong điều kiện cơ chế thị trường. Đó cũng là vấn đề cần khắc phục trong thời gian tới để thực hiện bằng được chủ trương do Đại hội VII của Đảng đề ra : "Phát triển kinh tế xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội".

II

Mục tiêu kết hợp kinh tế với quốc phòng nhằm đạt được điều cốt lõi là biến tiềm lực kinh tế thành tiềm lực quốc phòng một cách tối ưu để thực hiện tốt nhất hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng kinh tế và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Trong chỉ đạo thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng, cần quán triệt các quan điểm :

1 - Sức mạnh và tiềm lực kinh tế là cơ sở của sức mạnh và tiềm lực quốc phòng. Đó là quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với quốc phòng.

Trong tình hình hiện nay, chúng ta không còn nhận được viện trợ như trước nữa, nền kinh tế nước ta phải tự lực bảo đảm toàn bộ các nhu cầu củng cố quốc phòng, từ lương thực, quân trang đến các loại vũ khí, phương tiện kỹ thuật tương đối hiện đại và hiện đại cho lực lượng vũ trang ta. Việc đáp ứng này được thể hiện trên *hai* phần : phần nhân, tài, vật lực mà nền kinh tế dành hẳn cho nhu cầu thường xuyên của quốc phòng ; và phần tiềm lực kinh tế chuẩn bị sẵn sàng huy động, chuyển hóa cho nhu cầu quốc phòng khi xảy ra chiến tranh theo các tình huống khác nhau. Đó là một yêu cầu lớn hết sức gay gắt và mới mẻ đối với nền kinh tế nước ta.

2 - Nêu cao tinh thần tự lực tự cường và ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc mà phát huy hết sức mạnh tổng hợp và tận dụng tốt nhất mọi nguồn lực trong nước để kết hợp kinh tế với quốc phòng. Điều này phải được thực hiện không chỉ ở trung ương và trong phạm vi cả nước, mà cả ở từng địa phương, từng ngành kinh tế - kỹ thuật, từng cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo và giáo dục; phải được đặt ra không chỉ đối với các đơn vị, lĩnh vực thuộc sở hữu nhà nước, mà cả đối với các thành phần kinh tế khác. Ở đâu có hoạt động kinh tế - xã hội, ở đó phải tính đến yêu cầu củng cố quốc phòng, tạo ra các yếu tố (trực tiếp hoặc gián tiếp) sẵn sàng phục vụ quốc phòng. Việc này phải được chế định, thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy của nhà nước cho từng lĩnh vực cụ thể. Mặt khác, ở đâu có triển khai nhiệm vụ quốc phòng, ở đó phải nhằm bảo vệ và tạo môi trường thuận lợi cho xây dựng kinh tế. Bảo đảm thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng là một tiêu chuẩn quan trọng đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội và hoạt động quốc phòng.

3 - Yêu cầu kết hợp kinh tế với quốc phòng là phải tạo ra được một hệ thống cấu trúc (trên cơ sở sử dụng một nguồn nhân, tài, vật lực nhất

Digitized by Google

định) có khả năng chuyển hóa nhanh nhất từ tiềm lực kinh tế thành tiềm lực quốc phòng, sao cho trong mọi tình huống (dù là chiến tranh ác liệt) nền kinh tế vẫn hoạt động được để đáp ứng yêu cầu dân sinh và phục vụ quốc phòng, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế đất nước phục vụ yêu cầu củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, biến tiềm lực kinh tế thành sức mạnh quốc phòng một cách linh hoạt và có hiệu quả nhất. Muốn vậy, phải tạo nên sự thống nhất, ăn khớp giữa xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, làm cho mỗi bước phát triển kinh tế, tăng thêm tiềm lực kinh tế, là một bước tăng thêm tiềm lực quốc phòng, tạo cho đất nước ở tư thế sẵn sàng cao nhất về kinh tế phục vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Mỗi việc củng cố quốc phòng, trước hết nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và an toàn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế. Cần chống và phòng ngừa hiện tượng trong hoạt động kinh tế chỉ quan tâm tới lợi nhuận thuần túy, vì lợi ích thuần túy kinh tế mà coi nhẹ việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Ngược lại, trong triển khai nhiệm vụ quốc phòng lại không tính tới lợi ích kinh tế, tạo môi trường và điều kiện cho kinh tế phát triển.

4 - Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng cần được triển khai có kế hoạch từng bước phù hợp với các bước thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược quốc phòng - an ninh của đất nước. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vừa phải giải quyết các yêu cầu nóng bỏng về kinh tế và xã hội, vừa phải từng bước tạo ra cơ sở kinh tế và xã hội cho sức mạnh và tiềm lực quốc phòng. Trong nội dung và quá trình phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm cho đất nước có sức mạnh quốc phòng cần thiết và đủ mạnh. Phù hợp với bước đi và khả năng phát triển kinh tế xã hội, phải xây dựng được tiềm lực kinh tế quốc phòng, và chuẩn bị cho tiềm lực kinh tế - quốc phòng đã được tạo lập sẵn sàng chuyển thành sức mạnh quốc phòng để đối phó thắng lợi với các tình huống chiến tranh có thể xay ra. Cần căn cứ vào nhịp độ phát triển kinh tế và khả năng tiềm lực kinh tế đáp ứng cho quốc phòng và những dự kiến chiến lược bảo vệ Tổ quốc để lựa chọn bước đi và giải pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng cho phù hợp với từng lĩnh vực cụ thể.

Tiềm lực kinh tế là cơ sở của sức mạnh quốc phòng. Song, không phải cứ có kinh tế giàu thì có ngay quốc phòng mạnh. Để biến tiềm lực kinh tế thành sức mạnh quốc phòng, cần áp dụng các biện pháp khoa học và thực tế, phù hợp với nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chuẩn bị cho đất nước sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc theo phương châm : chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện ; tất cả các ngành và vùng lãnh thổ có thể tiến hành chiến tranh cả khi chiến trường bị chia cắt. Theo quan điểm đường lối quân sự và chiến lược quốc phòng an ninh của Đảng, các cơ quan quốc phòng chủ động đề ra yêu cầu về các tuyến phòng thủ, các địa bàn chiến lược, những sản phẩm công nghiệp (kể cả công nghệ đặc thù) cần cho công nghiệp quốc phòng, và bảo đảm kỹ thuật, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh..., nhu cầu cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật cần động viên phục vụ quốc phòng theo các tình huống. Mặt khác, cơ quan quốc phòng còn phải chủ động đề xuất các giải pháp bảo vệ từng công trình và khu vực kinh tế quan trọng khi có chiến tranh xảy ra.

Theo yêu cầu xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thực hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và phù hợp với điều kiện địa lý, môi trường, địa hình và khả năng phát triển kinh tế - xã hội, mà xây dựng các quy hoạch, kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng phục vụ tốt nhất cho quy hoạch và kế hoạch xây dựng các khu vực phòng thủ, đặc biệt trên các vùng trọng điểm, những vị trí chiến lược ở biên giới, cửa sông, hải đảo, những trung tâm kinh tế chính trị quan trọng, tạo ra tiềm lực kinh tế tại chỗ cho công cuộc củng cố quốc phòng, đồng thời xây dựng các hậu phương chiến lược và hậu cần chiến lược theo các phương án cụ thể. Cần tạo lập sự cân đối, ăn khớp giữa các vùng, các khu vực không gian, lãnh thổ trong việc bố trí, sắp xếp các cơ sở sản xuất, các căn cứ quân sự, bảo đảm cho cả nước vừa là một hệ thống hoàn chỉnh vận hành các hoạt động kinh tế - xã hội theo yêu cầu của các quy luật kinh tế, vừa là một hệ thống phòng thủ chiến lược thống nhất và vững chắc, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc theo yêu cầu của các quy luật và nghệ thuật thực hành chiến tranh nhân dân. Hệ thống kết hợp kinh tế với quốc phòng theo vùng lãnh thổ phải bao gồm nhiều tuyến kế tiếp nhau, quan hệ gắn bó với nhau trong việc tổ chức phòng thủ, tổ chức lực lượng dự trữ vật chất, kỹ thuật, chuẩn bị phòng tránh nhân dân... Đặc biệt, trong từng khu vực lãnh thổ, cần bố trí các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng và những đơn vị quân đội làm kinh tế có khả năng làm hạt nhân hoạt động trong cơ cấu thống nhất phục vụ vừa

Digitized by Google

cho quốc phòng, vừa cho kinh tế một cách hiệu quả nhất.

Đối với các ngành kinh tế - xã hội, tùy theo đặc điểm, yêu cầu và khả năng phục vụ quốc phòng mà xác định nội dung và giải pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng cho phù hợp :

- Với các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng (như luyện kim, cơ khí nặng, cơ khí chính xác, hóa chất cơ bản, hóa dầu...), cần có quy hoạch và kế hoạch cụ thể chuẩn bị các yếu tố về công nghệ, năng lực thiết bị... sẵn sàng có thể huy động theo kế hoạch động viên công nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo đảm kỹ thuật quân sự và sản xuất vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang. Muốn vậy, các quy hoạch và kế hoạch xây dựng và phát triển các cơ sở công nghiệp này phải được tính toán ăn khớp với quy hoạch và kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng của đất nước. Các cơ sở công nghiệp quốc phòng cần được xây dựng sao cho đủ khả năng làm nòng cốt cho động viên công nghiệp khi có yêu cầu của chiến tranh.

- Ở một số nhà máy công nghiệp nhẹ cũng cần chuẩn bị các yếu tố để khi cần thiết có thể nhanh chóng triển khai sản xuất hàng loạt quân trang, quân dụng và chế biến lương thực, thực phẩm đáp ứng cho yêu cầu quân sự.

- Đối với ngành giao thông vận tải và bưu điện, việc kết hợp kinh tế với quốc phòng phải được xem xét, tính toán cụ thể ngay từ khi lập quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới các tuyến đường sắt, đường bộ, cầu cống, đường thủy, bến cảng, sân bay, kho bãi, màng lưới thông tin liên lạc, mua sắm, bố trí các phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và bưu điện... bảo đảm sao cho thời bình phục vụ tốt nhất công cuộc xây dựng kinh tế, đồng thời cũng đáp ứng yêu cầu phục vụ các kế hoạch phòng thủ đất nước ở từng vùng, từng tuyến, và khi có chiến tranh đây là những yếu tố cực kỳ quan trọng cho vận chuyển và thông tin liên lạc quân sự.

- Đối với các ngành kinh tế khác như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong các hoạt động của mình, cũng phải có ý thức kết hợp kinh tế với quốc phòng, từ xây dựng kế hoạch cho đến tổ chức thực hiện kế hoạch. Nông thôn rộng lớn, vùng rừng núi phải là các căn cứ hậu phương vững chắc khi đất nước có chiến tranh. Chiến lược kinh tế biển ngày một quan trọng đối với chiến lược kinh tế - xã hội đất nước ta. Đánh cá trên lãnh hải, trên vùng đặc quyền kinh tế biển của ta là những hoạt động khẳng định chủ quyền của Tổ quốc trên biển. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trên vùng biển của Tổ quốc là một yêu cầu cần thiết hơn bao giờ hết.

- Quan điểm quốc phòng toàn dân không chỉ dừng lại ở các mặt quân sự và kinh tế, mà phải thể hiện trên các lĩnh vực khoa học công nghệ, văn hóa, giáo dục, y tế và các vấn đề xã hội... Sự kết hợp của các lĩnh vực trên với quốc phòng là khái niệm mở rộng quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng, phải được chuẩn bị tốt từ thời bình, đóng góp cho quốc phòng trong thời bình và sẵn sàng chuyển sang phục vụ cho quốc phòng khi đất nước có chiến tranh theo chuyên ngành của mình.

Những vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng nói trên phải được cụ thể hóa trong các quy hoạch và kế hoạch chuẩn bị động viên toàn diện (nhân, tài, vật lực) và động viên công nghiệp của đất nước phục vụ quốc phòng theo các tình huống. Những quy hoạch và kế hoạch này lại phải được chuẩn bị và quản lý tốt ; muốn vậy, cần được thể chế hóa bằng pháp luật và luật lệ, quy định của nhà nước, từ những vấn đề chung tới vấn đề cụ thể. Mặt khác, cần có biện pháp bảo đảm cho cán bộ quân sự ở cấp chiến lược, chiến dịch hay cơ quan quân sự địa phương có tri thức nhất định (theo tiêu chuẩn tương ứng) về kinh tế ; đồng thời, cũng cần bồi dưỡng những hiểu biết về quân sự cho cán bộ các ngành và lĩnh vực quản lý kinh tế. Có như vậy, mới nâng cao được trình độ tư duy kinh tế và tư duy quân sự để xử lý các vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng cho cả cơ quan kinh tế và cơ quan quân sự.

III

Khai thác mọi tiềm năng của đất nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Hiện nay, quân đội đang quản lý một lực lượng khá lớn cán bộ khoa học kỹ thuật, các nhà máy sửa chữa và sản xuất quốc phòng, các bến bãi, đất đai, kho tàng, bến cảng, sân bay và lao động... Đây là những tiềm năng lớn đang và sẽ cần cho nhiệm vụ quốc phòng, nhưng cũng có thể huy động một phần làm kinh tế, nhất là trong tình hình ngân sách quốc phòng còn hạn hẹp, nhằm góp phần vào việc giữ gìn và từng bước phát triển sản xuất và sửa chữa quốc phòng, tạo thêm nguồn thu tài chính bổ sung cho các nhu cầu thiết yếu, cải thiện đời sống bộ đội và tham gia xây dựng kinh tế đất nước, đặc biệt

Digitized by Google

là tham gia xây dựng kinh tế trên các địa bàn chiến lược. Thực tế, trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương, và quân đội đã tích cực triển khai thực hiện việc này.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ kết hợp quốc phòng với kinh tế, khai thác tiềm năng quốc phòng tham gia xây dựng kinh tế, thì kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu. Để làm tốt hơn, cần quán triệt mấy vấn đề sau đây :

Một là, khai thác tiềm năng quốc phòng, tổ chức cho quân đội tham gia xây dựng kinh tế là sự cần thiết khách quan, không chỉ nhằm giải quyết khó khăn trước mắt, mà còn là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, một vấn đề thuộc về bản chất quân đội ta, kế thừa và phát triển kế sách "ngụ binh ư nông" của cha ông ta (quân đội vừa làm nhiệm vụ giữ nước, vừa tham gia công cuộc dựng nước). Trong tình hình hiện nay, nó thực sự là một nguồn lực quan trọng góp phần thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, một biện pháp quan trọng thực hiện kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng. Nhà nước, các cấp các ngành cần chăm lo khai thác có hiệu quả nguồn lực quan trọng này.

Hai là, khai thác tiềm năng quốc phòng, quân đội tham gia xây dựng kinh tế trước hết vì nhiệm vụ củng cố quốc phòng, không được để ảnh hưởng đến sức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của quân đội và tiềm lực quốc phòng của đất nước ; không được để ảnh hưởng đến bản chất, truyền thống quân đội nhân dân Việt nam. Nó phải nhằm tạo thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật cho quốc phòng, bảo đảm đời sống cho bộ đội, cho sĩ quan và cán bộ công nhân viên quốc phòng bớt khó khăn, góp phần giải quyết chế độ, chính sách và tạo công ăn việc làm cho số quân ra khỏi biên chế, duy trì và phát triển năng lực của các xí nghiệp quốc phòng. Đồng thời, phải tận dụng mọi tiềm năng để làm ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, góp phần làm phồn vinh đất nước.

Ba là, khai thác tiềm năng quốc phòng, quân đội tham gia xây dựng kinh tế phải phấn đấu đạt được kết quả và hiệu quả cao. Kết quả và hiệu quả này phải được xem xét một cách tổng hợp vì lợi ích kinh tế và lợi ích quốc phòng, an ninh và xã hội.

Đối với các xí nghiệp quốc phòng, hiệu quả trước hết biểu hiện ở việc bảo toàn và phát triển năng lực sản xuất và sửa chữa vũ khí, trang bị quân sự, làm cho xí nghiệp đứng vững và vươn lên trong cơ chế thị trường. Ở những đơn vị quân đội làm kinh tế đứng chân trên những địa bàn chiến lược, hiệu quả không thể tính theo lỗ lãi đơn thuần, mà phải xem trong việc tạo nên thế bố trí chiến lược của đất nước về quốc phòng, an ninh và xã hội. Đối với các doanh nghiệp làm kinh tế thông thường, phải lấy hiệu quả kinh tế thực sự làm chính, phải coi sự tồn tại và phát triển thông qua cạnh tranh trên thị trường là một biểu hiện quan trọng của sự cần thiết và tính hiệu quả của các đơn vị này.

Bốn là, quân đội làm kinh tế phải theo cơ chế quản lý kinh tế của nhà nước, nhưng do đặc thù quốc phòng, quân đội có nhiều loại hình làm kinh tế khác nhau, nên cần có cơ chế quản lý phù hợp, quy định rõ những chính sách cụ thể, tạo điều kiện cho các xí nghiệp quốc phòng, các đơn vị quân đội làm kinh tế phát huy hết tính năng động sáng tạo và tiềm năng thế mạnh của mình, nhưng không đi chệch mục tiêu khai thác tiềm năng quốc phòng tham gia xây dựng kinh tế. Bởi vậy, nhà nước, các cấp, các ngành có liên quan cần có chính sách, cơ chế và tạo môi trường thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng quốc phòng để xây dựng kinh tế. Bộ quốc phòng sẽ tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước, các cấp, các ngành có liên quan để xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cụ thể nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả khai thác tiềm năng quốc phòng tham gia xây dựng kinh tế, khai thác mặt mạnh của quân đội nhất là đối với một số đề án lớn như xây dựng các cơ sở hạ tầng quan trọng, các tuyến đường giao thông chiến lược, trồng rừng, khai khẩn đất hoang hóa, trồng cây công nghiệp lâu năm, đánh bắt hải sản và vận tải hàng hóa ở các vùng biển xung yếu...

*

Kết hợp kinh tế với quốc phòng là một chủ trương lớn của Đảng ta, có nội dung phong phú cả về lý luận và thực tiễn. Phát huy kết quả đã đạt được và khắc phục các khuyết điểm, lệch lạc trong thời gian qua, với tinh thần đổi mới, ý thức tự lực, tự cường, nhất là thông qua việc tổng kết thực tiễn, rút ra những kinh nghiệm về mặt này, nhất định chúng ta sẽ có điều kiện tốt hơn để hoàn thành nhiệm vụ, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Digitized by Google

Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của ta

HỒNG HÀ*

I

CHÚNG ta đang sống trong một thế giới đầy biến động. Cục diện quốc tế thay đổi mau lẹ, sâu sắc, nhiều việc không lường trước được. Sự tan rã của Liên xô đã phá vỡ thế cân bằng toàn cầu tồn tại gần nửa thế kỷ nay. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào. Trật tự thế giới cũ không còn, trật tự thế giới mới chưa định hình. Bàn cờ quốc tế đang sắp đặt lại.. Tất cả còn đang diễn biến hết sức phức tạp, đòi hỏi một sự tiếp tục nghiên cứu công phu.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão đang cuốn hút tất cả các nước, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Nhiều thay đổi cơ bản diễn ra trong các lĩnh vực vật liệu, công cụ sản xuất, phương tiện vận tải, năng lượng, phương thức lao động, quản lý sản xuất, khám phá vũ trụ và đáy đại dương. Hầu hết các nước đã chuyển sang cơ chế thị trường và đang hình thành một thị trường toàn thế giới. Không một nước nào có thể tự biệt lập, tự khép kín mà phát triển được. Thông tin quốc tế bùng nổ và chỉ trong nháy mắt tỏa khắp thế giới. Quá trình quốc tế hóa sản xuất vật chất và đời sống xã hội cùng với sự giao lưu quốc tế đang được thúc đẩy hết sức mạnh mẽ... Đấy là cơ hội thuận lợi cho những nước biết cách xử thế và làm ăn để phát triển, nhưng đấy cũng là sự thách thức gay gắt đối với những nước chậm phát triển, có nguy cơ bị tụt hậu rất xa so với sự phát triển chung của thế giới...

"Chiến tranh lạnh" kết thúc, thế giới với hai cực đối đầu không còn, của cải vật chất trên hành tinh này hiện nay tăng với khối lượng chưa từng có trong lịch sử, nhưng *những mâu thuẫn* vốn có của thế giới vẫn còn nguyên đó : mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ; mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất và chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ; mâu thuẫn giữa lao động và tư bản, giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp tư sản ; mâu thuẫn và cạnh tranh giữa các nước tư bản phát triển ; mâu thuẫn giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển ngay trong hệ thống tư bản chủ nghĩa ; mâu thuẫn giữa các nước độc lập dân tộc và đang phát triển với chủ nghĩa đế quốc.

Ngoài ra còn đang nổi lên những mâu thuẫn dân tộc, chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo dẫn đến mất ổn định chính trị, đói kém, xung đột đổ máu, nội chiến ở nhiều nơi. Nguy cơ chiến tranh hủy diệt bị đẩy lùi nhưng nhiều nước lớn chưa từ bỏ chạy đua vũ trang, lại còn làm lái buôn vũ khí đưa đến những lò lửa đang bùng cháy. Chiến tranh cục bộ, xung đột khu vực, bạo loạn và lật đổ xảy ra nhiều hơn, đe dọa hòa bình, an ninh của nhiều dân tộc. Ngay ở Đông Á và Nam Thái bình dương, một khu vực năng động nhất về phát triển kinh tế, cũng chứa đựng nhiều mâu thuẫn và nhân tố có thể gây mất ổn định. Các mâu thuẫn sinh sôi nảy nở, đan xen vào nhau, tác động lẫn nhau. Cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc của nhân dân các nước tiếp tục diễn ra quyết liệt.

Những nước tư bản phát triển nhất cũng đang vấp phải nhiều khó khăn và có những mặt hạn chế, nếu không gọi là cũng đang khủng hoảng. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa vẫn còn trong trái tim hàng triệu người trên quả đất. Đội ngũ những người cách mạng và tiến bộ đang tập hợp lại và bước vào cuộc đấu tranh mới, có nơi giành lại được vị trí đã mất. Tinh thần độc lập tự chủ và ý thức dân tộc của các quốc gia mạnh lên đáng kể.

Trong quan hệ quốc tế ngày nay đang nổi lên *những xu thế chủ yếu* ảnh hưởng nhiều đến chính sách đối ngoại của các nước :

---

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban đối ngoại trung ương

Digitized by Google

Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kiên quyết đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài vì hòa bình độc lập và phát triển.

Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ khác trên thế giới kiên trì chống các thế lực thù địch và phản động, kiên trì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu cho dân sinh, dân chủ, vì một xã hội mới tốt đẹp, một cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc.

Các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình ; giữa các quốc gia nổi lên cuộc cạnh tranh mạnh mẽ về kinh tế, một trong những nhân tố quyết định thành bại và địa vị hơn kém của mỗi nước.

Giữa muôn vàn sự kiện rõ ràng và lắt léo, đơn giản và rắc rối, nhiều việc tưởng chừng không thể hiểu nổi, thế giới vẫn phát triển theo quy luật của nó. Đảng và Nhà nước ta nắm bắt được quy luật vận động, thực trạng và xu thế của tình hình thế giới, có chiến lược và sách lược đúng về đối ngoại, nhất định sẽ tạo được môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới đi tới thành công.

II

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, kiến trúc sư và người thầy của nền ngoại giao Việt nam, đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu về đối ngoại, nhất là ở những tình huống phức tạp nhất. Đấy là sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo đảm lợi ích dân tộc, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, giữ vững nguyên tắc và vận dụng sách lược mềm dẻo, đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết, thêm bạn bớt thù, v.v.. Chúng ta đã và đang vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác đối ngoại ngày nay, theo tinh thần đổi mới, phù hợp với hoàn cảnh mới của thế giới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, trong một thời gian ngắn, công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đã thu được *những kết quả bước đầu rất quan trọng* : đẩy lùi thêm một bước chính sách bao vây, cô lập nước ta của nước ngoài ; tham gia tích cực vào quá trình giải quyết hòa bình vấn đề Cam-pu-chia ; bình thường hóa quan hệ với Trung quốc ; khai thông và tăng cường quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực Đông-Nam Á, phát triển quan hệ với các nước Tây Âu, Bắc Âu, Nhật bản và một số nước phương Tây khác cũng như với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ ; thiết lập quan hệ hợp tác với các nước cộng hòa thuộc Liên xô (cũ), với các nước Đông Âu, Mông cổ ; xúc tiến những cuộc nói chuyện với Mỹ ; tiếp tục đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng và tiến bộ ; củng cố quan hệ với những nước vốn có quan hệ tốt với nước ta ; thu hút được nhiều vốn đầu tư và công nghệ mới từ nước ngoài.

Những thành tựu đối ngoại đó đã tạo cho chúng ta một môi trường quốc tế thuận lợi hơn trước, góp phần bảo đảm cho đất nước ta đứng vững và phát triển giữa phong ba bão táp của thời cuộc quốc tế. Những thành tựu đó có ý nghĩa lớn hơn nếu xem xét đến bối cảnh mà nhân dân ta đã phải trải qua : Liên xô, nước chủ yếu viện trợ và cung cấp thiết bị, vật tư chiến lược cho nước ta, cùng chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu sụp đổ và đất nước ta bị bao vây, cấm vận. Đường lối và những quyết sách đúng, kịp thời về đối ngoại rõ ràng đã tạo thế, thuận lợi và cơ hội cho việc triển khai có hiệu quả các hoạt động đối ngoại, bao gồm kinh tế đối ngoại.

Một trong những bài học quý báu mà chúng ta rút ra được là phải *kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên... Nắm bắt kịp thời những diễn biến mới, những nhân tố mới, những xu hướng mới trong tình hình thế giới, khai thác mọi khả năng dù nhỏ nhất để tập hợp lực lượng, tranh thủ bè bạn là rất cần thiết.

Ở bất cứ thời kỳ nào và trong bất cứ tình huống nào, chúng ta cũng phải lấy sức mạnh dân tộc, sức mạnh bên trong nước ta làm nền tảng và điều kiện tốt cho mọi việc mở rộng quan hệ đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại. Sức mạnh bên trong bao giờ cũng là nhân tố quyết định, sức mạnh bên trong vững vàng thì khi gặp tình huống bên ngoài xê dịch, chuyển động, thay đổi bất lợi cho ta ta vẫn tồn tại, đứng vững và phát triển. Ngay trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, muốn thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài thì phải dựa trên cơ sở huy động tích lũy từ bên trong là chính, bên trong phải mạnh, nếu không vốn đầu tư bên ngoài vào nhiều chỉ tạo ra một sự phồn vinh nhất thời, sau đó là đình trệ và nợ nần chồng chất.

Digitized by Google

Trong thế giới đầy mâu thuẫn, nước ta vừa có *những cơ hội* lớn để mở rộng hợp tác và giao lưu quốc tế, vừa phải đối phó với *những thách thức* to lớn, những khó khăn về nhiều mặt : âm mưu "diễn biến hòa bình" và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, ý đồ của họ áp đặt cho nhân dân ta những mô hình thiên lệch về "nhân quyền", "dân chủ", những tranh chấp và những sự "trả đũa", những nhân tố gây mất ổn định còn nhiều, sức cạnh tranh của ta còn yếu khi chen chân vào thị trường thế giới, những bất trắc của thị trường và những đợt suy thoái, khung hoảng của nền kinh tế thế giới.

Nước ta đã long trọng tuyên bố *chính sách đối thoại* của mình trước toàn thế giới : "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Đấy là tấm lòng chân thành của nhân dân ta.

Chúng ta phải nắm vững và thực hiện tốt nhiệm vụ của chính sách đối ngoại do Đại hội VII của Đảng đề ra là "giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".

Tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại là giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội ; đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng ta có quan hệ.

Vận dụng chiến lược và sách lược trong tình hình quốc tế mới một cách vững vàng, bình tĩnh, tỉnh táo, đúng đắn luôn luôn là một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong công tác đối ngoại. Điều đó càng khó khăn khi phải cân nhắc để xử lý những tình huống và những mối quan hệ cụ thể. Không thể chỉ coi trọng sách lược mềm dẻo mà vi phạm nguyên tắc chiến lược, và cũng không thể chỉ giữ chiến lược, nguyên tắc một cách cứng nhắc mà coi thường sách lược. Mỗi hoạt động đối ngoại phải là sự kết hợp nhuần nhuyễn nguyên tắc và sách lược, mang lại hiệu quả là đạt mục tiêu đã đề ra.

III

Khi xử lý các mối quan hệ đối ngoại, chúng ta cần vận dụng đúng *các phương châm* sau đây :

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, *bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân*.

Lợi ích cao nhất và thiêng liêng nhất của dân tộc ta và cũng là của giai cấp công nhân ta là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của ta, ra sức phát triển nhanh về kinh tế -xã hội, làm cho dân giàu nước mạnh. Công tác đối ngoại phải phục vụ lợi ích đó của dân tộc. Đấy cũng là cách tốt nhất để ta thực hiện chủ nghĩa quốc tế. Công cuộc đổi mới ở Việt nam thành công, một nước Việt nam ổn định và giàu mạnh sẽ là một đóng góp quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, dân chủ và phát triển. Đồng thời ta luôn luôn phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào độc lập dân tộc, phong trào Không liên kết, các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới theo khả năng thực tế của ta và phù hợp với sự chuyển biến của tình hình thế giới.

Trong công tác đối ngoại, chúng ta *giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.*

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường không có nghĩa là khép kín, là biệt lập ; trái lại, đó là điều kiện để mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao uy tín quốc tế của nước nhà. Ta phải luôn luôn là ta, suy nghĩ bằng đầu óc của ta, đi bằng đôi chân của ta, tiến bước trên con đường mà ta đã chọn. Ỷ lại, trông chờ bên ngoài thì bị động, lệ thuộc và sẽ bị thua thiệt nhiều.

Chúng ta chủ trương đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, mở rộng quan hệ với nhiều đối tượng khác nhau : các nước xã hội chủ nghĩa, các nước độc lập dân tộc, các nước tư bản chủ nghĩa, các đảng cộng sản, một số đảng khác, các tổ chức quốc tế... Không vì quan hệ với đối tượng này mà xa lánh đối tượng khác, không làm cho quan hệ giữa các đối tượng trở ngại lẫn nhau mà phải làm cho mối quan hệ với nhiều đối tượng thúc đẩy lẫn nhau ; mở rộng quan hệ đối ngoại trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế..., cả về mặt nhà nước, đảng và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và tổ chức phi chính phủ. Nội dung kinh tế trong

Digitized by Google

hoạt động đối ngoại ngày càng giữ một vị trí hết sức quan trọng. Công tác đối ngoại phải góp phần phát triển nhanh nền kinh tế nước ta, đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tranh thủ vốn, kỹ thuật, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải *theo các nguyên tắc* tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ sản xuất, kinh tế, tài nguyên và an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hóa dân tộc.

Trong quan hệ với các đối tượng trên thế giới cần tính đến những lợi ích trùng hợp và những lợi ích không trùng hợp, thuận lợi và phức tạp, khả năng và giới hạn nhằm đạt hiệu quả cao nhất, tránh sơ hở, nhất là tránh tình huống bất lợi, đồng thời có những cách ứng phó hữu hiệu với các âm mưu thù địch.

Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại về mặt kinh tế nhằm phục vụ phát triển nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tạo thế đứng trên thị trường thế giới và phải đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Chúng ta cần *nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh* trong quan hệ quốc tế.

Thực tiễn cho thấy, giữa các đối tượng trên thế giới quan hệ với nhau thường không phải lúc nào lợi ích cũng trùng hợp nhau và, khi không trùng hợp, mỗi đối tượng tìm cách bảo vệ lợi ích của mình. Vì vậy, trong quan hệ quốc tế với bất cứ đối tượng nào đều có hai mặt hợp tác và đấu tranh. Tùy từng đối tượng, trên từng vấn đề và ở từng thời điểm, mặt hợp tác hoặc mặt đấu tranh nổi lên hơn. Hợp tác một chiều hoặc đấu tranh một chiều đều dẫn đến tình huống thua thiệt, bất lợi. Thúc đẩy hợp tác nhưng vẫn phải đấu tranh dưới hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tượng nhằm bảo vệ lợi ích dân tộc ta, thiết lập các quan hệ bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình. Nhưng đấu tranh là nhằm thúc đẩy hợp tác, tránh sơ hở để bị đẩy vào thế cô lập hoặc gây khiêu khích.

Chúng ta *tích cực tham gia hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.*

Trong tình hình thế giới ngày nay, xu thế hợp tác khu vực đang nổi lên rõ nét. Nền an ninh và sự phát triển của một nước gắn với nền an ninh và sự phát triển của khu vực. Có quan hệ hợp tác với khu vực thì tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước, đồng thời thúc đẩy đa dạng hóa quan hệ với các nước ở các khu vực khác.

Trong sự chuyển biến về kinh tế thế giới hiện nay cũng đang hình thành một xu hướng xây dựng các khối kinh tế theo khu vực. Chúng ta thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trong khu vực, tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài. Điều đó đáp ứng lợi ích cơ bản của dân tộc ta và cũng phù hợp với xu thế chung hiện nay.

Đồng thời, chúng ta mở rộng quan hệ với tất cả các nước ở các khu vực khác, đặc biệt là các nước lớn, các trung tâm kinh tế lớn, những nhân tố ảnh hưởng đến an ninh và phát triển của khu vực và của nước ta.

*

Công tác đối ngoại đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước, với sự tham gia của các đoàn thể nhân dân và các cấp, các ngành, phối hợp chặt chẽ giữa công tác đối ngoại với quốc phòng, an ninh và tư tưởng, tạo nên sức mạnh tổng hợp của mặt trận đối ngoại.

Chính sách đối ngoại rộng mở đòi hỏi chúng ta thống nhất ý chí và hành động trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, không do dự, co mình lại và cũng không tùy tiện, vô kỷ luật. Còn rất nhiều việc cấp bách đặt ra trước mắt chúng ta : mở rộng công tác thông tin ra ngoài nước và tích cực thu thập thông tin kịp thời, chính xác từ ngoài nước ; tăng cường công tác nghiên cứu và dự báo tình hình quốc tế để có chủ trương và quyết sách đúng về đối ngoại, nâng cao chất lượng mọi mặt của các cơ quan đại diện của ta ở nước ngoài. Điều quan trọng bậc nhất là gấp rút đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, có trình độ và bản lĩnh chính trị vững vàng, kiến thức rộng, nghiệp vụ tinh, ngoại ngữ giỏi, đạo đức tốt.

Đất nước đang có thời cơ tốt nhưng cũng đang đứng trước những thách thức và khó khăn hết sức to lớn. Mỗi người chúng ta và toàn dân tộc ta tràn đầy ý chí và quyết tâm làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh, tiến lên sánh vai cùng các nước trên thế giới.

Công tác đối ngoại và toàn thể đội ngũ cán bộ đối ngoại có trách nhiệm vẻ vang góp phần vào việc thực hiện thành công mục tiêu cao cả đó.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ ĐA DẠNG HÓA CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU

TRẦN ĐỨC

CHIẾM hữu là một nhu cầu, nó tồn tại không chỉ trong xã hội loài người mà cả trong giới tự nhiên, trong cây cỏ và cầm thú. Đó là bản năng bảo tồn của mọi sinh vật. Trong giới động vật, sở hữu cá thể xuất hiện khi loài cầm thú vồ được con mồi hoặc chiếm được một chỗ trú giữa núi rừng hoang vu ; còn sở hữu tập thể xuất hiện khi con ong, cái kiến làm thành tổ ong, tổ kiến. Trong xã hội loài người có sở hữu cá thể, sở hữu tập thể, sở hữu toàn dân. Mỗi người trong xã hội đều có nhu cầu chiếm hữu nhằm thỏa mãn bản năng bảo tồn của mình, nói nôm na là để cho mình có thể sống được.

Bản năng chiếm hữu của con người được xã hội hóa trong các tập đoàn người. Ở đây, thay cho sự chiếm hữu, hay nói đúng hơn, đi liền với sự chiếm hữu là quyền sở hữu. Quyền này được quy định thành luật, thích ứng với các thể chế của một xã hội nhất định. Các xã hội rất khác nhau, nên những thể chế pháp lý - kinh tế, được gọi chung là *sở hữu*, ở các xã hội cũng rất khác nhau. Lịch sử loài người cho thấy, do các thể chế xã hội luôn luôn thay đổi, nên quyền sở hữu cũng luôn luôn biến đổi cùng với những tín ngưỡng và tôn giáo, những phong tục và tập quán, những tổ chức gia đình và nhà nước, những chế độ sản xuất và trao đổi mà khoa học và kỹ thuật đã làm cho biến đổi. Lịch sử cũng chứng minh rằng, nếu trong quá khứ, chế độ sở hữu đã biến đổi, thì trong tương lai, nó cũng sẽ biến đổi, và biến đổi theo quy luật, chứ không phải biến đổi theo kiểu bị áp đặt một cách khiên cưỡng.

Trong nhiều thập kỷ, chế độ công hữu hóa tư liệu sản xuất đã được thiết lập như một mục tiêu tự thân. Người ta tin tưởng một cách tuyệt đối rằng, chủ nghĩa xã hội phát triển theo tỷ lệ thuận với chế độ công hữu, diện công hữu càng rộng thì chủ nghĩa xã hội càng nhiều. Các thành phần kinh tế mệnh danh là "xã hội chủ nghĩa" thì được ưu tiên phát triển, trong đó thành phần quốc doanh có vai trò thống trị, còn các thành phần phi xã hội chủ nghĩa thì dần dần bị triệt tiêu. Trên thực tế thành phần quốc doanh là khu vực kém năng động nhất và hiệu quả thấp nhất, trong khi đó các thành phần kinh tế khác, làm ăn có hiệu quả hơn, có nhiều khả năng phát triển hơn thì lại bị hạn chế, vùi dập hoặc cấm đoán. Nghịch lý đó đã đưa tới một hệ quả tất yếu là xã hội trở nên nghèo nàn, các sản phẩm đơn điệu và cuộc sống buồn tẻ. Nhớ lại những năm tháng dưới thời bao cấp do quốc doanh thống trị thị trường, người tiêu dùng thường phải nhận từ cửa hàng mậu dịch những cân gạo hẩm, những thước vải đồng loạt theo tem phiếu ; khách vãng lai khó mà tìm thấy một hàng quà khi có dịp tạt qua một đô thị. Cũng những năm tháng ấy, khi hợp tác xã còn ngự trị ở nông thôn, thì hạt vừng, củ lạc, hạt đỗ trở nên hiếm hoi trên các chợ do kế hoạch sản xuất tập trung của hợp tác xã, không khuyến khích mà có khi còn cấm đoán các hình thức xen canh, gối vụ trên đồng ruộng.

Sau mấy năm đổi mới, hình như có một chiếc đũa thần nào đó đã làm cho đất nước được hồi sinh. Chưa bao giờ lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ và đa dạng như những năm vừa qua. Cũng người nông dân ấy sau khi làm chủ ruộng đồng đã nhạy cảm hơn với những tiến bộ kỹ thuật do chương trình khuyến nông đem đến cho từng nhà, và cũng ngân hàng ấy đã mạnh dạn cho người lao động vay vốn, bất chấp những hàng rào "thế chấp". Cũng người giám đốc ấy, trong cơ chế thị trường đã biết thích nghi với tình hình mới, biết tiếp nhận và xử lý thông tin, am hiểu nghệ thuật marketing, quan tâm tạo dáng công nghiệp đáp ứng

Digitized by Google

thị hiếu của khách hàng. Các phương tiện sản xuất cũng đổi mới xuất phát từ yêu cầu của sản xuất. Con trâu đã từ giã các chuồng tập thể để trở về với hộ nông dân làm "đầu cơ nghiệp" của họ ; công cụ cầm tay và máy móc đủ các loại, các cỡ đã tiếp sức cho người lao động. Các xí nghiệp công nghiệp thay đổi thiết bị, đổi mới dây chuyền để có thể tạo những mặt hàng mới theo sở thích của các khách hàng trong và ngoài nước. Thêm vào đó, do quan hệ buôn bán với nước ngoài mở rộng, nên danh mục hàng hóa ở ta cũng ngày một thêm phong phú.

Sự đa dạng hóa lực lượng sản xuất đã đưa tới sự đa dạng hóa sản phẩm trong mọi lĩnh vực, từ công nghiệp đến nông nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng... Kẹo của xí nghiệp Hải Hà đủ sức cạnh tranh với kẹo ngoại ; kẹo bánh của các tổ hợp và xí nghiệp gia đình cũng tìm cách chiếm lĩnh thị trường nông thôn. Gạo đủ loại, không chỉ trong cửa hàng mậu dịch mà cả ở các chợ vỉa hè, làm vừa lòng những khách hắng khó tính nhất. Các mặt hàng công nghiệp như vại, phích nước, gốm sứ v.v., sau bao lần chao đảo trước sự cạnh tranh khắc nghiệt của hàng ngoại lậu thuế, đã dần dần lấy lại thăng bằng và bắt đầu làm chủ thị trường. Trong xây dựng, phương thức xây dựng và bán nhà của Công ty xây dựng và sửa chữa nhà thuộc Sở nhà đất Hà Nội tỏ ra khá linh hoạt, phù hợp với sở thích của khách, như xây nhà hoàn thiện theo thiết kế của khách, xây nhà thô để người sử dụng tự cải tạo, chỉ xây nhà còn việc cải tạo khu phụ thì để khách hàng tự ý.

Đa dạng hóa lực lượng sản xuất là một trong những cơ sở để đa dạng hóa các quan hệ sở hữu, bởi vì, như chúng ta đều rõ, sở hữu biểu hiện quan hệ xã hội của con người không chỉ đối với riêng tư liệu sản xuất, mà đối với toàn bộ lực lượng sản xuất. Nếu cứ đi theo con đường cũ, tìm cách "thuần nhất hóa" hình thức sở hữu, thì có khác nào triệt tiêu sự phát triển đa dạng của lực lượng sản xuất, làm thiệt hại đến lợi ích của người lao động cũng như của toàn xã hội.

Dựa trên các quan hệ sở hữu, đã hình thành các thành phần kinh tế khác nhau trong một nền kinh tế nhiều thành phần. Đứng đầu bảng là thành phần kinh tế quốc doanh. Lúc bấy giờ, suy nghĩ của chúng ta còn ấu trĩ : chúng ta tin rằng, càng có nhiều cơ sở quốc doanh thì khu vực quốc doanh càng mạnh, tức là mới coi trọng hình thức chứ chưa đi vào nội dung. Nguyên nhân sâu xa có lẽ vì xuất phát từ một chủ nghĩa xã hội *hình thức* chứ chưa phải chủ nghĩa xã hội *khoa học*. Chúng ta đều biết, sự phát triển của kinh tế quốc doanh mang tính lịch sử. Trong giai đoạn hiện nay là thời kỳ đầu công nghiệp hóa, cần có khu vực quốc doanh để xây dựng kết cấu hạ tầng và các ngành then chốt, trong đó có các ngành công nghiệp mới. Về sau, khi chuyển sang chiến lược hướng vào xuất khẩu, thì khu vực quốc doanh sẽ chuyển sang tạo điều kiện cho các ngành sản xuất hàng xuất khẩu, các khu chế biến hàng xuất khẩu. Thời gian gần đây, ở một số nước công nghiệp mới như Nam Triều-tiên, Đài-loan, Xin-ga-po..., kinh tế nhà nước đã rút khỏi các ngành cũ, nhường chỗ cho kinh tế tư nhân, để chuyển sang các ngành công nghiệp nặng như luyện kim, hóa chất... thực hiện chiến lược tăng trưởng kinh tế dựa trên cơ sở khoa học - kỹ thuật cao. Ở các nước Tây Âu, nhà nước đã mạnh dạn dùng các cơ sở quốc doanh để khôi phục những xí nghiệp tư nhân bị tàn phá trong chiến tranh thế giới thứ 2, bằng con đường mua cổ phần hoặc đầu tư, tạo điều kiện cho các xí nghiệp trên trở lại hoạt động bình thường, sau đó nhượng lại cho tư nhân và chuyển sang các lĩnh vực khác. Ở một số nước có nền kinh tế phát triển cao như Thụy-điển, việc xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển công nghệ mới là do tư nhân đảm nhiệm, còn nhà nước thì dựa vào khu vực quốc doanh thực hiện chính sách phúc lợi công cộng, bảo đảm giữ nạn thất nghiệp ở mức thấp nhất thế giới. Rõ ràng, vai trò của khu vực quốc doanh không thể giữ y nguyên trong mọi giai đoạn, mà mỗi giai đoạn cần có sự thay đổi cho phù hợp. Làm như trên là quốc doanh thể hiện vai trò chủ đạo của mình. Ý kiến muốn gạt bỏ khu vực quốc doanh và thay nó bằng khu vực kinh tế tư nhân, cũng không tưởng không kém tư tưởng trước đây muốn quốc doanh hóa tràn lan nền kinh tế.

Khu vực kinh tế tư nhân mới ngày nào còn bị hạn chế, thậm chí có ngành bị cấm kỵ, thì trong quá trình đổi mới, tiềm năng của nó đã bắt đầu được đánh thức. Trên phạm vi cả nước, sự đóng góp của kinh tế tư nhân và ngoài quốc doanh không nhỏ. Khu vực tiểu, thủ công nghiệp (trong đó kinh tế tư nhân chiếm 18%) hiện đóng góp 45% tổng sản lượng công nghiệp ; số lao động làm việc trong khu vực tập thể là 1,7 triệu người và trong khu vực tư nhân

Digitized by Google

là 1 triệu người. Kinh nghiệm các nước trên thế giới cho thấy, so với các khu vực khác, kinh tế tư nhân cho đến nay vẫn là khu vực có tỷ suất hàng hóa cao, thị trường sôi động và hiệu quả kinh tế lớn. Song có phải vì vậy mà vội chủ trương tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế ?

Chúng ta công nhận tư nhân có quyền sở hữu về tư liệu sản xuất bởi điều đó tạo điều kiện cho tư nhân hòa nhập vào nền kinh tế chung và phát huy tiềm năng vốn có. Nhưng cũng nên có cái nhìn thực tế hơn đối với kinh tế tư nhân ở nước ta. Số tư nhân giàu đến mức có thể mua cả hầm mỏ hoặc xí nghiệp của nhà nước còn quá ít, chưa kể số máy móc hiện đại của các xí nghiệp quốc doanh cũng không nhiều. Vì vậy, nếu tư nhân hóa đồng loạt các xí nghiệp quốc doanh không phải không gặp khó khăn. Ngoài ra, cần thấy khu vực ngoài quốc doanh (kể cả tư nhân và tập thể) hiện nay tuy tạo ra 2/3 tổng sản phẩm xã hội, nhưng đóng góp cho nhà nước chỉ khoảng 15 - 17% (nếu tính cả thuế mới được 20%) nguồn thu trong nước. Vì vậy, không nên tô hồng kinh tế tư nhân. Nhưng mặt khác, cũng không nên chỉ thấy nhược điểm của kinh tế tư nhân mà không thấy vai trò tích cực của nó trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Kinh tế tư nhân và kinh tế hộ gia đình nông dân quan hệ chặt chẽ với kinh tế hợp tác xã. Người nước ngoài rất ngạc nhiên khi nghe nói ở nước ta có ý kiến muốn giải thể hợp tác xã. Mấy thập kỷ liền, người nông dân xã viên vì bị sự quản lý gò bó của các ban quản trị hợp tác xã, chịu nhiều hậu quả của tệ tham ô, nên nghe nói đến hợp tác xã là họ nghi ngờ, khác nào con chim một lần bị bắn hụt nay thấy cây cong là sợ. Nhưng khi nghĩ đến đồng vốn ít ỏi của mình, đến những khó khăn về thủy lợi, về sâu bệnh mà riêng mình không tài nào khắc phục nổi, thì chính những xã viên này lại yêu cầu phải có hợp tác xã - tất nhiên là hợp tác xã *kiểu mới* - để làm dịch vụ cho họ.

Trong quá trình đi lên, không thể chỉ có các hình thức tổ chức dựa trên sở hữu nhà nước, tập thể và tư nhân, mà cần có thêm các hình thức khác. *Công ty cổ phần* chính là hình thức tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh ở trình độ cao ; nó không thể hình thành ngay một lúc mà phải có quá trình. Đối với số đông cơ sở quốc doanh, có thể theo quy luật tuần tự (từ thấp đến cao, từ giản đơn đến phức tạp). Đối với những doanh nghiệp nhỏ, bước đầu có thể chuyển sang công ty hợp doanh. Còn đối với một số doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng và điều kiện, thì có thể chuyển ngay thành các công ty vô danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty trách nhiệm vô hạn. Kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới chỉ rõ, đa số các nhà kinh doanh khi lập công ty mới đều thích hình thức *công ty trách nhiệm hữu hạn*, vì nó có một số ưu điểm như : cổ đông không chịu trách nhiệm cá nhân đối với các khoản nợ của công ty ; sự tồn tại của công ty không phụ thuộc vào tên tuổi của cổ đông nào mà chỉ phụ thuộc vào vốn và khả năng trả nợ của công ty ; tổ chức và quản lý công ty tương đối chặt chẽ.

Lợi ích của công ty cổ phần đã rõ, nhưng tại sao việc triển khai loại hình tổ chức này lại có khó khăn ? Phân loại các xí nghiệp quốc doanh hiện nay theo hiệu quả có thể thấy : có đến 70% xí nghiệp làm ăn không có lãi (trong đó 30 - 40% xí nghiệp bị lỗ). Chúng ta có thể thấy ngay : cổ phần của các xí nghiệp làm ăn thua lỗ là không có giá trị, nếu chọn các xí nghiệp này để cổ phần hóa là không thực tế. Mặt khác, với tư cách là chủ sở hữu các xí nghiệp quốc doanh, trước khi bán xí nghiệp là tài sản của mình, nhà nước phải làm cho nó có giá, tạo điều kiện cho nó làm ăn có lãi. Trên thực tế, các xí nghiệp làm ăn thua lỗ một phần quan trọng là do thiết bị, máy móc lạc hậu.

Chúng ta không nên sốt ruột. Trong khi chưa phát triển được công ty cổ phần, thì hãy bằng lòng với những hình thức trung gian rất phong phú như *liên doanh, liên kết đấu thầu, khoán, cho thuê...*

Chúng ta sẽ không hiểu được đầy đủ nội dung của sở hữu nếu không gắn nó với đối tượng sở hữu. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, có sự phát triển của các đối tượng sở hữu, trong đó nổi lên đối tượng sở hữu *chủ đạo*. Nhìn lại quá trình tiến hóa của nhân loại, đối tượng sở hữu chủ đạo đã có những biến đổi lớn lao. Nếu trong thời kỳ chiếm hữu nô lệ, đối tượng sở hữu chủ đạo là *người nô lệ*, thì sang thời kỳ phong kiến, đó là *ruộng đất* ; đến buổi đầu của chủ nghĩa tư bản, trong bối cảnh của cách mạng công nghiệp, thì đó

---

(1) R.Ních-xơn : *Chớp lấy thời cơ*, Nxb Xi-mơn Xớt-xtơ, 12-1991

Digitized by Google

lại là *tư liệu sản xuất* và đặc biệt là *công cụ sản xuất* ; và về sau, đến xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại, thì vị trí độc tôn của sở hữu tư liệu sản xuất đã phải nhường bước cho *sở hữu trí tuệ*. Đây là thời kỳ mà giai cấp tư sản đã bắt đầu có những nhượng bộ nhất định đối với lao động trong việc giải quyết quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất để tập trung vào thông tin và công nghệ, vì đi đôi với sự nổi lên vai trò của đối tượng sở hữu trí tuệ là sự giảm thiểu vai trò của tư liệu sản xuất. Việc chuyển giao công nghệ cũ của các nước tư bản phát triển cho các nước đang phát triển lên tới hàng nghìn tỉ đô la, trong khi bán quyền sở hữu trí tuệ chỉ được mấy chục tỉ đô la. Bên cạnh những đối tượng sở hữu nói trên, còn có những đối tượng sở hữu chỉ thuộc sở hữu nhà nước (như không phận mỗi nước) hoặc chỉ thuộc công hữu quốc tế (như tài nguyên nằm dưới đáy đại dương thuộc vùng biển quốc tế).

Ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, nổi lên hàng đầu là sở hữu tư liệu sản xuất, và nóng bỏng nhất có lẽ là sở hữu ruộng đất. Vai trò của sở hữu trí tuệ tuy chưa nổi bật, nhưng trong quá trình đổi mới, nhất là sau khi mở rộng giao lưu với nhiều nước trên thế giới, thì việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ (như mua bán các giấy phép, bằng sáng chế và bí quyết sản xuất của nước ngoài) được khuyến khích ; sự vận động của sở hữu trí tuệ ở nước ta đang trong giai đoạn manh nha.

Đi đôi với sự vận động của các đối tượng sở hữu là sự đa dạng hóa các lực lượng sản xuất. Điều này lại đòi hỏi phải đa dạng hóa các hình thức sở hữu. Hơn nữa, trong sự vận động của các đối tượng sở hữu, một khi có sự thay đổi vị trí của một đối tượng sở hữu nào đó từ vị trí chủ đạo sang vị trí phụ thuộc, thì đương nhiên các hình thức sở hữu sẽ tồn tại dưới dạng đan xen, vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau. Cũng vì vậy, nền kinh tế nhiều thành phần tồn tại trong một thời đoạn không ngắn mà kéo dài nhiều thập kỷ. Khi một quan hệ sở hữu nào đó trở thành quan hệ thống trị thì các quan hệ sở hữu có trước đó vẫn không bị xóa bỏ.

Theo Các Mác, đa dạng hóa sở hữu thể hiện trên *hai* khía cạnh : *pháp lý*, và *thực hiện sở hữu* (còn gọi là *nội dung kinh tế của sở hữu*). Khía cạnh pháp lý của sở hữu phản ánh nội dung kinh tế của sở hữu. Trong khi nội dung kinh tế của sở hữu luôn luôn thay đổi do sự phát triển của lực lượng sản xuất, thì khía cạnh pháp lý của sở hữu thường tương đối ổn định. Nếu sự thực hiện sở hữu không thay đổi cho phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì quyền sở hữu sẽ bị xâm phạm và lực lượng sản xuất cũng bị kìm hãm. Đó là tình trạng của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây tuy đã thiết lập chế độ công hữu nhưng lại không giải quyết cụ thể vấn đề sở hữu, rút cục, sở hữu toàn dân biến thành sở hữu không phải của ai cả.

Ngược lại, nếu biết giải quyết cụ thể vấn đề sở hữu, biết tách quyền sở hữu với quyền sử dụng, chẳng hạn như giao ruộng đất vẫn thuộc sở hữu toàn dân cho nông dân sử dụng ổn định và lâu dài, thì lại có thể đem lại một sức bật cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đó là điều thực tế đã diễn ra ở nông thôn nước ta sau khi có Nghị quyết 10. Ở các nông trường nước ta, việc đổi mới quản lý trên thực tế đã biến các doanh nghiệp nhà nước thành nơi hội tụ của nhiều thành phần kinh tế, trong đó quan trọng nhất là kinh tế hộ gia đình của nông dân và công nhân. Thời gian đầu, chủ trương giao khoán cho các hộ gia đình đã có một tác dụng nhất định là nâng cao năng suất cây trồng và vật nuôi. Nhưng về sau, việc giao khoán đó vẫn chưa tạo được một chuyển biến căn bản, vì khi nhận khoán, người lao động vẫn nghĩ rằng đất đai, vườn cây, đàn gia súc vẫn là của nông trường, họ chỉ quan tâm khai thác, không chịu đầu tư thâm canh, họ đòi hỏi nhiều vật tư ứng trước nhưng lại tìm cách tuồn sản phẩm ra ngoài. Trước tình hình đó, một số nông trường (như Nông trường cà phê Đ'rao, Xí nghiệp nông công nghiệp chè Long Phú, Nông trường bò sữa Lâm Đồng) đã giao ruộng đất ổn định và lâu dài cho người lao động, bán cho họ công cụ sản xuất, gia súc và vườn cây, cho họ vay tiền để phát triển sản xuất ; chủ trương đó đã được người lao động hưởng ứng mạnh mẽ và đang phát huy hiệu quả tốt. Rõ ràng, cách thực hiện sở hữu của những nông trường làm thử nghiệm, đã mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Từ những thực tế nêu trên, chúng ta thấy : đa dạng hóa sở hữu là đòn bẩy cực kỳ quan trọng, là nguồn dự trữ không thể thiếu trong cơ chế đổi mới quản lý, làm cho nền kinh tế nước ta trở nên phồn vinh.

Digitized by Google

Quyền con người và quyền công dân trong sự phát triển kinh tế - xã hội

HOÀNG VĂN HẢO *

CON người được coi là giá trị cao nhất của xã hội mới, đây là điểm khác về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội và các chế độ khác. Bản chất của chủ nghĩa xã hội là chế độ vì con người, vì sự thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu của con người, trong đó các quyền (quyền con người, quyền công dân) là một bộ phận quan trọng hợp thành hệ thống nhu cầu của con người.

Trong xã hội tư bản hiện đại cũng có sự quan tâm đến con người và quyền con người. Hơn nữa, trên một số lĩnh vực, quyền con người ở đây có thể được thực hiện tốt hơn ở xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực (chẳng hạn, về quyền có việc làm, Nhật bản là nước thực hiện tốt nhất vì có tỷ lệ người thất nghiệp thấp nhất). Nhưng có một sự thực lớn hơn là : trong các nước tư bản vẫn diễn ra những mâu thuẫn gay gắt giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với cộng đồng, và đây là nguyên nhân tiềm ẩn của sự mất ổn định thường xuyên của xã hội tư bản. Nói cách khác, dù ở đây quyền con người có được mở rộng tới mức nhất định, thì con người vẫn không phải là mục tiêu của chế độ tư bản. Quyền con người ở đây chỉ như một phương tiện, một phương thức thỏa hiệp của giai cấp tư sản với các giai cấp và tầng lớp khác trong xã hội nhằm đảm bảo quyền tối cao của nó là quyền thống trị xã hội trong điều kiện mới.

Chủ nghĩa xã hội từ bản chất là vì con người và sự nghiệp giải phóng con người, vì lợi ích và các quyền của con người. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là nhằm khắc phục những hạn chế không thể vượt qua của chủ nghĩa tư bản trong việc giải phóng con người. Vì vậy, về nguyên tắc, xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có khả năng bảo đảm tốt hơn quyền con người. Những vi phạm quyền dân chủ, không bảo đảm quyền con người trong chủ nghĩa xã hội hiện thực, là có thực ; nhưng điều đó không phải từ bản chất của nó. Phương pháp xem xét cần có ở đây là phân tích những hạn chế, những vi phạm quyền con người, do những nhược điểm khuyết tật của cơ chế quản lý được xây dựng trên cơ sở tư duy cũ về chủ nghĩa xã hội.

Trong công cuộc đổi mới ở nước ta, con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội có mục tiêu là vì con người. Nhưng không phải vì con người một cách trừu tượng, mà là vì *quyền* và *lợi ích* của con người. Quyền là một nhân tố trong tổng số nhu cầu đa dạng và phức tạp của con người. Nói chủ nghĩa xã hội, nói công cuộc đổi mới, nói sự phát triển kinh tế - xã hội có mục đích vì con người, không thể không nói đến quyền con người. Quyền con người là nhu cầu chính đáng được nhà nước công nhận, nó mang tính trội, thể hiện đậm nét "tính người" nhất mà sự phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm. Tất nhiên, quyền con người không thể cao hơn mà phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Ở đây, cần làm rõ mối quan hệ giữa mục tiêu và động lực của quyền con người và quyền công dân, khi quyền được xác định là mục tiêu. Điều đó đòi hỏi xã hội và nhà nước phải tạo mọi điều kiện bảo đảm con người được hưởng và thực hiện các quyền của họ. Theo đà phát triển của lực lượng sản xuất, mọi chính sách của nhà nước phải thể hiện và bảo đảm được lợi ích và quyền ở mức độ tương ứng. Nếu được như vậy, con người sẽ từng bước trở thành một thực thể hoạt động tự do, sáng tạo, mọi khả năng tiềm tàng được bộc lộ, cũng có nghĩa nhà nước đã tạo được động lực thực ở con người.

Điều chắc chắn là, không thể khai thác được khía cạnh động lực của quyền con người nếu trước hết không đặt con người và luôn luôn coi con người là mục tiêu. Nếu chỉ khai thác quyền con người ở mặt động lực thuần túy, thì thực chất đó không phải là vì con người, mà chỉ là sử dụng con người như một phương tiện. Đó chính là chỗ khác nhau cơ bản giữa xã hội ta và xã hội tư bản. Trong chừng mực nhất định, đó cũng là sai lầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong những năm qua.

Trong bối cảnh thế giới hiện nay, nhất là sau sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước, có không ít người hoài nghi về mục tiêu con người trong chủ nghĩa xã hội. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải trở lại

---

(*) Phó giáo sư, phó tiến sĩ luật học

Digitized by Google

cội nguồn, tìm hiểu vấn đề con người trong tư tưởng của Mác về chủ nghĩa xã hội.

Tôi cho rằng, tư tưởng "vì con người và giải phóng nhân loại" là cốt lõi trong học thuyết Mác về xã hội, là điểm xuất phát trong cách đặt vấn đề xây dựng một xã hội mới. Tư tưởng đó được Mác diễn tả phong phú trên nhiều lĩnh vực. Chẳng hạn, "dân chủ là xuất phát từ con người", "pháp luật cũng vì con người". Như Mác đã phân tích, theo quy luật khách quan, sự tiến hóa của lịch sử nhân loại sẽ dẫn tới một xã hội mới, xã hội này do những điều kiện khách quan cho phép, có khả năng khắc phục những hạn chế lịch sử mà bản thân xã hội tư bản không thể vượt qua. Hạn chế lớn nhất của xã hội tư bản, như Mác phân tích, là "sự tha hóa" con người do việc tách tư liệu sản xuất khỏi người lao động. Khắc phục giới hạn đó bằng cách nào ? Thừa kế những giá trị nhân đạo truyền thống, nhất là các trào lưu xã hội chủ nghĩa không tưởng hướng tới giải phóng những người lao động nghèo khổ, Mác cho rằng quá trình tự nhiên sẽ phủ định xã hội tư bản. Sự phủ định này không khôi phục lại chế độ tư hữu, *mà khôi phục lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa.* Và : "Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người "[1].

II

Quyền con người và quyền công dân không chỉ là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà còn là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Quyền con người và quyền công dân được xác định trong Hiến pháp, trong luật và thực hiện trong thực tế, khẳng định mức độ giải phóng cá nhân. Giải phóng cá nhân sẽ tạo nên động lực, khơi nguồn cho giải phóng xã hội. Ngược lại, mỗi nấc thang giải phóng xã hội lại tạo ra động lực mới ở mỗi con người, mỗi thế hệ người.

Trong hoạt động của con người, có nhiều nhân tố cấu thành động lực. Trong cơ cấu các nhân tố tạo nên động lực, người ta thường nói nhiều đến nhân tố lợi ích. Đúng, lợi ích (lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị) là nhân tố cơ bản nhất tạo nên động lực thúc đẩy hoạt động của con người, điều đó là đúng trong mọi chế độ xã hội. Thế nhưng, động lực hoạt động ở con người không chỉ là lợi ích. Hơn nữa, trong xã hội có giai cấp, lợi ích của cá nhân, của một tầng lớp, một giai cấp, của dân tộc, quốc gia... ở các cấp độ khác nhau, thường được xác định trong chính sách và pháp luật của nhà nước, nghĩa là được thể hiện dưới dạng quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân. Vì vậy, cơ cấu các nhân tố tạo nên động lực hoạt động của con người rất phức tạp, đa dạng, trong đó có nhu cầu về quyền. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, quyền con người và quyền công dân là một nhân tố cực kỳ quan trọng, nhiều khi trở thành nhân tố trực tiếp tạo ra động lực, trên cả nhân tố lợi ích. Thật vậy, việc đòi hỏi quyền độc lập tự do có thể vươn lên, tạo nên động lực giải phóng dân tộc trong khi lợi ích kinh tế trực tiếp chưa nhiều.

Trong lịch sử xã hội loài người, quyền với tính cách là một nhu cầu độc lập đã tạo ra động lực mạnh mẽ trong hoạt động của con người, đặc biệt thể hiện ở lĩnh vực chống áp bức, xây dựng xã hội công bằng, tự do, bình đẳng (chẳng hạn, quyền làm người, nhu cầu tự do đã thúc đẩy những người nô lệ đứng lên khởi nghĩa lật đổ chế độ chiếm hữu nô lệ ở thời cổ đại). Vấn đề trội lên ở đây là quyền làm người, quyền tự do, chứ chưa phải là lợi ích kinh tế trực tiếp. Cũng như vậy, vì nhân quyền và dân quyền mà các giai cấp và tầng lớp trong xã hội phong kiến đã đứng lên làm cách mạng tư sản dưới những khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái ! Đành rằng, nguyên nhân sâu xa ở đây vẫn là lợi ích, là các quan hệ kinh tế, nhưng động lực trực tiếp ở đây là chống sự chuyên chế hà khắc, nhân tố tạo nên động lực đó là nhu cầu về quyền con người, quyền công dân. Nhờ vậy, cách mạng tư sản đã xóa bỏ được xã hội thần dân, xác lập được xã hội công dân, trong đó con người có quyền và tự do hơn các xã hội khác.

Xét trong phạm vi hẹp, quyền con người và quyền công dân còn là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ nhất định. Quyền tự chủ sản xuất kinh doanh được xác định sau khi nước ta thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới (chế độ khoán trong nông nghiệp, quyền tự chủ của các doanh nghiệp về sở hữu, sử dụng, chuyển nhượng...) đã thực sự thúc đẩy hoạt động của con người. Người lao động yên tâm bỏ vốn, phát triển sản xuất, bộc lộ hết khả năng và tài năng của mình, các tập thể lao động và cả xã hội vận hành như một guồng máy sản xuất và lưu thông tự nhiên, đó là điều mà trước đây trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp không thể có được.

Chính vì vai trò của quyền, giá trị của quyền mà trong tư duy nhân loại cũng như trong lịch sử lập hiến, vấn đề quyền con người và quyền công dân trở thành một trong những nội dung quan trọng nhất của đạo luật cơ bản của nhà nước. Luật về các quyền ở Anh sau cách mạng năm 1689, Tuyên ngôn độc lập và Hiến pháp Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp, Hiến pháp của tất cả các nước, dù ở chế độ xã hội nào (tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa) đều có chế định quyền con người, quyền công dân. Điều

(1) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t I, tr 569.

Digitized by Google

đó phản ánh một thực tế khách quan là quyền con người và quyền công dân luôn luôn được nêu lên như một mục tiêu và đồng thời, như một phương tiện mà các giai cấp cầm quyền quan tâm sử dụng để thúc đẩy xã hội mà họ đại diện phát triển.

Vai trò của các quyền là nhân tố tạo nên động lực còn ở chỗ : phía sau quyền là lợi ích - nhân tố quyết định cuối cùng đối với sự phát triển. Thực hiện và bảo đảm quyền con người và quyền công dân là nhằm đạt tới lợi ích. Thực chất đây là mối quan hệ giữa quyền lực và lợi ích, giữa chính trị và kinh tế. Có quyền mới thực hiện được lợi ích, mới bảo vệ và phát triển được lợi ích.

Dĩ nhiên, vì con người về bản chất là "tổng hòa của các quan hệ xã hội", cho nên quyền con người và quyền công dân chỉ có thể trở thành động lực thực sự trong cơ chế quyền gắn với nghĩa vụ, quyền không tách khỏi nghĩa vụ của công dân. Được hưởng các quyền quy định trong Hiến pháp và pháp luật, công dân đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ của mình trước nhà nước, trước xã hội và những công dân khác. Nếu tách khỏi nghĩa vụ thì quyền con người chỉ dẫn đến những động lực tự phát, con người hành động một cách ích kỷ, không tính đến lợi ích chung. Chỉ gắn với nghĩa vụ, các quyền mới thực sự trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Quyền con người và quyền công dân là nhân tố quan trọng cấu thành mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhưng con người là con người xã hội, cho nên sự giải phóng và phát triển cá nhân gắn liền với sự giải phóng xã hội. Điều đó cũng có nghĩa việc giải phóng cá nhân phải gắn với một chế độ xã hội nhất định, một nhà nước nhất định ; từ đó, trên thực tế hình thành mối quan hệ chồng chéo, phức tạp giữa cá nhân - nhà nước - xã hội. Vì vậy, để quyền con người và quyền công dân thật sự trở thành mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, cần phải tổ chức tốt về mặt xã hội, về chế độ sở hữu, chế độ nhà nước, hệ thống pháp luật.

Kinh nghiệm thực tiễn hơn bảy thập kỷ qua dưới mô hình cũ về chủ nghĩa xã hội đã cho chúng ta những bài học trên lĩnh vực này. Do nhận thức giản đơn, duy ý chí về chủ nghĩa xã hội, đã hình thành một chế độ công hữu "đơn nhất" khi lực lượng sản xuất còn rất thấp, với một cơ chế quản lý chính trị mang tính tập trung quan liêu, nhiều quyền con người và quyền công dân được quy định một cách hình thức, thoát ly điều kiện thực tế. Mặt khác, một bộ phận cán bộ nhà nước thoái hóa biến chất, lạm quyền, lộng quyền, vi phạm nghiêm trọng quyền tự do dân chủ của nhân dân. Rốt cuộc, nhân dân thờ ơ với chính trị, thụ động trong sản xuất. Tình trạng đó bào mòn động lực phát triển kinh tế - xã hội, dẫn tới sự khủng hoảng, bế tắc ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, trên cơ sở phân tích những thành tựu và khuyết tật của chủ nghĩa xã hội hiện thực, Đại hội VI và VII của Đảng đã khẳng định tính tất yếu khách quan của sự nghiệp đổi mới. Đổi mới trước hết là đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội, có quan niệm đúng về xã hội mà chúng ta đang xây dựng là một xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm. Trong xã hội đó, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội ; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân, quyền con người và quyền công dân trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Những tư tưởng cơ bản ấy đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 1992, và lần đầu tiên, quyền con người được ghi thành một điều trong Hiến pháp nước ta.

Việc chuyển hóa quyền con người và quyền công dân thành một động lực thực sự của sự phát triển kinh tế - xã hội, là một quá trình tổ chức tỉ mỉ thể hiện qua các thiết chế nhà nước và xã hội. Ở nước ta hiện nay, điều quan trọng hàng đầu là nhận thức đầy đủ ý nghĩa to lớn và quyết định của việc giải phóng cá nhân trong quá trình giải phóng xã hội, nhất là trong điều kiện chưa qua dân chủ tư sản. Trên thực tế, một thời gian dài chúng ta chưa thấy hết vai trò của cá nhân, chưa coi trọng đúng mức vấn đề giải phóng từng cá nhân. Chúng ta đã làm cách mạng để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, nhưng do nhiều nguyên nhân chúng ta đã không quan tâm đầy đủ đến phát huy quyền tự do cá nhân của con người. Đặc biệt, với chế độ tập trung quan liêu bao cấp, nhà nước thực tế *một mặt* bao cho dân hầu như tất cả (từ ăn, mặc, ở, cho đến đi lại, chữa bệnh, học hành), *mặt khác*, vì tập trung quan liêu, lại cấm đoán và hạn chế họ nhiều mặt. Rốt cuộc, quyền tự do dân chủ trở thành một thứ do nhà nước ban ơn, người dân thụ động chờ đợi được ban phát các quyền. Trong hoàn cảnh như vậy, tính tích cực sáng tạo của con người trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và tinh thần, đương nhiên bị hạn chế.

Kinh nghiệm đổi mới những năm qua đã khẳng định ý nghĩa to lớn của việc mở rộng quyền con người và quyền công dân, của việc giải phóng cá nhân đối với sự nghiệp giải phóng xã hội. Đúng như Ăng-ghen đã từng nhấn mạnh : "Xã hội không thể nào giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho mỗi cá nhân riêng biệt"(2).

---

(2) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t V, tr 414.

Digitized by Google

KIỀM CHẾ VÀ ĐẨY LÙI LẠM PHÁT QUA KÊNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TÀO HỮU PHÙNG*

LẠM phát là nhân tố gây mất ổn định nền kinh tế, thậm chí làm rối loạn toàn bộ các quan hệ kinh tế - xã hội. Nó là mối đe dọa đối với các doanh nghiệp, cản trở các khâu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. Qua bốn năm chống lạm phát, chúng ta đã rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu. Đặc biệt là nắm được bản chất và tính quy luật của lạm phát trong điều kiện nền kinh tế nước ta. Từ đó, đã xây dựng được các phương án chống lạm phát, từng bước đẩy lùi lạm phát xuống mức có thể chấp nhận được.

Trong bài này, tôi muốn trình bày một số giải pháp kiềm chế và đẩy lùi lạm phát qua kênh ngân sách nhà nước.

*

Quan hệ giữa thiếu hụt ngân sách và lạm phát là mối quan hệ nhân quả khá phức tạp. Ngân sách thiếu hụt (thu không đủ chi) và nhà nước phải phát hành tiền để bù đắp là nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu dẫn tới lạm phát. Vì lạm phát chính là quá trình đưa một lượng tiền vào lưu thông mà không có hàng hóa bảo đảm. Thực chất đây là một biện pháp nhằm điều tiết lại thu nhập của toàn xã hội.

Tốc độ lạm phát luôn tỷ lệ thuận với tốc độ phát hành tiền để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước. Ví dụ : phát hành so với tổng số chi ngân sách nhà nước năm 1986 là 23,6% thì lạm phát là 775% ; năm 1988 là 26,4% thì lạm phát là 394% ; năm 1991 là 2,3% thì lạm phát là 68%. Số liệu trên chứng tỏ sự gắn bó hữu cơ giữa thiếu hụt ngân sách nhà nước và lạm phát. Đồng thời cũng nói lên giữa hai phạm trù đó không có sự đồng nhất về nhịp điệu phát triển (tốc độ tăng giá luôn cao hơn tốc độ bội chi ngân sách). Nguyên nhân của tình hình này là do phát hành cho tín dụng, do sự yếu kém trong cơ chế quản lý tiền tệ. Điều nghiêm trọng là khi nhà nước tung "khống" tiền ra lưu thông thì sự cân bằng trong quan hệ hàng hóa - tiền tệ sẽ bị phá vỡ, dẫn đến không thể kiểm soát nổi toàn bộ hệ thống kinh tế - xã hội.

Sự mất giá của đồng tiền sẽ dẫn đến sự giảm sút sức mua của tiền lương và tiền công lao động. Nó cũng làm rối loạn hệ thống thước đo giá trị, tác động nghiêm trọng đến sự vận hành của hệ thống kinh tế. Đặc biệt là kinh tế nhà nước hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa (kiểu "đông cứng") chậm được điều chỉnh. Và khi ấy, ngân sách nhà nước, với tư cách là chủ thể của nhiều mối quan hệ kinh tế - xã hội, phải chịu đựng hậu quả rất nặng nề : giảm thu từ các doanh nghiệp nhà nước (do ăn vào C và do không truy thu thuế kịp đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh), tăng chi cho khối phi sản xuất và các đối tượng xã hội... Đó là chưa kể đến các hiện tượng địa phương, cục bộ, vi phạm kỷ cương, kỷ luật có môi trường phát triển làm trầm trọng thêm sự khó khăn, mất cân đối của ngân sách nhà nước, buộc ngân sách nhà nước phải bội chi thêm. Trong tình thế ấy, nếu không có các biện pháp hữu hiệu để xử lý, sẽ trở lại cái vòng luẩn quẩn : bội chi ngân sách - phát hành - giá tăng - bội chi ngân sách...

Để thực sự kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, cần đổi mới quản lý ngân sách nhà nước và tập trung vào mấy điểm sau đây :

1 - Về thu ngân sách nhà nước

Hoàn thiện các chính sách thu, trong đó đặc biệt coi trọng việc hoàn thiện các bộ luật thuế để thu về thuế trở thành nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Cần tổ chức lại bộ máy thu và cơ chế quản lý thu theo hướng bao quát được hết các đối tượng và tập trung kịp thời vào ngân sách nhà nước. Phấn đấu nâng mức động viên tài chính từ GDP** lên 18 - 20% vào năm 1992 và 22 - 23% vào năm 1995, trong đó động viên từ thuế so với GDP là 16 - 18% năm 1992 và 20 - 22% năm 1995. Chính sách thuế nội địa phải nhằm mục tiêu vừa bồi dưỡng, phát triển nguồn thu, vừa tập trung khai thác triệt để nguồn thu theo nguyên tắc bảo đảm sự phân phối hợp lý giữa người lao động và nhà nước, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng đối với mọi ngành nghề, mọi thành phần kinh tế. Chính sách thuế xuất nhập khẩu, cần khuyến khích xuất khẩu thông qua việc định các thuế suất hợp lý tùy thuộc vào từng mặt hàng trong từng thời kỳ nhất định. Thuế nhập khẩu phải có tác dụng bảo vệ sản xuất trong nước, điều tiết và hướng dẫn nhập khẩu. Cụ thể là áp dụng thuế suất thấp đối với hàng nguyên liệu (có

---

* Giáo sư, tiến sĩ kinh tế, Vụ trưởng Vụ ngân sách, Bộ tài chính

** Gross Domestic Product (tổng sản phẩm quốc nội) là một trong những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô dùng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế và mức sống của một nước so với nước khác trong nền kinh tế thị trường.

Digitized by Google

phân biệt nguyên liệu để sản xuất hàng thiết yếu, nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp), áp dụng thuế suất cao đối với hàng tiêu dùng cao cấp và các mặt hàng trong nước đã sản xuất được.

Trong thực tế, mức tích lũy từ sản xuất của ta nói chung còn thấp, biện pháp chủ yếu để tăng thu là mở rộng diện thu thuế và chống thất thu. Cần đơn giản hóa các luật thuế, nhất là về thuế suất và phương pháp tính thuế. Tổ chức lại công tác thu, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thu đi đôi với việc tăng cường hiệu lực chỉ đạo theo ngành dọc. Xử lý nghiêm mọi hành vi trốn, lậu, khê đọng thuế theo đúng pháp luật hiện hành.

Viện trợ và vay nợ nước ngoài là nguồn vốn rất quan trọng trong ngân sách nhà nước, nhằm tạo ra sự thay đổi về chất trong công nghệ và lực lượng sản xuất, tạo đà cho các biến đổi cơ bản về kinh tế - xã hội. Do đó, cần đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại, công tác vận động tuyên truyền nhằm tranh thủ các nguồn viện trợ. Đồng thời, mở rộng quan hệ và tạo lòng tin với các tổ chức tiền tệ quốc tế, các ngân hàng, các tổ chức chính phủ và tư nhân các nước nhằm thu hút được nhiều vốn vay với điều kiện có lợi nhất về lãi suất, thể thức và thời hạn thanh toán.

Để nguồn vốn này phát huy được hiệu quả, cần quản lý tập trung thống nhất qua ngân sách trung ương. Các địa phương không được phép vay nợ nước ngoài và bảo lãnh cho các doanh nghiệp đi vay. Đối với vay nợ phi chính phủ do các doanh nghiệp thực hiện, họ phải tự chịu trách nhiệm trả nợ, tự tìm kiếm người bảo lãnh có thẩm quyền từ các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

2 - Về quản lý chi ngân sách nhà nước

Trong điều kiện nguồn thu còn rất hạn chế, để giảm bớt bội chi ngân sách, cần sắp xếp lại chi tiêu ngân sách trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả. Mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý chi theo hướng giảm bớt đầu việc và đối tượng chi, trên cơ sở xóa bao cấp, chi đúng, chi đủ cho các đối tượng, mục tiêu cần thiết đã được xác định.

Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản, cần bố trí đầu tư cho các công trình thuộc cơ sở hạ tầng và tài trợ một phần cho các công trình kinh tế có vị trí then chốt trên nguyên tắc bảo đảm thu hồi được vốn từ lãi và khấu hao cơ bản. Thực hiện nghiêm ngặt Quyết định 75/CP ngày 27-3-1991 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc đình chỉ xây dựng các công trình phi sản xuất thuộc khu vực nhà nước, đặc biệt là nhà làm việc, nhà khách, nhà nghỉ.

Đối với chi tiêu dùng thường xuyên, cần thực hiện các mục tiêu về giảm biên chế, sắp xếp lại các tổ chức hành chính, sự nghiệp. Trên cơ sở đó, thực hiện cấp phát theo định biên và định mức thống nhất phù hợp với thực tiễn. Thực hiện phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm", chuyển sang tự trang trải toàn bộ hoặc từng phần đối với các hình thức và tổ chức có thu hoặc có thể thu được.

Để có thể chi đúng, chi đủ và thống nhất chế độ chi tiêu trên cả nước, cần khẩn trương xây dựng lại hệ thống định mức chi, vừa có tính khuôn mẫu lại vừa phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng cấp. Tùy theo các đối tượng chi, định mức có thể được xây dựng theo đầu người, đầu việc, nhưng *chủ yếu là theo số dân*.

Trong quá trình điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế, ngân sách nhà nước cần bố trí một khoản chi thích đáng cho các đối tượng bị đôi ra khỏi biên chế, tăng cường chi sắp xếp lại lao động, bao gồm cả chi chuyển dân đi vùng kinh tế mới. Phấn đấu duy trì mức sống ổn định cho các đối tượng về hưu, mất sức và các đối tượng chính sách khác.

Đối với việc tài trợ cho các doanh nghiệp nhà nước, cần hạn chế đi tới xóa bỏ các khoản bao cấp qua vốn, qua giá, kể cả bao cấp qua tín dụng ngân hàng. Trong các trường hợp cần thiết, nhà nước phải hỗ trợ cho yêu cầu của nền kinh tế, như cấp bù lỗ theo chính sách, trợ giá xuất khẩu, đầu tư xây dựng cơ bản cho những ngành có ảnh hưởng đến quốc kế dân sinh. Trong phạm vi nguồn tài chính thu hồi được từ bán cổ phiếu của các xí nghiệp được cổ phần hóa và bán tài sản của xí nghiệp bị giải thể, sau khi trừ các khoản chi theo chế độ, cần tập trung về một đầu mối. Một trong những biện pháp quan trọng là thực hiện nghiêm ngặt sự kiểm soát của cơ quan tài chính trước, trong và sau khi cấp phát. Kiên quyết xuất toán các khoản chi không có hiệu quả, chi vượt chính sách, chế độ.

3 - Về xử lý thiếu hụt ngân sách nhà nước

a) *Xử lý nguồn bù đắp bằng các biện pháp tích cực không gây lạm phát :*

+ Khai thác triệt để các nguồn vay nợ trong nước thông qua các hình thức vay, trong đó vay dài hạn và trung hạn là chủ yếu. Chú ý mở rộng các loại trái phiếu (như *công trái, chứng chỉ đầu tư, tín phiếu kho bạc...*) với mức lãi suất hợp lý trong quan hệ với tỷ lệ lạm phát. Thực hiện tốt các khoản vay này vừa có ý nghĩa tạo nguồn tài chính, vừa giảm bớt sức ép của tiền trong lưu thông, tạo điều kiện cân đối tiền - hàng nhằm đưa giá cả thị trường về mặt bằng hợp lý.

Digitized by Google

+ Tranh thủ tối đa nguồn vay và viện trợ nước ngoài bằng nhiều biện pháp thu hút vốn ; và quản lý tốt nguồn vốn này.

+ Khẩn trương hình thành và mở rộng các quỹ bảo hiểm vừa nhằm tích cực phòng tránh tai nạn rủi ro, vừa có được nguồn tài chính để cho vay khi ngân sách nhà nước có yêu cầu mà không gây lạm phát.

Trong việc xử lý bằng các biện pháp trên, chúng ta đã có kinh nghiệm tốt của năm 1991. Năm 1991 bội chi ngân sách còn ở mức lớn (chiếm 15% tổng số chi). Nhưng để bù đắp khoản bội chi đó, chúng ta chỉ dựa vào phát hành khoảng 15%, còn 85% số bội chi là dựa vào các biện pháp vừa nêu trên. Chính điều đó đã giữ cho lạm phát dừng ở mức 68% cả năm, trong khi nền kinh tế còn mất cân đối lớn.

b) *Tăng cường và đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng quỹ dự trữ tài chính.*

Kinh nghiệm ở nhiều nước cho thấy, trong tình hình kinh tế - tài chính còn nhiều khó khăn, nhà nước cần có trong tay quỹ dự trữ tài chính mạnh để đủ sức can thiệp vào thị trường khi cần thiết. Cần tăng cường về lượng (vật tư, ngoại tệ, kim khí quý...) và tập trung dự trữ nhà nước về một đầu mối. Mặt khác, cần đổi mới cơ chế sử dụng quỹ dự trữ. Với cơ cấu thích hợp (trong đó ngoại tệ và vàng là chủ yếu) và với lực lượng đủ mạnh, quỹ dự trữ tài chính được đưa ra *trước hết* để bảo vệ và khuyến khích sản xuất (như mua lúa, đạm, đường... trong thời vụ và bán ra ở những thời điểm thích hợp). Bên cạnh đó, quỹ dự trữ cũng được sử dụng để đối phó với các cơn "sốt" xảy ra trên thị trường, dập tắt các hành vi tiêu cực như đầu cơ, tích trữ, phao tin đồn nhảm...

Thực hiện một cách linh hoạt và có hiệu quả quỹ dự trữ tài chính như trên, chính là thể hiện sự "điều khiển vĩ mô" của nhà nước trong kinh tế thị trường. 6 tháng đầu năm nay chính nhờ dùng quỹ dự trữ tài chính tung ngoại tệ và vàng bán công khai trên thị trường với giá ổn định, nhà nước đã "cắt" được cơn sốt cao về vàng và đô la.

c) Hoàn thiện các luật lệ, cơ chế chính sách trong quản lý ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách.

Việc xử lý và điều hành các mối quan hệ trong toàn bộ hệ thống ngân sách nhà nước thông qua các luật lệ và chính sách quản lý ngân sách, đóng vai trò hết sức quan trọng.

Chế độ phân cấp quản lý ngân sách phải bảo đảm tính thống nhất của nền tài chính nhà nước được điều hành trong cả nước theo pháp luật. Chính sách thu và chế độ định mức chi là do trung ương ban hành. Đồng thời, tăng cường trách nhiệm và khuyến khích chính quyền các cấp trong việc quản lý ngân sách nhà nước và nâng cao kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách. Việc xác định thu, chi của từng cấp ngân sách sẽ được quy định trên cơ sở phân định rõ trách nhiệm, quản lý kinh tế và quản lý hành chính của các bộ, các địa phương theo quy định của Hiến pháp và Luật tổ chức chính quyền. Trong điều kiện nguồn thu còn hạn chế, cần tập trung các nguồn thu chủ yếu vào ngân sách trung ương nhằm phát huy sức mạnh của cả nước, đáp ứng các nhiệm vụ chi chiến lược. Đồng thời, tạo nguồn để hỗ trợ các địa phương có khó khăn trong cân đối thu chi, bảo đảm sự phát triển cân đối về kinh tế, văn hóa trên cả nước theo cơ cấu thích hợp.

Về chi, ngân sách trung ương sẽ đảm nhiệm các nhiệm vụ chi trọng yếu và cơ bản như quốc phòng - an ninh, các sự nghiệp kinh tế - văn hóa lớn, các chương trình nhà nước, và cần có sự thống nhất các khoản chi trên cả nước. Đối với ngân sách địa phương, cần sắp xếp thu hẹp nhiệm vụ chi, trong đó chủ yếu là chi cho bộ máy quản lý hành chính ở địa phương, chi cho kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng thuộc phạm vi địa phương quản lý. Trên cơ sở nhiệm vụ chi được xác định, nhà nước để lại cho ngân sách địa phương một số khoản thu ổn định, không điều tiết, đồng thời có chính sách thưởng khuyến khích các địa phương trong việc tăng thu, tiết kiệm chi.

Năm 1992, Chính phủ đã có quyết định sửa đổi một số điểm trong chế độ phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, như xóa đi phần lớn các khoản thu điều tiết giữa các cấp ngân sách, chuyển thêm một số nhiệm vụ chi về ngân sách trung ương, kiện toàn ngân sách cấp xã và thực hiện thí điểm mở rộng việc chuyển ngân sách cấp huyện trở thành đơn vị dự toán.

Đang xây dựng *Luật ngân sách nhà nước* và các văn bản hướng dẫn nhằm hoàn thiện hệ thống luật lệ cơ bản về lập và chấp hành ngân sách nhà nước, trên cơ sở Hiến pháp và Luật tổ chức chính quyền các cấp đã và sắp được ban hành. Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn sẽ quy định cụ thể toàn bộ nội dung và các mối quan hệ trong hoạt động ngân sách nhà nước. Đó là các căn cứ hợp pháp duy nhất để quản lý ngân sách nhà nước, đồng thời cũng là phương tiện để mọi công dân và các tổ chức kinh tế thực hiện nghĩa vụ của mình đối với ngân sách theo đúng Hiến pháp và pháp luật. Trên cơ sở đó, sẽ hạn chế dần các hành vi vi phạm kỷ luật tài chính, chi tiêu sai chế độ chính sách hoặc vượt quá định mức thống nhất của nhà nước, từng bước đưa công tác quản lý tài chính ngân sách vào nền nếp.

Digitized by Google

Những mấu chốt để phát triển kinh tế nhanh

NGUYỄN VĂN PHƯƠNG*

SỰ HÌNH THÀNH KINH TẾ NHANH

Trong những thập kỷ vừa qua loài người liên tiếp đạt được những thành tựu khoa học rực rỡ. Những máy tính tự hành nhanh nhạy hơn người hàng triệu lần, những máy giao nhận tiền tại ngân hàng không cần nhân viên kế toán và kiểm ngân, những máy truyền hình màu, nổi, mùi và vị, những rô-bớt hội thoại được với người bằng những ngôn ngữ thông thường... đã tạo nên những chuyên biến cách mạng cực kỳ sâu sắc trong sản xuất và đời sống. Điều này *một mặt* làm giảm nhẹ sự đối đầu hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai giữa một số nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, *mặt khác* đào sâu thêm hố ngăn cách giữa các nước có nhịp độ phát triển kinh tế và mức sống cao (gọi tắt là các nước *kinh tế nhanh)* với các nước có nhịp độ phát triển kinh tế mà mức sống thấp (gọi tắt là các nước *kinh tế chậm).* Trong tình hình đó, nếu chúng ta muốn thoát khỏi cảnh đói nghèo, đưa đất nước vươn lên mạnh, thì chúng ta phải nhanh chóng đi vào con đường kinh tế nhanh, giúp đỡ các nước cùng phát triển.

NHỮNG ĐÒI HỎI CỦA NỀN KINH TẾ NHANH

Khác với trước đây, nền văn minh tới đây nói chung hay nền kinh tế nhanh nói riêng, đòi hỏi con người (kể cả người quản lý và công nhân) phải có trí tuệ. Kinh tế nhanh đòi hỏi người quản lý phải hết sức nhanh nhạy, chạy đua với thời gian, từ khâu giao tiếp, quyết định đầu tư, đến quyết định sản xuất, dịch vụ, kinh doanh. Vì vậy, cần có thông tin liên lạc nhanh, chính xác và đầy đủ, nhất là thông tin về khoa học và công nghệ, về thị trường và giá cả...

Tại sao kinh tế nhanh lại đòi hỏi như vậy ?

Như chúng ta đều biết, một khi được đưa vào sản xuất và đời sống, tiến bộ khoa học và công nghệ trước hết làm đảo lộn dây chuyền sản xuất, tạo nên dây chuyền công nghệ mới, quy trình kỹ thuật mới, năng suất, chất lượng mới, mặt hàng mới, thương trường mới, những kiểu dịch vụ mới, những nội dung và phương pháp học tập, nghiên cứu và quản lý mới.

Về *thời gian*, kinh tế nhanh đòi hỏi con người phải chạy đua với thời gian. Không ít chiến lược kinh tế của một số nước bị thất bại chỉ vì chiến lược đó thực thi quá chậm. Rất nhiều trường hợp lùi ký hợp đồng có nghĩa là không có hợp đồng, lùi thực thi hợp đồng đã ký là hủy bỏ hợp đồng, thực thi chậm hợp đồng là làm thất bại hợp đồng. Thông thường, nhà quản lý ở các nước kinh tế chậm không hiểu hết ý nghĩa quan trọng của thời gian đối với kinh tế nhanh. Trong kinh tế nhanh, tốc độ ra quyết định của người quản lý cũng quan trọng như tốc độ của sản xuất vậy. Để chống thói quan liêu của người quản lý, người ta đã tìm cách thay việc ra những quyết định liên tục bằng việc ra những quyết định song hành. Lợi ích của việc ra những quyết định song hành là bảo đảm cho cấp dưới có thể ứng phó kịp thời các tình huống theo mục tiêu đã vạch ra.

Về *lao động*, do những tiến bộ khoa học và công nghệ, nhu cầu lao động đối với kinh tế nhanh cũng có những khác biệt. Nhiều dây chuyền công nghệ đã được tự động hóa ; số dây chuyền còn lại thì không những phần lao động trực tiếp giảm đi, mà yêu cầu về chất lượng lao động cũng cao hơn. Hiện tại, kinh tế nhanh đã hạ thấp nhu cầu lao động trực tiếp cho một sản phẩm. Nếu trước đây, sau cách mạng công nghiệp cơ khí, nguồn lao động rẻ ở các nước Á, Phi và Mỹ la tinh là nhân tố quan trọng để hạ giá thành sản phẩm, tăng nhanh lợi nhuận cho các nhà doanh nghiệp phương Tây, thì ngày nay không còn hoàn toàn như vậy nữa. Tại sao vậy ? Vì có thể nguồn lao động rẻ thật đấy, nhưng công việc sản xuất tiến hành quá chậm thì cũng không đáp ứng được nhu cầu thị trường thay đổi từng ngày. Một hợp đồng sản xuất ở các nước kinh tế chậm hiện nay, có thực hiện khẩn trương thì cũng phải mất từ 2 đến 3 tháng (đó là chưa kể đường vận chuyển

* Giảng viên Trường đại học thuỷ lợi

Digitized by Google

vòng vèo), trong khi một hợp đồng tương tự ở các nước kinh tế nhanh có thể hoàn tất trong thời gian chỉ từ 2 đến 3 tuần. Người ta đã tính : việc tiết kiệm lao động hiện nay giỏi lắm cũng chỉ đưa lại khoảng 10% lợi nhuận, trong khi đó nếu tăng nhanh tốc độ sản xuất thì lợi nhuận thu được sẽ cao hơn nhiều. Thực tế còn cho thấy : sản xuất với trang thiết bị hiện đại, công nhân ít nhưng tinh, thì dễ dàng hơn và có hiệu quả hơn là sản xuất với trang thiết bị lạc hậu, công nhân đông nhưng trình độ thấp. Cũng vì vậy, ngày nay, người ta tính nhiều tới việc lợi dụng lao động rẻ với nguyên, nhiên, vật liệu tại chỗ, để sản xuất hàng tiêu thụ tại chỗ.

Về *tài nguyên thiên nhiên*,cũng còn lâu mới có thể hạ thế mạnh của nhiều nước có nguồn tài nguyên chiến lược. Nhưng với kinh tế nhanh, bằng con đường dùng nguyên, nhiên, vật liệu mới, bằng cách tiết kiệm tối đa các nguyên, nhiên, vật liệu thiết yếu, cũng đã giảm được phần nào mức lệ thuộc của kinh tế vào nguồn tài nguyên. Kinh tế nhanh ở Nhật bản là một minh chứng. Chỉ hơn 10 năm (từ 1973 đến 1984), người ta đã tiết kiệm được hơn 60% nguyên, nhiên vật liệu thiết yếu trên một đơn vị sản phẩm. Dầu mỏ hiện nay tuy còn là nguồn năng lượng mang tính chiến lược cao, nhưng cũng đã xuất hiện nhiều nguồn năng lượng mới : địa động năng, quang năng...

Về thông tin, kinh tế nhanh đòi hỏi thông tin đầy đủ, chính xác và nhanh nhạy. Với khả năng viễn thông hiện đại, 1,5 triệu bit/sec vẫn còn bị xem là quá chậm. Kinh tế nhanh đòi hỏi thông tin phải đạt mức 2 đến 3 tỉ bit/sec. Một hợp đồng nghiên cứu giữa 15 nước kinh tế phát triển với Viện Mitsul về viễn thông, vận tải và du lịch (gọi tắt là chương trình 3T) đã được ký kết, trong đó viễn thông được ưu tiên hàng đầu. Tại sao vậy ? Bởi chỉ có thông tin nhanh nhạy mới có thể kịp thời điều chỉnh nền kinh tế, từ phương hướng đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đến tiêu dùng. Chậm thông tin là có thể làm sai lệch hướng sản xuất, làm ứ đọng sản phẩm, và nhiều khi phá vỡ toàn bộ kế hoạch chiến lược. Ngày nay, nhu cầu về sản xuất và đời sống biến đổi từng giờ.

NHỮNG MẤU CHỐT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHANH

Như vậy, kinh tế nhanh khác hẳn với kinh tế chậm về chất, nó đòi hỏi mọi cái phải được giải quyết nhanh. Để có thể giải quyết nhanh, trước hết phải có *tri thức* : tri thức của người quản lý, của người sản xuất, của người kinh doanh, của người dịch vụ và của người tiêu dùng ; nói tóm lại, phải có *tri thức cộng đồng*.

Cũng cần phân biệt *tri thức* với *học thức*, *tri thức cá nhân* với *tri thức cộng đồng*. Nếu học thức là những kiến thức học được nhờ thầy học, nhờ sách vở, kiến thức *sau sách* (sau khi đã có sách về vấn đề đó), thì tri thức là những ứng xử có hiệu quả nhất của con người trước các sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội, tư duy luôn biến đổi theo không gian và thời gian trong sản xuất và đời sống hằng ngày. Như vậy, tri thức vừa có tính kế thừa, kiến thức sau sách, vừa có tính năng động, kiến thức *trước sách*. Nếu học thức là cơ sở để phát triển tri thức, "nhân bất học bất tri lý", thì tri thức cũng là cơ sở giúp cho học thức được tiếp thu nhanh hơn, vững vàng hơn. Nếu học thức đòi hỏi nhiều ở sự cần mẫn, thì tri thức đòi hỏi nhiều ở tính năng động, sáng tạo, ở lòng nhiệt thành và tinh thần dũng cảm nhiều hơn, cho nên cũng có câu nói "nhân hữu học chưa hẳn hữu tri lý" là vậy. Cũng vì những lý do trên mà người ta rất chăm lo tới tri thức, và tìm nhiều con đường đem lại tri thức cho đất nước mình.

Người ta thực hiện "đánh cắp" tri thức, và người đi "đánh cắp" đương nhiên phải có những am hiểu nhất định, phải có tài, và tài này - như có người nói - *còn hơn* cả tri thức "đánh cắp" được. Những nước nghèo thường bị thua thiệt trong lĩnh vực này. Nước ta chẳng hạn, đã bị đánh cắp nhiều công trình khoa học và công nghệ (như công nghệ hố xí hai ngăn, công nghệ sản xuất thuốc sâu cà phê, công nghệ đúc đồng, v.v.).

Người ta còn thực hiện việc mua chuộc ngay những người có nhiều tri thức. Từ thời rất xa xưa, đây vẫn là con đường nhằm làm tăng tri thức. Nhưng những nước có lợi nhất vẫn là những nước giàu. Nhiều báo chí đã nói dòng tri thức đang từ Á - Phi chảy về phương Tây. Trong những năm lộn xộn về chính trị và khó khăn về kinh tế, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây đã mất khá nhiều tri thức với Tây Âu do sự mua chuộc này.

Con đường cơ bản nhất vẫn là *tự trau dồi tri thức* , tri thức cho hôm nay, cho ngày mai và cho nhiều đời sau. Đầu tư cho giáo dục đúng là đầu tư không bao giờ bị lỗ. Nhưng đó là nói khi phương hướng đầu tư đúng. Còn nếu phương hướng đầu tư sai, giáo dục sai lầm, thì chẳng những lỗ, mà còn nguy hại cho nhiều thế hệ sau. Người ta cũng thấy rằng, giáo dục phải mang tính đa dạng, phải mang tính toàn dân, bởi chúng ta cần có tri thức cộng đồng. Để tri thức này nở tốt khi đã có học thức, phải có môi trường tự do cần thiết, người có học thức phải có lòng nhiệt thành và dũng cảm, có tình

Digitized by Google

thương yêu Tổ quốc, thương yêu con người. Người xưa coi "học thầy không tày học bạn", "đi một quãng đàng, học một sáng khôn". Nhưng cái cơ bản là "tiên học lễ, hậu học văn", đây chính là cơ sở để học hữu hiệu. Học kết hợp với hành, cũng là một nguyên lý học để có tri thức. Kinh tế nhanh cũng rất coi trọng một đội ngũ trí thức đồng bộ, bảo đảm sự cân đối giữa tri thức công nghiệp và tri thức nông nghiệp, giữa tri thức nghiên cứu và tri thức sản xuất, dịch vụ đời sống, giữa tri thức quản lý và tri thức công nghệ, văn hóa... Nhiều nước do phương hướng giáo dục sai lệch đã dẫn đến tình trạng : ở các ngành như nấu ăn, chăn nuôi gia súc, sản xuất cơ khí, xây dựng... tìm một công nhân tay nghề cao khó hơn tìm một tiến sĩ, giáo sư. Có những nước ở đó có người *chuyên lao động sản xuất*, có người *chuyên đi học* (học từ nhỏ, qua tuổi thanh niên, trung niên, cho đến già). Tất nhiên, đó không phải là sự chuyên môn hóa, mà là sự sai lầm trong bước đường đi lên.

VIỆT NAM VỚI KINH TẾ NHANH

Nói phát triển kinh tế là một tất yếu, ít ai bàn cãi. Nhưng nói phát triển kinh tế nhanh để đuổi kịp và vượt các nước tiên tiến thì còn lắm ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng, một nước vốn là nước nông nghiệp kém phát triển, thua kém các nước tiên tiến không chỉ ở mức độ đạt được mà cả ở nhịp độ phát triển, thì phấn đấu để giữ nguyên khoảng cách như cũ đã khó, nói chi tới đuổi kịp và vượt các nước tiên tiến. Cách nhận định như vậy là không biện chứng.

Trước hết, phát triển kinh tế nhanh không phải là con đường tĩnh (các nước có điều kiện thiên nhiên và con người khác nhau, không nhất thiết phải như nhau). Con đường đi lên càng không phải là con đường ray trên đó các nước tiên tiến ở phía trước. Cái chính không chỉ ở thời gian và tốc độ, mà còn ở phương hướng đầu tư sản xuất. Nếu phương hướng sai mà tốc độ cao thì sai lệch càng nhiều. Ngày nay, với lượng thông tin chính xác và nhanh nhạy, chúng ta có thể tránh được những sai lầm mà các nước đi trước đã phạm phải. Chúng ta cũng không phải đầu tư nhiều cho nghiên cứu cơ bản, mà có thể chỉ cần nghiên cứu ứng dụng các thành quả khoa học và công nghệ của nhân loại. Cũng vì vậy, mở cửa là tối cần thiết cho các nước kinh tế chậm có thể đi vào kinh tế nhanh.

Chúng ta có khó khăn vì thiếu vật tư và tiền vốn, nhưng lại có thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Nhờ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chúng ta có thể hiện đại hóa nền kinh tế. Vấn đề là ở chỗ đầu tư từ đâu và đầu tư như thế nào ?

Nếu trước đây chừng một phần tư thế kỷ, nhiều quốc gia rất thích kinh tế quy mô lớn, với những nhà máy khổng lồ có thể cho ra đời hàng ngàn sản phẩm một lúc, với những công trình thủy điện công suất hàng chục triệu ki lô oát, thì ngày nay, với kinh tế nhanh, người ta lại thích các công trình quy mô vừa và nhỏ hơn. Nếu trước đây người ta thường chú ý bảo đảm sự bình quân cao về thu nhập, sự dàn đều về công việc, thì ngày nay, với kinh tế nhanh, người ta lại coi trọng năng suất cao, thu nhập cao.

Trước mỗi bước ngoặt của lịch sử thường có sự đảo lộn về trình tự phát triển. Nếu các nước châu Âu phát triển vượt lên trước nhờ công nghiệp cơ khí, thì với công nghiệp điện tử và vi điện tử, từ một quốc gia bị kiệt quệ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật bản đã nhanh chóng vươn lên hàng các nước kinh tế phát triển nhất thế giới. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử kinh tế cho rằng, sự xuất hiện các nước gọi là "con rồng" ở châu Á - Thái bình dương vừa qua và những sự phát triển tới đây cũng tương tự như sự di chuyển các nền văn minh, cả về không gian, thời gian và nội dung của nó, từ sông Nin ở Ai cập đến sông Hằng ở Ấn độ, đến Hoàng hà ở Trung quốc... Điều cơ bản hay mấu chốt của sự phát triển, không hẳn là giàu hay nghèo về tài nguyên (như Nhật bản và các "con rồng" cho thấy). Cái mấu chốt nhất là tri thức, tri thức phù hợp với đất nước, với con người, với thời đại để vươn lên.

Với những suy nghĩ như trên, để đưa đất nước đi vào kinh tế nhanh, xin kiến nghị một số giải pháp như sau :

Thứ nhất, tổng điều tra để kiểm kê lại tài nguyên đất nước, bao gồm tài nguyên *thiên nhiên* (như đất đai, rừng, nước mặn và nước ngầm, khoáng sản rắn và lỏng), tài nguyên *xã hội* (như dân số, trình độ nghề nghiệp), những vật tư, trang thiết bị hiện có trong sản xuất và đời sống. Những thập kỷ vừa qua, nhiều nước châu Âu đã bỏ ra hàng tỉ đô la để tiến hành tổng điều tra. *Tự nhiên, xã hội* và *tư duy* có mối liên hệ *thống nhất*. Chúng ta không thể tư duy đúng, không thể tổ chức xã hội đúng, nếu không nhận định đúng về tự nhiên, về tài nguyên.

Thứ hai, mạnh dạn cải tiến bộ máy quản lý, bao gồm cả quản lý hành chính nhà nước và quản lý sản xuất, kinh doanh. Không thể để tồn tại mãi bộ máy quản lý kém hiệu quả. Các chính sách kinh tế xã hội cũng cần được cải tiến sao cho vừa chặt chẽ vừa mềm dẻo, thích hợp với kinh tế nhanh. Sự không đồng bộ và chồng chéo giữa các chính

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

QUÂN KHU BA KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG TRONG CƠ CHẾ KINH TẾ MỚI

Trung tướng PHẠM VĂN TRÀ *

NẰM giữa đồng bằng châu thổ sông Hồng, quân khu ba gồm nhiều vùng có ý nghĩa chiến lược cả về quân sự và kinh tế - xã hội, có tiềm năng và cơ cấu kinh tế phong phú, đa dạng trên cái nền nông - lâm - ngư nghiệp kết hợp với tiểu, thủ công nghiệp ngày càng phát triển.

Trong mấy năm lại đây, các địa phương dần dần làm quen với cơ chế thị trường, tăng thêm nguồn xuất nhập khẩu, mở rộng hợp tác quốc tế. Nhân dân các tỉnh vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng chất phác cần cù, tích cực năng động, có truyền thống oanh liệt chống ngoại xâm, đóng góp sức người, sức của hết sức to lớn cho cách mạng, cho kháng chiến, ngày nay lại đang vươn lên làm giàu cho quê hương, đất nước, đồng thời bao vệ vững chắc độc lập của nước nhà.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, ở địa bàn quân khu ba cũng đã xuất hiện hiện tượng một số phần tử phản động móc nối, câu kết với các thế lực phản động bên ngoài lôi kéo những kẻ cơ hội, bất mãn trong nhân dân, phổ biến tài liệu, tờ rơi, khẩu hiệu đòi dân chủ hóa, đòi đa nguyên, đa đảng... hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các tỉnh thuộc vùng duyên hải đông bắc, trên tuyến biên giới, cũng có những diễn biến phức tạp về mặt kinh tế và an ninh sau khi mở cửa.

Trước tình hình đó, nhận thức rõ vị trí quan trọng đối với cả nước về chính trị, kinh tế, văn hóa, cũng như về an ninh, quốc phòng, quân khu ba đã có nhiều cố gắng xây dựng các mặt : vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, từng bước phát triển văn hóa, xã hội, góp phần cùng cả nước đập tan âm mưu và hành động phá hoại của các lực lượng thù địch.

Trong 5 năm qua, Thường vụ đảng ủy và Bộ tư lệnh quân khu cùng với cấp ủy và chính quyền địa phương đã nhận thức và giải quyết được một số vấn đề về mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng. Quân khu tiếp tục thực hiện khẩu hiệu truyền thống "làm giàu, đánh thắng". Nhiều việc làm ở quân khu vừa mang lại lợi ích kinh tế cao, vừa có ý nghĩa quốc phòng sâu sắc. Từ thực tế ở quân khu, có thể nêu lên mấy kinh nghiệm bước đầu về kết hợp kinh tế với quốc phòng trong cơ chế kinh tế mới.

1 - *Giữ vững trật tự, an ninh nội địa và biên giới, bảo đảm nhân dân an tâm sản xuất, góp phần làm cho kinh tế địa phương phát triển.*

Quân khu và các địa phương trong quân khu rất coi trọng việc bảo đảm an ninh các mặt, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, làm cho nhân dân an tâm sản xuất, tự lực tự cường, chắt chiu xây dựng cuộc sống, quê hương, do đó mức thu nhập tối thiểu của người dân được ổn định, đời sống ngày được nâng cao, số người làm giàu chính đáng không ngừng tăng lên, kinh tế gia đình phát triển khá, nhiều gia đình trở thành giàu có. Đời sống văn hóa, y tế, giáo dục có những tiến bộ. Tình làng nghĩa xóm theo truyền thống tốt đẹp của dân tộc được khơi dậy ở nhiều nơi. Quân khu cùng với các tỉnh trên địa bàn củng cố và từng bước phát triển thế trận phòng thủ và tiềm lực quốc phòng. Trên địa bàn quân khu, tất cả các tỉnh và thành phố đã tiến hành các cuộc diễn tập thực nghiệm nhằm xây dựng mình thành các đơn vị phòng thủ vững chắc. Gần đây, quân khu và các tỉnh, thành phố đã lần lượt diễn tập theo phương án chống "diễn biến hòa bình", chống bạo loạn và lật

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tư lệnh Quân khu ba

Digitized by Google

đó có sự phối hợp từ ngoài của các lực lượng phản ứng nhanh. Qua diễn tập, quân khu và các tỉnh, thành phố đã đánh giá được kết quả thực tế của quá trình xây dựng khu vực phòng thủ, thấy được khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang trong quân khu, của bộ đội biên phòng, của công an từng địa phương trước mọi tình huống chiến tranh và chống phá của kẻ thù. Đồng thời qua đó cũng rút ra được kinh nghiệm về động viên quân đội và các lực lượng dự bị, động viên nền kinh tế trong tình huống chuyển từ thời bình sang thời chiến, đi đôi với việc củng cố, chấn chỉnh và nâng cao chất lượng xây dựng ba thứ quân (gồm bộ đội thường trực quân khu, bộ đội địa phương tỉnh, huyện, và lực lượng dân quân tự vệ) trong điều kiện mới.

Cùng với việc xây dựng thế trận phòng thủ, thời gian qua quân khu đã kết hợp chặt chẽ với các địa phương thực hiện Chỉ thị 135 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), mở nhiều đợt truy quét bọn tội phạm, các nhóm phản động và các tụ điểm của bọn cướp trên các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt từ Ninh bình, Nam hà, Hải phòng đến tận Móng cái, Quảng ninh. Từ năm 1991 đến năm 1992 trên địa bàn quân khu đã khám phá 4 898 vụ với 6 166 đối tượng, phá 235 ổ, nhóm, băng cướp và 103 tụ điểm, thu nhiều phương tiện gây án cùng 11 tấn thuốc nổ, 35 tấn đồng, 52 tấn mủ cao su, trị giá khoảng 85 tỉ đồng, bước đầu làm trong sạch địa bàn, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

Ở quân khu ba, hằng năm đã trở thành nề nếp tổ chức hội nghị cơ sở chuyên bàn về xây dựng lực lượng bảo vệ an ninh chính trị xã hội, xây dựng cơ sở xã phường vững mạnh. Tham gia hội nghị này, ngoài các đại biểu của lực lượng vũ trang quân khu, còn có các đại biểu của tỉnh, huyện và một số xã trọng điểm, điển hình. Quân khu xác định, xây dựng cơ sở là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt của công tác quốc phòng địa phương. Để chống lại âm mưu phá hoại từ bên trong và từ cơ sở, việc xây dựng cơ sở phải toàn diện, trong đó chú ý *hai khâu cơ bản* : cán bộ và kinh tế. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, một số vụ gây rối và một số "điểm nóng" ở quân khu trong mấy năm qua, đều có nguyên nhân từ hai khâu đó. Cơ sở vững mạnh là nền móng cho chính trị ổn định và kinh tế phát triển. Quân khu đặc biệt quan tâm xây dựng cơ sở vững mạnh ở các thành phố, vùng tôn giáo, vùng núi, biên giới và hải đảo. Cơ sở càng vững mạnh thì kinh tế càng phát triển. Có thể thấy điều đó ở Hải hậu, Xuân thủy (tỉnh Nam hà) ; Kim sơn (tỉnh Ninh bình) ; Hải ninh, Đông triều (tỉnh Quảng ninh) ; Nam thanh (tỉnh Hải hưng) ; Nguyên xá, Đông hưng (tỉnh Thái bình) ; quận Hồng bàng (thành phố Hải phòng) ; và lữ đoàn 513.

Là một trong những địa bàn có đối tượng thuộc diện chính sách lớn nhất nước, quân khu đã kết hợp với các địa phương khẩn trương giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác hậu phương quân đội, đặc biệt là một số vấn đề tồn đọng sau chiến tranh (như tiếp tục xác minh nhiều trường hợp mất tích trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, quản lý và chăm lo các thương binh và gia đình liệt sĩ). Trên địa bàn quân khu có 105 687 thương binh, trong đó thương binh nặng chiếm 1/5, 246 548 liệt sĩ và 245 120 gia đình liệt sĩ. Các địa phương trong quân khu đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ và đoàn hội cựu chiến binh viếng thăm mộ các chiến sĩ quê nhà hy sinh ở các chiến trường được quy tập về nghĩa trang liệt sĩ các nơi từ Quảng trị đến tận các tỉnh miền Đông và Tây Nam bộ. Đã xây dựng được 8 nghĩa trang liệt sĩ và 30 đài tưởng niệm (trong số 70 huyện), 2 022 nghĩa trang xã phường. Đã xây dựng được 299 ngôi nhà tình nghĩa trị giá trên 2 tỉ đồng cho các gia đình liệt sĩ, thương binh nặng, anh hùng quân đội và gia đình có công với cách mạng (riêng quận Hồng bàng thành phố Hải phòng làm 57 nhà). 818 cháu con liệt sĩ, thương binh được sắp xếp đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng hợp tác kinh tế. Với phong trào "đền ơn đáp nghĩa", các tỉnh đã trích ngân sách địa phương trợ cấp thêm cho các gia đình thương binh, liệt sĩ với tổng số tiền hàng triệu đồng, với trên 10 000 sổ tiết kiệm, thấp nhất là 100 ngàn đồng, cao nhất là 1 triệu 500 ngàn đồng (riêng ở tỉnh Thái bình, sổ tiết kiệm được trao cho các gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng). Tuy nhiên, ở địa bàn quân khu ba vẫn còn những "điểm nóng", chủ yếu là những hiện tượng giành giật đất đai ở một số nơi, những tệ nạn xã hội cần được quan tâm giải quyết. Điều đáng chú ý là tại các vùng căn cứ kháng chiến cũ và vùng xa xôi hẻo lánh (như Hòa bình, Quảng ninh), đời sống đồng bào (hầu hết là đồng bào các dân tộc thiểu số) còn rất cực khổ, mức sống rất thấp so với các vùng gần thành thị và đường giao thông.

2 - Tổ chức lại các đơn vị làm kinh tế, từng bước hạch toán và coi trọng hiệu quả.

Thời kỳ còn bao cấp, quân khu có một bộ máy và lực lượng làm kinh tế đông đảo, song hầu như

Digitized by Google

không có hạch toán lỗ lãi, nên hiệu quả kinh tế thấp ; lãng phí và thất thoát khá nhiều nguyên liệu và vật tư ; một số sản phẩm và công trình xây dựng kém chất lượng, giá trị sử dụng không cao ; bộ máy kềnh càng, năng lực chuyên môn thấp. Bước vào cơ chế thị trường, quân khu đã nhanh chóng sắp xếp lại và kiện toàn các đơn vị làm kinh tế, thay thế Cục kinh tế quân khu bằng việc thành lập Tổng công ty sông Hồng (với bốn công ty lớn là Công ty 319 chuyên xây dựng cơ bản, Công ty Duyên hải sản xuất than, Công ty vận tải biển Đông hải, Công ty xuất khẩu) và Đoàn 500 lấn biển Cồn thoi lấy sản xuất là trọng tâm, còn kinh doanh là hỗ trợ. Ngoài ra, có nhà máy xi măng Vạn chánh và hơn 20 xí nghiệp vệ tinh, trong đó có một số xí nghiệp cơ khí, khai thác đá, chế biến gỗ, dịch vụ ở các bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố. Hầu hết các nhà máy, xí nghiệp của quân khu đã đổi mới thiết bị, thay dây chuyền công nghệ mới, do đó hạ được giá thành, nâng cao được chất lượng sản phẩm, giữ được uy tín với khách hàng trong và ngoài nước. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý gọn nhẹ và có chuyên môn sâu, năng động, nhanh chóng xóa bỏ được lối làm ăn kiểu bao cấp, hành chính. Từ khi thành lập các công ty và xí nghiệp đến nay, quân khu chưa phải giải tán đầu mối nào vì làm ăn thua lỗ, trái lại, còn tiếp tục thành lập thêm các xí nghiệp mới để tiếp cận thị trường và khai thác thêm tiềm năng, thế mạnh vốn có. Công ty xây dựng cơ bản 319 và Công ty vận tải biển Đông hải là hai đơn vị kinh tế làm ăn có lãi nhất, lương tháng bình quân đầu người ở đây là từ 200 đến 250 ngàn đồng. Công ty Duyên hải có 4 xí nghiệp than, đây là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của quân khu, việc khai thác và xuất khẩu than hằng năm luôn đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Nhờ đổi mới thiết bị, Xí nghiệp cơ khí 189 chuyên sửa chữa tàu thuyền, xe máy và phương tiện vận chuyển sông biển nhỏ, hiện nay đã có khả năng đóng mới tàu sông pha biển trọng tải 200 tấn, sửa chữa đóng mới xà lan, tàu kéo và các phương tiện xe máy. Nó đã có mối liên hệ chặt chẽ với 2 cơ sở đóng tàu và sửa chữa tàu biển ở Hải phòng. Từ năm 1989 đến năm 1991, các xí nghiệp khai thác than, xí nghiệp xây dựng, kinh doanh dịch vụ vật tư, xí nghiệp sửa chữa và đóng tàu của quân khu đã làm ăn có hiệu quả, sản lượng ngày càng tăng, nộp cho nhà nước và quân khu hàng tỉ đồng.

Nhờ đổi mới tổ chức sản xuất và kinh doanh, quân khu đã có điều kiện bảo đảm gạo ăn cho bộ đội bằng phương thức mới : dùng tàu chở gạo mua từ miền Nam ra, vừa bảo đảm có gạo rẻ, ngon cho bộ đội và một phần cho vùng công nghiệp than, vừa đỡ tốn xăng dầu vận chuyển của các đơn vị, lại vừa có được toàn bộ bao bì.

3 - *Coi trọng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ và tay nghề cho công nhân kỹ thuật để hòa nhập cơ chế thị trường .*

Nói đến làm kinh tế, thì dù là đơn vị kinh tế trong hoặc ngoài quân đội, đều cần đến "vốn", vấn đề cốt lõi của mọi sản xuất, kinh doanh. Việc tạo vốn và sử dụng vốn một cách hiệu quả, có ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn của một công ty hay xí nghiệp. Trong tình hình chưa đủ vốn để đổi mới một cách đồng bộ, toàn diện thiết bị và dây chuyền công nghệ, các đơn vị kinh tế của quân khu đã biết tập trung vào việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tạo khả năng đầu tư và vay vốn, tiến hành đổi mới từng bước và cơ bản quy trình công nghệ, tổ chức lại sản xuất cho phù hợp với nhiệm vụ và quy hoạch lâu dài. Nhà máy xi măng Vạn chánh, Xí nghiệp 189, xí nghiệp cung cấp gạo cho bộ đội... trước sau vẫn giữ được chữ "tín" với khách hàng, chính là nhờ đã phát huy được sáng kiến của đội ngũ cán bộ và công nhân không ngừng cải tiến kỹ thuật thông qua các cuộc hội thảo, sát hạch, thi thợ giỏi.

Qua thực tế làm kinh tế, những người lãnh đạo cơ sở sản xuất không còn bỡ ngỡ như trước, họ ngày càng tích lũy được kinh nghiệm, tỏ ra nhạy bén, năng động hơn, có kiến thức và trình độ nhất định trong quản lý kinh tế, trong quản lý kỹ thuật ngành nghề, dần dần hòa nhập được với cơ chế kinh tế mới. Giám đốc Công ty 319, Công ty Duyên hải, Công ty Đông hải và Công ty xuất khẩu, do nắm được quy luật của cơ chế thị trường, nắm được tính khắc nghiệt trong cạnh tranh, nắm được thông tin kịp thời về thị trường và thị hiếu, đã có được những quyết định đúng đắn trong chỉ đạo hoạt động kinh tế. Việc các đơn vị làm kinh tế hằng năm thu hút một số đáng kể lao động vào làm việc theo hợp đồng, đã góp phần giải quyết vấn đề việc làm, một vấn đề xã hội bức xúc hiện nay, đồng thời qua đó cũng đào tạo cho đất nước một lực lượng lao động có tay nghề, vốn quý đối với quốc phòng trong thời bình cũng như trong thời chiến.

4 - *Cùng các địa phương phát triển mạng lưới giao thông.*

Digitized by Google

Hiểu rõ tầm quan trọng đặc biệt của những con đường đối với sự nghiệp phát triển kinh tế và phục vụ quốc phòng ở địa bàn có ý nghĩa chiến lược này, nhất là ở những vùng rừng núi kinh tế chưa phát triển bao nhiêu, quân khu đã bỏ nhiều công sức sửa chữa, nâng cấp và làm mới nhiều con đường. Đoàn 330 mở đường Kép - Đông triều, Chí linh, Phả lại dài 28 km để vận chuyển những mặt hàng cần thiết cho Nhà máy nhiệt điện Phả lại. Vùng Đông - Bắc Tổ quốc đã có thêm một con đường mang ánh sáng văn hóa và những nhu yếu phẩm tới các dân tộc anh em. Nhiều đơn vị bộ đội tham gia mở những con đường ở bản Sen, đường quanh đảo, mở mới và nâng cấp đường lâm nghiệp, làm công trình thủy lợi Quất đông và Quảng long. Ở Quảng ninh, đường mới mở và đường nâng cấp dài tới 150 km. Đoàn 350 Hải phòng tham gia làm đường Phi liệt, Đình vũ, đảo Cát bà, đường Đồ sơn, với chiều dài 50 km. Có biết những người làm việc trên mặt đường phải chịu mưa, nắng, khí hậu khắc nghiệt và điều kiện sinh hoạt thiếu thốn như thế nào, những người đi trên các con đường mới mở, dài, rộng thuận tiện ở quê hương mình ngày hôm nay, mới thấu hiểu được những gì các chiến sĩ đáng yêu của chúng ta đã phải chịu đựng để mở những con đường ấy.

*

Kế thừa và phát huy những di sản, cơ sở vật chất quý báu trong điều kiện mới, quân khu ba tiếp tục tự khẳng định mình với tinh thần độc lập, tự lực tự cường, mài sắc ý chí chiến đấu, cảnh giác cách mạng, góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang và sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, chống âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ của các thế lực phản động, bảo vệ sự toàn vẹn của Tổ quốc. Phát huy tiềm năng, thế mạnh sẵn có, những kinh nghiệm đã tích lũy, quân khu ba tiếp tục phát triển kinh tế, cải thiện rõ rệt đời sống bộ đội, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang và phát triển kinh tế đất nước. Cùng với các cấp chính quyền địa phương, quân khu sẽ tiếp tục cố gắng tăng cường hơn nữa tiềm lực kinh tế và quốc phòng, bảo đảm mỗi địa phương trong quân khu trở thành một khu vực phòng thủ vững chắc.

NHỮNG MẤU CHỐT...

(Tiếp theo trang 26)

sách và luật pháp về kinh tế xã hội là dấu hiệu cho thấy có sự chưa rõ về mục tiêu và con đường đi lên. Trong kinh tế nhanh, yếu tố quan trọng là *mở cửa*, mở cửa để tăng cường hợp tác kinh tế với nước ngoài, tăng cường hợp tác kinh tế giữa các đơn vị trong nước. Nhưng cái cũng không kém phần quan trọng là *mở cửa tâm hồn*, giữa mỗi con người chúng ta với nhau. Cởi mở tâm hồn, tự do bày tỏ ý kiến, là cơ sở cho sự tin tưởng lẫn nhau.

Thứ ba, mạnh dạn cải cách việc trau dồi tri thức, mà nội dung chính là thực hiện tốt cải cách giáo dục. Đã đến lúc cần xem lại nội dung chương trình và phương pháp dạy và học, có nặng quá không ? Đúng là chúng ta còn thiếu nhiều người có học thức cao, còn quá ít các giáo sư tiến sĩ. Nhưng thiếu hơn cả vẫn là những người trực tiếp sản xuất, nhất là những người có tay nghề cao trong các ngành như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... Con người vốn rất nhanh nhạy về quyền lợi. Vậy nếu việc gì ít người tự nguyện làm (chẳng hạn như làm công nhân lâm nghiệp, công nhân nông nghiệp, làm giáo viên phổ thông cơ sở...) thì đó chính là vì việc ấy chưa được đãi ngộ tương xứng với lao động đã bỏ ra. Vì sao phong trào tự học, phong trào cần gì học nấy, phong trào vừa làm vừa tự học có sự giảm sút ? Phải chăng vì chúng ta còn quá coi trọng bằng cấp, chưa có cách nào khuyến khích đúng mức những hình thức học tập đa dạng này ?

Kinh tế nhanh cũng khuyến khích thu nhận tri thức nhập ngoại, nhà nước đã cho du học theo nhiều hình thức. Nhưng để thu nhận nhanh với diện rộng, theo tôi, nên tăng cường hình thức *du học tại chỗ*, mời người nước ngoài tới nước ta giảng theo đúng nội dung chương trình và phương pháp của họ. Như vậy vừa tốn kém ít, người học được nhiều hơn, lại có sự đua tranh với các cơ sở giáo dục và đào tạo trong nước. Chúng ta cũng có thể tăng cường hình thức gửi người đi vừa học vừa làm, lấy công để học, không tốn kinh phí nhà nước mà lại học được nhanh, không bị lạc hậu, nhờ nắm kiến thức không chỉ sau sách mà cả trước sách. Chúng ta cũng cần đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ, nhưng vì là nước nghèo, đi sau thiên hạ, nên chăng chú ý nhiều hơn việc nghiên cứu ứng dụng, để thừa hưởng những tiến bộ của nước ngoài.

Digitized by Google

CÓ THỂ KHẮC PHỤC ĐƯỢC TỆ THAM NHŨNG KHÔNG ?

LÊ VĂN CƯƠNG *

NHỮNG năm gần đây, nhất là từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp chống tham nhũng, và đã tập trung không ít công sức để giải quyết vấn đề này. Trên một số lĩnh vực chúng ta cũng đã thu được những kết quả không nhỏ. Nhưng dù sao những kết quả đó vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ; tệ tham nhũng không những chưa ngăn chặn được, mà còn có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn, làm cho đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân lo lắng, bất bình. Không ít người nghi ngại, băn khoăn liệu có chống được tệ tham nhũng không ?

Ai cũng biết chống tham nhũng là vấn đề rất khó khăn, phức tạp, bởi nó đụng chạm tới quyền lợi, bổng lộc, chức tước của không ít người, nó phải đương đầu với sự chống đối quyết liệt của những thế lực không nhỏ trong xã hội, nhất là của những người vi phạm có chức có quyền, có tiền, có thế. Nhưng dẫu sao tôi vẫn tin rằng chúng ta có thể từng bước ngăn chặn, đẩy lùi, khắc phục được tệ tham nhũng. Niềm tin đó không phải là duy ý chí mà nó dựa trên những căn cứ sau đây :

Một là, *Đảng đã "bật đèn xanh", đề ra nhiều biện pháp đồng bộ chống tham nhũng, coi đấu tranh chống tham nhũng là nhiệm vụ bức thiết làm trong sạch Đảng, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.*

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) chỉ rõ : "Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu rất nghiêm trọng đang là nguy cơ đục ruỗng Đảng ta... Tệ nạn tham nhũng vẫn đang lan tràn, gây nhức nhối và bất bình trong xã hội". Vì thế để giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, Đảng nhất thiết phải làm trong sạch đội ngũ của mình, đảm bảo cho đảng thực sự vững mạnh. Đảng coi việc chống tham nhũng, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, sự thoái hóa biến chất của đảng viên là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Đảng ta nhận định khách quan rằng : "Cho đến nay, tuy có một bộ phận đảng viên thoái hóa, hư hỏng, một số kém tác dụng, nhưng số đông đảng viên mà nòng cốt là đội ngũ cán bộ chủ chốt từ trung ương đến cơ sở vẫn giữ vững phẩm chất chính trị, nhất trí với quan điểm, đường lối của Đảng, có tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện các nghị quyết của Đảng" (1). Đội ngũ cán bộ, đảng viên kiên trung đó là sức mạnh bảo đảm cho quá trình đấu tranh loại bỏ những phần tử thoái hóa biến chất, bảo vệ sự trong sạch của Đảng. Đảng ta kiên quyết đấu tranh với những kẻ lợi dụng Đảng, nhân danh Đảng và Nhà nước để mưu cầu lợi ích cá nhân. Mặc dù so với toàn bộ tổ chức của đảng, số này không nhiều nhưng nó đục khoét, gây nên những bệnh hoạn làm suy yếu cơ thể Đảng. Sự quyết tâm của Đảng thể hiện bằng những chủ trương cụ thể về công tác xây dựng đảng, công tác tổ chức vận động quần chúng, và đặc biệt là các chủ trương, biện pháp củng cố bộ máy nhà nước, làm trong sạch đảng, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Thời gian qua Đảng đã xử lý đưa ra khỏi đảng và thi hành kỷ luật không ít cán bộ, đảng viên. Đảng yêu cầu cơ quan pháp luật xét xử nghiêm minh cả những cán bộ cao cấp khi vi phạm pháp luật. Trong đảng liên tục có những cuộc chỉnh đốn nâng cao chất lượng đảng viên. Đảng kêu gọi nhân dân tham gia xây dựng Đảng bằng việc góp ý, tố giác những đảng viên vi phạm pháp luật, tham ô lãng phí, buôn lậu ăn hối lộ v.v. để các cơ quan có trách nhiệm xử lý.

Hai là, *Nhà nước đã hạ quyết tâm chống tham nhũng, tăng cường hiệu lực quản lý, lập lại trật tự kỷ cương*. Mới đây nhất, tại phiên họp Chính phủ

*Bộ nội vụ

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 47.

Digitized by Google

ngày 17-10-1992, Thủ tướng Võ Văn Kiệt nêu rõ : "Tham nhũng là thách thức số một, là yếu tố kìm hãm lớn nhất đối với hiệu lực quản lý của nhà nước". Lần đầu tiên trong 47 năm qua, Chính phủ thừa nhận : "Tình hình tham nhũng, buôn lậu ở nước ta hiện nay rất nghiêm trọng, đã là "quốc nạn", là "nội xâm". Nếu tệ tham nhũng, buôn lậu và tiêu pha lãng phí tiếp tục lan tràn, phổ biến như hiện nay, thì dù ta có cố gắng đến đâu, tài sản của nhà nước vẫn sẽ tiếp tục mất mát, người tốt việc tốt không phát huy được, niềm tin tiếp tục giảm sút". Thủ tướng khẳng định : Đẩy lùi một bước quan trọng tệ tham nhũng là đòi hỏi bức thiết của cuộc sống, làm chuyển biến đất nước từ "tình hình đặc biệt như hiện nay" sang trạng thái bình thường, làm bớt đi nỗi nhức nhối xã hội, nỗi bất bình trong các tầng lớp nhân dân. Có như vậy, chúng ta mới làm được nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Để chống tham nhũng có hiệu quả Chính phủ quyết định sẽ trình Quốc hội dự án luật chống tham nhũng và thành lập tòa án đặc biệt để xét xử các tội phạm tham nhũng ; đồng thời sẽ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều trong bộ luật hình sự cho phù hợp với yêu cầu chống tham nhũng hiện nay. Thủ tướng yêu cầu những người đứng đầu các ngành, các địa phương, các cơ quan từ trung ương trở xuống phải chịu trách nhiệm chính trong cuộc đấu tranh này.

Ba là, *có sự đồng tình ủng hộ của nhân dân.*

Nhân dân là người làm ra mọi của cải xã hội, nhưng cuộc sống hiện tại đang khó khăn thiếu thốn. Trong khi đó một tầng lớp người lợi dụng chức quyền, lợi dụng sơ hở trong cơ chế chính sách của nhà nước để tham nhũng, buôn lậu, vơ vét của cải và những khoản tiền lớn, sống phè phỡn, xa hoa, tiêu xài phung phí. Họ móc nối với nhau dùng tiền, dùng quyền để làm ăn phi pháp, ngang nhiên thách thức pháp luật, thách thức công luận.

Nhân dân không thể ngồi nhìn bọn sâu mọt phá hoại đảng, đục khoét nhà nước, bóc lột nhân dân, gây rối loạn xã hội. Vì lợi ích của mình, để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, nhân dân kiên quyết đấu tranh và yêu cầu Đảng, Nhà nước xử lý nghiêm minh những kẻ tham nhũng, buôn lậu. Nhân dân ngày càng hiểu rõ quyền và nghĩa vụ làm chủ đất nước của mình. Một mặt nhân dân kiên quyết chống tham nhũng, mặt khác thường xuyên góp ý xây dựng Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, bảo vệ lợi ích của nhân dân. Sự đồng tình ủng hộ của nhân dân là sức mạnh và điều kiện có ý nghĩa quyết định.

*

Sự thống nhất ý chí của Đảng, quyết tâm của Nhà nước và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân là những điều kiện cơ bản và quan trọng của cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nhưng từ những ý chí, quyết tâm ấy phải thông qua các biện pháp cụ thể, sáng tạo mới có thể chống tham nhũng có kết quả.

Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và của Nhà nước đã nêu ra không ít biện pháp, và những biện pháp ấy không phải không trúng. Nhưng vì sao việc chống tham nhũng vẫn rất khó khăn ? Theo tôi, đó là do việc chỉ đạo thực hiện không kiên quyết, thiếu mạnh mẽ và đồng bộ, không có trọng tâm trọng điểm... Chúng ta đều biết rằng, tham nhũng là hiện tượng xã hội, có tính lịch sử và luôn luôn gắn với sự tồn tại của nhà nước. Quan liêu, tham nhũng là sự "tha hóa" của nhà nước, do một số ít người hư hỏng trong bộ máy nhà nước làm vênh méo quyền lực của bộ máy ấy, câu kết móc ngoặc với bọn xấu bên ngoài, lợi dụng sơ hở để tham nhũng. Tham nhũng nảy sinh từ lòng tham, sự ham muốn lợi ích cá nhân nên nó không có giới hạn ; nó có sức hấp dẫn, lôi kéo, cám dỗ và giục giã những người có điều kiện bị tha hóa tìm mọi cách để thực hiện mầu tham. Tham nhũng thường đi liền với hối lộ, buôn lậu, lừa đảo, và bản thân nó vốn rất tinh vi, xảo quyệt, đôi khi rất tàn bạo. Giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, lôi kéo nhau và ảnh hưởng chi phối lẫn nhau.

Sự gắn bó chặt chẽ bởi lợi ích kinh tế trong những mối quan hệ chằng chịt ấy ở nhiều người, nhiều khâu, rất tinh vi và phức tạp. Cho nên chống tham nhũng không thể đơn giản. Vả chăng, hành vi tham nhũng lại thường nảy sinh ở những kẻ có chức quyền, có thế lực. Chúng lôi kéo, móc ngoặc với nhiều người ở nhiều cấp, nhiều ngành, và dùng quyền lực, tiền tài để khống chế cho nên rất có sức mạnh. Chúng còn tìm mọi cách để trốn tránh các cơ quan bảo vệ pháp luật. Chúng tìm ô dù che chắn, tạo đường dây hợp thức hóa việc moi tài sản của nhà nước v.v.. Vì vậy, nếu chúng ta chống tham

Digitized by Google

những chỉ bằng những biện pháp đơn lẻ, thiếu đồng bộ, "đánh trống bỏ dùi", "đầu voi đuôi chuột" thì sẽ không có hiệu quả.

Trong các biện pháp đồng bộ có cả những biện pháp cấp bách trước mắt và những việc làm lâu dài, có cả việc xử lý tức thời và việc giải quyết căn bản từ gốc... Tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh một số biện pháp cơ bản. Đó là việc sắp xếp, bố trí và quản lý cán bộ, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ ; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kịp thời "thổi còi" nhắc nhở những người vi phạm, không để sự việc xảy ra mới giải quyết ; củng cố nâng cao vai trò các cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, tòa án, thuế vụ, thanh tra và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan này hoạt động ; kết hợp chặt chẽ công tác giáo dục phòng ngừa với phát hiện, điều tra, xử lý ; sửa đổi và ban bố kịp thời những chính sách, những quy định đảm bảo tính chặt chẽ pháp quy để bịt "lỗ rò" ngay từ gốc ; quy định rõ chức trách người đứng đầu các ngành, các tỉnh, các cơ quan, các địa phương trong việc đấu tranh chống tham nhũng ; có kế hoạch và hình thức thiết thực tập hợp, phát động nhân dân chống tham nhũng, mọi người đều tham gia đấu tranh chống tham nhũng, tạo môi trường lành mạnh khiến bọn sâu mọt không còn đất sống... Chỉ có tiến hành đồng bộ, tạo sức mạnh tổng hợp như vậy thì việc chống tham nhũng mới có hiệu quả.

Tuy nhiên, trong hệ thống các biện pháp đồng bộ ấy, tùy lúc, tùy nơi, lại phải biết chọn những khâu trọng tâm, trọng điểm. Tôi cho rằng, trong tình hình hiện nay, chúng ta phải *hết sức chú trọng công tác xét xử, coi đây là khâu có ý nghĩa đột phá* quyết định.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ : "Cần khắc phục ngay tình trạng rất không bình thường hiện nay như số vụ đưa ra truy tố chiếm tỷ lệ thấp trong số vụ phát hiện, nhiều khi chỉ xử lý nội bộ. Số vụ án được xử lý chiếm tỷ lệ thấp trong số vụ án được truy tố, có mức án quá nhẹ, mà số án treo cũng khá lớn. Lại có những vụ án tuyên phạt rồi mà không thi hành. v.v.. Tình trạng này đã làm giảm uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật, gây nên sự công phẫn chính đáng của các tầng lớp nhân dân"[(2)]. Báo *Nhân dân* ngày 25-10-1992 cho biết số vụ xét xử mới chiếm không quá 20% số vụ đã phát hiện. Hình phạt xử lại thấp hơn cả khung hình phạt : tù giam lại cho án treo ; đáng đưa ra tòa lại xử lý nội bộ ; nhiều kẻ đáng tội phải truy tố mà không xử v.v.. Xử lý không nghiêm cũng thể hiện ở việc thu hồi tài sản. Sau một năm rưỡi thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ), sơ bộ thống kê tài sản bị thất thoát khoảng 1750 tỷ đồng mới thu hồi được 26% ; 37 triệu đô la mới thu hồi được 30%. 2235 lạng vàng mới thu được 5% ; 36 360 tấn thóc mới thu được 60%. Thậm chí có ngành chỉ thu được 0,4% ; có tỉnh, thành phố mới thu được 0,02% số tài sản bị chiếm đoạt.

Chính việc xử lý không nghiêm đã làm cho bọn tham nhũng coi thường phép nước, thao túng các cơ quan pháp luật, nhân dân mất lòng tin, xã hội không còn giữ được kỷ cương, trật tự.

Xử lý nghiêm minh, công khai, đi liền với thu hồi tài sản là biện pháp có hiệu quả chống bọn tội phạm, răn đe ngăn chặn bọn xấu lao vào tội lỗi. Phải dùng kinh tế để đấu tranh với bọn tham nhũng, nếu không có kẻ sẽ sẵn sàng tham nhũng hàng trăm triệu, hàng tỉ đồng, chịu đi tù vài năm để sau được sống ung dung phè phỡn.

Xử lý nghiêm minh còn là một biện pháp chọc thủng ô dù, lôi ô dù ra ánh sáng công lý, làm trong sạch bộ máy nhà nước. Phải coi ô dù, bao che là đồng lõa với tham nhũng và cũng phải trừng trị nghiêm khắc. Làm như vậy là hợp lòng dân, kẻ thù không thể lợi dụng nói xấu Đảng và Nhà nước ta được. Đảng lại càng phải gương mẫu, kiên quyết xử lý kỷ luật nghiêm đối với cán bộ đảng viên phạm tội.

Hiện nay nhân dân đang tha thiết mong mỏi Đảng và Nhà nước ta có biện pháp kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng đến cùng, và đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải thực sự gương mẫu đi đầu trong cuộc đấu tranh này, nhằm tẩy rửa bằng được những rác rưởi, loại bỏ những con sâu mọt, chữa khỏi chứng bệnh "nan y" để cơ thể xã hội lành mạnh, cường tráng.

---

(2) Phát biểu của Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong phiên họp Chính phủ ngày 17-10-1992

Digitized by Google

Góp thêm ý kiến về chống tham nhũng

NGUYỄN NGỌC *

Có thể nói mà không sợ sai rằng từ xưa tới nay, đất nước nào, nơi nào cũng có tham nhũng và buôn lậu dưới nhiều hình thức khác nhau. Ở nước ta, thời đại nào cũng có. Nhưng không phải lúc nào nó cũng nghiêm trọng đến mức trở thành "thách thức số một", một "quốc nạn" như nhiều người nói. Rõ ràng, chống tham nhũng và buôn lậu là vấn đề vừa cấp bách nóng bỏng, vừa cơ bản lâu dài.

Theo tôi, *về bản chất, tham nhũng là mua và bán quyền thế, vì lợi ích riêng mà đi ngược lại, thậm chí phá hoại lợi ích chung*. Kẻ không có quyền thế nhưng có nhiều tiền của, muốn được một việc riêng ngoài luật lệ, phải mua chữ ký hoặc sự đồng tình của người có quyền thế. Kẻ có quyền hoặc có thế (cái thế cũng quan trọng không kém cái quyền, đôi khi còn lấn lướt cả quyền), lợi dụng quyền hoặc thế của mình mà phê duyệt hoặc đồng tình với một việc trái với luật lệ và quy định, để được "đền ơn thỏa đáng". Việc mua bán này có thể trực tiếp giữa người mua và người bán hoặc qua một số môi giới trung gian. Xuất phát của nó thường là từ yêu cầu của người mua có nhiều tiền của, nên người mua thường là chủ mưu trong các vụ tham nhũng.

Tác hại của nó là đục khoét của công và làm hư hỏng một bộ phận cán bộ, nhân viên trong bộ máy nhà nước, đồng thời tạo nên một lớp người làm giàu bằng những thủ đoạn bất chính, làm mất lòng tin của người dân đối với sự công bằng của chế độ và sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật.

Tham nhũng là một tệ nạn khó trị và dai dẳng. Người ta cho rằng, trong một xã hội còn có một số người nhiều quyền thế, thì còn việc mua và bán quyền thế, và tất nhiên còn tham nhũng. Vì đặc quyền thường sinh đặc lợi. Chả thế mà tác giả Ngô Thừa Ân trong truyện *Tây du ký* nổi tiếng đã cố ý đưa ra một vụ tham nhũng ngay ở cõi Phật. Một nơi mà ai cũng cho là trong sạch nhất, vẫn còn trường hợp cá biệt như thế đó !

Còn *buôn lậu thực chất là mua và bán hàng cấm hoặc mua và bán trốn thuế*. Ở đây thông thường là mua và bán qua nhiền nấc, nhiều tầng, dù là hàng nhập hay hàng xuất. Điều này làm nảy sinh một lớp người trong xã hội sống nhờ vào buôn lậu. Cuối cùng, hàng lậu khi đã đến tay người tiêu dùng, thì không dễ gì nhận ra là hàng lậu nữa. Hàng lậu trốn thuế thường là rẻ hơn hàng thông thường cùng loại. Mà tâm lý người tiêu thụ thì ai chẳng muốn mua hàng rẻ. Giữa hai món hàng tương đương, ai lại mua thứ đắt. Chính vì vậy mà hàng lậu cạnh tranh gay gắt với hàng sản xuất hoặc buôn bán trong nước, cản trở sự phát triển, thậm chí có lúc làm suy sụp nền công nghiệp, tiểu thủ công và thương nghiệp nước nhà.

Tham nhũng và buôn lậu thường ngoặc với nhau. Kẻ buôn lậu bằng mọi giá cố tìm chỗ dựa ở người có quyền thế để tiếp tục buôn lậu và làm giàu. Người có quyền thế mà thiếu phẩm chất thì dễ bị mua chuộc để làm ô dù che chở cho buôn lậu. Nhiều khi chính người có quyền thế cũng trực tiếp tham gia buôn lậu.

Tham nhũng và buôn lậu còn ngoặc với nhiều tệ nạn xã hội khác như tham ô và lãng phí của công, sống xa hoa, trụy lạc... Tác hại của sự móc ngoặc giữa các tệ nạn nói trên đã làm cho những người có lương tri đau xót, nhức nhối. Nó làm suy yếu đạo đức xã hội, tạo nên một sức ỳ, một sự trì trệ kìm hãm bước tiến của xã hội. Nếu không kịp thời ngăn chặn và đẩy lùi, nó có thể làm cho người dân mất lòng tin ở chế độ, gây ra những rối loạn nhất định về kinh tế, chính trị, xã hội.

Liên hệ với tình hình nước ta hiện nay, có thể thấy nhiều nguyên nhân dẫn đến nạn tham nhũng và buôn lậu :

1- Tình trạng tập trung nhiều quyền lực vào một người hoặc một số rất ít người (ở các cấp, các

* Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

ngành, các cơ sở) mà không có sự kiểm tra và giám sát. Ví dụ, quy định giám đốc có toàn quyền trong cơ sở kinh doanh, nhưng lại không xác định rõ vai trò kiểm tra và giám sát của đảng ủy, công đoàn và cán bộ, công nhân viên ở cơ sở đó. Điều này dễ dẫn đến lạm quyền và từ đó có sự mua và bán quyền thế.

2- Tác động của mặt tiêu cực trong cơ chế thị trường, với quan niệm lợi nhuận trên hết, đồng tiền trên hết, và tinh thần thực dụng vì quyền lợi cá nhân hoặc cục bộ trước mắt, làm cho một bộ phận người có quyền thế và một số giới trong xã hội bị sa sút về phẩm chất và đạo đức.

3- Có những sơ hở trong luật lệ và nội quy, để cho kẻ xấu lợi dụng và tránh né pháp luật. Ví dụ, những sơ hở trong các chủ trương có văn bản và không văn bản về nhà và đất, làm phát sinh nhiều tiêu cực và tham nhũng. Hoặc như chống buôn lậu mà chỉ lo ngăn chặn ở biên giới, trong khi để hàng lậu bày bán công khai khắp nơi, và người tiêu dùng dường như không có trách nhiệm gì.

4- Chưa nghiêm trị đúng mức những vụ tham nhũng và buôn lậu đã phát hiện, nên chưa có tác dụng mạnh răn đe những kẻ có ý đồ xấu. Và còn rất nhiều trường hợp chưa được làm sáng tỏ và kết luận, trong đó có những trường hợp vướng mắc vì ô dù của một số người có quyền thế, làm cho người dân mất lòng tin ở tính công bằng của luật pháp.

5- Đời sống chung còn nhiều khó khăn, đặc biệt là đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức, tiền lương chưa đáp ứng được những nhu cầu cơ bản thiết yếu, nên dễ bị mua chuộc, cám dỗ, và khi phải xoay xở để tăng thu nhập thì dễ sa vào những cách làm ăn không chính đáng hoặc phạm pháp.

Trong hình tình hiện nay, có thể nói : nguồn gốc của nạn tham nhũng, buôn lậu và một số tệ nạn khác là sự tổng hợp các nguyên nhân nói trên, khó mà nói nguyên nhân nào là chủ yếu. Vì rõ ràng là cùng một hoàn cảnh như nhau, trong khi một số người này giữ được phẩm chất, thì một số người khác lại phạm sai lầm nghiêm trọng. Với những yếu tố khách quan và chủ quan khác biệt nhau và xen kẽ nhau, phải tùy nơi, tùy lúc, thậm chí tùy vụ, việc, tùy trường hợp, mới có thể xác định nguyên nhân nào là chủ yếu.

Do tính phức tạp và dai dẳng của tệ nạn tham nhũng và buôn lậu, do tình hình nước ta chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, cho nên theo ý tôi, trước mắt chỉ nên xác định mục tiêu khiêm tốn là : *ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn đó*. Sau khi đã ngăn chặn và đẩy lùi được rồi mới theo đà đó mà tiến tới bài trừ về cơ bản. Còn bây giờ, có lẽ chưa thể đặt ra mục tiêu loại trừ hay tiêu diệt.

Từ bây giờ cho đến khi bước vào thiên niên kỷ thứ ba mà ta ngăn chặn và đẩy lùi được nạn tham nhũng và buôn lậu, thì đó sẽ là một thắng lợi hết sức to lớn và căn bản, vì ta đã vượt qua được cái "thách thức số một", cái "kìm hãm lớn nhất". Thắng lợi sẽ càng to lớn hơn, khi qua đó, ta rút ra được kinh nghiệm bổ ích cho cuộc đấu tranh tiếp theo.

Nhằm mục tiêu trên, có thể nêu một số phương châm có tính chỉ đạo các biện pháp như sau :

1 - *Đồng bộ và nhất quán, kiên quyết và thận trọng, kiên trì và khẩn trương.*

Gần đây, chúng ta thường nhắc đến những biện pháp *đồng bộ*, tức là từ mọi ngành, mọi cấp, trên mọi lĩnh vực : cơ chế kinh doanh, luật lệ và hành chính, đời sống và tiền lương, chế độ tiếp tân và quà cáp, v.v..

Nhưng đồng bộ cần đi đôi với *nhất quán*, nhất quán về chính sách cụ thể, về xử lý cụ thể, tránh tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược, nơi lỏng nơi chặt, nơi nặng nơi nhẹ.

Kiên quyết là quyết tâm làm dứt điểm từng việc, làm đến nơi đến chốn, không nể nang xuê xoa vì những cú điện thoại, những lá thư tay, hoặc lời gửi gắm của người có quyền thế nào đó.

Nhưng kiên quyết cần đi đôi với *thận trọng*, xem xét kỹ càng, cân nhắc chi li từng vụ việc, từng trường hợp, để không tội phạm nào lọt lưới, không người ngay nào mắc oan, không tạo nên những kích động có hại cho việc giữ vững ổn định chính trị.

Kiên trì là không bao giờ nản chí, không đánh trống bỏ dùi, nếu có vấp váp hay thất bại thì uốn nắn rút kinh nghiệm và tiếp tục đấu tranh. Nhưng cũng không vì kiên trì mà chậm chạp, trì trệ, cần *khẩn trương* để đạt được mục tiêu càng sớm càng tốt.

Có thể nói : đồng bộ và nhất quán là *chiều rộng* của cuộc đấu tranh, kiên quyết và thận trọng là *chiều sâu*, còn kiên trì và khẩn trương là *chiều dài* của cuộc đấu tranh.

2 - *Xác định đối tượng trọng tâm và địa bàn trọng điểm*.

Đối tượng cần chú ý là số người giàu lên quá nhanh mà nguồn thu nhập không rõ ràng, bao gồm cả những người có quyền có thế trong bộ máy nhà

Digitized by Google

nước và những nhà kinh doanh lớn (đặc biệt là trong lĩnh vực xuất nhập khẩu), bao gồm cả người mua và kẻ bán quyền thế, người mua và kẻ bán hàng lậu. Không nên coi thường các loại người mua, vì thường họ là nơi xuất phát, là người chủ mưu, với những hoạt động tinh vi nguy hiểm, mà ta thường lại chỉ chú ý đến người bán hơn người mua, đó là lệch lạc cần uốn nắn. Về biện pháp, tất nhiên là phải kết hợp giáo dục và trừng trị, thưởng và phạt.

Địa bàn cần chú ý trong việc chống buôn lậu là biên giới và cửa khẩu, các cửa hàng chuyên bán hàng ngoại, các khách sạn, nhà hàng, quán nhậu... Ở những nơi này, cần có những quy định chặt chẽ, có kiểm tra thường xuyên. Cần có biện pháp xử lý thích đáng những hàng lậu được bày bán, đồng thời cần quan tâm tuyên truyền, giáo dục mọi giới tiêu thụ. Đặc biệt những người có chức, có quyền, nên tỏ ra thật sự gương mẫu trong việc tiêu dùng hàng hóa.

3 - *Nhất thiết phải phát động quần chúng*

Nói "nhất thiết" vì nếu không dựa vào quần chúng thì không phát hiện kịp thời các vụ, việc, không nhận ra đúng đối tượng và có nguy cơ mắc sai lầm. Quần chúng đây chủ yếu là ở các địa bàn nói trên và quần chúng ở các cơ sở, phường, xã, tổ dân phố, thôn, ấp... Đây là mạng lưới thiên la địa võng mà kẻ tội phạm không dễ gì lẩn tránh được.

Nhưng muốn cho quần chúng được phát động và dám nói thật mà không sợ bị trù dập hay trả thù, người đứng ra phát động phải là người không có liên quan gì đến các vụ tham nhũng và buôn lậu. Dĩ nhiên, việc tìm được người như Bao Công thời xưa ở Trung quốc không phải là việc dễ, nhưng ít ra người đứng lên phát động quần chúng phải tương đối trong sạch, được dân tin, dân mến. Nói chung, những người kêu gọi chống tham nhũng và chống buôn lậu nên trước hết là những người giàu lòng vì nước vì dân, gương mẫu trong công tác cũng như trong sinh hoạt.

Chúng ta đã nhận rõ "nó" là "thách thức số một", là "kìm hãm lớn nhất", thì tất phải có những biện pháp số một, những biện pháp lớn nhất thích hợp với tầm cỡ cuộc đấu tranh. Và lời nói cần đi đôi với việc làm. Làm nhiều hơn nói thì càng tốt.



Tranh :
MINH CHÂU

Digitized by Google

NÂNG CAO DÂN TRÍ Ở NÔNG THÔN

NGUYỄN QUANG DU *

CHÚNG ta đang chứng kiến sự chuyển biến của loài người từ nền văn minh nông nghiệp và công nghiệp sang nền văn minh trí tuệ, tin học. Dân trí của mỗi nước có ý nghĩa rất quan trọng. Nó tạo cho nước đó cơ hội vươn lên, phát triển nhanh, hoặc nguy cơ bị bỏ rơi.

Việt nam có 51 triệu dân (chiếm 81,2% số dân cả nước) sống ở nông thôn. Trước mắt và lâu dài, dân trí ở khu vực này ảnh hưởng không nhỏ đến dân trí cả nước nói chung và trực tiếp quyết định việc thực hiện có hiệu quả vấn đề "nông nghiệp là mặt trận hàng đầu" trong chinh thể phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta.

Nếu coi con người là vốn quý nhất, là nguồn lực lớn nhất của mọi nguồn lực, thì tài sản chủ yếu của người nông dân là sức lao động của họ. Nhiều công trình nghiên cứu gần đây cho thấy, việc giáo dục, nâng cao dân trí sẽ trực tiếp làm tăng hiệu suất của tài sản đó. Chính vì vậy, từ lâu, và đặc biệt tại Đại hội VII của Đảng, sự nghiệp giáo dục đào tạo cùng với khoa học và công nghệ, đã được Đảng ta khẳng định là *quốc sách hàng đầu* trong chiến lược con người, phát huy nhân tố con người.

Tình trạng đói nghèo, đi đôi với nó là nền dân trí thấp, hiện là một vấn đề có tính toàn cầu, một vấn đề đang trở thành trung tâm thu hút sự chú ý của nhiều quốc gia, nhất là của các nước chậm phát triển. Trong chiến lược chống đói nghèo, chính phủ các nước đã và đang buộc phải theo đuổi hai vấn đề có tầm quan trọng ngang nhau :

- *Một là*, tận dụng cái mà người nghèo có đồi dào nhất, là sức lao động. Muốn vậy, không thể không sử dụng và phát huy cao độ những kích thích của thị trường, các thể chế chính trị - xã hội, cơ sở hạ tầng và công nghệ.

- *Hai là*, bảo đảm cho người nghèo có được các dịch vụ xã hội tối thiểu, trong đó giáo dục và y tế có tầm quan trọng đặc biệt.

Thiết nghĩ, nước ta cũng không nằm ngoài quỹ đạo nói trên. Thực tế cho thấy, mặt bằng dân trí ở khu vực nông thôn Việt nam hiện nay còn rất thấp. Đi liền với nó là tình trạng nghèo đói, bệnh tật, là tuổi thọ trung bình thấp, tỷ lệ sinh đẻ cao, năng suất lao động thấp... Mặc dù lao động nông nghiệp ở nước ta hiện nay chiếm trên 70% lực lượng lao động cả nước, nhưng lại chỉ đóng góp được 50% thu nhập quốc dân trong khu vực sản xuất vật chất. Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh, đầu tư cho giáo dục nhằm nâng cao dân trí sẽ đưa lại một năng suất lao động xã hội cao hơn. Theo một tài liệu nghiên cứu, ở châu Phi những nông dân học hết lớp 4 có sản lượng thu hoạch trung bình cao hơn 8% so với những nông dân không được học hành. Ở Pê-ru, đối với phụ nữ bán vải lẻ, cứ học thêm một năm phổ thông cơ sở, là có thể tăng thu nhập thêm 33%.

Nền giáo dục của một nước bao giờ cũng do những điều kiện kinh tế - xã hội quy định, nhưng ngược lại, chính nền giáo dục lại là nhân tố quyết định nâng cao năng suất lao động, khả năng lao động và óc sáng tạo của con người. Nhân loại nói chung đang chuyển từ giai đoạn chủ yếu dựa vào khai thác nguyên liệu, nhiên liệu và lao động cơ bắp, sang giai đoạn sử dụng tri thức, trí tuệ. Ở nước ta hiện nay, cùng với việc chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, cùng với việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào các ngành trong đó có nông nghiệp, bộ mặt nông thôn đã thay đổi. Các tập quán lỗi thời dần bị xóa bỏ. Các giá trị văn hóa truyền thống được bồi đắp và làm phong phú thêm. Với điều kiện như nhau về giống, về chất đất, chỉ khác về phương thức canh tác (cấy bằng mạ non, bón phân một lần...), cây lúa "Nhật" (lúa Việt nam do người Nhật làm) ở Mỹ văn (Hải hưng) đã hơn hẳn trước, cả về chất lượng và số lượng hạt, trong khi công sức và phân bón bỏ ra đều giảm. Đó là một bằng chứng nữa về sự cần thiết của tri thức.

---

* Cán bộ nghiên cứu, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Rõ ràng, kiến thức văn hóa phổ thông hiện nay rất cần đối với người nông dân. Nó là cơ sở để họ hoàn thiện nhân cách, tiếp thu tri thức khoa học kỹ thuật, hình thành các kỹ năng lao động nghề nghiệp. Lợi ích của nó còn thể hiện ở nhiều khía cạnh xã hội khác. Người có học vấn biết sinh đẻ theo kế hoạch, biết nuôi dạy con theo phương pháp khoa học. Vốn học vấn nhiều sẽ giúp người nông dân làm ăn có hiệu quả nhờ biết chọn việc làm thích hợp và biết áp dụng những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật... Tất nhiên, từ ý tưởng tới hiện thực, còn là khoảng cách lớn. Nhưng trong thập kỷ 90 này, khi cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang cuốn hút các nước với mức độ khác nhau vào cuộc cạnh tranh, mà thực chất là cạnh tranh về tri thức và trí tuệ, thì đối với đội ngũ lao động nông thôn nước ta, vấn đề học vấn càng trở nên cấp bách và có ý nghĩa to lớn cả về mặt nhận thức lẫn thực tiễn. Hiện nay ở ta, số người mù chữ còn chiếm 8,8%, chưa đạt trình độ phổ thông cơ sở còn chiếm 49,9%. Số người đạt trình độ phổ thông cơ sở mới có 31,3%, phổ thông trung học - 6,0%, phổ thông chuyên nghiệp - 2,5%, cao đẳng, đại học, trên đại học - 1%. Vì vậy, đến năm 2000, theo dự báo của một số chuyên gia xã hội học và giáo dục, mặt bằng dân trí ở ta nói chung mới đạt trình độ tiểu học, mặt bằng dân trí ở nông thôn còn thấp hơn nữa.

Dân trí thấp bao giờ cũng liên quan đến nghèo đói. Ở nông thôn nước ta hiện nay, hộ nghèo còn chiếm từ 5% đến 10%. Phần đông các hộ nghèo không có khả năng tiếp cận ngay cả các dịch vụ xã hội cơ bản, như giáo dục, y tế, sinh đẻ có kế hoạch. Thậm chí, ngay cả khi được miễn phí các dịch vụ xã hội này, họ cũng không biết tận dụng, vì chưa hiểu được lợi ích, vì ngại mất thời gian lao động... Cũng vì vậy, khả năng người nông dân cho con đi học và học lên các lớp trên là rất hạn chế. Mặt khác, các trường hiện nay cũng chưa đủ sức thu hút hết trẻ em trong độ tuổi đi học. Hơn nữa, người nông dân thường thích nhiều con. Họ cảm thấy đẻ nhiều vẫn có lợi, vì thêm con, thêm lao động, sẽ được chia thêm ruộng đất, sẽ có điều kiện chăm sóc ruộng khoán tốt hơn, sẽ củng cố được vị trí trong họ tộc... Nói như vậy, không có nghĩa người nông dân Việt nam không mong muốn vươn lên để có trình độ học vấn cao. Thực tế, họ thường lấy sự học hành đỗ đạt cao, sự đi thoát ly của con cháu làm thước đo giá trị và niềm hãnh diện với xóm làng.

Hiện nay, tỷ lệ sinh đẻ cao đang là gánh nặng đối với các nước nghèo, chậm phát triển. Khoảng 45% số dân các nước này ở độ tuổi dưới 15. Điều đó kéo theo việc phải tăng chi phí cho giáo dục, y tế, giải quyết việc làm, nhà ở... Tình trạng này cũng đang là vấn đề bức xúc ở nước ta. Vì vậy, phải có những chính sách đồng bộ. Bên cạnh việc phổ cập giáo dục tiểu học, không thể coi nhẹ việc giáo dục dân số, phát triển y tế cũng như cải thiện cơ sở hạ tầng và kỹ thuật ở nông thôn. Thật vậy, như thực tế cho thấy, đầu tư kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp không chỉ làm cho sản xuất phát triển, mà còn làm cho người nông dân thấy không cần đẻ nhiều để có thêm sức lao động (chỉ lao động giản đơn mới cần nhiều lao động).

Nhìn rộng ra xung quanh, một loạt nước có nền kinh tế phát triển nhanh đều có tiền đề từ nền giáo dục phát triển cao. Nước Nhật bản tạo nên sự thần kỳ chính từ yếu tố con người được giáo dục công phu. Chính vì vậy, chính phủ các nước ngày càng quan tâm đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, y tế, nâng cao dân trí. Các nước hiện nay đầu tư bình quân khoảng 15 - 25% ngân sách nhà nước cho giáo dục (Nhật bản đầu tư 20,1%, Nam Triều tiên 23,7%). Ở nước ta, năm 1991, nhà nước dành 11,12% ngân sách cho giáo dục, đào tạo, nhưng thực tế khi thực hiện chỉ có 7,3%. Trong lúc ngân sách nhà nước vượt 27,77%, thì ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo chỉ đạt 85,4%.

Chúng ta biết rằng, người nghèo thường không có điều kiện tiếp nhận các dịch vụ xã hội như người giàu. Về giáo dục và y tế, chỉ khi nào mạng lưới tỏa khắp các nơi, thì những người sống ở nông thôn, nhất là người nghèo, mới có thể được hưởng. Ở ta, do ngân sách dành cho giáo dục quá ít, lại bị cắt xén, nên đã dẫn đến tình trạng mà chúng ta đều biết, nhất là ở nông thôn : "trường không ra trường, lớp không ra lớp", giáo viên bỏ nghề, học sinh bỏ học... Tuy nhiên, trong điều kiện một nước nghèo và kém phát triển như nước ta, việc tăng mức chi của nhà nước cho giáo dục không phải lúc nào cũng là giải pháp hữu hiệu. Điều quan trọng hơn là phân phối và sử dụng nguồn vốn thế nào cho hợp lý và có hiệu quả. Kinh nghiệm một số nước cho thấy, có *hai* cách để sử dụng tốt số kinh phí cho giáo dục thường là ít ỏi :

+ *một là*, ưu tiên cho giáo dục phổ thông cơ sở, hạ mức thu học phí ở cấp học này, giảm giá dịch vụ y tế, v.v. ;

+ *hai là*, tăng thu đối với một số dịch vụ nhất định, chẳng hạn, thu học phí cao hơn đối với bậc

(Xem tiếp trang 41)

Digitized by Google

CẦN THƠ - CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

TRẦN VĂN TƯ *

CẦN Thơ có khả năng phát triển nhanh không ? Câu hỏi đó, đồng thời cũng là sự gợi ý sâu sắc của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười, đã giúp chúng tôi suy nghĩ rất nhiều. Đại hội đại biểu vòng 2 của Đảng bộ tỉnh, họp đầu tháng 9-1992, đã xác định : Cần thơ có khả năng phát triển nhanh, nhưng muốn biến khả năng thành hiện thực thì phải đi đúng quy luật của cuộc sống ; phải tạo được một nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh mẽ, có mối quan hệ thị trường rộng rãi, gắn liền với việc phát triển đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới. Trước hết, phải có sự đánh giá *thế* và *lực* của tỉnh Cần thơ.

Tỉnh Cần thơ, sau khi tách ra từ tỉnh Hậu giang, có số dân 1,7 triệu người, với 850 ngàn lao động, trong đó 24456 người là công nhân kỹ thuật hoặc có trình độ trung học chuyên nghiệp, 8218 người có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học. Người lao động ở đây đã quen với sản xuất hàng hóa, nhạy bén với thị trường, là nguồn lực cơ bản của tỉnh.

Cần thơ có 298264 ha đất tự nhiên, trong đó đất nông nghiệp là 240228 ha. Phần lớn đất làm được 2,3 vụ lúa (đến tháng 9-1992, chỉ còn khoảng 20000 ha làm 1 vụ). Do điều kiện sinh thái thuận lợi, khả năng thâm canh tăng vụ vẫn còn khá lớn.

Trong cơ cấu kinh tế của tỉnh hiện nay, khu vực khai thác tài nguyên (chủ yếu là nông nghiệp) chiếm 48,04%, chế biến, chế tạo (công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp) chiếm 24,19%, và khu vực dịch vụ, phục vụ chiếm 27,75%. Nông nghiệp có sản lượng tuyệt đối tăng dần, nhưng tỷ trọng của nó trong cơ cấu kinh tế có xu hướng giảm ; dịch vụ và phục vụ phát triển, trong đó lĩnh vực cung ứng vật tư, dịch vụ sản xuất và đời sống có chiều hướng phát triển nhanh hơn. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển, nhưng chậm, do phần lớn thiết bị, kỹ thuật lạc hậu, chưa cạnh tranh và mở rộng được thị trường.

Cũng cần nói thêm rằng, ở Cần thơ có không ít trung tâm văn hóa kỹ thuật, như Viện nghiên cứu kỹ thuật nông nghiệp, một số trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển.

Những thông số nói trên cho thấy, nếu được lãnh đạo tổ chức tốt, nền kinh tế của tỉnh có khả năng phát triển với tốc độ cao hơn nhiều.

Vấn đề lớn mà chúng tôi quan tâm hiện nay là vấn đề thị trường, nói cụ thể hơn là tạo thị trường và mở rộng thị trường, đảm bảo đầu vào và đầu ra cho sản xuất. Ngày nay, khả năng tiêu thụ và giá cả đã trở thành hoặc là *động lực* thúc đẩy sản xuất hàng hóa, hoặc là *trở lực* kiềm chế lực lượng sản xuất. Cần thơ đang đứng trước tình trạng nông sản hàng hóa mỗi năm tăng thêm hàng trăm ngàn tấn, nhưng vào vụ thu hoạch thì bán rất khó khăn vì bị tư thương ép giá. Xin lấy ví dụ : ở hai huyện Ô môn và Thốt nốt, nơi có lượng hàng hóa lương thực lớn, ngày thường giá lương thực từ 1000 đến 1100 đồng/kg, nhưng vào lúc thu hoạch rộ chỉ còn 750 đồng - 900 đồng/kg. Dịp tết âm lịch 1992, cam, quít, đúng vào lúc thu hoạch, do thiếu thị trường, giá giảm xuống, chỉ còn phần nửa... Nhưng khi vào vụ, cũng là lúc giá vật tư tăng vọt, đổ lên đầu người nông dân. Vụ hè thu 1992, diện tích tăng nhưng năng suất giảm, cũng là do tác động trên. Ngành chăn nuôi của tỉnh gặp nhiều trì trệ cũng là do tiêu thụ khó khăn và giá cả không ổn định. Nhiều cây thực phẩm và cây công nghiệp chủ lực của tỉnh giảm sút nghiêm trọng (từ năm 1986 đến năm 1991, diện tích trồng đay đã từ 2656 ha giảm xuống chỉ còn 47 ha, diện tích đậu nành đã từ 2478 ha giảm xuống chỉ còn 772 ha...). Cây ca cao tuy có giá trị kinh tế, nhưng do không chế biến được và tiêu thụ khó khăn, nên đã bị dân đốn bỏ gần hết. Ngược lại, cây mía, do ngành chế biến đường phát triển, giá mía ổn định, nên diện tích

* Trưởng Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ

Digitized by Google

trồng tăng trên 2 lần (từ 5885 ha năm 1986 lên 11 843 ha năm 1991).

Trong phát triển kinh tế, một số huyện của Cần thơ đã rút được bài học là phải có định hướng đúng, và khi đã định hướng đúng rồi, thì vấn đề tổ chức, trước hết là vấn đề cán bộ, có tính quyết định cho sự phát triển. Sự định hướng của Cần thơ hiện đang đòi hỏi phải tổ chức lại nền sản xuất trên cơ sở *chuyển dịch nông nghiệp từng bước sang công nghiệp hóa*, mà bước đầu là phát triển dịch vụ sản xuất và dịch vụ đời sống. Đây là một xu hướng khách quan, khi nông nghiệp từng bước phát triển đến đỉnh cao. Điều này giúp giải quyết vấn đề lao động nông nghiệp dư thừa.

Do thấy được vai trò quan trọng của dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống cũng như biết vận dụng nó, trong tỉnh đã xuất hiện nhiều nhân tố mới. Những xã gần thị trấn như xã Tân lộc (Thốt nốt) với 468 m^2 bình quân đầu người, xã Đông thạnh (Châu thành) với chưa đầy 800m^2 bình quân đầu người, tỷ lệ người thiếu đất và trắng tay cao, nhưng lại là hai trong những xã giàu nhất, có thu nhập bình quân đầu người cao nhất. Ở các xã này tuy chênh lệch giàu nghèo còn cao, nhưng xu hướng đang phát triển là xã ngày càng giàu, hộ giàu ngày càng đông, hộ nghèo ngày càng giảm, xóa được hộ thiếu đói, nhờ dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp phát triển. Ở xã Tân lộc, các ngành dịch vụ như bơm nước, vận chuyển, gia công chế biến đường, tiêu thụ, cung cấp vật tư, nguyên liệu... phục vụ cho cả đầu vào và đầu ra, đang thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng gắn liền với công nghiệp chế biến. Đang hình thành ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống với quy mô ngày càng lớn. Đang xuất hiện những nhân tố công nghiệp với quy mô và chất lượng mới. Do đời sống được nâng cao, ở Tân lộc và một số xã có cách làm ăn mới, có những ấp đã có 70% số hộ có máy thu hình, tạo điều kiện cho sự phát triển của dân trí. Ở các xã đó, cùng với việc ngày càng đầu tư thêm để cơ sở sản xuất và dịch vụ được mở rộng và đi vào chiều sâu, nhân dân còn đóng góp hàng tỉ đồng để làm đường sá, cầu cống và hàng chục km đường tải điện đưa ánh sáng đến từng hộ gia đình. Đời sống kinh tế và dân trí được nâng cao tạo cơ sở ngày càng vững chắc cho sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế cho việc điều chỉnh dần mức thu nhập và hưởng thụ văn hóa trong nhân dân, từng bước bảo đảm phát triển con người toàn diện. Một anh nông dân theo đạo Hòa hảo ở xã Tân lộc cởi mở nói với chúng tôi : Tôi ham làm giàu và thật sự làm giàu từ khi được làm chủ ruộng vườn. Một bác nông dân theo đạo Thiên chúa dòng ở Thạnh thắng thổ lộ : Chúa cho tôi đời sống thiên đàng, Đảng cho tôi đời sống trần thế. Những lời nói đó đã thể hiện tấm lòng chân thành của người dân ở đây đối với Đảng, khi đời sống kinh tế và dân trí được nâng cao.

Từ hai hiện tượng nói trên, *một* về nguyên nhân kiềm chế nền kinh tế phát triển và *hai* về sự xuất hiện những nhân tố mới, Đại hội đảng bộ vòng 2 tỉnh Cần thơ đã nhất trí phải *xác định* và *chuyển dịch* cơ cấu kinh tế : nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp (trước hết là công nghiệp chế biến) và xuất khẩu. Đó là yêu cầu chín muồi, là con đường khai thác tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực lao động để tạo bước phát triển nhanh.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế không thể tách rời việc xây dựng nông thôn mới và đô thị hóa. Do điều kiện địa lý và lịch sử, từ nhiều thập kỷ trước, thành phố Cần thơ đã trở thành trung tâm khu vực các tỉnh đồng bằng sông Cửu long (trước hết là các tỉnh tây nam sông Hậu). Những năm qua, việc chậm xác định và bố trí đúng vị trí của Cần thơ là sự thiệt thòi lớn không chỉ đối với riêng tỉnh Cần thơ, mà đối với chung cả khu vực. Ngày nay, do vị trí là trung tâm thị trường đô thị có quan hệ chặt chẽ với thị trường nông thôn rộng lớn của cả khu vực, Cần thơ có vai trò càng quan trọng. Để mở rộng quan hệ với thị trường trong và ngoài nước, cần xây dựng Cần thơ thành một trung tâm công nghiệp và trung tâm cảng phục vụ chế biến nông sản, xuất nhập khẩu, giải quyết đầu vào, đầu ra cho sản xuất, tạo động lực mới cho sự phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Cảng Cần thơ đã được Bộ giao thông vận tải công bố nằm trong hệ thống cảng quốc tế, cần được xây dựng đúng tầm cỡ và vị trí của nó ; phải là cảng công-te-nơ và có đủ điều kiện để tàu một vạn tấn của nước ngoài ra vào được. Việc xây dựng cảng sẽ tạo tiền đề để sau đó xây dựng sân bay, xây dựng cầu sông Tiền, cầu sông Hậu, xây dựng hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống thông tin viễn thông, tóm lại, xây dựng toàn bộ kết cấu hạ tầng đồng bộ của một trung tâm thị trường, từng bước biến Cần thơ thành trung tâm công nghiệp và thành phố cảng của khu vực.

Xây dựng và mở rộng cảng Cần thơ là việc làm có hiệu quả lớn, cả về kinh tế, xã hội và chính trị. Hiện nay, mỗi năm các tỉnh tây nam sông Hậu xuất nhập khẩu tại cảng TP Hồ Chí Minh trên 1 triệu tấn hàng hóa, chi phí trung bình cho 1 tấn hàng là 10 USD. Nếu việc xuất nhập khẩu hàng được tiến hành tại cảng Cần thơ thì nhân dân các tỉnh đó mỗi năm sẽ được lợi từ 100 đến 120 tỉ đồng. Xác định đúng vị

Digitized by Google

trí thì phải có bố trí đầu tư thích đáng, sự đầu tư này cần có sự kết hợp giữa trung ương và địa phương. Theo cơ chế điều tiết ngân sách hiện nay, tỉnh chỉ có khả năng chống xuống cấp càng, chưa có khả năng xây dựng để phát triển. Do vậy, cùng với việc tỉnh chúng tôi phải tự tạo mọi điều kiện để tăng thu, xin kiến nghị với trung ương nghiên cứu lại cơ chế điều tiết đầu tư, tạo điều kiện cho địa phương phát triển.

Chúng tôi nhận thức rằng quá trình tỉnh chúng tôi từ nông nghiệp đi lên công nghiệp hóa, là tương đối dài, vì vậy không thể không tiếp tục đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tạo việc làm và tăng thu nhập cho nông dân. Đồng thời, chú ý đẩy mạnh các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ, giải quyết số 30 ngàn lao động tăng thêm hằng năm ở khu vực nông thôn, phát triển nông thôn lên một bước mới. Vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa khảo sát quy hoạch, từng bước tổ chức lại cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cả trồng trọt và chăn nuôi, theo hướng phục vụ cho xuất khẩu và tạo nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến, phù hợp với bước chuyển dịch của nền kinh tế.

Quán triệt quan điểm tạo và dựa vào nguồn lực bên trong là chính, từ nay đến năm 1995, tỉnh chúng tôi phấn đấu giải quyết về cơ bản vấn đề đưa đất làm lúa một vụ lên hai vụ, nơi có điều kiện thì xen hai vụ lúa với một vụ màu, đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và nuôi trồng thủy sản. Cải tạo xong vườn tạp. Về mục tiêu cụ thể, đến năm 1995, tổng sản lượng lúa của tỉnh đạt khoảng 1,45 - 1,5 triệu tấn, xuất khẩu được 20 vạn tấn gạo và 1,5 nghìn tấn tôm đông lạnh, kim ngạch xuất khẩu đạt 100 triệu USD, nhập khẩu ở mức 75 triệu USD, cân đối được nền kinh tế ở thế phát triển, nâng một bước mức tiêu dùng và tích lũy. Những biện pháp và mục tiêu cụ thể đó đều nhằm phục vụ hướng đi của tỉnh chúng tôi như đã nêu ở trên là từng bước đô thị hóa, gắn với từng bước công nghiệp hóa và kỹ thuật hóa nông nghiệp, làm cơ sở cho hợp tác hóa ở nông thôn, tạo điều kiện phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng nông thôn mới, từ đó hình thành quan hệ sản xuất mới, làm nền tảng cho liên minh công - nông - trí trong tình hình mới.

NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 38)

trung học và đại học (ở một số lĩnh vực, một số trường nhất định) để bù chi phí cho việc mở rộng giáo dục phổ thông cơ sở ở những nơi cần thiết.

Nâng cao dân trí không đơn thuần là sản phẩm của sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính sách xã hội, công tác thông tin văn hóa, sự tác động của Đảng, chính quyền... giữ vai trò rất lớn trong việc nâng cao dân trí. Hiện nay, cả nước có 350 tờ báo và 154 tạp chí, 50 tờ báo tỉnh. Số báo và tạp chí năm 1986 mới có 254 triệu bản thì năm 1989 đã đạt 334 triệu bản. Số đầu sách phát hành hằng năm cũng tăng : năm 1986 là 1 524 đầu sách với 29,6 triệu bản ; năm 1990 là 2 659 đầu sách với 48,5 triệu bản. Song sách báo đến với nông thôn còn quá ít và chậm. Hệ thống thư viện xã một thời phát triển, nay gần như đóng cửa. Chính vì vậy, tin tức, thời sự, những kiến thức cần cho cuộc sống, tri thức khoa học kỹ thuật... chưa đến được với mọi người dân ở nông thôn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo. Chính sách xã hội, mà trung tâm là quan tâm đến con người, đến việc phục vụ con người một cách toàn diện, mới chỉ làm được một số việc cụ thể như chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ, trợ cấp khó khăn cho người già, cô đơn và các hộ nghèo... Nó chưa chú ý đúng mức đến việc bảo đảm những điều kiện cần thiết cho mở mang dân trí. Có những nơi hiện nay, do sự thâm nhập của lối sống thực dụng, vị kỷ, sự lan tràn của những ấn phẩm đồi trụy, phản động... cùng với sự phục hồi ở mức độ không nhỏ những hủ tục, dân trí không những không được nâng lên mà còn có phần kém đi.

Thiết nghĩ, muốn thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao dân trí ở nông thôn, cần hướng chính sách xã hội vào những vấn đề mang tính nhân văn sâu sắc. Bên cạnh những chủ trương đúng, cần đa dạng hóa các loại hình tác động, coi việc giáo dục nâng cao dân trí không đơn thuần là hoạt động phi sản xuất mà là hoạt động sản xuất cấp cao, vì nó tạo ra con người là vốn quý nhất, là nguồn lực lớn nhất. Điều quan trọng là biết phát huy những yếu tố nảy sinh từ cộng đồng nông thôn, trong đó bản thân người nông dân là chủ thể tích cực, sáng tạo, đóng vai trò quyết định. Mặt khác, biết tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những yếu tố từ bên ngoài. Chỉ như vậy, đến năm 2000 chúng ta mới mong có được một nền giáo dục phát triển theo đúng nghĩa, nâng mặt bằng dân trí nước ta lên ngang các nước trong khu vực.

Digitized by Google

Đảng bộ huyện Đại lộc tìm được "lối ra"

NĂM 1987, đảng bộ huyện Đại lộc (Quảng nam - Đà nẵng) gặp khó khăn nghiêm trọng : sản xuất, đời sống và các mặt công tác trong huyện đình trệ ; 6 trong 10 ủy viên ban thường vụ huyện ủy bị kỷ luật, trong đó 5 người bị cách chức ; gần một phần tư số huyện ủy viên bị xử lý, trong đó 3 người bị cách chức... Khuyết điểm lớn nhất của đảng bộ huyện Đại lộc là để tình trạng chia rẽ, bè phái kéo dài. "Sự kiện" Đại lộc đã vượt ra khỏi khuôn khổ một tỉnh, gần như được cả nước biết đến. Sau sự kiện ấy, nhiều người bi quan cho rằng Đại lộc khó có thể tìm ra cho mình một lối thoát để đi lên.

Thế nhưng, thực tế lại hoàn toàn khác. Mới chỉ trong mấy năm, Đại lộc đã vượt lên hàng những huyện đứng đầu tỉnh Quảng nam - Đà nẵng. Năm 1991 tổng sản lượng lương thực đạt 56 000 tấn (so với 52 000 tấn năm 1989) ; tổng giá trị công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp đạt 6,5 tỷ đồng (so với 144 triệu đồng năm 1989) ; doanh số xuất nhập khẩu đạt 1,2 triệu đôla/rúp (so với 1,05 triệu đôla/rúp năm 1989) ; 10 trong số 16 xã, thị trấn xây lắp xong hệ thống điện ; hệ thống trường học và mạng lưới y tế được tu sửa và xây mới ; nhân dân được miễn học phí và một phần viện phí...

Vậy huyện Đại lộc đã đi lên bằng cách nào ?

SỰ LỰA CHỌN BƯỚC ĐỘT PHÁ

Hàng mấy năm liền, nội bộ ban lãnh đạo Đại lộc lục đục, bè nọ cánh kia chống đối nhau quyết liệt, khiến lòng dân không yên, tiềm năng về người và của bị lãng quên. Sau khi phân tích các mặt, huyện ủy Đại lộc đã quyết định phải *tập trung sức giải quyết cho bằng được các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục những tồn đọng cũ, đổi mới hợp tác xã ; đồng thời, củng cố và tiếp tục đổi mới công tác xây dựng Đảng, lấy đó làm cơ sở, đưa huyện vượt qua khó khăn.*

Đại lộc là một huyện nông nghiệp. Vì thế, giải quyết tốt vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân, phải được coi là nhiệm vụ then chốt trước mắt. Huyện ủy đã có một nghị quyết riêng về vấn đề này. Nội dung cơ bản của nghị quyết là giao đất cho hộ nông dân một cách ổn định và lâu dài. Toàn bộ diện tích canh tác của huyện được chia làm hai quỹ. Quỹ I, gồm 70% diện tích canh tác, được giao ổn định cho người nông dân từ 10 đến 15 năm. Quỹ II, gồm 30% còn lại, được xếp vào phần dự phòng, đưa ra đấu thầu, bảo đảm sản phẩm hàng hóa phục vụ công tác bảo vệ thực vật, hỗ trợ chăn nuôi, xây dựng đường điện, bệnh xá, trường học và các công trình phúc lợi công cộng... Việc làm này diễn ra vào thời điểm trước "khoán 10" tới hơn một năm, nên vấp phải sự phản đối của không ít người. Đơn kiện lên tỉnh, thư bay xuống huyện. Nhưng ban lãnh đạo huyện dám chịu trách nhiệm về việc mình làm, chủ động vận động tỉnh ủng hộ, và công việc cứ thế được tiến hành. Cho tới đầu năm 1989, nghĩa là một năm sau "khoán 10", nghị quyết nói trên đã được thực hiện về cơ bản và bắt đầu phát huy hiệu lực.

Đồng thời với việc giao đất cho các hộ nông dân, Đại lộc tiến hành *củng cố hợp tác xã*. Về vấn đề này, có nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Người thì cho rằng, khi kinh tế hộ đã là đơn vị kinh tế tự chủ, thì hợp tác xã không còn tác dụng nữa, nên có thể giải thể nó. Ngược lại, nhiều ý kiến lại cho rằng, trong điều kiện hiện tại, khi mọi mặt sản xuất của bà con xã viên chưa có đủ điều kiện cần thiết, thì vấn đề củng cố và đổi mới hợp tác xã là đương nhiên để giải quyết các mặt còn tồn tại đó. Xuất phát từ thực tế, ban lãnh đạo huyện nhất trí khẳng định rằng, dù trong điều kiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế hộ gia đình giữ vai trò tự chủ, thì hợp tác xã vẫn chưa thể hết vai trò của nó, nếu không nói vẫn rất cần thiết. Bởi lẽ, thực tế sản xuất rất cần một sự liên kết, một sự chỉ huy chung. Hơn nữa, đối với những nhu cầu thiết yếu như : điện, thủy lợi, quy hoạch tổng thể, nông hóa thổ nhưỡng... chỉ có hợp tác xã mới bảo đảm được. Giao đất cho hộ mà không có sự quản lý, điều hành, và điều hòa sản xuất giữa các hộ, là vô hình trung rơi vào "khoán trắng", "giao chay", dẫn đến phân hóa giữa các hộ nhận đất khoán. Nông dân cảm thấy rất cần có sự

Digitized by Google

giúp đỡ của hợp tác xã. Mặt khác, xét về lâu dài, việc xây dựng nền nông nghiệp lớn không thể trông đợi vào lối làm ăn riêng lẻ, chỉ biết "cái cày đi sau con trâu đi trước", chỉ biết "đèn nhà ai nấy rạng", mà đòi hỏi có sự hợp tác để từng bước thực hiện cơ giới hóa và điện khí hóa, mà bước đầu Đại lộc đã và đang làm.

Rõ ràng, *hợp tác xã không hạn chế hoặc cản trở vai trò tự chủ của kinh tế hộ, mà ngược lại, nó là biện pháp rất quan trọng để phát triển đồng bộ cả ba mặt nông nghiệp, nông thôn và nông dân*, như nghị quyết của huyện ủy đã chỉ ra.

Do đó, ở 16 xã và thị trấn, các hợp tác xã vẫn được giữ vững ở quy mô *toàn xã* ; ở mỗi *thôn* là một *đội sản xuất*, như kiểu hợp tác cấp thấp (hạch toán báo sổ). Mọi người được khuyến khích xây dựng đề án tranh cử làm chủ nhiệm hợp tác xã. Kết quả là bộ máy hợp tác xã gọn nhẹ, công, giá dịch vụ giảm 70% so với trước. Chủ nhiệm các hợp tác xã tự nguyện liên kết với nhau, cùng nhau giải quyết các công việc hợp tác xã đặt ra. Hợp tác xã làm dịch vụ cho xã viên theo yêu cầu của họ với giá rẻ hơn tư nhân. Đối với các khâu như thủy lợi, bảo vệ thực vật, điều tra nông hóa, thổ nhưỡng... hợp tác xã nắm chắc, không giao cho tư nhân. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới với chức năng sản xuất, dịch vụ và kinh doanh tổng hợp, đã phát huy vai trò chủ động đầu tư và kinh doanh của hợp tác xã với hộ là đơn vị sản xuất theo mô hình kinh tế nông - lâm - tiểu, thủ công nghiệp gắn với kinh tế vườn. Nhiều hộ gia đình mua sắm thêm tư liệu sản xuất, góp phần tăng thêm năng lực sản xuất của hợp tác xã. Việc sử dụng đất và các tư liệu sản xuất khác hợp lý và hiệu quả hơn. Cơ sở vật chất của hợp tác xã từng bước được củng cố và tăng cường, đủ sức phục vụ việc điều hành sản xuất và nhu cầu của các hộ xã viên, bảo đảm mùa vụ và thâm canh, khắc phục tính chất hình thức của hợp tác xã trước đây.

HAI BƯỚC ĐI NHỊP NHÀNG

Hiểu rõ phải gắn chính sách xã hội với chính sách kinh tế để tạo động lực vật chất và tinh thần cho con người thúc đẩy phong trào tiến tới, Đại lộc đã cố gắng làm tất cả những gì có thể làm được theo hướng đó ở mỗi hợp tác xã, mỗi tổ chức trong huyện.

Trước hết, đối với bài toán *dân số - lương thực*. Năm 1991, Đại lộc đạt tổng sản lượng lương thực cao nhất : 56.000 tấn. Nhưng với số dân 144.500 người và mức tăng dân số gần 2% mỗi năm, diện tích canh tác lại ít (chỉ có 8.000 ha), làm thế nào để Đại lộc thường xuyên duy trì được mức tăng trưởng thu nhập quốc dân theo đầu người, quả là vấn đề không đơn giản. Để giải quyết vấn đề này, Đại lộc đã đề lên hàng đầu chính sách xã hội là thực hiện tốt hơn chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình. Chương trình này đã được đưa vào nội dung tuyên truyền trong nhà trường và trong sinh hoạt của các đoàn thể quần chúng. Công tác chăm sóc và bảo vệ bà mẹ và trẻ em được coi trọng. Hội đồng nhân dân và các đoàn thể từ huyện tới cơ sở tổ chức sinh hoạt chuyên đề, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch.

Mặt khác, Đại lộc phát triển sự nghiệp y tế, thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình y tế quốc gia theo hướng *mở rộng y tế cộng đồng, lấy y học dự phòng làm chính*, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc. Xây dựng y tế cơ sở trên cả ba mặt : cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ và phương thức vận động. Ba năm qua, 30 y, bác sĩ đã được đưa về tuyến xã, số thuốc men và y cụ viện trợ lên tới hàng trăm triệu đồng. Ngoài trung tâm y tế huyện, Đại lộc đã xây dựng thêm hai phòng khám đa khoa khu vực và tu sửa các trạm y tế xã. Nhiều xã như Đại hòa, Đại thắng, Đại sơn... đã nhường trụ sở làm việc trị giá hàng trăm triệu đồng cho ngành y tế.

Huyện cũng đã đầu tư xây dựng ngành giáo dục, nâng cao một bước chất lượng giáo dục theo hướng xã hội hóa. Đã dành hàng tỉ đồng xây dựng trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của con em. Đặc biệt, năm 1991, huyện đã tiến hành quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới trường cấp II, củng cố, nâng cấp mạng lưới trường cấp I ; hiện nay đang đầu tư xây dựng thêm tám trường lớn trị giá hàng tỉ đồng. Từ năm học 1990 - 1991, học sinh đã được miễn toàn bộ học phí.

Đi đôi với các công việc trên, Đại lộc chăm lo việc thực hiện chính sách đối với các thương binh, gia đình liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng. Ngoài việc bảo đảm các quy định của nhà nước, huyện còn dành một số đất cấp cho các đối tượng gặp khó khăn để giúp họ ổn định đời sống. Việc quy tập mộ liệt sĩ, tu sửa và xây dựng nghĩa trang, phong trào xây dựng nhà tình nghĩa... được các tầng lớp nhân dân trong huyện nhiệt tình hưởng ứng. Trong ba năm 1988 - 1991, huyện đã xây dựng được 57 ngôi nhà tình nghĩa, quy tập thêm được 453 phần mộ liệt sĩ, đưa tổng số mộ liệt sĩ được quy tập lên 6437 mộ.

Trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ, huyện đã đáp ứng được một phần nhu cầu hưởng thụ của nhân dân.

Digitized by Google

Phương tiện nghe nhìn trong nhân dân ngày một tăng. Đại lộc đã xây dựng được hệ thống truyền thanh từ huyện tới cơ sở, bảo đảm đưa các thông tin cần thiết đến tận thôn xóm. Công tác quản lý các hoạt động văn hóa văn nghệ được coi trọng. Các phần tử tàng trữ, lưu hành văn hóa phẩm xấu, độc hại, đều bị nghiêm trị. Việc ngăn chặn các tệ nạn xã hội, xây dựng gia đình văn hóa mới, ngày càng đạt kết quả tốt.

NHỮNG KHÂU THEN CHỐT CẦN PHẢI NẮM CHẮC

Đại lộc xác định thôn là địa bàn cuối cùng thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Với "khoán 10", đây cũng là nơi thực hiện cơ chế khoán mới có hiệu qua nhất. Trong điều kiện thực hiện cơ chế mới, đội sản xuất không còn tác dụng như trước nữa (như trên nói, đội chỉ còn làm nhiệm vụ hạch toán báo số đối với hợp tác xã). Địa bàn thôn bị bỏ trống ở nhiều khâu, trong lúc chính quyền xã chưa đủ sức với tới thôn xóm. Vì thế, Đại lộc đã tập trung thời giờ và công sức xây dựng thôn vững mạnh. Đại lộc là huyện đầu tiên của tỉnh đã quyết định lập các *ban dân chính thôn* với bốn nhiệm vụ : giúp ủy ban nhân dân xã làm công tác quản lý ; điều hành mọi việc theo sự chỉ đạo của hợp tác xã ; vận động quần chúng ; làm đại lý dịch vụ cho hợp tác xã toàn xã (bao gồm cả sản xuất, kinh doanh và làm dịch vụ nông nghiệp). Trực tiếp lãnh đạo ban dân chính và đội sản xuất ở địa bàn thôn, là chi bộ đảng. Hiện nay, Đại lộc có 100 ban dân chính thôn trong số 128 thôn ở 16 xã, thị trấn. Các xã Đại lãnh, Đại hiệp, Đại hòa, Đại quang, Đại cường... đã có nhiều ban dân chính thôn hoạt động rất có hiệu quả. Trong những năm tới, ban dân chính thôn sẽ được thành lập ở tất cả các thôn trong huyện.

Đại lộc cũng hết sức chú trọng xây dựng hệ thống cơ sở đảng và củng cố bộ máy, coi đây là khâu có tính chất quyết định thành bại ở địa phương. Việc đầu tiên cần tiến hành là sắp xếp lại các tổ chức cơ sở đảng ; xây dựng tốt quy chế làm việc, khắc phục tình trạng tổ chức đảng bao biện công việc của chính quyền, hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng, cũng như không để tổ chức đảng buông lỏng hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của mình. Huyện đã chỉ đạo các cơ sở đảng thiết thực đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt. Yêu cầu trước hết là giữ vững nền nếp sinh hoạt, phát huy cho được trí tuệ tập thể trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình... Nội dung sinh hoạt cần cụ thể, thiết thực. Tùy loại hình tổ chức cơ sở đảng mà có nội dung sinh hoạt phù hợp với từng thời gian cụ thể. Thực hiện tốt chế độ kiểm tra chéo và kiểm tra đột xuất. Kết quả phân loại năm 1991 cho thấy, trong số 46 cơ sở đảng của huyện, có 8 đơn vị vững mạnh, 26 đơn vị khá, 9 đơn vị yếu và 3 đơn vị kém. Đó là sự tiến bộ đáng kể so với nhiều năm trước.

Bộ máy tổ chức của huyện cũng được củng cố, gọn nhẹ và có hiệu quả hơn. Đã giảm được 20 phòng ban (trong số 31 phòng ban trước đây) với 173 cán bộ hành chính sự nghiệp. Đã đình chỉ hoạt động và giải thể gần một chục công ty, xí nghiệp làm ăn thua lỗ. Các hợp tác xã nông nghiệp được củng cố và xây dựng trên quy mô toàn xã, với các cán bộ chủ chốt được chọn lựa theo phương thức tranh cử ; đã giảm được 70% số cán bộ so với trước đây, và khắc phục được tình trạng từng diễn ra ở nhiều cơ sở là "cán bộ hưu sau thay cán bộ hưu trước".

Đội ngũ đảng viên của Đại lộc vốn đã mỏng (hơn 1.000 so với số dân 144.500 người), phân bố không đều trên các lĩnh vực, lại hạn chế về sức khỏe (41% hưu trí, mất sức) và về trình độ các mặt. Vì vậy, Đại lộc cho rằng, bên cạnh việc phân loại đội ngũ để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, con đường rèn luyện tốt nhất đối với các đảng viên là đưa họ vào hoạt động thực tiễn. Cần có chế độ phân công rõ ràng và kiểm tra chặt chẽ. Điều đáng nói là Đại lộc đã xây dựng được nội dung hoạt động và phương pháp kiểm tra đảng viên khá cụ thể, gồm 5 nội dung hay 5 "đối" : đối với *Đảng* (thực hiện nghị quyết, điều lệ) ; đối với *Nhà nước* (chấp hành chính sách pháp luật) ; đối với *dân* (nêu gương, vận động, thuyết phục...) ; đối với *bản thân* (học tập, rèn luyện, tu dưỡng) và đối với *công việc* (phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ). Đó cũng là những căn cứ để các chi bộ và đảng bộ trong toàn huyện dựa vào đó để xác định nội dung sinh hoạt và kiểm điểm đảng viên.

*

Những gì Đại lộc gặt hái được sau nhiều năm gian khổ phấn đấu cho thấy, ngay ở những giai đoạn khó khăn nhất, người ta vẫn có thể tìm được lối ra, nếu có sự suy nghĩ đúng và hành động đúng, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của địa phương. Ý nghĩa "lối ra" của Đại lộc, phải chăng chính ở chỗ đó ?

Digitized by Google

VĂN HỌC NƯỚC TA TỪ SAU 1975 ĐẾN NAY

Lời Bộ biên tập : *Để góp phần vào việc tổng kết thực hiện Nghị quyết 05 của Bộ chính trị (TƯ khóa VI) và chuẩn bị cho Hội nghị trung ương 4 (khóa VII) bàn về công tác văn hóa văn nghệ, ngày 28-10-1992, tại Hà nội, Ban văn xã của Tạp chí Cộng sản đã tổ chức cuộc tọa đàm về chủ đề trên.*

Tham dự cuộc tọa đàm, có các cán bộ chủ chốt của Tạp chí Cộng sản, cùng các nhà văn Xuân Cang, Tô Hoài, Hữu Mai, Vũ Tú Nam, Nguyên Ngọc, Vũ Quần Phương, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Hữu Thỉnh, Xuân Thiều ; các nhà phê bình, nghiên cứu văn học Phan Cự Đệ, Đỗ Huy, Nguyễn Văn Lưu, Phương Lựu, Trần Đình Sử, Lê Quang Trang, Nguyễn Nghĩa Trọng.

Dưới đây là tóm tắt một số nội dung chính của cuộc tọa đàm.

I - VỀ CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VĂN HỌC

Các ý kiến đều cho rằng, để đánh giá đúng tình hình văn học hiện nay, cần có cách tiếp cận và phương pháp khoa học, khách quan, cần có cách nhìn toàn diện, biện chứng. Nghĩa là phải đặt văn học trong bối cảnh chung, trong sự phát triển chung của đất nước, gắn với các lĩnh vực của đời sống xã hội ; đồng thời đặt văn học trong sự vận động và phát triển liên tục, không ngừng của bản thân nó. Không nên máy móc, siêu hình, suy diễn chủ quan, xa rời quan điểm lịch sử cụ thể.

Một trong những đặc điểm quan trọng của đời sống văn học từ sau 1975, đặc biệt từ những năm 80 trở lại đây, là từ thời chiến - kéo dài 30 năm - sang thời bình, nhưng lại là thời bình *hậu chiến* với rất nhiều hậu quả chiến tranh nặng nề, phân hóa gay gắt trong đời sống xã hội, nhất là từ sau những biến động lớn trên thế giới, trong cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của đất nước.

Công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo có ý nghĩa cách mạng sâu rộng. Nó tạo điều kiện để đưa đất nước tiến lên một cách đúng hướng nhưng cũng đặt ra rất nhiều vấn đề mới mẻ, phức tạp. Nền sản xuất hàng hóa với cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội, cơ chế quản lý đổi thay, kéo theo hàng loạt vấn đề ; nhận thức, lối sống, tâm lý, tâm linh của nhân dân có nhiều biến đổi sâu sắc. Con người trước đây sống trong cơ chế tập trung bao cấp nghĩ khác, ngày nay sống trong cơ chế thị trường nghĩ khác. Con người trước đây trong hoàn cảnh chiến tranh chấp nhận hy sinh, dốc sức đồng tâm hiệp lực cho chiến thắng, nay trong hoàn cảnh hòa bình họ có nhiều ham muốn, đòi hỏi chính đáng, và lại đang sống trong đời thường khó khăn vất vả, chống chọi với thiên nhiên, dằn vặt trước những tệ nạn xã hội. Trong bối cảnh ấy, văn học với nhiệm vụ phản ánh hiện thực cuộc sống, tất phải trải qua cơn đau sinh nở, khát khao vươn lên, đổi mới.

Cũng có ý kiến cho rằng, trong thời gian qua, văn học nước ta phát triển trong điều kiện mà hệ thang giá trị, hệ thống chuẩn mực xã hội đang trong quá trình chuyển đổi. Đặc biệt hệ chuẩn đạo đức, hệ chuẩn thẩm mỹ có nhiều mặt đang có sự nhìn nhận lại. Nhiều chuẩn mực cũ không còn thích hợp, những chuẩn mực mới chưa kịp định hình, thậm chí có những biểu hiện lệch chuẩn. Hệ thống lý luận để đánh giá những hiện tượng văn học mới, cũng còn lúng túng. Việc mở cửa giao lưu quốc tế, tiếp thụ các nền văn hóa nước ngoài, bên cạnh mặt tích cực, có cả mặt tiêu cực, làm cho tình hình thêm phức tạp.

Nhiều ý kiến nhấn mạnh, điều rất quan trọng khi xem xét, đánh giá tình hình văn học là phải hiểu thấu tính chất và đặc điểm của lĩnh vực hoạt động sáng tạo này. Đặc biệt, cần nhận rõ, văn học là một bộ phận trong hình thái ý thức xã hội, rất gắn với chính trị và hoạt động chính trị, rất gắn với cuộc đấu tranh tư tưởng trong xã hội. Mặt tốt của nó có

Digitized by Google

sức truyền cảm, lay động tâm hồn hàng triệu người, thúc đẩy xã hội tiến lên, nhưng mặt trái tiêu cực của nó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến bầu không khí chung của xã hội.

Văn học là một chỉnh thể trong mối quan hệ chặt chẽ nhà văn - tác phẩm - người đọc. Người đọc hôm nay với trình độ cao hơn trước, với thị hiếu và nhu cầu tinh thần mới, đa dạng hơn, đang là lực lượng đối trọng đáng kể của văn học. Vì vậy, làm thế nào để có những tác phẩm vừa được thị trường (người đọc) chấp nhận, vừa có giá trị văn học đích thực ? Đây là một câu hỏi làm day dứt, trăn trở không ít nhà văn.

Tóm lại, từ sau 1975 lại đây, văn học nước nhà chịu sự tác động nhiều chiều của đất nước, của thời đại, trong sự đổi thay tâm trạng, tâm thế nhân dân sâu sắc, trong hệ chuẩn giá trị xã hội đang biến động. Nó là sản phẩm của nhiều lớp nhà văn, gắn với công chúng mới có nhiều biến đổi trong thị hiếu và sắc thái tâm lý. Vì vậy, đánh giá nền văn học nước ta phải rất bình tĩnh, khách quan, nhìn nhận toàn diện không thể giản đơn, áp đặt.

II - VỀ THÀNH TỰU VÀ KHUYẾT, NHƯỢC ĐIỂM CỦA VĂN HỌC TA

Rất nhiều ý kiến khẳng định : đổi mới là bản chất, là quy luật sống còn của văn học và người sáng tạo nghệ thuật. Từ những năm 1975 - 1985, văn học đã có những chuyển động bước đầu, đã có những tìm tòi, trăn trở, nâng cao dần trình độ tư duy nghệ thuật.

Đặc biệt là từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) và sau Nghị quyết 05 của Bộ chính trị (1987), văn học nước ta có một bước phát triển mới, một không khí hào hứng mới. Nó hòa nhịp với công cuộc đổi mới chung của đất nước. Nó lớn lên trong không khí dân chủ, với phương châm "nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật". Nhà văn trở nên có nhiều vận hội, nhiều điều kiện để cống hiến và sáng tạo. Nói như nhà thơ Vũ Quần Phương, "văn chương nước ta có một bước phát triển vượt bậc. Qua mấy năm nhìn lại không khỏi ngỡ ngàng trước gương mặt mới lạ của nó". Nhà thơ Hữu Thỉnh tâm đắc : "giai đoạn này đội ngũ nhà văn có hiện tượng nở rộ bất ngờ ở những cây viết trẻ, ở giới nữ và anh chị em người dân tộc thiểu số".

Bên cạnh những gương mặt nhà văn già dặn, quen thuộc, là hàng loạt những gương mặt mới với cách đi, lối nghĩ, lối cảm nhận riêng, xông xáo trên nhiều bình diện khác nhau của xã hội, khai thác những nội dung mới, những đề tài mới. Nếu như trước đây khuynh hướng sử thi, triết luận với những tác phẩm đầy ắp tư liệu quý giá đã làm nên những tác phẩm hào hùng phản ánh khí thế cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc thì ngày nay xuất hiện khuynh hương mới, khuynh hương đạo đức - thế sự, soi rọi từ nhiều khía cạnh nhân tình khác nhau. Từ góc nhỏ gia đình đến quan hệ xã hội rộng lớn giữa người với người, tất cả như được bóc ra, kham phá, sáng tạo. Có những cây bút với cảm nhận của riêng mình, mong muốn đánh giá, kiến giải một số vấn đề của quá khứ ; có người đưa ra những đòi hỏi chính đáng về trách nhiệm xã hội trước số phận cá nhân con người. Không ít cây bút xông thẳng vào thực tại, trực tiếp đối mặt với nhiều vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội nóng bỏng, tìm lời giải cho những bài toán hóc búa hôm nay. Một số cây bút phóng sự, điều tra, ký sự năng động trên những mảng thời sự nóng hổi cũng góp thêm đường nét cho bức tranh văn học.

Hình tượng nhân vật giai đoạn này cũng bước đầu chuyển đổi. Nếu trước đây nhân vật là bộ phận không thể tách rời tập thể, số phận cá nhân được xem xét, soi rọi trong số phận chung của cộng đồng, thì nay con người như một thực thể, một thế giới riêng, được khai thác trong mối quan hệ đan xen hết sức phức tạp. Những con người bình thường, chân thực như chính cuộc đời. Đó là những người đầy góc cạnh, vật lộn với muôn vàn khó khăn thử thách mới, đối diện với cái thiện, cái ác, thậm chí đối diện với chính mình, xây dựng cuộc sống thường ngày, giản đơn và dung dị.

Phương pháp sáng tác, phong cách nghệ thuật ở giai đoạn này cũng đa dạng hơn, đa thanh, đa tầng hơn, có nhiều cung bậc của nhiều lớp nhà văn. Một số cây bút viết truyện ngắn rất sắc sảo ; nhiều gương mặt làm thơ nhuần nhị, duyên dáng và độc đáo. Người ta thấy nhiều tác giả gần đây đã cố gắng vươn tới tầm tư duy nghệ thuật mới, với ý thức chủ động, tự tin đối thoại với người đọc trên trang sách của mình. Có người nói không ngoa, văn học nước ta đang có hiện tượng "vỡ ra về giọng điệu". Đó là nét đáng mừng, đáng trân trọng.

Tự do sáng tác đi đôi với tự do nghiên cứu phê bình, phương châm ấy được Nghị quyết 05 khẳng định. Những thành tựu trong sáng tác nêu trên không tách rời sự đóng góp nhất định của giới lý luận, phê bình. Nhiều cuộc tranh luận thẳng thắn, xây dựng trên các diễn đàn thông tin đại chúng, trong các hội thảo khoa học, đã phân tích những hiện tượng văn học mới, đã bàn bạc đến những vấn đề cơ bản

Digitized by Google

của lý luận văn học với tầm tư duy rộng rãi và lối nhìn thực tiễn sâu sắc hơn.

Từ sau Nghị quyết 05, không khí chung giữa người lãnh đạo quản lý và người trực tiếp sáng tạo cũng có nhiều nét mới. Phương thức bàn bạc, đối thoại một cách cởi mở, thẳng thắn được chú ý nhiều hơn. Thành công bước đầu qua cuộc đấu tranh của các tổ chức, việc xử lý đúng nguyên tắc, có lý có tình, một số vụ việc "nổi cộm" vừa qua, đánh dấu bước chuyển cơ bản trong công tác lãnh đạo và quản lý đối với lĩnh vực rộng lớn và phức tạp này.

Có thể nói, những thành tựu nêu trên tuy mới là bước đầu, nhưng nó mở ra triển vọng mới cho con đường phát triển văn học nước ta. Nó cho phép chúng ta tin tưởng ở lớp người sáng tạo mới của nước nhà, đặc biệt là đối với thế hệ nhà văn trẻ.

Tuy nhiên, những người dự cuộc tọa đàm cũng cho rằng, chúng ta không thể bằng lòng với những gì đã đạt được. Thực tế còn nhiều vấn đề phức tạp, ngổn ngang. Trong bước phát triển đi lên, văn học ta cũng bộc lộ không ít nhược điểm và yếu kém, trong đó có những khuyết điểm làm cho đông đảo công chúng bạn đọc lo lắng, bất bình. Có thể nêu 4 vấn đề lớn :

+ *Một*, trong văn học xuất hiện một số khuynh hướng lệch lạc. Đáng chú ý nhất là :

Khuynh hướng xa rời chính trị, xa rời những giá trị thẩm mỹ chân chính, chạy theo những thị hiếu tầm thường, thương mại hóa văn học. Một số người viết có sự xuống cấp của ý thức thẩm mỹ, ý thức nghệ thuật. Trong sáng tác thường dễ dãi, cẩu thả, vụ lợi, bất chấp tiêu chí nghệ thuật tối thiểu. Xen vào đó, có những tác phẩm xấu độc. Lợi dụng tự do dân chủ, nhân danh "người dũng cảm" có tác giả từ chỗ nói bóng gió, ám chỉ xa xôi đã đi đến trắng trợn nói xấu, bôi nhọ cả lịch sử của dân tộc, xúc phạm đến lý tưởng, con đường phát triển của đất nước, đến những thần tượng thiêng liêng nhất của nhân dân.

Khuynh hướng phủ nhận lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng và thành tựu văn học. Có người muốn "sám hối", muốn "quên đi" quãng đời đầy ý nghĩa của mình.

Khuynh hướng "tàn nhẫn trong phản ánh sự thật" (ý của Nguyễn Đình Thi), tô đậm cái ác, thổi phồng mặt trái của xã hội, gieo rắc hoài nghi, kích động bạo lực và lối sống vô lương. Người ta vin rằng trước kia nhiều tác phẩm phản ánh hiện thực theo kiểu minh họa, tô hồng, "sự thật một nửa", ngày nay cần phải công khai phơi bày những sự thật đắng cay, đau khổ, đầy bi kịch của con người. Những tác phẩm kiểu này, nét mới mẻ của nó bất chợt cũng tạo nên sự chú ý của người đọc. Song sự thực, giá trị thẩm mỹ không cao, chất lượng văn học chẳng những không vượt được những thông tin về vụ án giật gân trên báo chí mà còn gây ra những tác hại không nhỏ.

+ *Hai*, trong nghiên cứu lý luận, phê bình bên cạnh những tìm tòi sáng tạo nghiêm túc, cũng có những biểu hiện lệch lạc muốn tách văn nghệ ra khỏi chính trị, nhấn mạnh một chiều giá trị muôn đời của văn chương. Trong trao đổi thảo luận có hiện tượng thiếu khách quan, khen chê theo cánh hẩu. Có người cay cú quy chụp nhau, phế bỏ nhau, tạo không khí căng thẳng. Đang có một mô típ tâm lý chung thích nói ngược, ham nói ngược. Cho rằng cứ nói ngược là dũng cảm, là đổi mới. Thiếu hẳn một thái độ khoa học, một nếp văn hóa trong tranh luận. Nói như Phương Lựu : "Thành tựu đổi mới trong lý luận vừa qua diễn ra đúng với quy luật : *muốn nói* thì rất nhiều, *nói được* còn rất ít. Thay vì cho sự tranh cãi hời hợt, phải là những công trình chuyên tâm và nghiêm túc".

+ *Ba*, từ chỗ lãnh đạo và quản lý văn học một cách cứng nhắc, thiếu dân chủ trước đây, trong mấy năm đổi mới vừa qua lại có thiên hướng buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Thậm chí có lúc hữu khuynh, né tránh, nhất là giai đoạn đầu đưa Nghị quyết 05 vào cuộc sống, làm cho tiến trình văn học có lúc dường như bị chững lại, cuộc đấu tranh trên một số mặt trở nên kém sắc bén và hiệu quả. Trong cuộc tọa đàm, có ý kiến nhắc nhở : "Đang có một cơ chế hiện hữu mà ở đó, hoặc người ta làm ngơ, hoặc đồng lõa, và có thể còn mở đường cho sản phẩm xấu, con người xấu ngang nhiên công khai len vào đời sống văn hóa, văn học của chúng ta" (Lê Quang Trang). Từ khâu xuất bản đến phát hành, công việc lớn, rối rắm, nhưng cách quản, cách xử lý đều không có đường đi nước bước vững chắc, rõ ràng. Tính pháp chế xã hội ở đây rất yếu. Nhiều hành vi phạm tội bị che lấp, làm ngơ hoặc bỏ ngỏ.

+ *Bốn*, trước những diễn biến mới rất sôi động của văn học nước nhà, hoạt động của Hội nhà văn cũng có những lúng túng, chưa tạo được sức hấp dẫn hội viên. Hội viên chưa coi hội là tổ chức thực sự gắn bó với ý nghĩa định hướng, đào tạo, bồi dưỡng, chắp cánh và bảo vệ quyền lợi cho họ. Xem xét vai trò của hội, có người đặt câu hỏi : Hội giúp ích gì cho hơn 600 hội viên hiện nay ? Số ít người đã có tư tưởng xa lánh, thậm chí rời bỏ hội.

Digitized by Google

III - KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

Với ý thức trách nhiệm cao, những người dự cuộc tọa đàm đã nêu ra nhiều kiến nghị và giải pháp thiết thực. Điều quan trọng nhất, như nhà văn Tô Hoài nói : "Không nên lặp lại tình trạng nói mà không làm, hoặc nói một đằng làm một nẻo". Trong các kiến nghị và giải pháp có thể phân ra hai mảng lớn sau đây :

1 - Đối với nhà văn và Hội nhà văn :

Nhà văn là người trực tiếp sáng tạo ra các giá trị nghệ thuật. Xưa nay, vai trò của họ đã được xác định. Nhất là trong lòng nhân dân cách mạng họ luôn là chiến sĩ trên mặt trận văn hóa. Chính họ, không phải ai khác, sẽ là lực lượng tạo ra bộ mặt văn học nước nhà. Vì vậy, họ cần có những điều kiện và môi trường thuận lợi để sáng tác, nghiên cứu, phê bình ; đồng thời họ cần đặt mình trong quyền và trách nhiệm của một công dân. Nhà văn Nguyên Ngọc nhấn mạnh : Thử thách trong cơ chế mới, nhà văn phải thực sự đổi mới tư duy ; "Con đường hình thành và phát triển tự nhiên của nhà văn là anh ta phải vật lộn, đua chen để tự khẳng định vị trí văn học của chính mình, và để sống (trong văn học và trong đời thường) bằng chính tài năng và lao động của mình". Và điều khó khăn hơn, như nhà văn Xuân Thiều nhắc nhở : "Ngày nay, con người mới xã hội chủ nghĩa, con người lý tưởng của thời đại, chưa được hình dung đến từng chi tiết. Và thế là các phạm trù đối lập trong xã hội, thiện ác, tích cực tiêu cực, đúng sai, mới cũ, hay dở, tiên tiến lạc hậu, xây dựng phá hoại v.v... vẫn còn có chỗ mập mờ, lẫn lộn. Trước tình hình đó, lẽ nào nhà văn lại chờ đợi ai đó vạch sẵn cho mình ?".

Xem thế đủ thấy trên vai nhà văn lúc này trách nhiệm thật lớn lao, tầm văn hóa của nhà văn cần nâng lên đến mức nào. Nhà văn cần tự học hỏi, đào luyện mình trong cuộc sống, trong sáng tác. Nhà nước chăm lo, tạo điều kiện cho họ đi vào trung tâm của đời sống kinh tế xã hội. Chỉ có thế họ mới sản sinh ra những tác phẩm ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng và với những vấn đề lớn mà thời đại đặt ra. Muốn làm tốt điều đó, nhà văn không thể quay lại với cách hiểu rất mênh mang : văn học là vì con người, nó phản ánh, chia sẻ với con người, với số phận con người. Mà cần hiểu thêm : con người đó là con người nào ? Ở đâu ? Đang như thế nào ? Đứng ở đâu mà suy ngẫm chia sẻ với con người ? Thái độ đó nhà văn phải dứt khoát (Nguyễn Văn Lưu).

Nhiều ý kiến cho rằng, nên củng cố tổ chức Hội nhà văn. Hội trước hết phải là tổ chức tập hợp lực lượng (kể cả người chưa đứng trong đội ngũ) bằng tổ chức các nhóm chuyên ngành, theo dõi, nghiên cứu những vấn đề, những xu hướng mới của văn học. Có quan điểm, thái độ rõ ràng với những xu hướng ấy. Bằng phương tiện thông tin, bằng trao đổi bàn bạc, tạo ra "một nhịp nghĩ chung" trong xã hội về một vấn đề nào đấy. Tổ chức nghiên cứu những chuyên đề lý luận văn học, kể cả những nền văn học của thế giới. Lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho hội viên. Tránh khuynh hướng bè phái, cục bộ.

2 - Đối với Đảng và Nhà nước :

Một số ý kiến đề nghị Đảng và Nhà nước cần có kế hoạch và biện pháp lãnh đạo, quản lý, thực hiện tốt những phương hướng đã nêu trong *Cương lĩnh* và *Chiến lược* ở Đại hội VII của Đảng. Cần kết luận rõ những đúng sai trên một số vấn đề về quan điểm, nguyên tắc, đặc biệt đối với một số vụ, việc cụ thể. Chú ý đoàn kết tập hợp lực lượng, chống bàn tay chia rẽ, phân hóa nội bộ của các thế lực thù địch. Cần tạo ra cái "kênh" đủ rộng để văn học phát triển (Vũ Tú Nam).

Sớm kiện toàn các cơ quan lãnh đạo của Đảng, cơ quan quản lý của nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật ; củng cố các nhà xuất bản, các cơ quan phát hành.

Đề ra một hệ thống chính sách đồng bộ và khả thi đối với hoạt động văn hóa, văn nghệ.

Có biện pháp kiên quyết ngăn chặn, đi đến xóa bỏ tình trạng tư nhân lũng đoạn các hoạt động văn hóa, văn nghệ ; nghiêm trị những kẻ cố tình phá hoại.

Giáo sư Phan Cự Đệ đề nghị : "Phải bảo đảm cho các trung tâm báo chí, xuất bản đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung được những lực lượng nòng cốt của chủ nghĩa xã hội". Có chính sách tài trợ thỏa đáng đối với các trung tâm này trong cơ chế mới, đặc biệt chú ý khâu sáng tác, nuôi dưỡng tài năng.

Sớm thành lập một tổ chức mang tính quốc gia để thẩm định các giá trị văn hóa, trong đó có văn học.

VĂN ĐỨC
lược thuật

Digitized by Google

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÔNG NHÂN Ở HÀ NỘI

TRƯƠNG XUÂN TRƯỜNG *

CHO đến nay, số lượng các xí nghiệp quốc doanh của trung ương và địa phương đóng trên địa bàn Hà nội là 1 119 đơn vị, với tổng số công nhân viên là 35 vạn người. Trong đời sống kinh tế thủ đô, quốc doanh vẫn là lực lượng chủ chốt có nguồn vốn lớn nhất và nắm giữ hầu hết các ngành then chốt của nền kinh tế, tạo ra 55% tổng sản phẩm xã hội, 45% thu nhập quốc dân và đóng góp hơn 90% ngân sách trên địa bàn. Có thể nói đây là lực lượng lao động chính, là bộ phận cư dân quan trọng nhất của Hà nội. Chắc chắn rằng nhịp sống, bộ mặt và bước phát triển của thủ đô một phần lớn chịu sự tác động của cộng đồng dân cư này. Vì thế, nghiên cứu thực trạng đội ngũ công nhân thủ đô có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của Hà nội và cả nước.

*

Về **cơ cấu của đội ngũ công nhân Hà nội****.

Các số liệu thống kê cho thấy tính đến ngày 1-7-1990, kể cả khu vực tập thể và cá thể, trên địa bàn Hà nội có 542 731 lao động trực tiếp sản xuất, trong đó tỷ lệ lao động nữ là 56,4%. Sau một thời gian thực hiện các quyết định 176 và 217/HĐBT, lực lượng lao động, nhất là lao động nữ, trong các cơ sở quốc doanh đã giảm xuống. Ngay đầu quý 3-1991, trong số hàng chục vạn lao động thôi việc ở Hà nội, lao động nữ chiếm tới 70%. Đến nay, tuy cơ cấu giới tính đã có sự thay đổi, nhưng lao động nữ vẫn chiếm một tỷ lệ khá lớn. Khảo sát cho thấy tuổi đời bình quân hiện nay của công nhân Hà nội là 31,7. Về đại thể đó là một cơ cấu trẻ về tuổi đời. Tuy nhiên, so với năm 1984 thì lứa tuổi dưới 30 đang có xu hướng giảm (từ 33,3% xuống 27,9%), trong khi đó lứa tuổi từ 46 trở lên lại có xu hướng tăng (đến 16,9%). Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng *có xu hướng đứt đoạn về mặt lứa tuổi* trong cơ cấu lao động thủ đô hiện nay.

Về **cơ cấu gia đình,** so với nông thôn, phổ biến trong công nhân Hà nội là gia đình hạt nhân, với nhân khẩu trung bình từ 3 - 5 người, đa số là gia đình 1 - 2 thế hệ ; gia đình 3 thế hệ chiếm tỷ lệ không nhiều. Sống ở môi trường thành phố, được tiếp xúc thường xuyên với các thông tin văn hóa và khoa học kỹ thuật, lại là đối tượng được chú ý đầu tiên của phong trào kế hoạch hóa gia đình, công nhân Hà nội có khả năng thực hiện tốt sinh đẻ có kế hoạch, nên vấn đề dân số trong cộng đồng cư dân này thực tế không nặng nề như ở nông thôn.

Điều đáng lưu ý là bộ phận các nhóm xã hội xung quanh họ như người về hưu, mất sức, thôi việc đang có xu hướng gia tăng. Cùng với các em nhỏ, những người này là bộ phận ăn theo đáng kể nếu họ không tìm được việc gì làm thêm để đủ sống. Và từ điều này khó tránh khỏi nảy sinh hàng loạt vấn đề xã hội khác theo hướng tiêu cực.

So với 5, 7 năm trước đây, **cơ cấu ngành nghề** của công nhân Hà nội hiện nay có nhiều bước chuyển theo hướng đa dạng, phong phú và hợp lý hơn. Nhất là sự xuất hiện của các ngành như điện tử, tin học, vật liệu mới - là những nhân tố bắt nhịp và hòa nhập vào đời sống kinh tế thế giới. Tính hợp lý hơn còn thể hiện ở chỗ một số ngành chưa có điều kiện phát triển ở Việt nam nhưng đã từng được đầu tư để tồn tại (như một số ngành công nghiệp nặng) giảm đi, và các ngành dịch vụ gia tăng.

Về **trình độ chuyên môn và tay nghề,** đang diễn ra *hai* xu hướng có vẻ mâu thuẫn nhau : *một là*, có sự đứt đoạn về bậc thợ, nhất là có sự giảm sút về số lượng công nhân kỹ thuật và thợ tay nghề bậc

---

* Cán bộ nghiên cứu, Viện xã hội học (Viện KHXH Việt nam)

** Bài viết này sử dụng tư liệu nghiên cứu khảo sát những năm 1990 - 1992 từ các nguồn chính sau đây : Tổng liên đoàn lao động Việt nam, Thành ủy Hà nội, Liên đoàn lao động thành phố Hà nội, Viện xã hội học và Học viện Nguyễn Ái Quốc.

Digitized by Google

cao ; và *hai là*, so với năm 1985 trở về trước, hiện nay tỷ lệ công nhân được đào tạo và sử dụng đúng nghề nghiệp cao hơn rất nhiều. Nếu xét kỹ, ở đây không có gì mâu thuẫn mà chỉ phản ánh đúng thực chất của sự vận động : việc thi tay nghề, nâng bậc chưa đặt ra trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh ; hơn nữa, tính hình thức, máy móc của việc thi tay nghề công nhân trước đây đang bị loại bỏ. Chỉ riêng chỉ báo về vấn đề đào tạo và sử dụng cũng đủ để khẳng định xu hướng tích cực của việc nâng cao chất lượng lao động hiện nay.

Về **cơ cấu chính trị - xã hội,** điều dễ nhận thấy là có sự giảm sút về tỷ lệ đảng viên và đoàn viên so với năm 1985 (cụ thể đảng viên : 7,8% so với 11,10%, đoàn viên : 55% so với 65%). Tỷ lệ công nhân tham gia cấp ủy, lãnh đạo xí nghiệp cũng giảm xuống : hiện nay là 9,2% so với năm 1985 là 40%. Đang có xu hướng người lao động tham gia nhiều hơn các tổ chức xã hội khác như : Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ, Hội làm vườn và các hình thức câu lạc bộ khác. Điều này là không đáng ngạc nhiên, bởi sau khi chủ trương đổi mới của Đảng được thực hiện, quá trình dân chủ hóa xã hội diễn ra ngày càng sâu rộng, tổ chức đảng và đoàn không còn bị hiểu sai lệch là cửa ngõ duy nhất để thành đạt trong cuộc sống, và con người cá nhân có thể tự khẳng định mình với việc lựa chọn thỏa đáng các triển vọng sống.

Về **đời sống.** Trước hết là *đời sống vật chất.*

Lương thưởng và thu nhập của bản thân và gia đình người lao động là chỉ số khó đo lường nhất. Bởi lẽ nó không chỉ căn cứ bởi doanh thu, lợi nhuận và chế độ phân phối của xí nghiệp, mà còn liên quan đến kinh tế gia đình, làm thêm, chịu ảnh hưởng của giá cả thị trường. Trong quá khứ, đã có thời kỳ người lao động nước ta không thể sống bằng đồng lương và chế độ lương thưởng không phản ánh được giá trị lao động và kích thích sản xuất. Hiện nay, với cơ chế thị trường, nghịch lý đó đang dần được khắc phục. Tuy nhiên, với những khó khăn của quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế, trong thực tế đồng lương vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cuộc sống của người lao động. Khảo sát xã hội học năm 1990 tại 9 cơ sở sản xuất cho thấy : vẫn có những đơn vị đa số người lao động mới có mức thu nhập dưới 40 000 đ/tháng (Công ty vận tải hàng hóa : 67,7%). Khảo sát cuối năm 1991 tại 446 cơ sở kinh doanh khối quốc doanh ở Hà nội cho các chỉ số : 93 cơ sở (chiếm 20%) có mức thu nhập bình quân 160 000 đ/tháng/người ; 137 cơ sở (30,72%) : từ 100 000 đến 150 000 đ/tháng/người ; 191 cơ sở (42,8%) : từ 70 000 đến 100 000 đ/tháng/người. So với gạo là mặt hàng chuẩn và ít có biến động lớn giữa 2 năm 1990 - 1991, thì mức thu nhập đó có tăng lên. Và nếu chỉ xét về mặt đảm bảo nhu cầu ăn uống của bản thân người lao động, thì như vậy là rất khả quan. Nhưng như trên đã đề cập, đội ngũ ăn theo người làm công ăn lương ở mỗi gia đình Hà nội đang có xu hướng tăng lên, và kéo theo nó là nhiều chi phí khác (như tiền điện, nước, tiền nhà, tiền học, tiền thuốc chữa bệnh, v.v.) cũng tăng nhanh. Như vậy, thu nhập của mỗi gia đình, nhất là của các gia đình chỉ có một người làm công ăn lương thực tế là khá thấp so với nhu cầu. Cũng vì vậy, *vấn đề việc làm* đã trở thành một vấn đề thời sự cấp bách cần được tập trung giải quyết. Khảo sát ở 3 quận, 4 huyện và 5 ngành sản xuất vật chất ở Hà nội cho thấy, tính đến ngày 15-12-1991, còn có tới 18 990 người vẫn phải nghỉ việc dài hạn hoặc nghỉ luân phiên.

Mặt khác, với cơ chế thị trường, cũng đã diễn ra sự khác biệt với khoảng cách ngày càng lớn về thu nhập giữa những người lao động trong cùng một cơ sở sản xuất, giữa những người lao động ở các cơ sở sản xuất và các gia đình khác nhau. Sự phân hóa giàu nghèo đã xuất hiện và đang có xu hướng phát triển.

So với 5 - 7 năm trước, vấn đề *nhà ở, tiện nghi sinh hoạt và đi lại* của người lao động thủ đô đã có bước tiến đáng kể. Giờ đây cuộc "chiến tranh" nhà cửa đã lắng dịu ; cảnh chen chúc lên xuống ở các bến ô tô buýt công cộng cũng không còn. Khảo sát cho thấy có 20% gia đình công nhân có xe máy, 70% có ti vi và 10% có tủ lạnh. Tuy nhiên, bước tiến đó là đáng kể so với quá khứ, chứ còn so với nhu cầu cuộc sống không ngừng tăng, thì chưa là bao nhiêu. Trong thực tế, người lao động còn gặp nhiều khó khăn chật vật về điều kiện ở và sinh hoạt. Hiện vẫn còn 8 đến 15% số người lao động phải ở nhà cấp 4 ; nhiều căn nhà tập thể công nhân đã xuống cấp nghiêm trọng ; vẫn còn trên 50% số gia đình chưa có khu phụ riêng, và khoảng 70% số gia đình chưa có nước vào tận nhà. Giá cả nhiều mặt hàng sinh hoạt đang là bài toán nan giải so với thu nhập hạn hẹp của

Digitized by Google

phần lớn người lao động làm công ăn lương. Ngoài ra, *điều kiện lao động* hiện nay cũng rất kém. Do môi trường ô nhiễm nặng (vì hóa chất và vì bụi bặm), do độ rung cao, thiếu ánh sáng, mất vệ sinh và thiếu những phương tiện an toàn cần thiết, *sức khỏe* của người công nhân bị giảm sút, bệnh nghề nghiệp phát triển. Theo điều tra, số công nhân sức khỏe loại 1 và loại 2 giảm dần, nay chỉ còn 38% (trong đó loại 1 chỉ có 9,4%) ; loại 3, 4 và 5 hiện chiếm 62% và đang có xu hướng tăng.

Về *đời sống tinh thần*.

Điều cần khẳng định là hiện nay người lao động thủ đô có điều kiện và khả năng hơn để tham gia hoạt động văn hóa và tiêu dùng văn hóa. Nguyên nhân là do trình độ văn hóa của họ hiện nay cao hơn trước và do sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa nghệ thuật, khoa học kỹ thuật và giao lưu xã hội. Nếu khẳng định tầm nhận thức văn hóa, tri thức khoa học kỹ thuật là thước đo của tiến bộ văn hóa, thì việc xem xét nhu cầu, quan điểm và thực tế học vấn là một phản ánh quan trọng về khả năng thực hiện văn hóa. Khảo sát cho thấy, hiện nay đa số lao động thủ đô đã tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên. Một bộ phận có khả năng nhất định về ngoại ngữ (như ở Trường công nhân kỹ thuật là 45,5% ; ở Công ty thiết bị đo điện là 21,9%). Điều tra cũng cho thấy, công nhân thủ đô, nhất là công nhân trẻ, có nhu cầu cao về học tập và tự đào tạo.

Văn hóa bao giờ cũng xuất phát và chịu sự chi phối của môi trường và điều kiện sống. Hà nội là trung tâm văn hóa của cả nước, vì vậy luôn xuất hiện sự giao thoa và ngược chiều của nhiều biểu hiện văn hóa, nhiều xu hướng văn hóa. Ở cấp độ vi mô, trong đời sống tinh thần của người lao động, cũng diễn ra những xung đột và đồng hóa văn hóa. Ngay trong tầng lớp xã hội này, cũng có sự khác biệt và đa dạng về khả năng và trình độ nhận thức, thị hiếu thẩm mỹ. Có thể thấy rõ điều này qua thực tế tiêu dùng văn hóa của người công nhân Hà nội. Về *theo dõi thông tin*, qua khảo sát, ta có các chỉ số sau : số người hằng ngày đọc báo là 43,8%, nghe đài : 42,2%, xem ti vi : 65%. Những vấn đề trên báo, đài được công nhân thủ đô quan tâm nhất là : thời sự chính trị trong nước (75,3%), đấu tranh chống tiêu cực (69,2%), văn hóa văn nghệ (67,1%), thể thao (60,8%). Tuy nhiên, đối với các loại hình văn hóa nghệ thuật tổ chức ở sân bãi và nhà hát, họ lại ít tham gia : 67% không đi xem phim ở rạp ; 60,5% không đi xem biểu diễn ca nhạc, kịch ; 86,6% không đi xem thi đấu thể thao. Điều này có nhiều nguyên nhân : do điều kiện kinh tế eo hẹp (không có tiền mua vé), do thời gian không có hoặc không thuận tiện (đọc báo, nghe đài, xem ti vi ở nhà thích hợp hơn), và cuối cùng, do chất lượng các loại hình nghệ thuật ở ta hiện còn thấp, chưa đáp ứng được đòi hỏi của công chúng, ít nhất cũng là công chúng ở tầng lớp xã hội này.

Tựu trung lại, đời sống văn hóa tinh thần của những người làm công ăn lương ở thủ đô hiện nay chưa cao. Ngay ở thủ đô mà đến hơn 50% số công nhân cả năm không một lần đến rạp chiếu bóng và nhà hát, không biết thế nào là tham quan du lịch. Ngoài điều kiện kinh tế khó khăn, cường độ lao động cao và quỹ thời gian rỗi eo hẹp, nhu cầu và khả năng thưởng thức các loại hình nghệ thuật ở tầng lớp xã hội này thực tế còn hạn chế. Mà điều này, như chúng ta đã biết, lại cực kỳ quan trọng đối với vấn đề tái sản xuất mở rộng, tái sản xuất con người về mặt xã hội.

Liên quan đến đời sống tinh thần là *tâm trạng* và *tính tích cực chính trị - xã hội* của người lao động. Quả thật, người làm công ăn lương hiện có quá nhiều điều để lo nghĩ và băn khoăn. Lựa chọn cách sống và ứng xử sao cho phù hợp, luôn luôn là vấn đề thường trực trong ý nghĩ mỗi người ở mọi vị thế. Trước hết là thái độ đối với công việc sản xuất ở đơn vị. Mức độ *hứng thú* của người lao động qua 8 đơn vị điều tra như sau : ở Nhà máy dụng cụ đo điện là 42,1% ; ở Nhà máy dệt 8-3 - 29,2% ; Nhà máy kẹo Hải hà - 53,9% ; Sở điện lực Hà nội - 40,6% ; Công ty vận tải Hà nội - 46,2% ; Trường công nhân kỹ thuật - 18,5%. Như vậy, ngay cả ở những đơn vị có tỷ lệ công nhân hứng thú với công việc cao nhất (53,9%), cũng không quá bán bao nhiêu. Rõ ràng, việc một bộ phận đông đảo những người làm công ăn lương không hứng thú trong công việc là một thực tế đáng lưu tâm, phản ánh những tương tác xã hội đang diễn ra. Trước hết, vấn đề lương thưởng ở không ít đơn vị sản xuất không đủ bảo đảm đời sống, chế độ phân phối còn bất hợp

(Xem tiếp trang 60)

Digitized by Google

HẠ CÁNH

DƯƠNG TÙNG

MỘT sĩ quan mới phục viên như tôi, buổi đầu tiên tham gia sinh hoạt chi bộ đường phố, biết được khá nhiều chuyện vui.

Chưa đến giờ họp, một số đảng viên nghỉ hưu tề tựu quanh bàn trà. Các cụ chuyện trò rôm như pháo tết.

Cụ có cặp kính đồi mồi lên tiếng :

- Tế ra, sống có khúc các cụ ạ. Cái lão tổng giám đốc bên cơ quan bà xã nhà tôi, 59 tuổi đầu còn bị còng tay, vào tù. Con cháu khóc lóc thảm thiết. Đáng ra hạ cánh an toàn mà lại trục trặc kỹ thuật.

- Nói chuyện "hạ cánh" thì muôn hình vạn trạng - cụ có mái tóc trắng như cước, chen vào. Tôi có ông bạn, những năm còn tại chức, đi nước ngoài rền rền. Người ta bảo ông có của chìm của nổi đầy nhà ! Mới đây, vừa có quyết định về hưu, vài hôm sau lại có giấy mời đến cơ quan nhận 100 triệu đồng, nói là để xây nhà riêng. Ông ta còn khủng khỉnh chê mảnh đất trong phố hẹp, muốn bươn ra ven đô, sống cho yên tĩnh.

Cụ bà ngồi cạnh tôi, chép miệng :

- Nước chảy chỗ trũng, có voi đòi tiên.

Cụ cặp kính đồi mồi bắt đầu hăng lên :

- Này, tôi rút ra quy luật rồi. Thằng nào ăn vụng mà biết chùi mép, lúc về vườn vẫn êm như ru. Tôi biết một tay ở cơ quan kinh tế nọ, mỗi chữ ký của gã có khi đẻ ra bạc triệu. Gã khôn, gã chăng mấy khi nhúng tay vào việc, trao hết quyền cho đệ tử. Tháng tháng, vợ gã chỉ việc ngồi nhà "thu tô". Mà cấm bọn đàn em nào quỵt được với gã. Các vị bảo, ngữ ấy trước khi về hưu, chưa chừng còn được khen là năng động, biết làm ăn nữa ấy chứ.

Một cụ vóc dáng gầy gò, chậm rãi :

- Chức quyền to mà vơ vét quá cũng nhục, dân người ta chửi cho ; ở môi trường kinh tế mà tham lắm, trước sau cũng ngồi tù. Tôi biết còn có những anh tính toán tinh khôn, lo xa có bài có bản. Ví như vị thủ trưởng cũ của tôi chẳng hạn. Ông ta thật lọc lõi tinh đời. Trước khi chia tay cơ quan về nghỉ, ông đã "ươm" đủ mấy người con vào những miếng đất phì nhiêu : một thằng hải quan, một thằng tàu biển ; hai cô con gái, một thuế vụ, một phiên dịch cho ngoại giao. Đấy là con. Còn hạng cháu chắt, ông "đầu tư" cho mỗi đứa một nơi theo nguyện vọng. Giờ, ông chỉ ngồi nhổ râu mà hưởng lộc ; lộc hái bên tây, hái bên đông. Rõ sướng !

- Chẳng bù cho vợ chồng bà hàng xóm nhà tôi - cụ bà cạnh tôi lại xăng xái góp. Hai vợ chồng dắt nhau "chào cơ quan" cùng về một lúc. Mức lương giờ mỗi người vài chục ngàn. Cậu con cả lính biên phòng ; cậu thứ hai làm kinh tế tận Tây nguyên ; cô gái út tốt nghiệp phổ thông, không việc làm. Hai thân già lẩy bẩy, tội nghiệp.

- Cứ như hai cụ ấy, tôi bảo là từ trên trời rơi bịch xuống đất, chứ sao lại gọi là "hạ cánh" ? - Cụ tóc trắng có nhận xét thật bất ngờ.

Cụ vóc dáng gầy gò trầm ngâm :

- Lứa như hai cụ ấy kể ra còn khối. Như tôi, như ông thì có khác gì. Âu cũng là vận mỗi người. Nhưng tôi nghiệm ra, anh trí thức nghỉ ngơi là ung dung tự tại nhất, phải không các cụ ? Các cụ biết giáo sư X ở tầng 5 khu C ta chứ ? Thấy cụ lọm khọm suốt ngày với mấy quyển sách dày cộp, viết viết xóa xóa. Hôm gặp tôi, cụ vồn vã mời vào xơi nước. Nhà tuềnh toàng, chỉ có cái máy chữ xách tay đặt trên trõng tre. Cụ bà phân trần : Ông nhà tôi tự hào mình sống cả đời thanh bạch. Trên 50 tuổi, ông ấy đã chối bỏ hết chức tước, địa vị, bảo rằng để cho bọn trẻ khỏe mạnh, hăng hái nó đảm nhiệm. Ông nghiên cứu, tầm chương trích cú và rồi cũng ra được dăm, ba đầu sách. Bạn bè quý hóa chúc mừng... Tôi vội ngắt lời, xuýt xoa : Vậy là hai cụ có cái vốn kha khá vui tuổi điền viên... Ông cụ lúc ấy mới cười phá lên : Vốn ! Có nhẽ cái vốn quý nhất là ngày sau, người đời còn biết cái tên để nhắc đến mình. Ngẫm cho cùng, nhắm mắt, mình đâu có kịp mang vốn đi hả cụ ?

Cụ bà cạnh tôi liền khen :

- Ông ấy rõ là một nhà hiền triết.

Thấy các cụ đã đi vào nội dung như một hội thảo khoa học, tôi bèn trịnh trọng xin phép được sơ kết.

- Thưa các cụ, cháu nghe các cụ nói nhiều chuyện hay quá. Như vậy là các cụ đã đưa ra mấy "mô hình hạ cánh".

Một, loại hạ cánh của các vị quyền cao chức trọng. Loại này, theo cháu, trừ một số ít kẻ công thần, mê say đặc quyền đặc lợi ra, thì phần đông sống liêm khiết, đạm bạc và gương mẫu.

Hai, loại các "bậc anh tài" ở nơi màu mỡ, có dính dến buôn lậu, tham ô, tham nhũng. Loại này không ít kẻ đã "gẫy cánh", và rơi trúng vào nhà đá rồi.

Ba, loại các bậc hiền sĩ, theo phương châm cổ truyền : "cóc chết để da, người ta chết để tiếng", quý hóa lắm, các cụ nhỉ.

Bốn, đông đảo các bô lão ta. Các cụ giờ sống gian nan, vất vả. Thương con cháu, thể tất hoàn cảnh chung, giấy rách các cụ vẫn cố giữ lấy lề.

Đến đây, cháu xin bổ sung thêm một mẫu hình "hạ cánh" nữa để các cụ tham khảo : Cha là đơn vị cũ của cháu có một ông tá, trước khi "nghỉ chế độ", ông kiên quyết từ chối không nhận căn hộ nhà nước phân cho ở Nghĩa đô. Ông bảo, người lính ở xuềnh xoàng thế nào cũng xong, chỉ tha thiết xin đơn vị đục cho một cái cửa ra mặt đường. Thế là vài tháng sau, một căn phòng rộng chừng vài chục mét vuông được mở ra. Cửa sắt, đèn dây sáng quắc ; cô con dâu nhà ông nhoẻn miệng cười, ngồi sau quầy giải khát. Hạ cánh, thưa các cụ, hạ xuống mặt phố có hợp lý không ?

- Thần tiên quá đi chứ !

- Thời buổi cơ chế thị trường, xuống mặt đường quả là lý tưởng !

- Các cụ ơi, ông tá hay ông nào cũng là bất đắc dĩ thôi. Chẳng phải ai cũng muốn xuống mặt đường. Mà xuống cả, lấy đâu đất mà chứa ?

Nghe tôi nói, các cụ cười khà khà :

- Ừ, thì ra chuyện hạ cánh đâu có đơn giản !

Digitized by Google

Thư gửi Bộ biên tập

Bạn đọc với
TẠP CHÍ CỘNG SẢN 1992

Năm 1992 sắp khép lại. Tạp chí Cộng sản ra mắt bạn đọc đến tháng này là tròn 12 số. Trong năm qua, Tạp chí tiếp tục được bạn đọc gần xa quan tâm tìm đọc, góp ý kiến, nhận xét, phê bình. Có rất nhiều ý kiến tâm huyết, quý báu và bổ ích. Nhân dịp kết thúc năm 1992, chúng tôi xin lược lại một số ý kiến chính mà bạn đọc góp cho Tạp chí Cộng sản trong năm 1992. Những ý kiến này chủ yếu dựa vào các thư từ bạn đọc gửi cho Bộ biên tập Tạp chí, đặc biệt là thư của các cộng tác viên ở các địa phương.

*

Đánh giá khái quát về các số Tạp chí trong năm nay (tính đến số 11-1992), nhiều bạn đọc khẳng định Tạp chí tiếp tục có sự đổi mới đúng đắn và chững chạc; "số nào cũng có bài hay, có tiếng vang, được dư luận chú ý". Trong 11 số đã ra, nổi lên một số số đặc sắc, như số 1, 2, 4, 6, 7, 8, 11. Điều đáng chú ý là, cùng với nội dung các bài được nâng lên về tính lý luận và tính chiến đấu, hình thức trình bày có nhiều cải tiến đã góp phần đổi mới đáng kể tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của bạn đọc, và phát huy tốt hơn tác dụng đối với cuộc sống. Đồng chí Vũ Đức Nghĩa từ An giang đã gửi về Bộ biên tập những dòng tâm huyết như sau : "Là một đảng viên, tôi cảm ơn những kiến thức và thông tin mà Tạp chí đã trang bị cho chúng tôi... Tôi mong rằng BCHTƯ Đảng có kế hoạch phân bố Tạp chí đến từng chi bộ, tổ đảng trên khắp miền đất nước, kể cả các tổ chức đoàn thể và các cơ quan thuộc hệ thống nhà nước ; và coi việc đọc Tạp chí như là một sinh hoạt không thể thiếu được của mỗi cán bộ, đảng viên".

Nhiều bạn đọc nhận xét : Năm 1992 Tạp chí tiếp tục đi sâu tuyên truyền các nội dung, quan điểm Đại hội VII của Đảng và các nghị quyết của Trung ương sau đại hội. Những vấn đề chung về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã được nhiều tác giả đề cập. Nhiều bạn quan tâm và hoan nghênh các bài phân tích tình hình quốc tế, giúp bạn đọc trước những biến động chính trị - xã hội phức tạp ở Đông Âu và Liên xô (cũ) có được những thông tin tương đối có hệ thống, góp phần phân tích, lý giải nguyên nhân dẫn đến những biến động trên, qua đó, giúp họ có được những định hướng tư tưởng cần thiết. Các bài : "Không có sữa và mật ong trong tương lai của Liên xô" (Michio Kaku) ; "Một nước Mỹ mà nhiều người không biết đến" (Bà Ngô Bá Thành) ; "Thế giới năm 1991" (Phan Doãn Nam) ; "Bài học thời đại" (Đoàn Chương) ; "Vì sao chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô sụp đổ" (Sóng Tùng) ; "Vì sao Đảng cộng sản Liên xô tan rã ?" (Nguyễn Phú Trọng) ; "Thế giới sau Liên xô sụp đổ" (Vũ Hiền)... đã được hoan nghênh.

Đồng chí Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình thuận nhận xét : "Gần đây, trên Tạp chí số bài viết chống các luận điểm sai trái phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phủ nhận chủ nghĩa xã hội v.v. có nhiều hơn, kiên quyết hơn. Việc làm đó được đông đảo cán bộ, đảng viên hoan nghênh... Tuy nhiên, bạn đọc còn muốn được phân tích rõ thêm : Liệu trước tình hình như vậy, chúng ta có giữ được chủ nghĩa xã hội không ? Với hoạt động bung ra như hiện nay của các thành phần kinh tế, liệu Nhà nước ta có quản lý được không ?". Một bạn đọc ở Củ chi nhận xét : "Điều đáng mừng là tìm thấy ở Tạp chí tiếng nói chính thống của Đảng, không sợ "cái loạn, cái bẫy" trong thông tin bây giờ. Song đồng thời cũng nắm bắt được những cái mới trong tư duy".

Việc Tạp chí chú ý cung cấp những ý kiến khác nhau chung quanh một vấn đề đã sáng tỏ hoặc chưa thật sáng tỏ nhằm làm cho những vấn đề lý luận và thực tiễn đề cập trên tạp chí thêm phong phú, không xuôi chiều, cũng làm cho bạn đọc thích thú. Về những sự kiện quốc tế, việc đăng tải các bài của các tác giả có những chỗ đứng khác nhau hoặc đã và đang sống ở các nước tư bản chủ nghĩa (như các bài "Không có sữa và mật ong trong tương lai của Liên xô" của Michio Kaku ; "Một nước Mỹ mà nhiều người không biết đến" của Bà Ngô Bá Thành ; "Về trật tự thế giới mới" của Tiến sĩ T.Q.Đ...) được nhiều bạn đọc hoan nghênh và tìm đọc. Cụ thể bài "Chủ nghĩa xã hội : những cáo phó quá sớm" (Giêm Pi-tơ-rát, số 7-1992), có bạn đọc nhận xét : "Bằng những lập luận chặt chẽ, xác đáng, không mang tính ép buộc, những dẫn chứng thực tế đầy tính thuyết phục, tác giả đã vạch trần được mặt trái của thế giới tư bản chủ nghĩa, để đi đến kết luận loài người cần từ bỏ xã hội đó để xây dựng một xã hội cao đẹp hơn : xã hội xã hội chủ nghĩa. Tác giả lại là người ở phía bên kia, do đó bài báo ngoài giá trị lý luận còn mang tính thuyết phục, nhất là trong tình hình hiện nay" (Nguyễn Thái Sơn, Thừa thiên - Huế).

Phục vụ kịp thời cho việc nghiên cứu và thực hiện các nghị quyết của Đảng, Tạp chí đã có những bài

Digitized by Google

có giá trị về tính lý luận và chỉ đạo thực tiễn. Đó là các bài : "Độc lập tự chủ, tự lực tự cường xây dựng đất nước (Xã luận số tháng 2-1992), "Nắm vững các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác lý luận (Xã luận số tháng 6-1992) và các bài chuyên luận : "Thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta" (Đỗ Mười, số 8) ; "Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh" (Đào Duy Tùng, số 5) ; "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay" (Nguyễn Đức Bình, số 6) ; "Những nhiệm vụ cấp bách đổi mới và chỉnh đốn Đảng" (Lê Phước Thọ, số 7)... Bạn đọc nhận xét : "Trong số này (số 8) có nhiều bài hay, đặc biệt có nhiều bài phục vụ Nghị quyết trung ương 3, nhất là bài của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười. Trong bài viết của mình, đồng chí Đỗ Mười đã làm toát lên tầm quan trọng và nội dung của Nghị quyết trung ương 3" (Nguyễn Quý Nỹ, huyện Kim môn, tỉnh Hải hưng). Tán thành quan điểm trên, đồng chí Nguyễn Hữu Vịnh, hiệu trưởng một trường phổ thông cơ sở ở Hải hưng, còn nói rõ : "Bạn đọc thích các bài trên vì bài viết phục vụ kịp thời cho cơ sở triển khai học tập Nghị quyết trung ương 2 và Nghị quyết trung ương 3, những vấn đề mà bạn đọc phải quan tâm như : về công tác xây dựng Đảng, về tình hình trong nước và quốc tế và vấn đề đối ngoại của Đảng ta".

Rất nhiều ý kiến nhận xét các mục "Chủ nghĩa xã hội : lý luận và thực tiễn", "Nghiên cứu - Trao đổi" có nhiều bài đạt được tầm lý luận, khơi gợi được những suy nghĩ và chứa đựng tính dự báo khoa học. Cũng vì vậy, bạn đọc ở nhiều ban ngành của trung ương và ở các địa phương, tuy cương vị và tính chất công tác khác nhau, đều nhất trí cho rằng : *Tạp chí Cộng sản* là tạp chí của trí tuệ, thực sự bổ ích và hấp dẫn. Tạp chí đã nắm bắt được quan điểm, tư tưởng mới của Đảng ta, đã lý giải, phân tích và làm sáng rõ cơ sở khoa học lý luận, thực tiễn của các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Và bạn đọc "Rất mong ở Tạp chí Cộng sản - một người bạn sâu sắc đáng tin cậy - ngày càng có nhiều lý giải mới, cụ thể có tính thuyết phục ở các lĩnh vực" (Nguyễn Thái Sơn, Thừa thiên - Huế).

Năm 1992, so với các năm trước, Tạp chí đã đề cập tương đối toàn diện các vấn đề, các lĩnh vực, và dù chưa thật đầy đủ, cũng đã giải quyết được các trọng tâm, trọng điểm. Một số vấn đề lâu nay "vắng bóng" trên Tạp chí, như vấn đề sở hữu, vấn đề văn hóa văn nghệ, gần đây cũng đã được các tác giả tiếp cận ở nhiều góc độ. Việc đánh giá tương đối toàn diện tình hình văn học của thời kỳ đổi mới đã góp tiếng nói và những định hướng cần thiết.

Các bài về địa phương và các ngành, có những tiến bộ nhất định : cố gắng đi vào điều tra, bước đầu tổng kết, bớt được tính miêu tả phản ánh đơn thuần, hoặc đi vào nghiệp vụ chuyên ngành mang tính báo cáo hằng năm. Đặc biệt, số bài viết về các tỉnh phía Nam và bài viết của các tác giả phía Nam đã chiếm một tỷ lệ đáng kể trong mỗi số báo. Trên Tạp chí, ngoài những tác giả quen biết, cũng đã xuất hiện nhiều gương mặt trẻ có trình độ khoa học.

Một số ý kiến cho rằng các thể tài và chuyên mục trên Tạp chí khá đa dạng ; mặc dù ranh giới giữa một số chuyên mục còn chưa thật rõ, song mỗi chuyên mục đã đáp ứng được yêu cầu nhất định và thể hiện được tính chất riêng. Về mục "Chủ nghĩa xã hội : lý luận và thực tiễn", có bạn viết : "Tuy là Tạp chí có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề lý luận chung, nhưng cũng rất thiết thực với các cán bộ quản lý cơ sở xã ở nông thôn". Hoặc "Số báo kỳ này (10-1992) lại thể hiện thêm một sự đáp ứng yêu cầu bạn đọc, Tạp chí mở thêm mục "Tìm hiểu khái niệm" và "Tin hoạt động lý luận" nhằm giúp bạn đọc hiểu thêm, nắm rõ những khái niệm lý luận cơ bản và các hoạt động lý luận" (Nguyễn Quý Nỹ, Kim môn - Hai hưng).

Bạn đọc cũng ghi nhận là năm 1992, Tạp chí có một số chủ đề tập trung (về tư tưởng Hồ Chí Minh, về Nghị quyết Bộ chính trị về công tác lý luận, về Nghị quyết trung ương 3 về xây dựng Đảng...). Trong từng số, các bài nói chung biên tập khá chặt chẽ, ngắn gọn, trình bày nghiêm túc, ít có sai sót về in ấn. Bạn đọc coi đấy là biểu hiện tôn trọng người đọc.

Nhiều bạn ở các ban, ngành, các địa phương hoan nghênh việc Bộ biên tập coi trọng và thường xuyên tổ chức thu thập thông tin bạn đọc, thể hiện thái độ thực sự cầu thị của những người làm báo đảng. Việc trả lời kịp thời bằng thư cho các bạn có bài và thư gửi đến cơ quan, cũng làm cho mối quan hệ giữa Bộ biên tập và bạn đọc thêm gắn bó. Đồng chí Trần Văn Nghiêm, một bộ đội phục viên (hiện ở thôn Phong lộc tây, Nam phong - Nam ninh - Nam hà), có gửi cho chúng tôi những dòng tâm sự như sau : "Tôi 38 tuổi, có vợ và 2 con gái đang học cấp I, tôi rất coi trọng đời sống tinh thần, nên đã đặt mua cho vợ báo *Phụ nữ*, cho con báo *Nhi đồng*, tôi thì *Tạp chí Cộng sản, Nhân dân chủ nhật, Văn nghệ*. Để có cuộc sống vật chất và tinh thần ngày một tốt hơn, tôi đã làm VAC và thực hiện kế hoạch hóa gia đình... Tôi rất phấn khởi đã nhận được thư trả lời của Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*, vợ tôi cũng phấn khởi và cứ giục tôi viết thư lên cảm ơn các bác trên ấy".

Bạn đọc hoan nghênh Bộ biên tập đã cải tiến công tác tổ chức biên tập và phát hành, do đó hằng tháng Tạp chí về đến địa phương, cơ sở sớm hơn và đều đặn hơn, bảo đảm tính thời sự.

Hiểu rõ chức năng của Tạp chí là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, rất nhiều bạn đọc đòi hỏi Tạp chí cần có nhiều bài lý luận tầm cỡ hơn, sắc sảo hơn, và đề cập nhiều hơn đến một số vấn đề lý luận cơ bản cần thiết hiện nay. Bạn đọc cho rằng, do đối tượng phục vụ của Tạp chí tương đối rộng (bao gồm cán bộ lãnh đạo trung cao cấp, trí thức trong và ngoài Đảng, bí thư chi bộ cơ sở), khoảng cách giữa các đối tượng về trình độ nhận thức và lý luận khá xa nhau, nên tạp chí khó có

Digitized by Google

thể cùng một lúc đáp ứng được yêu cầu của mọi đối tượng. Vì vậy, một số bạn đọc đã mạnh dạn gợi ý : Tạp chí có nên xem xét, xác định lại đối tượng phục vụ của mình không ? Bởi vì, theo bạn đọc, nếu Tạp chí thu hẹp đối tượng phục vụ, chắc tác dụng sẽ cao hơn.

Bạn đọc ở phía Nam, tại các địa phương và cơ sở, ghi nhận Bộ biên tập năm nay đã chú ý hơn lượng bài về địa phương, song vẫn nhắc nhở : chưa có nhiều bài tổng kết thực tiễn và điều tra những điển hình tiên tiến, phát hiện các mô hình mới trên các lĩnh vực ở các địa phương và cơ sở, do đó Tạp chí chưa phát huy cao vai trò chỉ đạo thực tiễn của mình.

Một số bạn phê bình Tạp chí vẫn còn lác đác những bài dài, phong cách cổ, vẫn còn bài quá sơ sài về nội dung, biên tập không chặt, từ hoặc khái niệm dùng thiếu chính xác.

Mục "Sinh hoạt tư tưởng" vẫn đáp ứng được yêu cầu về tính chiến đấu của tạp chí như trước đây. Song một số bạn ở Hà bắc, Nam hà, Thái bình, Thừa thiên - Huế muốn được trao đổi thêm : tính chiến đấu ở các bài "Sinh hoạt tư tưởng" có nên chỉ dừng ở phạm vi phê phán cái tiêu cực không ? Theo bạn đọc, phê phán cái tiêu cực cũng là để khẳng định và vươn tới cái tích cực, vươn tới cái chân, thiện, mỹ. Vì vậy, nên chăng ở các bài trong mục này cũng cần viết cả về cái tốt, cái đẹp trong cuộc sống nữa. Có như vậy, mới gây được nhuệ khí, làm cho người đọc bớt lo lắng, bi quan vì chỉ thấy những tiêu cực trong cuộc sống.

Nhiều bạn còn kiến nghị Bộ biên tập "nên mời thêm những nhà lý luận, những trí thức ở các tỉnh phía nam viết bài cho Tạp chí. Nếu khéo tổ chức, số đó sẽ rất đông. Hiện nay, có một số người đối với Tạp chí còn có thái độ "kính nhi viễn chi" (Giáo sư Hoàng Như Mai, đồng chí Trần Quang Lê - TP Hồ Chí Minh). Cùng với đề nghị Tạp chí nên mở rộng hơn nữa đội ngũ cộng tác viên và thông tin viên, bạn đọc cũng rất quan tâm đến công tác phát hành Tạp chí : "Tôi nghĩ hiện nay, trong hoàn cảnh nước ta, công cuộc đổi mới đang rất cần tư duy lý luận, vậy thì rất cần phát hành *Tạp chí Cộng sản* một cách sâu rộng" (Nguyễn Đình Hạnh, Bộ y tế).

Coi Tạp chí là người bạn tin cậy, có bạn đã tâm sự với Bộ biên tập niềm phấn khởi cùng nỗi băn khoăn, trăn trở của mình : "Qua đài phát thanh, được nghe giới thiệu *Tạp chí Cộng sản*, tôi lấy làm thích thú và đã đặt mua... Nội dung của các số nói nhiều và cụ thể về công tác lý luận tôi lại càng thích thú, trân trọng, biết ơn và suy nghĩ. Cả xã tôi ngoài đồng chí chủ tịch và bí thư được phát, chỉ có tôi là đảng viên tự đặt mua. Chắc hẳn là do nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân cơ bản, theo tôi nghĩ là đảng viên đã không coi trọng lý luận. Có đồng chí hỏi tôi : "Ông đọc quyển này (*Tạp chí Cộng sản*) nhằm giải quyết cái gì ? Một mình ông làm được cái gì ?" Tôi đã trả lời : "Tôi được cái nhận thức và học tập". Rõ ràng không ai tránh khỏi sự chi phối của xã hội. Song tôi có lập trường của tôi" (Trần Văn Nghiêm, Phong lộc tây - Nam ninh - Nam hà). Cũng với một trăn trở như vậy, đồng chí Nguyễn Hữu Vịnh, hiệu trưởng Trường phổ thông cơ sở cấp II Thượng vũ - Kim môn - Hải hưng, cho biết : "Ở cơ sở cũng có cái phức tạp : có báo rồi, có tài liệu rồi, song việc tổ chức học tập nghiên cứu ra sao để đạt chất lượng còn tùy thuộc ở sự chỉ đạo của đảng ủy và cái tài của người bí thư chi bộ. Nếu không, báo chí chỉ dừng lại ở đồng chí bí thư".

Ghi nhận sự bổ ích do Tạp chí mang lại, đồng chí Lê Lương, một đại tá quân đội đã nghỉ hưu tại Hà nội, phản ánh : "Điều đáng chú ý hiện nay là số người đọc Tạp chí chưa nhiều, theo tôi chẳng phải do Tạp chí kém hấp dẫn mà chủ yếu là tinh thần học tập chính trị của nhiều cán bộ đảng viên bị sút kém. Là một cán bộ hưu trí, mỗi lần đọc xong một số *Tạp chí Cộng sản*, tôi cảm thấy như mình vừa được dự nhiều cuộc nói chuyện, tập huấn ; được sáng tỏ nhiều vấn đề chính trị, thời sự, kể cả một số vấn đề trước đây đã học tập ở trường Đảng, nay cũng thấy cần nhận thức lại, ví dụ vấn đề về hệ thống chính trị, về đường lối cán bộ, về công tác xây dựng Đảng, v.v.. Vì thế, tôi rất tiếc cho một số cán bộ, đảng viên đang tại chức mà lại sao nhãng việc đọc Tạp chí của Đảng". Đồng chí Lê Lương đã kiến nghị một số biện pháp giải quyết : "1 - *Tạp chí Cộng sản* là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, vì vậy cần được các cấp các ngành coi trọng. Các đồng chí thủ trưởng đơn vị và các đồng chí phụ trách công tác tư tưởng các cấp cần xác định trách nhiệm phải đọc *Tạp chí Cộng sản* một cách đều đặn, chọn những bài quan trọng, thích hợp với đối tượng cơ quan mình, tổ chức đọc chung ; 2 - Hiện nay nhiều đảng ủy cơ sở đã mua Tạp chí cấp phát cho các chi bộ. Đề nghị các nơi khác cũng làm như vậy. Việc giới thiệu nội dung, hướng dẫn các bài cần đọc cần được đi vào nền nếp thường xuyên hằng tháng, kỳ sinh hoạt chi bộ ; 3 - *Tạp chí Cộng sản* cần tổ chức tốt việc tuyên truyền giới thiệu Tạp chí (ít nhất là mục lục và các bài chủ chốt) trên các phương tiện thông tin đại chúng, và các phương tiện thông tin đại chúng cần có trách nhiệm phối hợp tuyên truyền giới thiệu Tạp chí cho khán giả hoặc bạn đọc của mình".

Bạn đọc thân mến,

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các bạn đã có những ý kiến nhận xét và phê bình sâu sắc đối với tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. Những vấn đề các bạn nêu lên sẽ giúp chúng tôi tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tìm cách cải tiến, để sớm đáp ứng được đòi hỏi của bạn đọc, làm cho Tạp chí ngày càng có nhiều bạn tìm đọc.

Chắc chắn những ý kiến tập hợp trên đây chưa phản ánh được hết những suy nghĩ của bạn đọc về Tạp chí. Chúng tôi rất mong nhận được thêm những ý kiến và thông tin mới của các bạn.

Ban bạn đọc
Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

BIN CLIN-TƠN, TIẾNG NÓI CỦA "ĐA SỐ THẦM LẶNG" ?

LA CÔN

"Đa số thầm lặng" thường được dùng để nói tầng lớp trung lưu ở Mỹ. Họ chiếm khoảng 60% số dân. Họ tiêu biểu cho sức tiêu dùng lớn nhất của Mỹ, là nguồn lực của nền sản xuất Mỹ, là nền tảng của xã hội Mỹ. Ấy vậy mà suốt 12 năm dưới chính quyền của Đảng cộng hòa, quyền lợi của tầng lớp thượng lưu được bảo vệ. Số này chỉ chiếm khoảng 20% số dân. Trong đó chủ yếu là 101 nhà tỷ phú và 157 công ty khổng lồ. Trong khi đó, lợi ích của tầng lớp trung lưu, nhất là bộ phận bên dưới, cũng chiếm khoảng 20% số dân, bị thiệt thòi nhiều. Do chính sách làm cho "người giàu càng giàu" của Ri-gân và Bu-sơ, nên khá đông người trung lưu bị sa sút, bị đẩy xuống đội ngũ người nghèo khổ. Ngay từ đầu nhiệm kỳ đầu của tổng thống Ri-gân, học giả nổi tiếng Mai-cơn Ha-rinh-tơn đã viết sách nói lên diện mạo đích thực của sự nghèo khổ ở Mỹ. Ông cho rằng sự bần cùng hóa một bộ phận người trung lưu không chỉ làm tăng thêm người nghèo khổ, mà còn kéo theo sự co hẹp thị trường, dẫn đến sản xuất giảm sút và thất nghiệp. Chính là dưới chính quyền Ri-gân, đã diễn ra cuộc "chiến tranh chống người nghèo khổ" thay cho "cuộc chiến tranh chống sự nghèo khổ" đã bị bỏ dở dưới thời Ken-nơ-đi và Giôn-xơn. Năm 1991, người ta còn thông qua những quyết định làm vô hiệu hóa Luật dân quyền đối với 50 triệu người nghèo khổ, một đạo luật đã tồn tại hơn 200 năm ở Mỹ. Nước Mỹ trong thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90, đã thực sự xuất hiện "hội chứng nghèo khổ" mà hậu quả còn tồi tệ hơn cả "hội chứng Việt nam". Cùng với thời gian, hội chứng nghèo khổ sẽ càng gay gắt, xã hội sẽ càng phân hóa, hố ngăn cách giữa 20% số dân, những người giàu có, gần gũi các quan chức trong chính quyền, với 80% số dân còn lại sẽ càng sâu thêm.

Rõ ràng, *chính sách kinh tế-xã hội của Đảng cộng hòa đã làm tầng lớp trung lưu bất bình. Họ tìm thấy những hy vọng thay đổi chính sách ở ứng cử viên tổng thống Bin Clin-tơn.* Và chính những lá phiếu của "đa số thầm lặng" này đã góp phần làm cho thống đốc bang A-cơn-xo, một bang chẳng mấy tiếng tăm ở Mỹ, "thắng lợi long trời lở đất".

Trong mấy thập kỷ qua, nhất là dưới thời Ri-gân và Bu-sơ, việc chạy đua vũ trang đã gây những hậu quả nghiêm trọng. Ngành công nghiệp dân sự bị chèn ép, thu hẹp, và đình đốn, bị phá sản, gây ra thất nghiệp hàng loạt. Ca-li-pho-ni-a, bang trước kia do Ri-gân làm thống đốc, đã từng được ưu tiên nhận tới 23% giá trị đơn đặt hàng của Bộ quốc phòng Mỹ. Đó là địa bàn hoạt động của 6 trong số 10 công ty công nghiệp quân sự khổng lồ của Mỹ, được Ngân hàng liên bang cho vay từ 80-90% vốn kinh doanh. Ca-li-pho-ni-a đã được mệnh danh là "thủ đô của ngành sản xuất quân sự thế giới". Việc quân sự hóa nền kinh tế đã làm điêu đứng hàng loạt công ty công nghiệp dân dụng. Trong đó, có cả các chi nhánh của hãng Giê-nê-rơn Mô-tơ, công ty ô tô lớn nhất thế giới, làm mất việc làm của 300 000 người. Doanh thu của hãng này năm 1991 lên tới 124 tỉ USD, là công ty phát đạt nhất thế giới. Năm 1978 nó có 476 000 công nhân thì năm 1991 chỉ còn 260 000 công nhân, từ nay đến năm 1995 sẽ còn cắt giảm 74 000 người nữa. Hàng chục vạn người bị sa thải trong 14 năm qua, một phần là do hậu quả của sự cạnh tranh quyết liệt giữa hai ngành công nghiệp *quân sự* và *dân dụng*. Hầu hết những người

Digitized by Google

bị sa thải đã tham gia đội quân thất nghiệp. Nhìn chung toàn liên bang, năm 1991, có tới 36 triệu người, chiếm 40% lực lượng lao động, không có việc làm, hoặc làm rất ít giờ, làm công việc tạm bợ, không đủ sống. Nhà tỉ phú Pê-rô, mặc dù là ứng cử viên độc lập, nhưng ông đại biểu cho một phần công nghiệp dân sự, chống lại chính sách quân sự hóa kinh tế. Ông đã bỏ tiền riêng 59,2 triệu USD để vận động bầu cử, và thu được 19% số phiếu, những lá phiếu đáng lẽ bầu cho Bu-sơ. Ông Pê-rô đã đạt được yêu cầu của mình là *phải làm cho cuộc bầu cử này đưa đến "sự thay đổi nền chính trị Mỹ"*, đưa lại sức sống cho ngành công nghiệp dân dụng, thúc đẩy sự tăng thêm việc làm, giảm thất nghiệp. Cuộc "đại náo Oa-sinh-tơn" của ông Pê-rô đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của ông Clin-tơn. Sau khi thắng cử, ông Bin Clin-tơn đã có liên hệ với ông Pê-rô về một sự hợp tác nào đó.

Sự suy thoái của nền kinh tế Mỹ là một sự thật cay đắng mà đông đảo cử tri Mỹ rất quan tâm. Cuộc suy thoái này không chỉ thể hiện ở nạn thất nghiệp, ở tình trạng nghèo khổ gia tăng, ở sự phá sản liên tiếp của các doanh nghiệp, mà còn ở sự thâm hụt ngân sách trầm trọng, nhà nước nợ nần chồng chất, khả năng cạnh tranh và vị trí của kinh tế Mỹ bị lung lay trước các đối thủ hùng mạnh trên thế giới. Nếu truy tìm nguyên nhân, thì có thể thấy một phần quan trọng là do chính sách kinh tế tự do cạnh tranh mà chính quyền của Đảng cộng hòa chủ trương. "Học thuyết kinh tế Ri-gân" đã hạ thấp vai trò "điều tiết" của nhà nước tới mức nhà nước chỉ còn là "con bò sữa" nuôi béo các tập đoàn tư bản kếch sù bằng những khoản tín dụng khổng lồ. Nhà nước này hoàn toàn bỏ mặc tầng lớp trung lưu và bộ phận nghèo khổ, để mặc họ cho thị trường tự do vùi dập, bỏ rơi họ trước sức mạnh cạnh tranh "cá lớn nuốt cá bé" của các công ty siêu quốc gia. Đông đảo nhân dân Mỹ chán chường đến mức họ ngày càng xa lánh chính quyền, xa lánh chính trị, mất hết niềm tin vào thể chế nhà nước, một thể chế được gọi là "dân chủ" nhưng không có công bằng, một thể chế chủ yếu phục vụ lợi ích người giàu.

Theo báo *Người bảo vệ* số ra ngày 18-3-1992, trong cuộc bầu cử vừa qua, đã có tới 70 triệu người không ghi tên vào danh sách cử tri đi bầu, trong đó 2/3 là người có thu nhập thấp. Nhiều học giả Mỹ vạch rõ rằng, cuộc suy thoái này đã vượt ra ngoài khuôn khổ của những cuộc khủng hoảng chu kỳ lặp đi lặp lại, kể từ 150 năm trước đây cho đến nay. Hoa kỳ đang đứng trước cuộc khủng hoảng kinh tế - chính trị, đe dọa sự tồn tại của chế độ xã hội dựa trên nền kinh tế bất công nói trên. Đương nhiên, bản chất của chủ nghĩa tư bản Mỹ chưa thay đổi và chưa có triển vọng thay đổi. Song, tình trạng khủng hoảng tới mức không bảo đảm được việc làm cho gần nửa số người lao động, hàng chục triệu người phải sống ở mức nghèo khổ, điều đó không thể không gây sự nhức nhối trong người dân Mỹ. *Họ đòi phải thay đổi. Và điều này là nguyên nhân quan trọng đưa ứng cử viên của Đảng dân chủ vào Nhà trắng.* Tổng thống đắc cử hứa hẹn sẽ cải cách chính trị, vãn hồi nền kinh tế, đoàn kết nhân dân Mỹ. Một trí thức trẻ tuổi và giàu nghị lực như ông Bin Clin-tơn, lại đứng đầu một cường quốc hùng mạnh như nước Mỹ, hẳn không khỏi không có những hoài bão lớn.

Ngày 4-11-1992, đài BBC có nói : "Vị tổng thống cuối cùng đã từng chiến đấu trong thế chiến II được thay thế bằng một người khởi đầu sự nghiệp chính trị bằng hành động chống đối chiến tranh Việt nam". Cuộc sống đã mang lại cho nhân dân Việt nam những hiểu biết thật sự về chính quyền Mỹ. Chúng ta không thể quên những tội ác của đế quốc Mỹ chống nhân dân Việt nam, nhưng luôn luôn trân trọng và biết ơn nhân dân Mỹ đã từng đoàn kết và ủng hộ nhân dân Việt nam trong chiến tranh chống Mỹ. Trong quan hệ giữa Việt nam và Hoa kỳ, những bước cải thiện từ trước tới nay quá ư chậm chạp do những người cầm quyền ở Mỹ chưa thực sự có thiện chí. Hy vọng rằng trong xu thế hòa bình và phát triển chung trên thế giới, chính quyền Clin-tơn sẽ tỏ rõ sự sáng suốt và thiện chí hơn để quan hệ giữa hai nước sớm có những bước phát triển mới, có tính chất bước ngoặt, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Việt nam và sự mong mỏi của đông đảo giới kinh doanh và nhân dân Mỹ.

Digitized by Google

Mấy xu hướng về quân sự hiện nay trên thế giới

TRẦN TRỌNG *

NHỮNG biến động của tình hình quốc tế mấy năm gần đây đang tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến hàng loạt quốc gia về nhiều mặt, kể cả trong lĩnh vực quân sự. Và, chưa bao giờ, những vấn đề quân sự lại phát triển xoắn xuýt, đan xuyên, quyện chặt với nhiều lĩnh vực chiến lược khác như chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật và an ninh xã hội, cả về đối nội và đối ngoại như hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu động thái quân sự trên thế giới sẽ cung cấp cho chúng ta những gợi ý cần thiết để xem xét và đánh giá tình hình một cách toàn diện.

Hiện nay, về quân sự trên thế giới, đang nổi lên mấy đặc điểm sau đây :

Cán cân quân sự bị đảo lộn. Sự tan rã của cường quốc quân sự Liên xô và khối Vác-sa-va đã làm cho không những cán cân quân sự toàn cầu, mà cả sự cân bằng chiến lược trên từng khu vực thế giới cũng bị đảo lộn nghiêm trọng. Sự đảo lộn này dĩ nhiên rất có lợi cho các nước NATO. Nhưng đồng thời, cũng tạo ra cho các nước đó những khó khăn và mâu thuẫn mới do chỗ - như nhiều người đã nhận xét - "thắng lợi quá nhanh, quá bất ngờ và quá lớn nên không thể tiêu hóa nổi" !

Xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ tăng lên. Sự bùng nổ của chủ nghĩa dân tộc các loại và chủ nghĩa ly khai đã và đang xé nhỏ một số nước và liên bang cũ (như Liên xô, Nam tư, Tiệp khắc). Tại một số nơi, nhiều hoạt động bạo lực, xung đột vũ trang, thậm chí nội chiến đã diễn ra, mặc dầu đã có nhiều cố gắng dàn xếp hòa bình. Nguy cơ chiến tranh cục bộ đang tăng lên, đe dọa hòa bình, an ninh và ổn định của nhiều nước và khu vực. Thế giới sau chiến tranh lạnh không phải là một thế giới hòa bình, ổn định và phát triển như người ta mong đợi.

Vũ khí hiện đại dùng cho chiến tranh thông thường tiếp tục tăng thêm. Nhiều nước đang tăng cường mua sắm các loại vũ khí thông thường hiện đại, nhất là vũ khí kỹ thuật cao. Góp phần quan trọng vào kho vũ khí này phải kể phần lớn số vũ khí hiện đại của Liên xô trước đây và của các nước trong khối Vác-sa-va cũ đang được nhập vào nhiều khu vực. Dĩ nhiên, không thể bỏ qua vai trò của những nước vốn có truyền thống xuất khẩu và kinh doanh vũ khí, đang lợi dụng tình thế, mở rộng thị trường, để "đục nước béo cò". Trong lúc đó, các học thuyết chiến lược và chiến lược quân sự - kể cả toàn cầu, khu vực và quốc gia - của nhiều nước lớn và nhỏ, đang lâm vào khủng hoảng. Nhiều nhà bình luận đã dự đoán : sự khủng hoảng tất yếu này có thể còn kéo dài đến nửa sau thập kỷ này.

Thực tế hiện nay nhiều nước đang phải điều chỉnh hoặc hoạch định lại chính sách và chiến lược quân sự và quốc phòng bằng nhiều cách khác nhau. Tựu trung đang nổi lên *mấy xu hướng* như sau :

Điều chỉnh chiến lược quân sự. Từ bối cảnh chiến tranh lạnh chuyển sang hòa dịu, các nước đều đang trong quá trình điều chỉnh lại chiến lược quân sự. Mục tiêu chiến lược mỗi nước, mỗi vùng có khác nhau. Trước hết là các nước lớn. Mỹ đang triển khai một chiến lược mới nhằm hình thành và bảo vệ thế "một cực" của Mỹ. Các nước Tây Âu trong NATO muốn có một sức mạnh quân sự độc lập với Mỹ, tạo thành thế chiến lược riêng của châu Âu để hạn chế và đẩy lùi quyền khống chế của Mỹ. Cộng hòa liên bang Đức và Nhật bản đang có ý đồ vươn lên thành cường quốc kinh tế quân sự có vị trí và ảnh hưởng trên thế giới. Trung quốc cũng đang tăng cường quốc phòng để phát triển ảnh hưởng trong khu vực. Những điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đều có ảnh hưởng ít nhiều đến các nước khác. Còn chiến lược quân sự của

* Đại tá, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*

Digitized by Google

các nước vừa và nhỏ chủ yếu là nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh và ổn định.

Giảm mạnh số quân đi đôi với điều chỉnh cơ cấu và tổ chức lại quân đội. Hiện nay đã có gần 30 nước tuyên bố cắt giảm số quân. Mỹ sẽ giảm 500 000, đưa tổng số quân từ 2,5 triệu xuống còn khoảng 1,55 triệu nước năm 1995. Liên bang Nga sẽ cắt giảm thêm 700 000, đưa tổng số quân xuống còn 1,5 triệu. Trung quốc đã giảm khoảng 10% số quân và sẽ cắt giảm thêm khoảng một triệu quân nữa. Khối NATO quyết định sẽ giảm số quân của bộ đội thống nhất châu Âu từ 1,83 triệu xuống còn 90 vạn. Pháp sẽ giảm 10%, Ca-na-đa sẽ giảm 10% trong 3 năm.

Đi đôi với việc cắt giảm mạnh số quân, nhiều nước đang khẩn trương điều chỉnh lớn về cơ cấu và tổ chức lại quân đội. Sau chiến tranh vùng Vịnh, Mỹ đang điều chỉnh lớn về biên chế tổ chức cả ba quân chủng nhằm sẵn sàng đối phó hữu hiệu hơn với cái gọi là mọi "sự kiện bất ngờ". Nhiều nước khác như Đức, Anh, Pháp, Trung quốc, I-ta-li-a, Ca-na-đa, Nhật bản... đang chuẩn bị cải cách lại quân đội theo hướng ráo riết nâng cao chất lượng và hiệu lực nhằm "sẵn sàng đối phó với mọi loại hình chiến tranh". Nhìn chung nhiều nước - kể cả lớn, vừa và nhỏ - đang đặc biệt chú ý việc tập trung xây dựng lực lượng phản ứng nhanh và "đa dạng hóa" các loại hình tổ chức đơn vị chiến đấu. Chẳng hạn lực lượng phản ứng nhanh của Đức có 4 loại hình lữ đoàn ; Nhật bản 5 năm tới sẽ cho ra 5 loại hình sư đoàn ; Pháp 5 loại ; Mỹ 7 loại ; còn Trung quốc có tin dự định đưa lực lượng này lên quy mô tập đoàn quân. Trong cơ cấu từ cơ quan chỉ huy đầu não đến cách tổ chức lại các quân chủng, binh chủng, đang có những thay đổi đáng kể. Các dự báo khoa học đều thống nhất cho rằng những năm sắp tới sẽ là những năm có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc về thể chế, biên chế tổ chức quân đội. Đâu là phương án tối ưu ? Thực tiễn hiện chưa giải đáp được điều đó.

Tăng cường trang bị vũ khí kỹ thuật hiện đại, cả về số lượng và chất lượng. Sau chiến tranh vùng Vịnh, người ta đang nói nhiều về một cuộc chạy đua vũ trang mới. Mặc dầu chiến tranh lạnh đã kết thúc, Mỹ vẫn đang đeo đuổi các chương trình dài hạn nghiên cứu và sản xuất các loại vũ khí kỹ thuật cao. Các tổ hợp công nghiệp - quân sự phương Tây cũng đang đi theo hướng đó nhằm cung cấp vũ khí cho chiến tranh phi hạt nhân đầu thế kỷ tới. Nhiều nhà quân sự Mỹ cho rằng Mỹ luôn luôn cần có những vũ khí tiên tiến hơn đối phương, ít nhất là một thế hệ. Anh, Pháp, Đức... cũng đang có các chương trình đổi mới trang bị vũ khí từ nay đến năm 2000. Nhiều nước như Ấn độ, Ai cập, Pa-ki-xtan, A-rập Xê-út, I-ran, Nhật bản, Nam Triều tiên... mỗi nước đều có những chương trình tương tự. Ngoài nguồn mua sắm vũ khí từ Mỹ và Tây Âu ra, người ta còn tìm kiếm các loại vũ khí trang bị hiện đại tiên tiến của các nước Vác-sa-va cũ và Liên xô cũ như máy bay Mig-29, Mig-31, Su-27, xe tăng T-80, các loại pháo và tên lửa điều khiển tầm gần, tầm trung... Họ cho rằng, đó là nguồn có thể dễ dàng mua với số lượng lớn, chất lượng cao và nhất là với giá rẻ. Nhiều nước đã bỏ ra hàng tỉ đô la vào mục đích đó.

Ở Đông - Nam Á, Phi-líp-pin sẽ chi khoảng 5 tỉ đô la để hiện đại hóa quân đội từ nay đến hết thập kỷ. Ma-lai-xi-a dự định chi khoảng 8 tỉ đô la cho chương trình "mua sắm quốc phòng". Mi-an-ma, chỉ riêng khoản mua tàu hải quân và thiết bị huấn luyện từ Trung quốc đã trên 900 triệu đô la. In-đô-nê-xi-a, Thái lan, Xin-ga-po đang chuẩn bị mua thêm nhiều tàu chiến, máy bay F-16, Mig-29, tàu ngầm và các loại tên lửa tiên tiến. Trung quốc cũng đã mua khoảng 2 tỉ đô la trang bị quốc phòng. Đặc biệt, Trung quốc đang tăng cường lực lượng hải quân, một hướng quan trọng trong cái gọi là "chiến tranh biên giới mềm". Có tin Trung quốc đã mua được kỹ thuật tiếp dầu trên không. Cũng có tin Trung quốc đang mua tàu sân bay giá trên 2 tỉ USD. Việc có nhiều nước tiến hành cải cách và tổ chức lại quân đội đi đôi với tăng cường trang bị vũ khí kỹ thuật đang đặt ra rất nhiều vấn đề mới mẻ cho các nước trên thế giới.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng về nhiều mặt để luôn luôn giữ thế chủ động. Ngoài hai xu hướng nói trên, việc tăng cường tiềm lực quốc phòng về nhiều mặt đang lặng lẽ cuốn hút tiềm lực của nhiều nước. Do vậy, số quân nhìn chung tuy có giảm nhiều nhưng ngân sách quốc phòng của nhiều nước vẫn tăng. Theo số liệu của Liên hợp quốc, chi phí quân sự trên thế giới năm 1990 - 1991 có giảm nhưng năm 1991 - 1992 lại tăng lên. Một số nước ở châu Âu, Trung - Cận Đông, Ấn độ, Nhật bản... có chương trình tăng chi phí quốc phòng liên tục trong nhiều năm. Theo báo chí phương Tây, ngân

Digitized by Google

sách quốc phòng Trung quốc năm 1991 tăng 15% so với năm 1990, và trong 4 năm tiếp theo sẽ tiếp tục tăng mỗi năm 10%. Đối với những nước đang phải nỗ lực vượt bậc để bứt lên về kinh tế thì đây là một mâu thuẫn lớn.

Ở nhiều nước việc tăng cường tiềm lực quốc phòng có xu hướng tập trung vào mấy trọng điểm sau :

Về quân sự, có nước quan tâm theo dõi, nghiên cứu các hành động bạo lực, xung đột vũ trang, nội chiến và chiến tranh cục bộ đang diễn ra ở Nam tư cũ, ở các nước có "điểm nóng" thuộc SNG, ở Trung Đông, châu Phi và Nam Á. Có nước tập trung nghiên cứu các loại hình chiến tranh biên giới, chiến tranh trên biển và hải đảo, các cuộc "xung đột cường độ thấp" v.v.. Về *khoa học kỹ thuật quân sự*, có nước xác định rõ phương hướng phải là điện tử hóa, tự động hóa, la-de hóa, "trí tuệ" hóa, điều khiển hóa và vũ trụ hóa. Về *nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và huấn luyện bộ đội*, nhiều nước đặt ra yêu cầu phải mạnh dạn cải cách lớn ; có nước còn dự định tăng gấp 2 - 3 lần mức nuôi dưỡng hiện nay và huấn luyện theo hướng đào tạo chiến sĩ kiêm nhà kỹ thuật. Về *cải cách xây dựng lực lượng hậu bị*, nhiều nước đưa ra những chương trình đồ sộ nhằm nhanh chóng nâng lực lượng dự bị động viên lên cao hơn hẳn hiện nay về tổ chức và chất lượng, v.v..

Trên đây là một số chuyển biến về quân sự và quốc phòng trên thế giới. Đối với một số nước hoặc một số nhóm nước vốn là những nước lớn có tiềm lực hùng hậu thì mục đích thay đổi chiến lược quân sự là để tiếp tục giữ địa vị nước lớn, bảo vệ sức cạnh tranh trước các đối thủ và gây sức ép đối với các nước khác. Còn đối với nhiều nước khác thì mục đích là nhằm tăng cường khả năng quốc phòng để có thể giành và giữ vững thế độc lập, cố gắng hạn chế và giảm bớt khả năng bị phụ thuộc, chủ động ứng phó với mọi biến động của thời cuộc. Nói lên tinh thần đó, có người cho rằng, trong thời đại ngày nay, cái gì cũng có giá của nó, riêng "về quốc phòng, sự trả giá sau thường bao giờ cũng đắt hơn, thậm chí nhiều lần, sự trả giá trước".

THỰC TRẠNG...

(Tiếp theo trang 51)

lý và không kích thích được sản xuất. Ngoài ra, không ít đơn vị sản xuất vẫn còn tình trạng tham nhũng, cửa quyền, bè phái, người lãnh đạo vừa yếu kém về năng lực quản lý vừa thiếu công bằng trong ứng xử.

Sự hứng thú đối với công việc sản xuất còn chịu ảnh hưởng và sự chi phối của những yếu tố khác. Đó là những lo lắng băn khoăn về hoàn cảnh gia đình, về sinh hoạt, học tập của con cái, về bố mẹ già, về nhà cửa, v.v.. Ngoài vấn đề việc làm, những tiêu cực xã hội cũng đang là mối ưu tư lớn của người lao động, nhất là các tệ nạn trộm cắp, thanh thiếu niên phạm tội, thiếu công bằng xã hội, tham nhũng ; cờ bạc rượu chè, mê tín dị đoan... Sự lo lắng và quan tâm này là thiết thực và trực tiếp. Bởi lẽ, ngay một số người làm công ăn lương cũng bị ảnh hưởng và biến chất. Mác gọi là hiện tượng "tha hóa", gắn liền với các tệ nạn xã hội.

Trong bối cảnh đó, tính tích cực chính trị của người lao động bị giảm sút. Lòng tin của họ đối với Đảng và các đoàn thể quần chúng không còn như trước. Trong các đơn vị được khảo sát, không có nơi nào có tới trên 30% số người ngoài đảng mong muốn được đứng vào hàng ngũ đảng. Các tổ chức khác như công đoàn, đoàn thanh niên càng rơi vào tình trạng bị xem nhẹ, hoạt động nặng tính chất hình thức. Phong trào thi đua hầu như chỉ còn được xem trọng khi gắn với những lợi ích vật chất cụ thể.

Thấy rõ tình hình trên đây, chắc chắn các cấp các ngành, các cơ quan hữu trách sẽ có nhiều biện pháp tích cực và khả thi để phát huy những mặt tốt, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực, từng bước xây dựng đội ngũ công nhân thủ đô vững mạnh, tương xứng với vị trí và vai trò quan trọng của nó trong giai đoạn hiện nay.

Digitized by Google

CÓ MỘT "NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA" HAY KHÔNG ?

LẦN đầu tiên trong lịch sử tư tưởng kinh tế xã hội chủ nghĩa, Trung quốc vừa nêu khái niệm xây dựng một nền *kinh tế thị trường xã hội chu nghĩa* !

Để đi đến sự khẳng định này, giới lý luận Trung quốc đã trải qua một quá trình thay đổi về nhận thức. Năm 1982, cách tiếp cận như sau : kế hoạch là chính, điều tiết thị trường là bổ sung. Sau đó, kinh tế xã hội chu nghĩa được xác định là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch trên cơ sở chế độ công hữu. Năm 1987 lại nói : kinh tế xã hội chu nghĩa là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch xã hội chu nghĩa, trong đó điểm then chốt là thiết lập thể chế thống nhất giữa kế hoạch và thị trường. Năm 1990, giới lý luận lại nói : cần kết hợp kế hoạch với thị trường.

Những lập luận trên có khác nhau về nội dung và phương pháp, song đều giống nhau ở một điểm. Đó là ai cũng cho rằng : kế hoạch là tượng trưng cho kinh tế xã hội chủ nghĩa, còn thị trường là thuộc tính của kinh tế tư bản chu nghĩa.

Một sự đột phá về tư tưởng đã diễn ra từ đầu năm 1992, khi có quan điểm cho rằng kinh tế kế hoạch không đồng nghĩa với chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa tư bản cũng có kế hoạch, nhà nước tư bản chu nghĩa cũng có sự quản lý vĩ mô một cách khoa học và khá chặt chẽ đối với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Còn kinh tế thị trường cũng không đồng nghĩa với chu nghĩa tư bản (1). Thị trường đã ra đời từ rất sớm. Có sản xuất dư thừa và có nhu cầu trao đổi, là có thị trường. Có sản xuất hàng hóa là có thị trường. Kinh tế hàng hóa cũng chính là kinh tế thị trường. Kinh tế hàng hóa là giai đoạn phát triển tất yếu của xã hội loài người. Kinh tế hàng hóa không phải là thuộc tính riêng có của bất cứ chế độ xã hội nào. Chủ nghĩa tư bản là nền kinh tế hàng hóa, vì vậy nó có thị trường của nó. Chủ nghĩa xã hội cũng phát triển kinh tế hàng hóa, cho nên nó cũng có thị trường của nó. Như vậy, kế hoạch và thị trường đều là biện pháp kinh tế. Sự khác nhau giữa chu nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là sự khác nhau về chế độ sở hữu và mục đích kinh doanh, chứ không phải là sự khác nhau giữa một bên là kế hoạch còn một bên là thị trường. Từ lập luận trên, Trung quốc chủ trương tiếp tục tăng cường vai trò của cơ chế thị trường và khẳng định *mục tiêu của cải cách kinh tế* là *xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chu nghĩa.*

Vậy *kinh tế thị trường xã hội chu nghĩa là gì* ? Thực tế, Trung quốc cũng đang trong quá trình tìm tòi, mò mẫm để thiết lập một mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Sơ bộ có thể thấy mô hình đó mang những *đặc trưng* như sau :

1 - *Phát triển nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó sở hữu công cộng là chủ yếu.* Nhận thức và thực tiễn về sở hữu công cộng cũng khác hẳn trước. Trước đây, sở hữu công cộng có nghĩa sở hữu của "toàn dân", của "nhà nước". Nhà nước vừa là người quản lý, vừa là người kinh doanh. Thực chất của sở hữu công cộng trước đây là chế độ sở hữu bao cấp, xí nghiệp là vật phụ thuộc vào cơ quan chủ quản nhà nước, các đơn vị kinh tế không có quyền chủ động, từ đó đi đến trì trệ, năng suất thấp kém, thua lỗ. Mọi thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội ở trong nước và trên thế giới đều bám lấy hiện tượng đó để bôi nhọ chu nghĩa xã hội, rêu rao rằng kinh tế quốc doanh là con đường bế tắc, phải tư hữu hóa toàn bộ ! Thực tế cho thấy, nếu đổi mới triệt để cơ chế quản lý và kinh doanh của các xí nghiệp kinh tế quốc doanh, đưa kinh tế quốc doanh vào thị trường, cùng cạnh tranh với các xí nghiệp ngoài quốc doanh trên cơ sở bình đẳng, thì như vậy kinh tế quốc doanh chắc chắn sẽ vươn dậy, có sức sống, nâng cao năng suất và phát huy được vai trò của mình.

2 - *Thực hiện cơ chế lấy điều tiết thị trường là chính, nhà nước điều hành vĩ mô là chính.* Thị trường nói ở đây là một hệ thống bao gồm nhiều lĩnh vực : thị trường hàng tiêu dùng ; thị trường tư liệu sản xuất ; thị trường tiền tệ, sức lao động, nhà đất ; thị trường dịch vụ (kho tàng, vận tải, thông tin, du lịch, văn nghệ, giải trí...). Tại thành phố Thâm quyến (có người dịch sai là Thám quyến), trên 97% hàng hóa do thị trường định giá. Ở đây, cơ quan chính quyền nhà nước đã ban hành hàng trăm quy chế về quản lý thị trường, nhằm thúc đẩy thị trường phát triển lành mạnh, giảm tới mức tối đa tác động tiêu cực và mù quáng của thị trường. Đương nhiên, những quy chế đó xuất phát từ nhu cầu khách quan, chúng phản ánh tính quy luật khách quan.

3 - *Thực hiện nhiều hình thức phân phối, trong đó phân phối theo lao động là chính.* Cho phép những thu nhập phi lao động : những người có tiền có thể mua cổ phần, mua chứng khoán để hưởng lãi suất. Trong giai đoạn hiện nay, thị trường chứng khoán và thu nhập phi lao động là một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy sản xuất, vì vậy chúng mang tính lịch sử và tính hợp lý nhất định. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, những yếu tố ấy có phát sinh những tác động tiêu cực. Trong những điều kiện nào đó, có thể xuất hiện một bộ phận những người "thực lợi" chuyên nghiệp, họ chỉ sống bằng thu nhập phi lao động, tạo ra sự chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa các thành viên trong xã hội. Đối với hiện tượng này, nhà nước cần có chính sách thích đáng, như khuyến khích bộ phận đã giàu giúp đỡ bộ phận chưa giàu, thực hiện chế độ thuế thu nhập, chế độ đăng ký tài sản, kiên quyết ngăn chặn hiện tượng một số ít người chiếm giữ nhiều của cải xã hội.

Vấn đề kinh tế quốc doanh

Hiện nay, Trung quốc đang tập trung cải tiến quản lý và kinh doanh của kinh tế quốc doanh. Mục đích là làm cho kinh tế quốc doanh có lãi, có thể tồn tại và phát triển, có thể phát huy vai trò chủ đạo của mình thông qua cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác. Trong các biện pháp cải tiến kinh tế quốc doanh, có việc cơ quan chủ quản nhà nước tách chức năng quản lý hành chính và chức năng quản lý kinh doanh. Từ trung ương đến huyện, thị trấn, thiết lập cơ quan quản lý tài sản quốc doanh, thực hiện chức năng quản lý hành chính. Cơ quan này là đại biểu của chủ sở hữu, có quyền cử đại diện thường trực tại xí nghiệp, giám đốc việc quyết sách của người kinh doanh, quản lý hiệu quả đồng vốn và các hoạt động tài vụ. Đồng thời, thiết lập các công ty kinh doanh hoặc công ty đầu tư, công ty cổ phần để điều hành hoạt động kinh doanh, bảo vệ vốn và tăng giá trị vốn của xí nghiệp quốc doanh, dần dần chuyển các xí nghiệp quốc doanh thành *công ty cổ phần* trong đó nhà nước nắm phần lớn cổ phần, hoặc *công ty cổ phần hữu hạn.*

Như vậy, xí nghiệp quốc doanh trở thành đơn vị kinh tế "pháp nhân" độc lập, tự chịu trách nhiệm, tự chịu lỗ lãi.

Lý luận và thực tiễn về kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là một sự đổi mới tư duy rất quan trọng, nhưng còn rất mới, cần được tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu. Điều quan trọng là cần xuất phát từ thực tế cụ thể để phát hiện vấn đề, tổng kết kinh nghiệm, khái quát lý luận.

ANH THƠ tổng thuật

---

* Nguồn : Tạp chí *Cầu thị*, cơ quan lý luận của Trung ương ĐCS Trung quốc ; *Cuộc hành trình mới*, Nxb Lữ đu, Quảng đông ; tạp chí *Lý luận và thực tiễn*, Thâm quyến, tháng 8-1992 ; *Báo cáo chính trị tại Đại hội 14 ĐCS Trung quốc*.

(1) Năm 1921, Lê-nin đưa ra "chính sách kinh tế mới", chủ trương sử dụng cơ chế thị trường để thúc đẩy kinh tế phát triển. Sau khi Lê-nin mất, đã diễn ra cuộc tranh luận "một người điều tiết" hay "hai người điều tiết". Kết quả, ý kiến "một người điều tiết" đã thắng. Một người điều tiết, đó là kế hoạch nhà nước. Mô hình kế hoạch tập trung ra đời từ đó. Cũng từ đó, người ta cho rằng kế hoạch là bản chất của chủ nghĩa xã hội, còn thị trường là thuộc tính của chủ nghĩa tư bản. Quan điểm này ngự trị trong lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội rất lâu dài, gây những hậu quả nghiêm trọng.

Digitized by Google

CHÍNH TRỊ • KHOA HỌC • CHÍNH TRỊ HỌC

• CHÍNH TRỊ

Chính trị là lĩnh vực hoạt động phản ánh những mối quan hệ và biểu hiện những lợi ích căn bản của các giai cấp, các dân tộc, các tập đoàn xã hội, các quốc gia. Vấn đề cơ bản của mối quan hệ này là vấn đề giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước. Chính trị là sự tham gia vào các công việc của nhà nước, là các hình thức, nội dung của hoạt động nhà nước về các mặt trong xã hội. Chính trị thể hiện mục đích và nhiệm vụ mà các giai cấp trong xã hội theo đuổi trong cuộc đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp mình, những phương pháp, phương tiện để thực hiện và bảo vệ quyền lợi đó.

Chính trị phản ánh cuộc đấu tranh của các giai cấp xung quanh vấn đề giành, giữ, sử dụng chính quyền, và cuối cùng, do địa vị kinh tế của những giai cấp đó quyết định. Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế. Các tổ chức chính trị, các hình thức nhà nước thay đổi và phát triển dựa trên cơ sở kinh tế của xã hội. Nhưng như vậy không có nghĩa chính trị là biểu hiện thụ động của kinh tế. Những quan hệ chính trị, những vấn đề chính trị có ảnh hưởng trở lại mạnh mẽ đối với kinh tế hoặc là thúc đẩy, hoặc là cản trở. Chính trị biểu hiện trên các tri thức được tích lũy trong quá trình lịch sử và những quan hệ thực tế gắn với con người, với giai cấp, với dân tộc và với thời đại cụ thể. Với tư cách là hệ thống các quan hệ xã hội hiện thực, chính trị có tính lô gích khách quan, không thuần túy phụ thuộc vào dự tính chủ quan của cá nhân hoặc của đảng này, đảng khác. Với tư cách là một thiết chế xã hội, chính trị luôn luôn tìm cách dẫn dắt xã hội đi theo tư tưởng của giai cấp nắm quyền thống trị. Trong xã hội có giai cấp, tiếng nói của chính trị là tiếng nói của quyền lực. Song không phải lúc nào tiếng nói chính trị cũng hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế khách quan, với chân lý khách quan. Cũng có nghĩa : có thể có sai lầm về chính trị. Vì vậy, nếu coi kết luận chính trị lúc nào cũng là chân lý cuối cùng, là ranh giới mà khoa học không thể và không được vượt qua, là không đúng với thực tế khách quan, là tách rời hoặc đối lập với khoa học.

Chức năng của chính trị là dựa vào quyền lực, bản lĩnh và những hiểu biết khoa học, bảo đảm cho xã hội vận động theo con đường phát triển hợp quy luật, tránh rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng, đổ vỡ. Chính trị muốn đi tới chân lý thì không thể không dựa vào khoa học, dựa vào những dự báo khoa học về khả năng, điều kiện, bản chất và quy luật vận động của sự vật mà có những quyết định chính trị đúng đắn.

Ngày nay, đang bắt đầu nảy sinh những quan hệ mới trong chính trị. Điều này đòi hỏi chúng ta phải theo dõi và tổng kết. Người ta đã có thể nói chính trị không còn hoàn toàn đơn thuần là chính trị của kinh tế (mặc dù kinh tế vẫn là nền tảng cơ bản nhất của phản ánh chính trị), mà còn có nội dung khác là chính trị của văn minh tin học, của lao động tự do, sáng tạo trí tuệ phổ biến. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, nếu muốn nâng cao tác động của chính trị đối với sự phát triển của xã hội, thì phải xây dựng một hệ thống chính trị không chỉ theo quan hệ kinh tế - giai cấp, mà còn theo cả nhu cầu thúc đẩy lao động sáng tạo trí tuệ và dần dần lấy nhu cầu này làm một trong những nền tảng cơ bản của chính trị.

• KHOA HỌC

Khoa học là lĩnh vực hoạt động của con người có chức năng nghiên cứu hệ thống các tri thức về tự nhiên, về xã hội và về tư duy để tìm ra bản chất và quy luật khách quan của hiện thực. Mục đích của khoa học là nghiên cứu để nhận thức các quy luật khách quan và trang bị cho con người những tri thức đó để họ sử dụng trong thực tiễn cuộc sống của mình.

Con đường của khoa học là dựa trên những dữ kiện khách quan, phân tích, luận giải để tìm ra bản chất của sự vật, hiện tượng. Khoa học có thể nhìn sâu vào quá khứ, khám phá hiện tại, loại bỏ những tác động ngẫu nhiên, rút ra những quy luật khách quan mang tính trừu tượng hóa, mô hình hóa; trên cơ sở đó có được những giả thiết, những dự báo khoa học cho tương lai. Khoa học không có nhiệm vụ nào khác là đi tìm và chứng minh chân lý khách quan. Mỗi bước tiến của khoa học đều tiến gần đến chân lý khách quan. Bản thân khoa học đưa ra những kết luận có tính chân lý khách quan, đồng thời cũng đưa ra những kết luận dự báo, làm rõ quy luật vận động phát triển của hiện thực.

Khoa học và chính trị là hai khái niệm khác nhau nhưng có quan hệ biện chứng với nhau. Nếu đồng nhất giản đơn hoặc tách rời, thậm chí đối lập hai khái niệm đó, thì sẽ dẫn đến sai lầm hoặc là tuyệt đối hóa chính trị, không gắn chính trị với khoa học, hoặc ngược lại, tuyệt đối hóa khoa học, tách khoa học ra khỏi phương hướng chính trị.

Digitized by Google

Bản chất mối quan hệ giữa chính trị và khoa học không chỉ ở đối tượng tác động mà còn ở phương diện định hướng tư duy. Chính trị không chỉ tiếp nhận những thành tựu khoa học, mà còn tạo điều kiện cho khoa học phát triển. Khoa học có thể phản ánh nhiều hay ít, trực tiếp hay gián tiếp, những nội dung mang tính chất chính trị của đời sống xã hội. Tính chính trị của khoa học được biểu hiện trong khuôn khổ luận giải một hoạt động nào đó, xem nó nhằm mục đích gì, có lợi cho ai trong xã hội có giai cấp. Nhưng khoa học không hoàn toàn sử dụng các kết luận chính trị thay cho các căn cứ và luận chứng khoa học của mình.

● CHÍNH TRỊ HỌC

Chính trị với tư cách là *khoa học chính trị* hay *chính trị học* có đối tượng nghiên cứu là những quy luật phát sinh, phát triển, biến dạng, tiêu vong của các quan hệ chính trị. Chính trị cũng là đối tượng nghiên cứu của các khoa học xã hội và của ngay chính trị học. Chính trị học *nói chung* nghiên cứu có hệ thống các quá trình cai trị bằng áp dụng phương pháp khoa học. Chính trị học *theo nghĩa hẹp* nghiên cứu nhà nước và các cơ quan, các thiết chế thông qua đó nhà nước hoạt động. Chính trị học nghiên cứu các thiết chế và cách ứng xử, rút ra các nguyên tắc từ những sự việc khách quan để có được những quyết định chính trị đúng đắn. Chính trị học là một trong những phương tiện mà con người sử dụng để tìm kiếm những giải pháp ứng xử về các mối quan hệ giai cấp, dân tộc và các tập đoàn xã hội. Trong việc xác định những quy luật phổ biến, chính trị học không có được những tiến bộ vững chắc và nhanh chóng như các môn khoa học sử dụng phòng thí nghiệm.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

● TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU "NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA"

Chương trình khoa học cấp nhà nước "Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta", mã số KX.01, do giáo sư tiến sĩ Nguyễn Duy Quý làm chủ nhiệm, Viện khoa học xã hội Việt nam là cơ quan chủ trì, đã tập hợp hơn ba trăm cán bộ khoa học của hàng chục viện nghiên cứu, trường đại học và nhiều cơ quan tham gia. Chương trình gồm 15 đề tài, được kết cấu thành *hai* mảng vấn đề lớn. Mảng *thứ nhất* gồm 9 đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về các quan điểm đối với hình thái phát triển của xã hội, xác định đặc điểm của thời đại ngày nay, những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại, về những con đường phát triển khác nhau của các nước, về quá trình xác định lựa chọn và khẳng định con đường phát triển của nước ta lên chủ nghĩa xã hội. Mảng *thứ hai* gồm 6 đề tài nghiên cứu những quan điểm, những vấn đề lý luận cụ thể trong xác định con đường xã hội chủ nghĩa của nước ta thể hiện trong từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh quốc phòng.

Một thời gian dài trước đây, với những thành tựu vĩ đại đã giành được, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, ở châu Á, ở Việt nam và Cu-ba đã tự khẳng định mình và trở thành hệ thống lớn mạnh, có sức hấp dẫn và lôi cuốn nhiều nước dân tộc chủ nghĩa ở châu Phi và châu Mỹ la tinh. Do vậy, những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội đã được coi như là những gì khởi phải bàn cãi. Những mâu thuẫn và những vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, những khuynh hướng phát triển phi xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước mới giành được độc lập, những điều chỉnh lớn đề thích nghi và tiếp tục phát triển ở các nước tư bản chủ nghĩa đã không được quan tâm nghiên cứu làm rõ bản chất. Chỉ đến khi chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng trầm trọng dẫn đến sự sụp đổ ở Liên xô và các nước Đông Âu mới thực cho chúng ta hiểu rằng các vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin lẽ ra phải được nghiên cứu thấu đáo hơn, phải được bổ sung, phát triển và làm cho sống động. Chúng ta đã không nhận thức được thật đúng bản chất của thời đại, xu thế phát triển của các khuynh hướng chính trị xã hội trên thế giới, nhất là không hình dung được rõ ràng về chủ nghĩa xã hội để xác định mô hình thích hợp và con đường đi cần thiết tiến tới mục tiêu đó. Mặt khác, sau sự kiện chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô bị sụp đổ, không ít người sa vào trạng thái hoang mang dao động, nghi ngờ về chủ nghĩa xã hội, thậm chí có cả trường hợp phủ nhận bản chất của hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa, muốn lựa chọn một con đường phát triển khác.

Trước những diễn biến của thời cuộc, trước sự lúng túng về nhận thức lý luận trong con đường phát triển, trước tình trạng khủng hoảng lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, chương trình khoa học KX.01 được xây dựng nhằm nghiên cứu khẳng định lại những giá trị đích thực của lý luận Mác - Lê-nin và chỉ ra những khiếm khuyết hạn chế của nó trong giai đoạn phát triển hiện nay, giúp nhận thức đúng bản chất và đặc điểm của thời đại và các khuynh hướng phát triển đang tồn tại trên thế giới, phát triển lý luận Mác - Lê-nin, đặng hiểu rõ hơn hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa và những quan điểm lý luận cơ bản trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở nhận thức cho tư tưởng và hành động của chúng ta.

Trong những tháng triển khai bước đầu Chương trình KX.01 vừa qua, đã tiến hành xây dựng hệ thống chuyên đề về các nội dung nghiên cứu của các đề tài. Các nhóm nghiên cứu đã xúc tiến tập hợp một khô i lượng rất lớn các tư

Digitized by Google

RETURN TO → PERIODICAL ROOM 133 Main Library 642-2975

liệu, để vừa xem lại một cách kỹ lưỡng, có hệ thống, chính xác những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vừa xem xét, phân tích, làm rõ đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại và một số mô hình phát triển ở các nước, phân tích những quan điểm của Đảng trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Một số đề tài đã được tiến hành nghiên cứu rất khẩn trương và có những kết quả bước đầu. Đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học, tranh luận, phân tích, làm rõ dần các vấn đề trong các đề tài đang còn có những ý kiến khác nhau. Nhiều đề tài được triển khai rộng ra ở các tỉnh phía nam ; có đề tài được thực hiện với sự hợp tác nghiên cứu với nước ngoài.

Những kết quả nghiên cứu bước đầu các đề tài trong Chương trình KX.01 đã được thể hiện trong nhiều báo cáo khoa học, nhiều bài viết đăng trên các tạp chí lý luận ; một số nội dung nghiên cứu đã được trình bày với Trung ương Đảng, góp phần làm luận cứ khoa học cho những cân nhắc, quyết định trong chủ trương, đường lối của Đảng ta.

Các đề tài trong Chương trình KX.01 đang đi tới những kết luận từng bước, chuẩn bị cho những cuộc hội thảo quy mô và quan trọng sẽ tiến hành vào đầu năm 1993.

● HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ "TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM"

Ngày 29 và 30-9-1992, tại Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh (Hà nội) hơn 60 giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, nhà nghiên cứu khoa học đã tiến hành hội thảo về đề tài "Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt nam" do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm chủ nhiệm. Đây là đề tài mang tính chất định hướng và để dẫn cho tổng số 13 đề tài thuộc Chương trình khoa học cấp nhà nước "Tư tưởng Hồ Chí Minh", mã số KX.02, do giáo sư Đặng Xuân Kỳ làm chủ nhiệm và đồng chí Võ Nguyên Giáp làm cố vấn.

Cuộc hội thảo tập trung thảo luận ba vấn đề : 1 - *Bối cảnh lịch sử anh hưởng đến sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh* ; 2 - *Quá trình hình thành và nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh* ; 3 - *Khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh*, hệ thống các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

1 - *Về nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh*, có nhiều cách trình bày khác nhau, nhưng tựu trung đều cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống văn hóa Việt nam và tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó chủ nghĩa Mác - Lê-nin là bộ phận cực kỳ quan trọng.

Về truyền thống văn hóa Việt nam, có ý kiến nhấn mạnh đó là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc. Có ý kiến cho đó là tư tưởng cộng đồng, đoàn kết, nhân ái "thương người như thể thương thân". Có ý kiến lại nhấn mạnh truyền thống của quê hương Nghệ tĩnh, sự giáo dục gia đình, ảnh hưởng của người mẹ.

Về tinh hoa văn hóa nhân loại, nhiều đồng chí khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nguồn gốc chủ yếu. Có ý kiến nhấn mạnh tinh thần và giá trị tư tưởng của đại cách mạng Pháp thế kỷ 18. Nhiều ý kiến khái quát cho đó là tinh hoa văn hóa Đông - Tây qua nhiều thời đại.

2 - *Về định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh*. Một số đồng chí cho rằng, một định nghĩa khoa học cần phải đạt được các yêu cầu : chính xác, hoàn chỉnh, toàn diện, khái quát, mang tính khách quan, tính quy luật, tính chỉ đạo. Trong định nghĩa, không thể đề cao hoặc tuyệt đối hóa chỉ một khía cạnh này hay khía cạnh khác. Việc định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh không đơn thuần là vấn đề học thuật mà quan trọng hơn, là thông qua việc định nghĩa, khái quát đầy đủ nhất tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ ra phương hướng cho việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, định nghĩa phải nói lên được đặc trưng bản chất nhất, đặc trưng mục tiêu, nội hàm, chứ không phải đặc trưng về biện pháp, về hình thức, về sự hình thành tư tưởng.

Một số bản tham luận đã chỉ rõ, tư tưởng Hồ Chí Minh phải bao gồm các thành tố : 1 - Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc ; 2 - Tinh hoa văn hóa nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội.

Sau đây là một vài định nghĩa :

- Cái cốt lõi, cái quyết định nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh là "không có gì quý hơn độc lập tự do" (giáo sư Đinh Xuân Lâm) ;

- "Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm lý luận nảy ra trong điều kiện một nước phương Đông lạc hậu chậm phát triển, nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng một nước Việt nam hòa bình, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" (giáo sư Trần Nhâm);

- "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những luận điểm về cách mạng Việt nam, gắn liền với những biến động của thế giới trong thế kỷ XX này, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, ngoại giao, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa - nghệ thuật, luật pháp, đạo đức, tôn giáo... quan hệ đến đời sống của giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người" (giáo sư Đặng Xuân Kỳ).

3 - *Về hệ thống nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh*, nhiều tham luận cho rằng cần nghiên cứu, phân tích rộng rãi hệ thống đó như *một học thuyết, một triết học, một hệ thống lý luận khoa học*. Đại thể có *ba* bộ phận lớn : *tư tưởng, đạo đức, phương pháp và phong cách* (phó giáo sư Song Thành).

Những người dự hội thảo đã khẳng định *tư tưởng Hồ Chí Minh là một tài sản vô giá của dân tộc Việt nam*. Không để gì mà trong bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp vừa qua, Tổ chức giáo dục khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã quyết định công nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc và là nhà văn hóa lớn của Việt nam và thế giới. Nhiều nước đã tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người rất trọng thể. Có học giả nước ngoài ca ngợi Hồ Chí Minh là "vĩ nhân của mọi thời đại".

Cuộc hội thảo khoa học lần này với 20 bản tham luận, chỉ mới là bước mở đầu trong tiến trình nghiên cứu khoa học, tìm tòi, khám phá hệ thống lý luận - tư tưởng Hồ Chí Minh. Hy vọng sẽ có những công trình nghiên cứu có giá trị về tư tưởng Hồ Chí Minh. Hội thảo nhấn mạnh việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh không thể chỉ làm một lần là xong : đây là công việc của nhiều thế hệ. Chúng ta cần căn cứ vào thực tiễn của thời đại đương sống mà học tập, giải thích, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

TRỊNH CƯ' học thuật

Digitized by Google

MỤC LỤC

Tạp chí Cộng sản năm 1992

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I - Những vấn đề chung		
- Phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1992	Xã luận	1
- Cải cách một bước bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước	Đỗ Mười	1
- Để góp phần bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin	Trần Xuân Trường	1
- Về tính chỉnh thể của chủ nghĩa Mác - Lê-nin	Lê Trung Nguyệt	1
- Độc lập tự chủ, tự lực tự cường xây dựng và bảo vệ đất nước	Xã luận	2
- Bài học thời đại	Đoàn Chương	2
- Vì sao chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô sụp đổ ?	Sóng Tùng	2
-Quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng trong công tác báo chí, xuất bản	★★★	2
- Về chủ nghĩa tư bản hiện đại	Vũ Hiền	2
- Nguyên nhân Liên xô sụp đổ	★★★	2
- Bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin	Lê Xuân Lựu	3
- Để tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành kim chỉ nam cho hành động	Song Thành	3
- Những đòi hỏi mới đối với công tác tư tưởng	Thái Ninh	4
- Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị chỉ đạo đối với cách mạng Việt nam	Hoàng Tùng	4
- Vì sao Đảng cộng sản Liên xô tan rã ?	Nguyễn Phú Trọng	4
- Hiến pháp năm 1992 - Hiến pháp của sự nghiệp đổi mới	Xã luận	5
- Sửa đổi Hiến pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt nam, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới	Đỗ Mười	5
- Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh	Đào Duy Tùng	5
- Một vài suy nghĩ về tư tưởng Hồ Chí Minh	Hà Huy Giáp	5
- Chủ nghĩa xã hội - giải phóng và phát triển	Nguyễn Đăng Quang	5
- Hạt nhân biện chứng trong phương pháp tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Thành Duy	5
- Nắm vững các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác lý luận	Xã luận	6

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Đức Bình	6
- Tư tưởng Hồ Chí Minh : sự hợp lưu hai dòng cách mạng lớn của thời đại	Bùi Phan Kỳ	6
- Nước lấy dân làm gốc - nét chủ đạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiến Hải	6
- Những nhiệm vụ cấp bách đổi mới và chỉnh đốn đảng	Lê Phước Thọ	7
- Bầu ra một Quốc hội có chất lượng mới	★★★	7
- Thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta	Đỗ Mười	8
- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám	Bùi Ngọc Trình	8
- Giai đoạn mới của chủ nghĩa xã hội	Quang Cận	8
- Bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới	Bùi Thiện Ngộ	9
- Đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử	Sóng Tùng	9
- Vì sao liên bang nhiều dân tộc ở Liên xô bị tan rã ?	Trương Minh Dục	9
- Xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân	Đỗ Mười	10
- Một số vấn đề về xây dựng nông thôn mới	Nguyễn Hà Phan	10
- Chủ tịch Hồ Chí Minh - người xác lập những nguyên lý cơ bản về nhà nước dân chủ ở nước ta	Song Thành	10
- Đổi mới phương pháp nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin	Nguyễn Thanh Tuấn	10
- Lý luận, lý luận Mác - Lê-nin		10
- Các chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước giai đoạn 1991 - 1995 về khoa học xã hội		10
- Xu hướng và triển vọng của chủ nghĩa xã hội	Hoàng Chí Bảo	11
- Sự giống nhau và khác nhau trong tư tưởng của Hồ Chí Minh và các nhà yêu nước phương Đông	Đức Vượng	11
- Kết hợp kinh tế với quốc phòng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới	Đoàn Khuê	12
- Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của ta	Hồng Hà	12
II - Kinh tế		
- Lãi suất ngân hàng và cơ chế thị trường	Phạm Ngọc Phong	1
- Cạnh tranh hàng nội - hàng ngoại ở thị trường nước ta	Cao Duy Hạ	1
- Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước	Ngô Đình Giao	2
- Thông tin trong nền kinh tế thị trường	Phạm Văn Nghiên	2
- Xây dựng kinh tế hộ gia đình thành đơn vị sản xuất hàng hóa.	Vương Cường	2
- Sản xuất hàng hóa ở đồng bằng sông Cửu long	Doãn Huề	2

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Nông nghiệp của thế kỷ 21	Hà Văn Thùy	2
- Tạo vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản	Nguyễn Khắc Hiền	3
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Về tổ chức Liên hiệp xí nghiệp quốc doanh" (do Tạp chí Cộng sản tổ chức)		3
- Giải quyết việc làm cho người lao động ở Công ty thảm Hàng kênh - Hải phòng	Hữu Đức	3
- Thực hiện chế độ phá sản xí nghiệp quốc doanh	Huỳnh Tư	3
- Hướng xây dựng mô hình kinh tế của nước ta	Lê Hội	4
- Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước	Trần Bình Trọng và Mai Ngọc Cường	4
- Chế độ cổ phần và việc cổ phần hóa một bộ phận xí nghiệp quốc doanh	Vũ Xuân Kiều	4
- Sự kiện An giang	Trần Đức	4
- Sử dụng có hiệu quả các thành phần kinh tế	Thanh Sơn	5
- Giải quyết hợp lý vấn đề sở hữu để bảo đảm các quan hệ lợi ích kinh tế	Nhật Tân	5
- Vai trò của kinh tế hộ nông dân trong quá trình phát triển nền nông nghiệp hàng hóa	Lê Đình Thắng	5
- Chung quanh vấn đề cho phát triển thành phần kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta	La Côn	5
- Bàn thêm về điều tiết kế hoạch và thị trường	Hoàng Đạt	6
- Cơ chế thị trường - đôi điều bàn ngược	Hoàng Anh Nguyên	6
- Những kinh nghiệm đáng quý	Huy Hùng	6
- Hợp tác xã nông nghiệp ở Quảng nam - Đà nẵng : bức tranh đang rõ nét	Hưng Nghiêm	6
- Quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất	Nguyễn Sinh Cúc	7
- Về sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất ở nước ta hiện nay	Hoàng Thế Liên	7
- Phát triển thị trường tiền tệ - tín dụng	Hoàng Ngọc Hòa	7
- Phát triển kinh tế hàng hóa ở Tây nguyên	Sơn Thành	7
- Bà rịa - Vũng tàu đánh thức những tiềm năng	Nhị Lê	7
- Xây dựng mô hình quản lý thống nhất ngân sách nhà nước	Nguyễn Đình Tùng	8
- Từ hoạt động của kinh tế ngoài quốc doanh ở TP Hồ Chí Minh	Lê Vinh Danh	8
- Đời sống và việc làm của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta	Nguyễn Phương	8
- Phát triển thủy sản Việt nam thời kỳ 1991-2000	Nguyễn Tấn Trịnh	9

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Nông nghiệp Việt nam trong thập kỷ tới	Trần Thế Thông	9
- Khả năng hội nhập của nền kinh tế Việt nam với nền kinh tế thế giới	Tô Xuân Dân	9
- Về chủ nghĩa tư bản nhà nước	Khổng Doãn Hợi	9
- Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn hiện nay	Nguyễn Sinh	9
- Mấy vấn đề về kinh tế đối ngoại	Nguyễn Thế Uẩn	10
- Con đường phát triển của một đơn vị kinh tế quốc doanh	Phạm Thắng	10
- Chính sách tài chính quốc gia đến năm 2000	Hồ Tế	11
- Vấn đề giao đất giao rừng đến hộ gia đình	Phan Thanh Xuân	11
- Cần xây dựng và phát triển một cơ sở lý luận kinh tế vững chắc	Vũ Ngọc Nhung	11
- Sở hữu quốc doanh trong nền kinh tế thị trường	Nguyễn Ngọc Tuân	11
- Liên kết kinh tế giữa các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay	Nguyễn Đình Phan	11
- Vấn đề đa dạng hóa các hình thức sở hữu	Trần Đức	12
- Kiềm chế và đẩy lùi lạm phát qua kênh ngân sách nhà nước	Tào Hữu Phùng	12
- Những mấu chốt để phát triển kinh tế nhanh	Nguyễn Văn Phương	12
- Cần thơ - con đường phát triển	Trần Văn Tư	12
III- Chính trị - Triết học		
- Phạm trù cá nhân	Hồ Ngọc Đại	1
- Một số vấn đề cơ bản về hiến pháp	Đào Trí Úc	1
- Vấn đề nhà nước pháp quyền	Nguyễn Văn Động	2
- Chính trị học là gì ?	Hoàng Công	2
- Tăng cường kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực kinh tế	Hà Mạnh Trí	2
- Quan hệ giữa đảng bộ, chính quyền và đoàn thể ở xã Đông thạnh	Phương Hạnh	2
- Mấy vấn đề pháp lý của kinh tế thị trường ở nước ta	Hoàng Thế Liên	3
- Quan hệ chính trị quốc tế hiện nay	Nguyễn Đình Luân	3
- Ý nghĩa của nhu cầu, lợi ích và tri thức đối với hoạt động của con người	Nguyễn Linh Khiếu	3
- Suy nghĩ từ mô hình tổ chức bộ đội kinh tế - quốc phòng của một số địa phương	Phan Thu	3
- Vai trò của nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường	Nguyễn Văn Thảo	3
- Nghĩ về kỷ cương, phép nước	Nguyễn Văn Lộc	3
- Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta	Nguyễn Duy Quý	4

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Kết hợp truyền thống và hiện đại trong xây dựng và quản lý chính quyền	Văn Tạo	4
- Phải chăng đấu tranh giai cấp là giáo điều ?	Khổng Doãn Hợi	5
- Quan hệ giữa lý luận và chính trị	Lê Hữu Nghĩa	6
- Công tác thương binh- liệt sĩ trong tình hình mới	Trần Đình Hoan	7
- Chính trị và xây dựng khoa học chính trị	Hồ Văn Thông	7
- Công tác quốc phòng toàn dân trên địa bàn quân khu 5	Phan Hoan	7
- Mấy vấn đề bức thiết đối với các vùng dân tộc thiểu số hiện nay	Nông Đức Mạnh	8
- Dân chủ đại diện - phương thức chủ yếu thực hiện quyền lực của nhân dân	Chu Thành	8
- Vấn đề sở hữu : cách tiếp cận hệ thống	Lưu Hà Vĩ	8
- Một số vấn đề về mối quan hệ giữa lý luận và chính trị	Nguyễn Thế Phấn	8
- Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội	Đào Thế Tuấn	9
- Cải cách một bước bộ máy nhà nước ta	Nguyễn Duy Gia	10
- Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước	Nguyễn Văn Thảo	10
- Định hướng xã hội chủ nghĩa	Thiện Nhân	10
- Nhận thức và vận dụng lý luận vào thực tiễn	Quỳnh Uyển	10
- Mấy vấn đề đổi mới và chỉnh đốn đảng trong quân đội	Lê Khả Phiêu	11
- Dân chủ trong kinh tế	Nhật Tân	11
- Về công tác khen thưởng	Đặng Văn Đông	11
- Tư duy lý luận. Đổi mới tư duy lý luận		11
- Quyền con người và quyền công dân trong sự phát triển kinh tế - xã hội	Hoàng Văn Hảo	12
- Quân khu ba kết hợp kinh tế với quốc phòng trong cơ chế kinh tế mới	Phạm Văn Trà	12
- Có thể khắc phục được tệ tham nhũng không ?	Lê Văn Cương	12
- Góp thêm ý kiến về chống tham nhũng	Nguyễn Ngọc	12
- Bạn đọc với *Tạp chí Cộng sản* 1992	★★★	12
- Chính trị. Khoa học. Chính trị học		12
IV- Văn hóa - xã hội		
- Con người vấn đề trung tâm của chính sách xã hội	Hoàng Chí Bảo	1
- Vấn đề dân số và giáo dục dân số ở Việt nam	Vũ Ngọc Bình	1
- Những vấn đề kinh tế-xã hội ở miền núi	Lê Điền	1

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Thực trạng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội, dân cư	Lê Văn Tuấn	2
- Chung quanh vấn đề "di sản văn hóa"	Tô Ngọc Thanh	3
- Mô hình văn hóa gia đình nông thôn hiện nay	Trương Xuân Trường	3
- Văn hóa - các phản giá trị và sự gia tăng nhiệt độ	Đỗ Huy	4
- Sống nhân nghĩa - một truyền thống cực kỳ tốt đẹp cần giữ gìn và phát huy	Bảo Định Giang	4
- Để phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều	Bùi Công Hùng	4
- Văn hóa trong sự phát triển kinh tế	Lê Xuân Vũ	5
- Vấn đề tài chính đối với văn hóa-xã hội trong tình hình hiện nay	Nguyễn Văn Châu	5
- Khoa học xã hội với công cuộc đổi mới	Nguyễn Duy Quý	6
- Môi trường xã hội của khoa học và công nghệ ở nước ta	Nguyễn Thanh Tuấn	6
- Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận Mác-Lê-nin trong các trường đại học, cao đẳng	Trần Duy Khang - Đinh Xuân Lý	6
- Đổi mới và phát triển nền y tế nước ta	Phạm Song	7
- Mô hình văn hóa Hải hậu qua thử thách của thời gian	Võ Đăng Thiên	7
- Văn hóa và một số vấn đề phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta	Phạm Xuân Nam	8
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nghệ thuật	Lê Xuân Vũ	9
- Mấy ý nghĩ trước hiện tình văn học	Anh Đức	9
- Trách nhiệm công dân của người cầm bút	Vũ Quần Phương	9
- Quản lý văn hóa văn nghệ trong điều kiện kinh tế thị trường	Trịnh Đình Khôi	9
- Viết cái gì ? Câu hỏi mới thật bức xúc	Vũ Huy Anh	10
- Chính sách dân số quốc gia trong chiến lược phát triển đất nước	Hồng Vinh	11
- Điểm lại một tình hình văn học	Hà Xuân Trường	11
- Cơ cấu dân số sinh viên và chính sách giáo dục, đào tạo đối với nông thôn	Hoàng Bá Thịnh	11
- Cuộc tranh luận xung quanh cuốn *Lý luận và văn học*		11
- Nâng cao dân trí ở nông thôn	Nguyễn Quang Du	12
- Văn học nước ta từ sau 1975 đến nay	★★★	12
V- Xây dựng Đảng		
- Qua đại hội đảng bộ các cấp vòng hai	Mai Tiệp	1
- Uy tín chính trị của Đảng	Trần Đình Huỳnh	2
- Phù... suy !	Nhị Lê	2
- Cần quan tâm hơn nữa đến công tác đảng ở ngoài nước	Thanh Cao	2
- Làm tốt công tác vận động cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài	Bình Minh	3

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Đảng bộ Thái bình trưởng thành trong đổi mới	Vũ Phòng	3
- Cơ chế nói ngược	Tùng Lương	3
- Về việc nghiên cứu và thể hiện toàn diện lịch sử của Đảng	Ngô Đăng Tri	4
- Công bằng	Nguyễn Tiến	4
- Học tập tính nghiêm khắc của Lê-nin	Thanh Thanh	4
- Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam với việc đổi mới hoạt động	Trương Mỹ Hoa	5
- Gióng một... tiếng chuông !	Nhị Lê	5
- Hội thảo khoa học- thực tiễn : "Thanh niên phấn đấu gia nhập Đảng" (do Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức)		6
- Khen chê thời nay	Nguyễn Văn Lộc	6
- Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đảng cầm quyền	Trần Đình Huỳnh	7
- Quan hệ giữa số lượng và chất lượng đảng viên	Nguyễn Kim Đính	7
- Thư tay	Nguyễn Trọng Thụ	7
- Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và hoạt động của công đoàn	Nguyễn Văn Tư	8
- Đảng cầm quyền : quan niệm và phương thức lãnh đạo	Nguyễn Phú Trọng	8
- Cớ sao ông buồn ?	Dương Vũ	8
- Để thực hành đổi mới và chỉnh đốn đảng	Phan Văn Đáng	8
- Không "đánh mất" mình	Vũ Lân	9
- Cần lựa chọn, bố trí đúng cán bộ quản lý kinh tế	Nguyễn Trọng Điều	9
- Thực trạng giai cấp công nhân và giải pháp công đoàn	Xuân Cang	10
- Yêu nên tốt, ghét có nên... xấu ?	Bùi Tiến Sinh	10
- Câu chuyện quanh bài báo "Cớ sao ông buồn ?"	Nguyễn Trọng Thụ	10
- Gióng tiếp... tiếng chuông !	Nhị Lê	11
- Hướng đi đúng của đảng bộ Công ty bách hóa điện máy TP Hồ Chí Minh	Trọng Nguyễn	11
- Đảng bộ huyện Đại lộc tìm được "lối ra"	Nhị Lê	12
- Thực trạng đội ngũ công nhân ở Hà nội	Trương Xuân Trường	12
- Hạ cánh	Dương Tùng	12
VI - Những vấn đề quốc tế		
- Thế giới năm 1991	Phan Doãn Nam	1
- Một nước Mỹ mà nhiều người không biết đến	Bà Ngô Bá thành	1
- Không có sữa và mật ong trong tương lai của Liên xô	Michio Kaku	1
- Việt nam trong xu thế chung của châu Á-Thái bình dương	Đinh Nho Liêm	3

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Nông nghiệp Trung quốc sau khi khoán đến hộ	Trịnh Dân	3
- "Tư duy chính trị mới" là gì ?	Lê Tịnh	4
- Thế giới sau Liên xô sụp đổ	Vũ Hiền	4
- "Thăng trầm quyền lực"	Alvin Toffler	4
- Chính quyền Mỹ : tham nhũng và... bê bối	Lê Chúc	5
- Về trật tự thế giới mới	Tiến sĩ T.Q.Đ.	6
- Trào lưu kinh tế tự do hiện đại ở phương Tây	Dụ Phẩm Căn	6
- "Thời cơ" đâu dễ "chớp" !	Vũ Hiền	7
- Chủ nghĩa xã hội : những cáo phó quá sớm	Giêm Pi-tơ-rát	7
- Hồi ký của ông Ê-rích Hô-nếch-cơ	★★★	8
- Các nước đang phát triển trong bối cảnh mới của quốc tế	Lê Tịnh	9
- Nước Nga bị đẩy xuống đáy vực thẳm	Ghen-na-đi Ô-xi-pốp	9
- Những vấn đề mấu chốt trong chiến lược toàn cầu mới của Mỹ	Lê Bá Thuyên	10
- Cam-pu-chia : khúc quanh của con đường hòa bình	Võ Thủ Phương	10
- Mãi mãi với Cu-ba	Bùi Thanh Tùng	11
- "Chuyển đổi sở hữu" khi quá độ sang cơ chế thị trường	Ô-lếch Pơ-si-lin-xép	11
- Bin Clin-tơn, tiếng nói của "đa số thầm lặng" ?	La Côn	12
- Mấy xu hướng về quân sự hiện nay trên thế giới	Trần Trọng	12
- Có một "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" hay không ?	★★★	12
VII - Văn kiện - Tư liệu		
- Thông báo Hội nghị lần thứ hai BCH TƯ Đảng (khóa VII)		1
- Thông báo Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng (khóa VII)		7
- Danh sách và tiểu sử các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Nhà nước ta (được bầu tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX)		10
- Mười bốn đại hội Đảng cộng sản Trung quốc	★★★	11
- Thông cáo đặc biệt về việc Đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản từ trần		12
- Tình hình thực hiện chương trình nghiên cứu "Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta"		12
- Hội thảo khoa học về "Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt nam"		

Digitized by Google

LIÊN HIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

BITEX

BINHTAY IMPORT-EXPORT INC.

平西進出口企業公司



- **Xuất** : Nông sản, lâm sản, thủy hải sản, quần áo may sẵn, hàng thêu đủ loại và hàng thủ công mỹ nghệ.
- **Nhập** : Hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu.
- **Đầu tư** : Đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với các công ty nước ngoài về nhà ở, văn phòng và chợ Bình Tây
- *Quý khách có nhu cầu xin liên hệ văn phòng công ty số : 78 - 80 - Hậu Giang - Quận 6 - TP. HCM*

Điện thoại : 557846 - 559185 - 559669



- **Export** : Agricultural, forestal and marine products, garments, embroidered articles and art handicrafts.
- **Import** : Consumer goods, raw materials.
- **Investment** : We are in the process of materializing joint venture projects with various foreign companies in the construction of condominiums, offices and the Binh Tay Market.

For more information please contact our office at 78 - 80 Hậu Giang Street. Dist.6 - HCMC

Tel. 557846 - 559185 - 554669

Digitized by Google

VINAFOOD ZONE II

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC TRUNG ƯƠNG II

Số 42 CHU MẠNH TRINH QUẬN I, TP HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : 292342 - 230243.
TELEX : 811443 CFC VT
FAX : 84.8.292344

- Xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và hằng năm về:
  + Mua, bán, vận chuyển, xay xát, chế biến lương thực, kinh doanh vật tư chuyên dùng, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và kinh doanh.
  + Xuất nhập khẩu lương thực dưới các phương thức trực tiếp hoặc ủy thác.
  + Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch xây dựng và quản lý quỹ dự trữ lương thực lưu thông.
  + Liên doanh - Liên kết với các đơn vị trong ngoài ngành giải quyết tốt vấn đề lưu thông và kinh doanh lương thực.





12 ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC TRUNG ƯƠNG II

1) CÔNG TY KINH DOANH CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC XUẤT KHẨU
   - Địa chỉ : 24 VÕ VĂN TẦN - Quận 3 - TP HỒ CHÍ MINH
   - Điện thoại : 297675 - 297676
2) CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU MÌ MÀU
   - Địa chỉ : 11 Nguyễn Văn Trỗi - Q. Phú Nhuận - TP HỒ CHÍ MINH
   - Điện thoại : 441724 - 441722 - 441718
3) CÔNG TY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC
   - Địa chỉ : 265 ĐIỆN BIÊN PHỦ - Quận 3 - TP HỒ CHÍ MINH
   - Điện thoại : 296520 - 296716
4) CÔNG TY VẬN TẢI VÀ KINH DOANH VẬT TƯ - LƯƠNG THỰC
   - Địa chỉ : 20 LÊ QUÍ ĐÔN - Quận 3 - TP HỒ CHÍ MINH
   - Điện thoại : 290235 - 299812
5) XÍ NGHIỆP LIÊN HIỆP BỘT MÌ BÌNH ĐÔNG
   - Địa chỉ : 277A BẾN BÌNH ĐÔNG - Quận 8 - TP HỒ CHÍ MINH
   - Điện thoại : 555786 - 555744 - 556620
6) NHÀ MÁY XAY BÌNH TÂY
   - Địa chỉ : 406 TRẦN VĂN KIỂU - Quận 6 - TP HỒ CHÍ MINH
   - Điện thoại : 557742 - 552575 - 559082 - 550395
7) NHÀ MÁY XAY TÂN BÌNH ĐÔNG
   - Địa chỉ : 400 BẾN NGUYỄN DUY - Quận 8 - TP HỒ CHÍ MINH
   - Điện thoại : 554513 - 554516
8) CÔNG TY LƯƠNG THỰC CẤP I SÀI GÒN
   - Địa chỉ : 200 TRẦN VĂN KIỂU - Quận 6 - TP HỒ CHÍ MINH
   - Điện thoại : 551649 - 558110
9) CTY CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN và KINH DOANH LƯƠNG THỰC CAO LÃNH - Điện thoại : 91834 - 91930
10) CÔNG TY LƯƠNG THỰC CẤP I SÔNG HẬU
   - Điện thoại : 22812 - 20390
11) NHÀ NGHỈ ĐIỀU DƯỠNG VŨNG TÀU
   - Địa chỉ : 03 PHAN CHU TRINH - Điện thoại : 2646
12) TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT LƯƠNG THỰC
   - Địa chỉ : 296 NGUYỄN DUY - Quận 8 - TP HỒ CHÍ MINH

In tại nhà in NHÂN DÂN Hà Nội 2
Bìa in tại nhà máy in THỐNG NHẤT
Chỉ số 12651 - ISSN 0866-7276
Giá 2000đ

Digitized by Google